

# PHẬT HỌC TỪ ĐIỂN

## BUDDHIST DICTIONARY

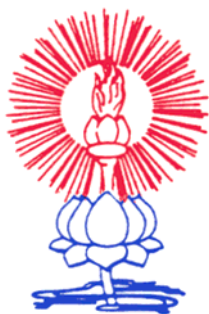
VIỆT-ANH—ANH-VIỆT

VIETNAMESE-ENGLISH

ENGLISH-VIETNAMESE

PHẦN PHỤ LỤC

VOLUME SIX (APPENDICES)



TỔ ĐÌNH MINH ĐĂNG QUANG  
3010 W. HARVARD STREET  
SANTA ANA, CA 92704 USA  
TEL & FAX: (714) 437-9511



**PHỤ LỤC A—APPENDIX A  
NHỮNG KINH PHỔ THÔNG  
POPULAR SUTRAS**

- 1. Kinh A Di Đà—Sukhavati Vyūha Sūtra**
- 2. Kinh Diệu Pháp Liên Hoa-Phẩm Phổ Môn  
The Lotus Sūtra-Chapter on the Universal  
Gateway of Avalokitesvara Bodhisattva**
- 3. Kinh Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai Bốn Nguyện  
Công Đức—The Sūtra on the Merit and Virtue of  
The Original Pledges by the Medicine Buddha**
- 4. Kinh Hoa Nghiêm-Phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện  
The Avatamsaka Sūtra-Chapter 40: The Practices  
And Vows of the Bodhisattva Universal Worthy**
- 5. Kinh Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật Đa—The  
Vajracchedika Prajñā Paramitā Sūtra**
- 6. Kinh Lễ Sáu Phương—The Worship in the Six  
Directions Sūtra**
- 7. Tâm Kinh—Prajñā Paramitā Hṛdaya Sūtra**
- 8. Kinh Từ Thiện—Meitṛi Sūtra**
- 9. Kinh Vu Lan—The Ullambana Sūtra**

**Kinh A Di Đà:** Sukhavati Vyūha Sutra—Một trong ba bộ kinh chủ yếu của trường phái Tịnh Độ. Kinh được Ngài Cưu Ma La Thập dịch sang Hán tự—Sutra of Amitabha—Short form of Amitabha Sutra. One of the three basic sutras of the Pure Land sect. It was translated into Chinese by Kumarajiva.

\*Phật thuyết A Di Đà Kinh—The Buddha speaks of Amitabha Sutra:

\*Nam Mô Liên Trì Hải Hội Phật Bồ Tát (3 lần)—Namo Sea vast Lotus Pool Assembly of Buddhas and Bodhisattvas (3 times).

\*Như thị ngã văn: Như thời Phật tại Xá Vệ Quốc, Kỳ thọ Cấp Cô Độc viên, dĩ Đại Tỷ kheo Tăng, thiên nhị bách ngũ thập nhơn câu, giai thị Đại A La Hán, chúng sở tri thức—Thus I have heard, at one time, the Buddha dwelt at Shravasti in Jeta Grove, in the Garden of the Benefactor of Orphans and Solitary, together with a gathering of Great Bhikshus twelve hundred fifty in all, all Great Arhats whom the Assembly knew and recognized:

\*Trưởng lão Xá Lợi Phất, Ma Ha Mục Kiền Liên, Ma Ha Ca Diếp, Ma Ha Ca Chiên Diên, Ma Ha Câu Hy La, Li Bà Đa, Châu Lợi Bàn Đà Già, Nan Đà, A Nan Đà, La Hầu La, Kiều Phạm Ba Đề, Tân Đầu Lô Phả La Đa, Ca Lưu Đà Di, Ma Ha Kiếp Tân Na, Bạc Câu La, A Nậu Lô Đà, như thị đẳng chư đại đệ tử, tinh chư Bồ Tát Ma Ha Tát. Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương tử, A Dật Đa Bồ Tát, Càng Đà Ha Đề Bồ Tát, Thường Tinh Tấn Bồ tát, dĩ như thị đẳng, vô lượng chư thiên, đại chúng câu—Elder Shariputra, Mahamaudgalyayana, Mahakasyapa, Mahakatyana, Mahakaushila, revata, Suddhipanthaka, Nanda, Ananda, Rahula, Gavampati, Pindola Bharadvja, Kalodayin, Mahakaphina, Vakkula, Anuruddha, and others such as these, all Great Disciples; together with all the Bodhisattvas, Mahasattvas: Dharma Prince Manjushri, Ajita Bodhisattvas, Gandhastin

Bodhisattvas, Nitya Bodhisattvas, and others such as these, all Great Bodhisattvas and together with Shakra, Chief among Gods, and numberless Great multitudes from all heavens.

\*Nhĩ thời Phật cáo Trưởng Lão Xá Lợi Phất: “Tùng thị Tây phương quá thập vạn ức Phật độ, hữu thế giới danh viết Cực Lạc kỳ độ hữu Phật hiệu A Di Đà, kim hiện tại thuyết pháp—At that time the Buddha told the Elder Shariputra: “Passing from here through hundreds of thousands of millions of Buddhaholds to the West, there is a world called Ultimate Bliss. In the land of a Buddha called Amitabha right now teaches the Dharma.”

\*Xá Lợi Phất ! Bỉ độ hà cố danh vi Cực Lạc ? Kỳ quốc chúng sanh vô hữu chúng khổ, dẫn thọ chư lạc, cố danh Cực Lạc—Shariputra ! For what reason is this land called Ultimate Bliss ? All living beings of this country ensure none of the sufferings, but enjoy every bliss. Therefore, it is called Ultimate Bliss.

\*Hựu Xá Lợi Phất ! Cực Lạc quốc độ

thất trùng lan thuẫn, thất trùng la võng, thất trùng hàng thụ, giai thị tứ bảo, châu tấp vi nhiều, thị cố bỉ quốc danh vi Cực Lạc—Moreover, Shariputra ! This land of Ultimate Bliss is everywhere surrounded by seven tiers of railings, seven layers of netting and seven rows of trees, all formed from the four treasures and for this reason named Ultimate Bliss.

\*Hựu Xá Lợi Phất ! Cực Lạc Quốc độ, hữu thất bảo trì, bát công đức thủy, sung mãn kỳ trung, trì để thuần dĩ kim sa bố địa. Tứ biên giai đạo; kim ngân, lưu ly, pha lê, xa cừ, xích châu, mã não, nhi nghiêm sức chi. Trì trung liên hoa, đại như xa luân, thanh sắc thanh quang, huỳnh sắc huỳnh quang, xích sắc xích quang, bạch sắc bạch quang, vi diệu hương khiết—Moreover, Shariputra ! The land of Ultimate Bliss has pools of the seven jewels, filled with the eight waters of merit and virtue.

The bottom of each pool is pure, spread over with golden on the four sides are stairs of gold, silver, lapis lazuli and crystal; above are raised pavilions adored with gold, silver, lapis lazuli, crystal, mother-of-pearl, red pearls and carnelian. In the pool are lotuses as large as carriage wheels: green colored of green light; yellow colored of yellow light; red colored of red light; white colored of white light; subtly, wonderfully fragrant and pure.

\*Xá Lợi Phất ! Cực Lạc quốc độ thành tựu như thị công đức trang nghiêm—Shariputra ! The realization of the land of Ultimate Bliss is thus meritoriously adorned.

\*Hựu Xá Lợi Phất ! Bỉ Phật quốc độ thường tác thiên nhạc; huỳnh kim vi địa, trú dạ lục thời, vũ thiên mạn đà la hoa, kỳ độ chúng sanh thường dĩ thanh đán, các dĩ y kích thanh chúng diệu hoa cúng dường tha phương thập vạn ức Phật, tức dĩ thực thời hườn đáo bốn quốc, phạn thực kinh hành—Moreover, Shariputra ! In that Buddhaland there is always heavenly music and the ground is yellow gold. In the six periods of the day and night a heavenly rain of madarava flower falls, and throughout the clear morning for each living being of this land, which sacks full of the myriads of wonderful flowers, makes offerings to the hundreds of thousands of millions of Buddhas of the other directions. At mealtime they return to their own country, after having eaten they stroll around.

\*Xá Lợi Phất ! Cực Lạc quốc độ thành tựu như thị công đức trang nghiêm. Phục thứ Xá Lợi Phất ! Bỉ quốc thường hữu chủng chủng kỳ diệu, tạp sắc chi diệu: Bạch hạc, Khổng tước, Anh vũ, Xá lợi, Ca lăng tần già, cộng mạng chi diệu, thị chư chúng diệu, trú dạ lục thời, xuất hòa nhã âm, kỳ âm diễn xướng: ngũ căn, ngũ lực, thất bồ đề phần, bát thánh đạo phần, như thị đẳng pháp, kỳ độ chúng sanh văn thị âm dĩ, giai tất niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng—Shariputra ! The

realization of the land of Ultimate Bliss is thus meritoriously adorned. Moreover, Shariputra ! In this country there are always rare and wonderful varicolored birds: white cranes, peacocks, parrots, and egrets, kalavinkas, in the six periods of the day and night, the flocks of birds sing joyful sounds proclaim the five roots, the five powers, the seven bodhi shares, the eight sagely way shares, and Dharma such as these. When living beings of this land hear these sounds, they are all together mindful of the Buddha of the Dharma, mindful of the Sangha.

\*Xá Lợi Phất ! Nhữ vật vị thử diệu, thiết thị tội báo sở sanh. Sở dĩ giả hà ? Bỉ Phật quốc độ vô tam ác đạo. Xá Lợi Phất ! Kỳ Phật quốc độ thượng vô ác đạo chi danh, hà hướng hữu thiết, thị chư chúng diệu, giai thị A Di Đà Phật dục linh pháp âm tuyên lưu biến hóa sở tác—Shariputra ! Do not say that these birds are born as retribution for their karmic offenses. For what reason ? In this Buddhaland there are no three evil ways of rebirth. Shariputra ! In this Buddha-land not even the names of the three evil ways exists, how much the less their actuality I desiring that the Dharma sound be widely proclaimed, Amitabha Buddha by transformation made this multitude of birds.

\*Xá Lợi Phất ! Bỉ Phật quốc độ vi phong xuy động, chư bảo hàng thọ, cập bảo la võng, xuất vi diệu âm, thí như bá thiên chủng nhạc đồng thời cu tác, văn thị âm giả, tự nhiên giai sanh: niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng chi tâm—Shariputra ! In that Buddha-land, when the soft wind blows, the rows of jewelled trees and jewelled nets, give forth subtle and wonderful sounds, like one hundred thousand kinds of music played at the same time. All those who hear this sound naturally bring forth in their hearts mindfulness of the Buddha, mindfulness of the Dharma, and mindfulness of the Sangha.

\*Xá Lợi Phất ! Kỳ Phật quốc độ, thành tựu như thị công đức trang nghiêm. Xá Lợi Phất ! Ư nhữ ý vân hà ? Bỉ Phật hà cố hiệu A Di Đà ? Xá Lợi Phất ! Bỉ Phật quang minh vô lượng, chiếu thập phương quốc, vô sở chướng ngại, thị cố hiệu vi A Di Đà—Shariputra ! The realization of the land of Ultimate Bliss is thus meritoriously adorned. Shariputra ! What do you think ? Why is this Buddha called Amitabha ? Shariputra The brilliance of that Buddha's light is measureless, illuminating the lands of ten directions everywhere without obstruction; for this reason he is called Amitabha.

\*Hựu Xá Lợi Phất ! Bỉ Phật thọ mạng, cập kỳ nhân dân, vô lượng vô biên a tăng kỳ kiếp, cố danh A Di Đà.

Xá Lợi Phất ! A Di Đà Phật thành Phật dĩ lai, ư kim thập kiếp. Hựu Xá Lợi Phất ! Bỉ Phật hữu vô lượng vô biên Thịnh văn đệ tử, giai A La Hán, phi thị toán số, chi sở năng tri; chư Bồ Tát chúng diệc phục như thị. Xá Lợi Phất ! Bỉ Phật quốc độ thành tựu như thị công đức trang nghiêm. Hựu Xá Lợi Phất ! Cực Lạc quốc độ chúng sanh sanh giả, giai thị a bệ bạt trí, kỳ trung đa hữu nhứt sanh bổ xứ, kỳ số thậm đa, phi thị toán số, sở năng tri chi, đản khả dĩ vô lượng vô biên a tăng kỳ thuyết.

Xá Lợi Phất ! Chúng sanh văn giả, ứng đương phát nguyện, nguyện sanh bỉ quốc. Sở dĩ giả hà ? Đắc dĩ như thị chư thượng thiện nhân câu hội nhứt xứ.

Xá Lợi Phất ! Bất khả dĩ thiếu thiện căn phước đức nhân duyên, đắc sanh bỉ quốc.

Moreover, Shariputra ! The life of that Buddha and that of his people extends for measureless limitless asankhyeya kalpas. For this reason he is called Amitayus. And Shariputra ! since Amitabha realized Buddhahood, ten kalpas have passed.

Moreover, Shariputra ! That Buddha has measureless, limitless Sound-hearer disciples,

all Arhats, their number incalculable; thus also is the Assembly of Bodhisattvas.

Shariputra ! The realization of the land of Ultimate Bliss is thus meritoriously adorned.

Moreover, Shariputra ! Those living beings born in the land of Ultimate Bliss are all Avaivartika. Among them are many who in this very life will dwell in Buddhahood. Their number is extremely many; it is incalculable and only in measureless, limitless asankhyeya kalpas could it be spoken. Shariputra ! Those living beings who hear should vow, "I wish to be born in that country." And why ? All those who thus attain are all superior and good people, all coming together in one place.

Shariputra ! One cannot have few good roots, blessings, virtues, and causal connections to attain birth in that land.

\*Xá Lợi Phất ! Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân, văn thuyết A Di Đà Phật, chấp trì danh hiệu, nhược nhứt nhựt, nhược nhị nhựt, nhược tam nhựt, nhược tứ nhựt, nhược ngũ nhựt, nhược lục nhựt, nhược thất nhựt, nhứt tâm bất loạn. Kỳ nhơn lâm mạng chung thời, A Di Đà Phật dĩ chư Thánh chúng, hiện tại kỳ tiền, thị nhơn chung thời, tâm bất điên đảo, tức đắc vãng sanh A DI Đà Phật Cực Lạc quốc độ.

Shariputra ! If there is a good man or woman who hears spoken Amitabha and holds the name, whether for one day, two days, three days, four days, five days, six days, as long as seven days, with one heart unconfused, when this person approaches the end of life, before him will appear Amitabha and all the Assembly of holy ones. When the end comes, his heart is without inversion; in Amitabha's land of Ultimate bliss he will attain rebirth.

\*Xá Lợi Phất ! Ngã kiến thị lợi, cố thuyết thử ngôn, nhược hữu chúng sanh văn thị thuyết giả, ứng đương phát nguyện, sanh bỉ quốc độ.

Shariputra ! Because I see this benefit, I speak these words: "If living beings hear this

spoken they should make the vow, "I wish to be born in that land."

\*Xá Lợi Phất ! Như ngã kim giả, tán thán A Di Đà Phật bất khả tư nghì công đức chi lợi.

Shariputra ! As I now praise the inconceivable benefit from the merit and virtue of Amitabha.

\*Đông phương diệc hữu A Súc Bộ Phật, Tu Di Tướng Phật, Đại Tu Di Phật, Tu Di Quang Phật, Diêu Âm Phật; như thị đẳng hằng hà sa số chư Phật, các ư kỳ quốc, xuất quảng trường thiết tướng, biến phú tam thiên đại thiên thế giới, thuyết thành thiết ngôn: "Nhữ đẳng chúng sanh đương tín thị, xưng tán bất khả tư nghì công đức như thiết chư Phật sở hộ niệm kinh."

Thus in the East are also Aksobhya Buddha, Sumeru Appearance Buddha, Great Sumeru Buddha, Sumeru Light Buddha, Wonderful Sound Buddha; all Buddhas such as these, numberless as ganges sands, in his own country each brings forth the appearance of a vast and long tongue. Everywhere covering the three thousand great thousand worlds (great cosmos), and speaks the sincere and actual words, "All you living beings should believe, praise and hold in reverence the inconceivable merit and virtue of this sutra of the mindful one of whom all are Buddhas are protective."

\*Xá Lợi Phất ! Nam phương thế giới hữu Nhật nguyệt Đẳng Phật, Danh Văn Quang Phật, Đại Diệm Kiên Phật, Tu Di Đẳng Phật, Vô Lượng Tinh Tấn Phật, như thị đẳng hằng hà sa số chư Phật, các ư kỳ quốc, xuất quảng trường thiết tướng biến phú tam thiên đại thiên thế giới, thuyết thành thiết ngôn: "Nhữ đẳng chúng sanh đương tín thị, xưng tán bất khả tư nghì công đức như thiết chư Phật sở hộ niệm kinh."

Shariputra ! In the Southern World are Sun-Moon-Lamp Buddha, Well-Known Light Buddha, Great-Blazing Shoulder Buddha, Sumeru-Lamp-Buddha, Measureless Vigor-

Buddha; all Buddhas such as these, numberless as ganges sands. In his country, each bring forth the appearance of a vast and long tongue, everywhere covering the three thousand great thousand worlds (great cosmos), and speaks the sincere and actual words, "All living beings should believe, praise and hold in reverence the inconceivable merit and virtue of this sutra of the mindful one of whom all Buddhas are protective."

\*Xá Lợi Phất ! Tây phương thế giới hữu Vô Lượng Thọ Phật, Vô Lượng Tướng Phật, Vô Lượng Tràng Phật, Đại Quang Phật, Đại Minh Phật, Bảo Tướng Phật, Tịnh Quang Phật; như thị đẳng hằng hà sa số chư Phật, các ư kỳ quốc, xuất quảng trường thiết tướng biến phú tam thiên đại thiên thế giới, thuyết thành thiết ngôn: "Nhữ đẳng chúng sanh đương tín thị, xưng tán bất khả tư nghì công đức như thiết chư Phật sở hộ niệm kinh."

Shariputra ! In the Western World are Measureless-Life Buddha, Measureless-Appearance Buddha, Measureless-Curtain Buddha, Great-Light Buddha, Great Brightness Buddha, Jewelled-Appearance Buddha, Pure-Light Buddha; all Buddhas such as these, numberless as ganges sands. In his own country each brings forth the appearance of a vast and long tongue, everywhere covering the three thousand great thousand worlds (great cosmos), and speaks the sincere and actual words, "All you living beings should believe, praise and hold in reverence the inconceivable merit and virtue of this sutra of the mindful one of whom all Buddhas are protective."

\*Xá Lợi Phất ! Bắc phương thế giới hữu Diệm Kiên Phật, Tối Thắng Âm Phật, Nan Trở Phật, Nhật Sanh Phật, Vô Lượng Minh Phật; như thị đẳng hằng hà sa số chư Phật, các ư kỳ quốc, xuất quảng trường thiết tướng biến phú tam thiên đại thiên thế giới, thuyết thành thiết ngôn: "Nhữ đẳng chúng sanh đương tín thị



xưng tán bất khả tư nghì công đức nhất thiết chư Phật sở hộ niệm kinh.”

Shariputra ! In the Northern World are Blazing-Shoulders Buddha, Most-Victorious-Sound Buddha, Hard-To-Injure Buddha, Sun-Birth Buddha, Net-Brightness Buddha; all Buddhas such as these, numberless as ganges sands. In his country each brings forth the appearance of a vast and long tongue, everywhere covering the three thousand great thousand worlds (great cosmos), and speaks the sincere and actual words, “All you living beings should believe, praise and hold in reverence the inconceivable merit and virtue of this sutra of the mindful one of whom all Buddhas are protective.”

\*Xá Lợi Phất ! Hạ phương thế giới hữu Sư Tử Phật, Danh Văn Phật, Danh Quang Phật, Đạt Ma Phật, Pháp Tràng Phật, Trì Pháp Phật, như thị đấng hằng hà sa số chư Phật, các ư kỳ quốc, xuất quảng trường thiết tướng biến phú tam thiên đại thiên thế giới, thuyết thành thiết ngôn: “Nhữ đấng chúng sanh đương tín thị, xưng tán bất khả tư nghì công đức nhất thiết chư Phật sở hộ niệm kinh.”

Shariputra ! In the world below are Lion-Buddha, Well-Known Buddha, Famous-Light Buddha, Dharma Buddha, Dharma-Curtain Buddha, Dharma-Maintaining Buddha, all Buddhas such as these, numberless as ganges sands. In his own country, each brings forth the appearance of a vast and long tongue, everywhere covering the three thousand great thousand worlds (great cosmos), and speaks the sincere and actual words: “All you living beings should believe, praise and hold in reverence the inconceivable merit and virtue of this sutra of the mindful one of whom all Buddhas are protective.”

\*Xá Lợi Phất ! Thượng phương thế giới hữu Phạm Âm Phật, Tú Vương Phật, Hương Thượng Phật, Hương Quang Phật, Đại Diệm Kiên Phật, Tạng Sắc Bảo Hoa Nghiêm Thân Phật, Ta La Thọ Vương Phật, Bảo Hoa Đức

Phật, Kiến Nhưt Thiết Nghĩa Phật, Như Tu Di Sơn Phật; như thị đấng hằng hà sa số chư Phật, các ư kỳ quốc, xuất quảng trường thiết tướng, biến phú tam thiên đại thiên thế giới, thuyết thành thiết ngôn: “Nhữ đấng chúng sanh đương tín thị, xưng tán bất khả tư nghì công đức nhất thiết chư Phật sở hộ niệm kinh.”

Shariputra ! In the world above are Pure-Sound Buddha, King-Of-Stars Buddha, Superior-Fragrance Buddha, Fragrant-Light Buddha, Great-Blazing-Shoulder Buddha, Varicolored-Jewelled-And-Flower-Adornment Buddha, Sal King Buddha, Jewelled-Flower-Virtue-Buddha, Vision-Of-All-Meaning Buddha, Such-As-Mount Sumeru Buddha; all Buddhas such as these, numberless as ganges sands. In his country each brings forth the appearance of a vast and long tongue, everywhere covering the three thousand great thousand worlds (great cosmos) and speaks the sincere and actual words: “All you living beings should believe, praise and hold in reverence the inconceivable merit and virtue of this sutra of the mindful one of whom all Buddhas are protective.”

\*Xá Lợi Phất ! Ứ nhữ ý vân hà ? Hà cố danh vi: Nhưt thiết chư Phật sở hộ niệm kinh ?

Shariputra ! What do you think ? Why is it called sutra of the mindful one of whom all Buddhas are protective ?

\*Xá Lợi Phất ! Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhơn văn thị kinh thọ trì giả, cập văn chư Phật danh giả, thị chư thiện nam tử, thiện nữ nhân giai vi nhưt thiết chư Phật sở hộ niệm, giai đắc bất thối chuyển ư a-nậu-đa-la tam miệu tam bồ đề. Thị cố xá Lợi Phất ! Nhữ đấng giai đương tín thọ ngã ngữ, cập chư Phật sở thuyết.

Shariputra ! If a good man or a good woman hears this sutra and holds to it, and hears the names of all these Buddhas, this good man or good woman will be the mindful one of whom all Buddhas are protective, and will

irreversibly attain to annuttara-samyak-sambodhi. Therefore, Shariputra, all of you should believe and accept my works, and those which all Buddhas speak.

\*Xá Lợi Phất ! Nhược hữu nhơn dĩ phát nguyện, kim phát nguyện, đương phát nguyện, dục sanh A Di Đà Phật quốc giả, thị chư nhơn đẳng giai bất thối chuyển ư a-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề, ư bỉ quốc độ nhược dĩ sanh, nhược kim sanh, nhược đương sanh.

Shariputra ! If there are people who have already made the vow, who now made the vow, or who are about to make the vow, “I desire to be born in Amitabha’s country,” these people whether born in the past, now being born, or to be born in the future, all ill irreversibly attain annuttara-Samyak-Sambodhi.

\*Thị cố xá Lợi Phất ! Chư thiện nam tử, thiện nữ nhơn, nhược hữu tín giả, ứng đương phát nguyện sanh bỉ quốc độ. Therefore, Shariputra ! All good men and good women, if they are among those who have faith, should make the vow, “I will be born in that country.”

\*Xá Lợi Phất ! Như ngã kim giả xưng tán chư Phật bất khả tư nghì công đức, bỉ chư Phật đẳng, diệc xưng tán ngã bất khả tư nghì công đức nhi tác thị ngôn: Thích Ca Mâu Ni Phật năng vi thậm nan hy hữu chi sự, năng ư Ta bà quốc độ ngũ trước ác thế; kiếp trước, kiến trước, phiền não trước, chúng sanh trước, mạng trước trung đắc A nậu đa la Tam miệu tam bồ đề, vị chư chúng sanh, thuyết thị như thiết thế gian nan tín chi pháp.

Shariputra ! Just as I am now one who praises the merit and virtue of all Buddhas. All those Buddhas equally praise my inconceivable merit and virtue saying these words: “Sakyamuni Buddha can complete extremely rare and difficult deeds, in the Saha Land, in the evil time of the five turbidities, in the midst of kalpa turbidity, the view turbidity, the affliction turbidity, the living beings

turbidity, and the life turbidity, he can attain Annuttara-Samyak-Sambodhi and for the sake of living beings, speak this Dharma which in the whole world is hard to believe.

\*Xá Lợi Phất ! Đương tri ngã ư ngũ trước ác thế, hành thử nan sự, đắc A nậu đa la Tam miệu tam bồ đề, vị như thiết thế gian thuyết thử nan tín chi pháp, thị vi thậm nan.

Sariputra! For the people of the defiled world, I preached unbelievable and difficult-to-practice dharmas.

\*Phật thuyết thử kinh dĩ, xá Lợi Phất cập chư Tỳ kheo, như thiết thế gian, Thiên, Nhơn, A-tu-la đẳng, văn Phật sở thuyết, hoan hỷ tín thọ tác lễ nhi khứ.

After the Buddha spoke this sutra, Shariputra and all the Bhiksus, all the Gods, Human and Asuras, and others from all the worlds, hearing what the Buddha had said, joyously welcome, faithfully accepted, bowed and withdrew.

Phật thuyết A Di Đà Kinh.

The Buddha speaks of Amitabha Sutra.

## **Kinh Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh: The Prajna Paramita Heart Sutra—See Tâm Kinh (Heart Sutra).**

**Kinh Diệu Pháp Liên Hoa Phẩm Phổ Môn:** Lotus Sutra, The Chapter on the Universal Gateway of Avalokitesvara Bodhisattva.

---Bấy giờ Ngài Vô Tận Ý quỳ gối chấp tay bạch với Phật rằng: “Vi nhơn duyên gì mà người thế gian gọi Bồ Tát này là Quán Thế Âm, xin Đức Thế Tôn mở lòng chỉ giáo.

At this time, Aksayamati Bodhisattva rose from his seat, bared his right shoulder, joined his palms and asked the Buddha, “Bhagavan!

Why is Avalokitesvara Bodhisattva called the Hearer of all sounds?"

--Đức Phật liền bảo Vô Tận Ý: “Thiện nam tử! Nếu có vô lượng trăm nghìn muôn ức chúng sanh chịu ác khổ não, nghe Quán Thế Âm một lòng xưng danh. Quán Thế Âm tức thời xem xét tiếng tăm kia, đều được giải thoát.

Buddha discoursed to Aksayamati Bodhisattva, “Good man, Countless individuals are suffering from pain and torment. If they have heard of Avalokitesvara Bodhisattva, and single-mindedly call upon him. Avalokitesvara will heed their cry. They shall all gain deliverance.

--Nếu có người trì danh hiệu Quán Thế Âm Bồ tát này, dầu vào trong lửa lớn, lửa chẳng cháy được, vì do sức uy thần của Bồ Tát này mà được như vậy.

For those who hold on to Avalokitesvara’s name, in the midst of fire, they will not be burnt. It is all because of Avalokitesvara’s miraculous power.

—Nếu bị nước lớn làm trôi, xưng danh hiệu Bồ tát này liền được chỗ cạn.

Even when one is carried off by a strong current, calling upon his name, one will find a shallow shore.

—Nếu có trăm nghìn muôn ức chúng sanh vì tìm vàng, bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, san hô, hổ phách, trân châu các thứ báu, vào trong biển lớn, giả sử gió lớn thổi trôi ghe thuyền tấp vào nước quỷ, Nếu có người trong nhóm xưng danh hiệu Quán Thế Âm Bồ tát, thời các người đó đều thoát nạn quỷ. Do nhân duyên đó mà tên là Quán Thế Âm.

If a trillion individuals, in the quest for gold, silver, crystal, lapis, agate, coral, opal and pearls, venture into the open sea, a storm pushes them to the land of demons. If one among them calls upon Avalokitesvara Bodhisattva, they shall all be saved. It is for this reason, Avalokitesvara is called the Hearer of all Sounds.

—Nếu lại có người sắp bị hại, xưng danh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát, thời dao gậy của người cầm liền gãy từng khúc, người ấy được thoát khổ.

When one is about to be killed, and calls upon Avalokitesvara Bodhisattva, the foe’s weapon shall be shattered to pieces. One shall be spared.

--Nếu quỷ dạ xoa cùng la sát đầy trong cõi tam thiên đại thiên muốn đến hại người, nghe người xưng danh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát, thời các quỷ dữ đó còn không có thể dùng mắt dữ mà nhìn người, huống lại làm hại được.

If demons from the whole universe gather and wish to harm one, by the name of Avalokitesvara Bodhisattva alone, demons cannot even give an evil eye, how much less inflict actual harm?

---Dầu lại có người hoặc có tội, hoặc không tội, gông cùm xiềng xích trói buộc nơi thân, xưng danh hiệu Quán Thế Âm Bồ tát thấy đều đứt rã, liền được thoát khỏi.

If one, whether guilty or not, is jailed and in shackles, and calls upon Avalokitesvara Bodhisattva, the shackles shall be broken. One is liberated and free.

---Nếu kẻ oán tặc đầy cõi tam thiên đại thiên, có một vị thương chủ dắt các người buôn đem theo nhiều của báu, trải qua nơi đường hiểm trở, trong đó có một người xưng rằng: “Các thiện nam tử! Chớ nên sợ sệt, các ông nên phải một lòng xưng danh hiệu Quán Thế Âm Bồ tát, vị Bồ tát đó hay đem pháp vô úy thí cho chúng sanh, các ông nếu xưng danh hiệu thời sẽ được thoát khỏi oán tặc này.”

If bandits from the entire universe go after a convoy carrying many valuables, one merchant amongst them says: “Good men! Have no fear, you should pray to Avalokitesvara Bodhisattva. This Bodhisattva can confer courage upon you. Those who call upon his name shall be saved from the bandits.” Hearing this, the merchants all chant,

“Let’s take refuge in Avalokitesvara Bodhisattva!” By this act, they are all saved.

Vô Tận Ý! Quán Thế Âm Bồ tát Ma Ha Tát oai thần chi lực!

Aksayamati! Avalokitesvara Bodhisattva Mahasattva is indeed powerful!

---Nếu có chúng sanh nào nhiều lòng dâm dục, thường cung kính niệm quán Thế Âm Bồ tát, liền được ly dục.

If one who is addicted to sexual desires prays sincerely to Avalokitesvara Bodhisattva, one will be detached from desire.

---Nếu người nhiều giận hờn, thường cung kính niệm Quán Thế Âm Bồ tát, liền được ly dục.

If one who is full of hatred prays sincerely to Avalokitesvara Bodhisattva, one will be detached from anger.

---Nếu người nhiều si ngu si, thường cung kính niệm Quán Thế Âm Bồ tát, liền được lìa ngu si.

If one who is ignorant prays sincerely to Avalokitesvara Bodhisattva, one is liberated from ignorance.

---Vô Tận Ý! Quán Thế Âm Bồ Tát có những sức uy thần lớn, nhiều lợi ích như thế, cho nên chúng sanh thường phải một lòng tưởng nhớ.

Aksayamati! Avalokitesvara Bodhisattva, is very powerful and benevolent. Therefore, all beings should be mindful of him.

---Nếu muốn hậu vận còn được lâu dài, cầu sanh con trai để mà nối dõi, chí thành đánh lễ Bồ tát Quán Âm, nhờ Đại Bi tâm mà sanh nam tử đức tài đầy đủ, đáng bậc anh hùng. Nếu phận má hồng, muốn cầu con gái, chí thành lễ bái Bồ Tát Quán Âm thì cũng được sanh hăng nga tiên nữ, sắc tài đầy đủ, đức hạnh vô song.

If a woman wish to have a son, prostrates and makes offerings to Avalokitesvara Bodhisattva, a son of excellence and wisdom shall be born. If she wishes to have a daughter, a daughter of grace and beauty shall be born.

---Vô Tận Ý! Quán Thế Âm Bồ tát có sức thần như thế.

Aksayamati ! Avalokitesvara Bodhisattva possesses all these powers.

---Nếu có chúng sanh cung kính lễ lạy Quán Thế Âm Bồ tát, thời phúc đức chẳng lường mất. Cho nên chúng sanh đều phải thọ trì danh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát.

If an individual will prostrate to Avalokitesvara Bodhisattva respectfully, one will have acquired endless merit. For this reason, everyone should hold on to Avalokitesvara Bodhisattva’s name.

---Vô Tận Ý! Nếu có người thọ trì danh tự của sáu mươi hai ức hằng hà sa Bồ Tát lại trọn đời cúng dường đồ ăn uống y-phục, giường nằm, thuốc thang. Ý ông nghĩ sao? Công đức của người thiện nam tử, thiện nữ nhân đó có nhiều chăng?

Aksayamati! If someone holds on to the names of Bodhisattvas numbered equal to the grains in sixty-two trillion Ganges Rivers, offers them food, clothing, lodging, medicine as long as they live, what do you think, does this good man or woman acquire much merit?

---Vô Tận Ý thưa: “Bạch Thế Tôn! Rất nhiều.”

Aksayamati replied, “Very much indeed, Bhagavan.”

---Phật nói: “Nếu lại có người thọ trì danh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát, nhẫn đến một thời lễ lạy cúng dường, thời phúc của hai người đó bằng nhau không khác, trong trăm nghìn muôn ức kiếp không thể cùng tận.

The Buddha said, “If another person holds on to Avalokitesvara Bodhisattva’s name, making prostrations and offerings for just a moment, the merit between these two people are identical. For a hundred thousand million trillion kalpa, the merit will still not be exhausted.

---Vô Tận Ý! Thọ trì danh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát được vô lượng vô biên phúc đức lợi ích như thế.

Aksayamati! Holding on to Avalokitesvara Bodhisattva's name has the reward of boundless and countless merit.

---Ngài Vô Tận Ý Bồ tát bạch Phật rằng: “Thế Tôn Quán Thế Âm Bồ tát dạo đi trong cõi ta bà như thế nào? Sức phương tiện việc đó thế nào?”

Aksayamati Bodhisattva further asked the Buddha, “Bhagavan! How does Avalokitesvara Bodhisattva venture about the Saha world? How does he preach Dharma to all? As for his skillful means, what is the manner of it?”

---Phật bảo Vô tận Ý Bồ Tát: “Thiện nam tử! Nếu có chúng sanh trong quốc độ nào đáng dùng thân Phật được độ thoát thời Quán Thế Âm Bồ tát liền hiện thân Phật mà vì đó nói pháp. Người đáng dùng thân Duyên Giác được độ thoát, liền hiện thân Duyên Giác mà vì đó nói pháp. Người đáng dùng thân Thanh văn được độ thoát, liền hiện thân Thanh văn mà vì đó nói pháp.

The Buddha discoursed to Aksayamati Bodhisattva, “Good men, if there are beings who will be illuminated by Buddhas, Avalokitesvara Bodhisattva will preach Dharma to them in the form of a Buddha. If one is to be illuminated by Pratyeka Buddhas, he will preach in the form of a Pratyeka Buddha. If one is to be illuminated by Sravakas, he will preach in the form of a Sravaka.

---Người đáng dùng thân Phạm vương được độ thoát, liền hiện thân Phạm vương mà vì đó nói pháp.

If one is illuminated by a Brahma god, he will preach in the form of a Brahma god.

---Người đáng dùng thân Đế Thích được độ thoát, liền hiện thân Đế Thích mà vì đó nói pháp.

If one If one is to be illuminated by a Sakra god, he will preach in the form of a Sakra god.

---Người đáng dùng thân Tự Tại Thiên được độ thoát, liền hiện thân Tự Tại Thiên mà vì đó nói pháp.

If one is to be illuminated by a Nirmanarati god, he will preach in the form of a Nirmanarati god.

---Người đáng dùng thân Đại Tự Tại Thiên được độ thoát, liền hiện thân Đại Tự Tại Thiên mà vì đó nói pháp.

If one is to be illuminated by a Patanirmitavasavartin god, he will preach in the form of a Patanirmitavasavartin god.

---Người đáng dùng thân Thiên Đại Tướng quân được độ thoát, liền hiện thân Thiên Đại tướng quân mà vì đó nói pháp.

If one is to be illuminated by a Caturmahvajakayikadeva, he will preach in the appearance of a Caturmahvajakayikadeva god.

---Người đáng dùng thân tỳ sa môn được độ thoát, liền hiện thân tỳ sa môn mà vì đó nói pháp.

If one is to be illuminated by a Virsravana, he will preach in the form of a Virsravana.

---Người đáng dùng thân Tiểu vương được độ thoát, liền hiện thân Tiểu vương mà vì đó nói pháp.

If one is to be illuminated by a king, he will preach in the form of a king.

---Người đáng dùng thân trưởng giả, liền hiện thân trưởng giả mà vì đó nói pháp.

If one is to be illuminated by an elder, he will preach in the form of an elder.

---Người đáng dùng thân cư sĩ được độ thoát, liền hiện thân cư sĩ mà vì đó nói pháp.

If one is to be illuminated by a lay person, he will preach in the form of a lay person.

---Người đáng dùng thân Tể quan được độ thoát, liền hiện thân Tể quan mà vì đó nói pháp.

If one is to be illuminated by an official, he will preach in the form of an official.

---Người đáng dùng thân Bà la môn được độ thoát, liền hiện thân Bà la môn mà vì đó nói pháp.

If one is illuminated by a Brahma priest, he will preach in the form of a Brahma priest.

---Người đáng dùng thân tỳ kheo, tỳ kheo ni, ưu bà tắc, ưu bà di được độ thoát, liền hiện thân tỳ kheo, tỳ kheo ni, ưu bà tắc, ưu bà di mà vì đó nói pháp.

If one is to be illuminated by a bhikshu, bhikshuni, upasaka, upasika, he will preach in the form of a bhikshu, bhikshuni, upasaka, upasika.

---Người đáng dùng thân phụ nữ của trưởng giả, cư sĩ, tể quan, bà la môn được độ thoát, liền hiện thân phụ nữ mà vì đó nói pháp.

If one is to be illuminated by the wife of an elder, lay person, official, or Brahma priest, he will preach in the form of a woman.

---Người đáng dùng thân đồng nam đồng nữ được độ thoát, liền hiện thân đồng nam đồng nữ, mà vì đó nói pháp.

If one is to be illuminated by a boy or girl, he will preach in the form of a boy or girl.

---Người đáng dùng thân Trời, Rồng, Dạ xoa, Càn thất bà, A tu la, Ca Lôu la, Khẩn na la, Ma hầu la đà, nhân cùng phi nhân được độ thoát, liền đều hiện ra mà vì đó nói pháp.

If one is to be illuminated by Deva, Naga, Yaksa, Gandharva, Asura, Garuda, Kinnara, Mahoraga, human and spirits, he will preach in the appropriate forms.

---Người đáng dùng thân Chấp kim cang thân được độ thoát, liền hiện Chấp kim cang thân mà vì đó nói pháp.

If one is to be illuminated by a Vajrapani, he will preach in the form of a Vajrapani.

---Vô Tận Ý! Quán Thế Âm Bồ tát đó thành tựu công đức như thế, dùng các thân hình, dạo đi trong các cõi nước để độ thoát chúng sanh, cho nên các ông phải một lòng cúng dường Quán Thế Âm Bồ Tát.

Aksayamati! Avalokitesvara Bodhisattva has achieved such merit and virtues. In different

forms, he ventures across the lands, bringing emancipation to all. For this reason, you all should single-mindedly make offerings to Avalokitesvara Bodhisattva.

---Quán Thế Âm Đại Bồ Tát đó ở trong chỗ nạn gấp sợ sệt hay ban sự vô úy, cho nên cõi Ta bà này đều gọi Ngài là vị Thí Vô úy.

In the midst of danger, Avalokitesvara Bodhisattva Mahasattva can confer on you courage and security. Therefore, in this Saha World, he is also known as the “Giver of Courage.”

---Vô Tận Ý Bồ Tát bạch Phật: “Thế Tôn! Con nay phải cúng dường Quán Thế Âm Bồ Tát, liền mở chuỗi ngọc bằng các châu báu nơi cổ giá trị trăm ngàn lượng vàng, đem trao cho ngài Quán Thế Âm mà nói rằng: “Xin ngài nhận chuỗi trân bảo pháp thí này.”

Aksayamati Bodhisattva proclaimed to the Buddha, “Bhagavan! I should now make offerings to Avalokitesvara Bodhisattva.” He then took off a necklace of gems and garlands, valued at a million ounces of gold, and presented it as a gift, saying: “Sir! Please accept this Dharma offering of gems and garlands.”

---Khi ấy Quán Thế Âm Bồ Tát chẳng chịu nhận chuỗi. Ngài Vô Tận Ý lại thưa cùng Quán Thế Âm rằng: “Xin ngài vì thương chúng tôi mà nhận chuỗi ngọc này.”

At first, Avalokitesvara Bodhisattva declined the gift. Aksayamati Bodhisattva insisted and said to Avalokitesvara Bodhisattva, “Sir! For our sake, please do accept this garland.”

---Bấy giờ Phật bảo Quán Thế Âm Bồ Tát: “Ông nên thương Vô Tận Ý Bồ Tát này và hàng tứ chúng cùng Trời, Rồng, Dạ xoa, Càn thất bà, A tu la, Ca lôu la, Khẩn na la, Ma hầu la đà, nhân và phi nhân... mà nhận chuỗi ngọc đó.

At this point, the Buddha said to Avalokitesvara Bodhisattva, “For the sake of Aksayamati Bodhisattva, the disciples, Devas, Negas, Yaksas, Gandharvas, Asuras, Garudas,

Kinnaras, Mahoragas, Humans and Spirits, you should accept the garland.”

---Tức thời Quán Thế Âm Bồ Tát thương tứ chúng và Trời, Rồng, nhân, phi nhân...mà nhận chuỗi ngọc đó chia làm hai phần: một phần dâng Đức Thích Ca Mâu Ni Phật, một phần dâng tháp của Phật Đa Bảo.

Avalokitesvara Bodhisattva, for the sake of Aksayamati Bodhisattva, the disciples, Devas, Negas, Yaksas, Gandharvas, Asuras, Garudas, Kinnaras, Mahoragas, Humans and Spirits, accepted the garland. He then divided it into two. One portion is offered to Sakyamuni Buddha. The other is offered to the stupa of the Prabhutaratna Buddha.

---Vô Tận Ý! Quán Thế Âm Bồ tát có sức thần tự tại như thế, đạo đi nơi cõi Ta bà.”

Aksayamati Bodhisattva! Avalokitesvara Bodhisattva has such unobstructed magical power and ventures about in the Saha World. At that time, Aksayamati Bodhisattva asked again in verse:

Thế Tôn đủ tướng tốt!

Bhagavan, the one endowed

with all the holy marks

Con nay lại hỏi kia

Might I ask thou once more

Phật tử nhân duyên gì

Why is this son of the Buddha

Tên là Quán Thế Âm?

Called the Hearer of all Sounds?

Đấng đầy đủ tướng tốt

The holder of all holy marks

Kệ đáp Vô Tận Ý:

Replied in rhymes to Aksayamati:

Ông nghe hạnh Quán Âm

Watch carefully

Avalokitesvara's deeds

Khéo ứng các nơi chỗ

He responds as well in all situations

Thệ rộng sâu như biển

His vows are as deep as an ocean

Nhiều kiếp chẳng nghĩ bàn

Unimaginable through the kalpas

Hầu nhiều nghìn Đức Phật

He has served trillions of Buddhas

Phát nguyện thanh tịnh lớn.

And pledged profound

and pious vows

Ta vì ông lược nói

I will make it brief

Nghe tên cùng thấy thân

Hearing his name or

seeing his image

Tâm niệm chẳng lường qua

Even for a short time is rewarding

Hay diệt khổ các cõi.

It can extinguish all sufferings.

Giả sử sinh lòng hại

If someone is malicious

Xô rớt hầm lửa lớn

Pushing one into a fire pit

Do sức niệm Quán Âm

And one is mindful of

Avalokitesvara's power

Hầm lửa biến thành ao.

The fire pit can turn into a pond

Hoặc trôi dạt biển lớn

If someone is drifting in the ocean

Các nạn quỷ, cá, rồng

And surrounded by dragons, sharks

And demons

Do sức niệm Quán Âm

Mindful of Avalokitesvara's power

Sóng mồi chẳng chìm được.

One will not be drown.

Hoặc ở chót Tu Di

Bị người xô rớt xuống

If one is being pushed off the peak

of Sumeru

Do sức niệm Quán Âm

And one is mindful of

Avalokitesvara's power

Như mặt nhật treo không

One can float in the sky like the sun

Hoặc bị người dữ rượt

If chased by an enemy

Rớt xuống núi Kim cang

And cast off a diamond peak  
Do sức niệm Quán Âm  
One is mindful of Avalokitesvara's  
power  
Chẳng tổn đến mảy lông.  
He will not even be scratched.  
Hoặc gặp oán tặc vây  
If surrounded by enemies  
Đều cầm dao làm hại  
With knives and about  
to be attacked  
Do sức niệm Quán Âm  
One is mindful of Avalokitesvara's  
power  
Đều liền sinh lòng lành.  
They will have tender hearts  
Hoặc bị khổ nạn vua  
Khi hành hình sắp chết  
If persecuted by the courtis  
imminent  
Do sức niệm Quán Âm  
One is just mindful of  
Avalokitesvara's power  
Dao liền gãy từng đoạn.  
The knives will be shattered to  
pieces  
Hoặc tù cấm xiềng xích  
If jailed an in chains  
Tay chân bị gông cùm  
Both arms and legs shackled  
Do sức niệm Quán Âm  
One is mindful of Avalokitesvara's  
power  
Tháo rã được giải thoát  
One will gain release  
Nguyên rủa các thuốc độc  
If cursed or poisoned  
Muốn hại đến thân đó  
The one in danger  
Do sức niệm Quán Âm  
Is mindful of Avalokitesvara's  
power  
Trở hại nơi bốn nhân.  
The spell shall be sent back.

Hoặc gặp La sát dữ  
If encountered by demons  
Rồng độc các loài quỷ  
Dragons or ghosts  
Do sức niệm Quán Âm  
One is just mindful of  
Avalokitesvara's power  
Liền đều không dám hại.  
They will not dare to do any harm  
Hoặc thú dữ gây quanh  
If circled by wild beasts  
Nanh vuốt nhọn đáng sợ  
Threatened by sharp claws and  
teeth  
Do sức niệm Quán Âm  
One is mindful of Avalokitesvara's  
power  
Vội vàng bỏ chạy thẳng.  
They will run off and disappear.  
Rắn độc cùng bò cạp  
There may be snakes or scorpions  
Hơi độc khói lửa đốt  
With poisonous venom  
Do sức niệm Quán Âm  
One is just mindful of  
Avalokitesvara's power  
Theo tiếng tự bỏ đi.  
And they will scatter by themselves.  
Mây sấm nổ sét đánh  
If the heaven roars with thunder  
Tuôn giá xối mưa lớn  
Hail and rain pours down  
Do sức niệm Quán Âm  
One is mindful of Avalokitesvara's  
power  
Liền được tiêu tan cả.  
The sky turns clear.  
Chúng sanh bị khổ ách  
If beings are all in confinement  
Vô lượng khổ bức thân  
And pressed upon by countless pain  
Quán Âm sức trí diệu  
Avalokitesvara has great wisdom  
Hay cứu khổ thế gian



To emancipate all earthly sufferings  
Đầy đủ sức thần thông  
Full endowed with magical powers  
Rộng tu trí phương tiện  
He knows all expedient means  
Các cõi nước mười phương  
In all lands and in all dimensions  
Không cõi nào chẳng hiện.  
He manifests everywhere  
Các loài trong đường dữ:  
In all evil realms:  
Địa ngục, quỷ, súc sanh  
Such as hell, ghost and animal  
Sinh, già, bệnh, chết, khổ  
Facing pain of birth, aging, sickness  
and death  
Lần đều khiến dứt hết.  
He can eliminate them all.  
Chân quán thanh tịnh quán  
He is truthful and pious  
Trí tuệ quán rộng lớn  
He possesses great wisdom  
Bi quán và từ quán,  
With kindness and compassion  
Thường nguyện thường chiêm ngưỡng  
May we forever pay homage to him  
Sáng thanh tịnh không nhơ  
He is shining with spotless purity  
Tuệ nhật phá các tối  
Like the sun banishes darkness  
Hay phục tai khói lửa  
He can subdue disasters of wind and  
fire  
Khắp soi sáng thế gian.  
And illuminate the entire world.  
Lòng bi rãn như sấm  
His compassion and precepts roar  
like thunder  
Ý tứ diệu dường mây  
And his kindness embraces like  
clouds  
Xối mưa pháp cam lộ  
Quenching the world's thirst with  
holy water

Dứt trừ lửa phiền não  
And eliminating all distress and  
sufferings.  
Cãi kiện qua chỗ quan  
Trong quân trận sợ sệt  
In trial or in battle  
Do sức niệm Quán Âm  
Be mindful of Avalokitesvara's  
power  
Cừ oán đều lui tan.  
The foes shall withdraw.  
Diệu âm, Quán Thế Âm  
The wonderful voice of  
Avalokitesvara  
Phạm âm, hải triều âm  
Rolling like the Brahma's song and  
tide  
Tiếng hơn thế gian kia,  
Surpasses the best of earthly  
sounds,  
Cho nên thường phải niệm.  
Thus we should always be mindful  
of him  
Niệm niệm chớ sinh nghi  
Be mindful without doubt  
Quán Âm bậc Tịnh Thánh  
Avalokitesvara is a pious saint  
Nơi khổ não nạn chết  
In the midst of pain, distress, death  
and danger  
Hay vì làm nương cậy.  
He can be relied upon.  
Đủ tất cả công đức  
He is fully endowed with virtues  
Mắt lành trông chúng sanh  
And kindly looks upon all beings  
Biển phúc lớn không lường  
He has accumulated merits deeper  
than the ocean  
Cho nên phải đánh lễ.  
Thus you should prostrate to him.  
---Bấy giờ ngài Trì Địa Bồ Tát liền từ chỗ  
ngồi đứng dậy đến trước Phật bạch rằng: "Thế  
Tôn! Nếu có chúng sanh nào nghe phẩm

Quán Thế Âm Bồ Tát đạo nghiệp tự tại, Phổ môn thị hiện sức thần thông này, thời phải biết công đức người đó chẳng phải ít.”—At this point, Dharanimdhara Bodhisattvarose from his seat, and proclaimed to the Buddha, “Bhagavan! Any beings who have heard of Avalokitesvara Bodhisattva’s wonderful deeds, the manifestation of this universal gateway, his magical power, these beings have acquired enormous merit.

--Lúc Phật nói phẩm Phổ Môn này, trong chúng có tám muôn bốn ngàn chúng sanh đều phát tâm vô đẳng đẳng vô thượng chánh đẳng chánh giác—When the Buddha discoursed this chapter of the Universal Gateway, eighty-four thousand beings in the assembly pledged the unique vow of Anuttara SamyakSambodhi.

## **Kinh Được Sư Lưu Ly Quang Như Lai (Bổn Nguyện Công Đức Kinh)**

--The Sutra on the Merit and Virtue of the Original Pledges by the Medicine Buddha.

--The Sutra on the Merits and Virtues of the Original Vows by Bhaisajyaguru Vaidurya Prabhasa Tathagata.

--Ta nghe như vậy: “Một thuở nọ Đức Bạt Già Phạm đi châu du giáo hóa các nước, đến thành Quảng Nghiêm, nghỉ dưới cây Nhạc Âm, cùng với tám ngàn vị đại tỳ kheo, ba vạn sáu ngàn vị đại Bồ tát, các hàng quốc vương, đại thần, bà la môn, các hàng cư sĩ, thiên long bát bộ cùng nhưn, phi nhưn, cả thủy đại chúng nhiều vô lượng, đồng vây quanh Phật cung kính thỉnh Ngài thuyết pháp—Thus I have heard: During one of the many journeys through the land, Bhagavan arrived at the city of Vaisali. Resting under a Resounding Tree, there in his company was a congregation of eight thousand elder Bhikshus, thirty-six thousand Bodhisattvas Mahasattvas, kings,

ministers, brahmins, lay devotees, celestial beings, nagas, humans and spirits. This infinite mass gathered around with great veneration to hear his teaching.

--Lúc bấy giờ ông Mạn Thù Thất Lợi pháp Vương tử (Văn Thù Sư Lợi Bồ tát) nhờ oai thần của Phật, từ chỗ ngồi đứng dậy, vén y để bày vai bên hữu và gối bên mặt quì sát đất, khép nép chấp tay hướng về phía Phật bạch rằng: “Bạch Đức Thế Tôn! Cúi xin Ngài nói rõ những danh hiệu, những bổn nguyện rộng lớn cùng những công đức thù thắng của chư Phật để cho những người đang nghe pháp, nghiệp chướng tiêu trừ và để cho chúng hữu tình ở đời tượng pháp được nhiều lợi lạc về sau—Inspired by the mighty power of the Buddha, Manjusri, the crown prince of the Dharma, rose from his seat, bared one shoulder and knelt down. Holding his palms together, he bowed and asked the Buddha, “Lokajyestha, please tell us the great sages of the Buddhas, their titles and forms, their original vows, and their unequalled virtues and merits. This can eradicate the karmic hindrances of the listeners. It would be specially beneficial to those who live in the middle period of the Dharma.

--Đức Thế Tôn khen ngài Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát rằng: “Hay thay! Hay thay! Văn Thù Sư Lợi! Người lấy lòng đại bi yêu cầu ta nói những danh hiệu và bổn nguyện công đức của chư Phật là vì muốn cho chúng hữu tình khỏi bị nghiệp chướng ràng buộc, lợi ích an vui, trong đời tượng pháp về sau. Nay người nên lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì ông mà nói.”—Lokajyestha praised Manjusri, “Excellent! Excellent! Manjusri, you ask me about the sages and original vows of the Buddhas out of great compassion. It will liberate those who have karmic hindrances. It will be very beneficial to beings in the middle period of the Dharma. Listen and reflect carefully, I shall tell now.”

---Văn Thù Sư Lợi bạch Phật rằng: “Dạ, mong Thế Tôn nói, chúng con xin nghe.”—Manjusri replied, “Yes, please do teach us, we will be glad to listen.”

---Phật bảo ông Văn Thù Sư Lợi: “Ở phương Đông, cách đây hơn mười căn đà sa cõi Phật có một thế giới tên là Tịnh Lưu Ly. Đức giáo chủ cõi ấy hiệu là Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, Ứng Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Viên Mãn, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật Bạt Già Phạm. Nay Văn Thù Sư Lợi, Đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, khi còn tu hạnh đạo Bồ tát có phát mười hai nguyện lớn, khiến cho chúng hữu tình cầu chi được nấy—Buddha discoursed to Manjusri, “Eastward over Budha Lands ten times as numerous as the sands of the Ganges, there is a world called Pure Crystal. The Buddha of this world has the title Bhaisajyaguru Vaidurya Prabhasa Tathagata, Arhat, Samyak Sambuddha, Vidyacarana, Sampanna, Sugata, Lokasvid, Anuttara, Purusa Dharmya sarathi, Sasta deva manusyanam, Buddha, Bhagavan. Manjusri, as a Bodhisattva, Lokajyestha Bhaisajyaguru Vaidurya Prabhasa Tathagata, pledged the following twelve great vows to grant everybody’s prayer.

---Nguyện thứ nhất: Ta nguyện đời sau, khi chứng đặng đạo chánh đẳng giác, thân ta có hào quang sáng suốt, rực rỡ chiếu khắp vô lượng, vô số, vô biên thế giới, khiến cho tất cả chúng hữu tình đều có đủ ba mươi hai tướng đại trượng phu, cùng tám chục món tùy hình trang nghiêm như thân của ta vậy—The first vow pledges, in the future, upon attaining Anuttara SamyakSambodhi, my body would radiate and shine through the countless galaxies. As a Buddha adorned with the thirty-two marks of a Graet Man and the eighty characteristics, I shall make all beings wholly equal to me.

---Nguyện thứ hai: Ta nguyện đời sau, khi đặng đạo Bồ Đề, thân ta như ngọc lưu ly,

trong ngoài sáng suốt, tinh sạch hoàn toàn, không có chút nhơ bợn, ánh quang minh chói lợi khắp nơi, công đức cao vòi vọi và an trú giữa tầng lưới dệt bằng tia sáng, tỏ hơn vầng nhật nguyệt. Chúng sanh trong cõi u minh đều nhờ ánh sáng ấy mà tâm trí được mở mang và tùy ý muốn đi đến chỗ nào để làm các sự nghiệp gì cũng đều được cả—The second vow pledges, in the future, upon attaining Perfect Enlightenment, my body shall be like crystal. It will be transparent throughout and spotlessly clear without the slightest imperfection. It will splendidly shine with light, in majestic virtues, sitting in serenity. It will be adorned with the aureole, brighter than the sun and moon. I shall illuminate all beings in darkness. They all can be enlightened according to their capacities.

---Nguyện thứ ba: Ta nguyện đời sau, khi đặng đạo Bồ Đề, dùng trí huệ phương tiện vô lượng vô biên độ cho chúng hữu tình, khiến ai nấy đều có đủ các vật dụng, chớ không cho ai phải chịu sự thiếu thốn—The third vow pledges, in the future, upon attaining Perfect Enlightenment, I will apply my boundless skill and wisdom to fulfill the everyone’s need without inadequacy.

---Nguyện thứ tư: Ta nguyện đời sau, khi đặng đạo Bồ Đề, nếu có chúng hữu tình tu theo tà đạo, thì ta khiến họ quay về an trụ trong đạo Bồ Đề, hoặc có những người tu hành theo hạnh Thanh Văn, Độc Giác thì ta cũng lấy phép đại thừa mà dạy bảo cho họ—The forth vow pledges, in the future, upon attaining Perfect Enlightenment, I will teach those who have gone astray to walk back on the path of Bodhi. Those aiming for Sramana or Pratyeka Buddha, I would anchor them back on the Mahayana way.

---Nguyện thứ năm; Ta nguyện đời sau, khi đặng đạo Bồ Đề, nếu có chúng hữu tình nhiều vô lượng, vô biên ở trong giáo pháp của ta mà tu hành theo hạnh thanh tịnh thì ta khiến cho tất cả đều giữ được giới pháp hoàn toàn đầy

đủ cả tam tụ tịnh giới. Giả sử có người nào bị tội hủy phạm giới pháp mà khi đã nghe được danh hiệu ta thì trở lại được thanh tịnh, khỏi sa vào đường ác—The fifth vow pledges, in the future, upon attaining Perfect Enlightenment, my countless devotees will all firmly uphold and fulfill the three cumulative precepts. Those who may lapsed shall be cleansed and suffer no falls upon hearing my name.

---Nguyện thứ sáu: Ta nguyện đời sau, khi chứng được đạo Bồ Đề, nếu có chúng hữu tình nào thân hình hèn hạ, các căn không đủ, xấu xa, khờ khạo, tai điếc, mắt đui, nói năng ngọng ngệu, tay chân tật nguyên, lát hủi, điên cuồng, chịu tất cả những bệnh khổ ấy mà khi đã nghe danh hiệu thì liền được thân hình đoan chính tâm tánh khôn ngoan, các căn đầy đủ, không còn những bệnh khổ ấy nữa—The sixth vow pledges, in the future, upon attaining Perfect Enlightenment, anyone with physical inferiorities or mental impairments, such as ugliness, feeble-mindedness, blindness, deafness, are mute, handicapped, paralyzed, hump-backed, leprous, psychotic, and all these pains and anguishes shall be physically and mentally restored.

---Nguyện thứ bảy: Ta nguyện đời sau, khi chứng được đạo Bồ Đề, nếu có chúng hữu tình nào bị những chứng bệnh hiểm nghèo không ai cứu chữa, không ai để nương nhờ, không gặp thầy, không gặp thuốc, không bà con, không nhà cửa, chịu nhiều nỗi nghèo hèn khốn khổ, mà hễ danh hiệu ta đã nghe lọt vào tai một lần thì tất cả bệnh hoạn khổ não đều tiêu trừ, thân tâm an lạc, gia quyến sum vầy, của cải sung túc, cho đến chứng được đạo quả vô thượng Bồ Đề—The seventh vow pledges, in the future, upon attaining Perfect Enlightenment, anyone who is tormented by sickness, with no place to turn, no place for care, no home nor friends, deprived and suffering. Upon hearing my name, their sickness shall be cured, with peace of mind and body, they shall have a loving family and

live in boundtfulness until attaining Perfect Enlightenment.

---Nguyện thứ tám: Ta nguyện đời sau, khi chứng được đạo Bồ Đề, nếu có những phụ nữ nào bị trăm điều hèn hạ khổ sở của thân gái làm cho buồn rầu, bức tức, sanh tâm nhàm chán, muốn bỏ thân ấy mà hễ nghe danh hiệu ta rồi thì tất cả đều được chuyển thân gái thành thân trai, có đủ hình tướng trượng phu, cho đến chứng được đạo quả vô thượng Bồ Đề—The eighth vow pledges, in the future, upon attaining Perfect Enlightenment, those women who are troubled and wearied the hundreds of feminine problems. They long to abandon the female form. Upon hearing my name, they shall be male in their future rebirth. They shall have a grand posture of manhood until Perfect Enlightenment.

---Nguyện thứ chín: Ta nguyện đời sau, khi chứng được đạo Bồ Đề thì khiến cho những chúng hữu tình ra khỏi vòng lưới ma nghiệp, được giải thoát tất cả sự ràng buộc của ngoại đạo. Nếu có những kẻ sa vào rừng ác kiến, ta nhiếp dẫn họ trở về với chánh kiến và dần dần khiến họ tu tập theo các hạnh Bồ tát đặng mau chứng đạo chánh đẳng Bồ Đề—The ninth vow pledges, in the future, upon attaining Perfect Enlightenment, everyone shall escape the evil net of Mara, and delusion from the hindrance of external doctrines, If they are trapped in the dense forest of false understandings, I shall show them the right view. I shall lead them on the Bodhisattva path. All will attain Perfect Enlightenment soon.

---Nguyện thứ mười: Ta nguyện đời sau, khi chứng được đạo Bồ Đề, nếu có chúng hữu tình nào mà pháp luật nhà vua gia tội phải bị xiềng xích, đáng đập, hoặc bị giam giữ trong chốn lao tù, hoặc bị chém giết, hoặc bị nhiều tai nạn nhục nhã, thân tâm chịu những nỗi khổ, buồn rầu, bức rức, hễ nghe đến danh hiệu ta thì nhờ sức oai thần phước đức của ta đều được giải thoát tất cả những nỗi ưu khổ

ấy—The tenth vow pledges, in the future, after attaining Perfect Enlightenment, those who are apprehended by the law, bound and punished, in shackles and jailed, or about to be put to death. They suffer endless distress and insults. They are in sorrow and anguish physically and mentally. Upon hearing my name, by my merits and powers, they shall be emancipated.

---Nguyện thứ mười một: Ta nguyện đời sau, khi chứng được đạo Bồ Đề, nếu có chúng hữu tình nào bị sự đói khát hoành hành, đến nỗi vì tìm miếng ăn phải tạo tác các nghiệp dữ, mà hề nghe danh hiệu ta rồi chuyên niệm thọ trì thì trước hết ta dùng các món ăn uống ngon lạ ban bố cho thân họ được no đủ và sau ta mới đem pháp vị nhiệm mầu kiến lập cho họ cái cảnh giới an lạc hoàn toàn—The eleventh vow pledges, in the future, after attaining Perfect Enlightenment, those who are driven to crimes because of hungry and thirst. Upon hearing my name and holding it with veneration, they shall be satisfied with the best of food and drink. They shall then taste the delight of the Dharma. They shall soon live a life of tranquility and comfort.

---Nguyện thứ mười hai: Ta nguyện đời sau, khi chứng được đạo Bồ Đề, nếu có chúng hữu tình nào nghèo đến nỗi không có áo che thân bị muỗi mòng cắn đốt, nóng lạnh dãi dầu, ngày đêm khổ bức, hề nghe đến danh hiệu ta mà chuyên niệm thọ trì thì ta khiến cho được như ý muốn: nào các thứ y phục tốt đẹp, nào tất cả các bảo vật trang nghiêm, nào tràng hoa, phấn sáp bát ngát mùi thơm và trống nhạc cùng những điệu ca múa, tùy tâm muốn thưởng thức món nào cũng được thỏa mãn cả—The twelfth vow pledges, in the future, after attaining Perfect Enlightenment, those who are poor and exposed, tormented by the elements, mosquitoes and wasps. They suffer day and night. Upon hearing my name and holding it with veneration, they shall have the best of garments with ornaments, garlands and

music bands. All their wishes shall be fully satisfied.

---Này Văn Thù Sư Lợi, đó là mười hai lời nguyện nhiệm mầu của Đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, Ứng Chánh Đẳng Giác phát ra trong khi tu hạnh đạo Bồ Tát.

Manjusri, these are the twelve grand vows pledged by the Lokajyestha, Bhaisajyaguru Vaidurya Prabhasa Tathagata, Arhat, SamyakSambuddha, while practicing his Bodhisattva way.

---Lại nữa, Văn Thù Sư Lợi, Đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai kia khi còn tu hành đạo Bồ Tát phát những lời nguyện rộng lớn và những công đức trang nghiêm ở cõi Ngài, dầu ta nói mãi một kiếp hay hơn một kiếp cũng không thể nào hết được. Nhưng ta có thể nói ngay rằng cõi Phật kia một bề thanh tịnh không có đàn bà, cũng không có đường dũ và cả đến tiếng khổ cũng không.

Furthermore, Manjusri, Lokajyestha Bhaisajyaguru Vaidurya Prabhasa Tathagata, while treading the Bodhisattva path, has made such giant vows and grand adornment. I can go on talking for kalpas, the subject would still not be completed. In his Buddha Land, it is eternally pure. There are no genders. There are no evil births or cries of sufferings.

---Ở cõi ấy đất toàn bằng chất lưu ly, đường đi có dây bằng vàng giăng làm ranh giới, còn thành quách cung điện, mái hiên, cửa sổ cho đến các lớp lưới bao phủ cũng toàn bằng đồ thất bảo làm ra. Thật chẳng khác gì những công đức trang nghiêm ở cõi Tây Phương Cực Lạc vậy.

The ground is made of crystal and partitioned by ropes of gold. The castles, towers, palaces, halls, balconies, windows and nets are made of the seven treasures. It is no less magnificent than the Western World of Ultimate Bliss.

---Cõi Phật ấy có hai vị đại Bồ tát là Nhật Quang Biến Chiếu và Nguyệt Quang Biến Chiếu, chính là hai bậc thượng thủ trong vô

lượng, vô số Bồ Tát và lại là những bậc sắp bỏ xứ làm Phật. Hai vị này đều giữ gìn kho báu chánh pháp của Phật Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai.

In this world, there are two Bodhisattvas Mahasattvas. They are Suryaprabha Bodhisattva and Candraprabha Bodhisattva. They are the senior amongst the countless Bodhisattvas. They will be the next Buddhas. They both can oversee the righteous treasures of Bhaisajyaguru Vaidurya Prabhasa Tathagata well.

---Văn Thù Sư Lợi, vì thế những kẻ thiện nam tín nữ nào có lòng tin vững chắc thì nên nguyện sanh về thế giới của Ngài.

Therefore, Manjusri, all pious male and female devotees should pledge to be born in this Buddha Land.

---Lúc ấy Đức Thế Tôn lại bảo ông Văn Thù Sư Lợi rằng: “Có những chúng sanh không biết điều lành dữ, cứ ôm lòng bõn xẻn tham lam, không biết bố thí mà cũng không biết quả báo của sự bố thí là gì, ngu si vô trí, thiếu hẳn đức tin, lại ham chứa chất của cải cho nhiều, đêm ngày bo bo gìn giữ, thấy ai đến xin, lòng đã không muốn, nhưng nếu cực chẳng đã phải đưa của ra thì đau đớn mẩn tiếc, dường như lắt thịt cho người vậy.

Lokajyestha then further discoursed, “Manjusri, those who cannot tell right from wrong. They are greedy and stingy. They never learn to give or the merits of giving. They are ignorant and faithless. They accumulate great wealth. They guard it with great zeal. They hate charity. When giving is unavoidable, it is as tearing off flesh.

---Lại có vô lượng chúng hữu tình tham lẩn, chỉ lo tích trữ của cải cho nhiều mà tự mình không dám ăn tiêu, còn nói chi đến sự đem của ấy thí cho cha mẹ, vợ con, tôi tớ và những kẻ nghèo hèn đến xin. Những kẻ tham lẩn ấy khi chết bị đọa vào đường ngạ quỷ hay bàng sanh.

These people are stingy even to themselves. How could you expect them to be generous to their parents, families, servants, workers, or beggars? Upon death, they will be born as hungry ghosts or animals.

---Mặc dù ở trong ác thú, nhưng nhờ đời trước, sống trong cõi nhơn gian đã từng nghe qua danh hiệu của Đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai mà nay lại còn nhớ niệm đến danh hiệu Ngài thì liền từ cõi ấy thoát sanh trở lại làm người. Khi đã được làm người lại nhớ đến kiếp sống trong đường ngạ quỷ, súc sanh, biết sợ sự đau khổ nên không ưa đắm dục lạc mà còn muốn tự mình làm việc bố thí, khen ngợi người khác làm việc bố thí, không tham tiếc món gì và lần lần có thể đem cả đầu, mắt, tay, chơn hay máu thịt của thân phần mình mà bố thí cho những kẻ đến xin cũng được, huống chi của cải là những vật thừa.

It may happen that while as human, they heard of the name Bhaisajyaguru Vaidurya Prabhasa Tathagata. Even if they are in an evil realm now, if they recall the Tathagata's name, instantaneously, they vanish and are reborn as humans. They will remember their past lives. They will fear the pains of the evil realms. They will not indulge in earthy pleasures and love to help, admire generosity and give without hesitation. Eventually, they will even give organs, limbs, lod, flesh in an act of charity, to say nothing of money and material possessions.

---Lại nữa, Văn Thù Sư Lợi, trong chúng hữu tình nếu có những người nào thọ các giới của Phật để tu học mà lại phá giới hoặc có kẻ không phá giới mà lại phá phép tắc, hoặc có kẻ tuy chẳng phá giới và phép tắc mà lại hủy hoại chánh kiến, hoặc có kẻ tuy không hủy hoại chánh kiến mà lại bỏ sự đa văn nên không hiểu được nghĩa lý sâu xa trong kinh Phật nói, hoặc có kẻ tuy đa văn mà có thói Tăng Thượng mạn, do thói tăng thượng mạn ấy che lấp tâm tánh, cố chấp cho mình là

phải, người khác là quấy, chê bai chánh pháp kết đảng với ma.

Furthermore, Manjusri, those who study from the Tathagata, but trespass against the precepts. Those who break no precepts, but trespass on minor rules. Those who break neither precepts nor minor rules, but have erroneous views. Those without erroneous views, but neglect to study broadly, and are unable to understand the profound meaning taught by the Buddha. Those with a broad knowledge, but who become arrogant. Because of arrogance, they become boastful and slight others. They slander the correct teachings, and fall in the companies of Mara.

---Những kẻ ngu si ấy tự mình đã làm theo tà kiến mà lại còn khiến cho vô số ức triệu chúng hữu tình cũng bị sa vào hố nguy hiểm. Những chúng hữu tình ấy bị lăn trôi trong các đường địa ngục, ngạ quỷ, bàng sanh không khi nào cùng. Nhưng nếu nghe được danh hiệu của Đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai thì họ liền bỏ những hạnh dữ tu theo các pháp lành, khỏi bị đọa vào vòng ác thú nữa.

Such persons' ignorance not only errs themselves, but leads countless others into pitfalls. They are to be trapped in hell, as animals or ghosts for eternity. If they hear the name of Bhaisajyaguru Vaidurya Prabhasa Tathagata and abandon their wickedness, practice the righteous deeds, they will not suffer any falls.

---Giả sử có người không thể bỏ được những điều dữ để tu theo pháp lành mà phải bị đọa vào vòng ác thú thì cũng nhờ oai lực bốn nguyện của Đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai khiến cho họ, khi tạm nghe được danh hiệu Ngài, liền từ nơi ác thú mạng chung, trở sanh vào cõi người, được tinh tấn tu hành trong sự hiểu biết chơn chánh khéo điều hòa tâm ý, bỏ trần tục xuất gia thọ trì và tu học theo giáo pháp của Như Lai, đã không hủ phạm lại thêm chánh kiến đa văn, hiểu rõ nghĩa lý sâu xa lia được thói tăng thượng mạn,

không chê bai chánh pháp, không bè bạn với ma, dần dần tu hành theo hạnh Bồ Tát chóng được viên mãn.

Even if they cannot reform and thus fall into the evil realms. By the power of this Tathagata's pledges, if they hear his name, even just for a moment, after they pass away, they can be born as humans again. They will have righteous views. They will work diligently and curb their lusts. They will renounce the domestic life and choose the way of the monastic. They will study the teachings of the Tathagata without breaking any rules. They will have right views and broad knowledge. They will understand the profound teaching. They will be humble and slander no truth. They will never be in the arms of Mara. They will walk the Bodhisattva path and attain Perfect Enlightenment.

---Lại nữa, Văn Thù Sư Lợi, nếu chúng hữu tình có tánh tham lam tật đố, hay khen mình chê người thì sẽ bị đọa trong ba đường địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, phải chịu nhiều sự đau đớn khổ sở, trải qua không biết mấy nghìn năm mới hết. Khi đã mãn sự đau khổ kia, liền từ nơi đó mạng chung sanh lại cõi trần phải làm thân trâu, ngựa, lừa, lạc đà, thường bị người hành hạ, đánh đập và bị đói khát dày vò, lại phải đi đường xa chở nặng, cực nhọc muôn phần; còn như may đặng làm thân người thì lại bị sanh làm tôi tớ cho kẻ khác, mãi bị họ sai sử không khi nào được chút thông thả tự do.

Manjusri, there are those who are stingy and jealous. They boast themselves and slander others. They are to fall into the three evil realms and suffer great pains. After incalculable milleniums, they will be born on earth as cows, horses, camels or donkeys. They will be tormented by constant weeping, hunger and thirst. They will carry great loads over long distances. If they are born as human, they would be poor and deprived.

They would be maids or servants and never be free.

---Nếu những nhơn vật ấy, đời trước khi còn trong nhơn đạo đã từng nghe danh hiệu của Đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai thì do cái nhơn lành ấy, ngày nay nhớ lại, chí tâm quy-y Ngài, nhờ thần lực của Ngài gia bị mà thoát khỏi mọi sự khổ não, các căn thông lợi, trí huệ sáng suốt lại thêm đa văn, hằng cầu thắng pháp, thường gặp bạn lành, đời đời dứt hẳn lưới ma, đập nát vỏ thông minh, tát cạn sông phiền não, mà được giải thoát khỏi nạn sanh, lão, bệnh, tử và những nỗi đau khổ lo buồn.

If while as humans, they have heard of the name, Bhaisajyaguru Vaidurya Prabhasa Tathagata. Because of this meritorious act, they recall and sincerely take refuge in the Tathagata. By this Buddha's miraculous power, all pains are relieved. They will have acute senses, great wisdom and broad knowledge. They will love to learn. They will always be in the company of wise friends. They will break away from the grasp of Mara forever. They will have pierced the veil of ignorance. They will have dried up the river of distress. They are emancipated from all pains of birth, aging, sickness, death, worries and misery.

---Lại nữa, Văn Thù Sư Lợi, nếu chúng hữu tình có tánh ưa sự ngang trái chia lìa, tranh đấu, kiện cáo lẫn nhau, làm não loạn cho mình và người, đem thân, khẩu, ý tạo thêm mãi những ác nghiệp, xoay qua trở lại, thường làm những việc không nhiều ích để mưu hại lẫn nhau, hoặc cáo triệu những thần ở núi, rừng, cây, mã để hại người, hoặc giết chúng sanh lấy huyết thịt cúng tế quỷ Dạ xoa và quỷ La sát để cạy quỷ hại người, hoặc biên tên họ và làm hình tượng của người cừu oán rồi dùng phép chú thuật tà ác mà trừ ẻocho chết, hoặc theo lối ếm đối và dùng những đồ độc, hoặc dùng chú pháp hại mạng người.

Manjusri, there are also those who are repugnant and belligerent, cause great distress to themselves and others. By their actions, speech and thoughts, they pile up many negative karmas. They constantly inflict mutual harms. They pray to the spirits of mountains, trees and tombs. They scarify the blood and flesh of the living as offerings to Yaksas and Rakshasas. They use sorcery and black magic to injure and kill others.

---Nếu chúng hữu tình bị những tai nạn ấy mà nghe danh hiệu của Đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai thì các thứ tà ác kia không thể hại được. Tất cả những kẻ ác tâm kia đều trở lại khởi lòng từ làm việc lợi ích an vui cho kẻ khác, không còn ý tổn não và tâm hiềm giận, hai bên hòa hảo với nhau. Và đối với vật thọ dụng của ai thì người ấy tự vui mừng biết đủ, không xâm lấn của nhau mà lại còn giúp đỡ lẫn nhau nữa.

If they have heard the name, Bhaisajyaguru Vaidurya Prabhasa Tathagata, they will be protected from all curses. They will develop a kind of loving feeling toward each other. They will wish to help and benefit other. They would have no hatred or jealous. They will live a life of joy. They will learn to be content, respect other's property and be helpful to one another.

---Lại nữa, Văn Thù Sư Lợi, nếu trong hàng tứ chúng: Tỳ kheo, tỳ kheo ni, ưu bà tặc, ưu bà di và những thiện nam tín nữ đều có thọ trì tám phần trai giới, hoặc trong mỗi năm, hoặc mỗi ba tháng, vâng giữ giới pháp làm nơi y chỉ tu học, rồi đem căn lành này nguyện sanh về chỗ Phật Vô Lượng thọ ở Thế Giới Cực Lạc Tây Phương đặng nghe chánh pháp. Furthermore, Manjusri, the four groups of devotees, Bhikshus, Bhikshunis, Upasakas, Upasikas and all other faithful, who observe the eight precepts retreat, for a year or three months. With this merit, they wish to be born in the Western Paradise of Amitayus Buddha.



Although they know the right teaching, but their faith is weak.

---Nếu nghe được danh hiệu Đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, thì khi mạng chung sẽ có tám vị Đại Bồ Tát như Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát, Quán Thế Âm Bồ Tát, Đại Thế Chí Bồ Tát, Vô Tận Ý Bồ tát, Bảo Đàn Hoa Bồ Tát, Dược Vương Bồ Tát, Di Lặc Bồ Tát từ trên không trung đi đến đưa đường dẫn lối cho thì liền được vãng sanh trong những hoa báu đủ màu.

If they have heard of the name, Bhaisajyaguru Vaidurya Prabhasa Tathagata, when the end comes, the eight Bodhisattvas Mahasattvas: Manjusri Bodhisattva, Avalokitesvara Bodhisattva, Mahasthamaprapta Bodhisattva, Aksayamati Bodhisattva, Ratna Candana Kusuma Bodhisattva, Bhaisajya-raji Bodhisattva, Bhaisajya Samudgata Bodhisattva and Maitreya Bodhisattva, will come to show the way. Instantaneously, they will be born in the midst of colorful blossoms in that world.

---Hoặc nếu có kẻ, như nguyện lực của Đức Dược Sư mà được thác sanh lên cõi trời và mặc dầu sanh lên cõi trời nhưng nhờ căn lành sẵn có ấy chưa hết thì không còn sanh lại những đường ác nữa.

They also may be born in Heaven. Even as celestial beings, their virtues are not exhausted. They will never fall in the evil realms.

---Khi tuổi thọ ở cõi trời đã mãn, sanh lại trong cõi người thì hoặc làm đến bậc luân vương, thống nhiếp cả bốn châu thiên hạ, oai đức tự tại, giáo hóa cho vô lượng trăm ngàn chúng hữu tình theo con đường nhập thiện, hoặc sanh vào dòng sát đế lợi, Bà la môn hay cư sĩ đại cô, của tiền dư dật, kho đụn tràn đầy, tướng mạo đoan trang, quyến thuộc sum vầy, lại được thông minh trí huệ, dõnh mãnh oai hùng như người đại lực sĩ. Còn nếu có người phụ nữ nào nghe đến danh hiệu của Đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai mà hết lòng

thọ trì danh hiệu ấy thì đời sau sẽ không làm thân gái nữa.

After a life in heaven and becoming human again. They will be kings who rule the world, with power and fame. They will establish countless individuals in the ten virtuous ways. By these virtues, all will be born as Kshatriyas, Brhamins, lay disciples. They will have great wealth and properties, inspiring looks, happy families, great wisdom and the physique of a warrior. If a woman hears of the name, Bhaisajyaguru Vaidurya Prabhasa Tathagata, and sincerely cherishes the name, she will never be reborn as a female again.

---Này Văn Thù Sư Lợi! Đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai kia khi đã chứng được đạo Bồ Đề, do sức bốn nguyện mà Ngài quan sát biết chúng hữu tình gặp phải các thứ bệnh khổ như da vàng, gầy ốm, cảm nhiệt, thương hàn, hoặc trúng phải những thứ ếm đối, đồ độc, hoặc bị hoạn tử, hoặc bị chết non.

Moreover, Manjusri, since his Perfect Enlightenment, Bhaisajyaguru Vaidurya Prabhasa Tathagata, because of his vows to look upon all beings, such as: in sickness and pain, from starvation, dehydration, fevers, from curses, poisoning, dying young or unnaturally.

---Muốn những chứng bệnh đau khổ ấy được tiêu trừ và lòng mong cầu của chúng hữu tình được mãn nguyện, Đức Dược Sư liền nhập định, kêu là định “diệt trừ tất cả khổ não chúng sanh.” Khi Ngài nhập định, từ trong nhục kế phóng ra luồng ánh sáng lớn.

Bhaisajyaguru Vaidurya Prabhasa Tathagata pledges to end their sufferings. Therefore, he enters a samadhi. The samadhi is called “Relieving all sufferings.” In this samadhi, he shines with great radiance.

---Trong luồng ánh sáng ấy Ngài nói chú Đại bi Đà La Ni: Nam-mô Bạc Già Phạt đế, bệ sát xá, lu lô tịch lưu ly, bát lặc bà, hát ra xà dả. Đát tha yết đa da, a ra hắc đế. Tam miệu tam

bột đà da, đất diệt tha. Án bệ sát thệ, bệ sát thệ, bệ sát xá, tam một yết đế tóa ha.

In this bright light, he recites the following grand Dharani: Namó Bhagavate Bhaishajyaguru Vaidurya Prabharajaya Thathagataya Arhate SamyakSambuddhaya Tadyatha Om Bhaishgajye Bhaishajya Samudgate Savha.

--Lúc ấy trong luồng ánh sáng diễm chú này rồi, cả đại địa rung động, phóng ra ánh đại quang minh làm cho tất cả chúng sanh dứt hết bệnh khổ, hưởng được an vui.

When the great Dharani is completed, the earth shakes and great light falls upon the world. Everyone is relieved of all sufferings and great peace is restored.

--Này Văn Thù Sư Lợi! Nếu thấy những người nào đang mắc bệnh khổ thì phải tắm gội cho sạch sẽ và vì họ nhứt tâm tụng chú này 108 biến, chú nguyện trong đồ ăn, trong thuốc uống hay trong nước không vì trùng mà cho họ uống thì những bệnh khổ ấy đều tiêu diệt.

Manjusri, if a man or woman is in misery, you should help in the following way. First cleanse yourself thoughtfully with

Food, medicine or clean water, sincerely recite this Dharani for hundred and eight times. Then give to the person for ingestion. All disease and suffering will be eradicated.

--Nếu có ai mong cầu việc gì mà chí tâm tụng niệm chú này thì đều được như ý muốn: đã không bệnh lại thêm sống lâu, sau khi mạng chung được sanh về thế giới Tịnh Lưu Ly, không còn thối chuyển đến đạo quả Bồ Đề.

For any wish, they should recite the dharani accordingly. They also will enjoy good health and long life. After death, they will be born in his Pure Land. They will achieve non-regression until Supreme Enlightenment.

--Vậy nên, Văn Thù Sư Lợi, nếu có người hết lòng ân cần tôn trọng, cung kính cúng dường Đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai thì phải thường trì tụng chú này đừng lãng quên.

Therefore, Manjusri, any devotees of Bhaishajyaguru Vaidurya Prabhasa Tathagata, should memorize and recite this Dharani.

--Lại nữa, nếu có những kẻ tịnh tín nam nữ nào được nghe rồi tụng trì danh hiệu Đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, Ứng Chánh Đẳng giác, mỗi sớm mai, súc miệng, đánh răng tắm gội sạch sẽ, xông lại thắp hương, rải dầu thơm, các món kỹ nhạc để cúng dường hình tượng; còn đối với kinh điển này thì tự mình hay dạy người khác chép ra, rồi giữ một lòng thọ trì và suy nghĩ nghĩa lý; đối với vị pháp sư giảng nói kinh pháp thì phải nên cúng dường tất cả những vật cần dùng đừng để thiếu thốn. Hết lòng như vậy thì nhờ chư Phật hộ niệm được mãn nguyện mọi sự mong cầu cho đến chứng đặng đạo quả Bồ Đề.

Furthermore, any pious man or woman who hears the name Bhaishajyaguru Vaidurya Prabhasa Tathagata, Arhat, SamyakSambuddha, should venerate him in the following ways. Each morning, after brushing teeth and cleansing the body, they should make offerings of incenses, flowers, ointments, and sing praises to the image of Buddha. They should copy and teach this sutra. They should copy and teach this sutra. They should study, follow, and understand its profound meaning. They should make offerings to the guru, providing for his need to satisfaction. In this way, they will be protected by all Buddhas. All their wishes will be fulfilled until the Supreme Enlightenment.

--Lúc bấy giờ Văn Thù Sư Lợi bạch Phật rằng: “Bạch Đức Thế Tôn, tôi thể qua thời kỳ tượng pháp sẽ dùng đủ chước phước tiện khiến cho những thiện nam tín nữ có lòng tin trong sạch được nghe danh hiệu của Đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, cả đến trong giấc ngủ của họ tôi cũng dùng danh hiệu của đức Phật này, thức tỉnh nơi tai cho họ rõ biết.

At this point, disciple Manjusri pledged to Buddha, “Lokajyestha, I will apply all my skills in the middle period of the Dharma to

enable everyone to know the name of Bhaiṣajyaguru Vaidurya Prabhasa Tathagata. Even in their sleep, I will repeat the Buddha's name to them.

---Bạch Đức Thế Tôn, nếu ai thọ trì đọc tụng kinh này, hoặc đem giảng nói, bày tỏ cho người khác, hoặc tự mình hay dạy người biên chép kinh này, hết lòng cung kính tôn trọng, dùng những bông thơm, dầu thơm, các thứ hương đốt, tràng hoa, anh lạc, phướn lọng cùng âm nhạc hát múa mà cúng dường hoặc dùng hàng ngũ sắc làm dây dựng kinh này, rồi quét dọn một nơi sạch sẽ, thiết lập một tòa cao mà để lên, thì lúc ấy có bốn vị thiên vương quyền thuộc và cùng vô lượng trăm ngàn thiên chúng ở các cõi trời khác đều đến đó mà cúng dường và thủ hộ.

Lokajyestha, anyone who recites and accepts this Sutra, teaches it to others, transcribes or publishes, pays homage to it with a variety of flowers, ointments, perfumes, garlands, gems, canopies and music. He should put the Sutra in a five color bag. He should display the Sutra in a clean and prominent place. The four great guardian kings with their warriors and countless celestial beings will descend to make offerings and guard the place.

---Bạch Đức Thế Tôn, nếu kinh này lưu hành đến chỗ nào có người thọ trì và nghe được danh hiệu của Đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai thì nhờ công đức bốn nguyện của Ngài mà chỗ ấy không bị nạn hoạnh tử, cũng không bị những ác quỷ, ác thần đoạt lấy tinh khí, và dẫu có bị đoạt lấy đi nữa, cũng được hoàn lại, thân tâm yên ổn khỏe mạnh như thường.

Lokajyestha, wherever this Sutra is preached and wherever there are faithful. By the power of Lokajyestha Bhaiṣajyaguru Vaidurya Prabhasa Tathagata's pledge his name, there will be no untimely death. No evil spirits or demons will dare to put on a spell. Even if they do, they will be exorcized, comfort will be restored in both body and mind.

---Phật bảo Văn Thù Sư Lợi: “Phải, phải, thiết đúng như lời người nói. Này Văn Thù Sư Lợi! Nếu có những người tịnh tín thiện nam tín nữ nào muốn cúng dường Đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai thì trước phải tạo lập hình tượng Ngài, đem để trên tòa cao chừng dọn sạch sẽ các thứ rồi rải bông, đốt các thứ hương, dùng các thứ tràng phan trang nghiêm chỗ thờ ấy.

Buddha expounded to Manjusri, “Indeed! Indeed! Just as you say Manjusri! Those who wish to make offerings to Lokajyestha Bhaiṣajyaguru Vaidurya Prabhasa Tathagata, they should build a statue in his image. They should build a clean altar, adorned with flowers, incense and canopies.”

Trong bảy ngày bảy đêm, phải thọ tám phần trai giới, ăn đồ thanh trai, tắm gội và y phục chỉnh tề, giữ lòng thanh tịnh, không giận dữ, không sát hại, đối với tất cả các loài hữu tình phải khởi tâm bình đẳng, đủ cả tâm từ, bi, hỷ, xả làm cho họ được lợi ích an vui, đánh nhạc ca hát ngợi khen và do phía hữu đi nhiều quanh tượng Phật, lại phải nghĩ nhớ công đức bốn nguyện và đọc tụng kinh này, suy nghiệm nghĩa lý mà diễn nói khai thị cho người khác biết. Làm như vậy thì mong cầu việc chi cũng đều được toại ý, như cầu sống lâu, được sống lâu, cầu giàu sang, được giàu sang, cầu quan vị, được quan vị, cầu sanh con trai con gái, thì sanh được con trai, con gái.

“For seven days and nights, they should observe the eight precepts. They should consume only wholesome food. Bath and put on new clothes. They should bear minds of no defilements or hatred. Upon all beings, pledge to be benevolent with kindness, compassion, delight, generosity and fairness. They should praise the Sutra with songs and music. They should circumbulate the statue to the right. They should be mindful of the merits of this Tathagata's pledges. They should recite this Sutra. They should reflect upon its meaning and preach it to other. In this way, all wishes

would be fulfilled: those who wish for longevity will have longevity, great wealth will have great wealth, secure jobs will have secured jobs, offspring will have boys and girls.

---Lại có người nào trong giấc ngủ thấy những điềm chiêm bao dữ, còn khi thức thấy những ác tướng như chim đến đậu nơi vườn nhà, hoặc chỗ ở hiện ra trăm điều quái dị mà người ấy dùng những của báu cúng dường Đức Phật Lưu Ly Quang Như Lai thì những ác mộng, ác tướng và những điềm xấu ấy thấy đều ẩn hết, không còn phải lo sợ gì nữa.

When one has nightmares of horrifying images, such as, flocks of vultures, or demons. If one gives a variety of valuables, reverently offering them to Lokajyestha, Bhaisajyaguru Vaidurya Prabhasa Tathagata, all nightmares and omens will end. No harm will come.

---Nếu gặp nguy hiểm như nạn nước, lửa, gươm, đao, thuốc độc và các cầm thú dữ gây sự sợ hãi như: voi, sư tử, cọp, sói, gấu, rắn độc, bò cạp, rít, sên, lằn muỗi, mà hết lòng nhớ niệm và cung kính cúng dường Đức Phật Dược Sư thì được thoát khỏi những sự sợ hãi ấy; hoặc nếu bị nước khác xâm lăng, nhiễu hại, trộm cướp rối loạn mà nhớ niệm và cung kính Đức Phật Dược Sư thì cũng được thoát khỏi những nạn ấy.

When one is endangered by floods, fires, weapons, poisons, dangers, elephants, lions, tigers, wolves, bears, snakes, scorpions, millipedes, and mosquitoes. They should sincerely pray and make offerings to this Buddha. All dangers will vanish and one will be liberated. When a country is being invaded, or riots of bandits, sincerely pray to this Tathagata, one will be protected.

---Lại nữa, Văn Thù Sư Lợi, nếu có thiện nam tín nữ nào từ khi phát tâm thọ giới cho đến ngày chết, không thờ những vị trời nào, chỉ một lòng nương theo Phật, Pháp, Tăng, thọ trì giới cấm, hoặc 5 giới, 10 giới, Bồ Tát 10 giới trọng, 48 giới khinh, Tỳ kheo 250 giới, Tỳ

kheo ni 348 giới, nếu có ai hủy phạm những giới pháp đã thọ trì sợ đọa vào ác thú, hề chuyên niệm và cung kính cúng dường Đức Phật Dược Sư thì quyết định không thọ sanh trong ba đường ác.

Furthermore, Manjusri! Those who pledge no legend to any God, and take refuge in the Buddha, Dharma, and Sangha. They observe the five or ten precepts, 10 major and 48 minor precepts for Bodhisattvas, Bhikshus two hundred fifty or Bhikshunis 348 precepts. If they have infractions and worry from falling and suffering, chant this Buddha's name and venerably make offerings, they will not suffer the fall.

---Lại nếu có người phụ nữ nào đương lúc sanh sản phải chịu sự cực khổ đau đớn mà xưng danh hiệu, lễ bái và hết lòng cung kính cúng dường Đức Phật Dược Sư thì khỏi những sự đau khổ ấy mà sanh con ra cũng được vuông tròn, tướng mạo đoan trang, lợi căn thông minh, an ổn ít bệnh hoạn, ai thấy cũng vui mừng và không bị quỷ cướp đoạt tinh khí.

When a woman suffers from great labor pains, if she whole-heartedly praise and makes offerings to this Tathagata, all pain will be relieved. A healthy child will be born with great looks, wise and strong. One adored by everybody. No demons can rob him of his vitality.

---Lúc ấy Đức Thế Tôn cũng bảo ông A-Nan rằng: “Theo như ta đã xưng dương những công đức của Phật Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai đó là công hạnh rất sâu xa của chư Phật, khó hiểu thấu được, vậy người có tin chăng?

The Buddha the discoursed to Ananda, “ I have praised the virtues of the Lokajyestha Bhaisajyaguru Vaidurya Prabhasa Tathagata, and the profound deeds of the Buddhas. It is very hard to comprehend. Do you believe in my teachings?

---Ông A-Nan bạch Phật: “Bạch Đức Thế Tôn! Đối với khế kinh của Như Lai nói không bao giờ tôi sanh tâm nghi hoặc. Tại sao ? Vì

những nghiệp thân, khẩu, ý của Đức Như Lai đều thanh tịnh. Bạch Đức Thế Tôn, mặt trời mặt trăng có thể rơi xuống, núi Tu Di có thể lay động, nhưng những lời của chư Phật nói ra không bao giờ sai được.

Ananda replied, “Venerable Lokajyestha. I have total faith in all your teachings. Why? All Tathagata’s deeds, words and thoughts are truthful. Lokajyestha, the sun and moon may fall, mount Sumeru may shatter, the Buddha’s words are unshakable.

Bạch Thế Tôn, nếu có những chúng sanh nào tin căn không đầy đủ, nghe nói đến những công hạnh sâu xa của chư Phật thì nghĩ rằng: Làm sao chỉ niệm danh hiệu của một Đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai mà được nhiều công đức thắng lợi ngàn ấy, vì sự không tin đó, trở sanh lòng hủy báng nên họ phải mất nhiều điều lợi ích, mãi ở trong cảnh đêm dài tăm tối và lại còn bị đọa lạc trong các đường ác thú, lưu chuyển không cùng.

Lokajyestha. Those without faith, upon hearing these profound deeds of the Buddhas, they may say the following. How can by chanting a single name of Bhaisajyaguru vaidurya Prabhasa Tathagata, one can get such excellent merits? If they disbelieve and slander the teaching, they will miss a great benefit and suffer in the evil realms for a long time.

---Phật lại bảo ông A-Nan: “Những chúng hữu tình ấy nếu nghe danh hiệu Đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, chí tâm thọ trì, không sanh lòng nghi hoặc mà đọa vào ác thú thì thật vô lý vậy.

The Buddha said to Ananda, “Anyone who hears the name of Lokajyestha Bhaisajyaguru Vaidurya Prabhasa Tathagata, sincerely accepts without doubts, they will not fall into the evil realms.

---Nầy A-Nan, đó là công hạnh rất sâu nhiệm của chư Phật, khó tin, khó hiểu mà nay người lãnh thọ thì biết rằng đó là nhờ oai lực của Như Lai vậy.

Ananda, these profound deeds of the Buddhas are very hard to conceive! Your faith in this teaching is all by the power of Tathagata.

---Nầy A-Nan, tất cả các hàng Thanh Văn, Duyên Giác và các bậc Bồ tát chưa lên đến bậc sơ địa đều không thể tin hiểu đúng như thật, chỉ trừ những bậc “nhứt sanh bổ xứ Bồ Tát” mới tin hiểu được mà thôi.

Ananda, all Sramanas and Pratyeka-Buddhas, Bodhisattvas below the tenth stages, cannot conceive the entirety. The exception is the Bodhisattva who will achieve Buddhahood in the next rebirth.

---Nầy A-Nan, thân người khó được, nhưng hết lòng tin kính tôn trọng ngôi Tam bảo còn khó hơn, huống chi nghe được danh hiệu của Đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai lại còn khó hơn nữa.

Ananda, the human form is precious. It is more precious to have faith and venerate the Three Jewels. It is even more precious to hear the name of Bhaisajyaguru Vaidurya Prabhasa Tathagata.

---Nầy A-Nan, Đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai tu không biết bao nhiêu hạnh Bồ Tát, dùng không biết bao nhiêu phương tiện khéo léo, phát không biết bao nhiêu nguyện rộng lớn, nếu ta nói ra trong một kiếp hay hơn một kiếp thì số có thể mau hết, chớ những hạnh nguyện và những phương tiện khéo léo của Đức Phật kia không khi nào nói cho hết được.

Ananda, Bhaisajyaguru Vaidurya Prabhasa Tathagata, has countless Bodhisattva deeds, countless skillful means, and countless noble pledges. I can explain them for kalpas after kalpas, time may end, but this Buddha’s deeds and pledges, skillful means, would still not be fully explained.

---Lúc bấy giờ chúng hội có một vị đại Bồ tát tên là Cứu Thoát liền từ chỗ ngồi đứng dậy, vén y để bày vai bên hữu, gối bên mặt quì sát đất cúi mình chấp tay bạch Phật rằng: “Bạch Đức Thế Tôn, đến thời kỳ tương pháp có những chúng sanh bị nhiều hoạn nạn khôn

khổ, tật bệnh luôn luôn, thân hình gầy ốm, ăn uống không được, môi cổ khô rang, mắt thấy đen tối, tướng chết hiện ra, cha mẹ, bà con, bè bạn quen biết vây quanh khóc lóc.

At this time, there was a Bodhisattva Mahasattva in the assembly who was named Savior. He rose from his seat, beared a shoulder, and knelt down on his knee. He bowed, held his palms together and asked the Buddha, “Venerable Lokajyestha, in the middle period of the Dharma, there are those plagued by misfortune. They become weak and thin from long illnesses. They cannot drink nor eat. They have dry throats and lips. They are in the shadow of death. Their parents, family, friends all gather around and weep.

---Thân người bệnh vẫn còn nằm đó mà thấy sứ giả đến dẫn thần thức đem lại trước mặt vua Diêm Ma pháp vương, rồi liền khi ấy vị “sứ giả” đem sổ ghi tội phước của người đó dâng lên vua Diêm Ma.

Laying helpless in bed, he sees a messenger leading his spirit to judge Yama. A report of his good and evil deeds are presented before the judge. Judge Yama then questions the spirit. According to his deeds then gives out rewards.

---Lúc ấy vua phán hỏi rồi kê tính những tội phước của người kia đã làm mà xử đoán. Nếu trong lúc đó, những bà con quen biết, vì người bệnh ấy, quy-y với Đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai và thỉnh chúng tăng đọc tụng kinh này, đốt đèn bảy tầng, treo thần phang tục mạng năm sắc thì hoặc liền trong lúc ấy, hoặc trải qua bảy ngày, hai mươi mốt ngày, ba mươi lăm ngày, bốn mươi chín ngày, thần thức người kia được trở lại như vừa tỉnh giấc chiêm bao, tự mình nhớ biết những nghiệp lành, nghiệp dữ và sự quả báo đã thọ.

If at this time, his friends and family take refuge on his behalf in Lokajyestha Bhaisajyaguru Vaidurya Prabhasa Tathagata, if they request the sangha to recite this Sutra,

if they light seven lamps with a five color banners of prolonging life, consciousness will be returned to him. Like in a dream, for seven days, twenty-one, thirty-five, or forty-nine days, the consciousness returns and one is like awakened from a dream, he will remember the reward of good and bad deeds.

---Bởi chính đã thấy rõ nghiệp báo như vậy, nên dầu có gặp phải những tai nạn nguy hiểm đến tánh mạng cũng không dám tạo những nghiệp ác nữa. Vậy nên những tịnh tín thiện nam tín nữ đều phải một lòng thọ trì danh hiệu và tùy sức mình cung kính cúng dường Đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai.

For he, himself, is the witness to the law of karma. From then on, even for the sake of survival, he will not commit an evil deed. A pious male or female devotee should always be mindful of the name of Bhaisajyaguru Vaidurya Prabhasa Tathagata. They should pay homage and make offerings according to one’s ability.

---Lúc bấy giờ ông A-Nan hỏi Cứu Thoát Bồ tát rằng: “Nầy thiện nam tử, nên cung kính cúng dường Đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai như thế nào? Còn đèn và phang tục mạng phải làm cách sao?”

Ananda then asked the Bodhisattva Savior, “Pious man, how should we pay homage and make offerings to Lokajyestha Bhaisajyaguru Prabhasa Tathagata? This banner and lantern of prolonging life, how should they be put together?”

---Cứu Thoát Bồ tát nói: “Thưa Đại Đức, nếu có người bệnh nào, muốn khỏi bệnh khổ thì quyến thuộc họ phải thọ trì tám phần trai giới trong bảy ngày bảy đêm, tùy theo sức mình sắm sửa đồ ăn uống và các thứ cần dùng khác cúng dường chư Tăng ngày đêm sáu thời, Đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, đọc tụng kinh này bốn mươi chín biến và thấp bốn mươi chín ngọn đèn.

Bodhisattva Savior replied, “Venerable! Patient who wish to be delivered from pain

and sickness should observe the eight precepts for seven days and nights. According to ability, make offerings of food and other necessities to the Sangha. He should make offerings and pay homage to Lokajyestha, Bhaisajyaguru Vaidurya Prabhasa Tathagata. He should recite this sutra forty-nine times, and light 49 lanterns.

--Lại tạo bảy hình tượng để bảy ngọn đèn, mỗi ngọn lớn như bánh xe, đốt luôn trong bốn mươi chín ngày đêm đừng cho tắt; còn cái thân quang thì làm bằng hàng ngũ sắc bề dài 49 gang tay và phải phóng sanh 49 loài vật thì người bệnh ấy qua khỏi cơn ách nạn, không còn bị hoạn tử và bị các loài quỷ nhiều hại.

He should place seven lanterns in front of the seven images of this Tathagata. The lamps should be as big as cartwheels. For the duration of forty-nine days, the flame must be burning unceasingly. He should hang a five colored banner of forty-nine span long. He should set free a variety of animals, numbering forty-nine. In this way, he will overcome his calamities, and be saved from misfortunes and demons.

---Lại nữa, A-Nan nếu trong giòng sát đế lý có những vị quốc vương đã làm lễ quán đảnh mà gặp lúc có nạn, nhân dân bị bệnh dịch, bị nước khác xâm lăng, bị nội loạn, hay bị nạn tinh tú biến ra nhiều điềm quái dị nạn nhật thực, nguyệt thực, mưa gió trái mùa, hay bị nạn quá thời tiết không mưa, thì lúc ấy các vị quốc vương kia phải đem lòng từ bi thương xót tất cả chúng hữu tình, ân xá cho tội nhưn bị giam cầm.

Furthermore, Ananda, if a Kshatriya, or emperor, in time of upheaval, may it be epidemic, invasion, rebellion, ominous phenomenon, eclipse, flood or drought. The kshatriya or emperor should be compassionate to all beings, and pardon those in jail.

---Rồi y theo phép cúng dường đã nói trước mà cúng dường Đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai thì do căn lành này và nhờ sức bốn

nguyện của Đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai khiến trong nước liền được an ổn, mưa hòa gió thuận, lúa thóc được mùa, tất cả chúng hữu tình đều vui vẻ, không bệnh hoạn, không có Dạ Xoa bạo ác, não hại lê dân. Tất cả các tướng ấy đều ẩn mất và các vị quốc vương kia được sống lâu sức mạnh, không bệnh hoạn, mọi việc đều thêm lợi ích.

He should make offerings to Bhaisajyaguru Vaidurya Prabhasa Tathagata, as mentioned above.

With this merit and by the pledge of the Tathagata, peace will be restored to the kingdom. The weather and harvest will also be restored to normalcy. All the citizens will be healthy and happy. There will be no evil spirits or demons that can endanger the citizens. This Kshatriya or emperor will have good health and longevity.

---Này A-Nan, nếu các hoàng hậu, hoàng phi, công chúa, thái tử, vương tử, đại thần phụ tướng, thể nữ trong cung, bá quan và thứ dân mà bị bệnh khổ cùng những ách nạn khác thì cũng nên tạo lập thân phang năm sắc, chong đèn sáng luôn, phóng sanh các loài vật, rải hoa đủ sắc, đốt các thứ danh hương để cúng dường Đức Phật Dược Sư, sẽ được lành bệnh và thoát khỏi các tai nạn.

Ananda, if the queen, crown prince, princes, princesses ministers, court councils, maids, bureaucrats, or citizens fall into sickness or misfortune, they should hang the five colored magic baner, and light th illuminating latern. They should set free animals. They should make offerings of a variety of flowers and incense. By these deeds, all sicknesses will heal, and misfortunes will be avoided.

---Lúc ấy ông A-Nan hỏi Cứu Thoát Bồ Tát rằng: “Thiện nam tử, tại sao cái mạng đã hết mà còn sống thêm được?”

Ananda then asked the Bodhisattva Savior: “Pious man, how can a life that is terminated be prolonged?”

---Cứu Thoát Bồ tát nói: “Bạch Đại Đức, Đại Đức há không nghe Như Lai nói có chín thứ hoạn tử hay sao? Vậy nên ta khuyên người làm phang và đèn tục mạng, tu các phước đức và nhờ có tu các phước đức ấy nên suốt đời không bị khổ sở hoạn nạn.”

The Bodhisattva Savior replied, “Venerable, have you not heard of the nine untimely deaths? I exhort others to hang the life prolonging banner and lanterns, cultivate merits and virtue. Because of these pious deeds, one dies of natural causes without suffering.”

---Ông A-Nan hỏi: “Chín thứ hoạn tử là những thứ chi?”

Ananda asked, “What are the nine untimely deaths?”

---Cứu Thoát Bồ Tát trả lời—The Bodhisattva Savior replied:

1) Một là nếu có chúng hữu tình nào bị bệnh tuy nhẹ, nhưng không thấy, không thuốc, nên bệnh không đáng chết mà lại chết ngang. Lại đang lúc bệnh mà tin theo những thuyết họa phước vu vợ của bọn tà ma ngoại đạo, yêu nghiệt trong đời, sanh lòng rúng sợ không còn tự chủ đối với sự chân chánh, đi bói khoa để tìm hỏi mối họa rồi giết hại loài vật để tấu với thần linh, vái van cùng vọng lượng để cầu xin ban phước, mong được sống lâu, nhưng rốt cuộc không thể nào được. Bởi si mê lầm lạc, tin theo tà kiến điên đảo nên bị hoạn tử, đọa vào địa ngục đời đời không ra khỏi—The first untimely death: There are those who may have a mild ailment, but cannot get treatment or get a wrong diagnosis. They die even when they are not supposed to. There are those who believe in sorcery, magic and fortune telling. Frightened and worrying, they seek oracles. They scarify the living as offerings to devas and spirits. They pray for fortune and longevity. It is impossible. This ignorance and erratic behavior

causes untimely death. They fall into hell with no way out.

2) Hai là bị phép vua tru戮: The second untimely is executed by the law.

3) Ba là sa đắm sự chơi bời, săn bắn, đam mê tử sắc, buông lung vô độ, bị loài quỷ đoạt mất tinh khí: The third untimely death is when one indulges in the pleasure of hunting, in women and drink, without discipline and limit. Their vitalities are sucked out by spirits.

4) Bốn là bị chết thiêu: The fourth untimely death is from burning.

5) Năm là bị chết đuối: The fifth untimely death is by drowning.

6) Sáu là bị các thú dữ ăn thịt: The sixth untimely death is being killed by wild beast.

7) Bảy là bị sa từ trên núi cao xuống: The seventh untimely death is fallen off a cliff.

8) Tám là bị chết vì thuốc độc, ếm đối, rửa nộ, trừ ẻo và bị quỷ tử thi làm hại: The eighth untimely death is being poisoned, cursed or bewitched.

9) Chín là đói khát khổ khổ mà chết: The ninth untimely death is from hunger and thirst.

---Đó là chín thứ hoạn tử của Như Lai nói. Còn những thứ hoạn tử khác nhiều vô lượng không thể nói hết được.

These are the nine untimely deaths discoursed by the Tathagata. There are many more types. It will take a long time to explain.

---Lại nữa, A-Nan, vua Diêm Ma kia là chủ lãnh ghi chép sổ bộ, tên tuổi tội phước trong thế gian. Nếu có chúng hữu tình nào ăn ở bất hiếu, ngũ nghịch, hủy nhục ngôi Tam bảo, phá hoại phép vua tôi, hủy phạm điều cấm giới thì vua Diêm Ma pháp vương tùy tội nặng nhẹ mà hành phạt. Vì thế ta khuyên chúng hữu tình nên thấp đèn làm phang, phóng sanh, tu phước khiến khỏi được các khổ ách, khỏi gặp những tai nạn.



Moreover, Ananda, Yama has records of all beings. Those who have committed the five deadly sins, malign the Three Jewels, breaking laws and moralities, Yama will award punishment accordingly. Therefore, I advise everyone to light the lanterns and hang the banner. They should set free animals and accumulate merits. Then, they can avoid calamities and misfortune.”

--Lúc bấy giờ trong hàng đại chúng có mười hai vị Dược Xoa đại tướng đều ngồi trong hội như—In the congregation, there are twelve Yaksha generals, they are :

- 1) Cung tì la Đại tướng: General Kumbhira.
- 2) Phật chiếc la đại tướng: General Vajra.
- 3) Mê-Súy-La đại tướng: General Mihira.
- 4) An-Đế-La đại tướng: General Andira.
- 5) Át Nễ La đại tướng: General Majira.
- 6) San-Đề-La đại tướng: General Shandira.
- 7) Nhơn Đạt La đại tướng: General Indra.
- 8) Ba Di La đại tướng: General Pajra.
- 9) Ma Hổ La đại tướng: General Makuram.
- 10) Chơn Đạt La đại tướng: General Sindura.
- 11) Chiêu Đổ La đại tướng: General Catura.
- 12) Tỳ Yết La đại tướng: General Vikarala.

--Mười hai vị đại tướng này mỗi vị đều có bảy ngàn Dược Xoa làm quyến thuộc đồng cất tiếng bạch Phật rằng: “Bạch Đức Thế Tôn, hôm nay chúng tôi nhờ oai lực của Phật mà được nghe danh hiệu của Đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, không còn tâm sợ sệt trong các đường ác thú nữa. Chúng tôi cùng nhau, đồng một lòng trọn đời quy-y Phật, Pháp, Tăng, thế sẽ gánh vác cho chúng hữu

tình, làm việc nghĩa lợi đưa đến sự nhiều ích an vui. Tùy nơi nào hoặc làng xóm, thành, nước, hoặc trong rừng cây vắng vẻ, nếu có kinh này lưu bố đến hay có người thọ trì danh hiệu Đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai và cung kính cúng dường Ngài, thì chúng tôi cùng quyến thuộc đồng hộ vệ người ấy thoát khỏi tất cả ách nạn và khiến họ mong cầu việc chi cũng đều được thỏa mãn. Nếu có ai bị bệnh hoạn khổ ách, muốn cầu cho khỏi thì cũng nên đọc tụng kinh này và lấy chỉ ngũ sắc gút danh tự chúng tôi, khi đã được như lòng mong cầu thì mới mở gút ra.

Each of the twelve Yaksha General has an army of seven thousand Yakshas. The unanimously pledged to the Buddha. “Lokajyestha, by the Buddha’s power, we have learned of the name Lokajyestha Bhaiasajyaguru vaidurya Prabhasa Tathagata, we have no more fear or evil rebirth. We all sincerely take refuge in the Buddha, the Dharma and the Sangha for the rest of our natural lives. We will serve all beings, promote their benefit and comfort. Any town or village, country or forest, wherever this Sutra is preached, and wherever the name Bhaiasajyaguru Vaidurya Prabhasa Tathagata is venerated, we and our army will protect the faithful and rescue them from calamity. All their wishes will be fulfilled. Those in sickness and danger should recite this sutra. They should take a five colored skein, and tie it into knots to form our names. They can untie the knots when the wishes are fulfilled.

--Lúc ấy Đức Phật Thích Ca khen các vị Dược Xoa đại tướng rằng: “Hay thay! Hay thay! Đại Dược Xoa tướng, các người nghĩ muốn báo đáp ân đức của Phật Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai nên mới phát nguyện làm những việc lợi ích an vui cho tất cả chúng hữu tình như vậy.”Lokajyestha praised the Yaksha Generals, “Excellent! Excellent! Yakshas generals, you are mindful of repaying the benevolence of Lokajyestha Bhaiasajyaguru

Vaidurya Prabhasa Tathagata. You should always work to benefit and comfort all the living.

---A Nan lại bạch Phật rằng: “Bạch Đức Thế Tôn! Pháp môn này gọi tên là gì? Và chúng tôi phải phụng trì bằng cách nào?”

Ananda then asked the Buddha, “Lokajyestha, how should we name this teaching? How should we be mindful of it?”

---Phật bảo A-Nan: “Pháp môn này gọi là Thuyết Dực Sư Lưu Ly Quang Như Lai Bốn Nguyện Công Đức, cũng gọi là Thuyết Thập Nhị Thần Tướng Nhiều Ích Hữu Tình Kiết Nguyện Thân Chú và cũng gọi là Bạt Trừ Nhứt Thế Nghiệp Chướng. Cứ nên đứng như vậy mà thọ trì.”

Buddha said to Ananda, “This teaching is called the Sutra on the merits and virtues of the original pledges by the Bhaisajyaguru Vaidurya Prabhasa Tathagata. It is also called the Twelve Yaksa Generals pledging to benefit all beings Dharani. It is also called Eradicate All Karmic Hindrances. You should bear this in mind.”

---Khi Đức Bạt Già Phạm nói lời ấy rồi, các hàng Đại Bồ Tát, các Đại Thánh Văn, cùng quốc vương, Đại thần, Bà la môn, cư sĩ, Thiên, Long, Da Xoa, Càng Thát Bà, A Tu La, Yết Lộ trà, Khẩn na la, Ma hầu la đà, người cùng các loài quỷ thần, tất cả đại chúng đều hết sức vui mừng và đồng tin chịu vâng làm—After the Bhagavan has discoursed this teaching, all Bodhisattvas Mahasattvas, Elder Sramanas, Kings and Ministers, Brahmins, Upasakas, Upasikas, Devas, Nagas, Yaksas, Gandharvas, Asuras, Garudas, Kinnaras, Mahoragas, Humans and spirits, everyone in the assembly, hearing the Buddha’s discourse, all greatly rejoiced, accepted and followed the teachings faithfully.

## **Kinh Hoa Nghiêm Phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện:**

Avatamsaka Sutra, Chapter 40: The Practices and Vows of the Bodhisattva Universal Worthy

---Lúc bấy giờ ngài Phổ Hiền đại Bồ Tát khen ngợi công đức thù thắng của Đức Như Lai rồi bèn bảo các vị Bồ Tát và Thiện Tài rằng: Này thiện nam tử! Công

Đức của Như Lai, giả sử cho tất cả các đức Phật ở mười phương, trải qua số kiếp nhiều như cực vi trần trong bất khả thuyết cõi Phật diễn nói không ngừng, cũng không thể trọn hết được.

At that time, having praised the exalted merits and virtues of the Thus Come Ones, the Bodhisattva Universal Worthy addressed the Bodhisttvas, along with Good Wealth, as follows: “Good men, even if all the Buddhas of the ten directions were to speak continuously, for as many eons as there are fine motes of dust in an ineffably ineffable number of Buddha lands, the virtues and merits of the Thus Come Ones could never be fully described.

---Nếu ai muốn trọn nên công đức của Phật, thời phải tu mười điều hạnh nguyện rộng lớn. Những gì là mười điều?

Those wishing to achieve these merits and virtues should cultivate ten vast and great practices and vows. What are these ten?

---Một là lễ kính các đức Phật.

First, worship and respect all Buddhas.

Hai là khen ngợi đức Như Lai.

Second, praise the Thus Come Ones.

Ba là rộng sắm đồ cúng dường.

Third, make abundant offerings.

Bốn là sám hối các nghiệp chướng.

Fourth, repent misdeeds and hindrances.

Năm là tùy hỷ các công đức.

Fifth, Rejoice at others’ merits and virtues.

Sáu là thỉnh các đức Phật thuyết pháp.

Sixth, request the Buddha to turn the

Dharma wheel.

Bảy là thỉnh các đức Phật ở lại đời.  
Seventh, request the Buddha to remain  
in the world.

Tám là thường học tu theo Phật.  
Eighth, follow the teachings of the  
Buddha

Chín là hằng thuận chúng sanh.  
Ninth, accommodate and benefit all  
sentient beings.

Mười là hồi hướng khắp tất cả.  
Tenth, transfer merits and virtues  
universally.

---Thiện Tài bạch rằng: “Đại Thánh! Lễ kính  
như thế nào, cho đến hồi hướng như thế nào?  
Good Wealth then said, “Great Sage, what is  
meant by worshipping and respecting all  
Buddhas, up to transferring all merits and  
virtues universally?”

1) Phổ Hiền Bồ Tát bảo Thiện Tài rằng:  
“Nầy thiện nam tử! Nói lễ kính các đức Phật  
là như vậy: Bao nhiêu các đức Phật Thế Tôn  
nhiều như số cực vi trần trong cõi Phật khắp  
pháp giới hư không giới mười phương ba đời,  
tôi do nơi hạnh nguyện của Phổ Hiền tâm  
tâm tín giải như đối trước mắt, đều dùng thân,  
khẩu, ý ba nghiệp thanh tịnh thường tu hạnh  
lễ kính. Nơi mỗi đức Phật đều hóa hiện thân  
nhiều như số cực vi trần trong bất khả thuyết  
cõi Phật. Mỗi thân đều khắp lễ kính các đức  
Phật nhiều như số cực vi trần trong bất khả  
thuyết bất khả thuyết cõi Phật. Cõi hư không  
kia hết, sự lễ kính của tôi mới hết. Nhưng cõi  
hư không chẳng cùng tận nên sự lễ kính của  
tôi cũng không cùng tận. Nhấn đến cõi chúng  
sanh hết, nghiệp chúng sanh hết, phiền não  
chúng sanh hết, sự lễ kính của tôi mới dứt.  
Nhưng cõi chúng sanh cho đến phiền não  
chẳng hết, nên sự lễ kính của tôi cũng không  
cùng tận, niệm niệm nối liền không hở, ba  
nghiệp thân khẩu ý không hề nhàm mỏi.

The Bodhisattva Universal Worthy replied to  
Good Wealth, “Good Man, worshipping and  
respecting all Buddhas

means the following: All Buddhas, World  
Honored Ones, are as numerous as fine motes  
of dust in all Buddha lands in the ten  
directions and the three periods of time, to the  
exhaustion of the Dharma Realm and empty  
space. Because of the power of Universal  
Worthy Bodhisattva’s conduct and vows, I  
have a mind of deep faith and understanding  
of them as if they were before my eyes.”

“With my body, mouth, and mind karma  
completely pure, I constantly worship and  
respect them. In each and every place where  
there are Buddhas, I manifest bodies as  
numerous as fine motes of dust in ineffably  
ineffable numbers of Buddha lands.”

“Each and every body everywhere worships  
and respects Buddha as many as the fine  
motes of dust in ineffably ineffable numbers  
of Buddha lands.”

“When the realm of empty space is exhausted.  
But because the realm of empty space is  
inexhaustible, my worship and respect will  
never end. In the same way, when the realm  
of living beings, the karma of living beings,  
and the afflictions of living beings are  
exhausted, my worship and respect will be  
exhausted. But the realm of living beings, the  
karma of living beings, and the afflictions of  
living beings are inexhaustible. Therefore, my  
worship and respect are inexhaustible. They  
continue in thought after thought without  
cease. My body, mouth, and mind never tire  
of doing these deeds.”

2) Lại nầy thiện nam tử! Nói “Khen ngợi đức  
Như Lai” là như vậy:

Bao nhiêu số cực vi trần trong cõi nước khắp  
cùng hư không pháp giới mười phương ba đời,  
trong mỗi cực vi trần đều có các đức Phật  
nhiều như số cực vi trong tất cả thế gian. Nơi  
mỗi đức Phật đều có rất đông Bồ Tát vây  
quanh nhóm họp. Tôi phải trọn dùng sức thậm  
thâm thắng giải tri kiến hiện tiền, đều dùng  
lưỡi vi diệu hơn Biện Tài thiên nữ. Mỗi lưỡi  
phát xuất vô tận âm thanh hải. Mỗi âm thanh

diễn xuất tất cả ngôn từ hải, khen ngợi các công đức hải của tất cả đức Như Lai, ca ngợi đến tột đời vị lai nối luôn không dứt, khắp cả pháp giới không sót chỗ nào. Như vậy hư không giới, chúng sanh giới, chúng sanh nghiệp, chúng sanh phiền não đều hết, thời sự khen ngợi công đức chư Phật của tôi đây mới cùng tận. Nhưng cõi hư không kia cho đến phiền não của chúng sanh chẳng cùng tận, nên sự khen ngợi của tôi cũng không cùng tận, niệm niệm nối luôn không hở, ba nghiệp thân khẩu ý không hề nhàm mỏi.

“Moreover, good man, to praise the Thus Come Ones is explained like this: In each fine mote of dust in all lands throughout the ten directions and the three periods of time, exhausting the dharma realm and empty space, there are Buddhas as numerous as fine motes of dust in all worlds. Each of these Buddhas is circumambulated by an ocean-wide assembly of Bodhisattvas. With my profound and supreme understanding, I know and see them all. Each of my bodies brings forth a tongue of subtle and wonderful eloquence surpassing the skillful speech of even Sarasvati, the goddess of eloquence. Each tongue brings forth an inexhaustible sea of sounds. Each sound emits an ocean of all words, praising and glorifying all the Thus Come Ones’ sea of all merit and virtue. These praises continue without cease to the end of the boundaries of the future. Exhausting the dharma realm, these sounds reach everywhere. When the realm of empty space is exhausted, when the realms of living beings are exhausted, when the karma of living beings is exhausted, and when the afflictions of living beings are exhausted, only then will my praise be exhausted. But just as the realm of empty space up to and including living beings’ afflictions are endless, so too are my praises endless. They continue in thought after thought without cease. My body, mouth and mind never tire of doing these deeds.”

3) Lại nầy thiện nam tử! Nói “Rộng sắm đồ cúng dường” là như vậy: Bao nhiêu số vi trần trong khắp cõi Phật cùng hư không pháp giới mười phương ba đời, trong mỗi cực vi trần đều có chư Phật như số cực vi trần trong tất cả thế giới, nơi mỗi đức Phật có vô số Bồ Tát vây quanh nhóm họp. Tôi dùng sức hạnh nguyện của Ngài Phổ Hiền mà khởi lòng tín giải rất sâu và hiện tiền tri kiến, đều đem đồ cúng dường thượng diệu mà cúng dường pháp hội của Phật. Như là mây hoa, mây tràng hoa, mây âm nhạc cõi trời, mây tàng lọng cõi trời, mây y phục cõi trời, các thứ hương trời: hương xoa, hương đốt, hương bột. Các thứ mây trên đây thấy đều nhiều lớn như núi Tu Di.

Moreover, good man, to make abundant offerings is explained like this: In every mote of dust in all the Buddha lands throughout the ten directions and the three periods of time, exhausting the dharma realm of empty space, there are Buddhas as many as the fine motes of dust in all worlds. Each Buddha is circumambulated by various kinds of sea-loke assemblies of Bodhisattvas. With the power of Universal Worthy’s practice and vows, I am able to deeply believe in and understand them. I can know and see them all. To each I make offerings of superb and wonderful gifts. That is to say, clouds of flowers, clouds of garlands, clouds of heavenly music, clouds of divine canopies, clouds of heavenly clothing, all varieties of heavenly incense, fragrant balms, burning incense, powdered incense, and clouds of gifts such as these; each cloud is as large as Sumeru, the king of mountains.

---Lại thắp các thứ đèn: đèn tô lạc, đèn dầu, các thứ đèn dầu thơm; mỗi tim đèn lớn như núi Tu Di, dầu trong đèn như nước bể cả. Đem các thứ đồ cúng dường như trên để thường cúng dường.

I burn all kinds of lamps, butter lamps, oil lamps, and lamps of many fragrant oils. The wick of each lamp is as tall as mount Sumeru; the quantity of oil in each lamp is equal in

volume to the waters of the great sea. With all manner of gifts such as these, I constantly make offerings.

---Thiện nam tử! Trong các thứ cúng dường, pháp cúng dường là hơn hết. Pháp cúng dường là: Tu Hành đúng theo lời Phật dạy để cúng dường, làm lợi ích cho chúng sanh để cúng dường, chịu khổ thế cho chúng sanh để cúng dường, nhiếp thọ chúng sanh để cúng dường, siêng năng tu tập căn lành để cúng dường, không bỏ hạnh Bồ tát để cúng dường, chẳng rời tâm Bồ Đề để cúng dường.

Good man, of all offerings, the gift of dharma is supreme. That is to say, the offering of cultivating according to the teachings, the offering of benefiting all living beings, the offering which gathers in all living beings, the offering of standing in for all beings to undergo their suffering, the offering of diligently cultivating good roots, the offering of not forsaking the deeds of the Bodhisattva, and the offering of not renouncing the Bodhi mind.

Thiện nam tử! Như vô lượng công đức của sự cúng dường trước kia sánh với một niệm công đức của pháp cúng dường, thời không bằng một phần trăm, không bằng một phần ngàn, không bằng một phần trăm ngàn, cu chi na do tha, một phần ca la, một phần toán, một phần số, một phần dụ, cũng chẳng bằng một phần ưu ba ni sa đà. Vì sao? Vì các đức Như Lai tôn trọng chánh pháp. Vì theo đúng như lời Phật dạy mà tu hành thì sanh ra các đức Phật. Nếu các Bồ Tát thực hành pháp cúng dường, thì trọn nên sự cúng dường Phật. Tu hành như vậy mới thật là cúng dường. Nên pháp cúng dường là sự cúng dường rất rộng lớn hơn tất cả.

Good man, the immeasurable merit and virtue created from making those offerings, when compared with the merit and virtue from a single thought of offering dharma, does not equal one part in a hundred, one part in a thousand, one part in a hundred thousand kotis

of nayutas, one part in a kala, one part by reckoning, one part by calculation, one part that can be demonstrated by comparison, or one part in an upanishad. None of them measure up to a single part. Why is this? Because all Thus Come Ones honor the dharma. Cultivating according to the teachings gives birth to all Buddha. If all Bodhisattvas make the offerings to all Thus Come Ones. Cultivation in this manner is a true offering, a vast, great, and most supreme offering.

Cõi hư không cùng tận, cõi chúng sanh cùng tận, nghiệp chúng sanh cùng tận, sự cúng dường của tôi mới cùng tận, nhưng cõi hư không cho đến phiến não chẳng cùng tận, nên sự cúng dường của tôi cũng không cùng tận, niệm niệm nối luôn không hở, thân khẩu ý nghiệp không hề nhàm mỏi.

When the realm of empty space is exhausted, when the realms of living beings are exhausted, when the karma of living beings is exhausted, when the afflictions of living beings come to an end, only then will my making of offerings be exhausted. Just as the realm of empty space up to and including the afflictions are endless, so too are my making of offerings endless. In thought after thought without cease, my body, mouth, and mind never weary of these deeds.

Lại này thiện nam tử! Nói “Sám hối nghiệp chướng” là như vậy: Bồ Tát tự nghĩ rằng: Tôi từ vô thủy kiếp về quá khứ, do lòng tham lam, sân hận, ngu si khiến thân khẩu ý tạo vô lượng vô biên nghiệp ác. Nếu các nghiệp ác này mà có hình tướng, thì khắp cõi hư không cũng chẳng hề đưng chứa hết được. Nay tôi đem trọn cả ba nghiệp trong sạch đối các đức Phật và chúng Bồ Tát khắp cực vi trần cõi nước trong pháp giới, thành tâm sám hối, về sau không tái phạm nữa, thường an trụ nơi giới pháp trong sạch đầy đủ công đức lành. Như vậy hư không giới cùng tận, chúng sanh giới cùng tận, chúng sanh nghiệp cùng tận, chúng sanh phiến não cùng tận, thì sự

sám hối của tôi mới cùng tận. Nhưng hư không giới cho đến chúng sanh phiền não chẳng cùng tận, nên sự sám hối của tôi đây cũng không cùng tận, niệm niệm nói luôn không hở, thân khẩu ý ba nghiệp không hề nhàm mỗi.

Moreover, good man, to repent misdeeds and mental hindrances is explained like this: The Bodhisattva reflects from beginningless kalpas in the past, I have created all measureless and boundless evil karma with my body, mouth and mind, because of greed, hatred and stupidity. If this evil karma had a substance and form, all of empty space could not contain it. I now completely purify these three karmas and before the assemblies of all Buddhas and Bodhisattvas, throughout the dharma realm in lands as many as fine motes of dust, I sincerely repent of and reform my offenses and vow never to create them again. I will always dwell in all merit and virtue of the pure precepts.

So it is that when the realm of empty space is exhausted, the realms of living beings are exhausted, the karma of living beings is exhausted, and the afflictions of living beings are exhausted, then my repentance will be exhausted. But just as the realm of empty space up to the afflictions of living beings are endless, so too my repentance and reform are endless. They continue in thought after thought without cease. My body, mouth, and mind weary of these deeds.

Lại này thiện nam tử! Nói “Tùy hỷ công đức” là thế này: Bao nhiêu đức Phật như số vi trần trong tất cả cõi Phật khắp hư không pháp giới mười phương ba đời, từ khi mới phát tâm vì muốn chứng nhất thiết trí mà siêng tu cõi phước chẳng tiếc thân mạng, trải qua số kiếp như số cực vi trần trong bất khả thuyết bất khả thuyết cõi Phật. Mỗi kiếp đều thí xả đầu, mắt, tay, chân...nhiều như số cực vi trong bất khả thuyết bất khả thuyết cõi Phật; làm tất cả những hạnh khó làm như vậy, đầy đủ các món

ba-la-mật, chứng nhập các trí địa của Bồ Tát, trọn nên quả vô thượng Bồ Đề của chư Phật, cho đến nhập niết bàn phân chia xá lợi. Bao nhiêu căn lành ấy tôi đều tùy hỷ cả. Moreover, good man, to “Rejoice at others’ merits and virtues” is explained

like this: All the Buddhas, Thus Come Ones, as numerous as the fine dust motes in all the Buddha lands of the ten directions and the three periods of time throughout the Dharma Realm and the realm of empty space, from the time of their initial resolve for all wisdom, diligently cultivated accumulation of blessings without regard for their bodies and lives. They did this throughout kalpas as many as fine motes of dust in ineffably ineffable Buddha lands. During each kalpa they gave up their heads, eyes, hands, and feet, as many times as there are dust motes in ineffably ineffable Buddha lands.

In this way they cultivated all the difficult ascetic practices and perfected the gates of the various paramitas. They entered and were certified to each of the Bodhisattva grounds of wisdom and accomplished the unsurpassed Bodhi of all Buddhas. Upon their Parinirvana, their sgrira were divided and distributed. I completely follow along with and rejoice in all of their good roots.

Đến các loài lục thú, tứ sanh trong tất cả mười phương thế giới kia có bao nhiêu công đức, đầu nhỏ như mây trần, tôi đều tùy hỷ. Mười phương ba đời tất cả các vị Thanh văn, Bích Chi Phật, hữu học và vô học có bao nhiêu công đức tôi đều tùy hỷ. Tất cả chư Bồ Tát tu hạnh cần khổ khó làm, chí cầu quả vô thượng chánh đẳng công đức rộng lớn, tôi đều tùy hỷ. Như vậy, hư không giới cùng tận, chúng sanh giới cùng tận, chúng sanh nghiệp cùng tận, chúng sanh phiền não cùng tận, sự tùy hỷ của tôi đây không có cùng tận, niệm niệm nói luôn không hở, ba nghiệp thân khẩu ý không hề nhàm mỗi.

Moreover, as for all the different types of beings in the six paths and the four kinds of birth in every world in the ten directions, I follow along with and rejoice in their merit and virtue as well, even if it is as small as a mote of dust. I completely follow along with and rejoice in the merit and virtue of all the sound hearers, Pratyeka Buddhas, Learners, and Those Beyond Study in the ten directions and the three periods of time. I follow along with and rejoice in the vast and great merit for unsurpassed, right, equal Bodhi, cultivate measureless difficult ascetic practices.

So it is that even if the realm of empty space is exhausted, the realms of living beings are exhausted, the karma of living beings is exhausted, and the afflictions of living beings are exhausted, my following and rejoicing are endless. They continue in thought after thought without cease. My body, mouth and mind never weary of these deeds.

Lại này thiện nam tử! nói “Thỉnh Phật thuyết pháp” là thế này: Trong số cực vi khắp hư không pháp giới mười phương ba đời tất cả cõi Phật. Mỗi cực vi đều có cõi Phật rộng lớn nhiều như số cực vi trong bất khả thuyết bất khả thuyết cõi Phật. Mỗi cõi trong một niệm đều có tất cả chư Phật thành đấng chánh giác số đông như số cực vi trong bất khả thuyết bất khả thuyết cõi Phật, tất cả chúng Bồ Tát nhóm họp vây quanh. Tôi đều đem thân khẩu ý ba nghiệp dùng những phương tiện ân cần khuyến mời tất cả Phật nói pháp nhiệm mầu. Như vậy hư không giới cùng tận, chúng sanh giới cùng tận, chúng sanh nghiệp cùng tận, chúng sanh phiền não cùng tận, tôi luôn khuyến mời tất cả các đức Phật chuyển pháp luân chơn chánh không cùng tận, niệm niệm nói luôn không hờ, ba nghiệp thân khẩu ý không thể nhàm mỏi.

Moreover, good man, to “Request the Buddha to Turn the Dharma Wheel” is explained like this: Within each and every fine mote of dust in the Buddha lands

throughout the ten directions and the three periods of time, throughout the dharma realm and the realm of empty space, there are vast and great Buddha lands as many as fine motes of dust in ineffably ineffable Buddha lands. In each and every land, in thought after thought, There are all Buddhas accomplishing equal and right enlightenment, their number as many as fine motes of dust in ineffably ineffable Buddha lands. A sea-like assembly of Bodhisattvas circumambulates each Buddha. Using all manner of skillful means of body, mouth, and mind, I sincerely and diligently request that they turn the wonderful dharma wheel. So it is that even if the realm of empty space is exhausted, the realms of living beings are exhausted, the karma of living beings is exhausted, and the afflictions of living beings are exhausted, my request that all Buddhas turn the proper dharma wheel is without end. It continues in thought after thought without cease. My body, mouth and mind never weary of these deeds.

Lại này thiện nam tử! Nói “Thỉnh Phật ở lại đời” là như vậy: Các đức Như Lai như số cực vi trong tất cả cõi Phật khắp hư không pháp giới mười phương ba đời toan muốn thị hiện nhập niết bàn, cùng các Bồ tát, Thỉnh Văn, Duyên Giác, hữu học, vô học, cho đến tất cả các bậc thiện tri thức, tôi đều khuyến mời xin đừng nhập niết bàn, xin ở lại đời trải qua vô số kiếp như vi trần trong tất cả cõi Phật, vì muốn cho tất cả chúng sanh được lợi lạc. Như vậy cõi hư không cùng tận, cõi chúng sanh cùng tận, nghiệp chúng sanh cùng tận, phiền não chúng sanh cùng tận, sự khuyến mời của tôi đây vẫn không cùng tận, niệm niệm nói luôn không hờ, ba nghiệp thân khẩu ý không hề nhàm mỏi.

Moreover, good man, to “Request the Buddha to Remain in the World” is explained like this: All Buddhas, Thus Come Ones, are as numerous as fine motes of dust in all Buddha lands throughout the ten directions

and the three periods of time, exhausting the dharma realm and the realm of empty space. When they are about to enter Parinirvana, along with all Bodhisattvas, Sound Hearers, Those Enlightened to Conditions, Learners, and Those Beyond Study, including all good knowing advisors, I ask them all not to enter Nirvana. I request that they remain in the world for as many kalpas as there are fine motes of dust in all Buddha lands, bringing benefit and bliss to all living beings. So it is that even if the realm of empty space is exhausted, the realms of living beings are exhausted, the karma of living beings is exhausted, and the afflictions of living beings are exhausted, still my request is endless. It continues in thought after thought without cease. My body, mouth and mind never weary of these deeds.

Lại này thiện nam tử! Nói “Thường tùy học Phật” là thế này: Như đấng Tỳ Lô Giá Na Phật ở cõi Ta Bà đây, từ khi mới phát tâm tinh tấn không trở lui, đem bất khả thuyết bất khả thuyết thân mạng ra mà bố thí. Lột da làm giấy, chẻ xương làm viết, chích máu làm mực dùng biên chép kinh điển chất cao như núi Tu Di, vì tôn trọng chánh pháp nên Phật không tiếc thân mạng, huống là ngôi vua, thành ấp, cung điện, vườn, rừng... Cùng thực hành bao nhiêu hạnh khó làm khác.

Moreover, good man, to “Follow the teachings of the Buddha at all times” is explained like this: I will be like Vairocana Thus Come One of this Saha world, who, from the time he first resolved his mind, never retreated from vigor. He gave up ineffably ineffable numbers of bodies and lives. He peeled off his skin for paper, split his bones to fashion brushes, drew blood for ink, and wrote out sutras stacked as high as mount Sumeru. Because he valued the dharma, he did not cherish his own body or life. How much the less did he crave a king’s throne, cities, towns, palaces, gardens, groves, or any material

things at all. He exerted himself to the extreme in the different kinds of difficult ascetic practices.

Nhấn đến ngôi dưới cây thành quả đại Bồ Đề, thị hiện các thứ thần thông, khởi các sự biến hóa, hiện các thân Phật ở trong những chúng hội đạo tràng của các vị đại Bồ Tát, hoặc ở trong đạo tràng của chúng hội Thịnh Văn Duyên Giác, hoặc ở trong đạo tràng của Chuyển Luân vương, các vị tiểu vương cùng quyến thuộc, hoặc ở trong đạo tràng của chúng hội Cư sĩ, Trưởng giả, Bà la môn cùng sát đế lợi, nhấn đến hoặc ở trong đạo tràng của chúng hội Thiên, Long, bát bộ, nhơn, phi nhơn... ở trong các chúng hội như vậy, dùng tiếng viên mãn như đại lôi chấn, tùy theo căn tánh của mỗi hạng mà giáo hóa cho chúng sanh đều được thành thực. Nhấn đến thị hiện nhập Niết bàn.

He accomplished the great enlightenment beneath the tree, manifested different kinds of spiritual powers, gave rise to different kinds of transformations, made appear different kinds of Buddha bodies, and dwelled in different kinds of assemblies. He dwelled amidst the assemblies of Bodhimandas of all great Bodhisattvas, the assemblies of Sound Hearers, the assemblies of Pratyeka-Buddhas. He dwelled amidst the assemblies in the Bodhimandas of Wheel Turning sage kings and the retinues of lesser kings. He dwelled amidst the assemblies in the Bodhimandas of kshatriyas, brahmans, elders, and lay people, up to and including assemblies of gods, dragons, and the remaining eight divisions, and humans and non-humans. As he dwelled in various different assemblies such as these, with a voice which was full and perfect like a great thunder clap, he brought all living beings to maturity according with their likes and wishes up until the time he manifested Nirvana.

Cả thấy hạnh đức như thế tôi đều học tập theo. Như đức Thế Tôn Tỳ Lô Giá Na hiện



nay, các đức Phật Như Lai như số vi trần trong tất cả cõi Phật khắp hư không pháp giới mười phương ba đời cũng như thế ấy, trong mỗi niệm tôi đều học tập theo. Như vậy cõi hư không cùng tận, cõi chúng sanh cùng tận, nghiệp chúng sanh cùng tận, phiền não chúng sanh cùng tận, sự tùy học của tôi đây không cùng tận, niệm niệm nối luôn không hở, ba nghiệp thân khẩu ý không hề nhàm mỏi.

In all these ways I will learn from the Buddhas, and just as it is with the present World Honoured One Vairocana, so it is with all the Thus Come Ones in every dust mote in all Buddha lands in the ten directions and the three periods of time, throughout the dharma realm and the realm of empty space. In thought after thought I will learn from them all. So it is that even if the realm of empty space is exhausted, the realms of living beings are exhausted, the karma of living beings is exhausted, and the afflictions of living beings are exhausted, still my study with them is without end. It continues in thought after thought without cease. My body, mouth, and mind never weary of these deeds.

Lại này thiện nam tử! Nói “Hằng thuận chúng sanh” là như vậy: Bao nhiêu chúng sanh sai khác trong tất cả cõi ở mười phương pháp giới, hư không giới, chính là những loài noãn sanh, thai sanh, thấp sanh, hóa sanh, các loài nương nơi chất tứ đại mà sanh, có giống nương nơi hư không cùng cây cỏ mà sanh. Các giống sanh loại, các thứ sắc thân, các thứ hình trạng, các thứ tướng mạo, các thứ thọ lượng, các thứ tộc loại, các thứ danh hiệu, các thứ tâm tánh, các thứ tri kiến, các thứ đực lạc, các thứ ý hành, các thứ oai nghi, các thứ y phục, các thứ ăn uống, ở trong các thôn dinh, thành ấp, cung điện, nhần đến tất cả thiên long, bát bộ, nhơn, phi nhơn... loài không chân, loài hai chân, bốn chân, nhiều chân, loài có hình sắc, loài không hình sắc, loài có tâm tưởng, loài không tâm tưởng, loài chẳng phải có tâm tưởng chẳng phải không tâm tưởng. Các loài

như vậy tôi đều tùy thuận tất cả mà thực hành các sự vâng thờ, cúng dường, như kính cha mẹ, như thờ bậc thầy cùng A-la-hán, nhần đến như đức Như Lai đồng nhau không khác.

Moreover, good man, to “Accommodate and benefit all living beings is explained like this: Throughout seas of kshetras in the ten directions exhausting the dharma realm and the realm of empty space, there are many different kinds of living beings: That is to say, those born from eggs, womb-born, transformationally born, as well as those who live and rely on earth, water, fire, and air for their existence. There are beings dwelling in space, and those who are born in and live in plants and trees. This includes all the many species and races with their diverse bodies, shapes, appearances, lifespans, families, names, and natures. This includes their many varieties of knowledge and views, their various desires and pleasures, their thoughts and deeds, and their many different deportments, clothing and diets. It includes beings who dwell in different villages, towns, cities and palaces, as well as gods, dragons, and others of the eight divisions, humans and non-humans alike. Also there are footless beings, beings with two feet, four feet, and many feet, with form and without form, with thought and without thought, and not entirely with thought and not entirely without thought. I will accord with and take care of all these many kinds of beings, providing all manner of services and offerings for them. I will treat them with the same respect I show my own parents, teachers, elders, Arhats, and even the Thus Come Ones. I will serve them all equally without difference.

Trong các loài ấy, nếu là kẻ có bệnh thì tôi vì họ mà làm lương y, nếu ai bị lạc đường thì tôi vì họ mà chỉ cho con đường chánh, nơi đêm tối tôi vì họ mà làm ngọn đuốc sáng, người nghèo thiếu tôi làm cho được của báu.

Bồ Tát bình đẳng lợi ích cho chúng sanh như vậy.

I will be a good doctor for the sick and suffering. I will lead those who have lost their way to the right road. I will be a bright light for those in the dark night, and cause the poor and destitute to uncover hidden treasures. The Bodhisattva impartially benefits all living beings in this manner.

Vì sao thế? Vì Bồ Tát nếu có thể tùy thuận chúng sanh, thì chính là tùy thuận cúng dường các đức Phật. Còn tôn trọng và thừa sự chúng sanh thì chính là tôn trọng và thừa sự các đức Như Lai. Nếu làm cho chúng sanh vui mừng thì chính là làm cho tất cả Như Lai vui mừng. Vì sao thế? Vì các đức Như Lai dùng tâm đại bi mà làm thế. Như nơi chúng sanh mà sanh lòng đại bi, như nơi lòng đại bi mà phát tâm bồ đề, như nơi tâm bồ đề mà thành bậc chánh đẳng chánh giác. Ví như giữa chốn sa mạc có cây thọ vương to lớn, nơi gốc cây ấy được nước rưới nhuần, thì cành lá hoa quả thủy đều sum suê tươi tốt.

Why is this? If a Bodhisattva accords with living beings, then he accords with and makes offerings to all Buddhas. If he can honor and serve living beings, then he honors and serves the Thus Come Ones. If he makes living beings happy, he is making all Thus Come Ones happy. Why is this? Because all Buddhas, Thus Come Ones, take the mind of great compassion as their substance. Because of living beings they bring forth great compassion. From great compassion the Bodhi mind is born; and because of the resolve for Bodhi, they accomplish Equal and Proper Enlightenment.

Cây thọ vương bồ đề ở chốn sa mạc sanh tử rộng lớn cũng như vậy: tất cả chúng sanh là gốc rễ, Bồ Tát là hoa, Phật là quả. Dùng nước đại bi đượm nhuần gốc rễ chúng sanh thì có thể trở thành Bồ Tát Trí Huệ và kết thành quả Phật Toàn Giác.

It is like a great king of trees growing in the rocks and sand of barren wilderness. When the roots get water, the branches, leaves, flowers, and fruits will all flourish. The bodhi-tree king growing in the wilderness of birth and death is the same. All living beings are its roots; all Buddhas and Bodhisattvas are its flowers and fruits. By benefiting all beings with water of great compassion, one can realize the flowers and fruits of the Buddhas' and Bodhisattvas' wisdom.

Vì sao thế? Bởi các Bồ tát dùng nước đại bi làm lợi ích cho chúng sanh, thì có thể thành tựu quả vô thượng chánh đẳng chánh giác. Cho nên quả Bồ Đề thuộc về chúng sanh, vì nếu không chúng sanh, tất cả Bồ Tát trọn không thể thành đạo vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Why is this? If all Bodhisattvas benefit living beings with the water of great compassion, they can attain Anuttara Samyak Sambodhi. Therefore, Bodhi belongs to living beings. Without living beings, no Bodhisattva could perfect the unsurpassed proper enlightenment.

Này thiện nam tử! Ông ở nơi nghĩa ấy nên hiểu như thế. Bởi đối với chúng sanh mà tâm bình đẳng thì có thể sanh lòng đại bi đầy đủ hoàn toàn. Dùng tâm đại bi mà tùy thuận chúng sanh thì có thể thành tựu pháp cúng dường Như Lai. Bồ Tát tùy thuận chúng sanh như thế ấy. Cõi hư không cùng tận, cõi chúng sanh cùng tận, nghiệp chúng sanh cùng tận, phiền não chúng sanh cùng tận, sự tùy thuận chúng sanh của tôi không cùng tận, niệm niệm nói luôn không hở, thân khẩu ý ba nghiệp không hề nhàm mỏi.

Good man, you should understand these principles in this way: When the mind is impartial towards all living beings, one can accomplish full and perfect great compassion. By using the heart of great compassion to accord with living beings, one perfects the making of offerings to the Thus Come Ones.

In this way the Bodhisattva constantly accord with living beings. Even when the realm of empty space is exhausted, the realms of living beings are exhausted, the karma of living beings is exhausted, and the afflictions of living beings are exhausted, I will still accord endlessly, continuously in thought after thought without cease. My body, mouth, and mind never weary of these deeds.

Lại này thiện nam tử! Nói “Hồi hướng khắp tất cả” là như vậy: Từ sự lễ kính ban đầu nhĩ đến tùy thuận có bao nhiêu công đức, thầy đều đem hồi hướng cho tất cả chúng sanh khắp trong hư không pháp giới. Nguyên cho tất cả chúng sanh thường được an lạc, không các bệnh khổ, muốn thực hành pháp ác thầy đều không thành, còn tu nghiệp lành thì đều mau thành tựu. Đóng chặt cửa của tất cả ác thú, mở bày đường chánh nhưn, thiên, niết bàn. Nếu các chúng sanh nhưn vì đời trước chứa nhóm các nghiệp ác nên chiêu cảm tất cả quả rất khổ, tôi đều chịu thế cho, khiến chúng sanh đều được giải thoát, rốt ráo thành tựu quả vô thượng bồ đề. Bồ tát tu hạnh hồi hướng như vậy.

Moreover, good man, to “Universally transfer all merit and virtue” is explained like this: All of the merit and virtue, from the first vow, to worship and respect, up to and including the vow to constantly accord, I universally transfer to all living beings throughout the dharma realm and to the limits of empty space. I vow that all living beings will be constantly peaceful and happy without sickness or suffering. I vow that no one will succeed in doing any evil, but that all will quickly perfect their cultivation of good karma. I vow to close the doors to the evil destinies and open the right paths of humans, gods, and nirvana. I will stand in for beings and receive all the extremely severe fruits of suffering which they bring on with their evil karma. I will liberate all these beings and ultimately bring them to accomplish

unsurpassed Bodhi. The Bodhisattva cultivates transference in this way.

Cõi hư không cùng tận, cõi chúng sanh cùng tận, nghiệp chúng sanh cùng tận, phiền não chúng sanh cùng tận, sự hồi hướng của tôi đây vẫn không cùng tận, niệm niệm nối luôn không hở, ba nghiệp thân khẩu ý không hề nhàm mỏi.

Even when the realm of empty space is exhausted, the realms of living beings are exhausted, the karma of living beings is exhausted, and the afflictions of living beings are exhausted, I will still transfer all merit and virtue endlessly, continuously in thought after thought without cease. My body, mouth and mind never weary of these deeds.

Này thiện nam tử! Ấy là mười điều nguyện lớn đầy đủ viên mãn của đại Bồ Tát. Nếu các vị Bồ Tát ở nơi mười điều nguyện lớn này mà tùy thuận tu hành, thì có thể thuần thực tất cả chúng sanh, thì có thể tùy thuận đạo vô thượng chánh đẳng chánh giác, thì có thể trọn đủ các hạnh nguyện hải của Ngài Phổ Hiền Bồ Tát. Này thiện nam tử! Do cơ ấy ở nơi các nghĩa trên đây ông nên hiểu biết như vậy.

Good man, these are the Bodhisattva Mahasattva's ten great vows in their entirety. If all Bodhisattva can follow and enter these great vows, then they will be able to bring all living beings to maturity. They will be able to accord with Anuttara Samyak Sambodhi and complete Universal Worthy's sea of conduct and vows. Therefore, good man, you should know the meaning of this.

Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhưn dùng bảy món báu thượng diệu và đồ an lạc tối thắng của nhưn thiên, rất nhiều đến nỗi đầy đầy tất cả thế giới như số cực vi trong vô lượng vô biên bất khả thuyết bất khả thuyết cõi Phật khắp mười phương, đem bố thí cả cho bao nhiêu chúng sanh trong ngàn ấy thế giới, cúng dường cho cả các đức Phật cùng Bồ Tát trong ngàn ấy thế giới, trải qua vô số kiếp như số cực vi trong ngàn ấy cõi Phật nối luôn

không dứt, cúng dường bố thí như vậy được bao nhiêu công đức, đem sánh với công đức của người một phen nghe mười điều nguyện vương này, thì công đức trước không bằng một phần trăm, không bằng một phần ngàn, nhần đến cũng không bằng một phần ưu-ba-ni-sa-đà của công đức nghe kinh này.

If a good man or good woman filled up worlds as many as very fine dust motes in measureless, boundless, ineffably ineffable Buddha lands throughout the ten directions with the supremely wonderful seven jewels; and if they as well gave all of the supreme peace and happiness known to gods and men to every living being in all those worlds; and if they offered such gifts to all the Buddhas and Bodhisattvas of these worlds, doing so constantly without cease for as many kalpas as very fine motes of dust in those Buddha lands, they would acquire much merit and virtue. But the merit and virtue gained from these gifts, when compared to the merit and virtue of a person who hears these kings of vows pass by his ear but once, does not equal one part in one hundred, one part in one thousand, or even one part in an upanishad.

Hoặc có người dùng lòng tin sâu chắc ở nơi mười điều nguyện rộng lớn này thọ trì đọc tụng, cho đến iên chép một bài kệ bốn câu, thì sớm có thể dứt trừ được năm nghiệp vô gián, cả thầy thân bệnh, tâm bệnh, khổ não trong thế gian, cho đến tất cả các ác nghiệp nhiều như số cực vi trong cõi Phật đều được tiêu trừ. Tất cả các quân ma, quỷ dạ xoa, quỷ la sát, , hoặc quỷ cứu bàn trà, tỳ xá xà, bộ đa...các quỷ thần hung ác uống máu ăn thịt thầy đều lánh xa. Hoặc nếu có gần gũi thì là hạng phát tâm theo hộ trì.

Moreover, if a person receives and maintains these great vows with a mind of deep faith, read and recites them, or writes out just a single four-line verse, he or she can quickly eradicate the karma of the five unintermittent offenses. All of the world's

illnesses that afflict the body and mind, as well as the various kinds of bitter suffering, will be wiped away, up to and including bad karma equal to the fine motes of dust in Buddha lands. All the demons-Armies, the Yakshas, Rakshas, Kumbhandas, Bhutas, and so forth, and all evil ghosts and spirits that drink blood and devour flesh will go far away from this person. Or they will resolve, before long, to draw near and protect him.

Vì thế nên nếu người trì tụng nguyện kinh này, thì đi trong thế gian không bị chướng ngại, như mặt trăng giữa lũng ra khỏi mây mù, các đức Phật Bồ Tát đều khen ngợi, tất cả hàng như thiên đều nên lễ kính, tất cả chúng sanh đều nên cúng dường. Người thiện nam tử này trọn được thân người, đầy đủ bao nhiêu công đức của Ngài Phổ Hiền, chẳng bao lâu sẽ như Phổ Hiền Bồ tát mau được thành tựu sắc thân vi diệu, đủ ba mươi hai tướng đại tướng phu; nếu sanh ở cõi người hay cõi trời thì thường ở dòng cao quý, trọn có thể phá hoại tất cả đường ác, trọn có thể xa lìa tất cả bạn dữ, trọn có thể chế phục tất cả ngoại đạo, trọn có thể giải thoát tất cả phiền não, như sư tử vương dẹp phục bầy thú. Kham lãnh thọ sự cúng dường của tất cả chúng sanh.

Therefore, if he recite these vows aloud, he will move freely through the world without obstruction, like the moon appearing through the clouds. All the Buddhas and Bodhisattvas will praise him, people and gods should all bow in respect to him, and all living beings should make offerings to him. This good man will easily get reborn as a human and will perfect all of Universal Worthy's merit and virtue. Before long, he will be just like Universal Worthy himself, obtaining a subtle and wonderful physical body complete with the thirty-two marks of the Great Man. If he is born among humans or gods, he will always live in a superior family. He will totally destroy the evil destinies and will leave all bad companions. Fully able to vanquish all

externalists, he will completely free himself from all afflictions, just as the Lordly Lion subdues all beasts. This person will be worthy of receiving the offerings of all living beings.

Lại người này lúc lâm chung, phút cuối cùng, tất cả căn thân đều hư hoại, tất cả thân thuộc đều phải bỏ lìa, tất cả oai thế đều thối thất, cho đến các quan phụ tướng đại thần, cung thành trong ngoài, voi ngựa xe cộ, trân bảo kho đụn...tất cả đều không đem một món nào theo được. Chỉ có mười nguyện vương này chẳng rời người mà thôi. Trong tất cả thời gian nó thường ở trước dẫn đường, trong khoảnh khắc liền được sanh về cõi Cực Lạc. Đến Cực Lạc rồi liền thấy đức A Di Đà Phật cùng các Ngài Văn Thù Sư Lợi Bồ tát, Phổ Hiền Bồ Tát, Quán Tự Tại Bồ Tát, Di Lạc Bồ Tát... Các vị Bồ Tát này sắc tướng đoan nghiêm, công đức đầy đủ chung cùng vây quanh.

Further, when a person is on the verge of death, at the last instant of life, when all his faculties scatter and he departs from his relatives, when all power and status are lost and nothing survives, when his prime minister, great officials, his inner court and outer cities, his elephants, horses, carts, and treasuries of precious jewels can no longer accompany him, these kings of vows alone will stay with him. At all times they will guide him forward, and in a single instant he will be reborn in the Land of Ultimate Bliss. Arriving there, he will see Amitabha Buddha, Manjuri Bodhisattva, Universally Worthy Bodhisattva, the Bodhisattva who contemplates at Ease, Maitreya Bodhisattva, and others. The appearance of these Bodhisattvas will be upright and adorned, and their merit and virtue complete. Together they will circumambulate him.

Lúc bấy giờ người ấy tự thấy mình gá sanh nơi hoa sen báu, được đức Phật xoa đầu thọ ký. Sau khi được thọ ký rồi, trải qua vô số trăm ngàn muôn ức na-do-tha kiếp, khắp cả

mười phương bất khả thuyết bất khả thuyết thế giới, dùng sức trí huệ tùy theo tâm của chúng sanh mà làm lợi ích.

This person will see himself born from a lotus flower and will receive a prediction from the Buddha. In this way he will pass through numberless hundreds of thousands of tens of thousands of millions of nayutas of kalpas, and with the minds of living beings in order to benefit them everywhere throughout the ineffably ineffable worlds in the ten directions.

Chẳng bao lâu sẽ ngồi nơi Bồ Đề đạo tràng hàng phục quân ma, thành bậc đẳng chánh giác giảng nói pháp mầu vi diệu. Có thể làm cho chúng sanh trong những cõi Phật như số cực vi trần đều phát tâm Bồ Đề, tùy theo căn tánh của chúng sanh mà dạy dỗ cho thành thực, hẳn đến cùng tận kiếp hải, có thể làm lợi ích tất cả chúng sanh một cách rộng lớn.

Before long he will sit in a Bodhimanda, subdue the demonic armies, accomplish equal and proper enlightenment, and turn the wonderful dharma wheel. He will cause living beings in worlds as many as the fine motes of dust in Buddha lands to bring forth the Bodhi mind. According with their basic natures, he will teach, transform, and bring them to maturity. To the exhaustion of the seas of future kalpas, he will greatly benefit all living beings.

Này thiện nam tử! Các chúng sanh kia hoặc nghe, hoặc tin nơi nguyện vương rộng lớn này, rồi thọ trì đọc tụng và giảng nói cho người nghe. Công đức của chúng sanh kia chỉ có đức Phật Thế Tôn biết, ngoài ra không ai hiểu thấu. Vì thế nên những người được nghe mười điều nguyện vương này chớ sanh lòng nghi ngờ, nên phải lãnh thọ, thọ rồi nên đọc, đọc rồi có thể tụng thuộc, tụng thuộc rồi nên gìn nhớ luôn, cho đến biên chép vì người mà giảng nói. Những người như vậy, trong một niệm tất cả hạnh nguyện đều được thành tựu, được phước vô lượng vô biên.

Good man, the merit and virtue obtained by living beings through hearing and believing in these great kings of vows, through receiving, maintaining, reading and reciting them, and through extensively explaining them for others, can be known only by the Buddha, the World Honored One, and by no one else. Therefore, you who hear these kings of vows should harbor no doubts. Reverently accept them; after accepting them, you should be able to read them; after you can read them, you should be able to recite them aloud; and after you can recite them aloud, you should be able to maintain them, to the extent that you can write them out and extensively explain them for others. Then in a single thought, one conduct and vows will be accomplish. The blessings one will obtain are measureless and boundless.

Có thể ở trong biển khổ phiền não cứu vớt chúng sanh được giải thoát, đều được vãng sanh về thế giới Cực Lạc của đức Phật A Di Đà.

One will be able to rescue living beings from the great sea of afflictions and suffering, causing them to make good their escape and to be reborn in Amitabha Buddha's land of Ultimate Bliss.

Lúc bấy giờ Phổ Hiền Bồ Tát ma ha tát muốn nói lại nghĩa ấy, ngài quan sát khắp mười phương mà nói kệ rằng:

At that time, Universally Worthy Bodhisattva, Mahasattva, wishing to restate his meaning, contemplated everywhere in the ten directions and spoke verses:

Tất cả chư Phật trong ba đời  
Before the Lions among men in the past, in the present, and also in the future  
Ở nơi thế giới khắp mười phương  
Throughout the worlds of the ten directions,  
Tôi đem thân ngữ ý trong sạch  
With body, mouth and mind entirely pure  
Khắp lạy chư Phật không hề sót

I bow before them all, omitting none.  
Sức oai thần hạnh nguyện Phổ Hiền  
With the awesome spiritual power of Samantabhadra's vows  
Phân thân hiện khắp trước Như Lai  
I appear at the same time before every Thus Come One  
Một thân lại hiện sát trần thân  
And in transformed bodies as many as motes of dust in lands  
Mỗi thân lạy khắp sát trần Phật.  
Bow to Buddhas as many as motes of dust in lands  
Sát trần Phật ở trong một trần  
In every mote of dust are Buddhas as many as motes of dust  
Đều ngôi giữa chúng hội Bồ Tát  
Each dwelling amid a host of Bodhisattvas  
Vô tận pháp giới cũng như vậy  
Throughout motes of dust in endless Dharma realms it is the same  
Sâu tin chư Phật đều đầy đủ.  
I deeply believe they all are filled with Buddhas.  
Tôi đều dùng tất cả âm thanh  
With seas of each and every sound I everywhere let fall  
Khắp thổ vô tận lời nói hay  
Words and phrases, wonderful and endless  
Tột tất cả kiếp thuở vị lai  
Which now and through the kalpas of the future  
Khen công đức sâu dầy của Phật.  
Praise the wide, deep sea of Buddhas' merit and virtue.  
Sắm đồ rất đẹp: nào tràng hoa  
Flower garlands supreme and wonderful  
Kỹ nhạc, hương, hoa cùng tàn lọng  
Music, perfumes, parasols, and canopies  
Các thứ trang nghiêm đẹp như vậy  
And other decorations rich and rare  
Tôi dùng cúng dường chư Như Lai.  
I offer up to every Thus Come One.

Nào là y phục, các thứ hương:  
Fine clothing, superior incense  
Phấn hương, hương xông cùng đèn đuốc.  
Powdered and burning incense, lamps  
and candies  
Mỗi món đều như núi Tu Di  
Each one heaped as high as Mount Sumeru  
Tôi đem cúng dường các đức Phật  
I offer completely to all tathagatas.  
Do nơi tâm thẳng giải rộng lớn  
With a vast, great, supremely liberated  
mind  
Sâu tin tất cả Phật ba đời  
I believe in all the Buddhas of the three  
periods of time  
Sức oai thần hạnh nguyện Phổ Hiền  
With the strength of Samantabhadra's  
Conduct and Vows  
Khắp đem cúng dường các đức Phật.  
I make offerings to all Thus Come  
Ones everywhere  
Từ xưa đã tạo nhiều nghiệp ác  
For all the evil deeds I have done in  
the past  
Đều vì ba độc: tham, sân, si  
From beginningless greed, anger and  
delusion  
Từ thân, khẩu, ý mà gây nên  
Created by my body, mouth and mind  
Tất cả nay tôi đều sám hối.  
I now know shame and repent of them all  
Vô lượng công đức của chư Phật  
I rejoice in the merit and virtue  
Của Bồ tát, Thanh Văn, Duyên Giác  
From Bodhisattvas, Hearers, Pratyeka-  
Buddhas  
Hữu học, vô học cùng chúng sanh  
The learners, those without study as well  
as  
other beings in the ten directions  
Tất cả nay tôi đều tùy hỷ.  
I rejoice in the merit and virtue  
Các đấng soi đời khắp mười phương  
Before the lamps of the worlds of the

ten directions  
Vừa mới chứng nên đạo chánh giác  
Those who first accomplish Bodhi  
Tất cả nay tôi đều khuyến thỉnh  
I now request and beseech them all  
Chuyển xe chánh pháp diệu vô thượng.  
To turn the foremost, wondrous dharma  
wheel  
Chư Phật nếu muốn nhập Niết bàn  
If there are Buddhas who wish for Nirvana.  
Tôi xin thành tâm đều mời thỉnh  
I request with deep sincerity  
Cúi mong ở lại lâu trong đời  
That they dwell in the world for a long  
time  
Cho chúng sanh được nhờ lợi lạc.  
To bring benefit and bliss to every beings  
Bao nhiêu phước đức bởi cúng dường,  
I worship those with blessings, praise  
them and make offerings  
Ngợi khen, thỉnh pháp, mời trụ thế,  
I request that the Buddhas remain in the  
world and turn the Dharma wheel  
Tùy hỷ sám hối các căn lành,  
The good roots gained from following  
and rejoicing in the merit and virtue,  
and from repentance and reform  
Hồi hướng chúng sanh cùng Phật đạo.  
I transfer to living beings and the Buddha  
way  
Tôi nay theo học với Như Lai  
I study with the Buddhas and practice  
Tu tập viên mãn hạnh Phổ Hiền  
The perfect conduct of Universal Worthy  
Cúng dường chư Phật về quá khứ  
I make offerings to all the Thus Come  
Ones of the past  
Cùng với mười phương hiện tại Phật.  
And to all present Buddhas throughout  
the ten directions  
Vị lai tất cả Thiên nhân sư  
All future teachers of gods and men  
Hết thủy tâm nguyện đều viên mãn  
Whose aspirations to joy have been

completed  
Nguyện theo học khắp ba đời Phật  
I'll follow in study throughout the three  
Periods of time  
Mau chứng nên quả đại Bồ Đề.  
And quickly attain Great Bodhi  
Cả thấy cõi cùng khắp mười phương  
In all lands of the ten directions  
Rộng lớn thanh tịnh trang nghiêm đẹp  
Vast, great, pure, and wonderfully adorned  
Chúng hội vây quanh các Như Lai  
All Tathagatas sit beneath royal Bodhi  
trees  
Đều ở dưới cội Bồ Đề thọ.  
While assemblies circumambulate them  
Bao nhiêu chúng sanh trong mười phương  
I vow that every being in all directions  
Nguyện lìa lo khổ thường an lạc  
Will be peaceful, happy, and without worry  
Đều được lợi ích chánh pháp mầu  
May they obtain the proper Dharma's  
profound aid  
Dứt hết phiền não không còn thừa.  
And may all their afflictions be wiped  
away without exception  
Khi tôi vì Bồ Đề mà tu  
When I cultivate towards Bodhi  
Trong các loài đều biết túc mạng  
I will gain the knowledge of past lives  
In all destinies  
Thường được xuất gia tu tịnh giới  
I will always leave the home-life and  
cultivate pure precepts  
Không như không lỗi cũng không hư.  
Without outflows, never broken, and  
without stain  
Trời, rồng, dạ xoa, bàn trà quỷ  
Be they gods, dragons, yakshas, or  
Kumbhandas  
Nhấn đến loài người cùng phi nhân  
Up to humas, non-humans, and the rest  
Tất cả ngôn ngữ của chúng sanh  
In the many languages of all such  
living beings

Đều dùng các tiếng tám nói Pháp.  
With every sound I will speak the Dharma  
Siêng tu Ba La Mật trong sạch  
I will cultivate the pure paramitas with  
vigor  
Tâm Bồ Đề hằng gìn không mất  
And never leave the Bodhi mind behind  
Dứt trừ chướng ngại không để thừa  
I will banish all obstructions and  
defilements  
Tất cả hạnh mầu đều thành tựu.  
And fulfill all the wondrous practices  
Ở nơi các hoặc, nghiệp, cảnh ma  
From all delusions, karma, and demon-  
states  
Trong vòng thế gian được giải thoát  
Amid all worldly paths, I will be freed  
Cũng như hoa sen không dính nước  
As the lotus does not touch the water  
Nào khác Nhật, Nguyệt chẳng dừng không.  
As sun and moon do not stop in space  
Dứt hết tất cả khổ ác đạo  
Ending suffering of the paths of evil  
Khắp đồng ban vui cho quần chúng  
And to everyone equally bringing joy  
Như thể trải qua vô số kiếp  
May I for aeons like the motes of dust in  
lands  
Lợi ích mười phương không cùng tận.  
Ever benefit all in the ten directions  
Tôi thường tùy thuận các chúng sanh  
Always in accord with living beings  
Cùng tận tất cả vị lai kiếp  
Cultivating through all future aeons  
Hằng tu hạnh lớn của Phổ Hiền  
The vast conduct of Universal Worthy  
Viên mãn quả Bồ Đề vô thượng.  
The unsurpassed Great Bodhi will I perfect  
Những người cùng tôi đồng một hạnh  
May all who cultivate with me  
Cầu tất cả chỗ chung nhóm họp  
Assemble together with me in one place  
Thân khẩu ý nghiệp đều đồng nhau  
Our karmas of body, mouth, and mind



the same  
Hết thấy hạnh nguyện cùng tu học.  
As we cultivate and study all practices  
and vows  
Các thiện tri thức lợi ích tôi  
With all advisors good and wise who aid  
me  
Vì tôi chỉ bày hạnh Phổ Hiền  
By explaining Samantabhadra's deeds  
Nguyện cùng tôi thường chung hội họp  
I vow to always congregate together  
Đối với tôi lòng luôn hoan hỷ.  
May they never be displeased with me  
Nguyện thường diện kiến các Như Lai  
I vow to always meet Thus Come Ones  
face to face  
Và hàng Phật tử vây quanh Phật  
And the hosts of disciples that circulate  
around them  
Tôi đều sửa sang cúng dường lớn  
I'll raise offerings which are vast and great  
Tột thuở vị lai không nhàm mỗi.  
Untiring to the end of future aeons  
Nguyện gìn pháp mẫu của Như Lai  
I will hold on high the subtly wondrous  
Buddhadharma  
Rõ bày cả thấy hạnh Bồ Đề  
And illuminate the practices of Bodhi  
Rốt ráo thanh tịnh hạnh Phổ Hiền  
I will ultimately pure in Samantabhadra's  
way  
Trọn kiếp vị lai thường tu tập.  
Practicing until the end of time  
Tôi ở trong tất cả các cõi  
I cultivate throughout all existence  
Tu phước vô tận, trí vô tận  
Inexhaustible blessings and wisdom  
Định, huệ, phương tiện và giải thoát  
By concentration, wisdom, skillful  
means, and liberation  
Được những tạng vô tận công đức.  
I will gain an endless store of merit and  
virtue  
Trong một trần có trần số cõi

In one mote of dust are lands as  
numerous as motes of dust  
Mỗi mỗi cõi có nan tư Phật  
In each land are incalculable numbers  
of Buddhas  
Mỗi mỗi Phật ở giữa chúng hội  
In every place where Buddhas dwell I  
see the host assembled  
Tôi thấy hằng giảng hạnh Bồ Đề.  
Endlessly proclaiming all the practices  
of Bodhi  
Khắp hết mười phương các cõi nước  
In ten directions everywhere, throughout  
the sea of lands  
Mỗi đầu lông đủ có ba đời  
On the tip of every hair in oceans of all  
time  
Phật cùng quốc độ vô số lượng  
So too there is a sea of Buddhas, a sea  
of Buddha lands  
Tôi khắp tu hành trải trần kiếp.  
Pervading them all I cultivate for seas  
of endless time  
Lời của Như Lai đều thanh tịnh  
The speech of all Tathagatas is pure  
Một lời đủ cả các âm thanh  
Each word contains an ocean of all sounds  
Theo tiếng chúng sanh lòng ưa thích  
According with what beings like to hear  
Biện tài của Phật đều ban khắp.  
The Buddhas' sea of eloquence flows forth  
Tất cả chư Phật trong ba đời  
All Tathagatas of the three periods of time  
Dùng những ngữ ngôn vô tận kia  
Using the inexhaustible seas of words  
and languages  
Hằng chuyển pháp mẫu rất lý thú  
Forever turn the wonderful Dharma  
Wheel of noumenon and phenomena  
Nhờ trí sâu tôi đều lãnh thọ.  
I enter everywhere with the power of  
deep wisdom  
Tôi hay thâm nhập đời vị lai  
I can penetrate the future

Tất cả kiếp trâu làm một niệm  
And exhaust all kalpas in a single thought  
Hết thấy những kiếp trong ba đời  
All kalpas of the three periods of time  
Làm khoảng một niệm tôi đều nhập.  
In a single thought I completely enter  
Trong một niệm tôi thấy ba đời  
Tất cả các đấng Như Sư Tử  
In one thought I see all Lions of men  
Cũng thường vào trong cảnh giới Phật  
I constantly fathom the Buddha states  
of the past, present and future  
Như huyền, giải thoát và oai lực.  
Their magical liberations and their  
awesome strength  
Trong các cực vi đầu sợi lông  
On the tip of an extremely fine hair  
Xuất hiện cõi trang nghiêm ba thuở  
Appear jewelled lands of eternal time  
Mười phương trần sát các đầu lông  
Lands on hair tips as many as dust  
mote like lands of the ten directions  
Tôi đều thâm nhập để nghiêm tịnh.  
I deeply enter, adorn, and purify  
Vị lai các đấng Chiếu Thế Đăng  
All lamps of the future that light the world  
Thành đạo chuyển pháp độ chúng sanh  
Complete the way, turn the Dharma  
Wheel, and awaken living beings  
Phật sự xong xuôi hiện nhập diệt  
As they perfect the Buddha's work and  
manifest Nirvana  
Tôi đều đến gần để hầu hạ.  
I visit and draw near to each one and  
obtain  
Sức thần thông rộng khắp chóng mau  
The spiritual power to rapidly go  
everywhere  
Sức Phổ Môn khắp nhập đại thừa  
The power to universally enter the  
Mahayana through the Universal Door  
Sức trí hạnh khắp tu công đức  
The power of wisdom and conduct to  
universally cultivate merit and virtue

Sức oai thần từ bi khắp che  
The subtle spiritual power to shield all  
with great kindness  
Sức phước trang nghiêm khắp thanh tịnh  
The power to everywhere purify and  
adorn supreme blessings  
Sức trí huệ không trước không trệ  
The power of wisdom which is unattached  
and and independent  
Sức định, huệ, phương tiện, oai thần  
The awesome spiritual power and the  
powers of concentration, wisdom, and  
skill-in-means  
Sức khắp hay chứa đạo Bồ Đề.  
The power of universally accumulating  
bodhi  
Sức thanh tịnh tất cả nghiệp lành  
The power of good karma which purifies  
all things  
Sức xô dẹp tất cả phiền não  
The power to eradicate all afflictions  
Sức hàng phục tất cả loài ma  
The power to subdue all demons  
Sức viên mãn các hạnh Phổ Hiền.  
The power to perfect Universal Worthy's  
conduct  
Khắp hay nghiêm tịnh các cõi nước  
The sea of lands I everywhere adorn and  
purify  
Giải thoát cho hết thấy chúng sanh  
And I liberate the sea of all living beings  
Khéo hay phân biệt các pháp mầu  
With skill I make distinctions in the  
Sea of all dharmas  
Có thể sâu vào biển trí huệ.  
And enter deeply into the wisdom sea  
Khắp tu thanh tịnh các công hạnh  
I can purify the ocean of all practices  
Các chí nguyện thấy đều viên mãn  
Perfect and Complete a sea of vows  
Gần gũi cúng dường các đức Phật  
I draw near to a sea of Buddhas and  
make offerings  
Tu hành vô lượng kiếp không mỏi.

And cultivate without fatigue for a sea of  
time  
Tất cả Như Lai trong ba đời  
To all Tathagatas of the three periods of  
time  
Những hạnh nguyện Bồ Đề tối thắng  
With Bodhi, conduct, and vows most  
supreme  
Tôi đều cúng dường tu tập đủ  
I completely offer up my perfect  
cultivation  
Dùng hạnh Phổ Hiền ngộ Bồ Đề.  
With Samantabhadra's practices, I awaken  
to Bodhi  
Tất cả Như Lai có trưởng tử  
All tathagatas have elder disciples  
Danh hiệu ngài là đức Phổ Hiền  
Named Universally Worthy, honored one  
Tôi nay hồi hướng các căn lành  
Now I transfer all good roots  
Nguyện các trí hạnh đều đồng đó.  
And I vow to perform deeds of wisdom  
identical to his  
Nguyện thân khẩu ý hằng thanh tịnh  
I vow that my body, mouth, and mind  
will be forever pure  
Công hạnh cõi nước cũng sạch trong  
And that all practices and Buddha lands  
Will be also  
Trí huệ ấy gọi rằng Phổ Hiền  
To the wisdom of Universal Worthy  
Nguyện tôi cùng ngài đều đồng đẳng.  
I vow in every way to be identical  
Vì khắp thanh tịnh hạnh Phổ Hiền  
I will wholly purify Samantabhadra's  
conduct  
Các nguyện lớn của Văn Thù Sư Lợi  
And the great vows of Manjusri as well  
Trọn sự nghiệp kia không thừa sót  
All their deeds I will fulfill, leaving nothing  
undone  
Đến kiếp vị lai hằng không mỏi.  
Till the end of the future I will never tire  
Tôi tu các hạnh đều vô lượng

Infinite and measureless is my cultivation  
Được các công đức cũng không lường  
Boundless merit and virtue I obtain  
An trụ trong những hạnh vô lượng  
Amid limitless practices I will dwell in  
peace  
Suốt thấu tất cả sức thần thông.  
And penetrate the strength of spiritual  
powers  
Sức trí mạnh mẽ các Văn Thù  
Manjusri has wisdom, courageous and  
brave  
Huệ hạnh Phổ Hiền cũng dường ấy  
Samantabhadra's conduct and wisdom  
are the same  
Tôi nay hồi hướng các căn lành  
I now transfer all good roots  
Thường theo các ngài mà tu học.  
In order to follow them in practice and in  
study  
Chư Phật ba đời luôn khen ngợi  
In the three periods of time, all Buddhas  
praise  
Những nguyện rộng lớn khó sánh bằng  
Such vows as these, lofty and great  
Tôi nay hồi hướng các căn lành  
I now transfer all good roots  
Để được Phổ Hiền hạnh thù thắng.  
Wishing to perfect the supreme practices  
of Samantabhadra  
Nguyện tôi lúc mạng sắp lâm chung  
I vow that when my life approaches its end  
Trừ hết tất cả các chướng ngại  
All obstructions will be swept away  
Tận mắt gặp Phật A Di Đà  
I will see Amitabha Buddha  
Liên được vãng sanh cõi Cực Lạc.  
And be born in his land of Ultimate Bliss  
and peace  
Tôi đã vãng sanh cõi kia rồi  
When reborn in the Western land  
Hiện tiền thành tựu nguyện lớn này  
I will perfect and completely fulfill  
Cả thấy tròn đủ không thừa thiếu

Without exception these great vows  
Lợi lạc tất cả các chúng sanh.  
To delight and benefit all beings  
Chúng hội Di Đà đều thanh tịnh  
The assembly of Amitabha Buddha is  
completely pure  
Tôi từ hoa sen nở sanh ra  
When from a matchless lotus I am born  
Thân thấy đức Phật Vô Lượng Quang  
I'll behold the Tathagata's  
Measureless Light as he appears before  
me  
Liên thọ ký tôi đạo Bồ đề.  
To bestow a prediction of Bodhi  
Nhờ đức Phật kia thọ ký rồi  
Receiving a prediction from the Thus  
Come One  
Tôi hóa vô số vạn ức thân  
I'll transform countless kotis of bodies  
Trí huệ rộng lớn khắp mười phương  
And with wisdom power vast and great  
pervade ten directions  
Khắp lợi tất cả chúng sanh giới.  
To benefit the realms of living beings  
Nhấn đến hư không thế giới tận  
Realms of worlds and empty space might  
reach an end  
Chúng sanh, nghiệp, và phiền não tận  
And beings, karma, and afflictions be  
extinguished  
Nhưng bốn pháp ấy không cùng tận  
But they never be exhausted  
Nguyện tôi rất ráo hằng vô tận.  
Neither will any of my vows  
Cõi nước vô biên khắp mười phương  
With myriads of jewels in boundless  
lands in all directions  
Trang nghiêm các báu cúng dường Phật  
I make decorations and offerings to the  
Thus Come Ones  
Sấm đò an lạc thí trời người  
I bring the foremost peace and joy and  
humans  
Trải kiếp vi trần luôn cúng thí.

For aeons as many as the motes of dust  
In lands, I always offer  
Nếu có người nơi nguyện vương này  
Yet, if one believes in these Kings of  
Vows supreme  
Một phen nghe liền sanh tín kính  
As they pass by the ear but a single time  
Mong cầu khát ngưỡng quả Bồ đề  
And if in search of Bodhi one thirstily  
Được công đức nhiều hơn tài thí.  
The merit and virtue gained will that  
surpass  
Nhờ đây thường xa các bạn ác  
With bad advisors forever left behind  
Thoát khỏi tất cả ba đường dữ  
From paths of evil, one departs forever  
Mau thấy đức Phật Vô Lượng Quang  
Soon to see the Buddha of Limitless Light  
Đầy đủ nguyện Phổ Hiền tối thắng.  
And perfect Samantabhadra's vows  
Người này thọ mạng được lâu dài  
Easily obtaining the blessings of long life  
Trong loài người ở bậc tôn quý  
Assured of a noble rebirth in the human  
realm  
Người này không lâu sẽ trọn nên  
Before long he'll perfect and complete  
Công hạnh như Phổ Hiền Bồ Tát.  
The practices of Universal Worthy  
Ngày trước do vì không trí huệ  
In the past, owing to a lack of wisdom  
power  
Tạo ra năm nghiệp vô gián ác  
The five unintermittent offenses of  
extreme evil I have done  
Chuyên tụng nguyện vương Phổ Hiền này  
By reciting the great Kings of Vows of  
Universal Worthy  
Tất cả tội ác mau tiêu diệt.  
In one thought can all be wiped away  
Sanh ra dòng họ cùng dung sắc  
His clan, race, and color,  
Tướng tốt, trí huệ đều đầy đủ  
Marks and characteristics, with his

wisdom are all perfected and completed  
 Các ma, ngoại đạo không phá được  
 Demons and externalists will have no  
 way to harm him  
 Kham làm phước điền cho ba cõi.  
 And he's worthy to receive the  
 offerings of the three realms  
 Mau đến cõi Bồ đề thọ vương  
 To the regal Bodhi tree he will quickly go  
 Ngồi an hàng phục các chúng ma  
 And seated there subdue hordes of  
 demons  
 Thành đạo chánh giác nói pháp mầu  
 Right and equally enlightened, he'll  
 Turn the Dharma wheel  
 Khắp lợi tất cả các hàm thức.  
 To benefit the host of living beings  
 Nếu người ở nơi mười nguyện này  
 If one holds on high Samantabhadra's  
 Vows and proclaims them by  
 Đọc, tụng, thọ trì và diễn nói  
 Reading, reciting, receiving and preaching  
 Quả báo chỉ Phật mới biết được  
 One's reward only the Buddhas will know  
 Quyết định sẽ được đạo Bồ đề.  
 And one will obtain Bodhi's highest path  
 Nếu người tụng nguyện Phổ Hiền này  
 If one recites Universal Worth's Vows  
 Tôi nói chút ít phần căn lành:  
 I will speak of a portion of his good roots  
 Trong một niệm thấy đều viên mãn  
 In a single thought he can perfect  
 Thành tựu chúng sanh nguyện thanh tịnh  
 The pure vows of sentient beings  
 Hạnh Phổ Hiền, thù thắng của tôi  
 The supreme and endless blessings  
 from Samantabhadra's conduct  
 Phước lớn vô biên đều hồi hướng  
 I now universally transfer  
 Khắp nguyện chúng sanh đang chìm đắm  
 May every living beings, drowning and  
 adrift  
 Mau sanh cõi Phật Vô Lượng Quang  
 Soon return to the land of Limitless Light !

Lúc Ngài Phổ Hiền đại Bồ tát ở trước đức  
 Như Lai nói bài kệ hạnh nguyện thanh tịnh  
 rộng lớn rồi, Thiện Tài đồng tử vui mừng vô  
 lượng, các Bồ Tát cũng đều hoan hỷ, đức Như  
 Lai khen rằng: “Lành thay! Lành thay!”

When Universal Worthy Bodhisattva  
 Mahasattva finished speaking before the Thus  
 Come One these pure verses on the Great  
 Kings of Vows of Universal Worthy, the youth  
 Good Wealth was overwhelmed with  
 boundless joy. All the Bodhisattvas were  
 extremely happy as well, and the Thus Come  
 One praised him, saying, “Good indeed, good  
 indeed!”

Bấy giờ, lúc đức Thế Tôn cùng hàng  
 Thánh chúng đại Bồ tát diễn nói Pháp môn  
 thù thắng cảnh giới giải thoát bất khả tư nghì  
 như vậy, ngài Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát làm  
 bậc thượng thủ trong các vị đại Bồ Tát và sáu  
 ngàn thầy tỳ kheo của ngài giáo hóa.

At that time, when the World Honored One  
 and the wise assembly of Bodhisattva-  
 Mahasattvas had proclaimed this Supreme  
 Dharma Door to the Inconceivable State of  
 Liberation, the Bodhisattva Manjusri was the  
 leader of the great Bodhisattvas and the six  
 thousand monks he had taught and brought to  
 maturity.

Đức Di Lặc Bồ Tát làm bậc thượng thủ  
 trong các vị đại Bồ tát ở Hiền Kiếp.  
 The Bodhisattva Maitreya was the leader  
 among the great Bodhisattvas of this Worthy  
 Era.

Đức Vô Cấu Phổ Hiền Bồ tát đứng đầu các  
 bậc nhất sanh trụ quán đẳng vị Bồ tát, cùng  
 với các vị đại Bồ Tát đông như số vi trần  
 trong các thế giới ở mười phương khắp đồng  
 đến nhóm hội.

The immaculate Bodhisattva Universal  
 Worthy was the leader of the great  
 Bodhisattvas who in one lifetime would  
 achieve Buddhahood and receive anointment.  
 This Bodhisattva also led the Bodhisattva-  
 Mahasattvas, numerous as the motes of dust in

all the worlds of the ten directions, who had gathered at the assembly.

Trong hàng đại Thinh Văn thì có ngài đại trí Xá Lợi Phất, ngài đại Mục Kiền Liên... làm thượng thủ . Cùng những hàng Trời, Người, các bậc chúa tể trong đời, bát bộ: Thiên long, dã xoa, càn thất bà, a-tu-la, ca-lâu-la, khẩn-na-la, ma-hầu-la-dà, nhơn, phi nhơn... tất cả đại chúng nghe Phật thuyết pháp đều rất vui mừng, đồng tín thọ phụng hành.

The great, wise Sariputra, Mahaudgalyayana and others headed the ranks of the great Sound Hearers. All the people, gods, and lords of all the worlds, as well as dragons, yakshas, gandharvas, asuras, garudas, kinnabras, mahoragas, humans, non-humans, and so forth, and the entire Great Assembly, upon hearing what the Buddha had said, all rejoiced, faithfully accepted it, and put it into practice.

Kinh Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật Đa:

Lư hương sạ nhiệt.

Incense heats up in the censer.

Pháp giới xông huân.

The fragrance permeates all space.

Chư Phật hải hội tất điều vẫn.

Buddhas in all universes are aware.

Tùy xứ kết tường vân.

Everywhere, there gathers auspicious clouds.

Thành ý phương ân.

Be sincere and solemn.

Chư Phật hiện toàn thân.

Buddhas appear in the midst of fragrant clouds.

Nam Mô Hương Vân Cái Bồ Tát Ma Ha Tát (3 lần).

Let's take refuge with the Bodhisattva in the cloud of incense (3 times).

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Let's take refuge with our teacher Sakyamuni Buddha.

## Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật

**Kinh**—The Vajracchedika Prajna Paramita Sutra—See Appendix G.

## Kinh Lễ Sáu Phương— Worship In The Six Directions Sutra

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Namo Sakyamuni Buddha

Nam Mô Dược Sư Lưu Ly Quang Vương Phật

Namo Bhaisajaguru Medicine Buddha

Nam Mô A Di Đà Phật

Namo Amitabha Buddha

Nam Mô Phổ Hiền Bồ Tát

Namo Bodhisattva Samantabhadra

Nam Mô Địa Tạng Vương Bồ Tát

Namo Bodhisattva Ksitigarbha

Nam Mô Hạ Sanh Di Lạc Tôn Phật

Namo Maitreya, the Future Buddha

Nam Mô Quán Thế Âm Bồ Tát

Namo Bodhisattva Avalokitesvara

Nam Mô Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát

Namo Bodhisattva Manjusri

Buổi sáng nọ, chàng Thiện Sanh

One morning, young Sigala

Mặc áo mũ, lễ Sáu phương

Dressed and well-groomed, prayed six directions

Phật hỏi rằng: “Lễ gì thế?”

The Buddha asked: “To what do you pray?”

Chàng mới kể:

He explained:

“Theo lời cha, thời lễ vậy.”

“Father said, every morning, pray like this.”

Phật bèn dạy:

The Buddha taught:

“Người hiểu lầm, lễ tại tâm.”

“You are wrong, sincere pray is in heart.”

Người nên biết:  
You should know:  
“Sáu ác nghiệp, trừ ngay đi!”  
“The six evil karmas, cease them now!”  
Đừng rượu chè, chớ cờ bạc  
No to drink, not to bet  
Đừng biếng nhác, chớ bạn xằng  
Not to loaf, no bad friends  
Đừng nói nhăng, chớ gian ác  
Not to gossip, not to cheat  
Trừ sáu ác, lễ sáu phương  
Reject these wrongs, pray six ways  
Kẻ bất lương, lễ vô bổ  
Wrong-doers, pray uselessly  
Nên biết rõ, tu cõi lòng!  
You should know, how to cultivate your mind!  
1) Lễ phương Đông  
Pray to East  
Là Cha mẹ, giữ đủ lễ  
For Parents, keep to rules  
Sớm cùng khuya, có việc gì,  
Dawn to dusk, do your chores,  
Phải làm đỡ, phải thương nhớ đến song thân.  
Always help out, love them both mom and dad.  
Khi yếu đau, phải chạy chữa.  
When they are ill, find them a cure.  
Chăm sóc kỹ, yên lòng già.  
Take care of them well in old age.  
Làm cha mẹ, cho trọn đạo:  
Parents too, fulfill duties:  
Nên dạy bảo, theo điều lành  
Teach and guide, the right way  
Nên dỗ dành, gần người giỏi  
Should coax child, to play with good  
Khuyên gắng giỏi, chăm học hành  
Make child try to study well  
Tuổi trưởng thành, tìm đôi lứa  
When at age, help them with marriage  
Dựng nhà cửa, dạy làm ăn  
Build them home, teach them work.  
2) Lễ Nam phương  
Pray to South:  
Là sư đệ, phải kính nể, phải nghe lời

For teacher, show respect, and obey  
Học chớ lười, làm chớ ngại  
Strive for best, be earger.  
Phải khen ngợi, công đức Thầy  
You must praise, the Teacher's efforts.  
Đạo làm Thầy, cũng không dễ  
Be a teacher, is so hard  
Phải chăm chỉ, dạy cho mau  
Be hard-working, teach quickly  
Mong trò sau, thành người giỏi.  
Hope students, accomplish well.  
Học tấn tới, hơn trò người  
Study well, better than others  
Cố trau dồi, hiểu đạo lý  
With your ability, make them know  
Những nghi nghĩa, vạch cho hay  
Explain doubtful points fluently.  
3) Lễ phương Tây  
Pray to West  
Là chồng vợ,  
For spouses  
phải niềm nở, lúc chồng đi về  
Be cheerful to husband, when husband leaves  
and returns  
Lo gia chánh  
Take care of home  
Nét trinh tĩnh  
Be faithful  
Lòng chuyên chính  
Be loyal  
Có của riêng, đừng tư túi  
Share all thing, not for self  
Chồng giận đối, phải ôn tồn  
When he's mad, don't hold a grudge.  
Chồng khuyên ngăn, phải phục tùng  
When he's corect, should listen  
Phải sẵn sóc, việc trong ngoài  
Take care of household  
Chồng ngủ rồi, mới đi ngủ.  
When he sleeps, then you sleep.  
Chồng đối vợ, có nhân nghĩa  
Husband rules, should be kind  
Khi đi về, phải chào hỏi  
When wife leaves and returns, then greet her

Ăn đúng buổi, nghỉ đúng giờ  
Eat when time, sleep when time  
Để vợ mình, khỏi phiền lòng  
So that wife won't worry  
Sắm cho vợ, tùy lực mình  
Buy her things to your best  
Áo quần lành, trang sức đủ  
Purchase clothes and jewelry.  
Giao cho vợ, giữ tiền tài  
Give her charge of income  
Cùng tiêu xài, không dấu diếm  
Both spend funds, don't hide it.  
Tình âu yếm, trong thủy chung  
Always love her, from start to end  
Không hai lòng, với kẻ khác  
Be faithful, have one wife.  
4) Lễ phương Bắc  
Pray to North  
Là bầu bạn, răn nhắc nhau  
For friends, explain faults  
Tránh điều dữ  
Avoid wrongs  
Phải giúp đỡ, lúc tai nạn  
Aid friends, when in need  
Nghĩa keo sơn, ngày gắn chặt  
Know burden to others  
Thường thân mật, viếng thăm nhau  
Keep in touch, don't forget  
Chuyện riêng nhau, đừng tiết lộ  
Private things, don't disclose  
Giàu giúp của, khỏe giúp công  
If rich give poor, if strong give hand  
Cam khổ đồng, thù tạc hậu  
Share the joys and sorrows  
Đừng oán cáu, chớ tham ô  
Erase temper and avarice.  
Mối thù hiềm, nên dứt dứt  
Once angered always forgive  
5) Lễ xuống đất  
Pray to Ground  
Là tớ thầy, trước khi sai  
For bosses, when command  
Xem sức đã  
See if able

Có tội quá, đừng phạt ngay  
If at fault, delay rage  
Xét gian ngay, cân nặng nhẹ  
Look at fault, weigh motives  
Lượng tình lý, gồm nhu cương  
Recall traits, ease sentence  
Khi ốm đau, phải thương xót  
When he is ill, be caring  
Cấp thang thuốc, không tiếc gì  
Give him drugs, don't regret  
Thưởng vật chi, không thiên lệch  
Reward god, favor none.  
Của tích trữ, nó có riêng  
Possessions, his to keep  
Phải phân minh, không đoạt thủ  
Keep separate, take them not  
Ở với chủ, hết đạo tôi  
For worker  
Sáng sớm mai, dậy trước chủ  
Rise early, before boss  
Việc phận sự, phải hết lòng  
Complete tasks, best you can  
Đồ ăn dùng, đừng hao phí  
Food you eat, do not waste  
Phải kính nể, phải chào mời  
Have respect, greet master  
Khen ngợi người, chớ báng nhiếc  
Compliment, not degrade.  
6) Lễ lên Trời  
Pray to Sky  
Tin theo lời, lòng thành thật  
Follow thoughts, of true hearts  
Bảo các việc, phải vâng làm  
You listen and follow  
Nên biết ham, nghe đạo lý  
Be eager of knowledge  
Nghe mà nghĩ, nghĩ mà tu  
Hear but know, know but do  
Pháp Phật mầu, hỏi cho vỡ  
Deep concepts, require search  
Bậc trí giả, phải dạy người  
For sages, teach others  
Dạy lễ nghi, không phóng túng  
Preach moral, not to be free.



Thương các giống, cứu chúng sanh  
 Love all things, save all beings  
 Dạy “thanh tịnh,” dạy “bố thí.”  
 Show them peace, teach them giving  
 Dạy “định lòng,” dạy “trì giới.”  
 Teach them “ease at heart,” act in “rules.”  
 Dạy ít nói, mà chăm làm  
 Reticence, be hard-working  
 Dạy “phát tâm,” cầu “Tịnh độ.”  
 Teach them “vow,” contentment to Pure Land.  
 Sáu điều đó, làm được ra  
 These six guides, once mastered  
 Ấy tức là, phép lễ bái.  
 You have reached, end of prayer.  
 Thiện Sanh lạy, xin quy-y  
 Sigala bowed, asked three refuges  
 Phật vỗ vè, đọc câu kệ:  
 Buddha consoled him and said:  
 Đừng ngủ trễ, sáng dậy ngay  
 Don't sleep late, rise early  
 Chắp hai tay, dâng hương nước  
 Clasp both hands, prepare pray  
 Cúng dâng trước, phát nguyện sau:  
 First Buddha, wish later:  
 Bốn ân sâu, lo báo bổ  
 Be thankful of the past  
 Phép “Lục Độ,” phải cần tu  
 These six paramitas, must practice  
 Trừ “si ngu,” thành “trí tuệ.”  
 Don't be dark, then things clear  
 Chăm “Bố thí,” hết tham tàng.  
 Learn to “give,” no more greed.  
 Trừ “hờn giận,” thành “kiên nhẫn.”  
 Hold temper, be patience  
 Chăm “tinh tấn,” hết “lỗi lầm.”  
 If you try, you won't fail.  
 Trừ “phóng tâm,” thành “thiền định.”  
 Do not wander, you will be free  
 Đừng lười lĩnh, thì giờ qua  
 Lazy not, time passes fast  
 “Sanh, lão, bệnh, tử” khổ  
 Born, sick, age, death is last.  
 Đời người thọ, được bao lâu ?  
 Life is dear, it is short.

Thân thích đâu, khi hấp hối  
 Where's kinsman, when you die  
 Thuốc nào khỏi, vô phương trốn  
 There is no cure, or can hide  
 Khách qua đường, ra quán trọ  
 Life is like, a crossing  
 Nào con vợ, nào mẹ cha  
 Like child wife, like mon dad  
 Vừa một nhà, phút đôi ngã  
 Live unite, die and part  
 Như thế cả, cảnh vô thường  
 Life is that, constant change  
 Trang sáu đường, luân hồi mãi  
 In six roads, life is that  
 Nay mai lại, được làm người  
 Maybe for now, you are born a man  
 Biết đạo hay, tu mà độ  
 Good Buddha, brings success  
 Độ mình trước, độ người sau  
 Help self first, then others  
 Vượt bể sâu, thuyền “Lục Độ.”  
 Conquer bad, boat search near  
 Bến “Lạc thổ,” A Di Đà  
 Buddha's land, Amitabha  
 Tiếp dẫn ta, mở đường ra  
 Helps mankind, opens path.  
 Hỡi tứ chúng! Nên cầu sang  
 Everybody! Pray for this!  
 Phật dạy chàng, chàng nghe Phật  
 Buddha taught, he listens  
 Mừng nhảy nhót, mà tin theo  
 Then rejoiced: Enlightened.

## Tâm Kinh (Bát Nhã Tâm

**Kinh):** Prajnaparamita Hridaya Sutra--The  
 sutra of the heart of prajna—One of the  
 smallest, but the most vital portion in the Vast  
 Prajnaparamita—Bát Nhã Tâm Kinh---The  
 Heart of Prajna Paramita Sutra:

\*\*Quán Tự Tại Bồ Tát hành thâm Bát Nhã  
 Ba La Mật Đa thời, chiếu kiến ngũ uẩn giai

không, độ nhứt thiết khổ ách---Bodhisattva Avalokiteshvara was practicing the profound Prajna Paramita, he illuminated the five skandhas and saw that they are all empty, and he crossed beyond all sufferings and difficulties.

\*\*Xá Lợi Tử ! Sắc bất dị không, không bất dị sắc; sắc tức thị không, không tức thị sắc; thọ, tưởng, hành, thức diệc phục như thị---Shariputra ! form does not differ from emptiness, emptiness does not differ from form; form itself is emptiness, emptiness itself is form; so too are feeling, cognition, formation and consciousness.

\*\*Xá Lợi tử ! Thị chư pháp không tướng, bất sanh, bất diệt, bất cấu, bất tịnh, bất tăng, bất giảm---Shariputra ! All Dharmas are empty of characteristics. They are not produced, not destroyed, not defiled, not pure, and they neither increase nor diminish.

\*\*Thị cố không trung vô sắc, vô thọ, tưởng, hành, thức, vô nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý; vô sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; vô nhãn giới, nãi chí vô ý thức giới, vô vô minh, diệc vô vô minh tận, nãi chí vô lão tử, diệc vô lão tử tận; vô khổ, tập, diệt, đạo; vô trí diệc vô đắc---Therefore, in emptiness there is no form, feeling, cognition, or consciousness; no eyes, ears, nose, tongue, body, or mind; no sights, sounds, smells, tastes, objects of touch, or Dharmas; no field of the eyes up to and including no field of mind consciousness and no ignorance or ending of ignorance, up to and ending no old age and death or ending of old age and death. There is no suffering, no accumulating, no extinction, and no way, and no understanding and no attaining.

\*\*Dĩ vô sở đắc cố, Bồ Đề Tát Đỏa y Bát Nhã Ba La Mật Đa cố, tâm vô quái ngại; vô quái ngại cố, vô hữu khủng bố, viễn ly điên đảo mộng tưởng, cứu cánh Niết Bàn Tam Thế chư Phật y Bát Nhã Ba La Mật Đa cố, đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề---Because nothing is attained, the Bodhisattva through

reliance on Prajna Paramita is unimpeded in his mind. Because there is no impediment, he is not afraid and he leaves distorted dream-thinking far behind. Ultimately Nirvana ! All Buddhas of three periods of time attain anuttarasamyak-sambodhi through reliance on the Prajna Paramita.

\*\*Cố tri Bát Nhã Ba La Mật Đa, thị đại thần chú, thị đại minh chú, thị vô thượng chú, thị vô đẳng đẳng chú, năng trừ nhứt thiết khổ, chơn thiệt bất hư---Therefore, know that Prajna Paramita is a great spiritual mantra, a great bright mantra, a supreme mantra, an unequalled mantra. It can remove all suffering: It is genuine and not false.

\*\*Cố thuyết Bát Nhã Ba La Mật Đa chú, tức thuyết chú viết---That is why the mantra of Prajna Paramita was spoken. Recite it like this:

\*\*Yết đế yết đế, Ba La Yết đế, Ba la tăng yết đế Bồ đề Tát bà ha ! Gate Gate Paragate Parasamagate Bodhi Svaha ! (3 times).

Maha Prajna Paramita (3 times).

**Kinh Từ Thiện:** Metta-Sutta (p)—Maitri-Sutra (skt)—Kinh nói về lòng từ thiện soạn bởi trường phái Phật giáo Tiểu thừa. Đây là một trong những bản văn được biết rộng rãi nhất của Theravada và được tụng tụng của trường phái này trì tụng mỗi ngày---Sutra on Kindness composed by the Hinayana school. It is one of the most popular texts of the Theravada and recited daily by monks, nuns and lay people in this school. The texts says:

“Đây là những gì nên làm của những kẻ khôn ngoan, đi tìm giải thoát, và biết thực nghĩa của nơi yên tĩnh—Người đó phải kiên quyết, ngay thẳng và thật thà; trong khi vẫn dịu dàng, chăm chú và trừ bỏ mọi kiêu hãnh; người đó luôn sống đạm bạc và dễ bằng lòng, khiêm nhường, chăm chỉ vừa phải, nhưng thông minh và luôn làm chủ được các giác

quan---Còn về chuyện gia đình thì không có tham vọng lớn, dễ hài lòng, không mãi miết trong những mục đích xấu. Để cho tha nhân, các vị hiền triết phải tự trách mình. Phải cầu cho mọi người được yên bình hạnh phúc, cầu cho tất cả được hoàn toàn hạnh phúc. Cầu cho mọi sanh linh, đang vận động hay đang nằm im, đang bò hay đang bay, nhỏ hay vừa, khỏe hay ốm, hữu hình hay vô hình, gần hay xa, đã thọ sanh hay vẫn còn nằm trong thai, tất cả đều được hạnh phúc! Cầu cho người đó đừng bao giờ trêu chọc người khác. Hãy đừng bao giờ lừa gạt ai hay khinh miệt ai! Hãy đừng bao giờ bị thúc đẩy bởi oán giận hay hận thù để rồi tự mình gây ra lầm lỗi! Giống như một người mẹ che chở cho đứa con, đứa con độc nhất bằng cả cuộc đời. Đối với tất cả phải giữ gìn cho lòng mình tránh mọi ngăn cách. Bày tỏ lòng từ thiện với tất cả mọi người, giữ cho tinh thần mình không thành kiến, không hẹp hòi với trên, dưới và với xung quanh. Không một chút thù hận và đối địch. Đứng, ngồi, nằm hay đi. Dù đấu tranh chống sự yếu mềm như thế nào, cũng cố giữ lấy tinh thần. Thái độ này được coi là lối sống Thánh thần trên mặt đất. Tránh sa vào tà thuyết, cố giữ lấy giới luật và thiền định cho trí tuệ triển khai, chiến thắng những cơn khao khát đòi hỏi khoái lạc. Thì không còn tái sanh lần nào nữa trong bụng mẹ---This is what should be done by a man who is wise, who seeks the good, and know the meaning of the place of peace. Let him be strenuous or determined, upright, and truly straight. Let him not be submerged by the things of the world, free of cares (đạm bạc) and easily contented and joyous—Let his sense be controlled. Let him not desire great possessions even for his family. Let him do nothing that is mean or that the wise would reprove. May all beings be happy and at their ease ! May they be joyous and live in safety! All beings whether weak or strong, in high, middle or low realms of existence, small or great, visible or invisible, near or far away,

born or to be born—May all beings be happy at their ease! Let none deceives another, or despites any beings in any states! Let none be anger or ill-will wish harm to another! Even as a mother watches over and protects her child, her only child , so with a boundless mind should one cherish all living beings, radiating friendliness over the entire world, above, below, and all around without limit. So let him cultivate a boundless good will towards the entire world, uncramped, free from ill-will or enmity. Standing or walking, sitting or lying down, during all his walking hours, let him establish this mindfulness of goodwill, which men call the highest state. Abandoning vain discussions, having a clear vision, free from sense appetites, he who is made perfect will never again know rebirth.

**Kinh Vu Lan Bồn:** The Ullambana Sutra—Kinh được Ngài Trúc Pháp Hộ dịch sang Hán tự—The sutra was translated into Chinese by Dharmaraksa--Xem Vu Lan Bồn in Vietnamese-English Section and Ullambana in Pali/Sanskrit Section.

\*\*Phật thuyết Kinh Vu Lan Bồn—The Buddha speaks the Ullambana Sutra:

\*\*Nam Mô Vu Lan Hội Thượng Phật Bồ Tát—Namo Homage to The Ullambana Assembly of Buddhas and Bodhisattvas (3 times).

\*\*Ta từng nghe lời tạc như vậy:

Một thuở nọ Thế Tôn an trụ,  
Xá Vệ thành Kỳ-thụ viên trung,  
Mục Liên mới đặng lục thông,  
Muốn cho cha mẹ khỏi vòng trầm luân.  
Công dưỡng dục thâm ân dốc trả,  
Nghĩa sanh thành đạo cả mong đền,  
Làm con hiếu hạnh vi tiên,  
Bèn dùng huệ nhãn dưới trên kiểm tầm.

---Thus I have heard, at one time, the Buddha dwelt at Shravasti in the Garden of the Benefactor of Orphans and the Solitary. Mahamaudgalyayana had just obtained the six penetrations and wished to cross over his father and mother to repay their

kindness for raising him. Thus using his wisdom eye to search for his deceased parents.

\*\*Thấy vọng mẫu sanh làm nga quý,  
Không uống ăn tiêu tụy hình hài.  
Mục Liên thấy vậy bi ai,  
Biết mẹ đói khát ai hoài tình thâm.  
Lo phẩm vật đem dâng từ mẫu,  
Đặng đỡ lòng cực khổ bấy lâu.  
Thấy cơm mẹ rất lo âu,  
Tay tả che đậy, hữu hữu bốc ăn,  
Lòng bồn xén tiền căn chưa dứt,  
Sợ chúng ma cướp giựt của bà.  
Cơm đưa chưa tới miệng đà,  
Hóa thành than lửa nuốt mà đặng đâu.

He regarded the world and saw that his deceased mother had been born among the hungry ghosts, having neither food nor drink, she was but skin and bones. Mahamaudgalyayana felt deep pity and sadness, filled a bowl with food and went to provide for his mother. She got the bowl, screened it with her left hand, and with her right hand she made the first fist of food. But before it entered her mouth, it turned into burning coals which could not be eaten.

\*\*Thấy như vậy âu sâu thâm,  
Mục Kiền Liên bi cảm xót thương,  
Mau mau về đến giảng đường,  
Bạch cùng sư phụ tìm phương giải nạn.  
Phật mới bảo rõ ràng căn cội,  
Rằng mẹ ông gốc tội rất sâu.  
Dầu ông thần lực nhiệm mầu,  
Một mình không thể ai cầu được đâu.  
Lòng hiếu thảo của ông dầu lớn,  
Tiếng vang đồn thấu đến Cửu Thiên,  
Cùng là các bậc Thần Kỳ  
Tà ma ngoại đạo bốn vì Thiên Vương.  
Cộng ba cõi sáu phương tu tập,  
Cũng không phương cứu tế mẹ người.

--Mahamaudgalyayana called out and wept sorrowfully, and hastened to return to the Buddha to set forth all of this. The Buddha said: "Your mother's offences are deep and firmly rooted. You alone do not have enough power. Although your filial sounds move heaven and earth, the Heaven spirit, the Earth spirit, Twisted demons, and Those outside the way, Brahmans, and the Four Heavenly King Gods are also without sufficient strength.

\*\*Muốn cho cứu đặng mạng người.

Phải nhờ thần lực của mười phương Tăng

Pháp cứu tế ta toan giải nói,  
Cho mọi người thoát khỏi ách nần,  
Bèn kêu Mục Thị đến gần,  
Truyền cho diệu pháp ân cần thiết thi.  
Rằm tháng bảy là ngày Tự Tứ,  
Mười phương Tăng đều dự lễ này,  
Phải toan sắm sửa chớ chầy,  
Đồ ăn trăm món trái cây năm màu,  
Lại phải sắm giường nằm nệm lót,  
Cùng thau, bồn, đèn, đuốc, nhang, dầu.  
Món ăn tinh sạch báu mầu,  
Đựng trong bình bát vọng cầu kính dâng  
Chư Đại Đức mười phương thọ thực,  
Trong bảy đời sẽ đặng siêu thăng.  
Lại thêm cha mẹ hiện tiền,  
Đặng nhờ phước lực tiêu khiên ách nần  
Vì ngày ấy Thánh Tăng đều đủ,  
Dầu ở đâu cũng tụ hội về.  
Như người Thiên định sơn Khê,  
Tránh điều phiền não chằm về thiền na  
Hoặc người đặng bốn tòa đạo quả,  
Công tu hành nguyện thỏa vô sanh  
Hoặc người thọ hạ kinh hành,  
Chẳng ham quyền quý ẩn danh lâm tông  
Hoặc người đặng lục thông tấn phát,  
Và những hàng Duyên Giác, Thanh văn  
Hoặc chư Bồ Tát mười phương,  
Hiện hình làm sãi ở gần chúng sanh  
Đều trì giới rất thanh rất tịnh,  
Đạo đức đầy chánh định chơn tâm.  
Tất cả các bậc Thánh Phạm,  
Đồng lòng thọ lãnh bát cơm lục hòa,  
Người nào có sắm ra vật thực,  
Đặng cúng dường Tự tứ Tăng thời,  
Hiện tiền phụ mẫu của người  
Bà con quyến thuộc thấy đều nhờ ơn,  
Tam đồ khổ chắc rằng ra khỏi  
Cảnh thanh nhàn hưởng thọ tự nhiên.  
Như còn cha mẹ hiện tiền,  
Nhờ đó cũng đặng bá niên thọ trường.  
Như cha mẹ bảy đời quá vãng,  
Sẽ hóa sanh về cõi Thiên cung,  
Người thời tuấn tú hình dung,  
Hào quang chiếu sáng khắp cùng châu  
thân.

---The awesome spiritual power of the Assembled Sangha of the ten directions is necessary for liberation to be attained. I shall now speak a Dharma of rescue which causes all those in

difficulty to leave worry and suffering, and to eradicate obstacles from offenses. The Buddha told Mahamaudgalyayana: “The fifteen day of the seventh month is the Pravara Day for the Assembled Sangha of the ten directions. For the sake of Fathers and Mothers of seven generations past, as well as for fathers and mothers of the present who are in distress, you should prepare an offering of clean basins full of hundreds of flavors and five fruits, and other offerings of incense, oil, lamp, candles, beds, and bedding, all the best of the world, to the Greatly Virtuous Assembled Sangha of the ten directions. On that day, all the Holy Assembly, whether in the Mountains practicing Samadhi, or obtaining the Four Fruits (levels) of the Way, or walking beneath trees, or using the Independence of the Six Penetrations, to teach and transform. Sound Hearers and those Enlightened to Conditions, or provisionally manifesting as Bhikhus when in fact they are Great Bodhisattvas on the Tenth Ground. All complete in pure precepts and oceanlike virtue of the Holy Way, should gather in a Great Assembly and all of like mind receive the Pravara Food. If one thus makes offerings to these Pravara Sangha, one’s present father and mother, parents of the seven generations, as well as the six kinds of close relatives, will escape from the three paths of sufferings, and at that time attain release. Their clothing and food will spontaneously appear. If the parents are still alive, they will have wealth and blessing for a hundred years. Parents of seven generations will be born in the Heavens. Transformationally born, they will independently enter the celestial flower light, and experience limitless bliss.

\*Phật dạy bảo mười phương Tăng chúng,  
Phải tuân theo thể thức sau này,  
Trước khi thọ thực đàn trai,  
Phải cầu chú nguyện cho người tín gia.  
Cầu thất thế mẹ cha thí chủ,  
Định tâm thần quán đủ đờng quên,  
Cho xong ý định hành thiền,  
Mới dùng phẩm vật đàn tiền hiến dâng.  
Khi thọ dụng nên an vật thực,  
Trước Phật đài hoặc tự tháp trung,  
Chư Tăng chú nguyện viên dung,  
Sau rồi tự tiện thọ dùng bữa trưa.  
Pháp cứu tế Phật vừa nói dứt,  
Mục Liên cùng Bồ Tát chư Tăng,

Đồng nhau tỏ dạ vui mừng,  
Mục Liên cũng hết khóc thương buồn rầu  
Mục Liên mẫu cũng trong ngày ấy,  
Kiếp khổ về nga quỷ được tan.

--At that time the Buddha commanded the Assembled Sangha of the ten directions to recite Mantras and Vows for the sake of the donor’s family, for parents of seven generations. After practicing Dhyana concentration, they then may accept the food. When first receiving the basin, place it before the Buddha in the stupa. When the Assembled Sangha has finished the Mantras and Vows, then they may accept it. At that time the Bhikhsu Maudgalyayana and the Assembly of Great Bodhisattvas were all extremely delighted and the sorrowful sound of Maudgalyayana’s crying ceased. Also at that time Maudgalyayana’s mother obtained liberation from the kalpa of suffering as a hungry ghost.

\*Mục Liên bạch với Phật rằng:  
Mẹ con nhờ sức Thánh Tăng khỏi nạn,  
Lại cũng nhờ oai thần Tam Bảo,  
Bằng chẳng thì nạn khổ khó ra.  
Như sau đệ tử xuất gia,  
Vu Lan Bồn pháp dùng mà độ sanh.  
Độ cha mẹ còn đương tại thế,  
Hoặc bảy đời có thể đặng không ?  
Phật rằng: “Lời hỏi rất thông,  
Ta vừa muốn nói con thì hỏi ngay.  
Thiện nam tử, tỳ kheo nam nữ,  
Cùng quốc vương, thái tử, đại thần,  
Tam công, tể tướng, bá quan,  
Cùng hàng lê thứ vạn dân cõi trần.  
Như chí muốn đền ơn cha mẹ,  
Hiện tại cùng thất thế tình thâm,  
Đến rằm tháng bảy mỗi năm,  
Sau khi kiết hạ chư Tăng tụ về.  
Chính ngày ấy Phật đà hoan hỷ,  
Phải sắm sanh bá vị cơm canh,  
Đựng trong bình bát tinh anh,  
Chờ giờ Tự tứ chúng Tăng cúng dường,  
Đặng cầu nguyện song đường trường thọ  
Chẳng ốm đau cũng chẳng khổ chi,  
Cùng cầu thất thế đồng thì,  
Lìa nơi nga quỷ, sanh về nhơn, Thiên.  
Đặng hưởng phước nhân duyên vui đẹp,  
Lại xa lìa nạn khổ cực thân.  
Môn sanh Phật tử ân cần,  
Hạnh tu hiếu thiện phải cần phải chuyên.

Thường cầu nguyện bá gia an hảo,  
Cùng bảy đời phụ mẫu siêu sanh.  
Ngày rằm tháng bảy mỗi năm,  
Vì lòng hiếu thảo ơn thâm phải đền.  
Lễ cứu tế chí thành sắp đặt,  
Ngõ cúng dường chư Phật chư Tăng.  
Ấy là báo đáp thù ân,  
Sanh thành dưỡng dục song thân buổi đầu  
Đệ tử Phật lo âu gìn giữ,  
Mới phải là Thích tử Thiên môn.”  
Vừa nghe dứt pháp Lan Bồn,  
Môn sanh tử chúng thấy đồng hỷ hoan.  
Mục Liên với bốn ban Phật tử,  
Nguyện một lòng tín sự phụng hành.  
Nam Mô Đại Hiếu Mục Kiền Liên Bồ  
Tát Ma Ha Tát (3 lần).

--Maudgalyayana addressed the Buddha and said: “This disciple’s parents have received power of merit and virtue of the Triple Jewel, because of the awesome spiritual power of the Assembled Sangha. If in the future the Buddha’s disciples practice filiality by offering up the Ullambana basins, will they be able to cross over their present parents as well as those of the seven generations in the past? The Buddha replied: “Good indeed, I am happy you ask this question. I just wanted to speak about that and now you have also asked about it. Good man, if Bhikshus, Bhikshunis, Kings, Crown Princes, Great Ministers, Great Officials, Cabinet Members, the hundreds of Officers, and the Tens of thousands of Citizens wish to practice compassionate filial conduct, for the sake of the parents who bore them, as well as for the sake of fathers and mothers of seven lives past, on the fifteenth day of the seventh month, the day of the Buddha’s delight, the day of the Sangha’s Pravarana, they should place hundreds of flavors of foods in the Ullambana basins, and offer them to the Pravarana Sangha of the ten directions. They should vow to cause the length of life of the present father and mother to reach a hundred years without illness, without sufferings, afflictions, or worries, and also vow to cause seven generations of fathers and mothers to leave the sufferings of the hungry ghosts, to be

born among Men and Gods, and to have blessings and bliss without limit.” The Buddha told all good men and good women, “Those disciples of the Buddha who cultivate filial conduct should in thought after thought, constantly recall their present fathers and mothers when making offerings, as well as the fathers and mothers of seven lives past. Every year, on the fifteenth day of the seventh month, they should always, out of filial compassion, recall their parents who bore them and those of seven lives past. And for their sakes perform the offering of the Ullambana basin to the Buddha and the Sangha and thus repay the loving kindness of the parents who raised and nourished them. All Buddhas’ disciples should respectfully receive this Dharma.

At that time the Bhikshu Maudgalyayana and the Four-fold Assembly of Disciples, hearing what the Buddha said, practiced it with delight. Namo Great Filial Maudgalyayana Bodhisattva ! (3 times).

### **Châm Ngôn Tục Ngữ—Precepts and Proverbs:**

Đừng làm chuyện trái ngược: Don’t put the cart before the horse.

Giọt nước cuối cùng làm tràn ly: The last straw that breaks the camel’s back.

Hạnh phúc thay những kẻ biết hưởng vận thịnh cũng như biết chịu đựng lúc vận suy: Happy is the man who can endure with equanimity the highest and the lowest fortune.

Đừng tin những đũa ngói lê đôi mách: Put no faith in tale-bearers.

Hãy khen tặng các bạn anh trước công chúng và khiển trách họ ở trong nhà: Admonish your friends in private, praise them in public.



# **Appendix B**

**Kinh Pháp Cú**

**The Dhammapada Sutta**





## The Dhammapada Sutta: Kinh Pháp Cú

### I. PHẨM SONG YẾU—THE TWIN VERSES

1. Trong các pháp, tâm dẫn đầu, tâm là chủ, tâm tạo tác tất cả. Nếu đem tâm ô nhiễm nói năng hoặc hành động, sự khổ sẽ theo nghiệp kéo đến như bánh xe lăn theo chân con vật kéo xe—Of all dharmas, mind is the forerunner, mind is chief. We are what we think, we have become what we thought (what we are today came from our thoughts of yesterday). If we speak or act with a deluded mind or evil thoughts, suffering or pain follows us, as the wheel follows the hoof of the draught-ox.
2. Trong các pháp, tâm dẫn đầu, tâm làm chủ, tâm tạo tác tất cả. Nếu đem tâm thanh tịnh tạo nghiệp nói năng hoặc hành động, sự vui sẽ theo nghiệp kéo đến như bóng với hình—Of all dharmas, mind is the forerunner, mind is chief. We are what we think, we have become what we thought. If we speak or act with a pure mind or thought, happiness and joy follows us, as our own shadow that never leaves.
3. “Người kia lăng mạ tôi, đánh đập tôi, phá hại tôi, và cướp đoạt của tôi.” Ai còn ôm ấp tâm niệm ấy, thì sự oán hận không thể nào dứt hết—“He abused me, he beat me, he defeated me, he robbed me.” Hatred will
- never leave those who dwell on such thoughts.
4. “Người kia lăng mạ tôi, đánh đập tôi, phá hại tôi, và cướp đoạt của tôi.” Ai bỏ được tâm niệm ấy, thì sự oán giận tự nhiên san bằng—“He abused me, he hit me, he defeated me, he robbed me.” Hatred will leave those who do not harbor such thoughts.
5. Ở thế gian này, chẳng phải hận thù trừ được hận thù, chỉ có từ bi mới trừ được hận thù. Đó là định luật của ngàn xưa—In this world, hatred never destroys (eliminates) hatred, only love does. This is an eternal law.
6. Người kia vì không hiểu rằng: “Chúng ta sắp bị hủy diệt, nên mới phí sức tranh luận hơn thua. Nếu họ hiểu rõ điều đó, thì chẳng còn tranh luận nữa.”—Some never sees that everybody perishes in any argument. Those who realize this, do not argue.
7. Những người chỉ muốn sống trong khoái lạc, không chịu nhiếp hộ các căn, ăn uống vô độ, biếng nhác chẳng tinh cần, họ là người dễ bị ma nhiếp phục như cành mềm trước cơn gió—Those who only want to live with pleasant things, with senses unrestrained, in food immoderate, indolent, inactive, are quickly overthrown by the mara as a weak tree breaks before a big wind.
8. Những người nguyện ở trong cảnh chẳng khoái lạc, khôn khéo nhiếp hộ các căn, uống ăn tiết độ, vững tin và siêng năng, ma không dễ gì thắng họ, như gió thổi núi đá—Those who

- contemplate “impurities,” with senses restrained, moderate in food, faithful and active, mara cannot overthrow him as it’s impossible for the wind to overthrow a rocky mountain.
9. Mặc áo cà sa mà không rời bỏ những điều uest trước, không thành thật khắc kỷ, thà chẳng mặc còn hơn—Wearing a yellow saffron robe with an impure mind. What will the robe do if truthfulness is lacking and discipline or self-control is denied?
  10. Rời bỏ những điều uest trước, giữ gìn giới luật tinh nghiêm, khắc kỷ và chân thành, người như thế đáng mặc áo cà sa—He who drops all stain, stands on virtue, learns discipline and speaks the truth. Then the yellow robe will fit him.
  11. Hảo huyền mà tưởng là chơn thật, chơn thật lại thấy là phi chơn, cứ tư duy một cách tà vạy, người như thế không thể nào đạt đến chơn thật—In the untruth the foolish see the truth, while the truth is seen as the untruth. Those who harbor such wrong thoughts never realize the truth.
  12. Chơn thật nghĩ là chơn thật, phi chơn biết là phi chơn, cứ tư duy một cách đúng đắn, người như thế mới thật chứng được chơn thật—What is truth regarded as truth, what is untruth regarded as untruth. Those who harbor such right thoughts realize the truth.
  13. Nhà lợp không kín ất bị mưa dột thế nào, kẻ tâm không tu tất bị tham dục lọt vào cũng thế—As rain penetrates and leaks into an ill-thatched hut, so does passion enter an untrained mind (uncultivated mind).
  14. Nhà khéo lợp kín ất không bị mưa dột, kẻ tâm khéo tu tất không bị tham dục lọt vào—As rain does not penetrate a well-thatched hut, so does passion not enter a cultivated mind.
  15. Ở chỗ này ăn năn, tiếp ở chỗ khác cũng ăn năn, kẻ làm điều ác nghiệp, cả hai nơi đều ăn năn; vì thấy ác nghiệp mình gây ra, kẻ kia sanh ra ăn năn và chết mòn—The evil-doer grieves in this world and in the next; he grieves in both. He grieves and suffers when he perceives the evil of his own deeds.
  16. Ở chỗ này vui, tiếp ở chỗ khác cũng vui; kẻ làm điều thiện nghiệp, cả hai nơi đều an vui; vì thấy thiện nghiệp mình gây ra, người kia sanh ra an lạc và cực lạc—The virtuous man rejoices in this world, and in the next. He is happy in both worlds. He rejoices and delights when he perceives the purity of his own deeds.
  17. Ở chỗ này than buồn, tiếp ở chỗ khác cũng than buồn, kẻ gây điều ác nghiệp, cả hai nơi đều than buồn: nghĩ rằng “tôi đã tạo ác” vì vậy nên nó than buồn. Hơn nữa còn than buồn vì phải đọa vào cõi khổ—The evil man suffers in this world and in the next. He suffers everywhere. He suffers whenever he thinks of the evil deeds he has done. Furthermore he

suffers even more when he has gone to a woeful path.

18. Ở chỗ này hoan hỷ, tiếp ở chỗ khác cũng hoan hỷ, kẻ tu hành phước nghiệp, cả hai nơi đều hoan hỷ: nghĩ rằng “tôi đã tạo phước” vì vậy nên nó hoan hỷ. Hơn nữa còn hoan hỷ vì được sanh vào cõi lành—The virtuous man is happy here in this world, and he is happy there in the next. He is happy everywhere. He is happy when he thinks of the good deeds he has done. Furthermore, he is even happier when he has gone to a blissful path.
19. Dù tụng nhiều kinh mà buông lung không chịu thực hành theo, thì chẳng hưởng được phần ích lợi của Sa-môn, khác nào kẻ chăn bò, chỉ lo đếm bò cho người khác (để lấy công, chứ sữa thịt của bò thì không hưởng được)—The heedless man even if he can recite many sacred sutras, but fails to act accordingly; he has no share in the fruits of the monastic life, but is like a cowherd who counts the cows of the master, but has none of his own.
20. Tuy tụng ít kinh mà thường y giáo hành trì, hiểu biết chân chánh, diệt trừ tham sân si, tâm hiền lành thanh tịnh, giải thoát và xả bỏ thế tục, thì dù ở cõi này hay cõi khác, người kia vẫn hưởng phần ích lợi của Sa-môn—Even if a man recites few sutras, but acts in accordance with the teaching, overcoming all lust, hatred and ignorance, with true knowledge and serene mind, clinging to nothing

here and hereafter, he shares the fruits of a monastic life.

## II. PHẨM KHÔNG BUÔNG LUNG HEEDFULNESS

21. Không buông lung đưa tới cõi bất tử, buông lung đưa tới đường tử sanh; người không buông lung thì không chết, kẻ buông lung thì sống như cây ma—Heedfulness (Watchfulness) is the path of immortality. Heedlessness is the path of death. Those who are heedful do not die; those who are heedless are as if already dead.
22. Kẻ trí biết chắc điều ấy, nên gắng làm chứ không buông lung. Không buông lung thì đặng an vui trong các cõi Thánh—Those who have distinctly understood this, advance and rejoice on heedfulness, delight in the Nirvana.
23. Nhờ kiên nhẫn, đồng mãnh tu thiền định và giải thoát, kẻ trí được an ổn, chứng nhập Vô thượng Niết bàn—Owing to perseverance and constant meditation, the wise men always realize the bond-free and strong powers to attain the highest happiness, the supreme Nirvana.
24. Không buông lung, mà ngược lại cố gắng, hăng hái, chánh niệm, khắc kỷ theo tịnh hạnh, sinh hoạt đúng như pháp, thì tiếng lành càng ngày càng tăng trưởng—If a man is earnest, energetic, mindful; his deeds are pure; his acts are considerate and

- restraint; lives according to the Law, then his glory will increase.
25. Bằng sự cố gắng, hăng hái không buông lung, tự khắc chế lấy mình, kẻ trí tự tạo cho mình một hòn đảo chẳng có ngọn thủy triều nào nhận chìm được—By sustained effort, earnestness, temperance and self-control, the wise man may make for himself an island which no flood can overwhelm.
26. Người ám độn ngu si đắm chìm trong vòng buông lung, nhưng kẻ trí lại chăm giữ tâm mình không cho buông lung như anh nhà giàu chăm lo giữ cửa—The ignorant and foolish fall into sloth. The wise man guards earnestness as his greatest treasure.
27. Chớ nên đắm chìm trong buông lung, chớ nên mê say với dục lạc; hãy nên cảnh giác và tu thiền, mới mong đặng đại an lạc—Do not indulge in heedlessness, nor sink into the enjoyment of love and lust. He who is earnest and meditative obtains great joy.
28. Nhờ trừ hết buông lung, kẻ trí không còn lo sợ gì. Bậc Thánh Hiền khi bước lên lầu cao của trí tuệ, nhìn lại thấy rõ kẻ ngu si ôm nhiều lo sợ, chẳng khác nào khi lên được núi cao, cúi nhìn lại muôn vật trên mặt đất—When the learned man drives away heedlessness by heedfulness, he is as the wise who, climbing the terraced heights of wisdom, looks down upon the fools, free from sorrow he looks upon sorrowing crowd, as a wise on a
- mountain peak surveys the ignorant far down on the ground.
29. Tinh tấn giữa đám người buông lung, tỉnh táo giữa đám người mê ngủ, kẻ trí như con tuấn mã thẳng tiến bỏ lại sau con ngựa gầy hèn—Heedful among the heedless, awake among the sleepers, the wise man advances as does a swift racehorse outrun a weak jade.
30. Nhờ không buông lung, Ma Già lên làm chủ cõi chư Thiên, không buông lung luôn luôn được khen ngợi, buông lung luôn luôn bị khinh chê—It was through earnestness that Maghavan rised to the lordship of the gods. Earnestness is ever praised; negligence is always despised (blamed).
31. Tỳ kheo nào thường ưa không buông lung hoặc sợ thấy sự buông lung, ta ví họ như ngọn lửa hồng, đốt tiêu tất cả kiết sử từ lớn chí nhỏ—A mendicant who delights in earnestness, who looks with fear on thoughtlessness, cannot fall away, advances like a fire, burning all his fetters both great and small.
32. Tỳ kheo nào thường ưa không buông lung hoặc sợ thấy sự buông lung, ta biết họ là người gần tới Niết bàn, nhất định không bị sa đọa dễ dàng như trước—A mendicant who delights in earnestness, who looks with fear on thoughtlessness, cannot fall away, he is in the presence of Nirvana.

### III. PHẠM TÂM—MIND

33. Tâm kẻ phàm phu thường xao động biến hóa rất khó chế phục gìn giữ, nhưng kẻ trí lại chế phục tâm mình làm cho chánh trực một cách dễ dàng, như thợ khéo uốn nắn mũi tên—The wavering and restless, or unsteady mind, difficult to guard, difficult to hold back; a wise man steadies his trembling mind and thought, as a fletcher makes straight his arrow.
34. Như con cá bị quăng lên bờ sợ sệt và vùng vẫy thế nào, thì cũng như thế, các người hãy đem tâm lo sợ, phấn đấu để mau thoát khỏi cảnh giới ác ma—As a fish drawn from its watery abode and thrown upon the dry land, our thought quivers all over in its effort to escape the realm of Mara.
35. Tâm phàm phu cứ xoay vần theo ngũ dục, xao động không dễ nắm bắt; chỉ những người nào đã điều phục được tâm mình mới được yên vui—It is good to control the mind, which is difficult to hold in and flighty, rushing wherever it wishes; a controlled mind brings happiness.
36. Tâm phàm phu cứ xoay vần theo ngũ dục, biến hóa u-ẩn khó thấy, nhưng người trí lại thường phòng hộ tâm mình, và được yên vui nhờ tâm phòng hộ ấy—The mind is hard to perceive, extremely subtle, flits whenever it wishes. Let the wise person guard it; a guarded mind is conducive to happiness.
37. Tâm phàm phu cứ lén lút đi một mình, đi rất xa, vô hình vô dạng như ẩn nấu hang sâu, nếu người nào điều phục được tâm, thì giải thoát khỏi vòng ma trói buộc—Traveling far, wandering alone, bodiless, lying in a cave, is the mind. Those who subdue it are freed from the bonds of Mara.
38. Người tâm không an định, không hiểu biết chánh pháp, không tin tâm kiên cố, thì không thể thành tựu được trí tuệ cao—He whose mind is not steady, he who does not know the True Law, he whose confidence wavers, the wisdom of such a person will never be perfect.
39. Người tâm đã thanh tịnh, không còn các điều hoặc loạn, vượt trên những nghiệp thiện ác thông thường, là người giác ngộ, chẳng sợ hãi—He whose mind is free from lust of desires, he who is not affected by hatred, he who has renounced both good and evil, for such a vigilant one there is no fear.
40. Hãy biết rằng thân này mong manh như đồ gốm và giam giữ tâm người như thành quách, người hãy đánh dẹp ma quân với thanh huệ kiếm sẵn có của mình và nắm giữ phần thắng lợi, chứ đừng sanh tâm đắm trước—Knowing that this body is as fragile as a jar, establishing this mind as firm as a fortress, he should be able to fight Mara with the weapon of wisdom. He should be able to guard his conquest and be without attachment.
41. Thân này thật là ngắn ngủi! Nó sẽ ngủ một giấc dài dưới ba thước đất, vô ý thức bị vất bỏ như khúc cây khô

vô dụng—In a short period of time, this body will lie on the ground, cast aside, without consciousness, even as a useless piece of dry log.

42. Cái hại của kẻ thù gây ra cho kẻ thù hay oan gia đối với oan gia, không bằng cái hại của tâm niệm hướng về hành vi tà ác gây ra cho mình—Whatever harm an enemy may do to an enemy, or a hater to a hater, an ill-directed mind can do one far greater harm.
43. Chẳng phải cha mẹ hay bà con nào khác làm, nhưng chính tâm niệm hướng về hành vi chánh thiện làm cho mình cao thượng hơn—What neither mother, nor father, nor any other relative can do, a well-directed mind can do one far greater good.

#### IV. PHẨM HOA—FLOWERS

44. Ai chinh phục được địa giới, diêm ma giới, thế gian này và cảnh giới chư Thiên; và ai khéo giảng nói pháp cú, như tay thợ khéo nhặt hoa làm tràng—Who shall comprehend this earth, and the realm of Yama, and this world (samsara) together with the devas? Who shall investigate the well-taught Path of Virtue, even as an expert of garland weaver (maker) will pick the right flowers?
45. Bậc hữu học chinh phục được địa giới diêm ma giới, thiên giới, và bậc hữu học khéo giảng nói pháp cú như tay thợ khéo nhặt hoa làm tràng—A disciple in training, will comprehend this earth and the realm of Yama, together with the realm of the devas.
- A great disciple in training will investigate the well-taught Path of Virtue, even as an expert of garland maker will pick the right flowers.
46. Hãy biết thân này như bọt nổi, rõ ràng là pháp huyễn hóa, để bẻ gãy mũi tên cám dỗ của bọn ma quân, mà thoát ngoài vòng dòm ngó của tử thần—He who knows that this body is like foam of a wave, and comprehends its mirage-nature (the shadow of a mirage), one should destroy the flower-shafts of sensual passions, and pass beyond the sight of the king of death.
47. Như nước lũ cuốn phăng những xóm làng say ngủ giữa đêm trường, tử thần sẽ lôi phăng đi những người mê muội sinh tâm ái trước những bông hoa mình vừa góp nhặt được—Death carries off a man who gathers flowers of sensual pleasures, whose mind is distracted, as a great flood sweeps away a sleeping village.
48. Cứ sanh tâm ái trước và tham luyến mãi không chán những bông hoa mà mình vừa góp nhặt được, đó chính là cơ hội tốt cho tử thần lôi đi—The destroyer brings under his way the man who gathers flowers of sensual pleasures, whose mind distracted, and who is insatiate in his desires.
49. Hàng Sa-môn (Mâu Ni) đi vào xóm làng để khát thực ví như con ong đi kiếm hoa, chỉ lấy mật rồi đi chứ không làm tổn thương về hương sắc—As a bee, without harming the flower, its color or scent, flies away, collecting only the nectar, even so

- should the sage wander in the village.
50. Chớ nên dòm ngó lỗi người, chớ nên dòm coi họ đã làm gì hay không làm gì, chỉ nên ngó lại hành động của mình, thử đã làm được gì và chưa làm được gì—Let not one look on the faults of others, nor things left done and undone by others; but one's own deeds done and undone.
51. Như thứ hoa tươi đẹp chỉ phô trương màu sắc mà chẳng có hương thơm, những người chỉ biết nói điều lành mà không làm điều lành chẳng đem lại ích lợi—As a flower that is colorful and beautiful, but without scent, even so fruitless is the well-spoken words of one who does not practice it.
52. Như thứ hoa tươi đẹp, vừa có màu sắc, lại có hương thơm, những người nói điều lành và làm được điều lành sẽ đưa lại kết quả tốt—As the flower that is colorful, beautiful, and full of scent, even so fruitful is the well-spoken words of one who practices it.
53. Như từ đống hoa có thể làm nên nhiều tràng hoa, từ nơi thân người có thể tạo nên nhiều việc thiện—As from a heap of flowers many a garland is made, even so many good deeds should be done by one born to the mortal lot.
54. Mùi hương của các thứ hoa, dù là hoa chiên đàn, hoa đa già la, hay hoa mặt ly đều không thể bay ngược gió, chỉ có mùi hương đức hạnh của người chân chính, tuy ngược gió vẫn bay khắp cả muôn phương—The scent of flowers does not blow against the wind, nor does the fragrance of sandalwood and jasmine, but the fragrance of the virtuous blows against the wind; the virtuous man pervades every direction.
55. Hương chiên đàn, hương đa già la, hương bạt tất kỳ, hương thanh liên, trong tất cả thứ hương, chỉ thứ hương đức hạnh là hơn cả—Of little account is the fragrance of sandal-wood, lotus, jasmine; above all these kinds of fragrance, the fragrance of virtue is by far the best.
56. Hương chiên đàn, hương đa già la đều là thứ hương vi diệu, nhưng không sánh bằng hương người đức hạnh, xông ngát tận chư thiên—Of little account is the fragrance of sandal; the fragrance of the virtuous rises up to the gods as the highest.
57. Người nào thành tựu các giới hạnh, hằng ngày chẳng buông lung, an trụ trong chính trí và giải thoát, thì ác ma không thể dòm ngó được—Mara never finds the path of those who are virtuous, careful in living and freed by right knowledge.
58. Như từ trong đống bùn nhơ vất bỏ bên đường, mới sinh ra hoa sen thanh khiết ngát ngào làm đẹp ý mọi người—As upon a heap of rubbish thrown by the roadside, a sweet smelling, lovely lotus may grow.
59. Cũng thế chỉ từ nơi chốn phàm phu manh muội mới sản xuất những vị đại đệ tử của bậc chánh giác, đem trí tuệ soi sáng thế gian—Among the worthless beings, a great disciple of



the Fully Enlightened One outshines the people who walk in darkness.

## V. PHẨM NGU—FOOLS

60. Đêm rất dài với những kẻ mất ngủ, đường rất xa với kẻ lữ hành mỗi mệt. Cũng thế, vòng luân hồi sẽ tiếp nối vô tận với kẻ ngu si không mình đạt chánh pháp—Long is the night to the wakeful; long is the road to him who is tired; long is samsara to the foolish who do not know true Law.
61. Không được kết bạn với kẻ hơn mình, không được kết bạn với kẻ ngang mình, thà quyết chí ở một mình tốt hơn kết bạn với người ngu muội—If a traveler does not meet a companion who is better or at least equal, let him firmly pursue his solitary career, rather than being in fellowship with the foolish.
62. “Đây là con ta, đây là tài sản ta,” kẻ phàm phu thường lo nghĩ như thế, nhưng chẳng biết chính ta còn không thiệt có, huống là con ta hay tài sản ta?—These are my sons; this is my wealth; with such thought a fool is tormented. Verily, he is not even the owner of himself. Whence sons? Whence wealth?
63. Ngu mà tự biết ngu, tức là trí, ngu mà tự xưng rằng trí, chính đó mới thật là ngu—A foolish man who knows that he is a fool, for that very reason a wise man; the fool who think himself wise, he is indeed a real fool.
64. Người ngu suốt đời gần gũi người trí vẫn chẳng hiểu gì Chánh pháp, ví như cái muỗng múc canh luôn mà chẳng bao giờ biết được mùi vị của canh—If a fool associates with a wise man even all his life, he will understand the Dharma as little as a spoon tastes the flavour of soup.
65. Người trí dù chỉ gần gũi người trí trong khoảnh khắc cũng hiểu ngay được Chánh pháp, chẳng khác gì cái lưỡi dù mới tiếp xúc với canh trong khoảnh khắc, đã biết ngay được mùi vị của canh—An intelligent person associates with a wise man, even for a moment, he will quickly understand the Dharma, as the tongue tastes the flavour of soup.
66. Kẻ phàm phu không giác ngộ nên đi chung với cừu địch một đường. Cũng thế, những người tạo ác nghiệp nhất định phải cùng ác nghiệp đi đến khổ báo—A fool with little wit, goes through life with the very self as his own greatest enemy. In the same manner, evil doers do evil deeds, the fruit of which is bitter.
67. Những người gây điều bất thiện, làm xong ăn năn khóc lóc, nhỏ lệ đầm đề, vì biết mình sẽ phải thọ lấy quả báo tương lai—The deed is not well done of which a man must repent, and the reward of which he receives, weeping, with tearful face; one reaps the fruit thereof.
68. Những người tạo các thiện nghiệp, làm xong chẳng chút ăn năn, còn vui mừng hơn hờ, vì biết mình sẽ thọ lấy quả báo tương lai—The deed is well done when, after having done it, one

- repents not, and when, with joy and pleasure, one reaps the fruit thereof.
69. Khi ác nghiệp chưa thành thực, người ngu tưởng như đường mật, nhưng khi ác nghiệp đã thành thực, họ như đinh phải chịu khổ đắng cay—As long as the evil deed done does not bear fruit, the fool thinks it is as sweet as honey; but when it ripens, then he comes to grief.
70. Từ tháng này qua tháng khác, với món ăn bằng đầu ngọn cỏ Cô-sa (cỏ thơm), người ngu có thể lấy để nuôi sống, nhưng việc làm ấy không có giá trị bằng một phần mười sáu của người tư duy Chánh pháp—Let a fool, month after month, eats only as much food as can be picked up on the tip of a kusa blade; but he is not worth a sixteenth part of them who have comprehended the truth.
71. Người cất sữa bò, không phải chỉ sáng chiều đã thành ra vị để hồ được. Cũng thế, kẻ phạm phu tạo ác nghiệp tuy chẳng cảm thụ quả ác liền, nhưng nghiệp lực vẫn âm thầm theo họ như lửa ngùn giữa tro than—An evil deed committed may not immediately bear fruit, just as newl drawn milk does not turn sour at once. In the same manner, smouldering, it follows the fool like fire covered with ashes.
72. Kẻ phạm phu, lòng thì muốn cầu được trí thức mà hành động lại dẫn tới diệt vong, nên hạnh phúc bị tổn hại mà trí tuệ cũng tiêu tan—The knowledge and fame that the fool gains, so far from benefiting; they
- destroy his bright lot and cleave his head.
73. Kẻ ngu xuẩn thường hay muốn danh tiếng mà mình không xứng: chỗ ngồi cao trong Tăng chúng, oai quyền trong Tăng lữ, danh vọng giữa các gia tộc khác—The fool always desire for an undue reputation or undeserved honour, precedence among the monks, authority in the monasteries, honour among other families.
74. Hãy để cho người Tăng kẻ tục nghĩ rằng “sự này do ta làm, trong mọi việc lớn hay nhỏ đều do nơi ta cả.” Kẻ phạm phu cứ tưởng lầm như thế, nên lòng tham lam ngạo mạn tăng hoài—Let both monks and laymen think, “by myself was this done; in every work, great or small, let them refer to me.” Such is the ambition of the fool; his desires and pride increase.
75. Một đường đưa tới thế gian, một đường đưa tới Niết bàn, hàng Tỳ kheo đệ tử Phật, hãy biết rõ như thế, chớ nên tham đắm lợi lạc thế gian để chuyên chú vào đạo giải thoát—One is the path that leads to worldly gain, and another is the path leads to nirvana. Once understand this, the monks and the lay disciples of the Buddha, should not rejoice in the praise and worldly favours, but cultivate detachment.

## VI. PHẨM TRÍ GIẢ—THE WISE

76. Nếu gặp được người hiền trí thường chỉ bày lầm lỗi và khiển trách mình những chỗ bất toàn, hãy nên kết thân cùng họ và xem như bậc trí thức đã chỉ kho tàng bảo vật. Kết thân với người trí thì lành mà không dữ—Should you see an intelligent man who points out faults and blames what is blame-worthy, you should associate with such a wise person. It should be better, not worse for you to associate such a person.
77. Những người hay khuyên răn dạy dỗ, cản ngăn tội lỗi kẻ khác, được người lành kính yêu bao nhiêu thì bị người dữ ghét bỏ bấy nhiêu—Those who advise, teach or dissuade one from evil-doing, will be beloved and admired by the good, but they will be hated by the bad.
78. Chớ nên làm bạn với người ác, chớ nên làm bạn với người kém hèn, hãy nên làm bạn với người lành, với người chí khí cao thượng—Do not associate or make friends with evil friends; do not associate with mean men. Associate with good friends; associate with noble men.
79. Được uống nước Chánh pháp thì tâm thanh tịnh an lạc, nên người trí thường vui mừng, ưa nghe Thánh nhưn thuyết pháp—Those who drink the Dharma, live in happiness with a pacified mind; the wise man ever rejoices in the Dharma expounded by the sages.
80. Người tưới nước lo dẫn nước, thợ làm cung tên lo uốn cung tên, thợ mộc lo nẩy mực đo cây, còn người trí thì lo tự điều phục lấy mình—Irrigators guide the water to where they want, fletchers bend the arrows, carpenters control their timber, and the wise control or master themselves.
81. Như ngọn núi kiên cố, chẳng bao giờ bị gió lay, cũng như thế, những lời hủy báng hoặc tán dương chẳng bao giờ làm lay động người đại trí—As a solid rock is not shaken by the wind; likewise, the wise are not moved by praise or blame.
82. Như nước hồ sâu, vừa yên lặng trong sạch, những người có trí tuệ sau khi nghe pháp, tâm họ cũng thanh tịnh và yên lặng—Water in a deep lake is clear and still; similarly, on hearing the Buddha teachings, the wise become extremely serene and peaceful.
83. Người lành thường xa lìa mà không bàn đến những điều tham dục. Kẻ trí đã xa lìa niệm lự mừng lo, nên chẳng còn bị lay động vì khổ lạc—Good people give up all attachments, they don't talk about sensual craving. The wise show neither elation nor depression; therefore, they are not affected by happiness or sorrow.
84. Không vì tình thiên hạ, cũng không vì tình một người nào, người trí không làm bất cứ điều gì sai quấy: không nên cầu con trai, sự giàu có, vương quốc bằng việc sai quấy; không nên cầu mong thành công của mình bằng những phương tiện bất chánh. Được vậy mới thật là người đạo đức, trí tuệ và ngay thẳng—Neither for the sake of oneself, nor

- for the sake of another, a wise man does nothing wrong; he desires not son, wealth, or kingdom by doing wrong; he seeks his own success not by unjust means, then he is good, wise and righteous.
85. Trong nhân loại chỉ có một ít người đạt đến bến bờ kia, còn bao nhiêu người khác thì đang bồi hồi vờ vẩn tại bờ này—Few are among men who crosses and reaches the other shore; the rest of mankind only run about the bank.
86. Những người nào hay thuyết pháp, hay theo Chánh pháp tu hành, thì được đạt tới bờ kia, thoát khỏi cảnh giới tà ma khó thoát—Those who preach and act according to the teachings, are those who are crossing the realm of passions which is so hard to cross, and those who will reach the other shore.
87. Người trí hãy nên rời bỏ hắc pháp (ác pháp) mà tu tập bạch pháp (thiện pháp), xa gia đình nhỏ hẹp, xuất gia sống độc thân theo pháp tắc Samôn—A wise man should abandon the way of woeful states and follows the bright way. He should go from his home to the homeless state and live in accordance with the rules for Sramanas.
88. Người trí phải gột sạch những điều cấu uế trong tâm, hãy cầu cái vui Chánh pháp, xa lìa ngũ dục mà chứng Niết bàn—A wise man should purge himself from all the impurities of the mind, give up sensual pleasures, and seek great delight in Nirvana.
89. Người nào thường chính tâm tu tập các phép giác chi, xa lìa tánh cố chấp, rời bỏ tâm nhiễm ái, diệt hết mọi phiền não để trở nên sáng suốt, thì sẽ giải thoát và chứng đắc Niết bàn ngay trong đời hiện tại—Those whose minds are well-trained and well-perfected in the seven factors of enlightenment, who give up of grasping, abandon defiled minds, and eradicate all afflictions. They are shining ones and have completely liberated and attained Nirvana even in this world.

## VII. PHẨM A-LA-HÁN—THE WORTHY

90. Người đã giải thoát hết thảy, đã dứt hết thảy buộc ràng, là người đi đường đã đến đích—There is no more suffering for him who has completed the journey; he who is sorrowless and wholly free from everything; who has destroyed all fetters.
91. Kẻ dưng mãnh chánh niệm, tâm không ưa thích tại gia, ví như con ngỗng khi ra khỏi ao, chúng bỏ lại cái nhà ao hồ của chúng không chút nhớ tiếc—The mindful exert themselves, they do not enjoy in an abode; like swans who have left their pools without any regret.
92. Những vị A-la-hán không chất chứa tài sản, biết rõ mục đích sự ăn uống, tự tại đi trong cảnh giới “không, vô

- tướng, giải thoát” như chim bay giữa hư không—Arhats for whom there is no accumulation, who reflect well over their food, who have perceived void, signless and deliverance, and their path is like that of birds in the air which cannot be traced.
93. Những vị A-la-hán, dứt sạch các hoặc lậu, không tham đắm uống ăn, tự tại đi trong cảnh giới “không, vô tướng, giải thoát” như chim bay giữa hư không—Arhats whose afflictions are destroyed, who are not attached to food, who have perceived void, signless and deliverance, and their path is like that of birds in the air which cannot be traced.
94. Những vị A-la-hán đã tịch tịnh được các căn, như tên kỵ mã đã điều luyện được ngựa lành, nên không còn phiền não ngã mạn và được các hàng như thiên kính mộ—The gods even pay homage to Arhats whose senses are subdued, like steeds well-trained by a charioteer, those whose pride and afflictions are destroyed.
95. Những vị A-la-hán đã bỏ hết lòng sân hận, tâm như cõi đất bằng, lại chí thành kiên cố như nhân đà yết la, như ao báu không bùn, nên chẳng còn bị luân hồi xoay chuyển—Like the earth, Arhats who are balanced and well-disciplined, resent not. He is like a pool without mud; no new births are in store for him.
96. Những vị A-la-hán ý nghiệp thường vắng lặng, ngữ nghiệp hành nghiệp thường vắng lặng, lại có chánh trí giải thoát, nên được an ổn luôn—
- Those Arhats whose mind is calm, whose speech and deed are calm. They have also obtained right knowing, they have thus become quiet men.
97. Những vị A-la-hán chẳng còn phải tin ai, đã thấu hiểu đạo vô vi, dứt trừ vĩnh viễn nguyên nhân, cùng quả báo ràng buộc, lòng tham dục cũng xa lìa. Chính đó là bậc Vô thượng sĩ—The man who is not credulous, but knows the uncreated, who has cut off all links and retributions, and renounces all desires. He is indeed a supreme man.
98. Dù ở xóm làng, dù ở rừng núi, dù ở đất bằng, dù ở gò trũng, dù ở biển cả hay đất khô, dù ở bất cứ chốn nào mà có vị A-la-hán, thì ở đó đầy đầy cảnh tượng yên vui—In a village or in a forest, in a valley or on the hills, on the sea or on the dry land, wherever Arhats dwell, that place is delightful.
99. Lâm dã là cảnh rất vui đối với vị A-la-hán, nhưng người đời chẳng ưa thích, trái lại dục lạc là cảnh ưa thích đối với người đời, vị A-la-hán lại lánh xa—For Arhats, delightful are the forests, where common people find no delight. There the passionless will rejoice, for they seek no desires nor sensual pleasures.

## VIII. PHẨM NGÀN—THOUSAND

100. Tụng đến ngàn câu vô nghĩa, chẳng bằng một câu có nghĩa lý, nghe xong tâm liền thanh tịnh—A

- recitation composed of a thousand words without sense, is no better than one single beneficial word upon hearing which one is immediately pacified.
101. Tụng đến ngàn câu kệ vô nghĩa, chẳng bằng một câu kệ có nghĩa lý, nghe xong tâm liền thanh tịnh—One beneficial line by hearing it one is immediately pacified is better than a thousand verses with words without sense.
102. Tụng đến trăm câu kệ vô nghĩa, chẳng bằng một pháp cú, nghe xong tâm liền thanh tịnh—One single word of the Dharma by hearing it one is immediately pacified, is better than a hundred stanzas, comprising senseless words.
103. Thắng ngàn quân địch chưa thể gọi là thắng, tự thắng được mình mới là chiến công oanh liệt nhất—One who conquers himself is greater than one who is able to conquer a thousand men in the battlefield.
104. Tự thắng mình còn vẻ vang hơn thắng kẻ khác. Muốn thắng mình phải luôn luôn chế ngự lòng tham dục—Self-conquest is, indeed, better than the conquest of all other people. To conquer oneself, one must be always self-controlled and disciplined one's action.
105. Dù là thiên thần, Càn thất bà, dù là Ma vương, hay Phạm thiên, không một ai chẳng thất bại trước người đã tự thắng—Neither the god, nor demigod, nor Mara, nor Brahma can win back the victory of a man who is self-subdued and ever lives in restraint.
106. Mỗi tháng bỏ ra hàng ngàn vàng để sắm vật hy sinh, tế tự cả đến trăm năm, chẳng bằng trong giây lát cúng dường bậc chân tu; cúng dường bậc chân tu trong giây lát thắng hơn tế tự quý thần cả trăm năm—Month after month, even though one makes an offerings of a thousand for a hundred years, yet it is no better than one moment that he pays homage to a saint who has perfected himself. .
107. Cả trăm năm ở tại rừng sâu thờ lửa, chẳng bằng trong giây lát cúng dường bậc chân tu; cúng dường bậc chân tu trong giây lát thắng hơn thờ lửa cả trăm năm—Should a man, for a hundred years, tend the sacrificial fire in the forest, yet it is no better than just one moment he honours the saint who has perfected himself; that honour is indeed better than a century of fire-sacrifice or fire-worship.
108. Suốt một năm bố thí cúng dường để cầu phước, công đức chẳng bằng một phần tư sự kính lễ bậc chính trực (chánh giác)—Whatever alms or offering a man has done for a year to seek merit, is no better than a single quarter of the reverence towards the righteous man.
109. Thường hoan hỷ, tôn trọng, kính lễ các bậc trưởng lão thì được tăng trưởng bốn điều: sống lâu, đẹp đẽ, tươi trẻ, khỏe mạnh—For a man who has the habit of constant honour and respect for the elder, four blessings

- will increase: longevity, beauty, happiness, and good health.
110. Sống trăm tuổi mà phá giới và buông lung, chẳng bằng sống chỉ một ngày mà trì giới, tu thiền định—To live a hundred years, immoral and uncontrolled, is no better than a single-day life of being moral and meditative.
111. Sống trăm tuổi mà thiếu trí huệ, không tu thiền, chẳng bằng sống chỉ một ngày mà đủ trí, tu thiền định—To live a hundred years without wisdom and control, is no better than a single-day life of being wise and meditative.
112. Sống trăm tuổi mà giải đãi không tinh tấn, chẳng bằng sống chỉ một ngày mà hăng hái tinh cần—To live a hundred years, idle and inactive, is no better than a single-day life of intense effort.
113. Sống trăm tuổi mà không thấy pháp vô thường sinh diệt, chẳng bằng sống chỉ một ngày mà được thấy pháp sinh diệt vô thường—To live a hundred years without comprehending how all things rise and pass away, is no better than a single-day life of seeing beginning and end of all things.
114. Sống trăm tuổi mà không thấy đạo tịch tịnh vô vi, chẳng bằng sống chỉ một ngày mà được thấy đạo tịch tịnh vô vi—To live a hundred years without seeing the immortal state, is no better than a single-day life of one who sees the deathless state (nirvana).
115. Sống trăm tuổi mà không thấy pháp tối thượng, chẳng bằng sống chỉ một ngày mà được thấy pháp tối thượng—To live a hundred years without seeing the Supreme Truth, is no better than a single-day life of someone who see the highest law.

## IX. PHẨM ÁC—EVIL

116. Hãy gấp rút làm lành, chế chỉ tâm tội ác. Hễ biếng nhác việc lành giờ phút nào thì tâm ưa chuyện ác giờ phút nấy—Let's hasten up to do good. Let's restrain our minds from evil thoughts, for the minds of those who are slow in doing good actions delight in evil.
117. Nếu đã lỡ làm ác chớ nên thường làm hoài, chớ vui làm việc ác; hễ chứa ác nhứt định thọ khổ—If a person commits evil, let him not do it again and again; he should not rejoice therein, sorrow is the outcome of evil.
118. Nếu đã làm việc lành hãy nên thường làm mãi, nên vui làm việc lành; hễ chứa lành nhứt định thọ lạc—If a person does a meritorious deed, he should do it habitually, he should find pleasures therein, happiness is the outcome of merit.
119. Khi nghiệp ác chưa thành thực, kẻ ác cho là vui, đến khi nghiệp ác thành thực kẻ ác mới hay là ác—Even an evil-doer sees good as long as evil deed has not yet ripened; but

- when his evil deed has ripened, then he sees the evil results.
120. Khi nghiệp lành chưa thành thực, người lành cho là khổ, đến khi nghiệp lành thành thực, người lành mới biết là lành—Even a good person sees evil as long as his good deed has not yet ripened; but when his good deed has ripened, then he sees the good results.
121. Chớ khinh điều ác nhỏ, cho rằng “chẳng đưa lại quả báo cho ta.” Phải biết giọt nước nhỏ lâu ngày cũng làm đầy bình. Kẻ ngu phu sở dĩ đầy tội ác bởi chứa dồn từng khi ít mà nên—Do not disregard (underestimate) small evil, saying, “it will not matter to me.” By the falling of drop by drop, a water-jar is filled; likewise, the fool becomes full of evil, even if he gathers it little by little.
122. Chớ nên khinh điều lành nhỏ, cho rằng “chẳng đưa lại quả báo cho ta.” Phải biết giọt nước nhỏ lâu ngày cũng làm đầy bình. Kẻ trí sở dĩ toàn thiện bởi chứa dồn từng khi ít mà nên—Do not disregard small good, saying, “it will not matter to me.” Even by the falling of drop by drop, a water-jar is filled; likewise, the wise man, gathers his merit little by little.
123. Người đi buôn mang nhiều của báu mà thiếu bạn đồng hành, tránh xa con đường nguy hiểm làm sao, như kẻ tham sống tránh xa thuốc độc thế nào, thì các người cũng phải tránh xa điều ác thế ấy—A merchant
- with great wealth but lacks of companions, avoids a dangerous route, just as one desiring to live avoids poison, one should shun evil things in the same manner.
124. Với bàn tay không thương tích, có thể nắm thuốc độc mà không bị nhiễm độc, với người không làm ác thì không bao giờ bị ác—With a hand without wound, one can touch poison; the poison does not affect one who has no wound; nor is there ill for him who does no wrong.
125. Đem ác ý xâm phạm đến người không tà vạy, thanh tịnh và vô nhiễm, tội ác sẽ trở lại kẻ làm ác như ngược gió tung bụi—Whoever harms a harmless person who is pure and guiltless, the evil falls back upon that fool, like dust thrown against the wind.
126. Một số sinh ra từ bào thai, kẻ ác thì đọa vào địa ngục, người chính trực thì sinh lên chư thiên, nhưng cõi Niết bàn chỉ dành riêng cho những ai đã diệt sạch nghiệp sanh tử—Some are born in a womb; evil-doers are reborn in hells; the righteous people go to blissful states; the undefiled ones pass away into Nirvana.
127. Chẳng phải bay lên không trung, chẳng phải lặn xuống đáy bể, chẳng phải chui vào hang sâu núi thẳm, dù tìm khắp thế gian này, chẳng có nơi nào trốn khỏi ác nghiệp đã gây—Neither in the sky, nor in mid-ocean, nor in mountain cave, nowhere on earth where one can escape from the consequences of his evil deeds.



128. Chẳng phải bay lên không trung, chẳng phải lặn xuống đáy bể, chẳng phải chui vào hang sâu núi thẳm, dù tìm khắp thế gian này, chẳng rõ nơi nào trốn khỏi tử thần—Not in the sky, nor in mid-ocean, nor in a mountain cave, nowhere on earth where one can escape from death.

#### X. PHẨM ĐAO TRƯỢNG—THE ROD OR PUNISHMENT.

129. Ai ai cũng sợ gươm đao, ai ai cũng sợ sự chết; vậy nên lấy lòng mình suy lòng người, chớ giết chớ bảo giết—All tremble at sword and rod, all fear death; comparing others with oneself, one should neither kill nor cause to kill.

130. Ai ai cũng sợ gươm đao, ai ai cũng thích được sống còn; vậy nên lấy lòng mình suy lòng người, chớ giết chớ bảo giết—All tremble at sword and rod, all love life; comparing others with oneself; one should not kill nor cause to kill.

131. Người nào cầu hạnh phúc cho mình mà lại lấy đao gậy phá hại hạnh phúc kẻ khác, thì sẽ không được hạnh phúc—Whoever seeks his own happiness, but harms others' happiness, will not find felicity now and hereafter.

132. Người nào cầu hạnh phúc cho mình mà không lấy đao gậy phá hại hạnh phúc kẻ khác, thì sẽ được hạnh phúc—Whoever seeks his own happiness, but does not harm others'

happiness, will find happiness now and hereafter.

133. Chớ nên nói lời thô ác. Khi người dùng lời thô ác nói với người khác. Người khác cũng dùng lời thô ác nói với người, thương thay những lời nóng giận thô ác chỉ làm cho các người đau đớn khó chịu như đao gậy mà thôi—Do not speak harshly to anyone. Those who are spoken to will respond in the same manner. Angry speech nourishes trouble. You will receive blows in exchange for blows.

134. Nếu người mặc nhiên như cái đồng la bể trước những người đem lời thô ác cãi vã đến cho mình, tức là người đã tự tại đi trên đường Niết Bàn. Người kia chẳng làm sao tìm sự tranh cãi với người được nữa—If like a cracked gong, you silence yourself, you already have attained Nirvana. No vindictiveness (quarrels) will be found in you.

135. Như với chiếc gậy, người chăn trâu xua trâu ra đồng, sự già sự chết cũng thế, thường xua chúng sanh đến tử vong—As with a rod, a cowherd drives his cows to pasture, even so do old age and death drive the life of beings.

136. Kẻ ngu phu tạo các ác nghiệp vẫn không tự biết có quả báo gì chẳng ? Người ngu tự tạo ra nghiệp để chịu khổ, chẳng khác nào tự lấy lửa đốt mình—A fool does not realize when he commits wrong deeds; by his own deeds the stupid man is tormented, like one is lighting

- fires wherein he must be burnt one day.
137. Nếu lấy dao gây hại người toàn thiện toàn nhân, lập tức kẻ kia phải thọ lấy đau khổ trong mười điều—He who takes the rod and harms a harmless person, will soon come to one of these ten stages:
138. Thống khổ về tiền tài bị tiêu mất, thân thể bị bại hoại, hoặc bị trọng bệnh bức bách—He will be subject to cruel suffering of infirmity, bodily injury, or serious sickness,
139. Hoặc bị tán tâm loạn ý, hoặc bị vua quan áp bách, hoặc bị vu trọng tội, hoặc bị quyền thuộc ly tán—Or loss of mind, or oppression by the king, or heavy accusation, or loss of family members or relatives,
140. Hoặc bị tài sản tan nát, hoặc phòng ốc nhà cửa bị giặc thiêu đốt, và sau khi chết bị đọa vào địa ngục—Or destruction of wealth, or lightning fire fire burn his house, and after death will go to the hell.
141. Chẳng phải đi chân không, chẳng phải để tóc xù (bờm), chẳng phải xoa tro đất vào mình, chẳng phải tuyệt thực, chẳng nằm trên đất, chẳng phải để thân mình nhớp nhúa, cũng chẳng phải ngồi xổm mà người ta có thể trở nên thanh tịnh, nếu không dứt trừ nghi hoặc—Neither walking bare footed, nor matted locks, nor dirt, nor fasting, nor lying on the bare ground, nor dust, nor squatting on the heels, can purify a mortal who has not overcome his doubts.
142. Người nào nghiêm giữ thân tâm, chế ngự khắc phục ráo riết, thường tu phạm hạnh, không dùng dao gây hại sanh linh, thì chính người ấy là một Thánh Bà la môn, là Sa môn, là Tỳ khưu vậy—He who strictly adorned, lived in peace, subdued all passions, controlled all senses, ceased to injure other beings, is indeed a holy Brahmin, an ascetic, a bhikshu.
143. Biết lấy điều hổ thẹn để tự cấm ngăn mình, thế gian ít người làm được. Người đã làm được, họ khéo tránh hổ nhục như ngựa hay khéo tránh roi da—Rarely found in this world anyone who restrained by modesty, avoids reproach, as a well-trained horse avoids the whip.
144. Các người hãy nỗ lực sấm hối như ngựa đã hay còn thêm roi, hãy ghi nhớ lấy chánh tín, tinh giới, tinh tiến, tam-ma-địa (thiền định) trí phân biệt Chánh pháp, và minh hành túc để tiêu diệt vô lượng thống khổ—Like a well-trained horse, touch by the whip, even so be strenuous and zealous. By faith, by virtue, by effort, by concentration, by investigation of the Truth, by being endowed with knowledge and conduct, and being mindful, get rid of this great suffering.
145. Người tưới nước lo dẫn nước, thợ làm tên lo uốn tên, thợ mộc lo nẩy mực cửa cây, người làm lành thì tự lo chế ngự—Irregators guide the water to their fields; fletchers bend the

arrow; carpenters bend the wood, the virtuous people control themselves.

## X. PHẨM LÃO—OLD AGE

146. Làm sao vui cười, có gì thích thú, khi ở trong cõi đời luôn luôn bị thiêu đốt? Ở trong chỗ tối tăm bưng bít, sao không tìm tới ánh quang minh? — How can there be laughter, how can there be joy, when the whole world is burnt by the flames of passions and ignorance? When you are living in darkness, why wouldn't you seek the light?
147. Hãy ngắm cái thân tốt đẹp này chỉ là đống xương lở lói, chồng chất tật bệnh đã được người ta tưởng là êm ái, trong đó tuyệt đối không có gì trường tồn—Let's behold this body! Is it only a pile of bones, a mass of sores, a heap-up of diseases? Let's think about it for a moment, nothing lasts, nothing persists!
148. Cái hình hài suy già này là cái rừng tập trung bệnh tật, dễ hư nát. Đã có tụ tất có tán, có sinh tất có tử— This worn out body, a nest of diseases, perishable and subject to decay. This decomposed mass breaks to pieces, life indeed ends in death.
149. Trái hồ lô (trái bầu) về mùa thu thì khô tàn. Thân này cũng vậy, khi đã hư hoại thì chỉ còn một đống xương màu lông hạc; rõ thật chẳng có gì vui—Those bleaching bones are just like dried and empty gourds cast away in autumn. What pleasure is there in looking at them?
150. Thân này là cái thành xây bằng xương cốt và tô quét bằng máu thịt, để cất chứa sự già sự chết, ngã mạn và dối gian—This body is only a stronghold made of bones, covered with flesh and blood in which stored decay, death, pride and deceit.
151. Cái xe vua đi dù được trang hoàng lộng lẫy cũng phải hư hoại, thân này dù có trau tria cũng có lúc già yếu. Chỉ trừ thiện pháp của bậc thiện nhân là không bị suy già và cứ di chuyển từ người lành này sang người lành khác—Even brilliantly ornamented royal chariots wear out, so does the body reach its old age and loses its health and strength. But the Dharma of the good never grows old. Thus do the Good say to the good.
152. Những người ít nghe kém học, suốt đời chỉ như trâu nai, gân thịt dẫu lớn mạnh mà trí tuệ không tăng thêm—A man of little learning grows old like an ox; his muscles grows but his wisdom does not grow.
153. Ta lang thang trong vòng luân hồi qua bao kiếp sống, tìm mãi mà không gặp kẻ làm nhà. Đau khổ thay kiếp sống cứ tái diễn mãi!—Wandering through many cycles of births and deaths in Samsara, looking for the builder of this house without success (in vain). How sorrowful to be born again and again!
154. Hỡi kẻ làm nhà! Nay ta gặp được người rồi. Người không thể làm nhà nữa! Bao nhiêu rui mè của người đều gãy cả rồi, cột kèo của người đã tan

vụn cả rồi. Trí ta đã đạt đến Vô thượng Niết bàn, bao nhiêu dục vọng đều dứt sạch cả—Oh! House builder! You have been seen. You can not build house any longer. All your rafters of sins are broken, your ridge-pole of ignorance is shattered. My mind has attained the Supreme Nirvana, all desires are extinct.

155. Lúc thanh niên cường tráng đã không kiếm ra tài của, cũng chẳng lo tu hành, thì khi già cả chẳng khác gì con cò già bên bờ ao, chẳng kiếm ra mồi, nằm khô héo chết mòn—Those who have not led a religious life, who in youth have not acquired treasure, perish like old herons standing sad at a pond without fish.
156. Lúc thanh niên cường tráng đã không kiếm ra tài của, cũng chẳng lo tu hành, nên khi già nằm xuống, dáng người như cây cung gãy, cứ buồn than về dĩ vãng—Those who have not led a religious life, who in youth have not acquired treasure, like a broken bow lying and shining after the past.

## XI. PHẨM TỰ KỶ—THE SELF

157. Nếu tự biết thương mình, phải gắng tự bảo hộ, trong ba thời phải có một; người có trí nên tỉnh ngộ chớ mê man—If one holds oneself dear, one should protect oneself well. At least one among the three watches of the day, a wise man should be vigilant.
158. Trước hãy tự đặt mình vào Chánh đạo rồi sau giáo hóa kẻ khác, được như vậy mới tránh khỏi đều lầm lối xây ra—Let one establish oneself in the proper way, or learn what is right, and then instruct others. Such a wise man will not be defiled.
159. Nếu muốn khuyên người khác nên làm như mình, trước hãy tự sửa mình rồi sau sửa người, vì tự sửa mình vốn là điều khó như—Before teaching others, one should act himself as what he teaches. It is easy to subdue others, but to subdue oneself seems very difficult.
160. Chính tự mình làm chỗ nương cho mình, chứ người khác làm sao nương được? Tự mình khéo tu tập mới đạt đến chỗ nương dựa nhiệm mầu—Oneself is indeed one's own saviour, who else could be the saviour? With self-control and cultivation, one can obtain a wonderful saviour.
161. Ác nghiệp chính do mình tạo, từ mình sinh ra. Ác nghiệp làm hại kẻ ngu phu để dàng như kim cương phá hoại bảo thạch—The evil is done by oneself; it is self-born, it is self-nursed. Evil grinds the unwise as a diamond grinds a precious stone.
162. Sự phá giới làm hại mình như dây mang-la bao quanh cây Ta-la làm cho cây này khô héo. Người phá giới chỉ là người làm điều mà kẻ thù muốn làm cho mình—Breaking commandments is so harmful as a creeper is strangling a sala tree. A man who breaks commandments

does to himself what an enemy would wish for him.

163. Việc hung ác thì dễ làm nhưng chẳng lợi gì cho ta, trái lại việc từ thiện có lợi cho ta thì lại rất khó làm—Bad deeds are easy to do, but they are harmful, not beneficial to oneself. On the contrary, it is very difficult to do that which is beneficial and good for oneself.
164. Những người ác tuệ ngu si, vì tâm tà kiến mà vu miệt giáo pháp A-la-hán, vu miệt người lành Chánh đạo và giáo pháp đức Như Lai để tự mang lấy bại hoại, như giống cỏ cách-tha hễ sinh hoa quả xong liền tiêu diệt—The foolish man who slanders the teachings of the Arhats, of the righteous and the Noble Ones. He follows false doctrine, ripens like the kashta reed, only for its own destruction.
165. Làm dữ bởi ta mà nhiễm ô cũng bởi ta, làm lành bởi ta mà thanh tịnh cũng bởi ta. Tịnh hay bất tịnh đều bởi ta, chứ không ai có thể làm cho ai thanh tịnh được—By oneself the evil is done, by oneself one is defiled or purified. Purity or impurity depend on oneself. No one can purify another.
166. Chớ vì lợi cho kẻ khác mà quên hẳn lợi ích cho chính mình. Người biết lo ích lợi cho mình mới thường chuyên tâm vào những điều ích lợi—Let no one forget his own welfare for the sake of others' welfare. One who perceives his own welfare, has the ability to intent on his own goals.

### XIII. PHẨM THẾ GIAN THE WORLD

167. Chớ nên theo điều ty liệt, chớ nên đem thân buông lung, chớ nên theo tà thuyết, chớ làm tăng trưởng tục trần—Do not follow the evil law, do not live in heedlessness. Do not embrace false views, do not be a world-upholder.
168. Hăng hái đừng buông lung, làm lành theo Chánh pháp. Người thực hành đúng Chánh pháp thì đời này vui đời sau cũng vui—Eagerly try not to be heedless, follow the path of righteousness. He who observes this practice lives happily both in this world and in the next.
169. Hãy làm lành theo Chánh pháp, việc ác tránh không làm. Người thực hành đúng Chánh pháp, thì đời này vui đời sau cũng vui—Follow the path of righteousness. Do not do evil. He who practices this, lives happily both in this world and in the next.
170. Người nào xem thế gian này như bọt nước, như ảo ảnh thì sẽ chấm dứt mọi đau khổ và chẳng còn sợ thần chết kéo lôi—Look upon the world as one would look upon a bubble, just as one would look upon a mirage. If a man thus looks down upon the world, the king of death does not see him.
171. Giả sử thế gian này có được trang hoàng lộng lẫy như chiếc xe của vua đi nữa, thì trong số người đến xem, chỉ người ngu mới tham đắm, chứ kẻ trí nào hề bận tâm—Supposed this world is like a

- brilliantly ornamented royal chariot; the foolish are immersed in it, but the wise do not attach to it.
172. Người nào trước buông lung sau lại tinh tấn, người đó là ánh sáng chiếu cõi thế gian như vầng trăng ra khỏi mây mù—Whoever was formerly heedless and afterwards overcomes his sloth; such a person illuminates this world just like the moon when freed from clouds.
173. Người nào trước làm ác sau lại làm lành, người đó là ánh sáng chiếu cõi thế gian như vầng trăng ra khỏi mây mù—Whoever was formerly heedless and afterwards does good deeds; such a person illuminates this world just like the moon when freed from clouds.
174. Như chim thoát khỏi lưới, chẳng mấy con bay thẳng lên trời cao, trong thế gian này mù mịt chẳng mấy người sáng suốt trông thấy cao xa—This work is so dark that only a few can see it clearly, like birds escape from a net but very few of them fly up straight.
175. Con thiên nga chỉ bay được giữa không trung, người có thần thông chỉ bay được khỏi mặt đất, duy bậc đại trí, trừ hết ma quân mới bay được khỏi thế gian này—Swans can only fly in the sky, man who has supernatural powers can only go through air by their psychic powers. The wise rise beyond the world when they have conquered all kinds of Mara.
176. Những ai vi phạm đạo Nhất thừa, những ai ưa nói lời vọng ngữ, những ai không tin tưởng đời sau, thì chẳng có điều ác nào mà họ không làm được—Those who have transgressed the One Vehicle Law (the law of truthfulness), who tell lie, who don't believe in the law of cause and effect, there is no evil that they will not do.
177. Người sân tham không thể sanh lên cõi trời, người ngu si không ưa tán dương việc bố thí, nhưng người trí thấy bố thí lại tùy hỷ công đức và tương lai họ sẽ dự hưởng phần an lạc—Misers cannot go to the heaven, fools cannot indeed praise charity. A wise man rejoices in almsgiving and thus becomes happy thereafter.
178. Người thống suất cõi đất, người làm chủ chư thiên, hết thấy vị thế chủ ấy, chẳng sánh kịp một vị đã chứng quả Tu-đà-hoàn—Better than the lord of the earth, better than the lord of the heaven, better than all these lords is the fruit of a Stream-Winner.

#### XIV. PHẨM PHẬT ĐÀ THE BUDDHA

179. Chẳng ai hơn nổi người đã thắng phục dục tình. Người đã thắng phục dục tình không còn bị thất bại trở lại, huống Phật trí minh mông không dấu tích, các người lấy gì mà hòng căm dỗ được—No one surpasses the one whose conquest is not turned

- into defeat again. By what track can you lead him? The Awakened, the all perceiving, the trackless?
180. Người dứt hết trói buộc, ái dục còn khó cám dỗ được họ, hướng Phật trí minh mông không dấu tích, các người lấy gì mà hồng cám dỗ được ư?—It is difficult to seduce the one that has eradicated all cravings and desires. By which way can you seduce him? The trackless Buddha of infinite range.
181. Người trí thường ưa tu thiền định, ưa xuất gia và ở chỗ thanh vắng. Người có Chánh niệm và Chánh giác bao giờ cũng được sự ái kính của Thiên nhơn—Even the gods envy the wise ones who are intent on meditation, who delight in the peace of renunciation.
182. Được sinh làm người là khó, được sống còn là khó, được nghe Chánh pháp là khó, được gặp Phật ra đời là khó—It is difficult to obtain birth as a human being; it is difficult to have a life of mortals; it is difficult to hear the Correct Law; it is even rare to meet the Buddha.
183. Chớ làm các điều ác, gắng làm các việc lành, giữ tâm ý trong sạch. Ấy lời chư Phật dạy—Not to do evil, to do good, to purify one's mind, this is the teaching of the Buddhas.
184. Chư Phật thường dạy: “Niết bàn là quả vị tối thượng, nhẫn nhục là khổ hạnh tối cao. Xuất gia mà não hại người khác, không gọi là xuất gia Sa-môn.”—The Buddhas say: “Nirvana is supreme, forbearance is
- the highest austerity. He is not a recluse who harms another, nor is he an ascetic who oppresses others.”
185. Chớ nên phỉ báng, đừng làm não hại, giữ giới luật tinh nghiêm, uống ăn có chừng mực, riêng ở chỗ tịch tịnh, siêng tu tập thiền định; ấy lời chư Phật dạy—Not to slander, not to harm, but to restrain oneself in accordance with the fundamental moral codes, to be moderate in eating, to dwell in secluded abode, to meditate on higher thoughts, this is the teaching of the Buddhas.
186. Giả sử mưa xuống bạc vàng cũng chẳng thỏa mãn được lòng tham dục. Người trí đã biết rõ sự dâm dật vui ít khổ nhiều—Even a shower of gold pieces cannot satisfy lust. A wise man knows that lusts have a short taste, but long suffering.
187. Thế nên, dù sự dục lạc ở cõi trời, người cũng chớ sanh tâm mong cầu. Đệ tử các đấng Giác ngộ, chỉ mong cầu diệt trừ ái dục mà thôi—Even in heavenly pleasures the wise man finds no delight. The disciple of the Supremely Enlightened One delights only in the destruction of craving.
188. Vì sợ hãi bất an mà đến quy-y thần núi, quy-y rừng cây, quy-y miếu thờ thọ thân—Men were driven by fear to go to take refuge in the mountains, in the forests, and in sacred trees.
189. Nhưng đó chẳng phải là chỗ nương dựa yên ổn, là chỗ quy-y tối thượng, ai quy-y như thế khổ não vẫn còn nguyên—But that is not a safe

- refuge or no such refuge is supreme. A man who has gone to such refuge, is not delivered from all pain and afflictions.
190. Trái lại, quy-y Phật, Pháp, Tăng, phát trí huệ chơn chánh—On the contrary, he who take refuge in the Buddhas, the Dharma and the angha, sees with right knowledge.
191. Hiểu thấu bốn lẽ mâu: biết khổ, biết khổ nhân, biết khổ diệt và biết tám chi Thánh đạo, diệt trừ hết khổ não—With clear understanding of the four noble truths: suffering, the cause of suffering, the destruction of suffering, and the eightfold noble path which leads to the cessation of suffering.
192. Đó là chỗ quy-y an ổn, là chỗ quy-y tối thượng. Ai quy-y được như vậy mới giải thoát khổ đau—That is the secure refuge, the supreme refuge. He who has gone to that refuge, is released from all suffering.
193. Rất khó gặp được các bậc Thánh nhân, vì chẳng thường có. Phạm ở đâu có vị Thánh nơn ra đời thì gia tộc đó được an lành—It is difficult to find a man with great wisdom, such a man is not born everywhere. Where such a wise man is born, that family prospers.
194. Hạnh phúc thay đức Phật ra đời! Hạnh phúc thay diển nói Chánh pháp! Hạnh phúc thay Tăng già hòa hợp! Hạnh phúc thay đồng tiến đồng tu!—Happy is the birth of Buddhas! Happy is the teaching of the True Law! Happy is the harmony in the sangha! Happy is the discipline of the united ones!
195. Kẻ nào cúng dường những vị đáng cúng dường, hoặc chư Phật hay đệ tử, những vị thoát ly hư vọng, vượt khỏi hối hận lo âu—Whoever pays homage and offering, whether to the Buddhas or their disciples, those who have overcome illusions and got rid of grief and lamentation.
196. Công đức của người ấy đã cúng dường các bậc tịch tịnh vô úy ấy, không thể kể lường—The merit of him who reverences such peaceful and fearless Ones cannot be measured by anyone.

#### XV. PHẨM LẠC—HAPPINESS

197. Sung sướng thay chúng ta sống không thù oán giữa những người thù oán; giữa những người thù oán, ta sống không thù oán—Oh! Happily do we live without hatred among the hateful! Among hateful men we dwell unhating!
198. Sung sướng thay chúng ta sống không tật bệnh giữa những người tật bệnh; giữa những người tật bệnh chúng ta sống không tật bệnh—Oh! Happily do we live in good health among the ailing! Among the ailing we dwell in good health!
199. Sung sướng thay chúng ta sống không tham dục giữa những người tham dục; giữa những người tham dục, chúng ta sống không tham dục—Oh! Happily do we live without greed for sensual pleasures among



- the greedy! Among the greedy we dwell free from greed!
200. Sung sướng thay chúng ta sống không bị điều gì chướng ngại. Ta thường sống với những điều an lạc như các vị thần giữa cõi trời Quang âm—Oh! Happily do we live without any hindrances. We shall always live in peace and joy as the gods of the Radiant Realm.
201. Thắng lợi thì bị thù oán, thất bại thì bị đau khổ; chẳng màng tới thắng bại, sẽ sống một đời hòa hiếu an vui—Victory breeds hatred, defeat breeds suffering; giving up both victory and defeat will lead us to a peaceful life.
202. Không lửa nào bằng lửa tham dục, không ác nào bằng ác sân si, không khổ nào bằng khổ ngũ ấm, và không vui nào bằng vui Niết bàn—There is no fire like lust; no evil like hatred. There is no ill like the body; no bliss higher than Nirvana.
203. Đói là chứng bệnh lớn, vô thường là nỗi khổ lớn; biết được đúng đắn như thế, đạt đến Niết bàn vui tối thượng—Hunger is the greatest disease, aggregates are the greatest suffering. Knowing this as it really is, the wise realize Nirvana: supreme bliss.
204. Vô bệnh là điều rất lợi, biết đủ là kẻ rất giàu, thành tín là nơi chí thân, Niết bàn là vui tối thượng—Good health is a great benefit, contentment is the richest, trust is the best kinsmen, Nirvana is the highest bliss.
205. Ai đã từng nếm được mùi độc cứ, ai đã từng nếm được mùi tịch tịnh, người ấy càng ưa nếm pháp vị để xa lìa mọi tội ác, sợ hãi—He who has tasted the flavour of seclusion and tranquility, will prefer to the taste of the joy of the Dharma, and to be free from fear and sin.
206. Gặp được bậc Thánh nhân là rất quý, vì sẽ chung hưởng sự vui lành. Bởi không gặp kẻ ngu si nên người kia thường hoan hỷ—To meet the sage is good, to live with them is ever happy. If a man has not ever seen the foolish, he may ever be happy.
207. Đi chung với người ngu, chẳng lúc nào không lo buồn. Ở chung với kẻ ngu khác nào ở chung với quân địch. Ở chung với người trí khác nào hội ngộ với người thân—He who companies with fools grieves for a long time. To be with the foolish is ever painful as with an enemy. To associate with the wise is ever happy like meeting with kinsfolk.
208. Đúng như vậy, người hiền trí, người đa văn, người nhẫn nhục, người trì giới chân thành và các bậc Thánh giả là chỗ nương dựa tốt nhất cho mọi người. Được đi theo những bậc thiện nhân hiền huệ ấy, khác nào mặt trăng đi theo đường tịnh đạo—Therefore, one should be with the wise, the learned, the enduring, the dutiful and the noble. To be with a man of such virtue and intellect as the moon follows the starry path.

## XVI. PHẨM HỖ-ÁI—AFFECTION

209. Chuyên làm những việc không đáng làm, nhác tu những điều cần tu, bỏ việc lành mà chạy theo dục lạc, người như thế dù có hâm mộ kẻ khác đã cố gắng thành công, cũng chỉ là hâm mộ suông—He who applies himself to that which should be avoided, not cultivate what should be cultivated; forgets the good, but goes after pleasure. It's only an empty admiration when he says he admires people who exert themselves in meditation.
210. Chớ kết giao với người đáng ưa, chớ kết giao với người không đáng ưa: không gặp được người thương yêu là khổ, mà gặp phải người cừ oán cũng khổ—Be not friend with the pleasant, nor with the unpleasant. Not seeing what is pleasant is painful; seeing what is unpleasant is painful.
211. Thế nên chớ đắm yêu, vì đắm yêu bị biệt ly là khổ. Nếu không còn những niệm yêu ghét, tức không điều gì ràng buộc được—Therefore, one should hold nothing pleasant, for separation from those is suffering. Those who hold nothing pleasant and unpleasant have no fetters.
212. Từ hỷ ái sinh lo, từ hỷ ái sinh sợ; xa lìa hết hỷ ái, chẳng còn lo sợ gì—From pleasure springs grief; from pleasure springs fear. For him who is free from pleasure, there will be neither grief, nor fear.
213. Từ tham ái sinh lo, từ tham ái sinh sợ; xa lìa hết tham ái, chẳng còn lo sợ gì—From affection springs grief; from affection springs fear. For him who is free from affection, there will be neither grief nor fear.
214. Từ tham dục sinh lo, từ tham dục sinh sợ; xa lìa hết tham dục, chẳng còn lo sợ gì—From desire springs grief; from desire springs fear. For him who is free from desire, will be neither grief nor fear.
215. Từ lạc dục sinh lo, từ lạc dục sinh sợ; xa lìa hết lạc dục, chẳng còn lo sợ gì—From lust springs grief; from lust springs fear. For him who is free from lust, there will be neither grief nor fear.
216. Từ ái dục sinh lo, từ ái dục sinh sợ; xa lìa hết ái dục, chẳng còn lo sợ gì—From craving springs grief; from craving springs fear. For him who is free from craving, there will be neither grief nor fear.
217. Đây đủ giới hạnh và Chánh kiến, an trú Chánh pháp, rõ lý chơn thường và viên mãn các công hạnh, là người đáng kính mến—He who is perfect in virtue and insight, and established in the Correct Law, has realized the Truth and fulfils his own duties. He is trully admired by everyone.
218. Khát cầu pháp ly ngôn, sung mãn tâm lự sát, không đắm mê dục lạc, ấy là bậc thượng lưu—He who has developed a wish for the Nirvana; he whose mind is thrilled with the three fruits (Sotapatti, Sakadagami and Anagami), he whose mind is not

bound by material pleasures, such a man is called an “Upstream-bound One.”

219. Người khác ly hương lâu ngày, khi từ phương xa trở về yên ổn được bà con thân hữu đón mừng thế nào—A man who has gone away for a long time and returned safe from afar, his kinsmen and friends welcome him on his arrival.
220. Thì người tạo phước nghiệp cũng vậy, khi từ cõi đời này sang cõi đời khác, phước nghiệp của họ là kẻ thân hữu đón mừng họ—Likewise, a man’s good deeds will receive the well-doer who has gone from this world to the next, as kinsmen and friends receive a dear one on his return.

## XVII. PHẨM PHẦN NỘ—ANGER

221. Xa bỏ lòng giận dữ, trừ diệt tánh kiêu căng, giải thoát mọi ràng buộc, không chấp trước danh sắc; người không có một vật chi ấy, sự khổ chẳng còn theo dõi được—One should give up anger; one should abandon pride. One should overcome all fetters. No suffering befall him who calls nothing his own.
222. Người nào ngăn được cơn giận dữ nổi lên như dừng được chiếc xe đang chạy mạnh, mới là kẻ chế ngự giỏi, ngoài ra chỉ là kẻ cầm cương hờ mà thôi—He who controls his anger which arises as a rolling chariot. He is a true charioteer. Other people are only holding the rein.
223. Lấy từ bi thắng nóng giận, lấy hiền lành thắng hung dữ, lấy bố thí thắng xan tham, lấy chơn thật thắng ngoa ngụy—Conquer anger by love; conquer evil by good; conquer stingy by giving; conquer the liar by truth.
224. Nói chân thật, không giận hờn, đích thân bố thí cho người đến xin. Đó là ba việc lành đưa người đến cõi chư Thiên—One should speak the truth. One should not be angry. One should give when asked to. These are three good deeds that help carry men the realm of heaven.
225. Không làm hại người thanh tịnh, thường chế phục thân tâm, thì đạt đến nơi chẳng chết; chẳng còn ưu bi—Those sages who do no harm living beings, who always control their bodies, go to the deathless place where there is no more sorrow.
226. Những người thường giác tỉnh, thường tu tập chuyên cần, thường để chí hướng tới Niết bàn, thì mọi phiền não đều dứt sạch—Those who are ever watchful, who always cultivate to train their minds and to discipline themselves, their defilements will come to an end.
227. A-Đa-La nên biết: Đây không phải chỉ là chuyện đời nay mà đời xưa người ta cũng từng nói: Làm thinh bị người chê, nói nhiều bị người chê, nói ít cũng bị người chê. Làm người mà không bị chê, thật là chuyện khó có thể ở thế gian này—Atula! There is an old saying, it is not one of today only: “They blame those who sit silent, they blame those who

- speak too much. They blame those who speak little too." There is no one who is not blamed in this world.
228. Toàn bị người chê cả, hay toàn được người khen cả, là điều quá khứ chưa từng có, hiện tại tìm không ra, và vị lai cũng không dễ gì thấy được—There never was, there never will be, nor is there now, a person who is wholly blamed or wholly praised.
229. Cứ mỗi buổi mai thức dậy tự biết phản tỉnh, hành động không sai quấy, trí tuệ hiền minh và giới hạnh thanh tịnh, đó là người đáng được kể trí tán dương—Examining day by day, the wise praise him who is of flawless life, intelligent, endowed with knowledge and virtue.
230. Phẩm đúng loại vàng Diêm phù ai lại chê bai được? Hạnh đúng Bà la môn, chư thiên nào lại không tán thưởng?—Who would dare to blame him who is like a piece of pure gold? Even the gods and Brahma praise him.
231. Gìn giữ thân đừng nóng giận, điều phục thân hành động, xa lìa thân làm ác, dùng thân tu hạnh lành—One should guard against the bodily anger, or physical action, and should control the body. One should give up evil conduct of the body. One should be of good bodily conduct.
232. Gìn giữ lời nói đừng nóng giận, điều phục lời nói chánh chơn, xa lìa lời nói thô ác, dùng lời nói tu hành—One should guard against the anger of the tongue; one should control the
- tongue. One should give up evil conduct in speech. One should be of good conduct in speech.
233. Gìn giữ ý đừng nóng giận, điều phục ý tinh thuần, xa lìa ý hung ác, dùng ý để tu chân—One should guard against the anger of the mind; one should control the mind. One should give up evil conduct of the mind. One should practice virtue with the mind.
234. Người trí chẳng những lo điều phục thân nghiệp, còn điều phục ngôn ngữ và tâm ý, cả ba nghiệp thấy điều phục hoàn toàn—The wise are not only restrained in deed; they are also restrained in speech, and in mind too.

### XVIII. PHẨM CẤU UẾ— IMPURITIES

235. Người nay đã giống ngọn lá héo khô; Diêm ma sứ giả (tử thần) ở sát bên mình. Người đang đứng trước ngưỡng cửa chết, bước lữ đồ người thiếu hẳn tư lương—You are like a withered leaf now. The messenger of death is waiting for you. You are standing at the threshold of your departure, but you have no provision for your journey.
236. Người hãy tự tạo cho mình một hòn đảo an toàn, gấp rút tinh cần làm kẻ khôn ngoan, gạt sạch bao nhiêu phiền não trần cấu, để bước lên Thánh cảnh hàng chư thiên—Make yourself an island. Be wise to strive

- quickly! When you cleanse your impurities, you will enter into the heavenly world of the Ariyas (gods).
237. Đời sống người nay sắp lụn tàn, người đang dịch bước gần Diêm vương, giữa đường đã không nơi ngồi nghỉ, bước lữ hành người cũng thiếu hẳn tư lương—Your life has come to an end now. You stand in death presence. There is no resting place for you on the way, but you have no provision (are not prepared) for your journey.
238. Người hãy tạo lấy cho mình một hòn đảo an toàn, gấp rút tinh cần làm kẻ khôn ngoan, gột sạch bao nhiêu phiền não trần cấu, chớ trở lui đường sanh lão nguy nan—Make an island for yourself. Be wise to strive quickly! When you cleanse your impurities, you will not come back again to birth and old age.
239. Hết sát na này đến sát na khác, người trí lo gột trừ dần những cấu uế nơi mình như anh thợ vàng cần mẫn lọc trừ quặng bã khỏi chất vàng ròng—From ksana to ksana, a wise person should remove his own impurities as a goldsmith removes the dross of silver.
240. Như sét do sắt sinh ra rồi trở lại ăn sắt, cũng như ác nghiệp do người ta gây ra rồi trở lại dắt người ta đi vào cõi ác—As rust sprung from iron eats itself away when arisen, just like ill deeds lead the doer to a miserable state.
241. Không tụng tập là vết nhơ của kinh điển, không siêng năng là vết nhơ của nghiệp nhà, biếng nhác là vết nhơ của thân thể và nơi ăn chốn ở, phóng túng là vết nhơ của phép hộ vệ—Non-recitation is the rust of incantation; non-repair is the rust of houses; sloth is the rust of bodily beauty; carelessness is the rust of the cultivator (watcher).
242. Tà hạnh là vết nhơ của người đàn bà, xan lẩn là vết nhơ của sự bố thí; đối với cõi này hay cõi khác, thì tội ác lại chính là vết nhơ—Misconduct is the taint of a woman; stinginess is the taint of a donor. Taints are indeed all evil things, both in this world and in the next.
243. Trong hết thảy nhơ cấu đó, vô minh cấu là hơn cả. Các người có trừ hết vô minh mới trở thành hàng Tỳ kheo thanh tịnh—The worst taint is ignorance, the greatest taint. Oh! Bhikshu! Cast aside this taint and become taintless.
244. Sống không biết xấu hổ, sống lỗ mãng trơ trẽn như quạ diều, sống chê bai kẻ khác, sống đại đờm khoa trương, sống ngạo mạn tà ác, sống như thế ấy chẳng khó khăn gì—Life is easy for the shameless one who is impudent as a crow, back-biting, arrogant and evil.
245. Sống biết hổ thẹn, thường cầu thanh tịnh, sống không đam mê dục lạc, sống khiêm tốn, sống trong sạch, sống dỗi dằn kiến thức, sống như thế mới thật khó làm—But life is hard for a modest, for one who seeks purity, one who is detached, humble, clean and clear thinking.

246. Trong thế gian này, ai hay sát sinh, hay nói dối, hay lấy cắp, hay phạm dâm, hay rượu chè say sưa—He who in this world destroys life, tells lie, takes others' wealth, commits adultery, is addicted to intoxicating liquors.
247. Ai có các hành vi đó, tức đã tự đào bỏ thiện căn của mình ngay ở cõi đời này—A person who has such actions, digs up his own good roots right in this life.
248. Các người nên biết: “Hễ không lo chế ngăn tức là ác.” Vậy các người chớ tham, chớ làm điều phi pháp mà phải sa vào thống khổ đời đời—You should remember this: “Indiscipline begets evil (don't try to stop evil is not different from doing evil).” Don't let greed and wickedness drag you to grief for a long time.
249. Vì có tín tâm hoan hỷ nên người ta mới bố thí, trái lại kẻ có tâm ganh ghét người khác được ăn, thì ngày hoặc đêm kẻ kia không thể nào định tâm được—Some people give according to their faith, or according to their pleasure. He who is envious of others' food and drink, will not attain tranquility by day or by night.
250. Nhưng kẻ nào đã cắt đứt, nhổ được, diệt được tâm tưởng ấy, thì ngày hoặc đêm, kẻ kia đều được định tâm—He who fully cut off, uprooted and destroyed such feeling, gain peace by day and by night.
251. Không lửa nào dữ bằng lửa tham dục, không cố chấp nào bền bằng tâm sân giận, không lưới nào trói buộc bằng lưới ngu si, không giòng sông nào đắm chìm bằng sông ái dục—There is no fire like passion, no grip like hatred, no net like ignorance, no river like craving.
252. Thấy lỗi người thì dễ, thấy lỗi mình mới khó. Lỗi người ta cố phanh tìm như tìm thóc trong gạo, còn lỗi mình ta cố che dấu như kẻ cờ gian bạc lận thu dấu quân bài—It is easy to see the faults of others, but it is difficult to perceive our own faults. A man winnows his neighbor's faults like chaff, but hides his own, as a dishonest gambler conceals a losing dice.
253. Nếu thấy lỗi người thì tâm ta dễ sinh nóng giận mà phiền não tăng thêm, nếu bỏ đi thì phiền não cũng xa lánh—He who sees others' faults, is easy to get irritable and increases afflictions. If we abandon such a habit, afflictions will also be gone.
254. Giữa hư không thì làm gì có dấu vết, trong ngoại đạo thì làm gì có Sa-môn, chúng sanh thì thích điều hư vọng mà Như lai làm gì còn hư vọng—Among externalists, there is no track in the air. There is no saint (true monk). Sentient beings delight in worldly vanity. The Tathagatas are free from worldly vanity.
255. Giữa hư không làm gì có dấu vết, trong ngoại đạo làm gì có Sa-môn, năm uẩn thì không thường trú mà Như Lai thì chẳng loạn động bao giờ—There is no track in the air. Among externalists there is no saint. The five aggregates are changing,

not eternal. The tathagatas are never shaken.

## XIX. PHẨM PHÁP TRỤ THE RIGHTEOUS

256. Sự lỗ mãng đâu phải hạnh của người phụng thờ Chánh pháp; vậy các người cần biện biệt cho rõ đâu chánh và đâu tà—Violence is not dharma; he who uses it is not righteous. A wise man should distinguish both right and wrong.
257. Không khi nào lỗ mãng, đúng phép và công bình mới là người dẫn đạo. Kẻ trí nhờ hộ trì Chánh pháp nên gọi là người an trụ Chánh pháp—Non-violence is Dharma; he who uses it is righteous. An intelligent person who is a guardian of the law, is called one who abides by the law.
258. Chẳng phải cậy nhiều lời mà cho là người có trí, nhưng an tịnh không cừ oán, không sợ hãi mới là người có trí—A man is not called a learned man because he talks much. He who is peaceful, without hatred and fearless, is called learned and wise.
259. Chẳng phải cậy nhiều lời mà cho là người hộ trì Chánh pháp, nhưng tuy ít học mà do thân thực thấy Chánh pháp, không buông lung, mới là người hộ trì Chánh pháp—A man is not called a guardian of the Dharma because he talks much. He who hears little and sees Dharma mentally, acts the Dharma well, and does not neglect the Dharma, is indeed, a follower in the Dharma.
260. Trưởng lão, chẳng phải vì bạc đầu. Nếu chỉ vì tuổi tác cao mà xưng trưởng lão, thì đó chỉ là xưng xuông—A man is not called an elder because his hair is gray. Ripe and wise is he in age.
261. Đủ kiến giải chân thật, giữ trọn các pháp hành, không sát hại sinh linh, lo tiết chế điều phục, đó mới là có trí: trừ hết các cấu nhơ, mới đáng danh trưởng lão—A man in whom are truth, virtue, harmlessness, restraint and control, that wise man who is steadfast and free from impurity, is indeed called an elder.
262. Những người hư ngụy, tật đố và xan tham, tuy có biện tài lưu loát, tướng mạo đoan trang cũng chẳng phải là người lương thiện—A man who is jealous, selfish, and deceitful does not become good-natured by mere eloquence, nor by handsome appearance.
263. Chỉ nhờ trừ diệt tận gốc lòng sân hận, mới là người lương thiện—Only he who eradicates hatred, is indeed called good-natured.
264. Người vọng ngữ về pháp giới, dù cạo tóc chưa phải là sa-môn; huống còn chất đầy tham dục, làm sao thành được bậc sa-môn?—Not by a shaven head does an undisciplined man who utters lies on the Dharma, become a monk. How can one who is full of desire and greed be a monk?
265. Người nào dứt hết các điều ác, không luận lớn hay nhỏ; nhờ dứt hết

- các ác, mà được gọi sa-môn—A man who wholly subdues evil deeds, both small and big, is called a monk because he is a subduer of his passion.
266. Chỉ mang bình khát thực, đâu phải là Tỳ kheo! Chỉ làm nghi thức tôn giáo, cũng chẳng Tỳ Kheo vậy!—A man who only asks others for alms is not a mendicant! Not even if he has professed the whole Law.
267. Bỏ thiện và bỏ ác, chuyên tu hạnh thanh tịnh, lấy “biết” mà ở đời, mới thật là Tỳ Kheo—A man who has transcended both good and evil; who follows the whole code of morality; who lives with understanding in this world, is indeed called a bhikshu.
268. Kẻ ngu muội vô trí, dù làm thinh cũng không gọi được là tịch tịnh—A man who is dull and ignorant, by silence alone, does not become a sage.
269. Kẻ trí tuệ sáng suốt như bàn cân, biết cân nhắc điều thiện lẽ ác mà chọn lành bỏ dữ, mới gọi là người tịch tịnh. Biết được cả nội giới và ngoại giới nên gọi là người tịch tịnh—A wise man is the one who weighs what is thought worthy to be weighed. One who understands both worlds, is called a sage.
270. Còn sát hại chúng sanh, đâu được xưng là Ariya (hiền đức cao thượng)? Không sát hại chúng sanh mới gọi là Ariya—A man is not one of the Noble because he harms living beings. Through his harmlessness
- towards all living creatures is he called a Noble.
271. Chẳng phải do giới luật đầu đà, chẳng phải do nghe nhiều học rộng, chẳng phải do chứng được tam muội, chẳng phải do ở riêng một mình, đã vội cho là “hưởng được cái vui xuất gia, phạm phu không bì kịp.”—Not only by mere morality and austerities, nor by much learning, nor even by serene meditation, nor by secluded lodging, thinking “I enjoy the bliss of renunciation, which no common people can know.”
272. Các người chớ vội tin những điều ấy khi mê lầm phiền não của các người chưa trừ—Do not be confident as such until all afflictions die out.

## XX. PHẨM ĐẠO—THE PATH

273. Bát Chánh Đạo là đạo thù thắng hơn các đạo. Tứ đế là lý thù thắng hơn các lý. Ly dục là pháp thù thắng hơn các pháp. Cụ nhãn là bậc thù thắng hơn các bậc Thánh hiền—The best of paths is the Eightfold Path. The best of truths are the Four Noble Truths. Non-attachment is the best of states. The best of men is he who has eyes to see.
274. Chỉ có con đường này, chẳng còn con đường nào khác có thể làm cho tri kiến các người thanh tịnh. Các người thuận làm theo, thì bọn ma bị rối loạn—This is the only way. There is no other way that leads to the purity of vision. You follow this way, Mara is helpless before it.



275. Các người thuận tu theo Chánh đạo trên này, thì khổ não sẽ dứt hết, và biết rằng Đạo ta nói có sức trừ diệt chông gay—Entering upon that path, you will end your suffering. The way was taught by me when I understood the removal of thorns (arrows of grief).
276. Các người hãy tự nỗ lực lên! Như Lai chỉ dạy cho con đường giác ngộ, chứ không giác ngộ cho ai được. Sự trói buộc của ma vương sẽ tùy sức thiên định của các người mà được cởi mở—You should make an effort by yourself! The Tathagatas are only teachers. The Tathagatas cannot set free anyone. The meditative ones, who enter the way, are delivered from the bonds of Mara.
277. Các hành đều vô thường; khi đem trí tuệ soi xét được như thế thì sẽ nhàm lia thống khổ để đi đến giải thoát. Đó là Đạo thanh tịnh—All conditioned, or created things are transient. One who perceives this with wisdom, ceases grief and achieves liberation. This is the path to purity.
278. Các hành đều là khổ; khi đem trí tuệ soi xét được như thế thì sẽ nhàm lia thống khổ để được giải thoát. Đó là Đạo thanh tịnh—All conditioned things are suffering. One who perceives this with wisdom, ceases grief and achieves liberation. This is the path of purity.
279. Hết thấy pháp đều vô ngã; khi đem trí tuệ soi xét như thế thì sẽ nhàm lia thống khổ để được giải thoát. Đó là Đạo thanh tịnh—All conditioned things are without a real self. One who perceives this with wisdom, ceases grief and achieves liberation. This is the path of purity.
280. Khi đáng nỗ lực, không nỗ lực, thiếu niên cường tráng đã lười biếng, ý chí tiêu trầm và nhu nhược; kẻ biếng nhác làm gì có trí để ngộ Đạo—One who does not strive when it is time to strive, who though young and strong but slothful with thoughts depressed; such a person never realizes the path.
281. Thận trọng lời nói, kèm chế ý nghĩ, thân không làm ác, ba nghiệp thanh tịnh, là được Đạo Thánh Nhơn—Be watchful of speech, control the mind, don't let the body do any evil. Let purify these three ways of action and achieve the path realized by the sages.
282. Tu Du-già thì trí phát, bỏ Du-già thì tuệ tiêu. Biết rõ hay lẽ này thế nào là đắc thất, rồi nỗ lực thực hành, sẽ tăng trưởng thêm trí tuệ—From meditation arises wisdom. Lack of meditation wisdom is gone. One who knows this twofold road of gain and loss, will conduct himself to increase his wisdom.
283. Hãy đốn rừng dục vọng, chớ đốn cây thọ lâm; từ dục vọng sinh ra lo sợ, hãy thoát ngoài rừng dục vọng—Cut down the whole forest of passion, but not real trees. From the forest of desire springs fear. Let cut down the forest and be free !

284. Những sợi dây tình giữa gái trai chưa dứt thì tâm còn bị buộc ràng, như trâu con còn bú sữa, thì chẳng rời vú mẹ bao giờ—For as long as the smallest desire for women is not cut down, so long his mind still sticks to the world, like a sucking calf sticks to its mother-cow.
285. Tự mình dứt hết ái tình, như lấy tay bẻ cành sen thu; siêng tu Đạo tịch tịnh. Đó là Niết bàn mà đức Thiện thế đã truyền dạy—Cut down the love, as though you plucked an autumn lily with the fingers. Cultivate the path of peace. That is the Nirvana which expounded by the Auspicious One.
286. “Mùa mưa ta ở đây, đông hạ ta cũng ở đây,” đấy là tâm tưởng của hạng người ngu si, không tự giác những gì nguy hiểm—Here I shall live in the rainy season, here in the winter and the summer. These are the words of the fool. He fails to realize the danger (of his final destination).
287. Người đắm yêu con cái và súc vật thì tâm thường mê hoặc, nên bị tử thần bắt đi như xóm làng đang say ngủ bị cơn nước lũ lôi cuốn mà không hay—Death descends and carries away that man of drowsy mind greedy for children and cattle, just like flood sweeps away a sleeping village.
288. Một khi tử thần đã đến, chẳng có thân thuộc nào có thể thế thay, dù cha con thân thích chẳng làm sao cứu hộ—Nothing can be saved, nor sons,

nor a father, nor even relatives; there is no help from kinsmen can save a man from death.

289. Biết rõ lý lẽ trên, người trí hãy gắng trì giới, thấu hiểu đường Niết bàn, mau làm cho thanh tịnh—Realizing this fact, a wise man quickly clears the way that leads to Nirvana.

## XXI. PHẨM TẬP— MISCELLANEOUS

290. Nếu bỏ vui nhỏ mà được hưởng vui lớn, kẻ trí sẽ làm như thế—If by giving up a small happiness or pleasure, one may behold a larger joy. A far-seeing and wise man will do this (a wise man will leave the small pleasure and look for a larger one).
291. Gieo khổ cho người để cầu vui cho mình, sẽ bị lòng sân hận buộc ràng, không bao giờ thoát khỏi nỗi oán tắng—He who wishes his own happiness by hurting others, or by making others unhappy, will be bound by hatred. He himself is entangled and gets trapped in the hatred.
292. Việc đáng làm không làm, việc không đáng lại làm, những người phóng túng ngạo mạn, lậu tập mãi tăng thêm—What should have been done is left undone; what should not have been done is done. This is the way the arrogant and wicked people increase their grief.

293. Thường quan sát tự thân, không làm việc không đáng, việc đáng gắng chuyên làm, thì khổ đau lậu tập dần tiêu tan—Those who always earnestly practice controlling of the body, follow not what should not be done, and constantly do what should be done. This is the way the mindful and wise people end all their sufferings and impurities.
294. Hãy diệt mẹ (ái dục) và cha (kiêu căng), diệt hai dòng sát-đế-lợi, diệt Vương quốc, luôn cả quần thần mà hướng về Bà-la-môn vô ưu—Let's kill the mother of craving, the father of arrogance, two warrior kings of wrong views of eternalism and nihilism. Let's destroy the kingdom of senses and officials of attachments. Let's turn to the Brahman of ungrief.
295. Hãy diệt mẹ (ái dục) và cha (kiêu căng), diệt hai dòng Bà-la-môn, diệt luôn hổ tướng “nghi” thứ năm mà hướng về Bà-la-môn vô ưu—Let's kill the mother of craving, the father of arrogance, two Brahman kings of the wrong views of eternalism and nihilism. Let's destroy the official of Doubt and turn to the ungrieving Brahman.
296. Đệ tử Kiều Đáp Ma, phải luôn tự tỉnh giác, vô luận ngày hay đêm, thường niệm tưởng Phật Đà—The disciples of Gotama are always well awake. Those who always contemplate the Enlightened One by day and night.
297. Đệ tử Kiều Đáp Ma, phải luôn tự tỉnh giác, vô luận ngày hay đêm, thường niệm tưởng Đạt Ma—The disciples of Gotama are always well awake. Those who always contemplate the Dharma by day and night.
298. Đệ tử Kiều Đáp Ma, phải luôn tự tỉnh giác, vô luận ngày hay đêm, thường niệm tưởng Tăng già—The disciples of Gotama are always awake. Those who always contemplate the Sangha by day and night.
299. Đệ tử Kiều Đáp Ma, phải luôn tự tỉnh giác, vô luận ngày hay đêm, thường niệm tưởng sắc thân—The disciples of Gotama are always awake. Those who always contemplate the body by day and night.
300. Đệ tử Kiều Đáp Ma, phải luôn tự tỉnh giác, vô luận ngày hay đêm, thường vui điều bất sát—The disciples of Gotama are always awaken. Those who always contemplate delight in harmlessness or compassion by day and night.
301. Đệ tử Kiều Đáp Ma, phải luôn tự tỉnh giác, vô luận ngày hay đêm, thường ưa tu thiền quán—The disciples of Gotama are always awaken. Those who always contemplate delight in meditation by day and night.
302. Xuất gia dứt hết ái dục là khó, tại gia theo đường sinh hoạt là khó, không phải bận mà chung ở là khó, qua lại trong vòng luân hồi là khó.

Vậy các người hãy giác ngộ để đừng qua lại trong vòng thống khổ ấy—It is difficult to renounce the world. It is difficult to be a householder. It is painful to associate with those who are not friends. It is painful to be wandering in the samsara forever. Reaching the enlightenment and let wander no more! Let's suffer no more!

303. Chánh tín mà giới hạnh, được danh dự và thánh tài, người nào được như thế, đến đâu cũng tôn vinh—He who is full of faith and virtue, possessed of honor and holy wealth, revered and honoured wherever he goes.
304. Làm lành thì danh được vang xa, tỏ rạng như lên núi tuyết, làm ác thì tối tăm như bắn cung ban đêm—Good men shine, even afar like the peaks of Himalaya, but wicked men fade away just like the arrow shot by night.
305. Ngồi một mình, nằm một mình, đi đứng một mình không buồn chán, một mình tự điều luyện, vui trong chốn rừng sâu—He who sits alone, sleeps alone, walks and stands alone, unwearied; he controls himself, will find joy in the forest.

## XXII. PHẨM ĐỊA NGỤC—WOEFUL STATE

- ngục—The speaker of untruth goes down; also he who denies what he has done, both sinned against truth. After death they go together to hells.
307. Không ngăn trừ ác hạnh thì dù mặc áo cà sa, người ác cũng sẽ vi nghiệp ác, chết phải đọa địa ngục—A yellow saffron robe does not make him a monk. He who is of evil character and uncontrolled or unrestrained; such an evil-doer, by his evil deeds, is born in a woeful state.
308. Phá giới chẳng tu hành, thà nuốt hũn sắt nóng hừng hực lửa đốt thân còn hơn thọ lãnh của tín thí—It is better to swallow a red-hot iron ball than to be an immoral and uncontrolled monk feeding on the alms offered by good people.
309. Buông lung theo tà dục, sẽ chịu bốn việc bất an: mắc tội vô phước, ngủ không yên, bị chê là vô luân, đọa địa ngục—Four misfortunes occur to a careless man who commits adultery: acquisition of demerit, restlessness, moral blame and downward path.
310. Vô phước đọa ác thú bị khủng bố, ít vui, quốc vương kết trọng tội: đó là kết quả của tà dâm. Vậy chớ nên phạm đến—There is acquisition of demerit as well as evil destiny. No joy of the frightened man. The king imposes a heavy punishment. Therefore, man should never commit adultery.
311. Cũng như vụng nắm cỏ cô-sa (cỏ thơm) thì bị đứt tay, làm sa-môn mà

306. Thường nói lời vọng ngữ thì sa đọa; có làm mà nói không, người tạo hai nghiệp ấy, chết cũng đọa địa

- theo tà hạnh thì bị đọa địa ngục—  
Just as kusa grass cuts the hand of  
those who wrongly grasped. Even so  
the monk who wrongly practised  
ascetism leads to a woeful state.
312. Những người giải đãi, nhiệm ô  
và hoài nghi việc tu phạm hạnh, sẽ  
không làm sao chứng thành quả  
lớn—An act carelessly performed, a  
broken vow, and a wavering  
obedience to religious discipline, no  
reward can come from such a life.
313. Việc đáng làm hãy làm cho hết  
sức! Phóng dãng và rong chơi chỉ  
tăng thêm trần dục mà thôi—Thing  
should be done, let's strive to do it  
vigorously, or do it with all your  
heart. A debauched ascetic only  
scatters the dust more widely.
314. Không tạo ác nghiệp là hơn, vì  
làm ác nhứt định thọ khổ; làm các  
thiện nghiệp là hơn, vì làm lành nhứt  
định thọ vui—An evil deed is better  
not done, a misdeed will bring future  
suffering. A good deed is better done  
now, for after doing it one does not  
grieve.
315. Như thành quách được phòng hộ  
thế nào, tự thân các người cũng phải  
nên phòng hộ như thế. Một giây lát  
cũng chớ buông lung. Hễ một giây  
lát buông lung là một giây lát sa đọa  
địa ngục—Like a frontier fortress is  
well guarded, so guard yourself,  
inside and outside. Do not let a  
second slip away, for each wasted  
second makes the downward path.
316. Không đáng hổ lại hổ, việc đáng  
hổ lại không, cứ ôm tà kiến ấy, địa  
ngục khó lánh xa—Those who  
embrace the wrong views, are  
ashamed of what is not shameful, and  
are not ashamed of what is shameful,  
will not be able to avoid the hell .
317. Không đáng sợ lại sợ, việc đáng  
sợ lại không, cứ ôm tà kiến ấy, địa  
ngục khó lánh xa—Those who fear  
when they should not fear, and don't  
fear in the fearsome, embrace these  
false views, will not be able to avoid  
the hell.
318. Không lỗi tưởng là lỗi, có lỗi lại  
tưởng không, cứ ôm tà kiến ấy, địa  
ngục khó lánh xa—Those who  
perceive faults in the faultless, and  
see no wrong in what is wrong; such  
men, embracing false doctrines, will  
not be able to avoid the hell.
319. Lỗi biết rằng lỗi, không lỗi biết  
rằng không lỗi, giữ tâm chánh kiến  
ấy, đường lành thấy chẳng xa—  
Those who perceive wrong as wrong  
and what is right as right, such men,  
embracing right views and go to the  
blissful state.

### XXIII. PHẨM VOI—THE ELEPHANT

320. Voi xuất trận nhẩn chịu cung tên  
như thế nào, ta đây thường nhẩn chịu  
mọi điều phỉ báng như thế ấy. Thật  
vậy, đời rất lắm người phá giới  
(thường ghét kẻ tu hành)—As an  
elephant in the battlefield endures  
the arrows shot from a bow, I shall  
withstand abuse in the same manner.  
Truly, most common people are

- undisciplined (who are jealous of the disciplined).
321. Luyện được voi để đem dự hội, luyện được voi để cho vua cỡi là giỏi, nhưng nếu luyện được lòng ẩn nhẫn trước sự chê bai, mới là người có tài điều luyện hơn cả mọi người—To lead a tamed elephant in battle is good. To tame an elephant for the king to ride it better. He who tames himself to endure harsh words patiently is the best among men.
322. Con la thuần tánh là con vật lành tốt, con tuấn mã tìn độ là con vật lành tốt, nhưng kẻ đã tự điều luyện được mình lại càng lành tốt hơn—Tamed mules are excellent; Sindhu horses of good breeding are excellent too. But far better is he who has trained himself.
323. Chẳng phải nhờ xe hay ngựa mà đến được cảnh giới Niết bàn, chỉ có người đã điều luyện lấy mình mới đến được Niết bàn—Never by those vehicles, nor by horses would one go to Nirvana. Only self-tamers who can reach Nirvana.
324. Con voi tên là Tài Hộ (Mhamapala-Hộ vệ tài sản) nhưng đến kỳ phát dục thì lưng lẳng khó trị, khó buộc trói, không ăn gì cả và chỉ tưởng nhớ đến rừng sâu—The elephant named Dhanapalaka, with pungent juice flowing, uncontrollable and difficult to hold, eats no morsel; he longs for the elephant grove.
325. Như heo kia ưa ngủ, lại tham ăn, kẻ phạm ngu vì tham ăn ưa ngủ, nên phải bị tiếp tục sanh mãi trong vòng luân hồi—The stupid one, who is torpid, gluttonous, sleepy and rolls about lying like a hog nourished on pig-wash, that fool finds rebirth again and again.
326. Trong những thời quá khứ, ta cũng từng thả tâm theo dục lạc, tham ái và nhân du, nhưng nay đã điều phục được tâm ta như con voi đã bị điều phục dưới tay người quản tượng tài giỏi—In the past times, this mind went wandering wherever it liked, as it wished and as it pleased. But now I shall completely hold it under control as a rider with his hook a rutting elephant.
327. Hãy vui vẻ siêng năng, gìn giữ tự tâm để tự cứu mình ra khỏi nguy nan, như voi gắng sức để vượt khỏi chốn sa lầy—Take delight in heedfulness, check your mind and be on your guard. Pull yourself out of the evil path, just like the elephant draws itself out of the mud.
328. Nếu gặp bạn đồng hành hiền lương cẩn trọng, giàu trí lự, hàng phục được gian nguy, thì hãy vui mừng mà đi cùng họ—If you get a prudent and good companion who is pure, wise and overcoming all dangers to walk with, let nothing hold you back. Let find delight and instruction in his companion.
329. Nếu không gặp được bạn đồng hành hiền lương, giàu trí lự, thì hãy như vua tránh nước loạn như voi bỏ về rừng—If you do not get a prudent and good companion who is pure, wise and overcoming all dangers to

walk with; then like a king who has renounced a conquered kingdom, you should walk alone as an elephant does in the elephant forest.

330. Thà ở riêng một mình hơn cùng người ngu kết bạn. Ở một mình còn rảnh rang khỏi điều ác dục như voi một mình thênh thang giữa rừng sâu—It is better to live alone than to be fellowship with the ignorant (the fool). To live alone doing no evil, just like an elephant roaming in the elephant forest.
331. Gặp bạn xa lâu ngày là vui, sung túc phải lúc là vui, mệnh chung có được thiện nghiệp là vui, lìa hết thống khổ là vui—It is pleasant to have friends when need arises. Enjoyment is pleasant when shared with one another. Merit is pleasant when life is at its end. Shunning of (giving up) all evil is pleasant.
332. Được kính dưỡng mẹ hiền là vui, kính dưỡng thân phụ là vui, kính dưỡng sa-môn là vui, kính dưỡng Thánh nhơn là vui—To revere the mother is pleasant; to revere the father is pleasant; to revere the monks is pleasant; to revere the sages is pleasant.
333. Già vẫn sống đức hạnh là vui, thành tựu chánh tín là vui, đầy đủ trí tuệ là vui, không làm điều ác là vui—To be virtue until old age is pleasant; to have steadfast faith is pleasant; to attain wisdom is pleasant; not to do evil is pleasant.

## XXIV. PHẨM ÁI DỤC—CRAVING

334. Nếu bông lung thì tham ái tăng lên hoài như giống cỏ Tỳ-la-na mọc tràn lan, từ đời này tiếp đến đời nọ như vượn chuyền cây tìm trái—Craving grows like a creeper which creeps from tree to tree just like the ignorant man wanders from life to life like a fruit-loving monkey in the forest.
335. Nếu ở thế gian này mà bị ái dục buộc ràng, thì những điều sầu khổ càng tăng mãi như loài cỏ tỳ-la gặp mưa—Whoever binds to craving, his sorrows flourish like well-watered birana grass.
336. Nếu ở thế gian này, mà hàng phục được những ái dục khó hàng phục, thì sầu khổ tự nhiên rụng tàn như nước ngọt lá sen—Whoever in this world overcomes this unruly craving, his sorrows fall away just like water-drops from a lotus leaf.
337. Đây là sự lành mà Ta bảo với các người: “Các người hãy đồn sức vào để nhổ sạch gốc ái dục, như người muốn trừ sạch giống cỏ tỳ-la phải nhổ hết gốc nó. Các người chớ lại để bị ma làm hại như loài cỏ lau gặp cơn hồng thủy!”—This is my advice to you: “Root out craving; root it out, just like birana grass is rooted out. Let not Mara crush you again and again as a flood crushes a reed!
338. Đốn cây mà chưa đào hết gốc rễ thì tước vẫn ra hoài, đoạn trừ ái dục mà chưa sạch căn gốc thì khổ não vẫn nảy sinh trở lại mãi—Latent craving is not conquered, suffering

- recovers and grows again and again, just like a tree hewn down grows up again as long as its roots is unrooted.
339. Những người có đủ 36 dòng ái dục, họ mạnh mẽ dong ruổi theo dục cảnh chẳng chút ngại ngùng, bởi vậy người đã có tâm tà kiến, hằng bị những tư tưởng ái dục làm trôi dạt hoài—If in any man, the thirty-six streams of craving are still flowing, such deluded person is still looking for pleasure and passion, and torrential thoughts of lust sweep him away.
340. Lòng ái dục tuôn chảy khắp nơi như giống cỏ man-la mọc tràn lan mặt đất. Người hãy xen giống cỏ đó để dùng tuệ kiếm đoạn hết căn gốc ái dục đi—Streams of pleasure and passion flow in all directions, just like the creeper sprouts and stands. Seeing the creeper that has sprung up in your mind, cut it off with wisdom.
341. Người đời thường vui thích theo ái dục, ưa dong ruổi lục trần, tuy họ có hưởng cầu an lạc mà vẫn bị quanh quẩn trong chốn trầm luân—Common people are subject to attachment and thirst; they are always happy with pleasure; they run after passion. They look for happiness, but such men caught in the cycle of birth and decay again and again.
342. Những người trì trệ theo ái dục khác nào thỏ bị sa lưới. Càng buộc ràng với phiền não, càng chịu khổ lâu dài—Men who are crazed with craving, are terrified like hunted hares. The more they hold fast by fetters, bonds, and afflictions, the longer they suffer.
343. Những người trì trệ theo ái dục, khác nào thỏ bị sa lưới. Hàng Tỳ kheo vì cầu vô dục nên phải trước tự gắng lìa dục—Men who are crazed with craving, are terrified just like hunted hares. Therefore, a monk who wishes his own passionlessness, should first banish craving.
344. Người đã lìa dục xuất gia, lại tìm vui ở chốn sơn lâm, khác nào trở lại nhà; người hãy xem hạng người đó, kẻ đã được mở ra rồi lại tự trở vào!—He who is free from desire for the household, finds pleasure (of asceticism or monastic life) in the forest, yet run back to that very home. Look at that man! He runs right back into that very bondage again!
345. Đối với người trí, sự trói buộc bằng dây gai, bằng cây, bằng sắt chưa phải kiên cố, chỉ có lòng luyến ái vợ con tài sản mới thật sự là sự trói buộc chắc bền—To a wise man, the bondage that is made of hemp, wood or iron, is not a strong bond, the longing for wives, children, jewels, and ornaments is a greater and far stronger attachment.
346. Những kẻ dắt người vào sa đọa, là như sự trói buộc chắc bền, nó hình như khoan dung hòa huyễn mà thật khó lòng thoát ra. Hãy đoạn trừ đừng dính mắc, lìa dục mà xuất gia—The wise people say that that bond is very strong. Such fetters seem supple, but



- hard to break. Break them! Cut off desire and renounce the world!
347. Những người say đắm theo ái dục, tự lao mình trong lưới buộc như nhện giăng tơ. Ai dứt được sự ràng buộc không còn dính mắc nữa, thì sẽ xa mọi thống khổ để ngao du tự tại—A man infatuated with lust falls back into the stream as a spider into the web spun by itself. He who cuts off this bond, retire from the world, with no clinging, will leave all sorrow behind.
348. Bỏ quá khứ, hiện tại, vị lai, mà vượt qua bờ kia; tâm đã giải thoát tất cả, thì không còn bị sanh già trở lại—Leave the past behind; let go the future; and give up the present; crossing the shore of existence, with mind released from everything, will not again undergo birth and old age.
349. Những kẻ bị tư tưởng xấu ác làm tao loạn, thường cầu mong dục lạc thật nhiều. Mong dục lạc tăng nhiều là tự trói mình càng thêm chắc chắn—Men who are disturbed by evil thoughts, swayed by strong passions and yearned only for pleasure; his craving grows more and more. Surely he strengthens his own fetters.
350. Muốn lìa xa ác tưởng hãy thường nghĩ tới bất tịnh. Hãy trừ hết ái dục, đừng để ác ma buộc ràng—He who wants to subdue evil thoughts, should meditate on the impurities of the body. Be mindful to make an end of craving, and to stop Mara's bond.
351. Bước tới chỗ cứu cánh thì không còn sợ hãi; xa lìa ái dục thì không còn nhiễm ô: nhỏ lấy mũi tên sanh hữu thì chỉ còn một thân này là cuối cùng, không bị tiếp tục sanh nữa—He who has reached the goal, without fear, without craving and without desire, has cut off the thorns of life. This is his final mortal body.
352. Xa lìa ái dục không nhiễm trước, thông đạt từ vô ngại, thấu suốt nghĩa vô ngại, và thứ lớp của tự cú, đó thật là bậc đại trí đại tượng phu, chỉ còn một thân này là cuối cùng, không bị tiếp tục sinh nữa—He who is without craving, without attachment; who understands subtleties of words and meanings; they are truly a great wise who bear the final mortal body.
353. Ta đã hàng phục tất cả. Ta đã rõ biết tất cả. Ta không nhiễm một pháp nào. Ta xa lìa hết thảy, diệt dục mà giải thoát và tự mình chứng ngộ, thì còn ai là Thầy ta nữa—I have overcome myself, I do know all. I am attached to none. I have renounced all, I am free from all craving; having by myself attained supernatural knowledge, to whom shall I call my teacher?
354. Trong các cách bố thí, pháp thí là hơn cả; trong các chất vị, pháp vị là hơn cả; trong các hỷ lạc, pháp hỷ là hơn cả; người nào trừ hết mọi ái dục là vượt trên mọi đau khổ—No gift is better than the gift of Truth (Dharma). No taste is sweeter than the taste of truth. No joy is better than the joy of Truth. No conquest is

better than the conquest of craving; it overcomes all suffering.

355. Giàu sang chỉ làm hại người ngu chứ không phải để cầu sang bờ giác. Người ngu bị tài dục hại mình như mình đã vì tài dục hại người khác—Riches ruin the foolish, not the seekers of Nirvana. He who craves for wealth destroys himself as if he were ruining others.
356. Cỏ làm hại rất nhiều ruộng vườn, tham dục làm hại rất nhiều thế nhân. Vậy nên bố thí cho người lìa tham, sẽ được quả báo lớn—Human beings are damaged by lust just as weeds damage the fields. Therefore, what is given to those who are lustless, yields great reward.
357. Cỏ làm hại rất nhiều ruộng vườn, sân nhuế làm hại rất nhiều thế nhân. Vậy nên bố thí cho người lìa sân, sẽ được quả báo lớn—Human beings are damaged by hatred in just the same manner as weeds damage the fields. Therefore, to give to those who are free from hatred, yields great reward.
358. Cỏ làm hại rất nhiều ruộng vườn, ngu si làm hại rất nhiều thế nhân. Vậy nên bố thí cho người lìa si, sẽ được quả báo lớn—Human beings are damaged by delusion just like weeds damage the fields. Therefore, to give to those who are free from delusion, yields great reward.
359. Cỏ làm hại rất nhiều ruộng vườn, ái dục làm hại rất nhiều thế nhân. Vậy nên bố thí cho người lìa dục, sẽ được quả báo lớn—Human beings

are damaged by craving just like weeds damage the fields. Therefore, to give to those who rid of craving, yields great reward.

## XXV. PHẨM TỖ KHEO THE BHIKSHU

360. Chế phục được mắt, lành thay; chế phục được tai, lành thay; chế phục được mũi, lành thay; chế phục được lưỡi, lành thay—It is good to have control of the eye; it is good to have control of the ear; it is good to have control of the nose; it is good to have control of the tongue.
361. Chế phục được thân, lành thay; chế phục được lời nói, lành thay; chế phục được tâm ý, lành thay; chế phục được hết thảy, lành thay. Tỳ kheo nào chế phục được hết thảy thì giải thoát hết thảy khổ—It is good to have control of the body; it is good to have control of speech; it is good to have control of everything. A monk who is able to control everything, is free from all suffering.
362. Gìn giữ tay chân và ngôn ngữ, gìn giữ cái đầu cao, tâm mến thích thiền định, riêng ở một mình, thanh tịnh và tự biết đầy đủ, ấy là bậc Tỳ kheo—He who controls his hands and legs; he who controls his speech; and in the highest, he who delights in meditation; he who is alone, serene and contented with himself. He is truly called a Bhikhshu.

363. Tỳ kheo nào điều nhiếp được ngôn ngữ, khôn khéo và tịch tịnh, thì khi diễn bày pháp nghĩa, lời lẽ rất hòa ái rõ ràng—The Bhikhshu who controls his tongue, who speaks wisely of the Dharma, who is pure and humble, his speech is indeed sweet.
364. Tỳ kheo nào an trú trong lạc viên Chánh-pháp, mến pháp và theo pháp, tư duy nhờ tưởng pháp, thì sẽ không bị thối chuyển khỏi tịnh đạo—That Bhikhshu who dwells in the Dharma (makes the Dharma his own garden); who delights in the Dharma; who meditates on the Dharma, will never fall away from the pure path.
365. Chớ nên khinh điều mình đã chứng, chớ thêm muốn điều người khác đã chứng. Tỳ kheo nào chỉ lo thêm muốn điều người khác tu chứng, cuối cùng mình không chứng được tam-ma-địa (chánh định)—Let's not despise what one has received; nor should one envy the gain of others. A monk who envies the gain of others, does not attain the tranquility of meditation.
366. Hàng Tỳ kheo dù được chút ít cũng không sinh tâm khinh hiềm, cứ sinh hoạt thanh tịnh và siêng năng, nên đáng được chư thiên khen ngợi—Though receiving little, if a Bhikhshu does not disdain his own gains, even the gods praise such a monk who just keeps his life pure and industrious.
367. Nếu với thân tâm không lăm chấp là “ta” hay “của ta.” Vì không ta và của ta nên không lo sợ. Người như vậy mới gọi là Tỳ kheo—He who has no thought of “I” and “mine,” for whatever towards his mind and body he does not grieve for that which he has not. He is indeed called a Bhikhshu.
368. Hàng Tỳ kheo an trú trong tâm từ bi, vui thích giáo pháp Phật Đà, sẽ đạt đến cảnh giới tịch tịnh an lạc, giải thoát các hành (vô thường)—A Bhikhshu who abides in loving-kindness, who is pleased with with the Buddha's Teaching, will attain to a state of peace and happiness, and emancipate from all conditioned things.
369. Tỳ kheo múc nước trong chiếc thuyền này, hễ nước hết thì thuyền nhẹ và mau đi; Cũng như thế, đoạn trừ tham dục và sân nhuế trong thân này, hễ tham dục hết thì mau chứng đến Niết bàn—When you empty the water in this boat, it will move faster. In the same manner, if you cut off passion and hatred in yourself, you will reach Nirvana faster.
370. Tỳ kheo nào đoạn được năm điều phiền não: tham, sân, si, mạn, nghi; bỏ được năm điều: tham ái sắc, tham ái vô sắc, lừa đảo, phóng dật, và si mê; siêng tu năm điều: tín, tấn, niệm, định, huệ; vượt khỏi năm điều say đắm: tham ái, sân hận, si mê, tà kiến. Ta gọi là người đã vượt qua dòng nước lũ—He who cuts off five: lust, hatred, ignorance, egoism, doubt; renounces five: attachment to form, to formless, to conceit, to restlessness, and ignorance;

- cultivates five more: faith, effort, watchfulness, concentration, wisdom. A monk who escapes from the five fetters: lust, hate, delusion, pride, false views; is called one who has crossed the flood.
371. Nay các Tỳ Kheo, hãy mau tu thiền định! Chớ buông lung, chớ mê hoặc theo dục ái. Đừng đợi đến khi nuốt hườn sắt nóng, mới ăn năn than thở—Meditate monk! Meditate! Be not heedless. Do not let your mind whirl on sensual pleasures. Don't wait until you swallow a red-hot iron ball, then cry, "This is sorrow!"
372. Không có trí huệ thì không có thiền định, không có thiền định thì không có trí tuệ. Người nào gồm đủ thiền định và trí tuệ thì gần đến Niết bàn—There is no concentration in one who lacks wisdom, nor is there wisdom in him who lacks concentration. He who has both concentration and wisdom is near Nirvana.
373. Tỳ kheo đi vào chỗ yên tĩnh thì tâm thường vắng lặng, quán xét theo Chánh pháp thì được thọ hưởng cái vui siêu nhân—A monk who has retired to a lonely place, who has calmed his mind, who perceives the doctrine clearly, experiences a joy transcending that of men.
374. Người nào thường nghĩ đến sự sanh diệt của các uẩn, thì sẽ được vui mừng hạnh phúc. Nên biết: người đó không bị chết—He who always reflects on the rise and fall of the aggregates, he experiences joy and happiness. He is deathless.
375. Nếu là bậc Tỳ kheo sáng suốt, dù ở trong đời, trước tiên vẫn lo nhiếp hộ các căn và biết đủ, hộ trì giới luật—A wise monk must first control the senses, practise equanimity, follow discipline as laid down in the sutra. ,
376. Thái độ thì phải thành khẩn, hành vi thì phải đoan chánh; được vậy, họ là người nhiều vui và sạch hết khổ não—Let him be cordial in his ways and refined in behavior; he is filled with joy and make an end of suffering.
377. Cành hoa Bạt-tát-ca bị úa tàn như thế nào, thì Tỳ kheo các ông, cũng làm cho tham sân úa tàn thế ấy—You should cast off lust and hatred just as the jasmine creeper sheds it withered flowers.
378. Vị Tỳ kheo nào thân ngữ thanh tịnh, tâm an trú tam muội, xa lìa nơi dục lạc, Ta gọi họ là người tịch tịnh—The monk whose body is calm, whose mind and speech are calm, who has single-mindedly, and who refuses the world's seductions (baits of the world), is truly called a peaceful one.
379. Các người hãy tự kính sách, các người hãy tự phản tỉnh! Tự hộ vệ và chánh niệm theo Chánh pháp mới là Tỳ kheo an trụ trong an lạc—Censure or control yourself. Examine yourself. Be self-guarded and mindful. You will live happily.

380. Chính các nười là kẻ bảo hộ cho các người, chính các người là nơi nương náu cho các người. Các người hãy gắng điều phục lấy mình như thương khách lo điều phục con ngựa mình—You are your own protector. You are your own refuge. Try to control yourself as a merchant controls a noble steed.
381. Tỳ kheo nào đầy tâm hoan hỷ, thành tín theo giáo pháp Phật Đà, sẽ đạt đến cảnh giới tịch tịnh an lạc, giải thoát các hành (vô thường)—He who is full of joy, full of faith in the Buddha's Teaching, will attain the peaceful state, the cessation of conditioned things, and supreme bliss.
382. Những Tỳ kheo tuy tuổi nhỏ mà siêng tu đúng giáo pháp Phật Đà, là ánh sáng chiếu soi thế gian, như mặt trăng ra khỏi mây mù—The Bhikkhu, though still young, ceaselessly devotes himself to the Buddha's Teaching, illumines this world like the moon escaped from a cloud.

## XXVI. PHẨM BÀ LA MÔN THE BRAHMANA

383. Dững cảm đoạn trừ dòng ái dục, các người mới là Bà-la-môn! Nếu thấu rõ các uẩn diệt tận, các người liền thấy được vô tác (Niết bàn)—

Strive hard to cut off the stream of desires. Oh! Brahman! Knowing that all conditioned things will perish. Oh! Brahman! You are a knower of the Unmade Nirvana!

384. Nhờ thường trú trong hai pháp, hàng Bà-la-môn đạt đến bờ kia; dù có bao nhiêu ràng buộc, đều bị trí tuệ dứt sạch—Abiding in the two states of tranquility and insight, a Brahman is freed from all fetters and reaches the other shore.
385. Không bờ kia cũng không bờ này, hai bờ đều không thật, chỉ xa lìa khổ não chẳng bị trói buộc nữa. Ta gọi họ là Bà-la-môn—There exists neither the hither nor the farther shore, nor both the hither and the farther shore. He who is undistressed and unbound, I call him a Brahmana.
386. Ai nhập vào thiền định, an trụ chỗ ly trần, sự tu hành viên mãn, phiền não lậu dứt sạch, chứng cảnh giới tối cao, Ta gọi họ là Bà-la-môn—He who is meditative, stainless and secluded; he who has done his duty and is free from afflictions; he who has attained the highest goal, I call him a Brahmana.

387. Mặt trời chiếu sáng ban ngày, mặt trăng chiếu sáng ban đêm, khí giới chiếu sáng dòng vua chúa, thiền định chiếu sáng kẻ tu hành, nhưng hào quang Phật chiếu sáng khắp thế gian—The sun shines in the day; at night shines the moon; the armor shines the warrior king; the Brahman is bright in his meditation. But the

- Buddha shines in glory ceaselessly day and night.
388. Dứt bỏ các ác nghiệp, gọi là Bà-la-môn; thường tu hành thanh tịnh, thì gọi là Sa-môn; còn trừ bỏ cấu uế, gọi là người xuất gia—He who has discarded evil is called a Brahmana. He who lives in peace called a Sramana. He who gives up all impurities is called a Pabbajita (religious recluse).
389. Chớ nên đánh đập Bà-la-môn! Bà-la-môn chớ nên sân hận! Người đánh đập mang điều đáng hổ, người sân hận hay lấy oán trả oán lại càng đáng hổ hơn—One should not hurt a Brahmana, nor should a Brahmana let himself become angry on the one who hurt him (return evil for evil). Shame on him who strikes a Brahmana! More shame on him who let himself become angry, or who returns evil for evil!
390. Bà-la-môn! Đây không phải là điều ích nhỏ, nếu biết vui mừng chế phục tâm mình. Tùy lúc đoạn trừ tâm độc hại mà thống khổ sẽ được ngăn dứt liền—Brahmana! This is no small advantage. He who refrains from the pleasures of the senses; where non-violence is practiced, suffering will cease.
391. Chế ngăn thân, ngữ, ý không cho làm các điều ác, chế ngăn được ba chỗ đó, Ta gọi họ là Bà-la-môn—He who does no evil in body, speech and mind, who has firmly controlled these three, I called him a Brahmana.
392. Được nghe đấng Chánh đấng giác thuyết pháp, bất luận ở nơi nào, hãy đem hết lòng cung kính như Bà-la-môn kính thờ thần lửa—If from anyone one should understand the doctrine preached by the Fully Enlightened One, one should reverence him profoundly as a Brahmin worship before the ritual fire.
393. Chẳng phải vì núm tóc, chẳng phải vì chủng tộc, cũng chẳng phải tại nơi sanh mà gọi là Bà-la-môn; nhưng ai hiểu biết chân thật, thông đạt chánh pháp, đó mới là kẻ Bà-la-môn hạnh phúc—Not by matted hair, nor by family, nor by noble birth, one becomes a Brahmana. But he in whom there exists both truth and righteousness; he who practices truth and Dharma; he who makes himself holiness, I call him a Brahmana.
394. Người ngu bó tóc chùm hay cạo tóc, và chuyên mặc áo da lộc hay áo cà sa đâu có ích chi? Trong lòng còn chứa đầy tham dục, thì dung nghi bên ngoài chỉ là trang điểm sưng—What will matted or shaved hair do? What is the use of garment of goatskin, or yellow saffron robe? What is the use of polishing the outside when the inside is full of passions?
395. Dù mặc áo phẩn tảo, gầy ốm lộ gân xương, mà ở rừng sâu tu thiền định, Ta gọi là Bà-la-môn—The person who wears dust-heap robes, but who is lean and whose veins stand out, who meditates alone in the forest, I call him a Brahmana.

396. Bà-la-môn không phải từ bụng mẹ đẻ ra. Nếu cứ chấp chặt các phiền não, thì chỉ được gọi là “Bồ” suông. Người nào lìa hết chấp trước, dù nghèo Ta gọi Bà-la-môn—I do not call him a Brahmana merely because he is born of a Brahmin family or his mother is a Brahmin; nor do I call him who is wealthy a Brahmana. However, the poor man who is detached, I call him a Brahmana.
397. Đoạn hết các kiết sử, không còn sợ hãi chi, không bị đấm trước ràng buộc. Ta gọi là Bà-la-môn—He who is fetter-free, who trembles not, who is unshackable (goes beyond ties or free from all ties), I call him a Brahmana.
398. Như ngựa bỏ đai da, bỏ cương dây và đồ sở thuộc, người giác tri bỏ tất cả chướng ngại, Ta gọi là Bà-la-môn—He who has cut the strap of hatred, the thong of craving, and the rope of heresies, who has thrown up the cross bar of ignorance, who is enlightened, I call him a Brahmana.
399. Nhẫn nhục khi bị đánh mắng, không sanh lòng sân hận; người có đội quân nhẫn nhục hùng cường, Ta gọi là Bà-la-môn—He who is never angry, who endures reproach, whose powerful army is tolerance, I call him a Brahmana.
400. Đầy đủ các đức hạnh không nóng giận, trì giới thanh tịnh không dục nhiễm, thì chỉ ngang thân này là cuối cùng, không bị tiếp tục sanh nữa, người như thế, Ta gọi là Bà-la-môn—He who is never angry, but is dutiful and virtuous, free from craving, who is pure and restrained; who bears his final body, I call him a Brahmana.
401. Người nào không nhiễm đắm những điều ái dục như giọt nước trên lá sen, như hạt cải đặt đầu mũi kim, người như thế, Ta gọi là Bà-la-môn—He who does not cling to sensual pleasures, like water on a lotus leaf, like a mustard seed on the point of a needle, I call him a Brahmana.
402. Nếu ngay tại thế gian này, ai tự giác ngộ và diệt trừ đau khổ, trút bỏ gánh nặng mà giải thoát, người như thế, Ta gọi là Bà-la-môn—He who realizes even here in this world the destruction of his sorrow, whose burden is ended and whose sufferings are over, I call him a Brahmana.
403. Người có trí tuệ sâu xa, biết rõ thế nào là đạo, thế nào là phi đạo và chứng đến cảnh giới vô thượng, người như thế, Ta gọi là Bà-la-môn—He whose knowledge is deep and wisdom is profound, who knows right from wrong, who has reached the highest goal (realizes the truth), I call him a Brahmana.
404. Chẳng lẫn lộn với tục luân, chẳng tạp xen với Tăng lữ, xuất gia lìa ái dục, người như thế, Ta gọi là Bà-la-môn—He who is not intimate either with householders or with the homeless ones, who wanders without an abode, who has no desires, I call him a Brahmana.

405. Thả bỏ con dao sát hại đối với bất luận loài nào, lớn hay nhỏ, mà đã người như thế, Ta gọi là Bà-la-môn—He who does not use the rod to damage creatures, big or small, who neither harms nor kills, I call him a Brahmana.
406. Ở giữa đám người cừu địch mà gây tình hữu nghị, ở giữa đám người hung hăng cầm gậy mà giữ khí ôn hòa, ở giữa đám người chấp đấm mà lòng không chấp đấm, người như thế, Ta gọi là Bà-la-môn—He who is friendly among the hostile, who is peaceful among the violent, who is unattached among the attached, I call him a Brahmana.
407. Từ lòng tham dục, sân nhuế, kiêu mạn cho đến lòng hư ngụy đều thoát bỏ cả như bột cải không dính đầu mũi kim, người như thế, Ta gọi là Bà-la-môn—He whose passion, hatred, pride and hypocrisy fall off like a mustard seed from the point of a needle, I call him a Brahmana.
408. Chỉ nói lời chân thật hữu ích, chẳng nói lời thô ác, chẳng xúc giận đến ai, người như thế, Ta gọi là Bà-la-môn—He whose speech is truthful, useful, free from harshness that is inoffensive, I call him a Brahmana.
409. Đối với bất luận vật gì xấu hay tốt, dài hay ngắn, thô hay tế mà người ta không cho thì không bao giờ lấy, người như thế, Ta gọi là Bà-la-môn—He who takes nothing that is not given, good or bad, long or short, small or great, I call him a Brahmana.
410. Đối với đời này cũng như đời khác đều không mong lòng dục vọng, vô dục nên giải thoát, người như thế, Ta gọi là Bà-la-môn—He who, in this life or the next, has no desires and emancipated, I call him a Brahmana.
411. Người không còn tham dục và nghi hoặc thì được giác ngộ chứng bậc vô sanh, người như thế, Ta gọi là Bà-la-môn—He who has no longings, who is free from doubt through knowledge, who immerses himself in the deathless, I call him a Brahmana.
412. Nếu đối với thế gian này tâm không chấp trước thiện ác, thanh tịnh không ưu lo, người như thế, Ta gọi là Bà-la-môn—He who has gone beyond the bondage of good and evil, who is pure and without grief, I call him a Brahmana.
413. Dứt sạch ái dục không cho tiếp tục sanh ra, như trăng trong không bợn, như nước yên lặng sáng ngời, người như thế, Ta gọi là Bà-la-môn—He who is desireless and spotless as the moon, who is pure, serene and unperturbed, I call him a Brahmana.
414. Vượt khỏi con đường gồ ghề lầy lội, ra khỏi biển luân hồi ngu si mà lên đến bờ kia, an trú trong thiền định, không dục vọng, không nghi lầm, cũng không chấp đấm rằng mình chứng Niết Bàn tịch tịnh, người như thế, Ta gọi là Bà-la-môn—He who has passed beyond the muddy road, the ocean of life the delusion, and reaches the other shore; who is



- meditative, free from craving and doubts, free from attachment or clinging to a so-called Nirvana, I call him a Brahmana.
415. Xa bỏ dục lạc ngay tại đời này mà xuất gia làm Sa-môn, không cho phát sinh trở lại, người như thế, Ta gọi là Bà-la-môn—He who, in this very world, gives up sensual pleasures, wanders homeless, has renounced all desire for existence, I call him a Brahmana.
416. Xa bỏ ái dục ngay tại đời này mà xuất gia làm Sa-môn, không cho phát sinh trở lại, người như thế, Ta gọi là Bà-la-môn—He who, in this very life, gives up craving, wanders homeless, who destroys craving and becoming, I call him a Brahmana.
417. Ra khỏi trói buộc của nhân gian, vượt khỏi trói buộc ở thiên thượng, hết thấy trói buộc đều xa lánh, người như thế, Ta gọi là Bà-la-môn—He who is free from human ties and transcending celestial ties, who is completely delivered from all ties, I call him a Brahmana.
418. Xa bỏ những điều đáng mừng và điều không đáng mừng, thanh lương không phiền não, dũng mãnh hơn thế gian, người như thế, Ta gọi là Bà-la-môn—He who gives up pleasurable and unpleasurable, who is cool and undefiled, who has conquered the three worlds, I call him a Brahmana.
419. Nếu biết tất cả loài hữu tình tử thế nào, sinh thế nào, rồi đem tâm khôn khéo vượt qua, không chấp trước, người như thế, Ta gọi là Bà-la-
- môn—He who, in every way, knows the death and rebirth of beings, who is non-attached, happy and awakened, I call him a Brahmana.
420. Dù chư thiên, Càn-thát-bà hay nhân loại, không ai biết được nơi chốn của những vị A-la-hán đã dứt sạch phiền não, người như thế, Ta gọi là Bà-la-môn—He whose ways are known to neither gods, nor gandhabba, nor men, who has exhausted his sins and become a saint, I call him a Brahmana.
421. Đối với pháp quá khứ, vị lai hay hiện tại, người kia chẳng có một vật chi; người không chấp đắm một vật chi ấy, Ta gọi là Bà-la-môn—He who owns nothing, whether in the past, present and future, who is poor and attached to nothing, I call him a Brahmana.
422. Hạng người dũng mãnh tôn quý như trâu chúa, hạng người thắng lợi vô dục như đại tiên, hạng người tắm xong sạch sẽ và giác tỉnh, người như thế, Ta gọi là Bà-la-môn—He who is brave like a bull, noble, wise, pure, the conqueror, the desireless, the cleanser of defilements, the enlightened, I call him a Brahmana.
423. Những vị Mâu Ni (thanh tịnh) hay biết đời trước, thấy cả cõi thiên và các cõi đau khổ (ác thú), đã trừ diệt sự tục sinh, thiện nghiệp hoàn toàn, thành bậc vô thượng trí; người viên mãn thành tựu mọi điều như thế, Ta gọi là Bà-la-môn—The sage who knows his former abodes; who sees the blissful and the woeful states; who has reached the end of births; who, with superior wisdom, who has perfected himself; who has completed all that needed to be done, I call him a Brahmana.





# **Appendix C**

**Kinh Bách Dụ**

**Sakyamuni's One Hundred Fables**



## Sakyamuni's One Hundred Fables—Kinh Bách Dụ

### 1) Người Ngu Ăn Muối—The Stupid Man Eats Salt

---Xưa có một người đến nhà bạn thăm chơi, chủ nhà mời ở lại dùng bữa cơm canh đậm nhạt. Chàng chê canh nhạt không ngon. Sau khi chủ nhà bèn nêm vào một chút muối thì chàng ta ăn cảm thấy ngon lành.

Once upon a time, there was a man who went to visit his friend. The friend treated him a frugal meal with insipid soup. He complained that the soup was insipid. After the host added a little bit of salt into the soup, the guest tried again and found it tasted much better.

---Chàng tự nghĩ: “Canh ngon là nhờ muối nêm vào; dùng ít còn vậy, nếu dùng nhiều chắc ngon đặc biệt.” Thế rồi sáng hôm sau chàng xin chủ nhà một chén muối rồi bỏ vào miệng nuốt hết trong lúc bụng đói ! Hậu quả là chàng ta cảm thấy bệnh gần như sắp chết.

He wondered: “The soup becomes better with just a little bit more salt. If I take a great deal of salt, the soup would be so much better.” Then the next morning he asked the host for a bowl of salt and ate it up with his empty stomach ! As a result, he became seriously ill.

---Chuyện này tỉ dụ: Phàm người tu hành phải tiết chế sự ăn uống cho vừa phải, biết đủ muốn vừa, thì đối với thân thể và sự tu hành đều có lợi ích, nhưng có bọn ngoại đạo sai lạc tuyên truyền, uống cong thành ngay quá mức, đề xướng lên thuyết không cần ăn uống, nhận cho là phương pháp có thể đắc đạo. Do đây có người đoạn thực bảy ngày, mười lăm ngày; kết quả là ảnh hưởng đến thân thể đói khát mà chết, và đối với công hạnh không có một điểm lợi ích cho sự giác

ngộ. Đây chỉ là hành động sai lầm của ngoại đạo. Người hành pháp như thế cùng người ngu ăn muối kia đều là cử động ngu xuẩn đáng chê cười.

This story gives us an example of the benefit of moderation in eating and drinking for a cultivator. The heretics, having wrongly learned that abstaining from food and drink might lead to the path of enlightenment. They fasted for seven or fifteen days. As a result they got fatigued and famished, accomplished nothing in terms of enlightenment. This is only the heretics' wrong views and they are just like that stupid man, who acted stupidly and deserved to be blamed.

### 2) Để Dành Sữa—Store Up Milk

---Xưa có một người dự định tháng sau đãi khách, nên cần trữ nhiều sữa bò.

Once upon a time there was a man who was about to give a party and wanted to store up milk to treat his guests.

---Người kia tự nghĩ: “Mỗi ngày mình nặn sữa để dành, cần phải có cái thùng cây lớn, mà sữa để trong thùng lâu ngày phải hư, thôi chi bằng cứ để sữa trong vú bò, đến ngày đãi khách hãy nặn luôn một thể, đã ít tốn công mà lại được sữa mới, thật là thượng sách.”

He thought: “It is a month from the day of the party, so if I milk the cow everyday, there will be too much milk that I would need a big wooden barrel to store up and the milk may even spoil. To save energy and to get fresh milk, it would be better to let the milk remain inside of the cow udders. I will milk the cow on the day of the party.”

---Thế rồi chàng dắt bò ghé nhốt riêng, bò mẹ nhốt riêng, đồng thời không tiếp tục nặn sữa mỗi ngày nữa.

He then separated the calf from the cow and stopped milking the cow.

---Qua tháng sau đến bữa tiệc, chàng bèn dắt bò mẹ ra nặn sữa tươi đãi khách, nhưng dùng hết sức nặn mà vẫn không ra một giọt. Vài

người khác cảm thấy khó chịu nhưng những người khác không nín được cười vì sự ngu ngốc của anh ta.

A month later, when it's time for the party, he tried to milk the cow to treat his guests, but no drops came out because the milk had run dry. Some guests got annoyed, but others could not stop laughing for his stupidity.

--Chuyện này tử dụ cho người muốn làm hạnh bố thí nhưng không chịu làm ngay lúc có ít tiền, mà lại đợi đến khi có nhiều tiền mới chịu bố thí. Nghĩ thế rất lầm. Nếu không tranh thủ thời gian, kịp thời làm hạnh bố thí, tiền bạc của chúng ta có thể bị nha quan tịch thu, hoặc bị cướp bóc, hoặc bị lửa lụt mà tiêu tán, thì chúng ta cùng với người ngu để dành sửa trong vú bò không khác.

This story gives us an example of idiotic people who want to give alms but are reluctant to give at once. They prefer to wait until they possess great wealth. They are mistaken. If we don't try to give alms whenever we can, accumulated money may be seized by officials or taken away by robbers and thieves or by fire or flood, we are just the same as the stupid man in this story.

### 3) Khoanh Tay Chịu Đòn—The Head Is Broken With pears

--Xưa có anh ngốc sỏi đầu, ngày kia có người thấy đầu anh không tóc bèn dùng trái lê đánh lên nhiều lần làm phun máu.

Once upon a time there was a bald-headed man. One day some people threw pears at his head causing blood gushing from the wounds.

--Tuy bị đánh, anh ngốc vẫn đứng yên không kháng cự, không trốn tránh.

He suffered taking the blows without any defending, resisting, or escaping.

--Có người thấy bất nhẫn liền bảo anh: “Vì sao anh cứ đứng trơ ra mà chịu đòn vậy? Đầu anh loang máu, nếu không đánh lại thì cũng tránh đi nơi khác chứ!”

A bystander felt unbearable and asked the man: “Why didn't you defend, resist or dodge the blows that wounded your head in the first place?”

--Anh ngốc đáp rằng: “Ôi người ngu này rất xác láo, nó không hiểu gì cả. Vì thấy đầu ta không tóc, nó tưởng là viên đá xinh xắn mới tùy tiện dùng trái lê đánh lên, không biết đó là đầu ta. Nó đánh ta đến nổi máu ra lệnh lảng. Ông ơi! Đối với hạng người vô tri thức ấy, ta chẳng biết tính làm sao được.”

The man answered: “This stupid man was so ill-mannered. He could not distinguish head from stone. He took my bald-head for a pretty stone. That's why he struck me with pears and broke my head like that. I don't know what to do with this kind of people who are being short of intelligence.”

--Người kia nghe rồi giận, liền trách mắng anh ngốc rằng: “Anh thật là đáng thương, bị người đánh đến nổi máu ra đường ấy, mà vẫn đứng im không lay động, như thế chẳng phải là ngu si chớ là gì?”

The bystander retorted: “It's you who are really short of intelligence. How can you call him stupid? Haven't you been stupid enough to get severely injured without having any actions?”

--Chuyện này tử dụ như có một số các vị Tỳ kheo không thể chân thật giữ giới, tu định, học huệ, chỉ gò ép oai nghi bên ngoài để mong được người cúng dường cung kính. Kết quả là bị đọa vào địa ngục chịu khổ. Bậc tu hành như thế này và người ngốc kia đều là hạng ngu si không khác.

This story gives us an example of a monk who is unable to abide by the precepts, meditation and wisdom. He keeps only a good outer appearance to expect offerings from laypeople. As a result, he falls into the hell. He is just like this stupid man who got as far as wounded on the head without knowing to run.

#### 4) Giả Chết Dối Chồng—The Wife Pretends To Be Dead

---Xưa có anh chàng cưới người vợ rất xinh đẹp, nhưng tính tình không đứng đắn. Chàng thương yêu vợ vô cùng, nhưng trái lại nàng chẳng yêu chàng, vì thế mà chẳng bao lâu sau nàng sanh tâm phản bội và có nhân tình khác. Từ đó nàng thường tỏ ý muốn bỏ chồng để kết duyên cùng người nàng thích.

Once upon a time, there was a stupid man who had a very beautiful wife. He was very much in love with his wife, but she had no true love for him. Not long after their marriage, she associated and committed adultery with another man. She wanted to leave her husband so that she could be with her lover.

---Thừa dịp chồng đi vắng, nàng tìm một bà già rồi kín đáo dặn rằng: “Sau khi tôi đi khỏi nhà, bà tìm thầy một cô gái khác để vào đây, khi chồng tôi về thì bà cho biết rằng tôi đã chết.”

When her husband was away from home, she secretly told an old woman: “After my departure, I would like you to place a woman’s corpse in my house. When my husband got back, you then tell him that I’m dead.”

---Bà già làm y như lời dặn. Khi người chồng trở về nghe tin vợ chết, ông buồn vô hạn, khóc lóc, đau đớn bên thi hài rất lâu trước khi đem thi hài đi hỏa táng. Sau đó ông bỏ tro cốt vào một cái đũa, đi đâu cũng mang theo mình để kỷ niệm mối tình trong quá khứ.

The old woman did what she was told. She told the husband shortly after his return that his wife passed away. He went to see the corpse and believed it was his own wife. He grieved and wept bitterly for a long time before cremating the corpse. Then he put the ashes into a bag and had it with him everyday.

---Về phần vợ thật của chàng thì lúc đó đã kết hôn với tình nhân. Nhưng trải qua nhiều ngày, bị tình nhân nhàm chán phụ rẫy, lòng

nàng se lại nhớ đến người chồng cũ, bèn vội vã trở về thưa với chàng rằng: “Tôi là vợ chàng, nay đã trở về.”

His wife already got married with her lover. However, shortly after, the wife got tired of her own lover. She came back and told her husband: “I am your wife.”

---Người chồng bảo: “Bà nói cái gì? Vợ tôi chết đã lâu! Cô là ai đến đây nói dối là vợ tôi để làm gì?”

The husband replied: “What are you talking about? My wife died a long time ago. Who are you to lie to me that you are my wife.”

---Mặc dù nàng cố biện bạch yêu cầu chồng thừa nhận, nhưng chàng vẫn cả quyết là vợ chàng đã chết, nên không nhận nàng là vợ.

Regardless of her repeated explanations, the husband refused to believe her.

---Chuyện này tỷ dụ về người bị thành kiến làm chủ rồi, thì rất khó cải đổi. Như bọn ngoại đạo nghe lời ngụy tà, tâm sanh mê hoặc, chấp trước cho là chân thật vĩnh viễn không thể hoán cải hồi tâm, dù nghe giáo pháp chân chánh cũng không chịu tin tưởng thọ trì.

This story gives us an example of heretics who, having learned the heretic doctrine, would confusedly stick to it with all their soul and take the doctrine to the right one without altering their mind forever. Thus they will be unable to believe, accept or keep any other belief even it is an orthodox one.

#### 5) Khát Không Uống Nước—Getting thirsty On Seeing Water

---Xưa có một người đi đường rất khát nước, muốn tìm nước uống để giải khát. Xem thấy sương mù tận đàng xa, y tưởng là nước. Sau lại kiếm Đông tìm Tây, gặp được giòng sông nước trong leo lẻo, chảy thao thao không ngừng, anh chỉ đứng xem không chịu uống.

Once upon a time, there was a traveller desperately in need of water for his thirst. On



seeing the blazing fog, he mistook it for water. He pursued it until he reach a river with limpid water, but he only looked at it without drinking.

---Có người thấy thế lấy làm quáy lạ, hỏi rằng: “Anh vì khát đi tìm nước để uống, hiện tại tìm được nước rồi, tại sao lại không uống?”

A bystander asked: “You are suffering from thirst. In front of you is limpid water, why don’t you drink?”

---Anh trả lời một cách quái lạ: “Nước nhiều như thế này, anh uống hết được không mà hỏi tôi? Tôi tự xét thấy khi nào uống hết được thì tôi mới uống. Đã biết uống không sao hết nổi nên tôi không uống, thế thôi!”

The traveller answered: “There is so much water like this, can you drink up? If I could drink up all water, I would do it. Since there is more water than I can finish, I would rather not drink it at all.”

---Ai nấy nghe xong đều chê cười anh.

As soon as people heard this, they laugh at him.

---Chuyện này tỷ dụ về có một ít người lý luận bướng bỉnh, chấp chặt chỗ kiến giải của mình, không gần được chân lý, cho là giới luật của Phật dạy rất rộng lớn, nghiêm nhặt một thời không thể thọ trì toàn bộ được, bèn bỏ không thọ. Do đấy, họ cứ y nhiên trôi lăn trong vòng sanh tử chịu khổ vô cùng, trọn đời không có hy vọng đắc đạo. Hành động như vậy không khác gì người lữ hành khát nước bên dòng sông, thật đáng chê cười mà cũng đáng thương xót.

This story gives us an example of the heretics, acting against all sense and reasons. They think since they are unable to keep all the precepts, they refuse to accept any of them. Thus they will never attain the path of enlightenment and thus subject to transmigration. They are just like that stupid

thirsty traveller who gets laugh at by bystanders.

## 6) Giết Con Thành Gánh—The Dead Son Is About To Remain In The House

Xưa có một người nuôi bảy đứa con, trong số ấy có một đứa chết, anh để thi hài trong nhà, rồi tự mình và cả gia đình bỏ đi nơi khác.

Once upon a time, there was a man who brought up seven children. After he found one of whom died, he intended to leave the corpse in the house and moved himself and the rest out to abandon the house.

Người láng giềng thấy thế hỏi rằng: “Sao anh không đem đứa con đã chết của anh ra ngoài mai táng, mà lại cùng nhau bỏ nhà ra đi. Hành xử như vậy là rất dại dột.”

His neighbor said to him: “Why don’t you quickly burry the dead son in an outer area ? Why do you want to leave your house and let the dead son remain inside? That a silly thing to do!”

Anh nghe xong bèn trả lời: “Người chết phải đem ra ngoài mai táng, đúng hay sai chẳng cần, vậy có thể bảo cho tôi biết phải làm cách nào không?”

He replied: “I don’t know if to burry a dead person outside is right or wrong. Can you tell me what to do?”

Than ôi! Chỉ có cách là giết thêm một đứa nữa, mới có thể thành gánh, gánh đi chôn. Kết quả là anh giết thêm một đứa con nữa để cùng đứa con đã chết chất thành một gánh, gánh ra ngoài chôn.

Alas! He then thought he would have to kill another son to hang one body on each end of the pole to keep equilibrium and to carry them to burry in an outer area.

Chuyện này tỷ dụ Tỳ kheo phạm một điều giới luật, không chịu sám hối, ăn năn, trở lại muốn tìm cách che dấu sự thật, làm bộ như người trì giới thanh tịnh trang nghiêm. Người khác thấy thế, vạch bày chỉ trích: “Người xuất gia gìn giữ giới phải như giữ gìn

ngọc minh châu, tại sao đã trái phạm mà không chịu sám hối?”

This story gives us an example of a monk who secretly breaks one commandment, but is afraid to confess it. He would pretend that he kept all commandments and led a solemn life free from defilements. Other people tell him: “A monk should keep all commandments just like people keep brilliant pearls from being damaged. How can you break what you have accepted and are reluctant to confess them?”

Tỳ kheo ấy cứ ngang nhiên làm nhiều việc ác, phá giới để rồi sám hối một lúc luôn cho tiện. Tỳ kheo phá giới như thế cùng với người giết con thành gánh kia đều là những hạng ngu xuẩn như nhau.

That monk who blatantly breaks more commandments by doing many evil, then he will confess all his sins at one time. This monk is just stupid like that man who kills another son when one dies.

### **7) Nhận Người Làm Anh—One Accepted Another Man To Be His Elder Brother**

Xưa có người nhà rất giàu có, cử chỉ đứng đắn lại thông minh; vì thế kẻ xa người gần đều thán phục ái mộ. Bấy giờ có một người đến nhận làm anh mình, thường thường qua lại thân thích. Chàng này nhận người nhà giàu làm anh để làm gì? Mục đích chỉ vì muốn lợi dụng tiền bạc.

Once upon a time, there was a rich man who was endowed with a respectable appearance and intelligence; therefore, he earned feelings of admiration and praise from people around him. There was another man who frequented and claimed the rich man his elder brother. For what purpose did he claim the rich man his elder brother? His only purpose was to take advantage of the rich man's money.

Sau đó, người nhà giàu kia sa sút khốn cùng, vợ nỡ, chàng ta trở mặt lãnh đạm và nói thẳng với người nhà giàu kia rằng: “Người không phải là anh ta.”

After that when the rich man came down in the world (became poor) and was in debt; he was indifferent and turned around and said to the rich man: “You are not my elder brother.”

Chuyện này tỹ dụ về bọn ngoại đạo lợi dụng và trộm cắp ngôn ngữ, phương pháp và nghi thức của Phật pháp, đem làm giáo pháp của họ, nhưng hoàn toàn không có thực tâm tin tưởng hay phụng trì, mà chỉ muốn lợi dụng để hưởng lợi cũng như ngăn che âm mưu tội ác.

This story gives us an example of the heretics who have stolen good words from Buddhism to make their own, but they don't have any intention to listen, believe or practice. They only use the good words of Buddhism to preach in order to make a living as well as to cover other evil deeds.

### **8) Trộm Áo Nhà Vua—A Peasant Steals Clothes From The Palace Treasury**

Xưa có một người nhà quê, lẻn vào kho áo của vua lấy trộm một ít y phục, rồi lẻn chạy đến một phương xa.

Once upon a time, there was a peasant who stole garments from the king palace, and then escaped to a remote place.

Sau khi vụ trộm bị phát giác, nhà vua bèn phái nhiều binh lính đến các nơi tra tìm, cuối cùng bắt được tên trộm đưa về cung đình. Khi bị thẩm vấn, y không thừa nhận y phục này là đã lấy trộm của vua, còn nói là di sản của tổ phụ để lại. Vua mới bảo y lấy y phục ra mặc thử.

After the king discovered the break-in, he sent troops to search for the culprit in all directions. Finally he was arrested and taken to the royal court. During the trial, he pleaded

not guilty in front of the court. He claimed that all the clothes belonged to his great grand-father. The king ordered him to put them on to test if they fitted him.

Y không biết cách mặc, đem món đáng mặc trên tay mà xỏ vào chân, đem món đáng mặc ngang lưng mà mặc trên đầu.

He did not know how to wear them. He put on his arms what should be worn on his legs. What should be on his waist, he put on his head.

Vua thấy thế phán rằng: “Người không biết mặc. Nếu nói của tổ phụ người thì người phải biết cách mặc, đằng này người mặc lộn như vậy, chứng tỏ y phục đây chẳng phải của tổ phụ người lưu truyền. Huống nữa y phục này là của vua và các quan mặc, tổ phụ người làm gì có thứ này?”

Seeing this, the king said: “You did not know how to wear. If they belonged to your great grand father, you should know how to wear them, but you wear them in all wrong ways. It’s certain that they are not your great grand father’s clothes. Besides, these clothes are for the king and the mandarines, how could your great grand father dare to make them?”

Tên trộm cứng họng không thể trả lời được, đành phải cúi đầu thừa nhận.

The thief was speechless. He admitted with his head down.

Trong chuyện này, vua ám chỉ cho Phật, y phục quý báu ám chỉ cho giáo pháp của Phật, người nhà quê ăn trộm ám chỉ cho ngoại đạo. Chuyện tỷ dụ những kẻ ngoại đạo ăn trộm giáo nghĩa của Phật pháp làm của mình, nhưng vì không hiểu rõ chân nghĩa Phật pháp. Ngoại đạo giống như tên trộm nhà quê đã ăn trộm y phục của vua nhưng không biết mặc làm sao cho đúng, nên mặc lộn xộn. Tương tự, ngoại đạo ăn trộm giáo pháp rồi để đó chứ không dùng được chuyện gì, mà lắm khi còn thêm điên đảo tạp nạp thêm.

In this story, the king refers to the Buddha, the valuable clothes refers to the Buddhist teachings, the stupid peasant refers to the heretics. The story gives us an example of the heretics who steal Buddhist teachings and make it for their own; however, they misinterpret because they don’t understand the real meaning of its teachings. The heretics is like the peasant who stole the king’s valuable clothes without knowing how to wear them properly and put them in all wrong ways. Similarly, the heretics stole the Buddhist teachings but could not utilize them. As a result, they became more stupidous.

### 9) Kẻ Ngốc Khen Cha—The Stupid Man Praised His Father

Xưa có một người hay khen ngợi đức hạnh của cha mình trước mặt nhiều người khác: nào là cha anh rất nhân từ, không bao giờ làm tổn hại ai cả; nào là cha anh không hề cướp giết lường gạt tài vật của ai nào là đối đãi với mọi người rất công bình chánh trực, không bao giờ nói dối, hay giúp đỡ người trong khi nguy khốn...

Once upon a time, there was a man who always praised his father’s virtues before everybody. The man said: “ My father is compassionate. He neither kills nor steals. He speaks earnestly and gives alms to the needy.”

Lúc ấy có một người ngu, nghe những lời này, cũng muốn nhân cơ hội này khen cha mình một phen. Sau một lúc suy nghĩ, hắn nói: “Đức hạnh của cha tôi còn hơn đức hạnh của thân phụ anh.”

At that time, upon hearing those words, a stupid man wanted to take this opportunity to praise his father too. After thinking, he said: “My father is more virtuous than yours.”

Người chung quanh nghe thế bèn hỏi: “Đức hạnh ông thân của anh như thế nào? Hãy nói cho chúng tôi nghe về ông ta xem nào!”

The others asked: “In what way your father is more virtuous? Please tell us about him!”

Người ngu liền đáp: “Cha tôi từ nhỏ tuyệt đường dâm dục, chẳng hề biết gì đến việc ấy.”

The stupid man replied: “My father was so undefiled that he gave up completely his sexual desires when he as young.”

Ai nấy nghe cũng đều bật cười mà nói: “Nếu quả thật cha anh từ nhỏ đoạn dục, thì làm sao sanh được anh?”

The others said: “If your father did really give up sexual desires since his youth, how could he brought you into this world?”

Nghe hỏi như thế anh ngốc đừ người ra chẳng biết trả lời làm sao.

Hearing those words, the stupid man was immovable and speechless.

Chuyện này tỷ dụ những người ngu si khi khen chỗ tốt của người một cách không thực tế nên trở thành nhạo báng người. Vì thế, Phật tử khi khen chỗ tốt của người cần phải phù hợp với thực tế. Nếu bịa lời khen ngợi giả dối, chẳng những không hiệu quả gì mà còn làm cho người khinh bỉ. Do đó Phật đặt ra cấm vọng ngữ là một trong năm giới căn bản của Phật giáo.

This story gives us an example of ignorant people who want to praise the merits of others without knowing how to be realistic and get ridiculed instead. Thus, Buddhists should be careful, your praising should be appropriate and truthful. That was why the Buddha said that: “Not to lie is one of the five basic precepts in Buddhism.”

### 10) Phú Ông Cát Lầu—A Rich Man Built A Storied House

Xưa có một ông nhà giàu rất ngu si, không biết việc gì cả. Một hôm đi đến viếng nhà một phú ông khác. Đó là một nhà lầu ba tầng xinh đẹp, uy nghi, rộng rãi, thoáng khí và sáng sủa không đâu bằng, lòng ông ham

thích và tự nghĩ: “Tiền của ta ít hơn người này, nhưng lẽ nào không cất được một trong ba tầng ấy sao?”

Once upon a time, there was a stupid rich man who was ignorant. One day he went to visit another rich man’s house. He was struck with admiration by the imposing three-storied house which was spacious, airy and well-lit. He said to himself: “I am not as rich as he; however, I may be able to build at least one storey of this three-storied house.”

Đoạn ông về nhà và cho mời một kiến trúc sư đến hỏi rằng: “Ông có thể cất lầu ba tầng không?”

Then he went home, convened a constructor and said: “Can you build an imposing three-storied house?”

Nhà kiến trúc đáp: “Được, tôi đã làm nhiều nơi rồi.”

The constructor replied: “It is I who built so many houses.”

Phú ông bèn nói: “Tốt lắm, ông nên làm ngay cho tôi một tòa lầu ba, kiểu giống như của bạn tôi.”

The stupid rich man said: “Good! You may build one story like the one of my friend’s.”

Nhà kiến trúc đem nhân công đến khởi công, đắp nền, và đổ cột để lên tường. Ít hôm sau ông nhà giàu đến xem xét việc xây cất, không thấy tầng lầu thứ ba, bèn hỏi nhà kiến trúc: “Hiện tại ông đang làm gì đó?”

The constructor first began to level the ground, laid the foundation stones and then drove in piles for walls. Some days later, the stupid rich man came to see the construction. He did not see the third storey, he asked the constructor: “What are you doing now?”

Nhà kiến trúc trả lời: Tôi làm nhà lầu ba tầng cho ông đây.”

The constructor replied: “I am building your three-storied house.”

Ông bèn hỏi lại: “Tại sao cất lầu ba mà chỉ lo xây tầng dưới, không chịu cất nội tầng trên cho tôi?”

The stupid rich man went on: “Why do you have to build the two floors below? You had better start building only the third floor for me.”

Nhà kiến trúc trả lời: “Không thể được! Phải cất từ tầng dưới đi lên, không cất hai tầng dưới thì làm sao cất được tầng ba?”

The constructor replied: “It is impossible! I must begin with the ground floor. How can I build the third floor if I don’t build the two floors below?”

Không suy nghĩ, ông bèn nói rằng: “Không, không, tôi không cần làm hai tầng dưới, tôi chỉ muốn làm nội tầng thứ ba mà thôi, ông nên mau xây cho tôi tầng ba.”

Without thinking, the stupid rich man said: “No! No! I don’t need the two floors below. I only want the third floor. Start building the third storey as soon as you can for me!”

Nhà kiến trúc nghe xong chua chát cười to, đôi ba phen giảng rõ cho ông nghe, nhưng ông cố chấp, kiên quyết yêu cầu chỉ làm tầng ba mà thôi.

Hearing those words, the constructor laughed sardonically at the stupid rich man. He tried to explain to the rich man several times that no one could be able to build the top floor without building the lower floors. However, the rich man stubbornly attached to his wrong views and kept requesting the constructor to build only the third floor.

Nhà kiến trúc không còn cách gì làm cho ông hiểu rõ được, đành phải đình công cất nhà.

The constructor had no choice but stop his construction.

Chuyện này tỷ dụ về tứ chúng đệ tử Phật không chịu cung kính thừa sự Tam Bảo, không chịu tu hành từ nền tảng giới, rồi tới định, tuệ. Họ sống đời giải đãi, biếng nhác, chỉ một bề muốn tu thiên; tam quả Tu-đà-

hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm không chịu vượt qua, chỉ một bề muốn đến A-la-hán. Đệ tử ấy cùng với phú ông trong truyện cất lầu đều là hạng ngu si không tưởng.

This story gives us an example of the four kinds of disciples (Sakyamuni’s four degrees of disciples) who are unable to respect the Three Precious Ones and to practice earnestly Buddhist teachings. They don’t want cultivate from practicing the basic precepts, then to meditation to develop wisdom. They want to attain the path of enlightenment by leading an idle life. They said they did not need the first three degrees below, but went straight to the Arhathood. There was no difference in stupidity between these disciples and the stupid rich man.

### 11) Bà La Môn Giết Con

Xưa có một phái ngoại đạo kêu là Bà-la-môn, trong bọn họ, có một người tự xưng là có thể biết được quá khứ vị lai, đối với sở học diễn nói trôi chảy không sợ sệt. Chàng muốn phô trương bản lãnh của mình, bèn đi đến địa phương khác, trước mặt mọi người mà ôm con khóc lóc thảm thiết.

Once upon a time, there was a Brahman who prided himself that he was able to know past and future events. He claimed he learned in everything. To show his ability, he went to another locality, carrying his son in his arms and cried.

Có người hỏi: “Tại sao anh lại khóc nhiều thế?”

Other people asked: “Why are you crying?”

Chàng trả lời: “Con tôi trong bảy ngày nữa sẽ chết, vì thế nên tôi rất đau buồn vì cái chết không thể tránh được này của con tôi. Chính vì vậy mà tôi không thể không khóc được!”

He replied: “My son is going to die within seven days. I am grieved at his inevitable death. That’s why I can’t help crying!”

Mọi người khuyên chàng rằng: “Thật khó mà biết được mạng sống của con người, hiện nay con anh khỏe mạnh như thế, trong bảy ngày nữa làm sao chết được? Có lẽ anh tính lầm, há chẳng phải là sự buồn khổ vô ích sao?”

Everybody advised him: “It’s difficult to know a man’s life. It’s easy to miscalculate. At this time your child still looks healthy, he may not die in seven days. Why should you weep in advance?”

Chàng trả lời: “Mặt trời và mặt trăng có thể lặn, tinh tú trên trời có thể rơi rụng, chứ sự tính toán của tôi rất chính xác, từ xưa nay tôi không có tính lầm bao giờ.”

The Brahman replied: “The sun and the moon may set, and the stars may fall, but I have never had any miscalculation in my records.”

Đến hạn bảy ngày, đứa con của chàng không chết, nhưng vì muốn bảo toàn danh dự, chàng bèn giết đứa con để chứng minh cho điều dự đoán không lầm, khiến cho mọi người đương thời tin phục chàng là một người học rộng hiểu nhiều và chứng thật những điều mình nói. Họ tới tôn vinh chàng cũng như tâm phục rằng chàng là một nhà tiên tri đáng kính.

The seventh day came, but his son did not die; however, to prove his self-claimed knowledge, he killed his son on the seventh day, for the sake of protecting his reputation. Contemporaries heard the news of his son’s death at the foretold time, they spreaded the news that he was indeed an erudite man who could prove true of what he had said. They all came to pay him homage, and were heartily convinced that he deserved respect as a prophet.

Chuyện này tỷ dụ ngoại đạo tự xưng đắc đạo, xong không có thật đức tu hành, vì muốn cho mọi người tin phục, mà không tiếc sử dụng những thủ đoạn độc ác, giả dối, hư ngụy, dối thế, trộm danh. Điều này cũng

đúng với tứ chúng Phật giáo, họ cũng tự xưng chứng đắc để được người tôn kính cúng dường. Họ sẵn sàng lừa gạt người, hoặc giết hại người vô tội để phỉnh phờ để chứng tỏ lòng đạo đức từ bi. Khi tới lúc thì những đệ tử này sẽ phải đọa lạc và chịu khổ không khác như vị Bà-la-môn giết con để chứng tỏ cho người thấy rằng lời tiên tri của mình là đúng.

This story gives us an example of the heretics who have no real merits and virtues, but falsely claim to attain enlightenment by doing any evil deeds to satisfy their pride and to take advantage of other people’s respect. This is also true with those of Sakyamuni’s four degrees of disciples who claim to have attained the path of enlightenment for the sake of the material offerings from others. They would try to fool people by killing an innocent man in order to deceitfully show the virtue of compassion. Such disciples would be certainly doomed to limitless suffering in time to come, just like the Brahman who wanted to prove the accuracy of his prophecy by killing his son and thus deceived people.

## 12) Quạt Nước Đường—Fanning The Boiling Black Rock Honey Syrup

Xưa có người chuyên môn nấu đường cát, đang lúc nấu đường tại nhà, bỗng có người nhà giàu đến chơi, muốn xu phụng người ấy, anh bèn mời người nhà giàu uống một chén nước chè.

Once upon a time, there was a man who made (boiled) black rock honey syrup. When he was boiling the honey syrup, a rich man came to visit his house. He would like to treat the rich man with a bowl of honey syrup.

Anh bỏ một ít đường và rót thêm chút nước vào nồi bắt lên lò nấu. Vì chụm lửa rất nhiều nên chẳng bao lâu nước đường sôi sùng sục.

He poured a little water and honey syrup into a boiler and put it on a slow fire.

Anh sợ nước đường nóng, rồi người nhà giàu phải chờ lâu mới uống được, bèn nỗ lực quạt nước đường trong nồi, xong vì lính quýnh nên quên nhấc nồi ra khỏi lửa, vì thế quạt mãi mà nước đường vẫn cứ sôi. Anh cố gắng quạt đến mồ hôi đầm đề trên trán.

When it boiled, he was afraid that the syrup was hot for the rich man to drink, so he fanned it with a fan in the hope of cooling it; however, he was so awesome that he forgot to remove the boiler from the fire while fanning it.

Mọi người thấy thế cười chê anh và bảo rằng: “Anh làm thế phí công vô ích, không tắt lửa dưới nồi hoặc bắt nồi xuống mà chỉ quạt nước trong nồi thì làm sao nước nguội cho được?”

Bystanders laughed at him and said: “If you don’t put out the fire or remove the boiler from the fire, how can you cool it off even though you keep on fanning?”

Chuyện này tỷ dụ nếu chúng ta không diệt lửa tham sân si và phiền não từ căn bản, thì không thể nào đạt đến chỗ giải thoát tanh tịnh. Dù chúng ta có đem hết sức mà tu khổ hạnh như ngủ trên gai hay nhịn đói cả ngày cũng vô ích luống công. Kết quả là chẳng những bị người đời cười chê nhạo báng, mà còn vẫn phải lăn trôi trong sanh tử và chịu khổ vô cùng.

This story gives us an example of those who don’t want to put out (eradicate) the flames of greed, hatred and ignorance, but hope to reach the way of purification if they practise a little mortification by sleeping on thorny brambles or fasting all day long. There is no way for such people to become purified. As a result, they are not only sardonically laughed by other people, but they will also continue to suffer afflictions in the cycle of births and deaths.

### 13) Bình Phẩm Tánh Nóng Nảy Của Người Khác—Commenting On Someone’s Quick Temper

Có một nhóm người ngồi trong nhà bình luận phẩm hạnh của một người khác. Trong nhóm ấy có người nói rằng: “Người đó cái gì cũng hay cả, chỉ có hai điều không tốt: điều thứ nhất là hay nổi sân, điều thứ hai là chạm việc hay lỗ mãng.

There was a group of people sat in a house commenting on someone’s virtues. One of them said: “That person is good in everything, except for two things: first, he was quick-tempered; second, he was impulsive and rude.”

Đang lúc y nói thế, bất ngờ người kia đi ngang qua cửa nghe được, lập tức nổi giận đùng đùng, nhảy bổ vào nhà vừa đánh y vừa nói: “Ta nổi sân hồi nào, ta lỗ mãng với ai đâu?”

At that time, the man happened to pass by the door and heard the comment. He entered the house, grabbed the man who had criticized him, and started to beat him and said: “When did I lose my temper or act impulsively?”

Bấy giờ mọi người đều nói: “Cách hành xử hiện tại của người chẳng đủ chứng minh cho sự sân hận và lỗ mãng của người sao?”

Bystanders pointed out: “Does your action at once demonstrate that you have often lost your temper and act rudely?”

Chuyện này tỷ dụ có một hạng người có lỗi mà không tự nhận, người khác đưa ý kiến giải bày, chẳng những không hết lòng tiếp nhận, trở lại xấu hổ nổi sân, tìm cách báo phục. Họ tìm mọi cách biện hộ cho tội lỗi của họ. Người trong chuyện này cũng giống như người ngu oán hận người giải bày những lỗi lầm của mình.

This story gives us an example of people who don’t want to confess sins, but resent to have their sins exposed.

They try desperately to justify themselves with all kinds of excuses. This man in the story is just like that stupid man who dislikes hearing about his faults discussed.

#### **14) Giết Kẻ Dẫn Đường tế Thần— Killing The Guide To Offer As A Sacrifice To God**

Xưa có một đoàn thương gia dự định đến phương xa để tìm kế sinh sống.

Once upon a time, there was a group of merchants who wanted to go oversea to make a living.

Đường đi phải trải qua đồng ruộng mà cả đoàn không ai rành đường, mới bàn tính với nhau mời một người đi theo chỉ lối, rồi họ cùng nhau khởi cuộc hành trình.

No one was familiar with the route, so they discussed to get a guide. They set out under the guidance of this man.

Đi được nửa đường, họ đến một cánh đồng bao la bát ngát, gặp một ngôi miếu thần. Theo tập quán nơi đó, đoàn phải giết một người tế miếu mới đi qua khỏi được.

Half way on the trip, they saw a temple when they reached a land of wilderness. According to the rituals in the temple, a man had to be immolated to sacrifice to God.

Đoàn thương gia bèn cùng nhau bàn luận riêng, ai cũng cho rằng trong bọn đều là bà con thân thích và đồng hương, chỉ có người dẫn đường là người ngoài, chi bằng giết người này để cúng tế.

After private discussions (without the participation of the guide), the group of merchants said that they could not choose to kill anyone in their group for they are friends or closely related. The only fit to be sacrificed was the guide.

Bàn tính xong họ bèn giết người dẫn đường. Sau khi cúng tế xong, họ lại lên đường, nhưng lần này vì không có người dẫn lối, nên cả bọn lạc lõng trong cánh đồng bát ngát.

So they killed the guide. After performing the rites, they set out again, but this time was without the guide. They soon got lost in the vast land of wilderness.

Sau cùng cả bọn họ đều tuần tự chết ở giữa đường dài.

After a while they died one after another.

Chuyện này tỷ dụ cho những ai muốn vào biển Phật pháp để lượm của báu, phải nên trì giới và tu các pháp lành. Người xưa nay tháo động không yên, luôn phá giới và mặt sát chánh pháp, luôn vọng tưởng mê chấp, thì số phận của họ sẽ như những thương gia này, dù muốn đạt quả thế mảy, họ vẫn phải chịu kết thúc đời mình nơi đồng không mông quạnh chẳng bao giờ được cứu ra. Hơn nữa, họ còn phải chịu lăn trôi và đày đọa vào đường dữ chịu khổ trọn đời không có nẻo thoát ly. Những người như vậy cũng như những tên thương gia giết người dẫn đường không khác.

This story gives us an example of those who want to enter the sea of dharma, should keep the commandments and perform good deeds. If they break the precepts and belittle the correct dharma, their destinies would be similar to those merchants, end up their lives in the wilderness and can never be rescued. Furthermore, they will have to go through the evil paths of transmigration and suffer forever.

Such men are just like the group of merchants who killed the guide.

#### **15) Vua Muốn Con Mình Mau Lớn— A King Who Wanted his Daughter To Grow Up Fast**

Xưa có một ông vua sanh được nàng công chúa, vua yêu quý vô cùng, mong muốn nàng mau lớn, bèn mời vị lương y đến phán rằng: “Người có thuốc gì để cho con gái trộm uống vào mau lớn chẳng?”

Once upon a time, there was a king who had a lovely baby daughter. He loved her so much that he wanted her to grow faster. He



ordered a doctor to come and asked: “Could you prescribe some medicine for my daughter to make her grow up faster?”

Lương y trả lời: “Hạ thần nhứt định sẽ tìm được thuốc hay. Tuy nhiên, thứ nhứt, hạ thần phải đến phương xa mới tìm được; thứ nhì, hạ thần yêu cầu Bệ hạ một điều kiện là trong thời gian hạ thần đi tìm thuốc, Bệ hạ không được đến thăm Công chúa. Chừng nào hạ thần đem thuốc về cho Công chúa uống rồi, Bệ hạ hãy đến thăm.

The doctor replied: “Yes, your Majesty! I have a god prescription for her. However, first, I have to go to a remote place to get it; secondly, Your Majesty must not see her at the time of my going out to search for the medicine. I will present Your Majesty after I get back to give her medicine.”

Vua trả lời ứng thuận.

The king responded in agreement.

Vị lương y đi tìm thuốc phương xa đến nay đã mười hai năm chẵn mới đem thuốc về.

The the doctor went to a remote place to search for the medicine. He found it and came back twelve years later.

Sau khi công chúa uống thuốc xong, lương y bèn đem công chúa yết kiến vua cha trong cung nội.

After giving the princess the medicine, the doctor presented her to the king.

Vua thấy công chúa đã trưởng thành, lòng mừng khôn xiết, nói với lương y rằng: “Người thật là vị lương y đại tài, không người bì kịp. Công chúa nhờ uống thuốc của người mà chóng lớn đến thế.”

The king was extraordinarily happy to see his daughter. He then said to the doctor: “You are really a good doctor. My daughter has indeed grown after taking your medicine.”

Đoạn vua bảo các quan tả hữu ban thưởng cho lương y rất nhiều trân châu và tài vật.

The king ordered his attendant to reward the doctor lavishly with all kinds of gems.

Người đương thời đều cười nhạo vua là người đại dốt, không biết tính tuổi của con mình, nhưng vua lại cứ nghĩ rằng con mình lớn lên là nhờ hiệu quả của thần dược.

The contemporaries sardonically laughed at the king for his ignorance that he did not know how to think of the year in which his daughter was born; however, the king believed that his daughter growing was due to the miraculous medicine.

Chuyện này tỷ dụ về người tu tập Phật phải chân thật hành trì nếu họ muốn đạt đến giác ngộ, họ phải tự hiểu hể nước đến thì ao thành, dòng trong thì trăng hiện. Vì vậy muốn tức thì khai ngộ với những nghi thức mê tín dị đoan mà không qua quá trình tu tập phước đức và công đức là điều không tưởng.

This story gives us an example of the cultivators, should sincerely cultivate if they want to attain the path of enlightenment. They should know that a pond is formed with water, and when the water is limpid, you can see the reflection of the moon in there. Therefore, it's impossible for someone who wants to immediately receive the transcendental wisdom with some superstitious rites without gradual cultivating or accumulating of merits and virtues.

## 16) Tươi Mía Bằng Nước Mía—Water Sugar Cane With The Juice Of Sugar Cane

Xưa có hai người đều làm nghề trồng mía. Ngày nọ họ thi đua với nhau và đưa ra đề nghị cam kết với nhau, hễ ai trồng lên tốt hơn thì được thưởng, còn ai trồng xấu thì phải phạt nặng.

Once upon a time, there were two men who cultivated sugar canes. One day they pledged that the one who had a better harvest would win the prize, while the one with bad harvest would be heavily penalized.

Bấy giờ một trong hai người tự nghĩ rằng: “Mía xưa nay vốn ngọt, nếu ta dùng nước mía tưới thêm lên, thì mía chắc chắn là ngọt lắm. Làm như vậy chắc chắn ta sẽ trên cơ người kia.”

One of them thought that: “The sugar cane itself is sweet. So it would be more delicious if watered with its own compressed juice. I then will get the upper hand over him.”

Nghĩ xong bèn dùng rất nhiều mía ép lấy nước rồi tưới lên mía mới trồng những tưởng mía sẽ ngon hơn và nhiều hơn. Kết quả chẳng những hao tổn, mà còn hư hoại hết cả đồn điền mía mới trồng.

After thinking, he immediately began to press the juice from the sugar canes. He watered the plant with the compressed juice in the hope of making it more delicious in quality and abundant in quantity. Instead, he destroyed the seedling and lost his entire plantation.

Chuyện này tỷ dụ về một ít người không chịu noi theo đường chánh để tu học Phật pháp. Ngược lại, họ lập dị khác thường, càng bướng đúi tu mù luyện, hành xử tùy thích mà cho đó là phương pháp “khắc kỷ thủ chứng.” Lại có những hạng muốn dùng địa vị và ảnh hưởng cao trong giáo đoàn để dè bẹp tứ chúng với mục đích đạt danh đạt lợi cho chính mình. Kết quả chẳng những không được gì mà còn lãng phí thời gian và luống công vô ích, như người lấy nước mía tưới mía không khác. Cuối cùng họ sẽ mất tất cả.

This story gives us an example of some people who don't want to follow the correct way to cultivate. In the contrary, they behave in a queer way and stubbornly do whatever they wish to. There are some other people who wish to gain fame and profit for their own by using their high positions and great influence to oppress the mass. Those people are just like the man who watered the sugar

cane with its compressed juice. They will eventually lose everything.

### 17) Vì Nhỏ Mất Lớn—A Debt Of Five Piasters

Xưa có một người cho người khác mượn năm đồng, tuy nhiên trải qua thời gian rất lâu mà không thấy người kia trả lại, chàng bèn đi đến nhà đòi.

Once upon a time, there was a man who lent five piasters to another man; however, after a long time, he did not receive any repayment. He decided to go to the other man's house to ask him to clear the debt.

Đường đi trải qua một con sông, chàng phải đi dò tốn ba đồng, đến nhà thời người kia đi vắng; đành phải quay trở về. Khi trở về lại phải tốn ba đồng nữa. Tiền dò qua lại hết sáu đồng. Làm như thế chỉ luống nhọc công mà không đi đến đâu cả, số tiền thất lại nhiều hơn số tiền cho người kia mượn.

To go there he had to pay three piasters for the ferry fee to cross the river. When he arrived there the debtor was not home. He had to return home. On the trip back, he had to pay another three piasters as ferry fare. He got tired from the journey. Moreover, the total ferry fares was six piasters which exceeded the amount he lent to another man.

Chuyện này tỷ dụ nếu vì tranh cầu chút lợi, không tiếc làm việc bại hoại hạnh thanh cao của mình. Kết quả thường tổn thất nặng nề, lắm khi mất cả thanh danh, hiện đời đau khổ, đời sau quả báo chẳng lành. Hành động như vậy quả thật là ngu si.

This story gives us an example of those who seek a little fame and gain, they will spare no pains to bring ruin on what should be their great concerns. As a result, they will earn a bad name in this life and obtain retribution in the hereafter.

### 18) Trên Lầu Mài Dao—To Grind A Knife Upstairs

Xưa có một người phục dịch cho vua rất khổ, trải qua thời gian lâu, thân thể mệt mỏi gầy còm hóc hác vô cùng.

Once upon a time, there was a poor man who had to work very hard for the king. After a long time, he became emaciated.

Vua thấy thế thương hại bèn ban cho con lạc đà chết. Sau khi lãnh lạc đà xong, người này bèn đem về nhà lột da. Tuy nhiên, vì dao lứt cắt không đứt, nên chàng phải đi tìm một viên đá để mài dao. Cuối cùng chàng tìm được một viên đá ở trên lầu, bèn lên lầu mài dao, xong lại trở xuống lột da lạc đà. Cắt một lát dao lại lứt, chàng lại trở lên lầu mài, rồi lại trở xuống. Vì phải lên xuống nhiều lần như vậy nên thân thể đã mệt mỏi của chàng lại mệt mỏi hơn. Chàng bèn nghĩ cách đem con lạc đà lên lầu lột da để khỏi phải lên xuống. Chàng tự cho làm thế là thông minh, nhưng người đời ai cũng cười chê chàng là kẻ ngu xuẩn.

Out of pity, the king gave him a dead camel. Having received the camel, he went home to begin to flay it. However, the knife was very blunt, he had to look for a whetstone to grind it. At last he found one upstairs. He then went back downstairs to skin the camel. After just one stab, the knife became blunt again, so he ran up and down the stairs so many times doing the sharpening and skinning the camel. After a while, his body became so tired that he could not go any longer. He then figured out to bring and hang the camel upstairs to closer to the whetstone. He thought he was intelligent, but people laughed at him for his stupidity.

Chuyện này tỷ dụ có một người tu ngu si thường hủy phá giới cấm, rồi đem rất nhiều tiền của để tu phước bố thí, mong đặng sanh thiên. Giống như người mài dao trong truyện, dụng công rất nhiều mà lợi lạc chẳng bao nhiêu.

This story gives us an example of

A stupid cultivator who breaks the strict commandments, but gathers a lot of money and possessions and use them on offerings in the hope that he will be reborn in the heaven. This cultivator is just like the poor man who worked hard for little gain in this story.

### 19) Ghi Dấu Trên Thuyền Để Tìm Đồ Rơi Xuống Bể—To Mark On The Boat Where Things Dropped in The Sea

Xưa có một người vượt thuyền qua biển, sơ ý đánh rơi cái chén bạc trong nước sâu, tức khắc chàng ghi trên be thuyền làm dấu. Đoạn chèo thuyền đi tiếp, trong tâm tự nghĩ: “Mình đã ghi kỹ chỗ cái chén bạc rơi trong nước, ta nên tiếp tục đi và sau này có thể căn cứ nơi lần ghi ấy mà tìm.”

Once upon a time, there was a man who crossed the sea. He was careless to drop a silver bowl into the sea while crossing it. He immediately marked on the boat where the silver bowl dropped and went on (continued to row the boat). He pondered: “I already marked where the bowl dropped in the deep water, I am carrying on my journey and I will come back for it later on.”

Hai tháng sau chàng đến nước Sư Tử và nhiều địa phương rất xa khác. Khi bỏ neo trên một giòng sông, chàng chợt nhớ dấu đã ghi trên be thuyền, bèn lặn xuống nước để tìm cái chén bạc mà chàng đã mất trước đây.

Two months later, he arrived in Ceylon and many remote countries. When he anchored on a river, he suddenly remembered his silver bowl, so he jumped into the water looking for the bowl he had lost before.

Có người thấy thế hỏi rằng: “Anh lặn vào trong nước để tìm cái gì?”

People asked him: “What are you doing by jumping into the water?”

Chàng trả lời: “Tôi muốn tìm cái chén bạc đã đánh rơi trong nước sâu trong biển.”

He replied: "I would like to get the silver bowl which I have lost in the deep water in the sea."

Mọi người hỏi lại: "Chén của anh rơi chỗ nào và rút tự bao giờ?"

People went on: "Where and when did you lose it?"

Chàng trả lời: "Tôi đánh rơi khi tôi mới vào biển cách hai tháng về trước."

He replied: "I lost it when crossing the sea two months ago."

Mọi người hỏi tiếp: "Anh đã mất cái chén bạc hai tháng về trước trong biển, sao bây giờ anh lại tìm ở đây?"

People continued to ask him: Since you lost the bowl two months ago in the sea, why are you looking for it here in the river?"

Chàng trả lời: "Lúc ấy tôi có ghi dấu trên be thuyền. Ngày nay tôi cứ xem chỗ ghi dấu ấy mà lặn xuống nước tìm, nước ở đây có khác gì nước biển?"

He replied: "I made a mark on the boat where the bowl dropped. This water here looks the same as the other. There seems no difference. That's why I am doing this."

Mọi người nghe xong ha hả cười lớn mà rằng: "Nước tuy giống mà địa phương cách xa ngàn trùng, làm sao mất một nơi rồi lặn một nơi khác để tìm cho đặng?"

Hearing this, people sardonically laughed at him and they went on: "Though all waters are identical, the place you lost the bowl is there. How can you find it here?"

Chuyện này tỷ dụ ngoại đạo không tu hành chánh hạnh, ở trong pháp lành tương tự nhau, luống tu theo lối khổ hạnh để tìm giải thoát trong vô ích. Bọn họ cũng giống như người ngu tìm chén, rút một nơi mà đi tìm một nẻo.

This story gives us an example of the heretics who do not practise the right religious belief, suffer from their useless mortification in seeking deliverance. Those heretics are just like the stupid man who lost

his bowl in the sea and looked for it in the river.

## 20) Trả Thịt—Compensation Of Flesh

Xưa có một ông vua nghe đồn có người bình phẩm mình rất bạo ngược, không hiểu chánh trị là gì, vua giận lắm, tức khắc hạ lệnh bắt cho được con người phạm thượng kia. Nhưng mật thám điều tra không biết là ai cả. Sau đó một lúc, nhà vua nghe lời sàm tấu của một trong những tên hầu cận, vua bắt một người dân lương thiện ra hạch tội, rồi lên án lóc một trăm lượng thịt sau xương sống của y.

Once upon a time, there was a man who criticized his king and said: "He is a very cruel king. He is incapable of governing." On hearing this, the king lost his temper. He ordered to arrest the man who committed sacrilege. However, his investigator could not find anyone. After a while, the king listened to a deceitful advice from one of his servants by holding an honest person under arrest. The king ordered to have the man's back bone flayed and cut into one hundred ounces of flesh for punishment.

Chẳng bao lâu có người biện hộ rằng: "Người dân ấy không bao giờ dám chê bai, mạt sát nhà vua. Bây giờ vua quá hối hận, thấy rằng không nên kết tội oan cho người hiền, phải mau đền trả lại tổn thất. Vua bèn hạ lệnh dùng một ngàn lượng thịt đắp trả lại nơi xương sống của người hiền kia."

Soon afterwards, there was another man testified that the other man was innocent and said: "That honest person never dared to criticize the king." The king regretted and ordered one thousand ounces of flesh to be given back to the honest person to make up for what was cut off from his body.

Người kia tuy đã được vua trả thịt, nhưng vẫn vô cùng đau đớn, khóc than rên rỉ suốt đêm. Vua nghe thế không chịu suy xét cho kỹ, bèn đến hỏi rằng: "Tại sao người vẫn còn

khóc lóc? Ta lấy của người chỉ có một trăm lượng, mà ta phải trả lại cho một ngàn lượng, không đủ sao?”

Even though he had given back the flesh from the king, that honest person still felt pain and always groaned at night. Hearing this, the king asked: “What’s wrong with you? I have given you back ten times more than what I have taken from you. Why are you still groaning? Are you not satisfied with it?”

Người lương dân không còn sức lực trả lời lại, nhưng những kẻ xung quanh thấy thế nói rằng: “Trời ơi! Tâu đại vương, giả sử có ai đó chặt đầu đại vương, rồi sau đền cho đại vương một ngàn cái, vậy đầu đại vương có thể ráp dính đầu lại được để thoát chết hay không?”

The honest innocent man had no more energy to reply what the king asked; however, bystanders replied to the king: “Oh! Your Majesty! If anyone cut your Majesty’s head and gave back one thousand other heads, could your Majesty reassemble your head and keep out of the way of death?”

Vua nghe thế lặng thinh không còn đường đáp lại.

Hearing this, the king pondered quietly without saying anything.

Chuyện này tỷ dụ về người ngu ham thú vui hiện tại mà không sợ chi đến hậu quả sau này. Hành động manh muội làm cho người chung quanh khổ sở. Sau khi sự thể đã xảy ra rồi cảm thấy hối hận, mong làm một cái gì đó đền bù để được phước. Người ngu này cũng giống như ông vua trong truyện, hành hạ lóc thịt người, sau ăn năn đền trả lại, nhưng không có cách chi đền bù được những đau đớn khổ sở.

This story gives us an example of a stupid man who is greedy for the present pleasure but not afraid of the results later. He makes people around him miserable and compensates them when he feels regret for what he has done. He hopes redeem his sins

and obtain blessedness. This stupid man is just like the king who first flayed and punished someone and then tried to give him back the flesh. But it’s impossible that the pain can be eased.

## 21) Câu Con—Long For A Child

Xưa có người đàn bà đã sanh được đứa con, lại muốn có thêm một đứa nữa, bèn hỏi những người đàn bà khác rằng: “Ai có phương pháp gì làm cho tôi sanh đứa con nữa không?”

Once upon a time, there was a woman who already had one child, but longed for one more. She asked other women: “Who could bring me another child?”

Lúc bấy giờ có bà lão trả lời: “Ta có phương pháp giúp người sanh con nữa, nhưng người phải giết con lấy máu để tế thiên thần, rồi người mới được như ý.”

There was an old lady who told her: “I can find a way for you to give birth to another child with one condition that you should kill your current child to sacrifice to the spirit.”

Người đàn bà kia rất tin lời bà lão và định làm theo lời. May sao có người lối xóm hay được, cản ngăn và quở trách rằng: “Chị sao dại dột thế? Hy vọng sanh thêm một đứa nữa, mà lại nghe lời kẻ ác đem đứa con hiện tại giết đi; thế là đứa kia chưa sanh mà đứa này đã chết, rốt cuộc không có đứa nào cả. Hành động ấy đáng làm hay không, chị cần nên xét lại.”

That woman tried to follow the old lady’s instructions. Fortunately, her neighbors discovered her intention, so they came and scolded her: “How stupid and ignorant you are! With the hope of giving birth to one more child, you listened to some wicked people to kill the child that you have now! You lose your child and don’t know if you will have another one or not. You may end up having no children at all. Is it worth to accomplish? You’d better reconsider!”

Chuyện này tỷ dụ đa số người mê tín dị đoan, tin theo tà thuyết ngoại đạo một cách mù quáng. Họ chủ trương rằng muốn tương lai được hạnh phúc, thì phải tu các lối khổ hạnh như nhảy vào hầm lửa, nằm trên giường gai, đứng một chân...Tu theo các phương pháp sai lạc như thế, họ làm bất cứ những điều tà vạy gì họ có thể làm được, chỉ luống công vô ích, lại thêm khổ thân tự hại mà thôi; chẳng những không mong gì được phước sanh thiên, mà còn rất tương phản với giáo lý nhà Phật.

This story gives us an example of stupid people who blindly believe in heretic theories and superstitions. They believe that in order to obtain happiness in the future lives, they should practise mortification such as to plunge into the burning pit, to lie on thorny bed, or to stand on one leg, etc. They lead themselves in a wrong way of practice; they do all kinds of wrong-doings; they waste all their times without any results. There is no way for such people to enter heaven after death. Besides, their behavior totally contradicts with the Buddhist teachings.

## 22) Bán Trầm Hương—Selling Fragrant Wood (Lignaloës)

Xưa có một người thương gia lặn lội ra biển tìm trầm hương, trải qua nhiều năm mới được một xe mang về bày ra chợ bán. Vì giá cao nên bán không được, nên trong tâm bần khoản khổ sở vô cùng.

Once upon a time, there was a merchant who was getting lignaloës from under the sea. After several years, all he gathered was a cart of lignaloës. He transported them to the market. However, due to the high price, he had no buyers for some time. He got tired and unhappy.

Bấy giờ có nhiều người gánh than ra chợ bán, vừa gánh ra là có người mua ngay. Chàng tự nghĩ: “Ta đem trầm hương đốt thành than, đem bán chắc đắc lắm. Thế rồi

chàng về nhà đốt hết trầm hương thành than gánh ra chợ bán, quả nhiên bán chạy vô cùng, Nhưng giá tiền một xe trầm hương đã đốt thành than không bằng một nửa giá tiền xe than thường vì nó quá mềm.

At that time there were other dealers selling quickly their charcoal. He said to himself: “It is better to burn the lignaloës into charcoal in order to get them sold quickly. Then he went back home to burn all the lignaloës in the cart, and went back to the market again. This time he sold the charcoal quickly, but the value of the burnt lignaloës was less than half of that of the regular charcoal because it was so soft.

Chuyện này tỷ dụ người tu hành ngu si, mong cầu Phật quả mà sợ khó mà thối tâm mỗi khi gặp rắc rối khó khăn. Những người này mất lợi lớn cũng như kẻ ngu si trong truyện đốt trầm hương làm than để ra chợ bán cho mau hết vậy.

This story gives us an example of stupid people in the world who want to attain Buddhahood, but drawing back from encountering difficulties.

Those people lose their main goal the same way as the stupid man who burnt lignaloës into charcoal in order to get them sold quickly.

## 23) Lụa Là Bọc Vải Rách – Embroidered Satin wraps Up Rags

Xưa có một kẻ trộm lén vào trộm của nhà giàu một mớ hàng gấm đáng giá, rồi ra ngoài nhà vợ vét một cái mền rách và một ít quần áo cũ.

Once upon a time, there was a thief who sneaked into a rich man’s house to steal a piece of embroidered satin, then he got to waiting room to grab some worn clothes and rags.

Sau khi trộm xong y mới đem hàng gấm bọc cái mền rách và quần áo cũ và mang đi

cùng khắp. Mọi người biết chuyện đều chê cười sự ngu xuẩn của y.

He used the embroidered satin to wrap up worn clothes and rags. Every body sardonically laughed at him for his stupidity.

Chuyện này tỷ dụ về những người ngu xuẩn trên thế gian này, đã phát tâm chánh tín tu học Phật pháp. Tuy nhiên, vì tham lam chút danh lợi ở thế gian mà phá giới luật thanh tịnh. Nếu điên đảo như vậy, thì không khỏi tổn thương đức hạnh của mình và làm trò cười cho kẻ bàng quan.

This story gives us an example of stupid people in the world, who have faith in Buddhism, practise good teachings and do meritorious deeds. However, because of their greed for little worldly gain, they break the pure commandments and lose their various merits and virtues. They are similar to the stupid man in this story and are sardonically laughed by people.

#### **24) Gieo Mè Chín—To Cultivate The Roasted Sesame**

Xưa có một người ngu, sau khi ăn mè sống thấy không ngon bằng mè rang chín. Người kia tự nghĩ, mè rang chín ăn ngon như thế, ta nên đem gieo hạt mè đã rang, sau có hạt chần chần sẽ ngon lắm.

Once upon a time, there was a stupid man, after eating some raw sesame, found it was not tasty as the roasted ones. He said to himself: “The roasted sesame was so tasty. I would roast the sesame before cultivating it. This way I could produce better sesame.”

Y bèn rang hết mè rồi đem gieo như đã dự tính, tuy nhiên kết quả là không một cây nào mọc lên cả.

He then roasted and cultivated as he planned. However, the attempt failed altogether.

Chuyện này tỷ dụ về những người cảm thấy bước theo Bồ tát đạo khó quá vì giới luật tinh nghiêm và tinh tấn thiền định mới có

thể đạt đến giác ngộ và Phật quả. Họ đã ngộ biện rằng mọi người đều có Phật chủng, như vậy chẳng cần giữ giới, chẳng cần tu tập bố thí hay làm những hạnh lành, họ chỉ cần “thiền” là cắt đứt sanh tử luân hồi. Những người này ngu si như anh chàng gieo mè rang trong truyện này. Họ sẽ chẳng bao giờ thành Phật như những hạt mè đã rang thì chẳng bao giờ mọc lên được.

This story gives us an example of some people who find it difficult to follow Bodhisattva’s way due to strict commandments and zealous efforts before they can practise meditation to attain enlightenment and eventually attain Buddhahood. They falsely argue that everybody possesses Buddha seed, so it will be easier for them to practise meditation without keeping any precepts nor performing any good deeds, they can cut quickly off the transmigration. These people are as stupid as the man in this story who roasted sesame seeds before cultivating them. They can never attain Buddhahood just as the roasted sesame that would never grow.

#### **25) Nước Và Lửa—The Fire and The Water**

Xưa có một người đang ở trong nhà làm việc, cần dùng cả nước lạnh và lửa, dùng cái chén sành đựng lửa ở trong phòng, lại dùng cái lọ thiếc đựng nước để trên chén.

Once upon a time, there was a man who did household chores. He needed fire and cold water in caring of his household duties. He built a fire in his room and put a kettle full of water on the fire.

Người kia tự nghĩ: “Ta đã dự bị lửa và nước xong rồi; vài giờ sau người kia dùng đến lửa, thì lửa đã tắt, dùng đến nước thì nước đã nóng. Cả hai đều không dùng được.

After a while, the fire went out and the water already turned hot. He got neither fire nor cold water.

Chuyện này tỷ dụ có một hạng người đã xuất gia cầu học Phật pháp, nhưng sau lại quyến luyến gia đình, cũng như say mê thú dục lạc, niệm niệm không rời; do đó không thể thoát ra biển ái, mà lại vụt tắt lửa công đức của mình, lại thêm mất nước mát trì giới. Chung kết cả công đức tu hành và sự nghiệp thế gian đều mất, lại phải tiếp tục hành trình trong luân hồi sanh tử.

This story gives us an example of people who devoted to the attainment of Buddhism, seek enlightenment by becoming monks. However, afterwards, they still keep bonds to their families and relatives, attach to the worldly affairs and the enjoyment of the five desires as well. For these reasons, they can never be free from the sea of love, they lose their meritorious blessings like the fire, they also break their commandments like the cold water turned hot. At the end of their life, they lose everything and continue to travel in the cycle of births and deaths.

## 26) Bắt Chước Vua Nháy Mắt—The King's Blinking Habit Is Imitated

Xưa có một người muốn tâm mình cũng sung sướng vui vẻ như vua, bèn hỏi người quen rằng: “Ta làm cách nào để được hạnh phúc như vua.”

Once upon a time, there was a man who wanted to be happy and pleased as the king. He asked his acquaintances how to do it.

Người kia bày: “Nếu anh muốn an lạc như vua thì nên bắt chước theo điệu bộ của vua.”

His acquaintances told him: “If you want to be peace and happy as the king, you should imitate him.”

Chàng cho lời ấy là chí lý, bèn đi đến trước mặt vua để xem từng cử động, chăm chú bắt chước điệu bộ của vua. Bấy giờ vua nháy mắt không ngớt, chàng cũng nháy giống in. Vua thấy thế lấy làm lạ, hỏi rằng: “Mắt người có lông cặm hay bị gió làm bụi rớt vào?”

He thought they were right, so he went to the palace and stood right in front of the king to observe the king's gestures. He saw the king blinking, he just imitated to blink his eyes. The king was surprised asked him: “Do you have sore eyes? Is the wind disturbing your eyes? Why are you blinking?”

Chàng trả lời: “Không, mắt tôi không sao cả, chỉ vì tôi muốn hạnh phúc như Ngài, nên cố bắt chước điệu bộ của Ngài đấy.”

He replied: “Not at all! I want to be happy just as Your Majesty. That's why I try to imitate your gestures.”

Vua nghe xong nổi trận lôi đình: “Người thật là hỗn láo.” Rồi sai quân lôi ra đánh cho một trận nên thân, đoạn đuổi ra khỏi nước.

Upon hearing those words, the king got very angry. The man was punished by hard blows and sent into exile.

Chuyện này tỷ dụ có một ít người được nghe Phật pháp, muốn gần gũi học tu, nhưng không hiểu nguyên lý căn bản của Phật pháp. Đức như Lai là bậc toàn trí toàn năng vì muốn cứu giúp chúng sanh khỏi khổ, nên tìm đủ phương tiện dắt dìu. Có lúc Ngài nói lý thuyết cạn cợt để độ người hạ căn; hoặc cũng mang thân người làm mọi việc, hoặc cũng đem thân đến nợ trước như oan báo “bị gươm vàng đâm và ăn lúa ngựa.” Thế mà có người không hiểu nên chấp chặt, hoặc bắt chước, hoặc chê cười hủ báng. Rốt rồi ở trong Phật Pháp Tăng mà mất đi lợi ích và chứng ngộ, trở lại bị đọa lạc vào các đường dữ chịu mọi khổ hình.

This story give us an example of people who wish to approach Buddhism, approach the king of the Law to achieve advancement, but they don't understand that sometimes the Buddha sometimes preached very simple lectures for the welfare of mankind. The Buddha gave all kinds of skillful means to save sentient beings. However, sometimes they may be unable to understand the Buddha and start to ridicule and defame him. Even



though they live right in the heart of the Triple Gem, they lose all benefits of attainment of enlightenment which they have gotten from Buddhism and eventually fall into the Three Evil Paths of Transmigration in accordance with their evil deeds.

### 27) Trị Vết Thương—To Treat The Wound

Xưa có một ông già bị vua đánh đập tàn nhẫn, bị thương sâu nặng vô cùng. Ông bèn dùng phân ngựa xoa vào vết thương cho lành. Khi ấy có một người ngu thấy thế, lòng hờn hờ nói: “May quá! Ta vừa được một phương thuốc kỳ diệu trị vết thương rất nhanh.”

Once upon a time, there was an old man who was punished by the king by whipping and was seriously wounded. He used horse excrement to apply on the wounds for quick recovery. At that time, there was a stupid man who was pleased to see it. He said to himself: “Good! I have just discovered a wonderful method to cure a wound faster than ever!”

Y lập tức về nhà nói với con rằng: “Ta có thuốc hay lắm, ta bằng lòng để con đánh sau lưng cho bị thương rồi đem thoa thử, chắc chắn hiệu nghiệm vô cùng.”

As soon as he got home, he told his son: “I have got a wonderful method to cure wounds. You are going to whip me until I am seriously wounded. I would like to try the method now. I believe this is an excellent method!”

Người con vâng lời cha dạy. Y bèn đánh sau ứng cha cho bị thương rồi dùng phân ngựa xoa vào. Vết thương đã không bớt mà còn trở nên tệ hại hơn. Hành động như vậy mà tự cho mình là thông minh, thật đáng làm trò cười cho hàng thức giả.

Then he was whipped by his son until he was severely wounded. The son the applied horse excrement on the wound. The wound got no better, but became worse and worse.

This is a stupid action which was sardonically laughed by other people.

Chuyện này tỷ dụ Người chấp vào biên kiến của họ. Chúng ta tu học Phật pháp không chịu dùng phương pháp đối trị thói quen mê lầm và tà kiến, trở lại để cho sân si phiền não tự do phát khởi. Như nghe nói “Bất Tịnh Quán” có thể bỏ thân phàm, thoát ly sanh tử, bèn cố ý lằng loàn, rồi quán “Bất Tịnh.” Kết cuộc chẳng những quán “Bất Tịnh” không thành, mà còn trở lại bị sắc dục lầm hoặc, để rồi kết thêm nghiệp báo trôi lăn trong vòng sanh tử mãi không thôi!

This story gives us an example of people who attach to their prejudice. We practise Buddhist teachings should be able to use methods to eradicate illusions and wrong views, not to let greed, anger and ignorance freely arise. When we hear that the practice of meditation on impurities could remove the evil corruption of the body. We intentionally did not see the impurities of the body, but rather got deceitful and wrong ideas from the pursuit of sexual desires to cause more karma for transmigration.

Những người này cũng ngu si giống như người mù quáng dùng phân ngựa tẩm vào vết thương không khác.

Those people are as stupid as the man who blindly dressed his wounds with horse excrement.

### 28) Đổi Mũi Cho Vợ—Change The Wife's Nose

Xưa có một người sành duyên với một nàng con gái nhan sắc xinh đẹp, nhưng chỉ có cái mũi hơi khó coi. Khi đi ra ngoài đó người kia gặp cô gái khác, chẳng những dung mạo đẹp để lạ lòng, mà cái mũi rất ngay thẳng khả ái.

Once upon a time, there was a man whose wife was graceful and beautiful except for her ugly nose. When he was out, he saw

another woman who was also extraordinarily good looking with a pretty nose.

Người kia tự nghĩ : “Ước gì ta có cái mũi đẹp của cô ấy để thay vào cái mũi của vợ ta, có phải vợ ta sẽ hoàn toàn xinh đẹp không?”

He pondered to himself: “I wish that I had her pretty nose to replace the nose of my wife. She would be perfectly beautiful.”

Thế rồi y cắt mũi cô gái đẹp, cầm chạy về nhà khoe với vợ rằng: “Em ơi! Nay anh sung sướng được ban cho em cái mũi đẹp!” Y bèn cắt cái mũi của vợ quăng đi, rồi chấp cái mũi kia lại. Rốt cuộc không ráp được mà vợ y còn bị đau đớn và mất mũi càng thêm xấu xí vô cùng. Y đã làm hại cả hai nàng con gái đẹp.

He then cut the nose off the pretty woman, went home and hurriedly called out to his wife: “Honey! I am very happy to get a pretty nose for you!” He then cut off her nose and replaced it with the one he just brought back. However, it did not fit, also his wife became more ugly and suffered more pain. Because of his stupidity, he damaged two pretty women.

Chuyện này tỷ dụ người đời nghe biết các bậc sa-môn, Bà-la-môn kỳ cựu có đại oai đức, được mọi người cung kính cúng dường, bèn nghĩ “ta cùng các vị kia có khác gì nhau” rồi tự giả xưng vọng nói mình có đức. Làm thế đã bất lợi, lại còn tổn thương phẩm hạnh của mình, cùng người xẻo mũi vợ kia không khác.

This story gives us an example of stupid people who hear that aged monks and Brahmans with great fame and merit are respected and offered with much support. They said to themselves: “There is no difference between them and us.” They then falsely pretend to be virtuous. They do not only gain nothing, but they also suffer a bad reputation for their misbehavior. Those people are just like the stupid man who cut

other people’s nose only to injure his own wife.

## 29) Người Nghèo Đốt Áo—The Poor Man Burns His Coarse Woollen Clothing

Xưa có một người nghèo khổ, làm thuê để dành tiền may được một cái áo ngắn bằng vải to.

Once upon a time, there was a poor and weary man who worked hard to save money to buy a coarse woollen shirt.

Khi y mặc ra đường, có người khác thấy hỏi rằng: “Mặt mũi anh xinh đẹp như vậy, chắc con nhà giàu sang, tại sao lại mặc áo vải? Tôi nay có biện pháp giúp cho anh có quần tốt, nhưng anh phải tin tôi, tôi không bao giờ nói dối anh cả.”

He wore that shirt when he went out. A stranger said to him: “You are a good looking man. You must be coming from an honorable family clan. Why do you wear such coarse woollen shirt? Now let me teach you how to get some fine clothes. You should follow my instructions for I won’t cheat you.”

Người nghèo nghe xong rất vui mừng: “Tôi nhất định nghe theo lời anh.”

After hearing, the poor man happily said: “I will surely follow your instruction. “

Người kia bèn đốt lửa bên đường rồi bảo người nghèo: “Anh hãy đem cái áo vải xấu bỏ vào lửa đốt đi, sau khi áo vải cháy rồi, anh nên đứng đợi một chút, tức khắc có quần áo đẹp cho anh.”

The stranger immediately set a fire before him and said: “Now you may take off your shirt and put it into the fire. After the flame is out, you should wait a little longer, you then will get some beautiful clothes.”

Người nghèo y lời, đem áo xấu bỏ vào lửa đốt. Đốt xong đi qua đi lại đợi chờ mà vẫn không thấy áo quần đẹp hiện ra. Nhưng than ôi! Chờ mãi chỉ thấy tro chứ không có gì hiện ra cả!

The poor man did what the stranger told him to, burnt his shirt, then went back and forth for while waiting for his new clothes to appear. Alas! He kept waiting and waiting but nothing appeared except for the ashes of his coarse shirt.

Chuyện này tỷ dụ y cứ lời Phật nói rằng: “Thân người khó được, chúng ta đã được thân người, phải nên tấn tu đạo đức, vun bồi cội phúc về sau, y theo chánh pháp đúng như lý tu hành. Nhưng thỉnh thoảng chúng ta bị ngoại đạo, hay người xấu ác, hoặc dâm nữ quyến rũ để dối người: “Thân này nên hủy hoại, nhảy vào hầm lửa, thì có thể sanh lên cõi trời.” Lời nói vô lý đây không thể tin được. Nếu làm theo như vậy, chúng ta chẳng khác gì người đốt áo trong truyện này.

This story gives us an example of the value of our human life. The Buddha taught: “It is difficult to be born as a human being. We already got our human life, our being born as human beings must be attributed to the practice of a good religion from former lives. We should take good care of our beings and improve our virtue and do good deeds. However, we are sometimes cheated by the heretics, vicious men and seductive women by saying: “You should believe us that after this life you will be reborn in the Brahman Heaven and enjoy longevity and happiness if you practise asceticism by jumping into the fire or rocks now.” If we fall into the heretics’ trap, we are just like the poor man who burnt his only coarse woollen shirt.

### 30) Nuôi Dê— To Raise Sheep

Xưa có một người nuôi dê, nuôi rất đúng phương pháp nên mỗi ngày sinh sản rất nhiều, từ ngàn con đến vạn con. Nhưng người kia rất hà tiện, không dám giết một con ăn thịt, hoặc đãi khách.

Once upon a time, there was a shepherd who was skillful in raising as many as

thousands of sheep. However, he was so stingy that he would not spend a penny, or to kill just one for meat for himself or treat his guests.

Bấy giờ có người rất hiểu mảnh lời gian dối, thường qua lại làm quen, dùng lời ngon ngọt kết bạn thân với y. Y tin là người chân thật.

At that time, there was a swindler who tried to find means to make friends with him. He sincerely believed the swindler.

Một hôm người kia nói với y rằng: “Tôi và anh đã thành bạn thân với nhau, nên có điều chi tôi cũng muốn bàn với anh cả. Từng tuổi này mà anh vẫn chưa vợ con, rất cô đơn hiu quạnh. Tôi được nghe xóm nhà hướng Đông, có một cô gái rất đẹp, nếu anh cưới nàng làm vợ thì xứng đôi vừa lứa vô cùng. Tôi xin làm người giới thiệu thì chắc chắn thành công.”

One day the swindler told him: “Since you and I have become intimate friends, therefore, there should be no gap between us. I am so concerned that you are still single and lonely at your age. I know a pretty girl in the East hamlet. I should like you to ask her to be your wife. You will surely be successful if I act as a go-between.”

Người nuôi dê nghe thế mừng rỡ vô cùng, bèn giao cho người kia rất nhiều dê và một ít lễ vật, làm đồ sính lễ đầu tiên.

The shepherd was so glad to hear those words. He gave the swindler a flock of sheep and other precious things as betrothal gifts.

Cách vài hôm sau, người kia trở lại báo anh rằng: “Cô ấy đã bằng lòng sánh duyên cùng anh, và may quá, vợ anh nay đã sanh được một đứa con rất ngộ nghĩnh, tôi lại báo tin mừng cho anh hay.”

Some days later, the swindler came back and said: “Now I want to inform you a good news that your wife has just gave birth to a lovely child.”

Người nuôi dê chưa bao giờ thấy mặt vị hôn thê, nhưng nghe nói vừa sanh một đứa con thì lòng mừng khôn tả! Mọi vàng cấp cho người kia rất nhiều dê và những đồ quý giá khác trước khi hai bên từ biệt.

In spite of the fact that the shepherd had not met his fiancée yet, he was so delighted to learn about his newly born child. Again he hurriedly gave the swindler more sheep and other things before saying good-bye.

Cách vài hôm sau nữa, người kia trở về nói rằng: “Anh ơi! Thê thảm đau đớn quá, con anh đã chết rồi! Tôi đến đây thành thực chia buồn cùng anh, để tỏ tình bạn hữu.

The days later the swindler came back and told the shepherd: “Your child is dead shortly after birth. I want to present my condolence to you as a friend!”

Người nuôi dê nghe xong, vật vã khóc lóc thảm thiết, buồn khổ mãi không nguôi.

On hearing those words, the shepherd cried bitterly and sighed ceaselessly.

Chuyện này tỷ dụ trong Phật giáo có những hạng đa văn, nhưng lại tham trước đục lạc thế gian, trở lại bị nó làm mê hoặc, đành quẳng tài bảo pháp lành công đức, lơ lửng sự tu hành. Họ bị đục lạc cám dỗ và lừa đảo như người chần trừ bị ảo ảnh vợ con. Kết quả là họ mất niềm tin, rồi đến cuộc sống, và tài sản cũng tiêu tán.

This story gives us an example of some people in Buddhism who acquire much knowledge, but out their creed into practice only for fame and gain. They are indulging in mundane pleasures. They are cheated by worldly pleasures like the poor man cheated by the illusion of getting a wife and a child. Consequently, they lose their faith, their lives and their precious possessions.

### 31) Mua Lừa—To Buy A Donkey

Xưa có một số tín đồ của đạo Bà-la-môn cử hành cuộc đại hội, họ cần dùng nhiều

chén bạc. Vị giáo chủ của họ bảo đệ tử lên chợ mời một người thợ đồ sứ về làm.

Once upon a time, there was a group of Brahman. The Brahman master intended to give a big party. He asked his disciples: “I need earthenware for the party. Go to the market and fetch for me a potter.”

Đệ tử vâng lệnh đi tìm thợ. Đi giữa đường bọn họ gặp người thợ đang dắt một con lừa, trên lưng chở rất nhiều đồ sứ đem ra chợ bán. Lừa sẩy chơn té quy xuống, bao nhiêu đồ sứ trên lưng đều rớt xuống đất và bể tan tành. Người thợ đồ sứ buồn rầu khóc lóc mãi.

His disciples obeyed his order to set out a trip to fetch for a potter. On the way, they came across a potter whose donkey was loaded with full load of earthenware for sale in the market. In a twinkling of an eye, the donkey slipped its legs and all the earthenware dropped on the road and broke into tiny pieces. The potter was miserable and distressed.

Bọn họ thấy thế lấy làm lạ hỏi rằng: “Tại sao anh khóc than buồn bã thế?”

On seeing this, the disciples asked: “Why are you so sad and disappointed?”

Người thợ trả lời: “Tài nào tôi không khóc, bao nhiêu đồ sứ công phu làm trong một năm, nay định chở đem ra chợ bán nào ngờ con lừa bị sẩy chân, trong khoảnh khắc bể nát cả, như thế không đáng rầu rĩ ư!”

The potter replied: “I have been making earthenware with all my expedient means after toiling for many years. I was on my way to the market intending to sell them. But this dumb donkey slipped and broke all. That’s why I am so distressed.”

Bọn họ nghe thế, mừng thầm và bảo người thợ đồ gốm: “Con lừa này giỏi quá, chúng tôi muốn mua con lừa này.”

The disciples were glad to hear all this and said: “It’s a good donkey. We would like to buy it.”

Người thợ đồ gốm cảm thấy dễ chịu hơn khi bán con lừa.

The potter was delighted to sell it.

Bọn họ cưỡi lừa về ra mắt giáo chủ. Vị giáo chủ hỏi rằng: “Tại sao không tìm thỉnh người thợ đồ sứ mà lại mua lừa đem về?”

When the disciples rode it back. The master asked: “Why didn’t you come back with a potter? What’s the idea of bringing a donkey here?”

Bọn đệ tử trả lời: “Bản lãnh con lừa này lớn hơn người thợ đồ sứ, vì người thợ làm trong một năm mới thành một số đồ, mà chỉ trong giây phút một mình nó phá tan.

The disciples replied: “This donkey is much better than a potter, for it can break things in a twinkling of an eye what a potter has made over a long time.”

Vị giáo chủ lắc đầu lia lịa và nói rằng: “Sao các con dại dột thế? Con lừa này trong khoảnh khắc có thể làm bể bao nhiêu đồ sứ, nhưng dù trải trăm năm nó cũng không thể làm ra được một cái.”

The master said: “You are stupid and ignorant indeed. Although the donkey can break things in a second, it can’t even make one pottery in a hundred years.”

Chuyện này tỷ dụ ở đời có nhiều người thọ ân của người khác giúp đỡ trong một thời gian dài, chẳng những không thù đáp lại, mà thường hay trả oán. Hạng người vong ân bội nghĩa như thế, chúng ta không nên gần gũi, vì chỉ có hại chứ không lợi ích gì.

This story gives us an example of some people who sometimes receive offerings from their benefactors for a long time, they give nothing in return. They are so ingratitude that we should not come near because they always do more harm than good.

### 32) Trộm Vàng—To Steal Gold

Xưa có hai người thương gia cùng ở một chỗ, một người buôn vàng, một người buôn

bông vải. Có người đến mua vàng, để vàng vào lửa thử xem thiệt giả. Người buôn bông vải bên kia lén trộm một cục, sợ người thấy bèn đem giấu trong bông. Vàng đang cháy nóng đỏ làm cho bao nhiêu bông vải cháy sạch, công việc bại lộ. Người kia chẳng những không trộm vàng được mà còn bị cháy hết bao nhiêu bông vải.

Once upon a time, there were two traders who ran business together. One was a seller of gold and the other was a seller of cotton. A buyer of gold came and to buy some gold, but he asked for a fire test before buying it. The cotton trader stole the burnt gold and wrapped it with his cotton which got all burnt up by the red-hot gold. Thus the stealing was revealed. As a result, the cotton trader lost both gold and cotton.

Chuyện này tỷ dụ người ngoại đạo ăn cắp giáo lý của đạo Phật đem làm của mình, nhưng vì họ không rõ nguyên lý, không khéo xử dụng, chẳng những không hiểu Phật pháp, việc làm không đi đến đâu, mà lại làm hại cho giáo pháp của họ.

This story gives us an example of the heretics who steal from Buddhism and write in their own theories. They wrongfully claim Buddhism to be their own teaching and denying copying from it. For this reason, they burn, harm and even destroy their heretic scripture.

### 33) Chặt Cây Tìm Trái—Hacking A Tree Down For Fruit

Xưa ở trong vườn một ông vua, có trồng một thứ cây rất tốt, tàng nhánh sum suê, thường sanh trái ngon ngọt lạ thường.

Once upon a time, there was a king who had a tremendously gigantic and beautiful tree. It always produced excellent fruit with fragrance and sweetness.”

Ngày nọ có người khách ngoại quốc đến chơi, vua đưa đi xem cây ấy và nói rằng:

“Cây này sanh một thứ trái ngon vô song, chẳng nơi nào có cả.”

One day the king told a guest who was visiting his palace: “This tree produces an extraordinarily delicious fruit which cannot be found anywhere.”

Khách hỏi: “Quả thật có trái ngon, vậy cho tôi một trái ăn thử được không?”

The guest asked: “If the fruit is so delicious, can I pluck one fruit to taste?”

Nhà vua bảo: “Nếu thích ông có thể hái vài trái.”

The king told the guest: “If you like, you can pluck some of the fruits.”

Người khách nói: “Tôi muốn vài trái, nhưng không biết làm sao để hái vì cây quá lớn và quá cao.”

The guest said: “I wish to have some, but how can I get them, the tree is so tall and large.”

Vua bèn gọi người đốn cây ngã xuống để tìm trái, nhưng tìm không được trái nào. Sau đó, vua bảo người đem cây đã chặt trồng lại, rồi tìm đủ biện pháp, cũng không thể nào làm cho nó đâm chồi nảy tược như xưa. Cây ấy chết tuyệt, không còn sanh trái nữa.

The king then ordered to have the tree hacked down to get the fruit. However, all efforts were made in vain because they could not find any fruit. The king ordered to revive the tree; however, it had withered and died.

Chuyện này tỷ dụ Đức Thích Tôn đã từng chỉ cho chúng ta công đức trì giới, giống như cây đại thụ, có thể sanh các thứ trái thần thông, trí huệ, từ bi, thiền định ngon lành. Chúng ta muốn có những thứ trái ấy, thì trước tiên phải trì giới tu hành, dùng nhiều công đức pháp lành bón tưới, mới mong có được kết quả tốt đẹp hoàn toàn. Nhưng có một ít người không hiểu phương pháp ấy, buông lung hủy phạm giới luật oai nghi, mà còn mong cầu thần thông, định, huệ, khác nào người chặt cây tìm trái, chẳng những trái

không tìm được, mà cây quý từ nay đã chết khô.

This story gives us an example of the Buddha, the King of the Law, possesses a “tree of keeping commandments” which bears wonderful fruits. It gives people happiness and make their wishes come true. To get the fruit, one has to observe all commandments. But some people do not know how to do good deeds by expedient means, do wrong things in breaking commandments instead. Those who break commandments are just like the king who ordered to have the tree hacked down and then unable to make it grow again.

### 34) Thâu Ngấn Đường Đi—To Alter The Distance

Xưa có một thôn cách kinh thành một trăm dặm, nơi ấy có một giếng nước rất trong và ngọt ngon lạ thường. Vua hạ lệnh cho dân làng, mỗi ngày phải chở nước về kinh thành cho vua uống.

Once upon a time, there was a village which was located one hundred miles from the citadel. There was a well of pure spring water. The king ordered the villagers to transport the water to the citadel every day.

Vì ngày ngày tới lui nên chẳng bao lâu sau dân làng cảm thấy mệt mỏi không chịu được. Sau một lúc, bàn chuyện rũ nhau trốn đến phương xa. Việc này thôn trưởng biết được, bèn triệu tập một buổi đại hội thôn dân.

The villagers soon became weary of the irksome task because they had to transport the water back and forth every day. After some time, they planned to move away to some remote areas. The village chief learned the news, so he convened people to a village meeting.

Vị thôn trưởng đứng ra tuyên bố: “Các anh em chớ đi đâu hết, tôi sẽ yêu cầu nhà vua thâu ngắn con đường một trăm dặm

thành sáu mươi dặm tức khắc. Các anh em đi lại sẽ gần hơn, không đến nỗi mỗi mệt như trước.”

The village chief said: “Don’t go away. I will insist the king to alter the distance from here to the citadel from one hundred to sixty miles. It would be closer for coming and going without much weariness.”

Hội nghị bế mạc, vị thôn trưởng vội vã vào kinh yêu cầu vua như thế. Vua phê chuẩn lời thỉnh cầu, và hạ lệnh cho sở lục lộ thân ngăn con đường một trăm dặm còn sáu mươi dặm. Dân làng được tin ấy đều vui mừng và cảm thấy gần gũi hơn trước. Từ đây họ càng tin tưởng lời vua, họ đồng lòng tỏ ý không dời đi đâu cả.

After the meeting, the village chief hurriedly came to the citadel to report to the king. The king was willing to alter the distance. People from the village were delighted in knowing this. Most of them stayed on because of their newly reassured confidence in the king.

Chuyện này tỷ dụ người đời phát tâm tu học chánh pháp, mong cầu thoát ly sanh tử luân hồi, nhưng vì thời gian tu học dài đằng đẵng, nên thấy mỗi mệt, nửa đường thối tâm không muốn tiến tới bến bờ giác ngộ.

This story gives us an example of people who devote themselves to the right religion for crossing the cycle of transmigration toward the Nirvana; however, after a long period of time of cultivation, they become weary and exhausted; they then intend to abandon their faith. They are unable to make their way toward the shore.

Đức Như Lai có đủ phương tiện đem pháp Nhất thừa phương tiện nói ba thừa, khiến cho hàng căn tánh kém cỏi, trí huệ nông cạn, nghe xong cho là Phật pháp dễ tu dễ chứng, mới mạnh mẽ nỗ lực tiến tu pháp lành công đức, hầu thoát ly sanh tử luân hồi. Sau khi bọn họ chứng quả vị A-la-hán tối cao của Tiểu thừa xong, Phật trở lại chỉ trích họ. Ngài

thuyết minh: “Phật pháp xưa nay chỉ có Nhất thừa, chớ không có hai hay ba thừa, nghĩa là” sự thật chỉ có một, hề có hai cái tương đối thì không phải chơn.” Bấy giờ bọn họ càng tin tưởng lời Phật, từ đó hồi tiểu hưởng đại, tin thế không nghi, an nhiên tiến tu đạo Đại thừa Bồ tát. Đây cũng giống như câu chuyện của những người chuyển nước về kinh vậy!

The Buddha, the King of the Law, has many expedient means from the One vehicle to the Three Vehicles. Those whose ability is low and shallow or those who follow the Hinayana sect are glad to hear those words and find it easier to practise. Therefore, they spare all efforts to do good deeds and improve themselves spiritually so as to make their way of transmigration toward the other shore. After they reach Arhanhood, the highest stage in the Hinayana, the Buddha then preached to them the One Vehicle, not two, not three. They then have more faith in the Buddha to turn to Mahayana from Hinayana and never want to abandon their faith again. This is just like the story of the villagers transporting pure spring water to the citadel!

### 35) Thấy Bóng Trong Gương—To See One’s Own Image In The Mirror

Xưa có một người rất nghèo khổ, mắc nợ quá nhiều, không có biện pháp để trả nợ, chỉ còn cách là đi trốn.

Once upon a time, there was a poor and weary man who was always in debt. He had no other choice but going hiding.

Ngày nợ y đi đến cánh đồng bao la bát ngát, chợt thấy một cái ruộng, bèn mở ra xem thử, thấy đây một ruộng ngọc ngà châu báu, bên trên đậy bằng một miếng kiếng. Bấy giờ y vui mừng khôn xiết, bèn thò tay vào lấy những của báu ấy. Nhưng thấy trong gương hiện ra một người (bóng của y) có vẻ dọa nạt y, y hoảng sợ dừng tay lại, trong tâm lo sợ không an, bèn nói với người trong gương: “Ta

cho là trong cái rương trống này không có phương hướng, tưởng đâu là không có người, nào dè có người trong đó quá lạ chưa! Thôi đừng giận ta!”

One day he hid himself in the wilderness where he found a case full of valuable and precious things which cover by a crystal mirror. The poor man was delighted to see the case. He put his hand into the case to take them. But he was frightened when he discovered a man's image in the mirror. Twisting his hands, he said to the man in the mirror: "I thought it was nothing more than an empty case. I wasn't aware of your being in the case. Don't get angry with me!"

Nói xong y vội vàng chạy đi nơi khác.

He then gave up the whole case. So are the people from all walks of life.

Chuyện này tỷ dụ người đời thường bị vô lượng phiền não ràng buộc, làm cho khổ đốn, khổ não, không có phúc đức, duyên lành, lại thường bị sống chết quay cuồng “ma vương, trái chủ” áp bức khổ sở, nên muốn cầu giải thoát khỏi vòng thống khổ, đau thương mà tu học Phật giáo.

This story gives us an example of those who are weary of countless annoyances in life and persecuted by the creditors of the Transmigration Devil, want to avoid them and free from them through their belief in Buddhism.

Họ cố công vun bồi cội phúc giống lành, dụ như cái rương đầy của báu, rồi lại thường bị “thân kiến, ngã chấp” làm mờ, cho nên ở trong vô thường vô ngã vọng chấp có ngã thường còn. “Thân kiến,” “ngã chấp” dụ như bóng hiện trong gương, họ lầm cho là chân thật, do đây mà không thể tu hành thiền định, đạo phẩm, chứng thành công đức vô lậu. Hành vi của họ cùng với cử chỉ của người đã đến rương báu mà không lấy được một vật gì, đồng nhau không khác.

They begin to practise their faith and do good deeds just as the valuable case to the

poor man. Troubled by the man's image in the mirror, they wrongly cling to the ego taken as the real. They fall decadent and lose all their merits acquired previously from meditation, monastic grade and good deeds. Furthermore, they fail in their attainment of the Nirvana from the Three Vehicles just like the stupid man sticking to the prejudice of the ego and abandoning their precious findings in the case.

### **36) Lầm Móc Con Mắt—To Take The Man's Eyes Instead Of Inviting Him To See The King**

Xưa có một người tu trên núi, học được pháp thuật, có thể khám phá tất cả ngọc ngà châu báu chôn dưới đất lâu năm.

Once upon a time, there was a man who went to the mountains to learn Buddhist Priesthood. He succeeded in becoming an immortal possessing five supernatural powers. His divine vision could perceive all hidden sundry treasury.

Chuyện này thấu đến tai vua, vua rất mừng rỡ, bảo quần thần rằng: “Ta muốn mời nhà nghệ thuật ấy ở luôn trong nước để giúp ta tìm của báu đã bị chôn vùi, nước chúng ta sẽ trở nên đại phú cường tức khắc.”

Upon hearing it, the king said to one of his ministers excitedly: “In order to add more valuable things to my treasury, could you make this man live permanently in our country?”

Bấy giờ có vị đại thần lãnh sứ mạng đi tìm nhà nghệ thuật. Vị đại thần quả nhiên tìm được người ấy, nhưng không chịu thỉnh về nước, mà lại móc cặp mắt của người, đem về dâng cho vua và nói: “Hạ thần đã móc cặp mắt của nhà nghệ thuật rồi, ông ấy sẽ không thể nào đi ra khỏi nước được.”

At that time, the minister received the king's order to set out to fetch the man. He found the man, but did not invite him to go to the citadel, he took the man's eyes instead.



He then went back to the king and said: “I have extracted his eyes so he couldn’t go away but stay in this country forever.”

Vua nghe xong lấy làm bất mãn nói rằng: “Người thật là dại dột, sở dĩ ta muốn thỉnh người ấy là vì ông ta có cặp mắt, có thể khám phá được của báu bị mai tàng. Nay người hủy hoại cặp mắt của người rồi, thì người ấy còn dùng vào việc gì được nữa!”

Upon hearing those words, the king exclaimed: “You are so stupid! I want to invite him to go to the citadel so he can reveal all hidden treasury. What is important for his staying in this country is that he could perceive all hidden treasures. Now that you have extracted his eyes, he is useless to me.”

Chuyện này tỷ dụ Phật giáo đồ nhận thấy các bậc đại đức cao Tăng khắc khổ thanh tu trong rừng núi nên rất mực kính rước về nhà cúng dường, không biết rằng làm thế chỉ ngăn ngại sự tu hành thanh tịnh của họ mà thôi. Thậm chí làm cho các Ngài hủy pháp giới hạnh, lui sụt pháp lành, không thể thành công đắc quả.

This story gives us an example of those who see a monk making strenuous efforts to meditate on the fourfold stage of mindfulness and the impurities of the human body on mountain groves, among tombs, in the wilderness or under a tree.

Phật tử tại gia thường hay mắc bệnh mù quáng và lầm lộn. Hộ pháp không biết pháp, cúng dường không đúng pháp, hoặc đem tình đời làm hoen ố giới, định thanh cao của các bậc đại đức xuất gia, làm thế mình và người đều bị hại, nên gây tội lỗi không vừ.

A layman invited him home to practice by making various offerings. But in so doing, he destroys the monk’s good works done before and his chance of attaining Nirvana. Therefore, he makes him lose the benefit of the eyes of Enlightenment without obtaining anything.

### 37) Giết Trâu—To Kill A Buffalo

Xưa có người nuôi hai trăm năm mươi con trâu, thường thả ra đồng ăn cỏ.

Once upon a time, there was a man who own two hundred fifty buffalos. He always took them to the pasture land for grazing.

Một hôm, một con bị cạp vồ ăn thịt. Người ấy tự nghĩ: “Trâu ta mất một con, không còn đủ số, ta còn dùng bầy trâu đây làm gì?” Bèn đuổi cả bầy trâu lui xuống hố chết tuyệt, không còn một con.

One day, by accident one buffalo was killed by a tiger. The owner said to himself: “Now that cow is lost, it’s no longer a complete number as it used to. What’s the use of having them at all?” He then drove the whole herd to a high cliff and killed them all by pushing them down the cliff.

Chuyện này tỷ dụ Phật tử xuất gia thọ trì giới cụ túc “hai trăm năm mươi rất hoàn hảo.” Sau đó bất cẩn lỡ phạm một giới, đã không biết xấu hổ, ăn năn, sám hối cho trở lại thanh tịnh như xưa; mà lại lầm tưởng: “Ta đã phá một giới rồi, thì giới hạnh đã kém khuyết, dù có ăn năn giữ kỹ các giới cũng chẳng ích gì.” Rồi từ đấy ngang nhiên phạm giới không biết kiêng sợ, bỏ cả giới luật không hành trì. Người tu hành như thế cùng với người giết trâu kia đều là hạng ngu si.

This story gives us an example of a monk who observes all of (complete 250) Buddhist commandments. Once he breaks just one commandment, he has no sense of shame and repentance. On the contrary, he says to himself: “Now that one commandment is broken, I am no longer perfect. What’s the use for keeping any of the others?” Since that time, all commandments are broken as a result of his ill reason. He is just as stupid as the man who killed all his cattle in this story.

### 38) Bảo Nước Đứng Chảy—Ask The Water To Stop Running

Xưa có một người đi đường rất khát nước, thỉnh thoảng bắt gặp bên đường có cái hang, dòng suối từ trong ấy chảy ra nước trong leo lẻo, kế bên có cái thùng hứng nước đầy tràn. Người kia bèn kê miệng uống.

Once upon a time, there was a man who was tired and thirsty from travelling. He suddenly found a cave from which a stream of water flowed out. He came to drink some fresh running water from the wooden bucket.

Sau khi uống đỡ khát rồi, y chỉ cái thùng và nói: “Ta uống đỡ khát rồi, vậy nước ơi! Đừng chảy ra nữa.”

After he satisfied his thirst, he pointed his finger at the water and said: “I have had enough to drink, so stop flowing!”

Nhưng nước vẫn y nhiên chảy mãi không ngừng. Người kia tức mình quá đứng bên cái thùng chửi rủa om sòm. Mọi người thấy thế cười và trách anh ta rằng: “Anh cần gì làm thế, hãy lánh đi nơi khác đi, hà tất phải bảo nước đừng chảy nữa.”

The water went on flowing. The man lost his temper, he yelled: “I told you to stop. Why don’t you listen?” On seeing this, bystanders sardonically laughed at him and said to him: “You don’t need to do that! Just finish your drink then go! What is the use of asking the water to stop running?”

Chuyện này tỷ dụ về người đời thường say đắm trong biển sanh tử tham ái, uống nước ngũ dục tanh hôi. Sau khi cảm thấy nhàm chán, bèn kêu con ma ngũ dục đừng đến quấy rầy, nhưng nào được như ý. Muốn thế ta cần phải đề phòng các giác quan, tự kiểm soát lấy mình cho cẩn thận: tâm đừng dính líu duyên trần, ý đừng vọng tưởng sự thế. Chớ nếu chẳng dụng công xả bỏ những bợn nhơ nơi lòng, mà chỉ mong muốn ngăn cản cảnh ngũ dục bên ngoài đừng đến quấy nhiễu, thì chẳng những không thể ngăn được miếng mồi ngũ dục, mà còn bị nó lôi cuốn vào đường trụ lạc đau thương, mãi quay cuồng trong hố sâu tội lỗi, chẳng hy vọng

ngày nào giải thoát được phiền não mê lầm. Hành động như thế giống in như người bảo nước ngừng chảy trong truyện, chỉ luống công vô ích.

This story gives us an example of A man who immerses himself in transmigration and the thirst of desires. He drinks salty water of the five desires. After getting tired of them, he tells the desires to disappear to disturb him any more. If he wants to keep desires away, he must control his six organs of senses, close his mind and thought to them. Then illusions will not arise and consequently Enlightenment may be attained. If he does not try with zealous efforts to abandon inner defilements, but he only wants to stop the desires coming from environmental situations, no way he can stop himself to be attracted by them and no hopes to be free from illusions and afflictions. This just like the man who yelled at the water and asked it to stop running in this story, he only wastes his time and efforts in vain.

### 39) Sơn Tường—Paint The Wall

Xưa có một người đến chơi nhà bạn, thấy vách tường nhà bạn sơn bóng loáng, ráo khô, sạch sẽ, y hỏi: “Anh dùng thứ sơn chi quét vách tường mà đẹp thế?”

Once upon a time, there was a man who went to visit another man’s house which had just been painted. It was polished, nice and clean. He asked the host: “With what kind of paint did you make the wall so beautiful?”

Người bạn trả lời: “Tôi dùng cám trộn với bùn nhuyễn và nước.”

The host replied: “I mixed rice bran with water and fine clay.”

Người kia lầm tưởng: “Dùng cám mà còn tốt như vậy, nếu dùng nguyên lúa trộn với bùn mà sơn tường, thì chắc là phải tốt hơn thế nữa.”

The guest said to himself: “The host uses rice bran, the wall looks beautiful enough. If I

use rice grain, it would be much better and the wall would be more beautiful.”

Y bèn về nhà, dùng rất nhiều lúa trộn với bùn sơn lên vách. Kết quả chẳng những hoang phí một số lúa mà còn làm cho vách tường trở nên chỗ lồi chỗ lõm, không bằng, lại còn nhiều nơi nứt mẻ.

He went home and used his formula to mix the paint with a lot of rice grain, fine clay and water to paint his own house. The walls turned out to be concave and convex with a lot of cracks on them.

Con người ngu si ấy đã phí phạm lúa thóc của y. Tốt hơn nếu y dùng những lúa thóc ấy vào việc bố thí còn có được chút phước đức.

The stupid man thus wasted all his rice grain. It had better have done alms-giving to obtain nay merit.

Chuyện này tỷ dụ một số người hiểu lầm Phật pháp, hoặc tự cho mình là thông minh, tu bướng theo ức kiến của mình, xa rời chánh pháp, thường mắc bệnh khổ công tu hành mà chỉ tổn hại chứ không ích gì. Thí như phàm phu nghe Thánh nhân thuyết pháp: “Tu các pháp lành, sau khi chết sẽ được sanh Thiên, hoặc được giải thoát.” Thế rồi họ tự lầm lộn giết chết thân mình mong được sanh Thiên hưởng phước báu. Kết quả chỉ luống hũy thân, còn đối với tu hành thì không đi đến đâu cả. Họ với người sơn tường kia đều là hạng ngu si.

This story gives us an example of some people who misunderstand Buddhist dharma, stubbornly cultivate their own way. They only waste time and energy for no results. They have heard the Saints preaching that: “People who do good deeds may go to heaven after death, and consequently get deliverance.” They then commit suicide to get there. They only lose their lives in vain without getting anywhere. They are just like the stupid man in this story.

#### 40) Người Sói Đầu Tìm Thuốc—To Find Medicine To Cure Baldness

Xưa có một người đầu sói, không một cọng tóc, về mùa đông lạnh vô cùng, mùa hạ nóng không thể tả, lại bị muỗi mòng bu cắn rất đau đớn khổ sở cả ngày lẫn đêm. Chàng nghe đồn có vị lương y có thể trị dứt bệnh sói đầu và bất cứ bệnh gì, khó trị cách mấy ông cũng đều trị lành.

Once upon a time, there was a man who was completely bald. He felt very cold in the winter and very hot in the summer. He was stung by gadflies and mosquitoes. He suffered from his baldness day and night. He heard there was a great doctor who was capable of curing any kinds of diseases.

Người bèn đến thưa hỏi: “Tôi có bệnh sói đầu rất đau đớn, nghe đồn ngài có thể trị lành bệnh tôi, cúi xin ngài thương xót chữa cho tôi khỏi bệnh.”

He went to see the doctor and said: “Great master! I have heard that you are an excellent doctor who can cure any kinds of diseases. I have a complete baldness. Out of pity, would you please cure my baldness?”

Lập tức vị lương y lột nón của mình ra đưa cái đầu sói cho anh ta xem và nói: “Thấy chẳng ta tự mắc bệnh ấy và đau khổ vô cùng. Giả ta có thể trị được bệnh sói, thì ta đã tự chữa cho ta khỏi bệnh rồi.”

Immediately, the doctor took off his hat to reveal to the man that he had a complete baldness too. The doctor said: “See! I have the same trouble as you. I am so painful. If I could cure it, I would have done so with myself a long time ago.”

Chuyện này tỷ dụ về người đời mắc chứng bệnh, già, bệnh chết rất khổ não; muốn cầu đạo trường sanh bất tử mà không chịu đến với Phật, Họ nghe nói có những bậc Thánh nhân như Thanh Văn và Phạm Thiên siêu trần là những vị lương y có thể chữa lành mọi khổ bệnh trần thế, nên tìm tới để cầu học đạo thoát ly, họ hỏi những vị ấy

rằng: “Quý ngài làm ơn giải thoát đùm chúng tôi thoát khỏi sự khổ đau của vô thường và luân hồi để được hạnh phúc và bất tử!” Thậm chí lại tự mình mù quáng, tìm đến bọn ngoại đạo thỉnh cầu, đâu biết bọn ngoại đạo tự mình vẫn phải chịu khổ, vẫn bị lăn trôi trong vòng sanh tử luân hồi, và đang tự tìm cho chính họ sự cứu chữa, mà không có pháp giải thoát, làm sao cứu được người?

This story gives us an example of ordinary people who wish to seek immortality because they are tired of sufferings of birth, old age, sickness and death. They hear Sramanas and Brahmins are best doctors in the world who know how to cure all kinds of diseases. They go to a Brahmin and say: “Would you please help release us from the pain of impermanence and transmigration and help us live in happiness and immortality!” They even go to the heretics to ask for help of achieving of happiness and immortality. They don’t know that the heretics themselves are also suffer from those agonies and transmigration. They are still finding ways to help themselves, how can they help anyone else?

#### 41) Hai Con Quỷ Tranh Vật—Devils Struggle For Things

Xưa có hai con quỷ lượm được hai cái rương, một cây gậy, một đôi guốc, con nào cũng đều cho là của riêng mình, nên tranh chấp nhau mãi không thôi.

Once upon a time, there were two devils who together picked up a suitcase, a stick and a pair of wooden shoes. They always fought for their monopoly on these things, thus they were quarreling all day long without reaching a settlement.

Bấy giờ có người thấy bèn hỏi chúng: “Ba món đồ này hữu dụng như thế nào, mà chúng người giành nhau như vậy?”

At that time, a bystander came over and asked: “What are the uses of those three

things that you have been fighting for so angrily?”

Hai con quỷ trả lời: “Cái rương có thể hiện ra các thức ăn, áo mặc, giường mền và tất cả tài sản. Cây gậy anh chỉ cầm nơi tay thì tất cả thù địch đều quy phục nơi anh, không dám chống cự. Đôi guốc cây này anh mang nó có thể đi đến phương xa trong nháy mắt.”

The two devils replied: “With the suitcase we can get all sorts of things we wish such as clothes, food, bed articles and other living necessities. With the stick one can conquer his hateful enemies without encountering resistance. One who puts on these shoes will be able to fly to remote places in a twinkling of an eye without any troubles.”

Người ấy nghe xong bảo hai con quỷ: “Chúng bây đi nơi khác độ vài phút rồi trở về, ta sẽ phân xử công bình.”

Upon hearing these words, the man said: “Would you please stand further away! Let me equally apportion them to both of you.”

Hai con quỷ tin lời người kia chạy đi nơi khác. Người kia vội vã ôm rương, cầm gậy, mang guốc bay lên hư không, rồi từ trên hư không nói với chúng nó: “Hiện tại chúng bây đã được sự công bình, vì không còn chi để tranh giành nhau nữa.”

The two devils trusted the man and moved away. Immediately the man came to put on the shoes, snatched the suit case and the stick, then flew off in the air and told the devils: “You now have justice. I got what you have been fighting for. Now you need not argue any more!”

Hai con quỷ nghe vậy, khổ não vô cùng, nhưng phải bó tay đành chịu mất của, không biết làm cách nào nữa được.

The two devils startled at the loss of their share, but they are helpless.

Chuyện này tỷ dụ sự bố thí như cái rương báu, tất cả tư tài hưởng dụng ở cõi nhân thiên đều từ trong nhơn lành bố thí mà có. Thiên

định ví như cây gậy báu, người tu định có thể hàng phục được oán tặc, phiền não, tham sân si. Trì giới tử như đôi guốc báu, giới luật thanh tịnh được sanh Thiên, hoặc chứng Niết bàn tịch tịnh. Hai con quỷ cũng như các ma ngoại đạo, bọn ngoại đạo ở trong pháp hữu lậu, tìm cầu quả báo an vui, chung kết đều không thể toại nguyện. Chỉ có nhưt tâm nhưt ý tu các hạnh lành như: bố thí, trì giới, thiền định... Vì chỉ có những hạnh ấy mới có thể thoát ly khổ não, chứng đạo Niết bàn an vui.

In this story, almsgiving applies to the suitcase that turns out all the essential things to the needs for sentient beings; meditation symbolizes the stick which can disperse or predominate devils, enemies and afflictions; commandments observing is like the shoes that ensure rebirth in the world of devas and men. The two devils and heretics, coveting the suitcase, it signifies that they labor themselves to the seeking for the reward of enlightenment in the imperfect way which result in nothing to be obtained. If one can perform acts of merit together with almsgiving, keeping commandments, and practicing meditation, one will be rid of all sufferings and in turn obtain Nirvana.

#### **42) Dùng Lụa Là Che Da Lạc Đà—To Use Valuable Cloths To Protect The Skin Of The Camel**

Xưa có người thương gia cùng hai đệ tử dắt con lạc đà ra xứ ngoài tìm kế sanh sống, đem theo một ít hàng lụa quý giá vô song và mừng mền tốt đẹp tốt bực; tất cả hàng hóa đều chở trên lưng con lạc đà. Đi được nửa đường thì con lạc đà chết, người thương gia bèn lột da lạc đà để lại rồi sửa soạn đi trước, bảo hai đệ tử ở lại xem chừng.

Once upon a time, there was a trader who was traveling on the camel back with his two servants on business. They brought with them some valuable things such as jewels, clothes, carpet of first quality and sundries. The camel

suddenly died on the way. The trader skinned the camel, then he went away and asked his servants to stay to watch his stuff.

Khi chia tay y căn dặn hai người đệ tử: “Chúng con hãy chăm sóc chút vật này cho kỹ lưỡng, hãy cẩn da con lạc đà ra đường để cho nó ẩm ướt.”

Before leaving he said to his servants: “Watch the camel skin, don’t let it get wet!”

Sau khi người thương gia đi rồi thì trời mưa rất lớn, hai người đệ tử sợ da lạc đà bị ướt, bèn đem hàng lụa quý giá và mừng mền tốt đẹp dầy lên. Hiển nhiên là những hàng lụa quý giá đem so với da lạc đà thì mắc hơn gấp trăm ngàn lần, nhưng vì ngu si mà họ đã dùng thảm quý che mưa cho da lạc đà, kết quả là toàn bộ thảm quý đều bị mưa làm hư mục.

After the trader had left, it started to rain so heavy that the two servant were so afraid that the skin of the camel could get wet. The two dull men covered the skin of the camel with all fine carpet which became entirely ruin after the rain. Obviously the skin and carpet differed much in price, but they put the carpet to cover the skin out of ignorance and consequently all the fine carpet became entirely ruin.

Trong chuyện này, thảm quý, da lạc đà và tài vật ám chỉ không sát sanh. Làm cho thảm quý bị hư hại khi trời mưa có nghĩa là bất cẩn phá mất phước lành.

In this story, abstaining from killing refers to the fine carpet, the skin of the camel and wealth. To let the carpet get damp when it is raining means to recklessly undermine good merits.

Chuyện này cũng tử dụ người tu học Phật pháp không chịu nghiêm trì giới luật, đặc biệt là không sát sanh rồi sau mới tu định, khai huệ mà chỉ một bề lo tu bồi công đức thí tài như xây tháp, tạo chùa, cúng thí cho chư Tăng... Hành động như thế chỉ là bỏ gốc theo

ngọn, không thể thoát ly sanh tử để chứng quả Niết bàn được.

This story also gives us an example of people who want to practise Buddhist teaching, but don't want to keep commandments, especially abstaining from killing (because abstaining from killing is supreme motive to attain Buddhahood), then later cultivate meditation and develop wisdom. Unfortunately, they merely adhere to build pagodas or temples and give alms to support monks. This is giving up essential and pursuing non-essential. Thus they cannot go out of the cycle of births and deaths to reach the other shore (Nirvana).

Vì lẽ đó, Phật tử phải lo tinh nghiêm hộ trì giới luật, đặc biệt là không sát sanh thật cực kỳ quan trọng với Phật tử. Phật tử trước phải giữ giới rồi sau mới tu tài thí và các hạnh lành. Nếu không như vậy thì họ cũng đồng như hai đệ tử của gã thương gia trong truyện không khác.

Therefore, zealously keep all the commandments, especially abstaining from killing is extremely important for Buddhists. Buddhists must first observe all commandments, then give alms and other good deeds. If not, they are just the same as the two servants in this story.

#### **43) Mài Đá Lớn—To Grind A Big Stone**

Xưa có một người mỗi ngày chuyên tâm mài một viên đá lớn. Sau một thời gian dài, hòn đá lớn trở thành viên đá nhỏ, kết quả chỉ có thể làm đồ chơi, không dùng được vào việc gì cả. Người kia làm một việc phí thì giờ và lao lực, mà kết quả thì không có chi.

Once upon a time, there was a man who ground a big stone with great effort everyday. After a long period of time with lots of efforts, the big stone became a small pebble (a small toy bull). The effort being made was strenuous, yet the gain expected was trivial.

Trong chuyện này, viên đá cuội hay món đồ chơi ám chỉ danh lợi phù du và sự khiến xui cho những lời chỉ trích. Chuyện này cũng tỷ dụ về nhiều người tinh cần lao khổ tu học, phải nên thực hành những điều hiểu biết để thành đạt đạo quả cao siêu; không nên vì chút ít danh lợi, tự mãn và kiêu ngạo mà gây tội tạo nghiệp.

In this story, to make a small toy bull applies to the illusive fame and the inducement of criticism. This story also gives us an example of people who endeavor themselves to serious studying to get wide and extensive knowledge. They should put their learning into practice so as to achieve some transcendental fulfillment. The goal must not be the illusive fame, complacency and arrogance which breed only sins and calamities.

#### **44) Ăn Nửa Cái Bánh—Eating Half A Cake**

Xưa có một người đương khi đói bụng, đến tiệm mua bánh ăn, ăn đến sáu cái mà vẫn chưa no; mua thêm cái thứ bảy, vừa ăn được nửa cái đã no. Lúc bấy giờ y rất hối hận vừa vả miệng vừa nói rằng: “Sao ta ngu ngốc không biết cần kiệm thế! Như sớm biết chỉ ăn nửa cái nữa là no, thì chỉ cần mua nửa cái bánh thôi; mua làm chi sáu cái trước cho hao phí?”

Once upon a time, there was a man who felt hungry and longed to eat seven cakes. He was already full when he finished six and a half cakes. He was so sorry that he ordered that he slapped on his face and said: “I am so stupid and don't know how to economize! If I know half a cake has filled me up. If I had known that I should have ordered only half a cake, the other six are really wasted.”

Chuyện này cho chúng thấy trên đời này chẳng có gì vui sướng, tất cả chỉ là ảo ảnh, giống như người ngu bị ảo ảnh với nửa cái bánh. Vì ngu si mà người ta coi tài sản và

danh dự, cùng với người ăn bánh kia đều là hạng quan niệm sai lầm.

This story tells us that there is actually no pleasure in life. There are only illusions, just like the stupid man getting full illusion with half a cake.

#### 45) Giữ Cửa—To Guard The Door

Xưa có người có việc cần đi đến phương xa, khi sắp đi, kêu người nô bộc dặn dò: “Con ở nhà phải coi chừng cửa ngõ cho cẩn thận và xem lại dây đang buộc con lừa có chắc chắn không, đừng để nó sút dây chạy mất.”

Once upon a time, there was a man who was about to take a long trip. He gave orders to his servant and said: “You stay home to keep a close watch over the door as well the donkey, don’t let it get loose with the rope.”

Sau khi người chủ đi rồi, ngày nọ xóm gần có đờn ca xướng hát rất vui tai. Người nô bộc biết có đám hát vui như thế, trong lòng rộn rục không yên, muốn đi xem hát. Bấy giờ y bèn gỡ cửa buộc trên lưng lừa, dắt lừa đi xem hát.

After his departure, one day the neighbor was playing music which drew attention of the slave. He disassembled the door and tied it on the back of the donkey, then went to the neighbor to listen to the music.

Sau khi người nô bộc đi rồi, kẻ trộm vào trong nhà vơ vét hết đồ đạc, tiền của không còn một món.

After the servant left, the house was ransacked by a thief.

Khi người chủ trở về thấy đồ đạc tiền của trong nhà, đều bay đi đàng nào sạch hết, lấy làm lạ liền tra gạn người nô bộc rằng: “Tại sao có việc lạ đời như thế?”

When the master returned, he asked the servant what had happened to the house.

Người nô bộc trả lời: “Ông chủ bảo tôi giữ cửa; xem chừng dây buộc lừa và con lừa, giờ đây ba món ấy đều còn đủ, không sót

một vật nào. Ngoài ra tất cả tôi đều không biết.”

The servant replied: “You told me to take care of the door, the donkey and the rope. All of them are still here. I know nothing about the rest.”

Người chủ nghe thế tức giận vô cùng, nổi cơn thịnh nộ trách mắng người nô bộc rằng: “Người là đồ ngu ngốc, bảo người giữ cửa, chính là vì những tài vật trong nhà, bây giờ tài vật đã mất hết, còn lại những cánh cửa dùng vào việc gì?”

Upon hearing those words, the master got angry and scolded the servant: “The whole idea of watching the door is for you to watch the house. Now that the house has been robbed, what’s the use in having the door?”

Chuyện này tỷ dụ Đức Phật dạy bảo chúng ta phải luôn luôn thấu nhiếp tâm niệm, giữ gìn sáu căn môn (cửa), đừng để giác sáu trần và ngũ dục xâm nhập. Có một ít vị tỳ kheo không chịu nghe lời Phật dạy, trở lại tham cầu danh lợi, đến nỗi trong lúc tịnh tọa, dù bên ngoài tỏ ra thanh thanh tịnh tịnh, mà bên trong vẫn niệm niệm phan duyên danh lợi, mơ tưởng ăn ngon, mặc đẹp, của nhiều, giữ chắc con lừa vô minh và sợi dây tham ái, mở rộng cửa lớn sáu căn; kết quả bị bọn trộm cướp sáu trần phiền não xâm nhập; tất cả tài bảo công đức, đạo phẩm đều mất, hằng trôi lăn trong biển sanh tử nghèo cùng.

This story gives us an example of the Buddha preaches to control the six sense organs (the door) without attaching to the six objective fields. In addition, he advises to keep watch on human folly (donkey) as well as all desires (rope). However, there are some monks who don’t want to follow the teachings of Buddhism seeking enviously material offerings from others. Even when practicing meditation, they give an appearance of beings pure and clean. But their minds are still unsettled by their attachment to the five desires and deluded by

sight, sound, smell, taste, touch, and so on. When ignorance takes over the mind and attachment to desires comes into being, all lost will be the right thought, the enlightened mind and the monastic grades.

Những kẻ ngu si trên thế gian này bám víu vào sanh tử bởi dục vọng cũng như tên đầy tớ bám víu vào cánh cửa để rồi bị cướp lấy hết đồ vật trong nhà.

The stupid men in the world cling to birth and death by their lust for life like the servant cling to the door and consequently, the whole house is robbed.

#### 46) Ăn Trộm Trâu—To Steal A Buffalo

Xưa có một bọn người cùng làng, ăn trộm một con trâu đem giết ăn thịt. Người mất trâu đi tìm tới làng ấy, thấy bọn họ mới hỏi rằng: Trâu ta có trong làng người không?”

Once upon a time, there was a group of people who dwelled in the same village. They jointly participated in stealing a buffalo for food. The man who lost the buffalo followed their trail to the village. He asked: “Is my buffalo in your village?”

Bọn ăn trộm trâu trả lời: “Chúng ta không có làng.”

The people replied: “We live in no village.”

Chủ trâu bèn nói: “Trong làng người có một cái ao, các người ở bên bờ ao giết trâu ta ăn thịt phải không?”

The man asked again: “There is a pond in your village. Have you eaten the buffalo together on the side of the pond?”

Bọn ăn trộm trâu trả lời: “Chúng ta không có ao.”

The villagers replied: “We know of no pond.”

Chủ trâu lại nói: “Bên ao có một bụi cây phải không?”

The man asked: “Is there any tree near the pond?”

Bọn ăn trộm trâu trả lời: “Cũng không có bụi cây.”

The villagers replied: “We know of no tree.”

Chủ trâu lại nói: “Các người ăn trộm trâu ở phía đông phải không?”

The man asked again: “When you stole my buffalo were you on the east side of your village?”

Bọn ăn trộm trâu trả lời: “Không có phía đông.”

The villagers replied: “We know of no east direction.”

Chủ trâu hỏi thêm: “Các người ăn trộm trâu hỏi chính ngọ phải không?”

The man asked again: “When you stole my buffalo, wasn’t it noon?”

Bọn ăn trộm trâu trả lời: “Không có chính ngọ.”

The villagers replied: “We know of no noon time.”

Cứ theo lời các người nói: “không có làng, không có ao, không có bụi cây, thôi cho được đi. Không lẽ trong vũ trụ không có phương đông, không có chính ngọ? Do đây ta biết chắc lời các người đều là lời gian dối không thể tin. Trâu của ta nhất định là các người bắt trộm ăn thịt rồi, không còn chối cãi gì nữa?”

The man concluded: “According to what you said, although it is possibly true of your first three answers, how can you say there is no direction, and no time in the world. I know you are lying. So I don’t believe you all. Surely enough, you have stolen my buffalo. Haven’t you?”

Bọn dân làng ấy không còn đường chối cãi đành phải cúi đầu nhận tội ăn trộm trâu.

The villager could not say anything but admit it.

Chuyện này tỷ dụ người tu hành theo pháp của Phật mà đi phá giới phạm trai, thường thường che dấu tội ác, không chịu phát lồ sám hối, không chịu cãi đỡ làm lành,



trở lại luôn luôn mượn đủ lý lẽ, bào chữa cho thuyết của mình, nhưng kết quả không thể nào che dấu nổi tội ác đã tạo, nên phải chịu đủ khổ não đau buồn. Chỉ có những ai mạnh mẽ thừa nhận tội lỗi mà mình đã trót tạo, khẩn thiết phát lồ sám hối tội khiên, mới có thể bước lên đường giải thoát của chư Phật.

This story gives us an example of those who break commandments. People who hide their sins are reluctant to disclose them and repent for their wrong-doings. On the contrary, they try to find all kinds of excuses to justify themselves. But the consequence cannot be hidden that they go to hell to suffer after their death. Only those who firmly confess their faults, repent and correct them, they can be emancipated and follow the path of Buddhas.

#### 47) Giả Tiếng Oan Ướng—To Pretend To Crow Like A Duck

Xưa có một quốc gia đến ngày lễ Khánh tiết các hàng phụ nữ dùng thứ hoa quý đẹp tên là Ưu Bát La giắt lên đầu, làm món đồ trang điểm tuyệt diệu.

Once upon a time, there was a foreign country which during its Religious Day festivals was celebrating all women wore blue lotus flowers as ornament in their hair.

Bấy giờ có một người đàn ông nghèo thương vợ vô cùng; ngày lễ Khánh tiết gần đến, các phụ nữ đều đã dự bị thứ hoa đẹp ấy để điểm trang còn vợ y không có.

At that time, there was a poor man who was concerned on how to obtain such flowers for his wife's ornament during the festivals.

Chị vợ biết chắc chắn mười phần mất thể diện, than với chồng rằng: “Anh làm thế nào có hoa Ưu-bát-la cho em trang điểm, em mới mãi mãi làm vợ anh, nếu không em xin ly dị”

The woman said to her husband: “If you can get blue lotus flowers for me, I shall remain as your wife. Otherwise, I will walk out on you.”

Anh chồng nghe thế hoảng hốt lo sợ vô cùng, nhưng anh có tài giả tiếng chim oan ương giống hệt. Bấy giờ mới nghĩ rằng: Trong ao vua có rất nhiều hoa Ưu-bát-la, ta tìm cách ăn trộm một ít cành, giả sử rui ro người giữ ao biết được, ta giả kêu tiếng chim oan ương.”

Upon hearing those words, the husband was extremely terrified and worried. However, he was capable of crowing like a duck. He know in the pond of the royal palace, there are a lot of blue lotus flowers. He tried to find way to steal flowers from the royal palace. In case he is caught, he can pretend to crow like a duck to escape.”

Nghĩ thế rồi anh ta đi đến ao vua trộm hoa. Đương khi thò tay bể, làm mặt nước dao động rung rinh, người giữ ao hay được hỏi rằng: “Ai trong ao đó?”

He then entered the royal palace and went to the pond to steal some blue lotus flower. Once he plucked a flower he caused some noise in the water, the guard asked: “Who is in the pond?”

Anh ta kinh hoảng bối rối quên giả kêu tiếng oan ương, bèn vụt miệng nói: “Ta là chim oan ương.”

He felt so terrified that he forgot how to crow like a duck. With a slip of the tongue, he replied: “I am a duck.”

Người giữ ao nghe biết tiếng người bèn đến ao bắt anh ta giải đến vua trị tội.

The guard came to arrest him and took him to the king for punishment.

Trong khi đi đường anh ta giả kêu tiếng chim oan ương in hệt không khác. Người giữ ao cười nhạt nói rằng: “Hồi nãy không giả kêu, bây giờ mới giả kêu chẳng là vô ích?”

On the way, he tried to crow again and his sound at that time was exactly like one of the duck. The guard said: “You didn't crow properly before, what's the use of doing it now?”

Chuyện này tỷ dụ phạm muốn làm việc gì phải làm ngay cho kịp thời, không để chuyện đáng làm hôm nay dần dà đến ngày mai ngày mốt; đến khi thời cơ thuận tiện qua rồi, hối hả làm cũng không kịp. Có một ít người trọn đời làm ác không bao giờ tự biết lỗi mình, đến khi sắp chết mới tính ngộ ăn năn làm lành lánh dữ, nhưng than ôi có kịp đâu nào! Đành phải tùy nghiệp thọ ác báo. Họ cũng giống như người đàn ông trong truyện này vậy!

This story gives us an example about people who want to do good deeds, should do immediately and timely. Don't postpone what should be done today until tomorrow. Once the chance goes by, it's too late no matter how much they are hurried. There are some people who do all evil deeds in their lives and never feel repentant. Once come near to death, they say: "From now on, I shall start to do good deeds." But it's too late! They are just like the man in this story!

#### 48) Chó Và Cây—Dog And Tree

Xưa có một con chó ngủ dưới gốc cây, thành linh có một trận gió thổi đến, cành cây gãy rớt trên lưng. Nó hoảng kinh chạy lại một chỗ trống dừng lại nghỉ, mắt vẫn nhắm, không thấy nhánh cây do đâu mà gãy đập vào lưng nó, cũng không trở lại xem bụi cây nọ.

Once upon a time, there was a dog which stood under a tree. Suddenly there was a gust of wind which caused a twig to fall down its back. It was so terrified and ran away from the tree. Soon after it went to an open space and would not want to return even when the night fell.

Đến chiều nó vẫn còn ở đó nghỉ ngơi. Nhưng một lúc sau nó mở mắt ra ngó tứ phía, thấy xa xa có một trận gió thổi qua các hàng cây, làm cho nhánh lá không ngừng chuyển động.

Later, when it saw the branches and the leaves of the big tree wavering up and down in the wind.

Nó tự nói một mình: “Cây gọi ta trở về chỗ cũ.”

It said to itself: “The tree must be calling me back.”

Thế rồi nó bon bon chạy về dưới gốc cây xưa.

Then it went back under the big tree where it had got hit earlier.

Chuyện này tỷ dụ người tu học Phật pháp, chí nguyện phải kiên quyết, không đổi dời, không nên vì sư trưởng la rầy quở trách, liền muốn bỏ đi. Trong thời gian lia thầy cách bạn gặp nhiều nghịch cảnh khổ tâm, rồi ăn năn hối hận muốn trở về thân cận sư trưởng.

This story gives us an example of someone who wants to become a monk, he has chances to approach a tutor from whom he runs away at his first slight rebuke. Afterwards, he gets into a lot of trouble when he meets more friends who have adverse influence over him. Only then does he begin to think of returning to his first tutor.

Đi đi lại lại luống phí thời gian, thật là hành động sai lầm đáng thương xót.

It is indeed stupid of his coming and going like that because it is only a waste of time.

#### 49) Bàn Luận Tóc Tiên—Argument On The Hair Of A Spirit

Xưa có hai đứa nhỏ bơi lội tại bờ sông, chúng nó vớt được một nhúm lông trên mặt nước. Bấy giờ chúng tranh luận với nhau. Một đứa nói râu của Tiên, một đứa nói lông cọp, mỗi đứa đều cho lý lẽ của mình là đúng hơn, mỗi đứa đều có lý do xác đáng, không đứa nào chịu nhường.

Once upon a time, there were two boys who swam in in a river where they pulled out of the water a bundle of hair. At that time they argued. One said that it was the beard of some spirit, whereas the other said it was the

bear's hair. They argued without a right answer.

Bấy giờ có một vị Tiên từ bờ sông đi lại, chúng nó bèn đến thỉnh cầu phán đoán dùm. Vị Tiên không trả lời ngay câu hỏi của chúng, mà thò tay trong đay lấy ra một nắm hạt vừng và gạo bỏ vào miệng nhai ngấu một hồi, nhổ ra trên bàn tay trắng nõn, đưa cho chúng xem và nói: “Này các em, vật gì trong tay ta thật giống phân con chim sẻ.”

At that time there was an immortal being nearby. They approached him and asked him to help settle the argument. He did not say anything, but put some rice and sesame seeds into his mouth and chewed for a while, he then spat them into his hand and asked the two boys: “What I have got here seems to me a sparrow's excrement.”

Hai đứa nhỏ chẳng hiểu gì vì vị Tiên đáp không đúng lời chúng hỏi.

It is known his answer was beyond the question which was put to him.

Chuyện này tỷ dụ có người thuyết pháp ưa nói suông, viễn vông mơ hồ không rõ rệt, còn chánh lý thì không chịu thuyết trình, đối với người đã không lợi ích, mà tự mình chỉ luống nhọc tinh thần. Tình trạng tổn hại người ấy cùng với vị Tiên đáp không trúng đề, đều là chuyện đáng chê cười cả.

This story gives us an example of those who preach with empty words. They facetiously discuss the teachings of Buddhism; they don't give the answer to the right doctrine, just like the immortal being not answering the question, they are deserved to be laughed at.

### 50) Sữa Lưng Gù—To Cure A Hunchback

Xưa có một người lưng gù, mời lương y điều trị. Lương y bèn dùng một ít sữa thoa trên lưng, rồi để người kia ở giữa hai tấm ván trên thêm nhà, dùng hết sức lực ép chặt lại, khiến cho bằng thẳng như người thường.

Người ấy đau đớn không thể tưởng tượng và hai tròng con mắt đều lọt ra ngoài, rốt cuộc lưng gù vẫn không trị được.

Once upon a time, there was a hunchbacked man. He went to see a doctor for treatment. The doctor treated him first with ointment smeared on his back, then placed him between two wooden planks (boards), then the doctor squeezed the wooden planks so hard the hunchback's eyes popped out, but the humpback was still there.

Chuyện này tỷ dụ có người muốn tu phước làm lành, làm việc bố thí, lại dùng những thủ đoạn gian tham phi pháp, tranh đoạt một cách khéo léo, tranh thủ tiền tài không chánh đáng, đem ra thọ dụng: xây tháp, cất chùa, bố thí, cúng Tăng và lên tượng Phật. Kể ấy cũng như vị lương y đem hai tấm ván ép lưng gù, mong chữa trị cho ngay thẳng và làm thế cũng tạo nên nghiệp ác trầm luân, tăng gia khổ não, không thể viên thành công đức bố thí phần nào. Ngày nọ họ sẽ cùng nhau đi về địa ngục.

This story gives us an example some people who want to perform good deeds, but utilizing dishonest Money to give alms, to build temples and stupas, or to make offerings to the monks and nuns. These people are just like the doctor who made the hunchback's eyes popped out. One day they will go to hell.

### 51) Người Tố Gái Và Năm Ông Chủ—A Maid And Her Five Masters

Xưa có năm người chung tiền lại mượn một tên tố gái. Một trong năm người bảo tên tố gái rằng: “Con hãy giặt quần áo cho chủ.”

Once upon a time, there were five men who together bought a maid and said to her: “Get my clothes washed.”

Bốn người kia cũng bảo người tố gái giặt quần áo cho mình. Năm người đều bảo giặt một lượt, khiến tên tố gái vô cùng khó khăn, không có phương pháp gì để đối phó. Cô ta

thầm nghĩ rằng: “Ta nên giặt cho một người trước đã, rồi sau mới giặt cho người thứ hai.”

The other four men also told the maid to do the same thing at the same time. The maid faced a tremendously difficult problem. She said to herself: “I had better wash for one’s after the others’.”

Bấy giờ cô đem quần áo của một người giặt trước, người thứ hai thấy thế nổi giận đùng đùng: “Chúng ta đồng xuất tiền ra mượn may, tại sao may chỉ giặt riêng cho một mình người đó?”

At that time the maid washed for the one who gave her clothes first, but the second man angrily said: “I have bought you together with others, how can you wash for him first?”

Y liền đánh tên tớ gái mười roi. Tên tớ gái chỉ giặt trước cho một người chủ, mà bốn người chủ kia đều nổi cơn thịnh nộ đối với cô ta, và đều đánh cô ta mười roi đích đáng.

He then whipped the maid ten strokes. Other men also whipped her ten strokes.

Thương thay cô tớ gái vô cớ chịu đòn.

What a pity maid who suffered unjust punishment!

Chuyện này tỷ dụ về việc y theo kinh Phật nói: Thân đây do nhân duyên phiền não hợp thành. Vì vậy thân này không khỏi hằng chịu sanh, già, bệnh, chết ép bức, không thể tự thoát ly; cũng như tên tớ gái bị năm người chủ đánh không khác.

This story shows us Buddhist teaching about the five components of human bodies which are always the sources of annoyances. They whip the sentient beings with birth, old age, sickness and death just the same as the five masters whipped the maid unjustly.

## 52) Trò Vui Giả Dối—A Transient Rejoicing

Xưa có một nhà âm nhạc trứ danh, được vua thỉnh vào cung diễn tấu và hứa trả một ngàn tiền vàng.

Once upon a time, there was a musician who was invited to come to the royal palace to play in the presence of the king who had promised to pay him one thousand coins.

Chừng diễn tấu xong xuôi, vua không chịu trả tiền. Nhà âm nhạc theo đòi mãi, mà vua quyết tâm không đưa, lại nói: “Người tấu nhạc cho ta nghe, chẳng qua khiến cho ta thưởng thức một trò vui luống dối. Ta hứa trả tiền cũng chỉ là muốn cho người luống vui mừng mà thôi.”

After the performance, he asked the king for the money, the king refused to give him money and said: “The music you performed doesn’t make me merry for a long time. Therefore, my promise to pay you with the money is only my intention to please you just for a while.”

Chuyện này tỷ dụ về những điều thế gian và cõi Trời cho là vui, kỳ thật đều là giả dối. Ở trong cuộc đời vô thường huyễn hóa, sanh diệt biến thiên, không có một phút giây dừng nghỉ, như trăng dưới nước, như bóng trong gương, làm sao tìm được sự an vui chốn thường vĩnh viễn.

This story teaches us that there is little pleasure in human lives and in Heaven. Owing to the impermanence and destruction, pleasures do not last long. They are just like the reflection of the moon in the water, the image in the mirror, or the music giving in this story, only a transient rejoicing.

## 53) Lão Sư Bị Hành Hạ—The Master’s Aching Legs

Xưa có một lão sư có hai người đệ tử theo hầu, vì chân ông có bệnh không duỗi ra được, thường thường chống nạng đi, ông nhờ hai người đệ tử đấm bóp, mỗi người một chân.

Once upon a time, there was a master who had two disciples who followed to help him. He had aching legs so each disciple had to massage continuously each of his two legs.

Không may là hai người đệ tử ấy thường ngày không hòa thuận với nhau. Người nào cũng nói: “Không phải ta chán ghét người, mà chính người chán ghét ta.”

Unfortunately, the two disciples always disliked each other. One said: “It’s not because I dislike you, but because you dislike me.” The other said the same thing.

Hai người coi nhau như oan gia nghiệp báo.

They considered as deadly enemies.

Hôm nọ, một người có việc đi nơi khác, người ở lại nhà bèn dùng đá đập gãy cái chân lão sư mà người đệ tử đi vắng thường ngày xoa bóp. Khi người kia trở về, thấy vậy phần nộ vô cùng, định tâm báo thù, lập tức dùng đá đập gãy cái chân còn lại của lão sư mà người học trò ở nhà thường đắp bóp.

When one left town for some other affairs, the other broke the leg that the first one had massaged with a stone. The former got back was so angry at the latter’s doings, he broke the other leg that the latter had massaged.

Chuyện này tỷ dụ về người tu học Phật pháp thường có tình trạng này: Phái Đại Thừa bài xích phái Tiểu Thừa, hoặc giả Tiểu Thừa chê bai Đại Thừa, hoặc tôn phái nọ vô cơ phản đối tôn phái kia. Phật tử tranh chấp như thế, chính là tự tay mình đem kinh giáo của Phật hủy diệt.

This story gives us an example of the Buddhist disciples in both Mahayana and Hinayana who criticize one another. Therefore, these two schools’ scriptures of the Great Saint, run risk to be both vanishing.

#### **54) Đầu Rắn Và Đuôi Rắn Tranh Cãi—The Snake’s Argument**

Một hôm đầu rắn và đuôi rắn thường hay tranh chấp lẫn nhau.

Once upon a time, there was a snake whose tail and head always argued.

Một hôm đuôi rắn nói: “Hôm nay để ta đi trước.”

One day the tail argued: “I should lead the way.”

Đầu rắn trả lời: “Thường thường ta đi trước, tại sao nay người đòi đi ngược như vậy?”

The head replied: “I am used to leading, why do you want to change positions?”

Đầu rắn và đuôi rắn đều nhận thuyết của mình có lý hơn, tranh chấp với nhau mãi. Rốt cuộc đầu rắn chuyển mình đi trước, đuôi rắn không chịu đi, bèn chống lại bằng cách quấn chặt vào thân cây không thả, đầu rắn đi không được, đành phải nhường cho đuôi rắn đi trước. Vì đuôi rắn không có mắt nên chạy lủi vào hầm lửa bên đường, làm cho toàn thân rắn đều bị cháy thiêu trong lửa.

Both the tail and the head maintained its reason to be right. The head began to move, the tail was unwilling to move and resisted by knotting itself around a tree. The head gave in and let the tail to lead. When the tail led, the snake fell into a burning pit and was burnt to death.

Chuyện này tỷ dụ về thầy trò phải kính mến lẫn nhau. Có một số người đệ tử chê thầy già cả lẫn lộn, muốn giành quyền lãnh đạo của thầy, không tôn kính bậc sư trưởng. Nhưng vì đệ tử tuổi còn thơ, không có kinh nghiệm, không tôn trọng kỷ luật, quy điều, ra làm việc thường hay lầm lạc, thường bị thất bại nặng nề. Cuối cùng họ phải chịu đọa vào địa ngục.

This story gives us an example of disciples who have a fancy that the young should lead the way, as they think teachers are too old to lead. Due to their youthful immaturity, they often break commandments without being aware of it. Eventually they end up dragging down to hell.

#### **55) Cạo Râu Vua—To Be A King’s Barber**

Xưa có một ông vua có người hầu cận thân tín, người hầu cận ấy bình nhật rất trung thành, rất được vua thương yêu và tín nhiệm. Có lần vua đem quân giao chiến với nước ngoài, bị sa vào vòng vây của quân địch rất nguy hiểm. Người hầu cận không đoái hoài thân mạng, can đảm nhảy vào vòng giải vây và bảo vệ cho vua được an toàn, do đó vua rất cảm phục.

Once upon a time, there was a king's attendant whom the king loved and trusted. There was a time when the king was at war with a foreign country and was surrounded by the enemies. The attendant risked his life to save the king at the battlefield. The king was so grateful and held in high respect for the attendant.

Bấy giờ vua mới hỏi rằng: “Hiền khanh muốn cái chi trăm đều ban cho cả.”

At that time the king told the attendant: “Whatever you want shall be granted.”

Người hầu cận ấy trả lời: “Hạ thần không yêu cầu chi hết, chỉ xin cạo râu vua.”

The attendant replied: “I don't have any request. I only wish that your Majesty allows me to shave you whenever you need a shave.”

Vua cười trả lời: “Hiền khanh muốn vậy, trăm rất bằng lòng để hiền khanh mãi nguyện.”

The king said: “If that is what you wish to do, I will grant it to you.”

Sau đó, mọi người nghe được việc ấy, bèn chê cười anh ta là đồ ngu si. Phải chi yêu cầu vua cho nửa giang sơn gấm vóc để cai trị, hoặc giả một chức vị thủ tướng hay bộ trưởng, chắc chắn vua sẽ ưng thuận. Tại sao không yêu cầu những điều cần thiết ấy, mà chỉ xin được cạo râu vua, quả thật là đại ngu ngốc.

Later, everybody laughed at such a stupid man. It would be so much better for him to ask for half a country or to become prime minister, or minister of State, etc, the king

will surely grant. Only a stupid man requests such a mean profession.

Chuyện này tỷ dụ về việc được thân người rất khó, nghe được Phật pháp lại khó hơn. Chúng ta đã điếm phúc có được thân người, lại được nghe Phật pháp, đầy đủ hai nhân duyên khó được rồi, giống như rùa mù ngàn năm mới tìm được bọng cây trên biển cả. Đâu nên dùng tâm chí nhỏ hẹp, chỉ vâng giữ chút ít giới luật, liền cho là mình đã đầy đủ hoàn toàn, không cầu tấn tới, không cầu điếu pháp Niết bàn. Ngược lại còn tự mãn với những lợi lạc thế gian để rồi cuối cùng sa vào ác nghiệp như người hầu cận xin được cạo râu vua đều là hạng đáng chê cười.

Our human bodies are difficult to be acquired, Buddha's teachings are scarce to be heard. We have our human bodies, and have opportunities to hear the Buddha's teachings. Fortunately enough, these two difficulties are overcome. It is like a blind turtle's trouble in finding a log hole floating at the surface of the water. We should not be self-complacent with our shallow mind and few commandments are observed without any ambition of ever attaining Nirvana, the perfect enlightenment. On the contrary, they find themselves contented with worldly gain with no further improvement and eventually end up doing evil deeds just like the man in this story.

## 56) Cho Cái Không Có—To Give Nothing

Thuở xưa có hai người đi đường, thấy một người đẩy chiếc xe đầy cây vừng sống, bị sa vào vũng bùn không thể kéo ra. Bấy giờ người kéo xe yêu cầu hai người kia rằng: “Các bạn làm ơn kéo hộ tôi chiếc xe nẩy lên khỏi vũng bùn.”

Once upon a time, there were two men traveling together saw a countryman trying in vain to pull a chariot loaded with sesame out of a muddy hole on the road. The countryman

said to the two travelers: “Please give me a hand.”

Hai người đồng hỏi: “Chúng tôi kéo hộ xe cho bạn, bạn sẽ đền ơn cho chúng tôi bằng thứ gì?”

The two travelers replied: “What are our rewards?”

Người đẩy xe trả lời: “Không có vật gì để đền ơn các bạn cả.”

The charioteer said: “Nothing.”

Bấy giờ thay vì tiếp tục đòi phần thưởng, hai người xúm xích lại kéo hộ chiếc xe ra khỏi bùn. Sau khi xong, họ theo đòi người đẩy xe đền ơn: “Hãy đem cái ‘không có’ cho chúng tôi đi.”

In spite of insisting for rewards, the two travelers came to help get the chariot out of the muddy hole. After the work done they demanded the charioteer: “Now give us something.”

Người đẩy xe nói: “Không có gì hết.”

The charioteer replied: “I will give you nothing.”

Một trong hai người nói: “Hắn không muốn cho mình cái gì cả. Buồn tức để làm gì?”

One of them said: “He doesn’t want to give us anything. It’s no use to get upset.”

Người kia bướng bỉnh yêu cầu: “Hãy đem cái ‘không có’ cho chúng tôi đi. Tôi muốn lấy cái ‘không’ ấy tuy tôi không biết cái ‘không có’ ra làm sao cả, nhưng phải có một cái ‘không có’ chứ!”

The other one said: “He said he would give us nothing. I would like to get that ‘nothing’ even though I don’t know what is that ‘nothing,’ but there must be a so-called ‘nothing!’”

Người kia nói thế rồi chìa tay ra mãi, để đợi cầm lấy cái ‘không có’ chứ không chịu co tay vào. Người kéo xe bối rối không biết làm thế nào để giải quyết.

After saying, that man stretched out his hand waiting for the charioteer to give him

the so-called ‘nothing.’ The charioteer was embarrassed and did not know what to do.

Trong lúc ấy, một trong hai người hiểu ngay lẽ thật, vừa cười vừa nói với người bạn rằng: “Thôi chúng ta nên đi, bắt tất phải nhiều lời qua lại. Khi người đẩy xe nói ‘Không có chi hết’ chính là đã ban cho chúng ta cái không có rồi.”

Whereas the other understood the truth, he smiled and said to his friend: “We’d better go, not to stay and argue in vain. When the charioteer says ‘nothing,’ he already gave us the so-called ‘nothing.’”

Chuyện này tỷ dụ trong cảnh giới “không vô” nói không có chi hết, có người trở lại chấp cái “có” và cái “không.” Nếu chúng ta nhận biết vạn hữu không có thực thể, tức là chúng ta đã hiểu được tánh không trong nhà Phật.

This story tells us about the world of formlessness. When we say “nothing at all,” someone will argue on “existence” and “non-existence.” If we realize that everything has no reality of its own, we then realize the true emptiness in Buddhism.

## 57) Bị Đạp Rụng Răng—Treading On An Elder’s Mouth

Xưa có một phú ông rất giàu có, xung quanh có rất nhiều người hầu hạ cung kính; trước mặt họ thường khen ngợi ca tụng ông. Phú ông có bệnh thường khạc đàm, mỗi lần khạc ra, thì bao nhiêu là người tranh nhau đạp lên đàm dãi ấy.

Once upon a time, there was an extremely wealthy elder, whose attendants were eager to please him by paying all kinds of homage. When he spat, the attendants rubbed it with their feet.

Trong đó có một người thường đến sau, không đạp được lên đàm của phú ông đã nhỏ, trong tâm rất buồn rầu, tự nghĩ: “Giả sử đợi đàm nhỏ ra trên đất rồi mới đạp lên, thì

ta không đập được. Chi bằng khi phú ông sắp nhổ đàm ta đập trước.”

Among them was this stupid man who said to himself: “When he spits on the ground, others rub it with their feet. Now I am going to be the first one to render the service of rubbing it when he spits next time.”

Sau khi quyết tâm như vậy rồi, chờ đến lúc phú ông vừa tằng hắng một tiếng, chính là sắp khạc đàm, y bèn vùi xô mọi người, lần vào đập trên mặt phú ông một cái đích đáng. Y dùng sức quá mạnh lên, khiến cho phú ông bị rụng răng, sứt môi, méo miệng.

After deciding this, so when the elder was about to cough and spit out, the man kicked up his foot and trod on the elder’s mouth. He broke the old man’s lips and teeth.

Phú ông quá đau đớn, buồn rầu bèn hỏi: “Tại sao người nỡ đập sứt môi ta?”

The elderly man said to the stupid man: “What did you do that for?”

Người kia trả lời: “Tôi mến ông lắm, tưởng sẽ đập lên đàm của ông, nhưng mỗi lần tôi muốn đập, thì người khác lại tranh, xô tôi ra; vì thế hôm nay tôi đập trước trên mặt ông khi đàm sắp ra đến miệng.”

The stupid man replied: “Though I would like to serve you, I have always fallen behind others. So I thought by kicking up my foot when you were about to spit out from your mouth, I would be the first to please you.”

Phú ông nghe nói vừa tức giận vừa tức cười.

Upon hearing those words, the elderly man felt angry, but also funny at the same time.

Chuyện này tỷ dụ vô luận làm một việc gì, cần phải đợi thời cơ. Thời cơ chưa đến dù miễn cưỡng làm, cũng chẳng thành công, trở lại sanh nhiều khổ não. Vì thế mỗi khi muốn làm việc chi cần phải suy nghĩ và quan sát cho kỹ càng, có hợp thời hay không rồi hãy làm, thì dễ thành công hơn.

This story teaches us a lesson of timing and logic. People have to pick the right time to do the right thing. They will get into trouble otherwise, even using possible means to achieve a purpose. Therefore, they should know when it is right or wrong time.

## 58) Chia Cửa—Division Of Family Property

Xưa trong nước Ma La có một người giòng Sát-đế-lợi mắc bệnh hiểm nghèo, biết mình sắp chết, bèn gọi hai đứa con lại trời trần: “Sau khi cha chết, các con đem tài sản của cha chia với nhau cho đồng đều.”

Once upon a time, there was a Ksatriya of the Makara Kingdom who felt seriously ill, and was aware of the fatal and final hours of his lifetime. He ordered his two sons to come to him and told them: “After my death, divide between the two of you evenly my properties and money.”

Chẳng bao lâu người cha chết. Hai đứa con y theo lời di chúc của cha, đem tài sản chia làm hai phần bằng nhau. Nhưng chia đi chia lại hoài cũng không đều được. Người anh nói phần của em nhiều, người em nói anh chia không đều.

Soon after his death, the two sons followed their father’s will. But the elder brother complained against the younger of an unfairness in their shares.

Hai anh em tranh chấp mãi không thôi, mới đến nhờ một ông lão, nhờ giải phân; ông lão bảo hai anh em nọ: “Ta có một biện pháp, khiến anh em được vừa lòng: đem mỗi món đồ cắt ra làm đôi, mỗi người một nửa, như thế há không đồng đều ư?”

The two brothers kept arguing about their unfair shares. The asked an old man to help. The old man said: “Let me teach you how to divide equally your father’s fortune.” How?, The old man went on: “Cut everything into two parts euqally.”



Hai anh em nghe rồi đều đồng ý, bèn đem quần áo mỗi cái ra cắt làm hai, lại đem nào nồi, bình, chén bát và tất cả các đồ đạc như: bàn, ghế, chiếu, giường, bát luận thứ chi đều chia làm hai phần cả, thậm chí tiền bạc cũng chặt làm đôi. Làm cho tất cả đồ đạc, tiền của trong nhà trở thành đồ bỏ.

Hearing those words, the two brothers agreed: “They cut all the valuable garments into two parts. Then break every thing else into two equal parts, such as tray, bottle, bowl, dish, money, and so on.

Chuyện này tỷ dụ về sự cao tuyệt của Phật pháp. Đối với thuyết pháp đều có cơ nghi và nguyên tắc, có môn bình đẳng, có môn sai biệt, đều là tùy nghi vận dụng cho hợp thời, không phải như bọn ngoại đạo ngu si, cho chỗ ức kiến của mình là phải, chấp chặt một pháp cho là hoàn toàn. Kết quả là Chánh pháp rất hoàn hảo vào trong tay bọn họ liền bị hủy hoại trộn pha trở thành tà pháp vô ích cũng giống như lời khuyên của kẻ ngu si kia dành cho hai anh em chia của, đem cắt tất cả ra làm đôi, để rồi không còn giá trị gì cả.

This story gives us a lesson of the supreme Buddhist dharma. The Buddha’s preachings are dependent on the sentient beings’ levels. Sometimes the Buddha teaches about equality; sometimes he teaches about the differences. On the contrary, the heretics use one sided method of separative answer to all questions. That is why even the Perfectly Correct Dharma destroyed in the hands of the heretics just like the stupid man giving advice to the two sons to divide all properties and money into two parts to make them useless and valueless.

### **59) Xem Làm Bình—Watching Making Pottery**

Xưa có hai người cùng đi dự hội nghị, đi giữa đường thấy người thợ đồ sứ đang làm bình sành, làm rất khéo, hai người bèn đứng

lại xem. Sau đó một trong hai người, biết mình xem đã lâu lắm, lật đật đi đến hội nghị cho kịp giờ. Trong hội nghị có đãi tiệc lớn và có tặng phẩm quý giá vô cùng.

Once upon a time, there were two men who went to a conference. On the way they passed by a pottery manufacture, they stopped by to watch urn making. One then left to make sure that he could arrive at the conference on time. At the conference he received excellent food and got precious teachings as well.

Còn người kia cứ đứng yên xem làm bình và tự nghĩ: “Ta xem làm xong một cái bình rồi hãy đi.”

The other stayed on watching, he said: “I will get a good look at how urns are made.”

Nhưng thợ đồ sứ làm xong cái nọ lại tiếp cái kia, người kia cứ đứng xem từng cái một cho đến chiều tối mà vẫn còn ở đó xem, không đi hội nghị được, bụng lại đói như cào, rốt cuộc không được việc gì cả.

But the potters made one urn after the other and the other man stayed until the sun set without realizing how hungry he was really was or how chilly it had gotten.

Chuyện này tỷ dụ thế nhân thường bị việc đời ràng buộc, luống qua ngày giờ quý báu của kiếp người. Đối với vấn đề giải thoát sanh tử và chứng ngộ Phật thừa, không chịu siêng năng tinh tấn lý hội tu học, cứ dần dà qua ngày, cuối cùng đành chịu trầm luân nơi bể khổ! Vì thế Phật tử nên luôn nhớ rằng Pháp Vũ của Đức Phật tư nhuận chúng sanh mọi loài ngoại trừ những kẻ xem thường và khinh rẻ nó. Chúng sanh không ý thức đến cái chết có thể đến bất cứ lúc nào, vì mọi sự mọi vật đều thay đổi, đôi khi bất thành linh nữa là khác. Tuy nhiên, họ cố tưởng thân này thường hằng. Chính vì vậy mà họ phớt bỏ chánh pháp, mà chỉ chăm chú vào những chuyện thế gian tầm thường giống như kẻ ngu mãi mê xem người làm đồ sứ vậy trong truyện này vậy.

This story gives us an example of those people who were always bound to the worldly affairs, waste their precious human lives. As for deliverance and enlightenment, they spend no time nor zealous efforts. They let time pass by for nothing, and eventually they remain in misery.

Buddhists should always remember that the rain of Buddhist teachings fertilizes all beings except for those who stick to trifles. Sentient beings are always unconscious of the death that could come any time because all things are subject to change, sometimes unexpectedly. However, they think that their bodies will last forever. That's why they ignore the right doctrine and look at the trifles of urn making just as the stupid man in this story.

### **60) Thấy Vàng Dưới Nước—Seeing The Shadow Of Gold At The Bottom Of A Pond**

Xưa có một người chạy đến bờ ao, xem thấy dưới đáy ao có miếng vàng lấp lánh, bèn lội xuống nước để tìm vàng, mò tìm mãi không có mà thân thể mỗi mệt vô cùng. Y lên bờ ngồi nghỉ. Một hồi nước đứng lặng trong, y dòm xuống nước lại thấy vàng lấp lánh. Y bèn lội xuống nước tìm lại, tìm mãi khắp ao mà vẫn không có chi. Bấy giờ ngồi trở lại nhìn xuống ao với một vẻ thèm thường.

Once upon a time, there was a man who went to a large pond where he thought he had seen the shadow of pure gold at the bottom of water. He jumped into the water to touch the bottom to search for the gold. A few moment later he felt tired, he went ashore and got out of the pond. As soon as he got out of the pond, the water became clear and the golden shadow appeared again. He then threw himself in the water once again to do more searching. However, he still found nothing.

He then got out of the pond, sat on the bank and watched the water.

Sau đó người cha đi tìm thấy y đang ngồi nơi đấy với vẻ mặt ngờ ngác bơ phờ, ông hỏi y đang làm gì đó.

At this time, the father came looking for him. Seeing his stupified state, his father asked: "What have you been doing to get so tired?"

Y trả lời: "Con thấy có vàng dưới nước; con xuống tìm đã hai lần mà không được chi, chỉ toàn là bùn. Giờ đây thân con mỗi mệt quá không thể chịu được."

The son replied: "There is pure gold under the water. I have tried to search for it twice without any success. There is only mud and mud. Now my body gets so tired."

Người cha đến bờ ao dòm xuống nước xem cũng thấy cái bóng vàng. Tuy nhiên, khi cố nhìn kỹ ông mới biết rõ đó là cái bóng của miếng vàng, còn miếng vàng nhất định phải ở trên cây gần đấy.

The father came close to the bank to look, he could also see the shadow of pure gold in the water. However, when he looked closer, he realized that it was the shadow of a pure gold which was in the tree. What was in the water was a mere reflection.

Ông bảo con: "Con leo lên cây tìm vàng thử!"

He then told his son: "Why don't you climb up the tree to try to find it?"

Người con không hiểu nên hỏi cha rằng: "Rõ ràng ở dưới nước, tại sao lại tìm trên cây?"

The son did not understand what the father said, he said: "You see, clearly the pure gold is in the water. Why do we have to search for it up on the tree?"

Người cha nói: "Trong nước chỉ có cái bóng vàng, còn vàng nhất định ở trên cây mới phải. Con lên cây tìm đi, có lẽ do chim ngâm để lại trên ấy."

The father said: “What you see in the water is only a reflection of the pure gold, the real pure gold must be on the tree. Climb up the tree to search for it. Some bird may brought it to the tree.”

Y nghe lời cha leo lên cây tìm kiếm, quả nhiên có một miếng vàng mắc trên đó.

Following his father’s advice, the son climbed up the tree and found the pure gold.

Chuyện này tỷ dụ về chúng phàm phu đều ở trong thế pháp hư vọng không vững bền, như hoa trong gương, trăng dưới nước, đem chỗ kiến thức sai lầm cho là chơn thật. Vọng chấp có ngã chơn thường còn, không biết trở lại cầu nơi bản tâm mình tính, cứ mãi theo cảnh lăn trôi, xoay vần trong biển khổ, bỏ gốc theo ngọn, luống nhọc tinh thần mà không ích lợi chi giống như con người ngu si tìm bóng vàng trong nước vậy, làm sao mà thành công cho được!

This story gives us an example of ordinary people in the world. They are ignorant enough to hold on to the thought of ego in the shadow of non-ego, just like the stupid man who desperately searched for the shadow of the pure gold without any success.

### 61) Tạo Hình Người—Create Human Beings

Giáo đồ Bà-la-Môn thường tuyên truyền với mọi người rằng: “Đại Phạm Thiên Vương là chủ tể tạo ra muôn vật, tất cả muôn vật đều từ kia mà ra.”

Brahmans always say that: “Great Brahma is both father of the world and creator of all things.”

Một trong những đệ tử của Phạm Thiên nói rằng y cũng có khả năng tạo nên vạn vật, ngày nọ tự mình nặn một hình người kỳ dị.

One of the Great Brahma’s disciples once said he also had the power to create things. One day he fabricated a clayed dummy.

Y đem hình người ấy tới hỏi Phạm Thiên: “Thầy xem con tạo hình người này nó giống thứ chi?”

He presented the clayed dummy to his Great Brahma and ask: “Master! Look at the clayed dummy that I moulded a moment ago. What does it look like?”

Phạm Thiên đáp: “Một hình kỳ dị, đầu thì to mà cổ lại nhỏ; bàn tay rất lớn và dài mà cánh tay lại rất nhỏ chỉ toàn xương xẩu, bàn chân quá nhỏ mà đôi chân thì quá mập. Nó giống một con quỷ.”

After looking closely, the Great Brahma said: “It is too queer! The man’s head that you have made is too big and the neck too thin. The hands are too long and the arms too small and bony. The feet are too small and the legs are too fat. It looks like a devil.”

Chuyện này tỷ dụ về sự rõ ràng của Phật pháp, với lý sự vô ngại viên dung, không đoạn mà cũng không thường. Ngược lại, ngoại đạo nếu không vướng mắc vào đoạn thì cũng thường. Họ lừa đảo thế gian bằng những nghi lễ và hình tượng. Tất cả những điều họ giảng nói tưởng như đúng với Phật pháp mà kỳ thật là sai, trọn thành tà kiến, chấp trước, ngu si, trộm danh dối thế.

Phạm Thiên tạo người chỉ là câu chuyện ngụ ngôn, kỳ thật chúng sanh đều do nhân quả nghiệp lực của mỗi loài gây tạo, chúng sanh và chư pháp đều sanh ra từ luật nhân quả, chứ không phải do Phạm Thiên.

This story gives us an example of the clarity of Buddha’s preachings with perfect explanation of noumena and phenomena. Buddhist theories cling neither to the view of total annihilation nor that of permanence. On the contrary, the heretics do cling to the view of annihilation and performance. They cheat people by performing ceremonies and creating images. Their preachings seem right, but in reality they are all wrong with wrong views, attachments, ignorance and cheating.

The story of a Brahma's disciple who can create all things is only a fable. In reality, human beings and all other living beings are created by their own deeds resulting from their own karma in accordance with the Law of Cause and Effect, and not by the power of the Great Brahma.

## 62) Ăn Thịt Gà—Eat A Chick

Xưa có một người mắc bệnh trầm trọng, nên y mời một vị lương y danh tiếng đến xem mạch và chẩn đoán.

Once upon a time, there was a man was seriously ill. He invited a famous skillful doctor to to feel the pulse and to diagnose.

Lương y bảo: “Ông nên thường ăn thịt gà giò, bệnh sẽ lần thuyên giảm.”

The doctor told him: “Your sickness would be cured if you would eat chicken everyday.”

Người bệnh nghe theo lời lương y, sai người ra chợ mua một con gà giò về làm thịt. Tuy nhiên, y chỉ ăn một con rồi không ăn nữa. Lương y đến xem mạch lại cho y, hỏi y sau khi ăn gà con luộc, bệnh tình như thế nào?

The patient follow the doctor's advice and asked someone to go to the market to buy a chicken. However, after finished eating one, the patient did not eat it again. The doctor came to see his pulse again. The doctor asked him: “How do you feel after eating boiled chicken for several days?”

Y trả lời: “Tôi không biết ra sao. Ông bảo tôi ăn vài con gà, nhưng tôi chỉ ăn có một con gà nhỏ, rồi không muốn ăn nữa. Theo tôi tưởng nếm một lần với ăn hoài cũng vậy.”

The patient replied: “I don't know what has happened! You told me to eat several chicken, but after I ate just one, I don't eat it again. I think there is no difference between tasting one or tasting so many times”

Lương y nói: “Tại sao ông không ăn nữa? Ông phải ăn luôn mới có thể trị lành, chớ ăn một con làm sao lành được?”

The doctor said: “But why not? How can you expect to be cured with only one chick?”

Chuyện này tỷ dụ người tu học Phật pháp phải thường học, học thêm và học mãi mãi; phải tu, tu nhiều và tu mãi mãi. Phải luôn tinh tấn tiến tu mãi mãi. Phật tử nên hiểu tâm họ như nào khi lắng nghe những lời khuyên tuyệt hảo của những lương y như những lời giảng dạy của chư Phật và chư Bồ Tát. Khi vị bác sĩ bảo bệnh nhân ăn gà giò mỗi ngày mới chữa lành bệnh nặng được, cũng giống như chư Phật và chư Bồ Tát khuyên chúng sanh nên mỗi ngày mỗi học tu, chứ không học tu một ngày rồi thôi. Tuy nhiên, phàm phu ngoại đạo, thường chỉ chấp một pháp, hoặc tìm hiểu chút ít rồi thôi, không có tâm bền bỉ, làm sao có thể trị được bệnh độc phiền não ngu si? Hơn nữa, họ lại chấp vào thường kiến, nghĩ rằng chỉ có một tâm thường hằng duy nhất từ quá khứ đến hiện tại và vị lai, chứ không trải qua những thay đổi. Tâm trạng của bệnh nhân chỉ ăn một con gà rồi thôi mà tưởng rằng có thể hết bệnh, giống như người tu lầm lạc tưởng rằng một thời kinh một cử tọa thiền có thể trị được bệnh ngu si phiền não từ vô thủy của chúng sanh.

This story gives us an advice that as Buddhists, we should always learn, learn more and learn forever; practise, practise more and practise forever. They should understand what the mind means on hearing such wise and skillful doctors as Buddhas-and-Bodhisattvas' preachings. When the doctor asked the patient to eat more and more chicken everyday would cure his severe sickness, just like the Buddhas and Bodhisattvas advise sentient beings to learn and practice day in and day out, not just to learn and practice for just one day, and then stop. However, the heretics cling to just one view, or carelessly scan these teachings, not

persistently study, how can they eradicate afflictions and ignorance? Furthermore, they cling to the view of permanence, thinking that there is only one mind from the past, present and future which does not undergo any change. The emotional state of the patient, thinking his disease can be cured with just eating one chick. This is just like the cultivators, thinking with just one sutra recitation or one period of meditation can cure their illness of ignorance and afflictions.

### 63) Chạy Trốn—To Run Fleeing

Xưa tại nước Càn Đà Vệ có một đoàn ca kịch, nhân vì trong nước phát sanh nạn đói hiểm nghèo, họ mới chuẩn bị hành lý ra nước ngoài phò diễn. Đường đi phải trải qua hòn núi Bà La Tân, nơi đó có quỷ dữ và quỷ La sát, chúng thường ăn thịt người; nhưng khi họ đến núi thì trời đã tối, không thể lên chợ được, đoàn hát đành phải ngủ lại trên núi gió lạnh đó một đêm.

Once upon a time, there was a group of actors and actresses from Candhara Kingdom, due to a famine, they rambled abroad to give performances. They passed the New Pala Mountain where evil demons and men-eater Raksas resided. When they came there it was dark, they could not reach to the market place, so the group decided to lodge on the mountain slope where it was windy and cold.

Trên núi gió nhiều càng lúc càng lạnh, họ phải nhóm lửa để sưởi ấm, sau đó cả đoàn đều nằm ngủ bên đống lửa. Trong đoàn có một người phát bệnh nóng lạnh vì không chịu được hơi lạnh bên ngoài, bèn lấy một bộ đồ diễn kịch mặc, nhưng lại lấy nhầm bộ đồ diễn lớp quỷ La sát. Rồi y đến ngồi sát bên đống lửa hơi ấm.

In the mountain, it got darker, it more windy and colder, so the group had to sleep around the fire. There was one in the group who was so chilly that he took a performing costume, but he happened to grab a raksa

demon's costume. Then he sat near the fire to get warm.

Sau đó, một người khác trong đoàn thức giấc góc đầu đóm thấy người mặc đồ quỷ la sát đang ngồi bên đống lửa, sợ hãi không chịu xem kỹ lưỡng, tưởng là quỷ thật đang ngồi rình, lập tức ba chân bốn cẳng cắm đầu chạy một mạch, cả bọn nghe ồn ào đều giật mình thức dậy, không rõ đầu đuôi cũng cắm đầu chạy theo.

After that another actor in the group awoke and saw the man in Raksa demon's costume sitting near the fire, he fell into panic and ran away without looking closely at the man. In a sudden panic state, the whole group also got up and ran away.

Bấy giờ người mặc đồ quỷ la sát thấy cả đoàn chạy rất nhanh, không hiểu ắt giáp gì cũng chạy theo sau lưng họ.

At that time, the man in Raksa costume, not realizing what was happening, followed them.

Trong khi đó, đoàn người càng chạy nhanh hơn, vừa chạy vừa nhìn lại sau lưng thấy quỷ đang đuổi theo rất gấp, quá kinh hoảng, họ bèn gắng hết sức, không quản chông gai đá sạn, chẳng kể đồi núi, suối sông mương lạch, họ chạy trốn chết. Sau một lúc lâu thì thân thể mọi người đều bị thương, và tinh thần tán loạn.

Meanwhile, the group kept running faster and faster, they ran and looked behind to find that the man in raksa clothes was still behind them. They tried harder to cross rivers and hills; they jumped into ditches and gullies. After a long period of time, all got wounded and they suffered great fear.

Chạy mãi đến sáng, nhìn kỹ người chạy theo sau lưng là người trong đoàn mặc đồ diễn la sát, chứ không phải là la sát thật. Cả đoàn mới hoàn hồn đồng dừng chân lại.

They kept running until early in the morning when they realized that the man

followed them was really one of the group who wore Raksa clothes, not a demon

Chuyện này tỷ dụ chúng sanh đang sống giữa những đói khát bất hạnh, thường ở trong vòng phiền não ràng buộc, trong rừng ngã kiến mê muội. Do đó họ muốn đi tìm Niết bàn với bản tâm thanh tịnh như đoàn hát đi lưu diễn xứ ngoài.

This story gives us an example of common people who are in the midst of the misfortune of famine, they always bond to the wrong view of ego and ignorance. Thus they want to seek for the Buddha's teachings of realities of Nirvana with personality purity, just like the group of actors which went abroad to give performances.

Tuy nhiên, họ vẫn chấp trước bản ngã, chỉ là ngũ uẩn không hơn không kém, được vọng khởi bởi vô minh, như đoàn diễn viên thấy người mà tưởng quỷ. Thế rồi họ cứ lưu chuyển trong sanh tử, hằng chịu sự khổ não sợ sệt vô cùng trong ba đường dữ, cũng như bị rơi vào các đường dữ như đoàn diễn viên lúc chạy đã rơi vào hầm hố, sông lạch, núi đồi vậy.

However, they still cling to their egos which are nothing more than five aggregates of a human being and which has been raised by ignorance, just like the group of actors mistakenly taken the man for Raksa. Because of this they are flowing back again and again through transmigration; they continue to suffer in the three evil paths just like the group of actors who fell into the rivers and ditches.

Nếu như có thể phá trừ được vô minh, nhổ tận gốc phiền não, cũng như vượt qua mọi tà kiến và ngã kiến mê lầm, thì đêm dài luân hồi sanh tử chấm dứt, lập tức trí huệ Bồ đề hiển hiện, cũng giống như khi trời rạng sáng thì cả đoàn hát đều nhận ra người đàn ông theo sau mình không phải là quỷ.

If they can destroy ignorance and eradicate all afflictions and overcome wrong

views as well as attachment to ego, the night of transmigration is ended and the prajna wisdom naturally appears once again, just like when the day-break, the whole group of actors realized that the man followed them was not a Raksa.

#### 64) Quỷ Trong Nhà Cũ—An Evil Demon In The Old House

Xưa có một cái nhà cũ, không người ở đã lâu, thiên hạ đồn đãi có quỷ dữ ở trong ấy, ai nấy đều rất kinh sợ không dám vào đó ngủ.

Once upon a time, there was an old house, where the rumors spreaded that the house was frequently haunted by an evil demon. People were so frightened that no one would dare to be in it.

Bấy giờ có một người tự cho mình rất can đảm, tuyên bố với mọi người rằng: “Tôi không sợ gì cả, chiều nay tôi sẽ vào đó cho mà coi! Đến chiều quả thật người ấy đi vào đó ngủ.”

At that time, there was a man who claimed himself dauntless. He said: “I would like to spend a night in this house.”

Đồng thời có một người tự xưng mình can đảm hơn người kia, cũng xung phong vào nhà ấy ngủ. Người này đến nơi chạy vào xô cửa.

At the same time, there was another man, upon hearing about the ghost-haunted house, he also wanted to stay overnight because he wanted to prove that he was more intrepid than the first one. He tried to enter by pushing the door.

Người đến trước tưởng là quỷ lại, bèn rình tẩm phen ngăn ngang cửa không cho người kia vào; còn người phía ngoài tiếp tục xô cửa, tưởng bên trong có quỷ cản đường, càng rán sức xô cánh cửa cho bật ra để vào đánh với quỷ. Sau đó xô được tẩm phen, y sấn vào sấp đánh nhau dữ dội. Đánh nhau cho đến sáng. Khi hai người nhìn tận mặt nhau mới biết cả hai đều không phải là quỷ.

The one who had got into the house first thought the second one to be the demon so he blocked the door to his entrance. The second one, unable to open the door, thought the first one to be the demon. He tried harder to push open the door so he could get in to fight the demon. After pushing the door open, he got in and fought against the first man in the house. They fought until dawn. When finally they came face-to-face, they realized that they were both mistaken: two of them are not demon.

Chuyện này tỷ dụ trên đời thường có hai đối phương tranh chấp lẫn nhau, ai cũng tự cho mình là có lý; kỳ thật có khi cả hai đều sai lầm.

This story gives us an example of in any dispute between two people, everybody maintains that he is right and the other person is wrong. In reality, sometimes both are wrong.

Tất cả sự vật trên thế gian này đều do nhân duyên tạm thời hòa hợp sanh khởi; nhân duyên biệt ly phân tán đều quy về nơi tiêu diệt, bại vong. Nhìn cho kỹ, chúng ta sẽ thấy không có một cái gì cố định bất biến, có thể tự làm chủ tể (ngã) tạo thành.

All things in this world are subject to change in accordance with the law of impermanence and cause and effect. Considering carefully and analyzing all in all, there is no such fixed thing called “Ego!”

Nhưng người đời phân đông chẳng hiểu đạo lý kể trên, ở trong pháp hư vọng tự tán lãng xãng, đua nhau đấu tranh kiên cố, dụ như hai người ngu lằm lằm nhau là quỷ ẩu đả với nhau trong truyện trên đây vậy.

However, the majority of human beings don't understand the above-mentioned doctrine, they indulge in ill natured gossip everywhere and try to fight each other just like the two stupid men in this story.

## 65) Năm Trăm Cái Bánh Độc—Five Hundred Poisoned Cakes

Xưa có một người đàn bà không yêu chồng mà lại có ác cảm và có cuộc sống lang chạ. Chị ta đòi ly hôn, nhưng pháp luật không cho phép, lòng rất buồn rầu, trong từng giờ phút chị luôn tìm phương pháp để mưu hại hoặc giết chồng. Chị ta suy đi nghĩ lại, không có cơ hội thuận tiện ra tay.

Once upon a time, there was a woman who did not love her husband and led a promiscuous life. She wanted to divorce him, but the law did not allow her to do so. She felt so upset and tried to find opportunity to harm or kill him. However, there was no opportunity for her to carry out her plan.

Đến hôm nọ, chồng chị sắp đi sứ nước ngoài quốc láng giềng. Chị ta chụp được cơ hội may, bèn làm năm trăm cái bánh, lén trộn thuốc độc vào trong, bảo chồng mang theo làm thức ăn đỡ dạ trên bước đường thiên lý.

One day when her husband received order to travel abroad on an official mission to a neighboring state. She took advantage of this opportunity to prepare five hundred poisonous cakes.

Chị ta nói với chồng rằng: “Anh đi ngoại quốc, nên em đã chuẩn bị cho anh năm trăm cái bánh làm thực phẩm khô, lúc nào đói bụng, lấy bánh này mà ăn.”

She told the husband: “Now that you are sent abroad on this official mission, I have prepared five hundred cakes as dried food. You will take them whenever you are hungry.”

Người chồng không rõ âm mưu xấu xa của vợ, nên rất cảm kích lòng tốt của vợ mình, ngậm ngùi từ biệt vợ, xốn xan cất bước phương xa.

The husband was so moved because he did not know his wife's ill plot; therefore, he felt so grieved to say good-bye to his wife.

Ngày thứ nhất người chồng đi rất khỏe, quá mệt thì đã đến nước ngoài; vì y không đói bụng chi cả, nên không ăn bánh vợ đưa.

The first day he went so fast that he reached the border in the afternoon. He did not eat a cake from his wife because he did not feel hungry at all.

Đến tối ngủ trong rừng, y rất sợ dã thú nên leo lên cây nằm ngủ cho yên. Tuy nhiên, anh ta bỏ quên năm trăm cái bánh dưới gốc cây.

It was dark when he reached the forest and he decided to rest there. Afraid of wild animals, he climbed up a tree to spend the night. However, he left the five hundred cakes under the tree.

Ngay trong đêm ấy giữa rừng có năm trăm tên cường đạo, ăn cướp năm trăm con ngựa và rất nhiều đồ quý của vua nước láng giềng. Bọn cường đạo định đến dưới gốc cây ngủ, vì chạy đường xa nên bụng đã đói cồn, bỗng nhiên thấy năm trăm cái bánh dưới gốc cây này, chia ra vừa vặn mỗi người một cái. Cả bọn vì đói nên ăn ngấu nghiến rồi lăn đùng ra chết vì trúng độc dưới gốc cây.

On that same night, a group of five hundred highway robbers stopped at the same place after stealing five hundred horses and others precious things from the king. The highway robbers planned to stay overnight under the tree. After escaping from the palace, they were all hungry and thirsty, so they greedily ate up five hundred cakes. As a result, they all died one after the other under the tree because of the strong poisonous effect.

Người kia ngủ trên cây đến sáng, sau khi thức dậy trông thấy nhiều cường đạo chết nằm la liệt dưới gốc cây. Y bèn cầm con dao bén, đến chém mỗi thi thể vài dao, giả như y đã giết chết bọn họ. Sau đó y mới thâu lượm bảo vật và ngựa đem dâng cho vua nước láng giềng mong được lãnh thưởng.

At day break, he awoke and saw the dead highway robbers. Then he deceitfully made as if he slew them with swords and arrows. Then he got all the horses as well as the stolen goods together and rode towards the foreign country with the hope to receive rewards.

Vua đã đích thân đem một đạo binh đi truy tầm cường đạo; đi được nửa đường thì gặp người kia dắt ngựa và mang bảo vật đến cho vua.

Meanwhile, the king from the foreign country was on his way with his guards trying to pursue and capture the highway robbers. The king came across the man.

Vua hỏi: “Người là ai? Bắt năm trăm con ngựa này ở đâu vậy?”

The king asked: “Who are you? Where did you get these horses?”

Người kia trả lời: “Tôi là người ngoại quốc. Khi tôi đi đường gặp năm trăm tên cường đạo, tôi cùng bọn đó đối địch rất hung hăng, rốt cuộc bọn họ đều bị tôi giết chết, hiện thi thể của họ còn đang nằm ngổn ngang dưới gốc cây. Tôi vội vã dắt ngựa và mang bảo vật đến ra mắt vua, xin vua ban thưởng. Nếu vua không tin thì xin hãy cùng tôi đến gốc cây xem cho tường tận.

The man replied: “I am a foreigner who come to your country on an official mission. On the way, I encountered the band of five hundred highway robbers. I fought them and killed them all. Their corpses are still lying under the tree over there. That’s how I get these horses and precious things. If your Majesty don’t believe me, you can order someone to investigate the spot where we fought.”

Vua lập tức phái người thân tín đến xem, trở về tâu lại quả y như lời của người kia, Vua nghe xong vui mừng khắp khởi, cho là việc xưa nay chưa từng có; bèn dắt người kia về kinh thành, ban thưởng cho y rất nhiều của



báu, lại phong cho làm quan tại một địa phương.

Immediately the king sent his guards to inspect the spot. They found out what he said was true. The king was overwhelmed and so surprised with admiration for his bravery. The king bestowed him with both knighthood and treasures as well as appointed him as an official in a locality.

Nhưng có một số cựu thần trong nước rất đố kỵ với y, bèn tâu lên vua: “Người ấy là người nước khác, bệ hạ không nên quá tin. Hiện tại bệ hạ quá trọng thưởng và ưu đãi hơn tất cả cựu thần, điều ấy e chẳng khỏi có chuyện không ổn đáng.

However, there were some old officials said with jealousy: “He is a strange foreigner, why does Your Majesty bestow him with so much rewards? Besides, the grant of his title of honors goes beyond the highest ranks old officials here.”

Người kia nghe bọn họ dèm tấu với vua như vậy, nổi giận đùng đùng, bèn lớn tiếng thị oai với bọn họ: “Như quả ai có sức mạnh phi thường có thể cùng ta đấu võ, thì xin mời lên đài giao chiến thử xem bản lĩnh.”

Upon hearing those words, the stranger got angry and said: “Who is intrepid enough to challenge me? Let step out and have a fight with me.”

Các cựu thần nghe xong lời hăm dọa kinh người, không ai dám lên tiếng. Nhưng qua ngày thứ hai bọn họ nghĩ ra một kế. Nhân vì trong nước hiện thời có một cụm rừng hoang vu nguy hiểm, trong ấy có một con sư tử rất hung ác, hay chạy ra đường vồ người ăn thịt, không ai có thể tiêu trừ mối hại ấy, bọn họ bèn tâu với vua: “Người ngoại quốc ấy đã là người mạnh mẽ sức lực không ai địch nổi, giờ đây xin bệ hạ phái y đi giết con sư tử hung ác kia để trừ hại cho nước chúng ta.

The old officials were startled and none would venture to accept the challenge. However, the next day they figured out a

plot. At that time, there was a ferocious lion in the wilderness of the country which often disturbed and clawed people for food. They reported to the king: “The stranger is an extraordinarily strong man with high fighting spirit whom no one can resist. Your Majesty may order him to go to kill that ferocious lion for the sake of the country.”

Vua chấp thuận ý kiến ấy bèn cấp cho y một con dao và một cây côn bảo y đi giết sư tử. Y đã vâng mệnh vua, vì không thể không đi được, bèn một phen liều lĩnh vào trong rừng rậm để tìm giết sư tử.

The king agreed. The king then gave him a sword and a spear, and sent him off to kill the lion. He irresistably obeyed the king's order to set out to kill the lion.

Sư tử thấy y đến lập tức rống lên một tiếng kinh hồn, nhảy bổ đến trước mặt, y hoảng hốt vội vã trèo lên cây trốn. Sư tử há lớn miệng như chậu huyết dòm lên, rống lên ầm ỹ. Y ở trên cây run sợ muốn phát điên: “Con dao đang cầm trên tay rớt xuống và trúng ngay vào trong họng sư tử. Chúa sơn lâm bị thương chết liền.

Upon seeing him, the lion roared and attacked him immediately. In great fear, he climbed up a tree. The lion lifted its head towards him and continued to roar. The man got so frightened that he dropped his sword right into the lion's mouth. The king of the forest died instantaneously.

Người kia vui mừng khôn xiết, bèn nhảy xuống cây và đem thầy sư tử về ra mắt vua. Vua bèn thưởng cho y nhiều gấp bội lúc trước, đa số quần thần đều kính phục y.

The stranger was overjoyed, came down the tree and brought the dead lion back to report to the king. The king multiplied his rewards. Furthermore, he earned respect and praises from the whole court as well as the country.

Chuyện này tỷ dụ đi ngoại quốc ám chỉ tất cả chư thiên; bánh có thuốc độc như bố thí

không thanh tịnh, giết năm trăm cường đạo như là đoạn trừ hết ngũ dục phiền não chứng quả Tu Đà Hoàn. Sau gặp vua nước láng giềng dụ như gặp Thánh Hiền. Những người cận vệ vua như những thiện hữu tri thức. Cựu thần tạt đổ mưu hại dụ như ngoại đạo hủy báng và siểm hại hạnh lành và lếu lảo rằng Thánh hiền không có khả năng diệt trừ ngũ dục. Giết sư tử dụ như chiết phục phiền não, ma oán. Được phong thưởng dụ như chứng đặng quả vị Phật.

In this story, going abroad refers to as all devas; poisonous cakes refer to as an unclean almsgiving; Killing the band of highway robbers refers as resolving to cut off the five desires together with the worries as well as obtaining the Sotapanna degree; Meeting the king refers to as coming across the Sage or Saint; the king's guards refer to as good friends; other officials refers to as the heretics who utter slander against the wise by saying there is no way that the wise are capable to cut off the five desires and other worries; killing the lion refers to as destroying all evil demons and thus obtaining the title of honors for the unattached way of Nirvana; appointment as an official refers to as realization of the Buddhahood.

Qua chuyện này, Đức Phật cũng dạy cho chúng ta về những lợi ích mang lại từ thiện hữu tri thức. Chỗ dụng ý trong câu chuyện này là nói rõ tuy ban đầu không có tịnh tâm, nhưng có lúc nhân bất tịnh bố thí mà nhờ thiện tri thức giúp đỡ, có thể thắng duyên tấn tu đạo quả. Bất tịnh bố thí còn có lúc cũng có thể xuất sanh ra công đức pháp lành như vậy, huống là chúng ta dùng chánh kiến, thiện tâm, thành ý, hân hoan mà bố thí, thì xuất sanh công đức lợi lành, đương nhiên càng thù thắng lợi ích gấp bội.

In this story, the Buddha also teaches us about the benefit of good advisors. People should earnestly do almsgiving out of kindness or compassion. They would gain so

much more reward considering how the man in this story gained out of an ill-almsgiving which later on turned into a good one, thanks to the good friends he met.

### 66) Chết Chìm—Drowned In The Sea

Xưa có một người nhà giàu đem nhiều người xuống biển tìm của báu. Người nhà giàu này đã đọc qua rất nhiều sách chỉ cách vượt bể khơi, y nhớ rất kỹ và khoe với mọi người rằng: “Mọi tình trạng trong biển tôi đều biết.”

Once upon a time, there was a rich man who went to the sea with some servants to search for pearls. He had read a lot of books about sailing, he remembered everything he had read. He said to everybody: “I know all situations in the sea.”

Thí như nói: “Làm sao lái thuyền, làm sao giữ đúng phương hướng, lúc chạm phải đá ngầm, hoặc giả nước biển chảy ngược, trong khi chắc chắn nguy hiểm mười phần, chỉ cần cầm cái lái thuyền cho chắc, xem chừng phương hướng cho kỹ càng, kịp thời xoay trở, trong lòng phải luôn luôn bình tĩnh khoan thai, đừng hoảng sợ bối rối thì sẽ được bình yên, không có chuyện chi đáng lo ngại. Những phương pháp lái thuyền cũng như cứu nguy này đều có ghi rõ ràng trong sách, hiện tại tôi thuộc lòng không quên một mảy.”

Mọi người nghe xong rất tin tưởng nơi y.

For example, how to steer the boat, how to take the right direction, and how to hold in good position when they had to face dangers such as rocks under water, whirlpools and countercurrents. He said: “In all situations, you must watch your direction, be alert and stay calm, not to panic, then you should be safe and sound. I know by heart all about sailing and emergency methods.”

Upon hearing those words, everyone believed him.

Thuyền họ nhỏ neo ra khơi. Trong thuyền có anh thuyền trưởng, nhưng chẳng may lúc

ra giữa biển khơi thì anh mắc bệnh rồi chết. Bấy giờ anh nhà giàu mới đích thân điều khiển mọi việc.

They weighed anchor to start sailing. It was not long before the captain of the boat fell ill and died soon after. He then took charge of the boat.

Trong lúc thuyền lên dênh giữa biển, thì gặp phải một trận gió to, ba đào chuyển động với dòng nước chảy mạnh, khiến thuyền đảo lộn quay cuồng trong những làn sóng dữ dội không thể nào tiến tới trước được.

When they came to whirlpools and rapid currents, the boat almost turned upside down and could not advance.

Lúc ấy mọi người nghe ông nhà giàu nói thì thâm: “Phải nắm chắc mái chèo, phải đổi hướng, phải bình tĩnh.” Nhưng trên thực tế y không hiểu chính xác phải làm cách nào, chẳng biết làm sao để đem thuyền ra cơn sóng gió. Kết quả là sau một lúc quay cuồng trong sóng gió, thuyền bị chìm ngấm xuống đáy làm cho mọi người phải chết đuối.

At that moment, everybody heard the rich man recited what he had read without knowing how to put those instructions into practice and how to steer the boat out of danger. As a result, the boat was strolling and going around for a moment, then sank in the water and they all drowned.

Chuyện này tỷ dụ có người chỉ hiểu chút ít văn tự, hoặc đếm được hơi thở trong vài lần tọa thiền, dù họ có đọc kinh điển, nhưng đối với nghĩa lý và Phật pháp không có tinh tường. Kỳ thật, họ chỉ hiểu chút ít hoặc không hiểu chi cả về Phật pháp hay những pháp hành thiền, nhưng tự ý mình thông minh, cho mình là người trí thức sâu rộng. Họ bèn đem văn tự trên sách bướng bỉnh dạy người một cách hỗn loạn, làm như mình biết tất cả. Kết quả chẳng những tự lầm mà còn di hại đến người khác cũng giống như người nhà giàu ngu ngốc kia đã làm chết chìm nhiều người khác.

This story gives us an example of some people who have little knowledge from reading books or from counting the breathings in some meditation sessions. Although they can read the scriptures, they do not grasp the true meaning. In fact, they really know very little or nothing about Buddhist doctrines and all the methods of meditation, but they think they are intelligent and have deep knowledge to preach. They preach the wrong ways. They pretend to be well acquainted with the right ways. Consequently, they do not only harm themselves, but they also turn things upside down and harm a lot of other people, just like those who drowned at sea by the stupid man.

### 67) Đánh Cuộc—A Bet Over A Cake

Xưa có đôi vợ chồng, ngày nọ làm ba cái bánh, mỗi người ăn một cái rồi. Tuy nhiên, còn cái thứ ba, hai người đánh cuộc với nhau rằng: ai muốn ăn cái bánh ấy thì phải không nói một câu; nếu ai nói trước là thua cuộc, không được ăn cái bánh còn thừa. Thế rồi hai vợ chồng trọn ngày nín thinh không nói một tiếng.

Once upon a time, there were a man and his wife who shared three cakes, each had one cake first; however, on the third, they had to make a bet, “whoever talks first would lose the share of this cake.” Then, they stop talking.

Chợt có tên ăn trộm vào nhà vợ vét hết tiền của đồ đạc, sửa soạn chạy đi, hai vợ chồng vì sợ thua cuộc mất cái bánh nên cứ lấy mắt ngó trân trân tên ăn trộm mà không ai nói một tiếng nào. Tên trộm thấy vậy càng dạn dĩ thêm lên, thậm chí muốn xâm phạm tiết hạnh người vợ mà người chồng vẫn đứng xem, không nói một lời. Người vợ đang khi hoảng hốt kêu âm ỉ: “Anh thật là ngu, vì một cái bánh mà để cho quân ăn trộm làm nhục tôi quá đỗi, đã không la hét cũng không mở miệng nói một lời!”

Suddenly, a thief forced his way into the house to rob valuable things. The couple saw that everything fell into the thief's hands without uttering a word for fear that they would lose the bet they had made previously. Seeing that the couple said nothing, the thief started to attack the wife in the presence of the husband who still not utter a word. The wife was so panic, she shouted to her husband: "How stupid you are! You wouldn't shout or open your mouth to utter a word only because of a cake."

Người chồng bèn vỗ tay cười lớn: "Ha! Ha! Em đã khai khẩu trước, thế là đã thua anh mất rồi, cái bánh về anh ăn. Thích quá!"

The husband clapped his hands and said in joy: "Oh! My darling! You already opened your mouth and uttered. You have already lost the bet. I will get the cake."

Chuyện này tỷ dụ người đời vì tham trước chút danh lợi ở thế gian. Họ thường đánh mất sự lợi ích rộng lớn của pháp lành và Phật pháp để rơi vào ác đạo mỗi khi bị quấy rầy bởi âu lo và những tư tưởng xấu. Hạng người này cũng giống như người chồng ngu kia không khác.

This story gives us an example of some people who deceptively appear to be quiet and silent for a little fame and gain. They are not afraid of losing their good teachings and fall into the evil paths of transmigration when they are disturbed with their false worries and evil thoughts. These people are just like the stupid husband in this story.

### **68) Hại Người Thành Hại Mình— Bearing A Grudge Against One Another**

Xưa có một người thù địch với người khác, nhưng anh nghĩ không ra phương pháp báo thù, cứ uất ức trong lòng, mãi không lúc nào vui.

Once upon a time, there was a man who bore a grudge against another man, but he could not find out any good plan for revenge. That was why he always felt unhappy.

Có người hỏi: "Anh vì sao uất ức buồn rầu?"

Someone asked him: "Why are you so unhappy?"

Anh trả lời: "Có một người thường hay nói xấu tôi thậm tệ, tôi tức giận vô cùng, tôi hằng nghĩ cách báo phục mối thâm thù ấy, nhưng nghĩ mãi không ra, cho nên tôi tức giận và khổ buồn vô hạn."

He replied: "Someone speaks ill of me. I don't know how to get even. That's why I am so upset."

Người kia nói: "Chỉ cần đọc một câu chú bí mật kêu là Tỳ Đà La có thể giết người kia chết tức khắc. Nhưng trì chú này sẽ có một triệu chứng nguy hiểm, nghĩa là sau khi trì xong thì chính thân anh phải chết trước. Tôi nhận thấy tốt hơn anh đừng trì, thì khỏi bị thảm cảnh người thù chưa bị hại mà chính thân anh đã bị hại rồi."

The other man said: "With just one Vetala incantation, you can hurt him. However, there will be a drawback. That means just right after you recite such incantation, you will lose your life. I think you had better forget about this to prevent a tragedy."

Người kia nghe nói không cần tính toán suy nghĩ, vui vẻ rằng: "Xin ông làm ơn dạy tôi câu chú ấy, tâm muốn báo thù của tôi mãnh liệt vô cùng; miễn sao kẻ thù của tôi có thể chết, dù thân tôi có chết trước tôi cũng vui lòng."

Upon hearing those words, the man was so happy and said: "Please show me the way. Even though I hurt myself, I still want to hurt him."

Chuyện này tỷ dụ về tánh sân hận kết oán gây thù, tai hại không ít, muốn hại người, thường thường người chưa bị hại trước đã hại mình. Hơn nữa, vì lòng sân hận sai khiến,

hủy hoại thân mình một cách đáng thương. Họ bị lòng sân hận dẫn dắt, luống đưa mình vào con đường hại mình hại người vô cùng bi thảm, trầm luân vĩnh kiếp vào địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh. Họ chẳng khác chi người ngu trong truyện này vậy.

This story gives us an example about some people, out of revenge, they seek the Vatala incantation to hurt others without realizing that before they can hurt others, they already get hurt. Furthermore, when they feel anger and hatred, they hurt their mind and fall into the evil paths of hells, hungry ghosts and animals. They are just like the stupid man in this story.

### 69) Tổ Truyện Ăn Mau—To Eat Quickly

Xưa có một người ở phía Nam Ấn Độ, chính gốc của anh là từ Bắc Ấn tới, vì ở lâu nên cưới vợ miền Nam. Một hôm vợ anh dọn cơm lên bàn; không quản cơm canh nóng hổi, anh lua húp rất mau, giống như người chết đói đến nơi.

Once upon a time, there was a man who went from North India to South where he got married and settled down. One day the wife prepared some food, the husband ate it in just one mouth while it was still extremely hot.

Vợ anh lấy làm lạ bèn hỏi: “Không ai giành ăn với anh, cũng không có chuyện gì gấp, tại sao anh không ăn chậm rãi, mà lại ăn mau thế?”

His wife asked in shock: “There is no one here trying to take the food away from you. What made you eat so fast like that?”

Anh trả lời: “Bí mật lắm! Anh không nói cho em biết đâu.”

The husband said: “That a great secret that I have keeping from you.”

Chị vợ nghe thế tin là có lý do đặc biệt lắm, bèn ân cần năn nỉ anh nói ra. Ban đầu không chịu nói; tuy nhiên, chị vợ kì kèo một hồi lâu, anh mới chịu nói: “Tổ tiên của anh

nhiều đời đều ăn như vậy, do đó đến đời anh, anh cũng phải y như thế không dám cải đổi.”

Upon hearing these words, the wife believed that there must have been a special reason. She insisted on knowing the secret. First he did not want to reveal; however, the wife kept insisting. After a long pause, the husband said: “My ancestors made it a rule to eat quickly. I am doing it nothing more than an act of observing the tradition. This is the reason of my eating in a hurry.”

Chuyện này tỷ dụ về một ít người thủ cựu, thường không chịu biện biệt lành dữ, chân ngụy, lợi hại thế nào, chỉ một bề chấp chặt thói quen mê lầm, tà vạy; dương dương tự đắc không biết lỗi mình, không biết xấu hổ, lại cũng không biết cải chánh xả tà. Có ai giúp ý kiến hay khuyên lớn, họ đã không nghe lời phải mà còn trở lại nói đó là truyền thống hay ho, phải nên bảo thủ.

This story gives us an example of some people who are doing evil things, don't know what is right or how to distinguish good from bad, truth from falsehood, and they have no sense of shame. If someone explains and gives advice, they do not only refuse it, but they also argue that they just observe the tradition. Those people are just like the stupid man observing the rule to eat quickly in this story.

### 70) Nếm Trái Tần Bà—To Eat An Apple

Xưa có người muốn ăn trái tần bà, bèn sai người làm công đến vườn mua cho được, và dặn rằng: “Người xem có ngọt thì mua, bằng không ngọt thì đừng mua nhé!”

Once upon a time, there was a man who sent his servant out to buy some apples. He gave the servant instructions as follows: “If they are sweet, buy me some. If they are not, don't buy any.”

Người làm công mang tiền đến trong vườn trái cây hỏi mua.

The servant then went to the orchard to ask the owner if he had some sweet apple.

Người chủ vườn nói: “Tần bà của tôi trái nào cũng ngọt, không có trái nào dở, xin ông nếm thử sẽ biết.”

The owner said to him: “All my apple are good and sweet. There is not a single bad one. You will know when you taste one.”

Anh ta nói: “Tôi nếm thử một trái làm sao biết được các trái kia, tôi xin nếm từng trái, hề nếm trái nào, thì sẽ mua trái ấy, như thế chắc ăn hơn.”

The servant said: “After I taste every single one of them, I will buy them. How do I know about the rest, if I only taste just one?”

Nói xong anh ta tự tay hái trái tần bà, hề hái một trái thì cắn một miếng. Chủ vườn thấy thế không nói gì cả. Quả thật trái nào cũng ngọt không sai, anh ta bèn mua về cho chủ. Tuy nhiên, người chủ thấy trái nào cũng bị cắn dở, không những hết muốn ăn mà còn thấy gớm vô cùng, buồn nôn muốn mửa, do đó đem quăng hết chứ không ăn được một trái.

After tasting them one by one, the servant agreed to buy them because they are so sweet. However, the master did not like the these half-eaten apples, so he threw them all out.

Chuyện này tỷ dụ về một ít người nghe nói bố thí trì giới sẽ được giàu sang, tâm thường an ổn, không bị hoạn nạn tai ương, nhưng không chịu tin là thật, muốn chính mình chứng nghiệm cho rõ ràng. Kết quả tự mình bỏ mất cơ hội. Nên biết rằng mọi việc trên đời đều do nhân đời quá khứ. Thế nhưng, họ không chịu khảo xét cho kỹ lý nhân quả, mọi việc đều thông suốt, đem một việc mà tỉ lệ nhiều, hiểu rõ đạo lý nhân quả, tiến tới tu học Phật pháp, tô bồi phước huệ căn lành. Trở lại cố chấp: “Cần yếu mỗi việc chính mình phải thân chứng mới tin.” Cứ phó mặc thời gian trôi qua, một mai gấn chết, tất cả đều xả bỏ tan tành, sau ăn năn không kịp!

This story gives us an example of some people, seeing that all those who keep almsgiving commandment, can acquire great wealth and happiness, physically at ease and mentally stable, but they still remark in disbelief that they will believe if they can experience by themselves. As a result, they lose opportunities. To see for yourself in this world, noble or base, rich or poor, you should remember that everything in this life is the retribution of the previous lives. However, some people don't want to examine the Law of Cause and Effect, all they do is to draw the general rule from particular instances. It is to be regretted for their disbelief. For once death approaches them, they feel so miserable when they have to leave their worldly possessions.

### 71) Đui Mắt— Turned Blind

Xưa có người đàn ông cưới hai bà vợ, ba vợ chồng nằm chung một giường. Nhưng anh chồng luôn cảm thấy khó khăn mỗi khi muốn gần gũi hai chị vợ, hề anh gần gũi chị này thì chị kia nổi ghen đùng đùng không chịu được, do đó anh khổ não vô cùng.

Once upon a time, there was a man who had two wives and three of them slept on the same bed. Whenever he was with one of them, the other got very angry that caused him very miserable.

Ngày nọ anh quyết định nằm giữa hai chị và cứ nằm giữa mãi chứ không nói chuyện cũng không xoay qua bên nào.

One day he decided to lie flat on the back between the two, speechless and immovable.

Một đêm trời mưa, nhà thì dột nát, nước và bùn văng tủa xua, lọt vào hai mắt anh. Anh vẫn giữ vững quyết định không thay đổi, không chịu ngồi dậy chạy đi tránh. Anh cứ nằm yên chứ không xoay, hy vọng hai chị vợ hai bên che chở cho anh. Kết quả thật là bất hạnh: anh đui cả hai mắt.

One night it was raining so heavily that their house began to have leaks everywhere. Water and mud fell into his eyes, but he did not want to get up and run away, due to his already-made decision. He hoped that his two wives on his sides would protect him. As a result, he became completely blind.

Chuyện này tỷ dụ về người thân cận với bạn tà, bắt chước làm việc phi pháp, phải sa đọa vào chốn tam đồ. Thường thường do nơi bạn tà ác pháp, họ chẳng những phải luân hồi mãi mãi, mà còn tán mất con mắt trí huệ như người ngu bị đui mắt trong truyện trên.

This story gives us an example of some people who like to accompany with bad people. They always do unlawful deeds, create karma and fall into the Three Evil Paths of Transmigration. Not only will they remain in the round of existences forever, but they also lose their eyes of wisdom, just like the stupid man who turned blind in the story.

## 72) Sưng Môi—Swollen Lips

Xưa có hai vợ chồng cùng về thăm nhạc phụ, nhằm ngày người nhà đang giã gạo. Khi vợ anh vào ra mắt cha mẹ nàng, anh bèn lên ăn cắp một nắm gạo lớn bỏ vào miệng, liền khi ấy chị vợ ra tìm anh để nói chuyện cho vui. Miệng anh đầy những gạo, không thể trả lời, anh lại sợ vợ biết. Xấu hổ quá! Anh ngậm cứng miệng lại không nói một lời. Chị vợ lấy làm lạ hỏi: “Tại sao anh không nói một lời nào hết vậy?”

Once upon a time, there was a couple of husband and wife who went to visit the wife's father. When his wife presented herself to her father, he stayed outside and saw people removing the husk from the rice. He stole some rice and put them in his mouth to chew while waiting for his wife. When the wife came back to talk to him, he could not say a word because his mouth was full of rice. That aroused her curiosity even more. She asked: “Why don't you say a word?”

Chị thắc mắc muốn hiểu lý do, bèn dùng tay sờ hai bên má của chồng, nhận thấy môi anh sưng đỏ lên, Chị liền đến thưa với cha chị: “Thưa cha! Chồng con vừa đến nhà, đột nhiên phát sanh một chứng bệnh sưng môi, và bây giờ không thể mở miệng ra nói được.”

She did not understand what had happened. She touched his cheeks with her hands and found his mouth swollen. She immediately reported to her father: “Daddy! On his way over, my husband suddenly got a swollen mouth and is unable to open his mouth to speak at this moment.”

Cha chị nghe thế vội vã đi thỉnh một vị lương y. Vị lương y đến xem và nói: “Bệnh này nặng lắm, phải mổ mới có thể trị lành.”

Her father hurried to invite a doctor to come to examine. The doctor examined and said: “His illness is very serious. It will be cured only by an operation.”

Nói xong vị lương y cầm dao mổ trên má, gạo ngậm trong miệng đổ ra ngoài. Sự thế như vậy ai cũng đều biết.

After speaking, the doctor did a surgery on his mouth and all the rice in his mouth fell out.

Chuyện này tỷ dụ người có lỗi cần phải nhìn nhận để cải đổi, mới có thể giúp đỡ người cải tà quy chánh.

This story gives us an example of those who commit mistakes. They must first admit and correct their mistakes before trying to help other people transforming (give up wrong deeds and return to the right ones).

Nếu như sau khi phạm giới, làm ác, mà cứ che dấu không chịu nói ra, không chịu phát lộ sám hối, thì tội kết mỗi ngày mỗi nặng thêm, quyết phải đọa lạc giống như người ngu trong truyện, miễn cưỡng không chịu nhả gạo ra vì mắc cỡ, nên phải chịu để cho bác sĩ mổ miệng mà khám phá ra tội lỗi.

People will descend into the three evil paths of hells, hungry ghosts and animals if they do evil deeds to break the pure

commandments and hiding sins. This is just like the stupid man, being reluctant to let out rice, for fear of being ashamed. As a result, the doctor must operate his mouth to reveal his sins.

### 73) Ngựa Đen Đuôi Trắng—Black Horse With White Tail

Xưa có một người cưỡi con ngựa ô dẫn đội binh đi đánh đuổi kẻ thù. Nhưng anh rất nhát gan, không dám tiến tới trước để chiến đấu. Anh nghĩ ra một biện pháp rất hay: “Lấy máu thoa lên mặt rồi nằm trong đồng tử thi giả đồ chết. Con ngựa của anh bị kẻ thù dắt đi. Cuộc chiến kết thúc trước khi anh trở về nhà, anh bèn chặt cái đuôi con ngựa chiến thắng đã chết đem về.”

Once upon a time, there was a man who rode on a black horse to a battle to chase the enemies. But he was chicken-hearted and dared not to advance to combat. He daubed his face and eyes with blood and dirt, then concealed himself among the corpses, pretended to be dead. The horse on which he had rode was taken away by the enemies. After the battle was over, on the way home, he took with him a tail of a white horse that belonged to another soldier.

Thấy anh về, người nhà hỏi: “Ngựa anh đâu? Sao anh không cưỡi ngựa về?”

Seeing him back, his family asked: “Where is your horse? Why don’t you ride your horse?”

Anh đáp: “Ngựa tôi đã bị tử trận. Nay các người xem! Tôi có mang đuôi nó về làm kỷ niệm.”

The man replied: “My horse was dead. I have brought back its tail with me.”

Người nhà nói: “Ngựa của anh da đen, tại sao cái đuôi biến thành trắng sau trận chiến?”

His family said: “Your horse was black. How did its tail turn white after the battle?”

Anh biết sự giả dối của mình đã bị đưa ra ánh sáng, một mực làm thinh không nói một lời.

The man was speechless when his lying was discovered.

Chuyện này tỷ dụ đối gạt người sẽ có ngày bại lộ. Có một số người trong tâm thường nghĩ những hành động hung ác, mà ngoài mặt đối hiện tượng hiền lành. Hơn thế nữa, họ luôn dối người bằng cách khoe khoang trí mưu của mình, nhưng không có tội lỗi gì mà họ không dám làm giống như anh chàng ngu si trong câu chuyện trên.

This story gives us an example of common people whose lie will be discovered some day. Despite of their pretending to be good, pious, compassionate and restraining themselves from eating meat and drinking wine, and so on; in reality, they indulge themselves in killing and injuring other sentient beings and thus raising to pain and cruelty. Furthermore, they boast that they have talents and wisdom; they always talk about doing good deeds, but there is nothing in the world they will not do to commit sins, just like the stupid man in this story.

### 74) Mang Bồn Tắm—To Carry A Bath tub

Xưa có ông vua quyết định ban hành một thứ pháp luật: bắt buộc Bà-la-Môn phải tắm rửa cho thân thể được sạch sẽ, chẳng vậy thì sẽ bị phạt làm công việc cực khổ nặng nhọc. Sau khi sắc luật có hiệu lực, thì nhóm Bà-la-Môn đi đâu cũng mang bồn tắm theo, khiến cho mọi người thấy thế tưởng là họ siêng năng tắm rửa.

Once upon a time, there was a kingdom which had a law that all Brahmans in the country should keep their bodies clean and those who do not would be subject to all kinds of hard works. After this decree was signed into law, the Brahmans always carried



with them a bathtub to prove that they took a shower every day.

Giả như có người đổ vào bồn tắm của họ một chút nước, thì họ đến chỗ vắng mà đổ đi. Sở dĩ họ làm như vậy là vì họ muốn mờ dối vua để tránh khỏi làm công việc nặng nhọc, kỳ thật thân thể của họ không nhờ bồn tắm theo mình luôn mà được sạch sẽ.

When someone poured some water into their bathtub, they brought it to an unfrequented area to get rid of it. The reason they carried a bathtub with them when they went out so people would think that they were clean so that they could shun hard labor.

Chuyện này tỷ dụ nếu chỉ có phở trương bề ngoài mà không có sự thật, kết quả là tự dối mình, dối người, không một chút tốt đẹp. Tăng chúng cạo đầu xuất gia ở trong Phật pháp, mặc áo nhuộm, và đánh bóng bên ngoài; kỳ thật chỉ có hình tướng bên ngoài, trong không có thật đức, giới, định, huệ không tu, thì cùng nhóm Bà-la-Môn mang bồn tắm trong truyện không khác.

This story gives us an example of some people who only want to show off their outer appearance. A monk who has shaved his head, wears dyed robes, and polishes his outer appearance; however, because of fame, gain, offerings and avoids labor work, he can break commandments any time. His appearance looks like a monk, but in reality, he cheats, just like the Brahman who held a bathtub in this story.

### 75) Giết Lạc Đà—To Kill The Camel

Xưa có người nuôi một con lạc đà. Ngày nọ, con lạc đà thọc mõm vào ghè lúa ăn no nê, ăn xong nó vô cùng hoảng sợ vì không thể lấy đầu ra được. Người chủ cũng rất giận và buồn khổ vô cùng!

Once upon a time, there was a man who had a jar used to hold grain. The camel put its head into it and eat the grain. However, after

it was full, it couldn't get its head out. The man was so angry and worried.

Có một cụ già thấy thế nói rằng: “Thôi anh! Đừng buồn nữa, tôi có một phương pháp khiến nó rút được đầu ra, nhưng anh phải nghe lời tôi dặn.”

An old man came up to him and said: “Don't be so upset! I have a method to get him out, but you have to listen to me.”

Anh hỏi: “Thưa cụ phương pháp chi thế?”

He asked: “Please tell me what is your method?”

Cụ già trả lời: “Người hãy nỗ lực chém đầu con lạc đà, chẳng phải là rút đầu con lạc đà ra một cách dễ dàng ư?”

The old man said: “You should cut off its head and he will be out.”

Nghe xong anh y lời cụ già chỉ bảo, quả nhiên đầu con lạc đà bị chặt ra, đồng thời vì con lạc đà đẩy dựa mà cái ghè đựng lúa cũng bể luôn. Kết quả tuy lấy đầu lạc đà ra được, nhưng nó đã chết lại thêm mất một cái ghè đựng lúa, anh bị thiệt hại nặng nề.

He followed the old man's words. He cut off the head of the camel. At the same time, the jar was broken because before dying the camel struggled for a while.

Chuyện này tỷ dụ người tu Phật pháp chỉ cầu Bồ đề tâm trong Tam Thừa, cần phải hộ trì tịnh giới và tránh gây ác nghiệp. Tuy nhiên, họ lại đắm mê theo miếng mồi ngũ dục tanh hôi mà hủy phá tịnh giới; đến đổi bản thể của tịnh giới cùng đạo quả Tam thừa cả hai đều mất, không có điều ác nào mà họ không dám làm, giống như người ngu mất cả lạc đà lẫn bình trong truyện.

This story gives us an example of some people who seek enlightened minds through the Three Vehicles, must keep pure commandments and avoid doing evils deeds. However, they indulge themselves in the five desires which will destroy them all. Not only do they end up breaking commandments, but they also give up the Three Vehicles. There

is nothing evil they will not do, just like the stupid man losing both the camel and the jar in the story.

### 76) Nông Phu Mơ Tưởng Công Chúa— The Farmer Longed For The Princess

Xưa có người nông phu trai trẻ đến đô thành dạo chơi, tình cờ thấy nàng công chúa rất đẹp, có thể nói là bậc tuyệt thế giai nhân. Sau khi trở về, anh đêm ngày mơ tưởng, nghĩ không ra biện pháp gì có thể cùng nàng trò chuyện. Ngày qua ngày, mặt mũi anh trở nên bơ phờ, thân thể tiêu tụy, đau tương tư nằm mãi trên giường, bệnh tình mỗi ngày một nặng.

Once upon a time, there was a young farmer who went to the city and he saw the princess who was very graceful. He found she was the most beautiful girl in the world. After going home, he thought of nothing else but the princess day and night. Since he could not find a way to talk with her, so he became so ill from his love-sickness.

Cha mẹ và bạn hữu của anh lo sợ vô cùng, bèn hỏi anh: “Vì đâu mà phát chứng bệnh hiểm nghèo như thế?”

His parents and relatives were so concerned and asked him: “What has happened?”

Anh trả lời: “Hôm nọ tôi gặp một nàng công chúa xinh đẹp lạ thường, rất muốn cùng nàng trò chuyện, nhưng không được toại lòng, do đó ngày đêm tôi mãi tưởng nhớ, lo buồn mà thành bệnh. Nếu tôi không thể cùng nàng gặp gỡ chuyện trò thì tôi không sống được.”

He replied: “That day I saw the beautiful princess with whom I would like to get acquainted, but I have been unable to figure out a way. That is why I have fallen so ill. If I can not talk with her, I will die soon!”

Bạn hữu thân thích an ủi anh rằng: “Chúng tôi tìm hộ anh một phương pháp,

khiến anh được cùng công chúa luận đàm, anh hãy an tâm vui vẻ chờ có buồn rầu.”

The parents and relatives said: “Don’t be so depressed! We will find an opportunity to help you talk with her.”

Nghe nói qua anh mừng rỡ, bệnh cũng bớt lần. Qua hai ngày sau anh được lành hẳn. Bấy giờ bạn hữu bà con mới nói đối anh rằng: “Chúng tôi đã thay thế anh nghĩ ra phương pháp, nhưng hiện tại công chúa vẫn chưa trả lời. Sau khi nghe thế, anh cao hứng cười rằng: “Nếu quý vị hỏi thì nàng còn ngần ngại, chứ tôi mà hỏi không sớm cũng muộn chắc chắn nàng sẽ đến.”

After hearing these words, he was so happy that his illness also got better two days later. At that time, his parents and relatives lied to him that they have found a way; unfortunately, she did not reply yet. Upon hearing those words again, he was filled with happiness and said with a big smile: “If you ask she is still reluctant; however, if I send for her, sooner or later she will come.”

Chuyện này tỷ dụ trên đời này có rất nhiều người ngu, không biết rõ sự tuần hoàn của xuân, hạ, thu, đông ra sao cả; thời tiết biến thiên chẳng hiểu tí gì.

This story gives us an example of some stupid people in this world. They know of no seasons of spring, summer, autumn and winter.

Nhằm thời gian không thích hợp để gieo giống, lại tự ý gieo giống xuống đất phì nhiêu, hy vọng gặt được lúa, nhưng kết quả hoàn toàn thất bại nặng nề. Người đời và ngoại đạo tu theo hạnh không chơn chánh, mà mong cầu quả giác ngộ hoàn toàn; hoặc giả chỉ tu chút ít phước huệ, liền tự cho là đầy đủ có thể chứng Bồ đề. Số người có quan niệm như thế cùng với người nông phu tưởng nhớ công chúa đều là hạng si mê đáng thương.

They sow the seeds in winter hoping that they will grow. Thus, they gain nothing

except wasting their energy in vain. Ordinary people and heretics hope to seek attainment of enlightenment by cultivating the wrong doctrines. They satisfy with their little merit. They are just as stupid as the farmer who longed for the princess in this story.

### 77) Tìm Sữa—To Milk A Donkey

Xưa có những người ở tại biên thù, chưa hề biết con lừa ra sao cả, dù có gặp tận mắt cũng không nhận ra. Nghe người ta đồn sữa lừa ngon tuyệt, nhưng bọn họ không ai biết lừa, cũng không biết phương pháp nào tìm ra sữa.

Once upon a time, there was a group of frontiersmen who had never seen a donkey before. Thus they could not identify it. They were told that its milk was delicious. They did not know the donkey, nor did they know how to milk it.

Sau đó họ chia nhau đi tìm, kết quả tìm được một con lừa đực. Bấy giờ cả bọn tranh nhau, ai cũng muốn uống sữa trước; có người cắn trên đầu lừa, có người nút tai, có người nút đuôi, có người đỡ chân, tin rằng sữa sẽ từ các chỗ ấy chảy ra. Nhưng cả bọn đều thất vọng, không uống được một chút sữa lừa.

They set out to search for one. After a while, they found a male donkey and tried to milk it. They vied with each other to get its milk. One seized its head; another sucked its ears, and another milk its tail, the fourth one, its feet. All hoped that they could get milk without success.

Chuyện này tỷ dụ về ngoại đạo tin tưởng mù quáng nơi niềm tin tôn giáo của họ, liền tự ức kiến theo tà đạo: nhìn đói, nhẩy vào lừa, lừa hình, tu theo các lối khổ hạnh vô ích. Kết quả chỉ tự mình chuốc lấy sự khổ não cho mình và cuối cùng phải đọa vào ác đạo, cũng giống như những người ngu tìm sữa lừa trong truyện này vậy.

This story gives us an example of the heretics who blindly learn their religious

faith; they follow all kinds of heterodox views such as to go naked, to fast to death, to jump into the fire or other useless ascetic practices. As a result, only do they not suffer, but also fall into the evil paths, just like those stupid men seeking in vain for milk from a male donkey in this story.

### 78) Đi Không Về Rồi—A Useless Trip

Xưa có người bảo con trong đêm tối: “Ngày mai dậy sớm, cha con mình đi chợ mua đồ dùng.”

Once upon a time, there was a man who told his son one night: “Tomorrow I will go with you to another tribe for some errands.”

Người con nghe thế, ghi chắc vào lòng. Đến ngày mai anh dậy sớm, không hỏi ý cha, tự một mình anh ra chợ. Tối nơi anh không biết là mình đến đấy để làm gì, lang thang qua lại, thân thể mệt mỏi vô cùng. Hơn nữa, bụng lại đói như cào, mà trong mình không có đồng xu để mua thức ăn, nước uống; đành phải quay về nhà.

Upon hearing these words from his father, at dawn, the son hastened to get there by himself without telling his father. On his arrival, he did not know the reason for him to be there, he wandered up and down until he was so tired. Furthermore, he was very hungry and thirsty, but did not have any money to buy food and drink. He could not help but going home.

Vừa về đến nhà, ông cha vừa thấy mắng rằng: “Mày thật là đồ ngu si vô trí, sao không chịu đợi tao cùng đi? Tự ý đi một mình đi không về rồi, không được việc chi cả, tự chuốc lấy sự khổ cực nhọc nhằn, tao có đời nào bảo mày làm thế.”

After he came back, his father scolded him and said: “You are very stupid indeed! You ran back and forth for nothing, only suffer in vain. Why did you not wait for me?”

Chuyện này tỷ dụ người tu trì Phật pháp, đã cạo tóc nhuộm áo, nhất định phải nương

gần thầy hay bạn lành. Với Phật tử, nếu không nương thầy học bạn, mà tự ý mình thông minh, trí thức, rồi tự đui tu mù luyện, thì rồi chẳng những mất đi thiền tập mà còn mất cả những công đức tịnh hạnh, cùng với người con đi không về rồi trên đây không khác.

This story gives us an example of those who have the opportunity to become monks and who shave off their hair, and who wear the monk's robes, should ask for guidance to attain Nirvana from imminent teacher.

For Buddhists, if we don't ask for guidance and seek for advice from friends and teachers, but totally rely on our intelligence, then blindly cultivate by ourselves. We will in the end, lose not only the meditation training, but also all the pure merits and virtues. This is just like that stupid man in this story.

### **79) Gánh Ghế Cho Vua—Carry Chair For The King**

Xưa có một ông vua ngồi trong cung cấm, tự cảm thấy buồn buồn, muốn đến vườn vô ưu du ngoạn, bèn bảo vị quan hầu cận rằng: “Người hãy đem một cái ghế để trong vườn, ta muốn vào trong ấy, ngoạn cảnh thưởng hoa.”

Once upon a time, there was a king who wished to go sightseeing at the “Free-From Care” Garden. He ordered one of his ministers: “You will drage a lounge chair to that garden for me to sit to admire the scenery and enjoy the flowers.”

Nghe lệnh vua, vị quan biết rằng mình sẽ vác ghế đi, đấy là chuyện rất xấu hổ, bèn tâu với vua rằng: “Tâu Bệ Hạ! Tôi không thể vác, chỉ muốn gánh.”

Upon receiving the king's order, the minister considered it a demeaning job for a minister to drag a chair. So he reported to the king: “Your Majesty! I would rather carry it on my back with a pole than dragging it.”

Vua nghe rồi liền sai người đem ba mươi sáu cái ghế sắp thành một gánh, để trên vai vị quan cho ông gánh ra vườn. Bấy giờ ông gánh không nổi, mà cũng rán hết sức gánh đi. Đấy chỉ vì ông sợ xấu hổ mất mặt một chút mà chuốt lấy sự khổ não gấp trăm lần.

The king then asked his guard to put thirty-six chairs to make a load for him to carry to the garden. For fear of losing face, the minister suffered a hundred times more.

Chuyện này tỷ dụ về vài người trong chúng ta sợ phạm giới luật nên không dám khom xuống vác đàn bà để lượm vật gì đó. Tuy nhiên, khi bị vô minh và dục vọng quấy rối, chúng ta không màng làm bất cứ điều bất tịnh nào có thể làm được, cũng giống như ông quan ngu si gánh ghế trong truyện này vậy.

This story gives us an example of some people who are reluctant to bend down to pick up something dropped from a woman's head, saying they want to keep the commandments. However, once disturbed by ignorance and desire, they do not mind doing whatever impure things they can do. This is just like that stupid minister bearing chairs on his back in this story.

### **80) Uống Thuốc Rửa Ruột—Washing The Intestines**

Xưa có người bị đau ruột già, thầy thuốc cho biết: “Chỉ cần rửa ruột mới có thể trị lành.”

Once upon a time, there was a man who had a pain in his stomach. The doctor said it would be healed by giving an enema to wash the intestines.

Sau khi thầy thuốc hòa trộn thứ thuốc nước rửa ruột trong một cái chén nhỏ, ông bèn đi lấy cái thau đựng thuốc trước khi bắt đầu trị. Trong khi thầy thuốc chưa trở lại. Lúc đó người kia bèn uống thuốc ấy sạch trơn.

After mixing the solution in a little bowl, he went to search for a bigger brass ware before treating the patient. At that moment,

the man took all the drug before the doctor came back.

Uống xong, y phát lên đau bụng dữ dội, vừa lúc thầy thuốc trở về, thấy thế lấy làm lạ bèn hỏi anh rằng: “Anh làm sao thế?”

After taking the drug, his belly became inflated and he felt so painful. When the doctor came back, he wondered what had happened to the patient and asked him: “What happened to you?”

Người kia bèn đem chuyện uống thuốc rửa ruột thuật lại: “Tôi đã uống hết thuốc, nhưng cảm thấy đau bụng gần chết.”

The man told the doctor: “I have just taken all the drug, but I am almost dying with the inflation and pain in my belly.”

Ông sửng sốt: “Thật khờ dại hết chỗ nói, tôi chưa thấy ai khờ như vậy, thuốc nước ấy chỉ để rửa chớ không uống được.”

The doctor was too surprised and told the man: “You are the most stupid man I have ever met. This drug is only for washing your intestines, not for taking.”

Đoạn ông vội vàng lấy thuốc giải cứu cho người kia uống, khiến cho mửa hết nước rửa ruột vừa uống kia, người ấy mới khỏi bị nguy đến tánh mạng.

Then the doctor gave the man some other antidotal drugs. The man vomited and cured.

Chuyện này tỷ dụ về những người tự gây hại bằng cách tùy tiện làm theo ý mình. Người tu Phật phải nên vô cùng cẩn trọng. Khi lựa pháp môn thích hợp để tu trì, không nên tùy ý tu một cách lộn xộn, mà phải lắng nghe một vị thầy giỏi. Như nói về tu thiền quán, nên lắng nghe vị thiền sư coi mình trước tiên nên tu pháp nào, bất tịnh quán, hay số tức quán, chớ không nên tùy tiện mà có tổn hại. Không chịu thưa hỏi với thầy hay, tự mình điên đảo đui tu mù luyện thì chẳng khác gì anh chàng ngu ngốc trong truyện này vậy.

This story gives us an example of some people who hurt themselves by doing whatever they like to do. Buddhists must be extremely careful! When you choose a method to practice, try not to do whatever you like to, you should seek for advice and guidance from a good master.

Speaking about meditation, we should listen to a Zen Master to see first we can follow what method, contemplating on impurity of the body or counting the breaths. Try not to do whatever we like to without consulting with a master just like the stupid man in this story.

### 81) Không Nên Vu Oan Cho Người Hiền Đức—Not To Accuse Falsely

Xưa có hai cha con cùng đến cánh đồng mênh mông, người con bỏ cha đứng đó, một mình chạy thẳng vào rừng rậm, bị cọp cắn, vết thương rất sâu, lại bị móng nhọn của nó cào rách cả mình mẩy. Anh vừa đau nhức vừa kinh sợ vô cùng, vội vàng băng rừng chạy về chỗ cha anh đang đứng.

Once upon a time, there were a man and his son travelling together. They came to a vast wilderness, the son left his father and got into the woods and was bitten by a tiger. With deep scratches were all over his body, the son felt so painful. He tried to flee to his father.

Người cha thấy tình cảnh như vậy rồi, hoảng hốt hỏi anh, vậy chớ bị con thú gì cắn mà thân thể ra nông nổi.

The father was astonished and asked his son: “How did you get wounded so badly like this?”

Người con nhăn nhó trả lời: “Có một con gì không biết, thân đầy cả lông, đến cắn con bị thương như thế đó.”

The son replied: “There was a long-haired monster that bit me.”

Người cha giận hầm hầm xách cung tên chạy thẳng vào rừng rậm, thấy một nhà tu râu tóc rất dài, lại có một chòm râu lún phún,

ông cho rằng đó chính là con thú đã cắn con ông, lập tức giương cung muốn bắn.

The father grasped bows and arrows and went to the woods where he saw a long-haired supernatural being. He thought this is the beast which bit his son. He was about to shoot at him.

Có người thấy thế vội can rằng: “Nhà tu hành này không có tâm hại con ông, ông không nên vu oan cho người hiền đức.”

A bystander saw that interrupte him and said: “Why do you want to shoot at that man, he is an innocent. You should not punish such a virtuous man!”

Chuyện này tỷ dụ có người đối với sự vật không quan sát cho kỹ lưỡng, bằng vào chủ quan tự cho là mình phải. Ở đời có nhiều người đối với trong hàng Tăng chúng, thấy một đôi người không đạo hạnh xuất gia, hành vi bất mãn, hoặc có một số nhà sư nào đó không đủ oai nghi, đối với mọi người có những hành động ngôn ngữ không được đẹp đẽ, một số người không chịu quan sát kỹ càng, mà cho rằng nhà sư nào cũng như vậy cả. Đối với những nhà sư khác, họ luôn luôn sẵn sàng khinh miệt chê bai. Những người ấy với người cha có con bị cọp cắn lại muốn trả thù vị tu hành đạo đức trong chuyện này vậy.

This story gives us an example of some people who do not examine closely a matter before making their decision. They always say that they are right. Some people are offended by an immoral monk in his religious robe, are apt to do the worst harm to all good monks. This is just like the father wanting to be revenged on the supernatural man for his son's bites by a tiger in this story.

## 82) Gieo Lúa—To Grow The Crop

Xưa có một người ở đô thành, muốn về làng quê theo đời nông nghiệp, làm kế sinh nhai. Ngày nọ, anh đến đồng ruộng xem xét, thấy một ruộng lúa rất tươi tốt, bèn hỏi nông

dân ở đấy: “Làm cách nào mà lúa tốt như vậy.”

Once upon a time, there was a man who lived in the city but wanted to go to the countryside to grow the crop to make a living. One day he visited another farmer's lands and examined his wheat crops. He asked the owner: “How do you make the wheat grow so well?”

Người nông dân trả lời: “Phương pháp rất giản dị, chỉ cày đất cho xốp và san bằng, bỏ phân tốt, tháo nước vô, thì được lúa tốt như thế.”

The owner replied: “The method is simple, to plough the soil, levelize the ground, and irrigate the water. The crop will be good.”

Anh nghe rồi, bèn y phương pháp cày ruộng, gieo giống ấy. Anh đã cày đất cho xốp, san bằng, vô phân, xả nước vào xong xuôi đầu đấy, chỉ còn đem giống gieo lên. Nhưng anh suy nghĩ, khi chân bước xuống ruộng để gieo, sợ e chân mình dẫm lên đất, làm cho đất dẽ đi, do đó lúa không tốt được.

Upon hearing the instructions from another farmer, the man went back and did what he was told; however, after he mixed the manure in the soil, before scattering the seeds, he remembered he had to tread the field field to scatter the seeds, he was afraid that his own feet might be too heavy for the land and it would become too hard to be fruitful.

Anh tự nghĩ chi bằng ta mượn bốn người khiêng một cái giường, rồi anh ngồi lên đấy gieo giống. Anh đi một mình thì có hai chân, giờ đây biến thành tám chân, cộng với sức nặng của anh và cái giường, do đó đất trong ruộng càng thêm dẽ cứng. Quả là người ngu!

He said to himself that he should hire four men to carry a bed on which he sit to scatter the seeds. If he did it by himself, there would have been only his two legs, but he added eight of the others in addition to the weight of

the bed and his own. Thus the land became even harder. What a stupid man!

Chuyện này tỷ dụ trong Phật pháp phải khéo giữ gìn ruộng trì giới, khiến phát sanh mầm mống lành. Tuy nhiên đa số người tu ban đầu giữ kỹ, một giới nhỏ cũng không phạm, nhưng hồi về sau, giới thô trọng đều hủy phạm, không hề kiêng sợ giữ gìn, như thế thử hỏi mầm mống Bồ đề làm sao không tiêu hoại? Đây cũng giống như người ngu sợ hai chân mình làm dể đất lại đi mượn thêm tám chân khác đến dậm vậy.

This story gives us an example of some people who cultivate the field of commandments and wait for the good yield of shoots. The majority of beginner cultivators first try very hard to keep all commandments; however, later they break all commandments and do evil deeds. How can the shoots of commandments grow? This is just like the stupid man who was afraid of his own two feet and added still eight of others.

### 83) Khỉ Bị Đánh—A Monkey Was Beaten

Xưa có một con khỉ, bị một người rất khỏe mạnh đánh đập tàn nhẫn, nó đau đớn vô cùng đến nỗi không chịu được nữa. Sau đó nó chạy qua chỗ đông người, có một em bé chạy ngang trước mặt nó, nó giận hằm hằm, túm đứa nhỏ muốn đánh và tuyên bố với mọi người rằng: “Nó làm như vậy là rất chính xác.

Once upon a time, a monkey was beaten by a strong man. The monkey was so painful. Later on the monkey ran to another area; it saw a small boy who passed by him, the animal was so angry and it took the boy for revenge. The monkey said: I am completely right.”

Chuyện này tỷ dụ về tánh giận cá chém thớt của phàm phu. Phật tử nên nhớ tất cả pháp đều ở trong vòng biến diệt, thuyên lưu, quá khứ đã diệt tương tục sau sanh, chẳng

giống như trước, đó là một định luật dĩ nhiên, thế mà người đời thường không nhận định, vọng chấp sai lầm, nên thường lún sâu vào thù hận không ngưng cũng như con khỉ kia không khác.

This story gives us an example of some one who is offended by another person takes out his anger on a third person. Buddhist should remember that all human affairs are always in a state of endless transition. What comes after is different thing, that is a natural law. However, people always attach to their wrong views. They wrongfully get into a temper and get deeper and deeper into hatred just as the monkey in this story.

### 84) Nguyệt Thực—Moon Eclipse

Xưa có một truyền thuyết: “Từ trước có vị A-tu-la vương xem thấy mặt trăng sáng quá, bèn dùng tay che, người nay đồn đãi biến thành thuyết “Nguyệt thực.” Căn cứ theo truyền thuyết trên, thì nguyệt thực và loài chó hoàn toàn không quan hệ gì với nhau. Nhưng không hiểu tại sao mỗi khi nguyệt thực, mọi người đều cho là mặt trăng bị chó nuốt, rồi mỗi khi thấy chó chạy ngang ai cũng muốn đánh nó.

Đối với thân phận con chó oan uổng vô cùng.

Once upon a time, there was a king of Asura who covered the moon with his hands when he thought it was too bright. The moon eclipse became legendary and there was nothing related to the dogs. However, each time there was a moon eclipse, people laid a blame on innocent dogs which were sometimes got beaten unjustly.

Chuyện này tỷ dụ về sự thật; sự thật không thể dựa trên sự suy nghĩ chủ quan bừa bãi; sự thật phải được dựa trên những yếu tố xác thực. Tuy nhiên, người đời thường dựa trên những suy nghĩ chủ quan phát khởi bởi tham sân si mà tưởng tượng ra những điều lầm lộn vô nghĩa. Kết quả là họ gây khổ cho

mình và cho người như chuyện chó bị đánh trong câu truyện trên.

This story gives us an example of “Truth” which cannot be based on carelessly subjective thinking. Truth must be based on facts. However, people always try to think subjectively which arises from their greed, hatred and anger. As a result they cause pain not only to themselves, but also to other people just like the dogs were beaten in this story.

### 85) Đau Mắt—Sore Eyes

Xưa có một nàng con gái bị bệnh đau mắt rất hiểm nguy, vô cùng đau đớn, rên rĩ suốt ngày đêm. Có một nàng con gái khác, thấy vậy rất lo sợ, tự nói: “Ai có mắt là có bệnh đau mắt. Quả như bệnh ấy đến ta, nhất định ta phải nhận chịu! Tuy rằng hiện tiền mắt ta chưa bệnh, nhưng ngày kia đâu khỏi bệnh như chị nọ. Muốn ngăn ngừa cho khỏi bệnh này, tốt nhất ta móc hai tròng mắt của ta trước đi thì hơn cả.”

Once upon a time, there was a woman who had bad sore eyes. Another woman said to herself: “Where there are eyes, there are eye problems. What happened if I had sore eyes? Although at this moment my eyes do not ache; however, they will ache some day. To prevent this happens, the best way is right now I gouge them out so they will not ache later.”

Có người nghe nàng nói thế, bèn khuyên can rằng: “Dù biết rằng có mắt là có đau làm mình khó chịu. Cô có tròng con mắt là vật quý nhất, sau này đau hay không đau, việc ấy chẳng nhất định. Nếu cô móc hai tròng mắt đi rồi, sẽ không trông thấy gì nữa, phải chịu thống khổ suốt đời, cô có biết không?”

Upon hearing those words, someone said to her: “Although it is true that when you have your eyes, they may some day ache to

disturb you. You have both precious eyes. Whether they ache or not later, no one knows. Don’t you know when you gouge them out and don’t have them now, you won’t be able to see anything; therefore, you will have to suffer for lifetime?”

Chuyện này tỷ dụ người ăn cơm bị mắc nghẹn, rồi bỏ ăn, như thế rất vô lý. Lại có một ít người cho rằng giàu sang là cội gốc của suy bại, vì thế mà không muốn cầu quả báo an vui, nên không chịu thực hành hạnh bố thí. Tuy nhiên, họ đâu biết rằng dù giàu sang phú quý bao nhiêu mà bỗng xén keo kiệt trong đời này là họ đang gieo nhân đau khổ cho đời sau. Dù biết rằng bố thí có thể mang lại hạnh phúc mà cũng có thể không, nhưng nếu chúng ta không bố thí thì chắc chắn chúng ta là những kẻ khổ sở. Những người có quan niệm sai lầm ấy, cùng với nàng con gái vì sợ đau mắt mà muốn móc tròng mắt quăng đi, đều ngu si không khác.

This story gives us an example of someone who stops eating when he is choked during dinner. This is ridiculous! There are some people who believe that wealth and fame are the sources of decadence. They are afraid of retribution in the hereafter; therefore, they don’t want to do any almsgiving in their present lives. If you do almsgiving, you may be happy or you may not. But if you don’t do it, you will surely be the most unhappy person. This is just like the woman who could not bear the thought of having sore eyes, wanted to gouge them out to suffer forever.

### 86) Vì Của Giết Con—A Man Who Cut His Daughter’s Head off For A Pair Of Gold Earrings.

Xưa có hai cha con cùng nhau đến một địa phương nọ, giữa đường gặp bọn cường đạo, muốn giựt hết tài vật của người. Người con có đeo đôi bông vàng, người cha sợ bị ăn



cướp giựt mất nên lật đật xé rút không ra. Bấy giờ bèn dùng dao chặt đầu người con.

Once upon a time, there were a man and his daughter traveling on a trip together to a place. On their way, they came across highway robbers trying to rob their valuable things. The daughter wore a pair of pure gold earrings. When the father saw the robbers approaching, he tried to pull the earrings off to hide them, but he couldn't remove them. He cut off his daughter's head.

Sau đó bọn cướp chạy mất, cơn khủng hoảng qua rồi, y bèn lấy đầu ráp vào mình người con xấu số. Nhưng than ôi! Ráp làm sao được!

When the robbers went away, he tried to put the daughter's head back to her body. Alas! How could he achieve this?

Chuyện này tỷ dụ vì việc nhỏ mà bỏ việc lớn, vì chút danh lợi mà quên mất cuộc sống đức hạnh, đến nỗi gây thành sự tổn thất nặng nề, không thể cứu vãn. Cũng như trên thế gian có một số người vì chút danh lợi, mà vọng lập tà giáo, tà thuyết để dối đời, họ cho rằng con người chỉ có một kiếp này chứ làm gì có kiếp sau; làm gì có đầu thai, vân vân.

This story gives us an example of some people who only little gain and fame right in front of them and they forget about great merits and virtues. There are also some people who argue with a joking expression on these subjects: there is no hereafter life, no reincarnation, etc.

### **87) Bọn Cướp Chia Cửa—Divisions Of Boot**

Xưa có một bọn cướp. Khi chia cửa, họ chiếu theo bản lãnh và sự cao thấp của mỗi người mà chia đều đủ, mỗi người một phần. Trong đó có một phần là y phục dệt bằng tóc rất nặng, vì có một người kém sắc đẹp và địa vị thấp kém hơn, cho nên bọn họ mới chia một phần xấu tệ ấy.

Once upon a time, there was a band of robbers. They divided their boot according to their different ranks. Among the belongings, there was a hair-woven coat which was heavy considered as an inferior part to be given to one with the lowest rank.

Tên cướp ấy rất buồn khổ, trong tâm bất bình la lớn: “Phần của ta sao ít và tệ thế này?”

The robber was grieved. He made a strong protest by shouting aloud: “Why is my share so little and ugly like this?”

Sau đó y cũng đành cam chịu, rồi đem vào trong thành bán. Có một vị quan trường chịu mua bằng một giá rất cao. Số tiền của y bán được đem so với số tiền của bọn cướp chia được nhiều hơn gấp bội.

Afterwards, he brought it to the city for sale. A elder manderine paid him a high price. The money he got was more than any others' in the band.

Bấy giờ y vui vẻ múa nhẩy và nói: “Ta là người đắc thời.”

He then leaped for joy and said: “I am victorious!”

Chuyện này nói cho chúng ta biết dù gặp nhiều thất bại cũng không nên thất vọng, thối tâm, chỉ nên cố gắng gieo giống tốt sẽ có ngày gặt được bao nhiêu là chuỗi hạt vàng. Tỷ như khi người bố thí, mà không biết rằng bố thí sẽ có quả báo tốt gì hay không? Đến khi quả lành đem lại, thì rất vui mừng. Mới biết làm lành bố thí là hành vi rất cao đẹp, trở lại ăn năn việc lành của mình làm sao mà ít quá!

This story reminds us not to be discouraged and hopeless even we are in a diverse situation. Try to sow good seeds, we will harvest good crops some day. This is also true with almsgiving. People who are doing almsgiving are usually not aware whether there will be a retribution. When the good fruits bloom, even though they are happy, but

they regret for not having done enough almsgiving before.

### 88) Mất Một Hạt Đậu Hay Một Nắm Đậu—A Grain Of Bean Or A Handful Of Beans?

Xưa có một con khỉ cầm một nắm đậu, bỗng nhiên vô ý đánh mất một hạt. Nó hoảng hốt buông cả nắm đậu trong tay ra, thì ôi thôi! Đã bị gà và chim ăn mất hết cả rồi!

Once upon a time, there was a monkey holding a handful of beans. Out of clumsiness, it dropped a grain of bean to the ground. It was shocked and dropped all the beans in its hands by looking for the first one. All the beans were then eaten by chicken and birds.

Chuyện này tỷ dụ người tu theo Phật, ban đầu hủy một giới mà không chịu ăn năn sám hối cho tội được tiêu. Sau đó lại còn buông lung hủy phạm nhiều cấm giới, làm cho bao nhiêu công đức pháp lành đều hủy bỏ không còn.

This story gives us an example of a monk who breaks one commandment, but would not confess. Later he breaks other commandments to such an extent that he ends up breaking all of them. This is just like the monkey who loses all bean by looking for just a grain of bean.

### 89) Chuộc Vàng Và Rắn Độc—A Golden Rat Changed Into A Poisonous Snake

Xưa có một người đi đường bắt được một con chuột vàng, lòng mừng khắp khởi, liền ôm vào lòng, rồi tiếp tục đi. Khi đến bờ sông, muốn cởi y phục ra để lội qua cho dễ, bỗng nhiên con chuột vàng đang ôm trong lòng biến thành con rắn độc.

Once upon a time, there was a man who found a golden rat while travelling. He leaped for joy, then put it inside his shirt.

When he reached the river bank, he took off his shirt before crossing. Suddenly the golden rat changed into a poisonous rat. Nevertheless, the man did not throw it out, but kept it in the shirt.

Ban đầu y sợ hãi vô cùng nhưng sau tự nghĩ: “Ta thà để cho con rắn độc này cắn chết, chứ không chịu quăng nó đi.”

He was so scared at first, but he thought: “I would rather let this poisonous snake bite me to death, than throw it out.”

Bấy giờ y bèn ôm con rắn độc lội qua sông chẳng hề sợ hãi. Con rắn độc thoát nhiên biến thành một khối vàng to lớn.

He then embraced the poisonous snake to cross the river. The poisonous snake suddenly changed back to pure gold.

Có người khác xem thấy như vậy cho rằng rắn độc có thể biến thành vàng, liền bắt chước, bắt một con rắn độc ôm trong lòng, tức thời y bị rắn độc cắn chết.

Another man nearby saw that, took it for granted that it should always turn out that way. He then caught a poisonous snake and put it inside his shirt. He got bitten and died soon after.

Chuyện này tỷ dụ có một hạng người chẳng chơn thật tín ngưỡng Phật pháp, xem thấy người khác chơn thật tu học được lợi ích hiện tiền; họ vì muốn cầu lợi dưỡng, nên phụ họa theo Chánh pháp. Nhưng kết quả chẳng những không tốt đẹp gì mà còn bị tổn hại như người ngu bỏ rắn độc vào áo cho nó cắn chết trong chuyện này.

This story gives us an example of some people who attach themselves to Buddhism when they see those who have done good deeds and in turn have obtained benefit. They are not motivated by faith but by greed. Consequently, they will fall into evil paths after death, just like the stupid man who put a poisonous snake in his shirt and got bitten to death.

### 90) Lượm Được Tiền—Picking Up Money

Xưa có một người nghèo đi đường bỗng nhiên lượm được một túi tiền vàng, lòng mừng vô hạn.

Once upon a time, there was a poor man who picked up a sack of money on the street. He was overwhelmed with joy.

Y bèn ngồi lại bên đường, lấy tiền vàng ra đếm, đếm chưa xong, người chủ của túi tiền đã đến, y phải trả túi tiền lại cho chủ.

He then sat down and began to count the money. Suddenly the owner of the money showed up while the poor man was still counting. He had to give back the whole sack.

Y rất buồn khổ, ăn năn không kịp. Y nghĩ rằng: “Ta ngu quá, nếu ta đếm mau và chạy đi cho sớm, thì chẳng là khỏi bị người chủ của túi tiền tìm đến, ta đã được một số tiền khá lớn không?”

He regretted for not running away quickly and said to himself: “I am so stupid, if I count a little faster and run away sooner, no way the real owner can take the sack back and I have already had a big sum of money.”

Chuyện này tỷ dụ người đã gặp Tam Bảo, liền phải kịp thời cần tu nghiệp lành để cầu sớm được giải thoát. Giả sử cứ để việc đời lôi cuốn quanh, dần dà qua ngày tháng, luống phí bóng quang âm. Vô thường thoát đến, sau ăn năn không kịp.

This story give us an example of some people who have the opportunity to meet the Three Precious Ones. If they are not doing their best with good deeds, they will fall into the evil paths of transmigration after their deaths. This is just like the stupid man who had to give back the money in this story.

### 91) Người Nghèo—The Poor

Xưa có một người nghèo làm lụng vất vả, để dành được một ít tiền, xem thấy người giàu khác, trong tâm tưởng rằng: “Tiền của ta phải nếu đem so sánh với của kẻ giàu chẳng

bằng giọt nước trong biển cả. Nếu phải đem ra so sánh bây giờ thì thật là thua xa.” Sau khi nghĩ ngợi, y buồn bã thất vọng, muốn đem số tiền ít oi của mình ném xuống sông.”

Once upon a time, there was a poor man who had to work very hard to make a living and save up some money. He said to himself: “My little sum of money, compared with the rich man’s, is just like a drop of water in the ocean. No way I can compare with him now.” After thinking, he was so upset and wanted to throw the little that he had into the water.

Người xung quanh thấy thế can rằng: “Tiền của anh tuy rất ít nhưng có thể nuôi sống được anh bao nhiêu ngày. Nếu anh quăng xuống nước hết, chẳng phải là một xu cũng không còn không?”

Another man saw that said to him: “What you have may be little, but you can live on it for a while. Why do you want to throw it into the water?”

Chuyện này tỷ dụ trong hàng Tăng chúng xuất gia, thấy các Đại Đức Thượng Tọa được người cúng dường nông hậu, còn mình thì được ít, lợi dưỡng không bằng các Đại đức kia, chẳng những tự mình không chịu cố gắng tinh tấn tu học, mà lại nhờn tài đức lợi dưỡng không bằng, rồi muốn bỏ đạo không tu, thật là hành động ngu xuẩn như kẻ nhà nghèo muốn đem số tiền ít oi của y mà ném xuống sông vậy!

This story gives us an example of some newly ordained monks who see high virtuous monks get more offerings than they do. They expect to get the same offerings as the elder monks get, but unable to, so they feel sorry and painful to such a degree as to break their faith. This is just as stupid as the poor man who wanted to throw his little money in this story!

### 92) Đưa Nhỏ Được Đường—All Precious Jewels For A Piece Of Sugar

Xưa có một người đàn bà bỗng đưa nhỏ sau một lúc đi đường rất mệt, bèn ngồi lại bên lề đường nghỉ chân dưới một gốc cây, mơ màng ngủ thiếp lúc nào không biết.

Once upon a time, there was a woman who bore her child travelling. After a while, she stopped to rest under a tree on the side of the road. She was so tired that she fell asleep.

Bấy giờ có một người đi lại, tay cầm một cục đường đưa cho đứa nhỏ ăn.

At that time, a man came and gave the child a piece of sugar.

Đứa nhỏ được đường chỉ tham ăn đường ngọt, mà bao nhiêu kiềng vàng, vòng vàng và tất cả đồ trang sức quý báu, đều bị người kia lột hết mang đi.

Seeing the piece of sugar, the child was so gluttonous that he was lured by its good taste and paid no attention. The man took advantage of this opportunity to strip the child of the necklace, brooches and other ornaments.

Chuyện này tỷ dụ Tăng chúng xuất gia, có người vì tham chút lợi của thế tục, ưa ở chỗ ồn ào, bỏ phước sự tấn tu Phật pháp. Kết quả tài bảo công đức tịnh giới, đều bị giặc phiền não cướp giựt mang đi cũng như đứa bé vì ham ăn đường mà bị tên trộm cướp mất hết tài vật vậy.

His story gives us an example of some people, because of worldly interests, greedy for little gain so they stay in noisy places, abolish or let a thief steals their spiritual credits and treasured commandments. They are just like that greedy child whose belongings are taken away by the thief, due to his enticement of a piece of tasteful sugar.

### 93) Bà Già Đánh Cọp—The Old Woman Wrestled A Tiger

Có một bà già ngủ dưới gốc cây, bỗng nhiên có một con cọp đến muốn ăn thịt bà. Bà lật đật lồm cồm ngồi dậy, chạy vòng quanh gốc cây, để tránh khỏi bị cọp vật, bà

chạy quanh nhiều vòng, con cọp dùng một chân bấu vào gốc cây, một chân nắm bà già.

Once upon a time, there was an old woman who was resting under a tree when a tiger came to attack her. She hastened to stand up and ran around the tree trying to get away. The tiger held the tree with one hand and tried to grasp her with the other.

Bà hoảng hốt chạy bỏ lại ôm gốc cây, nắm hai chân cọp ghì chặt trong cây, cọp không thể lay động được. Nhưng bấy giờ bà già cũng không thể buông tay ra được.

She was so panic that she quickly jumped to hug the foot of the tree and held fast the tiger's two claws, the tiger could not move.

Trong lúc nguy cấp, trước mặt lại xuất hiện một người. Bà già liền bảo người kia rằng: “May quá, anh tới thật đúng lúc! Mời anh lại đây, cùng tôi giết con cọp này, trước khi nó làm hại đến chúng ta và chúng ta cùng chia làm hai phần thịt.”

In such a dangerous time, a man appeared. The old woman told the man: “Fortunately! You come at the right time! Let's catch and kill the tiger together before it can harm us. After killing it, we will divide its meat into two.”

Người kia tin lời bà già, liền chạy lại đánh nhau với cọp. Bà già nhân đó buông cọp ra, bỏ rơi người đàn ông kia trong cơn nguy khốn và cắm cổ bỏ chạy một mạch.

The man believed the old woman's words and began to help capture the tiger. After he seized its two claws, the old woman immediately gave up and ran away.

Người kia mới biết rõ âm mưu của bà già kia, nhưng ăn năn đã muộn. Chỉ còn cách là rán sức bình sanh cùng cọp chiến đấu; cầm cự quá lâu, sức lực kiệt dần, không đường nào tẩu thoát, không bao lâu sau thì y bỏ mạng.

The man realized the old woman's scoundrel plot, but it was too late. He tried hard to struggle with the tiger. He was

leaving in the lurch and got injured by its claws.

Chuyện này tỷ dụ có hạng phàm phu không phải là bực cao minh mà lại ưa tạo luận, lập thuyết, văn từ và ý nghĩa của họ lập rất thường không có chi hay ho đáng chú ý. Nhưng phần nhiều họ làm chưa xong là đã chết. Đệ tử của họ, góp nhặt những bản thảo bỏ dở, vì không hiểu bản ý của người quá cố, chỉ tưởng tượng ước thuyết tiếp tục làm thành, chú giải thêm. Trước tác nhiều chừng nào, chỉ càng tạo thành những tác phẩm sai lạc chừng nấy cũng giống như chàng ngốc nhào vô nắm hai chân cạp cho bà già trong truyện trên này vậy!

This story gives us an example of some people whose theories are far from good and whose phrases are tangled, complicated and full of errors. They happen to be dead before finishing their work. The successors want to continue and give an interpretation to them. However, they are unable to grasp the meaning. Therefore, they are enmeshed in trouble just like that stupid man catching the tiger's two claws for another person and getting hurt instead!

#### **94) Lạch Nước Hay Ngọc Bảo Châu?— Water Way Or Pearl ?**

Xưa có một người cùng vợ của người khác ngoại tình. Đêm nọ y ở trong phòng cô tình nhân, trong khi chồng cô đi vắng. Thành linh chồng cô trở về. Phát giác trong phòng vợ mình có người đàn ông, người chồng giận dữ, ra đứng ngoài cửa đợi gã tình địch ra đặng giết chết cho xong đời tên gian phu.

Once upon a time, there was a man who was having an affair with a married woman. One night, they were together when her husband came back. He found out their affair. He was very angry and stayed outside the door waiting for the man to come out to kill him.

Sau khi cô vợ biết thế, bèn nói với tình nhân: “Chồng em đã hay biết, vậy anh hãy chạy ra mau để thoát thân; nhưng phải từ ‘ma-ni’ (theo lạch nước còn có nghĩa là ngọc bảo châu) mới có thể ra được.”

Knowing her husband was outside, the wife told her lover: My husband knows what is going on. There is no way but the mani.”

Người vợ muốn tình nhân lách ra bằng lạch nước phía sau, nhưng sau khi nghe rồi, tên tình nhân hiểu lầm là phải lấy được ngọc châu ma-ni rồi mới ra, nên cứ mãi chạy quanh trong vòng vây trăm ngàn khủng khiếp với ước vọng tìm cho được bảo ngọc ma-ni, và cương quyết rằng: “Nếu không tìm được ngọc ma-ni, thì ta quyết định không ra khỏi.”

The wife wanted her lover to escape by means of the water way. The man misunderstood her to mean looking for the mani pearls. He then ran around and looked everywhere in vain. He said to himself: I will not leave here if I can't find the mani pearls.”

Than ôi! Không đầy mười lăm phút, y đã ngã gục dưới mũi dao căm hờn của tình địch.

Alas! No longer than fifteen minutes he was killed by his rival.

Chuyện này chỉ rõ cho người Phật tử nên từ bỏ nhị biên để quay về với lý trung đạo là đoạn, thường hai bên mà tu học, có thể giải thoát đời đời. Tuy nhiên, có người lầm hiểu hai chữ “hai bên” là “có bên” và “không bên” của thế giới. Do sự lầm hiểu đây mà không thể quán thấy chơn nghĩa lý trung đạo, dần dà ngày qua tháng lại, liền bị tử ma vô thường giết hại. Nghĩa là nhân hiểu lầm Phật pháp nên không thể kiến đạo tu hành, chung cuộc liền bị sanh tử làm hại, cũng giống như chàng ngốc tìm ngọc mani trong câu chuyện trên.

This story clearly points out that Buddhists should reject the two extremes of annihilation and permanence by holding fast to the golden mean in order to get deliverance. However, the common people misunderstand the two

extremes to refer to the universe being finite and infinite and the human beings having ego and having no-ego. Therefore, they are unable to grasp the meaning of the middle way to avoid extremes. After being stricken with sudden death, they will be killed out of impermanence and falling into the Three Evil Paths of Transmigration. This is just like the stupid man getting killed looking for mani pearls.

### 95) Hai Con Hạc—Two Cranes

Xưa có hai con hạc, một trống, một mái, ở chung trên cây. Đến mùa thu các thứ trái cây đều chín đỏ, chúng nó đi lượm trái rất nhiều, chứa đầy trong ổ; vì khí trời hanh nực, nên sau đó vài ngày, trái đều khô teo lại, xẹp xuống còn chừng nửa ổ.

Once upon a time, there were two cranes, male and female, which lived together in a nest. They filled their nest with fruit seed that grew up during the fall. Later the fruit dried and shrank to a half because it was still hot.

Con trống trách con mái rằng: “Chúng ta chuyên cần lao nhọc lượm trái, mà nay bà lén ăn một mình. Này! Bà xem trái cây chỉ còn có phân nửa.”

The male was in a temper and said to the female: “We have been working hard together for the fruit. Now you have eaten it alone. It’s half of what it was.”

Hạc mái trả lời: “Tôi không hề ăn lén ăn riêng, trái cây tự nó teo bớt đấy.”

The female replied: “I haven’t eaten it alone. For the fruit has shrunk by itself.”

Hạc trống không tin, lập tức nổi giận đùng đùng quát tháo: “Nếu bà không ăn lén, tại sao trái cây giảm mất phân nửa?”

The male did not believe, but became more angry and said to the female: “If it has not been you alone who had eaten, how could it grow so much less now?”

Nói xong hạc trống bèn dùng mỏ nhọn mổ hạc mái chết ngay tức khắc.

Then he immediately pecked the female to death.

Cách vài ngày sau, trời mưa lớn, trái cây nhờ có hơi nước và khí lạnh mà nở ra nhiều lại như trước.

A few days later, it happened to rain heavily. The fruit got moist and grew to its former size.

Hạc trống trông thấy mới biết trước kia mình hiểu lầm, ăn năn vô hạn. Rõ là hạc mái không ăn trái nào cả, mà mình lầm giết oan. Bây giờ rất buồn khổ kêu la thảm thiết, nước mắt kêu hạc mái: Em ơi! Em đến chốn nào! Em ở đâu!”

On seeing it, the male regretfully realized that she had not eaten and that he had wrongly killed her. He then cried bitterly and called out: “Honey! Where have you gone?”

Chuyện này tỷ dụ có một ít người sống bừa bãi, tham cầu danh lợi, miệt mài dục lạc không chán, chẳng phân biệt trắng đen, không nghĩ đến vô thường khi phá trọng giới, đến khi ăn năn thì đã quá muộn cũng giống như con hạc trống trong câu chuyện trên.

This story gives us an example of some common people who lead a disorderly life with fame and gain, indulge in wild pleasures. They think nothing of impermanence when breaking major commandments. It will be too late for them to repent afterwards. This is just like the male crane who killed the female crane in this story.

### 96) Giả mù—Pretending To Be Blind

Xưa có nhiều công thợ bị vua bắt đi làm lao dịch rất cực khổ, lại còn bị ngược đãi vô cùng. Họ đau khổ khôn xiết, có người vì thế phải chết oan.

Once upon a time, there was a king who forced so many people to do hard labor. The people were so miserable and there were many people who died in injustice.

Trong nhóm thợ, có một người không còn chịu nổi lao dịch nữa bèn nghĩ ra phương pháp “giả mù cho khỏi bị đi lao dịch khổ sở cho vua, quả nhiên được khỏi, y trở về nhà.”

Among them there was one man who could not bear the hardship. He figured out a way to avoid “pretending to be blind in order to get release from the hard work.”

Nghe thế những công thợ khác thấy thế, đều muốn móc mắt mình cho mù, để tránh khỏi đi lao dịch khổ sở.

On hearing this, other men wanted to gouge out their own eyes so as to avoid the tiresome drudgery.

Đương khi bọn họ toan móc mắt, trong bọn có người can: “Này các bạn! Nếu mắt mù không thấy sẽ làm cho chúng ta đau khổ suốt đời. Chúng ta thiếu gì cách lừa dối vua để tránh khỏi khổ dịch, mà làm chi cái công việc nguy hiểm như thế.”

At that time, someone asked them: “Why do you want to gouge out your own eyes only to make yourselves safe in another way.”

Chuyện này tỷ dụ người đời thường vì ham chút danh lợi mà tha hồ gian dối láo xược, đến nỗi hủy phạm giới luật thanh tịnh. Những người như vậy sẽ phải rơi vào ác đạo sau khi chết như những kẻ ngu si tự móc mắt mình vì chút lợi nhỏ trong câu chuyện trên.

This story gives us an example of some people, for the sake of little fame and gain, they tell wild stories and destroy their pure commandments. They will fall into the three evil paths of transmigration after their death, just like those stupid men destroying their own eyes for a little benefit in this story.

### 97) Cướp Áo Lông Dê—Robbed The Woollen Coat.

Có hai người đi đường, trải qua một cánh đồng mênh mông bát ngát, gặp bọn cường đạo, một người rất lanh lẹ chạy trốn dưới lùm cây, bọn cường đạo không trông thấy.

Once upon a time, there were two friends walking in the wilderness. On the way, they encountered the highway robbers. One of them was able to run away and escape in a thicket.

Còn một người chạy trốn không kịp bèn bị tên cường đạo giật cái áo lông dê đang mặc trong mình, người bị ăn cướp, vốn có vài đồng tiền vàng giấu trong bầu áo lông, nên y nói với tên cường đạo: “Cái áo này trị giá khoảng một đồng tiền vàng. Tôi muốn dùng một đồng tiền vàng để đổi lấy cái áo lông ấy lại.”

The other could not run fast enough to escape. The robbers snatched his woollen coat that he wore. The man said: “This coat is worth one piece of gold. I beg you to let me redeem it at that value.”

Tên cường đạo hỏi: “Tiền vàng của mày đâu?”

The robber asked: “Where is the gold?”

Người kia liền lấy tiền để trong cổ áo ra đưa cho cường đạo xem và nói: “Tiền này thật là tiền vàng, nếu ông không tin lời tôi nói, thì trong lùm cây kia có một người thợ kim hoàn, ông hãy đến hỏi.”

The man opened the collar and showed the gold to the robber and said: “Here is pure gold. If you don’t trust my words, you can go and ask a goldsmith who is hiding in the thicket now.”

Tên cường đạo nghe nói trong bụi cây có người lập tức lôi người núp trong bụi ra, lột lấy hết quần áo.

After hearing those words from the man, the robber came to the thicket to pull out the second man. The robber also took his clothing from him.

Chuyện này tỷ dụ người tu hành làm được chút ít công đức, thường thường không địch nổi với giặc cướp tập khí phiền não, mà phải tán mất pháp lành và hư hỏng cả công đức thanh tịnh. Điều ấy chẳng những tổn thất lợi ích của chính mình, cũng khiến cho nhiều

người lui sụt đạo tâm. Những người như thế sẽ sa vào ác đạo sau khi chết giống như hai người ngu trong câu chuyện trên đây.

This story gives us an example of Buddhist cultivators whose possessions of merits and virtues are robbed by the thief of temptation. They lose their good teachings and their merits as well. They lose not only the gain of their own, but they also make others lose their karma leading to Buddhahood. They are just like the two stupid men losing everything they had in the story.

và cuối cùng là sa vào ác đạo như thằng nhỏ bắt rùa rồi

### 98) Đứa Nhỏ Bắt Rùa Lớn—A Boy Caught A Big Turtle

Xưa có một đứa nhỏ chạy chơi trên khoảng đất trống, bắt được một con rùa rất lớn, nó muốn giết ngay, nhưng không biết làm cách nào để giết.

Once upon a time, there was a boy who as playing on an open land and caught a big turtle. He intended to kill it, but he did not know how to do so.

Có người bày cho nó rằng: “Em nên đem thả vào trong nước, nó sẽ bị chết chìm.”

There was a man who told the boy: “You just throw it into the water, it will be killed at once.”

Nghe xong đứa nhỏ tin theo, bèn nắm con rùa bỏ vào trong nước. Khi đã vào nước, rùa bèn bơi lội một cách tự do.

The boy believed the words and cast it into th water. Once in water, the turtle swam away freely.

Chuyện này tỷ dụ có người tu trì theo Phật pháp rất thuần thành, giữ gìn lục căn và hiến dâng đời mình làm việc phước đức, nhưng sau đó nghe lời ngoại đạo, ma quân và ác tri thức dụ hoặc, trở lại để cho lời lôi cuốn với những lời khuyến dụ như: “Phải ưa thích lục căn, phải nuông chiều ngũ dục thì mới mong giải thoát được.” Thế là họ nghe theo





# **Appendix D**

**Kinh Tứ Thập Nhị Chương**

**Sutra in Forty-Two Sections**



## **Tứ Thập Nhị Chương Kinh (Kinh Bốn Mười Hai Chương)—Sutra In Forty-Two Sections**

### **Chapter 1—Chương 1:**

---Đức Phật dạy—The Buddha said:

---“Từ giả gia đình cha mẹ, xuất gia học đạo, thấu rõ vi Diệu Pháp, được gọi là bậc Sa Môn.”

“Those who leave home and parents lead a reclusive life (renunciation) and understand the Wonderful Dharma are called “Saramanas.”

---“Thường giữ gìn 250 giới, sống đời thanh tịnh, thực hành Tứ Diệu Đế, thành tựu quả vị A-La-Hán.”

“Always observe the 250 precepts; enter into and abide in purity by practicing the Four Noble Truths, which accomplish Arahantship.”

---“Vị chứng quả A-La-Hán có thể phi hành, biến hóa, kéo dài mạng sống, nơi nào người ấy sống đều làm động đến đất trời.”

“Arahants can fly and transform themselves. They have a lifespan of vast aeons and wherever they dwell they can move earth and heaven.”

---“Thứ đến là quả A-Na-Hàm. Vị chứng quả A-Na-Hàm, khi hết tuổi thọ thế gian sẽ sanh lên cõi trời thứ 19 và chứng quả A-La-Hán tại đó.”

“Prior to the Arahant is the Anagamin. At the end of his life, an Anagamin (vital spirit) will ascend to the nineteenth heaven and there, he will certify (achieve) to Arahantship.”

---“Trước khi chứng quả A-Na-Hàm là quả Tứ-Đà-Hàm. Người chứng quả Tứ-Đà-Hàm còn phải sanh lên cõi trời một lần, rồi trở lại tái sanh cõi người một lần nữa, sau đó chứng quả A-La-Hán.”

“Prior to the Anagamin is the Sakridagamin. Sakridagamin ascends to the heaven once, returns (to be reborn as a human being) once more and thereafter, attains Arahantship.”

---“Trước khi chứng quả Tứ-Đà-Hàm là quả Tu-Đà-Hoàn. Người chứng quả Tu-Đà-Hoàn phải bảy lần sanh tử mới chứng quả A-La-Hán.”

“Prior to the Sakridagamin is the Srotaapanna. Srotaapanna is one who still has seven deaths and births before achieving to Arahantship.”

---“Người chứng quả A-La-Hán là người đã đoạn tận ái dục, như chân tay bị chặt không thể xử dụng trở lại được.”

“One who achieves (certifies) Arahantship severes love and desire in the same manner as severing the four limbs; one is never able to use them again.”

### **Chapter 2—Chương 2:**

---Đức Phật dạy: “Người xuất gia làm sa Môn thì phải từ bỏ ái dục, biết được nguồn tâm, thấu triệt giáo pháp của Phật, hiểu pháp vô vi. Bên trong không có cái để được, bên ngoài không có chỗ để cầu. Tâm không chấp thủ nơi đạo, cũng không hệ lụy bởi nghiệp, không có suy tưởng, không có tạo tác, không có tu, không có chứng, chẳng cần trải qua các Thánh vị mà tự thành cao tột, đó gọi là Đạo.”

The Buddha said: “Sramanas who have left the home-life renounce love, cut (uproot) desire and recognize the source of their minds. They penetrate the Buddha’s Wonderful Dharmas and awaken to unconditioned dharmas. They do not seek to obtain anything internal; nor do they seek anything external. Their minds are not bound by the Way nor are they tied up in Karma. They are without thoughts and without actions; they neither cultivate nor achieve (certify); they do not need to pass through the various stages and yet are respected and revered. This is what is meant by the Way.”

### **Chapter 3—Chương 3:**

---Đức Phật dạy: “Cạo bỏ râu tóc để trở thành một vị Sa Môn, lãnh thọ giáo pháp của Phật thì phải xả bỏ của cải thế gian, làm khát sĩ,

mong cầu vừa đủ, giữa ngày ăn một bữa và chỉ ăn cho khỏi đói, dưới gốc cây ở một đêm, cẩn thận không để trở lại lần thứ hai. Điều làm cho người ta ngu muội là Ái và Dục.”

The Buddha said: “By shaving their heads and beards, they become Saramanas who accept the Dharmas of the Way. They renounce worldly wealth and riches; beg for food with moderation (moderate needs or not to acquire too many things); take only one meal at noon and eat only enough to satisfy their hunger and are careful not to return. Craving and desire are at the roots of what cause people to be stupid and confused (obscured).”

#### **Chapter 4—Chương 4:**

--Đức Phật dạy: “Chúng sanh do mười điều mà thành thiện, cũng do mười điều mà thành ác. Mười điều ấy là gì? Thân có ba, miệng có bốn, và ý có ba. Thân có ba là: Giết hại, trộm cắp, dâm dục. Lưỡi có bốn là: Nói lưỡi hai chiều, nói lời độc ác, nói lời dối trá, nói ba hoa. Ý có ba là: Tật đố, sân hận, ngu si. Mười điều ấy không phù hợp với con đường của bậc Thánh, gọi là hành vi ác. Nếu mười điều ác này được chấm dứt thì gọi là mười điều thiện.”

The Buddha said: “Living beings may perform ten good practices or ten evil practices. What are the ten? Three are three of the Body, four are of the Mouth and the last three are of the Mind. The three of the Body are killing, stealing and lust. The four of the mouth are double-tongued speech (duplicitous speech), harsh speech, lies, and irresponsible speech. The three of the Mind are jealousy, hatred, and stupidity. Thus, these ten are not in accordance (consistent) with the Holy Way and are called ten evil practices. To put an end to these evils is to perform the ten good practices.”

#### **Chapter 5—Chương 5:**

--Đức Phật dạy: “Người có lầm lỗi mà không tự sám hối để mau chấm dứt tâm tạo tội ác, thì tội lỗi sẽ chồng chất vào thân như nước chảy về biển, dần dần trở nên sâu rộng. Nếu người có tội mà tự nhận biết tội, bỏ ác làm lành thì tội lỗi tự diệt, như bệnh được đổ mồ hôi dần dần sẽ khỏi.”

The Buddha said: “If a person has many offenses and does not repent of them but merely stop thinking about them, the offenses will engulf him, just as water returning to the sea will gradually become deeper and broader. If a person has offenses and repents (practices good), the offenses will dissolve of themselves, just as a sick person begins to perspire and is gradually be cured.”

#### **Chapter 6—Chương 6:**

--Đức Phật dạy: “Người ác nghe nói ai làm điều thiện thì đến để phá hoại. Khi gặp người như vậy, các ông phải tự chủ, đừng có tức giận trách móc. Bởi vì kẻ mang điều ác đến thì họ sẽ lãnh thọ điều ác đó.”

The Buddha said: “When an evil person hears about virtue and intentionally or voluntarily comes to cause trouble, you should restrain yourself and should not become angry or upbraid him. Then, the one who has come to do evil will do evil to himself.”

#### **Chapter 7—Chapter 7:**

--Đức Phật dạy: “Có người nghe ta giữ đạo, thực hành tâm đại nhân từ, nên đến mắng ta; ta im lặng không phản ứng. Người kia mắng xong, ta liền hỏi: Ông đem lễ vật để biếu người khác, người kia không nhận thì lễ vật ấy trở về với ông không? Người kia đáp: “Về chứ.” Ta bảo: “Nay ông mắng ta, ta không nhận thì tự ông rước họa vào thân, giống như âm vang theo tiếng, bóng theo hình, rốt cuộc không thể tránh khỏi. Vậy hãy cẩn thận, đừng làm điều ác.”

The Buddha said: “There was one who, upon hearing that I protect the way and practice great humane compassion, intentionally or voluntarily came to scold me. I was silent and did not reply. When he finished scolding me, I asked, ‘If you are courteous to people and they do not accept your courtesy, the courtesy returns to you, does it not?’ He replied, ‘It does.’ I said, ‘Now you are scolding me but I do not receive it. So, the misfortune returns to you and must remain with you. It is just as inevitable as the echo that follows a sound or as the shadow that follows a form. In the end, you cannot avoid it. Therefore, be careful not to do evil.”

### Chapter 8—Chương 8:

--Đức Phật dạy: “Kẻ ác hại người hiền giống như nước mắt lên trời mà nhỏ nước miếng, nhỏ không tới trời, nước miếng lại rơi xuống ngay mặt mình. Ngược gió tung bụi, bụi chẳng đến người khác, trở lại dơ thân mình, người hiền không thể hại được mà còn bị họa vào thân.”

The Buddha said: “An evil person who harms a sage is like one who raises his head and spits at heaven. Instead of reaching heaven, the spittle falls back on him. It is the same with one who throws dust into the wind instead of going somewhere else, the dust returns to fall on the thrower’s body. The sage cannot be harmed; misdeed will inevitably destroy the doer.”

### Chapter 9—Chương 9:

--Đức Phật dạy: “Học rộng, hiểu nhiều, đắm say đạo lý thì Đạo khó hội nhập. Kiên trì tâm chí thực hành thì Đạo rất lớn lao.”

The Buddha said: “Erudition (knowledge or education) and love of the Way make the Way difficult to accomplish, but when you guard your will and revere the Way, the Way becomes profound and vast.”

### Chapter 10—Chương 10:

--Đức Phật dạy: “Thấy người thực hành bố thí, hoan hỷ giúp đỡ thì được phước rất lớn. Có vị Sa môn hỏi Phật, ‘Phước này có hết không?’ Phật đáp, ‘Thí như lửa của ngọn đuốc, hàng trăm hàng ngàn người đem đuốc đến mỗi lửa về để nấu ăn hay thắp sáng, lửa của ngọn đuốc này vẫn như cũ. Phước của người hoan hỷ hỗ trợ người thực hành bố thí cũng vậy.’”

The Buddha said: “When you see someone practicing the Way of Giving, help him joyously and you will obtain vast and great blessings. A Saramana asked: ‘Is there an end to those blessings?’ The Buddha said: ‘Consider the flame of a single lamp, though a hundred thousand people come and light their own lamps from it so that they can cook their food and ward off the darkness, the first lamp remains the same as before. Blessings are like this, too’.”

### Chapter 11—Chương 11:

--Đức Phật dạy: “Cho một trăm người ác ăn không bằng cho một người thiện ăn. Cho một ngàn người thiện ăn không bằng cho một người thọ ngũ giới ăn. Cho một vạn người thọ ngũ giới ăn không bằng cho một vị Tu-Đà-Huần ăn. Cho một triệu vị Tu-Đà-Huần ăn không bằng cho một vị Tư-Đà-Hàm ăn. Cho một trăm triệu vị Tư-Đà-Hàm ăn không bằng cho một vị A-Na-Hàm ăn. Cho một ngàn triệu vị A-Na-Hàm ăn không bằng cho một vị A-La-Hán ăn. Cho mười tỷ vị A-La-Hán ăn không bằng cho một vị Phật Bích Chi ăn. Cho một trăm tỷ vị Bích Chi Phật ăn không bằng cho một vị Phật Ba Đới ăn (Tam Thế Phật). Cho một ngàn tỷ vị Phật Ba Đới ăn không bằng cho một vị Vô Niệm, Vô Trụ, Vô Tu, và Vô Chứng ăn.”

The Buddha said: “Giving food to a hundred bad people does not equal to giving food to a

single good person. Giving food to a thousand good people does not equal to giving food to one person who holds the five precepts. Giving food to ten thousand people who hold the five precepts does not equal to giving food to a single Srotaapanna. Giving food to a million Srotaapannas does not equal to giving food to a single Sakridagamin. Giving food to ten million Sakridagamins does not equal to giving food to one single Anagamin. Giving food to a hundred million Anagamins does not equal to giving food to a single Arahant. Giving food to ten billion Arahants does not equal to giving food to a single Pratyekabuddha. Giving food to a hundred billion Pratyekabuddhas does not equal to giving food to a Buddha of the Three Periods of time. Giving food to ten trillion Buddhas of the Three Periods of time does not equal to giving food to a single one who is without thoughts, without dwelling, without cultivation, and without accomplishment."

### Chapter 12—Chương 12:

--Đức Phật dạy: "Làm người luôn có hai mươi điều khó: Nghèo nàn bố thí là khó; Giàu sang học đạo là khó; Bỏ thân mạng quyết chết là khó; Thấy được kinh Phật là khó; Sinh vào thời có Phật là khó; Nhấn sắc nhấn dục là khó; Thấy tốt không cầu là khó; Bị nhục không tức là khó; Có thể lực không dựa là khó; Gặp việc vô tâm là khó; Học rộng nghiên cứu sâu là khó; Diệt trừ ngã mạn tự mãn là khó; Không khinh người chưa học là khó; Thực hành tâm bình đẳng là khó; Không nói chuyện phải trái là khó; Gặp được thiện tri thức là khó; Thấy tánh học Đạo là khó; Tùy duyên hóa độ người là khó; Thấy cảnh tâm bất động là khó; Khéo biết phương tiện là khó."

The Buddha said: "People always encounter twenty difficulties. It is difficult to give when one is poor. It is difficult to study the way

when one has power and wealth. It is difficult to abandon life and face the certainty of death. It is difficult to encounter the Buddhist Sutras. It is difficult to be born at the time of the Buddha. It is difficult to forbear lust and desire. It is difficult to see good things and not seek them. It is difficult to be insulted and not become angry. It is difficult to have power and not abuse it. It is difficult to come in contact with things and have no thought of them. It is difficult to be greatly learned and widely informed. It is difficult to get rid of self-pride or self-satisfaction. It is difficult not to slight those who have not yet studied. It is difficult to practice equanimity of mind. It is difficult not to gossip. It is difficult to find (meet) a good knowing advisor. It is difficult to see one's own nature and study the Way. It is difficult to transform oneself in ways that are appropriate taking living beings across to enlightenment. It is difficult to see a state and not be moved by it. It is difficult to have a good understanding of skill-in-means."

### Chapter 13—Chương 13:

"Có vị sa Môn hỏi Phật, 'Bởi lý do gì mà biết được đời trước, mà hội nhập được đạo chí thượng?' Đức Phật dạy: 'Tâm thanh tịnh, chí vững bền thì hội nhập đạo chí thượng, cũng như khi lau kính hết dơ thì trong sáng hiển lộ; đoạn tận ái dục và tâm không mong cầu thì sẽ biết đời trước'."

"A Sramana asked the Buddha: 'What are the causes and conditions by which one come to know past lives and also by which one's understanding enables one to attain the Way?' The Buddha said: 'By purifying the mind and guarding the will, your understanding can achieve (attain) the Way. Just as when you polish a mirror, the dust vanishes and brightness remains; so, too, if you cut off and do not seek desires, you can then know past lives.'"

**Chapter 14—Chương 14:**

---Có một vị Sa Môn hỏi Phật: “Điều gì là thiện? Điều gì là lớn nhất?”

Đức Phật dạy: “Thực hành Chánh Đạo, giữ sự chân thật là thiện. Chí nguyện hợp với Đạo là lớn nhất.”

---A Sramana asked the Buddha: “What is goodness? What is the foremost greatness?” The Buddha replied: “To practice the Way and to protect the Truth is goodness. To unite your will with the Way is greatness.”

**Chapter 15—Chương 15:**

---Có vị Sa Môn hỏi Đức Phật: “Điều gì là mạnh nhất? Điều gì là sáng nhất?” Đức Phật dạy: “Nhẫn nhục là mạnh nhất vì không chứa ác tâm nên tăng sự an ổn. Nhẫn nhục là không ác, tất được mọi người tôn kính. Tâm ô nhiễm đã được đoạn tận không còn dấu vết gọi là sáng nhất, nghĩa là tất cả sự vật trong mười phương, từ vô thủy vẫn đến hôm nay, không vật gì là không thấy, không vật gì là không biết, không vật gì là không nghe, đạt được nhất thiết trí, như vậy được gọi là sáng nhất.”

---A Sramana asked the Buddha: “What is the greatest strength? What is the utmost brilliance?” The Buddha said: “Patience under insult is the greatest strength because those who are patient do not harbor hatred and they are increasingly peaceful and settled. Those who are patient are without evil and will certainly be honored among people. To put an end to the mind’s defilements so that it is pure and untainted is the utmost brilliance. When there is nothing in any of the ten directions throughout existence, from before the formation of heaven and earth, until this very day, that you do not see, know or hear, when all-wisdom is obtained (achieved), that can be called brilliance.”

**Chapter 16—Chương 16:**

---Đức Phật dạy: “Người giữ ái dục ở trong lòng thì không thấy được Đạo. Thí như nước trong mà lấy tay khuấy động, người ta đến soi không thấy bóng của mình. Người do ái dục khuấy động mà trong tâm ô nhiễm nổi lên nên không thấy được Đạo. Sa Môn các ông cần phải xả ly ái dục. Ái dục hết rồi có thể thấy được Đạo.”

The Buddha said: “People who cherish love and desire do not see the Way. It is just as when you stir clear water with your hand; those who stand beside it cannot see their reflections. People who are immersed in love and desire have turbidity in their minds and because of it, they cannot see the Way. You Sramanas should cast aside love and desire. When the filth of love and desire disappears, the Way can be seen.”

**Chapter 17—Chương 17:**

---Đức Phật dạy: “Người thấy được Đạo cũng như cầm đuốc vào trong nhà tối, bóng tối liền mất, còn lại ánh sáng. Người học Đạo mà thấy được chân lý thì vô minh liền diệt, chỉ còn lại trí tuệ.”

---The Buddha said: “Those who seek the Way are like someone holding a torch when entering a dark room, dispelling the darkness, so that only brightness remains. When you study the Way and see the Truth, ignorance is dispelled and brightness is always present.”

**Chapter 18—Chương 18:**

---Đức Phật dạy: “Pháp của ta là niệm mà không còn chủ thể niệm và đối tượng niệm; làm mà không còn chủ thể làm và đối tượng làm; nói mà không có chủ thể nói và đối tượng nói; tu mà không còn chủ thể tu và đối tượng tu. Người ngộ thì rất gần, kẻ mê thì rất xa. Dứt đường ngôn ngữ, không bị ràng buộc bất cứ cái gì. Sai đi một ly thì mất tức khắc.”



---The Buddha said: “My Dharma is the mindfulness that is both mindfulness and no-mindfulness. It is the practice that is both practice and non-practice. It is words that are words and non-words. It is cultivation that is cultivation and non-cultivation. Those who understand are near to it; those who are confused are far from it indeed. The path of words and language is cut off; it cannot be categorized as a thing. If you are off (removed) by a hair’s breadth, you lose it in an instant.”

### **Chapter 19—Chương 19:**

---Đức Phật dạy: “Quán trời đất nghĩ là vô thường, quán thế giới nghĩ là vô thường, quán linh giác tức là Bồ Đề. Hiểu biết như vậy thì chóng đắc đạo.”

---The Buddha said: “Contemplate Heaven and Earth and be mindful of their impermanence. Contemplate the world and be mindful of its impermanence. Contemplate spiritual enlightenment as Bodhi. With this awareness, one immediately obtains (achieves) the Way.”

### **Chapter 20—Chương 20:**

---Đức Phật dạy: “Phải biết rằng tứ đại trong thân, dù mỗi đại có một tên (Đất, Nước, Lửa, Gió), tất cả đều không có ngã; cái ngã đã không có thì cái có chỉ là ảo hóa mà thôi.”

---The Buddha said: “You should be mindful of the four elements within the body, though each has a name, all are without a self. Since they have no self, they are like an illusion.”

### **Chapter 21—Chương 21:**

---Đức Phật dạy: “Người thuận theo lòng dục để mong được danh tiếng, khi danh tiếng vừa nổi thì thân đã mất rồi. Ham muốn cái danh tiếng thường tình mà không lo học đạo chỉ uống công mệt sức mà thôi. Giống như đốt hương khi người ta ngửi được mùi thơm, thì

cây hương đã tàn rồi. Cái lửa hại thân theo liền cái danh tiếng.”

---The Buddha said: “There are people who follow emotion and desire and seek for fame. By the time their reputation is established, they are already dead. Those who are greedy for worldly fame do not study the Way and wear themselves out in wasted effort. It is just like a stick of burning incense which, however fragrant its scent, consumes itself. So too, greed for fame brings the danger of a fire which burns one up in its aftermath.”

### **Chapter 22—Chương 22:**

---Đức Phật dạy: “Tiền tài và sắc đẹp đối với con người rất khó buông xả, giống như chút mật trên lưỡi dao, không đủ cho bữa ăn ngon, thế mà đưa trẻ liếm vào thì bị nạn đứt lưỡi.”

---The Buddha said: “People who cannot renounce wealth and sex are like small children who, not satisfied with one delicious helping, lick the honey off the blade of the knife and in doing so, cut their tongues.”

### **Chapter 23—Chương 23:**

---Đức Phật dạy: “Người bị vợ con nhà cửa ràng buộc còn hơn là lao ngục. Lao ngục còn có kỳ hạn được phóng thích, còn đối với vợ con không có ý tưởng xa rời. Khi đã đắm mê sắc đẹp, đầu ngạ gì gian nguy! Dù tai họa nơi miệng cọp vẫn cam tâm! Tự đắm mình nơi chốn bùn lầy nên gọi là phạm phu. Vượt thoát được cảnh ấy sẽ trở nên bậc A-La-Hán.”

---The Buddha said: “Men are bound by their wives, children and homes to such an extent that these are worse than a prison. The time comes when one is released from prison, but there is never a moment when you think of leaving your wife and children. Don’t you fear the control that emotion, love and sex have over you? Although you are in a tiger’s flaws (mouth), you are blissfully oblivious in heart. Those who throw themselves in the mud and

drown themselves are known as ordinary people. By passing through this door and transcending defiling objects, one becomes an Arahant."

#### **Chapter 24—Chương 24:**

---Đức Phật dạy: "trong các thứ ái dục, không gì hơn sắc dục. Sự ham muốn sắc dục mạnh hơn mọi thứ khác. Hỉ có một sắc dục như vậy, nếu có cái thứ hai giống như sắc dục, thì không ai có thể tu tập theo Đạo được."

---The Buddha said: "As to love and desire, no desire is as deep-rooted as sex; there is nothing greater than the desire for sex. Fortunately, it is one of a kind. If there were something else like it, no one in the world would be able to cultivate the Way."

#### **Chapter 25—Chương 25:**

---Đức Phật dạy: "Người đam mê ái dục giống như người cầm đuốc đi ngược gió, chắc chắn sẽ bị tai họa cháy tay."

---The Buddha said: "A person with love and desire is like one who carries a torch while walking against the wind, he is certain to burn his hand."

#### **Chapter 26—Chương 26:**

---Thiên thần dâng cho Đức Phật một ngọc nữ với ý đồ phá hoại tâm ý của Phật. Phật bảo: "Túi da ô uế, người đến đây làm gì? Đi đi, ta không dùng đâu." Thiên thần càng thêm kính trọng, do đó mà hỏi về ý của Đạo. Đức Phật vì ông mà giảng pháp. Ông nghe xong đắc quả Tu-Đà-Hoàn."

---The heavenly spirits, desiring to destroy the Buddha's resolve, offered Jade women to him. The Buddha said: "Skin-bags full of filth." What are you doing here? Go away, I am not interested." Then, the heavenly spirits asked most respectfully about the meaning of the Way. The Buddha explained it for them and

they immediately obtained the fruition of Srotaapanna."

#### **Chapter 27—Chương 27:**

---Đức Phật dạy: "Người thực hành theo đạo như khúc gỗ nổi và trôi theo dòng nước. Nếu không bị người ta vớt, không bị quỷ thần ngăn trở, không bị nước xoáy làm cho dừng lại, và không bị hư nát, ta đảm bảo rằng khúc cây ấy sẽ ra đến biển. Người học đạo nếu không bị tình dục mê hoặc, không bị tà kiến làm rối loạn, tinh tấn tu tập đạo giải thoát, ta bảo đảm người ấy sẽ đắc Đạo."

---The Buddha said: "Those who follow the Way are like floating pieces of woods in the water flowing above the current, not touching either shore and that are not picked up by people, not intercepted by ghosts or spirits, not caught in whirlpools, and that which do not rot. I guarantee that these pieces of wood will certainly reach the sea. I guarantee that students of the Way who are not deluded by emotional desire nor bothered by myriad of devious things but who are vigorous in their cultivation or development of the unconditioned will certainly attain the way."

#### **Chapter 28—Chương 28:**

---Đức Phật dạy: "Phải thận trọng, đừng chủ quan với tâm ý; tâm ý không thể tin được. Hãy thận trọng đừng gần nữ sắc, gần nữ sắc thì tai họa phát sanh. Khi nào chứng quả A-La-Hán rồi, chừng đó mới tin được nơi tâm ý."

---The Buddha said: "Be careful not to believe your own mind; your mind cannot be believed. Be careful not to get involved with sex; involvement with sex leads to disasters. Once you have attained Arahantship, then you can believe your own mind."

#### **Chapter 29—Chương 29:**

---Đức Phật dạy: "Phải thận trọng, đừng nên nhìn ngắm nữ sắc, cũng đừng nói chuyện với

nữ nhân. Nếu bắt buộc phải nói chuyện với họ thì phải giữ tâm chánh trực và suy nghĩ rằng: ‘Ta làm Sa Môn, sống giữa cuộc đời ô nhiễm, phải như hoa sen không bị bùn làm ô nhiễm. Nghĩ rằng người nữ già như mẹ, người nữ lớn tuổi hơn mình như chị, người nữ nhỏ tuổi hơn mình như em gái, đứa bé gái như con, sinh khởi tâm cứu họ được giải thoát. Như vậy niệm xấu đối với nữ nhân liền chấm dứt.’

---The Buddha said: “Be careful not to look at women and do not talk with them. If you must speak with them, be properly mindful and think: ‘I am a Sramana living in a turbid world. I should be like the lotus flower and not be defiled by the mud.’ Regard old women the way you regard your mother. Regard those who are older than you the way you regard your elder sisters. Regard those who are younger as your younger sisters and regard children as their own. Bring forth thoughts to rescue them and put an end to negative (bad) thoughts.”

### **Chapter 30—Chương 30:**

---Đức Phật dạy: “Là người tu hành phải coi mình giống như kẻ mang cỏ khô, thấy lửa đến phải tránh, người học đạo thấy các đối tượng dục lạc đến phải tránh xa.”

---The Buddha said: “Those of the Way are like those who carry dry grass; it is essential to keep it away from oncoming fire. People of the Way look upon desire as something they must keep at a distance.”

### **Chapter 31—Chương 31:**

---Đức Phật dạy: “Có người lo lắng vì lòng dâm dục không dứt nên muốn đoạn âm. Đoạn âm không bằng đoạn tâm. Tâm như người hướng dẫn, một khi người hướng dẫn ngừng thì những kẻ tùy sự đều phải ngừng. Tâm tà không ngừng thì đoạn âm có ích gì? Đức Phật Ca Diếp có dạy rằng: ‘Dục sinh từ nơi ý. Ý do

tư tưởng sinh, hai tâm đều tịch lặng, không mê sắc cũng không hành dâm’.”

---The Buddha said: “There was once someone who, plagued by ceaseless sexual desire, wished to castrate himself. To cut off your sexual organs would not be as good as to cut off your mind. Your mind is like a supervisor; if the supervisor stops, his employees will also quit. If the deviant mind is not stopped, what good does it do to cut off the organs?”

The Kasyapa Buddha taught: ‘Desire is born from your will; your will is born from thought. When both aspects of the mind are still, there is neither form nor activity.’”

### **Chapter 32—Chương 32:**

---Đức Phật dạy: “Con người do ái dục mà sinh ưu sầu, do ưu sầu mà sinh sợ hãi. Nếu thoát ly ái dục thì có gì mà sầu ưu, có gì mà sợ hãi.”

---The Buddha said: “Out of love and desire, people give rise to worry; out of worry they give rise to fear. If you are apart from love, what worries are there? What fears?”

### **Chapter 33—Chương 33:**

---Đức Phật dạy: “Người tu hành theo Đạo như một người chiến đấu với vạn người. Mặc áo giáp ra cửa, tâm ý hoặc khiếp nhược, hoặc đi nửa đường thối lui, hoặc chiến đấu đến chết, hoặc đắc thắng trở về. Người Sa Môn học đạo cũng vậy, phải có ý chí kiên cường đồng mãnh, không sợ cảnh tượng trước mắt làm chướng ngại, phá tan các loài ma để đắc thành đạo quả.”

---The Buddha said: “Those who follow the Way are like a single person who goes to battle alone against ten thousand. Wearing his armor, he goes out the gate, perhaps his resolve is weak, perhaps he gets halfway to the battleground and retreats, or perhaps he is killed in combat; perhaps he returns

victorious. Sramanas who study the way should get a solid hold on their minds and be vigorous, courageous, and valiant. Not fearing what lies ahead, they should destroy the hordes of demons and obtain the fruits of the Way.”

### Chapter 34—Chương 34:

---Có một vị sa Môn ban đêm tụng kinh Di Giáo của Đức Phật Ca Diếp, tiếng ông buồn bã như tiếng thổi muốn thối lui. Đức Phật liền hỏi: “Xưa kia khi ở nhà ông thường làm nghề gì?” Ông đáp: “Bạch Thế Tôn, con thích chơi đàn cầm.” Đức Phật hỏi tiếp: “Khi dây đàn chùng thì ông làm sao?” Ông bèn trả lời: “Bạch Thế Tôn, khi dây đàn chùng thì đàn không kêu được.” Phật hỏi lại: “Khi dây đàn căng quá thì ông làm sao?” Ông đáp: “Bạch Thế Tôn, khi đàn căng quá thì mất tiếng.” Phật lại hỏi: “Không căng không chùng thì sao?” Ông đáp: “Bạch Thế Tôn, khi dây không căng không chùng thì tiếng kêu tốt với âm thanh đầy đủ.” Đức Phật bèn dạy: “Người sa Môn học đạo lại cũng như vậy, tâm lý được quân bình thì mới đắc đạo. Đối với sự tu đạo mà căng thẳng quá, làm cho thân mệt mỏi, khi thân mệt mỏi thì tâm ý sanh phiền não. Tâm ý đã sanh phiền não thì công hạnh sẽ thối lui. Khi công hạnh đã thối lui thì tội lỗi tăng trưởng. Chỉ có sự thanh tịnh và an lạc, đạo mới không mất được.”

---One evening a Sramana was reciting the Sutra of Bequeating the Teaching by Kasyapa Buddha. His mind was mournful as he reflected repentantly on his desire to retreat. The Buddha asked him: “When you were a householder in the past, what did you do?” He replied: “I was fond of playing the lute.” The Buddha said: “What happened when the strings were slack?” He replied: “They did not sound good.” The Buddha then asked: “What happened when the strings were taut?” He replied: “The sounds were brief.” The Buddha

then asked again: “What happened when they were tuned between slack and taut?” He replied: “The sounds carried.” The Buddha said: “It is the same with a Sramana who studies the Way. If his mind is harmonious, he can obtain (achieve) the Way. If he is impetuous about the Way, this impetuosity will tire out his body, and if his body is tired, his mind will give rise to afflictions. If his mind produces afflictions, then he will retreat from his practice. If he retreats from his practice, it will certainly increase his offenses. You need only be pure, peaceful, and happy and you will not lose the Way.”

### Chapter 35—Chương 35:

---Đức Phật dạy: “Như người luyện sắc sạn lọc phần cặn bã, còn lại sắt tinh luyện, chế tạo đồ dùng một cách tinh xảo. Người học đạo phải loại bỏ tâm ý ô nhiễm đi thì công hạnh trở nên thanh tịnh.”

---The Buddha said: “People smelt metal to refine it of impurities in order to make it of high quality. It is the same with people who study the Way: first they must expel filth and defilement from their minds, then their practice is pure.”

### Chapter 36—Chương 36:

---Đức Phật dạy: “Kẻ thoát được ác đạo sinh làm người là khó. Được làm người mà thoát được thân nữ làm thân nam là khó. Làm được thân nam mà sáu giác quan đầy đủ là khó. Sáu giác quan đầy đủ mà sanh vào xứ trung tâm là khó. Sinh vào xứ trung tâm mà gặp được thời có Phật là khó. Đã gặp Phật mà gặp cả Đạo là khó. Khởi được niềm tin mà phát tâm Bồ Đề là khó. Phát tâm Bồ đề mà đạt đến chỗ vô tu vô chứng là khó.”

---The Buddha said: “It is difficult for one to leave the evil paths and become a human being. It is difficult to become a male human being. It is difficult to have the six organs

complete and perfect. It is difficult for one to be born in the central country. It is difficult to be born at the time of a Buddha. It is still difficult to encounter the Way. It is difficult to bring forth faith. It is difficult to resolve one's mind on Bodhi. It is difficult to be without cultivation and without attainment."

### **Chapter 37—Chương 37:**

--Đức Phật dạy: "Đệ tử ta tuy xa ta nghìn dặm, mà luôn nghĩ đến và thực hành giới pháp của ta thì chắc chắn sẽ chứng được đạo quả. Ngược lại, kẻ ở gần bên ta, tuy thường gặp mà không thực hành theo giới pháp của ta, cuối cùng vẫn không chứng được đạo."

---The Buddha said: "My disciples may be several thousands miles away from me but if they remember and practice my precepts, they will certainly obtain the fruits of the Way. On the contrary, those who are by my side but do not follow my precepts, they may see me constantly but in the end they will not obtain the Way."

### **Chapter 38—Chương 38:**

--Đức Phật hỏi một vị Sa Môn: "Sinh mạng của con người tồn tại bao lâu?" Vị Sa Môn đáp: "Bạch Thế tôn, trong vài ngày." Phật nói: "Ông chưa hiểu Đạo." Đức Phật hỏi một Sa môn khác: "Sinh mạng con người tồn tại bao lâu?" Vị kia đáp: "Bạch Thế Tôn, khoảng một bữa ăn." Phật nói: "Ông chưa hiểu Đạo." Đức Phật lại hỏi một vị khác: "Sinh mạng con người tồn tại bao lâu?" Vị kia đáp: "Bạch Thế Tôn, khoảng một hơi thở." Phật khen: "Hay lắm! Ông là người hiểu Đạo."

---The Buddha asked a Sramana: "How long is the human lifespan?" He replied: "A few days." The Buddha said: "You have not yet understood the Way." The Buddha asked another Sramana: "How long is the human lifespan?" The other replied: "The space of a meal." The Buddha said: "You still have not

yet understood the Way." The Buddha then asked another Sramana: "How long is the human lifespan?" The last one replied: "The length of a single breath." The Buddha said: "Excellent! You understand the Way."

### **Chapter 39—Chương 39:**

--Đức Phật dạy: "Người tu học theo con đường của Phật thì phải tin tưởng và thực hành những lời Phật dạy. Thí dụ ăn mật, ở giữa hay chung quanh bát đều ngọt. Giáo pháp của ta cũng vậy, đều chỉ có một vị giải thoát."

---The Buddha said: "One who studies the Buddha's Way should believe in and be in accord with all that the Buddha says. When you eat honey, it is sweet on the surface and sweet in the center. It is the same with my sutras; there is only one taste: the taste of emancipation."

### **Chapter 40—Chương 40:**

--Đức Phật dạy: "Sa Môn hành đạo, đừng như con trâu kéo vất vả; thân tuy có tu tập mà tâm không tu tập. Nếu tâm thật sự tu tập thì không cần hình thức bên ngoài của thân."

---The Buddha said: "A Sramana who practices the Way should not be like an ox turning a millstone because an ox is like one who practices the way with his body but his mind is not on the Way. If the mind is concentrated on the Way, one does not need the outer practices of the body."

### **Chapter 41—Chương 41:**

--Đức Phật dạy: "Người hành đạo giống như con trâu chở nặng đi trong bùn sâu, mệt lắm mà không dám nhìn hai bên, đến khi ra khỏi bùn lầy rồi mới có thể nghỉ ngơi. Người Sa Môn phải luôn quán chiếu tình dục còn hơn bùn lầy, một lòng nhớ Đạo mới có thể khỏi bị khổ vậy."

---The Buddha said: “One who practices the way is like an ox that carries a heavy load through deep mud, the work is so difficult that he dares not glance to the left or right. Only when he gets out of the mud he is able to rest. Likewise, the Sramana should look upon emotion and desire as deep mud and with an undeviating mind, he should recollect the Way, then he can avoid suffering.”

### **Chapter 42—Chương 42:**

---Đức Phật dạy: “Ta xem địa vị vương hầu như bụi qua kẽ hở, xem vàng ngọc quý giá như ngói gạch, xem y phục tơ lụa như giẻ rách, xem đại thiên thế giới như một hạt cải, xem cửa phương tiện như các vật quý giá hóa hiện, xem pháp vô thượng thừa như mộng thấy vàng bạc lụa là, xem Phật đạo như hoa đốm trước mắt, xem thiền định như núi Tu Di, xem Niết Bàn như ngày đêm đều thức, xem phải trái như sáu con rồng múa, xem pháp bình đẳng như nhất chân địa, xem sự thịnh suy như cây cỏ bốn mùa.”

---The Buddha said: “I look upon royal and official positions as upon the dust that floats through a crack. I look upon the treasures of gold and jade as upon broken tiles. I look upon clothing of fine silk as upon coarse cotton. I look upon a great thousand world-system as upon a small nut. I look upon the door of expedient means as upon the transformations of a cluster of jewels. I look upon the unsurpassed vehicle as upon a dream of gold and riches. I look upon the Buddha-Way as upon flowers before my eyes. I look upon Zen Samadhi as upon the pillar of Mount Sumeru.

I look upon Nirvana as upon being awake day and night. I look upon deviancy and orthodoxy as upon the one true ground. I look upon the prosperity of the teaching as upon a tree during four seasons.”

### **Châm Ngôn Tục Ngữ—Precepts and Proverbs:**

Kiến tha lâu đầy tổ: Many a little makes a mickle.

Kỷ sở bất dục, vật thi ư nhân (những điều ta không muốn thì chớ làm cho người khác): Do to others as you would have them do to you.

Kìa ai lào lạo ngoài da, mà trong rỗng tuếch như hoa muống rừng: All that glitters is not gold.

Cơn bão càng mạnh bao nhiêu thì chóng qua bấy nhiêu: The stronger the storm, the sooner it's over.

Con người ta ai ai cũng phải chết: All men are mortal.

Dục tốc bất đạt: Nothing can be accomplished by rush.

Kiên nhẫn là một bông hoa mà không phải vườn nhà ai cũng có: Patience is a flower that grows not in everyone's garden.



# **Appendix E**

**Những Kinh Quan Trọng Trong Phật Giáo**

**Nguyên Thủy**

**Important Sutras in the Theravadan**

**Buddhism**





## Kinh Hạng Cùng Đỉnh—Vasala Sutra—Outcast

--Tôi nghe như vậy:

Vào một thuở nọ Đức Thế Tôn đang ngự tại vườn Kỳ Thọ Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ Viên, gần thành Xá Vệ. Sáng hôm ấy Đức Thế Tôn đắp y chuẩn bị đi vào thành Xá Vệ trì bình khất thực—Thus, I have heard: On one occasion the ‘Thus Come One’ was staying at the monastery of Anathapindika, in Jeta Grove, near Savatthi. One morning the ‘Thus Come One’ took his bowl and robe and was about to enter Savatthi for alms.

--Lúc bấy giờ trong nhà của Aggika Bharadvaja, một người theo đạo Bà-La-Môn, cũng chuẩn bị để dâng cúng vật thực. Đức Thế Tôn ôm bát đi từ nhà này sang nhà khác trong thành Xá Vệ, và đến gần nhà của vị Bà-La-Môn—At that time, in the house of the Brahmin Aggika Bharadvaja, a fire was burning and an offering was prepared. Then, the ‘Thus Come One’, going for alms from house to house in Savatthi, approached the house of the Brahmin Aggika Bharadvaja.

--Thấy Đức Phật từ xa đến, vị Bà La Môn nói: “Hãy đứng lại này ông thầy tu! Hãy dừng lại này ông đạo bần tiện đê hèn! Hãy đứng lại này người cùng đing khổ!”—Upon seeing the Thus Come One coming at a distance, the Brahmin said: “Stay there, O shaveling! Stay there, O wretched monk! Stay there, O miserable outcast!”

--Khi nghe như vậy thì Đức Thế Tôn ôn tồn nói: “Này ông Bà-La-Môn, ông có biết người cùng đing là thế nào, hay cái gì làm cho người ta cùng đing không?”—Upon hearing this, the ‘Thus Come One’ addressed the Brahmin as follows: “Do you know, O Brahmin, who an outcast is or the things that make an outcast?”

--Không, quả thật tôi không biết. Này ông Gotama, tôi không hiểu cùng đing là thế nào và những gì làm cho người ta là cùng đing.

Xin ông hoan hỷ giải thích—No, indeed, O Venerable Gotama. I do not know who an outcast is or the things that make an outcast. Would you explain the doctrine to me so that I may know who an outcast is and what things make an outcast!”

--Hãy nghe đây, này ông Bà-La-Môn! Như Lai nói đây, và hãy nhớ lấy năm lòng.

Hear then, O brahmin! Bear it well in mind; I shall speak—Ông Bà-La-Môn trả lời: “Tốt lắm, này Đức Gotama, tôi nghe đây.”

The Brahmin replied: “Very good, Venerable One.”

--Đức Thế Tôn mở lời tuyên ngôn như sau—The ‘Thus Come One’ spoke as follows:

- 1) Con người dễ nóng giận hay hiềm thù, có nhiều thói hư tật xấu, tánh ưa phỉ báng dèm pha, người có quan kiến sai lầm và bầm tánh giả dối ưa gạt gẫm lừa phỉnh, hãy biết rằng người ấy là cùng đing—The man who is irritable, rancorous, vicious, dettractive, perverted in views and deceitful, he is an outcast.
- 2) Người nào trên thế gian này làm tổn thương những chúng sanh “sanh một lần,” hay những chúng sanh “sanh hai lần,” người không có lòng bi mẫn đối với chúng sanh, hãy biết rằng người ấy là cùng đing—Whoever in this world harms living beings (once-born or twice-born), in whom there is no compassion for living beings, he is an outcast.
- 3) Người nào tiêu diệt, vây hãm thôn xóm và được gọi là người áp chế chinh phục, hãy biết rằng người ấy là cùng đing—Whoever destroys and besieges villages and hamlets and is known as an oppressor, he is an outcast.
- 4) Dầu trong xóm làng hay trong rừng hoang, người nào trộm cắp hoặc sang đoạt sở hữu của người khác, hãy biết rằng người ấy là cùng đing—Whether he is in the village or in the forest, whoever steals or appropriates (gains) by theft what

- belongs to others or what is not given, he is an outcast.
- 5) Người nào mang nợ, bỏ trốn, và khi được hỏi, lại nói ngược, “Nào tôi có thiếu nợ gì đâu?” Người ấy là cùng đing—Whoever, having really taken a debt, flees when pressed saying: “There is no debt to you,” he is an outcast.
  - 6) Người nào vì lòng tham giết bạn đồng hành để cướp giựt, hãy biết rằng người ấy là cùng đing—Whoever, desiring (wishing) some trifle, kills a man going along on the road, and pillages others, he is an outcast.
  - 7) Người nào được mời ra làm nhân chứng, nói lời giả dối vì lợi riêng của mình hay vì lợi ích của ai khác, hoặc để thu đoạt tài sản, hãy biết người ấy là cùng đing—Who, for his own sake or for the sake of others, or for the sake of wealth, utters lies when asked as a witness, he is an outcast.
  - 8) Người nào dùng áp lực hãm hiếp hay dụ dỗ vợ bạn hay họ hàng, hãy biết người ấy là cùng đing—Whoever by force or with consent is seen transgressing with the wives of relatives or friends, he is an outcast.
  - 9) Người nào giàu có mà không phụng dưỡng cha mẹ già đã quá tuổi xuân xanh, hãy biết người ấy là cùng đing—Whoever being rich but does not support his aged parents who have passed their youth, he is an outcast.
  - 10) Người nào đánh đập hay nói lời phiến nhiễu mẹ cha, anh chị, hay nhạc mẫu nhạc phụ, hãy biết rằng người ấy là cùng đing—Whoever strikes or by speech annoys parents, brothers, sisters or parents-in-law, he is an outcast.
  - 11) Người nào mà khi được hỏi về điều phải, lại khuyên dạy làm điều sai lầm, hoặc dạy mà còn dấu kín bí mật, hãy biết rằng người ấy là cùng đing—Whoever, when questioned about what is good, counsels people what is wrong (advise others wrongly) and teaches in concealing way, he is an outcast.
  - 12) Người nào đã làm điều ác mà muốn không ai biết, và dấu nhem giữ kín, hãy biết rằng người ấy là cùng đing—Whoever, having done an evil deed, wishes that it may not be known to others and conceals it with his actions, he is an outcast.
  - 13) Người nào khi đến nhà người được đãi đằng với những món ngon vật lạ, đến lượt mình, khi khách đến nhà lại không tiếp đón phải lễ, hãy biết rằng người ấy là cùng đing—Whoever, having gone to another’s house and partaken of choice food, does him in return when he comes, he is an outcast.
  - 14) Người nào giả dối lường gạt một vị Bà-La-Môn, một đạo sĩ ẩn dật, hay một du Tăng khát sĩ, hãy biết rằng người ấy là cùng đing—Whoever deceives by falsehood a Brahmana or ascetic or any other mendicant, he is an outcast.
  - 15) Người nào bằng lời nói, phiến nhiễu một vị Bà-La-Môn hay một đạo sĩ ẩn dật vào lúc thọ thực, và không dâng cúng dường vật thực, hãy biết rằng người ấy là cùng đing—Whoever by speech annoys a Brahmana or ascetic, when meal time has come and does not give alms, he is an outcast.
  - 16) Người nào trên thế gian này bị mịt mù che lấp trong vô minh, lại bày điều tiên đoán việc không có để cầu mong việc gì, hãy biết rằng người ấy là cùng đing—Whoever in this world, shrouded in ignorance, predicts what is not expected, he is an outcast.
  - 17) Người nào tự tăng bốc mình, khinh rẻ người khác, và trở nên đê hèn vì tánh tự phụ của mình, hãy biết người ấy là cùng đing—Whoever exalts himself and

- despises others and is debased by his pride, he is an outcast.
- 18) Người nào có tánh ưa khuấy nhiễu, tham lam quá độ, ham muốn đê hèn, ích kỷ, lưu manh, không biết hổ thẹn và ghê sợ tội lỗi, hãy biết rằng người ấy là cùng đinh—Whoever is annoying, avaricious, of base desires, selfish, deceitful, shameless and fearless in evil actions, he is an outcast.
- 19) Người nào nguyền rủa, mắng chửi Đức Phật hay một vị đệ tử của Phật, dầu là hàng xuất gia hay cư sĩ tại gia, hãy biết người ấy là cùng đinh—Whoever reviles the Buddha or one of his disciple, recluse or householder, he is an outcast.
- 20) Người nào không phải là một vị A-La-Hán mà mạo nhận tự xưng mình là A-La-Hán, là kẻ trộm của toàn thể vũ trụ, người ấy là hạng cùng đinh thấp hèn nhất—Whoever, without being an Arahant claims to be an Arahant, is a thief in the whole universe, he is the lowest outcast.
- 21) Không phải do sanh trưởng là cùng đinh, không phải do sanh trưởng là Bà-La-Môn. Do hành vi là cùng đinh, hay do hành vi là Bà-La-Môn—Not by birth is one an outcast, not by birth is one a Brahmana but by deeds one becomes an outcast, by deeds one becomes a Brahmana.
- 22) Hãy biết như vậy do câu chuyện này: Thuở ấy có Matanga, một con người cùng đinh, người nấu thịt chó—Know it as such by this illustration: there was the son of an outcast, known as Matanga, a dog-cooker.
- 23) Người con tên Matanga này thành đạt mức vinh quang tuyệt đỉnh rất khó thành đạt, và được nhiều người thuộc giai cấp Sát Đế Lợi và Bà-La-Môn hỗ trợ—This Matanga achieved the highest glory, which is difficult to obtain. Many warriors and Brahmins came to minister unto him.
- 24) Đi đến cảnh giới Phạm thiên bằng chiếc xe của Thiên đình. Trên con đường xa lộ không dục vọng, Matanga hiện thân lên cảnh Phạm Thiên, lánh xa mọi hình thức tham ái. Trạng thái sanh trưởng trong cảnh cùng đinh không gây trở ngại cho sự tái sanh vào cảnh Phạm Thiên—Mounting the celestial vehicle along the passionless highway, he soared the Brahma realm, having discarded sense-desires. Though birth did not prevent him from being reborn in the Brahma realm.
- 25) Có những vị Phạm Thiên tái sanh vào gia đình truyền giáo quen thuộc với kinh kệ Vệ Đà. Những vị này lắm khi cũng có những hành vi xấu xa tội lỗi—There are Brahmins born in the family of preceptors, kinsmen of Veda hymns. They too are frequently addicted to evil deeds.
- 26) Trong kiếp này các vị ấy bị khinh khi, kiếp sống tới họ sẽ lâm vào cảnh khổ. Sanh trưởng không giúp họ tránh khỏi phải tái sanh vào khổ cảnh hay gặt hái quả dữ—In this life, they are despised; in next life, they get a woeful state. Birth does not preclude them from a woeful state or from condemnation.
- 27) Do sanh trưởng người ta không trở thành cùng đinh, do sanh trưởng người ta không trở thành Bà La Môn. Trở thành cùng đinh do hành vi, trở thành Bà La Môn cũng do hành vi—By birth, one is not an outcast, by birth one is not a Brahmana. But by deeds one is an outcast, by deeds one is a Brahmana.
- Khi Đức Thế Tôn dạy như vậy, vị Bà La Môn Aggika Bharadvaja nói: Lành thay, Bạch Đức Gotama! Lành thay, bạch Đức Gotama! Cũng như người kia dựng lại ngay ngắn một vật đã bị lật đổ, hay khám phá ra một vật đã được dấu kín, hay vạch đường chỉ lối cho người lạc bước, hay cầm đèn soi sáng trong đêm tối để cho ai có mắt có thể trông thấy, giáo pháp mà Đức Gotama giảng dạy bằng nhiều phương

cách cũng dường thế ấy. Bạch Đức Thế Tôn, nay con xin quay về nương tựa nơi Đức Gotama, nơi Giáo Pháp và nơi Giáo Hội các vị đệ tử của Ngài. Kính xin Đức Gotama từ bi chấp nhận con vào hàng môn đệ ngay từ ngày này đến giờ phút cuối cùng của đời con.

When this was spoken, the Brahmin Vaggika Bharadvaja addressed the ‘Thus Come One’ as follows:

Excellent, O Venerable Gotama. Excellent! It is as if, O Venerable Gotama, a man were to set upright that which was overturned or were to reveal that which was hidden or were to point out the way to one who has gone astray or were to hold a lamp amidst the darkness, so that whoever has eyes may see, even so has the doctrine been expounded in various ways by the Venerable Gotama.

And I seek refuge in the Venerable Gotama, the Doctrine, and the Order of Disciples. May the Venerable Gotama receive me as a follower who has taken refuge from this very day to life’s end.

### **Kinh Hạnh Phúc—Mangala Sutta—Blessing**

Tôi nghe như vậy:  
Thus, I have heard:

---Một thuở nọ Đức Thế Tôn ngụ tại vườn Kỳ Thọ Cấp Cô Độc của Trưởng giả Cấp Cô Độc, gần thành Xá Vệ.

On one occasion the ‘Exalted One’ was dwelling at the monastery of Anathapindika, in Jeta Grove, near Savatthi.

---Lúc bấy giờ đêm đã về khuya, có một vị Trời hào quang chiếu sáng toàn khu Kỳ Viên, đến hầu Phật, lại gần nơi Phật ngự, dẫn lễ Đức Thế Tôn, rồi đứng sang một bên. Khi đã đứng yên, vị Trời cung kính bạch với Đức Thế Tôn bằng lời kệ:

Now when the night was far spent, a certain deity, whose surpassing splendour illuminated the entire Jeta Grove, came to the presence of the ‘Exalted One’ and drawing near, respectfully saluted him and stood at one side. Standing, he addressed the ‘Exalted One’ in verse:

- 1) Chư Thiên và nhân loại đều cầu mong được an lành và ai cũng suy tìm hạnh phúc. Kính bạch Đức Thế Tôn, xin Ngài hoan hỷ chỉ dạy chúng con về Phúc Lành Cao Thượng Nhất—Many deities and men, yearning after good, have pondered on blessings. Pray and tell me the highest blessings.
- 2) Không kết giao với người ác, thân cận với bậc hiền trí, và tôn kính bậc đáng kính, là phúc lành cao thượng nhất—Not to associate with fools, to associate with the wise and to honour those who are worthy of honour, this is the highest blessing.
- 3) Cư ngụ nơi thích nghi, đã có tạo công đức trong quá khứ, và hướng tâm về chánh đạo, là hạnh phúc cao thượng—To reside in a suitable locality, to have done meritorious actions in the past and to set oneself in the right course, this is the highest blessing.
- 4) Học nhiều hiểu rộng, lão luyện tinh thông thủ công nghiệp, giới hạnh thuần thực trang nghiêm, có lời nói thanh nhã, là hạnh phúc cao thượng—Vast learning, perfect handicraft, a highly trained discipline and pleasant speech, this the highest blessing.
- 5) Hiếu thảo phụng dưỡng cha mẹ, thương yêu tiếp độ vợ con, và hành nghề an lạc, là hạnh phúc cao thượng—The support of father and mother, the cherishing of a wife and children and peaceful occupations, this is the highest blessing.
- 6) Rộng lượng bố thí, tâm tánh chánh trực, giúp đỡ họ hàng, và tạo nghiệp chân chánh, là hạnh phúc cao thượng—

Liberality (freedom), righteous conduct, the helping of relatives and blameless actions, this is the highest blessing.

- 7) Loại trừ và ngăn ngừa nghiệp ác, thận trọng kiên cử các chất say, vững vàng giữ gìn phẩm hạnh, là hạnh phúc cao thượng—To cease and abstain from evil, forbearance with respect to intoxicants and steadfastness in virtue, this is the highest blessing.
- 8) Đức hạnh biết tôn kính, khiêm tốn, biết đủ, biết nhớ ơn và đúng lúc, lắng nghe giáo pháp, là hạnh phúc cao thượng—Reverence, humility, contentment, gratitude and opportune hearing of the Dharma, this is the highest blessing.
- 9) Nhẫn nhục, biết vâng lời, thường gặp gỡ bậc sa Môn, và tùy thời luận đàm giáo pháp, là hạnh phúc cao thượng—Patience, obedience, sight of Samanas and religious discussions at due season, this is the highest blessing.
- 10) Tự kiểm soát, sống đời thánh thiện, quán tri Tứ Đế, liễu ngộ Niết Bàn, là hạnh phúc cao thượng—Self-control, holy life, perception of the Noble truths and the realization of Nivarna, this is the highest blessing.
- 11) Người mà tâm không giao động khi tiếp xúc với thế gian pháp, không sầu muộn, vô nhiễm và an toàn, là hạnh phúc cao thượng—He whose mind does not flutter by contact with worldly contingencies, sorrowless (without sorrow), stainless (without stain), and secure, this is the highest blessing.
- 12) Đối với những ai đã viên mãn hoàn thành các pháp trên, ở mọi nơi đều không thể bị thất bại, đi khắp nơi đều được hạnh phúc, là hạnh phúc cao thượng—To them, fulfilling matters such as these, everywhere invincible and in every way moving happily, these are the highest blessings.

## Kinh Suy Đồi: Parabhava Sutta— Downfall

Tôi nghe như vậy:

Thus, I have heard:

---Một thuở Đức Thế Tôn ngự tại vườn Kỳ Thọ Cấp Cô Độc, gần thành Xá Vệ—On one occasion the ‘Exalted One’ was dwelling at the monastery of Anathapindika, in Jeta Grove, near Savatthi.

---Lúc bấy giờ đêm về khuya có một vị Trời hào quang chiếu sáng khắp cả khu Kỳ Viên, đến hầu Phật, lại gần nơi Phật ngự, đánh lễ Đức Thế Tôn, rồi đứng sang một bên. Khi đứng yên, vị Trời cung kính bạch với Đức Thế Tôn bằng lời kệ—Now when the night was far spent a certain deity, whose surpassing splendour illuminated the whole Jeta Grove, came to the presence of the ‘Exalted One’ and, drawing near, respectfully saluted him and stood at one side. Standing, he addressed the ‘Exalted One’ in verse:

- 1) Con xin đến hầu Đức Thế Tôn và bạch hỏi Ngài về con người suy đồi. Kính xin Đức Thế Tôn mở lượng từ bi, hoan hỷ chỉ dạy chúng con vì nguyên nhân nào người ta suy đồi—Having come to interrogate the ‘Exalted One,’ we ask Your Honor about the falling man. Pray and tell us the cause of one’s downfall.
- 2) Tình trạng tiến bộ dễ hiểu biết, tình trạng suy đồi dễ hiểu biết. Người biết thương giáo pháp là tiến bộ, kẻ ghét bỏ giáo pháp là suy đồi—Easily known is the progressive one, easily known is the declining one. A lover of the Dharma is the progressive one. A hater of the Dharma is the declining one.
- 3) Điều này như vậy, chúng con được học, là nguyên nhân đầu tiên làm cho con người suy đồi. Kính bạch Đức Thế Tôn, xin Ngài chỉ dạy nguyên nhân thứ nhì đưa

- con người đến tình trạng suy đồi—This we learn is the first cause of one's downfall. Pray, O 'Exalted One,' tell us the second cause of one's downfall.
- 4) Thân thiện với kẻ hư hèn, không thấy gì tốt nơi người đạo đức, người thật lòng vui thú với thói hư tật xấu, đó là nguyên nhân làm cho con người suy đồi—The vicious are dear to him though in the virtuous, he finds nothing pleasing and favours the creeds of the vicious: this is the cause of one's downfall.
- 5) Điều này như vậy chúng con được học, là nguyên nhân thứ nhì làm cho con người suy đồi. Kính bạch Đức Thế Tôn, xin Ngài chỉ dạy nguyên nhân thứ ba làm cho con người đến tình trạng suy đồi—This we learn is the second cause of one's downfall. Pray and O 'Exalted One,' tell us the third cause of one's downfall.
- 6) Người dễ dãi dã dượi, ham vui ở chỗ đông người, không chuyên cần, biếng nhác và nóng nảy, đó là nguyên nhân làm cho con người suy đồi—The man who is drowsy, fond of society, not industrious, indolent, and who expresses anger: this is the cause of one's downfall.
- 7) Điều này như vậy, chúng con được học, là nguyên nhân thứ ba làm cho con người suy đồi. Kính bạch Đức Thế Tôn, xin Ngài chỉ dạy nguyên nhân thứ tư đưa con người đến tình trạng suy đồi—This we learn as the third cause of one's downfall. Pray, O 'Exalted One,' tell us the fourth cause of one's downfall.
- 8) Người giàu có mà không cấp dưỡng cha mẹ già đã quá tuổi xuân xanh, đó là nguyên nhân làm cho con người suy đồi—Whoever, though being rich, does not support his aged parents who have passed their youth: this is the cause of one's downfall.
- 9) Điều này như vậy, chúng con được học, là nguyên nhân thứ tư làm cho con người suy đồi. Kính bạch Đức Thế Tôn, xin Ngài chỉ dạy nguyên nhân thứ năm đưa con người đến tình trạng suy đồi—This we learn is the fourth cause of one's downfall. Pray, O Exalted One, tell us the fifth cause of one's downfall.
- 10) Người giả dối, gạt gẫm một vị Bà La môn, một vị đạo sĩ ẩn dật du phương khát sĩ, đó là nguyên nhân làm cho con người suy đồi—He who, by falsehood, deceives a Brahmana or an ascetic or any other mendicant: this is the cause of one's downfall.
- 11) Điều này như vậy, chúng con được học, là nguyên nhân thứ năm làm cho người suy đồi. Kính bạch Đức Thế Tôn, xin Ngài chỉ dạy nguyên nhân thứ sáu đưa con người đến tình trạng suy đồi—This we learn is the fifth cause of one's own downfall. Pray, O 'Exalted One,' tell us the sixth cause of one's downfall.
- 12) Người có tiền của dồi dào, nhiều vàng bạc, lăm thực vật, nhưng chỉ thọ hưởng riêng mình, đó là nguyên nhân làm cho con người suy đồi—The man who owns much property, who has gold and food but enjoys alone his delicacies: this is the cause of one's downfall.
- 13) Điều này như vậy, chúng con được học, là nguyên nhân thứ sáu làm cho con người suy đồi. Kính bạch Đức Thế Tôn, xin Ngài chỉ dạy nguyên nhân thứ bảy làm cho con người suy đồi—This then we learn is the sixth cause of one's downfall. Pray, O 'Exalted One,' and tell us the seventh cause of one's downfall.
- 14) Người kiêu căng, tự phụ với dòng dõi, với tài sản sự nghiệp hoặc giai cấp mình và khinh khi những người khác, đó là nguyên nhân làm cho con người suy đồi—The man who prides in birth or wealth or clan and despises his own kinsmen: this is the cause of one's downfall.

- 15) Điều như vậy, chúng con được học, là nguyên nhân thứ bảy làm cho con người suy đồi. Kính bạch Đức Thế Tôn, xin Ngài chỉ dạy nguyên nhân thứ tám đưa con người đến tình trạng suy đồi—This we learn is the seventh cause of one's downfall. Pray, O 'Exalted One,' tell us the eighth cause of one's downfall.
- 16) Người trụy lạc, say sưa rượu chè, cờ bạc, và phung phí tài sản, đó là nguyên nhân làm cho con người suy đồi—The man who is a debauchee, a drunkard, a gambler and who squanders whatever he possesses: this is the cause of one's downfall.
- 17) Điều này như vậy, chúng con được học, là nguyên nhân thứ tám làm cho con người suy đồi. Kính bạch Đức Thế Tôn, xin Ngài chỉ dạy nguyên nhân thứ chín đưa con người đến tình trạng suy đồi—This we learn is the eighth cause of one's downfall. Pray, O 'Exalted One,' tell us the ninth cause of one's downfall.
- 18) Không biết an phận với chính vợ nhà, ăn ở với gái giang hồ và vợ người khác, đó là nguyên nhân làm cho con người suy đồi—Not contented with one's own wives, if one is seen amongst courtesans and the wives of others: this is the cause of one's downfall.
- 19) Điều này như vậy, chúng con được học, là nguyên nhân thứ chín làm cho con người suy đồi. Kính bạch Đức Thế Tôn, xin Ngài chỉ dạy nguyên nhân thứ mười đưa con người đến tình trạng suy đồi—This we learn is the ninth cause of one's downfall. Pray, O 'Exalted One,' tell us the tenth cause of one's downfall.
- 20) Người đã quá tuổi xuân xanh, cưới về bà vợ quá trẻ và ăn ở sống chung không phải vì tình thương chăm sóc, đó là nguyên nhân làm cho con người suy đồi—The man who, past his youth, brings a very young wife and sleeps not for jealousy of her: this is the cause of one's downfall.
- 21) Điều này như vậy, chúng con được học, là nguyên nhân thứ mười làm cho con người suy đồi. Kính bạch Đức Thế Tôn, xin Ngài chỉ dạy nguyên nhân thứ mười một đưa con người đến tình trạng suy đồi—This we learn is the tenth cause of one's downfall. Pray, O Exalted One, tell us the eleventh cause of one's downfall.
- 22) Người tự đặt mình dưới quyền một người đàn bà hay một người đàn ông phung phí vô độ lượng, đó là nguyên nhân làm cho con người suy đồi—He who places in authority an intemperate spend-thrift woman, or a man of similar nature: this is the cause of one's downfall.
- 23) Điều này như vậy, chúng con được học, là nguyên nhân thứ mười một làm cho con người suy đồi. Kính bạch Đức Thế Tôn, xin Ngài chỉ dạy nguyên nhân thứ mười hai đưa con người đến tình trạng suy đồi—Then this we learn is the eleventh cause of one's downfall. Pray, O Exalted One, tell us the twelfth cause of one's downfall.
- 24) Người có ít phương tiện mà nhiều tham vọng, dòng dõi chiến sĩ mà khao khát cầm quyền tối thượng, đó là nguyên nhân làm cho con người suy đồi—He, who of slender means but vast ambition or of warrior birth, aspires to sovereignty: this is the cause of one's downfall.
- 25) Thấu rõ những nguyên nhân đưa đến tình trạng suy đồi trên thế gian, bậc Hiền Trí Cao Thượng sống với trí tuệ trong cảnh giới nhàn lạc—Knowing well these causes of downfall in the world, the Noble Sage, endowed with insight, shares a happy realm.



## Kinh Tam Bảo—Ratana Sutta— Jewels

- 1) Bất luận ai hội tụ nơi đây, hoặc chúng sanh trên địa cầu hoặc chúng sanh ở cảnh trời, ngưỡng mong tất cả đều an lành hạnh phúc! Tất cả hãy chú tâm lắng nghe những lời này!—Whatever beings are assembled, whether terrestrial or celestial, may every being be happy! Moreover, may they be attentively listen to my words!
- 2) Tất cả hãy chú tâm suy niệm; hãy biểu lộ lòng từ ái đối với chúng sanh trong cảnh người, ngày đêm hằng dâng cúng. Hãy tận tình hộ trì những người ấy—Accordingly, give good heed to all beings; show your love to the humans who day and night bring offerings to you. Wherefore guard them zealously.
- 3) Dầu kho tàng quý giá nào trên đời hay trong một cảnh giới khác, dầu châu báu trong những cảnh trời, không gì sánh bằng Đức Thế Tôn. Đúng vậy, Đức Phật là châu báu thù diệu. Do sự thật này, ngưỡng mong được an lành hạnh phúc!—Whatsoever treasure there be either here or in the world beyond or whatever precious jewel in the heavens yet there is non comparable with the ‘Accomplished One.’

Truly, in the Buddha, is this precious jewel.

By this truth may there be happiness!

- 4) Bậc Thiện trí dòng Thích Ca đã viên mãn. Chấm dứt phiền não, ly dục và thành đạt trạng thái vô sanh bất tử vô thượng. Không gì sánh bằng giáo pháp. Đúng vậy, giáo pháp là châu báu thù diệu. Do sự thật này, ngưỡng mong được an lành hạnh phúc!—The tranquil Sage of the Sakya realized that cessation, passion-free (free of passion), immortality supreme, there is no comparable with that of the Dharma.

Truly, in the Dharma, is this precious jewel. By this truth may there be happiness!

- 5) Cá bậc Thánh nhân mà Đức Thế Tôn tán dương, được mô tả là tâm an trụ không gián đoạn. Không có gì như tâm an trụ ấy. Đúng vậy, giáo pháp là châu báu thù diệu. Do sự thật này, ngưỡng mong được an lành hạnh phúc!—That sanctity praised by the Buddha Supreme, is described as “concentration without interruption.” There is nothing like that concentration. Truly, in the Dharma, is this precious jewel. By this truth may there be happiness!
- 6) Tám vị Thánh ấy hợp thành bốn đôi, được bậc thiện trí thức tán dương; các Ngài là những bậc đáng được cúng dường, là đệ tử của Đấng Thiện Thệ. Vật dâng cúng đến các Ngài sẽ đem lại quả phúc dồi dào. Đúng vậy, Tăng già là châu báu thù diệu. Do sự thật này, ngưỡng mong được an lành hạnh phúc—Those eight individuals, praised by the virtuous, constitute four pairs. They, worthy of offerings, the disciples of the ‘Welcome One,’ to these gifts given yield abundant fruit.

Truly, in the Sangha, is this precious jewel. By this truth may there be happiness!

- 7) Với ý chí kiên trì vững chắc, sống trọn vẹn trong giáo huấn của Đức Gotama, không ái dục, các Ngài đã thành đạt những gì cần thành đạt và thể nhập quả vị Bất Tử, các Ngài an nhàn thọ hưởng cảnh thanh bình an lạc. Đúng vậy, Tăng già là châu báu thù diệu. Do sự thật này, ngưỡng mong được an lành hạnh phúc!—With steadfast mind, applying themselves thoroughly in the dispensation (delivery) of the Gotama, exempt from passion, they have attained to that which should be attained and plunging into the deathless, they enjoy the peace obtained without price. Truly, in the Sangha is this precious

- jewel. By this truth may there be happiness!
- 8) Như cột trụ chôn sâu trong lòng đất không thể bị gió bốn phương lay chuyển, cùng thế ấy Như Lai tuyên ngôn, con người chánh trực đã chứng ngộ Tứ Diệu Đế lại cũng như vậy. Đúng vậy, Tăng già là châu báu thù diệu. Do sự thật này, ngưỡng mong được an lành hạnh phúc!—Just as a firm post sunk in the earth cannot be shaken by the four winds, so do I declare him to be a righteous person, who thoroughly perceives the Noble Truths. Truly, in the Sangha, is this precious jewel! By this truth may there be happiness!
- 9) Những bậc đã thấu đạt rõ ràng các Thánh Đế mà bậc trí tuệ thậm thâm đã giáo truyền, dầu dễ duôi phóng dật, vẫn không tái sanh đến lần thứ tám. Đúng vậy, Tăng già là châu báu thù diệu. Do sự thật này, ngưỡng mong được an lành hạnh phúc!—Those who comprehend clearly the Noble Truths, well taught by him of deep wisdom (do not, however, exceeding heedless they may be, undergo an eight birth). Truly, in the Sangha, is this precious jewel. By this truth may there be happiness!
- 10) Người chứng ngộ minh sát, ba điều kiện nếu còn, sẽ được loại trừ, đó là thân kiến, hoài nghi và giới cấm thủ. Không bao giờ sa đọa vào bốn cảnh khổ và không còn có thể vì phạm sáu trọng nghiệp bất thiện. Đúng vậy, Tăng già là châu báu thù diệu. Do sự thật này, ngưỡng mong được an lành hạnh phúc!—For him with the development of insight three conditions come to none namely, illusion, doubt, and indulgence in wrong rites and ceremonies, should there be any. From the four states of misery, he is now absolutely freed and is incapable of committing the six heinous crimes.
- 11) Bất luận hành động nào mình đã làm bằng thân, khẩu hay ý, bậc Thánh nhân không thể giấu; bởi vì người đã thấy con đường không thể còn phạm lỗi. Đúng vậy, Tăng già là châu báu thù diệu. Do sự thật này, ngưỡng mong được an lành hạnh phúc!—Whatever evil deeds he does (whether by deeds, word or thought), he is incapable of hiding it: for it had been said that such an act is impossible for one who has seen the Path.
- 12) Cũng dường như cây trong rừng đua nhau đâm chồi nảy lộc khi mùa hè bắt đầu ấm nóng. Giáo pháp tối thượng dẫn đến Niết Bàn đã được giáo truyền vì lợi ích tối thượng cũng thế ấy. Đúng vậy, Đức Phật là châu báu thù diệu. Do sự thật này, ngưỡng mong được an lành hạnh phúc!—Like unto the woodland groves with blossomed tree-tops in the first heat of the summer season, had the sublime doctrine that leads to Nirvana been taught for the highest good. Truly, in the Buddha, is this precious jewel. By this truth may there be happiness!
- 13) Đức Thế Tôn Vô Thượng, bậc Toàn Giác, bậc Thánh Nhân đã ban bố, bậc đã đem đến và giáo truyền Pháp cao siêu tối thượng. Đúng vậy, Đức Phật là châu báu thù diệu. Do sự thật này, ngưỡng mong được an lành hạnh phúc!—The Unrivalled (Unparalleled) Excellent One, the Knower, the giver, and bringer of the Excellent has expounded the excellent Doctrine. Truly, in the Buddha, is this precious jewel. By this truth may there be happiness!
- 14) Quá khứ đã chấm dứt, vị lai thì chưa đến, tâm không dính mắc trong một kiếp tái sanh vị lai, tham ái không sanh khởi, các bậc trí tuệ ấy siêu thoát như ngọn đèn kia chột tắt. Đúng vậy, Tăng già là châu báu thù diệu. Do sự thật này, ngưỡng mong được an lành hạnh phúc!—The past is

extinct, future has not yet come, their minds are not attached to a future birth, their desires do not grow, those wise ones go out even as this lamp. Truly, in the Sangha, is this precious jewel. By this truth may there be happiness!

- 15) Chúng ta tụ hội nơi đây, dầu là chúng sanh ở địa cầu hay thiên giới, hãy đánh lễ Đức Thế Tôn, bậc được chư Thiên và nhân loại kính mộ tôn vinh. Ngưỡng mong được an lành hạnh phúc—We, beings here assembled, whether terrestrial or celestial, salute the accomplished Buddha, honoured by gods and humans. May there be happiness!
- 16) Chúng ta tụ hội nơi đây, dầu là chúng sanh địa cầu hay thiên giới, hãy đánh lễ Đức Thế Tôn, bậc được chư thiên và nhân loại kính mộ tôn vinh. Ngưỡng mong được an lành hạnh phúc—We, beings here assembled whether terrestrial or celestial, salute the accomplished Buddha, honoured by gods and humans. May there be happiness!
- 17) Chúng ta tụ hội nơi đây, dầu là chúng sanh địa cầu hay thiên giới, hãy đánh lễ Đức Thế Tôn, bậc được chư thiên và nhân loại kính mộ tôn vinh. Ngưỡng mong được an lành hạnh phúc—We, beings here assembled whether terrestrial or celestial, salute the accomplished Buddha, honoured by gods and humans. May there be happiness!

### **Kinh Từ Bi—Metta Sutta—Loving-kindness**

- 1) Người khôn khéo mưu tìm lợi ích cho mình và có ước nguyện thành đạt trạng thái vắng lặng nên có hành động như thế này: Người ấy phải có khả năng, hải chánh trực, hoàn toàn chánh trực,

phải biết lắng nghe, và phải khiêm tốn—He who skilled in his good and who wishes to attain that state of calm should act as follows: he should be efficient, upright, perfectly upright, obedient and humble.

- 2) Tri túc cho người thiện tín dễ dàng hộ trì, ít bị ràng buộc, không nhiều nhu cầu, thu thúc lục căn, kín đáo, tế nhị, không luyến ái gia đình—Contented, easily supportable (fulfilled), with duties, of Right Livelihood, controlled in senses, discreet, not impudent, not be greedily attached to families.
- 3) Người ấy không nên vi phạm lỗi lầm nhỏ bé nào mà bậc thiện trí có thể khiển trách. Ước mong tất cả chúng được an vui và châu toàn! Ước mong tất cả đều có tâm hoàn toàn trong sạch—He should not commit any slight wrong such that other wise men might censure him. May all beings be happy and secure! May their heart be wholesome!
- 4) Bất luận chúng sanh ấy như thế nào: yếu đuối hay khỏe mạnh, cao lớn mập mạp hay tầm vóc bình thường, lùn thấp bé nhỏ, hữu tình hay vô tình, những chúng sanh ở gần hay những chúng sanh ở xa, những chúng sanh đã ra đời hoặc những chúng sanh chưa ra đời. Ước mong tất cả chúng sanh, không loại trừ bất luận ai, đều có tâm an lành hạnh phúc—Whatsoever living beings there be: feeble or strong, long, stout or medium, short, small or large, seen or unseen, those dwelling far or near, those who are born and those who are to be born—may all beings, without exception, be happy minded!
- 5) Không ai làm cho ai thất vọng, không ai khinh bỉ ai, dầu người thế nào hoặc ở nơi đâu. Trong cơn giận dữ hay lúc oán hờn, không nên mong điều bất hạnh đến với người khác—Let none deceive another

nor despise any person whatsoever in any place. In anger or ill-will, let him not wish any harm to another.

- 6) Cũng như từ mẫu hết lòng bảo vệ đứa con duy nhất, dầu nguy hiểm đến tánh mạng, cùng thế ấy người kia trau dồi tâm Từ vô lượng vô biên, rải khắp mọi chúng sanh—Just as a mother would protect her only child at the risk of her own life, even so let him cultivate a boundless heart towards all beings.
- 7) Hãy để những tư tưởng từ ái vô biên bao trùm toàn thể thế gian, bên trên, phía dưới, bốn phương tám hướng, không để cho điều gì làm trở ngại, không mảy may nóng giận, không chút hiềm thù—Let his thoughts of boundless love pervade the whole world—above, below and across, without any obstruction, without any hatred, without any enemy.
- 8) Dầu người ấy đi, đứng, nằm, ngồi, giây phút nào còn thức, đều nên phát triển tâm niệm. Đó là hạnh phúc cao thượng nhất—Whether he walks, stands, lies down or sits, as long as he is awake, he should develop this mindfulness. This, they say, is the highest conduct here.
- 9) Không để rơi vào những lầm lạc, đức hạnh trong sạch và viên mãn giác ngộ, người ấy lánh xa mọi hình thức ái dục. Đúng thật vậy, người ấy không còn trở lại vào bào thai—Not falling into error, virtuous and endowed with insight, he discards attachment to sense-desires. Of a truth, he does not come again for conception in a womb.

**Châm Ngôn Tục Ngữ—Precepts and Proverbs:**

Người ta chỉ thấy sức khỏe là quý khi bệnh tật đến với mình: Health is not valued till sickness comes.

Giàu chiều hôm, khó sớm mai: Rich today and poor tomorrow.

Gieo gì gặt nấy: To reap as one has sown.



Ai lo phận nấy: Everyman for himself.

Hứa ít làm nhiều: Promise little but do much.

Hữu chí cánh thành: Where there is a will, there is a way.

Nói là bạc, im lặng là vàng: Speak is silver but silence is gold.

Khẩu Phật tâm xà: A honey tongue, a heart of gall.



# **Appendix F**

**Kinh Pháp Bảo Đàn**  
**The Jewel Platform Sutra**



# KINH PHÁP BẢO ĐÀN

## Phẩm Thứ Nhất—Hành Do

### The First Chapter—Action & Intention

- Khi ấy Đại Sư đến chùa Bảo Lâm tại Thiều Châu. Thứ sử Vi Cừ cùng với quan liêu vào trong núi thỉnh Sư đến trong thành, ở chùa Đại Phạm, tại giảng đường vì chúng khai duyên nói pháp. Sư dâng tòa, thứ sử cùng quan liêu hơn 30 người, nho tông học sĩ hơn 30 người, Tăng Ni đạo tục hơn một ngàn người, đồng làm lễ nguyện được nghe pháp yếu. Lục Tổ bảo chúng rằng: “Nầy thiện tri thức, Bồ Đề tự tánh xưa nay là thanh tịnh, chỉ dùng tâm nầy thẳng đó trọn được thành Phật. Nầy thiện tri thức, hãy lắng nghe Huệ Năng nói về hành do được pháp. Nghiêm phụ của Huệ Năng bốn quán ở Phạm Dương, bị giáng đầy ra Lãnh Nam, làm thường dân ở Tân Châu. Thân nầy bất hạnh, cha lại mất sớm, mẹ góa con cô dời đến Nam Hải, gian nan nghèo khổ, thường ra chợ bán củi. Khi ấy có một người khách mua củi, bảo gánh củi đến nhà khách, khách nhận củi xong, Huệ Năng lãnh tiền, lui ra khỏi cửa, thấy một người khách tụng kinh, Huệ Năng một phen nghe lời kinh, tâm liền khai ngộ, bèn hỏi khách tụng kinh gì? Khách bảo: “Kinh Kim Cang.” Huệ Năng lại hỏi: “Ở từ đâu đến thọ trì kinh nầy?” Khách bảo: “Tôi từ chùa Đông Thiên, huyện Huỳnh Mai đến. Chùa ấy do Ngũ Tổ Hoằng Nhẫn Đại Sư làm chủ giáo hóa, đệ tử có hơn một ngàn người.” Tôi đến đó lễ bái để thọ trì kinh nầy. Đại Sư Hoằng Nhẫn thường khuyên: “Kẻ Tăng người tục chỉ trì kinh Kim Cang liền được thấy tánh, thẳng đó thành Phật.” Huệ Năng nghe nói, do đời trước có duyên, mới được một người khách cho Huệ Năng một số bạc 10 lượng để giúp nuôi dưỡng

mẹ già và bảo đến Huỳnh Mai tham vấn Ngũ Tổ—At one time the Great Master arrived at Pao-Lin. Magistrate Wei Ch'u of Shao Chou and other local officials climbed the mountain and invited the Master to come into the city to the lecture hall of the Ta Fan Temple to speak the Dharma to the assembly. When the Master had taken his seat, the Magistrate and over thirty other officials including more than thirty Confucian scholars, and more than one thousand Bhikshus, Bhikshunis, Taoists, and laypeople, all made obeisance, at the same time, wishing to hear the essentials (essence) of Dharma. The Great Master said to the assembly, “Good Knowing Advisors, the self-nature of Bodhi is originally clear and pure. Simply use that mind, and you will directly accomplish Buddhahood. Good Knowing Advisors, listen while I tell you about the actions and intentions by which Hui-Neng obtained the Dharma. Hui-Neng's stern father was originally from Fan Yang. He was banished to Hsin Chou in Ling Nan, where he became a commoner. Unfortunately, his father soon died, and his aging mother was left alone. They moved to Nan Hai and, poor and in bitter straits, Hui Neng sold wood in the market place. Once a customer bought firewood and ordered it delivered to his shop. When the delivery was made, and Hui Neng received the money, he went outside the gate and he noticed a customer reciting a Sutra. Upon once hearing the words of this Sutra: “One should produce that thought which is nowhere supported,” Hui Neng's mind immediately opened to enlightenment. Thereupon he asked the customer what Sutra he was reciting. The customer replied, “The Diamond Sutra.” Then again he asked, “Where do you come



from and why do you recite this Sutra?" The customer said, "I come from Tung Ch'an Monastery in Ch'i Chou, Huang Mei Province. There, the fifth Patriarch, the Great Master Hung Jen, dwells and teaches over one thousand disciples. I went there to make obeisance and I heard and received this Sutra." The Great Master constantly exhorts the Sangha and laypeople only to uphold the Diamond Sutra. Then, they may see their own nature and directly achieve Buddhahood. Hui Neng heard this and desired to go to seek the Dharma but he recalled that his mother had no support. Karmic conditions originating from past lives led another man to give Hui Neng a pound of silver, so that he could provide clothing and food for his aging mother. The man further instructed him to go to Huang Mei to call upon and bow to the Fifth Patriarch.

- Huệ Năng an trí mẹ xong liền từ giả ra đi, không hơn 30 ngày liền đến Huỳnh Mai lễ bái Ngũ Tổ. Tổ hỏi rằng: "Người từ phương nào đến, muốn cầu vật gì?" Huệ Năng đáp rằng: "Đệ tử là dân Tân Châu thuộc Lĩnh Nam, từ xa đến lễ thầy, chỉ cầu làm Phật, chớ không cầu gì khác!" Tổ bảo rằng: "Ông là người Lĩnh Nam, lại là người quê mùa, làm sao kham làm Phật?" Huệ Năng liền đáp: "Người tuy có Nam Bắc nhưng Phật tánh vốn không có Nam Bắc. Thân quê mùa này cùng với Hòa Thượng chẳng đồng, nhưng Phật tánh đâu có sai khác." Ngũ Tổ lại muốn cùng tôi nói chuyện, nhưng thấy đồ chúng chung quanh đông quá, mới bảo theo chúng làm công tác. Huệ Năng thưa: "Huệ Năng xin bạch Hòa Thượng, tự tâm đệ tử thường sanh trí huệ, không lia tự tánh tức phước điền, chưa biết Hòa Thượng dạy con làm việc gì?" Tổ bảo: "Kể nhà quê này, căn tánh rất lanh lợi, ông chớ có nói nữa, đi

xuống nhà tù đi." Huệ Năng lui lại nhà sau, có một người cư sĩ sai Huệ Năng bửa củi, giã gạo, trải hơn tám tháng. Một hôm, Tổ chợt thấy Huệ Năng, mới bảo: "Ta nghĩ chỗ thấy của người có thể dùng, nhưng sợ có người ác hại người, nên không cùng người nói chuyện, người có biết chăng?" Huệ Năng thưa: "Đệ tử cũng biết ý của Thầy nên không dám đến nhà trên, để người không biết."—After Hui Neng had made arrangements for his mother's welfare, he took his leave. In less than thirty days, he arrived at Huang Mei and made obeisance to the Fifth Patriarch, who asked him, "Where are you from and what do you seek?" Hui Neng replied, "Your disciple is a commoner from Hsin Chou in Ling Nan and comes from afar to bow to the Master, seeking only to be a Buddha, and nothing else." The Patriarch said, "You are from Ling Nan and therefore are a barbarian, so how can you become a Buddha?" Hui Neng said, "Although there are people from the north and people from the south, there is ultimately no north or south in the Buddha nature. The body of the barbarian and that of the High Master are not the same, but what distinction is there in the Buddha nature?" The Fifth Patriarch wished to continue the conversation, but seeing his disciples gathering on all sides, he ordered his visitor to follow the group off to work. Hui Neng said, "Hui Neng informs the High Master that this disciple's mind constantly produces wisdom and is not separate from the self nature. That, itself, is the field of blessing. It has not yet been decided what work the High Master will instruct me to do." The Fifth Patriarch said, "Barbarian, your faculties are too sharp. Do not speak further but go to the

- back courtyard.” Hui Neng withdrew to the back courtyard where a cultivator ordered him to split firewood and thresh rice. More than eight months had passed when the Patriarch one day suddenly saw Hui Neng and said, “I think these views of yours can be of use, but I feared that evil people could harm you. For that reason, I have not spoken with you. Did you understand the situation?” Hui Neng replied, “Your disciple knew the Master’s intention and stayed out of the front hall, so that others might not notice him.”
- Một hôm Ngũ Tổ bảo các đệ tử: “Tất cả hãy đến, ta nói với các ông người đời sanh tử là việc lớn, các ông trọn ngày chỉ cầu phước điền, chẳng cầu ra khỏi biển khổ sanh tử. Tự tánh nếu mê thì phước nào có thể cứu? Các ông mỗi người hãy đi, tự xem trí huệ của mình, nhận thấy tánh Bát Nhã nơi bản tâm mình, mỗi người làm một bài kệ rồi đến trình cho ta xem, nếu ngộ được đại ý thì ta trao y pháp làm Tổ thứ sáu. Phải nhanh đi, không được chậm trễ, suy nghĩ tức là không trúng. Người kiến tánh ngay lời nói phải thấy, nếu như người này dù khi múa đao giữa trận cũng được thấy tánh—One day the Patriarch summoned his disciples together and said, “I have something to say to you: for people in the world, the matter of birth and death is a great one. All day long you seek fields of blessings only; you do not try to get out of the bitter sea of birth and death. If you are confused about your self-nature, how can blessings save you?” The Patriarch continued, “Each of you go back and look into your own wisdom and use the Prajna-nature of your own original mind to compose a verse. Submit it to me so that I may look at it. If you understand the great meaning,
- the robe and Dharma will be passed on to you and you will become the Sixth Patriarch. Hurry off! Do not delay! Time spent thinking and considering is of no use in this matter. When seeing your own nature it is necessary to see it at the very moment of speaking. One who does that perceives as does one who wields a sword in the height of battle.”
- Chúng được chỉ dạy, trở về họp bàn với nhau rằng: “Tất cả chúng ta không cần phải lắng lòng dụng ý làm kệ để trình với Hòa Thượng, đâu có lợi ích gì? Thượng Tọa Thần Tú, hiện làm Giáo Thọ Sư, ắt là người được, chúng ta cố gắng làm kệ tụng chỉ uống dụng tâm lực.” Mọi người nghe lời này, thấy đều nhứt tâm nói rằng: “Chúng ta về sau y chỉ Thượng Tọa Thần Tú, nhọc gì phải làm kệ.”—The assembly received this order and withdrew, saying to one another, “We of the assembly do not need to clear our minds and use our intellect to compose a verse to submit to the High Master. What use would there be in this? Shen Hsiu is our senior instructor and Dharma teacher, certainly he should be the one to obtain it. It would be not only improper for us to compose a verse but a waste of effort as well.” Hearing this, everyone put his mind to rest and said, “Henceforth, we will rely on Master Shen Hsiu. Why vex ourselves writing verses?”
  - Thần Tú suy nghĩ: “Các người đều không trình kệ vì ta làm giáo thọ sư cho họ, ta cần phải làm kệ trình lên Hòa Thượng. Nếu không trình kệ thì Hòa Thượng làm sao biết được kiến giải trong tâm ta cạn hay sâu? Ta trình ý kệ, cầu pháp thì tốt, cầu làm Tổ thì xấu, vì như vậy là đồng với tâm của kẻ phàm, muốn cướp được

ngôi vị Thánh không khác. Nếu chẳng trình kệ thì trọn không được pháp, rất khó! Rất khó!”—Shen Hsiu then thought, “The others are not submitting verses because I am their teacher. I must compose a verse and submit it to the Higher Master. If I do not submit a verse, how will the High Master know whether the views and understanding in my mind are deep or shallow? My intention in submitting the verse is to seek the Dharma and that is good. But if it is to grasp the patriarchate, then that is bad, for how would that be different from the mind of a common person coveting the holy position? But, if I do not submit a verse, in the end I will not obtain Dharma. This is a terrible dilemma!”

- Trước nhà của Ngũ Tổ có một hành lang ba gian, Ngũ Tổ nghĩ mời ông Cung Phụng Lư Trân đến vẽ ‘Lăng Già Biến Tướng và Ngũ Tổ Huyết Mạch Đồ’ để lại lưu truyền cúng dường. Ngài Thần Tú làm kệ rồi, mấy phen muốn trình, đi đến nhà trước thì trong tâm hoảng hốt, khắp thân đổ mồ hôi, nghĩ trình chẳng được. Trước sau trải qua bốn ngày, đến 13 lần, trình kệ không được. Thần Tú mới suy nghĩ: “Chẳng bằng đến dưới hành lang viết kệ, Hòa Thượng đi qua xem thấy, nếu chợt bảo rằng hay thì mình ra lễ bái thưa của Thần Tú làm, nếu nói không kham, thật uổng công ở núi mấy năm, thọ người lễ bái, lại tu đạo gì?” Canh ba đêm ấy, không cho người biết, Thần Tú tự cầm đèn viết bài kệ trên vách phương Nam để trình chỗ tâm mình thấy được. Bài kệ viết rằng:

Thân là cội Bồ Đề  
Tâm như đài gương sáng  
Luôn luôn phải lau chùi  
Chớ để dính bụi bặm.

Thần Tú viết kệ xong, liền trở về phòng, mọi người đều chẳng biết. Thần Tú lại suy nghĩ: “Ngày mai Ngũ Tổ thấy bài kệ, nếu hoan hỷ tức ta cùng pháp có duyên, nếu nói không kham, tự là ta mê, nghiệp duyên đời trước nặng nề, không hợp được pháp, thật là Thánh ý khó lường.” Trong phòng suy nghĩ, ngòi nằm chẳng yên cho đến canh năm—In front of the Fifth Patriarch’s hall were three corridors. Their walls were to be frescoed by Court Artist Lu Chen with stories from the Lankavatara Sutra and with pictures portraying in detail the lives of the five patriarchs in order to the patriarchs might be venerated by future generations. After composing his verse, Shen Hsiu made several attempts to submit it. But whenever he reached the front hall, his mind became agitated and distraught and his entire body became covered with perspiration. Though he made thirteen attempts in four days, he did not dare submit it. Then he thought, “This is not as good as writing it on the wall for the Higher Master to see it suddenly. If he says it is good, I will step forward, bow, and say, ‘Hsiu did it.’ If it is not good enough, then I have spent my years on this mountain in vain, receiving veneration from others. And as to further development, what can I say?” That night in the third watch, while holding a candle, he secretly wrote the verse on the wall of South corridor to show what his mind had seen.

Verse said:

“The body is a Bodhi tree,  
The mind like a bright mirror stand.  
Time and again brush it clean,  
And let no dust alight.”

After writing this verse, Shen Hsiu returned to his room, and the others did

- not know what he had done. Then he thought, “If the Fifth Patriarch sees the verse tomorrow and is pleased, it will mean that I have an affinity with the Dharma. If he says that it does not pass, it will mean that I am confused by heavy karmic obstacles from past lives and thereafter that I am not fit to obtain the Dharma. It is difficult to fathom the sage’s intentions.” In his room he continued to think and could not sit or sleep peacefully through to the fifth watch.
- Ngũ Tổ đã biết Thần Tú vào cửa chưa được, không thấy tự tánh. Sáng hôm sau, Tổ gọi ông Lư Cung Phụng đến hành lang phía nam để vẽ đồ tướng trên vách, chợt thấy bài kệ. Ngài bảo Cung Phụng rằng: “Thôi chớ cần phải vẽ, nhọc công ông từ xa đến. Trong Kinh có nói ‘Phàm những gì có tướng đều là hư vọng.’ Chỉ để lại cho người bài kệ này tụng đọc thọ trì, y theo bài kệ này mà tu hành thì khỏi đọa trong ác đạo, y theo bài kệ này tu thì được lợi ích lớn, khiến đồ đệ thấp hương lễ bái, cung kính và tụng đọc bài kệ này tức được thấy tánh.” Môn nhân tụng bài kệ đều khen: “Hay thay! Hay thay!”—The Patriarch already knew that Shen Hsiu had not yet entered the gate and seen his own nature. At daybreak, the Patriarch called Court Artist Lu Chen to paint the wall of the south corridor. Suddenly, he saw the verse and said to the court artist, “There is no need to paint. I am sorry that you have been troubled by coming so far, but the Diamond Sutra says, ‘Whatever has marks is empty and false.’ Instead leave this verse for people to recite and uphold. Those who cultivate in accordance with this verse will not fall into the evil destinies and will attain great merit.” He then ordered the disciples to
- light incense and bow before it and to recite it, thus enabling them to see their own nature. The disciples all recited it and exclaimed, “Excellent!”
- Đến canh ba, Tổ mới gọi Thần Tú vào trong thất hỏi: “Kệ đó, phải ông làm chăng?” Ngài Thần Tú thưa: “Thật là con làm, chẳng dám vọng cầu Tổ vị, chỉ mong Hòa Thượng từ bi xem đệ tử có được chút ít trí huệ chăng?” Tổ bảo: “Ông làm bài kệ này là chưa thấy được tự tánh, chỉ đến được ngoài cửa, chứ chưa vào được trong cửa, kiến giải như thế tìm Vô Thượng Bồ Đề, trọn không thể được. Vô Thượng Bồ Đề phải được ngay nơi lời nói đó mà biết bản tâm bản tánh của mình, chẳng sanh chẳng diệt, đối trong tất cả thời mỗi niệm mỗi niệm tự thấy, muôn pháp đều không kẹt, một chơn tất cả đều chơn, muôn cảnh tự như như, tâm như như đó tức là chơn thật. Nếu thấy được như thế tức là tự tánh Vô Thượng Bồ Đề. Ông hãy đi, một hai ngày sau, suy nghĩ làm một bài kệ khác đem lại tôi xem, bài kệ của ông nếu vào được cửa, sẽ trao y pháp cho ông.”—At the third watch, the Patriarch called Shen Hsiu into the hall and asked him, “Did you write this verse?” Shen Hsiu said, “Yes, in fact, Hsiu did it. He does not dare to claim to the position of Patriarch but hopes the High Master will compassionately see whether or not this disciple has a little bit of wisdom.” The Patriarch said, “The verse which you wrote shows that you have not yet seen your original nature but are still outside the gate. With such views and understanding, you may seek supreme Bodhi but in the end will not obtain it. Supreme Bodhi must be obtained at the very moment of speaking. In recognizing the original mind at all times in every

thought, you yourself will see that the ten thousand Dharmas are unblocked; in one truth is all truth and the ten thousand states are of themselves “thus”; as they are. The ‘thusness’ of the mind; that is true reality. If seen in this way, it is indeed the self nature of Supreme Bodhi.” The Patriarch continued, “Go and think it over for a day or two. Compose another verse and bring it to me to see. If you have been able to enter the gate, I will transmit the robe and Dharma to you.”

- Thần Tú làm lễ lui ra, trải qua mấy ngày, làm kệ cũng không thành, trong tâm hoảng hốt, thần trí bất an, ví như trong mộng, đứng ngồi chẳng vui. Lại hai ngày sau, có một chú bé đi qua chỗ giã gạo, đọc bài kệ này. Huệ Năng vừa nghe, liền biết bài kệ này chưa thấy được bốn tánh. Huệ Năng bèn hỏi chú bé rằng: “Tụng đó là kệ gì?” Chú bé đáp: “Cái ông nhà quê không biết, Đại Sư nói người đời sanh tử là việc lớn, muốn được truyền y pháp, khiến đệ tử làm kệ trình. Ngài xem nếu ngộ được đại ý, liền trao y pháp cho làm Tổ thứ sáu. Thượng Tọa Thần Tú viết bài kệ Vô Tướng ở vách hành lang phía nam, Đại Sư khiến đồ chúng đều nên đọc, y kệ này tu, sẽ khỏi đọa đường ác, y kệ này tu sẽ có lợi ích lớn.”—Shen Hsiu made obeisance and left. Several days passed but he was unable to compose a verse. His mind was agitated and confused; his thoughts and moods were uneasy. He was as if in a dream; whether walking or sitting down, he could not be happy. Two days later, a young boy chanting that verse passed by the threshing room. Hearing it for the first time, Hui Neng knew that the writer had not yet seen his original nature. Although he had not yet

received a transmission of the teaching, he already understood its profound meaning. He asked the boy, “What verse are you reciting?” “Barbarian, you know nothing,” replied the boy. The Great Master said that birth and death are profound concerns for people in the world. Wishing to transmit the robe and Dharma, he ordered his disciples to compose verses and bring them to him to see. The person who has awakened to the profound meaning will inherit the robe and Dharma and become the Sixth Patriarch. Our senior, Shen Hsiu, wrote this ‘verse without marks’ on the wall of the south corridor. The Great Master ordered everyone to recite it, for to cultivate in accordance with this verse is to avoid falling into the evil destinies and is of great merit.

- Huệ Năng thưa rằng: “Thượng nhơn, đã hơn tám tháng, tôi ở nhà trù giã gạo, chưa từng đến nhà trên, mong thượng nhơn dẫn tôi đến trước bài kệ lễ bái.” Chú bé dẫn Huệ Năng đến trước bài kệ lễ bái. Huệ Năng bảo: “Huệ Năng không biết chữ, nhờ thượng nhơn vì tôi đọc.” Khi ấy có quan Biệt Giá họ Trương tên Nhựt Dụng ở Giang Châu liền to tiếng đọc. Huệ Năng nghe rồi bèn nói: “Tôi cũng có một bài kệ, mong quan Biệt Giá vì tôi viết lại.” Quan Biệt Giá nói: “Ông cũng làm kệ nữa sao? Việc này thật ít có!” Huệ Năng nói với quan Biệt Giá rằng: “Muốn học đạo Vô Thượng Bồ Đề, không được khinh người mới học. Kẻ hạ cũng có cái trí thượng thượng, còn người thượng thượng cũng không có ý trí.” Quan Biệt Giá nói: “Ông chỉ tụng kệ, tôi vì ông viết, nếu ông được pháp, trước phải độ tôi, chớ quên lời này.” Huệ Năng đọc bài kệ:  
“Bồ Đề vốn không cây

Gương sáng cũng chẳng dài  
 Xưa nay không một vật  
 Chỗ nào dính bụi bặm?”

Hui Neng said, “I, too, would like to recite it to create an affinity. Superior One, I have been pounding rice here for over eight months and have not yet been to the front hall. I hope that the Superior One will lead me before the verse to pay homage.” The boy then led him to the verse to bow. Hui Neng said, “Hui Neng cannot read. Please, Superior One, read it to me.” Then an official from Chiang Chou, named Chang Jih Yung, read it loudly. After hearing it, Hui Neng said, “I, too, have a verse. Will the official please write it for me?” The official replied, “You, too, can write a verse? That is strange!” Hui Neng said to the official, “If you wish to study the Supreme Bodhi, do not slight the beginner. The lowest people may have the highest wisdom; the highest people may have the least wisdom. If you slight others, you create limitless, unbounded offenses.” The official said, “Recite your verse and I will write it out for you. If you obtain the Dharma you must take me across first. Do not forget these words.”

Hui Neng’s verse read:  
 “Originally Bodhi has no tree,  
 The bright mirror has no stand.  
 Originally there is not a single thing,  
 Where can dust alight?”

- Khi viết bài kệ rồi, đồ chúng thấy đều kinh hoàng, không ai mà chẳng xuýt xoa, mọi người bảo nhau rằng: “Lạ thay! Không thể do tướng mạo mà đoán được người, đã bao lâu nay sai nhục thân Bồ Tát làm việc.” Tổ thấy cả chúng đều kinh ngạc, sợ có người làm hại Huệ Năng, mới lấy giày xoa hết bài kệ, nói: “Cũng chưa

thấy tánh.” Chúng cho là đúng. Ngày kế Tổ lên đến chỗ giã gạo thấy Huệ Năng đeo đá giã gạo, mới bảo rằng: “Người cầu đạo vì pháp quên mình đến thế ư?” Tổ lại hỏi: “Gạo trắng hay chưa?” Huệ Năng thưa: “Gạo trắng đã lâu, còn thiếu giần sàng.” Tổ lấy gậy gõ vào cối ba tiếng rồi đi. Huệ Năng liền hội được ý Tổ, đến khi trống đổ canh ba liền vào thất. Tổ lấy áo cà sa che chung quanh không để người thấy, vì Huệ Năng mà nói kinh Kim Cang, đến câu ‘Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm.’—After this verse was written, the followers all were startled and without exception cried out to one another, “Strange indeed! One cannot judge a person by his appearance. How can it be that, after so little time, he has become a Bodhisattva in the flesh?” The Fifth Patriarch saw the astonished assembly and feared that they might become dangerous. Accordingly, he erased the verse with his shoe saying, “This one, too, has not yet seen his nature.” The assembly agreed. The next day the Patriarch secretly came to the threshing floor where he saw Hui Neng pounding rice with a stone tied around his waist and he said, “A seeker of the Way would forget his very life for the Dharma. Is this not the case?” Then the Fifth Patriarch asked, “Is the rice ready?” Hui Neng replied, “The rice has long been ready. It is now waiting only for the sieve.” The Patriarch rapped the pestle three times with his staff and left. Hui Neng then knew the Patriarch’s intention and, at the third watch, he went into the Patriarch’s room. The Patriarch covered them with his precept sash in order to hide and he explained the Diamond Sutra for him, “One should produce a thought that is nowhere supported.”

- Huệ Năng ngay lời đó đại ngộ, thấy tất cả muôn pháp chẳng lìa tự tánh, mới thưa với Tổ rằng:

“Đâu ngờ tự tánh vốn tự thanh tịnh  
 Đâu ngờ tự tánh vốn không sanh diệt  
 Đâu ngờ tự tánh vốn tự đầy đủ  
 Đâu ngờ tự tánh vốn không dao động  
 Đâu ngờ tự tánh hay sanh muôn pháp!”

Ngũ Tổ biết Huệ Năng đã ngộ được bản tánh mới bảo rằng: “Chẳng biết bốn tâm, học pháp vô ích, nếu biết được bốn tâm mình, thấy được bốn tánh mình, tức gọi là trượng phu, là thầy của trời người, là Phật.” Canh ba thọ pháp, người trọn không biết, Tổ liền truyền pháp đốn giáo và y bát, nói rằng: “Người là vị Tổ đời thứ sáu, khéo tự hộ niệm, rộng độ chúng hữu tình, truyền khắp đời sau, không khiến cho đoạn tuyệt.” Tổ lại bảo Huệ Năng hãy nghe Ngài nói kệ:

“Người có tình đến nên gieo giống  
 Như nơi đất quả lại sanh  
 Vô tình cũng không có giống  
 Không tánh cũng không sanh.”

At the moment he heard those words, Hui Neng experienced the great enlightenment and he knew that all the ten thousand dharmas are not separate from the self-nature. He said to the Patriarch:

“How unexpected! The self-nature is originally pure in itself.

How unexpected! The self-nature is originally neither produced nor destroyed.

How unexpected! The self-nature is originally complete in itself.

How unexpected! The self-nature is originally without movement.

How unexpected! The self-nature can produce the ten thousand dharmas.”

The Fifth Patriarch knew of Hui Neng’s enlightenment to his original nature and said to him, “Studying the Dharma without recognizing the original mind is of no benefit. If one recognizes one’s own original mind and sees one’s original nature, then one is called a great hero, a teacher of gods and humans, a Buddha.” He received the Dharma in the third watch and no one knew about it. The Fifth Patriarch also transmitted the Sudden Teaching, the robe and bowl saying, “You are the Sixth Patriarch. Protect yourself carefully. Take living beings across by every method and spread the teaching for the sake of those who will live in the future. Do not let it be cut off.”

Listen to my verse:

“With feeling comes,  
 The planting of the seed.  
 Because of the ground,  
 The fruit is born again  
 Without feeling,  
 There is no seed at all.  
 Without that nature,  
 There is no birth either.”

- Tổ lại bảo: “Xưa Đại Sư Đạt Ma ban đầu đến cõi này, người chưa có tin nên mới truyền y này để làm tín thể, đời đời truyền nhau, pháp thì dùng tâm truyền tâm, đều khiến cho tự ngộ tự giải. Từ xưa Phật, Phật chỉ truyền bản thể, thầy thầy thăm trao bản tâm, y là đầu mối của sự tranh giành, nên dừng ngay nơi người, chớ nên truyền nữa, nếu truyền y này thì mạng của người nhận y cũng như sợi chỉ mảnh. Ông phải đi nhanh e có người muốn hãm hại ông.” Huệ Năng thưa: “Bây giờ con phải đi đâu?” Tổ bảo: “Gặp Ấp Hoài thì dừng, gặp Ấp Hội thì ẩn.” Huệ Năng canh ba lãnh được y bát, thưa: “Huệ Năng vốn là người Nam Trung,

không biết được đường đi, làm sao ra được bến đò?” Ngũ Tổ bảo: “Ông chẳng phải lo, tôi tự đưa ông đi.” Tổ liền đưa Huệ Năng đến bến đò Cửu Giang, Tổ bảo Huệ Năng lên thuyền, Ngũ Tổ bèn cầm chèo tự chèo. Huệ Năng thưa: “Thỉnh Hòa Thượng ngồi, nên để đệ tử chèo.” Tổ bảo: “Phải là ta độ ông.” Huệ Năng thưa: “Khi mê thấy độ, ngộ rồi thì tự độ, độ tha, tên tuy là một nhưng chỗ dùng không đồng. Huệ Năng sanh nơi biên địa, tiếng nói không đúng, nhờ thầy truyền pháp, nay đã được ngộ, chỉ nên tự tánh tự độ.” Tổ bảo: “Như thế! Như thế! Về sau Phật pháp do ông mà được thanh hành, ông đi ba năm, tôi sẽ thế thế. Nay ông đi an vui, nỗ lực hướng về Nam, không nên nói pháp sớm, Phật pháp sẽ gặp tai nạn.” Huệ Năng từ già Ngũ Tổ rồi cất bước đi về phương Nam, trong khoảng hai tháng đến núi Đại Hữu—The Patriarch further said, “In the past, when the First Patriarch Great Master Bodhidharma first came to this land and people did not believe in him yet, he transmitted this robe as a symbol of faith to be handed down from generation to generation. The Dharma is transmitted from mind to mind, leading everyone to self-awakening and self-enlightenment. From ancient time, Buddha only transmits the original substance to Buddha; master secretly transmits the original mind to master. Since the robe is a source of contention, it should stop with you. Do not transmit it, for if you do, your life will hang by a thread. You must go quickly for I fear that people might harm you.” Hui Neng asked, “Where shall I go?” The Patriarch replied, “Stop at Huai and hide at Hui.” Hui Neng received the robe and bowl in the third watch. He said, “Hui Neng is a Southerner and does not know these

mountain roads. How does one reach the mouth of the river?” The Fifth Patriarch said, “You need not worry. I will accompany you.” The Fifth Patriarch escorted him to the Chiu Chiang courier station and ordered him to board a boat. The Fifth Patriarch took up the oars and rowed. Hui Neng said, “Please, High Master, sit down. It is fitting that your disciple take the oars.” The Patriarch replied, “It is fitting that I take you across.” Hui Neng said, “When someone is deluded, his master takes him across, but when he is enlightened, he takes himself across. Although the term ‘taking across’ is the same in each case, the function is not the same. Hui Neng was born in the frontier regions and his pronunciation is incorrect, yet he has received the Dharma transmission from the Master. Now that enlightenment has been attained, it is only fitting that he takes his own nature across.” The Patriarch replied, “So it is, so it is. Hereafter, because of you, the Buddhadharma will be widely practiced. Three years after your departure, I will leave this world. Start on your journey now and go south as fast as possible. Do not speak too soon, for the Buddhadharma arises from difficulty.” After Hui Neng took leave of the Patriarch, he set out on foot for the South. After two months, he reached the Ta Yu Mountain.

- Ngũ Tổ trở về, mấy ngày không thượng đường, chúng nghi bèn đến hỏi: “Hòa Thượng có ít bệnh, ít nào chăng?” Ngài đáp: “Bệnh thì không, mà y pháp đã về phương Nam rồi.” Chúng hỏi: “Ai là người được truyền?” Tổ bảo: “Năng đó thì được.” Chúng liền biết được. Khi đó vài trăm người mới đuổi theo, muốn cướp



y bát. Một vị Tăng họ Trần, tên Huệ Minh, trước là tướng quân bậc Tứ phẩm, tánh hạnh thô tháo, hết lòng theo tìm, chạy trước mọi người, đuổi kịp Huệ Năng. Huệ Năng ném y bát trên bàn thạch nói: “Y này là biểu tín, có thể dùng sức mà tranh sao!” Huệ Năng liền ẩn trong đám cỏ, Huệ Minh cố cầm y lên, nhưng không thể nào nhất lên được, mới kêu rằng: “Cư sĩ, Cư sĩ! Tôi vì pháp mà đến chớ không phải vì y.” Huệ Năng bèn bước ra ngồi trên bàn thạch. Huệ Minh liền làm lễ thưa: “Mong Cư sĩ vì tôi nói pháp.” Huệ Năng bảo: “Ông đã vì pháp mà đến thì nên dứt sạch các duyên, chớ sanh một niệm, tôi sẽ vì ông mà nói.” Huệ Minh im lặng giây lâu. Huệ Năng bảo: “Không nghĩ thiện, không nghĩ ác, chính khi ấy cái gì là bản lai diện mục của Thượng Tọa Minh?”—The Fifth Patriarch returned to the monastery but for several days he did not enter the hall. The assembly was concerned and went on to ask: “Has the Master some slight illness or problem?” “There is no illness,” came the reply, “but the robe and Dharma have already gone south.” “Who received the transmission?” they asked. “The Able One obtained it,” said the Patriarch. The assembly then understood and soon, several hundred people took up pursuit, all hoping to steal the robe and bowl. One Bhikshu, Hui Ming, a coarse-natured man whose lay name had been Ch'en, had formerly been a fourth class military official. He was intent in his search and ahead of the others. When he had almost caught up with Hui Neng, the latter tossed the robed and bowl onto a rock, saying, “This robe and bowl are tokens of faith. How can they be taken by force?” Hui Neng then hid in a thicket. When Hui Ming arrived, he tried to pick them up but

found he could not move them. He cried out, “Cultivator, Cultivator, I have come for the Dharma, not for the robe!” Hui Neng then came out and sat cross-legged on a rock. Hui Ming made obeisance and said, “I hope that the Cultivator will teach the Dharma for my sake.” Hui Neng said, “Since you have come for the Dharma, you may put aside all conditions. Do not give rise to a single thought and I will teach it to you clearly.” After a time, Hui Neng aid, “With no thoughts of good and with no thoughts of evil, at just this moment, what is Superior One Hui Ming’s original face?”

- Huệ Minh ngay câu nói đó liền đại ngộ. Lại hỏi: “Ngoài mật ngữ, mật ý trên, còn có mật ý khác chằng?” Huệ Năng bảo: “Vì ông mà nói tức không phải mật vậy, ông nếu phản chiếu thì mật ở bên ông.” Huệ Minh thưa: “Huệ Minh tuy ở Huỳnh Mai, thật chưa có tỉnh diện mục của chính mình, nay nhờ chỉ dạy như người uống nước lạnh nóng tự biết. Nay cư sĩ tức là thầy của Huệ Minh.” Huệ Năng bảo: “Ông nếu như thế thì tôi cùng ông đồng thờ thầy Huỳnh Mai, khéo tự hộ trì.” Huệ Minh lại thưa: “Huệ Minh từ nay về sau nhằm chỗ nào đi?” Huệ Năng bảo: “Gặp Viên thì dừng, gặp Mông thì ở.” Huệ Minh liền lễ từ. Huệ Minh trở về, xuống núi bảo những người đuổi theo rằng: “Đi trên những đồi núi này trọn không tìm ra tung tích, phải đi qua đường khác tìm.” Cả chúng đuổi theo đều cho là đúng. Huệ Minh về sau đổi tên là Đạo Minh, đó là tránh chữ đầu của tên thầy— At these words, Hui Ming was greatly enlightened. Hui Ming asked further, “Apart from the secret speech and secret

meanings just spoken, is there yet another secret meaning?"

Hui Neng said, "What has been spoken to you is not secret. If you turn the illumination inward, the secret is with you." Hui Ming said, "Although Hui Ming was at Huang Mei, he has not yet awakened to his original face. Now that he has been favored with this instruction he is like one who drinks water and knows for himself whether it is cold or warm."

The cultivator is now Hui Ming's master."

"If you feel that way," said Hui Neng, "then you and I have the same master, Huang Mei. Protect yourself well."

Hui Ming asked further, "Where should I go now?"

Hui Neng said, "Stop at Yuan and dwell at Meng."

Hui Ming bowed and left. Reaching the foot of the mountain, he said to the pursuers. "Up above there is only a rocky, trackless height. He must find another path." The pursuers all agreed. Afterward, Hui Ming changed his name to Tao Ming to avoid using Hui Neng's first name.

- Huệ Năng sau đến Tào Khê lại bị bọn người ác tìm đuổi mới ở nơi Tứ Hội tị nạn trong đám thợ săn, trải qua 15 năm, khi đó cùng những người thợ săn tùy nghi nói pháp. Những người thợ săn thường bảo giữ giềng lưới; khi Huệ Năng thấy những con vật mắc lưới đều thả đi. Mỗi khi đến bữa ăn, hái rau gỡi luộc trong nồi thịt, hoặc có người hỏi thì đáp: "Chỉ ăn rau ở bên thịt." Một hôm, mới suy nghĩ: "Thời hoàng pháp đã đến, không nên trốn tránh, bèn đến chùa Pháp Tánh ở Quảng Châu, gặp Pháp Sư Ấn Tông đang giảng

kinh Niết Bàn. Khi ấy có gió thổi, lá phướn động, một vị Tăng nói: "gió động," một vị Tăng nói "phướn động." Hai người cãi nhau không thôi. Huệ Năng bèn tiến tới nói: "Không phải gió động, không phải phướn động, tâm như giả động." Cả chúng đều ngạc nhiên. Ấn Tông mời Huệ Năng đến trên chiếu gạn hỏi áo nghĩa, thấy Huệ Năng đối đáp, lời nói giản dị mà nghĩa lý rất đúng, không theo văn tự. Ấn Tông nói: "Cư sĩ quyết định không phải là người thường, đã lâu nghe y pháp của Huỳnh Mai đã đi về phương Nam, đâu chẳng phải là cư sĩ?" Huệ Năng nói: "Chẳng dám." Ấn Tông liền làm lễ xin đưa y bát đã được truyền cho đại chúng xem. Ấn Tông lại thưa Huỳnh Mai phó chúc: "Việc chỉ dạy như thế nào?" Huệ Năng bảo: "Chỉ dạy không chỉ luận về kiến tánh, chẳng luận thiên định giải thoát." Ấn Tông thưa: "Sao chẳng luận thiên định giải thoát?" Huệ Năng bảo: "Vì ấy là hai pháp, không phải là Phật pháp. Phật pháp là pháp chẳng hai." Ấn Tông lại hỏi: "Thế nào Phật pháp là pháp chẳng hai?" Huệ Năng bảo: "Pháp Sư giảng kinh Niết Bàn, rõ được Phật tánh, ấy là pháp chẳng hai, như Cao Quý Đức Vương Bồ Tát bạch Phật rằng: "Phạm tứ trọng cấm, tạo tội ngũ nghịch và chúng xiển đề, vân vân... sẽ đoạn thiện căn Phật tánh chăng?" Phật bảo: "Thiện căn có hai, một là thường, hai là vô thường. Phật tánh chẳng phải thường, mà cũng chẳng phải vô thường, thế nên chẳng đoạn, gọi là chẳng hai; một là thiện, hai là chẳng thiện. Phật tánh chẳng phải thiện, chẳng phải chẳng thiện, ấy là chẳng hai, uẩn cùng với phạm phu thấy hai, người trí rõ thấu tánh nó không hai, tánh không hai tức là Phật tánh." Ấn Tông nghe nói hoan hỷ chấp tay thưa: "Tôi giảng kinh ví như ngồi gạc, nhân

giả luận nghĩa ví như vàng ròng.” Khi ấy vì Huệ Năng cạo tóc, nguyện thờ làm thầy. Huệ Năng bèn ở dưới cây Bồ Đề khai pháp môn Động Sơn. Huệ Năng được pháp ở Động Sơn, chịu tất cả những điều cay đắng, mạng giống như sợi chỉ mảnh. Ngày nay được cùng với Sử quân, quan liêu, Tăng Ni, đạo tục đồng ở trong hội này đâu không phải là cái duyên của nhiều kiếp, cũng là ở trong đời quá khứ cúng dường chư Phật, đồng gieo trồng căn lành mới nghe cái nhờn được pháp môn đốn giáo này. Giáo ấy là các vị Thánh trước đã truyền, không phải tự trí Huệ Năng được, mong những người nghe các vị Thánh trước dạy, mỗi người khiến cho tâm được thanh tịnh, nghe rồi mỗi người tự trừ nghi, như những vị Thánh đời trước không khác. Cả chúng nghe pháp đều hoan hỷ làm lễ rồi lui ra—Hui Neng arrived at Ts’ao His where he was again pursued by men with evil intentions. To avoid difficulty, he went to Szu Hui and lived among hunters for fifteen years, at times teaching the Dharma to them in an appropriate manner. The hunters often told him to watch their nets but whenever he saw beings who were still living he released them. At mealtimes, he cooked vegetables in the pot alongside the meat. When he was questioned about it, he would answer “I only eat vegetables alongside the meat.” One day Hui Neng thought, “The time has come to spread the Dharma. I cannot stay in hiding forever.” Accordingly, he went to Fa Hsing Monastery in Kuang Cou where Dharma Master Yin Tsung was giving lectures on The Nirvana Sutra. At that time there were two bhikshus who were discussing the topic of the wind and a flag. One said, “The wind is moving.” The other said, “The flag is moving.” They argued

incessantly. Hui Neng stepped forward and said, “The wind is not moving, nor is the flag. Your minds, Kind Sirs, are moving.” Everyone was startled. Dharma Master Yin Tsung invited him to take a seat of honor and sought to ask him about the hidden meaning. Seeing that Hui Neng’s demonstration of the true principles was concise and not based on written words, Yin Tsung said, “The cultivator is certainly no ordinary man. I heard long ago that Huang Mei’s robe and bowl had come south. Cultivator, is it not you?” Hui Neng said, “I dare not presume such a thing.” Yin Tsung then made obeisance and requested that the transmitted robe and bowl be brought forth and shown to the assembly. He further asked, “How was Huang Mei’s doctrine transmitted?” “There was no transmission,” replied Hui Neng. “We merely discussed seeing the nature. There was no discussion of Dhyana samadhi or liberation.” Yin Tsung asked, “Why was there no discussion of Dhyana samadhi or liberation?” Hui Neng said, “There are dualistic dharmas. They are not the Buddhadharma. The Buddhadharma is a dharma of non-dualism.” Yin Tsung asked further, “What is this Buddhadharma, which is the dharma of non-dualism?” Hui Neng said, “The Dharma Master has been lecturing The Nirvana Sutra says that to understand the Buddha-nature is the Buddhadharma, which is the Dharma of non-dualism. As Kao Kuei Te Wang Bodhisattva said to the Buddha, ‘Does violating the four serious prohibitions, committing the five rebellious acts or being an icchantika and the like cut off the good roots and the Buddha-nature?’” The Buddha replied, “There are two kinds of good roots: the first, permanent; the

second impermanent. The Buddha-nature is neither permanent nor impermanent. Therefore it is not cut off.” “That is what is meant by non-dualistic. The first is good and the second is not good. The Buddha-nature is neither good nor bad. That is what is meant by non-dualistic. Common people think of the heaps and realms as dualistic. The wise man comprehends that they are non-dualistic in nature. The non-dualistic nature is the Buddha-nature.” Hearing this explanation, Yin Tsung was delighted. He joined his palms and said, “My explanation of Sutra is like broken tile; whereas your discussion of the meaning, Kind Sir, is like pure gold.” He then shaved Hui Neng’s head and asked Hui Neng to be his master. Accordingly, under that Bodhi tree, Hui Neng explained the Tung Shan Dharma-door. Hui Neng obtained the Dharma at Tung Shan and has undergone much suffering, as if his life was hanging by a thread. “Today, in this gathering of magistrate and officials, of Bhikshus, Bhikshunis, Taoists, and laymen, there is not one of you who is not here because of accumulated ages of karmic conditions. Because in past lives you have made offerings to the Buddhas and planted good roots in common ground, you now have the opportunity to hear Sudden Teaching, which is an opportunity to obtain the Dharma. This teaching has been handed down by former sages; it is not Hui Neng’s own wisdom. You, who wish to hear the teaching of the former sages, should first purify your minds. After hearing it, cast aside your doubts, and that way you will be no different from the sages of the past.” Hearing this Dharma, the entire

assembly was delighted, made obeisance and withdrew.

## **Phẩm thứ hai—The second chapter— Bát Nhã—Prajna**

- Ngày khác, Vi Sứ Quân thưa thỉnh, Tổ đăng tòa bảo đại chúng rằng: “Tất cả nên tịnh tâm niệm Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đa.” Lại bảo: “Này thiện tri thức, trí Bát Nhã Bồ Đề, người đời vốn tự có, chỉ nhân vì tâm mê không thể tự ngộ, phải nhờ đến đại thiện tri thức chỉ đường mới thấy được tánh. Phải biết người ngu người trí, Phật tánh vốn không khác, chỉ duyên mê ngộ không đồng, do đó nên có ngu trí. Nay tôi vì nói pháp Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật, khiến cho các ông, mỗi người được trí tuệ, nên chí tâm lắng nghe, tôi vì các ông mà nói. Này thiện tri thức, có người trọn ngày miệng tụng Bát Nhã nhưng không biết tự tánh Bát Nhã, ví như nói ăn mà không no, miệng chỉ nói không, muôn kiếp chẳng được thấy tánh, trọn không có ích gì. Này thiện tri thức, “Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật” là tiếng Phạn, dịch là đại trí tuệ đến bờ kia, nó phải là hành nơi tâm, không phải tụng ở miệng. Miệng tụng mà tâm chẳng hành như huyễn như hóa, như sương, như điện. Miệng niệm mà tâm hành ắt tâm và miệng hợp nhau, bản tánh là Phật, lia tánh không riêng có Phật—The following day, at the invitation of Magistrate Wei, the Master took his seat and said to the great assembly, “All of you purify your minds and think about Maha Prajna Paramita.” He then said, “All-Knowing Advisors, the wisdom of Bodhi and Prajna is originally possessed by worldly people themselves. It is only because their minds are confused that they are unable to enlighten

themselves and must rely on a great Good Knowing Advisor who can lead them to see their Buddha-nature. You should know that the Buddha-nature of stupid and wise people is basically not different. It is only because confusion and enlightenment are different that some are stupid and some are wise. I will now explain for you the Maha Prajna Paramita Dharma in order that each of you may become wise. Pay careful attention and I will explain it to you.” Good Knowing Advisors, worldly people recite ‘Prajna’ with their mouths all day long and yet do not recognize the Prajna of their self-nature. Just as talking about food will not make you full, so, too, if you speak of emptiness you will not see your own nature in ten thousand ages. In the end, you will not have obtained any benefit. Good Knowing Advisors, Maha Prajna Paramita is a Sanskrit word which means ‘great wisdom which has arrived at the other shore.’ It must be practiced in the mind, and not just recited in words. When the mouth recites and the mind does not practice, it is like an illusion, a transformation, dew drops, or lightning. However, when the mouth recites and the mind practices, then mind and mouth are in mutual accord. One’s own original nature is Buddha; apart from the nature there is no other Buddha.

- Sao gọi là Ma Ha? Ma Ha là lớn, tâm lượng rộng lớn ví như hư không, không có bờ mé, cũng không có vuông tròn, lớn nhỏ, cũng không phải xanh, vàng, đỏ, trắng, cũng không có trên dưới, dài ngắn, cũng không sâu, không hỷ, không phải, không quấy, không thiện không ác, không có đầu, không có đuôi, cõi nước chư Phật, trọn đồng với hư không, diệu tánh của

người đời vốn không, không có một pháp có thể được, tự tánh chơn không cũng lại như thế. Nay thiện tri thức, chớ nghe tôi nói “không” liền chấp không, thứ nhất là không nên chấp “không,” nếu để tâm “không” mà ngòai tịnh tọa, đó tức là chấp “vô ký không.” Nay thiện tri thức, thế giới hư không hay bao hàm vạn vật sắc tượng, mặt trời, mặt trăng, sao, núi, sông, đất liền, khe suối, cỏ cây, rừng rậm, người lành người dữ, pháp lành pháp dữ, thiên đường địa ngục, tất cả biển lớn, các núi Tu Di, thấy ở trong hư không. Tánh của người đời lại cũng như thế. Nay thiện tri thức, tự tánh hay bao hàm muôn pháp ấy là đại. Muôn pháp ở trong tự tánh của mọi người, nếu thấy tất cả người ác cùng với lành, trọn đều không có chấp, không có bỏ, cũng không nhiễm trước, tâm cũng như hư không, gọi đó là đại, nên gọi là Ma Ha—What is meant by Maha? Maha means ‘great.’ The capacity of the mind is vast and great like empty space, and has no boundaries. It is not square or round, great or small. Neither is it blue, yellow, red, white. It is not above or below, or long or short. It is without anger, without joy, without right, without wrong, without good, without evil, and it has no head or tail. All Buddha-lands are ultimately the same as empty space. The wonderful nature of worldly people is originally empty, and there is not a single dharma which can be obtained. The true emptiness of the self-nature is also like this. Good Knowing Advisors, do not listen to my explanation of emptiness and then become attached to emptiness. The most important thing is to avoid becoming attached to emptiness. If you sit still with an empty mind you will become attached to undifferentiated emptiness. Good Knowing Advisors, The emptiness of the

universe is able to contain the forms and shapes of the ten thousand things: the sun, moon, and stars; the mountains, rivers, and the great earth; the fountains, springs, streams, torrents, grasses, trees, thickets, and forests; good and bad people, good and bad dharmas, the heavens and the hells, all the great seas, Sumeru and all mountains; all are contained within emptiness. The emptiness of the nature of worldly men is also like this. Good Knowing Advisors, the ability of one's own nature to contain the ten thousand dharmas is what is meant by 'great.' The myriad dharmas are within the nature of all people. If you regard all people, the bad as well as the good, without grasping or rejecting, without producing a defiling attachment, your mind will be like empty space. Therefore, it is said to be 'great,' or 'Maha.'

- Nay thiện tri thức, người mê miệng nói, người trí tâm hành. Lại có người mê, để tâm rỗng không, ngồi tịnh tọa, trăm việc không cho nghĩ tự gọi là đại, bọn người này không nên cùng họ nói chuyện, vì họ là tà kiến. Nay thiện tri thức, tâm lượng rộng lớn khắp giáp cả pháp giới, dụng tức rõ ràng phân minh, ứng dụng liền biết tất cả, tất cả tức một, một tức tất cả, đi lại tự do, tâm thể không bị ngăn ngại tức là Bát Nhã. Nay thiện tri thức, tất cả trí Bát Nhã đều từ tự tánh sanh, chẳng từ bên ngoài vào, chớ lầm dụng ý nên gọi là chơn chánh tự dụng. Một chơn thì tất cả chơn, tâm lượng rộng lớn không đi theo con đường nhỏ, miệng chớ trọn ngày nói không mà trong tâm chẳng tu hạnh này, giống như người phạm tự xưng là quốc vương trọn không thể được, không phải là đệ tử của ta—Good Knowing Advisors, the mouth of the confused person speaks,

but the mind of the wise person practices. There are deluded men who sit still with empty minds, vainly thinking of nothing and declaring that to be something great. One should not speak with these people because of their deviant views. Good Knowing Advisors, the capacity of the mind is vast and great, encompassing the Dharma realm. Its function is to understand clearly and distinctly. Its correct function is to know all. All is one; one is all. Coming and going freely, the mind's substance is unobstructed. That is Prajna. Good Knowing Advisors, all Prajna wisdom is produced from one's own nature; it does not enter from outside. Using the intellect correctly is called the natural function of one's true nature. One truth is all truth. The mind has the capacity for great things, and is not meant for practicing petty ways. Do not talk about emptiness with your mouth all day and in your mind fail to cultivate the conduct that you talk of. That would be like a common person calling himself the king of a country, which cannot be. People like that are not my disciples.

- Nay thiện tri thức, sao gọi là Bát Nhã? Bát Nhã nghĩa là "trí tuệ." Tất cả chỗ, tất cả thời, mỗi niệm không ngu, thường hành trí huệ tức là Bát Nhã hạnh. Một niệm ngu khởi lên, tức là Bát Nhã bật. Một niệm trí khởi lên, tức là Bát Nhã sanh. Người đời ngu mê không thấy Bát Nhã, miệng nói Bát Nhã mà trong tâm thường ngu, thường tự nói ta tu Bát Nhã, niệm niệm nói không nhưng không biết được chơn không. Bát Nhã không có hình tướng, tâm trí tuệ ấy vậy. Nếu khởi hiểu như thế tức gọi là Bát Nhã trí—Good Knowing Advisors, what is meant by 'Prajna?' Prajna in our language means

- wisdom. Everywhere and at all times, in thought after thought, remain undeluded and practice wisdom constantly; that is Prajna conduct. Prajna is cut off by a single deluded thought. By one wise thought, Prajna is produced. Worldly men, deluded and confused, do not see Prajna. They speak of it with their mouths, but their minds are always deluded. They constantly say of themselves, 'I cultivate Prajna!' And though they continually speak of emptiness, they are unaware of true emptiness. Prajna, without form or mark, is just the wisdom of the mind. If thus explained, this is Prajna wisdom.
- Sao gọi là Ba La Mật? Đây là tiếng Phạn, có nghĩa là “đến bờ kia,” giải nghĩa là “liã sanh diệt.” Chấp cảnh thì sanh diệt khởi như nước có sóng mỗi, tức là bờ bên này, liã cảnh thì không sanh diệt như nước thường thông lưu, ấy gọi là bờ kia, nên gọi là Ba La Mật—What is meant by Paramita? It is a Sanskrit word which in our language means ‘arrived at the other shore,’ and is explained as ‘apart from production and extinction.’ When one is attached to states of being, production and extinction arise like waves. States of being, with no production or extinction, is like free flowing water. That is what is meant by ‘the other shore.’ Therefore, it is called ‘Paramita.’
  - Đây thiện tri thức, người mê miệng tụng, chính khi đang tụng mà có vọng, có quấy; niệm niệm nếu hành Bát Nhã, ấy gọi là chơn tánh. Người ngộ được pháp này, ấy là pháp Bát Nhã, người tu hạnh này, ấy là hạnh Bát Nhã. Không tu tức là phạm, một niệm tu hành, tự thân đồng với Phật—Good Knowing Advisors, deluded people recite with their mouths, but while they
- recite they live in falsehood and in error. When there is practice in every thought, that is the true nature. You should understand this dharma, which is the Prajna dharma; and cultivate this conduct, which is the Prajna conduct. Not to cultivate is to be a common person, but in a single thought of cultivation, you are equal to the Buddhas.
- Đây thiện tri thức, phạm phu tức Phật, phiền não tức Bồ Đề. Niệm trước mê tức phạm phu, niệm sau ngộ tức Phật; niệm trước chấp cảnh tức phiền não, niệm sau liã cảnh tức Bồ Đề—Good Knowing Advisors, common people are Buddhas and affliction is Bodhi. The deluded thoughts of the past are thoughts of a common person. Enlightened future thoughts are the thoughts of a Buddha. Past thoughts attached to states of being are afflictions. And, future thoughts separate from states of being are Bodhi.
  - Đây thiện tri thức, Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật tối tôn, tối thượng, tối đệ nhất, không trụ, không qua cũng không lại, chư Phật ba đời thấy đều từ trong đó mà ra. Phải dùng đại trí huệ này đập phá ngũ uẩn, phiền não, trần lao, tu hành như đây quyết định thành Phật đạo, biến tam độc thành giới định huệ—Good Knowing Advisors, Maha Prajna Paramita is the most honored, the most supreme, the foremost. It does not stay; it does not come or go. All Buddhas of the three periods of time emerge from it. You should use great wisdom to destroy affliction, defilement and the five skandhic heaps. With such cultivation as that, you will certainly realize the Buddha Way, transforming the three poisons into morality, concentration, and wisdom.

- Này thiện tri thức, pháp môn của tôi đây từ một Bát Nhã phát sanh ra tám muôn bốn ngàn trí tuệ. Vì cơ sao? Vì người đời có tám muôn bốn ngàn trần lao, nếu không có trần lao thì trí huệ thường hiện, chẳng lìa tự tánh. Người ngộ pháp này tức là vô niệm, vô ức, vô trước, chẳng khởi cuồng vọng, dùng tánh chơn như của mình, lấy trí huệ quán chiếu, đối với tất cả pháp không thủ không xả, tức là thấy tánh thành Phật đạo—Good Knowing Advisors, my Dharma-door produces 84,000 wisdom from the one Prajna. Why? Because worldly people have 84,000 kinds of defilement. In the absence of defilement, wisdom is always present since it is not separate from the self-nature. Understand this dharma is simply no-thought, no-remembrance, non-attachment and the non-production of falsehood and error. Use your own true-suchness nature and, by means of wisdom, contemplate and illuminate all dharmas without grasping or rejecting them. That is to see one's own nature and realize the Buddha Way.
- Này thiện tri thức, nếu muốn vào pháp giới thâm thâm và Bát Nhã Tam Muội thì phải tu Bát Nhã hạnh, phải trì tụng Kinh Kim Cang Bát Nhã, tức được thấy tánh. Nên biết kinh này công đức vô lượng vô biên, trong kinh đã khen ngợi rõ ràng, không thể nói đầy đủ được. Pháp môn này là tối thượng thừa, vì những người đại trí mà nói, vì những người thượng căn mà nói. Những người tiểu căn tiểu trí nghe pháp này, tâm sanh ra không tin. Vì cơ sao? Ví như có một trận mưa lớn, cả cõi nước, thành ấp, chợ búa đều bị trôi giạt cũng như trôi giạt những lá táo. Nếu trận mưa lớn đó mưa nơi biển cả thì không

tăng không giảm. Như người đại thừa, hoặc người tối thượng thừa nghe Kinh Kim Cang thì khai ngộ, thế nên biết bản tánh họ tự có trí Bát Nhã, tự dùng trí huệ thường quán chiếu, nên không nhờ văn tự, thí dụ như nước mưa không phải từ trời mà có, nguyên là từ rồng mà dấy lên, khiến cho tất cả chúng sanh, tất cả cỏ cây, hữu tình vô tình đều được đượm nhuần. Trăm sông các dòng đều chảy vào biển cả, hợp thành một thể, trí huệ Bát Nhã nơi bản tánh chúng sanh lại cũng như thế—Good Knowing Advisors, if you wish to enter the extremely deep Dharma realm and the Prajna samadhi, you must cultivate the practice of Prajna. Hold and recite the 'Diamond Prajna Paramita Sutra' and that way you will see your own nature. You should know that the merit and virtue of this sutra is immeasurable, unbounded, and indescribable, as the Sutra text itself clearly states. This Dharma-door is the Superior Vehicle, that is taught to the people of great wisdom and superior faculties. When people of limited faculties and wisdom hear it, their minds give rise to doubt. Why is that? Take this example, the rains which the heavenly dragons shower on Jambudvīpa. Cities and villages drift about in the flood like thorns and leaves. But if the rain falls on the great sea, its water neither increases nor decreases. If people of the Great Vehicle, the Most Superior Vehicle, hear the Diamond Sutra, their minds open up, awaken and understand. Then they know that their original nature itself possesses the wisdom of Prajna. Because they themselves use this wisdom constantly to contemplate and illuminate. And they do not rely on written words. Take for example, the rain does not come from the sky. The truth is that the dragons



- cause it to fall in order that all living beings, all plants and trees, all those with feeling and those without feeling may receive its moisture. In a hundred streams, it flows into the great sea and there unites in one substance. The wisdom of the Prajna of the original nature of living beings acts the same way. Đây thiện tri thức, người tiểu căn nghe pháp môn đốn giáo này ví như là cỏ cây, cội gốc của nó vốn nhỏ, nếu bị mưa to thì đều ngã nghiêng không thể nào tăng trưởng được, người tiểu căn lại cũng như vậy, vốn không có trí huệ Bát Nhã cùng với người đại trí không sai biệt, như sao nghe pháp họ không thể khai ngộ? Vì do tà kiến chướng ngại, cội gốc phiền não sâu, ví như đám mây lớn che kín mặt trời, nếu không có gió thổi mạnh thì ánh sáng mặt trời không hiện. Trí Bát Nhã cũng không có lớn nhỏ, vì tất cả chúng sanh tự tâm mê ngộ không đồng, tâm thể bên ngoài thấy có tu hành tìm Phật, chưa ngộ được tự tánh tức là tiểu căn. Nếu khai ngộ đốn giáo không thể tu ở bên ngoài, chỉ nơi tâm mình thường khởi chánh kiến, phiền não trần lao thường không bị nhiễm tức là thấy tánh—
- Good Knowing Advisors, when people of limited faculties hear this Sudden Teaching, they are like the plants and trees with shallow roots which, washed away by the great rain, are unable to grow. But at the same time, the Prajna wisdom which people of limited faculties possess is fundamentally no different from the Prajna that men of great wisdom possess. Hearing this Dharma, why do they not become enlightened? It is because the obstacle of their deviant views is a formidable one and the root of their afflictions is deep. It is like when
  - thick clouds cover the sun. If the wind does not blow, the sunlight will not be visible. ‘Prajna’ wisdom is itself neither great nor small. Living beings differ because their own minds are either confused or enlightened. Those of confused minds look outwardly to cultivate in search of the Buddha. Not having awakened to their self-nature yet, they have small roots. When you become enlightened to the Sudden Teaching, you do not grasp onto the cultivation of external things. When your own mind constantly gives rise to right views, afflictions and defilement can never stain you. That is what is meant by seeing your own nature.
  - Đây thiện tri thức, trong ngoài không trụ, đi lại tự do, hay trừ tâm chấp, thông đạt không ngại, hay tu hạnh này cùng kinh Bát Nhã vốn không sai biệt—Good Knowing Advisors, the ability to cultivate the conduct of not dwelling inwardly or outwardly, of coming and going freely, of casting away the grasping mind, and of unobstructed penetration, is basically no different from the Prajna Sutra.
  - Đây thiện tri thức, tất cả kinh điển và các văn tự, đại thừa, tiểu thừa, 12 bộ kinh đều như người mà an trí, như tánh trí tuệ mới hay dựng lập. Nếu không có người đời thì tất cả muôn pháp vốn tự chẳng có, thế nên biết muôn pháp vốn tự như nơi người mà dựng lập, tất cả kinh điển như người mà nói có, như vì trong người kia có ngu và có trí, người ngu là tiểu như, người trí là đại như, người ngu hỏi nơi người trí, người trí vì người ngu mà nói pháp, người ngu bỗng nhiên ngộ hiểu, tâm được khai tức cùng với người trí không sai khác—Good Knowing

- Advisors, all sutras and writings of the Great and Small Vehicles, the twelve divisions of sutras, have been devised for people and established based on the nature of wisdom. If there were no people, the ten thousand dharmas would not exist. Therefore you should know that all dharmas are originally postulated for people and all sutras are spoken for their sake. Some people are deluded and some are wise; the deluded are small people and the wise are great people. The deluded people question the wise and the wise people teach Dharma to the deluded people. When the deluded people suddenly awaken and understand, their minds open to enlightenment and, therefore they are no longer different from the wise.
- Nầy thiện tri thức, chẳng ngộ tức Phật là chúng sanh, khi một niệm ngộ chúng sanh là Phật. Thế nên biết muôn pháp trọn ở nơi tự tâm, sao chẳng từ trong tâm liền thấy được chân như bản tánh? Kinh Bồ Tát Giới nói rằng: “Bản tánh của ta nguyên tự thanh tịnh, nếu biết được tự tâm thấy tánh đều thành Phật đạo. Kinh Tịnh Danh nói: “Liền khi đó bỗng hoá nhiên được bản tâm.”—Good knowing Advisors, unenlightened, the Buddha is a living being. At the time of a single enlightened thought, the living being is a Buddha. Therefore, you should know that the ten thousand dharmas exist totally within your own mind. Why don't you, from within your own mind, suddenly see the truth (true suchness) of your original nature. The Bodhisattva-Sila-Sutra says, ‘Our fundamental self-nature is clear and pure.’ If we recognize our own mind and see the nature, we shall perfect the Buddha Way. The Vimalakirti Nirdesha Sutra says, ‘Just then, you suddenly regain your original mind.’
  - Nầy thiện tri thức, khi xưa ta ở nơi Ngũ Tổ Nhẫn, một phen liền được ngộ, chóng thấy chơn như bản tánh, khi ấy đem giáo pháp nầy lưu hành khiến cho người học đạo chóng ngộ được Bồ Đề, mỗi người tự quán nơi tâm, tự thấy bản tánh, nếu tự chẳng ngộ phải tìm những bậc đại thiện tri thức, người hiểu được giáo pháp tối thượng thừa, chỉ thẳng con đường, ấy là thiện tri thức, có như duyên lớn, chỗ gọi là hóa đạo khiến được thấy tánh. Tất cả pháp lành như nơi thiện tri thức mà hay phát khởi. Ba đời chư Phật, 12 bộ kinh, ở trong tánh của người vốn tự có đủ, không có thể tự ngộ thì phải nhờ thiện tri thức chỉ dạy mới thấy. Nếu tự mình ngộ thì không nhờ bên ngoài, nếu một bề chấp bảo rằng phải nhờ thiện tri thức khác mong được giải thoát thì không có lẽ ấy. Vì cớ sao? Trong tự tâm có tri thức tự ngộ, nếu khởi tà mê vọng niệm điên đảo thì thiện tri thức bên ngoài, tuy có giáo hóa chỉ dạy, cũng không thể cứu được. Nếu khởi chánh chơn Bát Nhã quán chiếu thì trong khoảng một sát na vọng niệm đều diệt, nếu biết tự tánh một phen ngộ tức đến quả vị Phật— Good Knowing Advisors, when I was with the High Master Jen, I was enlightened as soon as I heard his words and suddenly saw the true suchness (truth) of my own original nature. That is why I am spreading this method of teaching which leads students of the Way to become enlightened suddenly to Bodhi, as each contemplates his own mind and sees his own original nature. If you are unable to enlighten yourself, you must seek out a great Good Knowing Advisor, one who understands the Dharma of the Most Superior Vehicle

- and who will direct you to the right road. Such a Good Knowing Advisor possesses great karmic conditions, which is to say that he will transform you, guide you and lead you to see your own nature. It is because of the Good Knowing Advisor that all wholesome Dharmas can arise. All the Buddhas of the three eras (periods of time), and the twelve divisions of Sutra texts as well, exist within the nature of people, that is originally complete within them. If you are unable to enlighten yourself, you should seek out the instruction of a Good Knowing Advisor who will lead you to see your nature. If you are one who is able to achieve self-enlightenment, you need not seek a teacher outside. If you insist that it is necessary to seek a Good Knowing Advisor in the hope of obtaining liberation, you are mistaken. Why? Within your own mind, there is self-enlightenment, which is a Good Knowing Advisor itself. But if you give rise to deviant confusion, false thoughts and perversions, though a Good Knowing Advisor outside of you instructs you, he cannot save you. If you give rise to genuine Prajna contemplation and illumination, in the space of an instant, all false thoughts are eliminated. If you recognize your self-nature, in a single moment of enlightenment, you will arrive at the level of Buddha.
- Nầy thiện tri thức! Trí tuệ quán chiếu, trong ngoài sáng suốt, biết bốn tâm mình, nếu biết bốn tâm tức là gốc của sự giải thoát. Nếu được giải thoát tức là Bát Nhã Tam Muội, tức là vô niệm. Sao gọi là vô niệm? Nếu thấy tất cả pháp mà tâm không nhiễm trước ấy là vô niệm, dụng tức khắp tất cả chỗ, cũng không dính mắc
- tất cả chỗ, chỉ thanh tịnh nơi bốn tâm khiến sáu thức ra sáu cửa đối trong sáu trần không nhiễm, không tạp, đi lại tự do, thông dụng không kẹt, tức là Bát Nhã Tam Muội, tự tại giải thoát gọi là vô niệm hạnh. Nếu trăm vật chẳng nghĩ, chính khi đó khiến cho niệm bật đi, ấy là pháp phục, ấy gọi là biên kiến—Good Knowing Advisor, when you contemplate and illuminate with the wisdom, which brightly penetrates within and without, you recognize your original mind. The recognition of your original mind is the original liberation. The attainment of liberation is the Prajna Samadhi, thus no-thought. What is meant by ‘no-thought?’ No-thought means to view all dharmas with a mind undefiled by attachment. The function of the mind pervades all places but is nowhere attached. Merely purify your original mind to cause the six consciousnesses to go out the six gates, to be undefiled and unmixed among the six objects, to come and go freely and to penetrate without obstruction. That is the Prajna Samadhi, freedom and liberation, and it is called the practice of no-thought. Not thinking of the hundred things and constantly causing your thought to be cut off is called Dharma-bondage and is an extremist view.
- Nầy thiện tri thức, người ngộ được pháp vô niệm thì muôn pháp đều không, người ngộ được pháp vô niệm thì thấy cảnh giới của chư Phật, người ngộ được pháp vô niệm thì đến địa vị Phật—Good Knowing Advisors, one who awakens to the no-thought dharma completely penetrates the ten thousand dharmas; one who awakens to the no-thought dharma sees all Buddha realms; one who awakens to the no-

thought dharma arrives at the Buddha position.

- Nầy thiện tri thức, đời sau người được pháp của ta, đem pháp môn đốn giáo này, đối với hàng người đồng kiến đồng hành phát nguyện thọ trì như là thờ Phật, cố gắng tu thân không dám lui sụt thì quyết định vào quả vị Thánh, nhưng phải truyền trao, từ trước đến giờ, thầm truyền trao phó chứ không được dấu kín chánh pháp. Nếu không phải là hàng đồng kiến đồng hành, ở trong pháp môn khác thì không được truyền trao, e tổn tiền nhưn kia, cứu cánh vô ích, sợ người ngu không hiểu, chê bai pháp môn này rồi trăm kiếp ngàn đời đoạn chủng tánh Phật—Good Knowing Advisors, those of future generations who obtain my Dharma, should take up this Sudden Teaching. The Dharma door including those of like views and like practice should vow to receive and uphold it as if serving the Buddhas. To the end of their lives they should not retreat, and they will certainly enter the holy position. In this way, it should be transmitted from generation to generation. It is silently transmitted. Do not hide away the orthodox Dharma and do not transmit it to those of different views and different practice, who believe in other teachings, since it may harm them and ultimately be of no benefit. I fear that deluded people may misunderstand and slander this Dharma-door and, therefore will cut off their own nature, which possesses the seed of Buddhahood for hundreds of ages and thousands of lifetimes.
- Nầy thiện tri thức, tôi có một bài tụng Vô Tướng, mỗi người phải tụng lấy, người tại gia, người xuất gia chỉ y đây mà tu, nếu

không tự tu, chỉ ghi nhớ lời của tôi thì cũng không có ích gì. Nghe tôi tụng đây:

Thông cả thuyết và tâm,  
 Như mặt trời giữa hư không,  
 Chỉ truyền pháp kiến tánh,  
 Ra đời phá tà tông.  
 Pháp thì không đốn tiệm,  
 Mê ngộ có mau chậm,  
 Chỉ pháp kiến tánh này,  
 Người ngu không thể hiểu,  
 Nói tuy có muôn thứ,  
 Trở về lý chỉ một,  
 Phiền não trong nhà tối,  
 Thường phải sanh mặt trời huệ,  
 Tà đến phiền não sanh,  
 Chánh đến phiền não dứt,  
 Tà chánh đều không dùng,  
 Thanh tịnh mới hoàn toàn.  
 Bồ Đề vốn tự tánh,  
 Khởi tâm tức tà vọng,  
 Tâm tịnh ở trong vọng,  
 Chỉ chánh không ba chướng.  
 Người đời nếu tu hành,  
 Tất cả chẳng trọn ngại,  
 Thường tự thấy lỗi mình,  
 Cùng đạo đức tương đương.  
 Sắc loại tự có đạo,  
 Đều chẳng chướng ngại nhau,  
 Lìa đạo riêng tìm đạo,  
 Trọn đời không thấy đạo.  
 Lãng xãng qua một đời,  
 Kết cuộc cũng tự phiền,  
 Muốn thấy đạo chơn thật,  
 Hạnh chánh tức là đạo.  
 Nếu không có tâm đạo,  
 Hạnh tối không thấy đạo.  
 Người chơn chánh tu hành,  
 Không thấy lỗi thế gian,  
 Nếu thấy lỗi người khác,  
 Lỗi mình đã đến bên,  
 Người quấy ta chẳng quấy,  
 Ta quấy tự có lỗi.  
 Chỉ dẹp lỗi nơi tâm,

Phá trừ các phiền não,  
 Yêu ghét chẳng bận lòng,  
 Duỗi thẳng hai chân ngủ.  
 Như mặt trời giữa hư không,  
 Muốn nghĩ giáo hóa người,  
 Tự phải có phương tiện,  
 Chớ khiến người nghi ngờ,  
 Tức là tự tánh hiện.  
 Phật pháp nơi thế gian,  
 Không lia thế gian giác,  
 Là thế tìm Bồ Đề,  
 Giống như tìm sừng thỏ.  
 Chánh kiến gọi xuất thế,  
 Tà kiến là thế gian,  
 Tà chánh đều dẹp sạch,  
 Tánh Bồ Đề hiện rõ.  
 Tụng này là đốn giáo,  
 Cũng gọi thuyên đại pháp,  
 Mê nghe trải nhiều kiếp,  
 Ngộ trong khoảng sát na.

Tổ lại bảo: “Nay ở chùa Đại Phạm nói pháp đốn giáo này, khắp nguyện cả pháp giới chúng sanh ngay lời nói này đều được thấy tánh thành Phật.” Khi ấy Vi Sử Quân cùng quan liêu đạo tục nghe Tổ nói, không ai mà chẳng tỉnh ngộ, đồng thời làm lễ đều tán thán: “Lành thay! Đâu ngờ ở Lãn Nam có Phật ra đời!”—  
 Good Knowing Advisors, I have a verse of no-mark, which you should all recite. Those at home and those who have left home should cultivate accordingly. If you do not cultivate it, memorizing it will be of no use. Listen to my verse:  
 “With speech and mind both understood,  
 Like the sun whose place is in space,  
 Just spread the ‘seeing-the-nature way’  
 Appear in the world to destroy false doctrines.

Dharma is neither sudden nor gradual,  
 Delusion and awakening are slow and quick

But deluded people cannot comprehend  
 This Dharma-door of seeing-the-nature.  
 Although it is said in ten thousand ways,  
 United, the principles return to one;  
 In the dark dwelling of defilements,  
 Always produce the sunlight of wisdom.

The deviant comes and affliction arrives,  
 The right comes and affliction goes.  
 The false and true both cast aside,  
 In clear purity the state of no residue is attained.

Bodhi is the original self-nature;  
 Giving rise to a thought is wrong;  
 The pure mind is within the false:  
 Only the right is without the three obstructions.

If people in the world practice the Way,  
 They are not hindered by anything.  
 By constantly seeing their own transgressions,  
 They are in accord with the Way.

Each kind of form has its own way  
 Without hindering one another;  
 Leaving the Way to seek another way  
 To the end of life is not to see the Way.

A frantic passage through a life,  
 Will bring regret when it comes to its end.  
 Should you wish for a vision of the true Way,  
 Right practice is the Way.

If you don't have a mind for the Way,  
 You walk in darkness blind to the Way;  
 If you truly walk the Way,  
 You are blind to the faults of the world.

If you attend to others' faults,  
 Your fault-finding itself is wrong;

Others' faults I do not treat as wrong;  
My faults are my own transgressions.

Simply cast out the mind that finds fault,  
Once cast away, troubles are gone;  
When hate and love don't block the mind,  
Stretch out both legs and then lie down.

If you hope and intend to transform others,  
You must perfect expedient means.  
Don't cause them to have doubts, and then  
Their self-nature will appear.

The Buddhadharma is here in the world;  
Enlightenment is not apart from the world.  
To search for Bodhi apart from the world  
Is like looking for a hare with horns.

Right views are transcendental;  
Deviant views are all mundane.  
Deviant and right completely destroyed:  
The Bodhi nature appears spontaneously.

This verse is the Sudden Teaching,  
Also called the great Dharma boat.  
Hear in confusion, pass through ages,  
In an instant's space, enlightenment.

The Master said further, "In the Ta Fan Temple I have just now spoken the Sudden Teaching, making the universal vow that all living beings of the Dharma realm will see their nature and realize Buddhahood as they hear these words." Then among Magistrate Wei and the officials, Taoists and lay people who heard what the Master said, there were none who did not awaken. Together they made obeisance and exclaimed with delight, "Good indeed! Who would have thought that in Ling Nan a Buddha would appear in the world."

### Phẩm thứ ba—Chapter three

### Nghi Vấn—Doubts & Questions

- Một hôm Vi Thứ Sử vì Tổ thiết đại hội trai; trai xong, thứ sử thỉnh Tổ dâng tòa, quan liêu sĩ thứ đều thành kính lễ bái, hỏi rằng: "Đệ tử nghe Hòa Thượng thuyết pháp, thật không thể nghĩ bàn, nay có một ít nghi, cúi mong Hòa Thượng đại từ đại bi đặc biệt giải nói."—One day, Magistrate Wei arranged a great vegetarian feast on behalf of the Master. After the meal, the Magistrate asked the Master to take his seat. Together with officials, scholars, and the assembly, he bowed reverently and asked, "Your disciple has heard the High Master explain the Dharma. It is truly inconceivable. I now have a few doubts and hope you will be compassionate and resolve them for me."
- Tổ bảo rằng: "Có nghi liền hỏi, tôi sẽ vì các ông mà nói."  
Thứ sử thưa rằng: "Hòa Thượng nói pháp đâu không phải là tông chỉ của Tổ Đạt Ma ư?"  
Tổ bảo: "Đúng vậy!"  
The Master said, "If you have any doubts, please ask me and I will explain."  
The Honorable Wei said, "Is not what the Master speaks the same as the doctrine of Bodhidharma?"  
The Master replied, "It is."
- Thứ sử thưa: "Đệ tử nghe Tổ Đạt Ma khi mới đến vua Lương Võ Đế, Võ Đế hỏi rằng: "Trăm một đời cất chùa độ Tăng, bố thí thiết trai có những công đức gì?" Tổ Đạt Ma bảo: "Thật không có công đức." Đệ tử chưa thấu được lẽ này, cúi mong Hòa Thượng từ bi giảng giải—The Magistrate asked, "Your disciple has heard that when Bodhidharma first instructed the Emperor Wu of Liang, the

Emperor asked him, “All my life I have built temples, given sanction to the Sangha, practiced giving, and arranged vegetarian feasts. What merit and virtue have I gained?” Bodhidharma said, “There was actually no merit and virtue.” I, your disciple, have not yet understood this principle and hope that the High Master will explain it.

- Tổ bảo: “Thật không có công đức, chớ nghi lời của bậc Tiên Thánh. Võ Đế tâm tà, không biết chánh pháp, cất chùa độ Tăng, bố thí thiết trai, đó gọi là cầu phước, chớ không thể đem phước đổi làm công đức được. Công đức là ở trong pháp thân, không phải do tu phước mà được.” Tổ lại nói: “Thấy tánh ấy là công, bình đẳng ấy là đức. Mỗi niệm không ngưng trệ, thường thấy bản tánh, chân thật diệu dụng, gọi là công đức. Trong tâm khiêm hạ ấy là công, bên ngoài hành lễ phép ấy là đức. Tự tánh dựng lập muôn pháp là công, tâm thể lìa niệm ấy là đức. Không lìa tự tánh ấy là công, ứng dụng không nhiễm là đức. Nếu tìm công đức pháp thân, chỉ y nơi đây mà tạo, ấy là chơn công đức. Nếu người tu công đức, tâm tức không có khinh, mà thường hành khắp kính. Tâm thường khinh người, ngô ngã không dứt tức là không công, tự tánh hư vọng không thật tức tự không có đức, vì ngô ngã tự đại thường khinh tất cả. Đây thiện tri thức, mỗi niệm không có gián đoạn ấy là công, tâm hành ngay thẳng ấy là đức; tự tu tánh, ấy là công, tự tu thân ấy là đức. Đây thiện tri thức, công đức phải là nơi tự tánh mà thấy, không phải do bố thí cúng dường mà cầu được. Ấy là phước đức cùng với công đức khác nhau. Võ Đế không biết chân lý, không phải Tổ Sư ta có lỗi.”— The Master said, “There actually was no merit and virtue, though

not doubt the words of the sage. Emperor Wu of Liang’s mind was wrong; he did not know the right Dharma. Building temples and giving sanction to the Sangha, practicing giving and arranging vegetarian feasts is called ‘seeking blessings.’ Do not mistake blessings for merit and virtue. Merit and virtue are in the Dharma body, not in the cultivation of blessings.” The Master further said, “Seeing your own nature is merit, and equanimity is virtue. To be unobstructed in every thought, constantly seeing the true, real, wonderful function of your original nature is called merit and virtue. Inner humility is merit and the outer practice of reverence is virtue. Your self-nature establishing the ten thousand dharmas is merit and the mind-substance separate from thought is virtue. Not being separate from the self-nature is merit, and the correct use of the undefiled self-nature is virtue. If you seek the merit and virtue of the Dharma body, simply act according to these principles, for this is true merit and virtue. Those who cultivate merit in their thoughts, do not slight others but always respect them. Those who slight others and do not cut off the ‘me and mine’ are without merit. The vain and unreal self-nature is without virtue, because of the ‘me and mine,’ because of the greatness of the ‘self,’ and because of the constant slighting of others. Good Knowing Advisors, continuity of thought is merit; the mind practicing equality and directness is virtue. Self-cultivation of one’s nature is merit and self-cultivation of the body is virtue. Good Knowing Advisors, merit and virtue should be seen within one’s own nature, not sought through giving and making offerings. That is the difference between blessings and

merit and virtue. Emperor Wu did not know the true principle. Our Patriarch was not in error.”

- Thứ sử lại hỏi rằng: “Đệ tử thường thấy Tăng tục niệm Phật A Di Đà, nguyện sanh Tây Phương, thỉnh Hòa Thượng nói, được sanh nơi cõi kia chăng? Nguyện vì phá cái nghi này.”—The Magistrate asked further, “Your disciple has often seen the Sangha and laity reciting ‘Amitabha Buddha,’ vowing to be reborn in the West. Will the High Master please tell me if they will obtain rebirth there and, so, dispel my doubts?”
- Tổ bảo: “Sử quân khéo lắng nghe, Huệ Năng sẽ vì nói. Thế Tôn ở trong thành Xá Vệ nói kinh văn Tây Phương dẫn hóa, rõ ràng cách đây không xa. Nếu luận về tướng mà nói, lý số có mười muôn tám ngàn, tức là trong thân có mười ác tám tà, liền là nói xa, nói xa là vì kẻ hạ căn, nói gần là vì những người thượng trí. Người có hai hạng, nhưng pháp không có hai thứ. Mê ngộ có khác, thấy có mau chậm. Người mê niệm Phật cầu sanh về cõi kia, người ngộ tự tịnh tâm mình. Sở dĩ Phật nói ‘tùy tâm tịnh liền được cõi Phật tịnh. Sử quân người phương Đông, chỉ tâm mình tịnh liền không có tội, tuy người phương Tây tâm không tịnh cũng có lỗi. Người phương Đông tạo tội niệm Phật cầu sanh về phương Tây, còn người phương Tây tạo tội, niệm Phật thì cầu sanh về cõi nào? Phạm ngu không rõ tự tánh, không biết trong thân Tịnh độ, nguyện Đông nguyện Tây, người ngộ thì ở chỗ nào cũng vậy. Sở dĩ Phật nói ‘tùy chỗ mình ở hằng được an lạc. Sử quân, tâm địa chỉ không có cái bất thiện thì Tây phương cách đây không xa. Nếu ôm lòng chẳng thiện, niệm Phật vãng sanh khó

đến. Nay khuyên thiện tri thức trước nên dẹp trừ thập ác tức là được mười muôn, sau trừ tám cái tà bèn qua được tám ngàn, mỗi niệm thấy tánh thường hành bình đẳng, đến như trong khảy móng tay, liền thấy Đức Phật A Di Đà. Sử quân chỉ hành mười điều thiện, đâu cần lại nguyện vãng sanh, không đoạn cái tâm thập ác thì có Phật nào đón tiếp. Nếu ngộ được đốn pháp vô sanh, thấy Tây phương chỉ trong khoảng sát na. Còn chẳng ngộ, niệm Phật cầu vãng sanh, thì con đường xa làm sao đến được? Huệ Năng vì mọi người mà khiến cho quý vị thấy trong sát na cõi Tây phương ở ngay trước mắt, quý vị có muốn thấy hay chẳng?”—The Master said, “Magistrate, listen well. Hui Neng will explain it for you. When the World Honored One was in Shravasti City, he spoke of being led to rebirth in the West. The Sutra text clearly states, ‘it is not far from here.’ If we discuss its appearance, it is 108,000 miles away but in immediate terms, it is explained as far distant for those of inferior roots and as nearby for those of superior wisdom. There are two kinds of people, not two kinds of Dharma. Enlightenment and confusion differ, and seeing can be quick or slow. The deluded person recites the Buddha’s name, seeking rebirth there, while the enlightened person purifies his own mind. Therefore, the Buddha said, ‘As the mind is purified, the Buddhaland is purified.’ Magistrate, if the person of the East merely purifies his mind, he is without offense. Even though one may be of the West, if his mind is impure, he is at fault. The person of the East commits offenses and recites the Buddha’s name, seeking rebirth in the West. When the person of the West commits offenses and recites the Buddha’s name, in what country does he



- seek rebirth? Common, deluded people do not understand their self-nature and do not know that the Pure Land is within themselves. Therefore, they make vows for the East and vows for the West. To enlightened people, all places are the same. As the Buddha said, ‘In whatever place one dwells, there is constant peace and happiness.’ Magistrate, if the mind-ground is only without unwholesomeness, the West is not far from here. If one harbors unwholesome thoughts, one may recite the Buddha’s name but it will be difficult to attain that rebirth. Good Knowing Advisors, I now exhort you all to get rid of the ten evils first and you will have walked one hundred thousand miles. Next get rid of the eight deviations and you will have gone eight thousand miles. If in every thought you see your own nature, always practice impartiality and straightforwardness, you will arrive in a finger-snap and see Amitabha. Magistrate, merely practice the ten wholesome acts; then what need will there be for you to vow to be reborn there? But if you do not rid the mind of the ten evils, what Buddha will come to welcome you? If you become enlightened to the sudden dharma of the unproduced, you will see the West in an instant. Unenlightened, you may recite the Buddha’s name seeking rebirth but since the road is so long, how can you traverse it? Hui-Neng will move to the West here in the space of an instant so that you may see it right before your eyes. Do you wish to see it?”
- Chúng đều đánh lễ thưa rằng: “Nếu ở cõi này mà thấy được thì đâu cần phải nguyện vãng sanh, nguyện Hòa Thượng từ bi liền hiện Tây phương khiến cho tất cả được thấy.”—The entire assembly bowed and said, “If we could see it here, what need would there be to vow to be reborn there? Please, High Master, be compassionate and make the West appear so that we might see it.”
  - Tổ bảo rằng: “Nầy đại chúng! Người đời tự sắc thân là thành, mắt tai mũi lưỡi là cửa, ngoài có năm cửa, trong có cửa ý. Tâm là đất, tánh là vua, vua ở trên đất tâm, tánh còn thì vua còn, tánh mất đi thì vua cũng mất. Tánh ở thì thân tâm còn, tánh đi thì thân tâm hoại. Phật nằm ở trong tánh mà tạo, chớ hướng ra ngoài mà cầu. Tự tánh mê, tức là chúng sanh, tự tánh giác tức là Phật. Từ bi tức là Quán Thế Âm, hỷ xả gọi là Đại Thế Chí, hay tịnh tức là Đức Thích Ca, bình trực tức là Phật A Di Đà. Nhơn ngã ấy là Tu Di, tà tâm là biển độc, phiền não là sóng mối, độc hại là rồng dữ, hư vọng là quỷ thần, trần lao là rùa trạnh, tham sân là địa ngục, ngu si là súc sanh. Nầy thiện tri thức! Thường làm mười điều lành thì thiên đường liền đến, trừ nhơn ngã thì núi Tu Di ngã, dẹp được tham dục thì biển nước độc khô, phiền não không thì sóng mối mất, độc hại trừ thì rồng cá đều dứt. Ở trên tâm địa mình là giác tánh Như Lai phóng đại quang minh, ngoài chiếu sáu cửa thanh tịnh hay phá sáu cõi trời dục, tự tánh trong chiếu ba độc tức liền trừ địa ngục, vân vân., các tội một lúc đều tiêu diệt, trong ngoài sáng tột, chẳng khác với cõi Tây phương, không chịu tu như thế nầy làm sao đến được cõi kia?”—The Master said, “Great assembly, the worldly person’s own physical body is the city, and the eye, ear, nose, tongue, and body are the gates. Outside there are five gates and inside there is a gate of the mind. The mind is the ‘ground’ and one’s nature is

the 'king.' The 'king' dwells on the mind 'ground.' When the nature is present, the king is present but when the nature is absent, there is no king. When the nature is present, the body and mind remain, but when the nature is absent, the body and mind are destroyed. The Buddha is made within the self-nature. Do not seek outside the body. Confused, the self-nature is a living being: enlightened, it is a Buddha. 'Kindness and compassion' are Avalokitesvara and 'sympathetic joy and giving' are Mahasthamaprapta. 'Purification' is Sakyamuni, and 'equanimity and directness' are Amitabha. 'Others and self' are Mount Sumeru and 'deviant thoughts' are the ocean water. 'Afflictions' are the waves. 'Cruelty' is an evil dragon. 'Empty falseness' is ghosts and spirits. 'Defilement' is fish and turtles, 'greed and hatred' are hell, and 'delusion' is animals. Good Knowing Advisors, always practice the ten good practices and the heavens can easily be reached. Get rid of others and self, and Mount Sumeru topples. Do away with deviant thought, and the ocean waters dry up. Without defilements, the waves cease. End cruelty and there are no fish or dragons. The Tathagata of the enlightened nature is on your own mind-ground, emitting a great bright light which outwardly illuminates and purifies the six gates and breaks through the six desire-heavens Inwardly, it illuminates the self-nature and casts out the three poisons. The hells and all such offenses are destroyed at once. Inwardly and outwardly, there is a bright penetration. This is no different from the West. But if you do not cultivate, how can you go there?"

- Đại chúng nghe nói đều rõ ràng thấy được tự tánh, thấy đều lễ bái, đều tán thán: “Lành thay!” Thừa rằng: “Khấp nguyện pháp giới chúng sanh nghe đó một thời liền ngộ hiểu.”—On hearing this speech, the members of the great assembly clearly saw their own natures. They bowed together and exclaimed, “This is indeed good! May all living beings of the Dharma Realm who have heard this awaken at once and understand.”
- Tổ bảo: “Nầy thiện tri thức! Nếu muốn tu hành, tại gia cũng được, không cần ở chùa, người ở tại gia mà hay hành như người ở phương Đông mà tâm được thiện, còn người ở chùa mà không tu cũng như người ở phương Tây mà tâm ác vậy. Chỉ tâm thanh tịnh tức là tự tánh Tây phương.”—The Master said, “Good Knowing Advisors, if you wish to cultivate, you may do so at home. You need not be in a monastery. If you live at home and practice, you are like the person of the East, whose mind is good. If you dwell in a monastery but do not cultivate, you are like the person of the West, whose mind is evil. Merely purify your mind; that is the ‘West’ of your self-nature.”
- Thứ sử Vi Cừ lại hỏi rằng: “Người tại gia làm sao tu hành? Cúi xin Hòa Thượng từ bi chỉ dạy.”—The Honorable Wei asked further, “How should those at home cultivate? Please instruct us.”
- Tổ bảo: “Tôi vì đại chúng làm một bài tụng Vô Tướng, chỉ y đây mà tu, thường cùng tôi đồng ở không khác, nếu không tu như thế nầy dù có cạo tóc xuất gia đối với đạo cũng không có ích gì. Tụng rằng:

Tâm bình không nhọc giữ giới,  
 Hạnh thẳng không cần tu thiền,  
 Ân thì nuôi dưỡng cha mẹ,  
 Nghĩa thì trên dưới thương nhau,  
 Nhường thì trên dưới hòa mục,  
 Nhẫn thì các ác không oán,  
 Nếu hay dùi cây ra lửa,  
 Trong bùn quyết mọc sen hồng,  
 Đẳng miệng tức là thuốc hay,  
 Nghịch tai là lời ngay thẳng,  
 Sửa lỗi ắt sanh trí huệ,  
 Giữ quấy trong tâm không hiền,  
 Mỗi ngày thường làm lợi ích,  
 Thành đạo không do thí tiền,  
 Bồ Đề chí hướng tâm tìm,  
 Đâu nhọc hưởng ngoại cầu huyền,  
 Nghe nói y đây tu hành,  
 Cực lạc chỉ ngay trước mắt.

Tổ lại bảo: “Này thiện tri thức! Thầy phải y kệ đây mà tu hành, nhận lấy tự tánh, thẳng đó thành đạo. Pháp không đợi nhau, mọi người hãy giải tán, tôi trở về Tào Khê, chúng nếu có nghi, lại đến hỏi nhau.” Khi ấy Thứ sử, quan liêu ở trong hội, kể thiện nam tín nữ mỗi người đều được khai ngộ, tín thọ phụng hành—The Master said, “I have composed a markless verse for the great assembly. Merely rely on it to cultivate and you will be as if always by my side. If you cut your hair and leave home but do not cultivate, it will be of no benefit in pursuing the Way.

The verse runs:

“The mind made straight, why toil following rules?

The practice sure, of what use is Dhyana meditation?

Filial deeds support the father and mother.

Right conduct is in harmony with those above and below.

Deference: the honored and lowly in accord with each other.

Patience: no rumors of the evils of the

crowd.

If drilling wood can spin smoke into fire,  
 A red-petalled lotus can surely spring from mud.

Good medicine is bitter to the taste.

Words hard against the ear must be good advice.

Correcting failings gives birth to wisdom.

Guarded errors expose a petty mind.

Persist daily in just, benevolent deeds.

Charity is not the means to attain the way.

Search out Bodhi only in the mind.

Why toil outside in search of the profound?

Just as you hear these words, so practice:

Heavens then appears, right before your eyes.

The Master continued, “Good Knowing Advisors, you in this assembly should cultivate according to this verse to see and make contact with your self-nature and to realize the Buddha Way directly. The Dharma does not wait. The assembly may now disperse. I shall now return to Ts’ao-His. If you have questions, come quickly and ask.”

At that time, Magistrate Wei, the officials, the good men and faithful women of the assembly all attained understanding, faithfully accepted and honored the teaching and, therefore, practiced it.

## Phẩm thứ tư—Định Tuệ—The Fourth Chapter—Concentration & Wisdom

- Tổ dạy chúng rằng: Này thiện tri thức! Pháp môn của ta đây lấy định tuệ làm gốc, đại chúng chớ lầm nói định tuệ riêng. Định tuệ một thể không hai. Định là thể của tuệ, tuệ là dụng của định. Ngay khi tuệ, định ở tại tuệ; ngay khi định, tuệ ở tại định. Nếu biết được nghĩa này tức là cái học định tuệ bình đẳng. Những người

học đạo chớ nói trước định rồi sau mới phát tuệ, hay trước tuệ rồi sau mới phát định, mỗi cái riêng khác. Khởi cái thấy như thế ấy, thì pháp có hai tướng. Miệng nói lời thiện, mà trong tâm không thiện thì không có định tuệ, định tuệ không bình đẳng. Nếu tâm miệng đều là thiện, trong ngoài một thứ, định tuệ tức là bình đẳng. Tự ngộ tu hành không ở chỗ tranh cãi, nếu tranh trước sau tức là đồng với người mê, không dứt sự hơn thua, trở lại tăng ngã và pháp, không lia bốn tướng—

The Master instructed the assembly: “Good Knowing Advisors, this Dharma-door of mine has concentration and wisdom as its foundation. Great assembly, do not be confused and say that concentration and wisdom are different. Concentration and wisdom are one substance, not two. Concentration is the substance of wisdom, and wisdom is the function of concentration. Where there is wisdom, concentration is in the wisdom. Where there is concentration, wisdom is in the concentration. If you understand this principle, you understand the balanced study of concentration and wisdom. Students of the Way, do not say that first there is concentration, which produces wisdom, or that first there is wisdom, which produces concentration: do not say that the two are different. To hold this view implies a duality of dharma. If your speech is good, but your mind is not, then concentration and wisdom are useless because they are not equal. If mind and speech are both good, the inner and outer are alike, and concentration and wisdom are equal. Self-enlightenment, cultivation, and practice are not a matter for debate. If you debate which comes first, then you are similar to a confused man who does not cut off

ideas of victory and defeat, but magnifies the notion of self and dharmas, and does not disassociate himself from the four makrs.

- Nầy thiện tri thức! Định tuệ ví như cái gì? Ví như ngọn đèn và ánh sáng. Có ngọn đèn tức có ánh sáng, không đèn tức là tối, đèn là thể của ánh sáng, ánh sáng là dụng của đèn; tên tuy có hai mà thể vốn đồng một. Pháp định tuệ nầy lại cũng như thế.”—Good Knowing Advisors, what are concentration and wisdom like? They are like a lamp and its light. With the lamp, there is light. Without the lamp, there is darkness. The lamp is the substance of the light and the light is the function of the lamp. Although there are two names, there is one fundamental substance. The dharma of concentration and wisdom is also thus.”
- Tổ dạy chúng rằng: “Nầy thiện tri thức! Nhất hạnh tam muội là đối với tất cả chỗ, đi đứng nằm ngồi thường hành một trực tâm ấy vậy.” Kinh Tịnh Danh nói: “Trực tâm là đạo tràng, trực tâm là Tịnh độ. Tâm đừng làm những chuyện siểm khúc, miệng nói trực, miệng nói nhất hạnh tam muội mà không hành trực tâm, còn hành trực tâm, đối với tất cả các pháp chớ có chấp trước. Người mê chấp pháp tướng, chấp nhất hạnh tam muội, chỉ nói ngồi không động, tâm vọng không khởi tức là nhất hạnh tam muội, người khởi hiểu thế nầy tức là đồng với vô tình, trở lại là như duyên chướng đạo—The Master instructed the assembly: “Good Knowing Advisors, the Single Conduct Samadhi is the constant practice of maintaining a direct, straightforward mind in all places, whether one is walking, standing, sitting or lying down. As the Vimalakirti Sutra

says, 'The straight mind is the Bodhimandala; the straight mind is the Pure Land.' Do not speak of straightness with the mouth only, while the mind and practice are crooked nor speak of the Single Conduct Samadhi without maintaining a straight mind. Simply practice keeping a straight mind and have no attachment to any dharma. The confused person is attached to the marks of dharmas, while holding to the Single Conduct Samadhi and saying, 'I sit unmoving and falseness does not arise in my mind. That is the Single Conduct Samadhi.' Such an interpretation serves to make him insensate and obstructs the causes and conditions for attaining the Way.

- Nầy thiện tri thức! Đạo phải thông lưu, do đâu trở lại ngưng trệ, tâm không trụ nơi pháp, đạo tức là thông lưu. Tâm nếu trụ pháp gọi là tự phược, nếu nói thường ngồi không động, ấy chỉ như Ngài Xá Lợi Phất ngồi yên trong rừng lại bị Ngài Duy Ma Cật quở trách. Nầy thiện tri thức! Lại có người dạy ngồi khán tâm quán tịnh, không động không khởi, từ đây mà lập công khóa, người mê không hiểu liền chấp thành ra điên cuồng, những người như thế nầy thật là đông, dạy nhau như thế, nên biết đó là lầm lớn.”—Good Knowing Advisors, the Way must penetrate and flow. How can it be impeded? If the mind does not dwell in dharmas, the way will penetrate and flow. The mind that dwells in dharmas is in self-bondage. To say that sitting unmoving is correct is to be like Sariputra who sat quietly in the forest but was scolded by Vimalakirti. Good Knowing Advisors, there are those who teach people to sit looking at the mind and

contemplating stillness, without moving or arising. They claimed that it has merit. Confused men, not understanding, easily become attached and go insane. There are many such people. Therefore, you should know that teaching of this kind is a greater error.”

- Tổ dạy chúng rằng: “Nầy thiện tri thức! Xưa nay chánh giáo không có đốn tiệm, tánh người tự có lợi độn, người mê thì lần lần khế hợp, người ngộ thời chóng tu, tự biết bốn tâm, tự thấy bốn tánh, tức là không có sai biệt, do đó nên lập ra giả danh đốn tiệm. Nầy thiện tri thức! Pháp môn của ta đây từ trước đến nay, trước lập vô niệm làm tông, vô tướng làm thể, vô trụ làm bản. Vô tướng là đối với tướng mà lìa tướng; vô niệm là đối với niệm mà không niệm; vô trụ là bản tánh của người. Ở thế gian nào là thiện ác, tốt xấu, cho đến những việc oán cùng với thân, ngôn ngữ xúc chạm, hư dối tranh đua, vân vân, thấy đều đem về không; không nghĩ trả thù hại lại, trong mỗi niệm không nghĩ cảnh trước, nếu niệm trước, niệm hiện tại, niệm sau, trong mỗi niệm tướng tục không dứt gọi là hệ phược. Đối trên các pháp mỗi niệm không trụ, tức là không phược, đây là lấy vô trụ làm gốc. Nầy thiện tri thức! Ngoài lìa tất cả tướng gọi là vô tướng, hay lìa nơi tướng, tức là pháp thể thanh tịnh, đây là lấy vô tướng làm thể. Nầy thiện tri thức! Đối trên các cảnh, tâm không nhiễm, gọi là vô niệm. Đối trên niệm thường lìa cảnh, chẳng ở trên cảnh mà sanh tâm. Nếu chỉ trắm vật chẳng nghĩ, niệm phải trừ hết, một niệm dứt tức là chết, rồi sẽ sanh nơi khác, ấy là lầm to. Người học đạo suy nghĩ đó, nếu không biết cái ý của pháp thì tự tâm lầm còn có thể, lại dạy người khác, tự mê không thấy lại còn chê bai kinh Phật, vì

thế nên lập vô niệm làm tông. Nầy thiện tri thức! Thế nào là lập vô niệm làm tông? Chỉ vì miệng nói thấy tánh, người mê ở trên cảnh có niệm, trên niệm lại khởi tà kiến, tất cả trần lao vọng tưởng từ đây mà sanh. Tự tánh vốn không một pháp có thể được, nếu có sở đắc, vọng nói họa phước tức là trần lao tà kiến, nên pháp môn này lập vô niệm làm tông. Nầy thiện tri thức! Vô là vô việc gì? Niệm là niệm vật nào? Vô đó là không có hai tướng, không có các tâm trần lao; niệm là niệm chân như bản tánh. Chân tức là thể của niệm, niệm tức là dụng của chân như, chân như tự tánh khởi niệm, không phải mất tai mũi lưỡi hay khởi niệm, chân như có tánh cho nên khởi niệm, chân như nếu không có tánh thì mất tai sắc thanh chính khi ấy liền hoại. Nầy thiện tri thức! Chân như tự tánh khởi niệm, sáu căn tuy có thấy nghe hiểu biết mà không nhiễm muôn cảnh, mà chơn tánh thường tự tại nên kinh nói: “Hay khéo phân biệt các pháp tướng mà đối với nghĩa đệ nhất không có động.”— The Master instructed the assembly: “Good Knowing Advisors, the right teaching is basically without a division into ‘sudden’ and ‘gradual.’ People’s natures themselves are sharp or dull. When the confused person who gradually cultivates and the enlightened person who suddenly connects each recognize the original mind and see the original nature, they are no different. Therefore, the terms sudden and gradual are shown to be false names. Good Knowing Advisors, this Dharma-door of mine, from the past onwards, has been established the first with no-thought as its doctrine, no-mark as its substance, and no-dwelling as its basis. No-mark means to be apart from marks while in the midst of marks. No-thought means to be without

thought while in the midst of thought. No-dwelling is the basic nature of human beings. In the world of good and evil, attractiveness and ugliness, friendliness and hostility, when faced with language which is offensive, critical, or argumentative, you should treat it all as empty and have no thought of revenge. In every thought, do not think of former states. If past, present, and future thoughts succeed one another without interruption, it is bondage. Not to dwell in dharmas from thought to thought is to be free from bondage. That is to take no-dwelling as the basis. Good Knowing Advisors, to be separate from all outward marks is called ‘no-mark.’ The ability to be separate from marks is the purity of the Dharma’s substance. It is to take no-mark as the substance. Good Knowing Advisors, the non-defilement of the mind in all states is called ‘no-thought.’ In your thoughts you should always be separate from states; do not give rise to thought about them. If you merely do not think of hundred things, and so completely rid yourself of thought, then as the last thought ceases, you die and undergo rebirth in another place. That is a great mistake, of which students of the Way should take heed. To misinterpret the Dharma and make a mistake yourself might be acceptable but to exhort others to do the same is unacceptable. In your own confusion you do not see, and, moreover, you slander the Buddha’s Sutras. Therefore, no-thought is to be established as the doctrine. Good Knowing Advisors, why is no-thought established as the doctrine? Because there are confused people who speak of seeing their own nature, and yet they produce thought with regard to states. Their thoughts cause deviant views

to arise, and from that, all defilement and false thinking are created. Originally, not one single dharma can be obtained in the self-nature. If there is something to attain, or false talk of misfortune and blessing, that is just defilement and deviant views. Therefore, this Dharma-door establishes no-thought as its doctrine. Good Knowing Advisors, ‘No’ means no what? ‘Thought’ means thought of what? ‘No’ means two marks, no thought of defilement. ‘Thought’ means thought of the original nature of True Suchness. True Suchness is the substance of thought and thought is the function of True Suchness. The True Suchness self-nature gives rise to thought. It is not the eye, ear, nose, or tongue which can think. The True Suchness possesses a nature and therefore gives rise to thought. Without True Suchness, the eye, ear, forms, and sounds immediately go bad. Good Knowing Advisors, the True Suchness self-nature gives rise to thought, and the six faculties, although they see, hear, feel, and know, are not defiled by the ten thousand states. Your true nature is eternally independent. Therefore, the Vimalakirti Sutra says, ‘If one is well able to discriminate all dharma marks, then, in the primary meaning, one does not move.’”

### **Phẩm Thứ Năm—Tọa Thiền—The Fifth Chapter—Sitting in Meditation**

- Tổ dạy chúng rằng: “Pháp môn tọa thiền này vốn không chấp nơi tâm, cũng không chấp nơi tịnh, cũng chẳng phải chẳng động. Nếu nói chấp tâm, tâm vốn là vọng; biết tâm như huyễn nên không có chỗ để chấp vậy. Nếu nói chấp tịnh, tánh người vốn là tịnh, bởi vì vọng niệm che

đây chơn như, chỉ cần không có vọng tưởng thì tánh tự thanh tịnh. Khởi tâm chấp tịnh trở lại sanh ra cái tịnh vọng. Vọng không có chỗ nơi, chấp ấy là vọng; tịnh không có hình tướng trở lại lập tướng tịnh, nói là công phu, người khởi kiến giải này là chướng tự bản tánh trở lại bị tịnh trói.”—The Master instructed the assembly: “The door of sitting in Ch’an consists fundamentally of attaching oneself neither to the mind nor to purity; it is not non-movement. One might speak of becoming attached to the mind, and yet the mind is fundamentally false. You should know that the mind is like an illusion and, therefore, there is nothing to which you can become attached. One might say that to practice Ch’an is to attach oneself to purity, yet the nature of people is basically pure. It is because of false thinking that the True Suchness is obscured. Simply have no false thinking, and the nature will be pure of itself. If attachment to purity arises in your mind, a deluded idea of purity will result. What is delusory does not exist, and the attachment is false. Purity has no form or mark and yet there are those who set up the mark of purity as an achievement. Those with this view obstruct their own original nature and become bound by purity.”

- Đây thiện tri thức! Nếu người tu hạnh bất động, chỉ khi thấy tất cả người, không thấy việc phải quấy, tốt xấu, lỗi lầm của người tức là tự tánh bất động. Đây thiện tri thức! Người mê thân tuy bất động, mở miệng liền nói việc phải quấy, hay dở, tốt xấu của người, tức là cùng đạo đã trái nhau, chấp tâm, chấp tịnh tức là chướng đạo—Good Knowing Advisors, one who cultivates non-movement does not notice

whether other people are right or wrong, good or bad, or whether they have other faults. That is the non-movement of the self-nature. Good Knowing Advisors, although the body of the confused person may not move, as soon as he opens his mouth he speaks of what is right and wrong about others, of their good points and shortcomings and so, he turns his back on the way. Attachment to the mind and attachment to purity are obstructions to the Way.”

- Tổ dạy chúng rằng: “Nầy thiện tri thức! Sao gọi là tọa thiền? Trong pháp môn này không chướng không ngại, ngoài đối với tất cả cảnh giới thiện ác tâm niệm chẳng khởi gọi là tọa, trong thấy tự tánh chẳng động gọi là thiền. Nầy thiện tri thức, sao gọi là thiền định? Ngoài lia tướng là thiền, trong chẳng loạn là định. Ngoài nếu chấp tướng, trong tâm tức loạn; ngoài nếu lia tướng, tâm tức chẳng loạn. Bản tánh tự tịnh tự định, chỉ vì thấy cảnh, suy nghĩ cảnh tức là loạn; nếu thấy các cảnh mà tâm chẳng loạn ấy là chơn định vậy. Nầy thiện tri thức! Ngoài lia tướng tức là thiền, trong chẳng loạn tức là định, ngoài thiền trong định, ấy gọi là thiền định. Kinh Bồ Tát Giới nói: “Bản tánh của ta vốn tự thanh tịnh. Nầy thiện tri thức! Trong mỗi niệm tự thấy được bản tánh thanh tịnh, tự tu, tự hành, tự thành Phật đạo.”— The Master instructed the assembly, “Good Knowing Advisors, what is meant by ‘sitting in Ch’an?’ In this obstructed and unimpeded Dharma-door, the mind’s thoughts do not arise with respect to any good or evil external state. That is what ‘sitting’ is. To see the unmoving self-nature inwardly is Ch’an. Good Knowing Advisors, what is meant by Ch’an concentration? Being separate

from external mark is ‘Ch’an.’ Not being confused inwardly is ‘concentration.’ If you become attached to external marks, your mind will be confused inwardly. If you are separate from external marks, inwardly your mind will be unconfused. The original nature is naturally pure, in a natural state of concentration. Confusion arises merely because states are seen and attended to. If the mind remains unconfused when any state is encountered, that is true concentration. Good Knowing Advisors, being separate from all external marks is Ch’an and being inwardly unconfused is concentration. External Ch’an and inward concentration are Ch’an concentration. The Vimalakirti Sutra says, ‘Just then, suddenly return and regain the original mind.’ The Bodhisattva-Sila Sutra says, ‘Our basic nature is pure of itself.’ Good Knowing Advisors, in every thought, see your own clear and pure original nature. Cultivate, practice, realize the Buddha Way.”

### **Phẩm Thứ Sáu—Sám Hối—The Sixth Chapter—Repentance and Reform**

- Khi ấy Tổ thấy sĩ thứ bốn phương từ Quảng Châu, Thiệu Châu đua nhau đến trong núi nghe pháp, Tổ mới đăng tòa bảo chúng rằng: “Đến đây, các thiện tri thức! Tánh này phải từ trong tự tánh mà khởi, trong tất cả thời, mỗi niệm tự tịnh tâm kia, tự tu, tự hành, thấy pháp thân của mình, thấy tâm Phật của mình, tự độ, tự giới mới được, không nhờ đến đây. Đã từ xa đến, một hội ở đây đều cùng có



duyên, nay có thể mỗi vị quỳ gối, trước tôi vì truyền cho Tự Tánh Ngũ Phần Pháp Thân Hương, kế đó là trao Vô Tướng Sám Hối—Seeing the scholars and common people of Kuang-Chou and Shao-Kuan and the four directions assembled on the mountain to hear the Dharma, the Great Master took his seat and spoke to the assembly saying: “Come, each of you, Good Knowing Advisors! This work must begin within your self-nature. At all times, in every thought, purify your mind, cultivate your own conduct, see your own Dharm-body and the Buddha of your own mind. Take yourself across; discipline yourself. Only then will your coming here have not been in vain. You have come from afar to attend this gathering because we have karmic affinities in common. Now all of you kneel and I will first transmit to you the fivefold Dharma-body refuge of the self-nature, and then the markless repentance and reform.”

- Chúng đều quỳ gối, Tổ bảo: “Một là giới hương, tức là trong tâm mình không có quấy, không có ác, không tật đố, không tham sân, không cướp hại, gọi là giới hương. Hai là định hương, tức là thấy các cảnh tướng thiện ác mà tự tâm chẳng loạn gọi là định hương. Ba là huệ hương, tức là tâm mình không ngại, thường dùng trí huệ quán chiếu tự tánh, chẳng tạo các ác, tuy tu các hạnh lành mà tâm không chấp trước, kính bậc trên thương kẻ dưới, cứu giúp người cô bản, gọi là huệ hương. Bốn là giải thoát hương, tức là tự tâm mình không có chỗ phan duyên, chẳng nghĩ thiện, chẳng nghĩ ác, tự tại vô ngại gọi là giải thoát hương. Năm là giải thoát tri kiến hương, tức là tự tâm đã không có chỗ phan duyên thiện ác, không thể trầm,

không trệ tịch, tức phải học rộng nghe nhiều, biết bản tâm mình, đạt được lý của chư Phật, hòa quang tiếp vật, không ngã không nhờn, thẳng đến Bồ Đề, chơn tánh không đổi, gọi là giải thoát tri kiến hương. Nay thiện tri thức! Hương này mỗi người tự huân ở trong, chớ hướng ra ngoài tìm cầu, nay tôi vì các ông mà trao ‘Vô Tướng Sám Hối’ để diệt tội trong ba đời, khiến được ba nghiệp thanh tịnh. Nay thiện tri thức! Mỗi người đồng thời nói theo lời tôi: “Đệ tử chúng con, từ niệm trước, niệm hiện tại và niệm sau, mỗi niệm không bị ngu mê làm nhiễm, từ trước có những nghiệp ác, ngu mê, vân vân, các tội thấy đều sám hối, nguyện một lúc tiêu diệt, hằng không khởi lại. Đệ tử chúng con, từ niệm trước, niệm hiện nay và niệm sau, mỗi niệm không bị kiêu cuồng làm nhiễm, từ trước có những nghiệp ác, kiêu cuồng, vân vân, các tội thấy đều sám hối, nguyện một thời tiêu diệt, hằng không khởi lại. Đệ tử chúng con, từ niệm trước, niệm hiện nay và niệm sau, mỗi niệm không bị tật đố làm nhiễm, từ trước đó có những nghiệp ác, tật đố, vân vân, các tội thấy đều sám hối, nguyện một lúc tiêu diệt, hằng không khởi lại. Nay thiện tri thức! Về trước là ‘Vô Tướng Sám Hối.’ Thế nào gọi là sám? Thế nào gọi là hối? Sám là sám những lỗi về trước, từ trước có những nghiệp ác ngu mê, kiêu cuồng, tật đố, vân vân, các tội thấy đều sám hết, hằng không khởi lại, gọi đó là sám. Hối là hối những lỗi về sau, từ nay về sau có những nghiệp ác ngu mê, kiêu cuồng, tật đố, vân vân, các tội nay đã giác ngộ, thấy đều hằng đoạn, lại không tạo lại, ấy gọi là hối, nên gọi là sám hối. Người phạm phu ngu mê, chỉ biết sám lỗi trước, chẳng biết hối lỗi sau, do vì không hối nên tội trước chẳng diệt, lỗi sau lại sanh. Tội trước đã

chẳng diệt, lỗi sau lại sanh, sao gọi là sám hối được—The assembly knelt and the Master said, “The first is the morality-refuge, which is simply your own mind when free from error, evil, jealousy, greed, hatred and hostility. The second is the concentration-refuge, which is just your own mind and does not become confused when seeing the marks of all good and evil conditions. The third is the wisdom-refuge, which is simply your own mind when it is unobstructed and when it constantly uses wisdom to contemplate and illuminate the self-nature, when it does no evil, does good without becoming attached and, is respectful of superior, considerate of inferiors, and sympathetic towards orphans and widows. The fourth is the liberation-refuge, which is simply your own mind independent of conditions, not thinking of good or evil, free and unobstructed. The fifth is the refuge of knowledge and views, which is simply your own mind when it is independent of good and evil conditions and when it does not dwell in emptiness or cling to stillness. You should then study this in detail, listen a great deal, recognize your original mind and penetrate the true principle of all the Buddhas. You should welcome and be in harmony with living creatures; the unchanging true nature. Good Knowing Advisors, the incense of these refuges perfumes each of you within. Do not seek outside. I will now transmit to you the markless repentance and reform to destroy the offensive actions done within the three periods of time and to purify the three karmas. Good Knowing Advisors, repeat after me: “May this disciple be, in past, present, and future thought, in every thought, unstained by stupidity and confusion. May

it be wiped away at once and never arise again. May this disciple be, in past, present, and future thought, in every thought, unstained by ignorance and deceit. Now I Completely repent of and reform all bad actions done in the past out of arrogance and deceit and other such offenses. May their effects be wiped away at once and may never be perpetrated again. May this disciple be in past, present, and future thought, in every thought unstained by jealousy. Now I completely repent and reform all bad actions done in the past out of jealousy and other such offenses. May they be wiped away at once and never arise again. Good Knowing Advisors, the above has been the markless repentance and reform. What is repentance and what is reform? Repentance is to repent of past errors, to repent so completely of all bad actions done in the past out of stupidity, confusion, arrogance, deceit, jealousy, and other such offenses, that they never arise again. Reform is to refrain from such transgressions in the future. Awakening and cutting off such offenses completely and never committing them again is called repentance and reform. Common people, stupid and confused, know only how to repent of former errors and do not know how to reform and refrain from transgressions in the future. Because they do not reform, their former errors are not wiped away, and they will occur in the future. If former errors are not wiped away and transgressions are again committed, how can that be called repentance and reform?”

- Này thiện tri thức! Đã sám hối xong, vì thiện tri thức, phát tứ hồng thệ nguyện, mỗi người phải dụng tâm chánh lắng

nghe: “Tự tâm chúng sanh vô biên thế nguyện độ, tự tâm phiền não vô biên thế nguyện đoạn, tự tánh pháp môn vô tận thế nguyện học, tự tánh Vô Thượng Phật đạo thế nguyện thành.” Nầy thiện tri thức! Cả thầy đâu chẳng nói: “Chúng sanh vô biên thế nguyện độ, nói thế ấy, vả lại không phải là Huệ Năng độ.” Nầy thiện tri thức! Chúng sanh trong tâm, chỗ gọi rằng tâm tà mê, tâm cuồng vọng, tâm bất thiện, tâm tật đố, tâm ác độc, những tâm như thế trọn là chúng sanh, mỗi người nên tự tánh tự độ, ấy gọi là chơn độ. Sao gọi là tự tánh tự độ? Tức là trong tâm những chúng sanh tà kiến, phiền não, ngu si, mê vọng, đem chánh kiến mà độ. Đã có chánh kiến bèn sử dụng trí Bát Nhã đánh phá những chúng sanh ngu si mê vọng, mỗi mỗi tự độ, tà đến thì chánh độ, mê đến thì ngộ độ, ngu đến thì trí độ, ác đến thì thiện độ, độ như thế gọi là chơn độ. Lại phiền não vô biên thế nguyện đoạn, đem tự tánh Bát Nhã trí trừ hư vọng tư tưởng tâm ấy vậy. Lại pháp môn vô tận thế nguyện học, phải tự thấy tánh của mình, thường hành chánh pháp, ấy gọi là chơn học. Lại vô thượng Phật đạo thế nguyện thành, đã thường hay hạ tâm hành nơi chơn chánh, lìa mê, lìa giác, thường sanh Bát Nhã trừ chơn trừ vọng, tức thấy được Phật tánh, liền ngay nơi lời nói, liền thành Phật đạo, thường nhớ tu hành, ấy là pháp nguyện lực—Good Knowing Advisors, as you have repented and reformed, I will now teach you to make the four all-encompassing vows:

I vow to take across the limitless living beings of my own mind.

I vow to cut off the inexhaustible afflictions of my own mind.

I vow to study the immeasurable Dharma-doors of my own nature.

I vow to realize the supreme Buddha Way of my own nature.

Good Knowing Advisors, did all of you not just say, “I vow to take across the limitless beings? What does it mean? You should remember that it is not Hui-Neng who takes them across. Good Knowing Advisors, the ‘living beings’ within your mind are deviant and confused thoughts, deceitful and false thoughts, unwholesome thoughts, jealous thoughts, vicious thoughts: and these thoughts are ‘living beings’ The self-nature of each one of them must take itself across. That is true crossing over. What is meant by ‘the self-nature taking across?’ It is to take across by means of right views the living beings of deviant views, affliction, and delusion within your own mind. Once you have right views, use Prajna Wisdom to destroy the living beings of delusion, confusion, and falsehood. Each one takes itself across. Enlightenment takes confusion across, wisdom takes delusion across, goodness takes evil across. Such crossing over is a true crossing. Further, ‘I vow to cut off the inexhaustible afflictions.’ That is to use the Prajna Wisdom of your own self-nature to cast out the vain and false thoughts in your mind. Further, ‘I vow to study the immeasurable Dharma-door.’ You must see your own nature and always practice the right Dharma. That is true study. Further, ‘I vow to realize the supreme Buddha Way,’ and with humble mind to always practice the true and proper way. Separate yourself from both confusion and enlightenment, and always give rise to Prajna. When you cast out the true and the false, you see your nature and realize the Buddha-way at the very moment it is spoken of. Always be mindful; cultivate

the Dharma that possesses the power of this vow.”

- Nầy thiện tri thức! Nay phát tứ hồng thệ nguyện rồi, tôi lại vì thiện tri thức mà trao ‘Vô Tướng Tam Quy Y Giới.’ Nầy thiện tri thức! Quy y giác lương túc tôn, quy y chánh ly dục tôn, quy y tịnh chúng trung tôn. Từ ngày nay trở đi xưng ‘Giác’ làm thầy, lại chẳng quy y tà ma ngoại đạo, dùng tự tánh Tam Bảo thường tự chứng minh, khuyên thiện tri thức quy y tự tánh Tam Bảo. Phật là ‘Giác’ vậy, Pháp là ‘Chánh’ vậy, Tăng là ‘Tịnh’ vậy. Tự tâm quy y Giác, tà mê chẳng sanh, thiếu dục tri túc hay lia tài sắc, gọi là Lương Túc Tôn. Tự tâm quy y Chánh, niệm niệm không tà kiến, vì không tà kiến tức là không như ngã cống cao, tham ái, chấp trước, gọi là Ly Dục Tôn. Tự tâm quy y Tịnh, tất cả cảnh giới trần lao ái dục, tự tánh đều không nhiễm trước, gọi là Chúng Trung Tôn. Nếu tu hạnh này, ấy là tự quy y. Phạm phu không hiểu, từ sáng đến tối, thọ tam quy giới, nếu nói quy y Phật, Phật ở chỗ nào? Nếu chẳng thấy Phật thì nương vào chỗ nào mà quy, nói lại thành vọng. Nầy thiện tri thức! Mỗi người tự quan sát, chớ lầm dụng tâm, kinh văn rõ ràng, nói tự quy y Phật, chẳng nói quy y với Phật khác, tự Phật mà chẳng quy, thì không có chỗ nào mà y được. Nay đã tự ngộ, mỗi người phải quy y tự tâm Tam Bảo, trong thì điều hòa tâm tánh, ngoài thì cung kính mọi người, ấy là tự quy y vậy—Good Knowing Advisors, now that you have made the four all-encompassing vows, I will transmit the precepts of the triple refuge that has no mark. Good Knowing Advisors, take refuge with the enlightened, the honored, the doubly complete. Take refuge with the right, the honored, that is apart from

desire. Take refuge with the pure, the honored among the multitudes. ‘From this day forward, we call enlightenment our master and will never again take refuge with deviant demons or outside religions. We constantly enlighten ourselves by means of the Triple Jewel of our own self-nature.’ Good Knowing Advisors, I exhort you all to take refuge with the Triple Jewel of your own nature: the Buddha, which is enlightenment; the Dharma, which is right; and the Sangha, which is pure. When your mind takes refuge with enlightenment, deviant confusion does not arise. Desire decreases, so that you know contentment and are able to keep away from wealth and from the opposite sex. That is called the honored, the doubly complete. When your mind takes refuge with what is right, there are no deviant views in any of your thoughts because there are no deviant views; there is no self, other, arrogance, greed, love or attachment. That is called the honored that is apart from desire. When your own mind takes refuge with the pure, your self-nature is not stained by attachment to any state of defilement, desire or love. That is called the honored among the multitudes. If you cultivate this practice, you take refuge with yourself. Common people do not understand that, and so, from morning to night, they take the triple-refuge precepts. They say they take refuge with the Buddha, but where is the Buddha? If they cannot see the Buddha, how can they return to him? Their talk is absurd. Good Knowing Advisors, each of you examine yourselves. Do not make wrong use of the mind. The Avatamsaka Sutra clearly states that you should take refuge with your own Buddha, not with some other

Buddha. If you do not take refuge with the Buddha in yourself, there is no one you can rely on. Now that you are self-awakened, you should each take refuge with the Triple Jewel of your own mind. Within yourself, regulate your mind and nature; outside yourself, respect others. That is to take refuge with yourself.”

- Nầy thiện tri thức! Đã quy y tự Tam Bảo xong, mỗi người phải chí tâm, tôi vì nói một thể ba thân tự tánh Phật, khiến các ông thấy được ba thân rõ ràng tự ngộ tự tánh. Phải theo lời tôi nói: “Nói tự sắc thân quy y thanh tịnh pháp thân Phật, nơi tự sắc thân quy y viên mãn báo thân Phật, nơi tự sắc thân quy y thiên bá ức hóa thân Phật. Nầy thiện tri thức! Sắc thân là nhà cửa không thể quy y hưởng đó, ba thân Phật ở trong tự tánh người đời thấy vì đều có, vì tự tâm mê không thấy tánh ở trong nên chạy ra ngoài tìm ba thân Như Lai, chẳng thấy ở trong thân có ba thân Phật. Các ông lắng nghe tôi nói khiến các ông ở trong tự thân thấy được tự tánh có ba thân Phật. Ba thân Phật nầy từ nơi tự tánh sanh, chẳng phải từ ngoài mà được. Sao gọi là Thanh Tịnh Pháp Thân Phật? Người đời bản tánh là thanh tịnh, muôn pháp từ nơi tánh mà sanh, suy nghĩ tất cả việc ác tức sanh hạnh ác, suy nghĩ tất cả việc lành tức sanh hạnh lành. Như thế các pháp ở trong tự tánh như trời thường trong, mặt trời mặt trăng thường sáng, vì mây che phủ nên ở trên sáng, ở dưới tối, chợt gặp gió thổi mây tan, trên dưới đều sáng, vạn tượng đều hiện. Tánh của người đời thường phù du như là mây trên trời kia. Nầy thiện tri thức! Trí như mặt trời, huệ như mặt trăng, trí huệ thường sáng, do bên ngoài chấp cảnh nên bị mây nổi vọng niệm che phủ tự tánh không được sáng suốt. Nếu gặp thiện tri thức, nghe

được pháp chơn chánh, tự trừ mê vọng, trong ngoài đều sáng suốt, nơi tự tánh muôn pháp đều hiện. Người thấy tánh cũng lại như thế, ấy gọi là Thanh Tịnh Pháp Thân Phật—Good Knowing Advisors, now that you have taken refuge with the Triple Jewel, you should listen carefully while I explain to you the three bodies of a single substance, the self-nature of the Buddha, so that you may see the three bodies and become completely enlightened to your own self-nature. Repeat after me:

1. I take refuge with the clear, pure Dharma-body of the Buddha within my own body.
2. I take refuge with the hundred thousand myriad Transformation-bodies of the Buddha within my own body.
3. I take refuge with the complete and full Reward-body of the Buddha within my own body.

Good Knowing Advisors, the form-body is an inn; it cannot be returned to. The three bodies of the Buddha exist within the self-nature of worldly people but, because they are confused, they do not see the nature within them and so, seek the three bodies of the Tathagata outside themselves. They do not see that the three bodies of the Buddha are within their own bodies. Listen to what I say, for it can cause you to see the three bodies of your own self-nature within your own body. The three bodies of the Buddha arise from your own self-nature and are not obtained from outside. What is the clear pure Dharma-body Buddha? The worldly person's nature is basically clear and pure and, the ten thousand dharmas are produced from it. The thought of evil produces evil actions and the thought of

- good produces good actions. Thus, all dharmas exist within self-nature. This is like the sky which is always clear, and the sun and moon which are always bright, so that if they are obscured by floating clouds, it is bright above the clouds and dark below them. But if the wind suddenly blows and scatters the clouds, there is brightness above and below, and the myriad forms appear. The worldly person's nature constantly drifts like those clouds in the sky. Good Knowing Advisors, intelligence is like the sun and wisdom is like the moon. Intelligence and wisdom are constantly bright but, if you are attached to external states, the floating clouds of false thought cover the self-nature so that it cannot shine. If you meet a Good Knowing Advisor, if you listen to the true and right Dharma and cast out your own confusion and falseness, then inside and out there will be penetrating brightness, and within the self-nature all the ten thousand dharmas will appear. That is how it is with those who see their own nature. It is called the clear, pure Dharma-body of the Buddha.”
- Này thiện tri thức! Tự tâm quy y tự tánh là quy y chơn Phật. Tự quy y là trừ bỏ trong tự tánh tâm bất thiện, tâm tật đố, tâm siểm khúc, tâm ngỗ ngã, tâm cuồng vọng, tâm khinh người, tâm lẩn người, tâm tà kiến, tâm cống cao, và hạnh bất thiện trong tất cả thời, thường tự thấy lỗi mình, chẳng nói tốt xấu của người khác, ấy là tự quy y. Thường tự hạ tâm, khắp hành cung kính tức là thấy tánh thông đạt lại không bị ngăn trệ, ấy là tự quy y— Good Knowing Advisors, when your own mind takes refuge with your self-nature, it takes refuge with the true Buddha. To
  - take refuge is to rid your self-nature of ego-centered and unwholesome thoughts as well as jealousy, obsequiousness, deceitfulness, contempt, pride, conceit, and deviant views, and all other unwholesome tendencies whenever they arise. To take refuge is to be always aware of your own transgressions and never to speak of other people's good or bad traits. Always to be humble and polite is to have penetrated to the self-nature without any obstacle. That is taking refuge.”
  - Sao gọi là Viên Mãn Báo Thân Phật? Thí như trong một ngọn đèn hay trừ ngàn năm tối, một trí huệ hay diệt muôn năm ngu. Chớ suy nghĩ về trước, đã qua không thể được. Thường phải nghĩ về sau, mỗi niệm mỗi niệm tròn sáng, tự thấy bản tánh. Thiện ác tuy là khác mà bản tánh không có hai, tánh không có hai đó gọi là tánh Phật. Ở trong thật tánh không nhiễm thiện ác, đây gọi là Viên Mãn Báo Thân Phật. Tự tánh khởi một niệm ác thì diệt muôn kiếp như lạnh, tự tánh khởi một niệm thiện thì được hằng sa ác hết, thẳng đến Vô Thượng Bồ Đề, niệm niệm tự thấy chẳng mất bốn niệm gọi là Báo Thân—What is the perfect, full Reward-body of the Buddha? Just as one lamp can disperse the darkness of a thousand years, one thought of wisdom can destroy ten thousand years of delusion. Do not think of the past; it is gone and can never be recovered. Instead think always of the future and in every thought, perfect and clear, see your own original nature. Although good and evil differ, the original nature is non-dual. That non-dual nature is the real nature. Undeiled by either good or evil, it is the perfect, full Reward-body of the Buddha. One evil thought

arising from the self-nature destroys ten thousand aeons' worth of good karma. One good thought arising from the self-nature ends evils as numerous as the sand-grains in the Ganges River. To reach the unsurpassed Bodhi directly, see it for yourself in every thought and do not lose the original thought. That is the Reward-body of the Buddha.”

- Sao gọi là Thiên Bách Úc Hóa Thân? Nếu chẳng nghĩ muôn pháp thì tánh vốn như không, một niệm suy nghĩ gọi là biến hóa. Suy nghĩ việc ác là hóa làm địa ngục, suy nghĩ việc thiện thì hóa làm thiên đường, độc hại thì hóa làm rồng rắn, từ bi thì hóa làm Bồ Tát, trí huệ thì hóa làm thượng giới, ngu si thì hóa làm hạ giới. Tự tánh biến hóa rất là nhiều, người mê không hay tỉnh giác, mỗi niệm khởi ác thường đi trong con đường ác, xoay về một niệm thiện, trí huệ liền sanh, đây gọi là Tự Tánh Hóa Thân Phật—
- Đây thiện tri thức! Từ Pháp thân suy nghĩ tứ là Hóa thân Phật, niệm niệm tự tánh tự kiến tức là Báo Thân Phật, tự ngộ tự tu, tự tánh công đức, ấy là chơn thật quy y. Da thịt là sắc thân, sắc thân đó là nhà cửa, không nói lá uy y vậy. Chỉ ngộ tự tánh ba thân tức là biết được tự tánh Phật. Tôi có một bài tụng Vô Tướng, nếu người hay trì tụng, ngay nơi lời nói liền khiến cho ông, tội mê từ nhiều kiếp, một lúc liền tiêu diệt. Tụng rằng:  
 Người mê tu phước chẳng tu đạo,  
 Chỉ nói tu phước liền là đạo,  
 Bồ thí cúng dường phước vô biên,  
 Trong tâm ba ác xưa nay tạo.  
 Nghĩ muốn tu phước để diệt tội,  
 Đời sau được phước, tội vẫn còn,  
 Chỉ hướng trong tâm trừ tội duyên,  
 Mỗi người tự tánh chơn sám hối.

Chợt gặp Đại Thừa chơn sám hối,  
 Trừ tà hành chánh tứ không tội,  
 Học đạo thường nơi tự tánh quán,  
 Tức cùng chư Phật đồng một loại.  
 Tổ ta chỉ truyền pháp đốn giáo,  
 Khấp nguyện kiến tánh đồng một thể.  
 Nếu muốn đời sau tìm Pháp thân,  
 Liạ các pháp tướng trong tâm rửa sạch.

Nỗ lực tự thấy chớ lơ là,  
 Một niệm chợt dứt một đời thôi.  
 Nếu gặp Đại Thừa được thấy tánh,  
 Thành tâm cung kính chấp tay cầu.  
 Good Knowing Advisors, the Dharma body of the Buddha is basically complete. To see your own nature in every thought is the Reward body of the Buddha. When the Reward body thinks and calculates, it is the Transformation body of the Buddha. Awaken and cultivate by your own efforts the merit and virtue of your self-nature. That is truly taking refuge. The skin and flesh of the physical body are like an inn to which you cannot return. Simply awaken to the three bodies of your self-nature and you will understand the self-nature Buddha. I have a verse without marks. If you can recite and memorize it, it will wipe away accumulated aeons of confusion and offenses as soon as the words are spoken. The verse runs:  
 A confused person will foster blessings, but not cultivate the Way  
 And say, “To practice for the blessings is practice of the way.”

While giving and making offerings  
 bring blessings without limit,  
 It is in the mind that the three evils  
 have their origins.

By seeking blessings you may wish  
 To obliterate offenses

But in the future, though you are  
blessed, offenses still remain.

You ought to simply strike the evil  
Conditions from your mind  
By true repentance and reform  
Within your own self-nature.

A sudden awakening: the true repentance  
and reform of the Great Vehicle;  
You must cast out the deviant, and  
practice the right, to be without offense.

To study the Way, always look within  
your own self-nature;  
You are then the same in kind  
And lineage as all Buddhas.

Our Patriarch passed along only  
This Sudden Teaching,  
Wishing that all might see the nature  
And be of one substance.

In the future if you wish  
To find the Dharma-body,  
Detach yourself from Dharma marks  
And inwardly wash the mind.

Strive to see it for yourself  
And do not waste your time,  
For when the final thought has stopped  
Your life comes to an end.

Enlightenment to the Great Vehicle  
You can see your nature;  
So reverently join your palms  
And seek it with all your heart.

- Tổ nói: “Nầy thiện tri thức! Phải tụng lấy, y đây tu hành, ngay nơi lời nói mà thấy tánh, tuy cách tôi ngàn dặm như thường ở bên cạnh tôi; một lời nói này mà chẳng ngộ tức là đối diện với tôi mà cách xa

ngàn dặm, đâu cần từ xa đến đây. Trần trọng đi được an vui.”

Cả chúng nghe pháp rồi không ai mà không khai ngộ, đều hoan hỷ phụng hành—The Master said, “Good Knowing Advisors, all of you should take up this verse and cultivate according to it. If you see your nature at the moment these words are spoken, even if we are a thousand miles apart you will always be by my side. If you do not awaken at the moment of speaking, then, though face to face, we are a thousand miles apart, so why did you bother to come from so far? Take care of yourselves and go well.”

The united assembly heard this Dharma and there were none who did not awaken. They received it with delight and practiced in accord with it.

### **Phẩm Thứ Bảy—Cơ Duyên—The Seventh Chapter—Opportunities & Conditions**

- Tổ từ được pháp ở Huỳnh Mai, về đến Thiều Châu, thôn Táo Hâu, mọi người đều không biết. Có một nho sĩ là Lưu Chí Lược kính trọng ngài lắm. Chí Lược có người cô làm Ni tên là Vô Tận Tạng, thường tụng kinh Đại Niết Bàn, Tổ nghe qua liền biết được diệu nghĩa, mới vì Ni Cô giải nói. Ni cô mới cầm quyển kinh hỏi chữ. Tổ bảo: Chữ thì không biết, nghĩa tức mời hỏi.”—The Master obtained the Dharma at Huang-Mei and returned to Ts’ao-Hou Village in Shao-Chou, where no one knew him. But Liu-Chih-Liao, a scholar, received him with great courtesy. Chih-Liao’s aunt, Bhikshuni Wu-Chin-Tsang, constantly recited the Mahaparinirvana Sutra. When the Master heard it, he instantly grasped



- its wonderful principle and explained it to her. The bhikshuni then held out a scroll and asked about some characters. The Master said, “I cannot read; please ask about the meaning.”
- Ni Cô nói: “Chữ còn không biết, sao có thể hiểu nghĩa?”—“If you cannot even read, how can you understand the meaning?” asked the Bhikshuni.
  - Tổ bảo: “Diệu lý của chư Phật chẳng có quan hệ đến văn tự.”—The Master replied, “The subtle meaning of all Buddhas is not based on language.”
  - Cô Ni kinh lạ mới bảo khắp hàng kỳ đức trong thôn rằng: “Đây là hàng tu sĩ có đạo, nên thỉnh cúng dường.” Khi ấy có cháu bốn đời của Ngụy Vô Hâu tên là Tào Thúc Lương và dân cư trong làng đua nhau đến chiêm lễ Tổ. Khi ấy chùa cổ Bảo Lâm, từ cuối đời Tùy bị binh lửa làm thành phế tích, mới y nền cũ dựng lại ngôi chùa, mời Tổ trụ trì nơi đó, không bao lâu thành một ngôi chùa rất trang nghiêm. Tổ ở đó hơn chín tháng lại bị bọn ác đui theo, Tổ bèn trốn đến trước núi, bị họ phóng hỏa, đốt cỏ cây, Tổ ẩn thân vào trong kẹt đá được khỏi, trên đá ngày nay dấu Tổ ngồi kiết già và vết nếp y của Tổ vẫn còn, như đó gọi là hòn đá tự nạn. Tổ nhớ Ngũ Tổ dạy đến Hoài và Hội dừng ẩn, nên ngài mới ẩn ở hai ấp ấy—The Bhikshuni was startled, and she announced to all the elders and virtuous ones in the village: “Here is a gentleman who possesses the way. We should ask him to stay and receive our offerings.” Ts’ao-Shu-Liang, great-grandson of the Marquis Wu of the Wei dynasty, came rushing to pay homage, along with the people of the village. At that time, the pure dwellings of the ancient Pao-Lin Temple, which had been destroyed by war and fire at the end of the Sui dynasty, were rebuilt on their old foundation. The Master was invited to stay and soon the temple became a revered place. He dwelt there a little over nine months when he was once again pursued by evil men. The Master hid in the mountain in the front of the temple, and when they set fire to the brush and trees, he escaped by crawling into a cave to hide. The rock still bears the imprints of the Master’s knees and of his robe where he sat in lotus posture. Because of this it is called ‘The Rock of Refuge.’ Remembering the Fifth Patriarch’s instructions to stop at Huai and hide at Hui, he went to conceal himself in those two cities.
  - Tăng Pháp Hải, người quê ở Khúc Giang, Thiều Châu, ban đầu đến tham vấn Tổ, hỏi rằng: “Tức tâm tức Phật, cúi xin ngài chỉ dạy.”—When Bhikshu Fa-Hai of Ch’u-Ch’iang city in Shao-Chou first called on the Patriarch, he asked, “Will you please instruct me on the sentence, ‘Mind is Buddha’?”
  - Tổ bảo: “Niệm trước chẳng sanh tức tâm, niệm sau chẳng diệt tức Phật; thành tất cả tướng tức tâm, lia tất cả tướng tức Phật. Nếu nói cho đủ, cùng kiếp cũng không hết, hãy lắng nghe tôi nói kệ:  
“Tức tâm là huệ, tức Phật là định,  
Định huệ bình đẳng, trong ý thanh tịnh.  
Ngộ pháp môn này, do ông tập tánh,  
Dụng vốn không sanh, song tu là chánh.”  
Ngài Pháp Hải ngay lời đó liền đại ngộ, làm bài kệ tán thán:  
“Tức tâm nguyên là Phật,  
Chẳng ngộ mà tự khinh,  
Con biết như định huệ,

Đồng tu lia các vật.”

The Master said, “When one preceding thoughts are not produced, this is mind; when one’s subsequent thoughts are not extinguished, this is Buddha. The setting up of marks is mind, and separation from them is Buddha. Were I to explain it fully, I would not finish before the end of the present age.” Listen to my verse:

“When the mind is called wisdom,  
Then the Buddha is called concentration.  
When concentration and wisdom are  
equal.  
The intellect is pure.

Understand this Dharma teaching  
By practicing with your own nature.  
The function is basically unproduced;  
It is right to cultivate both.”  
At these words, Fa-Hai was enlightened  
and spoke a verse in praise:  
“This mind is basically Buddha;  
By not understanding I disgrace myself.  
I know the cause of concentration and  
wisdom  
Is to cultivate both and separate myself  
From all things.”

- Tăng tên là Pháp Đạt, người ở Hồng Châu, xuất gia lúc bảy tuổi, thường tụng kinh Pháp Hoa, đến lễ Tổ mà đầu không sát đất. Tổ mới quở rằng: “Lễ mà đầu không sát đất, chi bằng đừng lễ, trong tâm ông ắt có một vật, vậy ông chứa chất sự nghiệp gì?”—Bhikshu Fa-Ta of Hung-Chou left home at age seven and constantly recited the Dharma Flower Sutra, but when he came to bow before the Patriarch, his head did not touch the ground. The Master scolded him, saying, “If you do not touch the ground, isn’t it better not to bow? There must be

something on your mind. What do you practice?”

- Pháp Đạt thưa: “Tôi tụng kinh Pháp Hoa đã đến ba ngàn bộ.”—“I have recited the Dharma Flower Sutra over three thousand times,” he replied.
- Tổ bảo: “Nếu ông tụng đến muôn bộ, được cái ý kinh mà chẳng cho là hơn, ắt cùng với ta sánh vai, nay ông mang sự nghiệp này, trọn không biết lỗi, nghe ta nói kệ:

“Lễ cốt chặt cờ mạn,  
Sao đầu không sát đất,  
Có ngã tội liền sanh,  
Quên công phước vô tỷ.”

Tổ lại hỏi rằng: “Ông tên gì?”

Pháp Đạt thưa: “Tên Pháp Đạt.”

The Master said, “I don’t care if you have recited it ten thousand times. If you understood the Sutra’s meaning, you would not be so overbearing, and you could walk along with me. You have failed in your work and do not recognize your error. Listen to my verse:

“As bowing is basically to cut off arrogance,

Why don’t you touch your head to the ground?

When you possess an ego, offenses arise, but forgetting merit brings supreme blessings.”

The Master asked further, “What is your name?”

“Fa-Ta,” he replied.

- Tổ bảo: “Ông tên Pháp Đạt mà đầu từng đạt pháp.” Lại nói bài kệ:  
“Nay ông tên Pháp Đạt,  
Chuyên tụng chưa từng thôi,  
Tụng rỗng chỉ theo tiếng,  
Sáng tâm hiệu Bồ Tát,  
Nay ông vì có duyên,

Nay tôi vì ông nói,  
Chỉ tin Phật không lời,  
Hoa sen từ miệng Phật.”

The Master said, “Your name means ‘Dharma Penetration,’ but what dharma have you penetrated?” The Master then spoke a verse:

“Your name means Dharma Penetration,  
And you earnestly recite without pause to rest. Recitation is merely sound, but one who understands his mind is called a Bodhisattva.

Now, because of your karmic conditions, I will explain it to you:

Believe only that the Buddha is without words,

And the lotus blossom will bloom from your mouth.”

- Ngài Pháp Đạt nghe kệ hối hận, tạ lỗi thưa rằng: “Từ nay về sau con sẽ khiêm cung đối với tất cả. Đệ tử tụng kinh Pháp Hoa mà chưa hiểu được nghĩa kinh, tâm thường có nghi, Hòa Thượng là bậc trí tuệ rộng lớn, cúi mong lược nói nghĩa lý trong kinh.”—Hearing the verse, Fa-Ta was remorseful and he said, “From now on I will respect everyone. Your disciple recites the Dharma Flower Sutra but, has not yet understood its meaning. His mind often has doubts. High Master, your wisdom is vast and great. Will you please explain the general meaning of the Sutra for me?”
- Tổ bảo: “Pháp Đạt, pháp tức rất thâm đạt mà tâm ông chẳng đạt, kinh vốn không nghi mà tâm ông khởi nghi. Ông tụng kinh này, lấy cái gì làm tông?”—The Master said, “Dharma Penetration, the Dharma is extremely penetrating but, your mind does not penetrate it. There is basically nothing doubtful in the Sutra.

The doubts are in your own mind. You recite this Sutra but what do you think its teaching is?”

- Pháp Đạt thưa: “Học như căn tánh ám độn, từ trước đến nay chỉ y văn mà tụng niệm, đâu có biết tông thú.”—Fa-Ta said, “This student’s faculties are dull and dim. Since I have only recited it by heart, how could I understand its doctrine?”
- Tổ bảo: “Tôi không biết chữ, ông thử lấy kinh tụng một biến, tôi sẽ vì ông giải nói.”—The Master said, “I cannot read, but if you take the Sutra and read it once, I will explain it to you.”
- Pháp Đạt liền to tiếng tụng kinh, đến phẩm Thí Dụ, Tổ bảo: “Dừng! Kinh này nguyên lai lấy như duyên ra đời làm tông, dù nói nhiều thứ thí dụ cũng không vượt qua chỗ này. Sao là như duyên? Kinh nói chư Phật Thế Tôn chỉ có một đại sự như duyên mà xuất hiện ở đời, một đại sự đó là Tri Kiến Phật. Người đời do mê bên ngoài nên chấp tướng, mê bên trong nên chấp không—Fa-Ta recited loudly until he came to the ‘Analogies Chapter.’ The Master said, “Stop! This Sutra fundamentally is based on the principle underlying the causes and conditions of the Buddha’s appearance in the world. None of the analogies spoken go beyond that. What are the causes and conditions? The Sutra says, ‘All Buddhas, the World-Honored Ones, appear in the world for the causes and conditions of the One Important Matter.’ The One Important Matter is the knowledge and vision of the Buddha. Worldly people, deluded by external world, attach themselves to marks, and deluded by their

inner world, they attach themselves to emptiness.

- Nếu hay nơi tướng mà lìa tướng, nơi không mà lìa không thì trong ngoài chẳng mê. Nếu ngộ được pháp này, một niệm tâm khai, ấy là khai Tri Kiến Phật. Phật tức là giác, phân làm bốn môn: Khai giác tri kiến, thị giác tri kiến, ngộ giác tri kiến, nhập giác tri kiến. Nếu nghe khai thị liền hay ngộ nhập tức là giác tri kiến, chơn chánh xưa nay mà được xuất hiện. Ông dè dặt chớ hiểu lầm ý kinh, nghe trong kinh nói khai thị ngộ nhập rồi tự cho là Tri Kiến của Phật, chúng ta thì vô phần. Nếu khởi cái hiểu này tức là chê bai kinh, hủy báng Phật vậy. Phật kia đã là Phật rồi, đã đầy đủ tri kiến, cần gì phải khai nữa. Nay ông phải tin Phật tri kiến đó chỉ là tự tâm của ông, lại không có Phật nào khác; vì tất cả chúng sanh tự che phủ cái quang minh, tham ái trần cảnh, ngoài thì duyên với ngoại cảnh, trong tâm thì lăng xăng, cam chịu lồi cuốn, liền nhọc Đức Thế Tôn kia từ trong tam muội mà dậy, dùng bao nhiêu phương tiện nói đến đấng miệng, khuyên bảo khiến các ông buông dứt chớ hưởng ra ngoài tìm cầu thì cùng Phật không hai, nên nói khai Phật tri kiến. Tôi cũng khuyên tất cả các người nên thường khai tri kiến Phật ở trong tâm của mình. Người đời do tâm tà, ngu mê tạo tội, miệng thì lành tâm thì ác, tham sân tật đố, siểm nịnh, ngã mạn, xâm phạm người hại vật, tự khai tri kiến chúng sanh. Nếu ngay chánh tâm, thường sanh trí huệ, quán chiếu tâm mình, đừng ác làm lành, ấy là tự khai tri kiến Phật. Ông phải mỗi niệm khai tri kiến Phật, chớ khai tri kiến chúng sanh. Khai tri kiến Phật tức là xuất thế, khai tri kiến chúng sanh tức là thế gian. Nếu ông chỉ nhọc nhằn chấp việc tụng niệm làm công khóa thì nào khác

con trâu ly mấn cái đuôi của nó!”—If you can live among marks and yet be separate from it, then you will be confused by neither the internal nor the external. If you awaken to this Dharma, in one moment your mind will open to enlightenment. The knowledge and vision of the Buddha is simply that. The Buddha is enlightenment. There are four divisions:

- 1) Opening to the enlightened knowledge and vision;
- 2) Demonstrating the enlightened knowledge and vision;
- 3) Awakening to the enlightened knowledge and vision; and
- 4) Entering the enlightened knowledge and vision.

If you listen to the opening and demonstrating of the Dharma, you can easily awaken and enter. That is the enlightened knowledge and vision, the original true nature becoming manifested. Be careful not to misinterpret the Sutra by thinking that the opening, demonstrating, awakening, and entering of which it speaks is the Buddha's knowledge and vision and that we have no share in it. To explain it that way would be to slander the Sutra and defame the Buddha. Since he is already a Buddha, perfect in knowledge and vision, what is the use of his opening to it again? You should now believe that the Buddha's knowledge and vision is simply your own mind, for there is no other Buddha. But, because living beings cover their brilliance with greed, and their love with states of defilement; external conditions and inner disturbance make slaves of them. That troubles the World-Honored One to rise from Samadhi, and with various reproaches and expedients, he exhorts living beings to

stop and rest, not to seek outside themselves, and to make themselves the same as he is. That is called ‘Opening the knowledge and vision of the Buddha.’ I, too, am always exhorting all people to open to the knowledge and vision of the Buddha within their own minds. The mind of worldly people are deviant. Confused and deluded, they commit offenses. Their speech may be good, but their minds are evil. They are greedy, hateful, envious, given to flattery, deceit and arrogance. They oppress one another and harm living creatures, thus, they open not the knowledge and vision of Buddha but that of living beings. If you can with an upright mind constantly bring forth wisdom, contemplating and illuminating your own mind, and if you can practice the good and refrain from evil, you, yourself will open to the knowledge and vision of the Buddha. In every thought you should open up to the knowledge and vision of the Buddha; do not open up to the knowledge and vision of living beings. To be open to the knowledge and vision of the Buddha is transcendental; to be open to the knowledge and vision of living beings is mundane. If you exert yourself in recitation, clinging to it as a meritorious exercise, how does that make you different from a yak who loves his own tail?”

- Pháp Đạt thưa: “Nếu vậy thì chỉ được hiểu nghĩa, chẳng cần tụng kinh chẳng?”—Fa-Ta said, “If this is so, then I need only to understand the meaning and need not to exert myself in reciting the Sutra. Isn’t that correct?”
- Tổ bảo: Kinh có lỗi gì? Đâu có chướng ngại ông tụng, chỉ vì mê ngộ là tại người,

tổn giảm hay lợi ích là do mình, miệng tụng tâm hành tức là chuyển được kinh, còn miệng tụng mà tâm không hành tức là bị kinh chuyển.” Hãy nghe ta nói kệ đây:

“Tâm mê Pháp Hoa chuyển,  
Tâm ngộ chuyển Pháp Hoa,  
Tụng lâu không rõ nghĩa,  
Cùng nghĩa trở thành thù.  
Không niệm niệm là chánh,  
Có niệm niệm là tà,  
Có không đều chẳng chấp,  
Hằng ngồi xe Bạch Ngưu.”

The Master replied, “What fault does the Sutra have that would stop you from reciting it? Confusion and enlightenment are in you. Loss or gain comes from yourself. If your mouth recites and your mind practices, you ‘turn’ the Sutra, but if your mouth recites and your mind does not practice, the Sutra ‘turns’ you. Listen to my verse:

“When the mind is confused,  
the Dharma Flower turns it.  
The enlightened mind  
will turn the Dharma Flower.

Reciting the Sutra so long  
without understanding  
Has made you an enemy  
of its meaning.

Without a thought  
your recitation is right.  
With thought,  
your recitation is wrong.

With no ‘with’  
and no ‘without’  
You may ride forever  
in the White Ox Cart.”

- Pháp Đạt nghe kệ rồi bất giác rơi lệ đầm đề, ngay lời nói liền đại ngộ và thưa với Tổ rằng: “Pháp Đạt từ xưa đến nay thật chưa từng chuyển Pháp Hoa, mà bị Pháp Hoa chuyển.” Lại thưa rằng: “Kinh nói ‘các vị Đại Thanh Văn cho đến Bồ Tát đều đem hết khả năng suy nghĩ cùng chung nghĩ lường cũng không thể nào đo được trí của Phật, ngày nay khiến kẻ phàm phu chỉ ngộ được tự tâm liền gọi là tri kiến Phật, tự chẳng phải là hàng thượng căn nên chưa khỏi nghi báng.’ Lại kinh nói ba xe ‘se dê, xe nai, xe trâu cùng với xe trâu trắng khác nhau như thế nào? Cúi xin Hòa Thượng rũ lòng từ bi khai thị cho?”—Fa-Ta heard this verse and wept without knowing it. At the moment the words were spoken, he achieved a great enlightenment and said to the Master, “Until today I have never actually turned the Dharma Flower; instead it has turned me.” Fa-Ta asked further, “The Lotus Sutra says, ‘If everyone from Sravakas up to the Bodhisattvas were to exhaust all their thought in order to measure the Buddha’s wisdom, they still could not fathom it.’ Now, you cause common people merely to understand their own minds, and you call that the knowledge and vision of the Buddha. Because of this, I am afraid that those without superior faculties will not be able to avoid doubting and slandering the Sutra. The Sutra also speaks of three carts. How do the sheep, deer, and ox carts differ from the White Ox Cart? I pray the High Master will once again instruct me.”
- Tổ bảo: “Ý kinh rõ ràng, ông tự mê trái. Các hạng người tam thừa không thể đo lường được trí tuệ Phật, đó là lỗi tại chỗ đo lường. Dù ông đem tất cả sự suy nghĩ mà suy xét lại càng thêm xa rời. Phật vốn vì phàm phu mà nói, chẳng phải vì Phật mà nói, lý này nếu chẳng tin chắc thì sẽ như những vị Thanh Văn trong hội Pháp Hoa thối tịch vậy, đâu chẳng biết đã ngồi trên bạch ngưu lại tìm ba xe ngoài cửa; huống là kinh văn rõ ràng nhằm ông mà nói, chỉ một Phật thừa, không có thừa nào khác; hoặc là hai, hoặc là ba cho đến vô số phương tiện, bao nhiêu nhưn duyên thí dụ, ngôn từ nói về pháp ấy đều vì một Phật thừa. Ông sao chẳng tỉnh, ba xe là giả, là việc thuở xưa, một xe là thật, là việc hiện nay, chỉ dạy ông dẹp giả trở về thật, sau khi trở về thật, thật cũng không tên; nên biết có những cửa báu trọn thuộc về ông, do ông thọ dụng, lại không khởi tưởng của cha, cũng không khởi tưởng của con, cũng không khởi tưởng dùng, ấy gọi là trì kinh Pháp Hoa, từ kiếp này đến kiếp khác, tay không rời quyển kinh, từ sáng đến tối không lúc nào chẳng tụng kinh.”—The Master said, “The Sutra’s meaning is clear. You yourself are confused. Disciples of all three vehicles are unable to fathom the Buddha’s wisdom; the fault is in their thinking and measuring. The more they think, the further they go. From the start, the Buddha speaks for the sake of common people, not for the sake of other Buddhas. Those who chose not to believe were free to leave the assembly. Not knowing that they were sitting in the White Ox Cart, they sought three vehicles outside the gate. What is more, the Sutra text clearly tells you ‘There is only the one Buddha Vehicle, no other vehicle, whether two or three, and the same is true for countless expedients, for various causes and conditions, and for analogies and rhetoric. All these Dharma are for the sake of the One Buddha Vehicle. Why don’t you wake up? The three carts are false

- because they are preliminary. The one vehicle is real because it is the immediate present. You are merely taught to go from the false and return to the real. Once you have returned to reality, the real is also nameless. You should know that all the treasure and wealth is ultimately your own, for your own use. That is called maintaining the Dharma Flower Sutra. Then from aeon to aeon, your hands will never let go of the scrolls; from morning to night you will recite it unceasingly.”
- Pháp Đạt nhờ chỉ dạy, vui mừng nhẩy nhót, liền nói kệ tán thán:  
 “Kinh tụng ba ngàn bộ,  
 Tào Khê một câu quên,  
 Chưa rõ ý xuất thế,  
 Đâu hết công nhiều đời.  
 Dê, nai, trâu quyền lập,  
 Trước, giữa, sau khéo bày,  
 Ai biết trong nhà lửa,  
 Nguyên là vị vua Pháp.”  
 Fa-Ta received this instruction and, overwhelmed with joy, he spoke a verse:  
 “Three thousand Sutra recitations:  
 At Ts’ao-Hsi not one single world.  
 Before I knew why he appeared in the world,  
 How could I stop the madness of accumulated births?  
 Sheep, deer, and ox provisionally set up;  
 Beginning, middle, end, well set forth.  
 Who would have thought that within the Burning house  
 Originally the king of Dharma dwelt?”
  - Tổ bảo rằng: “Từ nay về sau ông mới đáng gọi là Tăng tụng kinh.” Pháp Đạt từ đây lãnh hội huyền chỉ, cũng không ngừng tụng kinh—The Master said, “From now on you may be called the monk mindful of the Sutra.” From then on, although Fa-Ta understood the profound meaning, he continued to recite the Sutra unceasingly.
  - Tăng Trí Thông, người quê ở An Phong thuộc Thọ Châu, ban đầu xem kinh Lăng Già đến hơn một ngàn lần nhưng không hiểu được Tam Thân Tứ Trí, đến lễ Tổ cầu giải nghĩa này. Tổ bảo: “Ba thân là Thanh Tịnh Pháp Thân, đó là tánh của ông, Viên Mãn Báo Thân là trí của ông, Thiên Bá Úc Hóa Thân là hạnh của ông vậy. Nếu lia bốn tánh riêng nói ba thân, tức gọi có thân mà không trí, nếu ngộ được ba thân không có tự tánh tức là rõ ba trí Bồ Đề.” Hãy lắng nghe tôi nói kệ:  
 “Tự tánh đủ ba thân,  
 Phát minh thành tứ trí,  
 Chẳng lia duyên thấy nghe,  
 Siêu nhiên lên quả Phật.  
 Nay tôi vì ông nói,  
 Tin chắc hằng không mê,  
 Chớ nhọc người tìm cầu,  
 Trọn ngày nói Bồ Đề.”  
 Bhikshu Chih-T’ung, a native of An-feng in Shao-Chou, had read the Lankavatara Sutra over a thousand times but still did not understand the three bodies and the four wisdoms. He made obeisance to the Master, seeking an explanation of the meaning. The Master said, “The three bodies are: the clear, pure Dharma-body, which is your nature; the perfect, full Reward-body, which is your wisdom; and the hundred thousand myriad Transformation-bodies, which are your conduct. To speak of the three bodies as separate from your nature is to have the bodies but not the wisdom. To remember that the three bodies have no self-nature is to understand the four wisdom of Bodhi. Listen to my verse:  
 Three bodies complete in your own self-nature

When understood become four wisdoms.  
While not apart from seeing and hearing  
Transcend them and ascend to the Buddha  
realm.

I will now explain it for you.  
If you are attentive and faithful, you will  
never be deluded.  
Don't run outside in search of them,  
By saying 'Bodhi' to the end of your days.

- Ngài Trí Thông lại thưa rằng: “Về nghĩa Tứ Trí có thể nghe được chăng?”—Chih-T'ung asked further, “May I hear about the meaning of the four wisdoms?”
- Tổ bảo: “Đã hiểu ba thân liền rõ tứ trí, sao lại hỏi ư? Nếu lìa ba thân riêng nói tứ trí, đây gọi là có trí mà không thân, tức đây có trí lại thành vô trí.” Tổ bèn nói kệ:  
“Đại viên cảnh trí tánh thanh tịnh,  
Bình đẳng tánh trí tâm không bệnh,  
Diệu quán sát trí thấy không công,  
Thành sở tác trí đồng Viên Cảnh.  
Ngũ bát lục thất quả như chuyển,  
Chỉ dùng danh ngôn không thật tánh,  
Nếu ngay chỗ chuyển không dấy niệm,  
Ngay nơi ồn náo hằng đại định.”  
The Master said, “Since you understand the three bodies, you should also understand the four wisdom. Why do you ask again? To speak of the four wisdoms as separate from the three bodies is to have the wisdoms but not the bodies, in which case the wisdom becomes non-wisdom.” He then spoke the verse:  
The wisdom of the great, perfect mirror  
Is your clear, pure nature.  
The wisdom of equal nature  
Is the mind without disease.  
Wonderfully observing wisdom  
Is seeing without effort.  
Perfecting wisdom is

The same as the perfect mirror.

Five, eight, six, seven,  
Effect and cause both turn;  
Merely useful names:  
They are without real nature.  
If, in the place of turning,  
Emotion is not kept,  
You always and forever dwell  
In Naga concentration.

- Như trên nói chuyển thức thành trí, trong kinh nói: “Chuyển năm thức trước làm thành Sở Tác Trí, chuyển thức thứ sáu làm Diệu Quán Sát Trí, chuyển thức thứ bảy làm Bình Đẳng Tánh Trí, chuyển thức thứ tám làm Đại Viên Cảnh Trí. Tuy thức thứ sáu, thức thứ bảy là ở trong như chuyển, còn năm thức trước và thức thứ tám là trên quả chuyển, chỉ chuyển tên mà không chuyển thể.”

Trí Thông liền đốn ngộ được tánh trí nên trình kệ rằng:

“Ba thân nguyên thể ta,  
Tứ trí vốn tâm sáng,  
Thân trí dung không ngại,  
Ứng vật mặc tùy hình,  
Khởi tu đều vọng động,  
Giữ trụ trái chơn tình.  
Diệu chỉ như thấy rõ,  
Trọn quên tên nhiễm ô.”

Note: The transformation of consciousness into wisdom has been described. The teaching says, “The first five consciousnesses turned become the perfecting wisdom; the sixth consciousness turned becomes the wonderfully observing wisdom; the seventh consciousness turned becomes the wisdom of equal nature; the eighth consciousness turned becomes the wisdom of great perfect mirror. Although the sixth and seventh are turned in the



cause and the first five and the eighth in the effect, it is merely the names which turn. Their substance does not turn.”

Instantly enlightened to the nature of wisdom, Chih-T’ng submitted the following verse:

Three bodies are my basic substance,  
Four wisdoms my original bright mind.  
Body and wisdom in unobstructed  
fusion

In response to beings I accordingly  
take form.

Arising to cultivate them is false  
movement.

Holding to or pondering over them a  
waste of effort.

Through the Master I know the  
wonderful principle,

And, in the end, I lose the stain of  
names.

- Tăng Trí Thường, người ở Quý Khê, Tín Châu, thuở nhỏ xuất gia, chí cầu thấy tánh, một hôm đến tham lễ, Tổ hỏi: “Ông từ đâu đến, muốn cầu việc gì?”—Bhikshu Chih-Ch’ang, a native of Kuei-Hsi in Hsin-Chou, left home when he was a child and resolutely sought to see his own nature. One day he called on the Master, who asked him, “Where are you from and what do you want?”
- Sư thưa: “Học nhân gần đây đến núi Bạch Phong ở Hồng Châu lễ Hòa Thượng Đại Tông nhờ chỉ nghĩa kiến tánh thành Phật, nhưng chưa giải quyết được hồ nghi, nên từ xa đến đây lễ Hòa Thượng, mong Hòa Thượng từ bi chỉ dạy.”—Chih-Ch’ang replied, “Your student has recently been to Pai-Feng Mountain in Hung-Chou to call on the High Master Ta-T’ung and received his instruction on the principle of seeing one’s nature and realizing Buddhahood. As I have not yet resolved my doubts, I have come from a great distance to bow reverently and request the Master’s compassionate instruction.”
- Tổ bảo: “Kia có ngôn cú gì ông thử nhắc lại xem.”—The Master said, “What instruction did he give you? Try to repeat it to me.”
- Trí Thường thưa: “Trí Thường đến nơi kia, trải qua ba tháng, chưa được chỉ dạy, vì lòng tha thiết vì pháp nên một hôm riêng vào trượng thất thưa hỏi: “Thế nào là bản tâm, bản tánh của con?”—Chih-Ch’ang said, “After arriving there, three months passed and still I had received no instruction. Being eager for the Dharma, one evening I went alone into the Abbot’s room and asked him, ‘What is my original mind and original substance?’
- Ngài Đại Thông nói rằng: “Ông thấy hư không?”—But Ta-T’ung then said to me, ‘Do you see empty space?’
- Trí Thường đáp: “Thấy!”—‘Yes,’ I said, ‘I see it.’
- Hòa Thượng Đại Thông hỏi: “Ông thấy hư không có tướng mạo chăng?”—Ta-T’ung said, ‘Do you know what appearance it has?’
- Trí Thường đáp: “Hư không vô hình mà có tướng mạo gì?”—Chih-Ch’ang replied, ‘Empty space has no form. How could it have an appearance?’
- Ngài Đại Thông bảo: “Bản tánh của ông ví như hư không, trọn không một vật có thể thấy, ấy gọi là chánh kiến, không một

- vật có thể biết, ấy gọi là chơn tri, không có xanh, vàng, dài, ngắn, chỉ thấy bản nguyên thanh tịnh, giác thể tròn sáng tức gọi là thấy tánh thành Phật, cũng gọi là Như Lai Tri Kiến. Học như tuy nghe lời này vẫn chưa giải quyết xong điều nghi, cúi xin Hòa Thượng chỉ dạy—Ta-T’ung said, “Your original mind is just like empty space. To understand that nothing can be seen is called right seeing; to know that nothing can be known is called true knowing. There is nothing blue or yellow, long or short. Simply seeing the clear, pure original source, the perfect bright enlightened substance, this is what is called ‘seeing one’s nature and realizing Buddhahood.’ It is also called ‘the knowledge and vision of the Tathagata.’ Although I heard this instruction, I still do not understand and beg you, O Master to instruct me.”
- Tổ bảo: “Lời thầy kia nói vẫn còn kiến tri nên khiến ông chưa rõ.” Nay tôi chỉ ông một bài kệ:  
“Chẳng thấy một pháp còn thấy không,  
Giống như mây nổi che mặt nhật,  
Chẳng biết một pháp giữ biết không,  
Lại như hư không sanh điện chớp,  
Tri kiến này bỗng nhiên dấy lên,  
Lầm nhận đâu từng hiểu phương tiện,  
Ông phải một niệm tự biết lỗi,  
Tự kỷ linh quang thường hiển hiện.”  
The Master said, “Your former master’s explanation still retains the concepts of knowing and seeing; and that is why you have not understood. Now, I will teach you with a verse:  
Not to see a single dharma  
still retains no-seeing,  
Greatly resembling floating clouds  
covering the sun.  
Not to know a single dharma

holds to empty knowing,  
Even as a lightning flash  
comes out of empty space.  
This knowing and seeing  
arise in an instant.  
When seen wrongly,  
can expedients being understood?  
If, in the space of a thought,  
you can know your own error,  
Your own spiritual light  
will always be manifested.
  - Trí Thường nghe bài kệ rồi tâm trí hoá nhiên đại ngộ, bèn nói kệ:  
“Vô cơ khởi tri kiến,  
Chấp tướng cầu Bồ Đề,  
Tình còn một niệm ngộ,  
Đâu vượt mê ngàn xưa.  
Tự tánh giác nguyên thể,  
Tùy chiếu lóng dối đời,  
Chẳng vào thất Tổ Sư,  
Mờ mịt chạy hai đầu.”  
Hearing the verse, Chih-Ch’ang understood it with his heart and mind, and he composed this verse:  
Without beginning,  
knowing and seeing arise.  
When one is attached to marks  
Bodhi is sought out.  
Clinging to a thought of  
enlightenment,  
Do I rise above my former confusion?  
The inherently enlightened  
substance of my nature  
Illuminates the turning twisting flow.  
But had I not entered  
the Patriarch’s room,  
I’d still be running, lost  
between the two extremes.
  - Trí Thường một hôm hỏi Tổ rằng: “Phật nói pháp ba thừa, lại nói Tối thượng thừa, đệ tử chưa hiểu, mong ngài chỉ dạy.”—

- One day Chih-Ch'ang asked the Master, "The Buddha taught the dharma of the three vehicles and also the Supreme Vehicle. Your disciple has not yet understood that and would like to be instructed."
- Tổ bảo: "Ông xem nơi bản tâm mình, chớ có chấp tướng bên ngoài. Pháp không có bốn thừa, tâm người tự có những sai biệt. Thấy nghe tụng đọc ấy là Tiểu thừa, ngộ pháp hiểu nghĩa ấy là Trung thừa, y pháp tu hành ấy là Đại thừa, muôn pháp trọn thông, muôn pháp đầy đủ, tất cả không nhiễm, lìa các pháp tướng, một cũng không được gọi là Tối thượng thừa. Thừa là nghĩa hành, không phải ở miệng tranh, ông phải tự tu chớ có hỏi tôi, trong tất cả thời, tự tánh tự như."—The Master said, "Contemplate only your own original mind and do not be attached to the marks of external dharmas. The Dharma doesn't have four vehicles; it is people's minds that differ. Cultivating by seeing, hearing, and reciting is the small vehicle. Cultivating by awakening to the Dharma and understanding the meaning is the middle vehicle. Cultivating in accord with Dharma is the great vehicle. To penetrate the ten thousand dharmas entirely and completely while remaining without defilement, and to sever attachment to the marks of all the dharmas with nothing whatsoever gained in return: that is the Supreme Vehicle. Vehicles are methods of practice, not subjects for debate. Cultivate on your own and do not ask me, for at all times your own self-nature is itself 'thus.'"
  - Trí Thường liền lễ tạ và hầu Tổ đến trọn đời—Chih-Ch'ang bowed and thanked the Master and served him to the end of the Master's life.
  - Tăng Chí Đạo, người quê ở Nam Hải Quảng Châu, đến tham vấn Tổ: "Học nhưn từ xuất gia, xem Kinh Niết Bàn hơn mười năm chưa rõ được đại ý, cúi mong Hòa Thượng xót thương chỉ dạy."—Bhikshu Chih-Tao, a native of Nan-Hai in Kuang-Chou, asked a favor: "Since leaving home, your student has studied the NirvanaSutra for over ten years and has still not understood its great purpose. I hope that the High Master will bestow his instruction."
  - Tổ bảo: "Chỗ nào ông chưa rõ?"—The Master said, "What point haven't you understood?"
  - Chí Đạo thưa: "Chư hạnh vô thường, là pháp sanh diệt, sanh diệt diệt rồi, tịch diệt là vui," nơi đây con nghi ngờ—Chih-Tao replied:
 

"All activities are impermanent,  
 Characterized by production and  
 extinction;  
 When production and extinction are  
 extinguished,  
 That still extinction is bliss.  
 My doubts are with respect to this  
 passage."
  - Tổ hỏi: "Ông nghi như thế nào?"—The Master said, "What are your doubts?"
  - Chí Đạo thưa: "Tất cả chúng sanh đều có hai thân gọi là sắc thân và pháp thân. Sắc thân vô thường có sanh có diệt, pháp thân có thường không tri giác không giác. Kinh nói 'Sanh diệt diệt rồi, tịch diệt là vui, chẳng biết thân nào tịch diệt, thân nào

thọ vui? Nếu là sắc thân, khi sắc thân tịch diệt, bốn đại phân tán, toàn là khổ, khổ không thể nói vui; nếu pháp thân tịch diệt tức đồng cỏ cây gạch đá, ai sẽ thọ vui? Lại pháp tánh là thể của sanh diệt, năm uẩn là dụng của sanh diệt, một thể năm dụng, sanh diệt là thường, sanh thì từ thể khởi dụng, diệt thì từ dụng nhiếp về thể, nếu cho lại sanh tức là loài hữu tình không đoạn không diệt, nếu chẳng cho lại sanh tức là hằng trở về tịch diệt thì đồng với vật vô tình, như thế ắt tất cả pháp bị sự ngăn cấm của Niết Bàn, còn chẳng được sanh, có gì là vui?”—Chih-Tao replied, “All living beings have two bodies, the physical body and Dharma-body. The physical body is impermanent and is produced and destroyed. The Dharma-body is permanent and is without knowing or awareness. The Sutra says that the extinction of production and extinction is bliss, but I do not know which body is in tranquil extinction and which receives the bliss. How could it be the physical body which receives the bliss? When this physical body is extinguished, the four elements scatter. That is total suffering cannot be called bliss. If the Dharma-body were extinguished it would become like grass, trees, tiles, or stones; then what would receive the bliss? Moreover, the Dharma-nature is the substance of production and extinction and the five heaps are the function of production and extinction. With one body having five functions, production and extinction are permanent; at the time of production, the functions arise from the substance, and at the time of extinction, the functions return to the substance. If there were rebirth then sentient beings would not cease to exist or be extinguished. If there were not

rebirth, they would return to tranquil extinction and be just like insentient objects. Thus, all dharmas would be suppressed by nirvana and there would not even be production. How could there be bliss?”

- Tổ quở: “Ông là Thích tử sao lại tập theo ngoại đạo về đoạn kiến và thường kiến mà luận nghị về Tối thượng thừa. Cứ theo lời ông nói, tức là ngoài sắc thân riêng có pháp thân, lia sanh diệt để cầu tịch diệt, lại suy luận Niết Bàn thường lạc nói có thân thọ dụng, đây là chấp lẫn về sanh tử, đắm mê cái vui thế gian; nay ông nên biết, Phật vì tất cả người mê mà nhận thân năm uẩn hòa hợp làm thể tướng của mình, phân biệt tất cả pháp cho là tướng ngoại trần, ưa sanh, ghét chết, niệm niệm đổi dời, không biết là mộng huyễn hư giả, luống luân hồi, lấy thường lạc Niết Bàn đổi thành tướng khổ, trọn ngày tìm cầu. Phật vì thương những người này, mới chỉ dạy Niết Bàn chơn lạc, trong sát na không có tướng sanh, trong sát na không có tướng diệt, lại không có sanh diệt có thể diệt, ấy là tịch diệt hiện tiền. Chính ngay khi hiện tiền cũng không có cái lượng hiện tiền, mới gọi là thường lạc. Vui này không có người thọ, cũng không có người chẳng thọ, há có tên một thể năm dụng, hướng là nói Niết Bàn ngăn cấm các pháp khiến hằng chẳng sanh. Đây là ông chê Phật hủy pháp. Hãy nghe tôi nói kệ:

“Đại Niết Bàn vô thượng,  
Tròn sáng thường lặng soi,  
Phàm phu gọi là chết,  
Ngoại đạo chấp là đoạn,  
Những người cầu nhị thừa,  
Cho đó là vô tác,  
Trọn thuộc chỗ tình chấp,  
Gốc sáu mươi hai chấp,  
Đối lập tên hư giả,

Sao đạt nghĩa chơn thật,  
 Chỉ có người vượt qua,  
 Thông suốt không thủ xả,  
 Do biết pháp năm uẩn,  
 Vô ngã ở trong uẩn,  
 Ngoài hiện các sắc tượng,  
 Mỗi mỗi tướng âm thanh,  
 Bình đẳng như mộng huyễn,  
 Không khởi chấp phàm Thánh,  
 Không khởi hiểu Niết Bàn,  
 Hai bên ba mé dứt.  
 Thường hiện dụng các căn,  
 Mà chẳng khởi tướng dụng,  
 Phân biệt tất cả pháp,  
 Không khởi tướng phân biệt.  
 Kiếp hỏa đốt biển cả,  
 Gió thổi núi chạm nhau.  
 Chơn thường tịch diệt vui,  
 Tướng Niết Bàn như thế.  
 Nay tôi gắng gượng nói,  
 Khiến ông bỏ tà kiến,  
 Ông chớ theo lời hiểu,  
 Nhận ông biết ít phần.”

The Master said, “You are a son of Sakya! How can you hold the deviant views of annihilationism and permanence which belongs to other religions and criticise the Supreme Vehicle Dharma! According to what you say, there is a Dharma-body that exists apart from physical form a tranquil extinction to be sought apart from production and extinction. Moreover, you propose that there is a body which enjoys the permanence and bliss of Nirvana. But, that is to grasp tightly onto birth and death and to indulge in worldly bliss. You should now know that deluded people mistook the union of five heaps for their own bodies and determined the dharmas as external to themselves. They loved life, dreaded death and drifted from thought to thought, not knowing that this

illusory dream is empty and false. They turned vainly around on the wheel of birth and death and mistook the permanence and bliss of Nirvana for a form of suffering. All day long they sought after something else. Taking pity on them, the Buddha made manifest in the space of an instant the true bliss of Nirvana, which has no mark of production or extinction; it has no production or extinction to be extinguished. That, then, is the manifestation of tranquil extinction. Its manifestation cannot be reckoned; it is permanent and blissful. The bliss has neither an enjoyer nor a non-enjoyer. How can you call it ‘one substance with five functions?’ Worse, how can you say that Nirvana suppresses all dharmas, causing them to be forever unproduced? That is to slander the Buddha and defame the Dharma. Listen to my verse:

Supreme. Great Nirvana is bright  
 Perfect, permanent, still, and shining.  
 Deluded commonpeople call it death,  
 Other teachings hold it to be annihilation.  
 All those who seek two vehicles  
 Regard it as non-action.  
 Ultimately these notions arise from  
 feeling,  
 And form the basis for sixty-two views,  
 Wrongly establishing unreal names.  
 What is the true, real principle?  
 Only one who has gone beyond measuring  
 Penetrates without grasping or rejecting,  
 And knows that the dharma of the five  
 heaps  
 And the self within the heaps,  
 The outward appearances—a mass of  
 images—the mark of every sound,  
 Are equally like the illusion of dreams,  
 For him, views of common and holy do  
 not arise  
 Nor are explanations of Nirvana made.

The two boundaries, the three limits are cut off.

All organs have their function,  
But there never arises the thought of the function.

All dharmas are discriminated  
Without a thought of discrimination arising.

When the fire at the aeon's end burns the bottom of the sea

And the winds blow the mountain against each other,

The true, permanent, still extinct bliss,  
The mark of Nirvana is 'thus.'

I have struggled to explain it,  
To cause you to reject your false views.  
Don't understand it by words alone  
And maybe you'll understand a bit of this."

- Chí Đạo nghe kệ đại ngộ, vui mừng nhảy nhót, làm lễ rồi lui—After hearing this verse, Chih-Tao was greatly enlightened. Overwhelmed with joy, he made obeisance and withdrew.
- Thiền sư Hành Tư, sanh tại An Thành, Kiệt Châu, họ Lưu, nghe pháp tịch Tào Khê giáo hóa thành hành, bèn thẳng đến tham lễ Tổ: “Phải làm việc gì mà không rơi vào giai cấp?”—Dhyana Master Hsing Szu was born into the Liu Family, which lived in An-Cha'ng district in Chih-Chou. Hearing of the flourishing influence of the Ts'ao-His Dharma Assembly, Hsing-Szu went directly there to pay homage and asked, “What is required to avoid falling into successive stages?”
- Tổ hỏi: “Ông từng làm việc gì đến?”—The Master said, “What did you do before coming here?”
- Hành Tư thưa: “Thánh đế cũng không làm.”—He replied, “I did not even practice the Holy truths.”
- Tổ bảo: “Rơi vào giai cấp nào?”—The Master said, “Then into what successive states could you fall?”
- Hành Tư thưa: “Thánh đế còn chẳng làm thì giai cấp nào mà có?”—He replied, “If one isn't practicing the Four Holy Truths, what successive stages are there?”
- Tổ thâm nhận đó, khiến Hành Tư thủ chúng. Một hôm Tổ bảo Hành Tư: “Ông nên phân hóa một nơi, không khiến cho đoạn dứt.”—The Master greatly admired his capacity and made him the leader of the assembly. One day the Master said, “You should go elsewhere to teach. Do not allow the teaching to be cut off.”
- Hành Tư đã được pháp bèn trở về Kiệt Châu, trên núi Thanh Nguyên, hoằng pháp, nối tiếp giáo hóa. Sau khi thị tịch, thụy là Hoàng Tế Thiền Sư—Having obtained the Dharma, Hsing-Szu returned to Ch'ing Yuan Mountain in Chi-Chou, to propagate the Dharma and transform living beings. After his death he was given the posthumous title “Dhyana Master Hung-Chi.”
- Thiền Sư Hoài Nhượng, quê ở Kim Châu, con nhà họ Đỗ, ban đầu đến yết kiến Quốc sư An Tung Sơn. Quốc sư An mới khuyến khích Sư đến Tào Khê tham vấn. Khi đến lễ bái Tổ, Tổ hỏi: “Ở đâu lại?”—Dhyana Master Huai-Jang was the son of the Tu family in Chin-Chou. He first visited National Master An of Sung Mountain, who told him to go to Ts'ao-His to pay homage. When he arrived, he

- bowed, and the Master asked him, “What has come?”
- Hoài Nhượng thưa: “Ồ Tung Sơn.”— He replied, “Sung-Shan.”
  - Tổ bảo: “Đem được vật gì lại?”—The Master said, “What is it and how does it come?”
  - Hoài Nhượng thưa: “Nói giống một vật tức chẳng trúng.”—He replied, “To say that it is like a thing is to miss the point.”
  - Tổ bảo: “Lại có tu chứng chẳng?”— The Master said, “Then can there still be that which is cultivated and certified?”
  - Hoài Nhượng thưa: “Tu chứng tức chẳng không, nhiệm ô tức chẳng được.”—He replied, “Cultivation and certification are not absent, but there can be no defilement.”
  - Tổ bảo: “Chỉ cái chẳng nhiệm ô này là chỗ chư Phật hộ niệm; ông đã như thế, ta cũng như thế. Tây Thiên Tổ Bát Nhã Đa La sấm rằng, ‘Dưới chân ông có một con ngựa tơ đạp chết người trong thiên hạ, ứng ở nơi tâm ông, không cần phải nói ra.’”—The Master said, “It is just the lack of defilement of which all Buddhas are mindful and protective. You are like that, and I am like that too. In the West, Prajnatara predicted that a colt would run from under your feet, trampling and killing people under heaven. You should keep that in mind, but do not speak of it too soon.”
  - Nghe xong Hoài Nhượng hoá nhiên khế ngộ, liền hầu hạ Tổ mười lăm năm, mỗi ngày càng thâm được sự huyền áo. Sau khi đến núi Nam Nhạc, kiến dương Thiên tông; khi thị tịch được sắc ban hiệu Đại Huệ Thiên Sư—Huai-Jang suddenly understood. Accordingly he waited upon the Master for fifteen years, daily penetrating more deeply into the profound and mysterious. He later went to Nan-Yao where he spread the Dhyana School. The title “Dhyana Master Ta Hui” was bestowed upon him posthumously.
  - Thiên Sư Huyền Giác ở Vĩnh Gia, họ Đới, quê ở Ôn Châu, thuở nhỏ tập kinh luận, chuyên về pháp môn chỉ quán của Tông Thiên Thai, như xem kinh Duy Ma Cật phát minh được tâm địa; chợt gặp đệ tử của Tổ là Huyền Sách thăm hỏi, cùng bàn chuyện sôi nổi mà mỗi lời nói ra đều thâm hợp với chư Tổ. Huyền Sách mới hỏi: “Nhờ giả được pháp nơi Thầy nào?”—Dhyana Master Hsuan-Chiao of Yung-Chia was the son of a family called Tai in Wen-Chou. When he was young he studied the Sutras and commentaries and was skilled in the T’ien-T’ai Dharma-door of “Stop and Look.” Upon reading the Vimalakirti Sutra, he understood the mind-ground. One day he happened to meet the Master’s disciple Hsuan-Ch’e and they had a pleasant talk. As Hsuan-Chiao’s words were consonant with the words of all the Patriarchs, Hsuan-Ch’e asked him, “Kind Sir, from whom did you obtain the Dharma?”
  - Huyền Giác đáp: “Tôi nghe kinh luận Phương đẳng mỗi vị đều có thầy truyền thừa, sau nơi kinh Duy Ma Cật ngộ được Phật tâm tông mà chưa có người chứng minh.”—He replied, “I have heard the Vaipulya Sutras and Sastras, receiving each from a master. Later, upon reading the Vimalakirti Sutra, I awakened to the

doctrine of the Buddha-mind, but as yet no one has certified me.”

- Huyền Sách bảo: “Từ Đức Phật Oai Âm Vương về trước tức được, từ Phật Oai Âm Vương về sau, không thấy mà tự ngộ trọn vẹn là thiên nhiên ngoại đạo.”—Hsuan-Ch’è said, “That was acceptable before the time of the Buddha called The Awesome-Voiced King. But since the coming of that Buddha, all those who ‘self-enlightened’ without a master belong to other religions which hold to the tenet of spontaneity.”
  - Huyền Giác nói: “Xin nhơn giả vì tôi chứng minh.”—“Then will you please certify me, Kind Sir?” said Hsuan-Chiao.
  - Huyền Sách bảo: “Lời tôi nhẹ, ở Tào Khê có Lục Tổ Đại Sư, bốn phương nhóm họp về đều là những người thọ pháp. Nếu ông chịu đi thì cùng tôi đồng đi.”—Hsuan-Ch’è said, “My words are of little worth, but the Great Master, the Sixth Patriarch, is at Ts’ao-His, where people gather like clouds from the four directions. He is one who has received the Dharma. If you wish to go, I will accompany you.”
  - Huyền Giác bèn đồng với Huyền Sách đến tham vấn. Khi đến Huyền Giác nhiễu Tổ ba vòng, chống tích trượng mà đứng. Tổ bảo: “Phàm là sa môn, phải đủ ba ngàn oai nghi, tám muôn tế hạnh, Đại Đức từ phương nào đến, lại sanh đại ngã mạn?”— Thereupon Hsuan-Chiao went with Hsuan-Ch’è to call upon the Master. On arriving, he circumambulated the Master three times, shook his staff, and stood in front of him. The Master said, “Inasuch as a Sramana has perfected the three thousand awesome deportments and
- the eighty thousand fine practices, where does the virtuous One come from and what makes him so arrogant?”
  - Huyền Giác thưa: “Sanh tử là việc lớn, vô thường mau chóng.”—Hsuan-Chiao said, “The affair of birth and death is great and impermanence comes quickly.”
  - Tổ bảo: “Sao chẳng thể nhận cái vô sanh, liễu không mau ư?”—The Master said, “Why not embody non-production and understand that which is not quick?”
  - Huyền Giác thưa: “Thể tức là vô sanh, liễu vốn không có mau.”—He replied, “The body itself is not produced and fundamentally there is no quickness.”
  - Tổ bảo: “Như thế, như thế!”—The Master said, “So it is; so it is.”
  - Huyền Giác mới đầy đủ oai nghi lễ bái, trong chốc lát liền cáo từ. Tổ bảo: “Trở về chóng vậy?”—Hsuan-Chiao then made obeisance with perfect awesome deportment. A short while, later he announced that he was leaving and the Master said, “Aren’t you leaving too quickly?”
  - Huyền Giác thưa: “Vốn tự không động, há có mau ư?”—He replied, “Fundamentally, I don’t move; how can I be quick?”
  - Tổ bảo: “Ai biết chẳng động?”—The Master said, “Who knows you don’t move?”
  - Huyền Giác thưa: “Nhơn giả tự sanh phân biệt.”—He replied, “Kind Sir, you yourself make this discrimination.”



- Tổ bảo: “Ông rất được cái ý vô sanh.”— The Master said, “You have truly got the idea of non-production.”
- Huyền Giác thưa: “Vô sanh há có ý sao?”—“But does non-production possess an ‘idea’?” asked Hsuan-Chiao.
- Tổ bảo: “Nếu không ý thì ai biết phân biệt?”—“If it is without ideas, then who discriminates it?” said the Master.
- Huyền Giác thưa: “Phân biệt cũng không phải ý.”—“What discriminates is not an idea either,” he replied.
- Tổ bảo: “Lành thay! Hãy dừng lại một đêm.”—The Master exclaimed, “Good indeed! Please stay for a night.”
- Thời nơn gọi là “Nhất Túc Giác.” Sau ngài có trước tác bộ “Chứng Đạo Ca,” thịnh hành ở đời. Thụy là Vô Tướng Đại Sư, người đương thời xưng là Chân Giác—During his time, he was called “The One Enlightened Overnight” and later he wrote the “Song of Certifying to the Way,” which circulated widely in the world. His posthumous title is “Great Master Wu-Hsiang,” and during his lifetime he was called “Chen-Chiao.”
- Thiền Giả Trí Hoàng, ban đầu tham học nơi Ngũ Tổ, tự cho đã được chánh thọ, mới cất am ngồi thiền mãi, trải qua 20 năm. Đệ tử của Tổ là Huyền Sách du phương đến Hà Sóc nghe danh Ngài Trí Hoàng, liền đến am hỏi rằng: “Ông ở đây làm gì?”—Dhyana cultivator Chih-Huang had formerly studied under the Fifth Patriarch and said of himself that he had attained to the ‘right reception.’ He lived in a hut, constantly sitting for twenty years. In his travels, the Master’s disciple Hsuan-Ch’e reached Ho-Shuo, where he had heard of Chih-Huang’s reputation. He paid a visit to his hut and asked him, “What are you doing here?”
- Trí Hoàng nói: “Nhập định.”—“Entering concentration,” replied Chih-Huang.
- Huyền Sách hỏi: “Ông nói nhập định là có tâm nhập hay không tâm nhập? Nếu không tâm nhập thì tất cả vô tình cỏ cây ngói đá nên được định; nếu có tâm nhập thì tất cả loài hữu tình hàm thức cũng nên được định.”—Hsuan-Ch’e said, “You say you are entering concentration. Do you enter with thought or without thought. If you enter without thought, then all insentient things, such as grass, trees, tiles, and stones, should likewise attain concentration. If you enter with thought, then all sentient things which have consciousness should also attain concentration.”
- Trí Hoàng bảo: “Tôi chính khi nhập định chẳng thấy có cái tâm và không tâm.”—Chih-Huang said, “When I properly enter concentration I do not notice whether I have thought or not.
- Huyền Sách nói: “Chẳng thấy có tâm và không tâm tức là thường định, sao lại nói có xuất nhập, nếu có xuất nhập tức là không phải đại định.”—Hsuan-Ch’e said, “Not to notice whether or not you have thought is eternal concentration. How can you enter it or come out of it? If you come out of it or enter it, it is not the great concentration.”
- Trí Hoàng không trả lời được. Giây lâu mới hỏi: “Thầy kể thừa ai?”—Chih-Huang was speechless. After a long

- while, he finally asked, “Who is your teacher?”
- Huyền Sách nói: “Thầy tôi là Lục Tổ Huệ Năng ở Tào Khê.”—Hsuan-Ch’ê said, “My Master is the Sixth Patriarch at Ts’ao-His.”
  - Trí Hoàng hỏi: “Lục Tổ lấy gì làm Thiền định?”—Chih-Huang said, “What does your master take to be Dhyana Concentration?”
  - Huyền Sách đáp: “Thầy tôi nói ‘Diệu trạm viên tịch, thể dụng như như, năm ấm vốn không, sáu trần chẳng phải có, chẳng ra chẳng vào, chẳng định chẳng loạn, tánh thiền không trụ, lìa trụ thì được thiền tịch, tánh thiền không sanh, lìa sanh cái tướng thiền, tâm như hư không cũng không có cái lượng của hư không.’”—Hsuan-Ch’ê said, “My teacher speaks of the wonderful, clear, perfect stillness, the suchness of the substance and function, the fundamental emptiness of the five skandhas, and the non-existence of the six organs. There is neither emerging nor entering, neither concentration nor confusion. The nature of Dhyana is non-dwelling and is beyond the act of dwelling in Dhyana stillness. The nature of Dhyana is unproduced and beyond the production of the thought of Dhyana. The mind is like empty space and is without the measure of empty space.”
  - Trí Hoàng nghe lời ấy bèn đi thẳng đến yết kiến Lục Tổ—Hearing this explanation, Chih-Huang went directly to visit the Master.
  - Lục Tổ hỏi: “Nhơn giả từ đâu đến?”—The Master asked him, “Kind Sir, where are you from?”
  - Trí Hoàng liền thuật lại đầy đủ duyên trước—Chih-Huang related the above incident in details.
  - Lục Tổ bảo: “Thật như lời đã nói. Ông chỉ tâm như hư không mà chẳng có kiến chấp không, ứng dụng không ngăn ngại, động tịnh đều không tâm, tình phàm Thánh đều quên, năng sở đều dứt, tánh tướng như như, không có lúc nào mà chẳng định.”—The Master said, “It is truly just as he said. Simply let your mind be like empty space without being attached to the idea of emptiness and the correct function of the self-nature will no longer be obstructed. Have no thought, whether in motion or stillness; forget any feeling of being common or holy, put an end to both subject and object. The nature and mark will be ‘thus, thus,’ and at no time will you be out of the state of concentration.”
  - Trí Hoàng ngay nơi đây liền đại ngộ, hai mươi năm đã được tâm, trọn không ảnh hưởng. Đêm ấy ở Hà Bắc, dân chúng nghe trong hư không có tiếng nói: “Thiền sư Hoàng ngày nay được đạo.” Trí Hoàng sau đó lễ từ trở về Hà Bắc, khai hóa bốn chúng—Just then Chih-Huang attained the great enlightenment. What he had gained in twenty years vanished from his mind without a trace. That night, the people of Hopei heard a voice in space announcing, ‘Today, Dhyana Master Chih-Huang has attained the Way.’ Later, he made obeisance and left, returning to Hopei to teach and convert the four assemblies there.”

- Có vị Tăng hỏi Tổ rằng: “Ý chỉ Huỳnh Mai người nào được?”—One of the Sangha asked the Master, “Who got the principle of Huang-Mei?”
- Tổ đáp: “Người hiểu Phật pháp được.”—The Master replied, “The one who understands the Buddhadharma.”
- Tăng thưa: “Hòa Thượng lại được chăng?” Tổ bảo: “Ta chẳng hiểu Phật pháp.”—The sangha member said, “High Master, have you obtained it?”  
“I do not understand the Buddhadharma,” the Master replied.
- Một hôm Tổ muốn giặt lá y đã được truyền trao, nhưng không có suối tốt để giặt, như Ngài đến sau chùa khoảng năm dặm, thấy trên núi cây cối um tùm, khí tốt xoay quanh, Ngài liền cắm cây tích trượng sâu xuống đất, nước liền phun lên theo tay Ngài, chứa lại thành cái ao, Ngài liền quỳ gối giặt y trên đá. Chợt có một vị Tăng đến lễ bái, thưa rằng: “Phương Biện là người Tây Thục, vừa rồi ở nước Nam Thiên Trúc, thấy Ngài Đạt Ma Đại Sư dạy Phương Biện phải chóng đến nước Đường là nơi tôi truyền chánh pháp nhân tạng của Tổ Ca Diếp và y Tăng Già Lê, thấy truyền đến đời thứ sáu nơi Thiều Châu ở Tào Khê, ông nên đến đó chiêm lễ, Phương Biện từ xa đến, cúi mong được thấy y bát đã được truyền.” Tổ bèn đưa ra cho ông xem, liền hỏi: “Thượng như làm nghề gì?”—One day the Master wanted to wash the robe which he had inherited, but there was no clear stream nearby. He walked about two miles behind the temple where he saw good energies revolving in a dense grove of trees. He shook his staff, stuck it in the ground, and a spring bubbled up and formed a pool. As he knelt to wash his robe on a rock, suddenly a monk came up and bowed before him saying, “I am Fang-Pien, a native of His-Shu. A while ago I was in India, where I visited the Great Master Bodhidharma. He told me to return to China immediately, saying, ‘The orthodox Dharma Eye Treasury and the Samghati robe which I inherited from Mahakasyapa has been transmitted to the six generation at Ts’ao-His, Shao-Chou. Go there and pray reverence.’ Fang Pien has come from afar, hoping to see the robe and bowl that his Master transmitted.” The Master showed them to him and asked, “Superior One, what work do you do?”
- Phương Biện đáp: “Chuyên nghề đắp tượng.”—“I am good at sculpting,” he replied.
- Tổ nghiêm sắc mặt lại bảo: “Ông thử đắp xem.”—Keeping straight face, the Master said, “Then sculpt something for me to see.”
- Phương Biện mờ mịt không biết. Qua mấy ngày ông đắp được tượng Tổ, cao bảy tấc, rất đẹp đẽ—Fang-Pien was bewildered but, after several days, he completed a lifelike image of the Patriarch, seven inches high and wonderful in every detail.
- Tổ cười bảo: “Ông chỉ giỏi tánh đắp mà chẳng giỏi tánh Phật. Tổ đưa tay xoa đầu Phương Biện nói rằng: “Ông hằng vì người, Trời làm phước điền.” Tổ liền lấy y dền công, Phương Biện lấy y chia làm ba phần, một phần đắp vào tượng, một phần thì ông lưu lại, còn một phần thì gói chôn xuống đất, thề rằng: “Sau này người

nào đào được y này là tôi tái sanh để trụ trì nơi đây dựng lập lại chùa chiền.” Đến đời Tống, niên hiệu Gia Hựu năm thứ tám, có vị Tăng tên là Duy Tiên, khi sửa chùa, đào đất được y như còn mới, còn tượng của Phương Biện đắp thì để ở chùa Cao Tuyền, cúng kính cầu nguyện đều được như ý— The Master laughed and said, “You only understand the nature of sculpture; you do not understand the nature of the Buddha.” Then the Master stretched out his hand and rubbed the crown of Fang-Pien’s head, saying, “You will forever be a field of blessing for gods and humans.” The Master rewarded him with a robe, which Fang-Pien divided into three parts: one he used to wrap the sculpture, one he kept for himself and, the third, he wrapped in palm leaves and buried in the ground, vowing, “In the future, when this robe is found again, I will appear in the world to be abbot here and restore these buildings.” During the Sung dynasty in the eighth year of the Chia-Yu reign period (1063 A.D.), while Bhikshu Wei Hsien was repairing the hall, he excavated the earth and found the robe which was like new. The image is at Kao-Ch’uan Temple and those who pray before it obtain a quick response.

- Có vị Tăng đọc bài kệ của Thiền Sư Ngọa Luân rằng:

“Ngọa Luân có tài năng,  
Hay đoạn trăm tư tưởng,  
Đối cảnh tâm chẳng khởi,  
Bồ Đề ngày ngày lớn.”

Tổ nghe qua liền nói: “Bài kệ này chưa rõ được tâm địa, nếu y đây mà tu, ấy là thêm trói buộc,” như đó Tổ liền đọc một bài kệ:

“Huệ Năng không có tài,  
Chẳng đoạn trăm tư tưởng,

Đối cảnh tâm thường khởi,  
Bồ Đề làm gì lớn.”

One Bhikshu was reciting Dhyana Master Wo-Lun’s verse:

Wo-Lun has the talent  
To stop the hundred thoughts:  
Facing situations his mind won’t move;  
Bodhi grows day by day.

When the Master heard it he said, “This verse shows no understanding of the mind-ground, and to cultivate according to it will increase one’s bondage. Then he spoke this verse:

Hui-Neng has no talent  
To stop the hundred thoughts.  
Facing situations his mind often moves;  
How can Bodhi grow?”

### Phẩm Thứ Tám—Đốn Tiệm—The Eighth Chapter—Sudden And Gradual

- Khi ấy Tổ ở chùa Bảo Lâm tại Tào Khê, còn Thần Tú Đại Sư ở chùa Ngọc Tuyền tại Kinh Nam. Bấy giờ hai Tông thanh hóa, người đương thời đều gọi là Nam Năng Bắc Tú nên có hai tông Nam Bắc, chia ra đốn tiệm, mà người học không biết tông thú. Tổ bảo chúng rằng: “Pháp vốn một tông, người có Nam Bắc, pháp tức là một thứ, thấy có mau và có chậm. Sao gọi là đốn tiệm? Pháp không có đốn tiệm, người có lợi căn, độn căn, nên gọi là đốn tiệm.” Nhưng đồ đệ của ngài Thần Tú thường chê Tổ sư Nam Tông là không biết một chữ, có cái gì hay. Thần Tú nói rằng: “Tổ Huệ Năng được trí vô sư, thâm ngộ được pháp thượng thừa, tôi không bằng vậy. Vả lại Thầy tôi là Ngũ Tổ, chính Ngài truyền y pháp, há lại suông ư? Tôi hận không có thể đi xa để mà thân cận, luống thọ ân Quốc Vương, vậy những người các ông không nên kẹt ở

đây, nên đến Tào Khê tham hỏi.” Một hôm Thần Tú sai đệ tử là Chí Thành rằng: “Ông thông minh nhiều trí, nên vì tôi mà đến Tào Khê nghe pháp, nếu nghe được điều gì, hết lòng ghi lấy, trở về nói cho tôi nghe.”—While the Patriarch was staying at Pao-Lin Temple in Ts’ao-Hsi, the Great Master Shen Hsiu was at Yu Ch’uan Temple in Ching-Nan. At that time the two schools flourished and everyone called them, ‘Southern Neng and Northern Hsiu.’ So it was that the two schools, northern and southern, were divided into ‘Sudden’ and ‘Gradual.’ As the students did not understand the doctrine, the Master said to them, “The Dharma is originally of one school. It is people who think of North and South. The Dharma is of one kind, but people understand it slowly or quickly. Dharma is not sudden or gradual, rather it is people who are sharp or dull. Hence the terms sudden and gradual.” Nonetheless, Shen-Hsiu’s followers continually ridiculed the southern Patriarch, saying that he couldn’t read a single word and had nothing in his favor. But Shen Hsiu said, “He has obtained wisdom without the aid of a teacher and understands the Supreme Vehicle deeply. I am inferior to him. Furthermore, my Master, the Fifth Patriarch, personally transmitted the robe and Dharma to him and not without good reason. I regret that I am unable to make the long journey to visit him, as I unworthily receive state patronage here. But do not let me stop you. Go to Ts’ao-Hsi and call on him.” One day Shen Hsiu told his disciple Chih-Ch’eng, “You are intelligent and very wise. You may go to Ts’ao-Hsi on my behalf and listen to the Dharma. Remember it all and take

careful notes to read to me when you return.”

- Chí Thành vâng mệnh đến Tào Khê, theo chúng tham thỉnh, không nói từ đâu đến. Khi ấy Lục Tổ bảo chúng rằng: “Ngày nay có người trộm pháp đang ẩn trong hội này.” Chí Thành liền ra lễ bái và thưa đầy đủ việc của ông. Tổ bảo: “Ông từ Ngọc Tuyền lại nên là kẻ do thám.”—As ordered, Chih-Ch’eng proceeded to Ts’ao-Hsi and joined the assembly without saying where he had come from. The Patriarch told the assembly, “Today there is a Dharma thief hidden in this assembly.” Chih-Ch’eng immediately stepped forward, bowed and explained his mission. The Master said, “You are from Yu-Ch’uan; you must be a spy.”
- Chí Thành đáp: “Không phải.”—“No,” he replied, “I am not.”
- Tổ hỏi: “Sao được không phải?”—The Master said, “What do you mean?”
- Chí Thành thưa: “Chưa nói là phải, đã thưa rồi là không phải.”—He replied, “Before I confessed, I was; but now that I have confessed, I am not.”
- Tổ bảo: “Thầy ông dùng cái gì chỉ dạy chúng?”—The Master said, “How does your Master instruct his followers?”
- Chí Thành thưa: “Thường chỉ dạy đại chúng trụ tâm quán tịnh, thường ngồi chẳng nằm.”—Chih-Ch’eng replied, “He always instructs us to dwell with the mind contemplating stillness and to sit up all the time without lying down.”
- Tổ bảo: “Trụ tâm quán tịnh là bệnh chớ không phải thiền, thường ngồi là câu chấp

nơi thân, đối với lý có lợi ích gì?” Hãy lắng nghe bài kệ của tôi đây:

“Khi sống ngồi không nằm,  
 Khi chết nằm không ngồi,  
 Vốn là đầu xương thú,  
 Vì sao lập công khóa.”

The Master said, “To dwell with the mind contemplating stillness is sickness, not Dhyana. Constant sitting restrains the body. How can it be beneficial? Listen to my verse:

When living, sit, don't lie.  
 When dead, lie down, don't sit.  
 How can a set of stinking bones  
 Be used for training?”

- Chí Thành lễ bái thưa rằng: “Đệ tử ở chỗ đại sư Thần Tú, học đạo chín năm mà không được khế ngộ. Ngày nay nghe Hòa Thượng nói một bài kệ liền khế ngộ được bốn tâm. Sanh tử là việc lớn, đệ tử xin Hòa Thượng vì lòng đại bi chỉ dạy thêm.” Tổ bảo: “Tôi nghe thầy ông dạy học như pháp giới định huệ, hành tướng như thế nào, ông vì tôi nói xem?”—Chih-Ch'eng bowed again and said, “Your disciple studied the way for nine years at the place of great Master Hsiu but obtained no enlightenment. Now, hearing one speech from the High Master, I am united with my original mind. Your disciple's birth and death is a serious matter. Will the High Master be compassionate enough to instruct me further?” The Master said, “I have heard that your Master instructs his students in the dharmas of morality, concentration, and wisdom. Please tell me how he defines the terms.”
- Chí Thành thưa: “Đại sư Thần Tú nói các điều ác chớ làm gọi là giới, các điều thiện vâng làm gọi là huệ, tự tịnh ý mình gọi là định, chưa biết Hòa Thượng lấy pháp gì dạy người?”—Chih-Ch'eng said, “The great Master Shen-Hsiu says that morality is abstaining from doing evil, wisdom is offering up all good conduct, and concentration is purifying one's own mind. This is how he explains them, but I do not know, High Master, what dharma of instruction you use.”
- Tổ bảo: “Nếu tôi nói có pháp cho người tức là nói dối, ông chỉ tùy phương mở trí, giả danh là tam muội. Như thầy ông nói giới định huệ, thật là không thể nghĩ bàn, nhưng chỗ thấy giới định huệ của tôi lại khác.”—The Master said, “If I said that I had a dharma to give to others, I would be lying to you. I merely use expedients to untie bonds and falsely call that samadhi. Your master's explanation of morality, concentration, and wisdom is truly inconceivably good but my conception of morality, concentration and wisdom is different from his.”
- Chí Thành thưa: “Giới định huệ chỉ là một thứ vì sao lại có khác?”—Chih-Ch'eng said, “There can only be one kind of morality, concentration, and wisdom. How can there be a difference?”
- Tổ bảo: “Thầy ông nói giới định huệ là tiếp người Đại thừa, còn tôi nói giới định huệ là tiếp người tối thượng thừa, ngộ hiểu chẳng đồng, thấy có mau chậm; ông nghe tôi nói cùng với kia đồng hay chẳng? Tôi nói pháp chẳng lìa tự tánh, lìa thể nói pháp thì gọi là nói tướng, tự tánh thường mê, phải biết tất cả muôn pháp đều từ nơi tự tánh khởi dụng, ấy là pháp chơn giới, chơn định, chơn huệ.” Hãy lắng nghe tôi nói kệ đây:  
 “Đất tâm không lỗi tự tánh giới,

Đất tâm không si tự tánh huệ,  
 Đất tâm không loạn tự tánh định.  
 Chẳng tăng chẳng giảm tự kim cang,  
 Thân đến thân đi vốn tam muội.”

The Master said, “Your master’s morality, concentration, and wisdom guide those of the Great Vehicle, whereas my morality, concentration, and wisdom guide those of the Supreme Vehicle. Enlightenment is not the same as understanding; seeing may take place slowly or quickly. Listen to my explanation. Is it the same as Shen-Hsiu’s? The Dharma which I speak does not depart from the self-nature, for to depart from the self-nature in explaining the Dharma is to speak of marks and continually confuse the self-nature. You should know that the functions of the ten thousand dharmas all arise from the self-nature and that this is the true morality, concentration, and wisdom. Listen to my verse:

Mind-ground without wrong:

Self-nature morality.

Mind-ground without delusion:

Self-nature wisdom.

Mind-ground without confusion:

Self-nature concentration.

Neither increasing nor decreasing:

You are vajra.

Body comes, body goes:

The original samadhi.”

- Chí Thành nghe kệ rồi hối tạ, mới trình một bài kệ:

“Năm uẩn thân huyễn hóa,

Huyễn làm sao cứu cánh,

Xoay lại tìm chân như,

Pháp trở thành bất tịnh.”

Hearing this verse, Chih-Ch’eng regretted his former mistakes and he expressed his gratitude by saying this verse:

These five heaps are

A body of illusion.

And what is illusion?

Ultimately?

If you tend toward

True suchness

The Dharma is

Not yet pure.

- Tổ liên ấn khả đó, lại bảo Chí Thành rằng: “Giới định huệ của Thầy ông là khuyên dạy người tiểu căn tiểu trí, còn giới định huệ của tôi đây là dạy người đại căn đại trí. Nếu ngộ được tự tánh cũng chẳng lập Bồ Đề, Niết Bàn, cũng chẳng lập giải thoát tri kiến, không một pháp có thể được mới hay dựng lập muôn pháp. Nếu hiểu được ý này cũng gọi là thân Phật, cũng gọi là Bồ Đề Niết Bàn, cũng gọi là giải thoát tri kiến. Người thấy tánh lập cũng được, không lập cũng được, đi lại tự do, không bị trê ngại, ứng dụng tùy việc làm, nói năng tùy đáp, khắp hiện hóa thân, chẳng lìa tự tánh, liền được tự tại thần thông, du hý tam muội, ấy gọi là kiến tánh.”—The Master approved, and he said further to Chih-Ch’eng, “Your Master’s morality, concentration and wisdom exhort those of lesser faculties and lesser wisdom, while my morality, concentration, and wisdom exhort those of great faculties and great wisdom. If you are enlightened to your self-nature, you do not set up in your mind the notion of Bodhi or of Nirvana or of the liberation of knowledge and vision. When not a single dharma is established in the mind, then the ten thousand dharmas can be established there. To understand this principle is to achieve the Buddha’s body which is also called Bodhi, Nirvana, and the liberation of knowledge and vision as well. Those who see their own nature can

establish dharmas in their minds or not establish them as they choose. They come and go freely, without impediments or obstacles. They function correctly and speak appropriately, seeing all transformation bodies as integral with the self-nature. That is precisely the way they obtain independence, spiritual powers and the samadhi of playfulness. This is what is called seeing the nature."

- Chí Thành lại thưa: “Thế nào là nghĩa chẳng lập?”—Chih Ch’eng asked the Master further, “What is meant by ‘not establishing?’”
- Tổ bảo: “Tự tánh không lỗi, không si, không loạn, niệm niệm Bát Nhã quán chiếu, thường lia pháp tướng, tự do tự tại, dọc ngang trọn được, có gì nên lập? Tự tánh tự ngộ, đốn ngộ, đốn tu cũng không thứ lớp, cho nên chẳng lập tất cả pháp. Các pháp là lạng lẽ, có thứ lớp gì?”—The Master replied, “When your self-nature is free from error, obstruction and confusion when Prajna is present in every thought, contemplating and shedding illumination and when you are constantly apart from the dharma marks and are free and independent, both horizontally and vertically, then what is there to be established? In the self-nature, in self-enlightenment, in sudden enlightenment, and in sudden cultivation there are no degrees. Therefore, not a single dharma is established. All dharmas are still and extinct. How can there be stages?”
- Chí Thành liền lễ bái, nguyện làm người hầu hạ, sớm chiều không lười mỏi. Chí Thành là người Thái Hòa Cát Châu—Chih-Ch’eng made obeisance and attended on the Master day and night

without laziness. He was a native of T’ai Ho in Chi Chou.

Bhikshu Chih-Ch’e

- Tăng Chí Triệt, quê ở Giang Tây, họ Trương tên Hành Xương, thuở nhỏ là một hiệp khách. Từ khi chia ra hai tông Nam Bắc, hai vị Tông chủ tuy quên bỉ ngã, nhưng đồ chúng tranh nhau khởi yêu ghét. Khi ấy đệ tử của Bắc Tông tự lập Ngài Thần Tú làm Tổ thứ sáu, mà kỳ vì Lục Tổ được truyền y, mọi người đều nghe nên mới dạy Hành Xương đến ám sát Lục Tổ. Tổ tâm thông dự biết việc ấy nên liền để mười lạng vàng ở dưới tòa. Khi ấy ban đêm Hành Xương vào trong thất Tổ, toan muốn hại Tổ, Tổ đưa cổ cho chém, Hành Xương liền hươi kiếm ba lần, thấy đều không thương tổn. Tổ bảo: “Kiếm chánh chẳng tà, kiếm tà chẳng chánh, chỉ nợ vàng của ông.” Hành Xương hoảng hốt té xỉu, giây lâu mới tỉnh, cầu xin sám hối, liền nguyện xuất gia. Tổ liền cho vàng bảo: “Ông hãy đi, e đồ chúng trở lại hại ông, một ngày khác ông có thể thay hình đổi dạng mà trở lại, tôi sẽ nhận ông.” Hành Xương vâng lời dạy, giữa đêm trốn đi, sau theo Tăng xuất gia, thọ giới cụ túc, tinh cần tu hành. Một hôm ông nhớ lại lời Tổ, từ xa đến lễ ra mắt Tổ. Tổ bảo: “Tôi nhớ ông đã lâu, sao ông đến muộn vậy?”—Bhikshu Chih-Ch’e, a native of Chiang Hsi, had the family name Chang and the personal name Hsing-Ch’ang. As a youth, he was an itinerant warrior. When the schools split into the Northern and Southern, although the two leaders had lost the notion of self and other, the disciples stirred up love and hate. The disciples of the Northern School secretly set up Shen-Hsiu as the Sixth Patriarch. Fearing that the country would hear of the transmission of the robe, they hired



- Hsing-Ch'ang to assassinate the Master. But the Master had the power of knowing the thoughts of others. He knew of this matter in advance and set ten ounces of gold in his chair. That night, Hsing-Ch'ang entered his room intending to kill him. The Master stretched out his neck. Hsing-Ch'ang swung the blade three times but could not harm him. The Master said, "A straight sword is not bent, a bent sword is not straight, I merely owe you gold, I do not owe you life." Hsing-Ch'ang fell to the ground in fright. After a while he came to and begged for mercy, repenting of his error and vowing to leave home. The Master gave him the gold and said, "Go. I fear that my followers will come and take revenge. Change your appearance and return another day and I will accept you." Hsing Ch'ang received his orders and disappeared into the night. Later, he left home under another Bhikshu, received complete precepts and was vigorous in practice. One day, remembering the Master's words, he made the long journey to have an audience. The Master said, "I have thought of you for a long time. What took you so long?"
- Hành Xương thưa: "Trước nhờ ơn Hòa Thượng xá tội, ngày nay tuy xuất gia khổ hạnh, trọn khó đền đáp ân đức, đâu mong truyền pháp độ sanh ư? Đệ tử thường xem kinh Niết Bàn, chưa hiểu nghĩa thường và vô thường, cúi xin Hòa Thượng từ bi chỉ dạy."—He replied, "The High Master once favored me by pardoning my crime. Although I have left home and although I practice austerities, I shall never be able to repay his kindness. May I try to repay you by transmitting the Dharma and taking living beings across? Your disciple often studies the Mahaparinirvana Sutra, but he has not yet understood the principles of permanence and impermanence. I beg the High Master to be compassionate and explain them for me."
  - Tổ bảo: "Vô thường tức là Phật tánh, hữu thường tức là tâm phân biệt tất cả pháp thiện ác vậy."—The Master said, "Impermanence is just the Buddha nature and permanence is just the mind discriminating good and evil dharmas."
  - Hành Xương thưa rằng: "Hòa Thượng nói pháp rất trái với văn kinh."— Hsing-Ch'ang replied, "High Master, your explanation contradicts the Sutra text!"
  - Tổ bảo: "Ta được truyền tâm ấn của Phật, đâu dám trái với kinh Phật."—The Master said, "I transmit the Buddha's mind-seal. How could I dare to contradict the Buddhas' Sutras?"
  - Hành Xương thưa: "Kinh nói Phật tánh là thường, Hòa Thượng lại nói là vô thường, các pháp thiện ác cho đến tâm Bồ Đề đều là vô thường mà Hòa Thượng lại nói là hữu thường, đây tức là trái nhau, khiến cho học như càng thêm nghi ngờ."— Hsing-Ch'ang replied, "The Sutra says that the Buddha nature is permanent and the High Master has just said that it is impermanent; it says that good and evil dharmas, reaching even to the Bodhi Mind, are impermanent and the High Master has just said that they are permanent. This contradiction has merely intensified your student's doubt and delusion."

- Tổ nói: “Kinh Niết Bàn thuở xưa tôi có nghe Ni Vô Tận Tạng đọc một lần liền vì bà giảng nói, không có một chữ, một nghĩa nào không hiệp với văn kinh, cho đến vì ông nói cũng trọn không có hai thuyết.”— The Master said, “Formerly, I heard Bhikshuni Wu Chin Tsang recite the Nirvana Sutra. When I commented on it, there was not one word or principle which did not accord with the sutra text. My explanation to you now is not different.”
- Hành Xương thưa: “Học nhưn thức lượng cạn tối, cúi mong Hòa Thượng lượng theo mà từ bi khai thị.”—Hsing-Ch’ang replied, “Your student’s capacity for understanding is superficial. Will the High Master please explain further?”
- Tổ bảo: “Ông biết chăng, Phật tánh nếu thường lại nói gì là các pháp thiện ác, cho đến cùng kiếp không có một người phát tâm Bồ Đề, nên tôi nói là vô thường, mà chính là đạo chơn thường của Phật nói. Lại tất cả pháp nếu là vô thường, tức là mỗi vật đều có tự tánh, dung thọ sanh tử mà tánh chơn thường có chỗ bất biến, nên tôi nói thường chính là Phật nói nghĩa chân vô thường. Phật xưa vì phạm phu ngoại đạo chấp tà thường, còn các hàng nhị thừa thường mà chấp là vô thường, cộng thành tám thứ điên đảo, nên trong giáo lý liễu nghĩa kinh Niết Bàn phá thiên kiến kia mà hiển bày chơn thường, chơn lạc, chơn ngã, chơn tịnh. Nay ông y theo lời nói mà trái với nghĩa, dùng đoạn diệt vô thường và xác định cái tử thường mà lầm hiểu lời nói mâu nhiệm viên diệu tối hậu của Phật, dù có xem một ngàn biến kinh thì có lợi ích gì?”—The Master said, “Don’t you understand? If the Buddha nature were permanent, what use would there be in speaking of good and evil dharmas? To the end of an aeon not one person would produce the Bodhi Mind. Therefore, I explain it as impermanent. That is exactly what the Buddha explained as the meaning of true permanence. Furthermore, if all dharmas were permanent, all things would have a self-nature subject to birth and death and the true permanent nature would not pervade all places. Therefore, I explain it as impermanent. That is exactly what the Buddha explained as the meaning of the true permanence. It was for the sake of common people and those who belong to other religions who cling to deviant views of permanence, and for all those who follow the two-vehicle way, mistaking permanence for impermanence formulating the eight perverted views, that the Buddha in the ultimate Nirvana teaching destroyed their prejudiced views. He explained true permanence, true bliss, true selfhood and true purity. You now contradict this meaning by relying on the words, taking annihilation to be impermanence and fixing on a lifeless permanence. In this way you misinterpret the last, subtle, complete and wonderful words of the Buddha. Even if you read it a thousand times, what benefit could you derive from it?”
- Hành Xương bỗng nhiên đại ngộ, liền nói kệ rằng:  
 “Vì giữ tâm vô thường,  
 Phật nói có tánh thường,  
 Không biết được phương tiện,  
 Như ao xuân mò gạch,  
 Nay tôi chẳng thi công,  
 Mà Phật tánh hiện tiền,  
 Không phải thầy trao cho,  
 Tôi cũng không sở đắc.”

- Hsing-Ch'ang suddenly achieved the great enlightenment and spoke this verse:  
To those who hold impermanence in mind  
The Buddha speaks of the permanent nature;  
Not knowing expedients is like  
Picking up pebbles from a spring pond.
- But now without an effort  
The Buddha nature manifests;  
The Master did not transmit it,  
And I did not obtain a thing.”
- Tổ bảo: “Nay ông mới triệt vậy, nên đặt tên ông là Chí Triệt.” Chí Triệt lễ tạ mà lui—The Master said, “Now you understand! You should be called Chih-Ch'e (breadth of understanding).” Chih-Ch'e thanked the Master, bowed and withdrew.
  - Có một chú bé tên là Thần Hội ở Tương Dương, con nhà họ Cao, mười ba tuổi từ chùa Ngọc Tuyền đến tham lễ—A young boy thirteen years old named Shen-Hui, who was from a Kao family in Hsiang-Yang, came from Yu-Ch'uan to pay homage.
  - Tổ hỏi: “Tri thức từ xa nhọc nhằn đến lại đem được cái gốc đến chăng? Nếu có gốc thì nên biết được ông chủ, thử nói xem?”—The master said, “The Knowing One's journey must have been difficult. Did you bring the original with you? If you have the original, you should know the owner. Try to explain it to me.”
  - Thần Hội thưa: “Lấy vô trụ làm gốc, thấy tức là chủ.”—Shen-Hui said, “I take non-dwelling as the original and seeing as the owner.”
  - Tổ bảo: Ông sa di này đâu nên nói như thế.”—The Master said, “This Sramanera imitates the talk of others.”
  - Thần Hội liền hỏi: “Hòa Thượng tọa thiền lại thấy hay chẳng thấy?”—Shen-Hui then asked, “When you sit in Ch'an, High Master, do you see or not?”
  - Tổ cầm gậy đánh ba gậy hỏi: “Tôi đánh ông đau hay chẳng đau?”—The Master hit him three times with his staff and said, “When I hit you, does it hurt or not?”
  - Thần Hội đáp: “Cũng đau cũng không đau.”—Shen-Hui replied, “It both hurts and does not hurt.”
  - Tổ bảo: “Tôi cũng thấy cũng chẳng thấy.”—The Master said, “I both see and do not see.”
  - Thần Hội hỏi: “Thế nào là cũng thấy cũng chẳng thấy?”—Shen-Hui asked, “How can you both see and not see?”
  - Tổ bảo: “Chỗ thấy của tôi thường thấy những lỗi lầm nơi tâm mình, không thấy phải quấy tốt xấu của người khác, ấy do cũng thấy mà cũng chẳng thấy. Ông nói đau cũng chẳng đau là thế nào? Nếu ông chẳng đau thì đồng như cây đá, nếu ông đau thì đồng với phàm phu, tức khởi sân hận, ông hướng về trước thấy là hai bên, đau chẳng đau là sanh diệt, ông tự tánh lại chẳng thấy mà dám đùa với người.”—The Master said, “What I see is the transgression and error of my own mind. I do not see the right, wrong, good or bad of other people. This is my seeing and not seeing. How can you say it both hurts and does not hurt? If it does not hurt you are like a piece of stone but if it does hurt you are just like a common person and will give rise to hatred. Your 'seeing and not

- seeing’ are two extreme and your ‘hurting and not hurting’ are production and extinction. You have not even seen your own nature and yet you dare to ridicule others.”
- Thần Hội liền lễ bái sám hối. Tổ lại nói: “Tâm ông nếu mê chẳng thấy thì hỏi thiện tri thức để tìm đường, còn tâm ông nếu ngộ tức tự thấy tánh, y pháp tu hành, ông tự mê không thấy tâm mình, trở lại hỏi ta thấy cùng chẳng thấy. Ta thấy thì tự biết há thay cái mê cho ông, nếu ông tự thấy cũng chẳng thay được cái mê cho ta, sao chẳng tự biết tự thấy mà hỏi ta thấy cùng chẳng thấy.” Thần Hội lại lễ hơn một trăm lạy, xin sám hối tội lỗi rồi siêng năng hầu hạ bên cạnh không rời—Shen-Hui bowed, apologized and thanked the Master. The Master continued, “If your mind is confused and you do not see, then ask a Good Knowing Advisor to help you find the way. If your mind is enlightened, then see your own nature and cultivate according to the Dharma. You yourself are confused and do not see your own mind and, yet, you come to ask me whether or not I see. If I see, I know it for myself but is that of any help to you in your confusion? In the same way your seeing is of no use to me. Why don’t you know and see it for yourself, instead of asking me whether or not I see?” Shen-Hui bowed again over one hundred times, seeking forgiveness for his error. He served the Master with diligence, never leaving his side.
  - Một hôm Tổ bảo chúng: “Tôi có một vật không đầu, không đuôi, không danh, không tự, không lưng, không mặt, các người lại biết chăng?”—One day the Master addressed the assembly as follows: “I have a thing. It has no head or tail, no name or label, no back or front. Do you all know what it is?”
  - Thần Hội bước ra nói rằng: “Ấy là bản nguyên của chư Phật, là Phật tánh của Thần Hội.”—Shen-Hui stepped forward and said, “It is the root source of all Buddhas, Shen-Hui’s Buddha nature!”
  - Tổ bảo: “Tôi đã nói với ông không danh không tự, ông liền gọi là bản nguyên, là Phật tánh, ông nhằm đi lấy cớ tranh che đầu, cũng chỉ thành cái hạng tông đồ của tri giải.”—The Master said, “I just told you that it has no name or label, and you immediately call it the root-source of all Buddhas. Go and build a thatched hut over your head! You’re nothing but a follower who pursues knowledge and interpretation.”
  - Sau khi Tổ diệt độ, ngài Thần Hội vào Kinh Lạc, hoằng truyền pháp đốn giáo Tào Khê, viết bộ Hiển Tông Ký, thành hành ở đời gọi là Thiên Sư Hà Trạch—After the Master’s extinction, Shen-Hui went to Ching Lo where he propagated the Ts’ao-His Sudden Teaching. He wrote the Hsien-Tsung Chi which circulated widely throughout the land. He is known as Dhyana Master Ho-Che.
  - Tổ thấy các tông nạn vắn nhau, đều khởi tâm ác, phần nhiều nhóm ở dưới tòa của Tổ, Ngài thương xót mới bảo rằng: “Người học đạo, tất cả niệm thiện, niệm ác nên phải dẹp sạch, không tên có thể gọi, ấy gọi là tự tánh, tánh không hay ấy gọi là thật tánh, trên thật tánh dựng lập tất cả giáo môn, ngay lời nói liền phải tự thấy.”  
Các người nghe nói, thấy đều làm lễ,

xin thờ Ngài làm Thầy—The Master saw many disciples of other schools, all with evil intentions, gathered beneath his seat to ask him difficult questions. Pitying them, he said, “Students of the way, all thoughts of good or evil should be completely cast away. What cannot be named by any name is called the self-nature. This non-dual nature is the real nature and it is within the real nature that all teaching doors are established. At these words you should see it for yourselves.”

Hearing this, they all made obeisance and asked him to be their master.

### **Phẩm Thứ Chín—Tuyên Chiếu—The Ninth Chapter—Proclamation**

- Niên hiệu Thần Long năm đầu (705 sau Tây Lịch) vào ngày rằm tháng giêng, vua Trung Tông và Tắc Thiên ban chiếu rằng: “Trăm thỉnh hai sư An và Chiếu vào trong cung cúng dường, mỗi khi rảnh việc thì nghiên cứu về nhất thừa, hai sư đều nhường rằng, ‘phương Nam có Huệ Năng thiền sư được mật trao y pháp của Đại sư Hoàng Nhãn, được truyền Phật tâm ấn, nên thỉnh người đến thừa hồi. Nay sai Nội thị Tiết Giản mang chiếu nghinh thỉnh, mong thầy từ niệm, chóng đến Kinh Đô. Tổ dâng biểu từ bệnh, nguyện trọn đời ở nơi rừng núi. Tiết Giản thưa: “Ở Kinh Thành, các thiền đức đều nói rằng, ‘muốn được hội đạo ắt phải tọa thiền tập định, nếu chẳng như nơi thiền định mà được giải thoát là chưa từng có vậy, chưa biết thầy nói pháp như thế nào?’”—On the fifteenth day of the first month, during the first year of the Shen-Lung reign (705 A.D.), Empress Tse-T’ien and Emperor Chung-Tsung issued the following proclamation: “We have invited Master Hui-Neng and Shen-Hsiu to the palace to receive offerings so that we may investigate the One Vehicle in the leisure time remaining after our myriad duties. The two Masters have declined, saying that in the South there is Dhyana Master Hui-Neng, who was secretly transmitted the robe and Dharma of the Great Master Hung-Jen who now transmits the Buddhas’ mind-seal. We now send Chamberlain Hsieh Chien with this invitation, hoping that the Master will remember us with compassion and come to the capital.” The Master sent back a petition pleading illness saying that he wished to spend his remaining years at the foot of the mountain. Hsieh Chien said, “The Virtuous Dhyana Masters at the capital all say that to master the Way one must sit in Dhyana meditation and practice concentration, for without Dhyana concentration, liberation is impossible. I do not know how the Master explains this dharma.”
- Tổ bảo: “Đạo do tâm mà ngộ, há tại ngôi sao? Kinh nói, ‘Nếu nói Như Lai hoặc ngôi, nằm, ấy là người hành tà đạo.’ Vì cớ sao? Không từ đâu lại cũng không có chỗ đi, không sanh không diệt, ấy là Như Lai thanh tịnh thiền, các pháp rỗng lặng, ấy là Như Lai thanh tịnh tọa, cứu cánh không chứng, há lại có ngôi ư?”—The Master said, “The Way is awakened to from the mind. How could it be found in sitting? The Diamond Sutra states that to say the Tathagata either sits or lies down is to walk a deviant path. Why? The clear pure Dhyana of the Tathagata comes from nowhere and goes nowhere and is neither produced nor extinguished. The Tathagata’s clear pure ‘sitting’ is the state

of all dharmas being empty and still. Ultimately there is no certification; even less is there any ‘sitting.’

- Tiết Giản thưa: “Đệ tử trở về kinh, chúa thượng ắt hỏi, cúi mong thầy từ bi chỉ bày tâm yếu, để tâu lại hai cung và những người học đạo ở kinh thành, ví như một ngọn đèn mỗi trăm ngàn ngọn đèn, chỗ tối đều được sáng, sáng mãi không cùng.”—Hsieh Chien said, “When your disciple returns to the capital, their majesties will surely question him. Will the High Master please be compassionate and instruct me on the essentials of the mind so that I can transmit them to the two palaces and to students of the Way at the capital? It will be like one lamp setting a hundred thousand lamps burning, making all the darkness endlessly light.”
- Tổ bảo: “Đạo không sáng tối, sáng tối ấy là nghĩa thay nhau, sáng mãi không cùng cũng là có ngày hết, vì đối đãi mà lập nên. Kinh Tịnh Danh nói, ‘Pháp không có so sánh vì không có đối đãi.’”—The Master said, “The Way is without light or darkness. Light and darkness belong to the principle of alternation. ‘Endless light’ has an end, too, because such terms are relative. Therefore the Vimalakirti Sutra says, ‘The Dharma is incomparable because it is not relative.’”
- Tiết Giản thưa: “Sáng dụ cho trí tuệ, tối dụ cho phiền não, người tu đạo giả như chẳng dùng trí tuệ chiếu phá phiền não thì cái sanh tử từ vô thủy nướng vào đầu mà ra khỏi.”—Hsien Chien said, “Light represents wisdom and darkness represents affliction. If cultivators of the Way do not use wisdom to expose and destroy affliction, how can they escape
- from the birth and death that have no beginning?”
- Tổ bảo: “Phiền não tức là Bồ Đề, không hai, không khác, nếu dùng trí tuệ chiếu phá phiền não; đây là kiến giải của hàng nhị thừa, căn cơ xe nai xe dê, còn những bậc thượng trí đại căn, thì không như thế.”—The Master said, “Affliction is Bodhi; they are not two and not different. One who uses wisdom to expose and destroy affliction has the views and understanding of the two vehicles and the potential of the sheep and deer carts. Those of superior wisdom and great roots are completely different.”
- Tiết Giản thưa: “Thế nào là kiến giải Đại thừa?”—Hsieh Chien said, “What are the views and understanding of the Great vehicle?”
- Tổ đáp: “Minh cùng với vô minh, phạm phu thấy hai, người trí rõ suốt tánh nó không hai, tánh không hai tức là thật tánh; thật tánh ở phạm phu mà chẳng giảm, ở Hiền Thánh mà chẳng tăng, trụ trong phiền não mà không loạn, ở trong thiền định mà chẳng lặng lẽ, chẳng đoạn chẳng thường, chẳng đến chẳng đi, chẳng ở khoảng giữa và trong ngoài, không sanh không diệt, tánh tướng như như, thường trụ chẳng đổi gọi là đạo.”—The Master said, “The common person sees light and darkness as two, but the wise person comprehends that their nature is non-dual. The non-dual nature is the real nature. The real nature does not decrease in common people nor increase in worthy sages. In afflictions, it is not confused and in Dhyana concentration, it is not still. It is neither cut off nor permanent. It does not come or go. It is not inside, outside, or in

- the middle. It is not produced or destroyed. The nature and mark is ‘thus, thus.’ It permanently dwells and does not change. It is called the ‘Way.’”
- Tiết Giản thưa: “Thầy nói chẳng sanh chẳng diệt đâu khác với ngoại đạo?”—Hsieh Chien said, “How does your explanation of the self-nature as neither produced nor destroyed differ from that of other religions?”
  - Tổ bảo: “Ngoại đạo nói chẳng sanh chẳng diệt là đem cái diệt để dừng cái sanh, lấy cái sanh để bày cái diệt, diệt vẫn chẳng diệt, sanh nói không sanh. Ta nói chẳng sanh chẳng diệt là vốn tự không sanh. Ta nói chẳng sanh chẳng diệt là vốn tự không sanh, nay cũng chẳng diệt, cho nên không đồng với ngoại đạo. Nếu ông muốn biết tâm yếu, chỉ tất cả thiện ác trọn chớ suy nghĩ, tự nhiên được vào tâm thể thanh tịnh, lặng lẽ thường tịch, diệu dụng hằng sa.”—The Master answered, “As non-production and non-extinction are explained by other religions, extinction ends production and production reveals extinction. Their extinction is not extinction and what they call production is not production. My explanation of non-production and non-extinction is this: originally there was no production and now there is no extinction. For this reason my explanation differs from that of other religions. If you wish to know the essentials of the mind, simply do not think of good or evil. You will then enter naturally the clear, pure substance of the mind, which is deep and permanently still, and whose wonderful abilities are as numerous as the sand grains in the Ganges River.”
  - Tiết Giản nhờ chỉ dạy, hoá nhiên đại ngộ, lễ từ trở về cung dâng biểu tâu lên những lời của Tổ. Ngày mồng ba tháng chín năm ấy có chiếu tướng dụ sư rằng: “Thầy từ vì già bệnh, vì trầm mà tu hành, làm phước điền cho đất nước, Thầy cũng như Ngài Tịnh Danh giả bệnh nơi thành Tỳ Da để xiển dương Đại Thừa, truyền tâm chư Phật, nói pháp bất nhị. Tiết Giản truyền lại lời Thầy chỉ dạy tri kiến Như Lai, trầm chưa được nhiều công đức lành, gieo được hạt giống lành đời trước, mới gặp Thầy ra đời, đốn ngộ pháp thượng thừa, cảm ân đức Thầy, đầu đội không thôi, cùng dâng chiếc Ma Nạp Ca Sa và bát thủy tinh, sắc cho Thứ Sử Thiều Châu sửa sang lại chùa và ban hiệu chùa cũ Thầy ở là chùa Quốc Ân—Hsieh Chien received this instruction and was suddenly greatly enlightened. He bowed, took leave and returned to the palace to report the Master’s speech. That year on the third of the ninth month a proclamation was issued in praise of the Master. It read: “The Master has declined our invitation because of old age and illness. He cultivates the Way for us and is a field of blessings for the country. The Master is like Vimalakirti, who pleaded illness in Vashali. He spreads the great fruit widely, transmitting the Buddha-mind and discoursing on the non-dual Dharma. Hsieh Chien has conveyed the Master’s instruction, the knowledge and vision of the Tathagata. It must be due to accumulated good acts, abundant blessings and good roots planted in former lives that we now have met with the Master when he appears in the world and have suddenly been enlightened to the Supreme Vehicle. We are extremely grateful for his kindness, which we receive with bowed heads and now offer

in return a Mo Na robe and crystal bowl as gifts. We order the Magistrate of Shao Chou to rebuild the temple buildings and convert the Master's former dwelling place into a temple to be called 'Kuo-Ên' or the Country's Kindness."

### Phẩm Thứ Mười—Phó Chúc—The Tenth Chapter — Final Instructions

- Một hôm Tổ gọi đệ tử là Pháp Hải, Chí Thành, Pháp Đạt, Thần Hội, Trí Thường, Trí Thông, Chí Triệt, Pháp Trân, Pháp Như, vân vân, bảo rằng: “Các ông không đồng với những người khác, sau khi tôi diệt độ, mỗi người làm thầy một phương, nay tôi dạy các ông nói pháp không mất bốn tông, trước phải dùng ba khoa pháp môn, động dụng thành ba mươi sáu đối, ra vào tức lia hai bên, nói tất cả pháp chớ lia tự tánh; chợt có người hỏi pháp, ông xuất lời nói trọn trong đối đãi, đều lấy pháp đối đi lại làm như cho nhau, cứu cánh hai pháp thấy đều trừ, lại không có chỗ đi. Ba khoa pháp môn là ấm, giới, nhập vậy. Ấm là ngũ ấm, sắc, thọ tướng, hành, thức; nhập là thập nhị nhập, ngoài có sáu trần là sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, trong có sáu cửa là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý; giới là thập bát giới, sáu trần, sáu cửa, và sáu thức. Tự tánh hay gồm muôn pháp gọi là tàng hàm thức, nếu khởi suy nghĩ tức là chuyển thức sanh sáu thức ra sáu cửa, thấy sáu trần, như thế thành mười tám giới, đều từ nơi tự tánh khởi dụng. Tự tánh nếu tà thì khởi mười tám tà, tự tánh nếu chánh thì khởi mười tám chánh, gồm ác dụng tức là dụng chúng sanh, thiện dụng tức là dụng Phật, dụng do những gì? Do tự tánh mà có. Đối pháp: Ngoại cảnh vô tình có năm đối, trời đối cùng đất, mặt trời đối cùng mặt trăng,

sáng đối cùng tối, âm đối cùng dương, nước đối cùng lửa, đây là năm đối. Pháp tướng ngũ ngôn có mười hai đối, ngũ đối cùng pháp, có đối cùng không, có sắc đối cùng không sắc, có tướng đối cùng không tướng, hữu lậu đối cùng vô lậu, sắc đối cùng không, động đối cùng tịnh, trong đối cùng đục, phàm đối cùng Thánh, Tăng đối cùng tục, già đối cùng trẻ, lớn đối cùng nhỏ, đây là mười hai đối vậy. Tự tánh khởi dụng có mười chín đối: dài đối cùng ngắn, tà đối cùng chánh, si đối cùng huệ, ngu đối cùng trí, loạn đối cùng định, từ đối cùng độc, giới đối cùng lỗi, thẳng đối cùng cong, thật đối cùng hư dối, hiểm đối cùng bình, phiền não đối cùng Bồ Đề, thường đối cùng vô thường, bi đối cùng tổn hại, hỷ đối cùng sân, xả đối cùng bôn xển, tiến đối cùng thoái, sanh đối cùng diệt, pháp thân đối cùng sắc thân, hóa thân đối cùng báo thân, đây là mười chín pháp đối vậy. Tổ bảo: “Ba mươi sáu pháp đối này nếu hiểu mà dùng tức là đạo, quán xuyên tất cả kinh pháp, ra vào tức lia hai bên, tự tánh động dụng, cùng người nói năng, ngoài đối với tướng mà lia tướng, trong đối với không mà lia không, nếu toàn chấp tướng tức là tăng trưởng vô minh, người chấp không là có chê bai kinh. Nói thẳng chẳng dùng văn tự, đã nói chẳng dùng văn tự thì người cũng chẳng nên nói năng, chỉ lời nói năng này liền là tướng văn tự.” Tổ lại bảo: “Nói thẳng chẳng lập tự tức hai chữ chẳng lập này cũng là văn tự, thấy người nói liền chê bai người ta nói là chấp văn tự. Các ông nên biết tự mình mê thì còn khả dĩ, lại chê bai kinh Phật, không nên chê bai kinh vì đó là tội chướng vô số. Nếu chấp tướng bên ngoài mà tác pháp cầu chơn, hoặc rộng lập đạo tràng, nói lỗi lầm có không, những người như thế nhiều kiếp không thể thấy tánh; chỉ nghe y pháp



tu hành, lại chớ có trăm vật chẳng nghĩ, mà đối với đạo tánh sanh chướng ngại; nếu nghe nói chẳng tu khiến người biến sanh tà niệm, chỉ y pháp tu hành, bố thí pháp mà không trụ tướng. Các ông nếu ngộ, y đây mà nói, y đây mà dùng, y đây mà hành, y đây mà tạo tác, tức không mất bốn tông. Nếu có người hỏi nghĩa ông, hỏi có thì đem không đáp, hỏi không thì đem có đáp, hỏi phạm thì đem Thánh đáp, hỏi Thánh lấy phạm đáp, hai bên làm nhơn cho nhau sanh ra nghĩa trung đạo, như một hỏi một đáp, bao nhiêu câu hỏi khác đều y đây mà khởi tác dụng, tức không mất chân lý. Giả sử có người hỏi sao gọi là tối thì đáp rằng, ‘sáng là nhơn, tối là duyên, sáng mất tức là tối, dùng sáng để hiển tối, dùng tối để hiển sáng, qua lại làm nhơn cho nhau thành nghĩa trung đạo, ngoài ra hỏi những câu khác thảy đều như đây mà đáp. Các ông về sau truyền pháp y đây mà chỉ dạy cho nhau, chớ làm mất tông chỉ.’—One day the Master summoned his disciples Fa-Hai, Chih-Ch’eng, Fa-Ta, Shen-Hui, Chih-Ch’ang, Chih-T’ung, Chih-Ch’e, Chih-Tao, Fa-Chen and Fa-Ju, and said to them, “You are not like other people. After my passage into extinction, you should each be a master in a different direction. I will now teach you how to explain the Dharma without deviating from the tradition of our school. First, bring up the three classes of Dharma-doors and then, use the thirty-six pairs of opposites, so that, whether coming or going, you remain in the Bodhimandala. While explaining all the dharmas, do not become separate from your self-nature. Should someone suddenly ask you about a dharma, answer him with its opposite. If you always answer with the opposite, both will be eliminated and nothing will

be left since each depends on the other for existence. The three classes of Dharma-doors are the heaps, the realms and the entrances. The five heaps are: form, feeling, perception, impulses and consciousness. The twelve entrances are the six sense objects outside: forms, sounds, smells, tastes, tangible objects and objects of the mind; and the six sense organs within: eye, ear, nose, tongue, body, and mind. The eighteen realms are the six sense objects, the six sense organs and the six consciousnesses. The self-nature is able to contain all dharmas; it is the ‘store-enveloping consciousness.’ If one gives rise to a thought, it turns into consciousness, and the six consciousnesses are produced, which go out the six organs and perceive the six sense objects. Thus, the eighteen realms arise as a function of the self-nature. If the self-nature is wrong, it gives rise to the eighteen wrongs; if the self-nature is right, it gives rise to eighteen rights. Evil functioning is that of a living being, while good functioning is that of a Buddha. What is the functioning based on? It is based on opposing dharmas within the self-nature. External insentient things have five pairs of opposites: heaven and earth, sun and moon, light and darkness, positive and negative (yin and yang) and water and fire. In speaking of the marks of dharmas one should delineate twelve opposites: speech and dharmas, existence and non-existence, form and formless, the marked and the unmarked, the presence of outflows and the lack of outflows, form and emptiness, motion and stillness, clarity and turbidity, the common and the holy, membership in the Sangha and membership in the laity, old age and youth, and largeness and smallness. From

the self-nature nineteen pairs of opposites arise: length and shortness, deviance and orthodoxy, foolishness and wisdom, stupidity and intelligence, confusion and concentration, kindness and cruelty, morality and immorality, Straightness and crookedness, reality and unreality, danger and safety, affliction and Bodhi, permanence and impermanence, compassion and harm, joy and anger, generosity and stinginess, advance and retreat, production and extinction, the Dharma-body and the form-body, the Transformation-body and the reward-body. The Master said, "If you can understand and use these thirty-six pairs of opposites you can connect yourself with the dharmas of all the Sutras and avoid extremes, whether coming or going. When you act from your self-nature in speaking with others, you are separate from external marks while in the midst of them and separate from inward emptiness while in the midst of emptiness. If you are attached to marks, you will add to your wrong views and if you grasp at emptiness, you will increase your ignorance. Those who grasp at emptiness slander the Sutras by maintaining that written words have no use. Since they maintain they have no need of written words, they should not speak either because written words are merely the marks of spoken language. They also maintain that the direct way cannot be established by written words, and yet these two words 'not established', are themselves written. When they hear others speaking, they slander them by saying that they are attached to written words. You should know that to be confused as they are may be permissible but to slander the Buddha's Sutras is not.

Do not slander the Sutras for if you do, your offense will create countless obstacles for you. One who attaches himself to external marks and practice dharmas in search of truth, or who builds many Bodhimandalas and speaks of the error and evil of existence and non-existence will not see his nature for many aeons. Listen to the Dharma and cultivate accordingly. Do not think of hundreds of things, for that will obstruct the nature of the Way. Listening without cultivating will cause others to form deviant views. Simply cultivate according to the Dharma, and do not dwell in marks when bestowing it. If you understand, then speak accordingly, function accordingly, practice accordingly, and act accordingly, and you will not stray from the basis of our school. If someone ask you about a meaning, and the question is about existence, answer with non-existence; if you are asked about non-existence, answer with existence; asked about common life, answer with the holy life; asked about the holy life, answer with the common life. Since in each case the two principles are interdependent, the meaning of the Middle Way will arise between them. If you answer every question with an opposite, you will not stray from the basic principle. Suppose someone asks, 'What is darkness?' You should answer 'Brightness is the cause and darkness the condition. When there is no brightness, there is darkness. Brightness reveals darkness and darkness reveals brightness.' Since opposites are interdependent, the principle of the Middle Way is established. Answer every question that way, and in the future, when you transmit the Dharma, transmit it in the

way I am instructing you. Then you will not stray from the tradition of our school.”

- Vào niên hiệu Thái Cực năm Nhâm Tý, Diên Hòa tháng bảy (712 sau Tây Lịch), Tổ sai đệ tử đến Tân Châu, chùa Quốc Ân dựng tháp và khiến thợ khởi công gấp, năm kế cuối mùa hạ lạc thành, ngày mồng một tháng bảy Tổ họp đồ chúng bảo rằng: “Tôi đến tháng tám muốn lia thế gian, các ông có nghi phải hỏi nhau sớm, tôi vì các ông phá nghi khiến các ông dứt mê, nếu tôi đi rồi, sau không có người dạy các ông.” Ngài Pháp Hải, vân vân, nghe Tổ nói thấy đều rơi lệ chỉ có Thân Hội thần tình bất động, cũng không có khóc—In the seventh month of the year Jen-Tsu, the first year of T'ai-Chi and Yen-Ho reigns (around 712 A.D.), the Master sent his disciples to Hsin-Chou to build a pagoda at Kuo-Ên Temple. He ordered them to hurry the work and it was completed by the end of the summer of the following year. On the first day of the seventh month, he gathered his disciples together and said, “In the eighth month I wish to leave this world. Those of you with doubts should ask about them soon so that I may resolve them for you and put an end to your confusion, because when I am gone there will be no one to teach you.” Hearing this, Fa-Hai and others wept. Only Shen-Hui was unmoved and did not cry.
- Tổ bảo: “Thần Hội tiểu sư lại được thiện bất thiện cùng là đồng, khen chê chẳng động, vui buồn chẳng sanh, ngoài ra đều không được, ở trong núi mấy năm, cứu cánh tu đạo gì? Nếu các ông buồn khóc là vì lo cho ai? Nếu lo ta chẳng biết chỗ đi thì ta tự biết chỗ đi, nếu ta chẳng biết chỗ đi thì trọn không báo trước cho các ông,

các ông buồn khóc bởi vì chẳng biết chỗ đi của ta, nếu biết chỗ đi của ta tức không nên buồn khóc. Pháp tánh vốn không sanh diệt đi lại, các ông ngồi đây ta sẽ vì các ông nói một bài kệ gọi là ‘Chơn Giả Động Tĩnh’ kệ. Các ông tụng bài này cùng với ta ý đồng, ý đây mà tu hành thì không mất tông chỉ. Chúng Tăng đều làm lễ, Tổ nói kệ rằng:

“Tất cả không có chơn,  
 Chẳng do thấy nơi chơn  
 Nếu thấy được cái chơn,  
 Thấy đó trọn không chơn.  
 Nếu hay tự có chơn,  
 Là giả tức tâm chơn.  
 Tự tâm không lia giả,  
 Không chơn chỗ nào chơn.  
 Hữu tình tức biết động,  
 Vô tình tức không động.  
 Nếu tu hạnh bất động,  
 Đồng vô tình bất động.  
 Nếu tìm chơn bất động,  
 Trên động có bất động.  
 Bất động là bất động,  
 Vô tình không Phật tánh.  
 Hãy khéo phân biệt tướng,  
 Đệ nhất nghĩa bất động,  
 Chỉ khởi cái thấy này,  
 Là dụng của chơn như.  
 Bảo những người học đạo,  
 Gắng sức phải dụng tâm,  
 Chớ đối pháp Đại thừa,  
 Lại chấp trí sanh tử.  
 Nếu bàn luận tương ứng,  
 Liền cùng bàn nghĩa Phật,  
 Nếu thật không tương ứng,  
 Chấp tay khiến hoan hỷ.  
 Tông này vốn không tranh,  
 Tranh tức mất ý đạo,  
 Chấp nghịch tranh pháp môn,  
 Tự tánh vào sanh tử.”

The Master said, "Little Master Shen-Hui has attained the equality of good and evil.

He is not moved by blame or praise and does not feel sadness or joy. None of the rest of you have attained that. All these years on the mountain, how have you been cultivating? Now you cry. Who are you worrying about? Are you worrying that I don't know where I'm going? I know where I'm going. If I did not know, I wouldn't have been able to tell you about it in advance. No doubt you are crying because you don't know where I am going but if you knew you wouldn't need to cry. Originally, the Dharma nature is not produced or extinguished; it does not come or go. All of you sit down, and I will recite a verse called "The True-False Motion-Stillness Verse." If you take it up and recite it, you will be of the same mind as I am. If you rely on it to cultivate, you will not stray from the true principle of our school." The assembly bowed and begged the Master to recite the verse.

There is nothing true in anything,

So don't view anything as true.

If you view anything as true,

Your view will be completely false.

You can know what is true by yourself.

Being apart from the false is the truth of the mind.

When your own mind is not apart from the false

And lacks the truth, then where is the truth?

Sentient beings understand motion.

Insentient beings do not move.

If you cultivate the work of non-movement,

Like insentient beings, you will not move.

If you seek the true non-movement,

In movement, there is non-movement.

Non-movement is non-movement, but

Things without sentience lack the

Buddha-seed.

Fully able to discriminate among marks,

But unmoving in the primary meaning:

The very act of viewing in this way,

Itself is the function of true suchness.

I tell you, students of the Way,

Apply your minds with effort and take care,

At the gate of the Great Vehicle

Do not grasp the wisdom of birth and death.

If there is response of these words,

Then let us discuss the Buddha's meaning together.

If there is no response,

Join your hands together and make others glad.

The basis of this school is non-contention.

Contention is not the meaning of the Way.

For in grasping at the Dharma doors of contradiction and contention,

The self-nature enters birth and death.

- Khi ấy đồ chúng nghe Tổ nói kệ rồi thấy đều làm lễ biết rõ ý Tổ, mỗi người nhiếp tâm, y theo pháp tu hành, lại không dám tranh cãi, biết Tổ không còn ở đời bao lâu, Thượng Tọa Pháp Hải lại đánh lễ hỏi rằng: “Sau khi Hòa Thượng nhập diệt, y pháp sẽ trao cho người nào?”—When the followers heard this verse, they understood its meaning and bowed down before the Master. They made up their minds to practice in accord with the Dharma and not to argue, knowing that the Great Master would not remain long in the world. The Senior Seated Fa-Hai bowed again and asked, “After the High Master enters extinction, who will inherit the robe and Dharma?”

- Tổ bảo: “Tôi ở chùa Đại Phạm nói pháp cho đến ngày nay, sao chép để lưu hành, gọi là Pháp Bảo Đàn Kinh, các ông gìn giữ, truyền trao cho nhau, độ khắp quần sanh, chỉ y nơi lời nói này, ấy gọi là chánh pháp, nay vì các ông nói pháp chớ chẳng trao y, bởi vì các ông tin căn đã thuần thực, quyết định không còn nghi ngờ, kham nhận được đại sự, nhưng cứ theo ý bài kệ “Phó Thọ” của Sơ Tổ Đạt Ma, y không nên truyền. Kệ rằng:

“Ta đến ở cõi này,  
Truyền pháp cứu mê tình.  
Một hoa nở năm cánh,  
Kết quả tự nhiên thành.”

The Master said, “Since the time I lectured on the Dharma in Ta-Fan Temple, transcriptions of my lectures have been circulated. They are to be called ‘The Dharma Jewel Platform Sutra.’ Protect and transmit them in order to take humankind across. If you speak according to them, you will be speaking the Orthodox Dharma. I will explain the Dharma to you, but I will not transmit the robe because your roots of faith are pure and ripe. You certainly have no doubts and are worthy of the great Work. According to the meaning of the transmission verse of the First Patriarch Bodhidharma, the robe should not be transmitted. His verse said,  
“Originally I came to this land,  
Transmitting Dharma, saving living beings.  
One flower opens; five petals and  
The fruit comes to bear of itself.”

- Tổ lại bảo: “Các thiện tri thức! Các ông mỗi người nên tịnh tâm lắng nghe tôi nói pháp, nếu muốn thành tựu chủng trí phải đạt được nhất tướng tam muội và nhất hạnh tam muội. Nếu ở tất cả chỗ mà không trụ tướng, ở trong tướng kia, không

sanh yêu ghét, cũng không thủ xả, chẳng nghĩ các việc lợi ích thành hoại, vân vân, an nhàn điềm tịnh, hư dung đạm bạc, đây gọi là nhất tướng tam muội. Nếu ở tất cả chỗ đi đứng nằm ngồi thuần một trực tâm, không động đạo tràng, chơn thành Tịnh độ, đây gọi là nhất hạnh tam muội. Nếu người đủ hai tam muội này như đất đã có chứa hạt giống, nuôi dưỡng lớn lên, thành thực được hạt kia, nhất tướng nhất hạnh cũng lại như thế. Nay tôi nói pháp ví như khi mưa ướt khắp cả quả đất, Phật tánh của các ông ví như hạt giống gặp được sự thấm ướt này thủy đều phát sanh, nương lời chỉ dạy của tôi, quyết định được Bồ Đề, y theo hạnh của tôi, quyết định chứng được diệu quả, hãy nghe tôi nói kệ:

“Đất tâm chứa hạt giống,  
Mưa rưới thủy nảy mầm,  
Đốn ngộ hoa tình rồi,  
Quả Bồ Đề tự thành.”

The Master added, “All of you Good Knowing Advisors should purify your minds and listen to my explanation of the Dharma. If you wish to realize all knowledge, you must understand the Samadhi of one Mark and the Samadhi of One Conduct. If you do not dwell in marks anywhere and do not give rise to hate and love, do not grasp or reject and do not calculate advantage or disadvantage, production and destruction while in the midst of marks, but instead, remain tranquil, calm and yielding, then you will have achieved the Samadhi of One Mark. In all places, whether walking, standing, sitting or lying down, to maintain a straight and uniform mind, to attain the unmoving Bodhimandala and the true realization of the Pure Land. That is called the Samadhi of One Conduct. One who perfects the two samadhis is like earth in which seeds are planted; buried

in the ground, they are nourished and grow, ripening and bearing fruit. The One Mark and One Conduct are just like that. Now, I speak the Dharma, which is like the falling of the timely rain, moistening the great earth. Your Buddha-nature is like the seeds, which receiving moisture, will sprout and grow. Those who receive my teaching will surely obtain Bodhi and those who practice my conduct certainly certify to the wonderful fruit. Listen to my verse"

The mind-ground contains every seeds;  
Under the universal rain they all sprout  
Flower and feeling-Sudden  
Enlightenment

The Bodhi-fruit accomplishes itself."

- Tổ nói kệ rồi bảo: “Pháp kia không hai, tâm kia cũng vậy, đạo kia thanh tịnh, cũng không các tướng, các ông dè dặt chớ quán tịnh và để tâm kia không, tâm này vốn tịnh, không nên thủ xả, mỗi người tự nỗ lực tùy duyên đi vui về.” Khi ấy cả thầy chúng đều làm lễ thối lui—After speaking the verse the Master said, “Dharma is not dual nor is the mind, and the Way is pure and without marks. All of you take care not to contemplate stillness or empty the mind. The mind is basically pure and does not grasp or reject anything. Each of you work hard and go well in harmony with circumstances.”  
At that time, his followers made obeisance and withdrew.
- Đến ngày mồng tám tháng bảy, Tổ chợt bảo đệ tử rằng: “Tôi muốn trở về Tân Châu, các ông hãy chóng sửa sang thuyền chèo.” Đại chúng đều buồn bã, cố cầm Tổ ở lại. Tổ bảo: “Chư Phật xuất hiện còn phải thị tịch Niết Bàn, có lại tất có đi, lý vẫn thường nhiên, hình hài của tôi đây trở về ắt có chỗ.”—On the eighth day of the seventh month, the Master suddenly said to his disciples, “I wish to return to Hsin-Chou. Quickly ready a boat and oars.” The great assembly entreated him earnestly to stay, but the Master said, “All Buddhas appear in the world and then are seen to enter Nirvana. This body of mine must return somewhere.”
- Chúng thưa: “Thầy từ đây đi, bao giờ mới trở về?”—The assembly said, “Master, you are leaving, but sooner or later, you will return.”
- Tổ bảo: “Lá rụng về cội, trở lại không hẹn ngày.”—The Master said, “Falling leaves return to the root. There was no day on which I came.”
- Lại hỏi rằng: “Chánh pháp nhãn tạng truyền trao cho người nào?”—They further asked, “Who has received the transmission of the Right Dharma-eye Treasury?”
- Tổ bảo: “Người có đạo thì được, người không tâm thì thông.”—The Master said, “The one who has the Way obtains it; the one without a mind penetrates it.”
- Lại hỏi: “Về sau có nạn hay chăng?”—They further asked, “In the future, there won’t be any difficulties, will there?”
- Tổ bảo: “Tôi diệt độ khoảng năm, sáu năm, sẽ có một người đến cắt đầu của tôi, nghe tôi huyền ký rằng:  
“Trên đầu nuôi thân, nơi miệng để ăn,  
Gặp nạn họ Mãn, Dương Liễu làm quan.”—The Master said, “Five or six years after my extinction (death), a man will come to take my head. Listen to me verse:

Offerings to the parents with bowed head.  
There must be food in the mouth.  
When the difficulty of ‘Man’ is met,  
The officials will be Yang and Liu.”

- Lại nói rằng: “Tôi đi khoảng 70 năm, có hai vị Bồ Tát, từ phương Đông lại, một người xuất gia, một người tại gia, đồng thời hưng hóa, dựng lập tông tôi, kiến thiết những ngôi chùa lam, xương long cho chánh pháp tiếp nối.”—The Master also said, “Seventy years after my departure, two Bodhisattvas, one who has left home and one who is a layman, will simultaneously come from the east to propagate and transform. They will establish my school, build and restore monasteries and glorify the Dharma for its heirs.
- Chúng hỏi: “Chưa biết từ trước Phật Tổ ứng hiện đến nay, sự truyền thọ được bao nhiêu đời, mong ngài thương xót chỉ dạy.”—The assembly made obeisance again and asked, “Will you please let us know for how many generations the teaching has been transmitted since the first Buddha and Patriarchs appeared in the world?”
- Tổ bảo: “Cổ Phật hiện ra đời đã vô số lượng, không thể kể hết, nay kể từ Đức Phật làm đầu. Thuở quá khứ kiếp Trang Nghiêm có Phật Tỳ Bà Thi, Phật Thi Khí, Phật Tỳ Xá Phù; Hiền kiếp này có Phật Câu Lưu Tôn, Phật Câu Na Hàm Mâu Ni, Phật Ca Diếp, và Phật Thích Ca Mâu Ni, đó là bảy đức Phật. Nay do Đức Phật Thích Ca đầu tiên truyền cho tôn giả Ma Ha Ca Diếp, Tổ thứ hai là Ngài A Nan, tổ thứ ba là ngài Thương Na Hòa Tu, tổ thứ tư là ngài Ưu Ba Cúc Đa, tổ thứ năm là ngài Đề Đa Ca, tổ thứ sáu là ngài Di Giá

Ca, tổ thứ bảy là Bà Tu Mật Đa, tổ thứ tám là Phật Đà Nan Đề, tổ thứ chín là Phục Đà Mật Đa, tổ thứ mười là Hiếp Tôn Giả, tổ thứ mười một là Phú Na Dạ Xa, tổ thứ mười hai là Mã Minh, tổ thứ mười ba là Ca Tỳ Ma La, tổ thứ mười bốn là Long Thọ, tổ thứ mười lăm là Ca Na Đề Bà, tổ thứ mười sáu là La Hầu La Đa, tổ thứ mười bảy là Tăng Già Nan Đề, tổ thứ mười tám là Già Da Xá Đa, tổ thứ mười chín là Cưu Ma La Đa, tổ thứ hai mươi là Xà Dạ Đa, tổ thứ hai mươi một là Bà Tu Bàn Đầu, tổ thứ hai mươi hai là Ma Noa La, tổ thứ hai mươi ba là Hạc Lặc Na, tổ thứ hai mươi bốn là Sư Tử, tổ thứ hai mươi lăm là Bà Xá Tư Đa, tổ thứ hai mươi sáu là Bất Như Mật Đa, tổ thứ hai mươi bảy là Bất Nhã Đa La, tổ thứ hai mươi tám là Bồ Đề Đạt Ma, ngài cũng là Sơ Tổ ở Trung Hoa, tổ thứ hai mươi chín là Huệ Khả, tổ thứ ba mươi là Tăng Xán, tổ thứ ba mươi một là Đạo Tín, tổ thứ ba mươi hai là Hoàng Nhẫn, Huệ Năng là Tổ thứ ba mươi ba. Từ trước chư Tổ mỗi vị đều có bả m thừa, các ông về sau phải theo thứ tự truyền trao, chớ khiến sai lầm.”—The Master said, “The Buddhas of antiquity who have appeared in the world are numberless and uncountable. But now I will begin with the last seven Buddhas. In the Past ‘Adorned Aeon’ there were Vipashyin Buddha, Shikhin Buddha and Vishvabhu Buddha. In the present ‘Worthy Aeon’, there have been Krakucchanda Buddha, Kanakamuni Buddha, Kashyapa Buddha, and Shakyamuni Buddha. From Shakyamuni Buddha, the transmission went to Arya Mahakashyapa, Arya Ananda, Arya Sanakavasa, Arya Upagupta, Arya Dhrtaka, Arya Miccaka, Arya Vasumitra, Arya Buddhanandi, Arya Buddhamitra, Arya Parshva, Arya Punyayashas,

- Mahasattva Ashvaghosa, Arya Kapimala, Mahasattva Nagarjuna, Arya Kanadeva, Arya Rahulata, Arya Sanghanandi, Arya Gayashata, Arya Kumarata, Arya Jayata, Arya Vasubandhu, Arya Manorhita, Arya Arya Haklena, Arya Aryasima, Arya Basiasita, Arya Punyamitra, Arya Prajnatarā, Arya Bodhidharma. Great Master Hui-K'o, Great Master Seng-Ts'an, Great Master Tao-Hsin, Great Master Hung-Jen, and I, Hui-Neng, am the Thirty-Third Patriarch. Thus, the transmission has been handed down from patriarch to patriarch. In the future, transmit it accordingly from generation to generation. Do not allow it to become extinct.”
- The assembly heard and faithfully accepted what the Master had said, bowed and withdrew.
- Năm thứ hai niên hiệu Tiên Thiên (713 sau Tây Lịch), năm Quý Sửu ngày mồng ba tháng tám (tháng mười hai năm ấy đổi là khai nguyên), Tổ ở tại chùa Quốc Ân sau buổi ngọ trai, bảo các đồ chúng rằng: “Các ông mỗi người cứ ngồi y chỗ cũ, tôi cùng các ông từ biệt.”—On the third day of the eighth month of the year Kuei-Chou, the second year of the Hsien-T'ien reign (around 713 A.D.), after a meal in Kuo-Ên Temple, the Master said, “Each of you take your seat, for I am going to say goodbye.”
  - Ngày Pháp Hải bạch rằng: “Hòa Thượng để lại giáo pháp gì khiến cho những người mê đời sau được thấy Phật tánh?”—Fa-Hai said, “What teaching dharma will the High Master leave behind so that confused people can be led to see the Buddha-nature?”
  - Tổ bảo: “Các ông lắng nghe, những người mê đời sau nếu biết chúng sanh tức là Phật tánh, nếu biết chúng sanh muôn kiếp tìm Phật cũng khó gặp. Nay tôi dạy các ông biết tự tâm chúng sanh, thấy tự tâm Phật tánh. Muốn cầu thấy Phật, chỉ biết chúng sanh, chỉ vì chúng sanh mê Phật, chẳng phải Phật mê chúng sanh. Tự tánh nếu ngộ, chúng sanh là Phật; tự tánh nếu mê, Phật là chúng sanh; tự tánh bình đẳng, chúng sanh là Phật; tự tánh tà hiểm, Phật là chúng sanh. Tâm các ông nếu hiểm khúc tức Phật ở trong chúng sanh, một niệm bình trực tức là chúng sanh thành Phật. Tâm tôi tự có Phật, tự Phật đó là chơn Phật, nếu tự không có tâm Phật thì chỗ nào cầu được chơn Phật? Các ông tự tâm là Phật lại chớ hồ nghi, ngoài không một vật mà hay dựng lập đều là bốn tâm sanh ra muôn pháp, nên kinh nói tâm sanh các thứ pháp sanh, tâm diệt các thứ pháp diệt, nay tôi để bài kệ cùng các ông từ biệt gọi là Tự Tánh Chân Phật Kệ, người đời sau biết được ý kệ này tự thấy bốn tâm, tự thành Phật đạo. Kệ rằng:

“Chơn như tự tánh là chơn Phật,  
Tà kiến tam độc là ma vương,  
Khi tà mê ma ở trong nhà,  
Khởi chánh kiến Phật ở trong nhà.  
Trong tánh tà kiến tam độc sanh,  
Tức là ma vương đến trong nhà,  
Chánh kiến tự trừ tâm tam độc,  
Ma biến thành Phật thật không giả.  
Pháp thân báo thân và hóa thân,  
Ba thân xưa nay là một thân,  
Nếu nhằm trong tánh hay tự thấy,  
Tức là như Bồ Đề thành Phật.  
Vốn từ hóa thân sanh tánh tịnh,  
Tánh tịnh thường ở trong hóa thân.  
Tánh khiến hóa thân hành chánh đạo,  
Về sau viên mãn thật không cùng.  
Tánh dâm vốn là như tánh tịnh,  
Trừ dâm tức là thân tánh tịnh,



Trong tánh mỗi tự lìa ngũ dục,  
 Thấy tánh sát na tức là chơn.  
 Đời này nếu gặp pháp đốn giáo,  
 Chợt ngộ tự tánh thấy được Phật.  
 Nếu muốn tu hành mong làm Phật,  
 Không biết nơi nào nghĩ tìm chơn.  
 Nếu hay trong tâm tự thấy chơn,  
 Có chơn tức là nhưn thành Phật,  
 Chẳng thấy tự tánh ngoài tìm Phật,  
 Khởi tâm thấy là người đại si.  
 Pháp môn đốn giáo nay lưu truyền,  
 Cứu độ người đời phải tự tu,  
 Bảo ông người học đạo đời sau,  
 Không khởi thấy này rất xa xôi.”  
 The Master said, “All of you please,  
 listen carefully. If those of future  
 generations recognize living beings, they  
 will have perceived the Buddha-nature. If  
 they do not recognize living beings, they  
 may seek the Buddha throughout many  
 aeons but he will be difficult to meet. I  
 will now teach you how to recognize the  
 living beings within your mind and how to  
 see the Buddha-nature there. If you wish  
 to see the Buddha, simply recognize  
 living beings for it is living beings who  
 are confused about the Buddha and not  
 the Buddha who is confused about living  
 beings. When enlightened to the self-  
 nature, the living being is a Buddha. If  
 confused about the self-nature, the  
 Buddha is a living being. When the self-  
 nature is impartial, the living being is the  
 Buddha. When the self-nature is biased,  
 the Buddha is a living being. If your  
 thoughts are devious and malicious, the  
 Buddha dwells within the living being but  
 by means of one impartial thought, the  
 living being becomes a Buddha. Our  
 minds have their own Buddha and that  
 Buddha is the true Buddha. If the mind  
 does not have its own Buddha, where can  
 the true Buddha be sought? Your own

minds are the Buddha; have no further  
 doubts. Nothing can be established  
 outside the mind, for the original mind  
 produces the ten thousand dharmas.  
 Therefore, the Sutras say, ‘The mind  
 produced, all dharmas are produced; the  
 mind extinguished, all dharmas are  
 extinguished. Now, to say goodbye, I will  
 leave you a verse called the ‘Self-  
 Nature’s True Buddha Verse.’ People of  
 the future who understand its meaning  
 will see their original mind and realize  
 the Buddha Way. The verse runs:

The true-suchness self-nature  
 is the true Buddha.  
 Deviant views, the three poisons,  
 are the demon king.  
 At times of deviant confusion  
 the demon king is in the house;  
 But when you have proper views  
 the Buddha is in the hall.  
 Deviant views, the three poisons  
 produced within the nature,  
 Are just the demon king  
 come to dwell in the house.  
 Proper views casting out  
 three poisons of the mind  
 Transform the demon into Buddha  
 True, not False.  
 Dharma-body, Reward-body,  
 and Transformation-body:  
 Fundamentally the three bodies  
 are one body.  
 Seeing that for yourself  
 within your own nature  
 Is the Bodhi-cause  
 for realizing Buddhahood.  
 The pure nature is originally  
 Produced from the Transformation-  
 body.  
 The pure nature is ever-present  
 Within the Transformation-body.  
 One’s nature leads the

Transformation-body down the right road.  
 And in the future the full perfection is truly without end.  
 The root cause of purity is the lust nature,  
 For once rid of lust, the substance of the nature is pure.  
 Each of you, within your natures; abandon the five desires.  
 In an instant, see your nature, it is true.  
 If in this life you encounter The door of Sudden Teaching  
 You will be suddenly enlightened to your self-nature and see the Honored of the world.  
 If you wish to cultivate and aspire to Buddhahood,  
 You won't know where the truth is to be sought  
 Unless you can see the truth within your own mind,  
 This truth which is the cause of realizing Buddhahood.  
 Not to see your self-nature but to seek the Buddha outside:  
 If you think that way, you are deluded indeed.  
 I now leave behind the Dharma-door of the Sudden Teaching  
 To liberate worldly people who must cultivate themselves.  
 I announce to you and to future students of the Way:  
 If you do not hold these views you will only waste your time.

- Tổ nói kệ rồi bảo rằng: “Các ông ở lại an vui, sau khi tôi diệt độ, chớ làm theo thế gian khóc lóc như mưa, nhận lễ vật điều tang, thân mặc hiếu phục, chẳng phải là

đệ tử của tôi, cũng không phải là chánh pháp. Chỉ biết tự bồn tâm, thấy tự bồn tánh, không động không tịnh, không sanh không diệt, không đi không lại, không phải không quấy, không trụ không vắng, e các ông trong tâm mê, không hiểu ý tôi, nay lại dặn dò các ông khiến các ông thấy tánh. Sau khi tôi diệt độ, y theo đây tu hành, như ngày tôi còn sống, nếu trái lời tôi dạy, giả sử tôi còn ở đời, cũng không có lợi ích gì. Tổ lại nói kệ rằng:

“Ngơ ngơ không tu thiện,  
 Ngáo ngáo không làm ác,  
 Lặng lẽ dứt thấy nghe,  
 Thên thang tâm không dính.”

Having spoken the verse the Master continued, “All of you should take care. After my extinction, do not act with worldly emotion. If you weep in sorrow, receive condolences or wear mourning clothes, you are not my disciples, for that is contrary to the proper Dharma. Simply recognize your own original mind and see your own original nature, which is neither moving nor still, neither produced nor extinguished, neither coming nor going, neither right nor wrong, neither dwelling nor departing. Because I am afraid that your confused minds will misunderstand my intention, I will instruct you again so that you may see your nature. After my extinction, continue to cultivate accordingly, as if I were still present. Should you disregard my teaching, then even if I were to remain in the world, you would obtain no benefit.”

He further spoke this verse:

Firm, firm: Do not cultivate the good.

High, high: Do not do evil.

Still, still: Cut off sight and sound.

Vast, vast: The mind unattached.

- Tổ nói kệ rồi ngồi ngay thẳng đến canh ba, chợt bảo đệ tử rằng: “Tôi đi nhé!” Rồi im lặng

mà hóa. Khi ấy mùi lạ đầy cả thất, có một móng trắng vòng giáp đất, trong rừng cây cối đều biến thành màu trắng, cầm thú kêu vang bi thương—After speaking this verse, the Master sat upright until the third watch, when suddenly he said to his disciples, “I am going!” In an instant he changed and a rare fragrance filled the room. A white rainbow linked with the earth and the trees in the wood turned white. The birds and beasts cried out in sorrow.

- Đến tháng mười một, quan liêu cùng môn nhơn Tăng tục ba quận Quảng, Thiệu, Tân, đua nhau tới đón thân của Tổ, không giải quyết được việc tranh giành mới thấp hương khẩn đảo rằng: “Khói hương chỉ về chỗ nào là Tổ về chỗ ấy.” Khi ấy khói hương bay thẳng về Tào Khê. Ngày mười ba tháng mười một, dời thần khám và những y bát được truyền trở về. Năm kế tháng bảy mới mở khám, đệ tử Phương Biện dùng đất trầm tô lên trên, đệ tử nhớ lại lời huyền ký sẽ bị lấy đầu của Tổ, mới lấy sắt là bao quanh cổ để giữ cổ của Tổ, rồi đưa vào trong tháp, chốt trong tháp có hào quang trắng hiện ra thẳng lên trên trời, ba ngày mới tan. Thiệu Châu tâu lên vua và phụng sắc lập bia ghi đạo hạnh của Tổ. Tổ sống bảy mươi sáu tuổi, hai mươi bốn tuổi được truyền y, năm ba mươi chín tuổi mới thể phát, nói pháp lợi sanh ba mươi bảy năm, đệ tử nối pháp bốn mươi ba người, người ngộ đạo siêu phàm không biết bao nhiêu mà tính. Tín y của Tổ Đạt Ma truyền, áo Ma Nạp cùng với bát báu của vua Trung Tông ban cho và tượng của Phương Biện đắp cùng với những đạo cụ của Tổ để tại đạo tràng Bảo Lâm, lưu truyền Kinh Pháp Bảo Đàn để bày tông chỉ của Tổ, hưng long Tam Bảo và lợi ích quần sanh— In the eleventh month, a dispute arose among the officials, disciples, Sangha and laity of the three countries of Kuang Chou,

Shao-Chou and Hsin-Chou as to who should receive the true body. As they could not agree, they lit incense and prayed saying, “The Master will be returned to the place indicated by the incense smoke.” The smoke went directly to Ts’ao-His and so, on the thirteenth day of the eleventh month, the reliquary and the transmitted robe and bowl were returned there. In the following year, on the twenty-fifth day of the seventh month, the body was removed from the reliquary and Disciple Fang Pien anointed it with incense paste. Remembering the prophecy that his head would be taken, the disciples wrapped sheets of iron and laquered cloth around his neck for protection and then placed his body in the pagoda. Just then a white light appeared within the pagoda, shot up into the sky and did not fade for three days. The Magistrate of Shao-Chou reported this to the Emperor and received an imperial order to erect a stone tablet commemorating the Master’s conduct in the Way. The Master’s springs and autumns were seventy-six. The robe was transmitted to him when he was twenty-four and when he was thirty-nine his hair was cut. For thirty-seven years, he spoke the Dharma to benefit living beings. Forty-three men inherited his Dharma and an unaccountable number awoke to the Way and overstepped the common lot. The robe of belief transmitted from Bodhidharma, the Mo-Na robe and precious bowl conferred by Emperor Chung-Tsung, as well as the lifelike image sculpted by Fang Pien and other articles of the Way, were entrusted to the attendant in charge of the stupa and were permanently retained at the Pao-Lin Bodhimandala for the Bodhimanda’s protection. The Platform Sutra has been transmitted to set forth the principles of our school, to glorify the Triple Jewel and to benefit all living beings.

# **Appendix G**

**Kink Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật Đa  
The Vajracchedika Prajna Paramita Sutra**



## **Kinh Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật Đa:**

Lư hương sạ nhiệt.

Incense heats up in the censer.

Pháp giới xông huân.

The fragrance permeates all space.

Chư Phật hải hội tất đều vẫn.

Buddhas in all universes are aware.

Từ xứ kiết tường vân.

Everywhere, there gathers auspicious clouds.

Thành ý phương ân.

Be sincere and solemn.

Chư Phật hiện toàn thân.

Buddhas appear in the midst of fragrant clouds.

Nam Mô Hương Vân Cái Bồ Tát Ma Ha Tát (3 lần).

Let's take refuge with the Bodhisattva in the cloud of incense (3 times).

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Let's take refuge with our teacher Sakyamuni Buddha.

Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật Kinh

The Vajracchedika Prajna Paramita Sutra.

---Như thị ngã văn. Nhứt thời Phật tại Xá Vệ Quốc, Kỳ Thọ Cấp Cô Độc viên, dữ đại Tỳ Kheo chúng, thiên nhị bá ngũ thập nhơn câu. Nhĩ thời Thế Tôn, thực thời, trước y trì bát, nhập Xá Vệ đại thành khát thực. Ư kỳ thành trung, thứ đệ khát dĩ. Hoàn trí bốn xứ, phạn thực ngật thân y bát, tẩy túc dĩ, phu tòa nhi tọa (Chính tôi được nghe: “Một thời Đức Phật cùng với một ngàn hai trăm năm chục vị Tỳ Kheo hội họp tại vườn Kỳ Thọ Cấp Cô Độc thuộc thành Xá Vệ. Khi bấy giờ đến bữa ăn, Đức Thế Tôn mặc áo mang bát đi vào thành Xá Vệ khát thực. Ở trong thành đó Ngài lần lượt đi khát thực từng nhà, rồi trở về nơi cũ, thọ trai xong Ngài thu bát gấp áo và rửa chân, rồi trải tòa ra ngồi)---Thus I have heard. Once, Buddha was preaching in the Kingdom of Shravasti, while staying in the Jetavana Park. In his company, there were one

thousand two hundred and fifty elder Bhikshus. At meal time, Bhagavan put on his robe and took his bowl. He entered the city of Shravasti to beg for food. Upon entering, he begged from door to door. Afterward, he returned to the dwelling. After his meal, he put away his robe and bowl. He washed his feet, lay out a mat and sat down.

---Nhĩ thời Trưởng lão Tu Bồ Đề, tại đại chúng trung, tức tùng tòa khởi, thiên dẫn hữu kiên, hữu tất trước địa hiệp chưởng cung kính nhi bạch Phật ngôn: “Hi hữu Thế Tôn! Như Lai thiện hộ niệm chư Bồ Tát, thiện phó chúc chư Bồ Tát ! Thế Tôn! Thiện nam tử, thiện nữ nhơn phát A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề tâm, vân hà ứng trụ, vân hà hàng phục kỳ tâm?” (Bấy giờ trong đại chúng ngài Tu Bồ Đề từ chỗ ngồi của mình đứng dậy, hơ áo vai hữu, gối hữu quỳ sát đất, chấp tay cung kính mà bạch Phật rằng: “Thật hi hữu thay, bạch Đức Thế Tôn! Đức Như Lai hộ niệm cho các Bồ Tát thật là khéo léo! Phó chúc cho các Bồ Tát thật là khéo léo! Bạch Đức Thế Tôn! Kể thiện nam tử, thiện nữ nhơn nào phát tâm vô thượng chánh giác, tâm phải an trụ như thế nào? Và phải nên dẹp dục vọng như thế nào?”)---Then, elder Subhuti who was in the assembly stood up, beared his right shoulder and knelt down on his right knee. He held his palms together and reverently asked the Buddha, “Honorable, the most precious one. The Tathagata is well mindful of Bodhisattvas. He well instructs Bodhisattvas. Honorable ! A good man or woman who seeks the Anuttara Samyak Sambodhi, what should one rely on, and how can one pacify the mind ?”

---Phật ngôn: “Thiện tai ! Thiện tai ! Tu Bồ Đề ! Như nhữ sở thuyết, Như Lai thiện hộ niệm chư Bồ Tát, thiện phó chúc chư Bồ Tát. Nhữ kim đế thính, đương vị nhữ thuyết. Thiện nam tử, thiện nữ nhơn ! phát A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề tâm, ứng như thị trụ, như thị hàng phục kỳ tâm.” (Đức Phật bảo

ngài Tu Bồ Đề rằng: “Hay lắm! Phải lắm! Đúng thật như lời ông nói; Như Lai hộ niệm cho các Bồ Tát thật là khéo léo! Phó chúc cho các Bồ Tát thật là khéo léo! Ông nay lắng nghe cho rõ, tôi sẽ vì ông mà nói cho nghe. Nếu có thiện nam tử hay thiện nữ nơn nào phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác ấy, tâm phải nên trụ như thế này, và phải nén dẹp vọng tâm như thế này)—The Buddha replied: “Good, good indeed! Subhuti ! As you say, the Tathagata is well mindful of Bodhisattvas, and well instructs Bodhisattvas. Listen carefully, I will teach you. What a good man or woman who seeks Anuttara Samyak Sambodhi (The Supreme Enlightenment) should rely on, and how one can pacify one” mind.”

---Duy nhiên Thế Tôn! Nguyên lạc dục văn (Dạ: Bạch Đức Thế Tôn! Con muốn được nghe lắm)—“Yes, Honorable, I will be honored to hear your teaching.”

---Phật cáo Tu Bồ Đề: “Chư Bồ Tát Ma Ha Tát, ứng như thị, hàng phục kỳ tâm, sở hữu nhưt thiết chúng sanh chi loại, nhược noãn sanh, nhược thai sanh, nhược thấp sanh, nhược hóa sanh, nhược hữu sắc, nhược vô sắc, nhược hữu tướng, nhược vô tướng; nhược phi hữu tướng, phi vô tướng, ngã giai linh nhập Vô Dư Niết bàn, nhi diệt độ chi. Như thị diệt độ vô lượng vô số, vô biên chúng sanh, thiết vô chúng sanh, đắc diệt độ giả” (Đức Phật bảo ông Tu Bồ Đề rằng: “Các Bồ Tát và đại Bồ Tát, phải nên nén dẹp vọng tâm như thế này. Nghĩa là có hết thấy những loài chúng sanh, dù là loài sinh ra trứng, loài sinh ra thai, loài sinh ở nơi ẩm ướt, hay loài hóa sinh, loài có sắc, loài không có sắc, loài có tướng, loài không có tướng, loài không phải có tướng, ta đều khiến cho vào cõi Vô Dư Niết Bàn mà được diệt độ. Những chúng sinh đó tuy được diệt độ vô lượng vô biên, mà thật ra coi như không có một chúng sinh nào được diệt độ cả)—The Buddha discoursed to Subhuti, “Bodhisattva

Mahasattvas should pacify their mind this way. All beings, whether they born from eggs, wombs, spawned, or metamorphosis; whether they have forms or not; have consciousness or not; I will lead them to the liberation of Parinirvana. Although I have emancipated countless immeasurable beings, in actuality, no beings was emancipated. Why ?”

---Hà dĩ cố? Tu Bồ Đề ! Nhược Bồ tát hữu ngã tướng, nơn tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng, tức phi Bồ Tát ( Tại vì sao? Ông Tu Bồ Đề! Nếu Bồ Tát còn chấp vào chỗ có tướng ta, tướng người, tướng chúng sanh, tướng thọ giả, nư thế tức không thể gọi là Bồ Tát được)—Subhuti ! Bodhisattvas, who are attached to the concept of self, others, afflictions and incessantness are not Bodhisattvas.

---Phục thứ Tu Bồ Đề ! Bồ Tát ư pháp, ứng vô sở trụ, hàn ư bố thí. Sở vị bất trụ sắc bố thí, bất trụ thính, hương, vị, xúc, pháp bố thí. Tu Bồ Đề ! Bồ Tát ứng như thị bố thí, bất trụ ư tướng. Hà dĩ cố ! Nhược Bồ Tát bất trụ tướng bố thí, kỳ phước đức bất khả tư lượng (Lại nữa, ông Tu Bồ Đề! Bồ Tát thực hành phép bố thí phải nên “Vô sở trụ.” Nghĩa là không nên trụ vào sắc mà làm bố thí, không nên trụ vào thanh, hương, vị, xúc, pháp mà làm bố thí. Ông Tu Bồ Đề! Tại sao mà Bồ Tát không nên trụ vào sắc tướng mà bố thí như thế? Vì nếu Bồ Tát không trụ vào hình sắc mà bố thí, thì phước đức đó không thể suy lường được)—Also, Subhuti ! Bodhisattvas in truth have no attachment in acts of charity. One should not attach to sight while giving. One should not attach to sound, smell, taste, touch, or conciousness in giving. Subhuti ! Bodhisattvas should give without attachment. Why ? If they do, the merits and virtues are immeasurable.”

---Tu Bồ Đề ! Ư ý vân hà ? Phương Đông hư không, khả tư lượng phủ ?” (Ông Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? Cõi hư không về phương Đông có thể suy lường được chăng?)—

Subhuti, tell me, can you qualify the space to the East ?”

---Phất dã. Thế Tôn ! (Dạ, bạch Đức Thế Tôn! Cõi hư không về phương Đông, không thể suy lường được)—“I cannot, Honorable.”

---Tu Bồ Đề. Nam Tây Bắc phương. Tứ duy thượng hạ hư không khả tư lường phủ? (Ông Tu Bồ Đề! Cõi hư không về phương Nam, phương Tây, phương Bắc, bốn phương bàng, và phương trên phương dưới có thể suy lường được chăng?)—“Subhuti, then can you qualify the spaces to the South, to the West or North; to the four corners, to directions above or below.”

Phất dã. Thế Tôn! (Dạ, bạch Đức Thế Tôn! Không thể suy lường được)—“I cannot, Honorable.”

---Tu Bồ Đề! Bồ tát vô trụ tướng bố thí, phước đức diệt phục như thị bất khả tư lường (Ông Tu Bồ Đề! Bồ Tát không trụ vào hình tướng mà bố thí, thì phước đức đó cũng nhiều như thế, không thể suy lường được)—Subhuti! Bodhisattvas who give without attachment have equal amounts of merit and virtue. It is incomprehensible and immeasurable.

---Tu Bồ Đề! Bồ Tát ứng dẫn như sở giáo trụ (Ông Tu Bồ Đề! Bồ Tát những nên theo như chỗ sở giáo mà trụ)—Subhuti ! Bodhisattvas should be mindful of this teaching.

---Tu Bồ Đề ! Ư ý vân hà. Khả dĩ thân tướng đắc kiến Như Lai phủ (Ông Tu Bồ Đề! Ý ông thế nào? Có thể dùng thân tướng mà thấy được Như Lai chăng?)—Subhuti ! In your opinion, can the Tathagata be identified by the physical bodily attributes?

---Phất dã. Thế Tôn! Bất khả dĩ thân tướng đắc kiến Như Lai. Hà dĩ cố ? Như Lai sở thuyết thân tướng, tức phi thân tướng (Dạ, bạch Đức Thế Tôn! Không thể dùng thân tướng mà thấy được Đức Như Lai. Tại vì sao? Vì Đức Như Lai nói ‘Thân tướng kia tức không phải thật là thân tướng của Như Lai.’)—No Honorable ! One cannot identify the Tathagata by physical attributes. Why ?

The Tathagata says that physical form has no actuality.

---Phật cáo Tu Bồ Đề: “Phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng. Nhược kiến chư tướng phi tướng, tức kiến Như Lai.” (Đức Phật bảo ông Tu Bồ Đề: “Bất cứ vật gì hễ có hình tướng đều là giả dối.” Nếu thấy các tướng không phải hình tướng, như thế mới tạm gọi là thấy được Như Lai)—The Buddha said to Subhuti, “All forms and phenomena are illusive. If one can see beyond forms, one sees the Tathagata.”

---Tu Bồ Đề bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Pháp hữu chúng sanh, đắc văn như thị ngôn thuyết chương cú, sanh thiết tín phủ?” (Ông Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: “Bạch Đức Thế Tôn! Và lại, nếu có các chúng sanh được nghe lời lẽ chương cú như thế, họ khởi lòng tin chân thật chăng?”)—Subhuti asked the Buddha, “Honorable! Can there be anyone, upon hearing this words, believe sincerely in them?”

---Phật cáo Tu Bồ Đề: “Mạc tác thị thuyết. Như Lai diệt hậu, hậu ngũ bá tuế, hữu trì giới tu phước giả, ư thử chương cú, năng sanh tín tâm, dĩ thử vi thiết. Đương tri thị nhơn, bất ư như Phật, nhị Phật, tam, tứ, ngũ Phật nhi chúng thiện căn, dĩ ư vô lượng, thiên vạn Phật sở, chủng chư thiện căn. Văn thị chương cú, nãi chí như niệm, sanh tịnh tín giả.” (Đức Phật bảo ông Tu Bồ Đề: “Ông đừng khởi ra ý nghĩ như thế, sau khi Như Lai diệt độ năm trăm năm, nếu có người nào trì giới tu phước, hoặc đối với chương cú kinh này, sinh lòng tin thanh tịnh mà cho đó là thật, thì nên biết người đó, không phải họ trồng căn lành ở chốn một Đức Phật, hai Đức Phật, ba, bốn, năm Đức Phật, mà họ đã trồng căn lành ở chốn vô lượng vô biên muôn nghìn Đức Phật, nghe được một chương, một câu kinh này, nhần đến một khoảng giây lát sinh khởi lòng tin thanh tịnh)—“The Buddha replied to Subhuti, “Do not say such words. Even after another five hundred years, there still are



those who follow precepts and cultivate merit. Upon hearing these words, they will develop firm and sincere faith. One should be aware that they have planted virtue, not with one Buddha, two Buddhas, three, four, or five Buddhas, but countless trillions of Buddhas. Upon hearing these words, in an instant, they develop pure faith.”

---Tu Bồ Đề! Như Lai tất tri tất kiến, thị chư chúng sanh, đắc như thị vô lượng phước đức (Ông Tu Bồ Đề! Những chúng sinh đó, được vô lượng phước đức như thế, Như Lai đều thấy đều biết hết cả)—Subhuti! The Tathagata knows and sees all. These beings have immeasurable merit.

—Hà dĩ cố? Thị chư chúng sanh vô phục ngã tướng, nhưn tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng, vô pháp tướng, vô pháp tướng, diệc vô phi pháp tướng (Tại vì sao? Vì những chúng sanh ấy, không chấp vào tướng ta, tướng người, tướng chúng sinh, tướng thọ giả, tướng vô pháp, và cũng không chấp vào tướng không phải là phi pháp)—Why? They are not attached to the concept of self, others, affiliations and incessantness, not to the concept of doctrines, nor no doctrines.

---Hà dĩ cố? Thị chư chúng sanh nhược tâm thủ tướng, tắc vi trước ngã, nhưn, chúng sanh, thọ giả; nhược thủ pháp tướng, tức trước ngã nhưn, chúng sanh thọ giả (Tại vì sao? Nếu tâm còn chấp vào tướng, tức là chấp có ta, có người, có chúng sinh, có thọ giả. Nếu cố chấp vào pháp tướng, cũng tức là chấp có ta, chấp có người, chấp có chúng sinh, và chấp có thọ giả)—Why? One who grasps a concept is attached to the self, others, affiliations and incessantness. One who grasps doctrine is attached to the self, others, affiliations and incessantness.

---Hà dĩ cố? Nhược thủ phi pháp tướng tức trước ngã, nhưn, chúng sanh, thọ giả. Thị cố, bất ứng thủ pháp, bất ứng thủ phi pháp (Bởi vậy không nên chấp là pháp, không nên chấp là phi pháp)—One who grasps no-doctrines is

attached to the self, others, affiliations and incessantness. Therefore, do not attach to the concept of doctrines or no-doctrine.

---Dĩ thị nghĩa cố, Như Lai thường thuyết: “Nhữ đẳng Tỳ Kheo, tri ngã thuyết pháp, như phiệt dụ giả. Pháp thượng ưng xả, hà huống phi pháp! (Vì lẽ đó, cho nên Như Lai thường nói: “Tỳ Kheo các ông nên hiểu rằng ‘Pháp của ta nói ra, cũng ví như cái bè khi sang qua sông, chính pháp có khi còn nên bỏ, huống là phi pháp.’”)—Thus, the Tathagata always says: “You, Bhikshus, should be aware that my teaching is a raft. It can be cast aside. How much more should you cast aside non-Buddhist teachings?”

---Tu Bồ Đề! Ư ý vân hà? Như Lai đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề da? Như Lai hữu sở thuyết dã? (Ông Tu Bồ Đề! Ý ông thế nào? Như Lai được đạo vô thượng Chính Đẳng Chính Giác chăng? Như Lai có nói pháp chỗ nào chăng?)—Subhuti! What do you think? Has the Tathagata obtained Anuttara Samyak-Sambodhi? Does the Tathagata expound the Dharma?

---Tu Bồ Đề ngôn: “Như ngã giải Phật sở thuyết nghĩa, vô hữu định pháp danh A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, diệc vô hữu định pháp Như Lai khả thuyết (Ông Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: “Như chỗ con hiểu nghĩa Phật dạy thì không có pháp nào như định gọi là vô thượng chính đẳng chính giác, cũng không có pháp nào nhất định Đức Như Lai nói ra.”)—Subhuti replied, “From my understanding of the Buddha’s teaching, there is no absolute Dharma known as Anuttara Samyak Sambodhi. There is no fixed teaching for the Buddha to expound.

---Hà dĩ cố? Như Lai sở thuyết pháp, giai bất khả thủ, bất khả thuyết, phi pháp, phi phi pháp (Tại vì sao? Vì những pháp Đức Như Lai nói ra đều không thể chấp, và cũng không thể nói là phi pháp, hay không phải phi pháp)—Why? None of the Tathagata’s teachings should be attached to. Truth is

inexpressible. It is neither doctrine nor non-doctrine. Why?

---Sở dĩ giả hà? Nhưt thiết Hiền Thánh giai dĩ vô vi pháp nhi hữu sai biệt (Sở dĩ vì sao? Vì hết thấy các bậc Hiền Thánh đều lấy pháp vô vi mà tu hành mới có ra sai biệt)—The saints differ on account of their understanding of the Asamskrta Dharma.

---Tu Bồ Đề! Ư ý vân hà ? Nhược nhơn mãn tam thiên đại thiên thế giới thất bửu, dĩ dụng bố thí, thị nhơn sở đắc phước đức ninh vi đa phủ? (Ông Tu Bồ Đề! Ý ông thế nào? Nếu có người dùng bảy báu ở khắp cõi tam thiên đại thiên thế giới, đem ra bố thí, người đó được phước đức, há phải nhiều chăng?)—Subhuti! What do you think? If someone fills the universe with the seven treasures, and give them up for charity. Has this person gotten much merit?

---Tu Bồ Đề Ngôn: “Thậm đa, Thế Tôn. Hà dĩ cố? Thị phước đức tức phi phước đức tánh, thị cố Như Lai thuyết phước đức đa.” (Ông Tu Bồ Đề thưa: “Bạch Đức Thế Tôn! Người đó được phước đức rất nhiều.” Tại vì sao? Vì phước đức đó nó không phải là phước đức tính, bởi vậy Đức Như Lai mới nói là được nhiều phước đức)—Subhuti replied, “Very much indeeds, Honorable! Why? This merit is tangible. It has no real nature of merit. Speaking only from a worldly angle, the Tathagata says that there is much merit.”

---Nhược phục hữu nhơn, ư thử kinh trung thọ trì nãi chí tứ cú kệ đấng, vị tha nhơn thuyết, kỳ phước thắng bỉ (Nếu lại có người thọ trì đọc tụng ở trong kinh này, nhẫn đến một bài kệ bốn câu, hoặc diễn nói cho người khác nghe, thì phước đức ấy nhiều hơn phước đức bố thí trên kia)—Yet, if one follows as little as four verses from this sutra, and teaches them to others, the merit would surpass that of the charity giver.

---Hà dĩ cố ? Tu Bồ Đề ! Nhưt thiết chư Phật cập chư Phật A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề pháp, giai tùng thử kinh xuất. Tu Bồ

Đề! Sở vị Pháp pháp giả tức phi Phật pháp (Tại vì sao? Ông Tu Bồ Đề! Vì hết thấy chư Phật và pháp vô thương chính đấng chính giác của chư Phật, đều từ nơi kinh này mà ra. Ông Tu Bồ Đề! Phật pháp đó tức không phải là Phật pháp, như thế mới tạm gọi là Phật pháp)—Why? Subhuti! All the Buddhas and their Anuttara Samyak Sambodhi are from this sutra. Subhuti! The Buddha’s teaching has no actuality. It too is names and concepts.

---Tu Bồ Đề! Ư ý vân hà ? Tu Đà Hoàn năng tác thị niệm “Ngã đắc Tu Đà Hoàn quả phủ?” (Ông Tu Bồ Đề! Ý ông thế nào? Bậc Tu Đà Hoàn hay nghĩ như thế này ‘Ta được quả Tu Đà Hoàn chăng?’)—Subhuti! What do you think ? Can a Srota-apanna have the notion that I am to achieve Srota-apanna-phala?

---Tu Bồ Đề ngôn, “No Honorable! Hà dĩ cố? Tu Đà Hoàn danh vi Nhập Lưu, nhi vô sở nhập, bất nhập sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, thị danh Tu Đà Hoàn (Ông Tu Bồ Đề thưa, bạch Đức Thế Tôn! Không ạ. Tại vì sao? Vì quả Tu Đà Hoàn còn gọi là Nhập Lưu, mà thật ra không có chỗ nào là chỗ sở nhập. Vì nó không chấp vào sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, như thế mới gọi là Tu Đà Hoàn)—Subhuti replied, “No, Honorable! Srota-apanna is the stream enterer. However, one enters into the stream of non-entrance. One does not enter sight, sound, smell, taste, touch or concept. For this reason, one is a Srota-apanna.

---Tu Bồ Đề! Ư ý vân hà? Tu Đà Hoàn năng tác thị niệm “Ngã đắc Tu Đà Hoàn quả phủ?” (Ông Tu Bồ Đề! Ý ông thế nào? Bậc Tư Đà Hàm hay nghĩ như thế này, ‘Ta được quả Tư Đà Hàm chăng?’)—Subhuti! What do you think? “Can a Sakradagasmi have the notion that I am to achieve Sakradagasmi-phala?”

---Tu Bồ Đề ngôn: “Phất dạ, Thế Tôn! Hà dĩ cố? Tư Đà Hàm danh Nhưt vãng lai, nhi thiết vô vãng lai, thị danh Tư Đà Hàm.” (Ông Tu Bồ Đề thưa, “dạ không, bạch Đức Thế Tôn! Tại vì sao? Vì quả Tư Đà Hàm còn gọi là

Nhứt Lai, mà thật ra nó không còn có chỗ nào là chỗ đi lại, như thế mới gọi là Tư Đà Hàm)—Subhuti replied, “No, Honorable! Sakradagasmi is the once returner. However, one has no notion of returning. For this reason, one is Sakradagasmi.”

---Tu Bồ Đề! Ý ý vân hà? A Na Hàm năng tác thị niệ: “Ngã đắc A Na Hàm quả phủ?” (Ông Tu Bồ Đề! Ý ông thế nào? Bậc A Na Hàm hay nghĩ như thế này, “Ta được quả A Na Hàm chăng?”)—Subhuti! What do you think? Can an anagami have the notion that I am to achieve Anagami-phala?

---Tu Bồ Đề ngôn, “Phất dã, Thế Tôn! Hà dĩ cố? A Na Hàm danh vi Bất Lai, nhi thiết vô bất lai, thị cố danh A Na Hàm (Ông Tu Bồ Đề thưa, “Dạ không, bậc Đức Thế Tôn! Tại vì sao? Vì quả A Na Hàm còn gọi là Bất Lai, mà thật ra không nơi nào là nó không tới, như thế mới gọi là A Na Hàm)—Subhuti replied, “No, Honorable! Anagami is the no-comer. However, one has no notion of no-coming. Thus, one is a Anagami.”

---Tu Bồ Đề! Ý ý vân hà? A La Hán năng tác thị niệ “Ngã đắc A La Hán đạo phủ?” (Ông Tu Bồ Đề! Ý ông thế nào? Bậc A La Hán hay nghĩ như thế này, “Ta được đạo A La Hán chăng?”)—Subhuti! What do you think? Can an Arhat have the notion that I am to achieve Arhat-phala?

---Tu Bồ Đề ngôn, “Phất dã, Thế Tôn Hà dĩ cố? Thiết vô hữu pháp danh, A La Hán. Thế Tôn! Nhược A La Hán tác thị niệ: “Ngã đắc A La Hán đạo, tức vi trước ngã, nhưn chúng sanh, thọ giả.” (Ông Tu Bồ Đề thưa, “Dạ không, bậc Đức Thế Tôn! Tại vì sao? Vì thật ra không có pháp nào gọi là A La Hán. Bậc Đức Thế Tôn! Nếu bậc A La Hán nghĩ như thế này, “Ta được đạo A La Hán, tức là chấp vào tướng ta, tướng người, tướng chúng sanh, tướng thọ giả)—Subhuti replied, “No, Honorable! There is no actual Dharma named Arhat. Honorable! If an Arhat thinks that he, himself, has achieved Arahatsip, he is

attached to the self, others, affiliations and incessantness.”

---Thế Tôn! Phật thuyết ngã đắc Vô Tránh tam muội, nhưn trung tối vi đệ nhứt, thị đệ nhứt ly dục A La Hán. Thế Tôn! Ngã nhược tác thị niệ, “Ngã đắc A La Hán đạo, Thế Tôn, tức bất thuyết. Tu Bồ Đề! Thị nhạo A-Lan-Na hạnh giả. Dĩ Tu Bồ Đề thiết vô sở hành, nhi danh Tu Bồ Đề, thị nhạo A-Lan-Na hạnh.” (Bậc Đức Thế Tôn! Phật bảo con được pháp Vô Tránh Tam Muội, là bậc nhất trong hàng người, và là người lia dục bậc nhất trong hàng A La Hán, mà con không khởi ra ý nghĩ là con lia dục A La Hán. Bậc Đức Thế Tôn! Nếu con khởi ra ý nghĩ con là người được đạo A La Hán, thì Đức Thế Tôn không bảo Tu Bồ Đề con là người ưa làm hạnh A Lan Nhã (hạnh sống nơi tĩnh tịch lặng lẽ) ấy, vì Tu Bồ Đề con thật không có làm chỗ nào mà gọi là Tu Bồ Đề, là ưa làm hạnh A Lan Nhã)—Honorable! The Buddha declares that I have achieved the ‘No Discord Samadhi.’ He says that I have surpassed all men, as the supreme desireless Arhat. Honorable! I never consier myself as a desireless Arhat. Honorable! If I do, you would not declare me as an Aranyaka. It is because I do not attach to any such concept. The Honorable declares that Subhuti lives as an Aranyaka.

---Phật cáo Tu Bồ Đề: “Ý ý vân hà? Như Lai tích tại Nhiên Đăng Phật sở, ư pháp hữu sở đắc phủ?” (Đức Phật bảo ông Tu Bồ Đề, ý ông thế nào? Như Lai xưa kia ở chốn Đức Phật Nhiên Đăng, có sở đắc pháp nào chăng?)—Buddha asked Subhuti, “What do you think? Did the Tathagata acquire any Dharmas from Dipamkara Buddha in the past?”

---Phất dã, Thế Tôn! Như Lai tại nhiên Đăng Phật sở, ư pháp thiết vô sở đắc (Dạ không, bậc Đức Thế Tôn! Đức Như Lai xưa kia ở chốn Đức Phật Nhiên Đăng thật ra không có sở đắc pháp nào cả)—No, Honorable! The

Tathagata has not gotten anything from the Dipamkara Buddha.

---Tu Bồ Đề! Ư ý vân hà? Bồ Tát trang nghiêm Phật độ phủ? (Ông Tu Bồ Đề! Ý ông thế nào? Bồ Tát có làm trang nghiêm cõi Phật chăng?)—Subhuti! What do you think? Is a Bodhisattva motivated to adorn the Buddha Land?

---Phất dã, Thế Tôn! Hà dĩ cố? Trang nghiêm Phật độ giả, tức phi trang nghiêm, thị danh trang nghiêm (Dạ không, bạch Đức Thế Tôn! Tại vì sao? Làm trang nghiêm cõi Phật ấy, tức không phải là trang nghiêm cõi Phật, như thế mới gọi là trang nghiêm cõi Phật)—No, Honorable! Why? One can truly adorn the Buddha Land only if one is not attached to such a concept. Adornment too is only names and concepts.

---Thị cố Tu Bồ Đề! Chư Bồ Tát Ma Ha Tát ứng như thị sanh thanh tịnh tâm; bất ứng trụ sắc sanh tâm, bất ứng trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp sanh tâm, ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm (Ông Tu Bồ Đề! Vì thế nên các Bồ Tát Ma Ha Tát phải sinh khởi tâm thanh tịnh như thế. Nghĩa là không nên sinh tâm trụ vào sắc, không nên sinh tâm trụ vào thanh, hương, vị, xúc, Pháp. Nên sinh tâm Vô Sở Trụ, tức là không trụ vào chỗ nào)—Therefore, Subhuti! Bodhisattva-Magasatva should be pure in heart. Do not act on sight. Do not act on sound, smell, taste, touch or Dharma. One should act without attachments.

---Tu Bồ Đề! Thí như hữu nhơn thân như Tu Di Sơn vương. Ư ý vân hà? Thị thân vi đại phủ (Ông Tu Bồ Đề! Ví như có người thân như núi Tu Di Vương vậy ý ông thế nào? Thân đó có phải là lớn chăng?)—Subhuti! For example, someone has the stature of Mount Sumeru. What do you think? Would this body be huge?

---Tu Bồ Đề ngôn: “Thậm đại, Thế Tôn! Hà dĩ cố? Phật thuyết phi thân, thị danh đại thân.” (Ông Tu Bồ Đề thưa, “Bạch Đức Thế Tôn! Thân đó rất lớn. Vì sao? Đức Phật bảo

không phải thân, như thế mới gọi là thân lớn)—Subhuti replied, “Huge indeed, Honorable! Why? The Buddha expounds that the real body is beyond forms. However, it can be called a huge body in the realms of names and concepts.

---Tu Bồ Đề! Như hằng hà trung sở hữu sa số, như thị sa đẳng hằng hà. Ư ý vân hà? Thị chư hằng hà sa, ninh vi đa phủ? (Ông Tu Bồ Đề! Như số cát có ở trong sông Hằng, vậy những số cát trong những sông Hằng ấy, với ý ông những số cát ở sông Hằng đó, há phải nhiều chăng?)—Subhuti! Let’s imagine all the sands in the River Ganges, then for each sand there is another Ganges. What do you think? Would all the sands from these rivers be enormous?

---Tu Bồ Đề ngôn: “Thậm đa, Thế Tôn! Đản chư hằng hà, thượng đa vô số, hà hướng kỳ sa.” (Ông Tu Bồ Đề thưa, “Bạch Đức Thế Tôn rất nhiều. Vì những sông Hằng còn nhiều vô số! Hướng chi là số cát của các sông Hằng)—Subhuti replied, “Enormous indeed, Honorable! Just counting the number of rivers would be enormous. It would be much more so for the sands in the rivers.”

---Tu Bồ Đề! Ngã kim thiết ngôn cáo như. Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhơn, dĩ thất bảo mãn nhĩ sở hằng hà sa số tam thiên đại thiên thế giới dĩ dụng bố thí, đắc phước đa phủ? (Ông Tu Bồ Đề! Tôi nay thành thật hỏi ông: “Nếu có thiện nam thiện nữ nào, dùng bảy báu nhiều như số cát của các sông ấy, ở khắp cả ba nghìn đại thiên thế giới đem ra bố thí, thì người đó được phước đức nhiều chăng?)—Subhuti! I am saying this sincerely. If a good man or woman gives all the treasures in the universes numbered to the sands in all these rivers for charity, have they gotten much merit?

---Tu Bồ Đề ngôn, “Thậm đa, Thế Tôn!” (Ông Tu Bồ Đề thưa, “Bạch Đức Thế Tôn! Người đó được phước đức rất nhiều)—Subhuti replied, “Very much indeed, Honorable!”

---Phật cáo Tu Bồ Đề: “Nhược thiện nam tử, thiện nữ nơn ư thử kinh trung, nãi chí thọ trì tứ cú kệ đấng, vị tha nơn thuyết, nhi thử phước đức, thắng tiền phước đức.” (Ông Tu Bồ Đề! Nếu có người thiện nam thiện nữ nào, thọ trì đọc tụng kinh này, nhĩn đến một bài kệ bốn câu, hoặc diễn nói cho người khác nghe, thì phước đức của người đó nhiều hơn phước đức trên kia)—The Buddha discoursed to Subhuti, “A good man or woman who follows the teachings in this Sutra, even for only four verses, and teaches them to others, they will receive more merit and virtue than the aforementioned charity giver.”

---Phục thứ Tu Bồ Đề! Tùy thuyết thị kinh, nã chí tứ cú kệ đấng, đương tri thử xứ, nhứt thiết thế gian; thiên, nơn, a tu la giai ứng cúng dường như Phật tháp miếu. Hà hướng hữu nơn tận năng thọ trì đọc tụng! Tu Bồ Đề! Đương tri thị nơn, thành tựu tối thượng đệ nhứt hi hữu chi pháp. Nhược thị kinh điển sở tại chi xứ, tức vi hữu Phật, nhược tôn trọng đệ tử.” (Lại nữa, ông Tu Bồ Đề! Tùy theo chỗ nào diễn nói kinh này, nhĩn đến một bài kệ bốn câu, thì nên biết nơi đó được hết thủy cõ trời, cõ người, A Tu La, thủy đều cung kính cúng dường như nơi tháp miếu thờ Phật, hướng chi có người hay thọ trì đọc tụng hết cả kinh này. Ông Tu Bồ Đề! Nên biết người đó được thành tựu pháp hi hữu bậc nhất hơn cả. Nếu kinh này để ở nơi nào, thì tức là nơi ấy có Phật, và như kẻ đệ tử tôn trọng)—Also, Subhuti! Whenever the Sutra is preached, even for as little as only four verses, you should know the ground becomes sacred. It is the Buddha’s stupa. All celestials, human beings, and Asuras should pay homage. How much more pious if one recites and abides by the teachings? Subhuti! Know that this person has achieved what is most supreme and precious. Where the Sutra is, Buddhas dwell, all the faithful show their proper respect.”

---Nhĩ thời Tu Bồ Đề bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Đương hà danh thử kinh, ngã đấng vãn

hà phụng trì.” (Bấy giờ ông Tu Bồ Đề bạch Phật rằng, “Bạch Đức Thế Tôn! Kinh này nên đặt tên là kinh gì? Và chúng con phải tụng trì kinh này như thế nào?)—At this point, Subhuti asked the Buddha, “Honorable! What should this Sutra be named? How should we be mindful of it’s teaching?”

---Phật cáo Tu Bồ Đề: “Thị kinh danh vi Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật, dĩ thị danh tự, nhữ đương phụng trì. Sở dĩ giả hà? Tu Bồ Đề! Phật thuyết Bát Nhã Ba La Mật, tức phi Bát Nhã Ba La Mật, thị danh Bát Nhã Ba La Mật. Tu Bồ Đề! Ý ý vân hà? Như Lai hữu sở thuyết pháp phủ?” (Đức Phật bảo ông Tu Bồ Đề rằng: “Kinh này nên gọi là Kinh Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật; và các ông nên dùng những danh tự như thế mà phụng trì. Sở dĩ vì sao? Ông Tu Bồ Đề! Phật nói Bát Nhã Ba La Mật, tức là không phải Bát Nhã Ba La Mật, như thế mới gọi là Bát Nhã Ba La Mật. Ông Tu Bồ Đề! Ý ông thế nào? Như Lai có nói pháp chỗ nào chẳng?)—The Buddha replied, “This Sutra is named Vajracchedika Prajna Paramita. By this name, you should abide. Why? Subhuti, the Prajna Paramita taught by the Buddha has no actuality. It is names and concepts. Subhuti! What do you think? Does the Tathagata expound any Dharma?”

---Tu Bồ Đề bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Như Lai vô sở thuyết.” (Ông Tu Bồ Đề thưa, “Bạch Đức Thế Tôn! Đức Thế Tôn không có nói pháp chỗ nào)—Subhuti replied to the Buddha: “Honorable! The Tathagata has not expounded anything.”

---Tu Bồ Đề! Ý ý vân hà? Tam thiên đại thiên thế giới sở hữu vi trần, thị vi đa phủ? (Ông Tu Bồ Đề! Ý ông thế nào? Những hạt bụi nhỏ ở trong ba ngàn đại thiên thế giới, há phải nhiều chẳng?)—Subhuti! What do you think? Will all the dust in this universe be enormous ?

---Tu Bồ Đề ngôn: “Thậm đa, Thế Tôn.” (Ông Tu Bồ Đề thưa, “Bạch Đức Thế Tôn! Những hạt bụi nhỏ ấy, là nhiều vô số kể)—Subhuti replied, “They would be, Honorable!”

---Tu Bồ Đề! Chư vi trần Như Lai thuyết phi vi trần, thị danh vi trần, Như Lai thuyết thế giới, phi thế giới, thị danh thế giới. Tu Bồ Đề! Ư ý vân hà? Khả dĩ tam thập nhị tướng kiến Như Lai phủ? (Ông Tu Bồ Đề! Những hạt bụi nhỏ ấy, Như Lai nói không phải là bụi nhỏ, như thế mới tạm gọi là bụi nhỏ. Như Lai nói thế giới nhưng không phải là thế giới, như thế mới tạm gọi là thế giới. Ông Tu Bồ Đề! Ý ông thế nào? Có thể dùng ba mươi hai tướng thấy được Như Lai chăng?)—Subhuti! Dust has no actuality. It is names and concepts. The Tathagata teaches that the universe also has no actuality. It is names and concepts. Subhuti! What do you think? Can one identify the Tathagata by his thirty-two holy features?”

---Phát dã, Thế Tôn. Bất khả dĩ tam thập nhị tướng đắc kiến Như Lai. Hà dĩ cố? Như Lai thuyết tam thập nhị tướng, tức phi tam thập nhị tướng, thị danh tam thập nhị tướng? (Bạch Đức Thế Tôn! Không thể dùng ba mươi hai tướng mà thấy được Như Lai. Tại vì sao? Vì Đức Thế Tôn nói, ‘Ba mươi hai tướng đó, không phải ba mươi hai tướng, như thế mới gọi là ba mươi hai tướng.’)—No, Honorable! One cannot. Why? The thirty-two holy features have no actuality. They are just names and concepts.

---Tu Bồ Đề! Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhơn, dĩ hằng hà sa đẵng thân mạng bố thí. Nhược phục hữu nhơn ư thử kinh trung, nãi chí thọ trì tứ cú kệ đẵng, vị tha nhơn thuyết, kỳ phước thậm đa (Ông Tu Bồ Đề! Nếu người thiện nam thiện nữ nào, dùng thân mệnh như số cát sông Hằng đem ra bố thí, và lại có người thọ trì đọc tụng kinh này, hẳn đến một bài kệ bốn câu, hoặc diễn nói cho người khác nghe, thì người đó được phước đức rất nhiều). Subhuti! If a good man or woman sacrifices one’s life as many times as sands in the Ganges, the merit is less than one who abides by only four verses of this Sutra and preaches them to others.

---Nhĩ thời Tu Bồ Đề văn thuyết thị kinh, thâm giải nghĩa thú, thế lệ bi khắp, nhi bạch Phật ngôn: “Hi hữu Thế Tôn! Phật thuyết như thị thậm thâm kinh điển, ngã từng tích lai sở đắc huệ nhân, vị tăng đắc văn như thị chi kinh. Thế Tôn! Nhược phục hữu nhơn đắc văn thị kinh tín tâm thanh tịnh tức sanh thiết tướng. Đương tri thị nhơn, thành tựu đệ nhất hi hữu công đức. Thế Tôn! Thị thiết tướng giả, tức thị phi tướng, thị cố Như lai thuyết danh thiết tướng. Thế Tôn! Ngã kim đắc văn như thị kinh điển, tín giải thọ trì, bất túc vi nan. Nhược đương lai thế, hậu ngũ bách tuế kỳ hữu chúng sanh đắc văn thị kinh, tín giải thọ trì, thị nhơn tức vi đệ nhất hi hữu (Bấy giờ ông Tu Bồ Đề được nghe Phật nói rõ nghĩa sâu xa của kinh này rồi, liền sực sùi bi cảm sa lệ mà bạch Phật rằng: “Bạch Đức Thế Tôn! Thật hi hữu thay! Đức Thế Tôn diễn nói kinh này cao siêu tuyệt vời như thế, con từ xưa được con mắt tuệ cho tới ngày nay, cũng chưa từng được nghe kinh nào cao siêu mầu nhiệm như thế. Bạch Đức Thế Tôn! Nếu lại có người nào, được nghe kinh này, mà tín tâm thanh tịnh, liền sinh ra tướng chân thật, thì nên biết người ấy, được thành tựu công đức hi hữu bậc nhất. Bạch Đức Thế Tôn! Tướng chân thật ấy, tức là không phải tướng, cho nên Đức Như Lai mới nói là tướng chân thật. Bạch Đức Thế Tôn! Con nay được nghe và tin hiểu, thọ trì đọc tụng kinh này, cũng chưa phải là việc khó, nếu về đời sau này, năm trăm năm sau, có chúng sanh nào được nghe kinh này, tin hiểu đọc tụng thọ trì, thì người ấy mới là bậc hi hữu bậc nhất)—Honorable! When I heard this Sutra, it is easy for me to believe and accept the teaching. In the future, say another five hundred years, those hearing this teaching will develop faith and acceptance. They are indeed precious and superior.

---Hà dĩ cố? Thử nhơn vô ngã tướng, vô nhơn tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng. Sở dĩ giả hà? Ngã tướng tức thị phi ngã tướng, nhơn tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng,

tức thị phi tướng. Hà dĩ cố? Ly nhưt thiết chư tướng, tức danh chư Phật (Tại vì sao? Vì người đó không còn chấp vào tướng ta, tướng người, tướng chúng sinh, tướng thọ giả. Vì sao? Vì tướng ta, tức không phải là tướng; tướng người, tướng chúng sanh, tướng thọ giả, cũng tức không phải là tướng. Vì sao? Vì nó lìa hết thấy mọi tướng, như thế mới gọi là chư Phật)—Why? They have broken the attachment to self, others, affiliations and incessantness. Why? The concept of self has no actuality. The concept of others, affiliations and incessantness have no actuality. Why? A Buddha is one without attachment.

---Phật cáo Tu Bồ Đề: “Như thị! Như thị! Nhược phục hữu nhơn, đắc văn, thị kinh, bất kinh, bất bố, bất úy, đương tri nhơn, thậm vi hi hữu. Hà dĩ cố? Tu Bồ Đề! Như Lai thuyết đệ nhưt Ba La Mật, tức phi đệ nhưt Ba La Mật, thị danh đệ nhưt Ba La Mật. Tu Bồ Đề! Nhãn nhục Ba La Mật, Như Lai thuyết phi nhãn nhục Ba La Mật, thị danh nhãn nhục Ba la mật. Hà dĩ cố? (Đức Phật bảo ông Tu Bồ Đề: “Đúng thế! Nếu lại có người được nghe kinh này không kinh hãi sợ sệt, thì nên biết người đó mới là hiếm có. Vì sao, ông Tu Bồ Đề? Như Lai nói đệ nhất Ba La Mật, mà không phải đệ nhất Ba La Mật; như thế mới gọi là đệ nhất Ba La Mật.” Ông Tu Bồ Đề! Nhãn nhục Ba La Mật, Như Lai nói không phải nhãn nhục Ba La Mật. Tại vì sao?)—The Buddha affirmed Subhuti, “Yes! Yes! If one hears this Sutra and is not afraid, dreads or is alarmed, this person is most precious. Why? Subhuti! The Tathagata teaches that Dana Paramita has no actuality. It is names and concepts. Subhuti! Ksanti Paramita has no actuality. It, too, is names and concepts.

---Tu Bồ Đề! Như ngã tích vị Ca Lợi Vương cát triệt thân thể, ngã ư nhĩ thời vô ngã tướng, vô nhơn tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng. Hà dĩ cố? Ngã ư vãng tích, tiết tiết chỉ giải thời, nhược hữu ngã tướng, nhơn tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng, ưng

sanh sân hận (Ông Tu Bồ Đề! Như xưa kia tôi bị vua Ca Lợi Vương, cắt xẻo thân thể, mà ngay khi ấy, tôi cũng không chấp có tướng ta, tướng người, tướng chúng sinh, tướng thọ giả. Là tại vì sao? Nếu thời xa xưa kia tôi bị cắt xẻo chi tiết thân thể, mà nếu tôi còn chấp vào tướng ta, tướng người, tướng chúng sinh, tướng thọ giả ấy, thì tất nhiên tôi phải sinh ra tâm sân hận)—Why? Subhuti! In my past life while being mutilated by King Kaliraja, I had no attachment to self, others, affiliations and incessantness. Why? When I was mutilated, if I had such attachments, I would had intense hatred.

---Tu Bồ Đề! Hựu niệm quá khứ, ư ngũ bá thể, tác nhãn nhục tiên nhơn. Ứ nhĩ sở thể, vô ngã tướng, vô nhơn tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng (Ông Tu Bồ Đề! Tôi lại nhớ về đời quá khứ, chừng năm trăm năm, khi ấy tôi là một vị tiên tu hạnh nhãn nhục, mà ở ngay trong thời đó, đã không có tướng ta, tướng người, tướng chúng sinh, tướng thọ giả).

Subhuti! Even five hundred lives ago as a Ksantyrsi, I was already unattached to the concept of self, others, affiliations and incessantness.

---Thị cố, Tu Bồ Đề! Bồ Tát ứng ly nhưt thiết tướng, phát A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề tâm, bất ưng trụ thình, hương, vị, xúc, pháp sanh tâm, ưng sanh, vô sở trụ tâm. Nhược tâm hữu trụ, tức vi phi trụ. Thị cố, Phật thuyết Bồ Tát tâm bất ưng trụ sắc bố thí (Ông Tu Bồ Đề! Bởi thế cho nên Bồ Tát phát tâm vô thương chánh đẳng chánh giác, phải nên lìa hết thấy tướng, không nên sinh khởi tâm trụ vào sắc; không nên sinh khởi tâm trụ vào thanh, hương, vị, xúc, pháp. Nên sinh khởi tâm “Vô Sở Trụ.” Nếu tâm còn có chỗ sở trụ thì tức là không phải trụ. Bởi thế cho nên Phật nói: “Tâm của Bồ Tát không trụ vào sắc mà làm bố thí.”)—Therefore, Subhuti! Bodhisattvas should be unattached to concepts while seeking the Anuttara Samyak-

Sambodhi. They should not attach to form. They should not attach to sound, smell, taste, touch or cognition. They should seek without attachments. If they have attachments, they rely on erroneous foundations. Therefore, the Buddha teaches that Bodhisattvas should not give and attach to forms.

Tu Bồ Đề! Bồ Tát vì lợi ích nhưt thiết chúng sanh cố, ứng như thị bố thí. Như Lai thuyết nhưt thiết chư tướng, hựu thuyết nhưt thiết chúng sanh tức phi chúng sanh (Ông Tu Bồ Đề! Bồ Tát vì làm lợi ích cho hết thảy chúng sanh, thì phải nên bố thí như thế. Như Lai nói: “Hết thảy chư tướng tức chẳng phải là tướng,” và lại nói, “Hết thảy chúng sanh tức không phải là chúng sanh.”)—Subhuti! Bodhisattvas work for the benefits of all. They should practice charity accordingly. The Tathagata teaches that all concepts have no actuality. Beings also have no actuality.

Tu Bồ Đề! Như Lai thị chơn ngữ giả, thiết ngữ giả, như ngữ giả, bất cưỡng ngữ giả, bất dị ngữ giả. Tu Bồ Đề! Như Lai sở đắc pháp, thử pháp vô thiết vô hư (Ông Tu Bồ Đề! Như Lai là bậc chân ngữ, là bậc thật ngữ, là bậc như ngữ, là bậc bất cưỡng ngữ, là bậc bất vọng ngữ. Nghĩa là chư Phật Như Lai là bậc Chân Như Bình Đẳng, lời nói không có mảy may dối trá)—Subhuti! The Tathagata is honest, sincere, fair, never lies or exaggerates. Subhuti! The Tathagata has the truth. It is neither real nor unreal.

Tu Bồ Đề! Nhược Bồ tát tâm trụ ư pháp nhi hành bố thí, như nhơn nhập âm, tức vô sở kiến. Nhược Bồ tát tâm bất trụ pháp nhi hành bố thí, như nhơn hữu mục, nhưt quang minh chiếu kiến chủng chủng sắc. Tu Bồ Đề! Đương lai chi thế, nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhơn, năng ư thử kinh thọ trì đọc tụng, tức vi Như Lai, dĩ Phật trí huệ tất tri thị nhơn, tất kiến thị nhơn giai đắc thành tựu, vô lượng vô biên công đức (Ông Tu Bồ Đề! Nếu tâm của Bồ Tát còn trụ vào pháp sự tướng mà làm hạnh bố thí, thì cũng ví như người ở

chỗ tối tăm, không thể trông thấy gì hết, còn nếu Bồ Tát làm hạnh bố thí mà tâm không trụ trước vào sự tướng, thì như người có con mắt sáng, lại được ánh sáng của mặt trời, trông thấy rõ cả hình sắc sự vật. Ông Tu Bồ Đề! Đời mai sau, nếu có người thiện nam thiện nữ nào, hay thọ trì đọc tụng kinh này, tức là Như Lai dùng trí huệ của Phật, đều biết người đó, đều thấy người đó, được thành tựu vô lượng vô biên công đức)—Subhuti! If Bodhisattvas give with attachments, they are walking in darkness and see nothing. If Bodhisattvas give without attachments, they are walking under the sun and everything is clear. Subhuti! In the future, any good man or woman who follows or studies this Sutra, the Tathagata will confer on this person wisdom and insight. Such a person has achieved boundless and immeasurable merit.

---Tu Bồ Đề ! Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhơn, sơ nhưt phần dĩ hằng hà sa đẵng thân bố thí, trung nhưt phần dĩ hằng hà sa đẵng thân bố thí, hậu nhưt phần diệt dĩ hằng hà sa đẵng thân bố thí; như thị vô lượng bá thiên vạn ức kiếp, dĩ thân bố thí. Nhược phục hữu nhơn văn thử kinh điển tín tâm bất nghịch, kỳ phước thắng bỉ. Hà huống thọ tả, thọ trì, đọc tụng, vị nhơn giả thuyết! (Ông Tu Bồ Đề! Nếu có người thiện nam thiện nữ nào, buổi sáng dùng thân mệnh bố thí, như số cát sông Hằng; buổi trưa dùng thân mệnh bố thí như số cát sông Hằng; và buổi chiều dùng thân mệnh bố thí như số cát sông Hằng. Cứ dùng thân mệnh bố thí như thế, đến trăm ngàn muôn ức kiếp. Nhưng lại nếu có người được nghe kinh này, một lòng tin theo không hề ngang trái, thì phước đức của người đó, nhiều hơn phước đức trước kia)—Subhuti! A good man or woman sacrifices one's life for others as many times as sands in the Ganges every morning, afternoon and evening. One who continues to practice such charity for countless hundred thousand millions kalpas. One's merit will be less than someone, who studies and follows the Sutra



with firm faith. How much more merit if one copies, learns, abides and preaches the Sutra to others.

---Tu Bồ Đề! Dĩ yếu ngôn chi, thị kinh hữu bất khả tư nghị, bất khả xứng lượng vô biên công đức. Như Lai vị phát Đại thừa giả thuyết, vị phát tối thượng thừa giả thuyết. Nhược hữu nhơn năng thọ trì đọc tụng, quảng vị nhơn thuyết. Như Lai tất tri thị nhơn, tất kiến thị nhơn, giai đắc thành tựu bất khả lượng, bất khả xứng, vô hữu biên, bất khả tư nghị công đức. Như thị nhơn đẳng tác vi hà đả Như Lai A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề (Ông Tu Bồ Đề! Nói tóm lại người đó có vô lượng công đức, không thể nghĩ bàn, không thể lường tính được. Như Lai vì người phát tâm Đại thừa mà nói ra, vì người phát tâm tối thượng thừa mà nói ra, nếu có người nào hay thọ trì đọc tụng, hoặc vì người khác nói rộng ra, Như Lai đều biết người đó, đều thấy người đó, được thành tựu vô biên công đức, không thể lường tính, không thể nghĩ bàn được. Những người như thế, tức là người mang đội đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác của Như Lai)—Subhuti! To summarize, this Sutra has unimaginable and immeasurable merit. The Tathagata discourses it for the disciples of the big vehicle. Those who study and abide by this teaching and preach it to others, the Tathagata predicts and affirms them, as achieving indestructible, immeasurable and unimaginable merit. They will inherit the Tathagata's Anuttara Samyak Sambodhi. Why?

---Hà dĩ cố? Tu Bồ Đề! Nhược nhạo tiểu pháp giả, trước ngã kiến, nhơn kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến, tức ư thử kinh bất năng thính thọ, đọc tụng vị nhơn giả thuyết (Tại vì sao? Ông Tu Bồ Đề! Nếu người nào ham ưa pháp Tiểu thừa, chấp trước vào 'ngã kiến, nhơn kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến,' thì đối với kinh này không hay nghe theo thọ trì đọc tụng, hoặc giả nói cho người khác nghe.)—Those satisfied with the limited

teachings have attachment to self, others, affiliations and incessantness. They cannot follow and preach this teaching to others.

---Tu Bồ Đề! Tại tại xứ xứ nhược hữu thử kinh, nhưt thiết thế gian, thiên, nhơn, A tu la sở ứng cúng dường. Dương tri thử xứ, tức vi thị tháp, giai ứng cung kính, tác lễ vi nhĩ, dĩ chư hoa hương, nhi tán kỳ xứ (Ông Tu Bồ Đề! Nếu ở nơi chốn nào có kinh này, thì nơi chốn đó được hết thầy cõi trời, cõi người, a tu la, cúng dường, và nên biết nơi đó tức là tháp, miếu thờ Phật, hãy nên vây quanh lễ bái, cung kính, cúng dường, và dùng các thứ hoa thơm rải khắp nơi đó)—Subhuti! Where this Sutra is, all celestials, human beings and Asuras should pay homage. They should know that this is the Buddha's stupa. They should respectfully make offerings and circumambulate. They should adorn the ground with flowers and incense.

---Phục thử, Tu Bồ Đề! Thiện nam tử, thiện nữ nhơn thọ trì đọc tụng thử kinh, nhược vị nhơn kinh tiện, thị nhơn tiên thế tội nghiệp, ứng đọa ác đạo, dĩ kim thế nhơn kinh tiện cố, tiên thế tội nghiệp tức vi tiêu diệt, đương đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề (Lại nữa ông Tu Bồ Đề! Nếu có người thiện nam thiện nữ nào, thọ trì đọc tụng kinh này, đáng lẽ được người cung kính, nhưng lại bị người khác khinh rẻ, là vì người đó do tội nghiệp đời trước phải sa đọa vào đường hiểm ác, dĩ chí ngày nay bị người khinh rẻ, thì tội nghiệp đời trước kia liền được tiêu tan và sẽ được quả vô thượng chánh đẳng chánh giác)—Furthermore, Subhuti! A good man or woman who studies and abides by this Sutra, but is slighted by others. It is because of sinful karma of the past, one should be fallen into an evil realm, now, because of one is being slighted, the sinful karma has dissipated. One will be certain to achieve Anuttara Samyak Sambodhi.

---Tu Bồ Đề! Ngã niệm quá khứ vô lượng a tăng kỳ kiếp ư Nhiên Đăng Phật tiền đắc trì

bát bá tứ thiên vạn ức na-do-tha chư Phật, tất giai cúng dường thừa sự, vô không quá giả. Nhược phục hữu nhơn, ư hậu mạng thế, năng thọ trì đọc tụng thử kinh, sở đắc công đức, ư ngã sở cúng dường chư Phật, công đức bá phần bất cập nhưt, thiên vạn ức phần, nãi chí toán số thí dụ sở bất năng cập (Ông Tu Bồ Đề! Tôi nhớ về đời quá khứ, vô lượng a tăng kỳ kiếp, tôi tu ở trước Đức Nhiên Đăng, được gặp tám trăm bốn ngàn muôn ức na do tha chư Phật, tôi hết đều thừa sự cung kính cúng dường, không để bỏ lỡ luống qua. Nếu đời sau này, lại có người nào hay thọ trì đọc tụng kinh này, thì đối với công đức cúng dường của tôi trăm phần chẳng bằng một phần, ngàn muôn ức phần, cho đến tính đếm thí dụ cũng không thể kịp được)—Subhuti! I recall countless kalpas before the Dipamkara Buddha, I met eight hundred and four trillion Buddhas. I served and paid homage to every Buddha. Anyone, in the future, who studies and abides by this Sutra. They will have achieved more merit than my service and homage to the Buddhas, more than a hundred, thousand, million times, beyond calculation.

---Tu Bồ Đề! Nhược thiện nam tử, thiện nữ nhơn ư hậu mạng thế, hữu thọ trì đọc tụng thử kinh, sở đắc ông đức, ngã nhược cụ thuyết giả, hoặc hữu nhơn văn, tâm tắc cuồng loạn, hồ nghi bất tín. Tu Bồ Đề! Đương tri thị kinh nghĩa bất khả tư nghị, quả báo diệc bất khả tư nghị (Ông Tu Bồ Đề! Về đời sau này, nếu có người thiện nam thiện nữ nào, thọ trì đọc tụng kinh này, thì công đức ấy sẽ được, tôi dù có nói đủ, nhưng chẳng hoặc có người nghe rồi chẳng tin. Ông Tu Bồ Đề! Nên biết nghĩa của kinh này không thể nghĩ bàn xiết được)—Subhuti! If a good man or woman in the future, studies and abides by this Sutra, I can fully explain their merit. It will create derangement, doubt and disbelief amongst some listeners. Subhuti! Be aware that this Sutra has meanings beyond comprehension. Its reward is also beyond comprehension.

---Nhĩ thời, Tu Bồ Đề bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Thiện nam tử, thiện nữ nhơn, phát A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề tâm, vân hà ưng trụ, vân hà hàng phục kỳ tâm?” (Bấy giờ ông Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: “Bạch Đức Thế Tôn! Kẻ thiện nam thiện nữ phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác, vậy tâm phải trụ như thế nào? Và phải nên dẹp vọng tâm như thế nào?—Then, Subhuti asked the Buddha, “Honorable! Good men and women seeking Anutara Samyak Sambodhi. What should they rely on, and how can they pacify their mind?”

---Phật cáo Tu Bồ Đề: “Thiện nam tử, thiện nữ nhơn, phát A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề tâm giả, đương sanh như thị tâm: Ngã ưng diệt độ nhưt thiết chúng sanh diệt độ nhưt thiết chúng sanh, diệt độ nhưt thiết chúng sanh dĩ, nhi vô hữu nhưt thiết chúng sanh diệt độ giả. Hà dĩ cố? Tu Bồ Đề! Nhược Bồ tát hữu ngã tướng, nhơn tướng, chúng sanh tướng, tức phi Bồ tát. Sở dĩ giả hà? Tu Bồ Đề! Thiết vô hữu pháp, phát A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề tâm giả (Đức Phật bảo ông Tu Bồ Đề: “Nếu có người thiện nam thiện nữ nào, phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác ấy, phải nên sinh khởi tâm như thế này, ‘Ta nên diệt độ cho hết thảy chúng sanh, hết thảy chúng sanh được diệt độ rồi, mà coi như không có một chúng sanh nào được diệt độ cả.’ Tại vì sao? Ông Tu Bồ Đề! Nếu Bồ Tát còn chấp có tướng ta, tướng người, tướng chúng sanh, tướng thọ giả, tức không phải là Bồ Tát. Ông Tu Bồ Đề! Sở dĩ vì sao? Vì thật ra không có pháp nào là pháp phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác)—The Buddha teaches Subhuti, “Good men or women seeking Anuttara Samyak Sambodhi should make the following vows: I will emancipate all beings, and when they have been emancipated, no one has actually ben emancipated. Why? Subhuti! If one is attached to self, others, affiliations and incessantness, one is not a true Bodhisattva.

Subhuti! There is no actuality of doctrines for Anuttara Samyak Sambodhi.

---Tu Bồ Đề! Ý ý vân hà? Như Lai ư Nhiên Đăng Phật sở, hữu pháp đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề phủ? (Ông Tu Bồ Đề! Ý ông thế nào? Như Lai ở chốn Đức Phật Nhiên Đăng có pháp nào là pháp được đạo vô thượng chánh đẳng chánh giác chăng?)—Subhuti! What do you think? Did the Tathagata actually receive the doctrine for the attainment of the Anuttara Samyak Sambodhi from Dipamkara Buddha?

---Phật dã, Thế Tôn! Như ngã giải Phật sở thuyết nghĩa, Phật ư Nhiên Đăng Phật sở, vô hữu pháp đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề (Dạ không, bạch Đức Thế Tôn! Như chỗ con hiểu nghĩa Phật dạy, thì Phật ở chốn Đức Phật Nhiên Đăng không có pháp nào là pháp vô thượng chánh đẳng chánh giác)—No, Honorable! If I understood your teaching, the Buddha did not receive any doctrine on the attainment of Anuttara Samyak Sambodhi from Dipamkara Buddha.

---Phật ngôn: “Như thị! Như thị! Thiết vô hữu pháp, Như Lai đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Tu Bồ Đề! Nhược hữu pháp Như Lai đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề giả, Nhiên Đăng Phật tức bất dữ ngã thọ ký: ‘Nhữ ư lai thế, đương đắc tác Phật, hiệu Thích Ca Mâu Ni.’ Dĩ thiết vô hữu pháp, đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, thị cố Nhiên Đăng Phật dữ ngã thọ ký, tác thị ngôn: ‘Nhữ ư lai thế, đương đắc tác Phật, hiệu Thích Ca Mâu Ni’ Hà dĩ cố? Như Lai giả, tức chư pháp như nghĩa (Ông Tu Bồ Đề! Nếu có pháp nào là pháp làm cho Như Lai được đạo vô thượng chánh đẳng chánh giác ấy, thì Đức Phật Nhiên Đăng chẳng thọ ký cho ta rằng ‘Về đời sau này ông sẽ được thành Phật đạo, hiệu là Thích Ca Mâu Ni.’ Bởi vì không có pháp nào là pháp được đạo vô thượng chánh đẳng chánh giác, cho nên Đức Phật Nhiên Đăng mới thọ ký cho ta; ngài nói, “Về đời sau này ông sẽ được thành Phật đạo, hiệu là Thích Ca

Mâu Ni.” Bởi vì sao? Ông Tu Bồ Đề! Vì Như Lai đó tức là nghĩa như như của các pháp)—The Buddha replied: “Correct! Subhuti! There is no actual dogma by which the Tathagata attains Anuttara Samyak Sambodhi. Subhuti! If there was, Dipamkara Buddha would not foretell me, ‘In your next life, you will be a Buddha named Sakyamuni.’ Since there was no actual dogma for the attainment, Dipamkara Buddha predicted, I would be a Buddha named Sakyamuni in the next rebirth. Why? Tathagata means the Suchness of all Dharma.”

---“Nhược hữu như ngôn: ‘Như Lai đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.’ Tu Bồ Đề! Thiết vô hữu pháp Phật đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Tu Bồ Đề! Như Lai sở đắc A Nậu Đa La tam Miệu Tam Bồ Đề, ư thị trung vô thiết vô hư, thị cố Như Lai thuyết như thiết pháp, giai thị Phật pháp. Tu Bồ Đề! Sở ngôn như thiết pháp giả, tức phi như thiết pháp, thị cố danh như thiết pháp. Tu Bồ Đề! Thí như như thân trường đại.” (Nếu có người nói rằng, ‘Như Lai được đạo vô thượng chánh đẳng chánh giác.’ Ông Tu Bồ Đề! Thực ra không có pháp nào khiến cho Phật được đạo vô thượng chánh đẳng chánh giác. Ông Tu Bồ Đề! Chỗ sở đắc của Như Lai được đạo vô thượng chánh đẳng chánh giác ấy, ở trong đó ‘không thực cũng không hư.’ Vì thế cho nên Như Lai nói: “Hết thấy các pháp đều là Phật pháp.” Ông Tu Bồ Đề! Cái mà ta nói là hết thấy các pháp đó, tức không phải hết thấy các pháp, mới gọi là hết thấy các pháp. Ông Tu Bồ Đề! Lẽ đó cũng ví như người thân hình to lớn)—Can one says, ‘the Tathagata has obtained the Supreme Enlightenment?’ Subhuti? There is actually no doctrine to attain the Supreme enlightenment. Subhuti! The Anuttara Samyak Sambodhi attained by the Tathagata is neither real nor unreal. Therefore, the Tathagata says that all doctrines are the Buddha’s teachings. Subhuti! Truth cannot be embraced within conceptual

limitations. Dogmas have no actuality. They are just names and concepts. Subhuti! Suppose there is a giant.”

---Tu Bồ Đề ngôn: “Thế Tôn! Như Lai thuyết: Nhơn thân trường đại, tức vi phi đại thân, thị danh đại thân.” (Ông Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: “Bạch Đức Thế Tôn! Như Lai nói người thân hình to lớn ấy, tức không phải thân hình to lớn, mới được gọi là thân hình to lớn)—Subhuti interrupted, “Honorable! The Tathagata teaches that a giant body is only a concept. It carries only imaginary meanings.”

---Tu Bồ Đề! Bồ tát diệt như thị. Nhược tác thị ngôn: Ngã đương diệt độ vô lượng chúng sanh, tức Bất Danh Bồ Tát. Hà dĩ cố? Tu Bồ Đề! Thiệt vô hữu pháp, danh vi Bồ Tát. Thị cố Phật thuyết như thuyết pháp, vô ngã, vô nhơn, vô chúng sanh, vô thọ giả (Ông Tu Bồ Đề! Bồ Tát cũng ví như thế. Nếu Bồ Tát lại khởi ra ý nghĩ rằng ‘Ta nên diệt độ cho vô lượng chúng sanh, như thế thì không thể gọi là Bồ Tát được. Vì sao? Ông Tu Bồ Đề! Thực ra không có pháp nào gọi là Bồ Tát. Vì vậy Phật nói hết thấy các pháp, không có ta, không có người, không có chúng sanh, không có thọ giả”—Subhuti! Bodhisattvas should behave likewise. Those who pledge to emancipate countless beings can never be a Bodhisattva. Why? Bodhiattva, too, is an arbitrary concept. Therefore, the Buddha says all teachings have no actuality of self, others, affiliations and incessantness.

Tu Bồ Đề! Nhược Bồ Tát tác thị ngôn: Ngã đương trang nghiêm Phật độ. Thị Bất Danh Bồ Tát. Hà dĩ cố? Như Lai thuyết trang nghiêm Phật độ giả, tức phi trang nghiêm, thị danh trang nghiêm. Tu Bồ Đề! Nhược Bồ Tát thông đạt vô ngã pháp giả, Như Lai thuyết danh chơn thị Bồ Tát (Ông Tu Bồ Đề! Nếu Bồ tát nói như thế này, ‘Ta nên làm cho trang nghiêm cõi Phật,’ như vậy thì không thể gọi là Bồ Tát được. Vì sao? Vì Như Lai nói, “Trang nghiêm cõi Phật đó, tức không phải là trang nghiêm cõi Phật, như thế mới gọi là trang

nghiêm cõi Phật.” Ông Tu Bồ Đề! Nếu Bồ Tát thông đạt được pháp vô ngã, thì Như Lai mới gọi họ là Chân Thật Bồ Tát)—Subhuti! Those who vow to adorn the Buddha Land. They are not Bodhisattvas. Why? The Tathagata says those who truly adorn the Buddha Land will not consider themselves adorning. Subhuti! Those who understand the meaning of no actuality of self and dogma, the Tathagata says that they are the true Bodhisattvas..

---Tu Bồ Đề! Ư ý vân hà? Như Lai hữu nhục nhãn phủ? (Ông Tu Bồ Đề! Ý ông thế nào? Như Lai có nhục nhãn chăng?)—Subhuti! What do you think? Does Tathagata have human eyes?

---Như thị, Thế Tôn! Như Lai hữu nhục nhãn (Thật vậy, bạch Đức Thế Tôn! Như Lai ngài có nhục nhãn)—Yes, Honorable! The Tathagata has human eyes.

---Tu Bồ Đề! Ư ý vân hà? Như Lai hữu thiên nhãn phủ? (Ông Tu Bồ Đề! Ý ông thế nào? Như Lai có thiên nhãn chăng?)—Subhuti! What do you think? Does the Tathagata have celestial eyes?

---Như thị, Thế Tôn! Như Lai hữu thiên nhãn (Thật vậy, bạch Đức Thế Tôn! Như Lai Ngài có thiên nhãn)—Yes, Honorable! The Tathagata has celestial eyes.

---Tu Bồ Đề! Ư ý vân hà? Như Lai hữu huệ nhãn phủ? (Ông Tu Bồ Đề! Ý ông thế nào? Như Lai có tuệ nhãn chăng?)—Subhuti! What do you think? Does the Tathagata have eyes for wisdom?

---Như thị, Thế Tôn! Như Lai hữu huệ nhãn (Thật vậy, bạch Đức Thế Tôn! Như Lai có tuệ nhãn)—Yes, Honorable! The Tathagata has eyes for wisdom.

---Tu Bồ Đề! Ư ý vân hà? Như Lai hữu pháp nhãn phủ? (Ông Tu Bồ Đề! Ý ông thế nào? Như Lai có pháp nhãn chăng?)—Subhuti! What do you think? Does the Tathagata have eyes for truth?

---Như thị, Thế Tôn! Như Lai hữu pháp nhãn (Thật vậy, bạch Đức Thế Tôn! Như Lai có pháp nhãn)—Yes, Honorable! The Tathagata has eyes for truth.

---Tu Bồ Đề! Ư ý vân hà? Như Lai hữu Phật nhãn phủ? (Ông Tu Bồ Đề! Ý ông thế nào? Như Lai có Phật nhãn chăng?)—Subhuti! What do you think? Does the Tathagata have the eyes of the Buddha?

---Như thị, Thế Tôn! Như Lai hữu Phật nhãn (Thật vậy, bạch Đức Thế Tôn! Như Lai Ngài có Phật nhãn)—Yes, Honorable! The Tathagata has eyes of the Buddha.

---Tu Bồ Đề! Ư ý vân hà? Như hằng hà trung sở hữu sa, Phật thuyết thị sa phủ? (Ông Tu Bồ Đề! Ý ông thế nào? Như những số cát trong sông Hằng, Phật nói đó phải là cát chăng?)—Subhuti! What do you think? Does the Buddha say that the sands in the Ganges are indeed sand grains?

---Như thị, Thế Tôn! Như Lai thuyết Thị sa (Thật vậy, bạch Đức Thế Tôn! Cái mà Như Lai nói đó chính là cát vậy)—Yes, Honorable! What the Buddha says are indeed sand grains.

---Tu Bồ Đề! Ư ý vân hà? Như nhưt hằng hà trung sở hữu sa, hữu như thị đẵng hằng hà. Thị chư hằng hà sở hữu sa số Phật thế giới, như thị ninh vi đa phủ? (Ông Tu Bồ Đề! Ý ông thế nào? Như những số cát có trong một sông Hằng, mà số sông Hằng bằng với số cát đó, vậy thế giới của Phật bằng với số cát ở những sông Hằng kia, như vậy há phải nhiều chăng?)—Subhuti! What do you think? If there were as many River Ganges as sand grains in the Ganges, and if there are Buddha realms as numerous as sands in all these rivers, would that be a lot?

---Thậm đa, Thế Tôn! (Dạ, bạch Đức Thế Tôn! Rất nhiều)—That would be a lot! Honorable!

---Phật cáo Tu Bồ Đề: “Nhĩ sở quốc độ trung, sở hữu chúng sanh, nhưc cang chủng tâm, Như Lai tất tri. Hà dĩ cố? Như Lai thuyết chư

tâm, giai vi phi tâm, thị danh vi tâm. Sở dĩ giả hà? Tu Bồ Đề! Quá khứ tâm bất khả đắc, hiện tại tâm bất khả đắc, vị lai tâm bất khả đắc (Đức Phật bảo ông Tu Bồ Đề: “Có bao nhiêu thứ tâm của chúng sanh, ở trong ngàn ấy thế giới, Như Lai thấy đều hay biết.” Tại vì sao? Vì Như Lai nói những thứ tâm đó, đều chẳng phải tâm, như thế mới gọi là tâm. Vì sao ông Tu Bồ Đề? Vì tìm tâm quá khứ không thể được, tìm tâm hiện tại không thể được, và tìm tâm vị lai cũng không thể được)—The Buddha discoursed to Subhuti, “Every being in all these realms, their minds are fully known to the Tathagata. Why? The minds that the Tathagata speaks of have no actuality. They are just names and concepts. Why? Subhuti! One cannot locate the mind from the past, present or future.”

---Tu Bồ Đề! Ư ý vân hà? Nhưc hữu nhưn mãn tam thiên đại thiên thế giới thất bảo, dĩ dụng bố thí, thị nhưn dĩ thị nhưn duyên, đắc phước đa phủ? (Ông Tu Bồ Đề! Ý ông thế nào? Như nếu có người dùng bảy báu bằng khắp cả ba ngàn đại thiên thế giới đem ra bố thí, người đó vì nhân duyên ấy được phước nhiều chăng?)—Subhuti! What do you think? If one gives the seven treasures of the entire galaxy in acts of charity, by this action, would one gain much merit?

---Như thị, Thế Tôn! Thử nhưn dĩ thị nhưn duyên, đắc phước thậm đa (Thật vậy, bạch Đức Thế Tôn! Người đó làm được nhân duyên như thế, nên được phước rất nhiều)—Of course, Honorable! One would have gained much merit.

---Tu Bồ Đề! Nhưc phước đến hữu thiệt, Như Lai bất thuyết đắc phước đức đa. Dĩ phước đức vô cố, Như Lai thuyết đắc phước đức đa (Ông Tu Bồ Đề! Nếu như phước đức có thật, thì Như Lai không nói được nhiều phước đức. Vì lẽ phước đức không có thật, cho nên Như Lai mới nói là được nhiều phước đức)—Subhuti! Merit with attachment is tangible. The Tathagata would not consider it as much.

Merit with unattachment is intangible, thus it is indeed plentiful.

---Tu Bồ Đề! Ý ý vân hà? Phật khả dĩ cụ túc sắc thân kiến phủ? (Ông Tu Bồ Đề! Ý ông thế nào? Có thể dùng sắc thân đầy đủ thấy được Như Lai chăng?)—Subhuti! What do you think? Can the Buddha can be conceived by his perfect physical form?

---Phất dã, Thế Tôn! Như Lai bất ứng dĩ cụ túc sắc thân kiến. Hà dĩ cố? Như Lai thuyết cụ túc sắc thân, tức phi cụ túc sắc thân, thị danh cụ túc sắc thân (Dạ, bạch Đức Thế Tôn! Không thể dùng sắc thân đầy đủ mà thấy được Đức Như Lai. Tại vì sao? Vì Đức Như Lai nói sắc thân đầy đủ đó, tức không phải là sắc thân đầy đủ, như thế mới gọi là sắc thân đầy đủ)—No, Honorable ! The Tathagata cannot be conceived by physical form. Why? The perfect physical form has not actuality. It is only names and concepts.

---Tu Bồ Đề! Ý ý vân hà? Như Lai khả dĩ cụ túc chư tướng kiến phủ? (Ông Tu Bồ Đề! Ý ông thế nào? Có thể dùng mọi tướng tốt đẹp mà thấy được Như Lai chăng?)—Subhuti! What do you think? Can the Tathagata be identified by his perfect physical features?

---Phất dã, Thế Tôn! Như Lai bất ứng dĩ cụ túc chư tướng kiến. Hà dĩ cố? Như Lai thuyết chư tướng cụ túc, tức phi cụ túc, thị danh chư tướng cụ túc (Dạ, bạch Đức Thế Tôn! Không thể dùng mọi tướng tốt đẹp mà thấy được Như Lai. Tại vì sao? Vì Đức Như Lai nói, “Đầy đủ mọi tướng tốt đẹp, tức là không phải đầy đủ, như thế mới gọi là đầy đủ mọi tướng)—No, Honorable! The Tathagata cannot be identified by the physical features of perfection. Why? The Tathagata says that physical features have no actuality. They are only names and concepts.

---Tu Bồ Đề! Nhữ vật vị Như Lai tác thị niệm: Ngã đương hữu sở thuyết pháp. Mạc tác thị niệm. Hà dĩ cố? Nhược như ngôn; Như Lai hữu sở thuyết pháp, tức vi báng Phật, bất năng giải ngã sở thuyết cố. Tu Bồ Đề! Thuyết pháp

giả, vô pháp khả thuyết, thị danh thuyết pháp (Ông Tu Bồ Đề! Ông đừng bảo rằng Như Lai nghĩ như thế này ‘Ta sẽ nói pháp.’ Đừng nghĩ như thế là vì sao? Vì nếu có người nói rằng, ‘Như Lai có nói pháp,’ tức là người đó báng Phật, vì họ không hiểu nghĩa ta nói. Ông Tu Bồ Đề! Thuyết pháp đó, mà thực ra không có pháp nào có thể thuyết cả, như thế mới gọi là thuyết pháp)—Subhuti! Do not say that the Tathagata is planning to expound the truth. Do not harbor such ideas. Why? It slanders the Buddha to make such statements. Whoever speaks thus, does not understand my teachings. Subhuti! Truth cannot be expounded. Words only describe names and concepts.

---Nhĩ thời, Huệ mạng Tu Bồ Đề bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Phả hữu chúng sanh, ư vị lai thế, văn thuyết thị pháp, sanh tín tâm phủ?” (Bấy giờ Huệ mạng Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: “Bạch Đức Thế Tôn! Về đời sau này, có những chúng sanh được nghe nói pháp này, họ lại sinh khởi ra lòng tin chăng?)—Then, Subhuti, the wise one said to the Buddha, “Honorable! In the future, those who hear such profound teachings, will they believe in them?”

---Phật ngôn: “Tu Bồ Đề! Bỉ nhi chúng sanh, phi bất chúng sanh. Hà dĩ cố? Tu Bồ Đề! Chúng sanh chúng sanh giả, Như Lai thuyết phi chúng sanh, thị danh chúng sanh (Đức Phật bảo ông Tu Bồ Đề: “Những người đó họ không phải là chúng sanh, không phải là không chúng sanh. Tại vì sao? Ông Tu Bồ Đề! Chúng sanh và chúng sanh ấy, Như Lai nói không phải là chúng sanh, như thế mới gọi là chúng sanh)—The Buddha said: “Subhuti! Living beings are neither destined to be enlightened or deluded. Why? Subhuti! Delusion has no actuality. It is merely names and concepts.

---Tu Bồ Đề bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Phật đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, vi vô sở đắc gia?” (Ông Tu Bồ Đề bạch Phật

rằng: “Bạch Đức Thế Tôn! Phật không có sở đắc chỗ nào là được đạo vô thượng chánh đẳng chánh giác chăng?”—Subhuti then asked the Buddha, “Honorable! Is it true that the Buddha has actually gained nothing upon the attainment of the Anuttara Samyak-Sambodhi? ---Phật ngôn: “Như thị! Như thị! Tu ô Đề! Ngã ư A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, nãi chí vô hữu thiếu pháp khả đắc, thị danh A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề (Đức Phật dạy: “Đúng thế, đúng thế! Ông Tu Bồ Đề! Ta đối với pháp vô thượng chánh đẳng chánh giác, nhần đến không được mảy may pháp nào, như thế mới gọi là vô thượng chánh đẳng chánh giác)—The Buddha replied: “Exactly! Exactly! Subhuti! I have not gained a minute trace of anything upon attaining the Supreme Enlightenment. Anutara Samyak Sambodhi, too, is just names and concepts.

---Phục thứ, Tu Bồ Đề! Thị pháp bình đẳng vô hữu cao hạ, thị danh A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Dĩ vô ngã, vô nhơn, vô chúng sanh, vô thọ giả. Tu nhưt thiết thiện pháp, tức đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề! Sở ngôn thiện pháp giả. Như Lai thuyết tức phi thiện pháp, thị danh thiện pháp (Lại nữa ông Tu Bồ Đề! Pháp đó bình đẳng, không có cao thấp, như thế mới gọi là vô thượng chánh đẳng chánh giác. Vì nó là pháp vô ngã, vô nhân, vô chúng sanh, vô thọ giả, mà do chỗ tu hết thấy pháp lành, tức là được đạo vô thượng chánh đẳng chánh giác. Ông Tu Bồ Đề! Nói về pháp đó, Như Lai nói không phải pháp lành, như thế mới gọi là pháp lành)—Furthermore, Subhuti! Anuttara Samyak Sambodhi is equal and just. It is attained by abiding with the concept of no self, no others, no affiliations, and no incessantness, while practicing all virtuous deeds. Good deeds also have no actuality. They are just names and concepts.

---Tu Bồ Đề! Nhược tam thiên đại thiên thế giới trung, sở hữu chư Tu Di sơn vương, như thị đẳng thất bảo tỳ, hữu nhơn trì dụng bố thí.

Nhược nhơn dĩ thử Bát Nhã Ba La Mật Kinh, nãi chí tứ cú kệ đẳng, thọ trì đọc tụng, vị tha nhơn thuyết, ư tiền phước đức, bá phần bất cập nhưt, bá thiên vạn ức phần, nãi chí toán số thí dụ, sở bất năng cập (Ông Tu Bồ Đề! Nếu có người nào dùng bảy thứ báu chứa góp cả lại, bằng núi Tu Di Vương, ở khắp cả ba ngàn đại thiên thế giới, đem ra bố thí. Nhưng lại nếu có người lấy ở trong kinh này, nhần đến một bài kệ bốn câu, thọ trì đọc tụng, hoặc diễn nói cho người khác nghe, so với phước đức đó, thì trăm phần không kịp một phần, trăm ngàn vạn ức phần, nhần đến tính đếm thí dụ cũng thế kịp được)—Subhuti! If one takes the seven treasures of the entire universe, pile them up as high as Mount Sumeru, and give as acts of charity, if someone else studies, abides and preaches this Prajna Paramita Sutra, even as little as only four verses, the former’s merit cannot even be compared with one hundredth, one trillionth, or an infinitesimal minute portion of the latter.

---Tu Bồ Đề! Ư ý vân hà? Nhữ đẳng vật vị Như Lai tác thị niệm: Ngã đương độ chúng sanh. Tu Bồ Đề, mạc tác thị niệm. Hà dĩ cố? Thiết vô hữu chúng sanh, Như Lai độ giả. Nhược hữu chúng sanh Như Lai độ giả, Như Lai tức hữu ngã, nhơn, chúng sanh, thọ giả. Tu Bồ Đề? (Ông Tu Bồ Đề! Ý ông thế nào? Các ông đừng bảo rằng Như Lai nghĩ như thế này ‘Ta sẽ độ cho chúng sanh.’ Ông Tu Bồ Đề! Đừng nghĩ như thế là vì sao? Vì thực ra không có chúng sanh nào mà Như Lai độ cho cả. Nếu thực có chúng sanh được nhờ Như Lai độ cho ấy, tức là Như Lai còn chấp có ngã, có nhân, có chúng sanh, có thọ giả)—Subhuti! What do you think? Never say that the Tathagat is thinking: Oh! I should emancipate all beings. Subhuti! You should not think such! Why? There is no actual beings for the Tathagata to emancipate. If the Tathagata has such a thought, he is attached to the concept of self, others, affiliations and incessantness.

---Tu Bồ Đề! Như Lai thuyết hữu ngã giả, tức phi hữu ngã, nhi phàm phu chi nhưn, dĩ vi hữu ngã. Tu Bồ Đề! Phàm phu giả, Như Lai thuyết tức phi phàm phu, thị danh phàm phu (Ông Tu Bồ Đề! Như Lai nói có ngã đó, tức không phải là có ngã, mà kẻ phàm phu thì cố chấp cho là có ngã. Ông Tu Bồ Đề! Phàm phu mà Như Lai nói đó, tức không phải là phàm phu, mới gọi là phàm phu)—Subhuti! The Tathagata talks of egoistic self. In actuality, there is no self. The deluded consider the self as real. Subhuti! But even delusion has no actuality. It is just names and concepts.

---Tu Bồ Đề! Ư ý vân hà? Khả dĩ tam thập nhị tướng quan Như Lai phủ? Ông Tu Bồ Đề! Ý ông thế nào? Có thể dùng ba mươi hai tướng quán được pháp thân Như Lai chăng?—Subhuti! What do you think? Can the Tathagata be recognized by his thirty-two features?

---Tu Bồ Đề ngôn: “Như thị! Như thị! Dĩ tam thập nhị tướng quan Như Lai (Ông Tu Bồ Đề thưa: “Thật đúng như thế! Bạch Đức Thế Tôn! Có thể dùng ba mươi hai tướng quán được pháp thân của Như Lai)—Subhuti replied, “Yes! He can.”

---Phật ngôn: “Tu Bồ Đề! Nhược dĩ tam thập nhị tướng quan Như Lai giả, chuyển Luân thánh vương tức thị Như Lai? (Đức Phật bảo ông Tu Bồ Đề: “Nếu dùng ba mươi hai tướng mà quán được pháp thân Như Lai ấy, thì vua Chuyển Luân Thánh Vương tức là Như Lai sao?)—The Buddha said, “Subhuti! If the Tathagata is identifiable by his thirty-two physical features, then a world emperor would be Tathagata.

---Tu Bồ Đề, bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Như ngã giả Phật sở thuyết nghĩa, bất ưng dĩ tam thập nhị tướng quan Như Lai.” (Ông Tu Bồ Đề chợt tỉnh ngộ, bèn bạch Phật rằng: “Bạch Đức Thế Tôn! Như chỗ con hiểu nghĩa Phật nói, thì không thể dùng ba mươi hai tướng mà xem thấy pháp thân của Như Lai)—Subhuti corrected himself, “Honorable! If I understand

the Buddha’s teaching correctly, the Tathagata is not identifiable by the thirty-two features.

---Nhĩ thời Thế Tôn nhi thuyết kệ ngôn:

“Nhược dĩ sắc kiến ngã,  
Dĩ âm thanh cầu ngã,  
Thị nhưn hành tà đạo,  
Bất năng kiến Như Lai.”

(Bấy giờ Đức Thế Tôn nói bài kệ rằng:

“Nếu dùng sắc thấy ta,  
Dùng âm thanh cầu ta,  
Người đó theo tà đạo,  
Không thể thấy Như Lai.”)

At such time, Bhagavan discoursed the following rhymes,:

“He who identifies me with appearance  
And seeks me in sound,  
Has walked off the path,  
Can never find the Tathagata.”

---Tu Bồ Đề! Nhữ nhược tắc thị niệm, Như Lai bất dĩ cụ túc tướng cố đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Tu Bồ Đề! Mạc tác thị niệm: Như Lai bất dĩ cụ túc tướng cố, đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề (Ông Tu Bồ Đề! Nếu ông nghĩ thế này ‘Như Lai không cần dùng tướng tốt đầy đủ, cho nên được đạo vô thượng chánh đẳng chánh giác.’ Ông Tu Bồ Đề! Đừng nên nghĩ như thế; Như Lai không cần dùng tướng tốt đầy đủ, cho nên được đạo vô thượng chánh đẳng chánh giác)—Subhuti! If you think, ‘Tathagata attains Anuttara Samyak-Sambodhi by no having the perfect features.’

---Tu Bồ Đề! Nhữ nhược tác thị niệm: phát A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề tâm giả, thuyết chư pháp đoạn diệt. Mạc tác thị niệm. Hà dĩ cố? Phát A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề tâm giả; ư pháp bất thuyết đoạn diệt tướng (Ông Tu Bồ Đề! Nếu ông khởi ra ý nghĩ đó, mà phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác thì mọi pháp là đoạn diệt hết. Ông đừng khởi ra ý nghĩ đó, là vì sao? Vì đã phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác, thì đối với pháp không có nói cái tướng đoạn diệt)—



Subhuti! Banishe such ideas, otherwise all doctrines are annihilated. Do not harbor such thoughts! Why? One who seeks Anuttara Samyak Sambodhi does not advocate annihilation.

---Tu Bồ Đề! Nhược Bồ Tát dĩ mãn hằng hà sa đấng thế giới thất bảo trì dụng bố thí. Nhược phước hữu nhơn, tri nhưt thiết pháp vô ngã, đắc thành ư nhĩn. Thử Bồ tát thắng tiền Bồ tát, sở đắc phước đức. Hà dĩ cố? Tu Bồ Đề! Dĩ chư Bồ Tát bất thọ phước đức cố (Ông Tu Bồ Đề! Nếu Bồ Tát dùng bảy báu nhiều như số cát sông Hằng, ở khắp các cõi thế giới đem ra bố thí; nhưng nếu lại có người hiểu biết hết thấy các pháp là ‘vô ngã’ được thành tựu pháp nhĩn, thì công đức của Bồ tát này, thù thắng hơn công đức của Bồ Tát trước. Tại vì sao? Ông Tu Bồ Đề! Vì các Bồ Tát đó, không hưởng thụ phước đức vậy)—Subhuti! If a Bodhisattva gives the seven treasures as numerous as sands in the Ganges in an act of charity, if someone else understands the teaching of no-self, and has perfected the teaching of tolerance, this second Bodhisattva has more merit than the first. Why? Subhuti! This Bodhisattva would not accept any merit.

---Tu Bồ Đề bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Vân hà Bồ Tát, bất thọ phước đức?” (Ông Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: “Bạch Đức Thế Tôn! Vì sao mà các Bồ tát đó không hưởng thụ phước đức?)—Subhuti asked the Buddha, “Honorable! What do you mean by the Bodhisattva not accepting any merit?”

---Tu Bồ Đề! Bồ tát sở tác phước đức, bất ưng tham trước, thị cố thuyết bất thọ phước đức (Ông Tu Bồ Đề! Vì phước đức của các Bồ tát làm, mà các ngài không ưng tham chấp vào đó, cho nên gọi là không hưởng thụ phước đức)—Subhuti! Bodhisattva should not attach to merit. Therefore, we say, ‘One does not accept merit.’

---Tu Bồ Đề! Nhược hữu nhơn ngôn: “Như Lai, nhược lai, nhược khứ, nhược tọa, nhược ngọa, thị nhơn bất giải ngã sở thuyết. Hà dĩ

cố? Như Lai giả, vô sở tùng lai, diệc vô sở khứ, cố danh Như Lai.” (Ông Tu Bồ Đề! Nếu có người nói rằng ‘Như Lai là như lui, như tới, như ngồi, như nằm,’ thì người đó thật không hiểu nghĩa ta nói. Tại vì sao? Vì Như Lai có nghĩa là không phải do từ nơi đâu mà lại, cũng không phải do từ nơi nào mà đi, như thế mới gọi là Như Lai)—Subhuti! If someone says, ‘The Tathagata comes or goes, sits or lies,’ he does not understand my teachings. Why? The Tathagata is one who comes from nowhere and goes nowhere. That is the reason he is known as the Tathagata.

---Tu Bồ Đề! Nhược thiện nam tử, thiện nữ nhơn, dĩ tam thiên đại thiên thế giới, toái vị vi trần. Ư ý vân hà? Thị vi trần chúng, minh vi đa phủ? (Ông Tu Bồ Đề! Nếu có người thiện nam thiện nữ nào, đem ba ngàn đại thiên thế giới, nghiền nát như bụi nhỏ, vậy ý ông nghĩ thế nào? Những hạt bụi nhỏ ấy, há phải nhiều chăng?)—Subhuti! If a good man or woman crushes the entire galaxy and grinds it into dust, what do you think? Would it make a lot of dust?

---Tu Bồ Đề ngôn: “Thậm đa, Thế Tôn! Hà dĩ cố? Nhược thị vi trần chúng thiệt hữu giả, Phật tức bất thuyết vị vi trần chúng. Sở dĩ giả hà? Phật thuyết vi trần chúng, tức phi vi trần chúng, thị danh vi trần chúng. Thế Tôn! Như Lai sở thuyết tam thiên đại thiên thế giới, tức phi thế giới, thị danh thế giới. Hà dĩ cố? Nhược thế giới hữu thiệt giả, tức thị nhưt hiệp tướng. Như Lai thuyết nhưt hiệp tướng, tức phi nhưt hiệp tướng, thị danh nhưt hiệp tướng.” (Ông Tu Bồ Đề thưa: “Bạch Đức Thế Tôn! Những hạt bụi nhỏ đó rất nhiều. Tại vì sao? Nếu những hạt bụi nhỏ đó có thực, thì Đức Thế Tôn không nói đó là những hạt bụi nhỏ. Sở dĩ Phật bảo những hạt bụi nhỏ đó, tức không phải những hạt bụi nhỏ, như thế mới gọi là những hạt bụi nhỏ.” Bạch Đức Thế Tôn! Đức Như Lai nói, ‘ba ngàn đại thiên thế giới, tức không phải là ba ngàn đại thiên thế giới, như thế mới gọi là ba ngàn đại thiên thế

giới.’ Tại vì sao? Nếu thế giới kia có thực, thì chỉ là một hình tướng hợp lại, Đức Như Lai nói một hình tướng hợp lại, tức không phải là một hình tướng hợp lại, như thế mới gọi là một hình tướng hợp lại)—Subhuti replied, “A lot indeed! Honorable! If the dust has actually, the Buddha would not say there is a lot of dust. Why? The Buddha says that dust has no actuality. It is Also names and concepts. Why? If the galaxy has actuality, it cannot be decomposed to aggregates. That which is composed has no actuality, It is only names and concepts.

---Tu Bồ Đề! Như thế hiệp tướng giả, tức thị bất khả thuyết, dẫn phạm phu chi nhưn, tham trước kỳ sự (Ông Tu Bồ Đề! Một hình tướng hợp lại ấy, tức là ‘không thể nói được.’ Vì những kẻ phạm phu còn tham đắm chấp trước vào sự tướng, cho nên không thể nói được)—Subhuti! The teaching of aggregation is profound and cannot be explained in words. The deluded always crave and attach to illusive aggregation.

---Tu Bồ Đề! Nhược nhưn ngôn: Phật thuyết ngã kiến, nhưn kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến. Tu Bồ Đề! Ý ý vân hà? Thị nhưn giả ngã sở thuyết nghĩa phủ? (Ông Tu Bồ Đề! Nếu có người nói rằng Phật nói ‘Ngã kiến, nhân kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến.’ Ông Tu Bồ Đề! Ý ông thế nào? Người đó có hiểu nghĩa ta nói chăng?)—Subhuti! If one says, ‘Buddha speaks of the attachment to self, others, affiliations and incessantness. Subhuti! What do you think? Does this person understand my teachings?

---Phất dã, Thế Tôn! Thị nhưn bất giải Như Lai sở thuyết nghĩa. Hà dĩ cố? Thế Tôn thuyết, ngã kiến, nhưn kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến, tức phi ngã kiến, thọ giả kiến, thị danh ngã kiến, nhưn kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến (Dạ, bạch Đức Thế Tôn! Người đó không hiểu nghĩa của Đức Như Lai nói. Tại vì sao? Đức Thế Tôn nói ‘ngã kiến, nhân kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến,’ mà

không phải là ngã kiến, nhân kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến, như thế mới gọi là ngã kiến, nhân kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến)—No, Honorable! This person does not understand the Tathagata’s teaching. Why? Honorable’s talk of attachment to the self, others, affiliations and incessantness does not have actuality. It too is forms and concepts only.

---Tu Bồ Đề! Phát A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề tâm giả, ư nhưn thiết pháp, ưng nhưn thị tri, nhưn thị kiến, nhưn thị tín giải, bất sanh pháp tướng. U Bồ Đề! Sở ngôn pháp tướng giả, Như Lai thuyết tức phi pháp tướng, thị danh pháp tướng (Ông Tu Bồ Đề! Người phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác, phải nên biết như thế, thấy như thế, và tin hiểu như thế; không nên sinh lòng chấp trước vào pháp tướng. Ông Tu Bồ Đề! Nói về pháp tướng mà Như Lai nói đó, tức không phải là pháp tướng, như thế mới gọi là pháp tướng)—Subhuti! Those seeking Anutara Samyak Sambodhi should look at all teachings with such awareness, views and understanding. Do not attach to any dogma. Subhuti! Doctrines have no absolute actuality. They are only forms and concepts.

---Tu Bồ Đề! Nhược hữu nhưn dĩ mãn vô lượng a tăng kỳ thế giới thất bảo trì dụng bố thí. Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhưn phát Bồ Đề tâm giả, trì ư thử kinh, nãi chí tứ cú kệ đẳng, thọ trì đọc tụng, vị nhưn diễn thuyết, kỳ phước thắng bỉ (Ông Tu Bồ Đề! Nếu có người dùng bảy báu bằng khắp cả vô lượng a tăng kỳ thế giới đem ra bố thí. Nhưng nếu lại có người thiện nam thiện nữ nào, phát tâm Bồ Đề giữ gìn kinh này, nhẫn đến thọ trì đọc tụng một bài kệ bốn câu, hoặc diễn nói cho người khác nghe, thì phước đức của người đó thù thắng hơn phước đức của người trước)—Subhuti! If one offers the seven treasures from countless galaxies as charity, when compared to a good man or woman who pledges the Bodhicitta, abides by this Sutra,

even for as little as only four verses, studies, follows and preaches it to others, the latter would have more merit.

---Vân hà, vị nhưn diễn thuyết? Bất thủ ư tướng, như như bất động. Hà dĩ cố?

Nhứt thiết hữu vi pháp,  
Như mộng, huyễn, bào, ảnh,  
Như lộ diệc như điển  
Ứng tác như thị quán.

(Tại vì sao? Vì người diễn nói kinh này không chấp vào tướng, như như bất động. Bởi vậy nên nói:

“Hết thấy pháp hữu vi,  
Như chiêm bao, bọt nước,  
Như bóng, chớp, sương mai,  
Nên quán tưởng như thế.”)

How should we preach it to others? By not attaching to concepts and names, immovable as suchness. Why? Everything that is phenomenal, is like a dream, hallucination,

bubble, or shadow. It is like dew and lightening. One should always sees it as such.

---Phật thuyết thị kinh dĩ, Trưởng Lão Tu Bồ Đề, cập chư Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di, nhứt thiết thế gian: Thiên, Nhơn, A Tu La...văn Phật sở thuyết, giai đại hoan hỷ, tín thọ phụng hành (Phật nói kinh này rồi, trưởng lão Tu Bồ Đề, và hết thấy các vị Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di, cùng hết thấy cõi trời, cõi người, a tu la, được nghe Phật nói rồi, thấy đều hoan hỷ, tin theo, vâng làm)—When the Buddha completed the discourse, Elder Subhuti, all Bhikshus, Bhikshunis, Upasakas, Upasikas, and all celestial and human beings and Asuras, listening to the Buddha’s teaching rejoiced in great happiness. They all faithfully abide by his teachings.

KIM CANG BÁT NHÃ BA LA MẬT KINH.  
The Vajracchedika Prajna Paramita Sutra.



# **Appendix H**

**Kinh Phạm Võng  
The Brahma Net Sutra**



**PHẬT THUYẾT KINH PHẠM  
VÕNG—THE BUDDHA SPEAKS  
THE BRAHMA NET SUTRA**

Hán dịch: Cưu Ma La Thập

Việt dịch: H.T. Thích Trí Tịnh

Bấy giờ Đức Phật Tỳ Lô Giá Na vì trong đại chúng lược giảng “Tâm Địa” như chùng đầu sợi lông trong số trăm nghìn hằng hà sa bất khả thuyết pháp môn—At that time, Vairocana Buddha began speaking in general about the Mind-Ground for the benefit of the Great Assembly. What he said represents but an infinitesimal part, the tip of a hair, of His innumerable teachings, as numerous as the grains of sand in the river Ganges.

Ngài kết luận: “Tâm Địa đây chính là lời của tất cả Phật thời quá khứ đã giảng, tất cả Phật thời vị lai sẽ giảng và tất cả Phật thời hiện tại đang giảng. Cũng là pháp môn mà tất cả Bồ Tát đã học, sẽ học và đang học. Ta đã từng trăm A Tăng Kỳ kiếp tu tập tâm địa này, do đó ta được hiệu là Tỳ Lô Giá Na. Chư Phật! Các Ngài đem lời giảng của ta đây hầu mở con đường tâm địa cho hết thấy chúng sanh.”—He concluded: “The Mind-Ground has been explained, is being explained and will be explained by all the Buddhas past, present, and future. It is also the Dharma Door or cultivation method (method of development) that all the Bodhisattvas of the past, present, and future have studied, are studying and will study. I have cultivated this Mind-Ground for hundreds of eons. My name is Vairocana. I request all Buddhas to transmit my words to all sentient beings, so as to open this path of cultivation to all.”

Liền đó từ trên tòa Thiên Quang Sư Tử rục rờ nơi thế giới Liên Hoa Đài tạng, Đức Phật Tỳ

Lô Giá Na phóng ra những tia sáng, trong tia sáng ấy có tiếng nói với chư Phật đang ngự trên nghìn cánh sen báu: “Các Ngài thọ trì phẩm Tâm Địa Pháp Môn của ta đây, rồi tuần tự đem giảng lại cho nghìn trăm ức Thích Ca cùng tất cả chúng sanh. Ai nấy đều nên thọ trì đọc tụng và nhứt tâm vâng làm—At that time, from his Lion’s Throne in the Lotus Treasury World, Vairocana Buddha emitted rays of light. A voice among the rays is heard telling the Buddha seated on thousands of lotus petals, “You should practice and uphold the Mind Ground Dharma Door and transmit it to the innumerable Sakyamuni Buddhas, one after another, as well as to all sentient beings. Everyone should uphold, read, recite, and singlemindedly put its teachings into practice.

Sau khi lãnh thọ phẩm Tâm Địa Pháp Môn, chư Phật đang ngự trên nghìn cánh sen báu cùng nghìn trăm ức Đức Thích Ca đồng đứng dậy rời khỏi tòa Sư Tử. Toàn thân của các Ngài chiếu ra vô số tia sáng. Trong mỗi tia sáng ấy đều hóa hiện vô lượng Đức Phật, đồng thời tung lên vô lượng hoa đẹp xanh, vàng, đỏ, trắng để cúng dường Đức Phật Tỳ Lô Giá Na. Cúng dường xong, chư Phật từ tạ trở về—After receiving the Dharma-door of the Mind Ground, the Buddhas seated atop the thousands of lotus flowers along with the innumerable Sakyamuni Buddhas all arose from their Lion Seats, their bodies emitting innumerable rays of light. In each of these rays appeared innumerable Buddhas who simultaneously made offerings of green, yellow, red and white celestial flowers to Vairocana Buddha. They then slowly took their leave.

Khi rời khỏi thế giới Liên Hoa Đài Tạng, chư Phật vào chánh định Thế Tánh Hư Không Hoa Quang, mỗi Ngài trở về lại chốn cũ, dưới cội Bồ Đề nơi cõi Diêm Phù. Sau khi ra khỏi

chánh định Thế Tánh Hư Không Hoa Quang, đức Phật mới ngự trên tòa Kim Cương Thiên Quang Vương và Diệu Quang Đường mà giảng về Thập Thế Giới Hải—The Buddhas then disappeared from the Lotus Treasury World, entered the Essence-Nature Empty Space Floral Brilliance Samadhi and returned to their former places under the Bodhi-tree in this world of Jambudvīpa. They then arose from their samadhi, sat on their Diamond Throne in Jambudvīpa and the Heaven of the Four Kings, and preached the Dharma of the “Ten Oceans of Worlds.”

Rồi Đức Phật giảng pháp Thập Trụ nơi cung trời Đế Thích, giảng pháp Thập Hạnh nơi cung trời Diêm Ma, giảng pháp Thập Hối Hưởng nơi cung trời Đâu Suất, giảng pháp Thập Thiên Định nơi cung trời Hóa Lạc, giảng pháp Thập Địa nơi cung trời Tha Hóa, giảng pháp Thập Kim Cương nơi cõi Sơ Thiên, giảng pháp Thập Nhẫn nơi cõi Nhị Thiên, giảng pháp Thập Nguyện nơi cõi Tam Thiên. Sau cùng nơi cõi Tứ Thiên trong cung của Đại Tự Tại Thiên Vương, giảng phẩm Tâm Địa Pháp Môn mà thuở trước Đức Phật Tỳ Lô Xá Na đã giảng ở thế giới Liên Hoa Đài Tạng—Thereupon, they ascended to Lord Sakya’s palace and expounded the Ten Dwelling; proceeded to the Suyama Heaven and taught the Ten Practices; proceeded further to the Fourth Heaven and taught the Ten Dedications; proceeded further to the Transformation of Bliss Heaven and taught the Ten Dhyana Samadhi; proceeded further to the Heaven of Comfort From Others’ Emanations and taught the Ten Grounds; proceeded further to the First Dhyana Heaven and taught the Ten Vajra Stages; proceeded further to the Second Dhyana Heaven and taught the Ten Patiences and proceeded further to the Third Dhyana Heaven and taught the Ten Vows. Finally, in the Fourth Dhyana Heaven, at Lord Mahesvara’s Pa’ace,

they taught the Mind Ground Dharma-Door chapter, which Vairocana Buddha, in eons past, expounded in the Lotus Treasury World or the Cosmos.

Tất cả nghìn trăm ức Đức Thích Ca ở nơi thế giới của mình, đều giảng nói như thế—All the other innumerable transformation Sakyamuni Buddhas did like these in their respective worlds.

#### **THÍCH CA MÂU NI PHẬT— SAKYAMUNI BUDDHA**

Bấy giờ, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, từ lúc sơ khởi hiện thân nơi thế giới Liên Hoa Đài Tạng, rồi qua phương Đông đến tại cung của Thiên Vương, diễn nói kinh “Ma Thọ Hóa.” Sau đó, Ngài giáng sanh nơi cõi Nam Diêm Phù Đề tại nước Ca Tỳ La Vệ, vua Bạch Tịnh là thân phụ, và Hoàng hậu Ma Gia là sinh mẫu. Nhũ danh của Ngài là Tất Đạt Đa. Xuất gia bảy năm, ba mươi tuổi thành đạo, hiệu Ngài là Thích Ca Mâu Ni Phật—At that time, Sakyamuni Buddha, after first appearing in the Lotus Treasury World, proceeded to the east and appeared in the Heavenly King’s palace to teach the “Demon Transforming Sutra.” He then descended to Jambudvīpa to be born in Kapilavastu, his name being Siddhartha and his father’s name Suddhodana. His mother was Queen Maya. He achieved Enlightenment at the age of thirty, after seven years of cultivation, under the name of Sakyamuni Buddha.

Từ Bửu Tòa Kim Cương Hoa Quang, nơi đạo tràng tịch diệt nhẫn đến nơi cung của Đại Tự Tại Thiên Vương, trong mười nơi ấy Đức Phật tuần tự ngự đến thuyết pháp—The Buddha spoke in ten assemblies from the Diamond Seat at Bodhgaya to the palace of Maheshvara.

Lúc đó như khi xem bửu tràng màn lưới của Đại Phạm Thiên Vương, Đức Phật vì đại chúng mà giảng Kinh Phạm Võng. Ngài dạy rằng: “Vô lượng thế giới dường như là lỗ lưới. Mỗi thế giới đều khác nhau cả, khác nhau đến số vô lượng. Giáo pháp của Phật cũng như vậy—At that time, he contemplated the wonderful Jewel Net hung in Lord Brahma’s palace and praised the Brahma Net Sutra for the Great Assembly. He said: “The innumerable worlds in the cosmos are like the eyes of the net. Each and every world is different, its variety infinite. So too are the Dharma-Doors or methods of cultivation taught by the Buddhas.

Đức Phật đã tám nghìn lần đến thế giới Ta Bà này, ngự trên Bửu Tòà Kim Cương Hoa Quang nhìn đến ngự nơi cung của Đại Tự Tại Thiên Vương, lược giảng “Tâm Địa Pháp Môn” cho cả thủy đại chúng trong những pháp hội ấy—I have come to this world eight thousand times. Based in this saha World, seated upon the Jewel Diamond Seat in Bodhgaya and all the way up to the palace of Lord Maheshvara, I have spoken in general about the Mind Ground Dharma Door for the benefit of the great multitude.

Sau đó từ cung của Thiên Vương, Đức Phật trở xuống ngự dưới cội Bồ Đề nơi cõi Diêm Phù Đề, vì tất cả chúng sanh trên quả đất này, hạng người phạm phu ngu tối mà giảng một Giới Pháp Kim Cương Quang Minh Bửu Giới. Giới pháp này là lời thường trì tụng của Phật Tỳ Lô Xá Na, khi Ngài mới phát tâm Bồ Đề trong thời kỳ tu như của Ngài. Giới Pháp này cũng chính là bốn nguyện của tất cả Phật, là bốn nguyện của tất cả Bồ Tát và là chủng tử của Phật tánh—Thereafter, I descended from Lord Maheshvara’s palace to Jambudvīpa, the Human World. I have preached the Diamond Illuminated Jeweled Precepts or the Bodhisattva precepts from beneath the

Bodhitree for the sake of all sentient beings on earth, however, dull and ignorant they may be. These precepts were customarily recited by Vairocana Buddha when he first developed the Bidhi Mind in the causal stages. They are precisely the original source of all Buddhas and all Bodhisattvas as well as the seed of the Buddha Nature.

Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Tất cả ý thức, sắc, tâm, là tình, là tâm đều vào trong phạm vi giới pháp Phật tánh. Vì chắc chắn thường có chánh như, nên chắc chắn Pháp thân thường trụ—All sentient beings possess Buddha-Nature. All with consciousness, form and mind are encompassed by the precepts of the Buddha Nature. Sentient beings possess the correct cause of the Buddha Nature and therefore, they will assuredly attain the ever-present Dharma Body.

Mười Ba La Đề Mộc Xoa như thế xuất hiện trong đời. Giới pháp này là chỗ kính trọng thọ trì của tất cả chúng sanh trong ba thuở—For this reason, the ten Pratimoksa or Bodhisattva precepts came into being in this world. These precepts belong to the True Dharma. They are received and upheld in utmost reverence by all sentient beings of the Three Periods of Time, past, present and future.

Giờ đây, Đức Phật sẽ vì trong đại chúng này mà giảng lại Giới Phẩm Vô Tận Tạng, là Giới Phẩm của tất cả chúng sanh, bốn nguyện tự tánh thanh tịnh—Once again, I shall preach for the Great Assembly the chapter of the Inexhaustible Precept Treasury. These are the precepts of all sentient beings, the source of the pure Self-Nature.

Nay ta là Tỳ Lô Xá Na  
Đương ngồi trên đài Liên Hoa  
Trên nghìn cánh sen đơm vòng  
Lại hiện ra nghìn Thích Ca.



Now, I, Vairocana Buddha  
Am sitting atop a lotus pedestal;  
On a thousand flowers surrounding me  
Are a thousand Sakyamuni Buddhas.

Mỗi cánh sen trăm ức cõi  
Mỗi cõi một Phật Thích Ca  
Đều ngồi dưới cội Bồ Đề  
Đồng thời thành Chánh Giác Đạo.  
Each flower supports a hundred  
million worlds;  
In each world a Sakyamuni Buddha  
appears.  
All are seated beneath a Bodhi-tree  
All simultaneously attain Buddhahood.

Nghìn trăm ức Phật như vậy  
Lô Xá Na là bản thân.  
Nghìn trăm ức Phật Thích Ca  
Đều đem theo vì trần chúng  
Cùng nhau đến tại chỗ ta  
Để nghe ta tụng Phật giới.  
All these innumerable Buddhas  
Have Vairocana as their original body.  
These countless Sakyamuni Buddhas  
All bring followers along, as numerous  
as motes of dust.  
They all proceed to my lotus pedestal  
To listen to the Buddha's precepts.

Ta liền giảng môn Cam Lộ,  
Bây giờ nghìn trăm ức Phật,  
Trở về đạo tràng của mình,  
Đều ngồi nơi cội Bồ Đề  
Tụng mười trọng bốn mươi tám  
Khinh giới của bốn sư Xá Na.  
I now preach the Dharma, this  
exquisite nectar.  
Afterward, the countless Buddhas,  
return to their respective worlds  
And, under a Bodhi-tree, proclaim  
these major and minor precepts  
Of Vairocana, the Original Buddha.

Giới như vầng nhật nguyệt sáng,  
Cũng như chuỗi báu ngọc châu,  
Chúng Bồ Tát như vi trần  
Do giới này mà thành Phật.  
The precepts are like the radiant sun  
and moon,  
Like a shining necklace of gems,  
Bodhisattvas as numerous as motes of  
dust  
Uphold them and attain Buddhahood.

Đây là Đức Xá Na tụng  
Ta đây cũng tụng như vậy.  
Các ông tân học Bồ Tát  
Phải cung kính thọ trì giới!  
These precepts are recited by  
Vairocana,  
These precepts I recite as well.  
You novice Bodhisattvas  
Should reverently accept and uphold  
them.

Khi thọ trì giới này rồi  
Nên truyền lại cho chúng sanh,  
Lắng nghe ta đang trì tụng  
Pháp Ba La Đề Mộc Xoa  
Là giới tạng trong Phật pháp.  
And once you have done so,  
Transmit and teach them to sentient  
beings.  
Now listen attentively as I recite  
The Bodhisattva Pratimoksa, the  
source of all precepts in the Buddha  
Dharma.

Đại chúng lòng nên tin chắc:  
Các người là Phật sẽ thành,  
Ta đây là Phật đã thành.  
Thường có lòng tin như vậy  
Thời giới phẩm đã trọn vẹn.  
All of you in the Great Assembly  
should firmly believe  
That you are the Buddhas of the future  
While I am a Buddha already

accomplished.  
If you should have such faith at all  
times,  
Then this precept code is fulfilled.

Tất cả những người có tâm  
Đều nên nhiếp hộ Phật giới.  
Chúng sanh nào thọ Phật giới  
Chính là vào hàng chư Phật.  
Đã đồng hàng bậc Đại Giác  
Mới thật là con chư Phật.  
All beings with resolve  
Should accept and uphold the  
Buddha's precepts.  
Sentient beings on receiving them  
Join forthwith the ranks of Buddhas.  
They are in essence equal to the  
Buddhas.  
They are the true offspring of the  
Buddhas.

Đại chúng đều nên cung kính  
Chí tâm nghe lời ta tụng.  
Therefore, great Assembly,  
Listen with utmost reverence  
As I proclaim the Bodhisattva Moral  
Code.

### **ĐỨC PHẬT KIẾT BỒ TÁT GIỚI—THE BUDDHA RECITING THE BODHISATTVA PRECEPTS.**

Thuở ấy Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, lúc mới thành đạo vô thượng chánh giác trong khi ngồi dưới cội Bồ Đề, Ngài bắt đầu kiết Bồ Tát Giới. Ngài dạy: “Hiếu thuận với cha mẹ, Sư Tăng, Tam Bảo. Hiếu thuận pháp chí đạo. Hiếu gọi là giới, cũng gọi là cấm ngăn.”—At that time, when Sakyamuni Buddha first attained Supreme Enlightenment under the Bodhi tree, he explained the Bodhisattva precepts. The Buddha taught filial piety towards one parents, Elder Masters and the Triple Jewel. Filial piety and obedience, he

said, are the Ultimate Path to Buddhahood. Filial piety is called the precepts, thus, it means restraint and cessation.

Liền đó từ nơi miệng, Đức Phật phóng ra vô lượng tia sáng. Bảy giờ có đến trăm vạn ức đại chúng, các Bồ Tát, mười tám Phạm Thiên, sáu cõi trời dục giới, mười sáu đại Quốc Vương đồng chấp tay chí tâm nghe Đức Phật tụng giới pháp Đại thừa của tất cả chư Phật—The Buddha then emitted limitless lights from his mouth. Thereupon, the whole Great Assembly, consisting of innumerable Bodhisattvas, the gods of the eighteen Brahma Heavens, the gods of the six Desire Heavens, and the rulers of the sixteen great kingdoms all joined their palms and listened singlemindedly to the Buddha recite the Mahayana precepts.

Đức Phật nói với các vị Bồ Tát: “Nay ta cứ mỗi nửa tháng tự tụng giới pháp của chư Phật. Tất cả hàng Bồ Tát sơ phát tâm, nhần đến các Bồ Tát Thập Phát Thú, Thập Trưởng Dưỡng, thập Kim Cương, Thập Địa cũng tụng giới ấy. Vì thế nên giới quang từ miệng ta phóng ra. Phóng quang là vì có nguyên do, chớ chẳng phải vô cớ. Giới quang ấy chẳng phải màu xanh, vàng, đỏ, trắng và đen; chẳng phải sắc pháp, cũng chẳng phải tâm pháp, chẳng phải pháp hữu, pháp vô, cũng chẳng phải pháp nhơn, pháp quả. Nó chính là bốn nguyên của chư Phật, là căn bản của chúng Phật tử. Vì thế nên chúng Phật tử phải thọ trì, phải đọc tụng, phải học kỹ giới pháp này—The Buddha then said to the Bodhisattvas: “Twice a month I recite the precepts observed by all Buddhas. All Bodhisattvas, from those who have just developed the Bodhi Mind to the Bodhisattvas of the Ten Dwellings, the Ten Practices, the Ten Dedications and the Ten Grounds also recite them. Therefore, this precept-light shines forth from my mouth. It does not arise without a cause. This light is neither blue,

yellow, red, white nor black. It is neither form nor thought. It is neither existent nor nonexistent, neither cause nor effect. This precepts-light is precisely the original source of all Buddhas and all members of this Great Assembly. Therefore all you disciples of the Buddha should receive and observe, read, recite and study these precepts with utmost attention.

Disciples of the Buddha listen attentively! Whoever can understand and accept a Dharma Master's words of transmission can receive the Bodhisattva precepts and be called foremost in purity. This is true whether that person is a king; a prince; an official; a monk; a nun or a god of the eighteen Brahma Heavens; a god of the six Desire Heavens, or a human, a eunuch, a libertine, a prostitute, a slave or a member of the Eight Divisions of Divinities, a Vajra spirit, an animal or even a transformation-being.

**MƯỜI GIỚI TRỌNG—THE TEN MAJOR PRECEPTS** (see Mười Giới Trọng Của Chư Bồ Tát Trong Kinh Phạm Võng).

**ĐỨC PHẬT KIẾT RẪN VỀ MƯỜI GIỚI TRỌNG—BUDDHA CONCLUDES ON THE TEN MAJOR PRECEPTS.**

Này các Phật tử! Trên đây là mười giới trọng của chư Bồ Tát, các Phật tử cần nên học. Trong mười giới đó không nên trái phạm một giới nào cả, dầu một mảy may nhỏ như vi trần, huống chi phạm đủ cả mười giới ư! Nếu có người nào trái phạm, thời người ấy hiện đời không được phát Bồ Đề tâm, rồi cũng mất ngôi Quốc Vương, ngôi Chuyển Luân Vương, ngôi Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni; cũng mất những quả Thập Phát Thú, Thập Trưởng Dưỡng, Thập Kim Cương, Thập Địa, tất cả diệu quả Phật tánh thường trú đều mất, đọa trong ba ác đạo, trong hai kiếp, ba kiếp chẳng được nghe

danh tự của cha mẹ và Tam Bảo. Vì thế nên không không được phạm một giới nào cả. Tất cả Bồ Tát các ngài đã học, sẽ học và hiện nay học. Mười giới như thế cần nên học, hết lòng kính trọng phụng trì—As a disciple of the Buddha, you should study these ten parajika or major precepts and not break any one of them in even the slightest way, much less break all of them! Anyone guilty of doing so cannot develop the Bodhi Mind in his current life and will lose whatever high position he may have attained, be it that of an emperor, Wheel-Turning King, Bhiksu, Bhiksuni, as well as whatever level of Bodhisattvahood he may have reached, whether the Ten Dwellings, the Ten Practices, the Ten Dedications, the Ten Grounds, and all the fruits of the eternal Buddha Nature, he will lose all of those levels of attainment and descend into the Three Evil Realms, unable to hear the words “parents” or “Triple Jewel” for eons! Therefore, Buddha's disciples should avoid breaking any one of these major precepts. All of you Bodhisattvas should study and observe the Ten Precepts, which have been observed, are being observed, and will be observed by all Bodhisattvas.

**BỐN MƯƠI TÁM GIỚI KHINH—THE FORTY-EIGHT SECONDARY PRECEPTS** (see Bốn Mười Tám Giới Khinh in Vietnamese-English Section and Forty-Eight Secondary Precepts which the Buddha taught all Bodhisattvas in the Brahma-Net Sutra in English-Vietnamese Section).

**TỔNG KẾT—CONCLUSION**

Đức Phật dạy: “Các Phật tử! Đó là Bốn Mười Tám Giới Khinh, các người phải thọ trì. Chư Bồ Tát thuở đời quá khứ đã tụng, chư Bồ Tát thuở đời vị lai sẽ tụng, chư Bồ Tát hiện tại đương tụng. Chư Phật tử hãy lắng nghe! Mười Giới trọng, Bốn Mười Tám Giới Khinh đây, chư Phật trong ba thuở đã tụng, sẽ tụng và

hiện đương tụng. Nay ta cũng tụng như vậy—  
The Buddha said, “All of you disciples! These  
are the Forty-eight Secondary Precepts that  
you should observe. Bodhisattvas of the past  
have recited them, those of the future will  
recite them, those of the present are now  
reciting them. Disciples of the Buddha! You  
should all listen! These Ten Major and Forty-  
eight Secondary Precepts are recited by all  
Buddhas of the Three Periods of Time, past,  
present, and future. I now recite them as well.

**BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA TÂM KINH—  
THE PRAJNA PARAMITA HEART  
SUTRA** (see Tâm Kinh)

**HỒI HƯỚNG—DEDICATIONS**

Thính giới công đức thù thắng hạnh  
Vô biên thắng phước giai hồi hướng  
Phổ nguyện pháp giới chư chúng sanh  
Tốc vãng vô lượng quang Phật sát.  
Nguyện tiêu tam chướng trừ phiền não  
Nguyện đắc trí huệ chơn minh liễu  
Phổ nguyện tội chướng tất tiêu trừ  
Thế thế thường hành Bồ Tát đạo.  
Nguyện sanh Tây phương Tịnh Độ trung  
Cửu phẩm liên hoa vi phụ mẫu  
Hoa khai kiến Phật ngộ vô sanh  
Bất thối Bồ Tát vi bạn lữ.  
Nguyện dĩ thử công đức  
Phổ cập ư nhứt thiết  
Ngã đẳng dĩ chúng sanh  
Giai cộng thành Phật đạo.  
Listening to these precepts is an act of  
supreme virtues;  
I dedicate these countless supreme virtues and  
merits to all sentient beings in the Dharma  
Realm,

Vowing that they may swiftly achieve rebirth  
In the land of the Buddha of Limitless Light.  
I vow to eradicate all obstructions and  
afflictions,  
I vow to attain Supreme Enlightenment,  
I vow to eradicate all delusive karma,  
Thus will I always follow the Bodhisattva  
Path.  
I vow to be reborn in the Western Pure Land,  
The Nine Lotus Grades will be my parents;  
When the blossoms open, I will see Amitabha  
Buddha  
And awaken to the truth of Non-Birth,  
Non-retrogressing Bodhisattvas will be my  
friends.  
I dedicate these merits and virtues  
To everyone everywhere  
So that all sentient beings and I  
Achieve Buddhahood together.

**TAM QUY-Y—THREE REFUGES**

Tự quy-y Phật, đương nguyện chúng sanh, thể  
giải đại đạo, phát vô thượng tâm—I take  
refuge in the Buddha, vowing that sentient  
beings may understand the Great Way and  
develop the Supreme Mind.

Tự quy-y Pháp, đương nguyện chúng sanh,  
thâm nhập kinh tạng, trí huệ như hải—I take  
refuge in the Dharma, vowing that sentient  
beings may penetrate all the sutras with  
wisdom as profound as the oceans.

Tự quy-y Tăng, đương nguyện chúng sanh,  
thống lý đại chúng, nhứt thiết vô ngại—I take  
refuge in the Sangha, vowing that sentient  
beings be in harmony with the Great  
Assembly, free of all obstructions.

# **Appendix I**

**Kinh Pháp Hoa-Phẩm Quán Thế Âm  
The Lotus Sutra-Chapter Avalokitesvara  
Bodhisattva**



**KINH QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT—  
THE LOTUS FLOWER SUTRA—  
CHAPTER AVALOKITESVARA  
BODHISATTVA**

Lúc bấy giờ Ngài Vô Tận Ý Bồ Tát liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trích áo bày vai hữu, chắp tay hướng Phật mà bạch rằng: “Thế Tôn! Ngài Quán Thế Âm Bồ Tát do nhân duyên gì mà tên là Quán Thế Âm?”—At that time, Akchayamati Bodhisattva stood up from where he was sitting, moved his robe on the right shoulder, put his palms together in the direction of the Buddha asking: “Dear Lokanatha, what is the reason for Avalokitesvara Bodhisattva having the name Avalokitesvara?”

Phật bảo Ngài Vô Tận Ý Bồ Tát: “Thiện nam tử! Nếu có vô lượng trăm nghìn muôn ức chúng sanh chịu các khổ não, nghe Quán Thế Âm Bồ Tát này một lòng xưng danh. Quán Thế Âm Bồ Tát tức thời xem xét tiếng tụng kia, đều được giải thoát—The Buddha said to Akchayamati Bodhisattva: “Good man! If there were infinite hundreds thousands and millions of sentient beings enduring the various sufferings and afflictions and were able to hear of this Avalokitesvara Bodhisattva, wholeheartedly chant his name, Avalokitesvara Bodhisattva will immediately examine that prayer and those beings will escape from their predicaments.

Nếu có người trì danh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát này, dầu vào trong lửa lớn, lửa chẳng cháy được, vì do sức uy thần của

Bồ Tát này mà được như vậy—If anyone chant the name of this Avalokitesvara Bodhisattva, even if entering great fires, fires will not burn because of the majestic spiritual power of this Bodhisattva.

Nếu bị nước lớn làm trôi, xưng danh hiệu Bồ Tát này liền được chỗ cạn—If swept away by great water, chanting the name of this Bodhisattva will lead to shallow area.

Nếu có trăm nghìn muôn ức chúng sanh vì tìm vàng, bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, san hô, hổ phách, trân châu, các thứ báu, vào trong biển lớn, giả sử gió lớn thổi ghe thuyền của kẻ kia trôi tấp nới nước quỷ La Sát, trong ấy nếu có nhần đến một người xưng danh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát, thời các người đó đều được thoát khỏi nạn quỷ La Sát. Do nhân duyên đó mà tên là Quán Thế Âm—Supposing there are hundreds, thousands and millions of sentient beings who enter the great oceans in search of gold, silver, lapis lazuli, mother-of-pearl, carnelian, coral, amber, crystal diamond and other precious treasures, and the great winds blow their ships and vessels to the land of the Rakchasas Demons, even if only one person among them chants the name of Avalokitesvara Bodhisattva, everyone will be spared from being cannibalized by the Rakchasas Demons. This is the reason why He has the name Avalokitesvara.

Nếu lại có người sắp sẽ bị hại, xưng danh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát, thời dao gậy của người cầm liền gãy từng khúc, người ấy thoát khỏi—Moreover, if anyone is

about to be harmed, by chanting the name of Avalokitesvara Bodhisattva, immediately the knife and stick held by the perpetrator will be broken into pieces enabling that person to escape.

Nếu quỷ Dạ Xoa cùng La Sát đầy trong cõi Tam Thiên Đại Thiên muốn đến hại người, nghe người xưng danh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát, thời các quỷ dữ đó còn không có thể dùng mắt dữ mà nhìn người, huống lại làm hại được—If all the Yakchas and Rakchasas demons dwelling in the three thousand-great-thousand world, wanted to harm someone but upon hearing that person chant the name of Avalokitesvara Bodhisattva, the demons could not so much as use their evil eyes to look at that person let alone be able to inflict harm.

Dẫu lại có người hoặc có tội, hoặc không tội, gông cùm xiềng xích trói buộc nơi thân, xưng danh hiệu Quán Thế Âm Bồ tát, thấy đều đứt rã, liền được thoát khỏi—Furthermore, if anyone, whether guilty or not guilty, having the body chained with cuffs and shackles, chants the name of Avalokitesvara Bodhisattva, these cuffs and shackles will break, letting that person free.

Nếu kẻ oán tặc đầy trong cõi Tam Thiên Đại Thiên, có một vị thương chủ dắt các người buôn đem theo nhiều cửa báu, trải qua nơi đường hiểm trở, trong đó có một người xưng rằng: “Các thiện nam tử! Chớ nên sợ sệt, các ông nên phải một lòng xưng danh hiệu Quán Thế Âm Bồ

Tát, vị Bồ Tát đó hay đem pháp vô úy thí cho chúng sanh, các ông nếu xưng danh hiệu Ngài thời sẽ được thoát khỏi oán tặc này—Supposing there were all bandits and thieves in the three thousand-great-thousand world and a merchant was leading a group of tradesmen carrying precious treasures across a stretch of road filled with dangers, among them a person declares” Good men, do not be afraid, everyone must wholeheartedly and sincerely recite the name of Avalokitesvara Bodhisattva; that Bodhisattva often grants the dharma of fearlessness to sentient beings, if everyone recites this Bodhisattva’s name, all of them will escape from these bandits and thieves.

Các người buôn nghe rồi, đều lên tiếng xưng rằng: “Nam Mô Quán Thế Âm Bồ Tát,” vì xưng danh hiệu Bồ Tát, nên liền được thoát khỏi—After hearing this, all the merchants raise their voices chanting: “Namo Avalokitesvara Bodhisattva.” Because they chanted the name of that Bodhisattva, they would escape immediately from all dangers.

Vô Tận Ý! Quán Thế Âm Bồ Tát sức uy thần cao lớn như thế—Akchayamati, Avalokitesvara Bodhisattva has great majestic spiritual powers in this way.

Nếu có chúng sanh nào nhiều lòng dâm dục, thường cung kính niệm Quán Thế Âm Bồ Tát, liền được ly dục—If any sentient being is addicted to sexual desires, by often sincerely and



respectfully chanting the name of Avalokitesvara Bodhisattva, that person will eliminate those desires.

Nếu người nhiều giận hờn, thường cung kính niệm Quán Thế Âm Bồ Tát, liền được lìa lòng giận—If anyone is filled with hatred, often sincerely reciting Avalokitesvara Bodhisattva, that person will be able to relinquish hate.

Nếu có người nhiều ngu si, thường cung kính niệm Quán Thế Âm Bồ Tát, liền được lìa ngu si—If anyone is filled with ignorance and stupidity, often sincerely reciting Avalokitesvara Bodhisattva, that person will be able to relinquish (be free of) ignorance and stupidity.

Vô Tận Ý! Quán Thế Âm Bồ Tát có những sức uy thần lớn, nhiều lợi ích như thế, cho nên chúng sanh thường phải một lòng tưởng nhớ—Akchayamati! Avalokitesvara Bodhisattva has great majestic and beneficial spiritual power in this way; therefore, sentient beings must often wholeheartedly think of Him.

Nếu có người nữ, giả sử muốn cầu con trai, lễ lạy cúng dường Quán Thế Âm Bồ Tát, liền sanh con trai phúc đức trí tuệ; giả sử muốn cầu con gái, bèn sinh con gái có tướng xinh đẹp, trước đã trồng gốc phúc đức, mọi người đều kính mến—For any woman, if she wishes for a boy child, prostrate and make offerings to Avalokitesvara Bodhisattva, she will have a boy complete with virtues, merits and wisdom. If wishing for a girl, she will give birth to a beautiful girl, who has planted

many merits and virtues in the former lives, therefore earning (having) the admiration and respect of everyone.

Vô Tận Ý! Quán Thế Âm Bồ Tát có sức thần như thế—Akchayamati! Avalokitesvara Bodhisattva has majestic spiritual powers in that way.

Nếu có chúng sanh cung kính lễ lạy Quán Thế Âm Bồ Tát, thời phúc đức chẳng luống mất. Cho nên chúng sanh đều phải thọ trì danh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát—If any sentient beings sincerely and respectfully worships and prostrates to Avalokitesvara Bodhisattva, those merits and virtues will never disappear; therefore, all sentient beings should recite and chant the name of Avalokitesvara Bodhisattva.

Vô Tận Ý! Nếu có người thọ trì danh hiệu của sáu mươi hai ức hằng hà sa Bồ Tát, lại trọn đời cúng dường đồ ăn uống, y phục, giường nằm, thuốc thang. Ý ông nghĩ sao? Công đức của người thiện nam tử, thiện nữ nhân đó có nhiều chăng?—Akchayamati! Supposing a person were to recite the name of sixty-two million Ganga sands Bodhisattvas, and also for an entire life make offerings of foods, clothes, beds and medicines. What do you think? Are the obtained virtues and merits of that good man or good woman great or not?

Vô Tận Ý thưa: “Bạch Thế Tôn! Rất nhiều.” Phật nói: “Nếu lại có người thọ trì danh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát, nhân

đến một thời lễ lạy cúng dường, thời phúc của hai người đó bằng nhau không khác, trong trăm nghìn muôn ức kiếp không thể cùng tận.”—Akchayamati replied: “Dear Lokanatha, it is extremely great.” The Buddha said: “Supposing a different person recites the name of Avalokitesvara Bodhisattva, in just a single session of worship and offering, the virtues and merits of those two people are completely equal. In hundreds of thousands of ten-thousands of millions of kalpas, their merits and virtues will not be exhausted (lost).

Vô Tận Ý! Thọ trì danh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát được vô lượng vô biên phúc đức lợi ích như thế—Akchayamati! Reciting and maintaining the name of Avalokitesvara Bodhisattva has infinite and endless beneficial virtues and merits in this way.

Ngài Vô Tận Ý Bồ Tát bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Quán Thế Âm Bồ Tát dạo đi trong cõi Ta Bà như thế nào? Sức phương tiện việc đó thế nào?—Akchayamati Bodhisattva asked the Buddha: “Dear Lokanatha, how does Avalokitesvara Bodhisattva travel in the Saha World; what is the power of that extraordinarily skillful method like?

Phật bảo Vô Tận Ý Bồ Tát: “Thiện nam tử! Nếu có chúng sanh trong quốc độ nào dùng thân Phật được độ thoát thời Quán Thế Âm Bồ Tát liền hiện thân Phật mà vì đó nói pháp—The Buddha said to Akchayamati Bodhisattva: “Good man!

For any sentient being, living in whichever (any) world, if it is appropriate to use the body of a Buddha to help that being find liberation, then Avalokitesvara Bodhisattva will appear as a Buddha in order to speak the Dharma.

Người đáng dùng thân Duyên Giác được độ thoát, liền hiện thân Duyên Giác mà vì đó nói pháp—If it is appropriate to appear as a Pratyeka Buddha to help a being find liberation, then He will appear as a Pratyeka Buddha in order to speak the Dharma.

Người đáng dùng thân Thanh Văn được độ thoát, liền hiện thân Thanh Văn vì đó mà nói pháp—If it is appropriate to appear as a Hearer to help a being find liberation, then He will appear as a Hearer in order to speak the Dharma.

Người đáng dùng thân Phạm Vương được độ thoát, liền hiện thân Phạm Vương mà vì đó nói pháp—If it is appropriate to appear as a Brahma King to help a being find liberation, then He will appear as a Brahma King in order to speak the Dharma.

Người đáng dùng thân Đế Thích được độ thoát, liền hiện thân Đế Thích mà vì đó nói pháp—If it is appropriate to appear as a Cakra Indra Deva to help a being find liberation, then He will appear as a Cakra Indra Deva in order to speak the Dharma.

Người đáng dùng thân Tự Tại Thiên được độ thoát, liền hiện thân Tự Tại Thiên mà vì đó nói pháp—If it is appropriate to

appear as an Isvara to help a being find liberation, then He will appear as an Isvara in order to speak the Dharma.

Người đáng dùng thân Đại Tự Tại Thiên được độ thoát, liền hiện thân Đại Tự Tại Thiên mà vì đó nói pháp—If it is appropriate to appear as a Mahamahesvara to help a being find liberation, then He will appear as a Mahamahesvara in order to speak the Dharma.

Người đáng dùng thân Thiên Đại Tướng Quân được độ thoát, liền hiện thân Thiên Đại Tướng Quân mà vì đó nói pháp—If it is appropriate to appear as a Great Heavenly General to help a being find liberation, then He will appear as a Great Heavenly General in order to speak the Dharma.

Người đáng dùng thân Tỳ Sa Môn được độ thoát, liền hiện thân Tỳ Sa Môn mà vì đó nói pháp—If it is appropriate to appear as a Vaisramana to help a being find liberation, then He will appear as a Vaisramana in order to speak the Dharma.

Người đáng dùng thân Tiểu Vương được độ thoát, liền hiện thân Tiểu Vương mà vì đó nói pháp—If it is appropriate to appear as a Small King to help a being find liberation, then He will appear as a Small King in order to speak the Dharma.

Người đáng dùng thân Trưởng giả được độ thoát, liền hiện thân Trưởng giả mà vì đó nói pháp—If it is appropriate to appear

as an Aristocrat to help a being find liberation, then He will appear as an Aristocrat in order to speak the Dharma.

Người đáng dùng thân cư sĩ được độ thoát, liền hiện thân cư sĩ mà vì đó nói pháp—If it is appropriate to appear as a Lay Buddhist to help a being find liberation, then He will appear as a Lay Buddhist in order to speak the Dharma.

Người đáng dùng thân Tể Quan được độ thoát, liền hiện thân Tể Quan mà vì đó nói pháp—If it is appropriate to appear as a Great Mandarin to help a being find liberation, then He will appear as a Great Mandarin in order to speak the Dharma.

Người đáng dùng thân Bà La Môn được độ thoát, liền hiện thân Bà La Môn mà vì đó nói pháp—If it is appropriate to appear as a Brahman to help a being find liberation, then He will appear as a Brahman in order to speak the Dharma.

Người đáng dùng thân Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di được độ thoát, liền hiện thân Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di mà vì đó nói pháp—If it is appropriate to appear as a Bhiksu, Bhiksuni, Upasaka or Upasika to help a being find liberation, then He will appear as a Bhiksu or Bhiksuni, Upasaka or Upasika in order to speak the Dharma.

Người đáng dùng thân phụ nữ của Trưởng giả, Cư Sĩ, Tể Quan, Bà La Môn được độ thoát, liền hiện thân phụ nữ mà vì đó nói pháp—If it is appropriate to appear as an

Aristocratic woman, a Lay Buddhist, a Mandarin, or a Brahman to help a being find liberation, then He will appear as a woman in order to speak the Dharma.

Người đáng dùng thân đồng nam, đồng nữ được độ thoát, liền hiện thân đồng nam, đồng nữ mà vì đó nói pháp—If it is appropriate to appear as a pure man or pure woman to help a being find liberation, then He will appear as a pure man or pure woman in order to speak the Dharma.

Người đáng dùng thân Trời, Rồng, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lô La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, nhân cùng phi nhân, được độ thoát, liền đều hiện ra mà vì đó nói pháp—If it is appropriate to appear as a Deva, Naga, Yaksas, Gandharva, Asura, Garuda, Kinnara, Mahoraga, Kumbhabda, Pisaca, Human or Non-Human to help a being find liberation, then He will appear as these beings in order to speak the Dharma.

Người đáng dùng thân Chấp Kim Cang thần được độ thoát, liền hiện thân Chấp Kim Cang thần mà vì đó nói pháp—If it is appropriate to appear as a Yaksas Deity to help a being find liberation, then He will appear as a Yaksas Deity in order to speak the Dharma.

Vô Tận Ý! Quán Thế Âm Bồ Tát đó thành tựu công đức như thế, dùng các thân hình, dạo đi trong các cõi nước để độ thoát chúng sanh, cho nên các ông phải một lòng cúng dường Quán Thế Âm Bồ

Tát—Akchayamati! Avalokitesvara Bodhisattva is complete with virtues and merits in this way. He uses various forms of appearance to travel to various worlds in order to help sentient beings find liberation. Therefore, all of you need to make offerings wholeheartedly to Avalokitesvara Bodhisattva.

Quán Thế Âm Đại Bồ Tát đó ở trong chỗ nạn gấp sợ sệt hay ban sự vô úy, cho nên cõi Ta Bà này đều gọi Ngài là vị Thí Vô Úy—Avalokitesvara Bodhisattva dwells in dangerous and frightening existences often granting sentient beings the state of fearlessness; therefore, this Saha World calls Him “One Who Grants Courage.”

Vô Tận Ý Bồ Tát bạch Phật: “Thế Tôn! Con nay phải cúng dường Quán Thế Âm Bồ Tát.” Liền mở chuỗi ngọc bằng các châu báu nơi cổ giá trị trăm nghìn lượng vàng, đem trao cho Ngài Quán Thế Âm mà nói rằng: “Xin Ngài nhận chuỗi trân bảo pháp thí này.”—Akchayamati Bodhisattva said to the Buddha: “Dear Lokanaha, I now wish to make an offering to Avalokitesvara Bodhisattva.” He then promptly removed a circlet of jeweled prayer beads from his neck, worth hundreds and thousands of ounces of gold, to make an offering to Avalokitesvara Bodhisattva, saying: “Please accept the circlet of jeweled dharma prayer beads.”

Khi ấy Quán Thế Âm Bồ Tát chẳng chịu nhận chuỗi. Ngài Vô Tận Ý lại thưa cùng Quán Thế Âm Bồ Tát rằng: “Xin Ngài vì

thương chúng tôi mà nhận chuỗi ngọc này.”—At that time, Avalokitesvara Bodhisattva refused the beads, and Akchayamati again said to Avalokitesvara Bodhisattva: “I ask that you please have compassion for all of us and accept these jeweled prayer beads.”

Bấy giờ, Phật bảo Quán Thế Âm Bồ Tát: “Ông nên thương Vô Tận Ý Bồ Tát này và hàng tứ chúng cùng Trời, Rồng, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lô La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, Nhân và Phi Nhân, vân vân, mà nhận chuỗi ngọc đó.”—At that moment, the Buddha said to Avalokitesvara Bodhisattva: “You should have compassion for Akchayamati Bodhisattva and the Four Buddhists as well as Deva, Naga, Yakcha, Gandharva, Asura, Garuda, Kinnara, Mahoraga, Kumbhanda, Pisaca, Human, and Non-Human to accept that jeweled prayer beads.”

Tức thời Quán Thế Âm Bồ Tát thương hàng tứ chúng và Trời, Rồng, Nhân, Phi Nhân, vân vân, mà nhận chuỗi ngọc đó chia làm hai phần: một phần dâng Đức Thích Ca Mâu Ni Phật, một phần dâng tháp của Phật Đa Bảo—At that point, because of His love and compassion for the Four Buddhists, Deva, Naga, Human, Non-Human, etc., Avalokitesvara Bodhisattva accepted the jeweled beads, and then divided the circlet of beads into two parts, one part as an offering to Sakyamuni Buddha, the other as an offering to the stupa of Prabhutaratna Buddha.

Vô Tận Ý! Quán Thế Âm Bồ Tát có sức thần tự tại như thế, đạo đi nơi cõi Ta Bà—Akchayamati! Avalokitesvara Bodhisattva has the power of spiritual freedom in that way, capable of traveling anywhere in the Saha World.

Lúc đó Ngài Vô Tận Ý Bồ Tát nói kệ hỏi Phật rằng—At that time, Akchayamati Bodhisattva spoke this poem to ask the Buddha:

Thế Tôn đủ tướng tốt!

Con nay lại hỏi kia

Phật tử nhân duyên gì

Tên là Quán Thế Âm?

Đấng đầy đủ tướng tốt,

Kệ đáp Vô Tận Ý:

The Lokanatha is perfect in appearance,

I now wish to ask,

Why does that Buddhist

Have the name Avalokitesvara?

The One Perfect in Appearance

Spoke poem to answer Akchayamati:

Ông nghe hạnh Quán Âm

Khéo ứng các nơi chốn

Thệ rộng sâu như biển

Nhiều kiếp chẳng nghĩ bàn

Hầu nhiều nghìn Đức Phật

Phát nguyện thanh tịnh lớn.

You have heard the conducts of

Avalokitesvara,

Cleverly appearing in various places.

With vows deeper than the oceans,

For an unfathomable number of kalpas.

Developing great Pure vows.

Ta vì ông lược nói

Nghe tên cùng thấy thân

Tâm niệm chẳng luống qua  
 Hay diệt khổ các cõi.  
 Giả sử sinh lòng hại  
 Xô rớt hầm lửa lớn  
 Do sức niệm Quán Âm  
 Hầm lửa biến thành ao.  
 For your sake, I will speak briefly:  
 Hearing His name as well as seeing  
 His body, Mind reciting without  
 forgetfulness,  
 Often eliminating sufferings of various  
 worlds,  
 Supposing someone wanted to cause  
 harm,  
 Push you into the pit of great fires,  
 Because of the power of reciting  
 Avalokitesvara,  
 Pit of fires will transform to a pond,

Hoặc trôi dạt biển lớn  
 Các nạn quỷ, cá, rồng,  
 Do sức niệm Quán Âm  
 Sóng mồi chẳng chìm được.  
 Or if floating in the ocean,  
 Encounter danger of demons, fish, and  
 dragons,  
 Because of the power of reciting  
 Avalokitesvara,  
 Great waves will not drown you.

Hoặc ở chót Tu Di  
 Bị người xô rớt xuống, Do sức niệm  
 Quán Âm  
 Như mặt nhật treo không.  
 If atop Mount Meru,  
 Having been pushed over,  
 Because of the power of reciting  
 Avalokitesvara,  
 Like the sun hanging in space,

Hoặc bị người dữ rượt  
 Rớt xuống núi Kim Cang  
 Do sức niệm Quán Âm  
 Chẳng tổn đến mảy lông.  
 If chased by a malicious person,  
 Falling down Diamond Mountain,  
 Because of the power of reciting of  
 Avalokitesvara,  
 Not a scratch will result,

Hoặc gặp oán tặc vây  
 Đều cầm dao làm hại,  
 Do sức niệm Quán Âm  
 Đều liền sanh lòng lành.  
 If surrounded by bandits,  
 All holding knives to harm,  
 Because of the power of reciting  
 Avalokitesvara,  
 All will turn peaceful.

Hoặc bị khổ nạn vua  
 Khi hành hình sắp chết  
 Do sức niệm Quán Âm  
 Dao liền gãy từng đoạn.  
 If suffering under the law  
 When execution day is near,  
 Because of the power of reciting  
 Avalokitesvara,  
 Knife will break in pieces.

Hoặc tù cầm xiềng xích  
 Tay chân bị gông cùm  
 Do sức niệm Quán Âm  
 Tháo rã được giải thoát.  
 If chained in jail,  
 With hands and legs cuffed,  
 Because of the power of reciting  
 Avalokitesvara,

Free from all bondage.

Nguyên rửa các thuốc độc

Muốn hại đến thân đó

Do sức niệm Quán Âm

Trở hại nơi bốn thân.

If various poisonous remedies,

Wanted to harm that body,

Because of the power of reciting

Avalokitesvara,

Poison will turn against the perpetrator.

Hoặc gặp La Sát dữ

Rồng độc, các loài quỷ

Do sức niệm Quán Âm

Liên đều không dám hại.

If encounter ferocious Rakchasas,

Venomous dragons and other vicious  
demons,

Because of the power of reciting

Avalokitesvara,

They will not dare to inflict harm.

Hoặc thú dữ vây quanh

Nanh vuốt nhọn đáng sợ

Do sức niệm Quán Âm

Vội vàng bỏ chạy thẳng.

Or if surrounded by vicious predators,

With frightening sharp canines,

Because of the power of reciting

Avalokitesvara,

They will flee hastily.

Rắn độc cùng bò cạp

Hơi độc, khói lửa đốt,

Do sức niệm Quán Âm

Theo tiếng tự bỏ đi.

Poisonous snakes and scorpions,

Venom burns like fires,

Because of the power of reciting

Avalokitesvara,

Hearing these sounds they will retreat.

Mây sấm nổ sét đánh

Tuôn giá, xối mưa lớn

Do sức niệm Quán Âm

Liên được tiêu tan cả.

Lightening and thunder across the sky,

Causing great snow and hail storms,

Because of the power of reciting

Avalokitesvara,

Will disappear immediately.

Chúng sanh bị khổ ách

Vô lượng khổ bức thân

Quán Âm sức trí diệu

Hay cứu khổ thế gian.

Living beings endure suffering,

Endless sufferings of the body,

The Avalokitesvara's power of wisdom,

Often alleviating sufferings of the world,

Đầy đủ sức thần thông

Rộng tu trí phương tiện

Các cõi nước mười phương

Không cõi nào chẳng hiện.

Complete with all spiritual powers,

Widely cultivate all skillful methods.

The worlds in the ten directions,

Appearing in all of them.

Các loài trong đường dữ:

Địa ngục, quỷ, súc sanh

Sinh, già, bệnh, chết, khổ

Lần đều khiến dứt hết.

All those in the evil paths,

Hell, Hungry Ghost, and Animals,

<p>Suffering of birth, old age, sickness, and death, Gradually Avalokitesvara influences their disappearance.</p>	<p>Fear rising in battles, Because of the power of reciting Avalokitesvara, Enemies will withdraw.</p>
<p>Chân quán, thanh tịnh quán Trí tuệ quán rộng lớn Bi quán và từ quán Thường nguyện thường chiêm ngưỡng. Properly and purely observing sentient beings, Granting them virtues, merits, and wisdom, Observing with kindness and compassion, If often praying and worshipping,</p>	<p>Diệu Âm, Quán Thế Âm Phạm Âm, Hải Triều Âm Tiếng hơn thế gian kia Cho nên thường phải niệm. Enchanting Avalokitesvara, Name sounds like the great oceans, No other sounds of the world compare Therefore, one must recite often.</p>
<p>Sáng thanh tịnh không như Tuệ nhật phá các tối. Hay phục tai khói lửa Khắp soi sáng thế gian. Clearly shining without impurity, Sun's wisdom destroy all darkness, Often taming danger of smokes and fires, Radiating everywhere to all the worlds,</p>	<p>Niệm niệm chớ sinh nghi Quán Âm bực Tịnh Thánh, Nơi khổ não nạn chết Hay vì làm nương cậy. Recite again and again, don't have doubts, Avalokitesvara is purely enlightened. Appearing in places of sufferings and deaths, Often serving as an assurance.</p>
<p>Lòng bi răn như sấm Ý từ diệu đường mây Xối mưa pháp cam lồ Dứt trừ lửa phiền não. His compassion resonates like thunder, Kind and serene like the clouds. Rain down the holy dharma, Eliminating the fire of afflictions.</p>	<p>Đủ tất cả công đức Mắt lành trông chúng sanh, Biển phúc lớn không lường Cho nên phải đánh lễ. Complete with all merits and virtues, Compassionate eyes watch over sentient beings, The ocean of merits is immeasurable, Therefore must prostrate and worship Him.</p>
<p>Cãi kiện qua chỗ quan Trong quân trận sợ sệt Do sức niệm Quán Âm Cừ oán đều lui tan. Conflicts taken to court,</p>	<p>Bấy giờ, Ngài Trì Địa Bồ Tát, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đến trước Phật bạch rằng: “Thế Tôn! Nếu có chúng sanh nào nghe</p>



phẩm Quán Thế Âm Bồ Tát đạo nghiệp tự tại, Phổ Môn thị hiện sức thần thông này, thời phải biết công đức người đó chẳng ít.”—At that time, Dharanimdhara Bodhisattva stood up from where he was sitting and came before Buddha saying: “Dear Lokanatha, if any sentient being is able to hear this chapter of Avalokitesvara Bodhisattva’s great spiritual freedom, having the all-encompassing power to rescue sentient beings, it is necessary to understand such a person’s merits and virtues are not few.

Lúc Phật nói phẩm Phổ Môn này, trong chúng có tám muôn bốn ngàn chúng sanh đều phát tâm Vô Đẳng Đẳng Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác—When the Buddha spoke of this “All Encompassing” Chapter, among the great following eighty-four thousand sentient beings present in the assembly, developed the mind aspiring for the Ultimate Enlightenment of Buddhahood.

Nam Mô Quán Thế Âm Bồ Tát (108 lần).

Namo Avalokitesvara Bodhisattva (108 times).



# **Appendix J**

**Kinh Thi Ca La Việt**

**The Sigalaka Sutra**

**Advice To Lay People**



## KINH THI CA LA VIỆT— ADVICE TO LAY PEOPLE

Tôi nghe như vậy, một thuở nợ Thế Tôn sống trong thành Vương Xá, trong vườn Trúc Lâm. Lúc bấy giờ Thi Ca La Việt, con của một gia chủ dậy sớm, ra khỏi thành Vương Xá, với áo thấm nước, với tóc thấm nước, chấp tay đánh lễ các phương hướng, hướng Đông, hướng Nam, hướng Tây, hướng Bắc, hướng Hạ, và hướng Thượng—Thus, I have heard. Once the Lord was staying at Rajagaha, at the Squirrel's Feeding Place in the Bamboo Grove. And at that time, Sigalaka the householder's son, having got up early and gone out of Rajagaha, was paying homage, with wet clothes and hair and with joined palms, to the different directions: to the east, the south, the west, the north, the nadir and the zenith.

Rồi buổi sáng Thế Tôn đắp y, cầm y bát vào thành Vương Xá khát thực. Thế Tôn thấy Thi Ca La Việt, con của gia chủ, dậy sớm, ra khỏi thành Vương Xá, với áo thấm nước, với tóc thấm nước, chấp tay đánh lễ các phương hướng. Thấy vậy Ngài bèn nói với con của gia chủ Thi Ca La Việt: Này vị con của gia chủ, vì sao người dậy sớm, ra khỏi thành Vương Xá, với áo thấm ướt, với tóc thấm ướt, chấp tay đánh lễ các phương hướng?"—And the Lord, having risen early and dressed, took his robe and bowl and went to Rajagaha for alms and seeing Sigalaka paying homage to the different directions, he said: "Householder's son, why have you got up early to pay homage to the different directions?"

Bạch Thế Tôn, thân phụ con khi gần chết có dặn con: "Này con thân yêu, hãy đánh lễ các phương hướng." Bạch Thế Tôn, con kính tín, cung kính, tôn trọng, đánh lễ lời nói của thân phụ con, buổi sáng dậy sớm, ra khỏi thành Vương Xá, với áo thấm ướt, với tóc

thấm ướt, chấp tay đánh lễ các phương hướng—Lord, my father, when he was dying, told me to do so. And so Lord, out of respect for my father's words, which I revere, honor and hold sacred, I got up early to pay sacred homage in this way to the six directions.

Này Thi Ca La Việt, con của gia chủ, trong luật pháp của các bậc Thánh, lễ bái sáu phương không phải như vậy—But householder's son, that is not the right way to pay homage to the six directions according to the Ariyan discipline.

Bạch Thế Tôn, trong luật pháp của các bậc Thánh, thế nào là lễ bái sáu phương? Lành thay! Xin Ngài hãy giảng dạy pháp ấy cho con—Well, Lord, how should one pay homage to the six directions according to the Ariyan discipline? It would be good if the Blessed Lord were to teach me the proper way to pay homage to the six directions, according to the Ariyan discipline.

Này gia chủ tử! Hãy nghe và suy nghiệm cho kỹ, ta sẽ giảng—Then listen carefully, pay attention and I will speak.

Thưa vâng, bạch Thế Tôn—"Yes, Lord," said Sigalaka.

Này gia chủ tử, đối với vị Thánh đệ tử, bốn nghiệp phiền não được diệt trừ, không làm ác nghiệp theo bốn lý do, không theo sáu nguyên nhân để phung phí tài sản. Vị này từ bỏ mười bốn ác pháp, trở thành vị che chở sáu phương, vị này đã thực hành để chiến thắng hai đời, vị này đã chiến thắng đời này và đời sau. Sau khi thân hoại mạng chung, vị này sanh ở thiện thú, Thiên giới—Young householder, it is by abandoning the four defilements of action; by not doing evil from the four causes; by not following the six ways of wasting one's substance; through avoiding these fourteen evil ways, that the Ariyan disciple covers the six directions, and by such practice becomes a conqueror of both worlds, so that all will go well with him in this world

and the next, and at the breaking up of the body after death, he will go to a good destiny, a heavenly world.

Thế nào là bốn nghiệp phiền não đã được diệt trừ?—What are the four defilements of action that are abandoned?

- 1) Sát sanh: Taking life.
- 2) Trộm cắp: Taking what is not given.
- 3) Tà dâm: Sexual misconduct.
- 4) Nói láo: Lying speech.

Đó là bốn nghiệp phiền não đã được diệt trừ. Thế Tôn thuyết giảng như vậy—These are the four defilements of action that he abandons. Thus, the Lord spoke.

Sát sanh và trộm cắp,  
Nói láo, lấy vợ người,  
Kẻ trí không tán thán,  
Những hạnh nghiệp như vậy.  
Taking life and stealing, lying,  
Adultery, the wise reprove.

Thế nào là không làm ác nghiệp theo bốn lý do? Ác nghiệp làm do tham dục, ác nghiệp làm do sân hận, ác nghiệp làm do ngu si, ác nghiệp làm do sợ hãi. Nay gia chủ tử, vì vị Thánh đệ tử không tham dục, không sân hận, không ngu si, không sợ hãi, nên vị ấy không làm ác nghiệp theo bốn lý do. Thế Tôn thuyết giảng như vậy—What are the four causes of evil from which he refrains? Evil action springs from attachment, it springs from ill-will, it springs from folly, it springs from fear. If the Ariyan disciple does not act out of attachment, ill-will, folly or fear, he will not do evil from any one of the the four causes. Thus, the Lord spoke.

Thiện Thế thuyết giảng xong, Ngài lại giảng thêm:

Ai phản lại Chánh Pháp,  
Vì tham, sân, bố, si,  
Thanh danh bị sút mẻ  
Như mặt trăng đêm khuyết.  
Ai không phản Chánh Pháp  
Vì tham, sân, bố, si,

Thanh danh được tròn đủ,  
Như mặt trăng đêm đầy.

And the Well-Farer having spoken, the Teacher added:

Desire and hatred, fear and folly  
He who breaks the law through these  
Loses all his fair reputation (merit)  
Like the moon at waning-time.  
Desire and hatred, fear and folly  
He who never yields to these  
Grows in goodness and merit.  
Like the moon at waxing-time.

Thế nào là không theo sáu nguyên nhân phung phí tài sản?—And which are the six ways of wasting one's substance?

Này gia chủ tử, đây là sáu nguyên nhân phung phí tài sản—Here are the six ways of wasting one's substance:

- 1) Đam mê các loại rượu: Addiction to strong drinks and sloth-producing drugs is one way of wasting one's substance.
- 2) Du hành đường phố phi thời: Haunting the streets at unfitting time.
- 3) La cà đình đám hý viện: Attending fairs.
- 4) Đam mê cờ bạc: Being addicted to gambling.
- 5) Giao du ác hữu: Keeping bad company.
- 6) Quen thói lười biếng: Habitual idleness.

Này gia chủ tử, đam mê các loại rượu có sáu nguy hiểm—There are six dangers attached to addiction to strong drinks and sloth-producing drugs:

- 1) Tài sản hiện tại bị tổn thất: Present waste of money.
- 2) Tăng trưởng sự gây gổ: Increased quarrelling.
- 3) Bệnh tật dễ xâm nhập: Liability to sickness.
- 4) Thương tổn danh dự: Loss of good name.
- 5) Để lộ âm tàng: Indecent exposure of one's person.

- 6) Trí lực tổn hại: Weakening of the intellect.  
 Đây gia chủ tử, du hành đường phố phi thời có sáu nguy hiểm—There are six dangers attached to haunting the streets at unfitting time.
- 1) Tự mình không được che chở hộ trì: One is Defenseless and without protection.
  - 2) Vợ con không được che chở hộ trì: Wife and children are defenseless and without protection.
  - 3) Tài sản không được che chở hộ trì: One's property is defenseless and without protection.
  - 4) Bị tình nghi là tác nhân của ác sự: One is suspected of crimes.
  - 5) Nạn nhân của các tin đồn thất thiệt: False reports are pinned on one.
  - 6) Tự rước vào thân nhiều khổ não: One encounters all sorts of unpleasantness.
- Này gia chủ tử, la cà đình đám hý viện có sáu nguy hiểm—There are six dangers attached to frequenting fairs.
- 1) Luôn luôn tìm xem chỗ nào có múa: One is always thinking, where is there dancing?
  - 2) Chỗ nào có ca: Where is there sinning?
  - 3) Chỗ nào có nhạc: Where are they playing music?
  - 4) Chỗ nào có tán tụng: Where are they reciting?
  - 5) Chỗ nào có nhạc tay: Where is there hand-clapping?
  - 6) Chỗ nào có trống: Where are the drums?
- Này gia chủ tử, đam mê cờ bạc có sáu nguy hiểm—There are six dangers attached to gambling.
- 1) Kẻ thắng thì sanh thù oán: The winner makes enemies.
  - 2) Người bại thì sanh tâm sầu muộn: The loser bewails his loss.
  - 3) Tài sản hiện tại bị tổn thất: One wastes one's present wealth.
  - 4) Tại hội trường hay trong đại chúng, lời nói không hiệu lực: One's word is not trusted in the assembly.
  - 5) Bằng hữu đồng liêu khinh miệt: One is despised by one's friends and companions.
  - 6) Vấn đề cưới gả không được tín nhiệm, vì người đam mê cờ bạc không thể quán xuyến lo lắng được vợ con: One is not in demand for marriage. Because a gambler cannot afford to maintain a wife.
- Này gia chủ tử, thân cận ác hữu có sáu mối nguy hiểm—There are six dangers attached to keeping bad company.
- 1) Nguy hiểm của những kẻ cờ bạc: The danger of gamblers.
  - 2) Nguy hiểm của những kẻ loạn hành: The danger of any glutton.
  - 3) Nguy hiểm của những kẻ nghiện rượu: The danger of the drunkard.
  - 4) Nguy hiểm của những kẻ trá ngụy: The danger of cheaters.
  - 5) Nguy hiểm của những kẻ lường gạt: The danger of tricksters.
  - 6) Nguy hiểm của những kẻ bạo động: The danger of the bully.
- Này gia chủ tử, quen thói lười biếng có sáu nguy hiểm—There are six dangers attached to idleness.
- 1) Vì nghĩ rằng trời quá lạnh, nên người ta không chịu làm việc: Thinking it's too cold, one does not work.
  - 2) Vì nghĩ rằng trời quá nóng, nên người ta không chịu làm việc: Thinking it's too hot, one does not work.
  - 3) Vì nghĩ rằng hãy còn quá sớm nên người ta không chịu làm việc: Thinking it's too early, one does not work.
  - 4) Vì nghĩ rằng đã quá trễ để làm việc: Thinking it's too late, one does not work.
  - 5) Vì nghĩ rằng tôi quá đói nên không thể làm việc: Thinking I'm too hungry, one does not work.

6) Vì nghĩ rằng quá no để làm việc:  
Thinking I'm full, one does not work.  
Đấng Thiện Thệ giảng xong, Ngài lại tiếp  
theo—And the Well-Farer having spoken, He  
added:

Có bạn gọi bạn rượu,  
Có bạn bạn bằng mồm,  
Bạn lúc thật hữu sự,  
Mới xứng danh bạn bè.  
Some are drinking-mates, and some  
Profess their friendship to your face,  
But those who are your friends in need,  
They alone are friends indeed.

Ngủ ngày, thông vợ người,  
Uá đấu tranh, làm hại,  
Thân ác hữu, xan tham,  
Sáu sự nào hại người.  
Sleeping late, adultery  
Picking quarrels, doing harm,  
Evil friends and stinginess,  
These six things destroy a man.

Ác hữu, ác bạn lữ,  
Ác hành, hành ác xứ,  
Đời này và đời sau,  
Hai đời, người bị hại.  
He who goes with wicked friends  
And spends his time in wicked deeds,  
In this world and the next as well  
That man will come to suffer woe.  
Cờ bạc và đàn bà,  
Rượu chè, múa và hát,  
Ngủ ngày, đi phi thời,  
Thân ác hữu, xan tham,  
Sáu sự nào hại người.  
Dicing, wenching, drinking too,  
Dancing, singing, daylight sleep,  
Untimely prowling, evil friends  
And stinginess destroy a man.

Chơi xúc xắc, uống rượu,  
Theo đuổi đàn bà người,

Lẽ sống của người khác,  
Thân cận kẻ hạ tiện,  
Không thân cận bậc trí,  
Người ấy tự héo mòn,  
Như trăng trong mùa khuyết.  
He plays with dice and drinks strong drink  
And goes with others' well-loved wives.  
He takes the lower, baser course,  
And fades away like waning moon.

Rượu chè không tiền của,  
Khao khát, tìm tẩu điểm,  
Bị chìm trong nợ nần,  
Như chìm trong bồn nước,  
Mau chóng tự hại mình,  
Như kẻ mất gia đình.  
The drunkard, broke and destitute,  
Ever thirsting as he drinks,  
Like stone in water sinks in debt,  
Soon bereft of all his kin.

Ai quen thói ngủ ngày,  
Thức trọn suốt đêm trường,  
Luôn luôn say sướt mướt,  
Không thể sống gia đình.  
He who spends his days in sleep,  
And makes the night his waking time,  
Ever drunk and lecherous,  
Cannot keep a decent home.

Ở đây ai hay than:  
Ôi quá lạnh, quá nóng,  
Quá chiều, quá trễ giờ,  
Sẽ bỏ bê công việc.  
Lợi ích điều tốt lành,  
Bị trôi giạt một bên.  
Too cold! Too hot! Too late! They cry,  
They are pushing all their work aside,  
Till ever chance they might have had  
Of doing good has slipped away.

Ai xem lạnh và nóng,  
Nhẹ nhàng hơn cỏ lau,



Làm mọi công chuyện mình,  
 Hạnh phúc không từ bỏ.  
 But he who reckons cold and heat  
 As less than straws, and like a man  
 Undertakes the task in hand,  
 His joy will never grow the less.

Này gia chủ tử, có bốn hạng người phải xem không phải bạn, dẫu họ tự cho là bạn mình—Householder's son, there are four types who can be seen as foes in friendly disguise.

1) Người mà vật gì cũng lấy phải được xem không phải là bạn, dẫu họ tự xem là bạn mình: The man who takes everything.

Này gia chủ tử, có bốn trường hợp người vật gì cũng lấy phải được xem như không phải là bạn, dẫu họ tự xem là bạn mình—The man who takes everything, can be seen to be a false friend for four reasons:

- Người gặp bất cứ vật gì cũng lấy: He takes everything.
- Người cho ít mà xin nhiều: He wants a lot for very little.
- Người vì sợ mà làm: What he must do, he does out of fear.
- Người làm vì mưu lợi cho mình: He seeks his own ends.

2) Người chỉ biết nói giỏi phải được xem không phải là bạn, dẫu họ tự xem là bạn mình: The great talker.

Này gia chủ tử, có bốn trường hợp người chỉ biết nói giỏi phải được xem như không phải là bạn—The great talker can be seen to be a false friend for four reasons:

- Tỏ lộ thân tình việc đã qua: He talks of favours in the past.
- Tỏ lộ thân tình việc chưa đến: He talks of favours in the future.
- Mua chuộc cảm tình bằng sáo ngữ: He mows empty phrases of goodwill.
- Khi có công việc, tự tỏ sự bất lực của mình: When something needs to be done

in the present, he pleads inability owing to some disaster.

3) Người khéo nịnh hót phải được xem không phải là bạn, dẫu họ tự xem là bạn mình: The flatterer.

Này gia chủ tử, có bốn trường hợp kẻ nịnh hót phải được xem như không phải là bạn—The flatterer can be seen to be a false friend for four reasons:

- Đồng ý các việc ác: He assents to bad actions.
- Không đồng ý các việc thiện: He dissents from good actions.
- Trước mặt tán thán: He praises you to your face.
- Sau lưng chỉ trích: He disparages you behind your back.

4) Người tiêu pha xa xỉ phải được xem không phải là bạn, dẫu họ tự xem là bạn mình: The fellow-spendthrift.

Này gia chủ tử, có bốn trường hợp người tiêu pha xa xỉ phải được xem như không phải là bạn, dẫu họ tự cho là bạn của mình—The fellow-spendthrift can be seen to be a false friend for four reasons:

- Là bạn khi mình đam mê các loại rượu: He is a companion when you indulge in strong drink.
- Là bạn khi mình du hành đường phố phi thời: He is a companion when you haunt the streets at unfitting times.
- Là bạn khi mình la cà đình đám hý viện: He is a companion when you frequent fairs.
- Là bạn khi mình đam mê cờ bạc: He is a companion when you indulge in gambling.

Thiện Thệ thuyết xong, Ngài dạy tiếp—  
 And the Well-farer having spoken, He added:

Người bạn gì cũng lấy,  
 Người bạn chỉ nói giỏi,  
 Người nói lời nịnh hót,  
 Người tiêu pha xa xỉ.  
 Cả bốn, không phải bạn,

- Biết vậy, người trí tránh,  
Như đường đầy sợ hãi.  
A friend who seeks what he can get,  
The friend who talks but empty words,  
The friend who merely flatters you,  
The friend who is a fellow-wastrel:  
These four are really foes, not friends.  
The wise man, recognizing this,  
Should hold himself aloof from them  
As from some path of panic fear.
- Này gia chủ tử, bốn loại bạn này phải được xem là bạn chân thật—Householder's son, there are four types who can be seen to be loyal friends.
- 1) Người bạn giúp đỡ phải được xem là bạn chân thật: The friend who is a helper.  
Này gia chủ tử, có bốn trường hợp, người bạn giúp đỡ phải được xem là bạn chân thật—The helpful friend can be seen to be a loyal friend in four ways:
- Che chở cho bạn khi bạn vô ý phóng dật: He looks after you when you are inattentive.
  - Che chở của cải cho bạn khi bạn vô ý phóng dật: He looks after your possessions when you are inattentive.
  - Là chỗ nương tựa cho bạn khi bạn sợ hãi: He is a refuge when you are afraid.
  - Khi bạn có công việc sẽ giúp đỡ của cải cho bạn gấp hai lần những gì bạn thiếu: When some business is to be done he lets you have twice what you ask for.
- 2) Người bạn chung thủy trong khổ cũng như vui phải được xem là bạn chân thật: The friend who is the same in happy and unhappy times.  
Này gia chủ tử, có bốn trường hợp người bạn chung thủy trong khổ cũng như trong vui phải được xem là người bạn chân thật—The friend who is the same in happy and unhappy times can be seen to be a loyal friend in four ways:
- Nói cho bạn biết điều bí mật của mình: He tells you his secrets.
  - Giữ gìn kín điều bí mật của bạn: He guards your secrets.
  - Không bỏ bạn khi bạn gặp khó khăn: He does not let you down in misfortune.
  - Dám hy sinh thân mạng vì bạn: He would even sacrifice his life for you.
- 3) Người bạn khuyên điều lợi ích phải được xem là bạn chân thật: The friend who pints out what is good for you.  
Này gia chủ tử, có bốn trường hợp, người bạn khuyên điều lợi ích phải được xem là bạn—The friend who points out what is good for you can be seen to be a loyal friend in four ways:
- Ngăn chặn bạn không cho làm điều ác: He keeps you from wrongdoing.
  - Khuyến khích bạn làm điều thiện: He supports you in doing good.
  - Cho bạn nghe điều bạn chưa nghe: He informs you of what you did not know.
  - Cho bạn biết con đường lên cõi chư Thiên: He points out the path to Heaven.
- 4) Người bạn có lòng thương tưởng phải được xem là bạn chân thật: The friend who is sympathetic.  
Này gia chủ tử, có bốn trường hợp, người bạn thương tưởng phải được xem là người bạn chân thật—The sympathetic friend can be seen to be a loyal friend in four ways:
- Không hoan hỷ khi bạn gặp hoạn nạn: He does not rejoice at your misfortune.
  - Hoan hỷ khi bạn gặp may mắn: He rejoices at your good fortune.
  - Ngăn chặn những ai nói xấu bạn: He stops others who speaks against you.
  - Khuyến khích những ai tán thán bạn: He commends others who speak in praise of you.

Đấng Thiện Thệ thuyết giảng xong, Ngài dạy tiếp—The Well-Farer having spoken, He added:

Bạn sẵn sàng giúp đỡ,  
Bạn chung thủy khổ vui,  
Bạn khuyến khích lợi ích,  
Bạn có lòng thương tưởng.

The friend who is a helper and  
The friend in times both good and bad,  
The friend who shows the way that's right,  
The friend who's full of sympathy:

Biết rõ bốn bạn này,  
Người trí phục vụ họ,  
Như mẹ đối con ruột.  
Người trí giữ giới luật,  
Sáng như lửa đồi cao.  
These four kinds of friends the wise  
Should know at their true worth, and he  
Should cherish them with care, just like  
A mother with her dearest child.  
The wise man trained and disciplined  
Shines out like a beacon-fire.

Người tích trữ tài sản,  
Như cử chỉ con ong.  
Tài sản được chồng chất,  
Như ụ mối đùn cao,  
Người cư xử như vậy,  
Chất chứa các tài sản,  
Vừa đủ để lợi ích,  
Cho chính gia đình mình.  
He gathers wealth just as the bee  
Gathers honey, and it grows  
Like an ant-hill higher yet  
With wealth so gained the layman can  
Devote it to his people's good.

Tài sản cần chia bốn,  
Để kết hợp bạn bè:  
Một phần mình an hưởng,  
Hai phần dành công việc,  
Phần tư, mình để dành,

Phòng khó khăn hoạn nạn.  
He should divide his wealth in four  
This will most advantage bring  
One part he may enjoy at will,  
Two parts he should put to work,  
The fourth part he should set aside  
As reserve in times of need.

Này gia chủ tử, Thánh đệ tử hộ trì sáu phương như thế nào? Này gia chủ tử, sáu phương này cần được hiểu như sau—How householder's son, does the Ariyan disciple protect the six directions? These six things are to be regarded as the six directions:

- 1) Phương Đông cần được hiểu là cha mẹ:  
The East denotes mother and father.
- a) Này gia chủ tử, có năm trường hợp, người con phải phụng dưỡng cha mẹ như phương Đông—There are five ways in which a son should minister to his mother and father as the Eastern direction.
  - Được nuôi dưỡng, tôi sẽ nuôi dưỡng lại cha mẹ: He should think having been supported by them, I will support them.
  - Tôi sẽ làm bốn phận đối với cha mẹ: I will perform their duties for them.
  - Tôi sẽ gìn giữ gia đình và truyền thống: I will keep up the family tradition.
  - Tôi bảo vệ tài sản thừa tự: I will be worthy of my heritage.
  - Tôi sẽ làm tang lễ khi cha mẹ qua đời: After my parents' deaths, I will distribute gifts on the their behalf.
- b) Này gia chủ tử, được con phụng dưỡng như vậy, cha mẹ có lòng thương tưởng đến con theo năm cách—There are five ways in which the parents, so ministered to by their son as Eastern direction, will reciprocate:
  - Ngăn chặn con làm điều ác: They will restrain him from evil.
  - Khuyến khích con làm điều thiện: They will support him in doing good.

- Dạy con nghề nghiệp: They will teach him some skill.
  - Cưới vợ xứng đáng cho con: They will find him a suitable wife.
  - Đúng thời trao của thừa tự cho con: In due time, they will hand over his inheritance to him.
- c) Nay gia chủ tử, được con phụng dưỡng như phương Đông theo năm cách như vậy, cha mẹ có lòng thương tưởng đến con theo năm cách. Như vậy phương Đông được che chở, được trở thành an ổn và thoát khỏi các sự sợ hãi: In this way the Eastern direction is covered, making it at peace and free from fear.
- 2) Phương Nam cần được hiểu là sư trưởng: The South denotes teachers.
- a) Nay gia chủ tử, có năm cách, đệ tử phụng dưỡng các bậc sư trưởng như phương Nam—There are five ways in which pupils should minister to their teachers as the Southern direction:
- Đứng dậy để chào: By rising to greet them.
  - Hầu hạ thầy: By serving them.
  - Hăng hái học tập: By being attentive.
  - Tự phục vụ thầy: By waiting on them.
  - Chú tâm học hỏi nghề nghiệp: By mastering the skills they teach.
- b) Nay gia chủ tử, được đệ tử phụng dưỡng như phương Nam theo năm cách như vậy, các bậc sư trưởng có lòng thương tưởng đến các đệ tử theo năm cách—There are five ways in which their teachers, thus ministered to by their pupils as the Southern direction, will reciprocate:
- Huấn luyện đệ tử những gì mình đã được khéo huấn luyện: They will give thorough instruction.
  - Dạy cho bảo trì những gì mình được khéo bảo trì: Make sure they have grasped what they should have duly grasped.
- Dạy cho thuần thục các nghề nghiệp: Given them a thorough grounding in all skills.
  - Khen đệ tử với các bạn bè quen thuộc: Recommend them to their friends and colleagues.
  - Bảo đảm nghề nghiệp cho đệ tử về mọi mặt: Provide them with security in all directions.
- c) Nay gia chủ tử, như vậy là bậc sư trưởng được đệ tử phụng dưỡng như phương Nam theo năm cách và sư trưởng có lòng thương tưởng đến đệ tử theo năm cách. Như vậy phương Nam được che chở, được trở thành an ổn và thoát khỏi các sự sợ hãi: In this way the Southern direction is covered, making it at peace and free from fear.
- 3) Phương Tây cần được hiểu là vợ con: The West denotes wife and children.
- a) Nay gia chủ tử, có năm cách, người chồng phải đối xử với vợ như phương Tây—There are five ways in which a husband should minister to his wife as the Western direction:
- Kính trọng vợ: By honouring her.
  - Không bắt kính đối với vợ: By not disparaging her.
  - Trung thành với vợ: By not being unfaithful to her.
  - Giao quyền hành cho vợ: By giving authority to her.
  - Sắm đồ nữ trang cho vợ: By providing her with adornments.
- b) Nay gia chủ tử, được chồng đối xử như phương Tây theo năm cách như vậy, người vợ có lòng thương tưởng chồng theo năm cách—There are five ways in which a wife, thus ministered to by her husband as the Western direction, will reciprocate:
- Thi hành tốt đẹp bổn phận của mình: By properly organizing her work.

- Khéo tiếp đón bà con: By being kind to the relatives.
  - Trung thành với chồng: By not being unfaithful.
  - Khéo gìn giữ tài sản của chồng: By protecting husband's property.
  - Khéo léo và nhanh nhẹn làm mọi công việc: By being skillful and diligent in all she has to do.
- c) Nay gia chủ tử, người vợ được người chồng đối xử như phương Tây theo năm cách và người vợ có lòng thương tưởng chồng theo năm cách. Như vậy phương Tây được che chở, được trở thành an ổn và thoát khỏi các sự sợ hãi: In this way the Western direction is covered, making it at peace and free from fear.
- 4) Phương Bắc cần được hiểu là bạn bè: The North denotes friends and companions.
- a) Nay gia chủ tử, có năm cách vị thiện nam tử đối xử với bạn bè như phương Bắc—There are five ways in which a man should minister to his friends and companions as the Northern direction:
- Bồi thí: By giving alms.
  - Ái ngữ: By kindly words.
  - Lợi hành: By looking after their welfare.
  - Đồng sự: By treating them like himself.
  - Không lường gạt: By keeping his words.
- b) Nay gia chủ tử, được vị thiện nam tử đối xử như phương Bắc theo năm cách như vậy, bạn bè cũng có lòng thương kính vị thiện nam tử theo năm cách—There are five ways in which friends and companions, thus administered to by a man as the Northern direction, will reciprocate:
- Che chở nếu vị thiện nam tử phóng túng: By looking after him when he is inattentive.
  - Bảo trì tài sản của vị thiện nam tử nếu vị này phóng túng: By looking after his property when he is inattentive.
- Trở thành chỗ nương tựa khi vị thiện nam tử gặp nguy hiểm: By being a refuge when he is afraid.
  - Không tránh xa khi vị thiện nam tử gặp khó khăn: By not deserting him when he is in trouble.
  - Kính trọng gia đình của vị thiện nam tử: By showing concern for his children.
- c) Như vậy các bạn bè được vị thiện nam tử đối xử như phương Bắc theo năm cách, và bạn bè cũng có lòng thương tưởng vị thiện nam tử theo năm cách. Như vậy phương Bắc được che chở, được trở thành an ổn và thoát khỏi các sự sợ hãi: In this way the Northern direction is covered, making it at peace and free from fear.
- 5) Phương Dưới cần được hiểu là tôi tớ, lao công: The Nadir denotes servants and helpers.
- a) Nay gia chủ tử, có năm cách một vị Thánh chủ nhân đối xử với hạng nô bộc như phương Dưới—There are five ways in which a master should minister to his servants and workpeople as the Nadir direction:
- Giao công việc đúng theo sức của họ: By arranging their work according to their strength.
  - Lo cho họ ăn uống và tiền lương: By supplying them with food and wages.
  - Điều trị cho họ khi bệnh hoạn: By looking after them when they are ill.
  - Chia xẻ các mỹ vị đặc biệt cho họ: By sharing special delicacies with them.
  - Thỉnh thoảng cho họ nghỉ phép: By letting them off work at the right time.
- b) Nay gia chủ tử, các hạng nô bộc được Thánh chủ nhân đối xử như phương Dưới với năm cách kia, có lòng thương đối với vị chủ nhân theo năm cách như sau—There are five ways in which servants and workpeople, thus ministered to by their master as the Nadir, will reciprocate:

- Dậy trước khi chủ thức dậy: They will get up before him.
  - Đi ngủ sau khi chủ đi ngủ: They will go to bed after him.
  - Tự bằng lòng với các vật đã cho: Take only what they are given.
  - Khéo làm các công việc: Do their work properly.
  - Đem lại danh tiếng tốt đẹp cho chủ: Be bearer of his praise and good repute.
- c) Nay gia chủ tử, các hàng nô bộc được các vị Thánh chủ nhân đối xử như phượng Dưới với năm cách, họ cũng có lòng thương đối với Thánh chủ nhân theo năm cách. Như vậy phượng Dưới được che chở, được trở thành an ổn và thoát khỏi các sự sợ hãi: In this way the Nadir is covered, making it at peace and free from fear.
- 6) Phượng Trên cần được hiểu là Sa Môn, Bà La Môn: The Zenith denotes ascetics and Brahmins.
- a) Nay gia chủ tử, có năm cách vị thiện nam tử đối xử với các vị Sa Môn, Bà La Môn như phượng Trên—There are five ways in which a man should minister to ascetics and Brahmins as the Zenith:
- Có lòng từ trong hành động về thân: By kindness in bodily deed.
  - Có lòng từ trong hành động về khẩu: By kindness in speech.
  - Có lòng từ trong hành động về ý: By kindness in thought.
  - Mở rộng cửa để đón các vị ấy: By keeping an open house for them.
  - Cúng dường các vị ấy các vật dụng cần thiết: By supplying their bodily needs.
- b) Nay gia chủ tử, các vị Sa Môn, Bà La Môn được vị thiện nam tử đối xử như phượng Trên theo năm cách như vậy, cũng có lòng thương vị thiện nam tử theo năm cách sau đây—The ascetics and Brahmins, thus ministered to by him as the Zenith, will reciprocate in six ways:
- Ngăn không cho họ làm điều ác: They will restrain him from evil.
  - Khuyến khích họ làm điều thiện: They will encourage him to do good.
  - Thương xót họ với tâm từ bi: They will be benevolently compassionate toward him.
  - Dạy họ những điều chưa nghe: They will teach him what he has not heard.
  - Làm cho thanh tịnh điều đã được nghe: They will help him purify what he has heard.
  - Chỉ bày con đường đưa đến cõi Trời: They will point out to him the way to Heaven.
- c) Nay gia chủ tử, các vị Sa Môn, Bà La Môn được thiện nam tử đối xử như phượng Trên với năm cách, cũng có lòng thương thiện nam tử theo năm cách. Như vậy phượng Trên được che chở, được trở thành an ổn và thoát khỏi các sự sợ hãi: In this way the Zenith is covered, making it at peace and free from fear.
- Đấng Thiện Thệ thuyết giảng xong, Ngài dạy tiếp—The Well-Farer having spoken, He added:
- Cha mẹ là phượng Đông,  
Sư trưởng là phượng Nam,  
Vợ chồng là phượng Tây,  
Bạn bè là phượng Bắc,  
Nô bộc là phượng dưới,  
Sa Môn, Bà La Môn là phượng Trên.  
Mother, father are the East,  
Teachers are the Southward point,  
Wife and children are the West,  
Friends and colleagues are the North.  
Servants and workers are Below,  
Ascetics and Brahmins are Above.
- Cư sĩ vì gia đình,  
Đảnh lễ phượng hướng ấy.  
Kẻ trí giữ Giới, Luật.  
Từ tốn và biện tài,  
Khiêm nhường và nhu thuận,  
Nhờ vậy được danh xưng.

These directions all should be  
Honoured by a clansman true.  
He who's wise and disciplined,  
Kindly and intelligent,  
Humble, free from pride,  
Such a one may honour gain.

Dậy sớm không biếng nhác,  
Bất động giữa hiểm nguy,  
Người hiền, không phạm giới,  
Nhờ vậy được danh xưng.  
Early rising, scorning sloth,  
Unshaken by adversity,  
Of faultless conduct, ready wit,  
Such a one may honour gain.

Nhiếp chúng, tạo nên bạn,  
Từ ái, tâm bao dung,  
Dẫn đạo, khuyến hóa đạo,  
Nhờ vậy được danh xưng.  
Making friends, and keeping them,  
Welcoming, no stingy host,  
A guide, philosopher and friend,  
Such a one may honour gain.

Bố thí và ái ngữ,  
Lợi hành bất cứ ai,  
Đồng sự trong mọi việc,  
Theo trường hợp xử sự.  
Chính những nhiếp sự này,  
Khiến thế giới xoay quanh,  
Như bánh xe quay lăn,  
Vòng theo trục xe chính.  
Nhiếp sự này vắng mặt,  
Không có mẹ hưởng thọ,  
Hay không cha hưởng thọ,  
Sự hiếu kính của con.  
Do vậy bậc có trí,  
Đối với nhiếp pháp này,  
Như quán sát chấp trì,  
Nhờ vậy thành vĩ đại,  
Được tán thán, danh xưng.  
Giving gifts and kindly speech,

A life well-spent for others' good,  
Even-handed in all things,  
Impartial as each case demands:  
These things make the world go round  
Like the chariot's axle-pin.  
If such things did not exist,  
No mother from her son would get  
Any honour and respect,  
Nor father either, as their due.  
But since these qualities are held  
By the wise in high esteem,  
They are given prominence  
And are rightly praised by all.

Khi nghe như vậy, Sigalaka, gia chủ tử  
liền bạch Thế Tôn: “Thật vi diệu thay, bạch  
Thế Tôn! Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn!  
Như người dựng đứng lại những gì bị quăng  
xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ  
đường cho người bị lạc hướng, đem đèn sáng  
vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể  
thấy sắc. Cũng vậy, Chánh Pháp đã được Thế  
Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày, giải  
thích. Bạch Thế Tôn, nay con xin quy-y Thế  
Tôn, quy-y pháp và chúng Tỳ Kheo. Mong  
Thế Tôn nhận con làm đệ tử, từ này trở đi cho  
đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng: At  
these words, Sigalaka said to the Lord:  
“Excellent, Reverend Gotama, excellent! It is  
as if someone were to set up what had been  
knocked down, or to point out the way to one  
who had got lost or to bring an oil-lamp into a  
dark place, so that those with eyes could see  
what was there. Just so the Reverend Gotama  
has expounded the Dharma in various ways,  
May the reverend accept me as a lay-follower  
from this day forth as long as life shall last!





# **Appendix K**

**Kinh Duy Ma Cật  
The Vimalakirti Sutra**



**CHƯƠNG MỘT—CHAPTER ONE**  
**PHẨM PHẬT QUỐC—THE BUDDHA**  
**LAND**

- Chính tôi được nghe, một thuở kia, Đức Phật Thích Ca ở thành Tỳ Xá Ly, nơi vườn cây Am La, cùng tám ngàn chúng đại Tỳ Kheo, ba vạn hai ngàn Bồ Tát, là những vị có tiếng tăm, đều đã thành tựu trí hạnh Đại Thừa. Do nhờ sự chỉ giáo của chư Phật mà các ngài đã làm thành bậc thành hộ pháp, giữ gìn Chánh Pháp, diễn nói pháp âm tự tại vô úy như sư tử hống giáo hóa chúng sanh, danh đồn xa khắp mười phương. Người đời không cầu thỉnh mà các Ngài sẵn sàng đến chúng hội để tuyên lưu Tam Bảo, không để đứt mất. Các ngài hàng phục tất cả ma oán, ngăn dẹp các ngoại đạo; sáu căn tam nghiệp thân khẩu ý đều thanh tịnh; trọn lìa năm món ngăn che và mười điều ràng buộc. Tâm thường an trụ nơi lý vô ngại giải thoát. Nhờ niệm định tổng trì và tâm bình đẳng mà các ngài có khả năng biện tài thông suốt không hề trở ngại. Các ngài đã thành tựu Lục Ba La Mật, các hạnh bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ, cũng như giáo pháp phương tiện thiện xảo lợi mình lợi người thấy đều đầy đủ. Tuy nhiên, với các ngài, những thành tựu này không có nghĩa là làm lợi cho chính họ, mà các ngài đã được đến bậc vô sở đắc mà không khởi pháp nhãn (vô sinh pháp nhãn). Các ngài có khả năng tùy thuận diễn nói pháp luân bất thối; khéo hiểu rõ chân tướng vạn pháp, thấu biết căn cơ chúng sanh; oai đức bao trùm đại chúng và thành tựu pháp vô úy—Thus have I heard, once upon a time the Buddha sojourned in the Amra park at Vaisali with an assembly of eight thousand great bhiksus. With them, here were thirty-two thousand Bodhisattvas, who were well known for having achieved all the perfections that lead to

the great wisdom. They had received instructions from many Buddhas and formed a Dharma-protecting citadel. By upholding the right Dharma, they could fearlessly give the lion's roar to teach sentient beings; so their names were heard in the ten directions. They were not invited but came to the assembly to spread the teaching on the Three Treasures to transmit it in perpetuity. They had overcome all demons and defeated heresies; and their six faculties, karmas of deeds, words and thoughts were pure and clean; being free from the (five) hindrances and the (ten) bonds. They had realized serenity of mind and had achieved unimpeded liberation. They had achieved right concentration and mental stability, thereby, acquiring the uninterrupted power of speech. They had achieved all the (six) paramitas: charity (dana), discipline (sila), patience (ksanti), devotion (viryā), serenity (dhyana) and wisdom (prajna), as well as the expedient method (upaya) of teaching which completely benefit self and others. However, to them, these realizations did not mean any gain whatsoever for themselves, so, that they were in line with the patient endurance of the uncreate (anuttapa-dharma-ksanti). They were able to turn the wheel of the Law that never turns back. Being able to interpret the (underlying nature of) phenomena, they knew very well the roots (propensities) of all living beings; they surpassed them all and realized fearlessness.

- Các ngài dùng công đức trí tuệ để trau sửa tâm mình, bằng cách lấy tướng tốt trang nghiêm thân hình sắc tướng dung nhan bậc nhất, vì thế bỏ hẳn tất cả trang sức tốt đẹp trong đời. Danh tiếng các ngài cao xa vượt hẳn núi Tu Di. Lòng tin thậm

- thâm của các ngài bền chắc không bị phá vỡ như kim cương. Pháp bảo của các ngài soi khắp, và mưa cam lồ tuôn đổ nơi nơi. Tiếng thuyết pháp của các ngài là thậm thâm vi diệu bậc nhất—They had cultivated their minds by means of merits and wisdom, with which they embellished their physical features which were unsurpassable, thus, giving up all earthly adornments. Their towering reputation exceeded the height of Mount Sumeru. Their profound faith (in the uncreate) was unbreakable like a diamond. Their treasures of the Dharma illuminated all lands and rained down nectar. Their speeches were profound and unsurpassed.
- Các ngài đã thâm nhập lý duyên khởi, dứt bỏ các tập khí kiến chấp sai lầm, thoát khỏi nhị biên. Các ngài diễn nói các pháp không sợ sệt như sư tử hống, những lời giảng nói như sấm vang. Các ngài không thể bị hạn lượng hạn chế, vì các ngài đã vượt ra ngoài sự hạn lượng—They entered deep into all (worldly) causes but cut off all heretical views, for they were already free from all dualities and had rooted out all (previous) habits. They were fearless and gave the lion's roar to proclaim the Dharma, their voices being like thunder. They could not be gauged, for they were beyond all measures.
  - Các ngài tự chứa nhóm rất nhiều Pháp Bảo như Hải Đạo Sư. Các ngài hiểu rõ nghĩa thậm thâm của các pháp, biết rõ hiện trạng qua lại trong các cảnh thú và hành vi tốt xấu trong tâm niệm của chúng sanh. Các ngài đã đạt đến trạng thái gần như trí tuệ tự tại vô thượng của chư Phật, đã thành đạt thập lực vô úy, và thập bát bất cộng. Dù các ngài đã ngăn đóng các cửa ngõ ác thú, các ngài vẫn hiện thân trong năm đường hóa độ chúng sanh, làm vị đại y vương khéo trị lành các bệnh, tùy theo trường hợp cá nhân mà cho thuốc
- một cách công hiệu. Vì thế mà các ngài đã thành tựu vô lượng công đức, trang nghiêm thanh tịnh vô lượng cõi Phật. Chúng sanh nào được nghe danh thấy hình đều được lợi ích vì các hành động của các ngài đều không uổng phí. Vì thế các ngài đều đã thành tựu mọi công đức tuyệt hảo—They had amassed all treasures of the Dharma and acted like (skillful) seafaring pilots. They were well versed in the profound meanings of all Dharmas. They knew very well the mental states of all living beings and their comings and goings (within the realms of existence). They had reached the state near the unsurpassed sovereign wisdom of all Buddhas, having acquired the ten fearless powers (dasabala) giving complete knowledge and the eighteen different characteristics (of a Buddha as compared with Bodhisattvas (avenikadharma). Although they were free from (rebirth in ) evil existences, they appeared in five mortal realms as royal physicians to cure all ailments, prescribing the right medicine in each individual case, thereby, winning countless merits to embellish countless Buddha lands. Each living being derived great benefit from seeing and hearing them, for their deeds were not in vain. Thus, they had achieved all excellent merits.
- Danh hiệu các ngài là: Đẳng Quán Bồ Tát, Bất Đẳng Quán Bồ Tát, Đẳng Bất Đẳng Quán Bồ Tát, Định Tự Tại Vương Bồ Tát, Pháp Tự Tại Vương Bồ Tát, Pháp Tướng Bồ Tát, Quang Tướng Bồ Tát, Quang Nghiêm Bồ Tát, Đại Nghiêm Bồ Tát, Bảo Tích Bồ Tát, Biện Tích Bồ Tát, Bảo Thủ Bồ Tát, Bảo Ấn Bồ Tát, Thường Cử Thủ Bồ Tát, Thường Hạ Thủ Bồ Tát, Thường Thảm Bồ Tát, Hỷ Căn Bồ Tát, Hỷ Vương Bồ Tát, Hỷ Vương Bồ Tát,

Biện Âm Bồ Tát, Hư Không Tạng Bồ Tát, Chấp Bảo Cự Bồ Tát, Bảo Đông Bồ Tát, Bảo Kiến Bồ Tát, Đế Võng Bồ Tát, Minh Võng Bồ Tát, Vô Duyên Quán Bồ Tát, Huệ Tích Bồ Tát, Bảo Thắng Bồ Tát, Thiên Vương Bồ Tát, Hoại Ma Bồ Tát, Điển Đức Bồ Tát, Tự Tại Vương Bồ Tát, Công Đức Tướng Nghiêm Bồ Tát, Sư Tử Hống Bồ Tát, Lôi Âm Bồ Tát, Sơn Tướng Kích Âm Bồ Tát, Hương Tượng Bồ Tát, Bạch Hương Tượng Bồ Tát, Thường Tinh Tấn Bồ Tát, Bất Hưu Tức Bồ Tát, Diệu Sanh Bồ Tát, Hoa Nghiêm Bồ Tát, Quán Thế Âm Bồ Tát, Đắc Đại Thế Bồ Tát, Phạm Võng Bồ Tát, Bảo Trượng Bồ Tát, Vô Thắng Bồ Tát, Nghiêm Độ Bồ Tát, Kim Kế Bồ Tát, Châu Kế Bồ Tát, Di Lặc Bồ Tát, Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử Bồ Tát, cả thảy như thế ba vạn hai ngàn Ngài—Their names were: the Bodhisattva Beholding All Things As Equal, the Bodhisattva Beholding All Things As Unequal, the Bodhisattva Beholding All Things As Equal Yet As Unequal, the Bodhisattva of Sovereign Serenity, the Bodhisattva of Sovereign Dharma, the Bodhisattva of Dharma-aspects, the Bodhisattva of Light, the Bodhisattva of Glorious Light, the Bodhisattva of Great Majesty, the Bodhisattva Store of Treasures, the Bodhisattva Store of Rhetoric, the Bodhisattva of Precious Hands, the Bodhisattva of Precious Mudra, the Hand Raising Bodhisattva, the Hand Lowering Bodhisattva, the Always Grieved Bodhisattva, the Bodhisattva Root of Joy, the Bodhisattva Prince of Joy, the Bodhisattva Discerner of Sound, the Bodhisattva Womb of Space, the Bodhisattva Holding the Precious Torch, the Bodhisattva of Precious Boldness, the Bodhisattva of Precious Insight, the Bodhisattva of Indra-jala, the Bodhisattva

Net of Light, the Bodhisattva of Causeless Contemplation, the Bodhisattva of Accumulated Wisdom, the Bodhisattva Precious Conqueror, the Bodhisattva King of Heavens, the Bodhisattva Destroyer of Demons, the Bodhisattva with Lightning Merits, the Bodhisattva of Sovereign Comfort, the Bodhisattva of Majestic Merits, the Bodhisattva of the Lion's Roar, the Bodhisattva of Thundering Voice, the Bodhisattva with a Voice like Rocks Knocking One Another, the Bodhisattva Fragrant Elephant, the Bodhisattva White Fragrant Elephant, the Bodhisattva of Constant Devotion, the Bodhisattva of Unremitting Care, the Bodhisattva of Wonderful Rebirth, the Bodhisattva Garland, the Bodhisattva Avalokitesvara, the Bodhisattva Mahasthama, the Bodhisattva Brahma-jala, the Bodhisattva of Precious Staff, the Unconquerable Bodhisattva, the Bodhisattva of Majestic Land, the Bodhisattva with a Golden Topknot, the Bodhisattva with a Pearl in His Topknot, the Bodhisattva Maitreya, the Bodhisattva Manjusri and other Bodhisattvas numbering in all thirty-two thousand.

- Lại có mười hai ngàn vị Thi Khí, Phạm Thiên Vương từ bốn cõi thiên hạ khác đến chỗ Phật nghe pháp. Lại có mười hai ngàn vị Thiên đế cũng từ bốn cõi thiên hạ khác đến trong pháp hội. Các hàng chư Thiên có oai lực lớn, cùng Long Thần, Dạ xoa, Càn thất bà, A tu la, Khẩn na la, Ma hầu la già, vân vân đều đến trong pháp hội. Lại có các vị Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu bà tặc, Ưu bà di cũng đến trong pháp hội—There were also ten thousand Brahma-devas including Mahadeva Sikhin, coming from the four quarters to hear about the Dharma. There were as well twelve thousand kings of heavens who came from the four quarters to sit in

the assembly. There were also other devas of awe-inspiring majesty, dragons, spirits, yaksas, gandharas, asuras, garudas, kin-naras and mahoragas who came to sit in the assembly. Many bhiksus, bhiksunis, upasakas and upasikas also came to the assembly.

- Bấy giờ Đức Phật nói Pháp cho vô lượng trăm ngàn đại chúng đông đảo cung kính vây quanh đấy, ví như núi chúa Tu Di hiện bày nơi biển cả. Ngài ngồi yên trên tòa Sư Tử trang nghiêm bằng các thứ báu, oai đức che trùm tất cả đại chúng—Thus, surrounded by an incalculable number of people circumambulating to pay their respects, the Buddha was about to expound the Dharma. Like the towering Mount Sumeru emerging from the great ocean. He sat comfortably on the lion throne eclipsing the imposing assembly.
- Khi ấy trong thành Tỳ Xá Ly có ông trưởng giả tử tên là Bảo Tích với 500 vị trưởng giả tử đồng cầm lọng bảy báu đi đến chỗ Phật cung kính đánh lễ đầu mặt tiếp chân, rồi mỗi vị đều đem lọng báu của mình hợp nhau cúng dường Phật. Do oai đức của Phật nên khiến các lọng báu ấy hiệp thành một cây trùm khắp cõi Tam Thiên Đại Thiên Thế Giới, mà tướng rộng dài của thế giới đều hiện đủ trong đó—A son of an elder (grhapati), called Ratna-rasi, came with five hundred sons of elders, with canopies decorated with the seven gems to pay respect and offer them to Him. By using His transcendental powers, the Buddha transformed all the canopies into a single one which contained the great chiliocosm.
- Lại nữa, các núi Tu Di, Mục chơn lân đà, Đại mục chơn lân đà, Tuyết sơn, Hương sơn, Bảo sơn, Kim sơn, Hắc sơn, Thiết vi, Đại thiết vi, bể lớn, sông, rạch ngòi, nguồn suối, cùng với mặt trời, mặt trăng, các ngôi sao, , thiên cung, long cung và

cung các vị tôn thần, nơi cõi tam thiên đại thiên thế giới này đều hiện trong lọng bảy báu, và chư Phật trong mười phương, chư Phật đang nói pháp, cũng hiện trong lọng bảy báu ấy—With Mount Sumeru and all the concentric ranges around it, great seas, rivers, streams, the sun, the moon, planets and stars, and the palaces of devas, dragons, and holy spirits appeared in the precious canopy, which also covered all the Buddhas who were expounding the Dharma in the ten directions.

- Trong khi đó tất cả đại chúng thấy thần lực của Phật đều khen ngợi chưa từng có, chắp tay làm lễ, ngắm nhìn dung nhan Phật, mắt không hề nháy. Trưởng giả tử Bảo Tích liền ở trước Phật đọc bài kệ khen rằng—All those present, who witnessed the Buddha's supernatural powers, praised the rare occurrence which they had never seen before, brought their palms together and gazed at Him without pausing for an instant. Thereupon, Ratna-rasi chanted the following gatha of praise:
  - “Mắt trong dài rộng như sen xanh  
Tâm sạch đã tột các thiền định,  
Lâu chứa tịnh nghiệp nói không cùng,  
Dùng tịch độ chúng nên cứu lạy.  
“I salute Him whose eyes are broad like the green Lotus, whose mind is unchanging and serene, who has accumulated countless pure deeds that lead all beings to the extinction of mortality.
  - Đã thấy Đại Thánh dùng thần biến, Khấp hiện mười phương không lường cõi.  
Trong đây các Phật diễn nói pháp,  
Nơi đây tất cả đều thấy nghe.  
I have seen the great saint use His transcendental powers to create in the ten directions countless lands in which Buddhas still proclaim the Dharma; all this has the assembly seen and heard.

- Pháp lực của Phật vượt quần sanh  
Thường dùng pháp tài thí tất cả,  
Hay khéo phân biệt các Pháp tướng,  
Đối đệ nhứt nghĩa mà không động.  
The power of your Dharma surpasses all  
beings and bestows on them the wealth of  
the Law. With great skill your  
discernment all while unmoved in  
Reality.
- Đã được tự tại cùng các Pháp  
Cho nên cúi đầu lễ Pháp vương.  
Nói Pháp chẳng có cũng chẳng không  
Vì do nhân duyên các Pháp sanh,  
Không ta, không tạo, không thọ giả,  
Những việc lành dữ cũng chẳng mất.  
You are from all phenomena released;  
hence, to the King of Dharma, I bow  
down. You preached neither *is* nor *is not*  
for all things by causes are created.  
There is neither self nor doing nor thing  
done, but good or evil karma is infallible.
- Trước tiên hàng ma nơi Phật thọ  
Đặng Cam lồ diệt thành đạo giác,  
Đã không tâm ý, không thọ hành  
Mà xô dẹp hết các ngoại đạo.  
Ba lần chuyển Pháp cõi đại thiên,  
Pháp ấy lâu nay thường thanh tịnh.  
Under the Bodhi tree You conquered  
Mara, obtained Ambrosia, realized  
Nirvana and won Bodhi. From mind,  
thought and feeling are You free, thereby,  
overcoming heresies, turning thrice in the  
chiliocosm the wheel of the Law that is  
pure and clean at heart.
- Trời người đắc đạo đó là chứng,  
Tam Bảo vì thế hiện trong đời.  
Dùng Pháp mầu này độ chúng sanh  
Thọ rồi không lui, thường vắng lặng,  
Khỏi già bệnh chết đấng Y Vương,  
Lạy ngôi Pháp hải đức không lường.  
To this gods and men who were saved  
attested, thus, the Three Treasures  
appeared in the saha world to save living  
beings with this profound Dharma which,
- when applied, fails never to Nirvana lead.  
You are the king physician who destroys  
old age, illness and death. So your  
unfathomable Dharma of boundless  
merits, I salute.
- Khen chê chẳng động như Tu Di  
Đồng bực thương xót kẻ lành dữ,  
Tâm hạnh bình đẳng như hư không,  
Nghe đấng Như Bảo ai chẳng kính?  
While like Mount Sumeru you are  
unmoved by both praise and censure.  
Your compassion is extended to both  
good and evil men, like space thy mind  
remains impartial. Does not anyone  
revere this human Buddha after hearing  
about Him?
- Nay dâng Thế Tôn lọng mọn này  
Cõi tam thiên tôi hiện trong đó,  
Thiên cung, Long thần kia nương ở,  
Cần thất cả thấy với Dạ xoa.  
I have offered Him a small canopy, which  
encloses the great chiliocosm with  
palaces of gods, dragons and spirits,  
Gandharas, yakas and others such as  
well.
- Mọi vật trong đời đều thấy rõ,  
Vì thương Phật hiện tướng biến này,  
Thấy việc ít có chúng khen ngợi,  
Nay con lạy đấng Tam Giới Tôn  
Đại Thánh chỗ nương của mọi loài,  
Lòng sạch trong đó thấy vui vẻ,  
Đều thấy Thế Tôn ở trước mình,  
Đó là thần lực Pháp bất cộng.  
As all kings in this world. With mercy He  
used His 'ten powers' to make this  
change. The witnesses praise the  
Buddha. I bow to the most Honoured One  
in the three realms. The whole assembly  
(now) take refuge in the King of The  
Law. Those gazing at Him are filled with  
joy, each seeing the Bhagavat before him;  
'tis one of His eighteen characteristics.
- Phật dùng một tiếng diễn nói Pháp,  
Chúng sanh tùy loại thấy đặng hiểu,

- Đều cho rằng Phật đồng tiếng mình,  
Đó là thần lực Pháp bất cộng.  
When he proclaims the Dharma with  
unchanging voice, all beings understand  
according to their natures saying the  
Bhagavat speaks their own languages;  
this one of His eighteen characteristics.
- Phật dùng một tiếng diễn nói Pháp,  
Chúng sanh chỗ hiểu tùy mỗi hạng,  
Khắp được thọ hành đều lợi ích,  
Đó là thần lực Pháp bất cộng.  
When He expounds the Dharma in one  
voice, they understand according to their  
versions deriving great benefit from what  
they have gathered; this is one more of  
His eighteen characteristics.
  - Phật dùng một tiếng diễn nói Pháp,  
Có người kinh sợ hoặc vui mừng,  
Có kẻ dứt nghi hoặc nhằm chán,  
Đó là thần lực Pháp bất cộng.  
When He expounds the Dharma in one  
voice, some are filled with fear, others  
are joyful, some hate it while others are  
from doubts relieved; 'this is one of His  
eighteen characteristics.
  - Lạy đấng Thập Lực đại tinh tấn,  
Lạy đấng đã đặng không chỗ sợ,  
Lạy đấng trụ nơi Pháp bất cộng,  
Lạy đấng Đạo sư của muôn loài.  
I bow to the Possessor of 'ten powers', I  
bow to Him who has achieved  
fearlessness acquiring all eighteen  
characteristics; I bow to Him who guides  
others like a pilot.
  - Lạy đấng hay dứt mọi kiết phược,  
Lạy đấng đã đến nơi bờ kia,  
Lạy đấng hay vượt các thế gian,  
Lạy đấng trọn lìa đường sanh tử.  
I bow to Him who has untied all bonds; I  
bow to Him who has reached the other  
shore; I bow to Him who can all worlds  
deliver; I bow to Him who from birth and  
death is free.
  - Biết hết chúng sanh tướng đến lui,
- Khéo nói các Pháp được giải thoát,  
Như hoa sen trong đời chẳng nhiễm,  
Thường khéo vào nơi hạnh không tịch.  
Who knows how living beings come and  
go and penetrates all things to win His  
freedom, who is skillful in nirvanic deeds,  
cannot be soiled like the lotus.
- Rõ các Pháp tướng không ngăn ngại,  
Lạy đấng không nương tựa hư không.  
Who plumbs the depths of everything  
without hindrance. I bow to Him, who  
like space, relies on nothing.
  - Sau khi trưởng giả tử Bảo Tích đọc bài kệ  
tán thán Phật xong bèn bạch Phật rằng:  
“Bạch Thế Tôn! Năm trăm vị trưởng giả  
tử nầy đều đã phát tâm vô thượng chánh  
đẳng chánh giác, nguyện nghe cõi Phật  
thanh tịnh. Cúi mong Thế Tôn dạy cho  
những hạnh của Bồ Tát được Tịnh Độ—  
After chanting the gatha, Ratna-rasi said  
to the Buddha: “World Honoured One,  
these five hundred sons of elders have set  
their minds on seeking supreme  
enlightenments (anuttara-samyak-  
sambodhi); they all wish to know how to  
win the pure and clean land of the  
Buddha. Will the World Honoured One  
teach us the Bodhisattva deeds that leads  
to the realization of the Pure Land?”
  - Phật bảo: “Hay thay Bảo Tích! Ông lại vì  
các vị Bồ Tát mà hỏi Như Lai những  
hạnh được Tịnh Độ, vậy hãy lắng nghe  
chín chắn, suy nghĩ kỹ nhớ lấy, ta sẽ nói  
cho ông rõ.”—The Buddha said:  
“Excellent, Ratna-rasi, it is good that you  
can ask on behalf of these Bodhisattvas  
about deeds that lead to the realization of  
the Buddha's Pure Land. Listen carefully  
and ponder over all what I now tell you.”
  - Lúc ấy Bảo Tích cùng 500 vị trưởng giả  
tử vâng lời Phật dạy, cung kính lắng  
nghe—At that time, Ratna-rasi and the  
five hundred sons of elders listened  
attentively to His instruction.



- Phật dạy rằng: “Này Bảo Tích! Tất cả chúng sanh là cõi Phật của Bồ Tát. Vì sao? Bồ Tát tùy chỗ giáo hóa chúng sanh mà lãnh lấy cõi Phật; tùy theo chỗ điều phục chúng sanh mà lãnh lấy cõi Phật; tùy chúng sanh ứng theo quốc độ nào vào trí tuệ của Phật mà lãnh lấy cõi Phật; tùy chúng sanh ứng theo quốc độ nào phát khởi căn tánh Bồ Tát mà lãnh lấy cõi Phật. Vì sao thế? Vì Bồ Tát lãnh lấy cõi Phật thanh tịnh đều vì muốn lợi ích chúng sanh. Ví như có người muốn xây dựng cung nhà nơi khoảng đất trống, tùy ý được thành công, nếu xây dựng giữa hư không quyết không thành tựu được; Bồ Tát cũng thế, vì thành tựu chúng sanh nên nguyện lãnh lấy cõi Phật. Nguyện lãnh lấy cõi Phật chẳng phải ở nơi rỗng không vậy—The Buddha said: “Ratna-rasi, all species of living beings are the Buddha land sought by all Bodhisattvas. Why is it so? Because a Bodhisattva wins the Buddha land, according to the living beings converted by him (to the Dharma); according to the living beings tamed by him; according to the country (where they will be reborn to) realize the Buddha-wisdom and in which they will grow the Bodhisattva root. Why is it so? Because a Bodhisattva wins the pure land solely for the benefit of all living beings. For instance, a man can build palaces and houses on vacant ground without difficulty, but he will fail if he attempts to build them in (empty) space. So, a Bodhisattva, in order to bring living beings to perfection seeks the Buddha land which cannot be sought in (empty) space.
- Bảo Tích, ông nên biết! “Ratna-rasi, you should know that:
  - a) Trực tâm là Tịnh Độ của Bồ Tát; khi Bồ Tát thành Phật, chúng sanh không dua vạy, sanh sang nước đó: The straightforward mind is the Bodhisattva’s pure land, for when he realizes Buddhahood, beings who do not flatter will be reborn in his land.
  - b) Thâm tâm là Tịnh Độ của Bồ Tát khi Bồ Tát thành Phật, chúng sanh đầy đủ công đức sanh sang nước đó: The profound mind is the Bodhisattva’s pure land, for when he realizes Buddhahood, living beings who have accumulated all merits will be reborn there.
  - c) Bồ Đề tâm là Tịnh Độ của Bồ Tát khi Bồ Tát thành Phật, chúng sanh có tâm Đại Thừa sanh sang nước đó: The Mahayana (Bodhi) mind is the Bodhisattva’s pure land, for when he attains Buddhahood all living beings seeking Mahayana will be reborn there.
  - d) Bố Thí là Tịnh Độ của Bồ Tát khi Bồ Tát thành Phật, chúng sanh hay thí xả tất cả mọi vật sanh sang nước đó: Charity (dana) is the Bodhisattva’s pure land, for when he attains Buddhahood, living beings who can give away (to charity) will be reborn there.
  - e) Trì Giới là Tịnh Độ của Bồ Tát; khi Bồ Tát thành Phật, chúng sanh tu mười điều lành, hạnh nguyện đầy đủ sanh sang nước đó: Discipline (sila) is the Bodhisattva’s pure land, for when he realizes Buddhahood, living beings who have kept the ten prohibitions will be reborn there.
  - f) Nhẫn Nhục là Tịnh Độ của Bồ Tát; khi Bồ Tát thành Phật, chúng sanh đủ 32 tướng tốt trang nghiêm sanh sang nước đó: Patience (ksanti) is the Bodhisattva’s pure land, for when he attains Buddhahood, living beings endowed with the thirty-two excellent physical marks will be reborn there.
  - g) Tinh Tấn là Tịnh Độ của Bồ Tát; khi Bồ Tát thành Phật, chúng sanh siêng năng tu mọi công đức sanh sang nước đó: Devotion (virya) is the Bodhisattva’s pure

- land, for when he attains Buddhahood, living beings who are diligent in their performance of meritorious deeds will be reborn there.
- h) Thiền Định là Tịnh Độ của Bồ Tát; khi Bồ Tát thành Phật, chúng sanh biết thu nhiếp tâm chẳng loạn sanh sang nước đó: Serenity (dhyana) is the Bodhisattva's pure land, for when he attains Buddhahood, living beings whose minds are disciplined and unstirred will be reborn there.
- i) Trí Tuệ là Tịnh Độ của Bồ Tát; khi Bồ Tát thành Phật, chúng sanh được chánh định sanh sang nước đó: Wisdom (prajna) is the Bodhisattva's pure land, for when he attains Buddhahood, living beings who have realized samadhi will be reborn there.
- j) Tứ Vô Lượng Tâm là Tịnh Độ của Bồ Tát; khi Bồ Tát thành Phật, chúng sanh thành tựu từ bi hỷ xả sanh sang nước đó: The four boundless minds (catvari apramanani) are the Bodhisattva's pure land, for when he attains Buddhahood, living beings who have practiced and perfected the four infinites: kindness, compassion, joy and indifference, will be reborn there.
- k) Tứ Nhiếp Pháp là Tịnh Độ của Bồ Tát; khi Bồ Tát thành Phật, chúng sanh được giải thoát sanh sang nước đó: The four persuasive actions (catuh-samgraha-vastu) are the Bodhisattva's pure land, for when he attains Buddhahood, living beings who have benefited from his helpful persuasion will be reborn there.
- l) Phương Tiện là Tịnh Độ của Bồ Tát; khi Bồ Tát thành Phật, chúng sanh khéo dùng được phương tiện không bị ngăn ngại ở các pháp, sanh sang nước đó: The expedient methods (upaya) of teaching the absolute truth are the Bodhisattva's pure land, for when he attains Buddhahood, living beings conversant with upaya will be reborn there.
- m) Ba Mươi Bảy Phẩm Trợ Đạo là Tịnh Độ của Bồ Tát; khi Bồ Tát thành Phật, chúng sanh đầy đủ niệm xứ, chánh cần, thân túc, ngũ căn, ngũ lực, thất giác chi, bát chánh đạo, sanh sang nước đó: The thirty-seven contributory states to enlightenment (bodhipaksika-dharma) are the Bodhisattva's pure land, for when he attains Buddhahood, living beings who have successfully practised the four states of mindfulness (smṛtyu-paśthana), the four proper lines of exertion (samyakprahana), the four steps towards supramundane powers (rddhipada), the five spiritual faculties (panca indriyani), the five transcendental powers (panca balani), the seven degrees of enlightenment (sapta bodhyanga) and the eightfold noble path (asta-marga) will be reborn in his land.
- n) Hồi Hương Tâm là Tịnh Độ của Bồ Tát; khi Bồ Tát thành Phật, được cõi nước đầy đủ tất cả công đức: Dedication (of one's merits to the salvation of others) is the Bodhisattva's pure land, for when he attains Buddhahood, his land will be adorned with all kinds of meritorious virtues.
- o) Nói Pháp Trừ Bát Nạn là Tịnh Độ của Bồ Tát; khi Bồ Tát thành Phật, cõi nước không có ba đường ác và bát nạn: Preaching the ending of the eight sad conditions is the Buddhahood his land will be free from these evil states.
- p) Tự Minh Giữ Giới Hạnh-Không Chê Chỡ Kém Khuyết Của Người Khác là Tịnh Độ của Bồ Tát; khi Bồ Tát thành Phật, cõi nước không có tên phạm giới cấm: To keep the precepts while refraining from criticizing those who do not is the Bodhisattva's pure land, for when he attains Buddhahood, his country will be

- free from people who break the commandments.
- q) Thập Thiện là Tịnh Độ của Bồ Tát; khi Bồ Tát thành Phật, chúng sanh sống lâu, giàu to, phạm hạnh, nói lời chắc thật, thường dùng lời dịu dàng, quyến thuộc không chia rẽ, khéo hòa giải việc đua tranh kiện cáo, lời nói có lợi ích, không ghét không giận, thấy biết chân chánh sanh sang nước đó: The ten good deeds are the Bodhisattva's pure land, for when he attains Buddhahood, he will not die young, he will be wealthy, he will live purely, his words are true, his speech is gentle, his encourage will not desert him because of his gift of conciliation, his talk is profitable to others and living beings free from envy and anger and holding right views will be reborn in his land.
- Như thế, Bảo Tích! Bồ Tát tùy chỗ trực tâm mà hay phát hạnh; tùy chỗ phát hạnh mà được thâm tâm; tùy chỗ thâm tâm mà ý được điều phục; tùy chỗ ý được điều phục mà làm được như lời nói; tùy chỗ làm được như lời nói mà hay hồi hướng; tùy chỗ hồi hướng mà có phương tiện; tùy chỗ có phương tiện mà thành tựu chúng sanh, tùy chỗ thành tựu chúng sanh mà cõi Phật được thanh tịnh; tùy chỗ cõi Phật thanh tịnh mà nói Pháp thanh tịnh; tùy chỗ nói Pháp thanh tịnh mà trí huệ được thanh tịnh; tùy chỗ trí huệ thanh tịnh mà tâm thanh tịnh; tùy chỗ tâm thanh tịnh mà tất cả công đức đều thanh tịnh. Cho nên, này Bảo Tích! Bồ Tát muốn được cõi Phật thanh tịnh, nên làm cho tâm thanh tịnh; tùy chỗ Tâm thanh tịnh mà cõi Phật được thanh tịnh.”—So, Ratna-rasi, because of his straightforward mind, a Bodhisattva can act straightforwardly; because of his straightforward deeds, he realizes the profound mind; because of his profound mind his thoughts are kept under control; because of his controlled thoughts, his acts accord with the Dharma (he has heard); because of his deeds in accord with the Dharma, he can dedicate his merits to the benefit of others; because of this dedication, he can make use of expedient methods (upaya); because of his expedient methods, he can bring living beings to perfection; because he can bring them to perfection, his Buddha land is pure; because of his pure Buddha land, his preaching of the Dharma is pure; because of his pure preaching, his wisdom is pure; because of his pure wisdom, his mind is pure, and because of his pure mind, all his merits are pure. Therefore, Ratna-rasi, if a Bodhisattva wants to win the pure land, he should purify his mind and because of his pure mind, the Buddha land is pure.”
  - Lúc ấy ông Xá Lợi Phất nương oai thần của Phật mà nghĩ rằng: “Nếu tâm Bồ Tát thanh tịnh chắc chắn cõi Phật phải được thanh tịnh, vậy Thế Tôn ta khi trước làm Bồ Tát, tâm ý lẽ nào không thanh tịnh, sao cõi Phật này không thanh tịnh như thế?”—As Sariputra was fascinated by the Buddha's awe-inspiring majesty, he thought: “If the Buddha land is pure, because of the Bodhisattva's pure mind, is it because the mind of the World Honoured One was not pure when He was still in the Bodhisattva stage, that this Buddha land (i.e. this world) is so unclean (as we see it now)?”
  - Phật biết ông suy nghĩ vậy liền bảo rằng: “Ý ông nghĩ sao? Mặt trời, mặt trăng há không thanh tịnh sáng suốt ư, sao người mù không thấy?”—The Buddha knew of his thought and said to Sariputra: “Are the sun and the moon not clean when a blind man does not see their cleanliness?”
  - Xá Lợi Phất bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Chẳng phải thế. Đó là tại người mù, không phải lỗi ở mặt trời và mặt

- trắng.”—Sariputra said: “World Honoured One, this is the fault of the blind man and not that of the sun and the moon.”
- Phật bảo: “Xá Lợi Phất! Cũng thế, bởi chúng sanh do tội chướng nên không thấy được cõi nước của Như Lai thanh tịnh trang nghiêm, chớ không phải lỗi ở Như Lai. Nay Xá Lợi Phất! Cõi nước của ta đây vẫn thanh tịnh mà tại ông không thấy đó thôi.”—The Buddha said: “Sariputra, because of their (spiritual) blindness, living beings do not see the imposing majesty of the Tathagata’s pure land; this is not the fault of the Tathagata. Sariputra, this land of mine is pure but you do not see its purity.”
  - Lúc bấy giờ ông Loa Kế Phạm Vương thưa với ông Xá Lợi Phất rằng: “Ngài chớ nghĩ như thế, mà cho cõi Phật đây không thanh tịnh. Vì sao? Vì tôi thấy cõi nước của Phật Thích Ca Mâu Ni thanh tịnh, ví như cung trời Tự Tại.”—Thereupon, Brahma with a tuft of hair on his head (resembling a conch) said to Sariputra: “Don’t think this Buddha land is impure. Why? Because I see that the land of Sakyamuni Buddha is pure and clean, like a heavenly palace.”
  - Xá Lợi Phất nói: “Sao tôi thấy cõi này toàn gò nổng, hầm hố, chông gai, sỏi sạn, đất đá, núi non, nhơ nhớp đầy đầy như thế.”—Sariputra said: “I see that this world is full of hills, mountains, pits, thorns, stones and earth, which are all unclean.”
  - Loa Kế Phạm Vương thưa: “Đấy là do tâm của Ngài có cao thấp không nương theo trí tuệ của Phật nên thấy cõi này không thanh tịnh đó thôi. Thưa ngài Xá Lợi Phất! Bồ Tát đối với tất cả chúng sanh thấy đều bình đẳng, thâm tâm thanh tịnh y theo trí tuệ của Phật thì mới thấy được cõi Phật này thanh tịnh.”—Brahma said: “Because your mind is up and down and disagrees with the Buddha-wisdom, you see that this land is unclean. Sariputra, because a Bodhisattva is impartial towards all living beings and his profound mind is pure and clean in accord with the Buddha Dharma, he can see that this Buddha land is (also) pure and clean.”
  - Khi ấy Phật lấy ngón chơn phải ấn mạnh xuống đất, tức thì cõi Tam thiên đại thiên thế giới liền hiện ra bao nhiêu trăm ngàn thứ trân bảo trang nghiêm rực rỡ, như cõi Vô Lượng Công Đức Bảo Trang Nghiêm của Phật Bảo Trang Nghiêm mà tất cả đại chúng ngợi khen chưa từng có và đều thấy mình ngồi trên tòa sen báu—At that time, the Buddha pressed the toes of His (right ) foot on the ground and the world was suddenly adorned with hundreds and thousands of rare and precious gems of the great chiliocosm, like the precious Majestic Buddha’s pure land adorned with countless precious merits, which the assembly praised as never seen before; in addition each person present found himself seated on a precious lotus throne.
  - Phật bảo Xá Lợi Phất: “Ông hãy xem cõi Phật đây trang nghiêm thanh tịnh.”—The Buddha said to Sariputra: “Look at the majestic purity of this Buddha land of mine.”
  - Xá Lợi Phất thưa: “Dạ, bạch Thế Tôn! Từ trước đến giờ con chưa từng thấy chưa từng nghe nói đến cõi nước hiện rõ trang nghiêm thanh tịnh của Phật.”—Sariputra said: “World Honoured One, I have never seen and heard of this Buddha land in its majestic purity.”
  - Phật bảo: “Nay Xá Lợi Phất! Cõi nước của ta thường thanh tịnh như thế! Nhưng vì muốn độ những kẻ căn cơ hạ liệt nên thị hiện ra cõi này nhơ nhớp xấu xa bất tịnh đó thôi. Ví như chư Thiên đồng dùng một thứ bát bằng ngọc báu để ăn, nhưng tùy phước đức của mỗi vị mà sắc cơm có

khác. Như thế, Xá Lợi Phất! Nếu tâm người thanh tịnh, sẽ thấy cõi này công đức trang nghiêm.”—The Buddha said: “This Buddha land of mine is always pure, but appears filthy so that I can lead people of inferior spirituality to their salvation. This is like the food of devas which takes various colours according to the merits of each individual eater. So, Sariputra, the man whose mind is pure sees this world in its majestic purity.”

- Trong khi Phật hiện ra cõi nước trang nghiêm thanh tịnh, 500 vị trưởng giả tử do ông Bảo Tích dắt đến đều chứng được Vô sanh Pháp nhãn, tám vạn bốn ngàn người phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác—When this Buddha land (i.e. the world) appeared in its majestic purity, the five hundred sons of elders, who came with Ratna-rasi, realized the patient endurance of the uncreate (anuttarika-dharma-ksanti), and eighty-four thousand people developed their minds set on Supreme Enlightenment (anuttara-samyak-sambodhi).
- Bấy giờ Phật thân nhiếp thân tức lại, cõi nước trở thành như xưa. Ba vạn hai ngàn người và trời cầu Thanh Văn thừa đều nhận rõ các Pháp hữu vi là vô thường, xa lìa trần cấu đặng pháp nhãn thanh tịnh, tám ngàn vị Tỳ Kheo không còn chấp thọ các pháp, kiết lậu đã hết, tâm ý được giải thoát—The Buddha then stopped pressing His toes on the ground and the world returned to its previous (filthy) condition. Thirty-two thousand devas and men aspiring to the sravaka stage understood the impermanence of all phenomena, kept from earthly impurities and achieved the Dharma-eye (which sees the truth of the four noble truths); eight thousand bhiksus kept from phenomena and succeeded in putting an end to the stream of transmigration (thus realizing arhatship).

## CHƯƠNG 2—CHAPTER 2

### PHẨM PHƯƠNG TIỆN—THE EXPEDIENT METHOD (UPAYA) OF TEACHING

- Thuở ấy trong thành Tỳ Xá Ly có ông trưởng giả tên là Duy Ma Cật, đã từng cúng dường vô lượng các Đức Phật, sâu trồng cội lành, đặng Vô Sanh Pháp Nhãn. Sức biện tài vô ngại của ông đã khiến ông có khả năng du hí thần thông. Ông đã chứng các môn tổng trì, đặng sức vô úy, hàng phục ma oán, thấu rõ pháp môn thâm diệu, khéo nơi trí độ, thông đạt các pháp phương tiện, thành tựu đại nguyện. Ông biết rõ tâm chúng sanh đến đâu, hay phân biệt các căn lợi độn, ở lâu trong Phật đạo, lòng đã thuần thực, quyết định nơi Đại Thừa. Những hành vi đều khéo suy lường, giữ gìn đúng oai nghi của Phật, lòng rộng như bể cả. Chư Phật đều khen ngợi, hàng đệ tử, Đế Thích, Phạm Vương, vua ở thế gian, vân vân thấy đều kính trọng—In the great town of Vaisai, there was an elder called Vimalakirti, who had made offerings to countless Buddhas and had deeply planted all good roots, thereby, achieving the patient endurance of the uncreate. His unhindered power of speech enabled him to roam everywhere using his supernatural powers to teach others. He had achieved absolute control over good and evil influences (dharani) thereby, realizing fearlessness. So he overcame all passions and demons, entered all profound Dharma-doors to enlightenment, excelled in Wisdom perfection (prajna-paramita) and was well versed in all expedient methods (upaya) of teaching, thereby, fulfilling all great Bodhisatva vows. He knew very well the mental propensities of living beings and could distinguish their various (spiritual)

roots. For along time, he had trodden the Buddha-path and his mind was spotless. Since he understood Mahayana, all his actions were based on right thinking. While dwelling in the Buddha's awe-inspiring majesty, his mind was extensive like the great ocean. He was praised by all Buddhas and revered by Indra, Brahma and worldly kings.

- Vì muốn độ người, nên ông dùng phương tiện khéo thị hiện làm thân trưởng giả ở thành Tỳ Xá Ly, có của cải nhiều vô lượng để nhiếp độ các hạng dân nghèo; giữ giới thanh tịnh để nhiếp độ những kẻ phá giới; dùng hạnh điều hòa nhân nhục để nhiếp độ các người giận dữ; dùng đại tinh tấn để nhiếp độ những kẻ biếng nhác; dùng nhất tâm thiền tịch để nhiếp độ những kẻ tâm ý tán loạn; dùng trí tuệ quyết định để nhiếp độ những kẻ vô trí; tuy làm người bạch y cư sĩ mà giữ gìn giới hạnh thanh tịnh của Sa Môn. Tuy ở tại gia mà không đắm nhiễm ba cõi. Tuy thị hiện có vợ con, nhưng thường tu phạm hạnh. Dù có quyến thuộc, nhưng ưa sự xa lìa. Dù có đồ quý báu, mà dùng tướng tốt để nghiêm thân. Dù có uống ăn mà dùng thiền duyệt làm mùi vị. Nếu khi đến chỗ cờ bạc, hát xướng thì ông lợi dụng cơ hội để độ người. Dù thọ các pháp ngoại đạo nhưng chẳng tổn hại lòng chánh tín. Tuy hiểu rõ sách thế tục mà thường ưa Phật pháp, được tất cả mọi người cung kính. Nắm giữ chánh pháp để nhiếp độ kẻ lớn người nhỏ. Tất cả những việc trị sanh, buôn bán làm ăn hùn hợp, dù được lời lãi của đời, nhưng chẳng lấy đó làm vui mừng. Đạo chơi nơi ngã tư đường cái để lợi ích chúng sanh. Vào việc trị chánh để cứu giúp tất cả. Đến chỗ giảng luận dẫn dạy cho pháp Đại Thừa. Vào nơi học đường dạy dỗ cho kẻ đồng môn. Vào chỗ dâm dục để chỉ bày sự hại của dâm dục. Vào quán rượu mà hay lập chí. Nếu

ở trong hàng trưởng giả, là bậc tôn quý trong hàng trưởng giả, giảng nói các pháp thù thắng. Nếu ở trong hàng cư sĩ, là bậc tôn quý trong hàng cư sĩ, dứt trừ lòng tham đắm cho họ. Nếu ở trong dòng Sát Đế Lợi, là bậc tôn quý trong dòng Sát Đế Lợi, dạy bảo cho sự nhân nhục. Nếu ở trong dòng Bà La Môn, là bậc tôn quý trong dòng Bà La Môn, khéo trừ lòng ngã mạn của họ. Nếu ở nơi Đại thần là bậc tôn quý trong hàng Đại thần, dùng chánh pháp để dạy dỗ. Nếu ở trong hàng Vương tử, là bậc tôn quý trong hàng Vương tử, chỉ dạy cho lòng trung hiếu. Nếu ở nơi nội quan, là bậc tôn quý trong hàng nội quan, khéo dạy dỗ các hàng cung nữ. Nếu ở nơi thứ dân, là bậc tôn quý trong hàng thứ dân, chỉ bảo làm việc phước đức. Nếu ở nơi trời Phạm Thiên, là bậc tôn quý trong Phạm Thiên, dạy bảo cho trí tuệ thù thắng. Nếu ở nơi trời Đế Thích, là bậc tôn quý trong Đế Thích, chỉ bày cho pháp vô thường. Nếu ở nơi trời Tứ Thiên Vương hộ thế, là bậc tôn quý trong Tứ thiên vương hộ thế, hằng ủng hộ chúng sanh. Trưởng giả Duy Ma Cật dùng cả thân vô lượng phương tiện như thế làm cho chúng sanh đều được lợi ích—As he was set on saving men, he expediently stayed at Vaisali for this purpose. He used his unlimited wealth to aid the poor; he kept all the rules of morality and discipline to correct those breaking the precepts; he used his great patience to teach those giving rise to anger and hate; he taught zeal and devotion to those who were remiss; he used serenity to check stirring thoughts; and employed decisive wisdom to defeat ignorance. Although wearing white clothes (of the laity) he observed all the rules of the Sangha. Although a layman, he was free from all attachments to the three worlds (of desire, form and beyond form). Although he was married

and had children, he was diligent in his practice of pure living. Although a householder, he delighted in keeping from domestic establishments. Although he ate and drank (like others), he delighted in tasting the flavour of moderation. When entering a gambling house, he always tried to teach and deliver people there. He received heretics but never strayed from the right faith. Though he knew worldly classics, he always took joy in the Buddha Dharma. He was revered by all who met him. He upheld the right Dharma and taught it to old and young people. Although occasionally he realized some profit in his worldly activities, he was not happy about these earnings. While walking in the street, he never failed to convert others (to the Dharma). When he entered a government office, he always protected others (from injustice). When joining a symposium, he led others to the Mahayana. When visiting a school he enlightened the students. When entering a house of prostitution, he revealed the sin of sexual intercourse. When going to a tavern, he stuck to his determination (to abstain from drinking). When amongst elders he was the most revered for he taught them the exalted Dharma. When amongst upasakas, he was the most respected for he taught them how to wipe out all desires and attachments. When amongst those of the ruling class, he was the most revered, for he taught them forbearance. When amongst Brahmins, he was the most revered, for he taught them how to conquer pride and prejudice. When amongst government officials he was the most revered, for he taught them correct law. When amongst princes, he was the most revered, for he taught them loyalty and filial piety. When in the inner

palaces, he was the most revered, for he converted all maids of honour there. When amongst common people, he was the most revered, for he urged them to cultivate all meritorious virtues. When amongst Brahma-devas, he was the most revered, for he urged the gods to realize the Buddha wisdom. When amongst Sakras and Indras, he was the most revered, for he revealed to them the impermanence (of all things). When amongst lokapalas, he was the most revered, for he protected all living beings. Thus, Vimalakirti used countless expedient methods (upaya) to teach for the benefit of living beings.

- Ông dùng phương tiện hiện thân có bệnh. Do ông có bệnh nên các vị Quốc Vương, Đại thần, Cư sĩ, Bà la môn cả thấy cùng các vị Vương tử với bao nhiêu quan thuộc vô số ngàn người đều đến thăm bệnh. Ông như dịp thân bệnh mới rộng nói Pháp: “Này các nhân giả! Cái huyễn thân này thật là vô thường, nó không có sức, không mạnh, không bền chắc, là vật mau hư hoại, thật không thể tin cậy. Nó là cái ổ chứa nhóm những thứ khổ não bệnh hoạn. Các nhân giả! Người có trí sáng suốt không bao giờ nương cậy nó. Nếu xét cho kỹ thì cái thân này như đồng bọt không thể cầm nắm; thân này như bóng nổi không thể còn lâu; thân này như ánh nắng dọi giữa đồng, do lòng khát ái sanh; thân này như cây chuối không bền chắc; thân này như đồ huyễn thuật, do nơi điên đảo mà ra; thân này như cảnh chiêm bao, do hư vọng mà thấy có; thân này như bóng của hình, do nghiệp duyên hiện; thân này như vang của tiếng, do nhân duyên thành; thân này như mây nổi, trong giây phút tiêu tan; thân này như điện chớp sanh diệt rất mau lẹ, niệm niệm không dừng; thân này không chủ, như là đất; thân này không có ta, như là lửa;

thân này không trường thọ, như là gió; thân này không có nhân, như là nước; thân này không thật, bởi tứ đại giả hợp mà thành; thân này vốn không, nếu lia ngã và ngã sở; thân này là vô tri, như cây cỏ, ngói, đá; thân này vô tác (không có làm ra), do gió nghiệp chuyển lay; thân này là bất tịnh, chứa đầy những thứ dơ bẩn; thân này là giả dối, dầu có tắm rửa ăn mặc tử tế rốt cuộc nó cũng tan rã; thân này là tai họa, vì đủ các thứ bệnh hoạn khổ não; thân này như giếng khô trên gò, vì nó bị sự già yếu ép ngặt; thân này không chắc chắn, vì thế nào nó cũng phải chết; thân này như rắn độc, như kẻ cướp giặc, như chốn không tự, vì do ẩm, giới, nhập hợp thành—Now using upaya he appeared ill and because of his indisposition kings, ministers, elders, upasakas, Brahmins, etc., as well as princes and other officials reaching many thousands came to enquire after his health. So Vimalakirti appeared in his sick body to receive and expound the Dharma to them, saying: “Virtuous ones, the human body is impermanent; it is neither strong nor durable; it will decay and is, therefore, unreliable. It causes anxieties and sufferings, being subject to all kinds of ailments. Virtuous ones, all wise men do not rely on this body which is like a mass of foam, which is intangible. It is like a bubble and does not last for a long time. It is like a flame and is the product of the thirst of love. It is like a banana tree, the centre of which is hollow. It is like an illusion being produced by inverted thoughts. It is like a dream being formed by false views. It is like a shadow and is caused by karma. This body is like an echo for it results from causes and conditions. It is like a floating cloud, which disperses any moment. It is like lightning for it does not

stay for the time of a thought. It is without owner for it is like the earth. It is egoless for it is like fire (that kills itself). It is transient like the wind. It is not human for it is like water. It is unreal and depends on the four elements for its existence. It is empty, being neither ego nor its object. It is without knowledge like grass, trees and potsherd. It is not the prime mover, but is moved by the wind (of passions). It is impure and full of filth. It is false, and though washed, bathed, clothed and fed, it will decay and die in the end. It is a calamity being subject to all kinds of illnesses and sufferings. It is like a dry well, for it is pursued by death. It is unsettled and will pass away. It is like a poisonous snake, a deadly enemy, a temporary assemblage (without underlying reality), being made of the five aggregates, the twelve entrances (the six organs and their objects) and the eighteen realms of sense (the six organs, their objects and their perceptions).

- Các nhân giả! Hãy nên nhàm chán cái thân này, chớ tham tiếc nó, phải nên ưa muốn thân Phật. Vì sao? Vì thân Phật là Pháp Thân, do vô lượng công đức trí tuệ sanh; do giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến sanh; do từ bi hỷ xả sanh; do bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ, và phương tiện sanh; do lục thông, tam minh sanh; do 37 phẩm trợ đạo sanh; do chỉ quán sanh; do thập lực, tứ vô úy, thập bát bất cộng sanh; do đoạn trừ tất cả các pháp bất thiện, tu các pháp thiện sanh; do chân thật sanh; do không buông lung sanh; do vô lượng pháp thanh tịnh như thế sanh ra thân Như Lai—“Virtuous ones, the (human) body being so repulsive, you should seek the Buddha body. Why? Because the Buddha body is called Dharmakaya, the product of



- boundless merits and wisdom; the outcome of discipline, meditation, wisdom, liberation and perfect knowledge of liberation; the result of kindness, compassion, joy and indifference (to emotions); the consequence of (the six perfections or paramitas) charity, discipline, patience, zeal, meditation and wisdom and the sequel of expedient teaching (upaya); the six supernatural powers; the three insights; the thirty-seven stages contributory to enlightenment; serenity and insight; the ten transcendental powers (dasabala); the four kinds of fearlessness; the eighteen unsurpassed characteristics of the Buddha; the wiping out of all evils and the performance of all good deeds; truthfulness, and freedom from looseness and unrestraint. So countless kinds of purity and cleanness produce the body of the Tathagata.
- Nầy các nhân giả, muốn được thân Phật, đoạn tất cả bệnh chúng sanh thì phải phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác—Virtuous Ones, if you want to realize the Buddha body in order to get rid of all the illnesses of a living being, you should set your minds on the quest of supreme enlightenment (anuttara-samyak-sambodhi).”
  - Như vậy, trưởng giả Duy Ma Cật vì những người đến thăm bệnh, mà nói pháp làm cho vô số ngàn người đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác—Thus, the elder Vimalakirti expounded the Dharma to all those who came to enquire after his health, urging countless visitors to seek supreme enlightenment.
  - Lúc bấy giờ trưởng giả Duy Ma Cật tự hỏi: “Nay ta bệnh nằm ở giường, Thế Tôn là đấng Đại Từ, lẽ đâu không đoái lòng thương xót!”—Vimalakirti wondered why the great compassionate Buddha did not take pity on him as he was confined to bed suffering from an indisposition.
  - Phật đã biết ý ông, liền bảo Xá Lợi Phất rằng: “Ông đi đến thăm bệnh ông Duy Ma Cật dùm tôi.”—The Buddha knew of his thought and said to Sariputra: “Go to Vimalakirti to enquire after his health on my behalf.”
  - Xá Lợi Phất bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Con không kham lãnh đến thăm bệnh ông ta. Vì sao? Nhớ lại trước kia, con từng ở trong rừng tọa thiền yên lặng dưới gốc cây, khi ấy ông Duy Ma Cật đến bảo con rằng: “Thưa ngài Xá Lợi Phất! Bất tất ngồi sưng đó mới là ngồi yên lặng. Vả chẳng ngồi yên lặng là ở trong ba cõi mà không hiện thân ý, mới là ngồi yên lặng; không khởi diệt tận định mà hiện các oai nghi, mới là ngồi yên lặng; không rời đạo pháp mà hiện các việc phàm phu, mới là ngồi yên lặng; tâm không trụ trong cũng không ở ngoài mới là ngồi yên lặng; đối với các kiến chấp không động mà tu ba mươi bảy phẩm trợ đạo mới là ngồi yên lặng; không đoạn phiền não mà vào Niết Bàn mới là ngồi yên lặng. Nếu ngồi yên lặng như thế là chỗ Phật ấn khả (chứng nhận) vậy.”—Sariputra said: “World Honoured One, I am not qualified to call on him and enquire after his health. The reason is that once, as I was sitting in meditation under a tree in a grove, Vimalakirti came and said: ‘Sariputra, meditation is not necessarily sitting. For meditation means the non-appearance of body and mind in the three worlds (of desire, form and no form); giving no thought to inactivity when in nirvana while appearing (in the world) with

### CHƯƠNG BA—CHAPTER THREE

#### PHẨM ĐỆ TỬ—THE DISCIPLES

##### 1) XÁ LỢI PHẤT—SARIPUTRA:

respect-inspiring deportment; not straying from the Truth while attending to worldly affairs; the mind abiding neither within nor without; being imperturbable to wrong views during the practice of the thirty-seven contributory stages leading to enlightenment: and not wiping out troubles (klesa) while entering the state of nirvana. If you can thus sit in meditation, you will win the Buddha's seal.'

- Bạch Thế Tôn! Lúc ấy con nghe nói những lời đó rồi, im lặng không trả lời đặng, nên con không dám đến thăm bệnh ông—"World Honoured One, when I heard his speech I was dumbfounded and found no word to answer him. Therefore I am not qualified to call on him and enquire after his health."

2) MỤC KIẾN LIÊN—  
MAUDGALYAYANA:

- Sau đó Phật bảo Mục Kiến Liên: "Ông đến thăm bệnh ông Duy Ma Cật dùm tôi."—The Buddha then said to Maudgalaputra: "Go to Vimalakirti and enquire after his health on my behalf."
- Mục Kiến Liên bạch Phật: "Bạch Thế Tôn! Con không kham lãnh đến thăm bệnh ông ấy. Vì sao? Nhớ lại trước kia, con vào trong thành Tỳ Xá Ly, ở trong xóm làng nói Pháp cho các hàng cư sĩ nghe, lúc ấy ông Duy Ma Cật đến bảo con rằng 'Này ngài Đại Mục Kiến Liên, nói Pháp cho bạch y cư sĩ, không phải như ngài nói đó. Vả chẳng nói Pháp phải đúng như pháp (xứng tánh) mà nói. Pháp không chúng sanh, lia chúng sanh cấu; Pháp không có ngã, lia ngã cấu; Pháp không có thọ mạng, lia sanh tử; Pháp không có nhơn, lần trước lần sau đều dứt; Pháp thường vắng lặng, bật hết các tướng; Pháp lia các tướng, không phải cảnh bị duyên; Pháp không danh tự, dứt đường ngôn ngữ; Pháp không nói năng,

lia giác quán; Pháp không hình tướng, như hư không; Pháp không hý luận, rốt ráo là không; Pháp không ngã sở, lia ngã sở; Pháp không phân biệt, lia các thức; Pháp không chi so sánh, không có đối đãi; Pháp không thuộc nhơn, không nhờ duyên; Pháp đồng pháp tánh, khắp vào các Pháp; Pháp tùy nơi như không có chỗ tùy; Pháp trụ thực tế, các bên hữu, vô thường, đoạn, không động được; Pháp không lay động, không nương sáu trần; Pháp không tới lui, thường không dừng trụ; Pháp thuận 'không,' tùy 'vô tướng,' ứng 'vô tác;' Pháp lia tốt xấu; Pháp không thêm bớt; Pháp không sanh diệt; Pháp không chỗ về; Pháp ngoài mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý; Pháp không cao thấp; Pháp thường trụ không động; Pháp lia tất cả quán hạnh. Thưa ngài Đại Mục Kiến Liên! Pháp tướng như thế đâu có thể nói ư?—Maudgalyayana said: "World Honoured One, I am not qualified to call on him to enquire after his health. The reason is that one day when I came to Vaisali to expound the Dharma to lay Buddhists (upasakas) in the street there, Vimalakirti came and said: "Hey Maudgalyayana, when expounding the Dharma to these upasakas, you should not preach like that for what you teach should agree with the absolute Dharma, which is free from the (illusion of) living beings; is free from the self for it is beyond an ego; from life for it is beyond birth and death and from the concept of a man which lacks continuity (thought seemingly continuous, like a torch whirled around); is always still for it is beyond (stirring) phenomena; is above form for it is causeless; is inexpressible for it is beyond word and speech; is inexplicable for it is beyond intellect; is formless like empty space; is beyond sophistry for it is immaterial; is egoless for it is beyond (the duality of) subject

- and object; is free from discrimination for it is beyond consciousness; is without compare for it is beyond all relativities; is beyond cause for it is causeless; is identical with Dharmata (or Dharma-nature), the underlying nature (of all things); is in line with the absolute for it is independent; dwells in the region of absolute reality, being above and beyond all dualities; is unmovable for it does not rely on the six objects of sense; neither comes nor goes for it does not stay anywhere; is in line with voidness, formlessness and inactivity; is beyond beauty and ugliness; neither increases nor decreases; is beyond creation and destruction; does not return to anywhere; is above the six sense organs of eye, ear, nose, tongue, body and mind; is neither up nor down; is eternal and immutable; and is beyond contemplation and practice. “Maudgalyayana, such being the characteristics of the Dharma, how can it be expounded?”
- Vả chẳng người nói Pháp, không nói, không dạy; còn người nghe, cũng không nghe không được. Ví như nhà huyền thuật nói Pháp cho người huyền hóa nghe, phải dụng tâm như thế mà nói Pháp. Phải biết căn cơ của chúng sanh có lợi có độn, khéo nơi tri kiến không bị ngăn ngại, lấy tâm đại bi khen ngợi Pháp Đại Thừa, nghĩ nhớ đền trả ơn Phật, chớ để ngôi Tam Bảo đứt mất, như vậy mới nên nói Pháp—For expounding, it is beyond speech and indication, and listening to it is above hearing and grasping. This is like a conjurer expounding the Dharma to illusory men, and you should always bear all this in mind, when expounding the Dharma. You should be clear about the sharp or dull roots of your audience and have a good knowledge of this to avoid all sorts of hindrance. Before expounding
- the Dharma, you should use your great compassion (for all living beings) to extol Mahayana to them and think of repaying your own debt of gratitude to the Buddha by striving to preserve the three treasures (of Buddha, Dharma and Sangha) for ever.
- Khi ông Duy Ma Cật nói Pháp ấy rồi, tám trăm Cư sĩ phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Con không được biện tài như thế, nên không dám lãnh đến thăm bệnh ông—“When Vimalakirti spoke, eight hundred upasakas set their minds on seeking supreme enlightenment (anuttara-samyak-sambodhi). I do not have the eloquence and I am, therefore, not fit to call on him to inquire after his health.”
- 3) **ĐẠI CA DIẾP—MAHAKASYAPA:**
- Phật bảo Đại Ca Diếp: Ông đi đến thăm bệnh ông Duy Ma Cật dùm tôi.—The Buddha then said to Mahakasyapa: “Go to Vimalakirti to enquire after his health on my behalf.”
  - Đại Ca Diếp bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Con không kham lãnh đến thăm bệnh ông ta. Vì sao? Con nhớ lại trước kia, khi khát thực trong xóm nhà nghèo, lúc ấy ông Duy Ma Cật đến nói với con rằng ‘Này ngài Đại Ca Diếp! Có lòng từ bi mà không phở cập là bỏ nhà giàu mà đi đến nhà nghèo. Ngài Đại Ca Diếp! Ở Pháp bình đẳng nên đi khát thực theo thứ lớp. Vì không ăn mà đi khát thực; vì phá tướng hòa hiệp mà bốc cơm ăn; vì không nhận mà nhận món ăn của người; vì tưởng không tụ mà vào làng xóm; có thấy sắc cũng như người đui; có nghe tiếng cũng như vang; có ngửi mùi cũng như gió; lúc nếm vị không phân biệt; chạm các vật như trí chứng; biết các Pháp tướng như huyền, không có tự tánh, không có tha tánh, trước vốn không sanh, nay cũng không diệt. Ngài Đại Ca Diếp! Nếu có

thể không bỏ bát tà mà vào bát giải thoát, dùng bát tướng mà vào Chánh Pháp, dùng một bữa ăn mà thí cho tất cả, cúng dường chư Phật và các bậc hiền thánh rồi sau mới ăn. Ăn như thế, không phải có phiền não, không phải rời phiền não, không phải vào định ý, không ra định ý, không phải ở thế gian, không phải ở Niết Bàn, người thí không có phước lớn, không có phước nhỏ, không được lợi ích, không bị tổn hại, đó chính là vào Phật đạo, không nương theo hạnh Thanh Văn. Ngài Ca Diếp! Nếu ăn như thế là ăn đồ cúng thí của người không uống vậy—Mahakasyapa said: “World Honoured One, I am not qualified to call on him to inquire after his health. The reason is that once when I went begging for food in a lane inhabited by poor people, Vimalakirti came and said: “Hey, Mahakasyapa, you are failing to make your kind and compassionate mind all-embracing by begging from the poor while staying away from the rich. Mahakasyapa, in your practice of impartiality, you should call on your donors in succession (regardless of whether they are poor or rich). You should beg for food without the (ulterior) idea of eating it. To wipe out the concept of rolling (food into a ball in the hand), you should take it by the hand (i.e. without the idea of how you take it). You should receive the food given without the idea of receiving anything. When entering a village, you should regard it as void like empty space. When seeing a form, you should remain indifferent to it. When you hear a voice, you should consider it (as meaningless as) an echo. When you smell an odor, take it for the wind (which has no smell). When you eat, refrain from discerning the taste. Regard all touch as if you were realizing

wisdom (which is free from feelings and emotions). You should know that all things are illusory, having neither nature of their own nor that of something else, and that since fundamentally, they are not self-existent, they cannot now be the subject of annihilation. Mahakasyapa, if you can achieve all eight forms of liberation without keeping from the eight heterodox ways (of life), that is by identifying heterodoxy with orthodoxy (both as emanating from the same source), and if you can make an offering of your (own) food to all living beings as well as to all Buddhas and all members of the Sangha, then you can take the food. Such a way of eating is beyond the troubles (of the worldly man) and the absence of the troubles of Hinayana men); above the state of stillness (in which Hinayana men abstain from eating) and the absence of stillness (of Mahayana men who eat while in the state of serenity); and beyond both dwelling in the worldly state or in nirvana, while your donors reap neither great nor little merits, what they give being neither beneficial nor harmful. This is correct entry upon the Buddha path without relying on the small way of sravakas. Mahakasyapa, if you can so eat the food given you, your eating shall not be in vain.”

- Bạch Thế Tôn! Lúc đó con nghe ông Duy Ma Cật nói lời ấy tỏ ngộ được điều chưa từng có, càng sâu khởi tâm cung kính tất cả các vị Bồ Tát. Con lại nghĩ rằng: “Kể danh gia này có biện tài trí tuệ mới được như thế! Ai nghe mà chẳng phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác? Từ ấy đến nay, con chẳng còn đem hạnh Thanh Văn, Bích Chi Phật để khuyên dạy người, vì thế nên con không kham lãnh đến thăm bệnh ông—“World Honoured One, when I listened to his words which I had never

heard before, I gave rise to profound reverence to all Bodhisattvas and thought, ‘His wisdom and power of speech being such, who will fail to develop a mind set on supreme enlightenment?’ Since then I have refrained from urging people to follow the practices of sravakas and pratyeka-buddhas. Hence, I am not qualified to call on him to inquire after his health.”

4) **TU BỒ ĐỀ—SUBHUTI:**

- Phật bảo Tu Bồ Đề: “Ông đi đến thăm bệnh ông Duy Ma Cật dùm ta.”—The Buddha then said to Subhuti: “You call on Vimalakirti to enquire after his health on my behalf.”
- Tu Bồ Đề bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Con không kham lãnh đến thăm bệnh ông ta. Vì sao? Nhớ lại thuở trước, con vào khất thực nơi nhà ông, lúc đó trưởng giả Duy Ma Cật lấy cái bát của con đựng đầy cơm rồi nói với con rằng ‘Thưa ngài Tu Bồ Đề! Đối với cơm bình đẳng, thì các Pháp cũng bình đẳng, các Pháp bình đẳng thì cơm cũng bình đẳng, đi khất thực như thế mới nên lãnh món ăn. Như Tu Bồ Đề không trừ dâm nô si, cũng không chung cùng với nó, không hoại thân mà theo một hình tướng, không dứt si ái sanh ra giải thoát, ở tướng ngũ nghịch mà đặng giải thoát, không mở cũng không buộc, không thấy tứ đế cũng không phải không đắc quả, không phải phạm phũ cũng không phải rời phạm phũ, không phải Thánh nhơn, không phải không Thánh nhơn, tuy làm nên tất cả các Pháp mà rời tướng các Pháp, thế mới nên lấy món ăn. Như Tu Bồ Đề không thấy Phật, không nghe Pháp, bọn lục sư ngoại đạo kia như Phú Lan Na Ca Diếp, Mạc Đà Lê Câu Xa Lê Tử, San Xà Dạ Tỳ La Chi Tử, A Kỳ Đa Xá Khâm Ba La, Ca La Cưu Đà Ca Chiên Diên, Ni Kiên Đà Nhã Đề Tử là thầy của Ngài. Ngài theo bọn kia xuất

gia, bọn lục sư kia đọa, Ngài cũng đọa theo, mới nên lấy món ăn. Tu Bồ Đề! Nếu Ngài vào nơi tà kiến, không đến bờ giác, ở nơi tám nạn, đồng với phiền não, lia Pháp thanh tịnh, ngài được vô tránh tam muội, tất cả chúng sanh cũng được tam muội ấy, những người thí cho Ngài chẳng gọi phước điền, những kẻ cúng dường cho Ngài đọa vào ba đường ác, ngài cùng với ma nắm tay nhau làm bạn lũ, Ngài cùng với các ma và các trần lao như nhau không khác, đối với tất cả chúng sanh mà có lòng oán hận, khinh báng Phật, chê bai Pháp, không vào số chúng Tăng, hoàn toàn không được diệt độ, nếu Ngài được như thế mới nên lấy món ăn—Subhuti said: “World Honoured One, I am not qualified to call on him and enquire after his health. The reason is that once when I went to his house begging for food, he took my bowl and filled it with rice, saying: ‘Subhuti, if your mind set on eating is in the same state as when confronting all (other) things, and if this uniformity as regards all things equally applies to (the act of) eating, you can then beg for food and eat it. Subhuti, if without cutting off carnality, anger and stupidity you can keep from these (three) evils: if you do not wait for the death of your body to achieve the oneness of all things; if you do not wipe out stupidity and love in your quest of enlightenment and liberation; if you can look into (the underlying nature of) the five deadly sins to win liberation, with at the same time no idea of either bondage or freedom; if you give rise to neither the four noble truths nor their opposites; if you do not hold both the concept of winning and not winning the holy fruit; if you do not regard yourself as a worldly or unworldly man, as a saint or not as a saint; if you perfect all Dharmas while keeping away from the

- concept of Dharmas, then can you receive and eat the food. Subhuti, if you neither see the Buddha nor hear the Dharma; if the six heterodox teachers, Puranakasyapa, Maskari-gosaliputra, Yanjaya-vairatiputra, Ajita-kesakambala, Kakudakatyayana and Nirgrantha-jnatiputra are regarded impartially as your own teachers and if, when they induce leavers of home into heterodoxy, you also fall with the latter; then you can take away the food and eat it. If you are (unprejudiced about) falling into heresy and regard yourself as not reaching the other shore (of enlightenment); if you are unprejudiced about the eight sad conditions and regard yourself as not free from them; if you are unprejudiced about defilements and relinquish the concept of pure living; if when you realize samadhi in which there is absence of debate or disputation, all living beings also achieve it; if your donors of food are not regarded (with partiality) as (cultivating) the field of blessedness; if those making offerings to you are partially looked on as also falling into the three evil realms of existence; if you impartially regard demons as your companions without differentiating between them as well as between other forms of defilement; if you are discontented with all living beings, defame the Buddha, break the law (Dharma), do not attain the holy rank and fail to win liberation; then you can take away the food and eat it.
- Bạch Thế Tôn! Lúc đó con nghe những lời ấy rồi mờ mịt không biết là nói gì, cũng không biết lấy lời chi đáp, con liền để bát lại muốn ra khỏi nhà ông. Ông Duy Ma Cật nói ‘Thưa Ngài Tu Bồ Đề! Ngài lấy bát chớ sợ! Ý Ngài nghĩ sao? Như Phật biến ra một ngàn người huyễn hóa và nếu người huyễn hóa đó đem việc
  - này hỏi Ngài, chừng ấy Ngài có sợ chẳng?’ Con đáp: “Không sợ!” Trưởng giả Duy Ma Cật lại nói: “Tất cả các Pháp như tướng huyễn hóa, ngài không nên có tâm sợ sệt. Vì sao? Vì tất cả lời nói năng không lia tướng huyễn hóa, chỉ như người trí không chấp vào văn tự, nên không sợ. Vì sao thế? Tánh văn tự vốn ly, không có văn tự đó là giải thoát. Tướng giải thoát đó là các Pháp vậy.”—“World Honoured One, I was dumbfounded when I heard his words, which were beyond my reach, and to which I found no answer. Then I left the bowl of rice and intended to leave his house but Vimalakirti said: ‘Hey, Subhuti, take the bowl of rice without fear. Are you frightened when the Tathagata makes an illusory man ask you questions? I replied: ‘No.’ He then continued: ‘All things are illusory and you should not fear anything. Why? Because words and speech are illusory. So all wise men do not cling to words and speech, and this is why they fear nothing. Why? Because words and speech have no independent nature of their own and, when they are no more, you are liberated. This liberation will free you from all bondage.’
  - Khi ông Duy Ma Cật nói Pháp ấy rồi, hai trăm Thiên tử được Pháp nhãn thanh tịnh. Vì thế nên con không kham lãnh đến thăm bệnh ông.”—“When Vimalakirti expounded the Dharma two hundred sons of devas realized the Dharma eye. Hence I am not qualified to call on him to inquire after his health.”
- 5) **PHÚ LÂU NA—PURUNA:**
- Phật bảo Phú Lâu Na Di Đa La Ni Tử: “Ông đi đến thăm bệnh ông Duy Ma Cật dùm tôi.”—The Buddha then said to Purnamaitrayaniputra: “You call on Vimalakirti to enquire after his health on my behalf.”
  - Phú Lâu Na bạch Phật: “Bạch Thế Tôn!

Con không kham lãnh đến thăm bệnh ông ta. Vì sao? Nhớ lại trước kia con ở trong rừng lớn, dưới cội cây nói Pháp cho Tỳ Kheo mới học, lúc đó ông Duy Ma Cật đến bảo con: “Thưa Phú Lô Na! Ngài nên nhập định trước để quan sát tâm địa của những người này, rồi sau mới nói đến nói Pháp. Ngài chớ đem món ăn dơ để trong bát báu, phải biết rõ tâm niệm của các vị Tỳ Kheo này, chớ cho ngọc lưu ly đồng với thủy tinh. Ngài không biết được căn nguyên của chúng sanh, chớ nên dùng Pháp Tiểu Thừa mà phát khởi cho họ, những người kia tự không có tì vết, chớ làm cho họ có tì vết, họ muốn đi đường lớn, chớ chỉ lối nhỏ. Ngài chớ nên đem biển lớn để vào chậu chôn trâu, chớ cho ánh sáng mặt trời đồng với lửa đom đóm. Ngài Phú Lô Na! Những vị Tỳ Kheo này đã phát tâm Đại Thừa từ lâu, giữa chừng quên lãng, nay sao lại lấy Pháp Tiểu Thừa dẫn dạy họ? Tôi xem hàng Tiểu Thừa trí huệ cạn kiệt cũng như người mù, không phân biệt được căn tánh lợi độn của chúng sanh—Purnamaitrayaniputra said: “World Honoured One, I am not qualified to call on him and enquire after his health. This is because when I was once in a grove and was expounding the Dharma under a tree to a group of newly initiated bhiksus, Vimalakirti came and said: “Hey, Purnamaitraynaiputra, you should first enter the state of samadhi to examine the minds of your listeners before expounding the Dharma to them. Do not put rotten food in precious bowls. You should know their minds and do not take their precious crystal for (ordinary) glass. If you do not know their propensities, do not teach them Hinayana. They have no wounds, so do not hurt them. To those who want to tread the wide path, do not show narrow tracks. Do not enclose the great sea in the

print of an ox’s foot; do not liken sunlight to the dim glow of a firefly. Purnamaitryaniputra, these bhiksus have long ago developed the Mahayana mind but they now forget all about it; how can you teach them Hinayana? Wisdom as taught by Hinayana is shallow; it is like a blind man who cannot discern the sharp from the dull roots of living beings.”

- Lúc bấy giờ ông Duy Ma Cật liền nhập tam muội (chánh định) làm cho những vị Tỳ Kheo đó biết được kiếp trước của mình đã từng ở nơi 500 Đức Phật vun trồng các cội đức, hồi hướng về đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, liền đó rộng suốt trở lại đặng bốn tâm Đại Thừa. Khi ấy các vị Tỳ Kheo cúi đầu đánh lễ nơi chơn ông Duy Ma Cật, ông liền nhân đó nói Pháp làm cho tất cả không còn thối lui nơi đạo Vô thượng Bồ Đề—At that time, Vimalakirti entered the state of samadhi and caused the bhiksus to remember their former lives when they had met five hundred Buddhas and had then planted seeds of excellent virtues, which they had dedicated to their quest of supreme enlightenment; they instantly awakened to their past and recovered their fundamental minds. They at once bowed with their heads at the feet of Vimalakirti, who then expounded the Dharma to them; they resumed their quest of supreme enlightenment without backsliding.
- Con nghĩ hàng Thanh Văn như con không quán được căn cơ của người, không nên nói Pháp. Vì thế con không kham lãnh đến thăm bệnh ông—I think that Sravakas, who do not know how to look into the roots of their listeners, should not expound the Dharma. Hence, I am not qualified to call on Vimalakirti to inquire after his health.

6) **MA HA CA CHIÊN DIÊN—**

**MAHAKATYAYANA:**

- Phật bảo Ma Ha Ca Chiên Diên: “Ông đến thăm bệnh ông Duy Ma Cật dùm tôi.”—The Buddha then said to Mahakatyayana: “You go to Vimalakirti to enquire after his health on my behalf.”
- Ca Chiên Diên bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Con không kham lãnh đến thăm bệnh ông ta. Vì sao? Nhớ lại lúc trước, Phật nói lược qua yếu chỉ các Pháp cho các Tỳ Kheo nghe, sau khi đó, con diễn nói lại nghĩa ấy, là những nghĩa vô thường, khổ, không, vô ngã, và tịch diệt. Lúc bấy giờ ông Duy Ma Cật đến nói với con rằng: ‘Thưa ngài Ca Chiên Diên! Ngài chớ nên đem tâm hạnh sanh diệt mà nói Pháp thực tướng. Ngài Ca Chiên Diên! Các Pháp rất ráo không sanh, không diệt, là nghĩa vô thường, năm ấm rỗng không, không chỗ khởi nghĩa khổ; các Pháp rất ráo không có, là nghĩa không; ngã và vô ngã không hai, là nghĩa vô ngã; Pháp trước không sanh, nay cũng không diệt, là nghĩa tịch diệt.’—Mahakatyayana said: “World Honoured One, I am not qualified to call on him and inquire after his health. For once after the Buddha had expounded the essential aspects of the Dharma to a group of bhiksus, I followed Him to explain to them the meanings of impermanence, suffering, voidness, egolessness and nirvana. “Vimalakirti came and said: ‘Hey, Mahakatyayana, do not use your mortal mind to preach immortal reality. Mahakatyayana, all things are fundamentally above creation and destruction; this is what impermanence means. The five aggregates are perceived as void and not arising; this is what suffering means. All things are basically non-existent; this is what voidness means. Ego and its absence are not a duality; this is what egolessness means. All things

basically are not what they seem to be, they cannot be subject to extinction now; this is what nirvana means.

- Sau khi ông Duy Ma Cật nói Pháp ấy xong, các Tỳ Kheo kia tâm được giải thoát. Vì thế, nên con không kham lãnh đến thăm bệnh ông—After Vimalakirti had expounded the Dharma, the bhiksus present succeeded in liberating their minds. Hence, I am not qualified to call on him and inquire after his health.

7) **A NA LUẬT—ANIRUDDHA:**

- Phật bảo A Na Luật: “Ông đi đến thăm bệnh ông Duy Ma Cật dùm ta.”—The Buddha then said to Aniruddha: “You call on Vimalakirti to inquire after his health on my behalf.”
- A Na Luật bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Con không kham lãnh đến thăm bệnh ông ta. Vì sao? Nhớ lại lúc trước con đi kinh hành ở một chỗ nọ, khi ấy có vị Phạm Vương tên Nghiêm Tịnh, cùng với một muôn Phạm Vương khác, phóng ánh sáng trong sạch rực rỡ đến chỗ con cúi đầu lễ và hỏi, ‘Thưa ngài A Na Luật! Thiên nhân của ngài thấy xa được bao nhiêu?’ Con liền đáp, ‘Nhơn giả, tôi thấy cõi Tam thiên Đại thiên Thế giới của Phật Thích Ca Mâu Ni đây như thấy trái Am ma lạc trong bàn tay vậy.’ Lúc đó ông Duy Ma Cật đến nói với con, ‘Thưa ngài A Na Luật! Thiên nhân của ngài thấy đó làm ra tướng mà thấy hay là không làm ra tướng mà thấy? Nếu như làm ra tướng mà thấy thì khác gì ngũ thông của ngoại đạo? Nếu không làm ra tướng mà thấy thì là vô vi, lẽ ra không thấy chứ?’ Bạch Thế Tôn! Lúc ấy con nín lặng.”—Aniruddha said: “World Honoured One, I am not qualified to call on him and inquired after his health. For once when I was walking about while meditating to prevent sleepiness, a Brahma called, ‘The Gloriously Pure’, together with an



- entourage of ten thousand devas sent off rays of light, came to my place, bowed their heads to salute me and asked: ‘How far does your deva eye see?’ I replied: ‘Virtuous one, I see the land of Sakyamuni Buddha in the great chiliocosm like an amala fruit held in my hand.’ Vimalakirti (suddenly) came and said: ‘Hey, Aniruddha, when your deva eye sees, does it see form or formlessness? If it sees form, you are no better than those heretics who have won five supernatural powers. If you see formlessness, your deva eye is non-active (wu wei) and should be unseeing.’
- “World Honoured One, I kept silent.”
- Các vị Phạm Thiên nghe ông Duy Ma Cật nói lời ấy rồi đặng chỗ chưa từng có, liền làm lễ hỏi ông rằng: “Bạch ngài ở trong đời ai là người có chơn thiên nhãn?”—And the devas praised Vimalakirti for what they had not heard before, They then paid reverence and asked him: ‘Is there anyone in this world who has realized the real deva eye?’
  - Trưởng giả Duy Ma Cật đáp: “Có Phật Thế Tôn được chơn Thiên nhãn, thường ở tam muội, thấy suốt các cõi Phật không có hai tướng.”—Vimalakirti replied: “There is the Buddha who has realized the real deva eye; He is always in the state of samadhi and sees all Buddha lands without (giving rise to) the duality (of subjective eye and objective form).”
  - Khi ấy Nghiêm Tịnh Phạm Vương cùng quyến thuộc năm trăm Phạm Vương đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đánh lễ dưới chân ông Duy Ma Cật rồi bỗng nhiên biến mất. Vì thế, con không kham lãnh đến thăm bệnh ông—At that time, Brahma and five hundred of his relatives developed the anuttara-samyak-sambodhi mind; they bowed their heads at Vimalakirti’s feet and suddenly
- disappeared. This is why I am not qualified to call on him to inquire after his health.”
- 8) **ÚU BA LI—UPALI:**
- Phật bảo Ưu Ba Li: “Ông đi đến thăm bệnh ông Duy Ma Cật dùm ta.”—The Buddha then said to Upali: “You call on Vimalakirti to inquire after his health on my behalf.”
  - Ưu Ba Li bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Con không kham lãnh đến thăm bệnh ông ta. Vì sao? Con nhớ lại ngày trước có hai vị Tỳ Kheo phạm luật hạnh, lấy làm hổ thẹn, không dám hỏi Phật, đến hỏi con rằng, ‘Dạ thưa ngài Ưu Ba Li! Chúng tôi phạm luật thật lấy làm hổ thẹn, không dám hỏi Phật, mong nhờ ngài giải rõ chỗ nghi hối cho chúng tôi được khỏi tội ấy.’ Con liền y theo pháp, giải nói cho hai vị—Upali said: “World Honoured One, I am not qualified to call on Vimalakirti to inquire after his health. For once, two bhiksus broke the prohibitions, and being shameful of their sins, they dared not call on the Buddha. They came to ask me: ‘Upali, we have broken the commandments and are ashamed of our sins, so we dare not ask the Buddha about this and come to you. Please teach us the rules of repentance so as to wipe out our sins.’ I then taught them the rules of repentance.
  - Bấy giờ ông Duy Ma Cật đến nói với con: ‘Thưa ngài Ưu Ba Li, ngài chớ kết thêm tội cho hai vị Tỳ Kheo này, phải trừ dứt ngay, chớ làm rối loạn lòng họ. Vì sao? Vì tội tánh kia không ở trong, không ở ngoài, không ở khoảng giữa. Như lời Phật đã dạy: ‘Tâm nhớ nên chúng sanh nhớ, tâm sạch nên chúng sanh sạch.’ Tâm cũng không ở trong, không ở ngoài, không ở khoảng giữa. Tâm kia như thế nào, tội cấu cũng như thế ấy. Các pháp cũng thế, không ra ngoài chơn như. Như

ngài Ưu Ba Li, khi tâm tướng được giải thoát thì có tội cấu chăng?’ Con đáp: ‘Không.’ Ông Duy Ma Cát nói: ‘Tất cả chúng sanh tâm tướng không nhớ cũng như thế! Thưa ngài Ưu Ba Li! Vọng tưởng là nhớ, không vọng tưởng là sạch; điên đảo là nhớ, không điên đảo là sạch; chấp ngã là nhớ, không chấp ngã là sạch. Ngài Ưu Ba Li! Tất cả pháp sanh diệt không dừng, như huyễn, như chớp; các Pháp không chờ nhau cho đến một niệm không dừng; các Pháp đều là vọng kiến, như chiêm bao, như nắng dợn, như trăng dưới nước, như bóng trong gương, do vọng tưởng sanh ra. Người nào biết nghĩa này gọi là giữ luật, người nào rõ nghĩa này gọi là khéo hiểu.’—At that time, Vimalakirti came and said: ‘Hey, Upali, do not aggravate their sins which you should wipe out at once without further disturbing their minds. Why? Because the nature of sin is neither within nor without, nor in between. As the Buddha has said, living beings are impure because their mind are impure; if their minds are pure, they are all pure. And, mind also is neither within nor without nor in between. Their minds being such, so, are their sins. Likewise all things do not go beyond (their ) suchness. Upali, when your mind is liberated, is there any remaining impurity?’ I replied: ‘There will be no more.’ He said: ‘Likewise, the minds of all living beings are free from impurities. Upali, false thoughts are impure and the absence of false thoughts is purity. Inverted (ideas) are impure and the absence of inverted (ideas) is purity. Clinging to ego is impure and non-clinging to ego is purity. Upali, all phenomena rise and fall without staying (for an instant) like an illusion and lightning. All phenomena do not wait for one another and do not stay for the time

of a thought. They all derive from false views and are like a dream and a flame, the moon in water, and an image in a mirror for they are born from wrong thinking. He who understands this is called a keeper of the rules of discipline and he who knows it is called a skillful interpreter (of the precepts).’

- Lúc đó hai vị Tỳ Kheo khen rằng: “Thật là bậc thượng trí! Ngài Ưu Ba Li này không thể sánh kịp. Ngài là bậc giữ luật hơn hết mà không nói được.”—At that time, the two bhiksus declared: ‘What a supreme wisdom which is beyond the reach of Upali who cannot expound the highest principle of discipline and morality?’
  - Con đáp rằng: “Trừ Đức Như Lai ra, chưa có bậc Thanh Văn và Bồ Tát nào có thể chế phục được chỗ nhược thuyết biện tài của ông Duy Ma Cát. Trí tuệ ông thông suốt không lường.”—I said: ‘Since I left the Buddha I have not met a sravaka or a Bodhisattva who can surpass his rhetoric, for his great wisdom and perfect enlightenment have reached such a high degree.’
  - Khi ấy, hai vị Tỳ Kheo dứt hết nghi hối, phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác và phát nguyện rằng: “Nguyện làm cho tất cả chúng sanh đều được biện tài như vậy.” Vì thế nên con không kham lãnh đến thăm bệnh ông—Thereupon, the two bhiksus got rid of their doubts and repentance, set their mind on the quest of supreme enlightenment and took the vow to make all living beings acquire the same power of speech. Hence, I am not qualified to call on Vimalakirti and inquire after his health.
- 9) **LA HẦU LA—RAHULA:**
- Phật bảo La Hầu La: “Ông đi đến thăm bệnh ông Duy Ma Cát đùm ta.”—The Buddha then said to Rahula: “You go to

Vimalakirti to inquire after his health on my behalf.”

- La Hâu La bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Con không kham lãnh đến thăm bệnh ông ta. Vì sao? Nhớ lúc trước kia, các trưởng giả tử ở thành Tỳ Xá Ly đến chỗ con cúi đầu làm lễ hỏi rằng: ‘Thưa ngài La Hâu La, ngài là con của Phật vì đạo bỏ ngôi Chuyển Luân Thánh Vương mà xuất gia, việc xuất gia đó có những lợi ích gì?’ Con liền đúng theo Pháp mà nói sự lợi ích của công đức xuất gia. Lúc đó, ông Duy Ma Cật đến nói với con rằng: ‘Thưa La Hâu La! Ngài không nên nói cái lợi của công đức xuất gia. Vì sao? Không lợi, không công đức, mới thật là xuất gia. Về Pháp hữu vi có thể nói là có lợi, có công đức, còn xuất gia là pháp vô vi, trong Pháp vô vi không lợi, không công đức. La Hâu La! Vả chẳng xuất gia là không kia, không đây, cũng không ở chính giữa; ly sáu mươi hai món kiến chấp, ở nơi Niết Bàn, là chỗ nhận của người trí, chỗ làm của bậc Thánh, hàng phục các ma, khỏi ngũ đạo, sạch ngũ nhãn, đặng ngũ lực, lập ngũ căn, không làm nã người khác, rời các tạp ác, dẹp các ngoại đạo, vượt khỏi giả danh, ra khỏi bùn lầy; không bị ràng buộc, không ngã sợ, không chổ thọ, không rối loạn trong lòng, ưa hộ trợ ý người khác, tùy thiện định, rời các lỗi. Nếu được như thế mới thật là xuất gia.’”—Rahula said: “World Honoured One, I am not qualified to call on him and inquire after his health. For once the sons of the elders at Vaisali came to my place and bowed to salute me, saying: ‘Rahula, you are the Buddha’s son and left the throne to search for the truth; what advantage derives from leaving home? I then spoke of the advantage of earning merits that so derive. Vimalakirti came and said: “Hey, Rahula, you should not speak of the advantage of earning merits

that derive from leaving home. Why? Because home-leaving bestows neither advantage nor good merits. Only when speaking of the worldly (way of life) can you talk about advantage and merits. For home-leaving is above the worldly, and the transcendental is beyond advantage and merits. Rahula, home-leaving is beyond thisness, thatness and in between; is above the sixty-two wrong views, and abides in (the state of) nirvana. It is praised by all wise men and practiced by all saints. It overcomes all demons; liberates from the five realms of existence; purifies the five kinds of eyes; helps realize the five spiritual powers and sets up the five spiritual faculties; releases from earthly grievances; keeps from varied evils (derived from a mixed mind); frees from the unreality of names and terms; gets out of the mud (of defilement); relieves from all bondages, wipes out the duality of subject and object and all responsiveness and disturbances; it gives inner joy; protects all living beings; dwells in serenity and guards against all wrongs. If all this can be achieved, this is true home-leaving.’

- Khi ấy ông Duy Ma Cật bảo các trưởng giả tử: “Các người nay ở trong Chánh Pháp nên cùng nhau xuất gia. Vì sao? Phật ra đời khó gặp.”—Vimalakirti then said to the sons of the elders: ‘During this period of correct Dharma, you should leave home to join the Sangha. Why? Because it is very difficult to have the good fortune of living in the Buddha-age.’
- Các trưởng giả tử nói: “Thưa cư sĩ, chúng tôi nghe Phật dạy ‘Cha mẹ không cho, không được xuất gia.’”—The sons of the elders replied: ‘Venerable Upasaka, we have heard the Buddha said that one cannot leave home without the consent of one’s parents.’

- Ông Duy Ma Cật nói: “Phải, các người nếu phát tâm Vô thượng Bồ Đề, đó chính là xuất gia, đó chính là đủ Giới Pháp.”—Vimalakirti said: ‘Yes, it is so, but you will really leave home the moment you develop a mind set on the quest of supreme enlightenment (anuttara-samyak-sambodhi), which completes your home-leaving.’
  - Bấy giờ ba mươi hai vị trưởng giả tử đều phát tâm Vô thượng Bồ đề. Vì thế, nên con không kham lãnh đến thăm bệnh ông—At that time, all the thirty-two sons of the elders developed the anuttara-samyak-sambodhi mind. This is why I am not qualified to call on Vimalakirti and inquire after his health.”
- 10) **A NAN—ANANDA:**
- Phật bảo A Nan: “Ông đi đến thăm bệnh ông Duy Ma Cật đùm ta.”—The Buddha then said to Ananda: “You call on Vimalakirti and inquire after his health on my behalf.”
  - A Nan bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Con không kham lãnh đến thăm bệnh ông ta. Vì sao? Nhớ lại lúc trước, Thế Tôn thân hơi có bệnh phải dùng sữa bò, con cầm bát đến đứng trước cửa nhà người Đại Bà La Môn. Lúc ấy ông Duy Ma Cật đến bảo con: ‘Này A Nan! Làm gì cầm bát đứng đây sớm thế?’”—Ananda replied: “World Honoured One, I am not qualified to call on him to inquire after his health. This is because once when the World Honoured One had a slight indisposition and needed some cow milk, I took a bowl and went to a Brahmin family where I stood at the door. Vimalakirti came and asked me: ‘Why are you out so early holding a bowl in your hand?’”
  - Con đáp: “Cư sĩ, Thế Tôn thân hơi có bệnh phải dùng sữa bò, nên tôi đến đây xin sữa.”—I replied: ‘Venerable Upasaka, the World Honoured One is slightly indisposed and wants some cow milk; this is why I have come here.’
  - Ông Duy Ma Cật nói: “Thôi thôi! Ngài A Nan chớ nói lời ấy! Thân Như Lai là thể kim cang, các ác đã dứt, các lành khắp nhóm, còn có bệnh gì, còn có nỗi gì? Im lặng bước đi, ngài A Nan! Chớ có phỉ báng Như Lai, chớ cho người khác nghe lời nói thô ấy, chớ làm cho các trời oai đức lớn và các Bồ Tát từ Tịnh Độ phương khác đến đây nghe được lời ấy! Ngài A Nan! Chuyển Luân Thánh Vương có ít phước báu còn không tật bệnh, huống chi Như Lai phước báu nhiều hơn tất cả đấng ư? Hãy đi ngài A Nan! Chớ làm cho chúng tôi chịu sự nhục đó, hàng ngoại đạo Phạm chí nếu nghe lời ấy, chắc sẽ nghĩ rằng ‘Sao gọi là Thầy, bệnh của mình không cứu nổi mà cứu được bệnh người khác ư?’ Nên lên đi mau, chớ để cho người nghe! Ngài A Nan! Phải biết thân Như Lai, chính là Pháp thân, không phải thân tứ dục, Phật là bậc Thế Tôn hơn hết ba cõi, thân Phật là vô lậu, các lậu đã hết, thân Phật là vô vi, không mắc vào các số lượng, thân như thế còn có bệnh gì?”—Vimalakirti said: ‘Stop, Ananda, stop speaking these words. The Tathagata’s body is as strong as a diamond for He has cut off all evils and has achieved all good. What kind of indisposition and trouble does He still have? Ananda, do not slander the Tathagata and do not let other people hear such coarse language. Do not let the god (devas) as well as the Bodhisattvas of other pure lands hear about it. Ananda, world ruler (cakravarti) who has accumulated only a few small merits is already free from all ailments; how much more so is the Tathagata who has earned countless merits and has achieved all moral excellences? Go away, Ananda, do not cover us all with shame. If the

Brahmins heard you they would say: “How can this man be a saviour if he cannot cure his own illness; how can he pretend to heal the sick?” Get away unnoticed and quickly and do not let others hear what you have said. Ananda, you should know that the body of the Tathagata is the Dharmakaya and does not come from (the illusion of) thought and desire. The Buddha is the World Honoured One (Bhagavat); His body is above and beyond the three realms (of desire, form and beyond form) and is outside the stream of transmigratory suffering. The Buddha body is transcendental (we wei) and is beyond destiny. How then can such a body be ill?”

- Bạch Thế Tôn! Lúc đó con thật quá hổ thẹn không lẽ con gần Phật mà nghe lầm ư? Con liền nghe trên hư không có tiếng nói rằng: “A Nan! Đúng như lời cư sĩ đã nói, chỉ vì Phật ứng ra đời ác đủ năm món trước nên hiện ra việc ấy, để độ thoát chúng sanh thôi. A Nan! Hãy đi lấy sữa chó có thẹn.”—World Honoured One, his word covered me with shame and I asked myself if I had not wrongly understood the Buddha’s order. At that time, a voice was heard in the air above, saying: ‘Ananda, the Upasaka is right, but since the Buddha appears in the five kasaya (or periods of turbidity on earth), He uses this (expedient) method (upaya) to liberate living beings. Ananda, go and beg for the cow milk without shame.’
- Bạch Thế Tôn! Ông Duy Ma Cật trí tuệ biện tài dường ấy, cho nên con không kham lãnh đến thăm bệnh ông ta—World Honoured One, Vimalakirti’s wisdom and power of speech being such, I am really not qualified to call on him to inquire after his health.”
- Như vậy, năm trăm vị đại đệ tử mỗi

người đều đối trước Phật trình bày chỗ bốn duyên của mình, vị nào cũng khen ngợi, thuật lại những lời của ông Duy Ma Cật và đều nói: “Không kham lãnh đến thăm bệnh ông ta.”—Thus each of the five hundred chief disciples related his encounter with Vimalakirti and declined to call on him to inquire after his health.

## CHƯƠNG BỐN—CHAPTER FOUR

### PHẨM BỒ TÁT—THE BODHISATTVAS

#### 1) DI LẶC BỒ TÁT—MAITREYA:

- Lúc bấy giờ Phật bảo Bồ Tát Di Lặc: “Ông đi đến thăm bệnh ông Duy Ma Cật dùm ta.”—The Buddha then said to Maitreya Bodhisattva: “You go to Vimalakirti to inquire after his health on my behalf.”
- Di Lặc bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Con không kham lãnh đến thăm bệnh ông ta. Vì sao? Nhớ lại lúc trước con nói hạnh ‘bất thối chuyển,’ cho vị Thiên Vương ở cõi trời Đâu Suất và quyến thuộc của người, lúc ấy ông Duy Ma Cật đến nói với con rằng: ‘Ngài Di Lặc! Thế Tôn thọ ký cho ngài một đời sẽ được quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đó là đời nào mà ngài được thọ ký? Đời quá khứ chăng? Đời vị lai chăng? Đời hiện tại chăng? Nếu là đời quá khứ thời quá khứ đã qua. Nếu là đời vị lai thời vị lai chưa đến. Nếu là đời hiện tại thời hiện tại không dừng trụ. Như Phật nói: “Nầy Tỳ Kheo! Như ông ngay bây giờ cũng sanh, cũng già, cũng chết!” Nếu dùng vô sanh mà được thọ ký, thì vô sanh tức là chánh vị, ở trong chánh vị cũng không thọ ký, cũng không được quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Thế nào Di Lặc được thọ ký một đời ư? Là từ “Như” sanh mà được thọ ký, mà Như không có sanh. Nếu

từ Như diệt được thọ ký, mà Như không có diệt. Tất cả chúng sanh đều Như, các Thánh Hiền cũng Như, cho đến Di Lặc cũng Như. Nếu Di Lặc được thọ ký, tất cả chúng sanh cũng phải được thọ ký. Vì sao? Vì Như không hai không khác. Nếu Di Lặc được quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tất cả chúng sanh cũng đều được. Vì sao? Tất cả chúng sanh chính là tướng Bồ Đề. Nếu Di Lặc được diệt độ, tất cả chúng sanh cũng phải diệt độ. Vì sao? Chư Phật biết tất cả chúng sanh rốt ráo vắng lặng, chính là tướng Niết Bàn, chẳng còn diệt nữa. Cho nên Di Lặc, chớ dùng pháp đó dạy bảo các Thiên tử, thật không có chi phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cũng không có chi thối lui. Ngài Di Lặc! Phải làm cho các vị Thiên tử này bỏ chỗ kiến chấp phân biệt Bồ Đề. Vì sao? Bồ Đề không thể dùng thân được, không thể dùng tâm được. Tịch diệt là Bồ Đề, vì diệt các tướng; chẳng nhận xét là Bồ Đề, vì ly các duyên; chẳng hiện hạnh là Bồ Đề, vì không ghi nhớ; đoạn là Bồ Đề, vì bỏ các kiến chấp; ly là Bồ Đề, vì lìa các vọng tưởng; chướng là Bồ Đề, vì ngăn các nguyện; bất nhập là Bồ Đề, vì không tham đắm; thuận là Bồ Đề, vì thuận chơn như; trụ là Bồ Đề, vì trụ pháp tánh; đến là Bồ Đề, vì đến thực tế; bất nhị là Bồ Đề, vì ly ý pháp; bình đẳng là Bồ Đề, vì đồng hư không; vô vi là Bồ Đề, vì không sanh trụ dị diệt; tri là Bồ Đề, vì rõ tâm hạnh chúng sanh; không hội là Bồ Đề, vì nhập không nhóm; không hiệp là Bồ Đề, vì rời tập khí phiền não; không xứ sở là Bồ Đề, vì không hình sắc; giả danh là Bồ Đề, vì danh tự vốn không như; huyễn hóa là Bồ Đề, vì không thủ xả; không loạn là Bồ Đề, vì thường tự vắng lặng; thiện tịch là Bồ Đề, vì tánh thanh tịnh; không thủ là Bồ Đề, vì rời phan duyên; không khác là Bồ Đề, vì các Pháp đồng đẳng; không

sánh là Bồ Đề, vì không thể thí dụ; vi diệu là Bồ Đề, vì các Pháp khó biết— Maitreya replied: “World Honoured One, I am not qualified to call on him and inquire after his health. The reason is that once when I was expounding to the deva-king and his retinue in the Tusita heaven the never-receding stage (of Bodhisattva development into Buddhahood) Vimalakirti came and said to me: ‘Maitreya, when the World Honoured One predicted your future attainment of supreme enlightenment (anuttara-sayak-sambodhi) in one lifetime, tell me in which life, whether in the past, future or present, did or will you receive His prophecy? If it was in your past life, that has gone; if it will be in your future life, that has not yet come; and if it is in your present life, that does not stay. As the Buddha once said: ‘O bhiksus, you are born, are aging and are dying simultaneously at this very moment’; if you received His prophecy in a lifeless (state), the latter is prediction (of your future Buddhahood) nor realization of supreme enlightenment. How then did you receive the prediction of your attainment of Buddhahood in one lifetime? Or did you receive it in the absolute state (thatness or tathata) of either birth or death? If you receive it in the absolute state of birth, this absolute state is uncreated. If you receive it in the absolute state of death, this absolute state does not die. For (the underlying nature of) all living beings and of all things is absolute; all saints and sages are in this absolute state, and so, also are you, Maitreya. So, if you, Maitreya, received the Buddhahood, all living beings (who are absolute by nature) should also receive it. Why? Because that which is absolute is non-dual and is beyond

differentiation. If you, Maitreya, realize supreme enlightenment, so should all living beings. Why? Because they are the manifestation of bodhi (enlightenment). If you, Maitreya, win nirvana, they should also realize it. Why? Because all Buddhas know that every living being is basically in the condition of extinction of existence and suffering which is nirvana, in which there can be no further extinction of existence. Therefore, Maitreya, do not mislead the devas because there is neither development of supreme bodhi-mind nor its backsliding. Maitreya, you should instead urge them to keep from discriminating views about bodhi (enlightenment). Why? Because bodhi can be won by neither body nor mind. For bodhi is the state of calmness and extinction of passion (i.e. nirvana) because it wipes out all forms. Bodhi is unseeing, for it keeps from all causes. Bodhi is non-discrimination, for it stops memorizing and thinking. Bodhi cuts off ideation, for it is free from all views. Bodhi forsakes inversion, for it prevents perverse thoughts. Bodhi puts an end to desire, for it keeps from longing. Bodhi is unresponsive, for it wipes out all clinging. Bodhi complies (with self-nature), for it is in line with the state of suchness. Bodhi dwells (in this suchness), for it abides in (changeless) Dharma-nature (or Dharmata, the underlying nature of all things.) Bodhi reaches this suchness, for it attains the region of reality. Bodhi is non-dual, for it keeps from (both) intellect and its objects. Bodhi is impartial, for it is equal to boundless space. Bodhi is the non-active (we wei) state, for it is above the conditions of birth, existence and death. Bodhi is true knowledge, for it discerns the mental activities of all living beings. Bodhi does not unite, for it is free

from all confrontation. Bodhi disentangles, for it breaks contact with habitual troubles (klesa). Bodhi is that of which the position cannot be determined, for it is beyond form and shape, and is that which cannot be called by name for all names (have no independent nature and so) are void. Bodhi is like the mindlessness of an illusory man, for it neither accepts nor rejects anything. Bodhi is beyond disturbance, for it is always serene by itself. Bodhi is real stillness, because of its pure and clean nature. Bodhi is non-acceptance, for it keeps from causal attachments. Bodhi is non-differentiating, because of its impartiality towards all. Bodhi is without compare, for it is indescribable. Bodhi is profound and subtle, for although unknowing, it knows all.'

- Bạch Thế Tôn! Khi ông Duy Ma Cát nói Pháp ấy, hai trăm vị Thiên tử chứng được Vô sanh pháp nhãn. Vì thế, nên con không kham lãnh đến thăm bệnh ông ta—World Honoured One, when Vimalakirti so expounded the Dharma, two hundred sons of devas realized the patient endurance of the uncreate (anutpattika-dharma-ksanti). This is why I am not qualified to call on him and inquire after his health.”

## 2) BỒ TÁT QUANG NGHIÊM— GLORIOUS LIGHT:

- Phật bảo Đồng tử Quang Nghiêm: “Ông đi đến thăm bệnh ông Duy Ma Cát dùm ta.”—The Buddha then said to the Bodhisattva Glorious Light: “You go to Vimalakirti to inquire after his health on my behalf.”
- Quang Nghiêm bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Con không kham lãnh đến thăm bệnh ông ta. Vì sao? Nhớ lại ngày trước con ở trong thành Tỳ Xá Ly vừa ra, lúc đó ông Duy Ma Cát mới vào thành, con

- liền chào và hỏi rằng: “Cư sĩ từ đâu đến đây?”—Glorious Light replied: “World Honoured One, I am not qualified to call on him to inquire after his health. The reason is that once while I was leaving Vaisali, I met Vimalakirti who was entering it. I saluted and asked him ‘Where does the Venerable Upasaka come from?’
- Ông đáp: “Tôi từ Đạo tràng đến.”—He replied: ‘From a bodhimandala (a holy site).’
  - Con hỏi: “Đạo tràng ở đâu?”—I asked him: ‘Where is this bodhimandala?’
  - Ông đáp: “Trực tâm là Đạo tràng, vì không hư dối; phát hạnh là Đạo tràng, vì làm xong các việc; thâm tâm là đạo tràng, vì thêm nhiều công đức; Bồ Đề tâm là đạo tràng, vì không sai lầm; bố thí là đạo tràng, vì không mong phước báu; trì giới là đạo tràng, vì được nguyện đầy đủ; nhẫn nhục là đạo tràng, vì đối chúng sanh tâm không chướng ngại; tinh tấn là đạo tràng, vì không biếng trễ; thiền định là đạo tràng, vì tâm điều nhu; trí huệ là đạo tràng, vì thấy rõ các Pháp; từ là đạo tràng, vì đồng với chúng sanh; bi là đạo tràng, vì nhẫn chịu sự khổ nhục; hỷ là đạo tràng, vì ưa vui Chánh Pháp; xả là đạo tràng, vì trừ lòng thương ghét; thần thông là đạo tràng, vì thành tựu Pháp lực thông; giải thoát là đạo tràng, vì giáo hóa chúng sanh; tứ nhiếp là đạo tràng, vì nhiếp độ chúng sanh; đa văn là đạo tràng, vì đứng theo chỗ nghe mà thực hành; phục tâm là đạo tràng, vì chánh quán các Pháp; ba mươi bảy phẩm trợ đạo là đạo tràng, vì bỏ Pháp hữu vi; tứ đế là đạo tràng, vì chẳng dối lầm thế gian; duyên khởi là đạo tràng, vì từ vô minh cho đến lão tử đều không hết; các phiền não là đạo tràng, vì biết là vô ngã; tất cả các Pháp là đạo tràng, vì biết các Pháp vốn không; hàng ma là đạo tràng, vì không lay động;

tam giới là đạo tràng, vì không chỗ đến; sự tử hống là đạo tràng, vì không sợ sệt; thập lực, vô úy, bất cộng pháp là đạo tràng, vì không các lỗi; tam minh là đạo tràng, vì không còn ngại; một niệm biết tất cả các Pháp là đạo tràng, vì thành tựu như thiết chủng trí. Như vậy Thiện nam tử! Nếu Bồ Tát đúng theo các Pháp Ba la mật mà giáo hóa chúng sanh, thời bao nhiêu việc làm, hoặc nhưt cử nhưt động, phải biết đều là từ nơi đạo tràng mà ra, ở nơi Phật Pháp vậy—He replied: “The straightforward mind is the bodhimandala, for it is free from falsehood. The initiated mind is the bodhimandala, for it can keep discipline. The profound mind is the bodhimandala, for it accumulates merits. The enlightened mind is the bodhimandala, for it is infallible. Charity (dana) is the bodhimandala, for it does not expect reward. Discipline (sila) is the bodhimandala, for it fulfills all vows. Patience (ksanti) is the bodhimandala for it has access to the minds of all living beings. Zeal (virya) is the bodhimandala, for it is free from being remiss. Serenity (dhyana) is the bodhimandala, because of its harmonious mind. Wisdom (prajna) is the bodhimandala, for it discerns all things. Kindness (maitri) is the bodhimandala, for it treats all living beings on an equal footing. Compassion (karuna) is the bodhimandala, because of its great forbearance. Joy (mudita) is the bodhimandala, for it is pleasant. Indifference (upeksa) is the bodhimandala, for it wipes out both love and hate. Transcendental efficiency is the bodhimandala, for it perfects all the six supernatural powers (sadbhijna). Liberation is the bodhimandala, for it turns its back to all phenomenal conditions. Expedient devices (upaya) are the bodhimandala, for they teach and



convert living beings. The four winning actions of a Bodhisattva are the bodhimandala, for they benefit all living beings. Wide knowledge through hearing the Dharma is the bodhimandala, for its practice leads to enlightenment. Control of the mind is the Bodhimandala, because of its correct perception of all things. The thirty-seven contributory stages to enlightenment are the bodhimandala, for they keep from all worldly activities. The four noble truths are the bodhimandala, because they do not deceive. The twelve links in the chain of existence are the bodhimandala, because of their underlying nature which is infinite. Troubles (klesa) are the bodhimandala, for their underlying nature is reality. Living beings are the bodhimandala, because they are (basically) egoless. All things are the bodhimandala, for they are empty. The defeat of demons is the bodhimandala, for it is imperturbable. The three realms (of desire, form and beyond form) are the bodhimandala, for fundamentally they lead to no real destination. The lion's roar is the bodhimandala, because of its fearlessness. The ten powers (dasabla), the four kinds of fearlessness and the eighteen unsurpassed characteristics of the Buddha are the bodhimandala, for they are without fault. The three insights are the bodhimandala, for they are free from all remaining hindrances. The knowledge of all things in the time of a thought is the bodhimandala, for it brings omniscience (sarvajna) to perfection. Thus, son of good family, a Bodhisattva should convert living beings according to the various modes of perfection (paramitas) and all his acts, including the raising or lowering of a foot, should be interpreted as coming from the seat of

learning (bodhimandala); he should thus stay within the Buddha Dharma.'

- Khi ông Duy Ma Cật nói Pháp ấy, năm trăm vị Thiên nhơn đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì thế, nên con không kham lãnh đến thăm bệnh ông ta—While Vimalakirti was thus expounding the Dharma, five hundred devas developed their minds set on supreme enlightenment. This is why I am not qualified to call on him to inquire after his health."

### 3) BỒ TÁT TRÌ THẾ—BODHISATTVA RULER OF THE WORLD:

- Phật bảo Bồ Tát Trì Thế: “Ông đi đến thăm bệnh ông Duy Ma Cậtùm ta.”—The Buddha then said to the Bodhisattva Ruler of the World: “You call on Vimalakirti to inquire after his health on my behalf.”
- Bồ Tát Trì Thế bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Con không kham lãnh đến thăm bệnh ông ta. Vì sao? Nhớ lại lúc trước, con ở nơi tịnh thất, bấy giờ Ma Ba Tuần đem một muôn hai ngàn Thiên nữ giống như trời Đế Thích, trỗi nhạc đờn ca đi đến chỗ con ở, Ma cùng với quyến thuộc cúi đầu làm lễ dưới chân con, chấp tay cung kính đứng sang một bên. Trong ý con cho là trời Đế Thích nên bảo rằng: “Lành thay, mới đến Kiều Thi Ca! Dù là có phước chớ nên buông lung. Ông nên quán ngũ dục là vô thường để cầu cội lành, ở nơi thân mạng, tài sản mà tu Pháp bền chắc.”—Ruler of the World replied: “World Honoured One, I am not qualified to call on him and inquire after his health. I still remember that once as I was staying in a vihara, a demon like Indra appeared followed by twelve thousand goddesses (devakanya) playing music and singing songs. After bowing their heads at my feet they brought their palms together and stood at my side. I mistook the demon for

- Sakra and said to him: ‘Welcome, Sakra, although you have won merits, you should guard against passion (arising from music, song and sex). You should look into the five desires (for the objects of the five senses) in your practice of morality. You should look into the impermanence of body, life and wealth in your quest of indestructible Dharma (i.e. boundless body, endless life and inexhaustible spiritual wealth).’
- Ma vương nói với con: “Thưa Chánh sĩ! Xin ngài nhận một muôn hai ngàn Thiên nữ này để dùng hầu hạ quét tước.” Con nói rằng: “Nầy Kiều Thi Ca! Ông đừng cho vật phi pháp này, tôi là kẻ Sa Môn Thích tử, việc ấy không phải việc của tôi.” Nói chưa dứt lời, bỗng ông Duy Ma Cật đến nói với con: “Đây chẳng phải là Đế Thích, mà là Ma đến khuấy nhiễu ông đấy!” Ông lại bảo Ma rằng: “Các vị Thiên nữ này nên đem cho ta, như ta đây mới nên thọ.”—He said: ‘Bodhisattva, please take these twelve thousand goddesses who will serve you.’ I replied: ‘Sakra, please do not make to a monk this unclean offering which does not suit me.’ “Even before I had finished speaking, Vimalakirti came and said: ‘He is not Sakra; he is a demon who comes to disturb you.’ He then said to the demon: ‘You can give me these girls and I will keep them.’
  - Ma sợ hãi nghĩ rằng: “Có lẽ ông Duy Ma Cật đến khuấy rối ta chăng?” Ma muốn ẩn hình mà không thể ẩn, ráng hết thần lực, cũng không đi được. Liên nghe giữa hư không có tiếng rằng: “Nầy Ba Tuần! Hãy đem Thiên nữ cho ông Duy Ma Cật thì mới đi được. Ma vì sợ hãi, nên miễn cưỡng cho—The demon was frightened, and being afraid that Vimalakirti might give him trouble, he tried to make himself invisible but failed, and in spite of his use of supernatural powers, he could not go away. Suddenly a voice was heard in the air, saying: ‘Demon, give him the girls and then you can go.’ Being scared, he gave the girls.’
  - Khi ấy ông Duy Ma Cật bảo các Thiên nữ rằng: “Ma đã đem các người cho ta rồi, nay các người đều phải phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Rồi ông theo căn cơ của Thiên nữ mà nói Pháp để cho phát ý đạo, và bảo rằng ‘các người đã phát ý đạo, có Pháp vui để tự vui chớ nên vui theo ngũ dục nữa.’” Thiên nữ hỏi: “Thế nào là Pháp vui?”—At that time, Vimalakirti said to them: “The demon has given you to me. You can now develop a mind set on the quest of supreme enlightenment.” Vimalakirti then expounded the Dharma to them urging them to seek the truth. He declared: ‘You have now set your minds on the quest for the truth and can experience joy in the Dharma instead of in the five worldly pleasures (arising from the objects of the five senses).’ “They asked him: ‘What is this joy in the Dharma?’
  - Ông đáp: “Vui thường tin Phật; vui muốn nghe pháp; vui cúng dường Tăng; vui lia ngũ dục; vui quán ngũ ấm như oán tặc; vui quán thân tứ đại như rắn độc; vui quán nội nhập (sáu căn) như không; vui gìn giữ đạo ý; vui lợi ích chúng sanh; vui cung kính cúng dường bậc sư trưởng; vui nhẫn nhục nhu hòa; vui siêng nhóm căn lành; vui thiền định chẳng loạn; vui rời cấu nhiễm đặng trí tuệ sáng suốt; vui mở rộng tâm Bồ Đề; vui hàng phục các ma; vui đoạn phiền não; vui thanh tịnh cõi nước Phật; vui thành tựu các tướng tốt mà tu các công đức; vui trang nghiêm đạo tràng; vui nghe pháp thâm diệu mà không sợ; vui ba môn giải thoát mà không vui phi thời; vui gần bạn đồng học; vui ở chung với người không phải đồng học mà

lòng thương không chướng ngại; vui giúp đỡ ác tri thức; vui gần thiện tri thức; vui tâm hoan hỷ thanh tịnh; vui tu vô lượng Pháp đạo phẩm. Đó là Pháp vui của Bồ Tát—“He replied: ‘Joy in having faith in the Buddha; joy in listening to the Dharma; joy in making offerings to the Sangha; and joy in forsaking the five worldly pleasures; joy in finding out that the five aggregates are like deadly enemies; that the four elements (that make the body) are like poisonous snakes; and that the sense organs and their objects are empty like space; joy in following and upholding the truth; joy in being beneficial to living beings; joy in revering and making offerings to your masters; joy in spreading the practice of charity (dana); joy in firmly keeping the rules of discipline (sila); joy in forbearance (ksanti); joy in unflinching zeal (virya) to sow all excellent roots; joy in unperturbed serenity (dhyana); joy in wiping out all defilement that screens clear wisdom (prajna); joy in expanding the enlightened (bodhi) mind; joy in overcoming all demons; joy in eradicating all troubles (klesa); joy in purifying the Buddha land; joy in winning merits from excellent physical marks; joy in embellishing the bodhimandala (the holy site); joy in fearlessness to hear (and understand ) the profound Dharma; joy in the three perfect doors to nirvana (i.e. voidness, formlessness and inactivity) as contrasted with their incomplete counterparts (which still cling to the notion of objective realization); joy of being with those studying the same Dharma and joy in the freedom from hindrance when amongst those who do not study it; joy to guide and convert evil men and to be with men of good counsel; joy in the state of purity and cleanness; joy

in the practice of countless conditions contributory to enlightenment. All this is the Bodhisattva joy in the Dharma.’

- Khi ấy Ma Ba Tuần bảo các Thiên nữ rằng: “Ta muốn cùng các người trở về Thiên cung.”—At that time, the demon said to the girls: ‘I want you all to return with me to our palace.’
- Các Thiên nữ đáp: “Ông đã đem chúng tôi cho Cư sĩ, chúng tôi có pháp vui, chúng tôi vui lắm, không còn muốn vui theo ngũ dục nữa.”—The girls replied: ‘While we are here with the Venerable Upasaka, we delight in the joy of the Dharma; we no longer want the five kinds of worldly pleasures.’
- Ma liền thưa với ông Duy Ma Cật rằng: “Xin ngài nên xả các Thiên nữ này; người đem tất cả vật của mình để bố thí cho kẻ khác, đó mới là Bồ Tát—The demon then said to Vimalakirti: ‘Will the Upasaka give away all these girls, as he who gives away everything to others is a Bodhisattva?’
- Ông Duy Ma Cật nói: “Ta đã xả rồi, người hãy đem đi. Như thế ta đã làm cho tất cả chúng sanh đặng phát nguyện đầy đủ.”—Vimalakirti said: ‘I now give up all of them and you can take them away so that all living beings can fulfill their vows to realize the Dharma.’
- Lúc ấy các Thiên nữ hỏi ông Duy Ma Cật rằng: “Chúng tôi làm thế nào ở nơi cung ma?”—The girls then asked Vimalakirti: ‘What should we do while staying at the demon’s palace?’
- Ông Duy Ma Cật đáp: “Này các chị, có Pháp môn tên là Vô Tận Đẳng, các chị nên học. Vô tận đẳng là ví như một ngọn đèn mỗi đốt trăm ngàn ngọn đèn, chỗ tối đều sáng, sáng mãi không cùng tận. Như thế đó các chị! Vả lại một vị Bồ Tát mở mang dẫn dắt trăm ngàn chúng sanh phát tâm Bồ Đề, đạo tâm của mình cũng

- chẳng bị tiêu mất, tùy nói Pháp gì đều thêm lợi ích cho các Pháp lành, đó gọi là Vô Tận Đăng. Các chị dâu ở cung ma mà dùng Pháp môn Vô Tận Đăng này làm cho vô số Thiên nữ phát tâm Vô thượng Chánh Đẳng Chánh giác, đó là báo ơn Phật, cũng là làm lợi ích cho tất cả chúng sanh.”—Vimalakirti replied: ‘Sisters, there is a Dharma called the *Inexhaustible Lamp*, which you should study and practice. For instance, a lamp can (be used to) light up hundreds and thousands of other lamps; darkness will thus be bright and this brightness will be inexhaustible. So, sisters, a Bodhisattva should guide and convert hundreds and thousands of living beings so that they all develop the mind set on supreme enlightenment; thus his deep thought (of enlightening others) is, likewise, inexhaustible. This teaching of the Dharma will then increase in all excellent Dharmas; this is called the *Inexhaustible Lamp*. Although you will be staying at the demon’s palace you should use this *Inexhaustible Lamp* to guide countless sons and daughters of devas to develop their minds set on supreme enlightenment, in order to repay your debt of gratitude to the Buddha, and also for the benefit of all living beings.’
- Bấy giờ các Thiên nữ cúi đầu đánh lễ dưới chân ông Duy Ma Cật rồi theo Ma Ba Tuần trở về Thiên cung, bỗng nhiên biến mất không còn thấy nữa—The devas’ daughters bowed their heads at Vimalakirti’s feet and followed the demon to return to his palace and all of a sudden they vanished.”
  - Bạch Thế Tôn! Ông Duy Ma Cật có thần lực tự tại và trí tuệ biện tài như thế, nên con không kham lãnh đến thăm bệnh ông ta—World Honoured One, since Vimalakirti possesses such supernatural
- power, wisdom and eloquence, I am not qualified to call on him to inquire after his health.”
- 4) **TRƯỞNG GIẢ TỬ THIÊN ĐỨC—EXCELLENT VIRTUE:**
- Phật bảo trưởng giả tử Thiện Đức: “Ông đi đến thăm bệnh ông Duy Ma Cật dùm ta.”—The Buddha then said to a son of an elder called Excellent Virtue: “You call on Vimalakirti to inquire his health on my behalf.”
  - Thiện Đức bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Con không kham lãnh đến thăm bệnh ông ta. Vì sao? Nhớ lại thuở trước, con lập ra hội đại thí ở nhà cha con, hạn trong bảy ngày để cúng dường cho tất cả các vị Sa Môn, Bà la môn, cùng hàng ngoại đạo, kẻ nghèo khó, hèn hạ, cô độc và kẻ ăn xin. Bấy giờ ông Duy Ma Cật đến trong hội nói với con rằng, ‘Này trưởng giả tử! Vả chẳng hội đại thí không phải như hội của ông lập ra đâu, phải làm hội Pháp thí chớ lập ra hội tài thí này làm gì?’—Excellent Virtue said: “World Honoured One, I am not qualified to call on him to inquire after his health. The reason is that once I held a ceremonial meeting at my father’s house to make offerings to the gods and also to monks, brahmins, poor people, outcastes and beggars. When the meeting ended seven days later, Vimalakirti came and said to me: ‘O son of the elder, an offering meeting should not be held in the way you did; it should bestow the Dharma upon others, for what is the use of giving alms away?’
  - Con nói: “Thưa Cư sĩ! Sao gọi là hội Pháp thí?”—I asked: ‘Venerable Upasaka, what do you mean by bestowal of Dharma?’
  - Ông đáp: “Hội Pháp thí là đồng thời cúng dường tất cả chúng sanh, không trước không sau đó là hội Pháp thí.”—He replied: ‘The bestowal of Dharma is

(beyond the element of time, having) neither start nor finish and each offering should benefit all living beings at the same time. This is a bestowal of Dharma.’

- Con hỏi: “Thế là nghĩa gì?”—I asked: ‘What does this mean?’
- Cư sĩ đáp: “Nghĩa là vì đạo Bồ Đề, khởi từ tâm; vì cứu chúng sanh, khởi tâm đại bi; vì muốn giữ gìn Chánh Pháp, khởi tâm hoan hỷ; vì nhiếp trí tuệ, làm theo tâm xả; vì nhiếp tâm tham lãn, khởi bố thí Ba la mật; vì độ kẻ phạm giới, trì giới Ba la mật; vì không ngã pháp, khởi nhẫn nhục Ba la mật; vì rời tướng thân tâm, khởi tinh tấn Ba la mật; vì tướng Bồ Đề, khởi thiền định Ba la mật; vì nhứt thiết trí, khởi trí tuệ Ba la mật; vì giáo hóa chúng sanh mà khởi ra ‘Không,’ chẳng bỏ Pháp hữu vi mà khởi ‘vô tướng;’ thị hiện thọ sanh, mà khởi ‘vô tác;’ hộ trì Chánh Pháp, khởi sức phương tiện; vì độ chúng sanh, khởi tứ nhiếp pháp; vì kính thờ tất cả, khởi pháp trừ khinh mạn; đối thân mạng và tài sản, khởi ba pháp bền chắc; trong pháp lục niệm, khởi ra pháp nhớ tưởng; ở sáu pháp hòa kính, khởi tâm chất trực; chơn chánh thực hành thiện pháp, khởi sự sống trong sạch; vì tâm thanh tịnh hoan hỷ, khởi gần bực Thánh hiền; vì chẳng ghét người dữ, khởi tâm điều phục; vì pháp xuất gia, khởi thâm tâm; vì đứng theo chỗ nói mà làm khởi đa văn; vì pháp vô tránh, khởi chỗ yên lặng; vì đi tới Phật huệ, khởi ra ngôi yên lặng (tọa thiền); vì mở ràng buộc cho chúng sanh, khởi tâm tu hành; vì đầy đủ tướng tốt và thanh tịnh cõi Phật, khởi sự nghiệp phước đức; vì muốn biết tâm niệm tất cả chúng sanh đứng chỗ nên nói pháp, khởi ra nghiệp trí; vì biết tất cả pháp không lấy không bỏ, vào môn nhứt tướng, khởi ra nghiệp huệ; vì đoạn tất cả phiền não, tất cả chướng ngại, tất cả bất thiện, khởi làm tất

cả pháp trợ Phật đạo. Như vậy thiện nam tử! Đó là hội Pháp Thí. Nếu Bồ Tát trụ nơi hội Pháp thí đó, là vị đại thí chủ, cũng là phước điền cho tất cả thế gian.”—He replied: ‘This means that bodhi springs from kindness (maitri) toward living beings; the salvation of living beings springs from compassion (karuna); the upholding of right Dharma from joy (mudita); wisdom from indifference (upeksa); the overcoming of greed from charity–perfection (dana-parmita); ceasing to break the precepts from discipline–perfection (sila-paramita); egolessness from patience–perfection (ksanti-paramita); relinquishment of body and mind from zeal–perfection (virya-paramita); realization of enlightenment from serenity–perfection (dhyana-paramita); realization of all-knowledge (sarvajna) from wisdom–perfection (prajna-paramita); the teaching and converting of living beings spring from the void; non-rejection of worldly activities springs from formlessness; appearance in the world springs from inactivity; sustaining the right Dharma from the power of expedient devices (upaya); the liberation of living beings from the four winning virtues; respect for and service to others from the determination to wipe out arrogance; the relinquishment of body, life and wealth from the three indestructibles; the six thoughts to dwell upon from concentration on the Dharma; the six points of reverent harmony in a monastery form the straightforward mind; right deeds from pure livelihood; joy in the pure mind from nearness to saints and sages; non-rising of hate for bad people from the effective control of mind; retiring from the world from the profound mind; practice in accordance with the preaching from the

- wide knowledge gained from hearing (about the Dharma); absence of disputation from a leisurely life; the quest of Buddha wisdom from meditation; the freeing of living beings from bondage from actual practice; the earning of all excellent physical marks to embellish Buddha lands from the karma of mortal excellence; the knowledge of the minds of all living beings and the relevant expounding of Dharma to them, from the karma of good knowledge; the understanding of all things commensurate with neither acceptance nor rejection of them to realize their oneness, from the karma of wisdom; the eradication of all troubles (klesa), hindrances and evils from all excellent karmas; the realization of all wisdom and good virtue from the contributory conditions leading to enlightenment. All this, son of good family, pertains to the bestowal of Dharma. A Bodhisattva holding this meeting that bestows the Dharma, is a great almsgiver (danapati); he is also a field of blessings for all worlds.’
- Bạch Thế Tôn! Khi ông Duy Ma Cật nói pháp ấy, trong chúng Bà la môn hai trăm người đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác—World Honoured One, as Vimalakirti was expounding the Dharma, two hundred Brahmins who listened to it, set their minds on the quest of supreme enlightenment.
  - Lúc đó tâm con đặng thanh tịnh, ngời khen chưa từng có, cúi đầu đánh lễ dưới chơn ông Duy Ma Cật. Con liền mở chuỗi Anh Lạc giá đáng trăm ngàn lượng vàng dâng lên, ông không chịu lấy. Con nói: “Thưa cư sĩ! Xin ngài hãy nạp thọ, tùy ý Ngài cho!” Ông Duy Ma Cật liền lấy chuỗi Anh Lạc chia làm hai phần, một phần đem cho người ăn xin hèn hạ nhất trong hội, còn một phần đem dâng cho
- Đức Nan Thắng Như Lai. Tất cả chúng trong hội đều thấy cõi nước Quang Minh và Đức Nan Thắng Như Lai, lại thấy chuỗi Anh Lạc ở trên đức Phật kia biến thành bốn trụ đài quý báu, bốn mặt đều trang nghiêm rực rỡ không ngăn che nhau—I myself realized purity and cleanliness of mind, which I had never experienced before. I then bowed my head at his feet and took out my priceless necklace of precious stones, which I offered to him but he refused it. I then said: ‘Venerable Upasaka, please accept my present and do what you like with it.’ He took my necklace and divided it in two, offering half to the poorest beggar in the assembly and the other half to the ‘Invincible Tathagata’, whose radiant land was then visible to all those present, who saw the half-necklace transformed into a precious tower in all its majesty on four pillars which did not shield one another.
- Sau khi ông Duy Ma Cật hiện thần biến xong, lại nói rằng: “Nếu người thí chủ dùng tâm bình đẳng thí cho một người ăn xin rất hèn hạ xem cũng như tướng phước điền của Như Lai, không phân biệt, lòng đại bi bình đẳng, không cầu quả báo, đó gọi là đầy đủ Pháp thí vậy.”—After this supernatural transformation, Vimalakirti said: ‘He who gives alms to the poorest beggar with an impartial mind performs an act which does not differ from the field of blessings of the Tathagata, for it derives from great compassion with no expectation of reward. This is called the complete bestowal of Dharma.’
  - Trong thành những người ăn xin hèn hạ nhất thấy thần lực như vậy và nghe lời nói kia, đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì thế nên con không kham lãnh đến thăm bệnh ông Duy Ma Cật—After witnessing Vimalakirti’s

supernatural power, the poorest beggar who had also listened to his expounding of the Dharma developed a mind set on supreme enlightenment. Hence, I am not qualified to call on Vimalakirti to inquire after his health.”

- Như thế, các Bồ Tát đều tuân tự đến trước Phật trình bày chỗ bỏ duyên của mình, vị nào cũng khen ngợi, thuật lại những lời ông Duy Ma Cật và đều nói: “Không kham lãnh đến thăm bệnh ông.”—Thus, each of the Bodhisattvas present related his encounter with Vimalakirti and declined to call on him to inquire after his health.

## CHƯƠNG NĂM—CHAPTER FIVE

### PHẨM VĂN THÙ SƯ LỢI— MANJUSRI'S CALL ON VIMALAKIRTI

- Lúc bấy giờ Phật bảo Văn Thù Sư Lợi: “Ông đi đến thăm bệnh ông Duy Ma Cật dùm ta.”—The Buddha then said to Manjusri: “You call on Vimalakirti to inquire after his health.”
- Văn Thù Sư Lợi bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Bực thượng như kia khó bề đối đáp, vì ông ấy rất thâm đạt thực tướng, khéo nói pháp mầu, trí tuệ vô ngại, biện tài thông suốt, rõ thấu phương pháp tu trì của tất cả Bồ Tát, thâm nhập kho tạng bí mật của chư Phật, hàng phục các ma, thần thông tự tại và trí tuệ phương tiện đều được rất ráo. Tuy thế, con xin vâng thánh chỉ của Phật đến thăm bệnh ông.”—Manjusri said: “World Honoured One, he is a man of superior wisdom and it is not easy to match him (in eloquence). For he has reached reality, and is a skillful teacher of the essential aspects of the Dharma. His power of speech is unhindered and his wisdom is boundless.

He is well versed in all matters pertaining to Bodhisattva development, for he has entered the mysterious treasure of all Buddhas. He has overcome all demons, has achieved all transcendental powers and has realized wisdom by ingenious devices (upaya). Nevertheless, I will obey the holy command and will call on him to inquire after his health.”

- Lúc ấy, trong đại chúng các hàng Bồ Tát và hàng đại đệ tử, Đế Thích, Phạm Thiên, Tứ thiên vương đều nghĩ rằng: “Hôm nay hai vị đại sĩ Văn Thù Sư Lợi và Duy Ma Cật cùng nhau đàm luận tất nói pháp mầu.” Tức thời, tám ngàn Bồ Tát, năm trăm Thanh Văn và trăm ngàn Thiên nhưn đều muốn đi theo—The Bodhisattvas, the chief disciples of the Buddha and the rulers of the four heavens who were present, thought to themselves: “As the two Mahasattvas will be meeting, they will certainly discuss the profound Dharma.” So, eight thousand Bodhisattvas, five hundred sravakas and hundreds and thousands of devas wanted to follow Manjusri.
- Bấy giờ Văn Thù Sư Lợi cùng các Bồ Tát, đại đệ tử và các hàng Thiên nhưn cùng nhau cung kính đi vào thành Tỳ Xá Ly—So Manjusri, reverently surrounded by the Bodhisattvas, the Buddha’s chief disciples and the devas, made for Vaisali town.
- Lúc ấy trưởng giả Duy Ma Cật thâm nghĩ: “Nay đây ngài Văn Thù Sư Lợi cùng đại chúng đồng đến viếng thăm.” Ông liền dùng sức thần thông làm cho trong nhà trống rỗng, không có vật chi và cũng không có người thị giả nào, chỉ để một chiếc giường cho ông nằm bệnh—Vimalakirti, who knew in advance that Manjusri and his followers would come, used his transcendental powers to empty his house of all attendants and furniture

- except a sick bed.
- Khi ngài Văn Thù Sư Lợi vào nhà ông Duy Ma Cật rồi, thấy trong nhà trống rỗng không có vật chi, chỉ có một mình ông nằm trên giường mà thôi, khi ấy ông Duy Ma Cật chào rằng—When entering the house, Manjusri saw only Vimalakirti lying on sick bed and was greeted by the upasaka.
  - Quý hóa thay! Ngài Văn Thù Sư Lợi mới đến! Tướng không đến mà đến, tướng không thấy mà thấy—Who said: “Welcome, Manjusri, you come with no idea of coming and you see with no idea of seeing.”
  - Ngài Văn Thù Sư Lợi nói: “Phải đấy, Cư sĩ! Nếu đã đến tức là không đến, nếu đã đi tức là không đi. Vì sao? Đến không từ đâu đến, đi không đến nơi đâu, hễ có thấy tức là không thấy. Thôi việc ấy hãy để đó. Cư sĩ bệnh có chịu nổi được không? Điều trị có bớt không? Bệnh không đến nổi tăng ư? Thế Tôn ân cần hỏi thăm chi tiết. Bệnh Cư sĩ nhưn đau mà sanh, sanh đã bao lâu, phải thế nào mới mạnh được?—Manjusri replied: “It is so, Venerable Upasaka, coming should not be further tied to (the idea of) coming, and going should not be further linked with (the concept of) going. Why? Because there is neither whence to come nor whither to go, and that which is visible cannot further be (an object of) seeing. Now, let us put all this aside. Venerable Upasaka, is your illness bearable? Will it get worse with the wrong treatment? The World Honoured One sends me to inquire after your health, and is anxious to have good news of you. Venerable Upasaka, where does your illness come from; how long since it arose, and how will it come to an end?”
  - Duy Ma Cật đáp: “Từ nơi si mà có ái, bệnh tôi sanh. Vì tất cả chúng sanh bệnh, nên tôi bệnh. Nếu tất cả chúng sanh không bệnh, thì bệnh tôi lành. Vì sao? Bồ Tát vì chúng sanh mà vào đường sanh tử, hễ có sanh thời có bệnh, nếu chúng sanh khỏi bệnh thì Bồ Tát không có bệnh. Ví như ông trưởng giả chỉ có một người con, hễ người con bệnh, thì cha mẹ cũng bệnh; nếu bệnh của con lành, cha mẹ cũng lành. Bồ Tát cũng thế! Đối với tất cả chúng sanh, thương mến như con, nên chúng sanh bệnh, Bồ Tát cũng bệnh; chúng sanh lành, Bồ Tát cũng lành—Vimalakirti replied: “Stupidity leads to love, which is the origin of my illness. Because all living beings are subject to illness, I am ill as well. When all living beings are no longer ill, my illness will come to an end. Why? A Bodhisattva, because of (his vow to save) living beings, enters the realm of birth and death which is subject to illness; if they are all cured, the Bodhisattva will no longer be ill. For instance, when the only son of an elder falls ill, so do his parents, and when he recovers his health, so do they. Likewise, a Bodhisattva loves all living beings as if they were his sons; so when they fall ill, the Bodhisattva is also ill, and when they recover, he is no longer ill.”
  - Văn Thù Sư Lợi lại hỏi: “Bệnh ấy nhưn đau mà sanh?”—Manjusri asked: “What is the cause of a Bodhisattva’s illness?”
  - Duy Ma Cật trả lời: “Bồ Tát có bệnh là do lòng đại bi.”—Vimalakirti replied: “A Bodhisattva’s illness comes from (his) great compassion.”
  - Văn Thù Sư Lợi hỏi: “Cư sĩ! Nhà này vì sao trống không và không có thị giả?”—Manjusri asked: “Why is the Venerable Upasaka’s house empty and without servants?”
  - Duy Ma Cật đáp: “Cõi nước của chư Phật cũng đều không.”—Vimalakirti replied: “All Buddha lands are also void.”



- Văn Thù hỏi: “Lấy gì làm không?”—Manjusri asked: “What is the Buddha land void of?”
- Duy Ma Cật đáp: “Lấy không làm không.”—Vimalakirti replied: “It is void of voidness.”
- Văn Thù hỏi: “Đã không, cần gì phải không?”—Manjusri asked: “Why should voidness be void?”
- Duy Ma Cật đáp: “Vì không phân biệt, nên không.”—Vimalakirti replied: “Voidness is void in the absence of discrimination.”
- Văn Thù hỏi: “Có thể phân biệt được ư?”—Manjusri asked: “Can voidness be subject to discrimination?”
- Duy Ma Cật đáp: “Phân biệt cũng không.”—Vimalakirti replied: “All discrimination is also void.”
- Văn Thù hỏi: “Không, phải tìm nơi đâu?”—Manjusri asked: “Where can voidness be sought?”
- Duy Ma Cật đáp: “Phải tìm trong sáu mươi hai món kiến chấp.”—Vimalakirti replied: “It should be sought in the sixty-two false views.”
- Văn Thù hỏi: “Sáu mươi hai món kiến chấp phải tìm nơi đâu?”—Manjusri asked: “Where should the sixty-two false views be sought?”
- Duy Ma Cật đáp: “Phải tìm trong các pháp giải thoát của chư Phật.”—Vimalakirti replied: “They should be sought in the liberation of all Buddhas.”
- Văn Thù hỏi: “Pháp giải thoát của chư Phật phải tìm nơi đâu?”—Manjusri asked: “Where should the liberation of all Buddhas be sought?”
- Duy Ma Cật đáp: “Phải tìm nơi tâm hạnh của chúng sanh.”—Vimalakirti replied: “It should be sought in the minds of all living beings.”
- Duy Ma Cật tiếp lời: “Ngài lại hỏi vì sao không thị giả? Tất cả chúng ma và các ngoại đạo đều là thị giả của tôi. Vì sao? Vì các ma ưa sanh tử, mà Bồ Tát ở nơi sanh tử không bỏ. Còn ngoại đạo ưa các kiến chấp, mà Bồ Tát ở nơi các kiến chấp không động.”—He continued: “The virtuous one has also asked why I have no servants; well, all demons and heretics are my servants. Why? Because demons like (the state of) birth and death which the Bodhisattva does not reject, whereas heretics delight in false views in the midst of which the Bodhisattva remains unmoved.”
- Văn Thù hỏi: “Bệnh của cư sĩ tướng trạng thế nào?”—Manjusri asked: “What form does the Venerable Upasaka’s illness take?”
- Duy Ma Cật đáp: “Bệnh của tôi không hình, không tướng, không thể thấy được.”—Vimalakirti replied: “My illness is formless and invisible.”
- Văn Thù hỏi: “Bệnh ấy hiệp với thân hay hiệp với tâm?”—Manjusri asked: “Is it an illness of the body or of the mind?”
- Duy Ma Cật đáp: “Không phải hiệp với thân, vì thân tướng vốn lìa; cũng không phải hiệp với tâm, vì tâm như huyễn.”—Vimalakirti replied: “It is not an illness of the body, for it is beyond body and it is not that of the mind, for the mind is like an illusion.”
- Văn Thù hỏi: “Địa đại, thủy đại, phong đại, hỏa đại, trong bốn đại bệnh ông về đại nào?”—Manjusri asked: “Of the four elements, earth, water, fire and air, which one is ill?”
- Duy Ma Cật đáp: “Bệnh ấy không phải địa đại, cũng không lìa địa đại; thủy, hỏa, phong đại cũng như thế. Nhưng bệnh của chúng sanh là từ nơi tứ đại mà khởi, vì chúng sanh bệnh nên tôi có bệnh.”—Vimalakirti replied: “It is not an illness of the element of earth but it is not beyond it; it is the same with the other elements

of water, fire and air. Since the illnesses of all living beings originate from the four elements which cause them to suffer, I am ill too.”

- Đoạn Văn Thù hỏi tiếp: “Phàm Bồ Tát an ủi Bồ Tát có bệnh như thế nào?”—Manjusri then asked: “What should a Bodhisattva say when comforting another Bodhisattva who falls ill?”
- Duy Ma Cật đáp: “Nói thân vô thường, nhưng không bao giờ nhàm chán thân này. Nói thân có khổ, nhưng không bao giờ nói về sự vui ở Niết Bàn. Nói thân vô ngã mà khuyên dạy dắt dìu chúng sanh. Nói thân không tịch, chứ không nói là rốt ráo tịch diệt. Nói ăn năn tội trước, chứ không nói vào nơi quá khứ. Lấy bệnh mình mà thương bệnh người. Phải biết cái khổ vô số kiếp trước, phải nghĩ đến sự lợi ích cho tất cả chúng sanh, nhớ đến việc làm phước, tưởng đến sự sống trong sạch, chớ nên sanh tâm buồn rầu, phải thường khởi lòng tinh tấn, nguyện sẽ làm vị y vương điều trị tất cả bệnh của chúng sanh. Bồ Tát phải an ủi Bồ Tát có bệnh như thế để cho được hoan hỷ.”—Vimalakirti replied: “He should speak of the impermanence of the body but never of the abhorrence and relinquishment of the body. He should speak of the suffering body but never of the joy in nirvana. He should speak of egolessness in the body while teaching and guiding all living beings (in spite of the fact that they are fundamentally non-existent in the absolute state). He should speak of the voidness of the body but should never cling to the ultimate nirvana. He should speak of repentance of past sins but should avoid slipping into the past. Because of his own illness he should take pity on all those who are sick. Knowing that he has suffered during countless past aeons, he should think of the welfare of

all living beings. He should think of his past practice of good virtues to uphold (his determination for) right livelihood. Instead of worrying about troubles (klesa) he should give rise to zeal and devotion (in his practice of the Dharma). He should act like a king physician to cure others’ illnesses. Thus, a Bodhisattva should comfort another sick Bodhisattva to make him happy.”

- Văn Thù hỏi: “Cư sĩ! Bồ Tát có bệnh phải điều phục tâm mình như thế nào?”—Manjusri asked: “How does a sick Bodhisattva control his mind?”
- Duy Ma Cật đáp—Vimalakirti replied:
  - (a) “Bồ Tát có bệnh phải nghĩ thế này: ‘Ta nay bệnh đây đều từ các món phiền não, điên đảo, vọng tưởng đời trước sanh ra, là pháp không thật có, lấy ai chịu bệnh đó. Vì sao? Vì tứ đại hòa hợp giả gọi là thân, mà tứ đại không chủ, thân cũng không ngã. Lại nữa, bệnh này khởi ra đều do chấp ngã, vì thế ở nơi ngã không nên sanh lòng chấp đắm.’—“A sick Bodhisattva should think thus: ‘My illness comes from inverted thoughts and troubles (klesa) during my previous lives but it has no real nature of its own. Therefore, who is suffering from it? Why is it so? Because when the four elements unite to form a body, the former are without owner and the latter is without ego. Moreover, my illness comes from my clinging to an ego; hence, I should wipe out this clinging.’
  - (b) Bây giờ đã biết gốc bệnh, trừ ngay ngã tưởng và chúng sanh tưởng, phải khởi pháp tướng. Nên nghĩ rằng: ‘Thân này chỉ do các pháp hiệp thành, khởi chỉ là pháp khởi, diệt chỉ là pháp diệt. Lại các pháp ấy đều không biết nhau, khi khởi không nói nó khởi, khi diệt không nói nó diệt?’ Bồ Tát có bệnh muốn diệt trừ pháp tướng phải nghĩ rằng: ‘Pháp tướng này cũng là

điên đảo, điên đảo tức là bệnh lớn, ta nên xa lìa nó.’ Thế nào là xa lìa? Lìa ngã và ngã sở. Thế nào là lìa ngã và ngã sở? Là lìa hai pháp. Thế nào là lìa hai pháp? Là không nghĩ các pháp trong , ngoài, mà thực hành theo bình đẳng. Sao gọi là bình đẳng? Là ngã bình đẳng, Niết Bàn bình đẳng. Vì sao? Ngã và Niết Bàn hai pháp này đều không. Do đâu mà không? Vì do vắng tự nên không. Như thế, hai pháp không có tánh quyết định. Nếu đặt nghĩa bình đẳng đó, thì không có bệnh chi khác, chỉ còn có bệnh KHÔNG, mà bệnh KHÔNG cũng không nữa.’—Now that he knows the source of his illness, he should forsake the concept of an ego and a living being. He should think of things (dharma) thus: ‘A body is created by the union of all sorts of dharmas (elements) which alone rise and all, without knowing one another and without announcing their rise and fall.’ In order to wipe out the concept of things (dharmas), a sick Bodhisattva should think thus: ‘This notion of dharma is also an inversion, which is my great calamity. So I should keep from it.’ What is to be kept from? From both subject and object. What does this keeping from subject and object mean? It means keeping from dualities. What does this keeping from dualities mean? It means not thinking of inner and outer dharmas (i.e. contraries) by the practice of impartiality. What is impartiality? It means equality (of all contraries e.g.) ego and nirvana. Why is it so? Because both ego and nirvana are void. Why are both void? Because they exist only by names which have no independent nature of their own. “When you achieve this equality you are free from all illnesses but there remains the conception of voidness which also is an illusion and should be wiped out as well.’

(c) Vị Bồ Tát có bệnh dùng tâm không thọ mà thọ các món thọ, nếu chưa đầy đủ Phật pháp cũng không diệt thọ mà thủ chứng. Dù thân có khổ, nên nghĩ đến chúng sanh trong ác thú mà khởi tâm đại bi. Ta đã điều phục được tâm ta, cũng nên điều phục cho tất cả chúng sanh. Chỉ trừ bệnh chấp mà không trừ pháp, dạy cho dứt trừ gốc bệnh. Sao gọi là gốc bệnh? Nghĩa là có phan duyên, do có phan duyên mà thành gốc bệnh. Phan duyên nơi đâu? Ở trong ba cõi. Làm thế nào đoạn phan duyên? Dùng vô sở đắc; nếu vô sở đắc thì không có phan duyên. Sao gọi là vô sở đắc? Nghĩa là ly hai món chấp. Sao gọi là hai món chấp? Nghĩa là chấp trong và chấp ngoài; ly cả hai đó là vô sở đắc—A sick Bodhisattva should free himself from the conception of sensation (vedana) when experiencing any one of its three states (which are painful, pleasurable and neither painful nor pleasurable feeling). Before his full development into Buddhahood (that is before delivering all living beings in his own mind), he should not wipe out vedana for his own benefit with a view to attaining nirvana for himself only. Knowing that the body is subject to suffering he should think of living beings in the lower realms of existence and give rise to compassion (for them). Since he has succeeded in controlling his false views he should guide all living beings to bring theirs under control as well. He should uproot theirs (inherent) illnesses without (trying to) wipe out non-existence dharmas (externals for sense data). For he should teach them how to cut off the origin of illness. What is the origin of illness? It is their clinging which causes their illness. What are the objects of their clinging? They are the three realms (of desire, form and beyond form). By what

- means should they cut off their clinging? By means (of the doctrine that) nothing whatsoever can be found, and (that) if nothing can be found there will be no clinging. What is meant by ‘nothing can be found’? It means (that) apart from dual views (there is nothing else that can be had). What are dual views? They are inner and outer views beyond which there is nothing.
- (d) Ngài Văn Thù Sư Lợi! Đó là Bồ Tát có bệnh, điều phục tâm mình để đoạn các khổ như già, bệnh, chết là Bồ Đề của Bồ Tát. Nếu không như thế thì chỗ tu hành của mình không được trí tuệ thiện lợi. Ví như người chiến thắng kẻ oán tặc mới là đồng, còn vị nào trừ cả già, bệnh, chết như thế mới gọi là Bồ Tát—Manjusri, this is how a sick Bodhisattva should control his mind. To wipe out suffering from old age, illness and death is the Bodhisattva’s bodhi (enlightened practice). If he fails to do so, his practice lacks wisdom and is ineffective. For instance, a Bodhisattva is (called) courageous if he overcomes hatred; if in addition he wipes out (the concept of) old age, illness and death, he is a true Bodhisattva.
- (e) Bồ Tát có bệnh nên nghĩ thêm thế này: ‘Như bệnh của ta đây, không phải là thật, không phải có; bệnh của chúng sanh cũng không phải thật, không phải có.’ Khi quán sát như thế, đối với chúng sanh nếu có khởi lòng đại bi ái kiến thì phải bỏ ngay. Vì sao? Bồ Tát phải dứt trừ khách trần phiền não mà khởi đại bi, chớ vì đại bi ái kiến mà đối với sanh tử có tâm nhàm chán, nếu lìa được ái kiến thì không có tâm nhàm chán, sanh ra nơi nào không bị ái kiến che đậy, không còn bị sự ràng buộc, lại nói pháp cởi mở sự ràng buộc cho chúng sanh nữa. Như Phật nói: ‘Nếu mình bị trói mà lại đi mở trói cho người khác, không thể được; nếu mình không bị trói mới mở trói cho người khác được.’— A sick Bodhisattva should again reflect: since my illness is neither real nor existing, the illnesses of all living beings are also unreal and non-existent. But while so thinking if he develops a great compassion derived from his love for living beings and from his attachment to this false view, he should (immediately) keep from these feelings. Why is it so? Because a Bodhisattva should wipe out all external causes of troubles (klesa) while developing great compassion. For (this) love and (these) wrong views result from hate of birth and death. If he can keep from this love and these wrong views, he will be free from hatred, and wherever he may be reborn he will not be hindered by love and wrong views. His next life will be free from obstructions and he will be able to expound the Dharma to all living beings and free them from bondage. As the Buddha has said, there is no such thing as untying others when one is still held in bondage for it is possible to untie others only after one is free from bonds.
- (f) Vì thế, Bồ Tát không nên khởi những sự ràng buộc. Sao gọi là ràng buộc? Sao gọi là giải thoát? Tham đắm nơi thiện vị là Bồ Tát bị ràng buộc. Dùng phương tiện thọ sanh là Bồ Tát được giải thoát. Lại không có phương tiện huệ thì buộc, có phương tiện huệ thì giải thoát, không huệ phương tiện thì buộc, có huệ phương tiện thì giải thoát—Therefore, a Bodhisattva should not tie himself up (with wrong views). What is tying and what is untying? Clinging to serenity (dhyana) is a Bodhisattva’s bondage, but his expedient rebirth (for the salvation of others) is freedom from bondage. Further, he is held in bondage by wisdom which lacks expedient methods (upaya),

- but is liberated by wisdom supported by expedient device; he is (also) held in bondage by expedient methods which are not upheld by wisdom but is liberated by expedient methods backed by wisdom.
- (g) Sao gọi là không có phương tiện thì buộc? Bồ Tát dùng ái kiến trang nghiêm Phật độ, thành tựu chúng sanh ở trong pháp Không, vô tướng, vô tác mà điều phục lấy mình, đó là không có phương tiện huệ thì buộc—What is bondage by wisdom unsupported by expedient methods? It is bondage caused by the Bodhisattva's desire to embellish the Buddha land (with merits) in order to bring living beings to perfection while practicing for his self-control (the three gates to nirvana, namely,) voidness, formlessness and inactivity. This is called bondage by wisdom unsupported by expedient methods (upaya).
- (h) Sao gọi là có phương tiện huệ thì giải? Bồ Tát không dùng ái kiến trang nghiêm Phật độ, thành tựu chúng sanh, ở trong pháp 'không,' 'vô tướng,' 'vô tác' điều phục lấy mình, không nhằm chán mỗi mệt, đó là có phương tiện huệ thì giải—What is liberation by wisdom backed by expedient methods? It is liberation achieved in the absence of desire to embellish the Buddha land (with merits) in order to bring living beings to perfection, while practicing unremittingly for his self-control (the three gates to nirvana, namely) voidness, formlessness and inactivity. This is called liberation by wisdom supported by expedient methods (upaya).
- (i) Sao gọi là không có phương tiện huệ thì buộc? Bồ Tát trụ nơi các món phiền não, tham dục, sân hận, tà kiến, vân vân mà trồng các cội công đức, đó là không có huệ phương tiện thì buộc—What is bondage by expedient methods unsupported by wisdom? It is bondage caused by a Bodhisattva's lack of determination to keep from desire, anger, perverse views and other troubles (klesa) while planting all wisdom roots. This is called bondage by expedient methods, which lack wisdom.
- (j) Sao gọi là có huệ phương tiện thì giải? Là xa lìa các thứ phiền não, tham dục, sân hận, tà kiến, vân vân mà vun trồng các cội công đức, hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đó là có huệ phương tiện thì giải—What is liberation by expedient methods sustained by wisdom? It is liberation won by a Bodhisattva who keeps from desire, anger, perverse views and other troubles (klesa) while planting all virtuous roots which he dedicates to his realization of supreme enlightenment. This is called liberation by expedient methods sustained by wisdom.
- (k) Ngài Văn Thù Sư Lợi! Bồ Tát có bệnh đấy phải quán sát được các pháp như thế. Lại nữa, quán thân vô thường, khổ, không, vô ngã, đó là huệ. Dù thân có bệnh vẫn ở trong sanh tử làm lợi ích cho chúng sanh không nhằm mỗi, đó là phương tiện—Manjusri, a sick Bodhisattva should look into all things in this way. He should further meditate on his body, which is impermanent, is subject to suffering and is non-existent and egoless; this is called wisdom. Although his body is sick, he remains in (the realm of) birth and death for the benefit of all (living beings) without complaint; this is called expedient method (upaya).
- (l) Lại nữa, ngài Văn Thù Sư Lợi! Quán thân, thân không rời bệnh, bệnh chẳng rời thân, bệnh nầy, thân nầy, không phải mới, không phải cũ, đó là huệ. Dù thân có bệnh mà không nhằm chán trọn diệt độ, đó là phương tiện—Manjusri! He

should further meditate on the body, which is inseparable from illness and on illness, which is inherent in the body, because sickness and the body are neither new nor old; this is called wisdom. The body, though ill, is not to be annihilated; this is the expedient method (for remaining in the world to work for salvation).

- (m) Ngài Văn Thù Sư Lợi! Bồ Tát có bệnh nên điều phục tâm mình như thế, mà không trụ trong đó, cũng không trụ nơi tâm không điều phục. Vì sao? Nếu trụ nơi tâm không điều phục là pháp của phàm phu, nếu trụ nơi tâm điều phục là pháp của Thanh Văn, cho nên Bồ Tát không trụ nơi tâm điều phục hay không điều phục, lia hai pháp ấy là hạnh Bồ Tát. Ở trong sanh tử mà không bị nhiễm ô, ở nơi Niết Bàn mà không diệt độ hẳn là hạnh Bồ Tát. Không phải hạnh phàm phu, không phải hạnh Hiền Thánh là hạnh Bồ Tát. Không phải hạnh nhơ, không phải hạnh sạch là hạnh Bồ Tát. Tuy vượt khỏi hạnh ma mà hiện các việc hàng phục ma là hạnh Bồ Tát. Cầu nhưث thiết trí, không cầu sái thời là hạnh Bồ Tát. Dù quán sát các pháp không sanh mà không vào chánh vị (chơn như) là hạnh Bồ Tát. Quán mười hai duyên khởi mà vào các tà kiến là hạnh Bồ Tát. Nhiếp độ tất cả chúng sanh mà không mê đắm chấp trước là hạnh Bồ Tát. Ưa xa lìa mà không nương theo sự dứt đoạn thân tâm là hạnh Bồ Tát. Tuy ở trong ba cõi mà không hoại pháp tánh là hạnh Bồ Tát. Tuy quán 'Không' mà gieo trồng các cõi công đức là hạnh Bồ Tát. Dù thực hành vô tướng mà cứu độ chúng sanh là hạnh Bồ Tát. Dù thực hành vô tác mà quyền hiện thọ thân là hạnh Bồ Tát. Dù thực hành vô khởi mà khởi tất cả các hạnh là hạnh Bồ Tát. Dù thực hành sáu pháp Ba la mật mà biết khắp các tâm, tâm sở của chúng sanh

là hạnh Bồ Tát. Dù thực hành sáu phép thân thông mà không dứt hết lậu hoặc phiền não là hạnh Bồ Tát. Dù thực hành tứ vô lượng tâm mà không tham đắm sanh về cõi Phạm thế (Phạm Thiên) là hạnh Bồ Tát. Dù thực hành thiền định, giải thoát tam muội, mà không theo thiền định thọ sanh là hạnh Bồ Tát. Dù thực hành tứ niệm xứ mà không hoàn toàn lìa hẳn thân, thọ, tâm, pháp là hạnh Bồ Tát. Dù thực hành tứ chánh cần mà không rời thân tâm tinh tấn là hạnh Bồ Tát. Dù thực hành tứ như ý túc mà đặng thân thông tự tại là hạnh Bồ Tát. Dù thực hành ngũ căn mà phân biệt rành rẽ các căn lợi độn của chúng sanh là hạnh Bồ Tát. Dù thực hành ngũ lực mà ưa cầu thập lực của Phật là hạnh Bồ Tát. Dù thực hành bảy pháp giác chi mà phân biệt rõ trí tuệ của Phật là hạnh Bồ Tát. Dù thực hành bát chánh đạo mà ưa tu vô lượng Phật đạo là hạnh Bồ Tát. Dù thực hành các pháp chỉ quán trợ đạo mà trọn không thiên hẳn nơi tịch diệt (Niết Bàn) là hạnh Bồ Tát. Dù thực hành các pháp bất sanh bất diệt, mà dùng tướng hảo trang nghiêm thân mình là hạnh Bồ Tát. Dù hiện oai nghi theo Thanh Văn, Duyên Giác mà không rời Phật pháp là hạnh Bồ Tát. Dù tùy theo tướng hoàn toàn thanh tịnh của các pháp mà tùy theo chỗ sở ứng hiện thân là hạnh Bồ Tát. Dù quán sát cõi nước của chư Phật trọn vắng lặng như hư không mà hiện ra rất nhiều cõi Phật thanh tịnh là hạnh Bồ Tát. Dù chứng đặng quả Phật, chuyển Pháp Luân, nhập Niết Bàn mà không bỏ đạo Bồ Tát là hạnh Bồ Tát vậy—Manjusri, a sick Bodhisattva should thus control his mind while dwelling in neither the (state of) controlled mind nor its opposite, that of uncontrolled mind. For if he dwells in (the state of) uncontrolled mind, this is stupidity and if he dwells in (that of) controlled mind, this

is the sravaka stage. Hence, a Bodhisattva should not dwell in either and so keep from both; this is the practice of the Bodhisattva stage. When staying in the realm of birth and death he keeps from its impurity, and when dwelling in nirvana, he keeps from (its condition of) extinction of reincarnation and escape from suffering; this is the practice of the Bodhisattva stage. That which is neither worldly nor saintly is Bodhisattva development (into Buddhahood). That which is neither impure nor pure is Bodhisattva practice. Although he is beyond the demonic state, he appears (in the world) to overcome demons; this is Bodhisattva conduct. In his quest of all knowledge (sarvajna) he does not seek it at an inappropriate moment; this is Bodhisattva conduct. Although he looks into the uncreated he does not achieve Buddhahood; this is Bodhisattva conduct. Although he looks into nidana (or the twelve links in the chain of existence), he enters all states of perverse views (to save living beings); this is Bodhisattva conduct. Although he helps all living beings he does not give rise to clinging; this is Bodhisattva conduct. Although he keeps from the phenomenal he does not lean on the voidness of body and mind; this is Bodhisattva conduct. Although he passes through the three worlds (of desire, form and beyond form), he does not injure the Dharmata; this is the Bodhisattva conduct. Although he realizes the voidness (of thing) he sows the seeds of all merits; this is Bodhisattva conduct. Although he dwells in formlessness, he continues delivering living beings; this is Bodhisattva conduct. Although he refrains from (creative) activities he appears in his physical body; this is Bodhisattva conduct. Although he keeps

(all thoughts) from rising he performs all good deeds; this is Bodhisattva conduct. Although he practices the six perfections (paramitas), he knows all the mental states of living beings; this is Bodhisattva conduct. Although he possesses the six supernatural powers, he refrains from putting an end to all worldly streams; this is Bodhisattva conduct. Although he practices the four infinite states of mind, he does not wish to be reborn in the Brahma heavens, this is the Bodhisattva conduct. Although he practices meditation, serenity (dhyana), liberation and samadhi, he does not avail himself of these to be reborn in dhyana heavens; this is Bodhisattva conduct. Although he practices the four states of mindfulness, he does not keep for ever from the karma of body and mind; this is Bodhisattva conduct. Although he practices the four right efforts, he persists in physical and mental zeal and devotion; this is Bodhisattva conduct. Although he practices the four Hinayana steps to supernatural powers, he will continue doing so until he achieves all Mahayana supernatural powers; this is Bodhisattva conduct. Although he practices the five spiritual faculties of the sravaka stage, he discerns the sharp and dull potential of living beings; this is Bodhisattva conduct. Although he practices the five powers of the sravaka stage, he strives to achieve the ten powers of the Buddha; this is Bodhisattva conduct. Although he practices the seven Hinayana degrees of enlightenment, he discerns the Buddha's all-wisdom (sarvajna); this is Bodhisattva conduct. Although he practices the eightfold noble truth (of Hinayana), he delights in treading the Buddha's boundless path; this is Bodhisattva conduct. Although he practices

- samathavipasyana, which contributes to the realization of bodhi (enlightenment), he keeps from slipping into nirvana; this is Bodhisattva conduct. Although he practices the doctrine of not creating and not annihilating things (dharma), he still embellishes his body with the excellent physical marks of the Buddha; this is Bodhisattva conduct. Although he appears as a sravaka or a pratyeka-buddha, he does not stray from the Buddha Dharma; this is Bodhisattva conduct. Although he has realized ultimate purity, he appears in bodily form to do his work of salvation; this is Bodhisattva conduct. Although he sees into all Buddha lands, which are permanently still like space, he causes them to appear in their purity and cleanness; this is Bodhisattva conduct. Although he has reached the Buddha stage, which enables him to turn the wheel of the Law (to preach the Dharma) and to enter the state of nirvana, he does not forsake the Bodhisattva path; this is bodhisattva conduct.”
- Khi ông Duy Ma Cật nói những lời ấy rồi, cả đại chúng đi theo ngài Văn Thù Sư Lợi, trong đó tám ngàn vị Thiên tử đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác—While Vimalakirti was expounding the Dharma, all the eight thousand sons of devas who had come with Manjusri, developed the profound mind set on the quest of supreme enlightenment (anuttara-samyak-sambodhi).

## CHƯƠNG SÁU—CHAPTER SIX

### PHẨM BẤT TƯ NGHÌ—THE INCONCEIVABLE LIBERATION

- Lúc bấy giờ ngài Xá Lợi Phất thấy trong nhà ông Duy Ma Cật không có giường ngồi chi hết, mới nghĩ rằng: “Các Bồ Tát và hàng đệ tử đây sẽ ngồi nơi đâu?”—

Sariputra saw no seats in the room and thought: “Where do the Bodhisattvas and chief disciples sit?”

- Trưởng giả Duy Ma Cật biết được ý đó, liền nói với ngài Xá Lợi Phất rằng: “Thế nào, nhân giả vì pháp mà đến hay vì giường ngồi mà đến?”—Vimalakirti knew of Sariputra’s thought and asked him: “Virtuous One, do you come here for a seat or for the Dharma?” Xá Lợi Phất đáp: “Tôi vì Pháp mà đến, chớ không phải vì giường ngồi.”—Sariputra replied: “I come here for the Dharma and not for a seat.”
- Ông Duy Ma Cật nói: “Ngài Xá Lợi Phất! Vả chẳng người cầu Pháp, thân mạng còn không tham tiếc, huống chi là giường ngồi. Vả người cầu Pháp không phải có sắc, thọ, tưởng, hành, thức mà cầu; không phải có giới (18 giới), nhập (12 nhập) mà cầu; không phải có dục giới, sắc giới, vô sắc giới (tam giới) mà cầu. Ngài Xá Lợi Phất! Vả chẳng người cầu Pháp không đấm trước nơi Phật mà cầu, không đấm trước nơi Pháp mà cầu, không đấm trước nơi chúng Tăng mà cầu. Vả người cầu Pháp không thấy khổ mà cầu, không đoạn tập mà cầu, không đến chứng diệt, tu đạo mà cầu. Vì sao? Vì pháp không hý luận. Nếu nói ‘ta phải thấy khổ, đoạn tập, chứng diệt, tu đạo, đó là hý luận chứ không phải cầu pháp.’ Ngài Xá Lợi Phất! Pháp là tịch diệt, nếu thực hành pháp sanh diệt là cầu pháp sanh diệt, chứ không phải cầu pháp. Pháp là không nhiễm, nếu nhiễm nơi pháp cho đến Niết Bàn, đó là đấm nhiễm, chứ không phải cầu pháp. Pháp không chỗ làm, nếu làm nơi pháp, đó là chỗ làm chứ không phải cầu pháp. Pháp không thủ xả, nếu thủ xả pháp, đó là thủ xả, chứ không phải cầu pháp. Pháp không xứ sở, nếu chấp trước xứ sở, đó là chấp trước nơi xứ sở chứ không phải cầu pháp. Pháp không có



tướng, nếu nhân tướng mà biết, đó là cầu tướng chứ không phải cầu pháp. Pháp không thể trụ, nếu trụ nơi pháp, đó là trụ nơi pháp chứ không phải cầu pháp. Pháp không thể thấy, nghe, hay, biết, nếu làm theo thấy, nghe, hay, biết, đó là thấy nghe hay biết chứ không phải cầu pháp. Pháp là vô vi, nếu làm hữu vi là cầu hữu vi chứ không phải cầu pháp. Vì thế, ngài Xá Lợi Phất! Nếu người cầu pháp, đối với tất cả pháp, không có cầu đến—Vimalakirti said: “Hey Sariputra, he who searches for the Dharma does not even cling to his body and life, still less to a seat, for the quest of Dharma is not related to (the five aggregates): form (rupa), sensation (vedana), conception (sanjna), discrimination (samskara) and consciousness (vijñana); to the eighteen fields of sense (dhatu: the six organs, their objects and their perceptions); to the twelve entrances (ayatana: the six organs and six sense data that enter for or lead to discrimination); and to the worlds of desire, form and beyond form. Sariputra, a seeker of the Dharma, does not cling to the Buddha, the Dharma and the Sangha. A seeker of the Dharma does not hold the view of suffering, of cutting off all the accumulated causes, thereof, to put an end to it by treading the path to nirvana (i.e. the four noble truths). Why is it so? Because the Dharma is beyond all sophistry. For if one says: ‘Because I see suffering, I cut off its accumulated causes to wipe it out by treading the path thereto’, this is mere sophistry and is not the quest of the Dharma.

“Sariputra, the Dharma is called nirvana (the condition of complete serenity and ultimate extinction of reincarnation); if you give rise to (the concept of) birth and death, this is a search for birth and death and is not the quest of Dharma. The

Dharma is (absolute and) immaculate, but if you are defiled by the (thought of) Dharma and even that of nirvana, this is pollution which runs counter to the quest of Dharma. Dharma cannot be practiced and if it is put into practice, this implies something (i.e. an object) to be practiced and is not the quest of Dharma. Dharma is beyond grasping and rejecting, and if you grasp or reject it, this is grasping or rejecting (something else) but not the quest of Dharma. Dharma is beyond position but if you give it a place, this is clinging to space but not the quest of Dharma. Dharma is formless but if you rely on form to conceive the Dharma, this is search for form but not the quest of Dharma. Dharma is not an abode but if you want to stay in it this is dwelling in (an objective) Dharma, but not the quest of (absolute) Dharma. Dharma can be neither seen, nor heard nor felt nor known but if you want to see, hear, feel and know it, this is the functioning of your (discriminatory) seeing, hearing, feeling and knowing but not the quest of Dharma. Dharma is (transcendentally) inactive (wu wei) but if you are set on worldly activities, this is a search for the worldly way of life but not the quest of Dharma. Therefore, Sariputra, the quest of Dharma does not imply seeking anything whatsoever.”

- Khi ông Duy Ma Cật nói lời ấy rồi, năm trăm vị Thiên tử ở trong các pháp được pháp nhãn thanh tịnh—When Vimalakirti so spoke, five hundred sons of devas realized the pure Dharma Eye.
- Bấy giờ trưởng giả Duy Ma Cật hỏi ngài Văn Thù Sư Lợi rằng: “Thưa ngài! Ngài dạo đi trong vô lượng ngàn muôn ức a tăng kỳ quốc độ, thấy cõi Phật nào có những tòa sư tử tốt đẹp thượng diệu do công đức tạo thành?”—Vimalakirti then

asked Manjusri: “The Virtuous One has traveled in countless thousands and tens of thousands of lakhs of worlds; which one is the Buddha land where the highest merits make the lion throne (of its Buddha)?”

- Văn Thù Sư Lợi nói: “Cư sĩ! Về phương đông cách đây khỏi ba mươi sáu số cát sông Hằng cõi Phật, có thế giới tên Tu Di Tướng, đức Phật ở thế giới ấy hiệu là Tu Di Đăng Vương, hiện vẫn còn. Thân Phật cao tám muôn bốn ngàn do tuần, tòa sư tử cũng cao như thế, trang nghiêm tốt đẹp bậc nhất.”—Manjusri replied: “Venerable Upasaka, in the east there is a Buddha land which is separated from here by a distance represented by worlds as countless as the sand grains in thirty-six Ganges rivers; it is called Merudhvaja whose Buddha is called Merukalpa who is still there. His body is 84,000 yojana tall and his lion throne, also as high, is of prominent majesty.”
- Lúc ấy trưởng giả Duy Ma Cật hiện sức thần thông, tức thời đức Phật ở cõi nước kia điều khiển ba vạn hai ngàn tòa sư tử cao rộng nghiêm sạch đến trong nhà ông Duy Ma Cật. Các Bồ Tát, đại đệ tử, Đế Thích, Phạm Thiên, Tứ Thiên vương tất cả đều thấy việc xưa nay chưa từng thấy—At that time, Vimalakirti used his transcendental powers to invite Buddha Merukalpa to send to his room thirty-two thousand high, large, majestic and clean lion thrones which the Bodhisattvas, chief disciples of the Buddha (Sakyamuni), Indra and Brahma, the four deva kings, etc., had never seen before.
- Nhà ông Duy Ma Cật rộng rãi trùm chứa cả ba vạn hai ngàn tòa sư tử không ngăn ngại, mà ở nơi thành Tỳ Xá Ly cho đến bốn thiên hạ cõi Diêm Phù Đề cũng không bị ép chật, tất cả đều thấy y nguyên như thế—The room contained all the thirty-two thousand lion thrones which did not hinder one another and which did not obstruct anything at Vaisali, in Jambudvīpa (our earth) and in the four heavens where all things remained unchanged as before.
- Ông Duy Ma Cật mời ngài Văn Thù Sư Lợi và các Bồ Tát thượng nhưn ngồi nơi tòa sư tử, song phải hiện thân mình đứng cao bằng tòa kia. Tức thời các Bồ Tát có thần thông liền biến hiện thân mình cao bốn muôn hai ngàn do tuần đến ngồi nơi tòa sư tử, còn các Bồ Tát mới phát tâm và hàng đệ tử đều không lên được—Vimalakirti then said to Manjusri: “Please take a lion throne and be seated amongst the great Bodhisattvas by enlarging the size of your body to that of the seat.” Those Bodhisattvas who had acquired supernatural powers, enlarged their bodies to the size of the thrones on which they sat (without difficulty). But the newly initiated Bodhisattvas and chief disciples of the Buddha could not mount the high thrones.
- Lúc đó ông Duy Ma Cật mời ngài Xá Lợi Phất lên tòa sư tử ngồi—Vimalakirti then said to Sariputra: “Please be seated on a lion throne.”
- Ngài Xá Lợi Phất đáp: “Thưa Cư sĩ! Tòa này cao rộng quá tôi không lên được.”—Sariputra replied: “Venerable Upasaka, these thrones are large and high; I cannot mount them.”
- Ông Duy Ma Cật nói: “Ngài Xá Lợi Phất! Phải đánh lễ đức Tu Di Đăng Vương Như Lai mới có thể ngồi được.”—Vimalakirti said: “Sariputra, you should first pay reverence to the Tathagata Merukalpa and will then be able to sit on one of them.”
- Khi ấy các vị Bồ Tát mới phát tâm và hàng đệ tử đều đánh lễ đức Tu Di Đăng Vương Như Lai, rồi ngồi được ngay nơi

- tòa sư tử—At that time, all newly initiated Bodhisattvas and chief disciples of the Buddha paid reverence to the Tathagata Merukalpa and then sat on the lion throne.
- Ngài Xá Lợi Phất nói: “Thưa Cư sĩ! Thật chưa từng có. Như cái nhà nhỏ tí này mà dung chứa được các tòa cao rộng như thế, mà nơi thành Tỳ Xá Ly không có ngăn ngại, các tụ lạc, thành ấp, cùng những cung điện chư Thiên, Long Vương, quỷ thần trong bốn thiên hạ ở cõi Diêm Phù Đề cũng không ép chặt.”—Sariputra said to Vimalakirti: Pvenerable Upasaka, this was not seen before; this small room can contain these high and large thrones which do not obstruct anything at Vaisali and do not interfere with the cities, towns and villages on Jambudvipa (our world) as well as with the palaces of the devas and heavenly nagas (dragons) and the abodes of the ghosts and spirits.”
  - Ông Duy Ma Cật nói: “Ngài Xá Lợi Phất! Chư Phật và chư Bồ Tát có pháp giải thoát tên là bất khả tư nghì. Nếu Bồ Tát trụ nơi pháp giải thoát đó, lấy núi Tu Di rộng lớn nhét vào trong hạt cải vẫn không thêm bớt, hình núi Tu Di vẫn y nguyên, mà trời Tứ thiên vương và Đạo Lợi thiên vương không hay không biết đã vào đấy, chỉ có những người đáng độ mới thấy núi Tu Di vào trong hạt cải, đó là pháp môn Bất Tư Nghì Giải Thoát. Lại lấy nước bốn biển lớn cho vào trong lỗ chum lông, không có khuấy động các loài thủy tộc như cá trạnh, ngoan đà, mà các biển lớn kia cũng vẫn y nguyên. Các loài rồng, quỷ thần, A tu la, vân vân đều không hay không biết mình đi vào đấy, và các loài ấy cũng không có loạn động. Lại nữa, ngài Xá Lợi Phất! Bồ Tát ở nơi pháp Bất Khả Tư Nghì Giải Thoát, rút lấy cõi tam thiên đại thiên thế giới nhanh như bàn tròn của thợ đồ gốm, rồi để trong bàn tay phải quăng ra ngoài khỏi những thế giới như số cát sông Hằng, mà chúng sanh trong đó không hay không biết mình có đi đâu, lại đem trở về chỗ cũ, mà người không biết có qua lại, và thế giới ấy cũng vẫn y nguyên—Vimalakirti said: “Sariputra, the liberation realized by all Buddhas and (great) Bodhisattvas is inconceivable. If a Bodhisattva wins this liberation, he can put the great and extensive (Mount) Sumeru in a mustard seed, which neither increases nor decreases (its size) while Sumeru remains the same, and the four deva kings (guardians of the world) and the devas of Trayastrimsas (the heavens of Indra) are not even aware of their being put into the seed, but only those who have won liberation see Sumeru in the mustard seed. This is the inconceivable Dharma door to liberation. He can also put the four great oceans that surround Sumeru in a pore without causing inconvenience to fishes, water tortoises, sea-turtles, water-lizards and all other aquatic animals while the oceans remain the same and the nagas (dragons), ghosts, spirits and asuras (titans) are not even aware of being displaced and interposed. “Further, Sariputra, a great Bodhisattva who has won this inconceivable liberation can (take and) put on his right palm the great chiliocosm like the potter holding his wheel, throw it beyond a number of worlds as countless as the sand grains in the Ganges and then take it back (to its original place) while all living beings therein do not know of their being thrown away and returned and while our world remains unchanged.
  - Lại nữa, ngài Xá Lợi Phất! Hoặc có chúng sanh nào ưa ở lâu trong đời mà có thể độ được, Bồ Tát liền kéo bảy ngày ra

- làm một kiếp để cho chúng sanh kia gọi là một kiếp; hoặc có chúng sanh nào không ưa ở lâu trong đời mà có thể độ được, Bồ Tát liền thân gắn một kiếp lại làm bảy ngày, để cho chúng sanh kia gọi là bảy ngày—Further, Sariputra, if there are living beings who are qualified for liberation but who want to stay longer in the world, this Bodhisattva will (use his supernatural power to) extend a week to an aeon so that they will consider their remaining in time to be one week.
- Lại nữa, ngài Xá Lợi Phất! Bồ Tát trụ nơi pháp bất khả tư nghì giải thoát, đem những việc tốt đẹp của tất cả cõi Phật gom về một nước chỉ bày cho chúng sanh—Further, Sariputra, a Bodhisattva who has won this inconceivable liberation can gather in one country all the majestic things of all Buddha lands so that they are all visible in that particular country.
  - Lại nữa, Bồ Tát đem tất cả chúng sanh ở tất cả cõi Phật để trên bàn tay phải của mình rồi bay đến mười phương bày ra cho ai cũng thấy tất cả mà bốn xứ không lay động—Further, he can place on his right palm all the living beings of a Buddha land and then fly in all the ten directions to show them all things everywhere without even shaking them.
  - Lại nữa, Xá Lợi Phất! Những đồ cúng dường chư Phật của chúng sanh trong mười phương, Bồ Tát làm cho tất cả đều thấy nơi một lỗ chơn lông—Further, Sariputra, this Bodhisattva can show through one of his pores all offerings to the Buddhas by living beings in the ten directions.
  - Lại nữa, bao nhiêu nhựt nguyệt, tinh tú trong các cõi nước ở mười phương, Bồ Tát đều làm cho mọi người thấy rõ nơi một lỗ chơn lông—He can show through one of his pores all suns, moons, planets and stars in all the worlds in the ten directions.
  - Lại nữa, ngài Xá Lợi Phất! Bao nhiêu thứ gió ở các cõi nước trong mười phương, Bồ Tát có thể hút vào trong miệng mà thân không bị tổn hại, những cây cối ở bên ngoài cũng không xiêu ngã, trốc, gãy—Further, Sariputra, he can breathe in (and hold in his mouth) all the winds blowing in the worlds in the ten directions without injuring his own body or the trees of these worlds.
  - Lại khi kiếp lửa cháy tan cõi nước ở mười phương, Bồ Tát đem tất cả lửa để vào trong bụng, lửa cũng vẫn y nguyên mà không chút gì làm hại—Further, when the worlds in the ten directions come to an end through destruction by fires, this Bodhisattva can breathe in these fires into his own belly without being injured by them while they continue to burn without change.
  - Lại quá số cát sông Hằng thế giới Phật về phương dưới, lấy một cõi Phật đem để cách khỏi số cát sông Hằng thế giới ở phương trên như cầm mũi kim nhọn ghim lấy một lá chà là mà không có tổn hại—Further, this Bodhisattva can take from the nadir a Buddha land separated from him by worlds as countless as the sand grains in the Ganges and lift it up to the zenith, which is separated from him by worlds as countless as there are sand grains in the Ganges, with the same case as he picks up a leaf of the date tree with the point of a needle.
  - Lại nữa, ngài Xá Lợi Phất! Bồ Tát trụ cảnh Bất Khả Tư Nghì Giải Thoát hay dùng thần thông hiện làm thân Phật hoặc hiện thân Bích Chi Phật, thân Thanh Văn, thân Đế Thích, thân Phạm Vương, thân Chúa Thế gian, hoặc thân Chuyển Luân Thánh Vương. Các thứ tiếng to, tiếng vừa, tiếng nhỏ ở các cõi nước mười phương đều biến thành tiếng Phật diễn nói pháp vô thường, khổ, không, vô ngã và những

- pháp của chư Phật ở mười phương nói ra làm cho khắp tất cả đều được nghe—Further, Sariputra, a Bodhisattva who has won this inconceivable liberation can use his transcendental powers to appear as a Buddha, or a Pratyeka-buddha, a Sravaka, a sovereign Sakra, Brahma, or a ruler of the world (cakravarti). He can also cause all sound and voices of high, medium and low pitches in the worlds in the ten directions to change into the Buddha's voice proclaiming (the doctrine of) impermanence, suffering, unreality and absence of ego as well as all Dharmas expounded by all Buddhas in the ten directions, making them heard everywhere.
- Ngài Xá Lợi Phất! Nay tôi chỉ nói qua thần lực giải thoát bất khả tư nghì của Bồ Tát như thế, nếu nói cho đủ đến cùng kiếp cũng không hết được—Sariputra, I have mentioned only some of the powers derived from this inconceivable liberation but if I were to enumerate them all, a whole aeon would be too short for the purpose.
  - Khi đó ngài Đại Ca Diếp nghe nói pháp môn Bất Khả Tư Nghì Giải Thoát của Bồ Tát, ngợi khen chưa từng có, mới bảo ngài Xá Lợi Phất rằng: “Ví như có người ở trước người mù phô bày các thứ hình sắc, người mù kia đâu thể thấy được. Nay tất cả hàng Thanh Văn nghe pháp môn Bất Khả Tư Nghì Giải Thoát này cũng đâu thể hiểu được. Người trí nghe pháp môn này ai mà chẳng phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Tại sao chúng ta mắt hắt giống ấy, đối với pháp Đại Thừa này đã như hạt giống thúi? Tất cả hàng Thanh Văn nghe pháp môn Bất Khả Tư Nghì Giải Thoát này đều phải than khóc tiếng vang động cõi tam thiên đại thiên thế giới, còn tất cả Bồ Tát nên hết sức vui mừng mà vâng lãnh pháp ấy.
- Nếu có Bồ Tát nào tin hiểu pháp môn Bất Khả Tư Nghì Giải Thoát này thời tất cả chúng ma không thể làm gì được—Mahakasyapa who had heard of this Dharma of inconceivable liberation, praised it and said it had never been expounded before. He then said to Sariputra: “Like the blind who do not see images in various colours shown to them, all sravakas hearing this Dharma door to inconceivable liberation will not understand it. Of the wise men hearing about it, who will not set his mind on the quest of supreme enlightenment? What should we do to uproot for ever the rotten sravaka root as compared with this Mahayana, so that all sravakas hearing this doctrine of inconceivable liberation, shed tears of repentance and scream so loudly as to shake the great chiliocosm? As to the Bodhisattvas, they are all happy to receive this Dharma reverently by placing it on the tops of their heads. If a Bodhisattva believes and practices this Dharma door to inconceivable liberation, all demons cannot oppose him.”
- Khi Ngài Đại Ca Diếp nói như thế rồi có ba vạn hai ngàn vị thiên tử đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác—When Mahakasyapa spoke these words, thirty-two thousand sons of the devas set their minds on the quest of supreme enlightenment.
  - Vào lúc bấy giờ, ông Duy Ma Cật nói với ngài Đại Ca Diếp rằng: “Ngài Đại Ca Diếp! Các vị làm ma vương trong vô lượng vô số cõi nước mười phương phần nhiều là bực Bồ Tát trụ nơi Pháp Bất Khả Tư Nghì Giải Thoát, vì dùng sức phương tiện giáo hóa chúng sanh nên thị hiện làm ma vương—At that time, Vimalakirti declared to Mahakasyapa: “Virtuous One, those who appear as kings of demons in countless worlds in the ten directions are

mostly Bodhisattvas who have realized this inconceivable liberation and who use expedient devices (upaya) to appear as their rulers in order to convert living beings.

- Lại nữa, ngài Đại Ca Diếp! Vô lượng Bồ Tát ở mười phương, hoặc có người đến xin tay, chân, tai, mũi, đầu, mắt, tủy, não, huyết, thịt, da, xương, xóm làng, thành ấp, vợ con, tôi tớ, voi ngựa, xe cộ, vàng bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, san hô, hổ phách, trân châu, đồi mồi, y phục, và các món ăn uống, mà người xin đó phần nhiều là bực Bồ Tát trụ pháp Bất Khả Tư Nghì Giải Thoát dùng sức phương tiện đến thử thách để làm cho các Bồ Tát kia thêm kiên cố. Vì sao? Bồ Tát trụ pháp Bất Khả Tư Nghì Giải Thoát có thần lực oai đức nên mới dám làm việc bức ngặt để chỉ bày cho chúng sanh những việc khó làm như thế. Còn kẻ phàm phu hạ liệt không có thể lực, không thể làm bức ngặt được Bồ Tát, ví như con long tượng dày đập, không phải sức lừa kham chịu nổi. Đó là môn trí huệ phương tiện của Bồ Tát ở nơi pháp Bất Khả Tư Nghì Giải Thoát vậy—Further, Mahakasyapa, countless Bodhisattvas in the ten directions appear as beggars asking for hands, feet, ears, noses, heads, brains, blood, flesh, skin and bones, towns and hamlets, wives and (female) slaves, elephants, horses, carts, gold, silver, lapis lazuli, agate, cornelian, coral, amber, pearl, jade shell, clothing, food and drink; most of these beggars are Bodhisattvas who have realized this inconceivable liberation and use expedient devices to test believers in order to cement their faith (in the Dharma). Because the Bodhisattvas who have realized inconceivable liberation possess the awe-inspiring power to bring pressure to bear upon (believers) and ask for inalienable

things (to test them), but worldly men whose spirituality is low have no such (transcendental) powers and cannot do all this. These Bodhisattvas are like dragons and elephants which can trample (with tremendous force), which donkeys cannot do. This is called the wisdom and expedient methods (upaya) of the Bodhisattvas who have won inconceivable liberation.”

## CHƯƠNG BẢY-CHAPTER SEVEN

### PHẨM QUÁN CHÚNG SANH— LOOKING at LIVING BEINGS

- Ngài Văn Thù Sư Lợi hỏi ông Duy Ma Cật: “Bồ Tát quán sát chúng sanh phải như thế nào?”—Manjusri asked Vimalakirti: “How should a Bodhisattva look at living beings?”
- Duy Ma Cật đáp: “Ví nhà huyền thuật thấy người huyền của mình hóa ra, Bồ Tát quán sát chúng sanh cũng như thế. Như người trí thấy trăng dưới nước, thấy mặt trong gương, như ánh nắng dọi, như âm vang của tiếng, như mây giữa hư không, như bọt nước, như bóng nổi, như lõi cây chuối, như ánh điện chớp, như đại thứ năm, như ẩm thứ sáu, như căn thứ bảy, như nhập thứ mười ba, như giới thứ mười chín. Bồ Tát quán sát chúng sanh cũng như thế. Như sắc chất cõi vô sắc, như mộng lúa hư, như thân kiến của Tu Đà Hoàn, như sự nhập thai của A Na Hàm, như tam độc của A la hán, như tham giận phá giới của Bồ Tát chúng vô sanh pháp nhân, như tập khí phiền não của Phật, như mù thấy sắc tượng, như hơi thở ra vào của người nhập diệt tận định, như dấu chim giữa hư không, như con của thạch nữ (đàn bà không sanh đẻ), như phiền não của người huyền hóa, như cảnh chiêm bao khi đã thức, như người diệt độ

thọ lấy thân, như lửa không khói. Bồ Tát quán sát chúng sanh cũng như thế đó.”—Vimalakirti replied: “ A Bodhisattva should look at living beings like an illusionist does at the illusory men (he has created); and like a wise man looking at the moon’s reflection in water; at his own face in a mirror; at the flame of a burning fire; at the echo of a calling voice; at flying clouds in the sky; at foam in a liquid; at bubbles on water; at the (empty) core of a banana tree; at a flash of lightning; at the (non-existent) fifth element (beside the four that make the human body); at the sixth aggregate (beside the five that make a sentient being); at the seventh sense datum (beside the six objects of sense); at the thirteenth entrance (ayatana-beside the twelve involving the six organs and six sense data); at the nineteenth realm of sense (beside the eighteen dhatus or fields of sense); at form in the formless world; at the (non-existent) sprout of a charred grain of rice; at a body seen by a srota-apanna (who has wiped out the illusory body to enter the holy stream); at the entry of an anagamin (or a non-returning sravaka) into the womb of a woman (for rebirth); at an arhat still preserving the three poisons (of desire, anger and stupidity which he has eliminated forever); at a Bodhisattva realizing the patient endurance of the uncreate who is still greedy, resentful and breaking the prohibitions; at a Buddha still suffering from klesa (troubles); at a blind man seeing things; at an adept who still breathes air in and out while in the state of nirvanic imperturbability; at the tracks of birds flying in the air; at the progeny of a barren woman; at the suffering of an illusory man; at a sleeping man seeing he is awake in a dream; at a

devout man realizing nirvana who takes a bodily form for (another) reincarnation; and at a smokeless fire. This is how a Bodhisattva should look at living beings.”

- Khi ấy Ngài Văn Thù Sư Lợi hỏi: “Nếu Bồ Tát quán sát như thế thì phải thực hành lòng từ như thế nào?”—At that time, Manjusri asked Vimalakirti: “When a Bodhisattva so meditates how should he practise kindness (maitri)?”
- Duy Ma Cật đáp—Vimalakirti replied: Bồ Tát quán sát như thế rồi phải tự nghĩ rằng—When a Bodhisattva has made this meditation, he should think that:
  - (a) Phải vì chúng sanh nói pháp như trên, đó là lòng từ chân thật: Ought to teach living beings to meditate in the same manner; this is true kindness.
  - (b) Phải thực hành lòng từ tịch diệt, bởi vì không sanh: Should practise causeless (nirvanic) kindness which prevents creativeness;
  - (c) Phải thực hành lòng từ không nóng bức, bởi không có phiền não: Should practice unheated kindness which puts an end to klesa (troubles and causes of troubles);
  - (d) Phải thực hành lòng từ bình đẳng, bởi ba đời như nhau: Should practice impartial kindness which covers all the three periods of time (which means that it is eternal involving past, future and present);
  - (e) Phải thực hành lòng từ không đua tranh, bởi không có khởi: Should practice passionless kindness which wipes out disputes;
  - (f) Phải thực hành lòng từ không hai, bởi trong ngoài (căn trần) không hiệp: Should practice non-dual kindness which is beyond sense organs within and sense data without;
  - (g) Phải thực hành lòng từ không hoại, bởi hoàn toàn không còn: Should practice indestructible kindness which eradicates all corruption;

- (h) Phải thực hành lòng từ kiên cố, bởi lòng không hủy hoại: Should practice stable kindness which is a characteristic of the undying self-mind;
- (i) Phải thực hành lòng từ thanh tịnh, bởi tánh các pháp trong sạch: Should practice pure and clean kindness which is spotless like Dharmata;
- (j) Phải thực hành lòng từ vô biên, bởi như hư không: Should practice boundless kindness which is all-pervasive like space;
- (k) Phải thực hành lòng từ cửa A la hán, vì phá các giặc kiết sử: Should practice the kindness of the arhat stage which destroys all bondage;
- (l) Phải thực hành lòng từ Bồ Tát, vì an vui chúng sanh: Should practice the Bodhisattva kindness which gives comfort to living beings;
- (m) Phải thực hành lòng từ của Như Lai, vì đặng tướng như như: Should practice the Tathagata kindness which leads to the state of thatness;
- (n) Phải thực hành lòng từ của Phật, vì giác ngộ chúng sanh: Should practice the Buddha kindness which enlightens all living beings;
- (o) Phải thực hành lòng từ tự nhiên, vì không nhưn đâu mà đặng: Should practice spontaneous kindness which is causeless;
- (p) Phải thực hành lòng từ Bồ Đề, vì chỉ có một vị: Should practice Bodhi kindness which is one flavour (i.e. uniform and unmixed wisdom);
- (q) Phải thực hành lòng từ vô đẳng, vì đoạn các ái kiến: Should practice unsurpassed kindness which cuts off all desires;
- (r) Phải thực hành lòng từ đại bi dẫn dạy cho pháp Đại Thừa: Should practice merciful kindness which leads to the Mahayana (path);
- (s) Phải thực hành lòng từ không nhằm mỗi, quán không, vô ngã: Should practice untiring kindness because of deep insight into the void and non-existent ego;
- (t) Phải thực hành lòng từ pháp thí không có luyến tiếc: Should practice Dharma-bestowing (dana) kindness which is free from regret and repentance;
- (u) Phải thực hành lòng từ trì giới để hóa độ người phá giới: Should practice precepts (sila) upholding kindness to convert those who have broken the commandments;
- (v) Phải thực hành lòng từ nhẫn nhục để ủng hộ người và mình: Should practice patient (ksanti) kindness which protects both the self and others;
- (w) Phải thực hành lòng từ tinh tấn để gánh vác chúng sanh: Should practice Zealous (virya) kindness to liberate all living beings;
- (w1) Phải thực hành lòng từ thiền định không thọ mùi thiền: Should practice serene (dhyana) kindness which is unaffected by the five senses;
- (w2) Phải thực hành lòng từ trí tuệ, đều biết đúng nhịp: Should practice wise (prajna) kindness which is always timely;
- (w3) Phải thực hành lòng từ phương tiện, thị hiện tất cả: Should practice expedient (upaya) kindness to appear at all times for converting living beings;
- (w4) Phải thực hành lòng từ không ẩn dấu, lòng ngay trong sạch: Should practice unhidden kindness because of the purity and cleanliness of the straightforward mind;
- (w5) Phải thực hành lòng từ thâm tâm, không có hạnh xen tạp: Should practice profound minded kindness which is free from discrimination;
- (w6) Phải thực hành lòng từ không phỉnh dối, không có lừa gạt: Should practice undeceptive kindness which is without fault;
- (w7) Phải thực hành lòng từ an vui, làm cho tất cả được sự an vui của Phật. Lòng từ



- của Bồ Tát là như thế đó: Should practice joyful kindness which bestows the Buddha joy (in nirvana). “Such are the specialities of Bodhisattva kindness.”
- Ngài Văn Thù Sư Lợi hỏi: “Sao gọi là lòng bi?”—Manjusri asked Vimalakirti: “What should be his compassion (karuna)?”
  - Duy Ma Cật đáp: “Bồ Tát làm công đức gì cốt để cho chúng sanh.”—Vimalakirti replied: “His compassion should include sharing with all living beings all the merits he has won.”
  - Văn Thù Sư Lợi hỏi: “Sao gọi là lòng hỷ?”—Manjusri asked: “What should be his joy (mudita)?”
  - Duy Ma Cật trả lời: “Có lợi ích gì đều hoan hỷ, không hối hận.”—Vimalakirti replied: He should be filled with joy on seeing others win the benefit of the Dharma with no regret whatsoever.”
  - Văn Thù Sư Lợi hỏi: “Sao gọi là lòng xả?”—Manjusri asked “What should he relinquish (upeksa)?”
  - Duy Ma Cật đáp: “Những phước báo đã làm, không có lòng hy vọng.”—Vimalakirti replied: “In his work of salvation, he should expect nothing (i.e. no gratitude or reward) in return.”
  - Ngài Văn Thù Sư Lợi hỏi: “Sự sanh tử đáng sợ, Bồ Tát phải y nơi đâu?”—Manjusri asked: “On what should he rely in his fear of birth and death?”
  - Ông Duy Ma Cật đáp: “Bồ Tát ở trong sanh tử đáng sợ đó, phải y nơi sức công đức của Như Lai.”—Vimalakirti replied: “He should rely on the power of the Tathagata’s moral merits.”
  - Ngài Văn Thù Sư Lợi hỏi: “Bồ Tát muốn y sức công đức của Như Lai, phải trụ nơi đâu?”—Manjusri asked: “What should he do to win support from the power of the Tathagata’s moral merits?”
  - Duy Ma Cật đáp: “Bồ Tát muốn y sức công đức của Như Lai, phải trụ nơi chỗ độ thoát tất cả chúng sanh.”—Vimalakirti replied: “ He should liberate all living beings in order to win support from the power of the Tathagata’s moral merit.”
  - Văn Thù lại hỏi: “Muốn độ chúng sanh phải trừ những gì?”—Manjusri asked: “What should he wipe out in order to liberate living beings?”
  - Duy Ma Cật đáp: “Muốn độ thoát chúng sanh trước hết phải trừ phiền não của họ.”—Vimalakirti replied: “When liberating living beings, a Bodhisattva should first wipe out their klesa (troubles and causes of troubles)?”
  - Văn Thù hỏi: “Muốn trừ phiền não, phải thực hành những gì?”—Manjusri asked: “What should he do to wipe out klesa?”
  - Duy Ma Cật đáp: “Phải thực hành chánh niệm.”—Vimalakirti replied: “He should uphold right mindfulness.” Văn Thù hỏi: “Thế nào là thực hành chánh niệm?”—Manjusri asked: “What should he do to uphold right mindfulness?”
  - Duy Ma Cật đáp: Phải thực hành pháp không sanh không diệt: Vimalakirti replied: “He should advocate the unborn and the undying.”
  - Văn Thù hỏi: “Pháp gì không sanh, pháp gì không diệt?”—Manjusri asked: “What is the unborn and what is the undying?”
  - Pháp bất thiện không sanh, pháp thiện không diệt: Vimalakirti replied: “The unborn is evil that does not arise and the undying is good that does not end.”
  - Văn Thù hỏi: “Pháp thiện và pháp bất thiện lấy gì làm gốc?”—Manjusri asked: “What is the root of good and evil?”
  - Duy Ma Cật đáp: “Lấy thân làm gốc.”—Vimalakirti replied: “The body is the root of good and evil.”
  - Văn Thù hỏi: “Thân lấy gì làm gốc?”—Manjusri asked: “What is the root of the body?”

- Duy Ma Cật đáp: “Lấy tham dục làm gốc.”—Vimalakirti replied: “Craving is the root of the body.”
- Văn Thù hỏi: “Tham dục lấy gì làm gốc?”—Manjusri asked: “What is the root of craving?”
- Duy Ma Cật đáp: “Lấy hư vọng phân biệt làm gốc.”—Vimalakirti replied: “Baseless discrimination is the root of craving.”
- Văn Thù hỏi: “Hư vọng phân biệt lấy gì làm gốc?”—Manjusri asked: “What is the root of baseless discrimination?”
- Duy Ma Cật đáp: “Lấy tưởng điên đảo làm gốc.”—Vimalakirti replied: “Inverted thinking is the root of discrimination.”
- Văn Thù hỏi: “Tưởng điên đảo lấy gì làm gốc?”—Manjusri asked: “What is the root of inverted thinking?”
- Duy Ma Cật đáp: “Lấy không trụ làm gốc.”—Vimalakirti replied: “Non-abiding is the root of inverted thinking.”
- Văn Thù hỏi: “Không trụ lấy gì làm gốc?”—Manjusri asked: “What is the root of non-abiding?”
- Duy Ma Cật đáp: “Không trụ thì không gốc. Thừa ngài Văn Thù, ở nơi gốc không trụ mà lập tất cả pháp.”—Vimalakirti replied: “Non-abiding is rootless. Manjusri, from this non-abiding root all things arise.”
- Bấy giờ trong nhà ông Duy Ma Cật có một Thiên nữ thấy các vị trời, người đến nghe Pháp, liền hiện thân ra tung rải hoa trời trên mình các vị Bồ Tát và đại đệ tử. Khi hoa đến mình các vị Bồ Tát đều rơi hết, đến các vị đại đệ tử đều mắc lại. Các vị đại đệ tử dùng hết thần lực phủi hoa mà hoa cũng không rớt—A goddess (devakanya) who had watched the gods (devas) listening to the Dharma in Vimalakirti’s room appeared in bodily form to shower flowers on the Bodhisattvas and the chief disciples of the Buddha (in their honour). When the flowers fell on the Bodhisattvas, they fell to the ground, but when they fell on the chief disciples, they stuck to their bodies and did not drop in spite of all their efforts to shake them off.
- Lúc ấy, Thiên nữ hỏi ngài Xá Lợi Phất: “Tự sao mà phủi hoa?”—At that time, the goddess asked Sariputra why he tried to shake the flowers off.
- Xá Lợi Phất đáp: “Hoa này không như pháp nên phủi.”—Sariputra replied: “I want to shake off these flowers which are not in the state of suchness.”
- Thiên nữ nói: “Chớ bảo hoa này là không như pháp. Vì sao? Hoa này nó không có phân biệt, tự nhiên giả phân biệt đó thôi! Nếu người xuất gia ở trong Phật pháp có phân biệt là không như pháp, nếu không phân biệt là như pháp. Đấy, xem các vị Bồ Tát, hoa có dính đâu? Vì các ngài đã đoạn hết tưởng phân biệt. Ví như người lúc hồi hộp sợ, thời phi nhơn mới thừa cơ hại được. Như thế, các vị đại đệ tử vì sợ sanh tử nên sắc, thanh, hương, vị, xúc mới thừa cơ được, còn người đã lìa được sự sợ sệt thì tất cả năm món dục không làm chi được. Do tập khí kiết sử chưa dứt hết nên hoa mới mắc nơi thân thôi, còn người kiết tập hết rồi, hoa không mắc được.”—The goddess said: “Do not say these flowers are not in the state of suchness. Why? Because they do not differentiate, and it is you (alone) who give rise to differentiation. If you (still) differentiate after leaving home in your quest of Dharma, this is not the state of suchness, but if you no longer give rise to differentiation, this will be the state of suchness. Look at the Bodhisattvas whose bodies do not retain the flowers this is because they have put an end to differentiation. This is like a man taking fright who invites trouble for himself is

- like a man taking right and evil (people). So if a disciple fears birth and death, then form, sound, smell, taste and touch can trouble him, but if he is fearless he is immune from all the five sense data. (in your case). It is because the force of habit still remains that these flowers cleave to your body but if you cut it off, they will not stick to it.”
- Xá Lợi Phát hỏi: “Thiên nữ ở nhà này được bao lâu?”—Sariputra asked: “How long have you been in this room?”
  - Thiên nữ đáp: “Tôi ở nhà này in như Ngài được giải thoát.”—The goddess replied: “My stay in this room is just like the Venerable Elder’s liberation.”
  - Xá Lợi Phát hỏi: “Ở đây đã lâu ư?”—Sariputra asked: “Do you then mean that you have stayed here for a long time?”
  - Thiên nữ đáp: “Ngài giải thoát đã lâu như thế nào?—The goddess retorted: “Does your liberation also involve time?”
  - Ngài Xá Lợi Phát nín lặng không đáp—Sariputra kept silent and did not reply.
  - Thiên nữ nói: “Tại sao bậc kỳ cựu đại trí lại nín lặng?”—The goddess then asked: “Why is the wise elder silent on this point?”
  - Xá Lợi Phát trả lời: “Giải thoát không có ngôn thuyết, nên ở nơi đó ta không biết nói làm sao!”—Sariputra replied: “He who wins liberation does not express it in words; hence I do not know what to say!”
  - Thiên nữ nói: “Ngôn thuyết văn tự đều là tướng giải thoát. Vì sao? Vì giải thoát không ở trong, không ở ngoài, không ở hai bên; văn tự cũng không ở trong, không ở ngoài, không ở hai bên. Thế nên, ngài Xá Lợi Phát, chớ rời văn tự mà nói giải thoát. Vì sao? Vì tất cả pháp là tướng giải thoát.”—The goddess said: “Spoken and written word reveal liberation. Why? For liberation is neither within nor without nor in between, and words also are neither inside nor outside nor in between. Therefore, Sariputra, liberation cannot be preached without using words. Why? Because all things point to liberation.”
  - Xá Lợi Phát hỏi: “Không cần ly dâm, nộ, si, được giải thoát ư?”—Sariputra asked: “Do you then mean that there is no need to keep from carnality, hatred and stupidity to win liberation?”
  - Thiên nữ nói: “Phật vì kẻ tăng thượng mạn nói ly dâm, nộ, si là giải thoát thôi, nếu kẻ không tăng thượng mạn thời Phật nói tánh của dâm nộ, si là giải thoát.”—The goddess replied: “In the presence of those who are proud (of their superior knowledge) the Buddha said it is important to keep from carnality, hatred and stupidity in the quest of liberation; but where they are absent, He said that the underlying nature of carnality, hatred and stupidity (i.e. the self-nature) is identical with liberation.
  - Xá Lợi Phát nói: “Hay thay! Hay thay! Thiên nữ! Nàng được cái gì, chứng cái gì mà biện tài như thế?”—Sariputra exclaimed: “Excellent, goddess, excellent, what have you gained and experienced that gives you such an eloquence?”
  - Thiên nữ nói: “Tôi không được, không chứng, mới được biện tài như thế. Vì sao? Nếu có được, có chứng thời ở trong Phật pháp là kẻ tăng thượng mạn.”—The goddess replied: “The fact that I neither gain nor experience anything gives me this eloquence. Why is it so? Because he who (claims to) have won and experienced (something) is arrogant in the eye of the Buddha Dharma.”
  - Ngài Xá Lợi Phát hỏi Thiên nữ: “Ở trong ba thừa, ý nàng cầu thừa nào?”—Sariputra asked: “Which of the three vehicles is your aim?”
  - Thiên nữ nói: “Cần pháp Thanh Văn để

- hóa độ chúng sanh, tôi làm Thanh Văn; cần pháp nhưn duyên để hóa độ chúng sanh, tôi làm Bích Chi Phật; cần pháp đại bi để hóa độ chúng sanh, tôi làm Đại thừa. Thừa ngài Xá Lợi Phất! Như người vào rừng chiêm bặc, chỉ ngửi có mùi chiêm bặc, chứ không còn mùi hương nào khác. Cũng như người vào nhà này chỉ ngửi mùi hương công đức của Phật chớ không ưa ngửi mùi hương công đức của Thanh Văn và Bích Chi Phật.”—The goddess replied: “When I preach the sravaka Dharma to convert people, I appear as a sravaka; when I expound the (twelve) links in the chain of existence I appear as a pratyeka-buddha; and when I teach great compassion to convert them, I appear as a (teacher of) Mahayana. Sariputra, like those entering a campa grove who smell only the fragrance of campas to the exclusion of all other odours, those entering this room smell only the fragrance of Buddha merits and no longer like the aroma of achievements by sravakas and pratyeka-buddha.”
- 1) Thừa ngài Xá Lợi Phất! Có những vị Đế Thích Phạm Vương, Tứ Thiên Vương và chư Thiên, long thần, quỷ cả thủy vào trong nhà này nghe thượng nhân đây giảng nói Chánh Pháp, đều ưa mùi hương công đức của Phật phát tâm rồi ra—Sariputra, when Indra, Brahma, the four deva kings of the four heavens (guardians of the world), heavenly dragons, ghosts and spirits, etc. entered the room and heard this Upasaka (Vimalakirti) expound the right Dharma, they all took delight in smelling the fragrance of Buddha merits and developed the Mahayana mind before returning to their worlds.
  - 2) Thừa ngài Xá Lợi Phất! Tôi ở nhà này đã mười hai năm chưa từng nghe nói pháp Thanh Văn, hay Bích Chi Phật, chỉ nghe đại từ đại bi của Bồ Tát và những pháp
- bất khả tư nghì của chư Phật. Thừa ngài Xá Lợi Phất! Nhà này thường hiện ra tám pháp ‘chưa từng có, khó được.’ Tám pháp là gì?—Sariputra, I have stayed here for twelve years during which I have never heard the Dharmas of sravakas and pratyeka-buddhas but only the doctrine of great kindness (maitri) and great compassion (karuna) of the Bodhisattvas and the inconceivable Buddha Dharma. Sariputra, in this room there are always eight unusual manifestations:
- (a) Thứ nhất là nhà này thường dùng ánh sáng sắc vàng soi chiếu ngày đêm không khác, chẳng cần ánh sáng của nhật nguyệt soi chiếu—First, this room is illuminated by a golden light, which is the same by day and by night and does not depend on either sunlight or moonlight to light it up;
  - (b) Thứ hai là nhà này hễ ai vào rồi không còn bị các thứ cấu nhiễm làm não loạn—Second, he who enters it is immune from all troubles caused by defilements;
  - (c) Thứ ba là nhà này thường có các vị Đế Thích, Phạm Thiên, Tứ Thiên Vương và các Bồ Tát ở phương khác nhóm họp không ngớt—Third, this room is visited by Indra, Brahma, the four deva kings of the four heavens and Bodhisattvas from other realms;
  - (d) Thứ tư là nhà này thường nói sáu pháp Ba La Mật và pháp bất thoái chuyển—Fourth, the never-receding Dharma of the six paramitas is always expounded in it;
  - (e) Thứ năm là nhà này thường trở âm nhạc bậc nhất của trời, người, vang ra vô lượng tiếng pháp—Fifth, the most melodious heavenly music intoning countless Dharma doors (to enlightenment) is heard in it;
  - (f) Sáu là, nhà này có bốn kho tàng lớn chứa đầy các món báu, giúp khắp cho kẻ

- nghèo thiếu, hễ cầu liền được, không bao giờ hết—Sixth, this room contains the four canons (of sutras, vinaya, sastras and miscellaneous scriptures) full of inexhaustible precious treasures for those who are (spiritually) poor
- (g) Thứ bảy là nhà nầy Phật Thích Ca Mâu Ni, Phật A Di Đà, Phật A Súc, Phật Bửu Đức, Phật Bửu Diệm, Phật Bửu Nguyệt, Phật Bửu Nghiêm, Phật Nan Thắng, Phật Sư Tử Hống, Phật Nhất Thiết Lợi Thành, vô lượng chư Phật trong mười phương, khi Thượng nhân đây niệm đến, liền hiện tới rộng nói tạng pháp bí yếu của chư Phật, khi nói xong, các Ngài đều trở về—Seventh, when the Venerable Upasaka thinks of Sakyamuni Buddha, Amitabha Buddha, Aksobhya Buddha, the Buddha of Precious Virtues, the Buddha of Precious Flame, the Buddha of Precious Moonshine, the Buddha of Precious Majesty, the Invincible Buddha, the Buddha of the Lion’s Roar, the Buddha of All-Perfection, and countless other Buddhas in the ten directions, they all come to expound the secrets of the esoteric Buddha Dharma, after which they return to their realms;
- (h) Thứ tám là nhà nầy tất cả cung điện tốt đẹp của chư Thiên và các cõi Tịnh Độ của chư Phật đều hiện ở trong đây—Eighth, all majestic heavenly palaces and all pure lands of Buddhas appear in this room.
- Ngài Xá Lợi Phất! Nhà nầy thường hiện ra tám pháp ‘chưa từng có, khó đặng’ như thế, ai thấy được việc không thể nghĩ bàn đó mà lại còn ham ưa pháp Thanh Văn ư?”—Sariputra, after witnessing these eight remarkable things in this room, who still seeks the sravaka Dharma?”
  - Xá Lợi Phất nói: “Vì sao người không chuyển thân nữ kia đi?”—Sariputra asked: “Why do not you change your female bodily form?”
  - Thiên nữ đáp: “Mười hai năm nay tìm kiếm mãi cái tướng nữ nhân hẳn không thể được, phải chuyển đổi cái gì? Ví như nhà huyễn thuật hóa ra một người nữ huyễn, nếu có người hỏi rằng ‘Sao không chuyển thân nữ đó đi.’ Vậy người hỏi đó có đúng chăng?”—The goddess replied: “For the last twelve years, I have been looking in vain for a female bodily form; so what do you want me to change? This is like an illusionist who creates an illusory woman; is it correct to ask him to change this unreal woman?”
  - Xá Lợi Phất nói: “Không đúng. Huyễn hóa không có tướng nhưt định còn phải chuyển đổi gì nữa?”—Sariputra said: “No, because it is not a real body; into what then can it be changed?”
  - Thiên nữ nói: “Tất cả pháp cũng như thế, không có tướng nhưt định, tại sao lại hỏi không chuyển thân nữ?”—The goddess said: “All phenomena (including forms) are also unreal. So why have you asked me to change my unreal female body?”
  - Bấy giờ Thiên nữ dùng sức thần thông biến Ngài Xá Lợi Phất thành ra Thiên nữ, Thiên nữ lại tự hóa mình giống như ngài Xá Lợi Phất mà hỏi rằng: “Tại sao Ngài không chuyển thân nữ đi?”—At that time, she used her supernatural powers to change Sariputra into a heavenly goddess and herself into a man similar to Sariputra, and asked him: “Why do you change your female form?”
  - Ngài Xá Lợi Phất mang lấy hình tướng thân nữ mà đáp rằng: “Ta nay không biết tại sao lại biến thành thân đàn bà nầy?”—Sariputra replied: “I do not know why I have turned into a goddess.”
  - Thiên nữ nói: “Thưa ngài xá Lợi Phất! Nếu ngài chuyển được thân đàn bà đó, thời tất cả người nữ cũng sẽ chuyển được. Như Ngài Xá Lợi Phất không phải người

- nữ mà hiện thân nữ, thời tất cả người nữ lại cũng như thế, tuy là thân nữ mà không phải người nữ đâu. Vì thế, Phật nói: ‘Tất cả các pháp không phải đàn ông, không phải đàn bà.’—The goddess said: “Sariputra, if you can change your female body, all women should also be able to turn into men. Like Sariputra who is not a woman but appears in female bodily form, all women are the same and though they appear in female form, they are fundamentally not women. Hence the Buddha said: ‘All things are neither male nor female.’”
- Bấy giờ Thiên nữ thân nhiếp thân lực, thân ngài Xá Lợi Phất trở lại như cũ. Thiên nữ hỏi ngài Xá Lợi Phất: “Tướng đàn bà bây giờ đâu?”—At that time, the goddess again used her supernatural powers to change Sariputra back to his (original) male body, and asked: “Where is your female body now?”
  - Xá Lợi Phất đáp: “Tướng đàn bà không ở đâu, mà ở tất cả.”—Sariputra replied: “The form of a woman neither exists nor is non-existent.”
  - Thiên nữ nói: “Tất cả các pháp lại cũng như thế, không ở đâu mà ở tất cả. Và lại không ở đâu mà ở tất cả là lời Phật nói.”—The goddess then declared: “Likewise, all things are fundamentally neither existing nor non-existent, and that which neither exists nor is non-existent is proclaimed by the Buddha.”
  - Ngài Xá Lợi Phất hỏi Thiên nữ: “Nàng ở nơi đây chết rồi sẽ sanh nơi đâu?”—Sariputra asked: “When will you leave (die) here and where will you be reborn?”
  - Thiên nữ đáp: “Phật hóa sanh thế nào, tôi cũng hóa sanh thế ấy.”—The goddess replied: “I shall be reborn like a Buddha by transformation.”
  - Xá Lợi Phất nói: “Phật hóa sanh không phải chết rồi mới sanh.”—Sariputra interjected: “The Buddha’s transformation body implies neither birth nor death.”
  - Thiên nữ nói: “Chúng sanh cũng thế, không phải chết rồi mới sanh.”—The goddess said: Likewise all living beings (fundamentally) are subject to neither death nor birth.”
  - Xá Lợi Phất hỏi: “Người bao lâu sẽ chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?”—Sariputra asked: “When will you realize supreme enlightenment (anuttara-samyak-sambodhi)?”
  - Thiên nữ đáp: “Khi nào ngài Xá Lợi Phất trở lại phàm phu, tôi sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.”—The goddess replied: “I shall realize supreme enlightenment when Sariputra returns to the worldly way of life.”
  - Xá Lợi Phất nói: “Có khi nào ta trở lại phàm phu.”—Sariputra retorted: “There is no such thing as myself (a holy man at the sravaka stage) returning to the worldly way of life.”
  - Thiên nữ nói: “Có khi nào tôi lại được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì sao? Vì Bồ Đề không xứ sở nên không có được.”—The goddess said: “There is also no such thing as myself realizing enlightenment. Why? Because bodhi (or enlightenment) is not an objective, which can be realized.”
  - Xá Lợi Phất nói: “Hiện nay các Phật chứng Bồ Đề Vô thượng (A nậu đa la tam miệu tam bồ đề), các Phật đã chứng, sẽ chứng nhiều như số cát sông Hằng thời gọi là gì?”—Sariputra retorted: “There are Buddhas as countless as sand grains in the Ganges, who have realized and will win supreme enlightenment; what will you say of them?”
  - Thiên nữ đáp: “Đấy là theo số mục văn tự ở đời mà nói có ba đời, chớ không phải nói Bồ Đề có quá khứ, vị lai và hiện tại. Thưa ngài Xá Lợi Phất! Ngài đắc được

đạo A la hán ư?”—The goddess said: “The three periods of time (the past, future and present) are spoken of (to the common man) as being in line with worldly thinking but this does not mean that bodhi (which is timeless or eternal) is tied to the past, future and present.” She then asked Sariputra: “Sariputra, have you realized arhatship?”

- Xá Lợi Phất đáp: “Không có đặng mà đặng.”—Sariputra replied: “I have realized it because I hold no concept of winning anything.”
- Thiên nữ nói: “Chư Phật, Bồ Tát cũng như thế, không đặng mà đặng.”—The goddess said: “Likewise, all Buddhas and great Bodhisattvas achieved their goals because they were free from the idea of winning supreme enlightenment.”
- Bấy giờ ông Duy Ma Cật bảo ngài Xá Lợi Phất: “Thiên nữ đã từng cúng dường 92 ức Đức Phật, đã được thân thông du hý của Bồ Tát, nguyện lực đầy đủ, chứng vô sanh nhĩ không có thối lui, vì theo bốn nguyện nên tùy ý mà hiện ra để giáo hóa chúng sanh.”—At that time, Vimalakirti said to Sariputra: “This goddess has made offering to ninety-two lacs of Buddhas. She is able to play with the Bodhisattva transcendental powers, has fulfilled all her vows, has realized the patient endurance of the uncreate and has reached the never-receding Bodhisattva stage. In fulfillment of a vow, she appears at will (everywhere) to teach and convert living beings.”

## CHƯƠNG TÁM-CHAPTER EIGHT

### PHẨM PHẬT ĐẠO—THE BUDDHA PATH

- Bấy giờ ngài Văn Thù Sư Lợi hỏi ông Duy Ma Cật rằng: “Bồ Tát thế nào là thông đạt Phật đạo?”—Manjusri asked

Vimalakirti: “How does a Bodhisattva enter the Buddha path?”

- Duy Ma Cật đáp: “Bồ Tát thực hành phi đạo (trái đạo) là thông đạt Phật đạo.”—Vimalakirti replied: “If a Bodhisattva treads the wrong ways (without discrimination), he enters the Buddha path.”
- Văn Thù Sư Lợi hỏi: “Thế nào là Bồ Tát thực hành phi đạo?”—Manjusri asked: “What do you mean by a Bodhisattva treading the wrong ways?”
- Duy Ma Cật đáp: “Nếu Bồ Tát gây năm tội vô gián mà không buồn giận, đến ở trong địa ngục mà không có tội cấu; đến trong loài súc sanh mà không có những lỗi vô minh kiêu mạn; đến trong ngạ quỷ mà vẫn đầy đủ công đức; đến cảnh sắc và vô sắc giới mà không cho là thù thắng; hiện làm tham dục mà không nhiễm đắm; hiện làm giận dữ mà đối với chúng sanh không có ngại gì; hiện cách ngu si mà dùng trí tuệ điều phục tâm mình; hiện làm hạnh tham lam bôn xẻn mà bỏ tất cả của cải, không tiếc thân mạng; hiện pháp giới cấm mà ở trong tịnh giới, đến như tội bé nhỏ cũng hết lòng sợ sệt; hiện làm thù hận mà thường từ bi nhĩ nhục; hiện làm lừa dối mà siêng tu các công đức; hiện làm loạn ý mà thường niệm định; hiện làm ngu si mà thông đạt trí tuệ thế gian và xuất thế gian; hiện làm đua đòi mà phương tiện thuận theo nghĩa các kinh; hiện làm kiêu mạn mà đối với chúng sanh mình cũng như cầu đó; hiện làm tất cả phiền não mà lòng thường thanh tịnh; hiện vào trong chúng ma mà thuận theo trí tuệ của Phật, không theo đạo giáo khác; hiện làm hàng Thanh Văn mà nói các pháp chưa từng nghe cho chúng sanh; hiện vào hàng Bích Chi Phật mà thành tựu lòng đại bi, giáo hóa chúng sanh; hiện vào hạng nghèo nàn mà có tay đầy đủ công đức; hiện vào hạng tàn tật mà đủ

tướng tốt để trang nghiêm thân mình; hiện vào hạng hèn hạ mà sanh trong dòng giống Phật, đầy đủ các công đức; hiện vào hạng người ốm yếu xấu xa mà được thân Na la diên (kim cang), tất cả chúng sanh đều muốn xem; hiện vào hạng già bệnh mà đoạn hẳn gốc bệnh, không còn sợ chết; hiện làm hạng giàu có mà xem là vô thường, không có tham đắm; hiện có thể nhiếp, thế nữ mà tránh xa bùn lầy ngũ dục; hiện nơi hạng đần độn mà thành tựu biện tài, vẫn giữ tổng trì; hiện vào tà tế mà dùng chánh tế độ chúng sanh; hiện vào khắp các đạo, để đoạn dứt nhưn duyên; hiện vào Niết Bàn mà không bỏ sanh tử. Thưa ngài Văn Thù Sư Lợi! Nếu Bồ Tát làm được những việc trái đạo như thế, đây là thông suốt Phật đạo.”— Vimalakirti replied: “(In his work of salvation) if a Bodhisattva is free from irritation and anger while appearing in the fivefold uninterrupted hell; is free from the stain of sins while appearing in (other) hells; is free from ignorance, arrogance and pride while appearing in the world of animals; is adorned with full merits while appearing in the world of hungry ghosts; does not show his superiority while appearing in the (heavenly) worlds of form and beyond form; is immune from defilements while appearing in the world of desire; is free from anger while appearing as if he were resentful; uses wisdom to control his mind while appearing to be stupid; appears as if he were greedy but gives away all his outer (i.e. money and worldly) and inner (i.e. bodily) possessions without the least regret for his own life; appears as if he broke the prohibitions while delighting in pure living and being apprehensive of committing even a minor fault; appears as if he were filled with hatred while always abiding in compassionate patience;

appears as if he were remiss while diligently practicing all meritorious virtues; appears as if he were disturbed while always remaining in the state of serenity; appears as if he were ignorant while possessing both mundane and supramundane wisdoms; appears as if he delighted in flattering and falsehood while he excels in expedient methods in conformity with straightforwardness as taught in the sutras; shows arrogance and pride while he is as humble as a bridge; appears as if he were tormented by troubles while his mind remains pure and clean; appears in the realm of demons while defeating heterodox doctrines to conform with the Buddha wisdom; appears in the realm of sravakas where he expounds the unheard of supreme Dharma; appears in the realm of pratyeka-buddhas where he converts living beings in fulfillment of great compassion; appears amongst the poor but extends to them his precious hand whose merits are inexhaustible; appears amongst the crippled and disabled with his own body adorned with the excellent physical marks (of the Buddha); appears amongst the lower classes but grows the seed of the Buddha nature with all relevant merits; appears amongst the emaciated and ugly showing his strong body to the admiration of them all; appears as an old and ill man but is actually free from all ailments with no fear of death; appears as having all the necessities of life but always sees into impermanence and is free from greed; appears to have wives, concubines and maids but always keeps away from the morass of the five desires; appears amongst the dull-witted and stammerers to help them win the power of speech derived from the perfect control of mind; appears amongst heretics to teach



orthodoxy and deliver all living beings; enters all worlds of existence to help them uproot the causes leading thereto; and appears as if entering nirvana but without cutting off birth and death; Manjusri, this Bodhisattva can tread heterodox ways because he has access to the Buddha path.”

- 1) Bấy giờ ông Duy Ma Cật hỏi ngài Văn Thù Sư Lợi rằng: “Thế nào là hạt giống Như Lai?”—Vimalakirti then asked Manjusri: “What are the seeds of the Tathagata?”
- 2) Ngài Văn Thù đáp—Manjusri replied:
  - (a) Có thân là hạt giống: “Body is (a) seed of the Tathagata;
  - (b) Vô minh có ái là hạt giống: Ignorance and craving are its (two) seeds;
  - (c) Tham sân si là ba hạt giống: Desire, hate and stupidity its (three) seeds;
  - (d) Tứ điên đảo là bốn hạt giống: The four inverted views its (four) seeds (see Tứ Diên Đảo);
  - (e) Năm món ngăn che là năm hạt giống: The five covers (or screens) its (five) seeds (see Ngũ Triền Cái);
  - (f) Lục nhập là sáu hạt giống: The six organs of sense its (six) seeds (see Lục Nhập);
  - (g) Thất thức là bảy hạt giống: The seven abodes of consciousness its (seven) seeds;
  - (h) Tám tà pháp là tám hạt giống: The eight heterodox views its (eight) seeds;
  - (i) Chín món não là chín hạt giống: The nine causes of klesa (troubles and their causes) its (nine) seeds;
  - (j) Thập ác là mười hạt giống: The ten evils its (ten) seeds. To sum up, all the sixty-two heterodox views and all sorts of klesa are the seeds of Buddhahood.
- 3) Ông Duy Ma Cật hỏi: “Tại sao thế?”—Vimalakirti asked Manjusri: “Why is it so?”
  - Văn Thù đáp: “Nếu người thấy vô vi mà vào chánh vị (Niết Bàn) thời không thể

còn phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nữa. Ví như chỗ gò cao không thể sinh hoa sen, mà nơi bùn lầy thấp ướt mới có hoa sen. Như thế, người thấy vô vi, vào chánh vị không còn sanh trong Phật pháp được, mà ở trong bùn lầy phiền não mới có chúng sanh nghĩ đến Phật pháp mà thôi. Lại như gieo hạt giống trên hư không thì không sinh được, ở đất phân bùn mới tốt tươi được. Như thế, người đã vào vô vi chánh vị không sanh được trong Phật pháp, kể khởi ngã kiến như núi Tu Di còn có thể phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà sinh trong Phật pháp. Cho nên phải biết tất cả phiền não là hạt giống Như Lai. Ví như không xuống bể cả, không thể đặng bảo châu vô giá, cũng như không vào biển cả phiền não thời làm sao mà có ngọc báu như thiết trí.”—Manjusri replied: “Because he who perceives the inactive (wu wei) state and enters its right (nirvanic) position, is incapable of advancing further to achieve supreme enlightenment (anuttara-samyak-sambodhi). For instance, high ground does not produce the lotus, which grows only in marshy land. Likewise, those perceiving nirvana and entering its right position, will not develop into Buddhahood, whereas living beings in the mire of klesa can eventually develop the Buddha Dharma. This is also like seeds scattered in the void, which do not grow, but if they are planted in manured fields they will yield good harvests. Thus, those entering the right position (of nirvana) do not develop the Buddha Dharma, whereas those whose view of the ego is as great as (Mount) Sumeru may (because of the misery of life) eventually set their minds on the quest of supreme enlightenment, thereby developing the Buddha Dharma.

“Therefore, we should know that all

sorts of klesa are the seeds of the Tathagata. This is like one who does not plunge into the ocean will never find the priceless pearl. Likewise, a man who does not enter the ocean of klesa will never win the gem of all-knowledge (sarvajna).”

- Lúc bấy giờ ngài Đại Ca Diếp khen rằng: “Hay thay! Hay thay! Ngài Văn Thù Sư Lợi, lời nói thích quá. Thật đúng như lời Ngài nói những bợn trần lao là giống Như Lai. Hôm nay, chúng tôi không còn kham phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đến như người đủ năm tội vô gián còn có thể phát ý mong sanh trong Phật pháp, mà nay chúng tôi hoàn toàn không phát được. Ví như những người năm căn đã hư, đối với năm món dục lạc chẳng còn cảm xúc. Cũng như hàng Thanh Văn đã đoạn hết kiết sử, ở trong Phật pháp không còn có lợi ích gì mấy, bởi không còn có chí nguyện.”—At that time, Mahakasyapa exclaimed : “Excellent, Manjusri, excellent, your sayings are most gratifying. As you have said, those suffering from klesa are the seeds of the Tathagata. So we are no longer capable of developing a mind set on enlightenment. Even those committing the five deadly sins can eventually set their minds on the quest of the Buddha Dharma but we are unable to do so, like persons whose defective organs prevent them from enjoying the five objects of the senses. Likewise, the sravakas who have cut off all bonds (of transmigration) are no longer interested in the Buddha Dharma and will never want to realize it.
- Vì thế, thưa ngài Văn Thù Sư Lợi! Phạm phu ở trong Phật pháp còn có ảnh hưởng, mà hàng Thanh Văn thời không. Vì sao? Vì phạm phu nghe Phật nói pháp khởi được đạo tâm vô thượng, chẳng đoạn Tam Bảo, còn chính như Thanh Văn trọn đời nghe Phật pháp: thập lực, tứ vô úy, vân vân mà hoàn toàn cũng không phát được đạo tâm vô thượng.”—Therefore, Manjusri, the worldly man still reacts (favourably) to the Buddha Dharma whereas the sravaka does not. Why? Because when the worldly man hears about the Buddha Dharma, he can set his mind on the quest of the supreme path, thereby preserving for ever the Three Treasures (of Buddha, Dharma and Sangha), whereas the sravaka, even if he passes his lifetime listening to the Dharma and witnessing the fearlessness of the Buddha, etc., will never dream of the supreme way.”
- Trong chúng hội có Bồ Tát tên Phổ Hiện Sắc Thân hỏi ông Duy Ma Cật rằng: “Cư sĩ! Cha mẹ, vợ con, thân bằng quyến thuộc, những người trí thức là ai? Tôi tớ, trai bạn, voi ngựa, xe cộ ở đâu?”—A Bodhisattva called Universal Manifestation, who was present asked Vimalakirti: “Who are your parents, wife and children, relatives and kinsmen, official and private friends, and where are your pages and maids, elephants and horse carts?”
- Duy Ma Cật dùng bài kệ đáp rằng—In reply Vimalakirti chanted the following:
  - a) Trí độ mẹ Bồ Tát, phương tiện ấy là cha, Đạo sư tất cả chúng, đều do đấy sinh ra—Wisdom-perfection is a Bodhisattva’s Mother, his father is expedient method, For the teachers of all living beings come, Only from these two (upaya and prajna).
  - b) Pháp hỷ chính là vợ, tâm từ bi là gái, tâm thành thực là trai, rốt ráo vắng lặng nhà—His wife is joy in Dharma’s law; Kindness and pity are his daughters; His sons morality and truthfulness; Absolute voidness his quiet abode.
  - c) Trần lao là đệ tử, tùy ý mà sai xử, đạo phẩm vốn bạn lành, do đấy thành Chánh

- giác—Passions are his disciples Whom he transforms at will. Bodhipaksita dharma are his friends. Helping him to win supreme enlightenment.
- d) Các độ là pháp lữ, tứ nhiếp là kỹ nữ, ca ngâm tụng lời pháp, lấy đó làm âm nhạc, vườn tược ấy tổng trì, cây rừng pháp vô lậu, hoa giác ý sạch mẫu, trái giải thoát trí tuệ—All other perfections are his companions. The four winning methods are his courtesans, hymns, chants and intonations of Dharma are his melodies. Complete control over passions is his domain, passionlessness is his grove. The (seven) grades of bodhi are the flowers bearing the fruit of wisdom's liberation.
- e) Bát giải thoát là ao tắm, nước định lặng trong đây, rải bảy thứ tịnh hoa, để tắm người không nhớ—The pool of eightfold liberation holds calm water, which is clear and full. The seven blossoms of purity are well arranged to bathe this undefiled (Bohdisattva) man.
- f) Ngũ thông voi ngựa chạy, Đại thừa là xe cộ, cầm cương là nhất tâm, đạo chơi đường bát chánh—Whose five supernatural powers are walking elephants and horses while the Mahayana is his vehicle, which controlled by the one mind, rolls through the eight noble paths.
- g) Tướng đủ nghiêm mặt mày, các tốt trau hình dáng, hổ thẹn làm thượng phục, thâm tâm làm tràng hoa— (Thirty-two) distinctive marks dignify his body; while (eighty) excellences add to it their grace. Shamefulness is his raiment, and deep mind his coiffure.
- h) Giàu có bảy cửa báu, dạy bảo để thêm lợi, như lời nói tu hành, hồi hướng làm lợi lớn—The seven riches that he owns are his assets which, used to teach others, earn more dividends. Dedicating all merits (to Buddhahood), his practice of the Dharma has received wins far greater profit.
- i) Tứ thiền làm giường ghế, từ tịnh mạng sanh ra, học rộng thêm trí tuệ, đó là tiếng tự giác—The four dhyanas are his meditation bed, which from pure living originates. Much learning increases wisdom announcing self-awakening.
- j) Món ăn pháp cam lồ, nước uống vị giải thoát, tắm rửa sạch tịnh tâm, hương hoa là giới phẩm. Trừ dẹp giặc phiền não, mạnh mẽ không ai hơn, hàng phục bốn thứ ma, phước tốt dựng đạo tràng—His broth is the flavour of release. The precepts are his perfumed Salve and pure mind is his bath. By killing the culprit klesa is his boldness unsurpassed. By defeating the four demons, he plants his triumphant banner as a bodhimandala.
- k) Tuy biết không sanh diệt, vì dạy chúng có sanh, khắp hiện vào các cõi, như mặt nhật đều thấy—Though he knows there is neither birth nor death, he is reborn to show himself to all, appearing in many countries. Like the sun seen by everyone.
- l) Cúng dường khắp mười phương, không lường ước Như Lai, chư Phật và thân mình, không có tưởng phân biệt—When making offerings to countless Buddhas in the ten directions, he does not discriminate between himself and them.
- m) Dầu biết các cõi Phật, với chúng sanh đều không, mà thường tu Tịnh Độ, dạy dỗ cho quần sanh—Although He knows that Buddha lands are void like living beings. He goes on practicing the Pure Land (Dharma) to teach and convert men.
- n) Bao nhiêu loài hữu tình, oai nghi cùng hình tiếng, Bồ Tát lực vô úy, đồng thời đều khắp hiện—In their kinds, features, voices and bearing, this fearless Bodhisattva can appear the same as they.
- o) Rõ biết các việc ma, mà hiện theo hạnh nó. Dùng trí phương tiện khéo, tùy ý đều

- hay hiện, hoặc hiện già, bệnh, chết; thành tựu cho chúng sanh. Rõ biết như huyền hóa, thông suốt không ngăn ngại—He, knows the mischief demons, do but appears as one of them. Using wise expedient means to look like them at will. Or he appears old, ill and dying to make living beings realize that all things are but illusion, to free them from all handicaps.
- p) Hoặc hiện kiếp cháy tan, đại địa đều trống rỗng, những người có ‘tưởng’ thường, soi thấy rõ vô thường—Or he shows the aeon’s end with fire destroying heaven and earth, so that those clinging to permanence realize the impermanence of things.
- q) Vô số ức chúng sanh, đều đến thỉnh Bồ Tát, đồng thời đến nhà kia, dạy cho về Phật đạo, kinh sách cấm chú thuật. Các nghề nghiệp khéo léo, đều hiện làm việc ấy, lợi ích cho quần sanh—Then countless living beings call on this Bodhisattva, inviting Him to their homes to convert them to the Buddha path. In heterodox books, spells, skills, magic, arts and talents, he appears to be an expert to help and benefit (all) living beings.
- r) Các đạo pháp thế gian, nương đấy mà xuất gia, để giải mê cho người, mà chẳng đọa tà kiến, làm nhứt nguyệt thiên tử, làm Phạm vương, chủ, chúa; hoặc khi làm đất nước, hoặc lại làm gió lửa—Appearing in their midst, he joins the Sangha in order to release them from defilement, to prevent their slipping into heresy. Then, is he seen as the sun, moon or heaven as Brahma or the lord of (all) the world. At times, as earth or water or as the wind and fire.
- s) Vào kiếp có tật dịch, hiện làm các cây thuốc, nếu người nào uống đến, các bệnh ác tiêu trừ—When they fall ill or epidemics rage, he prepares medicinal herbs for them to take to cure their illness or infection.
- t) Vào kiếp có đói khát, hiện làm đồ ăn uống, trước là cứu đói khát, sau giảng dạy chánh pháp—When famine prevails, he makes food and drink to save them from thirst and hunger, before teaching them the Dharma.
- u) Vào kiếp có đao binh, duyên khởi lòng từ bi, giáo hóa cho chúng sanh, tâm đừng còn tranh đấu—In times of war, he teaches kindness mercy to convert living beings, so that they can live in peace.
- v) Nếu có chiến trận lớn, làm cho sức ngang nhau, Bồ Tát hiện oai thế, hàng phục để yên hòa—When armies line up for battle, he gives equal strength to both. With his authority and power, he forces them to be reconciled and live in harmony.
- w) Trong tất cả cõi nước, chỗ nào có địa ngục, đi ngay đến nơi ấy, cứu vớt người khổ não—To all countries where there are hells, he comes unexpectedly to relieve their sufferings.
- x) Trong tất cả cõi nước, súc sanh ăn lẫn nhau, đều hiện sanh ra nó, làm cho được lợi ích—Wherever animals devour one another, he appears among them urging them to do good.
- y) Thị hiện trong ngũ dục, lại cũng hiện tu thiền, để tâm ma rối loạn, không thừa dịp hại được—Seeming to have the five desires, he is always meditating to upset the demons and prevent their mischief.
- z) Hoa sen sanh trong lửa, thật đáng gọi ít có, cõi dục mà tu thiền, ít có cũng như thế—Like that thing most rare, a lotus blossoming in a scorching fire, he meditates amidst desires, which also is a thing most rare.
- aa) Hoặc hiện làm dâm nữ, dẫn dắt kẻ háo sắc, trước lấy dục dụ người, sau khiến vào Phật trí—Or, he appears as a prostitute to entice those, who to lust is a given. First, using temptation to hook

- them, he then leads them to the Buddha wisdom.
- bb) Hoặc làm chủ trong ấp, hoặc làm thầy khách buôn, quốc sư và đại thần, để lợi ích chúng sanh—He appears as a district magistrate, or as a chief of the caste of traders, a state preceptor or high official to protect living beings.
- cc) Các chỗ có kẻ nghèo, hiện làm kho vô tận, nhân đó khuyến dạy người, cho phát tâm vô thượng—To the poor and destitute, he appears with boundless purse to advise and guide them until they develop the bodhi mind.
- dd) Kẻ kiêu căng ngã mạn, hiện làm những lực sĩ, tiêu phục lòng cống cao, quay về đạo Vô thượng—To the proud and arrogant, he appears as powerful to overcome their vanity until they tread the path supreme.
- ee) Những người hay sợ sệt, đến nơi để an ủi, trước thí pháp không sợ, sau dạy phát đạo tâm—Then he comes to comfort people who are cowards, first he makes them fearless, then urges them to seek the truth.
- ff) Hoặc hiện lìa dâm dục, làm vị Tiên ngũ thông, chỉ dạy cho chúng sanh, để được giới nhĩn từ—Or he appears without desires and acts, like a seer with five spiritual powers to convert living beings by teaching them morality, patience and mercy.
- gg) Thấy người cần hầu hạ, hiện làm kẻ tội tử, vừa đẹp ý người kia, vừa phát được đạo tâm—To those needing support and help, he may appear as a servant to please and induce them to grow the Tao mind.
- hh) Tùy theo việc cần dùng, mà vào trong Phật đạo, dùng sức phương tiện khéo, đều giúp cho đầy đủ—Providing them with all they need to enter on the Buddha path; thus using expedient methods to supply
- them with all their needs.
- ii) Đạo pháp nhiều không lường, việc làm không bờ mé, trí tuệ không hạn lượng, độ thoát vô số chúng—Then as with boundless truth, his deeds are also endless; with his wisdom that has no limit, he frees countless living beings.
- jj) Dầu cho tất cả Phật, trong vô số ức kiếp, khen ngợi công đức kia, cũng không thể hết được—If all the Buddhas were to spend countless aeons in praising his merits, they could never count them fully.
- kk) Ai nghe pháp như thế, chẳng phát tâm Bồ Đề, trừ những người bất tiểu, ngu si không trí tuệ—Who, after hearing this Dharma, develops not the bodhi mind, can only be a worthless man without wisdom.”

## CHƯƠNG CHÍN—CHAPTER NINE

### PHẨM VÀO PHÁP MÔN KHÔNG HAI—INITIATION INTO THE NON-DUAL DHARMA

- Bấy giờ ông Duy Ma Cật bảo các vị Bồ Tát rằng: “Các nhân giả! Theo chỗ các ngài hiểu thì thế nào là Bồ Tát vào pháp môn không hai?”—At that time, Vimalakirti said to the Bodhisattvas present: “Virtuous Ones, each of you please say something about the non-dual Dharma as you understand it.”
- a) Trong Pháp hội có Bồ Tát tên là Pháp Tự Tại nói: “Các nhân giả! Sanh Diệt là hai. Pháp vốn không sanh, cũng không diệt, đặng vô sanh pháp nhĩn, đó là vào pháp môn không hai.”—In the meeting, a Bodhisattva called “Comfort in the Dharma” said: “Virtuous Ones, birth and death are a duality but nothing is created and nothing is destroyed. Realization of this patient endurance leading to the uncreate is initiation into the non-dual

- Dharma.”
- b) Bồ Tát Đức Thủ nói: “Ngã và Ngã Sở là hai. Nhân có ngã mới có ngã sở, nếu không có ngã thời không có ngã sở, đó là vào pháp môn không hai.”—The bodhisattva called “Guardian of the Three Virtues” said: “Subject and object are a duality for where there is ego there is also (its) object, but since fundamentally there is no ego, its object does not arise; this is initiation into the non-dual Dharma.”
- c) Bồ Tát Bất Thuần nói: “Thọ và Không Thọ là hai. Nếu các pháp không thọ thời không có ‘được,’ vì không có ‘được,’ nên không thủ xả, không gây không làm đó là vào pháp môn không hai.”—The Bodhisattva “Never Winking” said: “Responsiveness (vedana, the second aggregate) and unresponsiveness are a duality. If there is no response to phenomena, the latter cannot be found anywhere; hence there is neither accepting nor rejecting (of anything), and neither karmic activity nor discrimination; this is initiation into the non-dual Dharma.”
- d) Bồ Tát Đức Đảnh nói: “Nhơ và Sạch là hai. Thấy được tánh chân thật của nhơ, thời không có tướng sạch, thuận theo tướng diệt, đó là vào pháp môn không hai.”—The Bodhisattva “Highest virtue” said: “Impurity and purity are a duality. When the underlying nature of impurity is clearly perceived, even purity ceases to arise. Hence this cessation (of the idea of purity) is initiation into the non-dual Dharma.”
- e) Bồ Tát Thiện Túc nói: “Động và Niệm là hai. Không động thời không niệm, không niệm thời không phân biệt; thông suốt lý ấy là vào pháp môn không hai.”—The Bodhisattva “Winner of Samadhi by Looking at the Star” said: “(External) disturbance and (inner) thinking are a duality; when disturbance subsides, thinking comes to an end and the absence of thought leads to non-dual Dharma.”
- f) Bồ Tát Thiện Nhân nói: “Một Tướng và Không Tướng là hai. Nếu biết một tướng tức là không tướng, cũng không chấp không tướng mà vào bình đẳng, đó là vào pháp môn không hai.”—The Bodhisattva “Skillful Eye” said: “Monistic form and formlessness are a duality. If monistic form is realized as (fundamentally) formless, with relinquishment of formlessness in order to achieve impartiality, this is initiation into the non-dual Dharma.”
- g) Bồ Tát Diệu Tý nói: “Tâm Bồ Tát và Tâm Thanh Văn là hai. Quán tướng của tâm vốn không, như huyễn như hóa, thời không có tâm Bồ Tát cũng không có tâm Thanh Văn, đó là vào pháp môn không hai.”—The Bodhisattva “Wonderful Arm” said: “The Bodhisattva mind and the Sravaka mind are a duality. If the mind is looked into as void and illusory, there is neither Bodhisattva mind nor sravaka mind; this is initiation into the non-dual Dharma.”
- h) Bồ Tát Phát Sa nói: “Thiện và Bất Thiện là hai. Nếu không khởi thiện và bất thiện, vào gốc không tướng mà thông suốt được, đó là vào pháp môn không hai.”—The Bodhisattva Pusya said: “Good and evil are a duality; if neither good nor evil arises so that formlessness is realized to attain Reality, this is initiation into the non-dual Dharma.”
- i) Bồ Tát Sư Tử nói: “Tội và Phước là hai. Nếu thông đạt được tánh của tội, thì tội cùng phước không khác, dùng tuệ kim cương quyết liễu tướng ấy, không buộc không mở, đó là vào pháp môn không hai.”—The Bodhisattva Simha (Lion) said: “Weal and woe are a duality; if the underlying nature of woe is understood,

- woe does not differ from weal. If the diamond (indestructible) wisdom is used to look into this with neither bondage nor liberation (coming into play), this is initiation into the non-dual Dharma.”
- j) Bồ Tát Sư Tử Ý nói: “Hữu Lậu và Vô Lậu là hai. Nếu chứng được các pháp bình đẳng thời không có tướng hữu lậu và vô lậu, không chấp có tướng cũng không chấp vô tướng, đó là vào pháp môn không hai.”—The Bodhisattva “Lion’s Fearlessness” said: “The mundane and supra-mundane are a duality. If all things are looked into impartially, neither the mundane nor the supra-mundane will arise, with no differentiation between form and formlessness, this is initiation into the non-dual Dharma.”
- k) Bồ Tát Tịnh Giải nói: “Hữu Vi và Vô Vi là hai. Nếu liả tất cả số thời tâm như hư không, dùng tuệ thanh tịnh không có chướng ngại, đó là vào pháp môn không hai.”—The Bodhisattva “Pure Interpretation” said: “Activity (ju wei) and non-activity (wu wei) are a duality, but if the mind is kept from all mental conditions it will be (void) like space and pure and clean wisdom will be free from all obstructions. This is initiation into the non-dual Dharma.”
- l) Bồ Tát Na La Diên nói: “Thế Gian và Xuất Thế Gian là hai. Tánh thế gian không tức là xuất thế gian, trong đó không vào không ra, không đầy không vơi, đó là vào pháp môn không hai.”—The Bodhisattva Narayana said: “The mundane and the supra-mundane are a duality but the underlying nature of the mundane is void (or immaterial) and is but the supra-mundane, which can be neither entered nor left and neither overflows (like the stream of transmigration) nor scatters (like smoke). This is initiation into the non-dual
- Dharma.”
- m) Bồ Tát Thiện Ý nói: “Sanh Tử và Niết Bàn là hai. Nếu thấy được tánh sanh tử thời không có sanh tử, không buộc không mở, không sinh không diệt, hiểu như thế đó là vào pháp môn không hai.”—The Bodhisattva “Skillful Mind” said: “Samsara and nirvana are a duality. If the underlying nature of samsara is perceived there exists neither birth nor death, neither bondage nor liberation, and neither rise nor fall. Such an understanding is initiation into the non-dual Dharma.”
- n) Bồ Tát Hiện Kiến nói: “Tận và Không Tận là hai. Pháp đến chỗ rốt ráo thời tận hoặc không tận đều là tướng Vô Tận tức là Không, không thời không có tướng tận và không tận, được như thế đó là vào pháp môn không hai.”—The Bodhisattva “Direct Insight” said: “The exhaustible and the inexhaustible are a duality. If all things are looked into exhaustively, both the exhaustible and the inexhaustible cannot be exhausted; and the inexhaustible is identical with the void which is beyond both the exhaustible and the inexhaustible. Such an interpretation is initiation into the non-dual Dharma.”
- o) Bồ Tát Phổ Thủ nói: “Ngã và Vô Ngã là hai. Ngã còn không có, thời Phi Ngã đâu có được. Thấy được thực tánh của Ngã không còn có hai tướng, đó là vào pháp môn không hai.”—The Bodhisattva “Upholder of Universality” said: “The ego and non-ego are a duality. Since the ego cannot be found, where can the non-ego be found? He who perceives the real nature of the ego will not give rise to dualities; this is initiation into the non-dual Dharma.”
- p) Bồ Tát Điển Thiên nói: “Minh và Vô Minh là hai. Thực tánh của vô minh là minh, minh cũng không thể nhận lấy, là

- tất cả số, ở đó bình đẳng không hai, đó là vào pháp môn không hai.”—The Bodhisattva “Lightning Perception” said: “Enlightenment and unenlightenment are a duality, but the underlying nature of non-enlightenment is enlightenment which should also be cast away; if all relativities are discarded and replaced by non-dual impartiality, this is initiation into the non-dual Dharma.”
- q) Bồ Tát Hỷ Kiến nói: “Sắc và Không là hai. Sắc tức là không, chẳng phải sắc diệt rồi mới không, tánh sắc tự không; thọ, tưởng, hành, thức cũng thế. Thức và Không là hai. Thức tức là không, chẳng phải thức diệt rồi mới không, tánh thức tự không. Thông hiểu lý đó là vào pháp môn không hai.”—The Bodhisattva Priyadarsana said: “Form (rupa) and voidness are a duality, (but) form is identical with voidness, which does not mean that form wipes out voidness, for the underlying nature of form is void of itself. So are (the other four aggregates) reception (vedana), conception (sanjna), discrimination (samskara) and consciousness (vijnana- in relation to voidness). “Consciousness and voidness are a duality (yet) consciousness is identical with voidness, which does not mean that consciousness wipes out voidness for the underlying nature of voidness is void of itself. A thorough understanding of this is initiation into the non-dual Dharma.”
- r) Bồ Tát Minh Tướng nói: “Tứ Đại và Không Đại là hai. Tánh tứ đại tức là tánh không đại, như lớp trước lớp sau không, thời lớp giữa cũng không. Nếu biết được thực tánh các đại thời đó là vào pháp môn không hai.”—The Bodhisattva “Understanding the Four Elements” said: “The four elements (earth, water, fire and air) and their voidness are a duality (but
- the underlying nature of the four elements is identical with that of voidness. Like the past (before the four elements came into being) and the future (when they scatter away) which are both void, the present (when they appear) is also void. Identical understanding of the underlying nature of all four elements is initiation into the non-dual Dharma.”
- s) Bồ Tát Diệu Ý nói: “Con Mắt và Sắc Trần là hai. Nếu biết được tánh của mắt thời đối với sắc không tham, không sân, không si, tức là tịch diệt. Tai với tiếng, mũi với hương, lưỡi với vị, thân với xúc, ý với pháp cũng là hai. Nếu biết được tánh của ý thời đối với pháp không tham, không sân, không si, tức là tịch diệt. Nhận như thế đó là vào pháp môn không hai.”—The Bodhisattva “Deep Thought” said: “Eyes and form are a duality (but) if the underlying nature of the eye is known with neither desire nor anger nor stupidity in relation to things seen, this is nirvana. “Likewise, the ear and sound, the nose and smell, the tongue and taste, the body and touch, and the mind and ideation are dualities (but) if the underlying nature of the mind is known with neither desire, anger and stupidity in relation to things (heard, smelt, tasted, touched and thought), this is nirvana. Resting in this state (of nirvana) is initiation into the non-dual Dharma.”
- t) Bồ Tát Vô Tận Ý nói: “Bố Thí và Hồi Hương Nhứt Thiết Trí là hai. Tánh bố thí tức là tánh hồi hương nhứt thiết trí. Trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ và hồi hương nhứt thiết trí lại cũng là hai. Tánh trí tuệ tức là tánh hồi hương nhứt thiết trí, ở trong đó vào một tướng là vào pháp môn không hai.”—The Bodhisattva “Inexhaustible Mind” said: “Charity-perfection (dana-paramita) and the dedication (parinamana) of its merits



- towards realizing the all-knowledge (sarvajna) are a duality, (but) the underlying nature of charity is dedication towards the All-knowledge. “Likewise, discipline perfection (sila-paramita), patience-perfection, (ksanti-paramita), zeal-perfection (virya-paramita), meditation-perfection (dhyana-paramita) and wisdom-perfection (prajna-paramita), with dedication to the All-knowledge, are (five) dualities, but their underlying natures are but dedication to the All-knowledge, while realization of their oneness is initiation into the non-dual Dharma.”
- u) Bồ Tát Thâm Tuệ nói: “Không, Vô Tướng và Vô Tác là hai. Không tức là vô tướng, vô tướng tức là vô tác. Nếu không vô tướng, vô tác thì không có tâm, ý thức. Một món giải thoát là ba món giải thoát, đó là vào pháp môn không hai.”—The Bodhisattva “Profound Wisdom” said: “Voidness, formlessness and non-activity are (three different gates to liberation, and when each is compared to the other two there are) three dualities, (but) voidness is formless and formlessness is non-active. For when voidness, formlessness and non-activity obtain, there is neither mind, nor intellect nor consciousness, and liberation through either one of these three gates is identical with liberation through all the three. This is initiation into the non-dual Dharma.”
- v) Bồ Tát Tịnh Căn nói: “Phật, Pháp, và chúng Tăng là hai. Phật tức là Pháp, Pháp tức là chúng Tăng. Ba ngôi báu ấy đều là tướng vô vi, cũng như hư không. Tất cả pháp cũng vậy, theo được hạnh ấy là vào pháp môn không hai.”—The Bodhisattva “Unstirred Sense Organs” said: “Buddha, Dharma and Sangha are three different treasures and when each is compared to the other two there are three dualities
- (but) Buddha is identical with Dharma, and Dharma is identical with Sangha. For the three treasures are non-active (wu wei) and are equal to space, with the same equality for all things. The realization of this (equality) is initiation into the non-dual Dharma.”
- w) Bồ Tát Tâm Vô Ngại nói: “Thân và Thân Diệt là hai. Thân tức là thân diệt. Vì sao? Thấy thực tướng của thân thì không thấy thân và thân diệt. Thân và thân diệt không hai, không khác, theo đó chẳng kinh chẳng sợ là vào pháp môn không hai.”—The Bodhisattva “Unimpeded Mind” said: “Body and its eradication (in nirvana) are a duality but body is identical with nirvana. Why? Because if the underlying nature of body is perceived, no conception of (existing) body and its nirvanic condition will arise, for both are fundamentally non-dual, not being two different things. The absence of alarm and dread when confronting this ultimate state is initiation into the non-dual Dharma.”
- x) Bồ Tát Thượng Thiện nói: “Thân Thiện, Khẩu Thiện và Ý Thiện là hai. Ba nghiệp này là tướng vô tác. Tướng vô tác của thân tức là tướng vô tác của khẩu, tướng vô tác của khẩu tức là tướng vô tác của ý. Tướng vô tác của ba nghiệp này tức là tướng vô tác của tất cả các pháp. Tùy thuận trí tuệ vô tác như thế là vào pháp môn không hai.”—The Bodhisattva “Superior Virtue” said: “The three karmas (produced by) body, mouth and mind (are different when each is compared to the other two and make three) dualities (but) their underlying nature is non-active; so non-active body is identical with non-active mouth, which is identical with non-active mind. These three karmas being non-active, all things are also non-active. Likewise, if wisdom

- (prajna) is also non-active, this is initiation into the non-dual Dharma.”
- y) Bồ Tát Phước Điền nói: “Làm Phước, Làm Tội, Làm Bất Động là hai. Thực tánh của ba việc làm tức là Không, không thời không làm phước, không làm tội, không làm bất động. Ở ba việc này mà không khởi là vào pháp môn không hai.”—The Bodhisattva “Field of Blessedness” said: “Good conduct, evil conduct and motionlessness are (different and when each is compared to the other two make three) dualities (but) the underlying nature of all three is voidness which is free from good, evil and motionlessness. The non-rising of these three is initiation into the non-dual Dharma.”
- z) Bồ Tát Hoa Nghiêm nói: “Do Ngã mà Khởi ra là hai. Thấy được thực tướng của Ngã thời không khởi ra hai pháp. Nếu không trụ hai pháp thời không có thức. Không có thức là vào pháp môn không hai.”—The Bodhisattva “Majestic Blossom” said: “The ego and its objective are a duality, (but) if the underlying nature of the ego is looked into, this duality vanishes. If duality is cast away there will be no consciousness, and freedom from consciousness is initiation into the non-dual Dharma.”
- aa) Bồ Tát Đức Tạng nói: “Có tướng Sở Đắc là hai. Nếu không có sở đắc thời không có lấy bỏ. Không lấy bỏ là vào pháp môn không hai.”—The Bodhisattva “Treasure of Threefold Potency” said: “Realization implies subject and object which are a duality, but if nothing is regarded as realization, there will be neither grasping nor rejecting, and freedom from grasping and rejecting is initiation into the non-dual Dharma.”
- bb) Bồ Tát Nguyệt Thượng nói: “Tối và Sáng là hai. Không tối, không sáng thời không
- có hai. Vì sao? Như vào định diệt thọ tưởng thời không có tối, không có sáng. Tất cả pháp tướng cũng như thế; bình đẳng vào chỗ ấy là vào pháp môn không hai.”—The Bodhisattva “Moon in Midheaven” said: “Darkness and light are a duality. Where there is neither darkness nor light, this duality is no more. Why? Because in the state of samadhi resulting from the complete extinction of sensation and thought there is neither darkness nor light, while all things disappear. A disinterested entry into this state is initiation into the non-dual Dharma.”
- cc) Bồ Tát Ấn Thủ nói: “Ưu Niết Bàn, Không Ưu Thế Gian là hai. Nếu không ưa Niết Bàn, không chán thế gian thời không có hai. Vì sao? Nếu có buộc thời có mở, nếu không có buộc thì nào có cầu mở. Không buộc, không mở, thời không ưa, không chán, đó là vào pháp môn không hai.”—The Bodhisattva Ratna Mudra (Precious Symbol) said: Joy in nirvana and sadness in samsara are a duality which vanishes when there is no longer joy and sadness. Why? Because where there is bondage, there is also (desire for) liberation, but if fundamentally there is no bondage nor liberation, there will be neither joy nor sadness; this is initiation into the non-dual Dharma.”
- dd) Bồ Tát Châu Đảnh Vương nói: “Chánh Đạo và Tà Đạo là hai. Ở chánh đạo thời không phân biệt thế nào là tà, thế nào là chánh. Là hai món phân biệt đó là vào pháp môn không hai.”—The Bodhisattva “Gem on the Head” said: “Orthodoxy and heterodoxy are a duality, (but) he who dwells in (i.e. realizes) orthodoxy does not discriminate between orthodoxy and heterodoxy. Keeping from these two extremes is initiation into the non-dual Dharma.”

- ee) Bồ Tát Nhạo Thật nói: “Thực và Không Thực là hai. Thực thấy còn không thấy thực, huống là không thực thấy. Vì sao? Không phải mắt thịt mà thấy được, chỉ có mắt tuệ mới thấy được. Nhưng mắt tuệ không thấy mà chỗ nào cũng thấy cả, đó là vào pháp môn không hai.”—The Bodhisattva “Joy in Reality” said: “Reality and non-reality are a duality, (but) he who realizes reality does not even perceive it, still less non-reality. Why? Because reality is invisible to the ordinary eyes and appears only to the eye of wisdom. Thus (realization of) the eye of wisdom, which is neither observant nor unobservant, is initiation into the non-dual Dharma.”
- ff) Các Bồ Tát nói như thế rồi, hỏi ngài Văn Thù Sư Lợi thế nào là Bồ Tát vào pháp môn không hai—After the Bodhisattva had spoken, they asked Manjusri for his opinion on the non-dual Dharma.
- gg) Ngài Văn Thù Sư Lợi nói: “Như ý tôi đối với tất cả các pháp không nói, không rằng, không chỉ, không biết, xa lìa các vấn đáp, đó là vào pháp môn không hai.”—Manjusri said: “In my opinion, when all things are no longer within the province of either word or speech, and of either indication or knowledge, and are beyond questions and answers, this is initiation into the non-dual Dharma.”
- hh) Khi đó ngài Văn Thù Sư Lợi hỏi ông Duy Ma Cật rằng: “Chúng tôi ai ai cũng nói rồi, đến lượt nhân giả nói thế nào là Bồ Tát vào pháp môn không hai?”—At that time, Manjusri asked Vimalakirti: “All of us have spoken; please tell us what is the Bodhisattva’s initiation into the non-dual Dharma.”
- ii) Ông Duy Ma Cật im lặng không nói một lời. Bấy giờ Ngài Văn Thù Sư Lợi khen rằng: “Hay thay! Hay thay! Cho đến không có văn tự ngữ ngôn, đó mới thật là

vào pháp môn không hai.”—Vimalakirti kept silent without saying a word. At that, Manjusri exclaimed: “Excellent, excellent! Can there be true initiation into the non-dual Dharma until words and speech are no longer written or spoken?”

- jj) Sau khi nói Phẩm pháp môn không hai này, trong chúng có năm ngàn Bồ Tát đều vào pháp môn không hai, chứng Vô Sanh Pháp Nhãn—After this initiation into the non-dual Dharma had been expounded, five thousand Bodhisattvas at the meeting were initiated into it thereby, realizing the patient endurance of the uncreate.

## CHƯƠNG MƯỜI—CHAPTER TEN

### PHẨM PHẬT HƯƠNG TÍCH—THE BUDDHA of the FRAGRANT LAND

- Bấy giờ ông Xá Lợi Phất tâm nghĩ rằng: “Giờ ăn gần đến, các Bồ Tát đây sẽ thọ thực nơi đâu?” Ông Duy Ma Cật biết ý đó bảo ngay rằng: “Phật nói tám món giải thoát, nhân giả đã vâng làm, đâu có xen cái tâm muốn ăn mà nghe pháp ư? Nếu muốn ăn, hãy đợi giây lát, tôi sẽ hiến cho ngài bữa ăn chưa từng có.”—Sariputra was thinking of mealtime and of the food for the Bodhisattvas in the meeting when Vimalakirti, who read his thought, said to him: “The Buddha taught the eight forms of liberation which you have received for practice; do you know mix your desire to eat with His Dharma? If you want to eat, please wait for a moment and you will have a rare treat.”
- Ông Duy Ma Cật liền nhập chánh định, dùng sức thần thông hiện bày cho đại chúng thấy rõ cảnh giới phương trên, qua khỏi 42 số cát sông Hằng cõi Phật có nước tên là Chúng Hương, đức Phật hiệu

- là Hương Tích nay vẫn hiện tại. Mùi hương ở nước ấy so với mùi hương của trời, người và các cõi Phật ở mười phương nó thơm hơn hết. Nước ấy không có tên Thanh Văn và Bích Chi Phật, chỉ có chúng Đại Bồ Tát thanh tịnh được Phật nói pháp cho nghe. Nước ấy tất cả đều dùng chất hương làm lâu các hoa viên, đi kinh hành trên đất hương, mùi hương của cơm lan khắp mười phương vô lượng thế giới—At that, Vimalakirti entered the state of samadhi and used his transcendental power to show to the assembly a country, which is above separated from this world by a distance represented by Buddha lands as countless as sand grains in forty-two Ganges rivers and which was called the country of All Fragrances, whose Buddha was called the Tathagata of the Fragrant Land, and was still there. The fragrance of that country surpassed all scents emitted by the devas in Buddha lands in the ten directions. In that Buddha land, there were neither sravakas nor pratyeka-buddhas but only pure and clean Bodhisattvas to whom that Buddha expounded the Dharma. All things there are formed by fragrances, such as palaces, the earth, gardens and parks which emit sweet scent, and the fragrance of its food spreads to countless worlds in the ten directions.
- Lúc đó Phật Hương Tích cùng các Bồ Tát đang ngồi ăn, có các vị Thiên tử đồng tên là Hương Nghiêm đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cúng dường Phật và các Bồ Tát. Cả đại chúng bên cõi Ta Bà này đều thấy rõ tận mặt—Its Buddha and Bodhisattvas were sitting down for the meal offered to them by the sons of devas who were all called Glorious Fragrances and were setting their minds on the quest of supreme enlightenment. This was seen by all those present in the meeting.
  - Khi ấy ông Duy Ma Cật hỏi các Bồ Tát rằng: “Thưa các nhân giả, vị nào có thể đến thỉnh cơm của Phật kia được?”—Vimalakirti said to his listeners: “Virtuous Ones, who of you can go there to beg for food from that Buddha?”
  - Vì nương theo sức oai thần của Văn Thù Sư Lợi mà các vị Bồ Tát thấy đều lặng thinh. Lúc ấy ông Duy Ma Cật nói rằng: “Các nhân giả không hổ thẹn sao?”—As Manjusri was noted for his supernatural power, all the Bodhisattvas kept silent. At that time, Vimalakirti said: “Are not the Virtuous Ones ashamed (of their inability to do so)?”
  - Ngài Văn Thù Sư Lợi nói: “Theo như lời Phật nói, chớ nên khinh người chưa học.”—Manjusri retorted: “As the Buddha has said, those who have not yet study and practiced Mahayana should not be slighted.”
  - Khi đó ông Duy Ma Cật ngồi yên một chỗ, ở trước chúng hội hóa ra một vị Bồ Tát tướng tốt rực rỡ, oai đức thù thắng hơn cả đại chúng. Ông bảo vị Hóa Bồ Tát ấy rằng: “Ông hãy qua cảnh giới phương trên, khỏi 42 số cát sông Hằng cõi Phật, có nước tên là Chúng Hương, Phật hiệu là Hương Tích và các Bồ Tát đang ngồi ăn, ông qua đó y theo lời tôi mà thưa rằng, ‘Duy Ma Cật xin cúi đầu đánh lễ dưới chân Thế Tôn, cung kính không cùng và hỏi thăm Thế Tôn hằng ngày khởi cư ít bệnh, ít não, sức khỏe được an chăng? Nguyện được món cơm thừa của Thế Tôn đem về cõi Ta Bà làm việc Phật, để cho những người ưa pháp nhỏ được pháp lớn, và để cho tiếng tăm của Như Lai được khắp tất cả.’—Thereupon, Vimalakirti, without rising from his seat, used his transcendental power to create an illusory (bogus) Bodhisattva whose features were radiant and whose dignity was

- unsurpassable, overshadowing the whole assembly. He then said to this illusory Bodhisattva: “Ascend to the Fragrant Land to call on its Buddha, saying what I now tell you: ‘Upasaka Vimalakirti bows his head at your feet to pay his reverence and inquires respectfully about your happy tidings; he hopes you are well and have no difficulties (in converting living beings) and that your vigor is full. He wishes to receive some leftovers from your meal to do the salvation work in the saha world for the purpose of converting to Mahayana those of the small vehicle and of spreading the renown of the Tathagata to make it known everywhere.’”
- Lúc đó Hóa Bồ Tát liền ở trước hội bay lên phương trên, cả đại chúng đều thấy Hóa Bồ Tát ấy đi đến nước Chúng Hương lễ dưới chân Phật và nghe tiếng thưa rằng: “Duy Ma Cật xin cúi đầu lễ dưới chân Thế Tôn, cung kính không cùng và thăm hỏi Thế Tôn hằng ngày khởi cư ít bệnh, ít nã, sức khỏe được an chăng? Nguyễn được món cơm thừa của Thế Tôn đem về cõi Ta Bà làm việc Phật, để cho những người ưa pháp nhỏ được pháp lớn và để cho tiếng tăm của Như Lai được khắp tất cả.” Các đại sĩ nước Chúng Hương thấy vị Hóa Bồ Tát đều ngợi khen chưa từng có và nghĩ rằng: “Thượng như vậy từ đâu mà đến? Cõi Ta Bà ở đâu? Sao gọi là ưa pháp nhỏ? Liền đem việc ấy hỏi Phật.”—After that, the illusory Bodhisattva ascended and was seen by the whole assembly to approach the Buddha of Fragrant Land and repeat what Vimalakirti had ordered him to say. When the Bodhisattvas there saw the messenger, they praised the rare visit, asking their Buddha: “Where does this Bodhisattva come from? Where is this world called saha? What does the small vehicle mean?”
  - Phật bảo rằng: “Phương dưới qua khỏi 42 số cát sông Hằng cõi Phật, có cõi nước tên là Ta Bà, Phật hiệu Thích Ca Mâu Ni, nay hiện tại ở đời ác năm trước, vì những chúng sanh ưa pháp nhỏ mà diễn nói đạo giáo. Cõi Ta Bà có Bồ Tát tên Duy Ma Cật ở cảnh giới giải thoát bất khả tư nghì đang nói pháp cho các vị Bồ Tát, nên sai vị Hóa Bồ Tát này đến khen ngợi danh hiệu ta và tán thán cõi này để làm cho các Bồ Tát kia được thêm nhiều công đức.”—Their Buddha replied: “There is a world called saha, which is below and is separated from here by Buddha lands as countless as the sand grains in forty-two Ganges rivers, whose Buddha is called Sakyamuni and is now staying in the midst of five turbid conditions, where he teaches the supreme Dharma to those clinging to the small vehicle. Over there is a Bodhisattva called Vimalakirti who has achieved inconceivable liberation and is expounding the Dharma to other (young) Bodhisattvas. Hence, he has created an illusory messenger to extol my name and praise this land so that they can earn more merits.”
  - Các vị Bồ Tát nước Chúng Hương thưa rằng: “Vị đó như thế nào mà biến hiện ra vị Hóa Bồ Tát này có đức lực vô úy, thần túc như thế?”—The Bodhisattvas asked: “Who is that Bodhisattva who can create an illusory messenger and whose transcendental powers, fearlessness and ubiquity are so great?”
  - Phật nói: “Thật lớn, ông thường sai Hóa Bồ Tát đi đến khắp mười phương làm việc Phật, lợi ích chúng sanh.”—That Buddha replied: “His (powers, fearlessness and ubiquity) are very great indeed. He used to send his illusory messengers to all places in the ten directions to perform the Bodhisattva

- work of salvation for the benefit of living beings.”
- Khi đó Phật Hương Tích lấy cái bát ở nước Chúng Hương đựng đầy cơm thơm trao cho Hóa Bồ Tát. Bấy giờ chín trăm vạn Bồ Tát ở nước Chúng Hương đồng thanh thưa rằng: “Chúng con muốn đến cõi Ta Bà để cúng dường Phật Thích Ca Mâu Ni và ra mắt ông Duy Ma Cật cùng các hàng Bồ Tát.”—That Buddha then filled a bowl of fragrant rice and handed it to the illusory messenger. All his nine million Bodhisattvas declared they all wished to go to saha to pay reverence to Sakyamuni Buddha and to see Vimalakirti and the other Bodhisattvas there.
  - Phật bảo: “Được, nên đi. Nhưng phải giữ thân hương của các ông, chớ để cho chúng sanh cõi kia sanh tâm mê đắm, và phải bỏ hình thể cũ của các ông, chớ để những người cầu đạo Bồ Tát ở nước kia phải tự hổ thẹn. Các ông đến cõi Ta Bà chớ đem lòng khinh chê mà tâm có ngại. Vì sao? Mười phương cõi nước đều như hư không, chư Phật vì muốn hóa độ những người ưa pháp nhỏ, nên không hiện ra toàn cõi thanh tịnh.”—That Buddha warned them: “You may go there but hide your fragrance, if not, the people give rise to the wrong thought of clinging to it. You should also change your appearance in order not to provoke their self-abasement. To avoid wrong views do not slight them. Why? Because all worlds in the ten directions are (fundamentally immaterial) like space and because all Buddhas wishing to convert those of the small vehicle do not reveal completely to them their own pure and clean lands.”
  - Khi ấy, Hóa Bồ Tát đã lãnh bát cơm rồi, cùng với chín trăm vạn Bồ Tát thưa oai thần của Phật và thần lực của ông Duy Ma Cật đang ở nước Chúng Hương bỗng nhiên biến mất, trong khoảnh khắc về đến nhà ông Duy Ma Cật—At that, the illusory messenger received the bowl of fragrant rice and together with the nine million Bodhisattvas availed themselves of that Buddha’s and Vimalakirti’s transcendental powers, disappeared from the Fragrant Land and, a little later, arrived at Vimalakirti’s abode.
  - Lúc ấy ông Duy Ma Cật hóa ra chín trăm vạn tòa sư tử trang nghiêm tốt đẹp như trước, các Bồ Tát đều đến ngồi nơi tòa ấy. Hóa Bồ Tát liền đem cái bát đựng đầy cơm thơm dâng lên cho ông Duy Ma Cật, mùi thơm xông khắp thành Tỳ Xá Ly và cõi tam thiên đại thiên thế giới—Vimalakirti then used his transcendental powers to make nine million lion thrones as majestic as those already there, for the visitors. The illusory messenger then handed him the bowl of rice the fragrance of which spread to the whole town of Vaisali and then to the whole great chiliocosm.
  - Lúc đó trong thành Tỳ Xá Ly, các Bà la môn, cư sĩ nghe mùi hương này, thân tâm thơ thối ngợi khen chưa từng có. Khi ấy trưởng giả Chủ Nguyệt Cái đem theo tám vạn bốn ngàn người đi đến nhà ông Duy Ma Cật, thấy trong nhà các Bồ Tát rất đông và những tòa sư tử cao rộng trang nghiêm, ai nấy thấy đều vui mừng đánh lễ các Bồ Tát và đại đệ tử rồi đứng qua một bên. Các vị địa thần, hư không thần và các vị trời ở cõi Dục, cõi Sắc nghe mùi thơm này cũng đều đến nhà ông Duy Ma Cật—Brahmin devotees at Vaisali perceived the fragrance and became elated; they praised the rare occurrence. Their chief, called “Lunar Canopy” took eighty-four thousand men to Vimalakirti’s house where they saw many Bodhisattvas seated on majestic lion thrones; they were jubilant and paid reverence to the

- Bodhisattvas and the Buddha's chief disciples, and then stood at one side. Earthly and heavenly ghosts as well as the devas of the worlds of desire and of form who smelt the fragrance, came as well.
- Lúc bấy giờ ông Duy Ma Cật bảo ông Xá Lợi Phất và các vị đại Thanh Văn rằng: “Này các nhân giả! Dùng cơm vị cam lồ của Như Lai do đại bi huân tập, đừng đem ý có hạn lượng mà ăn thì không tiêu được.” Các Thanh Văn khác nghĩ rằng: “Cơm này ít lắm mà đại chúng người nào cũng phải ăn!”—At that time, Vimalakirti said to Sariputra and the sravakas: “Virtuous Ones, you may now take the Tathagata's immortal rice which has been infused with great compassion; do not give rise to the thought of limitation when taking it or you will not be able to digest it.” When some sravakas thought that the small quantity of rice seemed insufficient for the whole assembly.
  - Hóa Bồ Tát nói: “Chớ đem trí hẹp đức nhỏ của Thanh Văn mà so lường phúc tuệ vô lượng của Như Lai. Bốn bể còn có thể cạn, chớ cơm này không khi nào hết. Dầu cho tất cả người người đều ăn mỗi vắt lớn như núi Tu Di cho đến một kiếp cũng không hết được. Vì sao? Vì là món ăn dư của đấng đầy đủ công đức, vô tận giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, không bao giờ hết được.”—The illusory Bodhisattva said: “Do not use the little virtue and intelligence of a sravaka to estimate the Tathagata's boundless blessing and wisdom; the four oceans are exhaustible but this rice is inexhaustible. If all men took and rolled it into a ball as large as (Mount) Sumeru, they would not have finished eating it by the end of the aeon. Why? Because food that has been left over by those who have practiced boundless morality and discipline (sila),
- serenity (dhyana) and wisdom (prajna), liberation and knowledge of liberation, and who have won all merits, is inexhaustible.
- Khi đó, với bát cơm ấy chúng hội đều no đủ mà cũng vẫn còn. Các Bồ Tát Thanh Văn, Trời, người ăn cơm đó rồi thân thể nhẹ nhàng vui vẻ ví như các Bồ Tát ở cõi nước Nhứt Thiết Lạc Trang Nghiêm, và các lỗ chun lông thoáng ra mùi hương bát ngát cũng như mùi hương các cây ở nước Chúng Hương—Hence this bowl of rice will satisfy the whole meeting without being exhausted. The Bodhisattvas, Sravakas, devas and men who take it will experience comfort and joy, like the Bodhisattvas of all blessed pure lands. Their pores will give out profound fragrance which is like the scent of the trees in Fragrant Lands.”
  - Bấy giờ ông Duy Ma Cật hỏi các vị Bồ Tát ở nước Chúng Hương rằng: “Phật Hương Tích lấy chi để nói pháp?”—Vimalakirti then asked the visiting Bodhisattvas: “How does the Tathagata of your land preach the Dharma?”
  - Các vị Bồ Tát kia đáp: “Phật cõi tôi không dùng văn tự để nói, chỉ dùng các mùi hương làm cho các trời, người được luật hạnh. Các Bồ Tát đều ngồi dưới cây hương, nghe mùi hương mẫu nhiệm ấy đều được tam muội Nhứt Thiết đức tạng. Được tam muội ấy đều được đầy đủ tất cả công đức của Bồ Tát.”—They replied: “The Tathagata of our land does not use word and speech to preach but uses the various fragrance to stimulate the devas in their observance of the commandments. They sit under fragrant trees and perceive how sweet the trees smell thereby realizing the samadhi derived from the store of all merits. When they realize this samadhi, they win all merits.”

- Các Bồ Tát kia hỏi ông Duy Ma Cật rằng: “Còn Phật Thích Ca Mâu Ni lấy gì để nói pháp?”—These Bodhisattvas then asked Vimalakirti: “How does the World Honoured One, Sakyamuni Buddha, preach the Dharma?”
- Ông Duy Ma Cật nói: “Chúng sanh cõi này cang cường khó giáo hóa, cho nên Phật nói những lời cang cường để điều phục họ. Nói đó là địa ngục; đó là súc sanh; đó là ngựa quý; đó là chỗ nạn; đó là chỗ người ngu sanh; đó là thân làm việc tà, đó là quả báo của thân làm việc tà; đó là miệng làm việc tà, đó là quả báo của miệng làm việc tà; đó là ý làm việc tà, đó là quả báo của ý làm việc tà; đó là sát sanh, đó là quả báo của sát sanh; đó là không cho mà lấy, đó là quả báo của không cho mà lấy; đó là tà dâm, đó là quả báo của tà dâm; đó là vọng ngữ, đó là quả báo của vọng ngữ; đó là hai lưỡi, đó là quả báo của hai lưỡi; đó là lời nói ác độc, đó là quả báo của lời nói ác độc; đó là lời nói vô nghĩa, đó là quả báo của lời nói vô nghĩa; đó là tham lam, ganh ghét, đó là quả báo của tham lam ganh ghét; đó là tức giận, đó là quả báo của tức giận; đó là tà kiến, đó là quả báo của tà kiến; đó là bồn xển, đó là quả báo của bồn xển; đó là phá giới, đó là quả báo của phá giới; đó là giận hờn, đó là quả báo của giận hờn; đó là lưỡi biếng, đó là quả báo của lưỡi biếng; đó là ý tán loạn, đó là quả báo của ý tán loạn; đó là ngu si, đó là quả báo của ngu si; đó là kiết giới; đó là giữ giới; đó là phạm giới; đó là nên làm; đó là không nên làm; đó là chướng ngại; đó là không chướng ngại; đó là mắc tội; đó là khỏi tội; đó là tịnh; đó là dơ; đó là hữu lậu; đó là vô lậu; đó là tà đạo; đó là chánh đạo; đó là hữu vi; đó là vô vi; đó là thế gian; đó là Niết Bàn, vì những người khó giáo hóa lòng như khỉ vượn, nên dùng bao nhiêu pháp để chế ngự lòng họ, mới có thể điều phục được. Ví như voi, như ngựa, ngang trái không điều được, phải thêm đánh đập dữ tợn cho đến thấu xương rồi mới điều phục được. Chúng sanh cang cường, khó giáo hóa cũng thế, nên phải dùng tất cả những lời khổ thiết mới có thể đưa họ vào khuôn khổ luật hạnh được—Vimalakirti replied: “Living beings of this world are pig-headed (stubborn) and difficult to convert; hence the Buddha uses strong language to tame them. He speaks of hells, animals and hungry ghosts in their planes (realms) of suffering; of the places of rebirth for stupid men as retribution for perverse deeds, words and thoughts, i.e. for killing, stealing, carnality, lying, double tongue, coarse language, affected speech, covetousness, anger, perverted views (which are the ten evils); for stinginess, breaking the precepts, anger, remissness, confused thoughts and stupidity (i.e. the six hindrances to the six paramitas); for accepting, observing and breaking the prohibitions; for things that should and should not be done; for obstructions and non-obstructions; for what is sinful and what is not; for purity and filthiness; for the worldly and holy states; for heterodoxy and orthodoxy; for activity and non-activity; and for samsara and nirvana. Since the minds of those who are difficult to convert are like monkeys, various methods of preaching are devised to check them so that they can be entirely tamed. Like elephants and horses which cannot be tamed without whipping them until they feel pain and become easily managed, the stubborn of this world can be disciplined only with bitter and eager words.”
- Các Bồ Tát nước Chúng Hương kia nghe rồi nói rằng: “Thật chưa từng có! Như Phật Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn ẩn cái



sức tự tại vô lượng của Ngài mà dùng những phương pháp sở thích của người nghèo hèn để độ thoát chúng sanh. Các Bồ Tát đây cũng chịu khổ sở, nhún nhường, dùng lòng đại bi vô lượng để sanh vào cõi Phật này.”—After hearing this, the visiting Bodhisattvas said: “We have never heard of the World Honoured One, Sakyamuni Buddha, who conceals his boundless sovereign power to appear as a beggar to mix with those who are poor in order to win their confidence (for the purpose of liberating them) and of the Bodhisattvas here who are indefatigable and so humble and whose boundless compassion caused their rebirth in this Buddha land.”

- Duy Ma Cật nói: “Bồ Tát ở cõi này đối với chúng sanh, lòng đại bi bền chắc thật đúng như lời các ngài đã ngợi khen. Mà Bồ Tát ở cõi này lợi ích cho chúng sanh trong một đời còn hơn trăm ngàn kiếp tu hành ở cõi nước khác. Vì sao? Vì cõi Ta Bà này có mười điều lành mà các Tịnh Độ khác không có. Thế nào là mười? Một là dùng bố thí để nhiếp độ kẻ nghèo nàn; hai là dùng tịnh giới để nhiếp độ người phá giới; ba là dùng nhẫn nhục để nhiếp độ kẻ giận dữ; bốn là dùng tinh tấn để nhiếp độ kẻ giải đãi; năm là dùng thiền định để nhiếp độ kẻ loạn ý; sáu là dùng trí tuệ để nhiếp độ kẻ ngu si; bảy là nói pháp trừ nạn để độ kẻ bị tám nạn; tám là dùng pháp đại thừa để độ kẻ ưa pháp tiểu thừa; chín là dùng các pháp lành để cứu tế người không đức; và mười là thường dùng tứ nhiếp để thành tựu chúng sanh.”—Vimalakirti said: “As you have said, the Bodhisattvas of this world have strong compassion and their lifelong works of salvation for all living beings surpass those done in other pure lands during hundreds and thousands of aeons. Why? Because they achieved ten

excellent deeds which are not required in other pure lands. What are these ten excellent deeds? They are: 1, charity (dana) to succour the poor; 2, precept-keeping (sila) to help those who have broken the commandments; 3, patient endurance (ksanti) to subdue their anger; 4, zeal and devotion (virya) to cure their remissness; 5, serenity (dhyana) to stop their confused thoughts; 6, wisdom (prajna) to wipe out ignorance; 7, putting an end to the eight distressful conditions for those suffering from them; 8, teaching Mahayana to those who cling to Hinayana; 9, cultivation of good roots for those in want of merits; and 10, the four Bodhisattva winning devices for the purpose of leading all living beings to their goals (in Bodhisattva development). These are the ten excellent deeds.”

- Các Bồ Tát kia hỏi: “Bồ Tát phải thành tựu mấy pháp ở nơi cõi này làm không lầm lỗi, được sanh về cõi Tịnh Độ?”—The visiting Bodhisattvas asked: “How many Dharmas should a Bodhisattva achieve in this world to stop its morbid growth (defilements) in order to be reborn in the Buddha’s pure land?”
- Duy Ma Cật đáp: “Bồ Tát thành tựu tám pháp thời ở cõi này làm không lầm lỗi, được sanh về cõi Tịnh Độ. Tám pháp là gì? Một là lợi ích chúng sanh không mong báo đáp; hai là thay thế tất cả chúng sanh chịu mọi điều khổ não; ba là bao nhiêu công đức đều ban cho tất cả chúng sanh; bốn là lòng bình đẳng đối với chúng sanh khiêm nhường không ngại, đối với Bồ Tát xem như Phật; năm là những kinh chưa nghe, nghe không nghi; sáu là không chống trái với hàng Thanh Văn; bảy là thấy người được cúng dường cũng không tật đố, không khoe những lợi lộc của mình, ở nơi đó mà điều phục tâm mình; tám là thường xét lỗi mình, không nói

đến lỗi người, hằng nhứt tâm cầu các công đức.”—Vimalakirti replied: “A Bodhisattva should bring to perfection eight Dharmas to stop morbid growth in this world in order to be reborn in the Pure Land. They are: 1, benevolence towards all living beings with no expectation of reward; 2, endurance of sufferings for all living beings dedicating all merits to them; 3, impartiality towards them with all humility free from pride and arrogance; 4, reverence to all Bodhisattvas with the same devotion as to all Buddhas (i.e. without discrimination between Bodhisattvas and Buddhas); 5, absence of doubt and suspicion when hearing (the expounding of) sutras which he has not heard before; 6, abstention from opposition to the sravaka Dharma, 7, abstention from discrimination in regard to donations and offerings received with no thought of self-profit in order to subdue his mind; and 8, self-examination without contending with others. Thus, he should achieve singleness of mind bent on achieving all merits; these are the eight Dharmas.”

- Sau khi ông Duy Ma Cật và ngài Văn Thù Sư Lợi nói pháp này rồi, ở trong đại chúng có cả trăm ngàn vị trời, người đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, mười ngàn Bồ Tát chứng đặng Vô sanh Pháp nhẫn—After Vimalakirti and Manjusri had thus expounded the Dharma, hundreds and thousands of devas developed the mind set on supreme enlightenment, and ten thousand Bodhisattvas realized the patient endurance of the uncreate.

## CHƯƠNG MƯỜI MỘT—CHAPTER ELEVEN

### PHẨM BỒ TÁT HẠNH—THE

## BODHISATTVA CONDUCT

- Khi đó Đức Phật nói Pháp nơi vườn cây Am la, vườn ấy bỗng nhiên rộng rãi trang nghiêm, tất cả đại chúng trong pháp hội đều trở thành sắc vàng—The Buddha was expounding the Dharma at Amravata park which suddenly became majestic and extensive while all those present turned golden hued.
- A Nan bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Vì nhơn duyên gì mà có điềm lành này, vườn cây bỗng nhiên rộng rãi trang nghiêm, tất cả chúng hội đều trở thành sắc vàng?”—Ananda asked the Buddha: “World Honoured One, what is the cause of these auspicious signs, why does this place become extensive and majestic and why does the assembly turn golden hued?”
- Đức Phật bảo: “Này A Nan! Đây là Duy Ma Cật, Văn Thù Sư Lợi cùng cả đại chúng cung kính vây quanh phát tâm muốn đến, nên trước hiện điềm lành này.”—The Buddha replied: “This is because Vimalakirti and Manjusri, with their followers circumambulating them, want to come here; hence these auspicious signs.”
- Lúc đó tại thành Tỳ Xá Ly, ông Duy Ma Cật nói với ngài Văn Thù Sư Lợi rằng: “Chúng ta nên cùng nhau đến ra mắt Phật để cho các Bồ Tát đảnh lễ cúng dường Thế Tôn.”—At Vaisali, Vimalakirti said to Manjusri: “We can now go and see the Buddha, so that we and the Bodhisattvas can pay reverence and make offerings to Him.”
- Ngài Văn Thù Sư Lợi nói: “Hay thay! Nay chính là lúc chúng ta nên đi.”—Manjusri said: “Excellent, let us go; it is now time to start.”
- Duy Ma Cật dùng sức thần thông đem cả đại chúng và các tòa sư tử để trên tay

- phải đi đến chỗ Phật. Khi đến rồi ông để xuống đất, cúi đầu đánh lễ dưới chân Phật, đi quanh phía hữu bảy vòng, một lòng chấp tay đứng sang một bên. Các Bồ Tát kia liền xuống tòa đến cúi đầu lễ dưới chân Phật, cũng đi quanh bảy vòng rồi đứng sang một bên. Các đại đệ tử, Đế Thích, Phạm Thiên, Tứ Thiên Vương cả thấy cũng đều xuống tòa cúi đầu lễ dưới chân Phật rồi cùng đứng qua một bên—Vimalakirti then used his transcendental powers to carry the whole meeting with the lion thrones on the palm of his right hand and flew (in the air) to the Buddha's place. When they landed there, Vimalakirti bowed his head at His feet, walked round Him from the right seven times, and bringing his palms together, stood at one side. The Bodhisattvas left their lion thrones to bow their heads at His feet, and also walked round Him seven times and stood at one side. The Buddha's chief disciples with Indra, Brahma (both as protectors of the Dharma) and the four deva kings of the four heavens, also left their lion thrones, bowed their heads at His feet, walked round Him seven times and then stood at one side.
- Bấy giờ Thế Tôn như pháp an ủi hỏi thăm các Bồ Tát rồi, bảo ngồi lại chỗ cũ. Cả chúng đều vâng lời dạy—The Buddha comforted the Bodhisattvas and ordered them to take their seats to listen to His teaching.
  - Khi chúng ngồi xong, Phật bảo ngài Xá Lợi Phất rằng: “Ông có thấy thần lực tự tại của Bồ Tát đại sĩ làm đó chăng?”—After they had sat down the Buddha asked Sariputra: “Have you seen what the great Bodhisattvas have done with their transcendental powers?”
  - Xá Lợi Phất đáp rằng dạ thấy—Sariputra replied that he had.
  - Phật hỏi: “Ý ông nghĩ sao?”—The Buddha asked: “What do you think of all this?”
  - Xá Lợi Phất đáp: “Bạch Thế Tôn! Con thấy các việc làm của chư Bồ Tát là không thể nghĩ bàn, không phải lấy ý mà suy lường tính toán được—Sariputra answered: “I saw them do inconceivable (feats), which the mind can neither think of nor anticipate.”
  - Đoạn ông A Nan bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Mùi hương con nghe đây từ xưa chưa từng có, đó là mùi hương chi?”—Ananda then asked the Buddha: “World Honoured One, the fragrance we are smelling was never perceived before; what is it?”  
Đức Phật bảo: Này A Nan! Đó là mùi hương xuất ra từ lỗ chân lông của chư Bồ Tát.”—The Buddha replied: “Ananda, it is the fragrance given out by the pores of these Bodhisattvas.”
  - Lúc đó Ngài Xá Lợi Phất nói với A Nan rằng: “Lỗ chân lông của chúng tôi cũng có mùi hương ấy!”—At that, Sariputra said to Ananda: “Our pores also give the same fragrance!”
  - Ngài A Nan nói: “Mùi hương ấy từ đâu đến?”—Ananda asked Sariputra: “Where does it come from?”
  - Xá Lợi Phất đáp: “Đấy là trưởng giả Duy Ma Cật xin cơm thừa của Phật ở nước Chúng Hương đem về ăn nơi nhà ông, nên tất cả lỗ chân lông đều toát ra mùi hương như thế.”—Sariputra replied: “It is this Upasaka Vimalakirti who obtained what was left over from the Buddha's meal in the Fragrant Land, and those who ate it at his abode give out this fragrance from their pores.”
  - A Nan hỏi ông Duy Ma Cật rằng: “Mùi hương đó còn được bao lâu?”—Ananda then asked Vimalakirti: “How long does this fragrance last?”

- Duy Ma Cật nói: “Đến khi cơm đó tiêu hết.”—Vimalakirti replied: “It lasts until the rice has been digested.”
- A Nan hỏi: “Cơm đó bao lâu mới tiêu?”—Ananda asked: “How long does this take?”
- Duy Ma Cật đáp: “Thế lực cơm đó đến bảy ngày mới tiêu. Lại nữa ông A Nan! Những Thanh Văn chưa vào chánh vị, ăn cơm đó đến khi vào chánh vị rồi mới tiêu. Đã vào chánh vị, ăn cơm đó đến khi tâm giải thoát rồi mới tiêu. Chưa phát tâm Đại Thừa ăn cơm đó đến khi phát tâm Đại thừa rồi mới tiêu; đã phát tâm Đại thừa ăn cơm đó khi được vô sanh nhẫn rồi mới tiêu. Đã được vô sanh nhẫn ăn cơm đó đến khi được nhưt sanh bồ xứ rồi mới tiêu. Ví như có món thuốc tên là thượng vị, người uống vào trừ hết các độc trong thân rồi mới tiêu. Cơm này cũng vậy, khi trừ hết tất cả độc phiền não rồi mới tiêu.”—Vimalakirti replied: “It will be digested after a week. Ananda, sravakas who have not reached the right position (nirvana) will attain it after taking this rice which will then be digestible, and those who have attained nirvana will realize liberation of their minds (from the subtle conception of nirvana) and then the rice will be digested. Those who have not developed the Mahayana mind will develop it and then the rice will be digested. Those who have developed it and take this rice will achieve the patient endurance of the uncreate, and the rice will then be digestible. Those who have achieved the patient endurance of the uncreate and take this rice will reincarnate once more for final development into Buddhahood and the rice will be digested. Like an effective medicine which cures an ailment before wasting away, this rice will be digestible after it has killed all troubles and afflictions (klesa).”
- A Nan bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Thật chưa từng có! Như món cơm thơm ấy có thể làm Phật sự.”—Ananda said to the Buddha: “World Honoured One, it is indeed a rare thing that this fragrant rice performs the Buddha work of salvation.”
- Phật nói: “Đúng thế! A Nan!”—The Buddha said: “It is so, Ananda, it is so.”
- a) Hoặc có cõi Phật lấy ánh sáng của Phật mà làm Phật sự—There are Buddha lands where the Buddha light performs the work of salvation;
- b) Có cõi lấy Bồ Tát mà làm Phật sự—Where the Bodhisattvas perform it;
- c) Có cõi lấy người của Phật hóa ra mà làm Phật sự—Where illusory men created by the Buddha do it;
- d) Có cõi lấy cây Bồ Đề mà làm Phật sự—Where the Bodhi-trees do it;
- e) Có cõi lấy y phục ngọa cụ của Phật mà làm Phật sự—Where the Buddha’s robe and bedding do it;
- f) Có cõi lấy cơm mà làm Phật sự—Where the rice taken by the Buddha does it;
- g) Có cõi lấy vườn cây đền miếu mà làm Phật sự—Where parks and temples do it;
- h) Có cõi lấy 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp mà làm Phật sự—Where (the Buddha’s) thirty-two physical marks and their eighty notable characteristics do it;
- i) Có cõi lấy thân Phật mà làm Phật sự—Where the Buddha’s body (rupa-kaya) does it;
- j) Có cõi lấy hư không mà làm Phật sự—Where empty space does it;
- k) Chúng sanh theo duyên đó mà vào luật nghi. Có cõi lấy mộng, huyễn, bóng, vang, tượng trong gương, trăng dưới nước, ánh nắng dợn, các thí dụ như thế mà làm Phật sự. Có cõi lại lấy tiếng tăm, lời nói, văn tự mà làm Phật sự—Living beings practice discipline with success because of these causes. Also used for the same

- purpose are dream, illusion, shadow echo, the image in a mirror, the moon reflected in water, the flame of a fire, sound, voice, word, speech and writing,
- 1) Hoặc có cõi lấy Phật thanh tịnh vắng lặng, không nói một lời nào, không chỉ không biết, không tạo không tác mà làm Phật sự. Như thế A Nan! Những oai nghi tấn chỉ, các việc thi vi của chư Phật đều là Phật sự cả—The pure and clean Buddha land, silence with neither word nor speech, neither pointing, discerning, action nor activity. Thus, Ananda, whatever the Buddhas do by either revealing or concealing their awe-inspiring majesty, is the work of salvation.
- A Nan! Có bốn ma và tám muôn bốn ngàn phiền não mà chúng sanh phải bị nhọc nhằn mỗi một. Chư Phật lại dùng các pháp ấy mà làm Phật sự, đó gọi là vào pháp môn của hết thấy chư Phật—Ananda, because of the four basic delusions (in reference to the ego) divided into 84,000 defilements which cause living beings to endure troubles and tribulations, the Buddhas avail themselves of these trials to perform their works of salvation. This is called entering the Buddha's Dharma door to enlightenment (Dharmaparyaya).
- Khi Bồ Tát vào môn này hoặc thấy tất cả cõi Phật nghiêm tịnh không lấy làm vui mừng, không ham muốn, không kiêu hãnh; hoặc thấy tất cả cõi Phật bất tịnh cũng không lo, không ngại, không bỏ qua, chỉ phải ở nơi chư Phật sanh tâm thanh tịnh, vui mừng cung kính khen ngợi chưa từng có. Chư Phật Như Lai công đức bình đẳng, vì giáo hóa chúng sanh mà hiện ra các cõi Phật không đồng—“When entering this Dharma door, if a Bodhisattva sees all the clean Buddha lands, he should not give rise to joy, desire and pride, and if he sees all the unclean Buddha lands he should not give rise to sadness, hindrance and disappointment; he should develop a pure and clean mind to revere all Tathagatas who rarely appear and whose merits are equal in spite of their appearance in different lands (clean and unclean) to teach and convert living beings.
- A Nan! Ông thấy cõi nước của chư Phật, đất có bao nhiêu mà hư không không bao nhiêu? Như thế, thấy sắc thân chư Phật, thân có bao nhiêu mà trí huệ không ngại thì không có bao nhiêu?—“Ananda, you can see different Buddha lands (i.e. clean and unclean) but you see no difference in space which is the same everywhere. Likewise, the physical bodies of Buddhas differ from one another but their omniscience is the same.
  - A Nan! Sắc thân chư Phật, oai tướng, chủng tánh, giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, lực, vô sở úy, các pháp bất cộng, đại từ đại bi, giữ oai nghi, thọ mạng, nói pháp giáo hóa thành tựu chúng sanh, nghiêm tịnh cõi Phật, đủ các pháp Phật, thấy đều đồng đẳng, cho nên gọi là Tam Miếu Tam Phật Đà, gọi là Đa Đà A Di Độ, gọi là Phật Đà—“Ananda, the (underlying) nature of the physical bodies of the Buddhas, their discipline, serenity, liberation and full knowledge of liberation, their (ten) powers, their (four) fearlessnesses, their eighteen unsurpassed characteristics, their boundless kindness and compassion, their dignified deeds, their infinite lives, their preaching of the Dharma to teach and convert living beings and to purify Buddha lands are all the same. Hence, their titles of Samyaksambuddha, Tathagata and Buddha.
  - A Nan! Nếu ta nói đủ nghĩa ba câu này, đầu suốt kiếp của ông cũng không lãnh thọ hết được. Giả sử chúng sanh đầy đầy

- trong cõi tam thiên đại thiên thế giới như A Nan đa văn thứ nhất, được niệm tổng trì, những người đó suốt cả đời cũng không lãnh thọ được. Như thế A Nan! Chư Phật Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác không có hạn lượng, trí huệ biện tài không thể nghĩ bàn—“Ananda, if I am to give you the full meaning of these three titles, you will pass the whole aeon without being able to hear it completely. Even if the great chilosom is full of living beings who are all good listeners and like you can hold in memory everything they hear about the Dharma, they will also pass the whole aeon without being able to hear my full explanation (of these three titles). For, Ananda, the Buddha’s supreme enlightenment is boundless and his wisdom and power of speech are inconceivable.”
- A Nan bạch Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Từ nay về sau con không dám tự cho mình là đa văn nữa.”—Ananda said: “From now on I dare no more claim to have heard much of the Dharma.”
  - Phật bảo A Nan: “Chớ nên khởi tâm thối lui. Vì sao? Ta nói ông đa văn hơn hết trong hàng Thanh Văn chớ không phải nói với hàng Bồ Tát. Hãy thôi A Nan! Người có trí không nên so sánh với các hàng Bồ Tát. Biển sâu còn có thể dò được, chớ thiên định, trí tuệ, tổng trì, biện tài, tất cả công đức của Bồ Tát không thể đo lường được. A Nan! Các ông hãy để riêng việc Bồ Tát ra, Duy Ma Cật đây hiện bày sức thần thông trong một lúc mà tất cả hàng Thanh Văn, Bích Chi Phật trải qua trăm ngàn kiếp tận lực biến hóa đều không làm được.”—The Buddha said: “Ananda, do not give way to backsliding. Why? Because I have said that you have heard much more about the Dharma than the sravakas but not than the Bodhisattvas. Ananda, a wise man should not make a limited estimate of the Bodhisattva stage (because) the depths of the oceans can be measured but the Bodhisattva’s serenity, wisdom, imperturbability, power of speech and all his merits cannot be measured. Ananda, let us put aside the Bodhisattva conduct. The transcendental powers which Vimalakirti has demonstrated today cannot be achieved by all sravakas and pratyeka-buddhas using their spiritual powers for hundreds and thousands of aeons.”
  - Bấy giờ các Bồ Tát ở nước Chúng Hương đến đó, chấp tay bạch Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Chúng con khi mới thấy cõi này, tâm tưởng cho là hạ liệt, nay chúng con tự hối trách bỏ tâm ấy. Vì sao? Phương tiện chư Phật không thể nghĩ bàn, vì độ thoát chúng sanh nên theo chỗ nhu cầu mà hiện ra cõi Phật như thế ấy. Bạch Thế Tôn! Xin Thế Tôn ban chút ít pháp cho chúng con để trở về cõi kia được nhớ nghĩ đến Như Lai.”—At that time, the visiting Bodhisattvas put their palms together and said to the Buddha: “World Honoured One, when we first saw this world we thought of its inferiority but we now repent of our wrong opinion. Why? Because the expedients (upaya) employed by all Buddhas are inconceivable; their aim being to deliver living beings they appear in different Buddha lands suitable for the purpose. World Honoured One, will you please bestow upon us some little Dharma so that when we return to our own land we can always remember you.”
  - Phật bảo các Bồ Tát rằng: “Có pháp môn ‘Tận, Vô Tận Giải Thoát’ các ông nên học. Sao gọi là Tận? Nghĩa là pháp hữu vi. Sao gọi là Vô Tận? Nghĩa là pháp vô vi. Như Bồ Tát thời không tận hữu vi,

cũng không trụ vô vi.”—The Buddha said to them: “There are the exhaustible and the inexhaustible Dharmas which you should study. What is the exhaustible? It is the active (yu wei or mundane) Dharma. What is the inexhaustible? It is the non-active (wu wei or supramundane) Dharma. As Bodhisattvas, you should not exhaust (or put an end to) the mundane (state); nor should you stay in the supramundane (state).

- Sao gọi là Không Tận Hữu Vi? Nghĩa là không lia đại từ, không bỏ đại bi, sâu phát tâm cầu nhưt thiết trí mà không khinh bỏ, giáo hóa chúng sanh quyết không nhằm chán; đối pháp tứ nhiếp thường nghĩ làm theo, giữ gìn chánh pháp không tiếc thân mạng, làm các việc lành không hề nhằm mỏi, chí thường để nơi phương tiện hồi hướng, cầu pháp không biếng trễ, nói pháp không lẫn tiếc, siêng cúng dường chư Phật, cố vào trong sanh tử mà không sợ sệt, đối việc vinh nhục lòng không lo không mừng, không khinh người chưa học, kính người học như Phật, người bị phiền não làm cho phát niệm chánh, cái vui xa lia không cho là quý, không đắm việc vui của mình mà mừng việc vui của người, ở trong thiền định tưởng như địa ngục, ở trong sanh tử tưởng như vườn nhà, thấy người đến cầu pháp tưởng như thầy lành, bỏ tất cả vật sở hữu tưởng đủ nhưt thiết trí, thấy người phá giới tâm nghĩ cứu giúp, các pháp Ba La Mật tưởng là cha mẹ, các pháp đạo phẩm tưởng là quyến thuộc, làm việc lành không có hạn lượng, đem các việc nghiêm sức ở các cõi Tịnh Độ trau dồi cõi Phật của mình, thực hành bố thí vô hạn, đầy đủ tướng tốt, trừ tất cả điều xấu, trong sạch thân khẩu ý, nhiều số kiếp sanh tử mà lòng vẫn mạnh mẽ, nghe các Đức Phật quyết chí không mỏi, dùng gươm trí tuệ phá giặc phiền não, ra khỏi

ấm giới nhập, gánh vác chúng sanh để được hoàn toàn giải thoát, dùng sức đại tinh tấn phá dẹp ma quân, thường cầu vô niệm, thực tướng trí huệ, thực hành ít muốn biết đủ mà chẳng bỏ việc đời, không sái oai nghi mà thuận theo thế tục, khởi tuệ thần thông dẫn dắt chúng sanh, đặng niệm tổng trì đã nghe thời không quên, khéo biết căn cơ dứt lòng nghi của chúng sanh, dùng nhạo thuyết biện tài diễn nói pháp vô ngại, thanh tịnh mười nghiệp lành hưởng thọ phước trời người, tu bốn món vô lượng mở đường Phạm Thiên, khuyến thỉnh nói pháp, tùy hỷ ngợi khen điều lành, đặng tiếng tốt của Phật, thân khẩu ý trọn lành, đặng oai nghi của Phật, công phu tu tập pháp lành sâu dày càng tiến nhiều lên, đem pháp Đại Thừa giáo hóa thành tựu Bồ Tát Tăng, lòng không buông lung, không mất các điều lành. Làm các pháp như thế gọi là Bồ Tát không tận hữu vi—“What is meant by not exhausting the mundane (state)? It means not discarding great benevolence; not abandoning great compassion; developing a profound mind set on the quest of all-knowledge (sarvajna or Buddha knowledge) without relaxing for even an instant; relentless teaching and converting living beings; constant practice of the four Bodhisattva winning methods; upholding the right Dharma even at the risk of one’s body and life; unwearied planting of all excellent roots; unceasing application of expedient devices (upaya) and dedication (parinama); never-ending quest of the Dharma; unsparing preaching of it; diligent worship of all Buddhas; hence fearlessness when entering the stream of birth and death; absence of joy in honour and of sadness in disgrace; refraining from slighting non-practisers of the Dharma; respecting practisers of Dharma as if they were Buddhas; helping those

suffering from klesa to develop the right thought; keeping away from (desire and) pleasure with no idea of prizing such a high conduct; no preference for one's happiness but joy at that of others; regarding one's experience in the state of samadhi as similar to that in a hell; considering one's stay in samsara (i.e. state of birth and death) as similar to a stroll in a park; giving rise to the thought of being a good teacher of Dharma when meeting those seeking it; giving away all possessions to realize all-knowledge (sarvajna); giving rise to the thought of salvation when seeing those breaking the precepts; thinking of the (six) perfections (paramitas) as dear as one's parents; thinking of the (thirty-seven) conditions contributory to enlightenment as if they were one's helpful relatives; planting all excellent roots without any restrictions; gathering the glorious adornments of all pure lands to set up one's own Buddha land; unrestricted bestowal of Dharma to win all the excellent physical marks (of the Buddha); wiping out all evils to purify one's body, mouth and mind; developing undiminished bravery while transmigrating through samsara in countless aeons; untiring determination to listen to (an account of) the Buddha's countless merits; using the sword of wisdom to destroy the bandit of klesa (temptation) to take living beings out of (the realm of the five) aggregates (skandhas) and (twelve) entrances (ayatana) so as to liberate them for ever; using firm devotion to destroy the army of demons; unceasing search for the thought-free wisdom of reality; content with few desires while not running away from the world in order to continue the Bodhisattva work of salvation; not infringing the rules of respect-inspiring deportment while

entering the world )to deliver living beings); use of the transcendental power derived from wisdom to guide and lead all living beings; controlling (dharani) the thinking process in order never to forget the Dharma; being aware of the roots of all living beings in order to cut off their doubts and suspicions (about their underlying nature); use of the power of speech to preach the Dharma without impediment; perfecting the ten good (deeds) to win the blessings of men and devas (in order to be reborn among them to spread the Dharma); practicing the four infinite minds (kindness, pity, joy and indifference) to teach the Brahma heavens; rejoicing at being invited to expound and extol the Dharma in order to win the Buddha's (skillful) method of preaching; realizing excellence of body, mouth and mind to win the Buddha's respect-inspiring deportment; profound practice of good Dharma to make one's deeds unsurpassed; practicing Mahayana to become a Bodhisattva monk; and developing a never-receding mind in order not to miss all excellent merits.

“This is the Bodhisattva not exhausting the mundane state.

- Sao gọi là không trụ vô vi? Nghĩa là tu học môn Không; không lấy không làm chỗ chứng; tu học môn vô tướng, vô tác, không lấy vô tướng, vô tác làm chỗ chứng; tu học pháp Vô Sanh không lấy Vô Sanh làm chỗ chứng; quán Vô Thường mà không nhàm việc lành; quán Thế Gian Khổ mà không ghét sanh tử; quán Vô Ngã mà dạy dỗ người không nhàm mỗi; quán Tịch Diệt mà không tịch diệt hẳn; quán xa lìa mà thân tâm tu các pháp lành; quán Không Chỗ Về mà về theo pháp lành; quán Vô Sanh mà dùng pháp sanh để gánh vác tất cả; quán Vô Lậu mà không đoạn các lậu; quán không chỗ làm



mà dùng việc làm để giáo hóa chúng sanh; quán Không Vô mà không bỏ đại bi; quán Chánh Pháp Vị (chỗ đứng) mà không theo Tiểu thừa; quán các pháp hư vọng, không bền chắc, không nhân, không chủ, không tướng, bốn nguyện chưa mãn mà không bỏ phước đức thiên định trí tuệ. Tu các pháp như thế gọi là Bồ Tát không trụ vô vi—“What is the Bodhisattva not staying in the supramundane state (nirvana)? It means studying and practicing the immaterial but without abiding in voidness; studying and practicing formlessness and inaction but without abiding in them; studying and practicing that which is beyond causes but without discarding the roots of good causation; looking into suffering in the world without hating birth and death (i.e. samsara); looking into the absence of the ego while continuing to teach all living beings indefatigably (relentlessly); looking into nirvana with no intention of dwelling in it permanently; looking into the relinquishment (of nirvana) while one’s body and mind are set on the practice of all good deeds; looking into the (non-existing) destinations of all things while the mind is set on practicing excellent actions (as true destinations); looking into the unborn (i.e. the uncreate) while abiding in (the illusion of) life to shoulder responsibility (to save others); looking into passionlessness without cutting off the passion-stream (in order to stay in the world to liberate others); looking into the state of non-action while carrying out the Dharma to teach and convert living beings; looking into nothingness without forgetting about great compassion; looking into the right position (of nirvana) without following the Hinayana habit (of staying in it); looking into the non-reality of all phenomena

which are neither firm nor have an independent nature, and are egoless and formless, but since one’s own fundamental vows are not entirely fulfilled, one should not regard merits, serenity and wisdom as unreal and so cease practicing them.

“This is the Bodhisattva not staying in the non-active (wu wei) state.

- Lại vì đủ các phước đức mà không trụ vô vi; vì đủ cả trí tuệ mà không tận hữu vi; vĩ đại từ bi mà không trụ vô vi; vì mãn bốn nguyện mà không tận hữu vi; vì nhóm thuốc pháp mà không tận hữu vi; vì tùy bệnh cho thuốc mà không tận hữu vi; vì biết bệnh chúng sanh mà không trụ vô vi; vì dứt trừ bệnh chúng sanh mà không tận hữu vi. Các Bồ Tát chánh sĩ tu tập pháp này thời không tận hữu vi, không trụ vô vi, đó gọi là pháp môn Tận, Vô Tận Giải Thoát mà các ông cần phải học—“Further, to win merits, a Bodhisattva does not stay in the supramundane, and to realize wisdom he does not exhaust the mundane. Because of his great kindness and compassion, he does not remain in the supramundane, and in order to fulfill all his vows, he does not exhaust the mundane. To gather the Dharma medicines he does not stay in the supramundane, and to administer remedies he does not exhaust the mundane. Since he knows the illnesses of all living beings he does not stay in the supramundane, and since he wants to cure their illnesses, he does not exhaust the mundane.

“Virtuous Ones, a Bodhisattva practicing this Dharma neither exhausts the mundane nor stays in the supramundane. This is called the exhaustible and inexhaustible Dharma doors to liberation which you should study.”

- Sau khi nghe Phật thuyết pháp, các Bồ Tát nước Chúng Hương hết sức vui mừng, đem các thứ hoa đủ màu sắc thơm tho rải khắp cõi tam thiên cúng dường Phật và kinh pháp này cùng các Bồ Tát, rồi cúi đầu lễ dưới chân Phật ngồi khen chưa từng có, nói rằng: “Phật Thích Ca Mâu Ni mới có năng lực ở cõi này mà được phương tiện.” Nói rồi bỗng nhiên biến trở về nước Chúng Hương—After hearing the Buddha expounding the Dharma, the visiting Bodhisattvas were filled with joy and rained (heavenly) flowers of various colours and fragrances in the great chiliocosm as offerings to the Buddha and His sermon. After this, they bowed their heads at the Buddha’s feet and praised His teaching which they had not heard before, saying: “How wonderful is Sakyamuni Buddha’s skillful use of expedient methods (upaya).”

After saying this, they disappeared to return to their own land.

## CHƯƠNG MƯỜI HAI—CHAPTER TWELVE—PHẨM THẤY PHẬT A SÚC—SEEING AKSOBHYA BUDDHA

- Bấy giờ Đức Thế Tôn hỏi Duy Ma Cật rằng: “Ông nói ông muốn đến đây để thấy Như Lai thì lấy chi quán sát?”—The Buddha then asked Vimalakirti: “You spoke of coming here to see the Tathagata, but how do you see Him impartially?”
- Duy Ma Cật thưa: “Như con quán thực tướng của thân, thân Phật cũng thế. Con quán Như Lai đời trước không đến, đời sau không đi, hiện tại không ở; không quán sắc, không quán sắc như, không quán sắc tánh; không quán thọ, tưởng,

hành, thức, không quán thức như, không quán thức tánh; không phải tứ đại sinh, cũng không như hư không; sáu nhập không tích tập, mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, tâm đã vượt qua; không ở ba cõi, đã lia ba cấu; thuận ba môn giải thoát; có đủ ba minh, cùng ngang vô minh, không một tướng, không khác tướng, không có tự tướng, không có tha tướng, không phải không tướng, không phải chấp tướng; không bờ bên này, không bờ bên kia, không giữa dòng mà hóa độ chúng sanh; quán tịch diệt cũng không diệt hẳn; không đây, không kia, không nương nơi đây, không nương nơi kia; không thể dùng trí mà hiểu được, không thể dùng thức mà biết được; không tối không sáng; không danh không tướng; không mạnh không yếu; không phải sạch không phải nhơ; không ở phương sở, không lia phương sở; không phải hữu vi, không phải vô vi; không bày không nói; không bố thí, không bỏn xẻn; không giữ giới, không phạm giới; không nhẫn không giận; không tinh tấn không giải đãi; không định không loạn; không trí không ngu; không thực không dối; không đến không đi; không ra không vào; bật đường nói năng; không phải phước điền, không phải không phước điền; không phải xứng cúng dường, không phải không xứng cúng dường; không phải thủ, không phải xả; không phải có tướng, không phải không tướng; đồng với chân tế bình đẳng như pháp tánh; không thể cân, không thể lường, qua các sự cân lường, không lớn không nhỏ; không phải thấy, không phải nghe, không phải giác, không phải tri; lia các kiết phước, bình đẳng các trí, đồng với chúng sanh; đối các pháp không phân biệt; tất cả không tổn thất, không trước không nã, không tác không khởi, không sanh không diệt, không sợ không lo, không mừng không chán, không đã có, không sẽ

có, không hiện có, không thể lấy tất cả lời nói phân biệt chỉ bày được. Bạch Thế Tôn! Thân Như Lai như thế, con quán cũng thế, nếu người nào quán theo đây gọi là chánh quán, quán khác gọi là tà quán.”—Vimalakirti replied: “Seeing reality in one’s body is how to see the Buddha. I see the Tathagata did not come in the past, will not go in the future, and does not stay in the present. The Tathagata is seen neither in form (rupa, the first aggregate) nor in the extinction of form nor in the underlying nature of form. Neither is He seen in responsiveness (vedana), conception (sanjna), discrimination (samskara) and consciousness (vijñana) (i.e. the four other aggregates), their extinction and their underlying natures. The Tathagata is not created by the four elements (earth, water, fire and air), for He is (immaterial) like space. He does not come from the union of the six entrances (i.e. the six sense organs) for He is beyond eye, ear, nose, tongue, body and intellect. He is beyond the three worlds (of desire, form and formlessness) for He is free from the three defilements (desire, hate and stupidity). He is in line with the three gates to nirvana and has achieved the three states of enlightenment (or three insights) which do not differ from (the underlying nature of) unenlightenment. He is neither unity nor diversity, neither selfness nor otherness, neither form nor formlessness, neither on this shore (of enlightenment) nor in mid-stream when converting living beings. He looks into the nirvanic condition (of stillness and extinction of worldly existence) but does not dwell in its permanent extinction. He is neither this nor that and cannot be revealed by these two extremes. He cannot be known by intellect or perceived

by consciousness. He is neither bright nor obscure. He is nameless and formless, being neither strong nor weak, neither clean nor unclean, neither in a given place nor outside of it, and neither mundane nor supramundane. He can neither be pointed out nor spoken of. He is neither charitable nor selfish; he neither keeps nor breaks the precepts; is beyond patience and anger, diligence and remissness, stillness and disturbance. He is neither intelligent nor stupid, and neither honest nor deceitful. He neither comes nor goes and neither enters nor leaves. He is beyond the paths of word and speech. He is neither the field of blessedness nor its opposite, neither worthy nor unworthy of worship and offerings. He can be neither seized nor released and is beyond ‘is’ and ‘is not’. He is equal to reality and to the nature of Dharma (Dharmata) and cannot be designated and estimated, for he is beyond figuring and measuring. He is neither large nor small, is neither visible nor audible, can neither be felt nor known, is free from all ties and bondage, is equal to the All-knowledge and to the (underlying) nature of all living beings, and cannot be differentiated from all things. He is beyond gain and loss, free from defilement and troubles (klesa), beyond creating and giving rise (to anything), beyond birth and death, beyond fear and worry, beyond like and dislike, and beyond existence in the past, future and present. He cannot be revealed by word, speech, discerning and pointing.

“World Honoured One, the body of the Tathagata being such, seeing Him as above-mentioned is correct whereas seeing Him otherwise is wrong.”

- Lúc ấy, Xá Lợi Phất hỏi ông Duy Ma Cật rằng: “Ông ở đâu chết rồi sinh nơi

- đây?”—Thereupon, Sariputra asked Vimalakirti: “Where did you die to be reborn here?”
- Duy Ma Cật hỏi lại: “Pháp của ngài chứng đặng có chết rồi sinh không?”—Vimalakirti asked back: “Is the (sravaka) Dharma which you have realized subject to death and rebirth?”
  - Xá Lợi Phất đáp: “Không chết không sinh.”—Sariputra replied: “It is beyond death and birth.”
  - Duy Ma Cật hỏi: “Nếu các pháp không có tướng chết rồi sinh, tại sao ngài lại hỏi ‘Ông ở đâu chết rồi lại sinh nơi đây.’ Ý ngài nghĩ sao? Ví như hình nam nữ của nhà huyền thuật hóa ra có chết rồi sinh không?”—Vimalakirti asked: “If there is neither birth nor death, why did you ask me: ‘Where did you die to be reborn here?’ What do you think of illusory men and women created by an illusionist; are they subject to death and birth?”
  - Xá Lợi Phất nói: “Không có chết rồi sinh. Ngài không nghe Phật nói các pháp tướng như huyền đó sao?”—Sariputra replied: “They are not subject to death and birth. Have you not heard the Buddha say that all things are illusions?”
  - Duy Ma Cật đáp: “Có nghe thế. Nếu các pháp tướng như huyền thời tại sao ngài lại hỏi rằng ‘Ông ở đâu chết rồi sinh lại nơi đây?’ Ngài Xá Lợi Phất! Chết là cái tướng bại hoại của pháp hư dối, sinh là tướng tương tục của pháp hư dối, Bồ Tát dù chết không dứt mất gốc lành, dầu sống không thêm các điều ác.”—Vimalakirti said: “Yes, if all things are illusions, why did you ask me where I died to be reborn here? Sariputra, death is unreal and deceptive, and means decay and destruction (to the worldly man), while life which is also unreal and deceptive means continuance to him. As to the Bodhisattva, although he disappears (in one place) he does not put an end to his good (deeds), and although he reappears (in another) he prevents evils from arising.”
  - Bấy giờ Phật bảo Xá Lợi Phất: “Có cõi nước tên là Diệu Hỷ, Phật hiệu là Vô Động, ông Duy Ma Cật này ở nước đó chết rồi sanh nơi đây.”—At that time, the Buddha said to Sariputra: “There is a (Buddha) land called the realm of Profound Joy whose Buddha is Aksobhya Buddha where Vimalakirti disappeared to come here.”
  - Xá Lợi Phất thưa: “Chưa từng có vậy, bạch Thế Tôn! Người này chịu bỏ cõi thanh tịnh mà thích đến chỗ nhiều oán hại!”—Sariputra said: “It is a rare thing, World Honoured One, that this man could leave a pure land to come to this world full of hatred and harmfulness!”
  - Duy Ma Cật hỏi Xá Lợi Phất: “Ý ngài nghĩ sao? Lúc ánh sáng mặt trời chiếu lên có hiệp với tối không?”—Vimalakirti asked Sariputra: Sariputra, what do you think of sunlight; when it appears does it unite with darkness?”
  - Xá Lợi Phất đáp: “Không, ánh sáng mặt trời khi mọc lên thì không còn tối nữa.”—Sariputra replied: “Where there is sunlight, there is no darkness.”
  - Duy Ma Cật hỏi: “Mặt trời sao lại đi qua cõi Diêm Phù Đề?”—Vimalakirti asked: “Why does the sun shine on Jambudvīpa (this earth)?”
  - Xá Lợi Phất đáp: “Vì muốn đem ánh sáng soi chiếu sự tối tăm cho cõi Diêm Phù Đề.”—Sariputra replied: “It shines to destroy darkness.”
  - Duy Ma Cật nói: “Bồ Tát cũng thế, dù sanh cõi Phật bất tịnh cốt để hóa độ chúng sanh, chớ không có chung hiệp với kẻ ngu tối, cốt dứt trừ phiền não đen tối của chúng sanh mà thôi.”—Vimalakirti said: “Likewise, a Bodhisattva, although

- born in an unclean Buddha land, does not join and unite with the darkness of ignorance but (teaches and) converts living beings to destroy the obscurity of klesa.”
- Bấy giờ cả đại chúng khao khát ngưỡng mong muốn thấy cõi nước Diệu Hỷ, Đức Vô Động Như Lai và các hàng Bồ Tát, Thanh Văn kia—As the assembly admired and wished to see the Immutable Tathagata, the Bodhisattvas and sravakas of the pure land of Profound Joy.
  - Phật biết tâm niệm của chúng hội liền bảo Duy Ma Cật rằng: “Xin hiện cõi nước Diệu Hỷ, Đức Vô Động Tôn Như Lai và các hàng Bồ Tát, Thanh Văn cho chúng hội xem, đại chúng ai cũng đang ngưỡng mộ.”—The Buddha who read their thoughts said to Vimalakirti: “Virtuous man, please show the Immutable Tathagata and the Bodhisattvas and sravakas of the land of Profound Joy to this assembly who want to see them.”
  - Lúc ấy Duy Ma Cật nghĩ rằng ‘Ta sẽ không rời chỗ ngồi mà tiếp lấy cõi nước Diệu Hỷ, núi, sông, khe, hang, ao hồ, biển lớn, nguồn suối, các núi Thiết Vi, Tu Di, và nhứt nguyệt, tinh tú, các cung điện của Thiên, Long, quỷ thần, Phạm Thiên cùng các hàng Bồ Tát, Thanh Văn, thành ấp, tụ lạc, trai gái lớn nhỏ, cho đến Vô Động Như Lai và cây Bồ Đề, hoa sen quý có thể làm Phật sự trong mười phương, ba đường thêm báu từ cõi Diêm Phù Đề đến cõi trời Đạo Lợi, do thêm báu này chư Thiên đi xuống để làm lễ cúng kính đức Vô Động Như Lai và nghe thọ kinh pháp; người ở cõi Diêm Phù Đề cũng lên thêm báu đó mà đi lên cõi trời Đạo Lợi để ra mắt chư Thiên kia. Cõi nước Diệu Hỷ thành tựu công đức vô lượng như thế, trên đến trời Sắc Cứu Cánh, dưới đến thủy tề, dùng tay phải chấn lấy rất nhanh như cái bàn tròn của người thợ gốm, rồi đem về

cõi Ta Bà này cũng như đặng cái tràng hoa, để đưa cho đại chúng xem. Ông suy nghĩ như thế rồi liền nhập tam muội (chánh định) hiện sức thần thông lấy tay phải chấn lấy cõi nước Diệu Hỷ để vào cõi Ta Bà này. Các Bồ Tát và chúng Thanh Văn cùng các Thiên, như có thần thông đều cất tiếng thưa rằng: “Dạ! Bạch Thế Tôn! Ai đem chúng con đi, xin Thế Tôn cứu hộ cho.”—Vimalakirti thought that he should, while remaining seated, take with his hand the world of Profound Joy with its iron enclosing mountains, hills, rivers, streams, ravines, springs, seas, Sumerus, sun, moon, stars, planets, palaces of heavenly dragons, ghosts, spirits and devas, Bodhisattvas, sravakas, towns, hamlets, men and women of all ages, the Immutable Tathagata, his bo-tree (bodhi-tree) and beautiful lotus blossoms, which were used to perform the Buddha work of salvation in the ten directions, as well as the tree flights of gemmed steps linking Jambudvipa (our earth) with Trayastrimsas by which the devas descended to earth to pay reverence to the Immutable Tathagata and to listen to his Dharma, and by which men ascended to Trayastrimsas to see the devas. All this was the product of countless merits of the realm of Profound Joy, from the Akanistha heaven above to the seas below and was lifted by Vimalakirti with his right hand with the same ease with which a potter raises his wheel, taking everything to earth to show it to the assembly as if showing his own head-dress.

Vimalakirti then entered the state of samadhi and used his supramundane power to take with his right hand the world of Profound Joy which he placed on earth. The Bodhisattvas, sravakas and some devas who had realized

- supramundane said to their Buddha: “World Honoured One, who is taking us away? Will you please protect us?”
- Phật Bất Động nói: “Không phải ta làm, đó là thần lực của ông Duy Ma Cật làm như thế. Ngoài ra, những người chưa có thần thông không hay biết mình đi đâu. Cõi nước Diệu Hỷ dù vào cõi Ta Bà này mà không thêm không bớt, còn cõi Ta Bà này cũng không chật không hẹp, vẫn y nguyên như trước.”—The Immutable Buddha said: “This is not done by me but by Vimalakirti who is using his supramundane power.” But those who had not won supramundane powers neither knew nor felt that they had changed place. The world of Profound Joy neither expanded nor shrank after landing on the earth which was neither compressed nor straitened, remaining unchanged as before.
  - Bấy giờ Phật Thích Ca Mâu Ni bảo đại chúng rằng: “Các ông hãy xem cõi nước Diệu Hỷ, Phật Vô Động Như Lai, nước đó trang nghiêm tốt đẹp, chúng Bồ Tát thanh tịnh, hàng đệ tử toàn trong sạch.”—At that time, Sakyamuni Buddha said to the assembly: “Look at the Immutable Tathagata of the land of Profound Joy which is majestic, where the Bodhisattvas live purely and the (Buddha’s) disciples are spotless.”
  - Đại chúng thưa rằng: “Dạ! Đã thấy.”—The assembly replied: “Yes, we have seen.”
  - Phật bảo: “Các Bồ Tát nếu muốn được cõi Phật thanh tịnh như thế, cần phải học cái đạo của Đức Vô Động Như Lai đã làm.”—The Buddha said: “If a Bodhisattva wishes to live in such a pure and clean Buddha land, he should practise the path trodden by the Immutable Tathagata.”
  - Khi hiện ra cõi nước Diệu Hỷ này, cõi Ta Bà có 14 na do tha người phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đều nguyện sanh sang cõi nước Diệu Hỷ, Phật Thích Ca Mâu Ni liền thọ ký cho rằng: “Sẽ sanh đặng sang nước đó.”—When the pure land of Profound Joy appeared fourteen nayutas of people in this saha world developed the mind set on supreme enlightenment, and vowed to be reborn in the realm of Profound Joy. Sakyamuni Buddha then prophesied their coming rebirth there.
  - Bấy giờ nước Diệu Hỷ ở nơi cõi Ta Bà này làm những việc lợi ích xong, liền trở về bốn xứ, cả đại chúng đều thấy rõ—After the (visiting Bodhisattvas had done their) work of salvation for the benefit of living beings in this world, the pure land of Profound Joy returned to its original place. And this was seen by the whole assembly.
  - Phật bảo Xá Lợi Phất: “Ông có thấy cõi nước Diệu Hỷ và Đức Phật Vô Động chăng?”—The Buddha then said to Sariputra: “Have you seen the world of Profound Joy and its Immutable Tathagata?”
  - Xá Lợi Phất đáp: “Dạ, bạch Thế Tôn! Con có thấy. Nguyện tất cả chúng sanh được cõi thanh tịnh như Đức Phật Vô Động và thần thông như ông Duy Ma Cật.”—Sariputra replied: “Yes, World Honoured One, I have. May all living beings win a pure land similar to that of the Immutable Buddha and achieve supramundane powers like those of Vimalakirti!”
  - Bạch Thế Tôn! Chúng con được nhiều lợi lành, được thấy người này gần gũi cúng dường. Còn những chúng sanh hoặc hiện tại đây, hoặc sau khi Phật diệt độ mà nghe kinh này cũng được lợi lành, hưởng lại nghe rồi tin hiểu, thọ trì, đọc tụng, giải nói, đúng như pháp tu hành. Nếu có người

tay cầm được kinh điển này thì đã được kho tàng Pháp Bảo. Nếu có người đọc tụng giải thích nghĩa lý kinh này, đúng như lời nói tu hành thời được chư Phật hộ niệm. Nếu có ai cúng dường người như thế, tức là cúng dường chư Phật. Nếu có người nào biên chép thọ trì kinh này, chính là trong nhà người đó có Như Lai. Nếu người nghe kinh này mà tùy hỷ thời người đó sẽ được đến bậc nhứt thiết trí. Nếu người tin hiểu kinh này cho đến một bài kệ bốn câu rồi giải nói cho người khác nghe, phải biết người đó được thọ ký quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.”—World Honoured One, we shall soon realize a great benefit resulting from our meeting and paying obeisance to this man now. And living beings, hearing this sutra now or after the Buddha’s nirvana, will also realize a great benefit; how much more so, if after hearing it, they believe, understand, receive and uphold it or read, recite, explain and preach it, and practice its Dharma accordingly? He who receives this sutra with both hands, will in reality secure the treasure of the Dharma-gem; if, in addition, he reads, recites and understands its meaning and practices it accordingly, he will be blessed and protected by all Buddhas. Those making offerings to this man (Vimalakirti), will through him automatically make offerings to all Buddhas. He who copies this sutra to put it into practice, will be visited by the Tathagata who will come to his house. He who rejoices at hearing this sutra, is destined to win all knowledge (sarvajna). And he who can believe and understand this sutra, or even (any of) its four-line gathas and teaches it to others, will receive the (Buddha’s) prophecy of his future realization of supreme enlightenment.”

### CHƯƠNG MƯỜI BA—CHAPTER THIRTEEN—PHẨM PHÁP CÚNG DƯỜNG—THE OFFERING OF DHARMA

- Bấy giờ Thích Đề Hoàn Nhon ở trong chúng bạch Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Con dù theo Phật và Ngài Văn Thù Sư Lợi nghe nói trăm ngàn thứ kinh mà chưa từng nghe kinh điển bất khả tư nghì tự tại thần thông quyết định thực tướng. Như con hiểu nghĩa lý của Phật nói, nếu chúng sanh nào nghe kinh pháp này mà tin hiểu, thọ trì, đọc tụng, thì quyết được pháp này không nghi, hưởng chi đúng như lời nói mà tu hành, thời người đó ngăn hết các nẻo ác, mở cửa lành, thường được chư Phật hộ niệm, hàng phục ngoại đạo, dẹp trừ ma oán, tu đạo Bồ Đề, an ở nơi đạo tràng, noi theo dấu vết thực hành của Như Lai.”—Thereupon, Sakra who was in the assembly, said to the Buddha: “World Honoured One, although I have listened to hundreds and thousands of sutras expounded by you and Manjusri, I did not hear of this inconceivable sutra of supramundane sovereign power and absolute reality. As I understand from your present preaching, if living beings listening to the Dharma of this sutra, believe, understand, receive, uphold, read and recite it, they will surely realize this Dharma. How much more so if someone practices it as expounded; he will shut all doors to evil destinies and will open up all doors to blessing; will win the Buddha’s perfection; will overcome heresy; destroy the demons; cultivate bodhi; set up a place of enlightenment (bodhimandala) and follow in the Tathagata’s footsteps.
- Bạch Thế Tôn! Nếu có người thọ trì đọc tụng, đúng như lời nói tu hành, con sẽ cùng quyển thuộc cúng dường hầu hạ. Ở

nơi tụ lạc, thành ấp, núi rừng, đồng nội, chỗ nào có kinh này, con sẽ cùng quyến thuộc đồng đến chỗ đó nghe thọ kinh pháp. Những người chưa tin, sẽ làm cho họ sanh lòng tin, người đã tin rồi chúng con sẽ ủng hộ—World Honoured One, if there are people who receive, uphold, read, recite and practice this sutra, I and my followers will provide them with all the necessities of life. If this sutra is kept in a town or a hamlet, in a grove or a desert, I and my followers will come to the place of the preacher to listen to its Dharma. I shall cause the unbelievers to develop faith in this sutra. As to the believers of it I shall protect them.”

- Phật nói: “Hay thay! Hay thay! Thiên Đế! Như ông nói, ta sẽ giúp cho ông được vui thêm. Kinh này rộng rãi nói đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác bất khả tư nghì của chư Phật quá khứ, hiện tại và vị lai. Vì thế Thiên Đế! Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân nào thọ trì, đọc tụng, cúng dường kinh pháp này, thời chính là cúng dường chư Phật quá khứ, hiện tại và vị lai vậy. Thiên Đế! Giả sử có các Như Lai đầy khắp cõi tam thiên đại thiên như mía, tre, lau, lúa, mè, rừng bụi, nếu có thiện nam tử thiện nữ nhân nào hoặc một kiếp hoặc không đầy một kiếp cung kính tôn trọng, ngợi khen cúng dường, dâng các món cần dùng cho đến sau khi các Đức Phật diệt độ, đem xá lợi toàn thân của mỗi vị Phật dựng tháp bảy báu, ngang rộng bằng cõi tứ thiên hạ, cao đến trời Phạm Thiên, bảo tháp trang nghiêm rực rỡ, dùng tất cả hoa, hương, anh lạc, tràng phan, kỹ nhạc tốt đẹp bạc nhứt, hoặc một kiếp, hoặc ít hơn một kiếp, mà cúng dường. Thiên Đế! Ý ông nghĩ sao, người đó làm việc phước có nhiều chăng?”—The Buddha said: “Excellent, Sakra, excellent; it is gratifying to hear what you have just said. This sutra gives a detailed

exposition of the inconceivable supreme enlightenment realized by past, future and present Buddhas.

“Therefore, Sakra, if a virtuous man or woman receives, keeps, reads, recites and reveres this sutra, such an attitude is equal to making offering to past, future and present Buddhas. Sakra, if the great chiliocosm were full of countless Tathagatas as many as the sugar canes, bamboos, reeds, recites grains and hemp seeds in its fields; and if a virtuous man or woman who has passed either a whole aeon or decreasing kalpa to revere, honour, praise, serve and make offerings to these Buddhas, and then after their nirvana (death) should build with relics from their bodies a seven-gemmed stupa as large as the four deva-heavens (put together) and of a height reaching the Brahma heaven with a majestic spire, to which he or she will make offerings of flowers, incense, strings of precious stones, banners and melodious music, during either a whole kalpa or in a decreasing one, Sakra, what do you think of his or her merits? Are they many?”

- Đế Thích thưa: “Bạch Thế Tôn! Rất nhiều, phước đức của người đó dẫu cho trăm ngàn ức kiếp nói mãi cũng không hết được.”—Sakra replied: “Very many, World Honoured One, and it is impossible to count his or her merits for hundreds and thousands of aeons.”
- Phật bảo: “Thiên Đế! Phải biết người thiện nam tử thiện nữ nhân đó nghe kinh điển “Bất Khả Tư Nghì Giải Thoát” này tin hiểu thọ trì tụng đọc tu hành thì phước đức hơn người làm việc cúng dường kia. Vì sao? Quả Bồ Đề của chư Phật đều từ kinh này sanh ra, tướng Bồ Đề không có hạn lượng, do nhân duyên đó nên phước đức cũng không có hạn lượng.”—The Buddha said: “Sakra, you should know



- that if another virtuous man or woman, after hearing this sutra of inconceivable liberation, believes, understands, receives, keeps, reads, recites and practices this sutra, his or her merits will surpass those of the former man or woman. Why? Because the bodhi (enlightenment) of all Buddhas originates from this Dharma, and since enlightenment is beyond all measuring, the merits of this sutra cannot be estimated.”
- Phật bảo tiếp: “Thiên Đế! Về quá khứ vô lượng a tăng kỳ kiếp, lúc ấy ở đời có Phật hiệu là Dược Vương Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Cõi nước đại trang nghiêm, kiếp tên là Trang Nghiêm Phật sống lâu 20 tiểu kiếp, chúng Thanh Văn Tăng có 36 ức na do tha, chúng Bồ Tát Tăng có 12 ức. Thiên Đế! Lúc đó, có vị Chuyển Luân Thánh Vương tên là Bảo Cái, đầy đủ bảy báu, cai trị bốn thiên hạ. Vua có một ngàn người con tốt đẹp mạnh mẽ, hay dẹp trừ các kẻ oán địch.”—The Buddha continued: “Long before an uncountable number of aeons in the past there was a Buddha called Bhaisajya-rajā (whose titles are:) Tathagata, Arhat, Samyaksambuddha, Vidya-Carana-Sampanna, Sugata, Lokavid, Anuttara, Purusa-Damya-Sarathi, Sasta Devamanusyanam, and Buddha-lokanatha or Bhagavan. His world was called Mahavyuha and the then aeon Alamkarakakalpa. The Buddha Bhaisajya-rajā lived for twenty small kalpas. The number of sravakas reached thirty-six nayutas and that of Bodhisattvas twelve lacs. There, Sakra, was a heavenly ruler (cakravarti) called Precious Canopy who possessed all the seven treasures and was the guardian of four heavens. He had a thousand sons who were respectable and brave and had overcome all opposition.
    - Lúc đó, vua Bảo Cái cùng quyến thuộc cúng dường Dược Vương Như Lai, dâng cúng các đồ cần dùng đến năm kiếp. Qua năm kiếp rồi, vua bảo ngàn người con rằng: “Các người cũng phải đem thân tâm cúng dường Phật như ta vậy.”—“At the time Precious Canopy and his retinue had worshipped and made offerings to the Tathagata Bhaisajya-rajā for five aeons after which he said to his thousand sons: ‘You should respectfully make offerings to the Buddha as I have done.’
    - Khi đó ngàn người con đều vâng lệnh của vua cha cúng dường Dược Vương Như Lai, dâng cúng tất cả đồ cần dùng cũng mãn năm kiếp. Có một người con của vua tên là Nguyệt Cái, ngồi một mình suy nghĩ rằng: ‘Có việc cúng dường nào thù thắng hơn việc cúng dường này chăng?’—Obeying their father’s order they made offerings to the Tathagata Bhaisajya for five-aeons after which one of the sons called Lunar Canopy, while alone, thought: ‘Is there some other form of offering surpassing what we have made up to now?’
    - Do sức oai thần của Phật, ở giữa hư không có vị Trời nói rằng: “Thiện nam tử! Pháp cúng dường là hơn hết các việc cúng dường.”—Under the influence of the Buddha’s transcendental power a deva in the sky said: “Virtuous man, the offering of Dharma surpasses all other forms of offering.”
    - Nguyệt Cái liền hỏi: “Sao gọi là Pháp cúng dường?”—Lunar Canopy asked: ‘What is this offering of Dharma?’
    - Vị trời đáp: “Ông đến hỏi Đức Dược Vương Như Lai, Ngài sẽ nói rõ thế nào là Pháp cúng dường.”—The deva replied: ‘Go to the Tathagata Bhaisajya who will

- explain it fully.’
- Tức thì Nguyệt Cái vương tử đến chỗ Dược Vương Như Lai cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi đứng qua một bên bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Trong việc cúng dường, pháp cúng dường là hơn hết. Thế nào gọi là Pháp cúng dường?”— Thereupon, Lunar Canopy came to the Tathagata Bhaisajya, bowed his head at his feet and stood at his side, asking: ‘World Honoured One, (I have heard that) the offering of Dharma surpasses all other forms of offering; what is the offering of Dharma?’
  - Phật dạy rằng: “Thiện nam tử! Pháp cúng dường là kinh thâm diệu của chư Phật nói ra, tất cả trong đời khó tin khó nhận, nhiệm mầu khó thấy, thanh tịnh không nhiễm, không phải lấy suy nghĩ phân biệt mà biết được. Kinh này nhiếp về pháp tạng của Bồ Tát, ấn đà la ni, ấn đó cho đến bất thối chuyển, thành tựu lục độ, khéo phân biệt các nghĩa, thuận pháp Bồ Đề, trên hết các kinh, vào các đại từ bi, lia các việc ma và các tà kiến, thuận pháp nhân duyên, không ngã, không nhờn, không chúng sanh, không thọ mạng, không vô tướng, vô tác, vô khởi, làm cho chúng sanh ngồi nơi đạo tràng mà chuyển pháp luân, chư Thiên, Long thần, Càn thát bà thấy đều ngợi khen, đưa chúng sanh vào pháp tạng của Phật, nhiếp tất cả trí tuệ của Hiền Thánh, diễn nói cách tu hành của Bồ Tát, nương theo nghĩa thực tướng của các pháp, tuyên bày các pháp vô thường, khổ, không, vô ngã, tịch diệt, cứu độ chúng sanh hủy phá giới cấm, làm cho tà ma ngoại đạo và người tham lam chấp trước đều sợ sệt, chư Phật, Hiền, Thánh đều ngợi khen, xóa trắng cái khổ sanh tử và chỉ ra cái vui Niết Bàn mà chư Phật ba đời ở trong mười phương đều nói ra, nếu người nghe những kinh như thế mà tin hiểu, thọ trì, đọc tụng, dùng sức

phương tiện phân biệt giải nói, chỉ bày rành rẽ cho chúng sanh, giữ gìn chánh pháp, đó gọi là Pháp cúng dường.”—“The Tathagata replied: ‘Virtuous one, the offering of Dharma is preached by all Buddhas in profound sutras but it is hard for worldly men to believe and accept it as its meaning is subtle and not easily detected, for it is impeachable in its purity and cleanness. It is beyond the reach of thinking and discriminating; it contains the treasure of the Bodhi-sattva’s Dharma store and is sealed by the Dharani-symbol; it never backslides for it achieves the six perfections (paramitas); discerns the difference between various meanings; is in line with the bodhi Dharma; is at the top of all sutras; helps people to enter upon great kindness and great compassion; to keep from demons and perverse views, and to conform with the law of causality and the teaching on the unreality of an ego; a man, a living being and life and on voidness, formlessness, non-creating and non-uprising. It enables living beings to sit in a bodhimandala to turn the wheel of the law. It is praised and honoured by heavenly dragons, gandharvas, etc. It can help living beings to reach the Buddha’s Dharma store and gather all knowledge (sarvajna realized by) saints and sages, preach the path followed by all Bodhisattvas; rely on the reality underlying all things; proclaim the (doctrine of) impermanence, suffering; voidness and absence of ego and nirvana. It can save all living beings who have broken the precepts and keep in awe all demons, heretics and greedy people. It is praised by the Buddhas, saints and sages for it wipes out suffering from birth and death; proclaims the joy in nirvana as preached by past; future and present Buddhas in the ten directions.

“If a listener after hearing about this sutra, believes, understands, receives, upholds, reads and recites it and uses appropriate methods (upaya) to preach it clearly to others, this upholding of the Dharma is called the offering of Dharma.

- Lại theo các pháp đúng như lời nói tu hành, tùy thuận 12 nhơn duyên, lia tà kiến, được vô sanh nhĩn, quyết định không có ngã, không có chúng sanh, mà đối với quả báo nhơn duyên không trái không cãi, lia các ngã sở, y theo nghĩa không y theo lời, y theo trí không y theo thức, y theo kinh liễu nghĩa không y theo kinh không liễu nghĩa, y theo pháp không y theo người, thuận theo pháp tướng, không chỗ vào, không chỗ về, vô minh diệt hết thời hành cũng diệt hết, cho đến sanh diệt hết thời lão tử cũng diệt hết, quán như thế thì 12 nhơn duyên không có tướng diệt, không có tướng khởi, đó gọi là Pháp cúng dường hơn hết.”—“Further, the practice of all Dharmas as preached; to keep in line with the doctrine of the twelve links in the chain of existence; to wipe out all heterodox views; to achieve the patient endurance of the uncreate (anutpatti-dharma-ksanti) (as beyond creation); to settle once for all the unreality of the ego and the non-existence of living beings; and to forsake all dualities of ego and its objects without deviation from and contradiction to the law of causality and retribution for good and evil; by trusting to the meaning rather than the letter; to wisdom rather than consciousness; to sutras revealing the whole truth rather than those of partial revelation; and to the Dharma instead of the man (i.e. the preacher); to conform with the twelve links in the chain of existence (nidanas) that have neither whence to come nor wither to go; beginning from ignorance (avidya) which

is fundamentally non-existent, and conception (samskara) which is also basically unreal, down to birth (jati) which is fundamentally non-existent; and old age and death (jaramarana) which are equally unreal. Thus, contemplated, the twelve links in the chain of existence are inexhaustible, thereby putting an end to the (wrong) view of annihilation. This is the unsurpassed offering of Dharma.”

- Phật bảo: “Thiên Đế! Vương tử Nguyệt Cái theo Phật Dược Vương nghe pháp như thế rồi được pháp ‘nhu thuận nhĩn,’ liền cởi y báu và đồ trang sức nơi thân cúng dường Phật và bạch rằng: “Bạch Thế Tôn! Sau khi Như Lai diệt độ con sẽ thực hành Pháp cúng dường để giữ gìn Chánh pháp, nguyện nhờ oai thần của Như Lai thương xót gia hộ cho con được hàng phục ma oán tu hạnh Bồ Tát.”—The Buddha then said to Sakra: “Lunar Canopy, after hearing the Dharma from the Buddha Bhaisajya (the Buddha of Medicine), realized (only) the patience of Meekness and took off his precious robe to offer it to that Buddha, saying: “World Honoured One, after your nirvana, I shall make offerings of Dharma to uphold the right doctrine; will your awe-inspiring majestic help me to overcome the demons and to practise the Bodhisattva line of conduct?””
- Phật biết tâm niệm của ông nên thọ ký rằng: “Về đời sau này ông giữ gìn thành trì Chánh Pháp.”—The Buddha Bhaisajya knew of his deep thought and prophesied: “Until the last moment you will guard the Dharma protecting citadel.”
- Này Thiên Đế! Vương tử Nguyệt Cái lúc đó thấy được pháp thanh tịnh, nghe Phật thọ ký đem lòng chánh tín xuất gia tu tập các pháp lành, tinh tấn không bao lâu chứng ngũ thông, đủ đạo hạnh Bồ Tát, được môn đà la ni, biện tài vô ngại. Sau

khí Phật diệt độ, ông dùng sức thần thông, tổng trì biện tài đã chứng được, y theo pháp của Dược Vương Như Lai đã nói mà ban bố ra mãn mười tiểu kiếp—Sakra, at that time Lunar Canopy perceived the pure and clean Dharma, and after receiving the Buddha's prophecy, believed it and left his home to join the order. He practiced the Dharma so diligently that he soon realized the five transcendental powers. In his Bodhisattvas development, he won the endless power of speech through his perfect control (dharani- of all external influences). After the nirvana of the Buddha Bhaisajya, he used this power of speech to turn the wheel of the law, spreading the Dharma widely for ten small aeons.

- Tỳ Kheo Nguyệt Cái giữ gìn Phật pháp, siêng tu tinh tấn ngay đời đó hóa độ được trăm muôn ức người ở nơi đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không còn thối lui, 14 na do tha người phát hỷ tâm Thanh Văn, Duyên Giác, và vô lượng chúng sanh được sanh về cõi Trời—Lunar Canopy was indefatigable (untiring) in his preaching of the Dharma and converted a million lacs of people who stood firm in their quest of supreme enlightenment, fourteen nayutas of people who set their minds on achieving the sravaka and pratyeka-buddha stages, and countless living beings who were reborn in the heavens.
- Thiên Đế! Vua Bảo Cái lúc ấy đâu phải người nào khác, hiện nay thành Phật hiệu là Bảo Diệm Như Lai, còn một ngàn người con của vua chính là một ngàn vị Phật trong đời Hiền Kiếp, mà đức Ca La Cửu Tôn Đà thành Phật trước hết, đến vị Phật thành sau rốt sau hiệu là Lâu Chi, còn Nguyệt Cái Tỳ Kheo chính là thân ta đây (tức Phật Thích Ca, vị Phật thứ tư

trong đời Hiền Kiếp). Như thế, Thiên Đế phải biết cái yếu điểm Pháp cúng dường là hơn hết trong việc cúng dường, bậc nhất không chi sánh kịp. Nay Thiên Đế! Phải lấy Pháp cúng dường mà cúng dường các đức Phật—Sakra, who was that Royal Precious Canopy? He is now a Buddha called the Tathagata Precious Flame and his one thousand sons are the thousand Buddhas of the (present) Bhadrakalpa (the virtuous aeon) whose first Buddha was Krakucchanda and last Buddha was Rucika. Bhiksu Lunar Canopy was myself. Sakra, you should know that the offering of Dharma is the highest form of offering. Therefore, Sakra, you should make the offering of Dharma as an offering to all Buddhas.”

#### **CHƯƠNG MƯỜI BỐN—CHAPTER FOURTEEN—PHẨM CHÚC LUY—INJUNCTION to SPREAD this SUTRA**

- Bấy giờ Phật bảo Bồ Tát Di Lặc rằng: “Nầy Di Lặc! Ta nay đem pháp Vô Thượng Chánh đẳng Chánh giác đã chứa nhóm vô lượng ức a tăng kỳ kiếp mà phú chúc cho ông. Những thứ kinh như thế, sau khi Phật diệt độ về đời mạt kiếp các ông phải dùng thần lực diễn nói lưu bố khắp cõi Diêm Phù Đề chớ để dứt mất. Vì sao? Về đời vị lai sẽ có những thiện nam tử, thiện nữ nhân, Thiên, Long, quỷ thần, Càn thất bà, La sát, vân vân phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, ưa pháp Đại thừa, nếu không cho họ nghe những kinh như thế thì mất lợi hành. Hạng người như thế nghe những kinh đó tất ưa thích tin chịu phát tâm hy hữu, sẽ đánh lễ vâng thọ, rồi theo chỗ cần lợi lạc cho chúng sanh mà diễn nói pháp.”—The Buddha then said: to Maitreya: “Maitreya, I now entrust you with the Dharma of supreme enlightenment which

- I have collected during countless aeons. In the third (and last) period of the Buddha kalpa you should use transcendental power to proclaim widely in Jambuvipa (the earth) (profound) sutras such as this one, without allowing them to be discontinued. For in future generations there will be virtuous men and women, as well as heavenly dragons, ghosts, spirits, gandharvas, and raksasas who will take pleasure in the great Dharma and will set their minds on the quest of supreme enlightenment; if they do not hear about such sutras they will miss a great advantage. For these people are fond of and believe in these sutras, which they will readily accept by placing them on their heads and which they will widely proclaim for the profit of living beings.
- Di Lặc! Ông phải biết, Bồ Tát có hai tướng. Sao gọi là hai? Một là những người ưa những câu văn hay đẹp, hai là những người không sợ nghĩa sâu xa, hiểu được đúng như thật. Như hạng ưa những câu văn hay đẹp, phải biết đó là Bồ Tát mới học. Nếu ở nơi kinh điển thậm thâm không nhiệm, không trước, không có chút sợ sệt và hiểu rõ được đó, nghe rồi tâm thanh tịnh thọ trì, đọc tụng đúng như lời nói mà tu hành, phải biết đó là hạng tu hành đã lâu—Maitreya, you should know that there are two categories of Bodhisattvas: those who prefer proud words and a racy style, and those who are not afraid (of digging out) the profound meanings which they can penetrate. Fondness of proud words and a racy style denotes the superficiality of a newly initiated Bodhisattva; but he who, after hearing about the freedom from infection and bondage as taught in profound sutras, is not afraid of their deep meanings which he strives to master, thereby developing a pure mind to receive, keep, read, recite and practise (the Dharma) as preached is a Bodhisattva who has trained for a long time.
  - Nầy Di Lặc! Lại có hai pháp gọi là Bồ Tát mới học, không thể quyết định pháp thậm thâm. Hai pháp là chi? Một là những kinh điển thậm thâm chưa từng nghe nếu nghe thời sợ sệt sanh lòng nghi, không tùy thuận được, chê bai không tin rồi nói rằng: “Kinh này từ trước đến giờ ta chưa từng nghe, từ đâu đến đây?” Hai là nếu có người hộ trì giải nói những kinh sâu xa như thế, không chịu gần gũi, cúng dường cung kính, hoặc ở nơi đó nói lỗi xấu xa của người kia. Có hai pháp đấy, phải biết Bồ Tát mới học chỉ là tự tổn hại, chứ không thể ở nơi pháp thậm thâm mà điều phục được tâm mình—Maitreya, there are two classes of newly initiated Bodhisattvas who cannot understand very deep Dharmas: those who have not heard about profound sutras and who, giving way to fear and suspicion, cannot keep them but indulge in slandering them, saying: ‘I have never heard about them; where do they come from?’, and those who refuse to call on, respect and make offerings to the preachers of profound sutras or who find fault with the latter; these are two classes of newly initiated Bodhisattvas who cannot control their minds when hearing the deep Dharma, thereby harming themselves.
  - Nầy Di Lặc! Lại có hai pháp, Bồ Tát đầu tin hiểu thâm pháp, vẫn còn tự tổn hại chớ không thể chứng được vô sanh pháp nhẫn. Hai pháp là chi? Một là khinh dễ các Bồ Tát mới học mà không dạy bảo. Hai là tin hiểu thâm pháp mà lại chấp tướng phân biệt—Maitreya, further, there are two categories of Bodhisattvas who harm themselves and fail to realize the patient endurance of the uncreate in spite

of their belief and understanding of the deep Dharma: they are (firstly) those who belittle newly initiated Boshisattva and do not teach and guide them; and (secondly) those who, despite their faith in the deep Dharma, still give rise to discrimination between form and formlessness.”

- Sau khi nghe Phật thuyết giảng, Bồ Tát Di Lặc bạch Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Thật chưa từng có! Như lời Thế Tôn đã nói, con quyết xa lìa các lỗi như thế, xin vâng giữ pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác đã chứa nhóm từ vô lượng a tăng kỳ kiếp của Như Lai. Nếu vị lai có người thiện nam tử hay thiện nữ nhân nào cầu pháp Đại thừa, con sẽ làm cho tay người đó được những kinh như thế và cho họ cái sức ghi nhớ để thọ trì đọc tụng, diễn nói cho người. Bạch Thế Tôn! Nếu đời sau có người thọ trì, đọc tụng, diễn nói kinh này cho người khác, đó chính là thần lực của Di Lặc lập nên—After hearing the Buddha expound the Dharma, Maitreya said: “World Honoured One, I have not heard all this before. As you have said, I shall keep from these evils and uphold the Dharma of supreme enlightenment which the Tathagata has collected during countless aeons. In future, if there are virtuous men and women who seek for Mahayana, I shall see to it that this sutra will be placed in their hands, and shall use transcendental power to make them remember it so that they can receive, keep, read, recite and proclaim it widely.

“World Honoured One, in the coming Dharma ending age, if there are those who can receive, keep, read and recite this sutra and expound it widely, they will do so under the influence of my transcendental power.”

- Phật nói: “Hay thay! Hay thay! Này Di Lặc! Như lời ông nói, ta sẽ giúp cho ông

vui thêm.”—The Buddha said: “Excellent, Maitreya, excellent; as you have said, I will help you achieve this great joy.”

- Bấy giờ các Bồ Tát chấp tay bạch Phật rằng: “Sau khi Như Lai diệt độ, chúng con cũng ở cõi nước trong mười phương, truyền bá cùng khắp pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, và sẽ dẫn dắt những người nói pháp được kinh này.”—At that, all the Bodhisattvas in the assembly brought their palms together and said to the Buddha: After your nirvana, we will also proclaim this Dharma of supreme enlightenment widely in the ten directions and will guide preachers of Dharma to obtain this sutra.”
- Lúc đó bốn vị Thiên vương bạch Phật rằng: “Ở các chỗ hoặc thành ấp, tụ lạc, núi rừng, đồng nội có quyển kinh này, có người đọc tụng, giải nói, con sẽ đem các quyển thuộc đi đến chỗ đó để nghe pháp, ủng hộ cho người đó mỗi phía trăm do tuần, không để người cố ý tìm làm hại.”—The four kings of devas said to the Buddha: “World Honoured One, in all towns and villages, in the groves and wilderness, and where there is this sutra and people reading, reciting, explaining and proclaiming it, I will lead local officials to go to their places to listen to the Dharma and to protect them so that no one dares to one within one hundred yojanas of their places to trouble them.”
- Bấy giờ Phật bảo A Nan: “Này A Nan! Ông hãy thọ trì lấy kinh này, rộng nói khắp truyền cho đời sau.”—The Buddha then said to Ananda: “Ananda, you too should receive, keep and spread this sutra widely.”
- A Nan thưa: “Dạ! Con đã thọ trì rồi. Bạch Thế Tôn! Kinh này tên là gì?”—Ananda said: “Yes, World Honoured One, I have received this sutra and will keep it. What

- is its title?”
- Phật bảo A Nan: “Tên kinh này là Duy Ma Cát Sở Thuyết, cũng gọi là Bất Khả Tư Nghì Giải Thoát Pháp Môn, ông nên thọ trì.”—The Buddha said: “Ananda, its title is ‘The Sutra spoken by Vimalakirti’, or ‘The Inconceivable Door to Liberation’, under which you should receive and keep it.”

Sau khi Phật thuyết giảng xong, trưởng giả Duy Ma Cát, Văn Thù Sư Lợi, Xá Lợi Phất, A Nan, vân vân và các hàng Trời, người, A tu la, tất cả đại chúng nghe lời Phật nói đều rất vui mừng tin nhận kính vâng làm theo—After the Buddha had expounded this sutra, the old upasaka Vimalakirti, Manjusri, Sariputra, Ananda and others as well as devas, asuras and all those present were filled with joy; believed, received and kept it; paid reverence and went away.

### **Châm Ngôn Tục Ngữ— Precepts and Proverbs:**

Không thái quá cũng không bất cập: Extremes are dangerous.

Vi phú bất nhân, vi nhân bất phú (làm giàu thì mất nhân, làm nhân thì không giàu): Muck and money go together.

Làm ơn không bao giờ thiệt thòi: An act of kindness is never wasted.

Lòng nhẫn nại đắng cay, nhưng quả của nó ngọt: Patience is bitter, but its fruit is sweet.

Lời nói tai hại hơn việc làm: His bark is worse than his bite.

Muốn biết phải hỏi: Better to ask the way than go astray.

Thối xấu học nhanh: Ill weed grows fast.

Thiếu thận trọng nguy hiểm hơn thiếu kiến thức: Want of care does us more damage than want of knowledge.

Vàng thiệt không sợ lửa: A clean hand needs no washing.

Thời giờ đã mất, không bao giờ trở lại: Time lost is never found.

Biết đủ là giàu nhất: He is rich that he has few wants.

Họa phúc trùng lai (trong họa có phúc, trong phúc có họa): Misfortune has its uses.

Tu thân rồi mới tề gia: He is not fit to command others that cannot command himself.

Vẻ đẹp và sự ngu ngốc thường là đôi bạn đồng hành: Beauty and folly are often companions.

Vui vẻ trong công việc sẽ dễ dàng đi đến thành công: A merry heart goes all the way.





# **Appendix L**

**Kinh Địa Tạng**

**The Earth-Store Bodhisattva Sutra**



# CHƯƠNG THỨ NHẤT— CHAPTER ONE

## THÂN THÔNG TRÊN CUNG TRỜI ĐAO LỢI SPIRITUAL PENETRATIONS IN THE PALACE OF THE TRAYASTRIMSHA HEAVEN

Ta nghe như vậy: Một thuở nọ, tại cung trời Đao Lợi, Đức Phật vì Thánh Mẫu mà thuyết pháp. Lúc đó, bất khả thuyết bất khả thuyết tất cả chư Phật và đại Bồ Tát trong vô lượng thế giới ở mười phương đều đến hội họp, rồi đồng khen ngợi rằng ‘Đức Thích Ca Mâu Ni có thể ở trong đời ác ngũ trược mà hiện sức đại trí huệ thân thông chẳng thể nghĩ bàn’ để điều phục chúng sanh càng cường làm cho họ rõ pháp khổ pháp vui. Khen xong, chư Phật đều sai thị giả kính thăm Đức Thế Tôn—Thus, I have heard; at one time, the Buddha dwelt in the Trayastrimsha Heaven, speaking Dharma for his mother. At that time, an indescribable number of Buddhas as well as Great Bodhisattva Mahasattvas, from limitless worlds in the ten directions, all assembled together to praise Sakyamuni Buddha’s Ability to manifest the power of indescribably great wisdom and spiritual penetrations in the evil world of the Five Turbidities, as well as his ability to regulate and subdue obstinate living beings so that they might come to know the dharmas of suffering and bliss. Each of these sent his attendants to pay their respects to the World Honored One.

Bấy giờ Đức Như Lai mỉm cười phóng ra trăm ngàn vầng mây sáng rõ lớn. Như là vầng mây sáng rõ đầy đủ, Vầng Mây Sáng Rõ Đại Từ Bi, Vầng Mây Sáng Rõ Đại Trí Tuệ, Vầng Mây Sáng Rõ Đại Bát Nhã, Vầng Mây Sáng Rõ Đại Tam Muội, Vầng Mây Sáng Rõ Đại Kiết Tường, Vầng Mây Sáng Rõ Đại Phước Đức, Vầng Mây Sáng Rõ Đại Công Đức, Vầng Mây Sáng Rõ Đại Quy-Y, Vầng Mây

Sáng Rõ Đại Tán Thán—At that time, the Thus Come One smiled and emitted hundreds of thousands of millions of great light clouds, such as the Great Perfect Fullness Light Cloud, the Light Cloud of Great Compassion, the Light Cloud of Great Wisdom, the Light Cloud of Great Prajna, the Light Cloud of Great Samadhi, the Great Auspicious Light Cloud, the Light Cloud of Great Blessing, the Light Cloud of Great Merit, the Light Cloud of Great Refuge, and the Light Cloud of Great Praise.

Đức Phật phóng ra bất khả thuyết vầng mây sáng rõ như thế rồi Ngài lại phát ra các thứ tiếng vi diệu như là Tiếng Bồ Thí Độ, Tiếng Trì Giới Độ, Tiếng Nhẫn Nhục Độ, Tiếng Tinh Tấn Độ, Tiếng Thiền Định Độ, Tiếng Bát Nhã Độ, Tiếng Từ Bi, Tiếng Hỷ Xả, Tiếng Giải Thoát, Tiếng Vô Lậu, Tiếng Trí Huệ, Tiếng Sư Tử Hống, Tiếng Đại Sư Tử Hống, Tiếng Mây Sấm, Tiếng Mây Sấm Lớn, vân vân—After emitting more indescribable clouds of light, the Buddha also emitted a many great wonderful subtle sounds, such as the Danaparamita Sound, the Shilaparamita Sound, the Kshantiparamita Sound, the Viryaparamita Sound, the Dhyana-paramita Sound, and the Prajna-paramita Sound. The Sound of Compassion, the Sound of Joyous Giving, the Sound of Liberation, the Sound of Great Wisdom, the Sound of the Lion’s Roar, the Sound of the Great Lion’s Roar, the Sound of Thunderclouds, and the Sound of Great Thunderclouds, etc.

Khi Đức Phật phát ra bất khả thuyết bất khả thuyết tiếng vi diệu như thế xong, thời có vô lượng ức hàng Trời, Rồng, Quỷ, Thần ở trong cõi Ta Bà và cõi nước phương khác cũng đến hội họp nơi cung trời Đao Lợi, như là Trời Tứ Thiên Vương, Trời Đao Lợi, Trời Tu Diệm Ma, Trời Đâu Suất Đà, Trời Hóa Lạc, Trời Tha Hóa Tự Tại, Trời Phạm Chúng, Trời

Phạm Phụ, Trời Đại Phạm, Trời Thiếu Quang, Trời Vô Lượng Quang, Trời Quang Âm, Trời Thiếu Tịnh, Trời Vô Lượng Tịnh, Trời Biến Tịnh, Trời Phước Sanh, Trời Phước Ái, Trời Quảng Quả, Trời Nghiêm Sức, Trời Vô Lượng Nghiêm Sức, Trời Nghiêm Sức Quả Thiệt, Trời Vô Tướng, Trời Vô Phiền, Trời Vô Nhiệt, Trời Thiện Kiến, Trời Thiện Hiện, Trời Sắc Cứu Cánh, Trời Ma Hê Thủ La, cho đến Trời Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ. Tất cả Thiên chúng, Long chúng, cùng chúng Quỷ, Thần đều đến hội họp—After such indescribable sounds were issued forth, countless millions of gods, dragons, ghosts, and spirits from the Saha World and worlds in other locations, also assembled in the Palace of the Triyastimsha Heaven. That is from the Heaven of the Four Kings, the Tryastrimsha Heaven, the Suyama Heaven, the Tushita Heaven, the Bliss From Transformation Heaven, the Heaven of Comfort Gained Through Others' Transformations, the Heaven of the Multitudes of Brahma, the Heaven of the Ministers of Brahma, the Heaven of the Great Brahma Lord, the Heaven of Lesser Light, the Heaven of Limitless Light, the Heaven of Light Sound, the Heaven of Lesser Purity, the Heaven of Limitless Purity, the Heaven of Universal Purity. The Birth of Blessing Heaven, the Love of Blessing Heaven, the Abundant Fruit Heaven, the No-Thought Heaven, the No-Affliction Heaven, the No-Heat Heaven, the Good Views Heaven, the Good Manifestation Heaven, the Ultimate Form Heaven, the Maheshvara Heaven, and so forth, until the Heaven of the Station of Neither Thought Nor Non-Thought. All those assemblies of gods, dragons, ghosts and spirits came and gathered together.

Lại có những vị Thần ở cõi Ta Bà cùng cõi nước phương khác như thần biển, thần sông, thần rạch, thần cây, thần núi, thần đất, thần sông chằm, thần lúa mạ, thần chủ ngày, thần

chủ đêm, thần hư không, thần trên trời, thần chủ ăn uống, thần cây cỏ, vân vân. Các vị thần như thế đều đến hội họp—Moreover, sea spirits, river spirits, stream spirits, tree spirits, mountain spirits, earth spirits, brook and marsh spirits, sprout and seeding spirits, day, night, and space spirits, heaven spirits, food and drink spirits, grass and wood spirits, and other such spirits from the Saha and worlds in other locations came and gathered together.

Lại có những đại quỷ vương ở cõi Ta Bà cùng các cõi phương khác như Ác Mục Quỷ Vương, Đạm Huyết Quỷ Vương, Đạm Tinh Khí Quỷ Vương, Đạm Thai Noãn Quỷ Vương, Hành Bịnh Quỷ Vương, Nhiếp Độc Quỷ Vương, Phước Lợi Quỷ Vương, Đại Ái Kính Quỷ Vương, vân vân. Các Quỷ Vương như thế đều đến hội họp—In addition, all the great ghost kings from the Saha and worlds in other locations, came and gathered together. They were the Evil-Eyed Ghost King, the Blood-Eating Ghost King, the Escence-and-Energy-Eating Ghost King, the Foetus and Egg-Eating Ghost King, the Sickness-Spreading Ghost King, the Poison-Gathering Ghost King, the Kind-Hearted Ghost King, the Blessing and Profit Ghost King, the Great Love and Respect Ghost King, and others.

Bấy giờ Đức Thích Ca Mâu Ni Phật bảo ngài Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử đại Bồ Tát rằng: “Ông xem coi tất cả chư Phật, Bồ Tát, và Trời, Rồng, Quỷ, Thần đó ở trong quốc độ này cùng quốc độ khác, nay đều đến hội họp tại cung trời Đạo Lợi như thế, ông có biết bao nhiêu chăng?”—At that time, Sakyamuni Buddha said to the Great Being, the harma Prince, Bodhisatva Manjusri, “As you regard these Budhas, Bodhisattvas, gods, dragons, ghosts and spirits from this land and other lands, who have now come and assembled in the Trayastrimsha Heaven, do you know their number?”

Văn Thù Sư Lợi bạch Phật rằng: “Bạch Đức Thế Tôn! Nếu dùng thần lực của con để tính đếm trong ngàn kiếp cũng không biết là số bao nhiêu!”—Manjusri said to the Buddha: “World Honored One! Even if I were to measure and reckon with my spiritual powers for a thousand aeons, I would not be able to calculate it!”

Đức Phật bảo Văn Thù Sư Lợi rằng: “Đến ta dùng Phật nhãn xem hãy còn không đếm xiết! Số Thánh, phàm này đều của Ngài Địa Tạng Bồ Tát từ thuở kiếp lâu xa đến nay, hoặc đã độ, đương độ, chưa độ, hoặc đã thành tựu, đương thành tựu, chưa thành tựu.”—The Buddha told Manjusri, “This is so because even when I regard with my Buddha eye, their number still cannot be exhausted. Throughout many aeons all these beings have been taken across, are being taken across, will be taken across, have been brought to accomplishment, are being brought to accomplishment, or will be brought to accomplishment, by Earth Store Bodhisattva.”

Văn Thù Sư Lợi bạch Đức Phật rằng: “Từ thuở lâu xa về trước con đã tu căn lành, chứng đẳng trí vô ngại, nghe lời Đức Phật nói đó thời tin nhận liền. Còn hàng tiểu quả Thanh Văn, Trời, Rồng tám bộ chúng và những chúng sanh trong đời sau, dầu nghe lời thành thật của Như Lai, nhưng chắc là sanh lòng nghi ngờ, dầu cho có lạ vâng đi nữa cũng chưa khỏi hủy báng. Cúi mong Đức Thế Tôn nói rõ như địa của Ngài Địa Tạng Bồ Tát; ngài tu hạnh gì, lập nguyện gì mà thành tựu được sự không thể nghĩ bàn như thế?”—Manjusri said to the Buddha: “World Honored One! Throughout many aeons I have cultivated good roots and certified to unobstructed wisdom. When I hear what the Buddha says, I immediately accept it with faith. Sound Hearers of small attainment,

gods, dragons, and the remainder of the Eightfold Division, as well as other living beings in the future, may hear the Thus Come One’s sincere and actual words but will certainly harbor doubts. Even if they receive the teaching most respectfully, they will be unable to avoid slandering it. My only wish is that the World Honored One will discuss in details the conduct of Earth Store Bodhisattva while he was on the causal ground and the vows he made that have enabled him to perform successfully such an inconceivable task.”

Đức Phật bảo ngài Văn Thù Sư Lợi rằng: “Ví như bao nhiêu cỏ, cây, lùm, rừng, lúa, mè, tre, lau, đá, bụi bặm trong cõi tam thiên đại thiên, cứ một vật làm một sông Hằng, rồi cứ số cát trong mỗi sông Hằng, một hạt cát làm một cõi nước, rồi trong một cõi nước cứ một hạt bụi nhỏ làm một kiếp, rồi bao nhiêu số bụi nhỏ chứa trong một kiếp đều đem làm kiếp cả. Từ lúc Ngài Địa Tạng Bồ Tát chứng quả vị thập địa Bồ Tát đến nay ngàn lần lâu hơn số kiếp thí dụ ở trên, huống là những thuở Ngài Địa Tạng Bồ Tát còn ở bậc Thanh Văn và Bích Chi Phật!”—The Buddha said to Manjusri: “By way of analogy, it is as if all the grasses, trees, forests, rice plants, hemp, bamboo, reeds, mountains, rocks and motes of dust in the Three Thousand Great Thousand World System were enumerated, and each one made into a Ganges River, while within each Ganges River each grain of sand became a world, and within each world each mote of dust was an aeon, while within those aeons the motes of dust which would accumulate were in turn to become aeons. The time elapsed since Earth Store Bodhisattva certified to the position of the Tenth Ground is a thousand times longer than that in the above analogy. Even longer was his dwelling on the grounds of Sound Hearer and Pratyeka-Buddha.”

Nầy Văn Thù Sư Lợi! Oai thần thể nguyện của Bồ Tát đó không thể nghĩ bàn đến được. Về đời sau, nếu có thiện nam tử hay thiện nữ nhân nào nghe danh tự của Địa Tạng Bồ Tát, hoặc khen ngợi, hoặc chiêm ngưỡng vái lạy, hoặc xưng danh hiệu, cúng dường, nhấn đến vẽ, đắp, sơn hình tượng của Địa Tạng Bồ Tát, thời người đó sẽ được một trăm lần sanh lên cõi trời Đạo Lợi, vĩnh viễn chẳng còn bị sa đọa vào chốn ác đạo—Manjusri, the awesome spirit and vows of this Bodhisattva are inconceivable. If good men or women in the future hear this Bodhisattva's name, say his name, praise him, regard and worship him, call his name, make offerings to him or if they draw, carve, cast, sculpt or make laquered image of him, they will be reborn in the Heaven of the Thirty-Three one hundred times, and will never fall into the evil paths.

Nầy Văn Thù Sư Lợi! Trải qua bất khả thuyết bất khả thuyết kiếp lâu xa về trước, tiền thân của Ngài Địa Tạng Bồ Tát là một vị trưởng giả tử. Lúc đó, trong đời có đức Phật hiệu là Sư Tử Phấn Tấn Cụ Túc Vạn Hạnh Như Lai. Trưởng giả tử thấy Đức Phật tướng mạo tốt đẹp ngàn phước trang nghiêm, mới bạch hỏi đức Phật tu hạnh nguyện gì mà đặng tốt đẹp như thế? Khi ấy, Đức Sư Tử Phấn Tấn Cụ Túc Vạn Hạnh Như Lai bảo trưởng giả tử rằng: “Muốn chúng được thân tướng tốt đẹp này, cần phải trải qua trong một thời gian lâu xa độ thoát tất cả chúng sanh đang bị khổ khổ.”—Manjusri, many aeons ago, during the time of a Buddha named Lion Sprint Complete in the Ten Thousand Practices Thus Come One, Earth Store Bodhisattva Mahasattva was the son of a great elder. Seeing that Buddha's marks and minor characteristics and his adornment with thousand blessing caused the elder's son to ask that Buddha what practices and vows had enabled him to achieve such an appearance. Lion Sprint Complete in the Ten

Thousand Practices Thus Come One then said to the elder's son, “If you wish to be certified as having obtained such a body, throughout long aeons you should liberate all living beings who are undergoing suffering.”

Nầy Văn Thù Sư Lợi! Trưởng giả tử nghe xong liền phát nguyện rằng: “Từ nay đến tội số chẳng thể kể xiết ở đời sau, tôi vì những chúng sanh tội khổ trong sáu nẻo luân hồi mà giải bày nhiều phương tiện làm cho họ được giải thoát hết cả, rồi tự thân tôi mới chứng thành Phật đạo.” Bởi ở trước Đức Phật Sư Tử Phấn Tấn Cụ Túc Vạn Hạnh Như Lai, ngài lập nguyện rộng đó, nên đến nay đã trải qua trăm ngàn muôn ức vô số bất khả thuyết kiếp mà ngài vẫn còn làm vị Bồ Tát!—Manjusri! The elder's son for that reason, made this vow: Throughout immeasurable aeons until the end of the boundaries of the future, I shall establish a vast number of expedient devices for the sake of living beings in the six paths who are suffering for their offenses. Only when they have all been liberated, will I myself accomplish Buddhahood. From the time he made that great vow in the presence of that Buddha until the present, many hundreds of thousands of nayutas of aeons have passed, and still he is a Bodhisattva.

Lại thuở bất khả tư nghì vô số kiếp về trước, lúc đó có đức Phật hiệu là Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai, đức Phật ấy thọ đến bốn trăm ngàn muôn ức vô số kiếp. Trong thời Tượng Pháp, có một người con gái dòng Bà La Môn, người này nhiều đời chứa phước sâu dày, mọi người đều kính nể, khi đi đứng lúc nằm ngồi, chư Thiên thường theo hộ vệ. Bà mẹ của người mê tín tà đạo, thường khinh khi ngòi Tam Bảo. Thuở ấy, mặc dầu Thánh nữ đem nhiều lời phương tiện khuyên nhủ bà mẹ người, hầu làm cho bà mẹ sanh chánh kiến, nhưng bà mẹ vẫn chưa tin hẳn. Chẳng bao lâu bà ấy chết, thân hồn sa đọa và Địa Ngục Vô

Gián—Moreover, inconceivable asamkhyeya kalpas ago there was a Buddha named Enlightenment-Flower-Samadhi Self-Mastery King Thus Come One. That Buddha’s lifespan was four hundred billion asamkhyeya kalpas. During his Dharma-Image Age, there was a Brahman woman who had many blessings from former lives and who was respected by everyone. In walking, standing, sitting and lying down, she was surrounded and protected by the gods. Her mother, however, had improper belief and often slighted the Triple Jewel. That holy woman worked many skillful plans to entice her mother to hold right views, yet the mother did not believe them totally. Before long her life ended and her spirit fell into the Uninterrupted Hell.

Lúc đó, Thánh nữ biết rằng người mẹ khi còn sống không tin như quả, liệu chắc phải theo nghiệp quấy mà sanh vào đường ác. Thánh nữ bèn bán nhà, đất, sắm nhiều hương, hoa cùng những đồ lễ cúng, rồi đem cúng dường tại các chùa tháp thờ Đức Phật Giác Hoa Định Tự Tại Vương. Trong một ngôi chùa kia thấy hình tượng của Đức Phật Giác Hoa Định Tự Tại Vương đắp vẽ oai dung đủ cách tôn nghiêm. Thánh nữ chiêm bái tượng của Đức Phật lại càng sanh lòng kính ngưỡng, tự nghĩ thầm rằng: “Đức Phật là đấng Đại Giác đủ tất cả trí huệ, nếu Đức Phật còn trụ ở đời, thì khi mẹ tôi khuất, tôi đến bạch hỏi Phật, chắc thế nào cũng rõ mẹ tôi sanh vào chốn nào.” Nghĩ đến đó Thánh nữ buồn tủi rơi lệ chăm chăm nhìn hình tượng Như Lai mà lòng quyến luyến mãi. Bỗng nghe trên hư không có tiếng bảo rằng, “Thánh nữ đừng khóc kia, thôi đừng có bi ai quá lắm! Nay ta sẽ bảo cho người biết chỗ của mẹ người.”—Knowing that when her mother was in the world she had not believed in cause and effect, the Brahman woman reasoned that in accordance with her karma, her mother would certainly be reborn in the evil paths. Thereupon, she sold the family

house, procured vast quantities of incense, flowers and other items, she performed a great offering in that Buddha’s stupas and temples. In one of the temples in particular, she saw that the modelling and painting of the image of the Thus Come One Enlightenment-Flower Samadhi Self-Mastery King was awesome in appearance, well-formed, and adorned to perfection. The Brahman woman gazed in worship at the honored countenance and became doubly respectful. She thought to herself, “Buddhas are called Greatly Enlightened Ones who are complete with All Wisdom. If this Buddha were in the world and I were to ask him, he would certainly know where my mother had gone at death.” Then the Brahman woman wept for a long time as she longingly fixed her gaze upon the ‘Thus Come One’. Suddenly a voice was heard in space saying, “O, weeping holy woman, do not be so sorrowful, I shall now show where your mother has gone.”

Thánh nữ chấp tay hướng lên hư không mà vái rằng: “Vị Thánh Đức nào đó mà an ủi lòng sầu lo của tôi như thế? Từ khi mẹ tôi mất đến nay, tôi thương nhớ ngày đêm, không biết đâu để hỏi cho rõ mẹ tôi thác sanh vào chốn nào?”—The Brahman woman placed her palms together and said into space, “What divinely virtuous one is this who comforts me in my grief? From the day I lost my mother onward, I have held her in memory day and night, but there is nowhere I can go to ask about the realm of her rebirth.”

Trên hư không lại có tiếng bảo Thánh nữ rằng: “Ta là Đức Phật quá khứ Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai, mà người đang chiêm bái đó. Thấy người thương nhớ mẹ tội hơn thường tình của chúng sanh, nên ta đến chỉ bảo.”—A voice resounded from space and declared to the woman, “I am the one who you behold and worship, the past

Enlightenment-Flower Samadhi Self-Mastery King Thus Come One. Because I have seen your regard for your mother is double that of ordinary living beings, I will show you the place of her rebirth.”

Thánh nữ nghe nói xong liền té xỉu xuống, tay chân mình mấy đều bị tổn thương. Những người đứng bên vội vàng đỡ dậy, một lát sau Thánh nữ mới tỉnh lại rồi bạch cùng trên hư không rằng, “Cúi xin Đức Phật xót thương bảo ngay cho rõ chỗ thác sanh của mẹ con, nay thân tâm của con sắp chết mất!”—On hearing this voice, the Brahman woman suddenly raised herself up and then fell down, breaking all her limbs. Those around her picked her up and, after a long time, she was revived. Then she spoke into space and said, “I hope the Buddha will be compassionate, have pity on me, and quickly tell me into what realm my mother has been reborn. My present body and mind will perish not long after this!”

Đức Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai bảo Thánh nữ rằng: “Cúng dường xong, người mau trở về nhà, rồi ngồi ngay thẳng, nghĩ tưởng danh hiệu của ta, thời người sẽ biết chỗ thác sanh của mẹ người.”—Then Enlightenment-Flower Samadhi Self-Mastery King Thus Come One spoke to the holy woman and said, “After your offering is complete, return home quickly. Sit upright thinking of my name and you will certainly know your mother’s place of rebirth.”

Lễ Phật xong, Thánh nữ liền trở về nhà. Vì thương nhớ mẹ, nên Thánh nữ ngồi ngay thẳng niệm danh hiệu của Đức Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai trải suốt một ngày một đêm. Bỗng thấy thân mình đến một bờ biển kia. Nước trong biển đó sôi sùng sục, có rất nhiều thú dữ toàn bằng sắt bay nhảy trên mặt biển, chạy rảo bên này, xua đuổi bên kia. Thấy những gái trai số nhiều đến ngàn muôn

thoạt chìm thoạt nổi ở trong biển, bị các thú dữ giành nhau ăn thịt. Lại thấy quỷ Dạ Xoa hình thù đều lạ lùng; hoặc nhiều tay, nhiều mắt, nhiều chân, nhiều đầu, vân vân răng nanh chìa ra ngoài miệng, bén nhọn dường như gươm, lừa những tội nhân đến gần thú dữ. Rồi quỷ lại chụp bắt người tội, túm quắp đầu chân tội nhân lại, hình trạng muôn thứ chẳng dám nhìn lâu. Khi ấy Thánh nữ nhờ nương sức niệm Phật nên tự nhiên không kinh sợ—After she had finished worshipping the Buddha, the Brahman woman went right home where, because of the memory of her mother, she sat upright recollecting Enlightenment-Flower Samadhi Self-Mastery King Thus Come One. After a day and a night had passed, she suddenly saw herself beside a sea whose waters seethed and bubbled. Many evil beasts with iron bodies flew about the sea, rushing to the east and west. She saw hundreds of thousands of millions of men and women rising and sinking in the sea, being fought over, seized, and beheld yakshas as well, each with a different form. Some had many hands, some many eyes, some many legs, some many heads. Sharp, swordlike fangs protruded from their mouths, and they drove the offenders on towards the evil beasts. Some yakshas seized the offenders and twisted their heads and feet together in a myriad horrifying shapes at which no one would dare look for long. During that time, the Brahman woman was naturally without fear because of the power of recollecting the Buddha.

Có một vị quỷ vương tên là Vô Độc, đến cúi đầu nghinh tiếp, hỏi Thánh nữ rằng: “Hay thay Bồ Tát! Ngài có duyên sự gì đến chốn này?”—A ghost king named Poisonless came and bowed his head in welcome and said to the holy woman: “Good indeed, O Bodhisattva. What conditions have brought you here?”



Thánh nữ hỏi quỷ vương: “Đây là chốn nào?”—The Brahman woman asked the ghost king: “What is this place?”

Quỷ vương Vô Độc đáp: “Đây là biển thứ nhất ở phía tây núi Đại Thiết Vi.”—Poisonless replied: “This is the Western side of the first encircling sea of the Great Iron Ring Mountain.”

Thánh nữ hỏi rằng: “Tôi nghe trong núi Thiết Vi có địa ngục, việc ấy có thực chăng?”—The holy woman said: “I have heard that hell is within the Iron Rings. Is that actually so?”

Vô Độc quỷ vương đáp: “Thực có địa ngục.”—Poisonless answered: “Hell is really here.”

Thánh nữ hỏi rằng: “Nay tôi làm sao để được đến chốn địa ngục đó?”—The holy woman asked: “How have I now come to the hells?”

Vô Độc đáp rằng: “Nếu không phải sức oai thần cần phải do nghiệp lực. Ngoài hai điều này ra ắt không bao giờ có thể đến đó được.”—Poisonless answered: “No one can come here unless one has either awesome spirit or the required karma.”

Thánh nữ lại hỏi: “Duyên cớ vì sao mà nước trong biển này sôi sùng sục như thế, và có những tội nhân cùng với các thú dữ?”—The holy woman asked: “Why is this water seething and bubbling and why are there so many people with offenses and evil beasts?”

Vô Độc đáp rằng: “Những tội nhân trong biển này là những người tạo ác ở cõi Diêm Phù Đề mới chết, trong khoảng bốn mươi chín ngày không người kế tự để làm công đức hầu cứu vớt khổ nạn cho; lúc sống, kẻ đó lại không làm được như lành nào cả. Vì thế nên cứ theo nghiệp ác của họ đã gây tạo mà cảm lấy báo khổ ở địa ngục, tự nhiên họ phải lội qua

biển này. Cách biển này mười do tuần về phía đông lại có một cái biển, những sự thống khổ trong biển đó gấp bội nơi biển này. Phía đông của biển đó lại có một cái biển nữa, sự thống khổ trong đó càng trội hơn. Đó đều là do những nghiệp nhưn xấu xa của ba nghiệp mà cảm với ra, đồng gọi là biển nghiệp, chính là ba cái biển này vậy.”—Poisonless replied: “These are the newly dead beings of Jambudvipa who have done evil deeds and who, during the first forty-nine days after their death, had no successors to perform acts of merit and virtue on their behalf and rescue them from suffering and difficulty. Moreover, during their lives, they planted no good causes. In accordance with their own deeds, hells appear and so they naturally are striving to first cross this sea. Ten thousand yojanas east of this sea is another sea which has double the sufferings of this one. East of that sea is yet another sea where the sufferings are doubled still again. What the combined evil causes of the three karmic vehicles evoke is called the sea of karma. This is that place.”

Thánh nữ lại hỏi Quỷ vương Vô Độc: “Địa ngục ở đâu?”—The holy woman again asked the Ghost King Poisonless: “Where is hell?”

Vô Độc đáp: “Trong ba cái biển đó đều có vô số địa ngục, mỗi địa ngục đều khác nhau. Về địa ngục lớn thời có 18, kể đó có 500 địa ngục bậc kể với sự khổ không lường, bậc kể nữa có đến ngàn trăm cũng với sự thống khổ không lường.”—Poisonless answered: “Within the three seas are hundreds of thousands of great hells, each one different. There are 18 that are specifically known as great hells. In succession there are 500 with unlimited cruel sufferings, and one hundred thousand more, also with limitless sufferings.”

Thánh nữ lại hỏi: “Thân mẫu của tôi mới khuất gần đây, không rõ thân hồn của người

phải sa vào chốn nào?”—The holy woman asked: “My mother has not been dead long, and I do not know on what path her soul has gone?”

Quý vương hỏi: “Thân mẫu của Bồ Tát khi còn sống, quen làm những nghiệp gì?”—The ghost king asked the holy woman: “When the Bodhisattva’s mother was alive, what were her habitual deeds?”

Thánh nữ đáp: “Thân mẫu của tôi mê tín tà đạo, khinh chê ngôi Tam Bảo, hoặc có lúc tạm thời tin chánh pháp xong rồi chẳng kính. Dầu khuất không bao lâu, mà chỉ rõ đọa lạc vào đâu?”—The holy woman replied: “My mother held deviant views and ridiculed and slandered the Triple Jewel. Even if she occasionally believed, it was short-lived and turned again to disrespect. Although she has been dead but a few days, I do not know the place of her rebirth.”

Vô Độc hỏi: Thân mẫu của Bồ Tát tên họ là gì?”—Poisonless asked: “What was the Bodhisattva’s mother’s name and clan?”

Thánh nữ đáp: Thân phụ và thân mẫu tôi đều thuộc dòng dõi Bà La môn. Thân phụ tôi là Thi La Thiện Kiến. Thân mẫu tôi là Duyệt Đế Lợi.”—The holy woman replied: “My parents were both Brahmins; my father’s name was Sila Sudarshana, my mother name was Yueh-Ti-Li.”

Vô Độc chấp tay thưa Thánh nữ: “Xin Thánh nữ hãy trở về, chớ đem lòng thương nhớ buồn rầu quá lắm nữa. Tội nhân Duyệt Đế Lợi được sanh lên cõi trời đã ba ngày nay rồi. Nghe nói nhờ con gái của người có lòng hiếu thuận, vì mẹ mà sắm sửa lễ vật, tu tạo phước lành, cúng dường chùa tháp, thờ Đức Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai. Chẳng phải chỉ riêng thân mẫu của Bồ Tát đặng thoát khỏi địa ngục, mà ngày đó, những tội nhân vô

gián khác cũng đều được vui vẻ, đồng đặng thác sanh cả.”—Poisonless placed his palms together respectfully and told the holy woman: “Please Holy One, quickly return to your original dwelling, do not be worried or sorrowful, for the offense-laden woman Yueh-Ti-Li was born in the heavens three days ago. It is said that she received the benefit of the meritorious deeds performed and the blessings cultivated by her filial child who, for her mother’s sake, practiced giving at the stupas and temples of Enlightenment-Flower Samadhi Self-Mastery King ‘Thus Come One.’ Not only has the Bodhisattva’s mother obtained release from the hell but also, all those people whose offenses destined them for the Avichi, on that day attained to bliss and were reborn together with her.”

Nói xong, quý vương chấp tay chào Thánh nữ mà cáo lui—When the ghost king had finished speaking, he withdrew with palms respectfully joined.

Bấy giờ Thánh nữ dường như chiêm bao chợt tỉnh, rõ biết việc đó rồi, bèn đối trước tượng của Đức Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai mà phát thệ nguyện rằng: “Tôi nguyện từ nay nhần đến đời vị lai những chúng sanh mắc phải tội khổ, thì tôi lập ra nhiều phương chước làm cho họ được giải thoát.”—The Brahman woman quickly returned as if from a dream understood what had happened, and then swore a deep vow before the stupas and images of Enlightenment-Flower Samadhi Self-Mastery King Thus Come One saying, “I vow to establish many expedient devices for the sake of living beings due to suffer for offenses. Until the end of future aeons, I shall cause them to obtain liberation.”

Đức Phật bảo ngài Văn Thù Sư Lợi: “Quý vương Vô Độc trước đó nay chính là ông Tài Thủ Bồ Tát. Còn Thánh Nữ Bà La Môn đó,

nay là Địa Tạng Bồ Tát vậy.”—The Buddha told Manjusri: “The Ghost King Poisonless is the present Bodhisattva Foremost Wealth. The Brahman woman is now Earth Store Bodhisattva.

## CHƯƠNG HAI—CHAPTER TWO HÓA THÂN CÙNG QUYẾN THUỘC— THE ASSEMBLING OF THE DIVISION BODIES

Lúc đó phân thân Địa Tạng Bồ Tát ở các nơi có địa ngục trăm ngàn muôn ức bất khả tư, bất khả nghị, bất khả lượng, bất khả thuyết, vô lượng vô số thế giới đều đến hội họp tại cung trời Đao Lợi. Do nhờ thần lực của Như Lai, phân thân đó hiệp với những chúng đã được giải thoát ra khỏi chốn nghiệp đạo ở mười phương, cũng đều đông đến số ngàn muôn ức na do tha, đồng cầm hương hoa đến cúng dường Phật. Những chúng cùng đến với phân thân đó, thấy đều nhờ Địa Tạng Bồ Tát giáo hóa làm cho trụ nơi đạo Vô Thượng Chánh đẳng Chánh giác trọn không còn thoái chuyển. Những chúng đó từ kiếp lâu xa đến nay trôi lăn trong vòng sanh tử ở trong sáu đường, chịu những điều khổ sở không có lúc nào tạm ngừng dứt, nhờ có lòng từ bi lớn và thế nguyện sâu dày của Ngài Địa Tạng Bồ Tát, nên tất cả đều chứng được đạo quả. Đại chúng đó khi đã đến cung trời Đao Lợi, lòng họ vui mừng hớn hở, chiêm ngưỡng Đức Như Lai mắt nhìn mãi không rời—At that time the division bodies of Earth Store Bodhisattva came and assembled in the Palace of the Trayastrimsha Heaven from a hundred thousand tens of thousand of millions of inconceivable, unutterable, immeasurable, ineffable, limitless asamkhyeyas of worlds, from all the places where there are hells. Because of the spiritual power of the ‘Thus Come One,’ each came from his own direction together with thousands of ten thousands of

millions of nayutas of those who had obtained liberation from the paths of karma. All came holding incense and flowers as offerings to the Buddha. Because of the teachings of Earth Store Bodhisattva, all those who came were irreversible from Anuttara-samyak-sambodhi, even though for long kalpas they had been wandering in birth and death, undergoing suffering within the six paths without even temporary respite. Because of Earth Store Bodhisattva’s great compassion and deep vows, however, each had attained certification to the fruit. When they came to the Trayastrimsha Heaven, their hearts jumped for joy. They gazed at the ‘Thus Come One,’ their eyes not leaving for a moment.

Bấy giờ Thế Tôn giơ tay sắc vàng xoa đánh của hóa thân Địa Tạng Bồ Tát trong trăm ngàn muôn ức bất khả tư, bất khả nghị, bất khả lượng, bất khả thuyết, vô lượng vô số thế giới, mà dạy rằng: “Ta ở trong đời ác ngũ trước giáo hóa những chúng sanh cang cường như thế, làm cho họ điều phục bỏ tà về chánh; nhưng trong mười phần vẫn còn một hai phần chúng sanh quen theo tánh ác. Muốn độ họ, ta cũng phân ngàn trăm ức thân lập ra nhiều phương chước—At that time, the World Honored One stretched forth his golden-colored arm and rubbed the crowns of all the division bodies of Earth Store Bodhisattva Mahasattva, from the hundreds of thousands of millions of inconceivable, immeasurable, ineffable, limitless asamkhyeyas of worlds, and said, “I teach and transform obstinate living beings such as these within the evil worlds of the five turbidities, causing their minds to be regulated and subdued, to renounce the deviant and return to the proper. One or two of ten, however, have bad habits remaining, and I also divide into hundreds of thousands of millions of bodies in order to establish numerous expedient devices for them.”

Trong chúng sanh đó, hoặc có người căn tánh sáng lẽ nghe pháp của Ta thời liền tín nhận. Hoặc có người phải ân cần khuyên bảo mới thành tựu, được thiện quả. Hoặc có kẻ vì tội nghiệp quá nặng nên chẳng đem lòng kính tin ngưỡng mộ—Perhaps there are those of keen and then accept with faith, or perhaps there are others of good fruits who are energetically exhorted to accomplishment. Yet, others are dark and dull and must long taught and transformed in order to effect their return, while others whose karma is heavy do not give rise to respect.

Ta phân ra nhiều thân độ thoát những hạng chúng sanh mỗi mỗi sai khác như thế. Hoặc hiện ra thân trai, hoặc hiện ra thân gái, hoặc hiện ra thân Trời, Rồng, hoặc hiện ra thân Quỷ, Thần, hoặc hiện ra rừng, núi, sông, ngòi, ao, rạch, suối, làm cho lợi ích mọi người, để rồi độ họ được giải thoát—My division bodies take across and liberate all of these manifold kinds of living beings. Perhaps, I appear in a male person or that of a woman or in the body of a god or dragon or that of a spirit or ghost. Or, I may appear as mountains, forests, streams, and springs, as rivers, lakes, fountains, or wells in order to benefit people. All of these may save beings.

Hoặc hiện ra thân Thiên Đế, hoặc hiện ra thân trời Phạm Vương, hoặc ra thân vua Chuyển Luân, hoặc hiện ra thân cư sĩ, hoặc ra thân Tể Phụ, hoặc ra thân các hàng quan thuộc, hoặc hiện ra thân Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di. Nhấn đến hiện ra những thân Thanh Văn, La Hán, Bích Chi Phật và Bồ Tát để hóa độ chúng sanh, chớ chẳng phải chỉ có thân Phật hiện ra trước đại chúng thôi đâu!—Or I may appear in the body of a Heaven King, a King of a country, a prime minister, an official, a Bhikshu, a Bhikshuni, an Upasaka, an Upasika, and so

forth including the body of a Sound Hearer, an Arhat, a Pratyeka-buddha, or a Bodhisattva, in order to teach and rescue beings. It is not only the body of a Buddha which appears before them.

Địa Tạng! Ông xem ta đã trải qua bao nhiêu số kiếp nhọc nhằn độ thoát những chúng sanh cương đẫy tội khổ khó khai hóa như thế. Ngoài ra những kẻ chưa điều phục điều phục được, thời phải theo nghiệp báo. Nếu khi họ có bị đọa vào đường dữ, chịu nhiều sự thống khổ, thời ông nên nghĩ nhớ Ta ở cung trời Đao Lợi ân cần phó chúc đây mà gắng độ chúng sanh, làm cho chúng sanh trong cõi Ta Bà này đến lúc Phật Di Lặc ra đời, đều đặng giải thoát, khỏi hẳn các điều khổ, gặp Phật, được Phật thọ ký—You see that I have toiled for many kalpas and endured many sufferings in order to liberate and take across those obstinate living beings who are difficult to transform and who suffer for their offenses. Those among them who have not yet been subdued, undergo retributions according to their karma. If they should fall into the evil destinies and endure a time of great suffering, you should remember my attentive and diligent charge to you here in the palace of the Tryastrimsha Heaven, to cause all living beings in the Saha World, until Maitreya's appearance in the world, to attain liberation, to leave suffering forever, and to encounter Buddhas and receive their predictions.

Bấy giờ, những hóa thân Địa Tạng Bồ Tát ở các thế giới hiệp chung lại một hình, rơi lệ thương cảm mà bạch cùng Đức Phật rằng: “Từ số kiếp lâu xa đến nay, con nhờ Đức Thế Tôn tiếp độ dắt dìu làm cho con được thân lực chẳng thể nghĩ bàn, đầy đủ trí huệ rộng lớn. Con phân hiện thân hình ra ở cùng khắp trăm ngàn ức hằng hà sa số thế giới. Trong mỗi thế giới hiện trăm ngàn muôn ức thân. Mỗi thân đó hóa độ trăm ngàn muôn ức người làm cho quy kính ngôi Tam Bảo, khỏi hẳn vòng sanh

tử, hưởng vui Niết Bàn—At that time the division bodies of Earth Store Bodhisattva from all the worlds returned together to a single from which, weeping with pity, said to the Buddha, “Throughout long aeons I have received the Buddha’s guidance, which has caused me to obtain inconceivable spiritual power and great wisdom. My division bodies fill as many worlds as there are grains of sand in hundreds of thousands of ten thousands of millions of Ganges River. In each of those worlds, I transform myself into ten of thousands of millions of bodies, each of which takes across hundreds of thousands of ten thousands of millions of people and causes them to respect and take refuge with the Triple Jewel, eternally leave birth and death, and reach the bliss of Nirvana.

Những chúng sanh nào ở nơi Phật pháp chỉ làm một việc lành bằng một sợi lông, một giọt nước, một hạt cát, một hạt bụi nhỏ, hoặc chỉ bằng chùng mảy lông tóc, con đều độ thoát lần lần, làm cho họ được lợi ích lớn—Even if their good deeds within the Buddhadharma are as little as a hair, a drop, a grain of sand, a mote of dust or the tip of a hair, I shall gradually cause them to be liberated and to attain great benefit.

Cúi mong đức Như Lai chớ vì những chúng sanh ác nghiệp trong đời sau mà sanh lòng lo lắng! Ngài Địa Tạng Bồ Tát bạch cùng Đức Phật ba lần như thế—In this way, he addressed the Buddha three times, “I only hope that the World Honored One will not be concerned about future living beings with evil karma.

Lúc ấy Đức Phật khen ngài Địa Tạng Bồ Tát rằng: “Hay thay! Hay thay! Ta hộ trợ cho ông được toại nguyện! Từ số kiếp lâu xa đến nay thường phát nguyện rộng lớn, cứu độ tất cả chúng sanh rồi, thời ông liền chứng quả Bồ

Đề—At that time, the Buddha praised Earth Store Bodhisattva and said, “Good indeed, good indeed, I shall help you in what you rejoice in doing so that you will be able to be successful in the completion of the great vows which you have made since distant kalpas past. Just as you finish vastly taking living beings across, you will instantly be certified as having attained Bodhi.

## CHƯƠNG BA—CHAPTER THREE

### PHẨM QUÁN CHÚNG SANH NGHIỆP DUYÊN—CONTEMPLATING THE KARMIC CONDITIONS OF LIVING BEINGS

Lúc đó Đức Phật Mẫu là bà Ma Gia Phu Như chắp tay cung kính mà hỏi Ngài Địa Tạng Bồ Tát: “Thánh Giả! Chúng sanh trong cõi Diêm Phù Đề tạo nghiệp sai khác, cảm thọ quả báo ra thế nào?”—At that time, the Buddha’s mother, the Lady Maya, placed her palms together respectfully and said to Earth Store Bodhisattva: “Holy One, the karma created by the living beings of Jambudvīpa differs. What are the retributions that they undergo in response.”

Ngài Địa Tạng Bồ Tát đáp: “Trong ngàn muôn thế giới cho đến quốc độ, hoặc nơi có địa ngục, nơi không có địa ngục, hoặc nơi có hàng nữ như, nơi không có hàng nữ như, hoặc nơi có Phật pháp, nơi không có Phật pháp, hẳn đến bậc Thanh Văn, và Bích Chi Phật, vân vân cũng sai khác như thế, chớ chẳng phải riêng tội báo nơi địa ngục sai khác thôi đâu!—Earth Store replied: “In an immeasurable (innumerable) number of worlds and lands, whether with or without hells, with or without women, the Buddhadharma, Sound-Hearers, Pratyeka-

buddhas, and so forth, the retributions of hell differ.”

Bà Ma Gia lại bạch cùng Bồ Tát rằng: “Tôi muốn nghe tội báo trong cõi Diêm Phù Đề chiêu cảm lấy ác đạo.”—The Lady Maya again said to the Bodhisattva, “I wish to hear of the evil paths that are the retributions for offenses in Jambudvipa.”

Ngài Địa Tạng đáp: “Thánh Mẫu! Tôi mong ngài lắng nghe nhận lấy, tôi sẽ lược nói việc đó.”—Earth Store Bodhisattva replied: “Holy Mother! Please listen and I will explain in general terms.”

Thánh Mẫu bạch rằng: “Xin Thánh Giả nói cho.”—The Buddha’s mother answered: “I hope that you, Holy One, will do so.”

Bấy giờ Ngài Địa Tạng Bồ Tát thưa Thánh Mẫu: “Danh hiệu của những tội báo trong cõi Nam Diêm Phù Đề như dưới đây—Earth Store Bodhisattva said to the Holy Mother, “These are the names of the retributions for offenses in Southern Jambuvipa:

- Như có chúng sanh chẳng hiếu thảo với cha mẹ, cho đến giết hại cha mẹ, kẻ đó phải đọa vào Vô Gián địa ngục mãi đến ngàn muôn ức kiếp không lúc nào mong ra khỏi được—If there are living beings who are not filial to their parents, even to extent of harming or killing them, they will fall into the Uninterrupted Hell where, for thousands of ten thousands of millions of kalpas, they will seek escape in vain.
- Như có chúng sanh nào có lòng ác, làm thân Phật bị thương chảy máu, khinh chê ngòi Tam Bảo, chẳng kính kinh điển, cũng phải đọa vào Vô Gián địa ngục, trong ngàn muôn ức kiếp không khi nào ra khỏi được—If there are living beings who shed the Buddha’s blood, who slander the Triple Jewel, and who do not

respect and venerate Sutras, they also will fall into the Uninterrupted Hell where, for thousands of ten thousands of millions of kalpas, they will seek escape in vain.

- Hoặc có chúng sanh xâm tổn của thường trụ, ô phạm Tăng Ni, hoặc tư tình làm sự dâm loạn trong chốn chùa chiền, hoặc giết, hoặc hại, vân vân. Những chúng sanh đó phải đọa vào Vô Gián địa ngục trong ngàn muôn ức kiếp không lúc nào ra khỏi được—If there are living beings who usurp or damage the property of the permanently dwelling, who defile Bhikshus or Bhikshunis, or who commit sexual acts within the Sangharama, or kill or harm beings there, they and those like them will fall into the Uninterrupted Hell where, for thousands of ten thousands of millions of kalpas, they will escape in vain.
- Như có chúng sanh giả làm Thầy Sa Môn, kỳ thật tâm chẳng phải sa Môn, lạm dụng của thường trụ, trái phạm giới luật, gạt gẫm hàng bạch y, tạo nhiều điều tội ác. Hạng người như thế phải đọa vào Vô Gián địa ngục, trong ngàn muôn ức kiếp không lúc nào mong ra khỏi được—If there are living beings who pretend to be Shramanas but whose hearts are not those of Shramanas, who make destructive use of the permanently dwelling, who swindle and deceive the white-robed, and who turn their backs on the precepts, doing all manner of evil acts, they and those like them will fall into the Uninterrupted Hell where, for thousands of ten thousands of millions of kalpas, they will seek escape in vain.
- Hoặc có chúng sanh trộm cắp những tài vật lúa gạo, đồ ăn uống, y phục, vân vân của thường trụ, cho đến không cho mà lấy một vật, kẻ đó phải đọa vào Vô Gián địa ngục trong ngàn muôn ức kiếp không lúc

nào mong ra khỏi được—If there are living beings who steal the wealth and property of the Permanently Dwelling, its grain, food, drink, and clothing or who take even a single article which has not been given to them, they will fall into the Uninterrupted Hell where, for thousands of ten thousands of millions of kalpas, they will seek escape in vain.

- Ngài Địa Tạng Bồ Tát thưa: “Thánh Mẫu! Nếu có chúng sanh nào phạm những tội như trên thì phải đọa vào địa ngục ngũ vô gián, cầu tạm ngừng sự đau khổ chừng khoảng một niệm cũng không được—Earth Store Bodhisattva continued: “Holy Mother, If living beings commit such offenses, they will fall into the Five Ways Uninterrupted Hell, and although they seek a temporary stopping of their suffering, it will not stop even for the space of a thought.

Bà Ma Gia lại bạch: “Thế nào gọi là Vô gián địa ngục?”—The Lady Maya further asked Earth Store Bodhisattva, “Why is it called the Uninterrupted Hell?”

Ngài Địa Tạng Bồ Tát thưa: “Thánh Mẫu! Bao nhiêu địa ngục ở trong núi Thiết, lớn có 18 chỗ, thứ kể đó năm trăm chỗ danh hiệu đều riêng khác nhau, thứ kể lại có ngàn trăm danh hiệu cũng đều riêng khác nhau. Nói về địa ngục Vô Gián đó, giáp vòng ngục thành hơn tám muôn dặm, thành đó thuần bằng sắt cáo đến một muôn dặm. Lửa cháy trên thành không có chỗ nào hở trống. Trong ngục thành đó có các nhà ngục liên tiếp nhau đều có danh hiệu sai khác. Riêng có một sở ngục tên là Vô Gián. Ngục này chu vi một muôn tám ngàn dặm, tường ngục cao một ngàn dặm, toàn bằng sắt cả. Lửa cháy hực hử từ trên xuống dưới. Trên tường ngục rắn sắt, chó sắt, phun lửa đuổi nhau chạy bên này sang bên kia—Earth Store replied: “Holy Mother, the

Mountains. There are 18 great hells and 500 secondary ones, their names all different. In addition, there are another hundred thousand, also with distinct names. The wall surrounding the Uninterrupted Hell is over eighty thousand miles in circumference, made entirely of iron. It is thousand miles in height, and topped by mass of fire with few breaks. Inside the wall of that hell are many interconnected hells, each with its own name. There is just one hell which is properly called Uninterrupted. Its circumference is eighteen thousand miles and its solid iron wall is a thousand miles high, surmounted by a fire the plunges toward the base and is met by a fire at the bottom that leaps upward. Iron snakes and dogs spewing fire gallop east and west atop that wall.

Trong ngục có giường rộng khắp muôn dặm. Một người thọ tội thời tự thấy thân mình nằm đầy chật cả giường, đến ngàn muôn người thọ tội cũng đều tự thấy thân của mình nằm chật cả trên giường. Đó là do vì những tội nghiệp đã tạo ra nó cảm vờ như thế—In the midst of that hell is a bed that extends for ten thousand miles. When one person undergoes punishment, that person sees his or her own body extended across and completely filling the bed; and yet when ten million people undergo punishment, each sees his or her own body completely filling the bed. Such are the retributions for various evil deeds.

Lại những người tội chịu đủ sự khổ sở. Trăm ngàn quỷ dạ xoa cùng với loài ác quỷ, răng nanh bén nhọn dường gươm, cặp mắt chói sáng như ánh chớp, móng tay cứng như đồng, móc ruột bằm chặt. Lại có quỷ dạ xoa khác cầm chĩa lớn bằng sắt đâm vào mình tội nhân, hoặc đâm trúng miệng mũi, hoặc đâm trúng bụng lưng, vân vân, rồi ném lên trên không, lấy chĩa hứng lấy, rồi để lại trên giường. Lại có điều hâu sắt mổ mắt tội nhân. Lại có rắn sắt cắn đầu tội nhân. Nơi lóng đốt khắp trong

thân thể đều lấy đinh dài đóng xuống giường, kéo lưỡi ra rồi cày bừa trên đó, lôi kéo tội nhân, nước đồng đổ vào miệng, dây sắt nóng đỏ quấn lấy thân tội nhân, một ngày một đêm, muôn lần chết muôn lần sống lại. Do vì tội nghiệp mà cảm lấy như thế, trải qua ức kiếp không lúc nào mong ra khỏi được—Moreover, the offenders undergo sufferings to the utmost. A hundred thousand yakshas, as well as evil ghosts with swordlike teeth and eyes like lightning, drag and pull them with brass-clawed hands. Moreover, there are yakshas who brandish great iron halberds, which they pass through the offenders' bodies, either through their mouths and noses, or through their bellies and backs. They toss them into space, turn them over and pull them back ; or else they place them on the bed. There are also iron eagles that peck at the offenders' eyes, and iron serpents that encircle their necks. Long nails are driven into all their limbs. Their tongues are pulled out and plowed through. Their guts are pulled out, sawed, and chopped apart. Molten brass is poured into their mouths, and their bodies are bound with hot iron. Such are their karmic retributions throughout ten thousand deaths and as many births. They pass through millions of aeons, seeking for escape in vain.

Lúc thế giới này hư hoại thời sanh nhờ qua địa ngục ở thế giới khác. Lúc thế giới khác đó hư hoại thời lại sanh vào cõi khác nữa. Lúc cõi khác đó hư hoại thời cũng xoay vần sanh vào cõi khác. Đến khi thế giới này thành xong, thời sanh trở về thế giới này. Những sự tội báo trong ngục Vô Gián như thế đó—When this world decays, they will be sent to be reborn in another world; and when that world is annihilated, they will pass in turn to those in other directions. As those worlds in other directions, too, decay, they are sent back and forth, so that after this world comes into being again, they return here. Such are the

phenomena of uninterrupted retribution for offenses.

Lại địa ngục đó do có năm điều nghiệp cảm, nên kêu là Vô Gián. Năm điều đó là—Moreover, it is called Uninterrupted due to five retributions for karma. What are they?:

- 1) Tội nhân trong đó chịu khổ ngày lẫn đêm, cho trải qua số kiếp không lúc nào ngừng nghỉ, nên gọi là Vô Gián—Punishment is undergone day and night throughout kalpas, and there is no time of respite. Therefore, it is called Uninterrupted Hell.
- 2) Một tội nhân đầy chật cả ngục, nhiều tội nhân mỗi mỗi thân cũng đều đầy chật khắp cả ngục, nên gọi là Vô Gián—One person fills it, yet many people also fill it. Therefore, it is called Uninterrupted.
- 3) Những khí cụ để hành hình tội nhân như chĩa ba, gậy, điều hâu, răn, sói, chó, cối giã, cối xay, cưa, đục, dao mác, chảo dầu sôi, lược sắt, dây sắt, lửa sắt, ngựa sắt, da sống niền dầu, nước sắt nóng rưới thân, đói thời ăn hoàn sắt nóng, khát thời uống nước sắt sôi. Từ năm trọn kiếp, đến vô số kiếp những sự khổ sở nối nhau luôn không ngừng nghỉ một giây, nên gọi là Vô Gián—The implements of punishment are forks, clubs, eagles, serpents, wolves, and dogs, which pound, grind, saw, drill, chisel, cut and chop; boiling liquids, iron nets, iron robes, iron asses, and iron hoses that flay one alive, bind one's head in rawhide, and pour hot iron over one's body, meals of iron pellets and drinks of iron fluids. Throughout many nayutas of kalpas such suffering continues without interruption. Therefore, it is called Uninterrupted.
- 4) Không luận là trai hay gái, Mưỡng, Mán, mọi rợ, già trẻ, sang hèn, hoặc là rồng, là trời, hoặc là thần, là quỷ; hễ gây tội ác theo đó mà cảm lấy, tất cả đều đồng chịu khổ, nên gọi là Vô Gián—Whether a



man, a woman, a savage, or someone old or young, honorable or lowly, a dragon or a spirit, a god or ghost, everyone must undergo retribution for the offenses he or she has committed. Therefore, it is called Uninterrupted.

- 5) Nếu người nào bị đọa vào địa ngục đó, thời từ khi mới vào cho đến trăm ngàn kiếp mỗi một ngày đêm muôn lần chết, muôn lần sống lại, muốn cầu tạm ngừng chừng khoảng một niệm cũng không được, trừ khi tội nghiệp tiêu hết mới được thọ sanh. Do vì lẽ liên miên mãi nên gọi là Vô Gián—If one falls into this hell, from the time of entry one undergoes ten thousand deaths and as many rebirths each day and night throughout a hundred thousand kalpas. One may seek relief for the space of a thought, but even such a brief pause does not happen. Only when one's karma is exhausted can one attain rebirth. Because of this continuity, it is called Uninterrupted.

Ngài Địa Tạng Bồ Tát thưa Thánh Mẫu: “Nói sơ lược về địa ngục Vô Gián như thế. Nếu nói rộng ra thời tên của những khí cụ để hành tội cùng những sự thống khổ trong địa ngục đó, dầu suốt một kiếp cũng không thể nào nói cho hết được.”—Earth Store Bodhisattva said to the Holy Mother, “This is a general description of the Uninterrupted Hell. If I were to speak extensively about the names of all the implements of punishment in the hells, and all the sufferings there, I could not finish speaking in an entire kalpa.”

Bà Ma Gia Phu Nhon nghe Ngài Địa Tạng Bồ Tát nói xong, không xiết lo rầu. Bà chấp tay đánh lễ Bồ tát mà lui ra—After hearing this, the Lady Maya placed her palms together sorrowfully, made obeisance and withdrew.

## CHƯƠNG THỨ TƯ— CHAPTER FOUR NGHIỆP CẢM CỦA CHÚNG SANH NƠI CỎI DIÊM PHÙ ĐỀ—KARMIC RETRIBUTIONS OF LIVING BEINGS OF JAMBUDVIPA

Lúc đó Ngài Địa Tạng Bồ Tát bạch cùng Đức Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Con nương sức oai thần của Đức Như Lai, nên chia thân hình này ở khắp trăm ngàn muôn ức thế giới, để cứu vớt tất cả chúng sanh bị nghiệp báo. Nếu không nhờ sức đại từ của Đức Như Lai, thời chẳng có thể biến hóa ra được như thế. Nay con lại được Như Lai phó chúc ‘từ nay đến khi ngài A Dật Đa thành Phật, làm cho chúng sanh trong sáu đường đều được giải thoát.’ Xin vâng! Bạch Đức Thế Tôn! Xin Đức Thế Tôn chớ lo!”—At that time Earth Store Bodhisattva said to the Buddha: “World Honored One! Because I have received the awesome spiritual power of the Buddha, the ‘Thus Come One,’ I divide my body and rescue living beings who are undergoing karmic retributions everywhere throughout hundreds of thousands of ten thousands of millions of worlds. If it were not for the great compassionate strength of the ‘Thus Come One,’ I would be unable to perform such changes and transformations. Now, I further receive the World Honored One’s entrustment: Until Ajita has become a Buddha, I will cause all living beings in the six paths to attain liberation. Yes, it shall be so, World Honored One; do not be concerned.”

Bấy giờ Đức Phật bảo ngài Địa Tạng Bồ Tát rằng: “Những chúng sanh mà chưa được giải thoát, tánh thức của họ không định; hễ quen làm dữ thì kết thành nghiệp báo dữ, còn quen làm lành thời kết thành quả báo lành. Làm lành cùng làm dữ tùy theo cảnh duyên mà sanh ra, lăn mãi trong năm đường không lúc

nào tạm ngừng ngớt, mê lầm chướng nạn trải đến kiếp số nhiều như vi trần. Ví như loài cá bơi lội trong lưới theo dòng nước chảy, thoát hoặc tạm được ra, rồi lại mắc vào lưới. Vì thế nên ta phải lo nghĩ đến những chúng sanh đó. Đời trước ông trót đã lập nguyện trải qua nhiều kiếp phát thệ rộng lớn, độ hết cả hàng chúng sanh bị tội khổ, thời Ta còn lo gì!”—At that time the Buddha told Earth Store Bodhisattva: “Living beings who have not yet obtained liberation have unfixed natures and consciousnesses. Their evil habits will reap karma, while their good habits will reap a corresponding fruit. Their good or evil acts arise in accordance with states, and they turn in the five paths without a moment’s rest. They pass through kalpas as numerous as motes of dust, confused, deluded, obstructed, and afflicted by difficulties, like fish swimming through nets that have been put in a stream. They may slip free of them and so temporarily escape, but then, they again are caught in the nets. It is for beings such as these that I would be concerned; but since you are completing the vows you have made in the past, and for many kalpas have renewed these mighty oaths to take across vast numbers of such offenders, I have no further cause for worry.”

Khi Đức Phật dạy lời như thế xong, trong pháp hội có một vị đại Bồ Tát hiệu là Định Tự Tại Vương ra bạch cùng đức Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Từ nhiều kiếp đến nay, Ngài Địa Tạng Bồ Tát thệ nguyện gì, mà nay được đức Thế Tôn ân cần khen ngợi như thế? Cúi mong đức Thế Tôn lược nói cho.”—When this was said, there was in the assembly, a Bodhisattva Mahasattva named Samadhi Self-Mastery King, who said to the Buddha: “World Honored One! What vows has Earth Store Bodhisattva made during each of these many kalpas that he now receives the World Honored One’s special praise? Please, World Honored One, briefly speak about this.”

Bấy giờ đức Thế Tôn bảo ngài Định Tự Tại Vương Bồ Tát: Lắng nghe! Lắng nghe! Phải khéo suy xét đó, Ta sẽ vì ông mà giải bày rõ ràng—At that time the World Honored One said to Samadhi Self-Mastery King: “Listen attentively! Listen attentively and consider this well. I shall now explain the details for you.”

Vô lượng vô số na do tha bất khả thuyết kiếp về thuở trước, lúc đó, có đức Phật ra đời hiệu là Nhứt Thiết Trí Thành Tự Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn. Đức Phật đó thọ sáu muôn kiếp. Khi ngài chưa xuất gia, thời ngài làm vua một nước nhỏ kia, kết bạn cùng với vua nước lân cận; hai vua đồng thực hành mười hạnh lành làm lợi ích cho nhân dân. Nhân dân trong nước lân cận đó phần nhiều tạo những việc ác. Hai vua cùng nhau bàn tính tìm những phương chước để dắt dìu dân chúng—Once, limitless asamkhyeyas of nayutas of ineffably many kalpas ago, there was a Buddha named All-Knowledge-Accomplished Thus Come One, One Worthy of Offerings, One of Proper and Pervasive Knowledge, One Perfect in Clarity and Conduct, Well-Gone One, Unsurpassed Knight Who Understands the World, Regulating and Subduing Hero, Teacher of Gods and Humans, a Buddha, World Honored One. That Buddha’s lifespan was sixty thousand kalpas. Before leaving home, he had been the king of a small country and had been friendly with the king of a neighboring country with whom he practiced the ten wholesome acts and benefitted living beings. Because the citizens of these two neighboring countries did many evil acts, the two kings agreed to devise large-scale expedient devices for them.

Một ông phát nguyện: ‘Tôi nguyện sớm thành Phật sẽ độ dân chúng ấy làm cho đều được giải thoát không còn thừa.’—One of the kings vowed: ‘I shall accomplish the Buddha Way quickly and then without exception, take these people across.’

Một ông phát nguyện: ‘Như tôi chẳng trước độ những kẻ tội khổ làm cho đều được an vui chứng quả Bồ Đề, thời tôi nguyện chưa chịu thành Phật’—The other king vowed: ‘If I do not first take across all those who suffer for their offenses cause them to be peaceful and happy and to attain Bodhi, I shall not accomplish Buddhahood.’

Đức Phật bảo ngài Định Tự Tại Vương Bồ Tát rằng: “Ông vua phát nguyện sớm thành Phật đó chính là đức Như Thích Trí Thành Tự Như Lai. Còn ông vua phát nguyện độ chưa hết những chúng sanh tội khổ thời chưa nguyện thành Phật đó, chính là ngài Địa Tạng Bồ Tát đây vậy.”—The Buddha told the Bodhisattva Samadhi Self-Mastery King: “The king who vowed to become a Buddha quickly is All-Knowledge-Accomplished Thus Come One. The king who vowed not to become a Buddha until he had taken across all beings who suffer for offenses, is named Earth Store Bodhisattva.”

Lại vô số kiếp về thuở trước, có đức Phật ra đời, hiệu là Liên Hoa Mục Như Lai. Đức Phật đó thọ bốn mươi kiếp. Trong thời mạt pháp, có một vị La Hán phước đức cứu độ chúng sanh. Nhờ vì đi tuần giáo hóa mọi người, La Hán gặp một người nữ tên là Quang Mục, nàng nầy sấm sửa đồ ăn cúng dường La Hán. La Hán thọ cúng rồi hỏi: “Nàng muốn những gì?”—Moreover, limitless asamkhyeyas kalpas ago a Buddha named Pure-Lotus-Eyes Thus Come One appeared in the world. His lifespan was forty kalpas. During his Dharma-Ending Age, an Arhat who planted blessings

for and took across living beings. Because he taught them and transformed in succession, he met a woman named Bright Eyes who made a meal-offering to him. The Arhat asked: “What is your wish?”

Quang Mục thưa rằng: Ngày thân mẫu tôi khuất, tôi làm việc phước thiện để nhờ đó mà cứu vớt thân mẫu tôi, chẳng rõ thân mẫu sanh vào đường nào?”—Bright Eyes replied: “On the day of my mother’s death, I performed meritorious deeds for her rescue, but I do not yet know in what path she has been born.”

La Hán nghe nói cảm thương bèn nhập định quan sát, thời thấy bà mẹ của Quang Mục đọa vào chốn địa ngục rất là khổ sở. La Hán hỏi Quang Mục rằng: “Thân mẫu người lúc sanh tiền đã làm hạnh nghiệp gì, mà nay phải đọa vào chốn địa ngục rất khổ sở như thế?”—Out of pity for her, the Arhat entered into samadhi to contemplate, and saw that Bright Eyes’ mother had fallen into an evil path where she was undergoing extreme suffering. The Arhat asked: “Bright Eyes, when your mother was alive, what deeds did she do that she should now be undergoing such extremely great suffering in an evil path?”

Quang Mục thưa rằng: “Ngày còn sống, thân mẫu tôi chỉ ưa ăn thịt loài cá trạnh, phần nhiều là hay ăn cá con và trạnh con, hoặc chiên, hoặc nấu, tha hồ mà ăn cho thỏa mãn. Nếu tính đếm số cá trạnh của người đã ăn thời đến hơn ngàn muôn. Xin tôn giả thương xót chỉ dạy phải làm cách nào để cứu thân mẫu tôi?”—Bright Eyes replied: “As to my mother’s habits, she enjoyed nothing better than eating fish, turtles and the like. She particularly relished their fried or boiled-roe, and because she was fond of eating, she took many thousands of ten thousands of lives. Oh! Venerable One! Be compassionate and take pity. How can she be saved?”

La Hán xót thương bèn dạy phương chước, ngài khuyên Quang Mục rằng: “Người phải đem lòng chí thành mà niệm đức Thanh Tịnh Liên Hoa Mục Như Lai, và vẽ đắp hình tượng đức Phật, thời kẻ còn cùng người mất đều được phước lợi!”—The Arhat pitied Bright Eyes and so, establishing an expedient device, he exhorted her, saying: “With sincere resolve, be mindful of Pure-Lotus-Eyes Thus Come One, and also make carved and painted images of him. Both those living and those who have perished will be rewarded.”

Quang Mục nghe xong, liền xuất tiền của, họa tượng Phật mà thờ cúng. Nàng đem lòng cung kính, khóc than chiêm ngưỡng đánh lễ tượng Phật. Một đêm vào lúc nửa về sáng, nàng chiêm bao thấy thân của đức Phật sắc vàng chói như núi Tu Di, đức Phật phóng ánh sáng mà bảo Quang Mục rằng: “Chẳng bao lâu đây thân mẫu ngươi sẽ thác sanh vào trong nhà của ngươi, khi vừa biết đói lạnh thời liền biết nói.”—On hearing this, Bright Eyes renounced everything she loved; afterwards she drew an image of that Buddha, and made offerings before it. Moreover, she wept sorrowfully as she respectfully gazed at and bowed to the Buddha. During the second half of the night, suddenly, as if in a dream, she saw that Buddha’s body, dazzling gold in color and as large as Mount Sumeru, emitting great light. He said to Bright Eyes: “Before long your mother will be born in your household, and as she can feel hunger and cold she will speak.”

Sau đó, đứa trẻ gái trong nhà sanh một đứa con trai, chưa đầy ba ngày biết nói. Trẻ đó buồn khóc mà nói với Quang Mục rằng: “Nghiệp duyên trong vòng sanh tử phải tự lãnh lấy quả báo. Tôi là mẹ của người, lâu nay ở chốn tối tăm. Từ khi vĩnh biệt người, tôi phải đọa vào đại địa ngục. Nhờ phước lực của người, nên

nay được thọ sanh làm kẻ hạ tiện, lại thêm số mạng ngắn ngủi, năm mười ba tuổi đây sẽ bị đọa vào địa ngục nữa. Người có phương thế gì làm cho tôi được thoát khỏi nỗi khổ sở?”—Shortly thereafter, a maidservant in the house bore a son. Before three days had passed, he spoke. Lowering his head and weeping mournfully, he said to Bright Eyes: “The karmic situation of death is such that one must undergo retributions for one’s own deeds. I am your mother and have been in darkness for a long time. Since leaving you, I have repeatedly fallen into the great hells. As a result of receiving the power of your blessings, I have been able to be reborn but only as a person of low class. My lifespan, moreover, will be short, and at the age of thirteen, I will fall into an evil path again. Do you not have some plan to effect my liberation?”

Nghe đứa trẻ nói, Quang Mục biết chắc là mẹ mình. Nàng nghẹn ngào khóc lóc mà nói với đứa trẻ rằng: “Đã là mẹ của tôi, thời phải tự biết tội của mình, đã gây tạo hạnh nghiệp chi mà bị đọa vào địa ngục như thế?”—When Bright Eyes heard those words, she knew without a doubt that they were her mother’s words and choked with sobs, she said to the servant’s child: “Since you are my mother, you should know your own past offenses. What deeds did you do that caused you to fall into the evil paths?”

Đứa trẻ đáp: “Do hai nghiệp, một là giết hại sanh vật và hai là chê bai mắng nhiếc, mà thọ báo khổ. Nếu không nhờ phước đức của người cứu nạn cho tôi, thời cứ theo tội nghiệp đó vẫn còn chưa được thoát khổ.”—The maidservant’s child answered: “I have undergone this retribution as a result of killing and slandering. If I had not received the blessings which you earned to rescue me from

difficulty, my karma would be such that I would not yet have been released.”

Quang Mục hỏi rằng: “Những việc tội báo trong địa ngục ra sao?”—Bright Eyes asked: “What happens during retribution in the hells?”

Đứa trẻ đáp rằng: “Những việc tội khổ nói ra càng bất nhẫn, dầu đến trăm ngàn năm cũng không thuật hết được.”—The maidservant’s son answered: “Merely to speak of the sufferings for offenses is unbearable, and even a hundred thousand years would not suffice to describe them all.”

Quang Mục nghe xong, than khóc rơi lệ mà bạch cùng giữa hư không rằng: “Nguyện cho thân mẫu tôi khỏi hẳn địa ngục khi mãn mười ba tuổi không còn có trọng tội cùng không còn đọa vào ác đạo nữa. Xin chư Phật trong mười phương thương xót chứng minh cho tôi, vì mẹ mà tôi phát nguyện rộng lớn như vậy như thân mẫu tôi khỏi hẳn chốn tam đồ và hạ hạ tiện cùng thân gái, cùng kiếp không còn thọ những quả báo xấu đó nữa, tôi đối trước tượng của đức Thanh Tịnh Liên Hoa Mục Như Lai mà phát lời nguyện rằng: ‘từ ngày nay nhẫn đến về sau trăm ngàn muôn ức kiếp, trong những thế giới nào mà các hàng chúng sanh bị tội khổ nơi địa ngục cùng tam ác đạo, tôi nguyện cứu vớt họ, làm cho tất cả đều thoát khỏi chốn ác đạo địa ngục, súc sanh, và ngạ quỷ, vân vân. Những kẻ mắc phải tội báo như thế thành Phật cả rồi, vậy sau tôi mới thành bậc Chánh Giác.’”—When Bright Eyes had heard that, she wept bitterly and spoke into empty space: may my mother be eternally released from the hells, and after these thirteen years may she have no more heavy offenses, but pass out of the evil paths. Oh Buddha of the ten directions, have compassion and pity me. Hear the vast, great vow which I am making for the sake of my mother. If my mother can leave the Three Paths forever, leave being of

low classes, up to and including leaving the body of a woman, and never again have to endure them, then, before the image of the Thus Come One Pure-Lotus-Eyes, I vow that from this day forth, throughout hundreds of thousands of ten thousands of millions of kalpas, wherever there are worlds, I shall respond to all living beings who are suffering in the hells and the Three Evil Paths for their offenses. I vow to rescue them and take them out the realms of the hells, hungry ghosts, animals and the like. Only after such beings who are undergoing retribution for their offenses have, without exception, become Buddhas, will I myself accomplish Right Enlightenment.”

Quang Mục phát nguyện xong, liền nghe tiếng của đức Phật Thanh Tịnh Liên Hoa Mục Như Lai dạy rằng: “Này Quang Mục! Nhà ngươi rất có lòng từ mẫn, vì mẹ mà phát ra lời thệ nguyện rộng lớn như thế, thật là hay lắm! Ta quan sát thấy mẹ ngươi lúc mãn mười ba tuổi, khi bỏ báo thân này sẽ thác sanh làm người Phạm chí sống lâu đến trăm tuổi. Sau đó vãng sanh về cõi nước Vô Ưu sống lâu đến số không tính kể. Sau rốt thành Phật độ nhiều hạng người, trời, số đông như cát sông Hằng.”—After making this vow, she heard very clearly the Thus Come One Pure-Lotus-Eyes say to her, “Bright Eyes, it is your great kindness and pity that so well enable you to make such great vows for your mother’s sake. I see that your mother will cast off this retribution after thirteen years, and will be reborn as a Brahman with a lifespan of one hundred years. After that retribution, she will be born with a lifespan of incalculable numbers of kalpas in the land of No Concern, after which she will accomplish Buddhahood and cross over vast numbers of humans and gods, as many as there are sand grains in the Ganges.”

Đức Phật bảo ngài Định Tự Tại Vương Bồ Tát rằng: “Vị La Hán phước lành độ Quang Mục thuở đó, chính là Vô Tận Ý Bồ Tát. Thân mẫu Quang Mục là ngài Giải Thoát Bồ Tát. Còn Quang Mục là ngài Địa Tạng Bồ Tát đây vậy. Trong nhiều kiếp lâu xa về trước ngài có lòng từ mẫn, phát ra hằng hà sa số lời thệ nguyện độ khắp chúng sanh như thế.”—Sakyamuni Buddha told Samadhi Self-Mastery King, “At that time, the Arhat who planted blessings for and took across Bright Eyes, is now Inexhaustible Intention Bodhisattva. The mother of Bright Eyes is now Liberation Bodhisattva, and Bright Eyes herself is now Earth Store Bodhisattva. Throughout many long aeons, because of his kindness and pity, he has made as many vows as there are sand grains in the Ganges to rescue vast numbers of living beings.”

Trong đời sau như có chúng sanh không làm lành, mà làm ác, nhẫn đến kẻ chẳng tin luật nhưn quả, kẻ tà dâm, vọng ngữ, lường thiệt, ác khẩu, kẻ hủy báng Đại Thừa. Những chúng sanh có tội nghiệp như thế chắc phải bị đọa vào ác đạo. Nếu gặp được hàng thiện tri thức khuyên bảo quy-y với ngài Địa Tạng Bồ tát, chừng trong khoảng khảy móng tay, những chúng sanh đó liền được giải thoát khỏi báo khổ nơi ba ác đạo. Nếu người nào có thể quy-kính và chiêm ngưỡng đánh lễ ngợi khen, cùng dâng cúng những y phục, đồ vật, ăn uống, các thứ trân bảo, vân vân. Thời người đó, trong trăm ngàn muôn ức kiếp sau, thường ở cõi trời hưởng thọ sự vui thắng diệu. Hoặc lúc phước trời hết, sanh xuống chốn nhưn gian, vẫn còn thường làm vị Đế Vương trong trăm ngàn kiếp, lại nhớ cội nguồn nhưn quả trong các đời trước của mình—If there are men and women in the future who do not practice what is good but do what is evil, who do not believe in cause and effect, but who indulge in sexual misconduct and false speech, who practice double-tongued and

harsh speech, and who slander the Great Vehicle, all living beings with karma like that will certainly fall into the evil paths. But if they encounter a good knowing advisor who, in the flick of a finger, leads them to take refuge with Earth Store Bodhisattva, all those living beings will obtain release from the retribution of the Three Evil Paths. If there are those whose acts show deference to him; who are respectful with determined minds; who gaze in worship, praise, and make offerings of flowers, incense, clothing, various gems, or food and drink to him, they will continually be born in the heavens. There they will enjoy supremely wonderful bliss for hundreds of thousands of ten thousands of millions of kalpas. If their heavenly merit is ended and they re born below in the world of human, they will still, throughout hundreds of thousands of kalpas, constantly be emperors and will be capable of remembering the causes and effects of their former lives from beginning to end.

Nầy Định Tự Tại Vương! Ngài Địa Tạng Bồ Tát có sức oai thần rất lớn không thể nghĩ bàn, nhiều sự lợi ích cho chúng sanh như thế. Các ông, những bậc Bồ Tát, phải ghi nhớ kinh này hầu tuyên lưu rộng ra—O, Samadhi Self-Mastery King, so it is that Earth Store Bodhisattva has such inconceivably great and awesome spiritual power to benefit vast numbers of living beings. All you Bodhisattvas should remember this Sutra and proclaim and widely spread it.”

Ngài Định Tự Tại Vương bạch Phật rằng: “Bạch Đức Thế Tôn! Xin Phật chớ lo! Ngàn muôn ức đại Bồ Tát chúng con đều có thể nương oai thần của Phật mà tuyên lưu rộng kinh này nơi cõi Diêm Phù Đề để cho lợi ích chúng sanh—Samadhi Self-Mastery King said to the Buddha: “World Honored One, please do not be concerned. We thousands of ten

thousands of millions of Bodhisattvas Mahasattvas, receiving the Buddha's awesome spirit, will certainly proclaim this Sutra widely throughout Jambudvīpa for the benefit of living beings.”

Ngài Định Tự Tại Vương Bồ Tát bạch với đức Phật xong, bèn cung kính chấp tay lễ Phật mà lui ra—Having spoken thus to the Buddha, the Bodhisattva Samadhi Self-Mastery King put his palms together respectfully, bowed, and withdrew.

Bấy giờ, Tứ Thiên Vương đồng từ chỗ ngồi đứng dậy cung kính chấp tay mà bạch cùng đức Phật rằng: “Bạch Đức Thế Tôn! Ngài Địa Tạng Bồ Tát từ kiếp lâu xa nhân lại đã phát nguyện rộng lớn như thế, tại sao ngày nay mà vẫn chưa độ hết, ngài lại còn phải phát lời nguyện rộng lớn nữa? Cúi mong Đức Thế Tôn dạy cho chúng con rõ.”—At that time the Four Heavenly Kings arose from their seats, put their palms together respectfully, and said to the Buddha: “World Honored One! Since Earth Store Bodhisattva has made great vows for so many kalpas, why then has he now yet completed his taking across of beings? Why does he continue to make such far-reaching vast vows? Please, World Honored One, explain this for us.”

Phật bảo bố vị Thiên Vương rằng: “Hay thay! Hay thay! Nay vì muốn được sự lợi ích cho chúng sanh, Ta vì các ông cùng Thiên Nhơn ở hiện tại và vị lai, mà nói những sự phương tiện của ngài Địa Tạng Bồ Tát ở trong đường sanh tử nơi Diêm Phù Đề ở Ta Bà thế giới này, vì lòng từ mẫn xót thương mà cứu vớt, độ thoát tất cả chúng sanh mắc phải tội khổ.”—The Buddha told the Four Heavenly Kings: “Excellent! Excellent! Now to bring vast benefit to you, as well as to the humans and gods of the present and future, I shall speak of earth Store Bodhisattva's works in the paths of birth and death in Jambudvīpa in the Saha World. I shall speak of his expedient devices

and of his kindness and pity in rescuing, saving, taking across, and liberating all beings who are suffering for their offenses.”

Bốn vị Thiên Vương bạch Phật: “Vâng! Bạch Đức Thế Tôn! Chúng con xin muốn được nghe.”—The Four Heavenly Kings replied: “Indeed! World Honored One! We would like to hear about his work.”

Đức Phật bảo bốn vị Thiên Vương: “Từ kiếp lâu xa nhân đến ngày nay, Ngài Địa Tạng Bồ Tát độ thoát chúng sanh vẫn còn chưa mãn nguyện, ngài thương xót chúng sanh mắc tội khổ đời này, lại quan sát vô lượng kiếp về sau, tội khổ cứ dây dưa mãi không dứt. Vì lẽ đó nên ngài lại phát ra lời trọng nguyện. Địa Tạng Bồ Tát ở trong cõi Diêm Phù Đề nơi thế giới Ta Bà, dùng trăm ngàn muôn ức phương tiện để giáo hóa chúng sanh.”—The Buddha told the Four Heavenly Kings: “From kalpas long ago until the present, Earth Store Bodhisattva has taken across and liberated living beings; yet out of kindness and pity for those beings still suffering for their offenses in this world, he has not yet completed his vows. Moreover, he sees that their causes for limitless kalpas in the future are like uncut vines, and because of this he renews his mighty vows. Thus, in the continent of Jambudvīpa, in the Saha World, this Bodhisattva teaches and transforms beings by means of hundreds of thousands of ten thousands of millions of expedient devices.”

Này bốn vị Thiên Vương!—Four Heavenly Kings!

- Ngài Địa Tạng Bồ Tát nếu gặp kẻ sát hại loài sinh vật, thời dạy rõ quả báo vì ương lụy đời trước mà phải bị chết yểu—If Earth Store Bodhisattva meets those who take life, he speaks of a retribution of a short lifespan.

- Nếu gặp kẻ trộm cắp, thời ngài dạy rõ quả báo nghèo khổ khổ sở—If he meets robbers and petty thieves, he speaks of a retribution of poverty and acute suffering.
- Nếu gặp kẻ tà dâm thời ngài dạy rõ quả báo làm chim se sẻ, bồ câu, uyên ương—If he meets those who commit sexual misconduct, he speaks of the retribution of being born as pigeons and as mandarin ducks and drakes.
- Nếu gặp kẻ nói lời thô ác, thời ngài dạy rõ quả báo quyến thuộc kinh chống nhau—If he meets those of harsh speech, he speaks of the retribution of a quarreling family.
- Nếu gặp kẻ hay khinh chê, thời ngài dạy rõ quả báo không lưỡi và miệng lở—If he meets slanderers, he speaks of the retribution of a tongueless and cankerous mouth.
- Nếu gặp kẻ quá nóng giận, thời ngài dạy rõ quả báo thân hình xấu xí tàn tật—If he meets those with anger and hatred, he speaks of being ugly and crippled.
- Nếu gặp kẻ bõn xẻn thời ngài dạy rõ quả báo cầu muốn không được toại nguyện—If he meets those who are stingy, he speaks of frustrated desires.
- Nếu gặp kẻ ham ăn, thời ngài dạy rõ quả báo đói, khát và đau cổ họng—If he meets gluttons, he speaks of the retribution of hunger, thirst and sicknesses (illnesses) of the throat.
- Nếu gặp kẻ buông lung săn bắn, thời ngài dạy rõ quả báo kinh hãi điên cuồng mất mạng—If he meets those who enjoy hunting, he speaks of a frightening insanity and disastrous fate.
- Nếu gặp kẻ trái nghịch cha mẹ, thời ngài dạy rõ quả báo trời đất tru lục—If he meets those who rebel against their parents, he speaks of the retribution of being killed in natural disasters.
- Nếu gặp kẻ đốt núi rừng cây cỏ, thời ngài dạy rõ quả báo cuồng mê đến chết—If he meets those who set fire to mountains or forests, he speaks of the retribution of seeking to commit suicide in the confusion of insanity.
- Nếu gặp cha mẹ ghẻ ăn ở độc ác, thời ngài dạy rõ quả báo thác sanh trở lại hiện đời bị roi vọt—If he meets malicious parents or step-parents, he speaks of the retribution of being flogged in future lives.
- Nếu gặp kẻ dùng lưới bắt chim non, thời ngài dạy rõ quả báo cốt nhục chia lìa—If he meets those who net and trap young animals, he speaks of the retribution of being separated from their own children.
- Nếu gặp kẻ hủy báng Tam Bảo, thời ngài dạy rõ quả báo đui, điếc, câm, ngọng—If he meets those who slander the Triple Jewel, he speaks of the retribution of being blind, deaf or mute.
- Nếu gặp kẻ khinh chê giáo pháp, thời ngài dạy rõ quả báo ở mãi trong ác đạo—If he meets those who slight the Dharma and regard the teachings with arrogance, he speaks of the retribution of dwelling in the evil paths forever.
- Nếu gặp kẻ lạm phá của thường trụ, thời ngài dạy rõ quả báo ức kiếp luân hồi nơi địa ngục—If he meets those who destroy or misuse possessions of the permanently dwelling, he speaks of the retribution of revolving in the hells for millions of kalpas.
- Nếu gặp kẻ làm ô nhục người tịnh hạnh và vu báng Tăng già, thời ngài dạy rõ quả báo ở mãi trong loài súc sanh—If he meets those who defile the pure conduct of others and falsely accuse the Sangha, he speaks of the retribution of an eternity in the animal realm.
- Nếu gặp kẻ dùng nước sôi hay lửa, chém chặt, giết hại sanh vật, thời ngài dạy rõ



quả báo phải luân hồi thường mạng lẫn nhau—If he meets those who scald, burn, behead, chop up or otherwise harm living beings, he speaks of the retribution of repayment in kind.

- Nếu gặp kẻ phá giới phạm trai, thời ngài dạy rõ quả báo cầm thú đói khát—If he meets those who violate precepts and the regulations of pure eating, he speaks of the retribution of being born as birds and beasts suffering from hunger and thirst.
- Nếu gặp kẻ ngã mạn cống cao, thời ngài dạy rõ quả báo hèn hạ bị người sai khiến—If he meets those who are arrogant and haughty, he speaks of the retribution of being servile and of low classes.
- Nếu gặp kẻ đâm thọc gây gỗ, thời ngài dạy rõ quả báo không lưỡi hay trăm lưỡi—If he meets those whose double-tongued behavior causes dissension and discord, he speaks of retribution of tonguelessness (being mute) and speech impediments.
- Nếu gặp kẻ tà kiến mê tín, thời ngài dạy rõ quả báo thọ sanh vào chốn hẻo lánh—If he meets those of deviant view, he speaks of the retribution of rebirth in the frontier regions.

Những chúng sanh trong cõi Diêm Phù Đề, từ nơi thân khẩu ý tạo tác, kết quả trăm ngàn muôn sự báo ứng như thế, nay chỉ nói sơ lược đó thôi. Những nghiệp cảm sai khác của chúng sanh trong chốn Diêm Phù Đề như thế, Địa Tạng Bồ Tát dùng trăm ngàn phương tiện để giáo hóa. Những chúng sanh ấy trước phải chịu lấy các quả báo như thế, sau lại đọa vào địa ngục trải qua nhiều kiếp không lúc nào thoát khỏi. Vì thế nên các ông là bậc bảo vệ người cùng bảo trợ cõi nước, chớ để những nghiệp chướng đó làm mê hoặc chúng sanh—That is a general description of the hundreds of thousands of differing retributions resulting

from the habitual evil deeds of body, mouth and mind committed by the living beings of Jambudvīpa. Since the living beings of Jambudvīpa have such differing karmic responses, Earth Store Bodhisattva uses hundreds of thousands of expedient means to teach and transform them. The living beings who commit offenses must first undergo retributions such as these and, then, fall into the hells, where they pass through kalpas with no moment of escape. You should therefore protect people and protect their countries. Do not allow living beings to be confused by these manifold deeds.

Bốn vị Thiên Vương nghe xong, rơi lệ than thở chấp tay lễ Phật mà lui ra—On hearing this, the Four Heavenly Kings wept sorrowfully, placed their palms together, and withdrew.

## CHƯƠNG THỨ NĂM— CHAPTER FIVE DANH HIỆU CỦA ĐỊA NGỤC—THE NAMES OF THE HELLS

Lúc đó ngài Phổ Hiền Bồ Tát thưa cùng ngài Địa Tạng: “Thưa nhơn giả! Xin ngài vì trời rồng, bát bộ, và tất cả chúng sanh ở hiện tại cùng vị lai, mà nói danh hiệu của những địa ngục là chỗ thọ báo của hạng chúng sanh bị tội khổ ở trong cõi Ta Bà cùng Diêm Phù Đề này, và nói những sự về quả báo không làm. Làm cho chúng sanh trong thời mạt pháp sau này biết rõ những quả báo đó—At that time Universal Worthy Bodhisattva Mahasattva, said to Earth Store Bodhisattva: “Human One! For the sake of the gods, dragons, and the fourfold assembly, as well as for all living beings of the present and future, please speak about the names of the hells which are places where living beings of Jambudvīpa in the Saha World who are suffering for their

offenses, undergo retribution for their evil deeds, and of the retributions undergone for evil, so that future generations of living beings in the Dharma-Ending Age will know what those retributions are.”

Ngài Địa Tạng Bồ Tát đáp: “Thưa Nhơn Giả! Nay tôi nương oai lực của chư Phật và của ngài mà nói danh hiệu của các địa ngục, cùng những sự về tội báo và ác báo—Earth Store Bodhisattva replied: “Human One! Now receiving the Buddha’ awesome spirit as well as your strength, great Bodhisattva, I shall speak in general terms of the names of the hells and describe the retributions for offenses and evil deeds.

Thưa Nhơn Giả! Phương đông của Diêm Phù Đê có dãy núi tên là Thiết Vi. Dãy núi đó tối thẫm, không có ánh sáng của mặt trời, mặt trăng, trong đó có địa ngục lớn tên là Cực Vô Giá, lại có địa ngục tên là Đại A Tỳ, lại có địa ngục tên là Tứ Giác, lại có địa ngục tên là Phi Dao, lại có địa ngục tên là Hỏa Tiễn, lại có địa ngục tên là Giáp Sơn, lại có địa ngục tên là Thông Thương, lại có địa ngục tên là Thiết Xa, lại có địa ngục tên là Thiết Sàng, lại có địa ngục tên là Thiết Ngư, lại có địa ngục tên là Thiết Y, lại có địa ngục tên là Thiên Nhãn, lại có địa ngục tên là Thiết Lư, lại có địa ngục tên là Dương Đồng, lại có địa ngục tên là Bảo Trụ, lại có địa ngục tên là Lưu Hỏa, lại có địa ngục tên là Canh Thiết, lại có địa ngục tên là Tỏa Thủ, lại có địa ngục tên là Thiêu Cước, lại có địa ngục tên là Đạm Nhãn, lại có địa ngục tên là Thiết Hoàn, lại có địa ngục tên là Tranh Luận, lại có địa ngục tên là Thiết Thù, lại có địa ngục tên là Đa Sân—Human One! East of Jambudvīpa there is a mountain range called the Iron Ring, which is totally black and has neither sun nor moonlight. There is a great hell there called Ultimately Uninterrupted, and another called Great Avichi. There is also a hell called Four

Horns, a hell called Flying Knives, a hell called Fiery Arrow, and a hell called Squeezing Mountains; a hell called Piercing Spears, a hell called Iron Carts, a hell called Iron Beds, and a hell called Iron Oxen; a hell called Iron Clothing, a hell called Thousand Blades, a hell called Iron Asses, and a hell called Molten Brass; a hell called Embracing Pillars, a hell called Flowing Fire, a hell called Plowing Tongues, and a hell called Head Chopping; a hell called Burning Feet, a hell called Eye Pecking, a hell called Pellets, and a hell called Quarreling; a hell called Iron Ax, and a hell called Much Hatred.

Ngài Địa Tạng Bồ Tát nói rằng: “Thưa Nhơn Giả! Trong dãy núi Thiết Vi có những địa ngục như thế số nhiều vô hạn. Lại có địa ngục Kiểu Oán, địa ngục Bạt Thiết, địa ngục Phần Niếu, địa ngục Đồng Tỏa, địa ngục Hỏa Tượng, địa ngục Hỏa Cầu, địa ngục Hỏa Mã, địa ngục Hỏa Ngư, địa ngục Hỏa Sơ, địa ngục Hỏa Thạch, địa ngục Hỏa Sàng, địa ngục Hỏa Lương, địa ngục Hỏa Ứng, địa ngục Cứ Nha, địa ngục Bác Bì, địa ngục Âm Huyết, địa ngục Thiêu Thủ, địa ngục Thiêu Cước, địa ngục Đảo Thích, địa ngục Hỏa Ốc, địa ngục Thiết Ốc, địa ngục Hỏa Lang—Earth Store Bodhisattva said: “Human One! There is an unlimited number of hells such as those within the Iron Ring. In addition, there is the hell of Crying Out, the hell of Pulling Tongues, and the hell of Brazen Locks; the hell of Fire Elephants, the hell of Fire Dogs, the hell of Fire Horses, and the hell of Fire Oxen; the hell of Fire Mountains, the hell of Fire Stones, the hell of Fire Beds, and the hell of Fire Beams; the hell of Fire Eagle, the hell of Sawing Teeth, the hell of Flaying Skin, and the hell of Blood Drinking; the hell of Burning Hands, the hell of Burning Feet, the hell of Impaling Thorns, and the hell of Fire Rooms; the hell of Iron Rooms, and the hell of Fire Wolves.

Những địa ngục như thế trong đó mỗi ngục lớn lại có những ngục nhỏ, hoặc một, hoặc hai, hoặc ba, hoặc bốn, nhấn đến trăm ngàn, trong số đó, danh hiệu chẳng đồng nhau—Such are the hells, and within each of them there are either one, or two, or three, or four or as many as hundreds of thousands of smaller hells, each with its own name.

Ngài Địa Tạng Bồ Tát nói với ngài Phổ Hiền rằng: “Thưa Nhơn Giả! Đó đều do chúng sanh trong cõi Diêm Phù Đề làm những điều ác mà tùy nghiệp chiêu cảm ra những địa ngục như thế. Nghiệp lực rất lớn, có thể sánh với núi Tu Di, có thể sâu dường như biển cả, có thể ngăn đạo Thánh. Vì thế chúng sanh chớ khinh điều quấy nhỏ mà cho là không tội, sau khi chết đều có quả báo dầu mảy mún đều phải chịu lấy—Earth Store Bodhisattva told Universal Worthy Bodhisattva: “Human One! Such are the karmic responses of the living beings of Jambudvīpa who commit evil deeds. The power of karma is extremely great and can rival Mount Sumeru; it can deepen the great ocean and obstruct the sagely Way. For this reason, living beings should not look lightly upon slight small evil, considering them not to be offenses; for after death, retribution is undergone in the most exact detail.

Chí thân như cha với con, mỗi người cũng theo nghiệp của mình mà đi khác đường, dầu cho có gặp nhau cũng chẳng bằng lòng chịu khổ thay nhau. Nay tôi nương oai lực của Đức Phật mà nói sơ lược những sự tội báo nơi địa ngục. Trông mong Nhơn Giả lắng nghe lời đó—Fathers and sons have the closest relationship, but their roads diverge and each goes his own way. Even if they should meet, neither would consent to undergo suffering in the other’s place. Now, drawing on the awesome spiritual power of the Buddha, I shall speak in general about the retributions

for offenses in the hells. Please, Human One, listen for a moment to what I am going to say.

Ngài Phổ Hiền Bồ Tát đáp: “Dầu từ lâu tôi đã rõ tội báo nơi ba đường ác đạo rồi, nhưng tôi muốn nhơn giả nói ra để làm cho tất cả chúng sanh có tâm hạnh ác trong đời mạt pháp sau này, nghe được lời dạy của nhơn giả, mà biết quy hướng về giáo pháp của Phật—Universal Worthy Bodhisattva replied: “I have long known of the retributions of the Three Evil Paths. I hope that Human One will discuss them, so that living beings who do what is evil in the future time of the Dharma-Ending Age, hearing the Human One’s words, will be brought to take refuge with the Buddha.

Ngài Địa Tạng Bồ Tát nói: “Thưa Nhơn Giả! Những sự tội báo trong chốn địa ngục như vậy: Hoặc có địa ngục kéo lưỡi tội nhân ra mà cho trâu cày trên đó, hoặc có địa ngục moi tim tội nhân cho quỷ Dạ Xoa ăn, hoặc có địa ngục vạc dầu sôi sùng sục nấu thân tội nhân, hoặc có địa ngục đốt cột đồng cháy đỏ rồi bắt tội nhân ôm lấy. Hoặc có địa ngục từng bực lửa lớn tấp vào mình tội nhân, hoặc có địa ngục toàn là băng giá, hoặc có địa ngục đầy phần tửu, hoặc có địa ngục lao gai chông sắt, hoặc có địa ngục đâm nhiều giáo lửa. Hoặc có địa ngục chỉ đập vai lưng, hoặc có địa ngục chỉ đốt chân tay, hoặc có địa ngục cho rắn sắt quấn cắn, hoặc có địa ngục xua đuổi chó sắt, hoặc có địa ngục đóng ách lừa sắt—Earth Store Bodhisattva said: “Human One! Such are the retribution in the hells for offenses. There can be a hell in which offender’s tongue is stretched out and plowed through by cattle; or a hell in which the offender’s heart is pulled out and eaten by yakshas; or a hell in which offender’s body is fried in cauldrons of boiling oil; or a hell in which offender’s body is made to embrace a red-hot bronze pillar; or a hell in which the offender is followed everywhere by fire; or a hell in which cold

and ice are ever present; or a hell in which there is limitless excrement and urine; or a hell filled with nothing but flying maces; or a hell in which there are many collections of fiery spears; or a hell in which one is constantly beaten on the chest and back; or a hell in which one's hands and feet are burned; or a hell in which the offender is wrapped and bound by iron serpents; or a hell in which one is pursued by running iron dogs; or a hell in which the offender is stretched between iron mules.

Nhơn Giả! Những quả báo như thế trong mỗi ngục có trăm ngàn khí cụ để hành hình, đều bằng đồng, bằng sắt, bằng đá, bằng lửa. Bốn loại khí cụ này do các hạnh nghiệp quý ác của chúng sanh mà cảm vờ ra. Nếu tôi thuật rõ cả những sự về tội báo ở địa ngục, thời trong mỗi ngục lại có trăm ngàn thứ khổ sở, huống chi là nhiều ngục! Nay tôi nương sức oai thần của Đức Phật và vì nhơn giả hỏi mà nói sơ lược như thế. Nếu nói rõ cả thời cùng kiếp nói cũng không hết—Human One! In such retributions, in each hell there are a hundred thousand kinds of utensils for the working out of karma, and all are made of copper, iron, stone, or fire. Those four materials operate in response to amassed karma. If I were to explain in detail the retributions in the hells for offenses, in each and every hell there are hundreds of thousands of additional kinds of acute suffering. How much more numerous are the sufferings in many hells! Now, having drawn upon the awesome spirit of the Buddha, and in response to the Human One's question, I have given this general explanation; for if I spoke in detail, I would not finish for kalpas.

## CHƯƠNG THỨ SÁU— CHAPTER SIX NHƯ LAI TÁN THÁN—THE THUS COME ONE'S PRAISE

Lúc đó khắp thân của Đức Thế Tôn phóng ra ánh sáng lớn soi khắp đến trăm ngàn muôn ức hằng hà sa côi nước các chư Phật; trong ánh sáng đó vang ra tiếng lớn bảo khắp các côi nước của chư Phật rằng: “Tất cả các hàng đại Bồ Tát và trời, rồng, quỷ, thần, vân vân lắng nghe hôm nay ta khen ngợi rao bày những sự của ngài Địa Tạng Bồ Tát ở trong mười phương thế giới, hiện ra sức từ bi oai thần không thể nghĩ bàn, để cứu giúp tất cả tội khổ chúng sanh. Sau khi ta diệt độ, thời hàng Bồ Tát Đại sĩ, các ông cùng với trời, rồng, quỷ, thần, vân vân, nên dùng nhiều phương tiện để gìn giữ kinh này, làm cho tất cả mọi loài chúng sanh đều thoát khỏi tất cả sự khổ, mà chứng cảnh vui của Niết Bàn—At that time the World Honored One emitted a great bright light from his entire body, totally illuminating as many Buddha-Worlds as there are grains of sand in hundreds of thousands of ten thousands of millions of Ganges Rivers. With a great sound he spoke to all the Bodhisattvas Mahasattvas, of all these Buddha-Worlds, as well as to the gods, dragons, ghosts and spirits, humans, non-humans and the others, saying: “Listen today, as I am going to praise and extol Earth Store Bodhisattva Mahasattva, who manifests great power of inconceivable awesome spirit, kindness and compassion, throughout the worlds of the ten directions, to rescue and protect living beings from suffering for all their offenses. After my extinction, all of you Bodhisattvas, great knights, and all of you gods, dragons, ghosts, spirits, and others should extensively practice, using expedient devices for the sake of protecting this sutra and causing all living beings to testify to the bliss of Nirvana.”

Sau khi Phật nói xong lời ấy, trong pháp hội có một vị Bồ Tát tên là Phổ Quảng cung kính chấp tay mà bạch cùng Đức Phật: “Bạch Đức Thế Tôn! Nay con nghe đức Thế Tôn khen ngợi ngài Địa Tạng Bồ Tát có đức oai thần rộng lớn không thể nghĩ bàn như thế. Trông mong đức Thế Tôn lại vì những chúng sanh trong thời mạt pháp này, mà tuyên nói các sự nhơn quả của ngài Địa Tạng Bồ Tát làm lợi ích cho hàng trời người. Làm cho hàng trời, rồng, bát bộ và chúng sanh trong đời sau kính vâng lời của Đức Phật.”—After the Buddha had spoken, a Bodhisattva named Universally Expansive arose from the midst of the assembly, placed his palms together respectfully, and said to the Buddha: “World Honored One! We now observe the World Honored One praising the Earth Store Bodhisattva, for having such inconceivably great and awesome spiritual virtue. World Honored One, for the sake of future living beings in the Dharma-Ending Age, please proclaim for us the deeds of cause and effect by which Earth Store Bodhisattva has benefitted people and gods; causing all the gods, dragons, and the remainder of the eightfold division, as well as living beings of the future, to receive the Buddha’s teaching respectfully.”

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo Phổ Quảng Bồ Tát cùng trong tứ chúng rằng: “Lắng nghe! Lắng nghe! Ta sẽ vì các ông nói lược về những sự phước đức của ngài Địa Tạng Bồ Tát làm lợi ích cho người cùng trời.”—At that time the World Honored One said to the Bodhisattva Universally Expansive, to the fourfold assembly, and others, “Listen attentively! Listen attentively! I will briefly describe for you how Earth Store Bodhisattva’s deeds of blessings and virtues have benefitted people and gods.”

Ngài Phổ Quảng Bồ Tát bạch Phật: “Vâng! Bạch đức Thế Tôn! Chúng con hoan hỷ xin nghe.”—Universally Expansive Bodhisattva replied: “So be it, World Honored One. We shall be glad to listen.”

Đức Phật bảo ngài Phổ Quảng Bồ Tát: “Trong đời sau, như có người thiện nam tử thiện nữ nhân nào nghe được danh hiệu của Địa Tạng Bồ Tát, hoặc là chấp tay, hoặc là ngợi khen, hoặc là đánh lễ, hoặc là luyến mộ, người đó sẽ qua khỏi tội khổ trong ba mươi kiếp—The Buddha told the Bodhisattva Universally Expansive: “If, in the future, good men or good women hear Earth Store Bodhisattva Mahasattva’s name, if they place their palms together in respect, praise, bow to, or fix their gaze on him, they will overcome the offenses of thirty kalpas.

Này Phổ Quảng! Như có kẻ thiện nam tử hay thiện nữ nhân nào hoặc là họa vẽ hình tượng của Ngài Địa Tạng Bồ Tát rồi chùng một lần chiêm ngưỡng, một lần đánh lễ, người đó sẽ được sanh lên cõi trời Đạo Lợi một trăm lần, không còn phải bị sa đọa vào ác đạo nữa. Ví dầu ngày kia phước trời đã hết mà sanh xuống nhơn gian, cũng vẫn làm vị quốc vương, không hề mất sự lợi lớn—Universally Expansive, if good men or good women either paint; or draw; or use clay, stone, lacquerware, gold, silver, brass or iron to make this Bodhisattva’s image, gaze at it and bow but once, they will be reborn one hundred times in the Heaven of the Thirty-Three and will eternally avoid falling into the evil paths. If their heavenly blessings become exhausted and they are born below in the human realm, they will be kings of countries and not lose their great benefits.

Như có người nữ nào nhàm chán thân gái, hết lòng cúng dường tượng vẽ của Địa Tạng Bồ

Tát, và những tượng cất bằng đất, đá, keo, sơn, đồng, sắt, vân vân. Ngày ngày thường đem hoa, hương, đồ ăn, đồ uống, y phục, gấm lụa, tràng phan, tiền bạc, vật báu, vân vân cúng dường như thế mãi không thôi. Người thiện nữ đó sau khi mãn một thân gái hiện tại, thời đến trăm ngàn muôn ức kiếp còn không sanh vào cõi nước có người nữ, huống nữa là thọ thân gái! Trừ khi vì lòng từ phát nguyện cần phải thọ thân gái để độ chúng sanh. Nương nơi phước cúng dường Địa Tạng Bồ Tát và sức công đức đó, trong trăm ngàn muôn kiếp chảng còn thọ thân người nữ lại nữa—If there are women who detest the body of a woman, and who wholeheartedly make offerings to Earth Store Bodhisattva's image, whether the image be a painting or made of clay, stone, laquerware, brass, iron, or some other material, and if they do so day after day without fail, continually using flowers, incense, food, drink, clothing, colored silks, banners, money, jewels, and other items as offerings, when the female bodies received and retribution in that particular life by those good women come to an end, for hundreds of thousands of ten thousands of aeons, they will never again be born in worlds where there are women, much less be reborn as one, unless it be through the strength of their compassionate vows to take on a woman body voluntarily in order to liberate living beings. By receiving the powers resulting from these offering to Earth Store and the power of meritorious virtue, they will not undergo retribution in the bodies of women throughout hundreds of thousands of ten thousands of aeons.

Lại nữa, Phổ Quảng Bồ Tát! Nếu có người nữ nào chán thân xấu xí và nhiều bệnh hoạn, đến trước tượng của Ngài Địa Tạng Bồ Tát chí tâm đánh lễ chường trong khoảng một bữa ăn, người nữ đó trong ngàn vạn kiếp thọ sanh được thân hình tướng mạo xinh đẹp không có bệnh tật. Người nữ xấu xí đó nếu không nhàm

chán thân gái, thời trăm ngàn muôn ức đời thường làm con gái nhà vua cho đến làm vương phi, dòng dõi nhà quan lớn cùng con gái các vị đại trưởng giả, tướng mạo đoan trang xinh đẹp. Do vì có lòng chí thành chiêm ngưỡng đánh lễ hình tượng của ngài Địa Tạng Bồ Tát mà được phước như thế—Moreover, Universally Expansive, if a woman who dislikes being ugly and prone to illness, simply gazes at and bows to an image of Earth Store Bodhisattva with sincere resolve for even the space of a single meal, throughout thousands of ten thousands of aeons, she will always receive a body with perfect features. If that ugly woman does not dislike the body of a woman, during hundreds of thousands of ten thousands of millions of lives, she will always be the daughter or wife or a member of a royal family, of a prime minister, of a great family or the daughter of an elder and be born with well-formed features. Because of her sincere resolve, she will obtain such blessings from gazing at and bowing to Earth Store Bodhisattva.

Lại nữa, này Phổ Quảng! Như có người thiện nam tử thiện nữ nhân nào có thể đối trước tượng của Địa Tạng Bồ Tát mà thổi các thứ kỹ nhạc, ngâm ca khen ngợi, dùng hương hoa cúng dường, cho đến khuyến hóa được một hay nhiều người. Những hạng người đó ở trong đời hiện tại cùng thuở vị lai, thường được trăm ngàn vị quỷ thần ngày đêm theo hộ vệ còn không cho những việc hung dữ đến tai người đó, huống là cho người đó phải chịu các tai vạ bất ngờ!—Moreover, Universally Expansive, if a good man or good woman is able to play music, sing or chant praises and make offerings of incense and flowers before that Bodhisattva's image, and is able to exhort another person or many others to do the same, both now and in the future, such a person will be surrounded day and night by hundreds of thousands of ghosts and spirits

who will even present bad news from reaching his cars, much less allow him on her personally to have any accidents.

Lại nữa, nầy Phổ Quảng Bồ Tát! Trong đời sau như có người ác và ác thần, ác quỷ nào thấy kẻ thiện nam tử thiện nữ nhân quy-y cung kính, cúng dường ngợi khen chiêm ngưỡng, đánh lễ hình tượng của Ngài Địa Tạng Bồ Tát, mà vọng sanh khinh chê là không có công đức cùng không có sự lợi ích, hoặc nhả răng ra cười, hoặc chê sau lưng hay chê trước mặt, hoặc khuyên bảo người khác cùng chê, hoặc khuyên bảo một người hay nhiều người cùng chê, cho đến sanh lòng chê bai trong chừng một niệm. Thời những kẻ như thế đến sau khi một ngàn đức Phật trong Hiền Kiếp nhập diệt cả, bị tội báo khinh chê nên còn ở trong địa ngục A Tỳ chịu khổ rất nặng. Qua khỏi Hiền Kiếp nầy mới được thọ thân ngọc quý, rồi mãi đến một ngàn kiếp sau mới thọ thân súc sanh; lại trải qua đến một ngàn kiếp nữa mới được sanh làm người. Dầu được làm người nhưng ở vào hạng bần cùng hèn hạ tật nguyên, hay bị những nghiệp ác ràng buộc vào thân, không bao lâu phải sa đọa vào ác đạo nữa. Nầy Phổ Quảng! Khinh chê người khác cúng dường mà còn mắc phải tội báo xấu khổ như thế, huống nữa là tự sanh ác kiến mà khinh chê phá diệt!—Moreover, Universally Expansive, in the future evil men, evil spirits, or evil ghosts, may see good men or good women taking refuge with, respectfully making offerings to, praising, beholding and bowing to Earth Store Bodhisattva's image. Those evil beings may wrongly ridicule and malign the acts or worship as profitless (non-beneficial or without benefit) and devoid of meritorious qualities. They may laugh so their teeth show, or condemn them behind their backs, or exhort others to do likewise, whether one person or many; or they may even produce just one single thought of slanders. In the Avichi Hell,

such beings will undergo the utmost in severe punishment as retribution for their ridicule and they will remain there even after the thousand Buddhas of the Worthy Aeons have passed into extinction. Only after the aeons will they be reborn among the hungry ghosts, where they will pass a thousand more aeons before being reborn as animals. Only after another thousand aeons will they obtain a human body. Yet even though they receive a human body, their faculties will be deficient, they will be poor and of low classes, and their minds will be considerably bound by their evil karma. Before long, they will fall into the evil paths again. Therefore, Universally Expansive, since those who ridicule and malign offerings made by others undergo these retributions, how much worse will it be if they particularly give rise to evil views, and malign and destroy them.

Lại nữa, nầy Phổ Quảng Bồ Tát! Trong đời sau, như có người nam người nữ nào đau nằm liệt mãi trên giường gối, cầu sống hay muốn chết cũng đều không được. Hoặc đêm nằm chiêm bao thấy quỷ dữ đến cho đến kẻ thân thích trong nhà, hoặc thấy đi trên đường nguy hiểm, hoặc bị bóng đè, hoặc với quỷ thân cùng đi. Trải qua nhiều tháng nhiều năm, đến nổi thành bệnh lao, bệnh bại, vân vân. Trong giấc ngủ kêu réo thê thảm sâu khổ. Đây đều bị nơi nghiệp đạo luận đối chưa quyết định là khinh hay trọng, nên hoặc là khó chết, hoặc là khó lành. Mắt phạm tục của kẻ nam người nữ không thể biện rõ việc đó, chỉ phải nên đối trước tượng của chư Phật, Bồ Tát, to tiếng mà tụng đọc kinh nầy một biến. Hoặc lấy những món vật riêng của người bệnh thường ưa tiếc, như y phục, đồ quý báu, nhà cửa ruộng vườn, vân vân đối trước người bệnh cất tiếng lớn mà xưng lên rằng: “Chúng tôi tên đó, họ đó, nay vì người bệnh nầy đối trước kinh tượng đem những của vật nầy hoặc cúng dường kinh tượng, hoặc tạo hình tượng của Phật, Bồ Tát,

hoặc xây dựng chùa tháp, hoặc sắm đèn dầu thắp cúng, hoặc cúng vào cửa thường trụ. Xướng lên như vậy ba lần để cho người bệnh được nghe biết. Giả sử như thần thức của người bệnh đã phân tán đến hơi thở đã dứt, thời hoặc một ngày, hai ngày, ba ngày, bốn ngày, cho đến bảy ngày, cứ lớn tiếng xướng bạch như trên và lớn tiếng tụng kinh này. Sau khi người bệnh đó mạng chung thời đầu cho từ trước có tội vạ nặng nhẩn đến năm tội vô gián, cũng được thoát khỏi hẳn, thọ sanh vào đâu cũng thường nhớ biết việc đời trước. Huống nữa là người thiện nam tử thiện nữ nhân nào tự mình biên chép kinh này, hoặc bảo người biên chép, hoặc tự mình đắp vẽ hình tượng của Bồ Tát, cho đến bảo người khác vẽ đắp, người đó khi thọ quả báo chắc được nhiều phước lợi lớn—Moreover, Universally Expansive, in the future, men or women may long be bedridden and in spite of their wishes be unable either to get well or to die. At night, they may dream of evil ghosts, of family and relatives or of wandering on dangerous paths. In numerous nightmares, they may roam with ghosts and spirits. As these dreams continue over a period of days, months, and years, such persons may weaken and waste away, cry out in pain in their sleep and become depressed and melancholic. All of this is due to the degree of severity of their evil karmic paths being unresolved, so they both have difficulty dying and cannot be cruel. The ordinary eyes of men and women cannot recognize such things. Then, one should simply recite this Sutra once in a loud voice before images of the Buddhas and Bodhisattvas or one should offer possessions which the sick one cherishes, such as clothing, jewels, gardens, or houses, chanting in a loud voice before the sick person. “I, so and so, before this Sutra and image, give all these items on behalf of this sick person, as offerings to the sutra and images; or to make images of Buddhas and Bodhisattvas, or to

construct temples and monasteries, or to light oil lamps, or as a donation to the permanently dwelling.” In such a manner one should tell the sick person three times of the offerings being made, informing him so that he both hears and understand them. If all his consciousnesses have been scattered and his breath has stopped, then for one, two, three, four, and on through seven days, one should simply read this sutra in a loud voice. When that person’s life has ended, he will achieve eternal liberation from all the heavy and disastrous offenses committed in his former lives, even offenses that receive Five-Ways Uninterrupted retribution. He will be born in a place where he will always know his past lives. How much greater will the karmic reward be if a good man or good woman writes this sutra out himself, or tells others to do so. If he carves or paints images himself, or tells others to do so! They will definitely be greatly benefited.

Này Phổ Quảng Bồ Tát! Vì thế nên, nếu ông thấy có người nào đọc tụng kinh này, cho đến chỉ trong một niệm ngợi khen kinh này, hoặc có lòng cung kính đối với kinh, thời ông cần phải dùng trăm ngàn phương tiện khuyến hóa người đó, phát lòng siêng năng chớ dừng thối thất, thời có thể được trăm ngàn muôn ức công đức không thể nghĩ bàn ở hiện tại và vị lai—Therefore, Universally Expansive; if you see people reading and reciting this sutra or even having a single thought of praise for it, or if you meet someone who reveres it, you should employ hundreds of thousands of expedients to exhort such people to be diligent and not retreat. In both the present and the future, they will be able to obtain thousands of ten thousands of millions of inconceivable meritorious virtues.

Lại nữa này Phổ Quảng Bồ Tát! Như những chúng sanh đời sau, hoặc trong giấc ngủ, hoặc



trong chiêm bao thấy các hạng quỷ thần nhấn đến các hình lạ, rồi hoặc buồn bã, hoặc khóc lóc, hoặc rầu rĩ, hoặc than thở, hoặc hãi hùng, hoặc sợ sệt, vân vân. Đó đều là vì hoặc cha mẹ, con em, hoặc chồng vợ, quyến thuộc trong một đời, mười đời, hay trăm đời, ngàn đời về thuở quá khứ bị đọa lạc vào ác đạo chưa ra được khỏi, không biết trông mong vào phước lực nơi nào để cứu vớt nỗi khổ não, nên mới về mách bảo với người có tình cốt nhục trong đời trước cầu mong làm phượng tiện gì để hầu được thoát khỏi ác đạo. Nầy Phổ Quảng! Ông nên dùng sức oai thần, khiến hàng quyến thuộc đó đối trước hình tượng của chư Phật, chư Bồ Tát chí tâm tụng kinh này, hoặc thỉnh người khác đọc đủ số ba biến hoặc đến bảy biến. Như vậy là kẻ quyến thuộc đương mắc trong ác đạo kia, khi tiếng tụng kinh đủ số mấy biến đó xong sẽ được giải thoát, cho đến trong khi mơ ngủ không còn thấy hiện về nữa—Moreover, Universally Expansive, when dreaming or drowsy, living beings in the future may see ghosts, spirits, and other forms that are either sad, weeping, or worried, fearful or terrified. Those are all fathers, mothers, sons, daughters, brothers, sisters, husbands, wives and relatives from one, ten, a hundred, or a thousand lives past who have not yet been able to leave the evil paths. They have no place from which to hope for the power of blessings to rescue them, and so they tell their flesh-and-blood descendants to establish expedient devices for them so that they might leave the evil paths. Universally Expansive, using your spiritual power, you should cause all these descendants to recite this sutra with sincere resolve before the images of Buddhas or Bodhisattvas, or to request others to recite it, either three or seven times. When the Sutra has been sounded the proper number of times, relatives in the evil paths will obtain liberation and never again be seen by those who are dreaming or drowsy.

Lại nữa nầy Phổ Quảng Bồ Tát! Như đời sau này có những hạng người hạ tiện, hoặc tớ trai, hoặc tớ gái, nhấn đến những kẻ không được quyền tự do, rõ biết là do tội nghiệp đời trước gây ra nên cần phải sám hối đó, thời nên chí tâm chiêm ngưỡng, đánh lễ hình tượng của ngài Địa Tạng Bồ Tát. Rồi trong bảy ngày niệm danh hiệu của Địa Tạng Bồ Tát đủ một muôn biến. Những người trên đó sau khi mãn báo thân hạ tiện ở hiện đời trong ngàn muôn đời về sau thường sanh vào bậc tôn quý, trọn không bao giờ còn phải sa đọa vào ba đường ác khổ nữa—Moreover, Universally Expansive, in the future, lowly people, bondsmen, serving maids, and others who are not free, may be aware of their past deeds and wish to repent of them and to reform. If while gazing at and worshipping Earth Store Bodhisattva's image with sincere resolve for seven days, they are able to recite his name a full ten thousand times, then when their current retribution ends, those people will always be born into wealth and honor, for thousands of ten thousands of lives; how much the less pass through any of the sufferings of the Three Evil Paths.

Lại nữa nầy Phổ Quảng Bồ Tát! Về trong thuở về sau này, nơi cõi Diêm Phù Đề, trong hàng Sát Đế Lợi, Bà La Môn, trưởng giả, cư sĩ, tất cả các hạng người, và những dân tộc dòng họ khác, như có người nào mới sanh để hoặc con trai hoặc con gái, nội trong bảy ngày, sớm vì đứa trẻ mới sanh ra đó mà tụng kinh điển không thể nghĩ bàn này, lại vì đứa trẻ mà niệm danh hiệu của Ngài Địa Tạng Bồ Tát đủ một muôn biến. Được vậy thời đứa trẻ hoặc trai hay gái mới sanh ra đó, nếu đời trước nó có gây tội vạ chi cũng được thoát khỏi cả, nó sẽ an ổn vui vẻ dễ nuôi, lại thêm được sống lâu. Còn như nó là đứa nương nơi phước lực mà thọ sanh, thời đời nó càng được an vui hơn, cùng sống lâu hơn—

Moreover, Universally Expansive, if in the future in Jamubvipa there are Kshatriyas, Brahmans, Elders, Upasakas, and others of various names and clans who have newborn sons or daughters, they should recite this inconceivable Sutra and recite the Bodhisattva's name a full ten thousand times during the seven days before the child's birth. If that newly born child, whether male or female, was to have undergone a disastrous retribution for past lives, it will be liberated from that retribution and be peaceful, happy, easily raised and long-lived. If it was to have received a life of blessings, its peace and happiness will be increased as will its lifespan.

Lại nữa này Phổ Quảng Bồ Tát! Trong mỗi tháng, những ngày mồng một, mồng tám, mười bốn, rằm, mười tám, hăm ba, hăm bốn, hăm tám, hăm chín, và ba mươi, mười ngày trên đây là ngày các nghiệp tội kết nhóm lại để định là nặng hay nhẹ. Tất cả những cử chỉ động niệm của chúng sanh trong cõi Nam Diêm Phù Đề không có điều gì chẳng phải là tội lỗi, huống nữa là những kẻ buông lung giết hại, trộm cắp, tà dâm, vọng ngữ trăm điều tội lỗi. Về đời sau, nếu có chúng sanh nào trong mười ngày trai kể trên đây, mà có thể đối trước hình tượng của chư Phật, Bồ Tát, Hiền, Thánh để đọc tụng kinh này một biến, thời chung quanh chỗ người đó ở bốn hướng đông, tây, nam, bắc trong khoảng một trăm do tuần không có xảy ra những việc tai nạn. Còn chính nhà của người đó ở, tất cả mọi người hoặc già, hoặc trẻ về hiện tại và vị lai đến trăm ngàn năm xa khỏi hẳn ác đạo. Trong mười ngày trai trên đây nếu có thể mỗi ngày tụng một biến kinh này, thời trong đời hiện tại hay làm cho người trong nhà không phải mắc bệnh tật bất ngờ, đồ ăn mặc dư dật—Moreover, Universally Expansive, on the first, eighth, fourteenth, fifteenth, eighteenth, twenty-third, twenty-fourth, twenty-eighth,

twenty-ninth, and thirtieth days of the lunar month, the offenses of living beings are tabulated and their gravity assessed. Since every single movement or stirring of thought on the part of the living beings of Jambudvipa is karma and an offense, how much more likely are they to incur offenses when they give free reign to their emotions and commit killing, stealing, sexual misconduct and false speech. The variety of these offenses is hundred and thousand-fold. If they are able to recite this Sutra once on these ten days, before the images of Buddhas, Bodhisattvas, or Worthy Sages, there will be no disasters for one hundred yojanas to the north, south, east and west. Those in their families, both old and young, now and in the future, will be apart from the evil paths throughout hundreds of thousands of years. If they can recite it once on each of these ten vegetarian days, there will be no accidents or illnesses in the family, and there will be food and clothing in abundance.

Này Phổ Quảng! Vì thế nên biết rằng Ngài Địa Tạng Bồ Tát có bất khả thuyết trăm ngàn muôn ức những sự oai thần lực lớn nhiều sự lợi ích cho chúng sanh như thế. Chúng sanh trong cõi Diêm Phù Đề này có duyên lớn với Ngài Địa Tạng Đại Sĩ. Những chúng sanh đó hoặc được nghe danh hiệu của Địa Tạng Bồ Tát, hoặc thấy được hình tượng của Địa Tạng Bồ Tát, cho đến nghe chững ba chữ hay năm chữ trong kinh này, hoặc một bài kệ hay một câu, thời những người đó hưởng sự an vui lạ thường trong đời hiện tại, trăm ngàn muôn đời vị lai thường được thác sanh vào nhà tôn quý, thân hình xinh đẹp—Therefore, Universally Expansive, you should know that such beneficial deeds are performed by Earth Store Bodhisattva through use of his indescribable hundreds of thousands of ten thousands of millions of kinds of great and awesome spiritual powers. The living beings of

Jambudvīpa have strong affinities with this Great Knight, and if they hear the Bodhisattva's name, see his image or hear but three or five words, a verse or sentence of this Sutra, they will obtain particularly wonderful peace and happiness in this present life. Through hundreds of thousands of ten thousands of future lives, they will always be handsome or beautiful, and they will be born into honorable and wealthy families.

Khi nghe Đức Phật Như Lai tuyên bày ngợi khen ngài Địa Tạng Đại Sĩ xong, ngài Phổ Quang Bồ Tát liền quỳ xuống chấp tay mà bạch Phật rằng: “Bạch Đức Thế Tôn! Từ lâu con đã biết rõ vị Đại Sĩ này có thần lực cùng đại nguyện lực không thể nghĩ bàn như thế rồi, song nay vì muốn những chúng sanh trong đời sau này rõ biết các sự lợi ích đó, nên con mới bạch hỏi cùng đức Như Lai. Vâng! Con xin cung kính tin nhận lời Phật dạy. Bạch Đức Thế Tôn! Kinh này đặt tên là gì và định cho con lưu bố thế nào?”—At that time, after Universally Expansive Bodhisattva had heard the Buddha, the Thus Come One, extol and praise Earth Store Bodhisattva, he knelt with one knee on the ground, and placed his palms together, and again addressed the Buddha, saying: “World Honorable One, have long known that this Great Knight has both such inconceivable spiritual powers and such great strength of vows. I have questioned the ‘Thus Come One’ so that living beings in the future will know of these benefits, and I shall receive the answer most respectfully. World Honored One, how should this Sutra be titled and how should we propagate it?”

Đức Phật bảo ngài Phổ Quang Bồ Tát: “Kinh này có ba danh hiệu, một là Địa Tạng Bồ Nguyện Kinh, hai là Địa Tạng Bồ Hạnh Kinh, ba là Địa Tạng Bồ Thế Lực Kinh. Do vì ngài Địa Tạng Bồ Tát từ thuở kiếp lâu xa đến nay phát nguyện rộng lớn làm lợi ích cho

chúng sanh, cho nên các ông phải đúng theo tâm nguyện mà lưu hành truyền bá kinh này.”—The Buddha said to Universally Expansive: “This Sutra has three titles, the first is The Past Vows Of Earth Store Bodhisattva; it is also called Earth Store's Past Conduct; it is also called Sutra Of The Power Of Earth Store's Past Vows. Because this Bodhisattva has made such great and mighty vows over long aeons to benefit living beings, you should all propagate the Sutra in accord with his vows.”

Nghe Đức Phật dạy xong, ngài Phổ Quang Bồ Tát tin chịu, chấp tay cung kính lễ Phật rồi lui ra—After Universally Expansive had heard this, he placed his palms together respectfully, make obeisance and withdrew.

## CHƯƠNG THỨ BẢY— CHAPTER SEVEN LỢI ÍCH CHO KẺ CÒN NGƯỜI SỐNG— BENEFITTING THE LIVING AND THE DEAD

Lúc đó Ngài Địa Tạng Đại Bồ Tát bạch cùng đức Phật rằng: “Bạch đức Thế Tôn! Con xem xét chúng sanh tâm động niệm không chi là chẳng phải tội. Nếu gặp những việc về pháp sự lợi lành phần nhiều thối thất tâm tốt ban đầu. Còn hoặc khi gặp duyên sự bạo ác chẳng lành lại lần lần thêm lớn. Những hạng người trên đó như kẻ mang đá nặng đi trong bùn lầy, càng nặng thêm và càng khốn khổ thêm, chân đạp lún lút sâu. Những người đó hoặc gặp hàng thiện tri thức đội đùm đá bớt cho, hoặc là đội đùm hết cả, vì hàng thiện tri thức đó có sức rất khỏe mạnh, lại dịu dờ người ấy khuyên gắng làm cho người ấy mạnh chơn lên. Nếu khi ra khỏi bùn lầy đến chỗ đất bằng phẳng rồi thời cần phải xét nghĩ đến con đường hiểm xấu ấy, đừng có đi vào đó nữa—

at that time Earth Store Bodhisattva Mahasattva, said to the Buddha: “World Honored One, I see that every single movement of stirring of thought on the part of living beings of Jambudvīpa is an offense, and that those living beings discard the wholesome benefits they have obtained, many of them retreating from their initial resolve. If they encounter evil conditions, they increase with every thought. Such people are like a man carrying a heavy rock through the mud. It gradually becomes more difficult as the stone becomes heavier, and he sinks deeper with every step. He may meet a mentor who aids him to lessen his burden, or, because that mentor has great power, he may bear the entire burden. Moreover, he will assist him and urge him to plant his feet firmly on the ground. If he reaches level ground he should remain aware of the evil road, and never traverse it again.

Bạch đức Thế Tôn! Những chúng sanh quen theo thói ác, bắt đầu từ mảy mún rồi dần đến nhiều vô lượng. Đến khi những chúng sanh quen theo thói chẳng lành ấy sắp sửa mạng chung, thời cha mẹ cùng thân quyến vì người đó mà tu tạo phước lành để giúp tiền đồ cho người đó. Hoặc treo phan lọng và thấp đèn dầu, hoặc chuyển đọc Tôn Kinh, hoặc cúng dường tượng Phật cùng hình tượng của các vị Thánh, cho đến niệm danh hiệu của Phật và Bồ Tát cùng Bích Chi Phật, làm cho một danh hiệu thấm vào lỗ tai của người sắp mạng chung, hoặc là ở nơi bốn thức nghe biết—World Honored One! The habitual evil of living beings extends from the subtlety of a hair to an immeasurable degree. Since all beings have such habits, their parents or relatives should create blessings for them when they are on the verge of dying in order to assist them on the road ahead. This may be done by suspending banners and canopies, lighting oil lamps, reciting the venerated

Sutras, or making offerings before the images of the Buddhas and the Sages; and by reciting the names of Buddhas, Bodhisattvas, and Pratyeka-buddhas so that the recitation of each name passes by the ear of the dying one or is heard in his fundamental consciousness.

Cứ theo nghiệp ác của người đó đã gây tạo, suy tính đến quả báo, thời đáng lẽ người đó phải bị đọa vào ác đạo, song nhờ thân quyến vì người đó mà tu nhưn duyên Thánh đạo, cho nên các điều tội ác của người đó thấy đều tiêu sạch. Như sau khi người đã chết, lại có thể trong bốn mươi chín ngày vì người ấy mà tu tạo nhiều phước lành, thời có thể làm cho người chết đó khỏi hẳn chốn ác đạo, được sanh lên cõi trời hoặc trong loài người hưởng lấy nhiều sự rất vui sướng, mà kẻ thân quyến hiện tại đó cũng được vô lượng điều lợi ích—The result of evil karma created by living beings may be reckoned as certain to make them fall into the evil destinies, yet if when they are near death, their relatives cultivate the planting of these sagely causes for them, their many offenses will all be destroyed. If within the period of forty-nine days after a person’s death, the relatives do many good deeds, that can cause the dead one to leave the evil paths forever, to be born among humans or gods, and to enjoy supremely wonderful bliss. The benefits that accrue to their current relatives are also unlimited.

Vì lẽ trên đó nên nay con đối trước đức Thế Tôn cùng với hàng Trời, Rồng, bát bộ chúng, người với phi nhân, vân vân mà có lời khuyên bảo những chúng sanh trong cõi Diêm Phù Đề, ngày lâm chung, kẻ thân thuộc phải cẩn thận chớ có giết hại và chớ gây tạo nghiệp chẳng lành, cũng đừng tế lễ quỷ thần, hay cầu cúng ma quái. Vì sao thế? Vì giết hại cho đến tế lễ đó, không có một mảy mún chi lợi ích cho người chết cả, chỉ có kết thêm tội duyên của người đó, làm cho càng thêm sâu nặng

hơn thôi. Giả sử người chết đó hoặc là đời trước hay đời hiện tại vừa rồi, đã chứng được phần Thánh quả, sẽ sanh vào cõi Trời, người, nhưng bị vì lúc lâm chung, hàng thân thuộc gây tạo những nghiệp như không lành, cũng làm cho người chết đó mắc lấy ương lụy phải đối biện, chặm sanh vào chốn lành. Huống gì là người kia chết, lúc sanh tiền chưa từng làm được chút phước lành, đều theo ác nghiệp của họ gây tạo mà tự phải sa đọa vào ác đạo. Hàng thân thuộc nữ nào lại làm cho tội nghiệp của người ấy nặng thêm! Cũng ví như, có người từ xứ xa đến, tuyệt lương thực đã ba ngày, đồ vật của người đó mang vác nặng hơn trăm cân, bỗng gặp kẻ lân cận lại gởi một ít đồ vật nữa, vì vậy mà người xứ xa đó càng phải khốn khổ nặng nề thêm—Therefore, before the Buddha, the World Honored One, as well as before the gods, dragons, and the rest of the eightfold division, both human and non-human, I now exhort the living beings of the Jambudvīpa to be careful not to harm, kill or create evil conditions, or to worship or make sacrifices to ghosts, spirits, or seek anything from Wang Liang on the day of death. Why? The beings which you harm, kill, worship and make sacrifices to, do not even have a tiny hairs breadth of power with which to benefit those who have perished. Such activities merely bind up the conditions of offense so that they grow ever deeper and more heavy. The dead one might be due to receive a sagely portion and be born among humans and gods in his next life or in the future, but because of the evil causes planted by his relatives when he was close to death, he is further burdened by having to argue and plead his own case, so his rebirth in a good place is delayed. How much the more is this the case for a person on the verge of death who has not even planted a few good roots in this life. Everyone must personally undergo the evil destinies in accordance with his or her own deeds. It is even more unbearable when

relatives add to those deeds. It is as if a man had been traveling from a distant place with a load of more than a hundred pounds and had been cut off from his provisions for three days. If he were suddenly to encounter a neighbor who gave him a few more things to carry, his load would become heavier and more distressing.

Bạch đức Thế Tôn! Con xem xét những chúng sanh trong cõi Diêm Phù Đề, ở nơi trong giáo pháp của Phật, nếu có thể làm việc phước lành cho đến chừng bằng sợi lông, giọt nước, bằng một hạt cát, một mảy bụi nhỏ, thời tất cả chúng sanh đó đều tự mình được lợi ích cả—World Honored One, as I contemplate the living beings of Jambudvīpa, I see that they themselves will completely benefit from any good deed they are able to do within the Buddha’s teaching, even if it is as small as a strand of hair, a drop of water, a grain of sand or a mote of dust.

Khi nghe ngài Địa Tạng nói lời như thế xong, trong pháp hội có một vị trưởng giả tên là Đại Biện. Ông trưởng giả này từ lâu đã chứng quả vô sanh hiện thân trưởng giả để hóa độ chúng sanh trong mười phương, ông chấp tay cung kính mà thưa hỏi ngài Địa Tạng Bồ Tát rằng: “Thưa Đại Sĩ! Trong cõi Nam Diêm Phù Đề có chúng sanh nào sau khi mạng chung, mà hàng quyến thuộc hoặc kẻ lớn người nhỏ, vì người chết đó mà tu các công đức, cho đến thiết trai cúng dường, làm những phước lành, thời người chết đó có được ích lợi lớn cùng được giải thoát chăng?”—After this had been said, an elder in the assembly whose name was Great Eloquent, who had long since certified to non-production, and who appeared in the body of an elder to teach and transform those in the ten directions, placed his palms together respectfully, and asked Earth Store Bodhisattva: “Great Knight, when the young and old relatives of the dead in Southern Jambudvīpa cultivate meritorious virtues for

the dead by preparing vegetarian meals and by planting other good causes, does the dead one benefit greatly and become liberated?”

Ngài Địa Tạng Bồ Tát đáp rằng: “Này ông trưởng giả! Nay tôi vì tất cả chúng sanh trong hiện tại cùng thưở vị lai sau, nương nơi oai thần của đức Phật mà lược nói về việc đó. Này ông trưởng giả! Những chúng sanh ở hiện tại hay vị lai, lúc sắp mạng chung mà nghe danh hiệu của một vị Bồ Tát hay danh hiệu của một vị Bích Chi Phật, thời không luận là có tội cùng không tội đều được giải thoát cả—Earth Store replied: “Elder, based on the awesome power of the Buddha, I will now explain this matter, in a general way, for the sake of living beings of the present and future . Elder, if living beings of the present and future on the day when they are approaching their end, hear the name of one Buddha, one Bodhisattva, or one Pratyeka-budha, they will all attain liberation whether they have offenses or not.

Như có người nam cùng người nữ nào lúc sanh tiền không tu tạo phước lành mà lại gây lấy những tội ác, sau khi người này mạng chung, hàng thân quyến kẻ lớn người nhỏ vì người chết mà tu tạo phước lợi, làm tất cả việc về Thánh đạo, thời trong bảy phần công đức người chếtặng một phần, còn sáu phần công đức thuộc về người thân quyến hiện lo tu tạo đó. Bởi vì cố trên đây, nên những người thiện nam cùng thiện nữ ở hiện tại và vị lai, nghe lời nói vừa rồi đó nên cố gắng mà tu hành thời đặng hưởng trọn phần công đức—If a man or a woman who did not cultivate good causes and who has committed many offenses while alive, has young and old relatives who perform for their sake all kinds of holy deeds which create blessings and benefits for them, they will increase one-seventh of the benefit, and sixth-sevenths will accrue to those who help them. Therefore, if all good men and

women of the present and future hear this and do their own cultivation while they are still in good health, each and every portion will accrue to them.

Con quý dữ vô thường kia không hẹn mà đến, thần hồn vẫn mờ mịt chưa rõ là tội hay phước, trong bốn mươi chín ngày như mây như khói, hoặc ở tại các ty sở để biện luận về nghiệp quả, khi thẩm định xong thời cứ y theo nghiệp quả mà thọ lấy quả báo. Trong lúc mà chưa biết chắc ra làm sao đó thời đã ngàn muôn sầu khổ, hưởng là phải bị đọa vào các ác đạo—The arrival of the great ghost of impermanence is unexpected, so the spirit roams in the darkness and obscurity, not knowing what constitutes offenses and what constitutes blessings. For forty-nine days it is as if one were stunned and deaf, or as if in the courts arguing over one’s karmic retribution. Once judgment has been fixed, rebirth is undergone in accordance with one’s deeds. In the time before it has been determined, there is suffering of thousands of ten thousands of worries. How much more is that the case for those who are to fall into the evil paths.

Thần hồn người chết đó khi chưa được thọ sanh, ở trong bốn mươi chín ngày luôn luôn trông ngóng hàng cốt nhục thân quyến tu tạo phước lành để cứu vớt cho. Qua khỏi bốn mươi chín ngày thời cứ theo nghiệp mà thọ lấy quả báo. Người chết đó, nếu là kẻ có tội thời trải qua trong trăm ngàn năm không có ngày nào được thoát khỏi. Còn nếu là kẻ phạm năm tội vô gián thời phải đọa vào đại địa ngục chịu mãi những sự đau khổ trong ngàn kiếp muôn kiếp—Throughout the forty-nine days one whose life has ended and who has not yet been reborn, in every thought hopes that all his flesh-and-blood relatives will earn blessings powerful enough to rescue him or her. At the end of that time, one undergoes retribution according to one’s

karma. If one is an offender, one passes through a hundred thousand years without a day of being liberated. If one's offenses deserved Five-Ways Uninterrupted retribution, one falls into the great hells, where one undergoes constant suffering for offenses during thousands of ten thousands of aeons.

Lại nữa, này ông trưởng giả! Sau khi những chúng sanh gây phạm tội nghiệp như thế mạng chung, hàng cốt nhục thân quyến có làm chay để giúp thêm phước lành cho người chết đó. Thời khi sấm sửa chưa rồi, cùng trong lúc đương làm chớ có đem nước gạo, lá rau, vân vân đổ vãi ra nơi đất, cho đến các thứ đồ ăn chưa cúng dường cho Phật cùng chư Tăng thời chẳng ăn trước. Nếu như ăn trái phép và không được tinh sạch kỹ lưỡng, thời người chết đó trọn không được mấy phước nào cả. Nếu có thể kỹ lưỡng giữ gìn tinh sạch đem dâng cúng cho Phật cùng Tăng, thời trong bảy phần công đức người chết hưởng được một phần. Này ông trưởng giả! Vì thế nên những chúng sanh trong cõi Diêm Phù Đề, sau khi cha mẹ hay người thân quyến chết, nếu có thể làm chay cúng dường, chí tâm cầu khẩn thời những người như thế, kể còn lẫn người mất đều đặn lợi ích cả.”—After a living being with such karmic offenses dies, one's flesh-and-blood relatives may prepare a vegetarian offering to aid one in one's karmic path. In doing this, they should not throw rice-washing water or vegetable leaves on the ground during the preparation of the meal, or before it has been eaten; and all food that has not first been offered to the Buddha and Sangha must not be eaten. If there is a laxness or transgression in this matter, the deceased will not receive any strength from it. If purity is vigorously maintained in making the offering to the Buddha and Sangha, the deceased will receive one-seventh of the merit. Therefore, elder, if the living beings of Jambudvīpa make

vegetarian offerings for their deceased fathers, mothes, and relatives and make earnest supplication on their behalf, it will benefit both the living and the dead.

Lúc ngài Địa Tạng nói lời này tại cung trời Đao Lợi có số ngàn muôn ức na do tha quý thân cõi Diêm Phù Đề, đều phát tâm Bồ Đề vô lượng. Ông trưởng giả Đại Biện vui mừng vâng lời dạy, làm lễ mà lui ra—After this had been said, the thousands of ten thousands of millions of nayutas of ghosts and spirits of Jambudvīpa who were in the palace of the trayastrimsha Heaven, all brought forth an unlimited resolve for Bodhi. The elder, Great Eloquence, made obeisance and withdrew.

## CHƯƠNG THỨ TÁM— CHAPTER EIGHT PHẨM NGỢI KHEN CỦA CÁC VUA DIÊM LA—THE PRAISES OF THE MULTITUDES OF KING YAMA

Lúc đó trong dãy núi Thiết Vi có vô lượng vị Quý Vương cùng với vua Diêm La đồng lên cung trời Đao Lợi đến chỗ của Đức Phật. Các vị Quý Vương đó tên là Ác Độc Quý Vương, Đa Ác Quý Vương, Đại Trách Quý Vương, Bạch Hổ Quý Vương, Huyết Hổ Quý Vương, Xích Hổ Quý Vương, Tấn Ương Quý Vương, Phi Thân Quý Vương, Điển Quang Quý Vương, Lang Nha Quý Vương, Đạm Thú Quý Vương, Phụ Thạch Quý Vương, Chủ Hao Quý Vương, Chủ Họa Quý Vương, Chủ Phước Quý Vương, Chủ Thực Quý Vương, Chủ Tài Quý Vương, Chủ Súc Quý Vương, Chủ Cầm Quý Vương, Chủ Thú Quý Vương, Chủ Mị Quý Vương, Chủ Sản Quý Vương, Chủ Mạng Quý Vương, Chủ Tật Quý Vương, Chủ Hiểm Quý Vương, Tam Mục Quý Vương, Tứ Mục Quý Vương, Ngũ Mục Quý Vương, Kỳ Lợi Thất Quý Vương, Đại Kỳ Lợi Thất Quý Vương, Kỳ

Lợi Xoa Quỷ Vương, Đại Kỳ Lợi Xoa Quỷ Vương, A Na Tra Vương, Đại A Na Tra Vương. Những đại Quỷ Vương như thế, vân vân, mỗi vị cùng với trăm ngàn Tiểu Quỷ Vương, cả thảy ở trong cõi Diêm Phù Đề, đều có chức trách, đều có phần chủ trì—At that time from within the Iron Ring Mountain came to the god Yama, and with him limitless ghost kings, all of whom appeared before the Buddha in the Trayastrimsha Heaven: the Ghost King Evil Poison, the Ghost King Many Evils, the Ghost King Great Argument, the Ghost King White Tiger, the Ghost King Blood Tiger, the Ghost King Crimson Tiger, the Ghost King Who Brings Disasters, the Ghost King Flying Body, the Ghost King Lightning Flash, the Ghost King Wolf Tooth, the Ghost King Thousand Eyes, the Ghost King Animal Eater, the Ghost King Rock Bearer, the Ghost King Lord of Bad News, the Ghost King Lord of calamities, the Ghost King Lord of Food, the Ghost King Lord of Wealth, the Ghost King Lord of Domestic Animals, the Ghost King Lord of Birds, the Ghost King Lord of Beasts, the Ghost King Lord of Mountain Spirits, the Ghost King Lord of Birth, the Ghost King Lord of Life, the Ghost King Lord of Sickness, the Ghost King Lord of Danger, the Ghost King Three Eyes, the Ghost King Four Eyes, the Ghost King Five Eyes, Ch'i-Li-Ch'a King, the Great Ch'i-Li-Ch'a King, the No-Ch'a King, the Great No-Ch'a King, and other such great ghost kings. Each was there together with hundreds of thousands of minor ghost kings, who dwelt throughout Jambudvipa, each of whom had an attachment, something they controlled.

Các vị Quỷ Vương đó cùng với vua Diêm La nương sức oai thần của đức Phật, và oai lực của ngài Địa Tạng đại Bồ Tát, đồng lên đến cung trời Đao Lợi đứng qua một phía. Bấy giờ, vua Diêm La quỳ gối chấp tay bạch cùng đức Phật rằng: “Bạch Đức Thế Tôn! Nay

chúng con cùng các vị Quỷ Vương nương sức oai thần của đức Phật và oai lực của ngài Địa Tạng Bồ Tát mới được lên đến đại hội cung trời Đao Lợi này, mà cũng là vì chúng con đặng phước lành vậy. Nay chúng con có chút việc nghi ngờ, dám bạch hỏi đức Thế Tôn, cúi xin đức Thế Tôn từ bi vì chúng con mà chỉ dạy cho.”—Aided by the Buddha’s awesome spirit and the power of Earth Store Bodhisattva Mahasattva, all these ghost kings, as well as the god Yama, came together in the Trayastrimsha heaven and stood off to one side. The god Yama, knelt on one knee, placed his palms together, and said to the Buddha: “World Honored One! Aided by the Buddha’s awesome spirit and the power of Earth Store Bodhisattva, all these ghost kings and I have been able to come to this great assembly in the Trayastrimsha Heaven. There is now a small doubt that I should like to express, and I hope the World Honored One will be compassionate and resolve it.”

Đức Phật bảo vua Diêm La rằng: “Cho phép ông hỏi, Ta sẽ vì ông mà dạy rõ.”—The Buddha told the god Yama: “As you will, I shall speak for you.”

Bấy giờ vua Diêm La chiêm ngưỡng đánh lễ đức Thế Tôn và ngó ngoái lại Ngài Địa Tạng Bồ Tát, rồi lại bạch cùng đức Phật rằng: “Con xem xét ngài Địa Tạng Bồ Tát ở trong sáu đường dùng trăm ngàn phương tiện để cứu độ những chúng sanh mắc phải tội khổ, ngài không từ mệt nhọc. Ngài Địa Tạng Bồ Tát đây có những thần thông không thể nghĩ bàn được như thế, nhưng sao hàng chúng sanh vừa đặng thoát khỏi tội báo, không bao lâu lại phải bị đọa vào ác đạo nữa?—At that time, the god Yama, looked respectfully at the World Honored One, made obeisance, turned his head to acknowledge Earth Store Bodhisattva, and then said to the Buddha: “World Honored One! As I contemplate, I see



that Earth Store Bodhisattva uses hundreds of thousands of expedient devices to take across living beings who suffer for their offenses within the six paths of birth, I see that he does so without the least fatigue or weariness. Such are the deeds that this great Bodhisattva performs with his inconceivable, spiritual penetrations; deeds that liberate living beings from retribution for their offenses. Nonetheless, before long, they fall back into their evil ways.

Bạch đức Thế Tôn! Ngài Địa Tạng Bồ Tát đã có thần lực chẳng thể nghĩ bàn như thế, nhưng tại vì cớ sao hàng chúng sanh chẳng chịu nương về đường lành để được giải thoát mãi mãi? Cúi xin đức Thế Tôn dạy rõ việc đó cho chúng con.”—World Honored One! Since Earth Store Bodhisattva has such great inconceivable spiritual power, why do living beings do not rely on it, stay with their good ways, and eternally hold to their liberation? Please, World Honored One, explain this for me.”

Đức Phật bảo vua Diêm La rằng: “Chúng sanh trong cõi Diêm Phù Đề tánh tình cứng cổ khó dạy khó sửa. Ngài Địa Tạng Bồ Tát đây trong trăm ngàn kiếp đã từng cứu vớt những chúng sanh đó làm cho sớm được giải thoát.”—The Buddha told the god Yama: “The living beings of Jambudvipa have stubborn and obstinate nature; difficult to tame and difficult to subdue. This great Bodhisattva time after time, rescue such living beings throughout hundreds of thousands of aeons, and causes them to obtain liberation quickly.”

Những người bị tội báo cho đến bị đọa vào đường ác lớn, ngài Địa Tạng Bồ Tát dùng sức phương tiện nhỏ sạch cội gốc nghiệp duyên, mà làm cho chúng sanh đó nhớ biết những công việc ở đời trước. Tại vì chúng sanh trong cõi Diêm Phù Đề kết nghiệp dữ, phạm tội

nặng, nên vừa ra khỏi ác đạo, rồi trở vào lại, làm nhọc cho ngài Địa Tạng Bồ Tát phải trải qua nhiều số kiếp lo lắng để cứu độ cho họ—The Bodhisattva extricates from their own basic karmic conditions such people who must undergo retribution for their offenses, including those who have fallen into the paths of great evil, and then he leads them to understand the events of their past lives. The living beings of Jambudvipa naturally become bound up with heavy bad habits, which cause them to resolve in and out of the various paths. This Bodhisattva must labor for them over many long aeons to bring about their liberation.

Ví như có người quên mất nhà mình, đi lạc vào con đường hiểm, trong con đường hiểm đó có rất nhiều thứ quý Dạ Xoa, cùng hùm sói, sư tử, rắn độc, bò cạp. Người quên đường đó ở trong đường hiểm chừng giây lát nữa sẽ bị hại. Có một vị tri thức hiểu nhiều pháp thuật lạ, có thể trừ sự độc hại đó, cho đến có thể trừ quỷ Dạ Xoa, các loài ác độc, vân vân chợt gặp người quên lạc kia đang muốn đi thẳng vào con đường hiểm nạn, bèn vội bảo rằng: “Ô hay! Này ông kia! Có duyên sự gì mà vào con đường hiểm nạn này? Ông có pháp thuật lạ gì có thể ngăn trừ các sự độc hại chẳng?”—They are like a man who becomes confused, loses his original home, and mistakenly takes a dangerous path on which there are many yakshas, tigers, wolves, lions, serpents, and vipers. Such a confused person would be poisoned in an instant on that path. When a mentor with much understanding and many skills, who is good at counteracting all the noxious poisons of the yakshas and the others, suddenly encounters the confused man about to enter the dangerous road, the mentor says to him: “Say! You fellow, why are you taking this road? What rare skills do you have to deal with all that poison.

Người lạc đường đó, bỗng nghe lời hỏi trên mới rõ là đường hiểm nạn, bèn lui trở lại muốn ra khỏi đường hiểm nạn đó. Vị thiện tri thức ấy nắm tay dìu dắt, dẫn người lạc lối đó ra ngoài đường hiểm nạn, khỏi các sự độc hại đến nơi con đường tốt, làm cho được an ổn rồi bảo rằng: “Này người lạc đường! Từ nay về sau chớ có đi vào con đường hiểm nạn đó nữa, ai mà vào con đường hiểm đó, ắt khó ra khỏi đặng, lại còn phải bị tổn mạng.”—The confused traveler who suddenly hears such words then knows that it is dangerous path, and fitting to go back, so he seek for a way out. The good mentor then takes him by the hand and, avoiding all the noxious poisons, leads him off the dangerous path. They reach a good way and he become happy and at peace. His mentor then say to him: “Say! Confused one, from now on do go back onto that path, for those who take it, immediately find they have a difficult time getting out. Moreover, it is damaging to their very life.”

Người lạc đường đó cũng sanh lòng cảm trọng. Lúc từ biệt nhau, vị tri thức lại dặn thêm: “Nếu ông có gặp kẻ quen người thân cùng những người đi đường, hoặc trai hay gái, thời ông bảo cho họ biết con đường đó có rất nhiều sự độc hại vào đó ắt phải tổn tánh mạng, chớ để cho những người ấy tự vào chỗ chết!”—The confused traveler thanks him profusely and as they are about to separate, the advisor, says to him: “If you see those whom you know personally, as well as other travelers, be they men or women, tell them that there are many poisons and evils on that path which can cause them to lose their very lives. Do not let that multitude seek their own deaths.”

Vì thế nên ngài Địa Tạng Bồ Tát đủ đức từ bi lớn, cứu vớt chúng sanh mắc tội khổ muốn cho họ sanh lên cõi trời cõi người để hưởng lấy sự vui sướng tốt đẹp. Những chúng sanh

tội khổ đó rõ biết sự khốn khổ trong con đường ác nghiệp rồi, khi đã được ra khỏi, chẳng còn trở vào nữa—That is the reason Earth Store Bodhisattva, replete with great compassion, rescue living beings who suffer for their offenses and causes them to be born among humans and gods, where they enjoy wonderful bliss. All offenders, knowing the sufferings of the path of evil karma, obtain release and never travel it again.

Như người quên đường kia lạc vào đường hiểm, gặp vị thiện tri thức dẫn dắt cho ra khỏi không bao giờ còn lạc vào nữa. Gặp gỡ người khác lại bảo chớ vào đường ấy, tự nói rằng mình là quên đường nên đi lạc vào đó, nay đặng thoát khỏi rồi, trọn hẳn không còn trở vào đường đó nữa. Nếu còn đi vào đường ấy nữa, thời là còn mê lầm không biết đó là con đường hiểm nạn mà mình đã từng sa lạc rồi, hoặc đến nỗi phải mất mạng. Như chúng sanh bị đọa vào chốn ác đạo, ngài Địa Tạng Bồ Tát dùng sức phương tiện cứu vớt cho được thoát khỏi, sanh vào cõi trời, rồi cũng vẫn trở vào ác đạo nữa. Nếu chúng sanh đó kết nghiệp ác quá nặng, thời ở mãi chốn địa ngục không lúc nào được thoát khỏi—They are like the lost person who mistakenly took a dangerous path but who, having encountered a good advisor who led him out, does not ever take that road again. Moreover, when he meets others, he urges them not to take it by saying ‘I took that road myself because I was confused, but having been liberated, I will not take it again. If I were to tread upon it again, I would still be lost and unaware that it was the dangerous path I had fallen upon before, and perhaps would lose my life.’ This is like those who have fallen into the evil paths and, because of the powerful expedient devices of Earth Store Bodhisattva, are reform among men or gods, but then fall into the evil paths again. If one’s karmic bonds are heavy, one dwells in the hells forever, without liberation.

Bấy giờ Ác Độc Quỷ Vương, chắp tay cung kính bạch cùng đức Phật rằng: “Bạch đức Thế Tôn! Chúng con là hàng Quỷ Vương số đông vô lượng, ở trong cõi Diêm Phù Đề, hoặc có vị làm lợi ích cho người, hoặc có vị làm tổn hại cho người, mỗi mỗi đều không đồng nhau. Nhưng vì nghiệp báo khiến quyến thuộc chúng con đi qua thế giới ác nhiều lành ít. Đi qua sân nhà người, hoặc thành ấp, xóm làng, trại vườn, ruộng nhà, trong đó như có người trai kẻ gái nào tu được chút phước lành bằng mấy lông sợi tóc, cho đến treo một lá phan, một bảo cái, chút hương, chút hoa cúng dường tượng Phật cùng tượng Bồ Tát, hoặc đọc tụng Tôn Kinh, đốt hương cúng dường một bài kệ một câu kinh, vân vân. Hàng Quỷ Vương chúng con cung kính làm lễ người đó như kính lễ các đức Phật thuở quá khứ, đương hiện tại, cùng lúc vị lai. Chúng con truyền các hàng Tiểu quỷ có oai lực lớn, và kẻ có phần chức trách về cuộc đất đai đó, đều phải hộ trợ giữ gìn, còn chẳng cho việc dữ cùng sự tai nạn bất kỳ, bệnh tật hiểm nghèo thành linh, cho đến những việc không vừa ý đến gần chỗ của các nhà đó, hướng là để vào cửa.”—At that time the Ghost King Evil Poison, placed his palms together respectfully, addressed the Buddha, and said: “World Honored One! We, the countless ghost kings of Jambudvīpa, either benefit of harm beings. Each of us is different; such is our karmic retribution, which causes us and our followers to roam in the world doing much evil and little good. When we pass a household or a city, a town, village, or hamlet, a garden, cottage or hut, where there is a man or woman who has cultivated as little as a hair’s worth of good deeds, who has hung but one banner or one canopy, who has used little incense or a few flowers as offerings to images of Buddhas or Bodhisattvas, or who has recited the esteemed Sutras, or burned incense as an offering to even one sentence or gatha in them, we ghost kings will respect that

person as we would the Buddha of the past, present and future. We will order the smaller ghosts, each of whom has great power, as well as the earth spirits to protect that person. Evil events, accidents, severe or unexpected illnesses as well as all other unwelcome situations will not be allowed to draw near his dwelling or place of residence, much less enter the door.

Đức Phật khen Quỷ Vương rằng: “Hay thay! Tốt thay! Các ông cùng vua Diêm La có thể ủng hộ kẻ thiện nam người thiện nữ như thế! Ta cũng truyền cho các vị trời Phạm Vương, Đế Thích hộ vệ các ông.”—The Buddha praised the ghost kings: “It is excellent! Excellent! That all you ghost kings and Yama are able to protect good men and women in this way. I shall tell Lord Brahma and Lord Sakra to see that you are protected as well.”

Khi đức Phật nói lời ấy xong, trong pháp hội có một Quỷ Vương tên là Chủ Mạng bạch cùng đức Phật rằng: “Bạch đức Thế Tôn! Bốn nghiệp duyên của con là cai quản về tuổi thọ của người trong cõi Diêm Phù Đề, khi sanh khi tử con đều coi biết đó, cứ theo nơi bốn nguyện của con thời có lợi ích lớn cho mọi người. Nhưng tại vì chúng sanh không hiểu ý của con nên đến nỗi khi sanh khi tử đều không được an ổn. Tại làm sao thế?”—When this was said, a ghost king in the assembly named Lord of Lifespan, said to the Buddha: “World Honored One! The conditions of my past karma are such that I am Lord of Lifespan of Humans in Jambudvīpa, and govern both the time of their birth and that of their death. My fundamental vows are based on a great desire to benefit humans, but living beings naturally do not understand my intent and all go through birth and death without finding peace. Why is this?”

Người trong cõi Diêm Phù Đề lúc mới sanh, không luận là con trai hay con gái, khi sắp sanh ra chỉ nên làm việc phước lành thêm sự lợi ích cho nhà cửa, thời Thổ Địa vui mừng khôn xiết, ủng hộ cả mẹ lẫn con đều đặn nhiều sự an vui, hàng thân quyến cũng được phước lợi. Hoặc khi đã hạ sanh rồi, nên cẩn thận chớ có giết hại sanh vật để lấy những vị tươi ngon cung cấp cho người sản mẫu ăn, cùng nhóm họp cả hàng quyến thuộc lại để uống rượu ăn thịt, ca xang đờn sáo. Nếu làm những việc trên đó, có thể làm cho người mẹ và đứa con chẳng được an vui. Vì sao thế? Vì lúc sanh sản nguy hiểm đó có vô số loài quỷ dữ cùng ma quái tinh mị muốn ăn huyết tanh. Nhờ có con sớm đã sai các vị Thần Linh xá trạch thổ địa, bảo hộ mẹ con người ấy, làm cho được an vui mà đặn nhiều sự lợi ích. Người ấy thấy mình được an ổn, thời đáng lẽ nên làm phước lành để đền đáp công ơn Thổ Địa, mà trái lại giết hại loài sinh vật, hội họp thân quyến, vì lẽ này, đã phạm tội lỗi tất phải tự thọ lấy tai vạ, mẹ con đều tổn—When humans in Jambudvipa have just borne children, be they boys or girls, or when they are just about to give birth, only good deeds should be done to increase the benefits of the household which will naturally cause the earth spirits to be immeasurably pleased. They will then benefit the entire family and protect the mother and child so that they obtain great peace and happiness. After the birth, all killing and injuring for the purpose of offering fresh foods to the mother should carefully be avoided, as should having large family gathering with wine-drinking, meat-eating, singing and playing of musical instruments. All these things can keep the mother and child from obtaining peace and happiness. Why? At the difficult time of birth, there are uncountable (innumerable) evil ghosts, such as Wang-Liang, goblins, and spirit-beings, who desire to eat the strong-smelling blood. I quickly order the local earth spirit of that

household to bear the responsibility of protecting the mother and child, allowing them to be peaceful and happy and be blessed. Because people in such households see that they are peaceful and happy, the people do what is meritorious in response to the local earth spirits. If instead, they harm and kill, and have large family gatherings, they personally will undergo the misfortunes resulting from their offenses, and both mother and child will be harmed.

Lại người trong cõi Diêm Phù Đề đến lúc mạng chung, không luận là người lành hay kẻ dữ, con cũng đều muốn cho họ không bị đọa vào chốn ác đạo. Huống gì là người lúc sanh tiền biết tu đạo cội phước lành giúp thêm oai lực cho con. Trong cõi Diêm Phù Đề, những người làm lành đến lúc mạng chung cũng có trăm ngàn quỷ thần ác đạo hoặc biến ra hình cha mẹ, nhân đến hóa làm thân quyến dẫn dắt thân hồn người chết làm cho đọa lạc vào chốn ác đạo, huống chi là những kẻ lúc sanh tiền đã sẵn tạo nghiệp ác—Moreover, when the humans of Jambudvipa are on the verge of death, I desire to keep them from falling into the evil paths, regardless of whether they have done what is good or evil, but how much is this power of mine to do so increased when they have personally cultivated good roots! When a practitioner (cultivator) of good in Jambudvipa is about to die, there are hundreds of thousands of ghosts and spirits from evil paths who may transform themselves and appear as the parents and relatives in an attempt to lead one who has perished, to fall into the evil paths. How much more is this the case for those who have done what is evil!

Bạch đức Thế Tôn! Những kẻ nam tử nữ nhân ở cõi Diêm Phù Đề, lúc lâm chung thời thần thức hôn mê không biện được lẽ lành điều dữ, cho đến mắt cùng tai không còn thấy nghe gì hết. Hàng thân quyến của người lâm chung

đó, nên phải sắm sửa làm sự cúng dường lớn, tụng đọc Tôn Kinh, niệm danh hiệu của Phật và Bồ Tát, tu tạo nhưn duyên phúc lành như thế, có thể cho người chết thoát khỏi chốn ác đạo, các thứ ma, quỷ, ác thần thấy đều phải lui tan cả hết—Therefore, World Honored One! When a man or a woman in Jambudvīpa is on the verge of death, and their consciousness and spirit are confused and dark, when they are unable to discriminate between good and evil, and their eyes and ears are unable to see or hear, all their relatives should certainly make great offerings, recite the holy sutras, or recite the names of Buddhas and Bodhisattvas. Such good conditions can cause the dead person to leave the evil paths, and all the demons, ghosts and spirits will withdraw and disperse.

Bạch đức Thế Tôn! Tất cả chúng sanh lúc lâm chung nếu đặng nghe danh hiệu của một đức Phật, danh hiệu của một Bồ Tát, hoặc nghe một câu một bài kệ kinh điển đại thừa, con xem xét thấy hạng người ấy, trừ năm tội vô gián cùng tội sát hại, những nghiệp ác nhỏ nhỏ đáng lẽ phải sa vào chốn ác đạo, liền đặng thoát cả.”—World Honored One! If at the time of death any living beings hears the name of one Buddha or Bodhisattva, or if one hears a sentence of gatha of a Mahayana Sutra, I see that such a person can be liberated from his very small bad deeds, which unite to pull them into the evil paths, and can also be kept apart from uninterrupted retribution of the five offenses involving bodily harm and killing.

Đức Phật bảo Chủ Mạng Quỷ Vương rằng: “Ông vì có lòng đại từ nên có thể phát ra lời nguyện lớn ở trong sanh tử cứu hộ chúng sanh như thế. Như về trong đời sau này, có kẻ nam người nữ nào đến lúc mạng chung, ông chớ quên lãng lời nguyện trên đó, đều nên làm cho giải thoát mãi mãi được an vui.”—The

Buddha told the ghost king Lord of Lifespan: “Because of your great compassion, you are able to make such great vows and protect all living beings in the midst of life and death. Should men or women in the future arrive at the period of their birth or their death, do not withdraw from your vow, but cause them all to be liberated and to attain eternal peace.”

Chủ Mạng Quỷ Vương bạch cùng Đức Phật rằng: “Xin Đức Thế Tôn chớ lo! Trọn đời của con luôn luôn ủng hộ chúng sanh ở cõi Diêm Phù Đề lúc sanh lúc tử đều làm cho được an vui cả. Chỉ trông mong các chúng sanh trong lúc sanh cùng lúc tử, tin theo lời của con đã nói trên thời đều giải thoát đặng lợi ích lớn.”—The ghost king told the Buddha: “Please do not be concerned. Until the end of this life, I shall in every thought protect the living beings of Jambudvīpa, both at the time of birth and at the time of death, so that they all obtain tranquility. I only wish that at the time of birth or of death, they will accept my words and have faith in them ; then there will be none who are not liberated and who do not obtain much benefit.”

Bấy giờ đức Phật bảo ngài Địa Tạng Bồ Tát rằng: “Vị đại Quỷ Vương cai quản về tuổi thọ của mọi người này từng trải qua trăm ngàn đời làm vị Quỷ Vương, ủng hộ chúng sanh trong lúc sanh cùng khi tử. Đó là bực Bồ Tát Đại Sĩ vì lòng từ bi phát nguyện hiện thân đại quỷ, chớ thực thời không phải quỷ. Quá một trăm bảy mươi kiếp về sau, ông sẽ thành Phật hiệu là Vô Tướng Như Lai, kiếp đó tên là An Lạc. Cõi nước tên là Tịnh Trụ, thọ mạng của đức Phật đó đến số kiếp không thể tính đếm được. Nay Địa Tạng Bồ Tát! Những sự của vị đại Quỷ Vương đó không thể nghĩ bàn như thế, hàng Trời cùng người được vị ấy độ thoát cũng đến số không thể hạn lượng.”—At that time, the Buddha told Earth Store Bodhisattva: “This great ghost king, Lord of Lifespan, has

already passed through hundreds of thousands of lives as a great ghost king, protecting living beings in both birth and death. Only because of this great being's compassionate vows does he appear in the body of a great ghost king, for in reality he is not a ghost. After one hundred and seventy aeons have passed, he will accomplish Buddhahood. His kalpa will be called Happiness, and his world will be named Pure Dwelling. His name will be No Characteristics Thus Come One, and his lifespan will be incalculable aeons. Earth Store, the doings of this great ghost king are thus. They are inconceivable, and the people and gods whom he takes across are limitless."

## CHƯƠNG THỨ CHÍN— CHAPTER NINE PHẨM XUNG DANH HIỆU CHƯ PHẬT— THE TITLES OF BUDDHAS

Lúc đó ngài Địa Tạng Bồ Tát bạch cùng đức Phật rằng: “Bạch Đức Thế Tôn! Nay con vì chúng sanh trong đời sau mà phô bày sự lợi ích, làm cho trong vòng sanh tử đặng nhiều lợi ích lớn. Cúi xin đức Thế Tôn cho phép con nói đó.”—At that time, Earth Store Bodhisattva Mahasattva said to the Buddha: “World Honored One! I shall now proclaim a beneficial act for the sake of living beings of the future, so that they may obtain great benefit in the midst of life and death. Please, World Honored One, hear my words.”

Đức Phật bảo ngài Địa Tạng Bồ Tát rằng: “Nay ông muốn khởi lòng từ bi cứu vớt tất cả chúng sanh mắc phải tội khổ trong sáu đường, mà diển nói sự chẳng thể nghĩ bàn, bây giờ chính đã phải lúc, vậy ông nên nói ngay đi. Giả sử ông có thể sớm làm xong nguyện đó, dầu Ta có vào Niết Bàn, cũng không còn phải lo ngại gì đến tất cả chúng sanh ở hiện tại và

vị lai nữa.”—The Buddha told Earth Store Bodhisattva: “With your great compassion you now wish to proclaim the inconceivable task of rescuing all those in the six paths who suffer for their offenses. Now is just the right time, but you should speak quickly, for I am about to enter Nirvana, and will allow you to complete your vow soon; and I shall not be worried about living beings of the present or future.”

Ngài Địa Tạng bạch cùng đức Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Vô lượng vô số kiếp về thuở quá khứ, có đức Phật ra đời quá khứ, có đức Phật ra đời hiệu là Vô Biên Thân Như Lai. Như có người nam người nữ nào nghe danh hiệu của đức Phật đây mà tạm thời sanh lòng cung kính, liền đặng siêu việt tội nặng sanh tử trong bốn mươi kiếp, huống là vẽ đắp hình tượng cúng dường tán thán! Người nầy được vô lượng vô biên phước lợi—Earth Store Bodhisattva said to the Buddha: “World Honored One! In the past, numberless (innumerable) asmkheyas of kalpas ago, a Buddha named Boundless Body Thus Come One, appeared in the world. If a man or woman hears this Buddha's name and even temporarily gives rise to a thought of respect, that person will overstep the heavy offenses of forty aeons of birth and death. How much more will one be able to do this one sculpts or paints this Buddha's image, or praises and makes offering to him. The merit achieved is limitless and unbounded.

Lại hằng hà sa số kiếp về thuở quá khứ, có đức Phật ra đời hiệu là Bửu Thắng Như Lai. Như có người nam người nữ nào được nghe danh hiệu của đức Phật đây, phát tâm quy-y với Phật trong khoảng khảy móng tay, người nầy trọn hẳn không còn thối chuyển nơi đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác—Furthermore, in the past, as many aeons ago as there are grains of sand in the Ganges

River, a Buddha named Jewel Nature Thus Come One appeared in the world. If a man or woman hears the name of this Buddha and in the space of a finger-snap decides to take refuge, that person will never retreat from the unsurpassed path.

Lại về thuở quá khứ, có đức Phật ra đời hiệu là Ba Đầu Ma Thắng Như Lai. Như có người nam người nữ nào, nghe danh hiệu của đức Phật đây thoát qua lỗ tai, người này sẽ được một ngàn lần sanh lên sáu tầng trời dục giới, hưởng nữa là chí tâm xưng niệm!—Furthermore, in the past, a Buddha named Padma Victory Thus Come One appeared in the world. If a man or woman hears this Buddha's name, as it passes through his or her ear faculty, that person will be reborn one thousand times in the six desire heavens. How much more will this be true if he or she sincerely recites the name of that Thus Come One.

Lại bất khả thuyết bất khả thuyết vô số kiếp về thuở quá khứ, có đức Phật ra đời hiệu là Sư Tử Hống Như Lai. Như có người nam người nữ nào nghe đến danh hiệu của đức Phật đây, mà phát tâm quy-y chững trong một niệm, người này sẽ đặng gặp vô lượng các đức Phật xoa đánh thọ ký cho—Furthermore, in the past, indescribable asamkheyas of aeons ago, a Buddha named Lion's Roar Thus Come One appeared in the world. If a man or woman hears this Buddha's name and in a single thought takes refuge, that person will encounter numberless (innumerable) Buddhas, who will rub the crown of his or her head and bestow a prediction of enlightenment upon the individual.

Lại về thuở quá khứ, có đức Phật ra đời hiệu là Câu Lưu Tôn Như Lai. Như có người nam người nữ nào nghe danh hiệu của đức Phật đây, chí tâm chiêm ngưỡng lễ bái, hoặc tán

thán, người này nơi pháp hội của một ngàn đức Phật trong Hiền Kiếp làm vị Đại Phạm Vương, đặng Phật thọ ký đạo Vô thượng cho—Furthermore, in the past, a Buddha named Krakucchanda appeared in the world. If a man or woman hears this Buddha's name and sincerely beholds, worships, or praises him, that person will become the king of the Greay Brahma Heaven in the assemblies of the one thousand Buddhas of the Worthy Aeon, and will there receive a superior prediction.

Lại về thuở quá khứ có đức Phật ra đời hiệu là Tỳ Bà Thi Như Lai. Như có người nam người nữ nào nghe được danh hiệu của đức Phật đây, thời mãi không còn sa đọa vào chốn ác đạo, thường được sanh vào chốn trời người, hưởng lấy sự vui thù thắng vi diệu—Furthermore, in the past, a Buddha named Vipashin appeared in the world. If a man or woman hears this Buddha's name, that person will eternally avoid falling into the evil paths and will always be born among people or gods, and will experience unsurpassed bliss.

Lại vô lượng vô số hằng hà sa kiếp về thuở quá khứ có đức Phật ra đời hiệu là Đa Bửu Như Lai. Như có người nam người nữ nào nghe đến danh hiệu của đức Phật đây, sanh lòng cung kính, không bao lâu người ấy sẽ đặng quả A La Hán—Furthermore, in the past, a Buddha named Jeweled Appearance Thus Come One appeared in the world. If a man or woman hears this Buddha's name and gives rise to a thought of respect, that person will, before long, attain the fruit of Arhatship.

Lại vô lượng vô số kiếp về thuở quá khứ có đức Phật ra đời hiệu là Ca Sà Tràng Như Lai. Như có người nam người nữ nào nghe được danh hiệu của đức Phật đây, thời người này sẽ siêu thoát tội sanh tử trong một trăm đại kiếp—Furthermore, limitless asamkheyas of

aeons ago, a Buddha named Kashaya Banner Thus Come One appeared in the world. If a man or woman hears this Buddha's name, that person will overcome the offenses of birth and death for one hundred great aeons.

Lại về thuở quá khứ có đức Phật ra đời hiệu là Đại Thông Sơn Vương Như Lai. Như có người nam người nữ nào nghe được danh hiệu của đức Phật đây, thời người này đặng gặp hằng hà chư Phật nói nhiều pháp mầu cho, đều đặng thành đạo Bồ Đề—Furthermore, in the past, a Buddha named Great Penetration Mountain King Thus Come One appeared in the world. If a man or woman hears this Buddha's name, that person will encounter as many Buddhas as there are grains of sand in the Ganges, who will speak Dharma extensively for that person, and that person will certainly realize Bodhi.

Lại về thuở quá khứ, có các đức Phật Tịnh Nguyệt Phật, đức Sơn Vương Phật, đức Trí Thắng Phật, đức Tịnh Danh Vương Phật, đức Trí Thành Tựu Phật, đức Vô Thượng Phật, đức Diệu Thịnh Phật, đức Mãn Nguyệt Phật, đức Nguyệt Diện Phật, có bất khả thuyết đức Phật Thế Tôn như thế. Tất cả chúng sanh trong thời hiện tại cùng thuở vị lai, hoặc là trời, người, hoặc là nam, hoặc người nữ chỉ niệm danh hiệu của một đức Phật thời sẽ đặng vô lượng công đức, huống nữa là niệm được nhiều danh hiệu. Những chúng sanh đó lúc sanh lúc tử đặng nhiều phước lợi, không còn phải đọa vào ác đạo nữa—Furthermore, in the past, there were Buddhas named Pure Moon Buddha, Mountain King Buddha, Wise Victory Buddha, Pure Name King Buddha, Accomplished Wisdom Buddha, Unsurpassed Buddha, Wonderful Sound Buddha, Full Moon Buddha, Moon-Face Buddha, and other such indescribable Buddhas. World Honored One, living beings of the present and future, whether gods or humans, men or women, will

obtain limitless meritorious virtues by merely reciting one Buddha's name. How much the more if they recite many names. At the time of birth and that of death, all these living beings will personally obtain great benefit, and will never fall into the evil paths.

Như có người nào sắp mạng chung, hàng thân quyến trong nhà nhân đến một người vì người bệnh sắp chết đó mà niệm lớn tiếng danh hiệu của một đức Phật, thời người chết đó, trừ năm tội lớn vô gián, các nghiệp báo khác đều tiêu sạch cả. Năm tội lớn vô gián kia dầu rất nặng nề đáng lẽ trải qua ức kiếp hẳn không ra khỏi đặng quả khổ, nhưng bởi lúc lâm chung, nhờ người khác vì đó mà xưng niệm danh hiệu của Phật nên những tội nặng đó cũng lần lần tiêu sạch. Huống là chúng sanh tự mình xưng danh hiệu của chư Phật, người này đặng vô lượng phước lành, trừ diệt vô lượng khổ—If anyone in a dying person's family loudly recites one Buddha's name for the sake of the dying person, the karmic retribution of the dying person will be totally eradicated except for the uninterrupted retribution resulting from the five offenses. The five offenses warranting uninterrupted retribution are so extremely heavy that one who commits them does not escape retribution for myriads of aeons. If, however, at the time of the offender's death, another person recites the names of Buddhas on that person's behalf, that person's offenses can be gradually wiped away. How much more will this be true for living beings who recite those names themselves. Their merit is limitless and eradicates measureless (without measure) offenses.

Kinh Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyện—Hết Quyển Trung—This is the end of the second roll of the Sutra of The Past Vows Of The Earth Store Bodhisattva.



Nam Mô Thường Trụ Thập Phương Pháp (3 lần)—*Namo Eternally Dwelling Dharma of the ten directions (3 times).*

Nam Mô Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát (3 lần)—*Namo Earth Store Bodhisattva Mahasattva (3 times).*

## CHƯƠNG THỨ MƯỜI— CHAPTER TEN

### SO SÁNH NHƠN DUYÊN CÔNG ĐỨC CỦA SỰ BỐ THÍ—THE CONDITIONS AND COMPARATIVE MERITS AND VIRTUES OF GIVING

Lúc đó ngài Địa Tạng Bồ Tát Ma ha Tát nương oai thần của đức Phật, từ chỗ ngồi đứng dậy, quỳ gối chắp tay bạch cùng đức Thế Tôn rằng: “Bạch Thế Tôn ! Con xem xét chúng sanh trong nghiệp đạo so sánh về sự bố thí có nhẹ có nặng. Có người hưởng phước trong một đời, có người hưởng phước trong mười đời, hoặc đến hưởng phước lợi lớn trong trăm đời, ngàn đời. Những sự ấy tại làm sao thế? Cúi xin đức Thế Tôn dạy cho.”—At that time, Earth Store Bodhisattva Mahasattva, inspired by the Buddha awesome spirit, arose from his seat, knelt on one knee, placed his palms together and said to the Buddha: “World Honored One! When I compare the acts of giving of beings in their karmic paths, I see some that are great and some that are small. So some receive blessings for one life, some for ten lives, and some receive great blessings and benefit for one hundred or one thousand lives. Why is it? Please World Honored One, explain this for me.”

Bấy giờ đức Phật bảo ngài Địa Tạng rằng: “Nay ta ở trong toàn thể chúng hội nơi cung trời Đao Lợi này, giảng về sự so sánh công đức khinh trọng của việc bố thí ở Diêm Phù Đề. Ông lắng nghe, Ta sẽ vì ông mà nói!”—At that time the Buddha told Earth Store

Bodhisattva: “In all the many assemblies at the palace of the Trayastrimsha Heaven, I will discuss the comparative meritorious virtues of the great and small acts of giving done by the living beings in Jambudvipa. Listen attentive to what I say to you.”

Ngài Địa Tạng Bồ Tát bạch Phật: “Chính con nghi ngờ việc ấy. Con xin ưa muốn nghe.”—Earth Store said to the Buddha: “I have had doubts about this matter and will be pleased to listen.”

Đức Phật bảo ngài Địa Tạng Bồ Tát rằng: “Trong cõi Nam Diêm Phù Đề có các vị Quốc Vương, hàng Tể Phụ quan chức lớn, hàng đại trưởng giả, hàng đại Sát Đế Lợi, hàng đại Bà La Môn, , vân vân. Nếu gặp kẻ hết sức nghèo túng, nhẵn đến kẻ tật nguyên cam ngọng, kẻ điếc ngậy mù quáng, gặp những hạng người thân thể không được vẹn toàn như thế. Lúc các vị Quốc Vương đó, vân vân muốn bố thí , nếu có thể đủ từ tâm từ bi lớn, lại có lòng vui vẻ tự hạ mình, tự tay mình đem của ra bố thí cho tất cả những kẻ đó, hoặc bảo người khác đem cho, lại dùng lời ôn hòa dịu dàng an ủi. Các vị Quốc Vương, Đại Thần đó, vân vân đặng phước lợi bằng phước lợi công đức cúng dường cho trăm hằng hà sa chư Phật vậy. Tại làm sao? Chính bởi vị Quốc Vương đó vân vân, phát tâm đại từ bi đối với kẻ rất mực nghèo cùng và với những người tàn tật kia, cho nên phước lành được hưởng quả báo như thế này, trong trăm ngàn đời thường được đầy đủ những đồ thất bảo, hưởng là những thứ để thọ dùng như y phục, đồ uống ăn, vân vân—The Buddha told Earth Store Bodhisattva: “In Jambudvipa, the kings of countries, noble men, great minister, great elder, great Kshatriyas, great Brahmans and others may encounter the most inferior and poor people, or those with various handicaps such as being hunchbacked, crippled, dumb, mute, deaf, retarded or eyeless (blind). When those kings

and other king and other wish to give, they may be able to replete with great compassion, a humble heart and a smile. They may everywhere give personally with their own hands or arrange for other to do so, using gentle words and sympathetic speech. Such kings and others will obtain blessings and benefits comparable to the meritorious virtue of giving to as many Budhas as there are grains of sand in one hundred Ganges Rivers. Why is this? Because of having shown a great compassionate heart toward the most impoverished, inferior and handicapped individuals, the kings and others will receive such a reward. For one hundred thousand lives, they will always have an abundance of the seven gems, not to mention clothing, food, and the necessities of life.”

Lại nữa, nầy Địa Tạng Bồ Tát! Trong đời sau, như có vị Quốc Vương cho đến hàng Bà La Môn vân vân, gặp chùa tháp thờ Phật, hoặc hình tượng Phật, cho đến hình tượng Bồ Tát, Thanh Văn hay Bích Chi Phật, đích thân tự sửa sang, cúng dường bố thí. Vị Quốc Vương đó sẽ đặng trong ba kiếp làm vị trời Đế Thích hưởng sự vui sướng tốt lạ. Nếu có thể đem phước lành bố thí đó mà hồi hướng cho tất cả chúng sanh trong pháp giới, thời vị Quốc Vương đó, trong mười kiếp thường được làm vị trời Đại Phạm Thiên Vương—Moreover, Earth Store, if in the future, the kings, Brahmans and the others encounter Buddha stupas, monasteries, or images of Buddhas, Bodhisattvas, Sravakas, or Pratyeka-Buddhas and personally make offerings or give gifts, the kings and other will obtain three aeons as Lord Shakra and will enjoy supremely wonderful bliss. If they are able to transfer the blessing and benefits of that giving and dedicate it to the Dharma Realm, those great kings and others will be great Brahma Heaven Kings for ten aeons.

Lại thế nầy nữa, nầy Địa Tạng Bồ Tát! Trong đời sau, nếu có vị Quốc Vương cho đến hàng Bà La Môn, vân vân gặp chùa tháp của Đức Phật thuở trước, hoặc là kinh điển hay hình tượng bị hư sụp rách rã, liền có thể phát tâm tu bổ lại. Vị Quốc Vương đó, hoặc tự mình đích thân lo sửa sang, hoặc khuyên hóa người khác cho đến khuyến hóa trăm ngàn người khác cùng chung bố thí cúng dường để kết duyên lành. Vị Quốc Vương đó, trong trăm ngàn đời thường làm vua Chuyển Luân, còn những người khác chung cùng làm việc bố thí đó, trong trăm ngàn đời thường làm vua nước nhỏ. Nếu lại ở trước chùa tháp có thể phát tâm đem công đức cúng dường bố thí đó mà hồi hướng về đạo vô thượng chánh giác, được như vậy thời vị Quốc Vương đó cho đến tất cả mọi người đều sẽ thành Phật cả, bởi quả báo ấy rộng lớn vô lượng vô biên—Moreover, Earth Store, in the future, the kings, Brahmans, and others may encounter ruined, decayed, broken and tumbledown, stupas, temples, or images of previous Buddhas, and be capable of resolving to restore them. They may then do so themselves or encourage others, as many as a hundred thousand people, to make offerings and thereby establish affinities. Those kings and the others will become Wheel-Turning Kings throughout a hundred thousand continuous lives and those others who make offerings with them, will be kings of small countries for a hundred thousand continuous lives. If, before the stupa or monastery, they are in addition, able to resolve to transfer and dedicate the merit, such kings and the other people will without exception, accomplish the Buddha Path, and their reward for this will be limitless and unbounded.

Lại vậy nữa, nầy Địa Tạng Bồ Tát! Trong đời sau, như có vị Quốc Vương hay hàng Bà La Môn, gặp những người già yếu bệnh tật, và kẻ phụ nữ sanh đẻ, nếu trong khoảng chừng một

niệm sanh lòng từ lớn đem thuốc men, cơm nước, giường chiếu bố thí, làm cho những kẻ ấy được an vui. Phước đức đó rất không thể nghĩ bàn đến được, trong một trăm kiếp, thường làm vua trời Tịnh Cư, trong hai trăm kiếp thường làm vua sáu tầng trời cõi Dục, không bao giờ còn đọa vào ác đạo, cho đến trong trăm ngàn đời, lỗi tai không hề nghe đến tiếng khổ, rốt ráo thành Phật đạo—Moreover! Earth Store in the future the kings, Bahmans and others are filled with great compassion for the direction of a single thought upon seeing the old, the sick, or women in childbirth and provided them with medicinal herbs, food, drink and bedding so as to make them peaceful and comfortable, the blessings and benefits of such activities are quite inconceivable. For one thousand aeons they will constantly be lords of the Pure Dwelling Heaven; for two hundred aeons, they will be lords in the Desire Heaven, and they will ultimately attain Buddhahood. They will never fall into the evil paths and for one hundred thousand lives, they will hear no sounds of suffering.

Lại vậy nữa, nầy Địa Tạng Bồ Tát! Trong đời sau như có vị Quốc Vương và Bà La Môn, có thể làm những việc bố thí như thế sẽ đặng vô lượng phước lành. Nếu có thể đem phước đức đó hồi hướng đạo Bồ Đề, thời không luận là nhiều hay ít, rốt ráo sẽ thành Phật cả, huống gì là những quả trời Phạm Vương, trời Đế Thích, vua Chuyển Luân. Nầy Địa Tạng Bồ Tát, vì thế nên khuyến hóa tất cả chúng sanh đều phải học theo như thế—Moreover, Earth Store Bodhisattva! If in the future, the kings, Brahmanas, and others can give in this way, they will receive limitless blessings. If they are in addition, able to dedicate that merit, be it great or small, they will ultimately attain Buddhahood. How much more easily will they be able to attain the rewards of becoming Sakra, Brahma, or Wheel-Turning King,

Therefore, Earth Store, you should urge living beings everywhere to learn to perform such actions.

Lại vậy nữa, nầy Địa Tạng Bồ Tát! Trong đời sau, như có thiện nam kẻ thiện nữ nào ở trong Phật pháp mà gieo trồng chút ít cội phước lành chừng bằng cái lông, sợi tóc, hạt cát, mảy bụi, phước lợi của những người đó sẽ hưởng thọ không thể ví dụ thế nào cho được—Moreover, Earth Store, in the future if there are good men or good women who plant within the Buddhadharma, a few good roots, equivalent to no more than a hair or a grain of sand, a mote of dust, the blessings and benefits they will receive will be beyond compare.

Lại vậy nữa, Địa Tạng Bồ Tát! Trong đời sau, như có kẻ thiện nam cùng thiện nữ nào gặp hình tượng Phật, hình tượng Bồ Tát, hình tượng Bích Chi Phật, hình tượng vua Chuyển Luân mà bố thí cúng dường, thời đặng vô lượng phước lành, thường sanh ở cõi người, cõi trời hưởng sự vui thù thắng vi diệu—Moreover, Earth Store, good men and women in the future may encounter the image of a Buddha, Bodhisattva, Pratyeka-buddha, or Wheel-Turning King, and may give gifts or make offerings, will always be born among humans or gods and enjoy supremely wonderful bliss. If they can dedicate that merit to the Dharma Realm, their blessings and benefits will be beyond compare.

Lại vậy nữa, nầy Địa Tạng Bồ Tát! Trong đời sau, như kẻ thiện nam người thiện nữ nào gặp kinh điển Đại Thừa hoặc nghe thấy một bài kệ, một câu kinh, rồi phát tâm ân cần trân trọng cung kính ngợi khen, bố thí cúng dường, người ấy được quả báo lớn vô lượng vô biên. Nếu có thể đem phước đức hồi hướng cho khắp pháp giới chúng sanh thời phước lợi nầy không thể ví dụ thế nào cho được—Moreover,

Earth Store, good men or women in the future encounter a great Vehicle Sutra, and on hearing a single gatha or sentence of it, with dynamic and respectful resolve, praise, venerate and make offerings, those people will attain great, limitless and unbounded rewards. If they can dedicate that merit to the Dharma Realm, their blessings will be beyond compare.

Lại vậy nữa, nầy Địa Tạng Bồ Tát! Trong đời sau, như có kẻ thiện nam người thiện nữ nào gặp chùa tháp và kinh điển Đại Thừa, nếu là kin tháp mới thời bố thí cúng dường, chiêm ngưỡng lễ lạy ngợi khen, chấp tay cung kính. Nếu gặp kinh tháp cũ, hoặc hư rách thời sửa sang tu bổ, hoặc riêng mình phát tâm làm, hoặc khuyến người khác cùng đồng phát tâm. Những người cùng đồng phát tâm đây, trong ba mươi đời thường làm vua các nước nhỏ. Còn vị đàn việt chánh đốn thường làm vua Chuyển Luân, lại dùng pháp lành mà giáo hóa vua các nước nhỏ—Moreover, Earth Store, if in the future good men or good women encounter new Buddha-stupas, temples, or sutras of the Great Vehicle, and make offerings to them, gaze at them in worship, and respectfully make praises with joined palms; or if they encounter old temples, stupas, or those that have been destroyed or damaged, and either repair or rebuild them, such people will be kings of small countries throughout thirty continuous lives. The Danapatti will always be Wheel-Turning Kings, who moreover, will use the good Dharma to teach and transform those minor kings of small countries.

Lại vậy nữa, nầy Địa Tạng Bồ Tát! Trong đời sau như có người thiện nam thiện nữ nào ở nơi cõi phước lành đã gieo trồng trong Phật pháp, hoặc là bố thí cúng dường, hoặc là tu bổ chùa tháp, hoặc sửa sang kinh điển, cho đến chường bằng một sợi lông, một mảy bụi, một hạt cát,

một giọt nước. Những sự lành như thế, không luận nhiều hay ít, chỉ có thể đem hồi hưởng cho khắp pháp giới chúng sanh, thời công đức của người đó trong trăm ngàn đời thường hưởng thọ sự vui thượng diệu. Còn như chỉ hồi hưởng cho thân quyến trong nhà hoặc tự mình được lợi ích thôi, như thế thời sẽ hưởng quả vui tong ba đời, cứ làm một phần sự lành, thời được hưởng báo tốt một muôn lần trội hơn. Nầy Địa Tạng Bồ Tát! Những nhưn duyên công đức về sự bố thí như thế đó—Moreover, Earth Store, in the future, good men or good women may plant good roots in the Buddhadharma by making offerings, repairing stupas or monasteries, rebinding sutras, or they may plant good roots only as small as one strand of hair, one mote of dust, a grain of sand, or a drop of water. Merely by transferring the merit from such deeds to the Dharma Realm, those people's meritorious virtues will be such that they will enjoy superior and wonderful bliss for one hundred thousand lives. If they dedicate the merit only to their own family or relatives, or to their own personal benefit, as a result, they will enjoy the bliss for three lives. By giving up one , a ten thousandfold reward is obtained. Therefore, Earth Store, such are the situations pertaining to the causes and conditions of giving.”

## CHƯƠNG THỨ MƯỜI MỘT—CHAPTER ELEVEN PHẨM ĐỊA THẦN HỘ PHÁP—THE DHARMA PROTECTION OF AN EARTH SPIRIT

Lúc đó vị Kiên Lao Địa Thần bạch cùng đức Thế Tôn!: “Bạch đức Thế Tôn! Từ trước đến nay, con từng chiêm ngưỡng đánh lễ vô lượng vị đại Bồ Tát, đều là những bậc trí huệ thần thông lớn không thể nghĩ bàn, độ khắp mọi

loài chúng sanh. Ngài Địa Tạng Bồ Tát đây so với các vị Bồ Tát, chỗ thệ nguyện rất là sâu rộng. Bạch đức Thế Tôn! Ngài Địa Tạng Bồ Tát đây có nhưn duyên lớn với chúng sanh trong Diêm Phù Đề. Như ngài Văn Thù Sư Lợi, ngài Phổ Hiền, ngài Quán Âm, ngài Di Lặc, cũng hóa hiện trăm ngàn thân hình để độ chúng sanh trong sáu đường, nhưng chỗ phát nguyện của các ngài còn có lúc hoàn mãn. Ngài Địa Tạng Bồ Tát đây phát thệ nguyện giáo hóa tất cả chúng sanh trong sáu đường trải đến kiếp số như số cát trong trăm ngàn ức sông Hằng.”—At that time, the earth spirit Firm and Stable spoke to the Buddha and said: “World Honored One! From long ago, I have personally beheld and bowed to limitless numbers of Bodhisattvas Mahasattvas, all of whom have inconceivable and great spiritual penetrations and wisdom, and all of whom take across many living beings. Among all the Bodhisattvas, Earth Store Bodhisattva Mahasattva, has deep and weighty (solid) vows. World Honored One! Earth Store Bodhisattva has great affinities in Jambudvipa. Likewise, Manjusri, Samantabhadra, Avalokitesvara, and Maitreya, also produce by transformation, hundreds of thousands of bodies to take across those in the six paths, yet their vows have an end. Earth Store Bodhisattva has made these vows to teach and transform all living beings in the six paths throughout aeons as many as the number of sand grains in hundreds of thousands of millions of Ganges Rivers.

Bạch đức Thế Tôn! Con xem xét chúng sanh ở hiện tại nay và về vị lai sau này, nơi chỗ sạch sẽ ở phương nam trong cuộc đất của mình ở, dùng đất đá tre gỗ mà dựng cất cái khám cái thất. Trong đó có thể họa vẽ, cho đến dùng vàng, bạc, đồng, sắt đúc nắn hình tượng Địa Tạng Bồ Tát, đốt hương cúng dường, chiêm lễ ngợi khen, thời chỗ người đó ở được mười điều lợi ích. Những gì là mười

điều?—World Honored One! As I regard the living beings of the present and future, I see those who make shrines of clay, stone, bamboo, or wood and set them on pure ground in the southern part of their dwellings. They place within the shrines an image of Earth Store Bodhisattva, either sculpted, painted, or made of gold, silver, copper, or iron. They then burn incense, make offerings, behold, worship, and praise him. Such people will receive ten kinds of benefits. What are these ten?

- Một là đất cát tốt màu—First, their lands will be fertile.
- Hai là nhà cửa an ổn mãi mãi—Second, their families and homes will always be peaceful.
- Ba là người đã chết được sanh lên cõi trời—Third, their deceased ancestors will be born in the heavens.
- Bốn là những người hiện còn hưởng sự lợi ích—Fourth, those still alive will have benefit and will have their lifespan increased.
- Năm là cầu chi cũng toại ý cả—Fifth, they will obtain what they want.
- Sáu là không có tai họa về nước và lửa—Sixth, they will not encounter the disasters of water and fire.
- Bảy là trừ sạch việc hư hao—Seventh, they will avoid unforeseen calamities.
- Tám là dứt hẳn ác mộng—Eighth, their nightmares will cease.
- Chín là khi ra lúc vào có thần theo hộ vệ—Ninth, they will be protected by spirits during their comings and goings.
- Mười là thường gặp bậc Thánh Nhơn—Tenth, they will encounter many causes of Sagehood.

Bạch đức Thế Tôn! Chúng sanh trong đời sau cùng hiện tại nay, nếu ở phần đất của mình cư trú mà có thể làm ra sự cúng dường ngài Địa Tạng như thế, thời được sự lợi ích như vậy—

World Honored One! Living beings of the present and future will obtain these benefits if in part of their dwellings they can make offerings in the prescribed manner.

Vị Kiên Lao Địa Thần lại bạch với đức Phật rằng: “Bạch đức Thế Tôn! Trong đời sau này, như có người thiện nam thiện nữ nào ở trong chỗ của mình cư trú mà có kinh điển này cùng hình tượng của ngài Địa Tạng Bồ Tát, người đó lại có thể đọc tụng kinh điển này và cúng dường hình tượng Bồ Tát. Thời con dùng thần lực của con thường hộ vệ người đó, cho đến tất cả sự tai họa như nước, lửa, trộm, cướp, nạn lớn, nạn nhỏ, vân vân thủy đều tiêu sạch.”—The Earth spirit continued to speak to the Buddha: “World Honored One! If good men and good women in the future keep this sutra and an image of the Bodhisattva where they live, and if in addition, they recite the sutra and make offerings to the Bodhisattva, I shall constantly use my own spiritual powers to guard and protect them day and night so that evil occurrences, floods, fire, robbery, great calamities and small accidents will be eliminated.”

Đức Phật bảo Kiên Lao Địa Thần rằng: “Thần lực rộng lớn của ông, các thần khác ít ai bằng. Vì cơ sao? Vì đất đai trong cõi Diêm Phù Đề đều nhờ ông hộ trợ, cho đến cỏ cây, cát đá, lúa mè, tre lau, gạo thóc, của báu, tất cả những thứ từ đất mà có ra đều nhờ sức thần của ông cả. Nay ông lại tuyên bày những sự lợi ích của ngài Địa Tạng Bồ Tát, thời công đức và thần thông của ông lại càng thêm trăm ngàn lần trội hơn lúc thường—The Buddha told the earth spirit Firm and Stable: “There are few spirits who can match your great spiritual powers. Why? All the lands in Jambudvīpa receive your protection; all the grasses, woods, sands, stones, paddy fields, hemp, bamboo, reeds, grains, rice, and gems come forth from the ground because of your

power. Moreover, your praise of the beneficial deeds of Earth Store Bodhisattva makes your meritorious virtues and spiritual penetrations hundreds of thousands of times those of ordinary earth spirits.

Này Địa Thần! Trong đời sau, như có kẻ thiện nam người thiện nữ nào cúng dường Địa Tạng Bồ Tát cùng đọc tụng kinh điển này, chỉ có thể tu hành theo một việc mà trong kinh ‘Địa Tạng Bồ Tát Bốn Nguyện’ đã dạy. Thời ông nên dùng thần lực của ông mà ủng hộ người đó, chớ để tất cả sự tai hại cùng sự không vừa ý đến nghe nơi tai, hưởng nữa là để cho phải chịu. Chẳng phải chỉ riêng mình ông hộ trì người đó, cũng có hàng quyến thuộc của Phạm Vương, Đế Thích, quyến thuộc của chư Thiên ủng hộ người đó. Tại sao lại đặt các vị Hiền Thánh ủng hộ như thế? Điều do vì những người ấy chiêm lễ hình tượng của Địa Tạng Bồ Tát và đọc tụng kinh Bốn Nguyện này, tự nhiên được rất ráo xa lìa biển khổ chướng đạo Niết Bàn an vui, vì thế nên đặt ủng hộ một cách lớn lao như thế.”—If good men or good women in the future make offerings to this Bodhisattva, or recite the Sutra of the Past Vows of Earth Store Bodhisattva, and rely upon merely a single aspect of it in their cultivation, you should use your own spiritual powers to protect them and not allow any disastrous or unwelcome affairs even to be heard, much less undergone by them. Not only will those people be protected by you alone, the retinues of Sakra, Brahma, as well as the other gods, shall also protect them. Why will they obtain protection from worthies and sage such as these? It is all because of their having beheld and worshipped the image of earth Store Bodhisattva, and from having recited this Sutra of his past vows. They shall naturally leave the sea of suffering and ultimately be certified as having attained the bliss of

Nirvana. These are the reasons that they receive such great protection.

## CHƯƠNG THỨ MƯỜI HAI— CHAPTER TWELVE PHẨM THẤY NGHE ĐƯỢC LỢI ÍCH— THE BENEFITS FROM SEEING AND HEARING

Lúc đó từ trên đỉnh muôn đức Thế Tôn phóng ra cả trăm ngàn muôn ức tia sáng lớn, như là tia sáng sắc trắng, tia sáng sắc trắng lớn, tia sáng lành tốt, tia sáng lành tốt lớn, tia sáng ngọc, tia sáng ngọc lớn, tia sáng sắc tía, tia sáng sắc tía lớn, tia sáng sắc xanh, tia sáng sắc xanh lớn, tia sáng sắc biếc, tia sáng sắc biếc lớn, tia sáng sắc hồng, tia sáng sắc hồng lớn, tia sáng sắc lục, tia sáng sắc lục lớn, tia sáng sắc vàng y, tia sáng sắc vàng y lớn, tia sáng mây lành, tia sáng mây lành lớn, tia sáng tướng ngàn vòng tròn, tia sáng tướng ngàn vòng tròn lớn, tia sáng vòng tròn báu, tia sáng vòng tròn báu lớn, tia sáng vầng mặt trời, tia sáng vầng mặt trời lớn, tia sáng vầng mặt trăng, tia sáng vầng mặt trăng lớn, tia sáng tướng cung điện, tia sáng tướng cung điện lớn, tia sáng tướng mây biển, tia sáng tướng mây biển lớn—At that time the World Honored One emitted hundreds of thousands of ten thousands of millions of great rays of light from the door at the crown of his head, the white ray, the great white ray, the auspicious ray, the great auspicious ray, the jade ray, the great jade ray, the purple ray, the great purple ray, the blue ray, the great blue ray, the azure ray, the great azure ray, the red ray, the great red ray, the green ray, the great green ray, the gold ray, the great gold ray, the celebration cloud ray, the great celebration cloud ray, the thousand-wheel ray, the great thousand-wheel ray, the jeweled wheel ray, the great jeweled wheel ray, the solar disc ray, the great solar

disc ray, the lunar disc ray, the great lunar disc ray, the palace ray, the great palace ray, the ocean cloud ray, and the great ocean cloud ray.

Từ trên đỉnh môn phóng ra những luồng tia sáng như thế xong, lại nói ra những tiếng rất vi diệu mà bảo đại chúng rằng: “Nầy tám bộ chúng trời, rồng, người cùng phi nhơn, vân vân. Lắng nghe hôm nay Ta ở lại cung trời Đao Lợi tuyên bày ngợi khen những sự lợi ích trong hàng trời người, những sự không thể nghĩ bàn, những sự về nhơn hạnh lên bậc Thánh, những sự chứng quả Thập Địa, những sự rốt ráo không lui sụt nơi đạo vô thượng chánh đẳng chánh giác của ngài Địa Tạng Bồ Tát—After emitting such rays of light from the door at the crown of his head, he spoke in subtle and wonderful sounds to the great assembly of gods, dragons and other members of the eightfold division and to humans, non-humans and others: “Hear me today in the palace of the Trayastrimsha Heaven as I praise Earth Store Bodhisattva’s beneficial and inconceivable deeds among humans and gods, his transcendent deeds which planted the causes of his Sagehood, his certification to the Tenth Ground, and his ultimate irreversibility (irreversible status) from Anuttara-samyak-sambodhi.

Lúc đức Phật nói lời trên đó vừa dứt tiếng, trong pháp hội có một vị đại Bồ Tát hiệu là Quán Thế Âm từ chỗ ngồi đứng dậy, quỳ gối chấp tay mà bạch cùng đức Phật rằng: “Bạch đức Thế Tôn! Ngài Địa Tạng Bồ Tát đầy đủ các đức từ bi lớn, ngài thương xót chúng sanh mắc tội khổ, ở trong muôn ngàn ức thế giới, ngài hóa hiện ra muôn ngàn ức thân bao nhiêu công đức và sức oai thần chẳng thể nghĩ bàn của ngài, con đã từng nghe đức Thế Tôn cùng vô lượng chư Phật trong mười phương, khác miệng đồng lời ngợi khen ngài Địa Tạng Bồ Tát. Dầu cho các đức Phật trong thuở quá

khứ, thuở hiện tại và thuở vị lai nói công đức của ngài Địa Tạng Bồ Tát vẫn chẳng thể nói hết. Vừa rồi lại được đức Thế Tôn bảo khắp trong đại chúng rằng đức Phật muốn tuyên nói các sự lợi ích của ngài Địa Tạng Bồ Tát. Cúi mong đức Thế Tôn vì tất cả chúng sanh ở hiện tại và vị lai mà tuyên nói những sự chẳng thể nghĩ bàn của ngài Địa Tạng Bồ Tát, làm cho tám bộ chúng trời, rồng, vân vân chiêm ngưỡng lễ lạy ngài Địa Tạng Bồ Tát để đặng phước lành—As this was said, in the midst of the assembly a Bodhisattva Manhasattva, named Contemplator of the World's Sounds arose from his seat, , knelt on one knee, and with palms together said to the Buddha: “World Honored One! Earth Store Bodhisattva Mahasattva, is replete with great compassion and pity living beings who suffer for their offenses. With his meritorious virtues and inconceivable and awesome spiritual powers, in thousands of ten thousands of millions of worlds he creates thousands of ten thousands of millions of transformation bodies. I have heard the World Honored One and the numbers of Buddhas of the ten directions praise Earth Store Bodhisattva with different mouths but the same sound, saying that even if all the Buddhas of the past, present, and future were to speak of his meritorious qualities, they still could not finish speaking of them. Moreover, I am such obliged that I was previously able to hear the World Honored One tell the great assembly that he wished to praise Earth Store Bodhisattva's beneficial acts. World Honored One, for the sake of living beings of the present and future, please praise Earth Store Bodhisattva's inconceivable deeds, that cause the gods, dragons and the others of the eightfold division to gaze in worship and attain blessing.”

Đức Phật bảo ngài Quán Thế Âm Bồ Tát: “Ông có nhưn duyên rất lớn với chúng sanh

trong cõi Ta Bà. Nhưng hàng trời, rồng, hoặc nam tử nữ nhôn, hoặc thần, hoặc quỷ, cho đến chúng sanh mắc phải tội khổ trong sáu đường nếu kẻ nào nghe danh hiệu của ông, thấy hình tượng của ông, hay mến tưởng đến ông cùng khen ngợi ông. Thời những chúng sanh ấy đều ở nơi đạo vô thượng chánh giác quyết chẳng còn thối chuyển, thường được sanh vào cõi người, cõi trời hưởng được sự vui vi diệu, khi nhưn quả sắp thành thực liền được Phật thọ ký cho. Nay ông sẵn lòng từ bi lớn thương xót các loài chúng sanh và tám bộ chúng trời, rồng, vân vân mà muốn nghe Ta nói những sự lợi ích chẳng thể nghĩ bàn của ngài Địa Tạng Bồ Tát. Ông nên lắng nghe cho kỹ, nay ta sẽ nói đó!”—The Buddha replied to the Bodhisattva Contemplator of the World's Sounds: “You have great affinity with the Saha World. If gods, dragons, men, women, spirits, ghosts or any other beings who suffer for offenses within the six paths hear your name, see your name, yearn for you or praise you, they will definitely become irreversible (be bound irreversibly) in the Unsurpassed Way. They will always be born among people and gods and there fully experience wonderful bliss. When the fruit of their causes is about to ripen, they will encounter Buddhas and be given their predictions of enlightenment. You now are replete with great compassion and pity for living beings, for gods, dragons and the others of the eightfold division. Listen as I proclaim Earth Store Bodhisattva's inconceivable, beneficial deeds. Listen attentively, I will now talk about it.”

Ngài Quán Thế Âm Bồ Tát bạch rằng: “Vâng! Bạch đức Thế Tôn! Con xin ưa muốn nghe.”—The Contemplator of the World's Sounds said: “So be it, World Honored One, I will be please to hear.”

Đức Phật bảo ngài Quán Thế Âm Bồ Tát: “Trong các thế giới về thuở hiện tại nay và vị



lai sau, có vị trời nào, hưởng phước trời đã mãn, năm tướng suy hao hiện ra nơi thân, hoặc có kẻ phải đọa lạc nơi chốn ác đạo. Các vị trời đó, hoặc nam hoặc nữ đương lúc tướng suy hao hiện, hoặc thấy hình tượng của ngài Địa Tạng Bồ Tát, hoặc nghe tên ngài Địa Tạng Bồ Tát, rồi một lần chiêm ngưỡng một lần đánh lễ. Thời các vị trời đó càng thêm lớn phước trời, hưởng sự vui sướng rất nhiều, không bao giờ còn phải đọa lạc vào ba ác đạo nữa. Huống chi là những người thấy hình tượng Bồ Tát, nghe danh hiệu Bồ Tát rồi đem các thứ hương hoa, đồ y phục, đồ ăn uống, vật báu, chuỗi ngọc, vân vân mà bố thí cúng dường, thời người nầy đặng vô lượng vô biên công đức phước lợi—The Buddha told the Bodhisattva Contemplator of the World's Sounds: “In the worlds in the present and future, there are and will be gods whose heavenly blessings have ended, who manifest the five signs of decay, and who may be about to fall into the evil paths. When those signs appear, if those gods, whether male or female, see Earth Store Bodhisattva's image, hear his name, gaze at him or bow once to him, they will increase their heavenly blessings, experience great happiness, and never fall into the retributions of the three evil paths. How much more will limitless, boundless meritorious qualities, blessings and benefits accrue to those who see and hear the Bodhisattva and make offerings of flowers, clothing, food, drink, jewels and necklaces.

Lại vậy nữa, nầy Quán Thế Âm Bồ Tát! Trong các thế giới về thuở hiện tại nay và vị lai sau nầy, những hàng chúng sanh trong sáu đường, như có kẻ sắp mạng chung mà đặng nghe một tiếng danh hiệu của ngài Địa Tạng Bồ Tát thoảng qua lỗ tai, thời kẻ mạng chung đó không còn bị đọa vào chốn khổ ba ác đạo. Huống chi là lúc sắp mạng chung, cha mẹ cùng hàng thân quyến đem của cải, nhà cửa, vật báu, y phục, vân vân của người sắp mạng

chung đó mà làm của chi phí để tô đắp hay họa vẽ hình tượng của ngài Địa Tạng Bồ Tát. Rồi làm cho người bệnh lúc chưa chết, hoặc mắt thấy tai nghe biết rằng hàng thân quyến đem nhà cửa vật báu, vân vân vì mình mà tô vẽ hình tượng Bồ Tát. Người bệnh đó nếu có nghiệp báo thời phải mang lấy bệnh nặng, thời nhờ công đức nầy liền được lành mạnh, tuổi thọ thêm lâu. Còn nếu người bệnh đó có nghiệp báo số mạng đã hết, lại có đủ tất cả tội chướng nghiệp chướng, đáng lẽ phải bị đọa vào chốn ác đạo, song vì nhờ công đức nầy nên sau khi mạng chung, liền được sanh vào cõi trời, cõi người hưởng quả vui thù thắng vì diệp tất cả tội chướng thảy đều tiêu sạch—Moreover, Contemplator of the World's Sounds, if living beings in the six paths, in the worlds in the present and future, when they are on the verge of death, hear the name of Earth Store Bodhisattva pass through their ear a single time, they will never endure the sufferings of the three evil paths, how much more will this be true if when they are on the verge of death, the parents and relatives use the dying person's houses, wealth, jewels and clothing to commission the carving or painting of Earth Store Bodhisattva's image. Or if that sick person has not yet died and sees or hear and understands that, on his behalf, relatives have used his house, jewels and so forth for the carving or painting of Earth Store Bodhisattva's image, by receiving that merit, he may quickly be cured and his lifespan prolonged, even if his karmic retribution is such that he should have undergone severe sickness. If that person's retribution is such that his life is at an end and because of all manner of offense-obstacles and karmic obstructions, he should fall into the evil paths because of receiving such merit he will be born among humans and gods, and there enjoy extremely wonderful bliss. All his obstacles due to offenses will be eradicated.

Lại vậy nữa, này Quán Thế Âm Bồ Tát! Về đời sau, nếu có kẻ nam người nữ nào, hoặc lúc còn bú mớm, hoặc lúc lên ba tuổi, hoặc lúc lên năm tuổi, mười tuổi trở xuống mà chết mất cha mẹ cho đến chết mất anh em chị em. Đến khi người đó khôn lớn nhớ tưởng đến cha mẹ cùng hàng thân quyến không rõ đọa lạc vào chốn nào, hay sang về thế giới nào, hoặc sanh lên cõi trời nào? Người đó như có thể tô vẽ hình tượng của Địa Tạng Bồ Tát, nhẫn đến nghe danh hiệu của ngài một lần chiêm ngưỡng một lần đánh lễ, từ một ngày cho đến bảy ngày, dừng thối thất tâm ban đầu, nghe danh hiệu thấy hình tượng chiêm lễ cúng dường. Thời quyến thuộc đã sớm khuất của người đó nếu do ác nghiệp mà bị đọa vào ác đạo tính ra phải chịu đến số kiếp, nay nhờ công đức tô vẽ hình tượng của ngài Địa Tạng Bồ Tát và chiêm lễ cúng dường của con cái, hay của anh em chị em, nên liền đặng giải thoát, được sanh lên cõi trời cõi người hưởng quả vui thù thắng vi diệu. Còn như quyến thuộc đã sớm khuất của người đó có phước lành, đã sanh lên cõi trời cõi người hưởng quả vui thù thắng vi diệu rồi, thời nhờ công đức này càng thêm lớn nghiệp nhơn về bậc Thánh, hưởng vô lượng quả vui. Như người đó lại có thể trong hai mươi một ngày, chuyên lòng chiêm lễ hình tượng của ngài Địa tạng Bồ Tát và niệm lấy danh hiệu của ngài đủ số một muôn biến, sẽ đặng Địa Tạng Bồ Tát hiện vô biên thân, mách cho người đó rõ nơi cõi của hàng thân quyến sớm khuất kia đã sanh về. Hoặc trong giấc mộng, Địa Tạng Bồ Tát hiện sức thần thông lớn, tự dắt người đó đến các thế giới thấy hàng quyến thuộc. Nếu người đó lại có thể mỗi ngày niệm danh hiệu của Bồ Tát một muôn ngàn biến luôn đến một ngàn ngày. Thời người đó sẽ được Bồ Tát sai các vị Quỷ Thần ở tại chỗ đó hộ vệ trọn đời, hiện đời đồ ăn món mặc dư dật, không có các thứ bệnh khổ, cho đến các tai vạ còn không hề vào đến cửa, huống nữa là đến nơi thân. Rốt ráo rồi người đó được ngài Địa Tạng Bồ

Tát xoa đánh thọ ký—Moreover, Contemplator of the World's Sounds Bodhisattva, in the future a man or woman may lose father, mother, brothers, or sisters while he or she is still an infant or three years old, or five years old, or under ten years of age. When fully grown the person may think of these parents and relatives but not know into what path or world or heaven they have been born. If that person is able to sculpt or paint an image of Earth Store Bodhisattva, or even hear his name, or gaze upon, or worship him, and if that person can continue to do so from one through seven days, constantly hearing his name, seeing his image, gazing upon, worshipping, and making offerings without retreating from his initial resolve, then that person's relatives will be liberated for many aeons. Even though their karma from the causes they have planted might be such as to cause them to fall into the evil paths for kalpas, they will quickly be reborn in the heavens, where they will receive supremely wonderful bliss. These results come from receiving the meritorious virtues established by that son, daughter, brother, sister who sculpted or painted an image of Earth Store Bodhisattva and then gazed upon it and worshiped it. If that person's relatives have already been born in the heavens on the strength of their own blessings and are already experiencing supremely wonderful bliss, upon receiving this additional merit, the causes for their attaining Sagehood will increase, and they will experience limitless bliss. If in addition, that person is able to gaze upon and worship Earth Store Bodhisattva's image single-mindedly during three weeks, reciting his name a full ten thousand times, the Bodhisattva may at that time, manifest a limitless body and tell that person all about the names of the worlds in which his relatives have been born. The Bodhisattva may manifest great spiritual power and personally

lead him to those worlds in a dream to see his relatives. Moreover, if one is able to recite the Bodhisattva's name one thousand times a day every day for one thousand days, the Bodhisattva will send the ghosts and be spirits in the vicinity of that person to guard and protect him for his entire life. In this world, his clothing and food will be abundant and he will have no suffering from sickness. No accidents will occur in his house, much less affect him personally. Finally, the Bodhisattva will rub the crown of his head and bestow a prediction of enlightenment upon him.

Lại vậy nữa, nầy Quán Thế Âm Bồ Tát! Về đời sau, như có kẻ thiện nam người thiện nữ nào muốn phát lòng từ rộng lớn để cứu độ tất cả chúng sanh, muốn tu đạo vô thượng chánh giác, muốn thoát khỏi tam giới. Những người đó thấy hình tượng và nghe danh hiệu của ngài Địa Tạng Bồ Tát, rồi chí tâm quy-y hoặc đem hương hoa, y phục, vật báu, đồ ăn uống, vân vân để cúng dường chiêm ngưỡng đánh lễ thời chỗ nguyện cầu của kẻ thiện nam cùng thiện nữ đó mau được thành tựu không bao giờ bị chướng ngại—Moreover, Contemplator of the World's Sounds Bodhisattva, if a good man or good woman in the future wishes to give rise to the great compassionate thought of rescuing and taking across all living beings and wishes to cultivate unsurpassed Bodhi in order to leave the Triple World, and if that person sees Earth Store Bodhisattva's image, hears his name, and in his heart takes refuge with him, or using incense, flowers, clothing, jewels, food and drink, makes offerings to him and gazes at and worship him, that good man or good woman will have his wishes quickly realized and will never have any obstructions (obstacles).

Lại vậy nữa, nầy Quán Thế Âm Bồ Tát! Trong đời sau, như có kẻ thiện nam, người thiện nữ nào muốn cầu trăm ngàn muôn ức sự

về hiện tại cùng vị lai, thời chỉ nên quy-y chiêm ngưỡng đánh lễ, cúng dường, ngợi khen hình tượng của ngài Địa Tạng Bồ Tát. Được như thế thời nguyện những chi và cầu những chi thấy đều thành tựu cả. Lại cầu mong Địa Tạng Bồ Tát vận đức từ bi rộng lớn ủng hộ mãi cho; người đó trong giấc chiêm bao liền đặng ngài Địa Tạng Bồ Tát xoa đánh thọ ký—Moreover, Contemplator of the World's Sounds Bodhisattva, if good men and women in the future wish to fulfill hundreds of thousands of ten thousands of millions of wishes and to succeed in as many undertakings in both the present and the future, they should simply take refuge with, gaze upon, worship, make offerings to, and praise the image of Earth Store Bodhisattva. In such a way, their wishes and what they seek will all be realized. Moreover, one may wish that Earth Store Bodhisattva, replete with his great compassion, will offer eternal protection. That person will then dream of the Bodhisattva rubbing the crown of his head and bestowing a prediction of enlightenment.

Lại vậy nữa, nầy Quán Thế Âm Bồ Tát! Trong đời sau, như có người thiện nam, kẻ thiện nữ nào sanh lòng rất trân trọng đối với kinh điển Đại Thừa, phát tâm bất tư nghi muốn đọc tụng kinh điển ấy. Dầu gặp đặng mình sư truyền dạy cho những người đó học tập, nhưng đọc rồi quên rồi, trải đến cả tháng cả năm vẫn không đọc tụng được. Những kẻ thiện nam thiện nữ đó vì có nghiệp chướng đời trước chưa trừ sạch, cho nên ở nơi kinh điển Đại Thừa không có công năng đọc tụng. Những hạng người này khi nghe danh hiệu của ngài Địa Tạng Bồ Tát, đem hết tâm cung kính bày tỏ với Bồ Tát, rồi dùng hương hoa, y phục, đồ ăn, tất cả đồ ngọc cụ, vân vân cúng dường hình tượng Bồ Tát. Dùng một chén nước trong để trước tượng Bồ Tát một ngày một đêm, sau đó cung kính chấp tay thỉnh để uống, xây mặt về hướng nam. Khi nước vào

miệng phải chí tâm trịnh trọng, uống nước xong, phải cử ngũ tân, rượu thịt, tà dâm, vọng ngữ và các việc giết hại trong bảy ngày, hoặc hai mươi mốt ngày. Người thiện nam thiện nữ đó trong giấc chiêm bao thấy Địa Tạng Bồ Tát hiện thân vô biên rưới nước trên đỉnh của người đó. Sau khi thức dậy, người đó liền đặng thông minh, một phen nghe đến kinh điển Đại Thừa ấy liền sẽ nhớ mãi, không bao giờ còn quên một câu kệ nữa—Moreover, Contemplator of the World's Sounds Bodhisattva, there may be good men and women in the future who have high regard for the Great Vehicle Sutras and make the inconceivable resolve to read them and to recite them from memory. Although they encounter an understanding master who instructs them so that they may become familiar with the texts, whatever they learn they forget in a short while, so that after months or years they are no longer able to read or recite them from memory. It is because this good man's or good woman's karmic obstructions from past lives have not yet been eradicated that he does not have the proper disposition for reading and reciting Sutras of the Great Vehicle. Upon hearing Earth Store Bodhisattva's name or seeing his image, such people should wholly use their original minds and respectfully state their situation to the Bodhisattva. In addition, they should take incense, flowers, clothing, food and drink as well as all manner of playthings, and make offerings to the Bodhisattva. They should place a bowl of pure water before the Bodhisattva for one day and one night. Afterwards, placing their palms together, let them state their request and then drink the water while facing south. As the water is about to enter their mouths they should be particularly sincere and solemn. After drinking the water, they should abstain from the five plants of the family, wine, meat, sexual activity, and false speech, as well as killing

and harming, for one to three weeks. In dreams, these good men and good women will all see Earth Store Bodhisattva manifesting a limitless body and anointing the crowns of their heads with water. When they awaken they will be endowed with keen intelligence. Should this Sutra then pass through their ear faculties one time, they will eternally remember it and never forget or lose a single sentence or verse.

Lại vậy nữa, nầy Quán Thế Âm Bồ Tát! Về trong đời sau, như có những người nào ăn mặc không đủ, cầu chi cũng không toại nguyện, hoặc thân nhiều tật bệnh, hoặc nhiều sự hưng suy, nhà cửa không yên ổn, quyến thuộc chia lìa, hoặc có sự tai vạ cứ đến khuấy nhiễu nơi thân luôn, trong giấc mộng thường phải kinh sợ. Những người như thế đó, khi nghe danh hiệu của ngài Địa Tạng Bồ Tát, thấy hình tượng của Địa Tạng Bồ Tát nên chí tâm cung kính niệm đủ một muôn biến, thời những sự không toại ý trên đó sẽ tiêu sạch lần lần, cho đến trong giấc mộng thấy đều an ổn vui vẻ—Moreover, Contemplator of the World's Sounds Bodhisattva, if there are people in the future whose food and clothing are insufficient, who find their efforts thwarted, or who endure much sickness, and ill fortune, whose families are not peaceful, whose relatives are scattered, or who are bothered by unfortunate occurrences, or who are often startled in their sleep by dreams, such people, upon hearing Earth Store's name and seeing his image, should recite his name a full ten thousand times with extreme sincerity and respect. Those displeasing matters will gradually be eradicated and they will attain peace and happiness. Their food and clothing will be abundant and even if their dreams they will be peaceful and happy.

Lại vậy nữa, nầy Quán Thế Âm Bồ Tát! Về đời sau, nếu có người thiện nam thiện nữ nào,

hoặc nhưn sự làm ăn, hoặc nhưn sự công chuyện tư, hoặc nhưn sự sanh cùng tử, hoặc nhưn việc gặp mà phải vào trong rừng núi, hay là qua sông vượt biển, hoặc gặp nước lụt lớn, hoặc đi ngang đường hiểm trở. Người ấy trước khi đi nên niệm danh hiệu của ngài Địa Tạng Bồ Tát một muôn biển, được thế thời đi qua nơi chốn nào cũng có các vị quỷ thần hộ vệ, lúc đi đứng, khi nằm ngồi, đều được an ổn vui vẻ luôn, cho đến dầu gặp loài hùm sói sư tử, vân vân nhưng tất cả thứ độc hại đều không thể phạm đến người đó được—Moreover, Contemplator of the World's Sounds Bodhisattva, if good men or good women in the future must enter mountain forests, cross over rivers, seas or other large bodies of water, or if they must take dangerous routes either for the sake of earning their own livelihood, or for public or personal affairs, or matters of life and death, or other urgent business, such people should first recite the name of Earth Store Bodhisattva ten thousand times. The ghosts and spirits of the lands they pass through will then guard and protect them in their walking, standing, sitting and lying down. The peace and happiness of those persons will constantly be preserved, so that even if they encounter tigers, wolves, lions or any other harmful or poisonous creatures, the creatures will be unable to harm them.

Đức Phật bảo ngài Quán Thế Âm Bồ Tát: “Ngài Địa Tạng Bồ Tát có nhưn duyên rất lớn với cõi Diêm Phù Đề. Nếu nói về những sự mà các hàng chúng sanh thấy nghe tên của ngài Địa Tạng Bồ Tát được lợi ích, thời dầu có nói đến trong trăm ngàn kiếp cũng không hết được. Nay Quán Thế Âm Bồ Tát! Vì thế ông nên dùng thần lực mà truyền kinh này làm cho chúng sanh trong cõi Ta Bà đây mãi đến trăm ngàn kiếp được hưởng những sự an vui luôn—The Buddha told the Contemplator of the World's Sounds Bodhisattva: “Earth

Store Bodhisattva has great affinities with beings in Jambudvīpa. Hundreds of thousands of aeons would not be time enough to describe the benefits derived by living beings who see this Bodhisattva and hear his name. Therefore, Contemplator of the World's Sounds Bodhisattva, you should use your spiritual power to propagate this Sutra and to cause the living beings in the Saha World to receive peace and happiness always, throughout hundreds of thousands of ten thousands of aeons.”

Bấy giờ đức Thế Tôn liền nói kệ rằng—At that time the World Honored One spoke verses, saying:

Ta xem Địa Tạng sức oai thần

As I contemplate Earth Store's awesome spiritual strength,

Kiếp số hằng sa khó tỏ trần.

Speaking for aeons as many as Ganges sands would fail to describe it.

Thấy nghe, một niệm chiêm ngưỡng lễ,

To see, to hear, to worship for but one thought,

Trời người lợi ích sự không ngần.

Bring endless benefit to gods and humans.

Hoặc Rồng, hoặc Thần, cùng nam nữ.

If a man's or woman's or a god's or a dragon's

Báo thân sẽ sa vào đường dữ,

Lifespan ends and he should fall into evil ways,

Chí tâm quy mạng Đại Sĩ thân,

But, if with extreme sincerity he takes refuge with this Great Being,

Tuổi thọ thêm nhiều trừ tội dữ.

His lifespan will increase and his offenses will be wiped away.

Tuổi thơ chết mất mẹ cùng cha

Those who when young, lost their parents,

Huynh đệ chị em kẻ ruột rà

Brothers, sisters, or other kin,

Lớn khôn nghĩ đến đều không biết,  
 Whom they never knew while they were  
 growing up,  
 Nẻo dữ đường lành ở đâu là?  
 And do not know what paths their spirits took?  
 Hoặc vẽ, hoặc tô hình Đại Sĩ,  
 Should sculpt or paint an image of this Great  
 Being,  
 Cảm thương chiêm lễ biệt chẳng đành,  
 With sincere regard gaze upon and worship  
 him unceasingly,  
 Hăm một ngày luôn niệm danh hiệu.  
 And for twenty-one days recite his name.  
 Bồ Tát hiện thân đến bên mình.  
 The Bodhisattva will manifest a boundless  
 body  
 Chỉ rành quyền thuộc ở nơi nào.  
 And show the realms in which the kin were  
 born.  
 Dầu sa ác thú cũng mau ra.  
 Even if they've fallen into evil paths, they will  
 soon find escape.  
 Nếu được không vui lòng kính ngưỡng,  
 If one is able to not retreat from one's first  
 resolve,  
 Thánh ký, Bồ Tát vuốt đầu trao.  
 The crown of one's head will be rubbed, and a  
 prediction of sagehood received.  
  
 Bồ Đề Vô Thượng muốn tu hành  
 One who wishes to cultivate the unsurpassed  
 Bodhi  
 Mong ra ba cõi khỏi tử sanh,  
 And leave behind the suffering of the Triple  
 World,  
 Người này đã phát lòng bi lớn,  
 Having given rise to the great compassionate  
 heart,  
 Trước nên chiêm lễ hình Đại Sĩ,  
 Should first gaze upon and worship the image  
 of this Great Being,  
 Nghe tên quy-y đấng trọn lành,  
 Upon hearing his name, immediately taking  
 refuge on Him,

Cúng dường cung kính phát lòng thành,  
 With respectfully sincere offerings,  
 Nghiệp chướng chẳng hề ngăn chướng đặng,  
 Karmic hindrances will never cover one over.  
 Bao nhiêu mong ước sớm viên thành.  
 Each wish on makes will quickly come to  
 pass.

Có kẻ phát tâm tụng kinh sách,  
 One may resolve to read a sutra text,  
 Muốn độ chúng sanh khỏi tai ách.  
 Wishing to take confused sentient beings  
 across to the other shore.  
 Dầu lập nguyện lớn chẳng nghĩ bàn,  
 But although making such an inconceivable  
 vow,  
 Đọc rồi quên rồi luôn sót mất.  
 For whatever one reads is shortly thereafter  
 forgotten.  
 Người này nghiệp chướng nó làm mê,  
 Because of karmic obstructions and delusions,  
 Học Đại Thừa kinh khó mọi bề.  
 One cannot hold the Mahayana sutras in one's  
 mind.  
 Y phục, uống ăn các ngoại cụ,  
 Clothing, food, and all sorts of sleeping bags,  
 Cúng dường Địa Tạng với hương hoa,  
 To Earth Store Bodhisattva one should offer  
 scents and flowers,  
 Dùng chén nước trong bày trước tượng,  
 Place a bowl of pure water before the Great  
 Being,  
 Cách một ngày đêm bưng lấy uống,  
 Wait for one day and night, then drink the  
 water,  
 Sanh lòng ân trọng cử ngũ tân,  
 Be diligent and respectfully and carefully  
 avoid the pungent plants,  
 Rượu thịt, tà dâm cùng dối lường,  
 Both meat and wine, improper sex conduct  
 and false speech,  
 Trong hăm một ngày chớ sát sanh,  
 For twenty-one days neither kill nor injure;  
 Chuyên lòng tưởng niệm Thượng Nhơn danh.

With extreme sincerity be mindful of the name of this Great Being.

Chiêm bao thấy rõ tôn dung hiện,  
Then in a dream one will see His image,  
Thức rồi liền đặng trí khôn lanh,

Once awake, obtain keenness of the ear faculty,

Đại thừa kinh giáo nghe qua tai  
So that when the teachings of Mahayna sutras are heard passing through one's ear,  
Ngàn vạn đời sau nhớ chẳng sai.

Throughout ten million lives, one will never forget them.

Chính nhờ Đại Sĩ oai thần lớn,  
Because the power of this Great Being is inconceivable,

Thâm giúp người kia có huệ tài.  
It can cause such a person to obtain this wisdom.

Chúng sanh nghèo khổ lại ốm đau,  
If poverty-stricken beings, plagued with disease,

Cửa nhà hoạn họa, người lìa nhau,  
Whose homes are troubled, whose relatives are scattered,

Ngủ mê mộng寐 không an giấc,  
Who aren't at peace, even in sleep or dreams,  
Cầu muốn hồng hơ chẳng được nào!

Whose efforts are thwarted, so they can't carry out their wishes,

Dốc lòng chiêm lễ ngài Địa Tạng,  
Gaze upon and worship Earth Store's image with utmost sincerity,

Bao nhiêu việc ác thấy tiêu ngay,  
All the evil deeds will be wiped away,

Nhẫn đến chiêm bao đều an cả,  
Even their dreams will be totally peaceful,

Quý Thần phò hộ, của dư xài.  
Their food and clothing will be plentiful, and God and ghosts will protect them.

Muốn qua sông biển, đến núi rừng,

Those who wish to travel in mountain forests, across rivers or seas,

Cầm thú độc nguy, giặc đón đường,  
Or among poisonous or evil birds and beasts, or evil people;

Ác Thần, ác quỷ, mưa gió dữ,  
Among evil ghosts, and spirits, and also evil winds,

Nhiều nỗi gian nan khổn không lường,  
So many kinds of troublesome disturbances, Sắp sửa ra đi đối trước tượng,

To an image of Earth Store Bodhisattva, the Great Being,

Cúng dường kính lễ cùng chiêm ngưỡng.  
Need only gaze in worship and make offerings.

Núi rừng biển cả có vào trong,  
In such a way, within the mountain forests, and on the great seas,

Ác tai tiêu sạch thường an sướng.  
All evil should thereby be destroyed.

Quán Âm lắng nghe ta nói rõ,  
Avalokitesvara, listen with extreme sincerity to what I say,

Địa Tạng vô lượng oai thần đó,  
Earth Store Bodhisattva is endless and inconceivable.

Trăm ngàn muôn kiếp thuật chẳng rồi,  
Hundreds of thousands of ten thousands of kalpas is time too brief,

Rộng tuyên Đại Sĩ đầy sức nọ!  
To describe fully the powers of this Great Being!

Như người nghe đến danh Địa Tạng,  
If humans can but hear the name "Earth Store,"

Thấy hình chiêm lễ hết lòng thành,  
Or if they see his image, and gaze in worship,  
Hương hoa, ăn uống, dâng y phục,

Or offer incense, flowers, food, drink, and clothing,

Trăm ngàn báo đẹp hưởng điều lành,

They will delight in a hundred thousand wonderous joys.

Nếu hay đem công hồi pháp giới,  
If one can dedicate such merit to the Dharma Realm,

Rốt ráo thành Phật, sanh tử khỏi,  
One will finally become a Buddha, transcending birth and death,

Quán Âm nên biết gắng tuyên bày,  
Therefore, contemplate of the World's Sounds, you should know about this,  
Truyền khắp hằng sa nhiều cõi nước!

Inform all lands everywhere, as many as Ganges Sands!

## CHƯƠNG MƯỜI BA— CHAPTER THIRTEEN PHẨM DẶN DÒ CỨU ĐỘ NHƠN THIÊN—THE ENTRUSTMENT OF HUMANS AND GODS

Lúc đó đức Thế Tôn giơ cánh tay sắc vàng xoa đánh ngài Địa Tạng đại Bồ Tát mà bảo rằng: Địa Tạng! Địa Tạng! Thần lực của ông không thể nghĩ bàn, đức từ bi của ông không thể nghĩ bàn, trí huệ của ông không thể nghĩ bàn, biện tài của ông không thể nghĩ bàn. Dầu cho các đức Phật ở mười phương khen ngợi tuyên nói những sự chẳng thể nghĩ bàn của ông trăm ngàn muôn kiếp cũng chẳng hết đặng—At that time the World Honored One raised his gold colored arm, and again rubbed the crown of the head of Earth Store Bodhisattva Mahasattva, and said: “Earth Store, Earth Store, your spiritual powers, compassion, wisdom and eloquence are inconceivable. Even if all the Buddhas of the ten directions were to proclaim their praise of your inconceivable deeds, they could not finish in thousands of ten of thousands of aeons.

Nầy Địa Tạng! Địa Tạng! Ông nên nhớ hôm nay Ta ở trong cung trời Đao Lợi, nơi pháp hội lớn có trăm ngàn muôn ức bất khả thuyết, bất khả thuyết tất cả các chư Phật, các vị Bồ Tát, các hàng trời, rồng, tám bộ chúng đây, một lần nữa đem các hàng chúng sanh, những kẻ ở trong nhà lửa ra khỏi ba cõi, mà giao phó cho ông. Ông chớ để các chúng sanh đó phải bị đọa vào ác đạo, dầu là chỉ một ngày một đêm, hưởng chi lại để cho họ phải bị đọa lạc vào địa ngục Vô Gián cùng địa ngục A Tỳ, mãi đến ngàn muôn ức kiếp không lúc nào ra khỏi ư—Earth Store! Earth Store! Remember that today, in the Trayastrimsha Heaven in this great assembly of the hundreds of thousands of ten thousands of millions of indescribable, indescribable numbers of all the Buddhas, Bodhisattvas, gods, dragons, and other members of the eightfold division, I again entrust to you the humans, gods, and all other beings who are still in the burning abode and have not yet left the Triple World. Do not allow those beings to fall into the evil paths even for a single day and night, much less fall into the Uninterrupted Hell of the Five Offenses and the Avichi Hell, where they would have to pass through thousands of tens of thousands of millions of aeons without being able to leave.

Nầy Địa Tạng! Tâm tánh của chúng sanh cõi Diêm Phù Đề không định, phần đông quen theo thói ác, thoảng hoặc có người phát tâm lành, nhưng rồi không bao lâu liền thối thất, còn như duyên ác lại luôn luôn tăng trưởng. Cũng vì lẽ đó, nên Ta phải chia thân nầy ra trăm ngàn ức để hóa độ, thuận theo căn tánh của họ hầu cho họ được giải thoát—Earth Store! The beings of Jambudvīpa are of irresolute will and nature, and they habitually do many evil. Even if they resolve their thoughts on good, in an instant they turn back on that resolve. And if they encounter evil conditions, in every thought they tend to



become increasingly involved in them. For this reason I duplicate hundreds of thousands of millions of bodies to transform living beings, to take them across and liberate them, all in accord with their own fundamental natures.

Nầy Địa Tạng! Hôm nay Ta ân cần đem chúng trời, người giao phó cho ông. Trong đời sau như có hàng trời người cùng thiện nam thiện nữ nào trồng chút ít căn lành ở trong Phật pháp, chừa bằng sợi lông, mảy trần, hạt cát, giọt nước, thời ông nên dùng đạo lực của ông ủng hộ người đó, làm cho người đó tu tập lần lần đạo hạnh vô thượng, chớ để họ thối thất—Earth Store! I now earnestly entrust the multitudes of humans and gods to you. If, in the future, gods or human beings, whether good men or good women, plant a few good roots in the Buddhadharma, be they as little as a strand of hair, a mote of dust, a grain of sand, or a drop of water, use your virtue in the Way and spiritual powers to protect them so that they gradually cultivate the unsurpassed Way and do not retreat from it.

Lại vậy nữa, nầy Địa Tạng Bồ Tát! Trong đời sau, hoặc có trời hay người nào phải theo nghiệp mà thọ báo bị đọa vào ác đạo, đến khi bị đọa vào chốn ác đạo, vừa bước đến cửa ngục, những chúng sanh đó nếu có thể niệm đặng danh hiệu của đức Phật, hay danh hiệu của một vị Bồ Tát, cùng một câu kệ kinh điển Đại Thừa. Ông nên dùng thần lực của ông tìm phương chước cứu vớt các chúng sanh đó, ông nên hiện thân ra trước kẻ đó, phá tan địa ngục làm cho họ được sanh lên cõi trời hưởng sự vui vi diệu thù thắng.”—Moreover, Earth Store! If in the future, humans or gods who ought to fall into the evil paths as karmic retribution are on the verge of falling into those paths, or are ready at the very gates to those paths, are able to recite the name of one Buddha or Bodhisattva, or a single sentence or verse of a Great Vehicle Sutra, you should use

your spiritual powers to rescue them with expedient means. Display to them a limitless body, smash the hells, and cause them to be born in the heavens and to experience supremely wonderful bliss.

Bấy giờ đức Thế Tôn liền nói kệ rằng—At that time the World Honored One spoke in verse, saying:

“Đời nay đời sau chúng thiên nhân,  
Humans and gods and other beings of the present and future,  
Nay Ta ân cần dặn bảo ông;  
I now earnestly entrust to you;  
Dùng đại thần thông quyền độ họ.  
With great spiritual penetrations, skill-in-means (skillful means), take them across.  
Đừng cho ác đạo đọa vào trong.  
Do not allow them to fall into the evil paths.”

Bấy giờ ngài Địa Tạng Bồ Tát quỳ gối chấp tay bạch Phật rằng: “Bạch Đức Thế Tôn! Cúi xin đức Thế Tôn chớ lo. Trong đời sau, nếu có người thiện nam cùng kẻ thiện nữ nào, đối với trong Phật pháp có một niệm cung kính, con cũng dùng trăm ngàn phương tiện độ thoát người đó, làm cho mau đặng giải thoát trong đường sanh tử, huống nữa là nghe các việc lành rồi luôn luôn tu hành, tự nhiên ở nơi đạo vô thượng không bao giờ còn thối chuyển—At that time Earth Store Bodhisattva Mahasattva, knelt on one knee, placed his palms together, and said to the Buddha: “World Honored One! Please do not be concerned. If good men and good women in the future have a single thought of respect toward the Buddhadharma, I shall use hundreds of thousands of expedient devices to take them across so that they may quickly attain liberation from birth and death. How much more will those who have heard of good undertakings and whose every thought is of cultivating, never retreat from the unsurpassed Way.

Lúc ngài Địa Tạng Bồ Tát bạch lời nói trên đó vừa xong, trong pháp hội có một vị Bồ Tát tên là Hư Không Tạng bạch cùng đức Phật rằng: “Bạch Đức Thế Tôn! Từ khi con đến cung trời Đao Lợi này được nghe đức Như Lai ngợi khen oai thần thế lực của ngài Địa Tạng Bồ Tát. Trong đời sau, hoặc có người thiện nam cùng thiện nữ nào, cho đến tất cả hàng trời, rồng, vân vân nghe kinh điển này và nghe danh tự của Địa Tạng Bồ Tát cùng với chiêm lễ hình tượng Địa Tạng Bồ Tát, thời những kẻ ấy được bao nhiêu điều phước lợi? Cúi mong đức Thế Tôn vì tất cả hàng chúng sanh ở hiện tại và vị lai mà nói lược việc ấy cho.”—When this was said, a Bodhisattva in the assembly named Empty Space Treasure spoke to the Buddha: “World Honored One! I personally have come to the Trayastrimsha Heaven and have heard the Thus Come One praise the inconceivable power of Earth Store Bodhisattva’s awesome spiritual strength. If in the future good men or good women, as well as gods and dragons, hear this sutra and the name of Earth Store Bodhisattva, or if they gaze at and worship his image, how many kinds of blessings and benefits will they obtain? Please, World Honored One, say a few words about this for the sake of the living beings of the present and in the future.”

Đức Phật bảo ngài Hư Không Tạng Bồ Tát: “Lắng nghe! Lắng nghe cho kỹ! Ta sẽ vì ông mà nói rõ việc ấy cho. Trong đời sau, người thiện nam cùng thiện nữ nào thấy hình tượng của ngài Địa Tạng Bồ Tát và nghe kinh này, cho đến đọc tụng, dùng hương hoa, đồ ăn món uống, y phục, vật báu mà bố thí cúng dường ngợi khen chiêm lễ thời kẻ ấy được hai mươi tám điều lợi ích như sau đây—The Buddha told Empty Space Treasure Bodhisattva: “Listen attentively! Listen attentively! I shall enumerate them and describe them to you. If there are good men or women in the future who see Earth Store Bodhisattva’s image, or who hear this sutra or read or recite it; who

use incense, flowers, food and drink, clothing, or gems as offerings; or if they praise, gaze upon, and worship him, they will benefit in twenty-eight ways:

- 1) Các hàng trời rồng thường hộ niệm—Gods and dragons will be mindful of them and protect them.
- 2) Quả lành càng ngày càng thêm lớn—The fruits of their goodness will increase daily.
- 3) Chứa nhóm nhân vô thượng của các bậc Thánh—They will accumulate superior causes of Sagehood.
- 4) Mãi không còn thối thất đạo Bồ Đề—They will not retreat from Bodhi.
- 5) Đồ mặc món ăn dồi dào đầy đủ—Their food and drink will be abundant.
- 6) Những bệnh tật không đến được nơi thân—Epidemics will not touch them.
- 7) Khỏi những tai nạn về lửa và nước—They will not encounter disasters of fire and water.
- 8) Không bị hại bởi nạn trộm cướp—They will not have any difficulties with thieves or armed robbers.
- 9) Người khác thấy đến liền sanh lòng cung kính—They will be respected by all who see them.
- 10) Các hàng quỷ thần theo hộ trì—They will be aided by ghosts and spirits.
- 11) Đời sau thân nữ sẽ chuyển thành thân nam—Women will be reborn as men.
- 12) Đời sau sẽ làm con gái hàng Vương Giả, Đại Thân—If born as women, they will be daughters of kings and ministers.
- 13) Thân tướng xinh đẹp—They will have handsome features.
- 14) Phần nhiều được sanh về cõi trời—They will often be born in the heavens.
- 15) Hoặc làm bậc vua chúa—They may be emperors or kings.
- 16) Có trí sáng biết rõ việc trong những đời trước—They will know their past lives.

- 17) Có mong cầu chi cũng đều được toại ý—They will attain whatever they seek.
- 18) Quyến thuộc an vui—Their families will be happy.
- 19) Các tai vạ bất ngờ đều dứt sạch—All disasters will be eradicated.
- 20) Các nghiệp về ác đạo đều trừ hẳn—They will eternally be apart from bad karmic paths.
- 21) Đi đến đâu cũng đều không bị sự trở ngại—They will always arrive at their destination.
- 22) Đêm nằm chiêm bao an ổn vui vẻ—At night their dreams will be peaceful and happy.
- 23) Những người thân tộc đã chết có tội thời được khỏi khổ—Their deceased ancestors will leave suffering behind.
- 24) Nếu về đời trước có phước thời được thọ sanh về cõi vui sướng—And they will receive the blessings from their past lives to aid their rebirth.
- 25) Các bậc Thánh ngợi khen—They will be praised by the sages.
- 26) Căn tánh lanh lợi thông minh—They will be intelligent and they will have sharp faculties.
- 27) Giàu lòng từ mẫn—They will have magnanimous, kind and sympathetic (compassionate) hearts.
- 28) Rốt ráo thành Phật—They will ultimately realize Buddhahood.
- vows, deeds, and practices, and then praise him and gaze at and worship him, they will benefit in seven ways:
- 1) Mau chóng bậc Thánh—They will quickly reach the Sages' ground.
  - 2) Nghiệp ác tiêu diệt—Their evil karma will be eradicated.
  - 3) Chư Phật đến ủng hộ—All the Buddhas will protect and be near them.
  - 4) Không thối thất Bồ Đề—They will not retreat from Bodhi.
  - 5) Bản lực được tăng trưởng—Their inherent powers will increase.
  - 6) Việc đời trước đều rõ biết—They will know their past lives.
  - 7) Rốt ráo thành Phật—They will ultimately realize Buddhahood.

Bấy giờ bất khả thuyết bất khả thuyết tất cả các đức Phật và đại Bồ Tát, cùng tám bộ chúng trời, rồng, vân vân ở mười phương đến dự pháp hội đó, nghe đức Thích Ca Mâu Ni Phật ngợi khen tuyên bày sức oai thần lớn chẳng thể nghĩ bàn của ngài Địa Tạng Bồ Tát, đều khen là việc chưa từng có—At that time, all those who had come from the ten directions, the indescribable, indescribable, numbers of Buddhas, Thus Come One, as well as the great Bodhisattvas, gods, dragons, and the remainder of the eightfold division who heard Sakyamuni Buddha's praise of Earth Store Bodhisattva's great, awesome, and inconceivably spiritual powers, exclaimed that there had never been anything like this before.

Lại vậy nữa, nầy Hư Không Tạng Bồ Tát! Như có hàng trời, rồng, quỷ thần ở hiện tại và vị lai nghe danh hiệu của ngài Địa Tạng Bồ Tát, đánh lễ hình tượng của ngài Địa Tạng Bồ Tát, hoặc nghe các sự về bốn nguyện tu hành của ngài Địa Tạng Bồ Tát mà ngợi khen chiêm lễ, thời sẽặng bảy điều lợi ích sau đây—Moreover, Empty Space Treasure Bodhisattva! If gods, dragons, or spirits of the present or future hear Earth Store's name, bow to his image, or merely hear of his past

Lúc đó trời Đao Lợi rưới vô lượng hương hoa, thiên y, chuỗi ngọc để cúng dường đức Thích Ca Mâu Ni Phật và Địa Tạng Bồ Tát xong rồi, tất cả đại chúng trong pháp hội đều lại chiêm lễ chấp tay mà lui ra—At that time, incense, flowers, heavenly garments and pearl necklaces rained down in the Trayastrimsha Heaven as offerings to Sakyamuni Buddha and Earth Store Bodhisattva. When this was finished, together the entire assembly again

gazed upward, worshiped, placed their palms together, and withdrew.

Kinh Địa Tạng Bồ Tát Bốn Nguyên—Hết Quyển Hạ—This ends the third roll of the Sutra of The Past Vows of Earth Store Bodhisattva.

Nam Mô Thường Trụ Thập Phương Tăng (3 lần)—Namo Eternally Dwelling Sangha of the ten directions (3 times). Nam Mô Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát (3 lần)—Namo Earth Store Bodhisattva Mahasattva (3 times).

Lạy đấng Tam Giới Tôn

Bowing to the World Honored Ones of the three realms,

Quy mạng mười phương Phật,

Taking refuge in the Buddhas of the ten directions,

Nay con phát nguyện rộng

Resolving broadly,

Thọ trì kinh Địa Tạng.

Those who practice and cultivate this “Earth Store” sutra (that the merit and virtue from this work).

Trên đền bốn ơn nặng,

Repaying four kinds of kindness above,

Dưới cứu khổ tam đồ,

Aiding those suffering in the paths below,

Nếu có kẻ thấy nghe

May those who see and hear of this,

Đều phát Bồ Đề tâm,

All bring forth the resolve for Bodhi,

Hết một báo thân này

When this retribution body is over,

Sanh qua cõi Cực Lạc.

Be reborn together in ultimate bliss.

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật (3 lần)—Namo Sakyamuni Buddha (3 times).

# **Appendix M**

**Kinh Niệm Xứ**

**The Satipatthana Sutta**



# KINH QUÁN NIỆM SATIPATTHANA SUTTA

(Theo Kinh Trung A Hàm—According to the Majjhima Nikaya).

- Tôi nghe như vậy. Một thuở nọ Thế Tôn ở xứ Câu Lô, Kiềm Ma Sắt Đàm là đô thị của xứ Câu Lô. Rồi Thế Tôn gọi các Tỳ Kheo: “Này các Tỳ Kheo.” Các Tỳ Kheo vâng đáp Thế Tôn: “Bạch Thế Tôn!” Thế Tôn thuyết như sau: Thus, I have heard. On one occasion, the Blessed One was living in the Kuru country at a town of the Kurus named Kammasadhamma. There He addressed the Bhikkhus thus: “Bhikkhus.” “Venerable sir,” they replied. The Blessed One said:
- Này các Tỳ Kheo, đây là con đường độc nhất đưa đến thanh tịnh cho chúng sanh, vượt khỏi sầu não, diệt trừ khổ ưu, thành tựu chánh trí, chứng ngộ Niết Bàn. Đó là Tứ Niệm Xứ—Bhikkhus, this is the direct path for the purification of beings, for surmounting (overcoming) sorrow and lamentation, for the disappearance of pain and grief, for the attainment of the true Way, for the realization of Nibbana, namely, the four foundations of mindfulness.
- Thế nào là bốn? Này các Tỳ Kheo, ở đây Tỳ kheo sống quán niệm thân thể trên thân thể, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm để chế ngự tham ưu ở đời; sống quán niệm cảm thọ trên các cảm thọ, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm để chế ngự tham ưu ở đời; sống quán niệm tâm thức trên tâm thức, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm để chế ngự tham ưu ở đời; sống quán pháp trên các pháp (hay đối tượng của tâm thức nơi các đối tượng tâm thức), nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm để chế ngự tham ưu ở đời—What are the four?

Here, Bhikkhus, a Bhikkhu abides contemplating the body as a body, ardent, fully aware, and mindful, having put away covetousness (envy) and grief for the world. He abides contemplating feelings as feelings, ardent, fully aware, and mindful, having put away covetousness and grief for the world. He abides contemplating mind as mind, ardent, fully aware, and mindful, having put away covetousness (envy) and grief for the world. He abides contemplating mind-objects as mind-objects, ardent, fully aware, and mindful, having put away covetousness (envy) and grief for the world.

## QUÁN THÂN—CONTEMPLATION OF THE BODY

a) Tỉnh Thức Về Hơi Thở—Mindfulness of Breathing:

- Và này các Tỳ Kheo, thế nào là Tỳ Kheo sống quán niệm thân thể trên thân thể? Này các Tỳ Kheo, ở đây, Tỳ Kheo đi đến khu rừng, đi đến gốc cây, hay đi đến ngôi nhà trống, và ngôi kiết già, lưng thẳng và an trú trong chánh niệm trước mặt. Vị ấy thở vô tỉnh giác là mình đang thở vô; vị ấy thở ra tỉnh giác là mình đang thở ra. Thở vô một hơi dài, vị ấy ý thức rằng: “Tôi đang thở vô một hơi dài.” Thở ra một hơi dài, vị ấy ý thức rằng: “Tôi đang thở ra một hơi dài.” Thở vô một hơi ngắn, vị ấy ý thức rằng: “Tôi đang thở vô một hơi ngắn.” Thở ra một hơi ngắn, vị ấy ý thức rằng: “Tôi đang thở ra một hơi ngắn.” Cảm giác toàn thân, tôi sẽ thở vô,” vị ấy tập; “cảm giác toàn thân, tôi sẽ thở ra,” vị ấy tập; “An tịnh toàn thân, tôi sẽ thở vô,” vị ấy tập; “An tịnh toàn thân, tôi sẽ thở ra,” vị ấy tập. Này các Tỳ Kheo, như người thợ quay hay học trò người thợ quay thiện xảo khi quay dài, tuệ tri: “Tôi quay dài” hay khi quay ngắn,

vị ấy ý thức rằng: “Tôi quay ngắn.” Cũng vậy, này các Tỳ Kheo, Tỳ Kheo thở vô dài, ý thức rằng: “Tôi đang thở vô dài.” Thở ra dài, ý thức rằng: “Tôi đang thở ra dài.” Thở vô ngắn, ý thức rằng: “Tôi đang thở vô ngắn.” Thở ra ngắn, ý thức rằng: “Tôi đang thở ra ngắn.” Vị ấy tập: “Tôi có ý thức rõ rệt về trọn cả hơi thở mà tôi đang thở vào.” Vị ấy tập: “Tôi có ý thức rõ rệt về trọn cả hơi thở mà tôi đang thở ra.” Vị ấy tập: “Tôi đang thở vào và làm cho sự điều hành trong thân thể tôi trở nên an tịnh.” Vị ấy tập: “Tôi đang thở ra và làm cho sự điều hành trong thân thể tôi trở nên an tịnh.”—An now, Bhikkhus, does a Bhikkhu abide contemplating the body as a body? Here a Bhikkhu, gone to the forest or to the root of a tree or to an empty hut, sit down; having folded his legs crosswise, set his body erect, and established mindfulness in front of him, ever mindful he breathes in, mindful he breathes out. Breathing in long, he understands: “I breathe in long;” or breathing out long, he understands: “I breathe out long.” Breathing in short, he understands: “I breathe in short;” or breathing out short, he understands: “I breathe out short.” He trains thus: “I shall breathe in experiencing the whole body of breath;” he trains thus: “I shall breathe out experiencing the whole body of breath.” He trains thus: “I shall breathe in tranquilizing the bodily formation;” he trains thus: “I shall breathe out tranquilizing the bodily formation.” Just as a skilled turner or his apprentice, when making a long turn, understands: “I make a long turn;” or when making a short turn, understands: “I make a short turn;” so too, breathing in long, a Bhikkhu understands: “I breathe in long,” he trains thus: “I shall breathe out tranquilizing the bodily formation.”

- Như vậy, khi vị ấy sống quán niệm thân thể trên nội thân; hay sống quán niệm thân thể trên ngoại thân; hay sống quán niệm thân thể trên cả nội thân lẫn ngoại thân; hay vị ấy sống quán niệm tánh sanh khởi trên thân thể; hay sống quán niệm tánh diệt tận trên thân thể; hay sống quán niệm tánh sanh diệt trên thân thể. Hoặc người ấy quán niệm: “Có thân đây,” vị ấy an trú chánh niệm như vậy, với hy vọng hưởng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy không nương tựa, không chấp trước vật gì trên đời. Này các Tỳ Kheo, như vậy là Tỳ Kheo sống quán niệm thân thể trên thân thể—In this way, he abides contemplating the body as a body internally, or he abides contemplating the body as a body externally, or he abides contemplating the body as a body both internally and externally. Or else, he abides contemplating in the body its arising factors, or he abides contemplating in the body its vanishing factors, or he abides contemplating in the body both its arising and vanishing factors. Or else mindfulness that ‘there is a body’ is simply established in him to the extent necessary for bare knowledge and mindfulness. And, he abides independent, not clinging to anything in the world. That is how a Bhikkhu abides contemplating the body as a body.
- b) Tứ Oai Nghi—The Four Postures:
- Lại nữa, này các Tỳ Kheo, Tỳ Kheo đi, ý thức rằng: “Tôi đang đi.” Khi đứng, ý thức rằng: “Tôi đang đứng.” Khi ngồi, ý thức rằng: “Tôi đang ngồi.” Khi nằm, ý thức rằng: “Tôi đang nằm.” Thân thể được xử dụng như thế nào, vị ấy ý thức thân thể như thế ấy—Again, Bhikkhus, when walking, a Bhikkhu understands: “I am walking;” when standing, he understands: “I am standing;” when sitting, he



understands: “I am sitting;” when lying down, he understands: “I am lying down;” or he understands accordingly however his body is disposed.

- Vị ấy sống quán niệm thân thể trên nội thân; hay vị ấy sống quán niệm thân thể trên ngoại thân; hay vị ấy sống quán niệm thân thể trên cả nội thân lẫn ngoại thân; hay vị ấy sống quán niệm tánh sanh khởi trên thân thể; hay vị ấy sống quán niệm tánh diệt tận trên thân thể; hay vị ấy sống quán niệm tánh sanh diệt trên thân thể. “Có thân đây,” vị ấy an trú trong chánh niệm như vậy, với hy vọng hưởng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì trên đời này. Nay các Tỳ Kheo, như vậy là Tỳ Kheo sống quán niệm thân thể trên thân thể—In this way, he abides contemplating the body as a body internally, externally, and both internally and externally. And he abides independent, not clinging to anything in the world. That too is how a Bhikkhu abides contemplating the body as a body.
- c) Hoàn Toàn Tỉnh Thức—Full Awareness:
- Lại nữa, này các Tỳ Kheo, Tỳ Kheo khi bước tới bước lui, biết rõ việc mình đang làm; khi ngó tới ngó lui, biết rõ việc mình đang làm; khi co tay, khi duỗi tay, biết rõ việc mình đang làm; khi mặc áo Tăng Già Lê, mang bát, mang y, biết rõ việc mình đang làm; khi ăn, uống, nhai, nếm, biết rõ việc mình đang làm; khi đại tiểu tiện, biết rõ việc mình đang làm; khi đi, đứng, ngồi, ngủ, thức, nói, im lặng, biết rõ các việc mình đang làm—Again, Bhikkhus, a Bhikkhu is one who acts in full awareness when going forward and returning; who acts in full awareness when looking ahead and looking away; who acts in full awareness when flexing and extending his limbs; who acts in full awareness when wearing his robes and carrying his outer robe and bowl; who acts in full awareness when eating, drinking, consuming food and tasting; who acts in full awareness when walking, standing, sitting, falling asleep, waking up, talking and keeping silent.
- Như vậy, vị ấy sống quán niệm thân thể trên nội thân; hay sống quán niệm thân thể trên ngoại thân; hay sống quán niệm thân thể trên cả nội thân lẫn ngoại thân. Hay vị ấy sống quán niệm tánh sanh khởi trên thân thể; hay sống quán niệm tánh diệt tận trên thân thể; hay sống quán niệm tánh sanh diệt trên thân thể. “Có thân đây,” vị ấy an trú chánh niệm như vậy, với hy vọng hưởng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì trên đời. Nay các Tỳ Kheo, như vậy là Tỳ Kheo sống quán niệm thân thể trên thân thể—In this way, he abides contemplating the body as a body internally, externally, and both internally and externally. And, he abides independent, not clinging to anything in the world. That too is how a Bhikkhu abides contemplating the body as a body.
- d) Thân Uế Trược—Foulness of the Body Parts:
- Lại nữa, này các Tỳ Kheo, Tỳ Kheo quan sát thân này, từ gót chân trở lên và từ đỉnh tóc trở xuống, bao bọc bởi một lớp da và chứa đầy những vật bất tịnh khác nhau. Trong thân này: “Đây là tóc, lông, móng, răng, da, thịt, gân, xương, thận, tủy, tim, gan, hoành cách mô, lá lách, phổi, ruột, màng ruột bụng, phân, mật, đàm, mủ, máu, mồ hôi, mồ, nước mắt, mồ da, nước miếng, nước mũi, nước ở khớp xương, nước tiểu.” Nay các Tỳ Kheo, cũng như một bao đồ, hai đầu trống đựng đầy các loại hạt như gạo, lúa, đậu xanh,

- đậu lớn, mè, gạo đã xay rồi. Một người có mắt, đổ các hạt ấy ra và quan sát: “Đây là hạt gạo, đây là hạt lúa, đây là đậu xanh, đây là đậu lớn, đây là mè, đây là hạt lúa đã xay rồi.” Cũng vậy, nầy các Tỳ Kheo, một Tỳ Kheo quan sát thân nầy dưới từ bàn chân trở lên trên cho đến đánh tóc, bao bọc bởi da và chứa đầy những vật bất tịnh khác nhau. Trong thân nầy: “Đây là tóc, lông, móng, răng, da, thịt, gân, xương, tủy, thận, tim, gan, hoành cách mô, lá lách, phổi, ruột, màng ruột, bụng, phân, mật, đờm, mủ, máu, mồ hôi, mỡ, nước mắt, mỡ da, nước miếng, nước mủ, nước ở khớp xương, nước tiểu.”—Again, Bhikkhus, a Bhikkhu reviews this same body up from the soles of the feet and down from the top of the hair, bounded by skin, as full of many kinds of impurity thus: “In this body there are head-hairs, body-hairs, nails, teeth, skin, flesh, sinews, bones, bone-marrow, kidneys, heart, liver, diaphragm, spleen, lungs, large intestines, small intestines, contents of the stomach, feces, bile, phlegm, pus, blood, sweat, fat, tears, grease, spittle, snot, oil of the joints, and urine.” Just as though there were a bag with an opening at both ends full of many sorts of grain, such as hill rice, red rice, beans, peas, millet, and white rice, and a man with good eyes were to open it and review it thus: “This is hill rice, this is red rice, these are beans, these are peas, this is millet, this is white rice;” so too, a Bhikkhu reviews this same body... as full of many kinds of impurity thus: “In this body there are head-hairs and urine.”
- Như vậy vị ấy sống quán niệm thân thể trên nội thân; hay sống quán niệm thân thể trên ngoại thân; hay sống quán niệm thân thể trên cả nội thân lẫn ngoại thân. Hay vị ấy sống quán niệm tánh sanh khởi trên thân thể; hay sống quán niệm tánh diệt tận trên thân thể; hay sống quán niệm tánh sanh diệt trên thân thể. “Có thân đây,” vị ấy an trú chánh niệm như vậy, với hy vọng hưởng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì trên đời. Nầy các Tỳ Kheo, như vậy là Tỳ Kheo sống quán niệm thân thể trên thân thể—In this way he abides contemplating the body as a body internally, externally, and both internally and externally... And, he abides independent, not clinging to anything in the world. That too is how a Bhikkhu abides contemplating the body as a body—See# 5.
- e) Thân Tứ Đại—Elements of the Body:
- Lại nữa, nầy các Tỳ Kheo, Tỳ Kheo quan sát thân nầy về các vị trí các giới và sự sắp đặt các giới: “Trong thân nầy có địa đại, thủy đại, hỏa đại, và phong đại.” Nầy các Tỳ Kheo, như một người đồ tể thiến xảo, hay đệ tử của một người đồ tể giết một con bò, ngồi cắt chia từng phần tại ngã tư đường. Cũng vậy, nầy các Tỳ Kheo, Tỳ Kheo quán sát thấy thân nầy về vị trí các giới: “Trong thân nầy có địa đại, thủy đại và phong đại.”—Again, Bhikkhus, a Bhikkhu reviews this same body, however it is placed, however disposed, as consisting of elements thus: “In this body there are the earth element, the water element, the fire element, and the air element.” Just as though a skilled butcher or his apprentice had killed a cow and was seated at the crossroads with it cut up into pieces; so too, a Bhikkhu reviews this same body... as consisting of elements thus: “In this body there are the earth element, the water element, the fire element and the air element.”
  - Như vậy vị ấy sống quán niệm thân thể trên nội thân; hay sống quán niệm thân thể trên ngoại thân; hay sống quán niệm thân thể trên cả nội thân lẫn ngoại thân.

thân thể trên cả nội thân lẫn ngoại thân. Hay vị ấy sống quán niệm tánh sanh khởi trên thân thể; hay sống quán niệm tánh diệt tận trên thân thể. Hay sống quán niệm tánh sanh diệt trên thân thể. “Có thân đây, vị ấy an trú chánh niệm như vậy, với hy vọng hưởng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì trên đời. Nầy các Tỳ Kheo, như vậy là Tỳ Kheo sống quán niệm thân thể trên thân thể— In this way, he abides contemplating the body as a body internally, externally, and both internally and externally... And he abides independent, not clinging to anything in the world. That too is how a Bhikkhu abides contemplating the body as a body

f-n) Cửu Quán Về Nghĩa Địa—The Nine Charnel Ground Contemplations:

- Lại nữa, nầy các Tỳ Kheo, Tỳ Kheo như thấy một thi thể bị quăng bỏ trong nghĩa địa một ngày, hai ngày, ba ngày, thi thể ấy trương phồng lên, xanh đen lại, nát thối ra. Tỳ Kheo quán niệm- thân thể ấy như sau: “Thân nầy tánh chất là như vậy, bản tánh là như vậy, không vượt khỏi tánh chất ấy.”—Again, Bhikkhus, as though he were to see a corpse thrown aside in a charnel ground, one, two, or three days dead, bloated, livid, and oozing matter, a Bhikkhu compares this same body with it thus: “This body too is of the same nature, it will be like that, it is not exempt from that fate.”
- Như vậy vị ấy sống quán niệm thân thể trên nội thân; hay sống quán niệm thân thể trên ngoại thân; hay sống quán niệm thân thể trên cả nội thân lẫn ngoại thân. Hay vị ấy sống quán niệm tánh sanh khởi trên thân thể; hay sống quán niệm tánh diệt tận trên thân thể; hay sống quán niệm tánh sanh diệt trên thân thể. “Có thân đây, vị ấy an trú chánh niệm như vậy, với hy vọng hưởng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì trên đời. Nầy các Tỳ Kheo, như vậy là Tỳ Kheo sống quán niệm thân thể trên thân thể—
- Lại nữa, nầy các Tỳ Kheo, Tỳ Kheo như thấy một thi thể bị quăng bỏ trong nghĩa địa, bị các loài quạ ăn, hay bị các loài diều hâu ăn, hay bị các chim kên kên ăn, hay bị các loài chó ăn, hay bị các loài giã can ăn, hay bị các loài dòi bọ rúc rĩa. Tỳ Kheo quán chiếu sự thực ấy vào thân thể của chính mình: “Thân nầy tánh chất là như vậy, bản chất là như vậy, không vượt khỏi tánh chất ấy.”—Again, as though he were to see a corpse thrown aside in a charnel ground, being devoured by crows, hawks, vultures, dogs, jackals, or various kinds of worms, a Bhikkhu compares this same body with it thus: “This body too is of the same nature, it will be like that, it is not exempt from that fate.”
- Như vậy vị ấy sống quán niệm thân thể trên nội thân; hay sống quán niệm thân thể trên ngoại thân; hay sống quán niệm thân thể trên cả nội thân lẫn ngoại thân. Hay vị ấy sống quán niệm tánh sanh khởi trên thân thể; hay sống quán niệm tánh diệt tận trên thân thể; hay sống quán niệm tánh sanh diệt trên thân thể. “Có thân đây, vị ấy an trú chánh niệm như vậy, với hy vọng hưởng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì trên đời. Nầy các Tỳ Kheo, như vậy là Tỳ Kheo sống quán niệm thân thể trên thân thể—

- That too is how a Bhikkhu abides contemplating the body as a body.
- Này các Tỳ Kheo, lại nữa, Tỳ Kheo như thấy một thi thể bị quăng bỏ trong nghĩa địa, với các bộ xương còn liên kết với nhau, còn dính thịt và máu, còn được nối liền bởi các đường gân..., với các bộ xương còn liên kết với nhau, không còn dính thịt, nhưng còn dính máu, còn được các đường gân cột lại với nhau..., với các bộ xương không còn dính thịt, không còn dính máu, không còn được các đường gân cột lại với nhau, chỉ còn có xương không dính lại với nhau, rải rác chỗ này chỗ kia. Ở đây là xương tay, ở đây là xương chân, ở đây là xương ống, ở đây là xương bắp vế, ở đây là xương hông, ở đây là xương sống, ở đây là xương đầu. Tỳ Kheo ấy quán niệm thân ấy như sau: “Thân này tánh chất là như vậy, bản tánh là như vậy, không vượt khỏi tánh tánh chất ấy.”—Again, as though he were to see a corpse thrown aside in a charnel ground, a skeleton with flesh and blood, held together with sinews... a fleshless skeleton smeared with blood, held together with sinews... a skeleton without flesh and blood, held together with sinews.. disconnected bones scattered in all directions, here a hand-bone, there a foot-bone, here a shin-bone, there a thigh-bone, here a hip-bone, there a back-bone, here a rib-bone, there a breast-bone, here an arm-bone, there a shoulder-bone, here a neck-bone, there a jaw-bone, here a tooth, there the skull, a Bhikkhu compares this same body with it thus: “This body too is of the same nature, it will be like that, it is not exempt from that fate.”
  - Như vậy vị ấy sống quán niệm thân thể trên nội thân; hay sống quán niệm thân thể trên ngoại thân; hay sống quán niệm thân thể trên cả nội thân lẫn ngoại thân. Hay vị ấy sống quán niệm tánh sanh khởi trên thân thể; hay sống quán niệm tánh diệt tận trên thân thể. Hay sống quán niệm tánh sanh diệt trên thân thể. “Có thân đây, vị ấy an trú chánh niệm như vậy, với hy vọng hưởng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì trên đời. Này các Tỳ Kheo, như vậy là Tỳ Kheo sống quán niệm thân thể trên thân thể—That too is how a Bhikkhu abides contemplating the body as a body.
  - Lại nữa, này các Tỳ Kheo, Tỳ Kheo như thấy một thi thể bị quăng bỏ trong nghĩa địa, chỉ còn toàn xương trắng màu vỏ ốc..., chỉ còn một đống xương lâu hơn ba năm..., chỉ còn là xương thối trở thành bột. Tỳ Kheo ấy quán niệm thân ấy như sau: “Thân này tánh chất là như vậy, bản tánh là như vậy, không vượt khỏi tánh tánh chất ấy.”—Again, Bhikkhus, as though he were to see a corpse thrown aside in a charnel ground, bones bleached white, the color of shells; bones heaped up, more than a year old; bones rotted and crumbled to dust, a Bhikkhu compares this same body with it thus: “This body too is of the same nature, it will be like that, it is not exempt from that fate.”
  - Như vậy vị ấy sống quán niệm thân thể trên nội thân; hay sống quán niệm thân thể trên ngoại thân; hay sống quán niệm thân thể trên cả nội thân lẫn ngoại thân. Hay vị ấy sống quán niệm tánh sanh khởi trên thân thể; hay sống quán niệm tánh diệt tận trên thân thể. Hay sống quán niệm tánh sanh diệt trên thân thể. “Có thân đây, vị ấy an trú chánh niệm như vậy, với hy vọng hưởng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì trên đời. Này các Tỳ Kheo, như vậy là Tỳ Kheo sống quán niệm thân thể trên thân thể—In this way he abides contemplating the body as a body internally, or he abides

contemplating the body as a body internally, or he abides contemplating the body as a body externally, or he abides contemplating the body as a body both internally and externally. Or else he abides contemplating in the body its arising factors, or he abides contemplating in the body its vanishing factors, or he abides contemplating in the body both its arising and vanishing factors. Or else mindfulness that ‘there is a body’ is simply established in him to the extent necessary for bare knowledge and mindfulness. And he abides independent, not clinging to anything in the world. That too is how a Bhikkhu abides contemplating the body as a body.

#### QUÁN THỌ—CONTEMPLATION OF FEELING

- Này các Tỳ Kheo, như thế nào là Tỳ Kheo sống quán niệm cảm thọ trên các cảm thọ? Này các Tỳ Kheo, ở đây Tỳ Kheo khi cảm giác lạc thọ, vị ấy ý thức rằng: “Ta đang có một cảm thọ khoái lạc.” Mỗi khi có một cảm thọ đau khổ, vị ấy ý thức rằng: “Ta đang có một cảm thọ đau khổ.” Mỗi khi có một cảm thọ không khoái lạc cũng không đau khổ, vị ấy ý thức rằng: “Ta đang có một cảm thọ không khoái lạc cũng không đau khổ.” Khi có một cảm thọ khoái lạc vật chất, vị ấy ý thức rằng: “Ta đang có một cảm thọ khoái lạc vật chất.” Khi có một cảm thọ khoái lạc tinh thần, vị ấy ý thức rằng: “Ta đang có một cảm thọ khoái lạc tinh thần.” Khi có một cảm thọ khổ đau vật chất, vị ấy ý thức rằng: “Ta đang có một cảm thọ khổ đau vật chất.” Khi có một cảm thọ khổ đau tinh thần, vị ấy ý thức rằng: “Ta đang có một cảm thọ khổ đau tinh thần.” Khi có một cảm thọ vật chất không khoái lạc cũng không khổ đau, vị ấy ý thức rằng: “Ta đang có một cảm thọ vật chất không khoái lạc cũng không đau khổ.”
- Khi có một cảm thọ tinh thần không khoái lạc cũng không khổ đau, vị ấy ý thức rằng: “Ta đang có một cảm thọ tinh thần không khoái lạc cũng không khổ đau.”—And how, Bhikkhus, does a Bhikkhu abide contemplating feelings as feelings? Here, when feeling a pleasant feeling, a Bhikkhu understands: “I feel a pleasant feeling;” when feeling a painful feeling, he understands: “I feel a painful feeling;” when feeling a neither-painful-nor-pleasant feeling, he understands: “I feel a neither-painful-nor-pleasant feeling.” When feeling a worldly pleasant feeling, he understands: “I feel a worldly pleasant feeling;” when feeling an unworldly pleasant feeling, he understands: “I feel an unworldly pleasant feeling;” when feeling a worldly painful feeling, he understands: “I feel a worldly painful feeling;” when feeling an unworldly painful feeling, he understands: “I feel an unworldly painful feeling;” when feeling a worldly neither-painful-nor-pleasant feeling, he understands: “I feel a worldly neither-painful-nor-pleasant feeling;” when feeling an unworldly neither-painful-nor-pleasant feeling, he understands: “I feel an unworldly neither-painful-nor-pleasant feeling.”
- Như vậy vị ấy sống quán niệm cảm thọ trên các nội thọ; hay sống quán niệm cảm thọ trên các ngoại thọ; hay sống quán niệm cảm thọ thể trên cả nội thọ lẫn ngoại thọ. Hay vị ấy sống quán niệm tánh sanh khởi trên các thọ; hay sống quán niệm tánh diệt tận trên các thọ. Hay sống quán niệm tánh sanh diệt trên các thọ. “Có thọ đây, vị ấy an trú chánh niệm như vậy, với hy vọng hưởng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì trên đời. Này các

Tỳ Kheo, như vậy là Tỳ Kheo sống quán niệm cảm thọ trên các cảm thọ—In this way he abides contemplating feelings as feelings internally, or he abides contemplating feelings as feelings externally, or he abides contemplating feelings as feelings both internally and externally. Or else he abides contemplating in feelings their arising factors, or he abides contemplating in feelings their vanishing factors, or he abides contemplating in feelings both their arising and vanishing factors. Or else, mindfulness that ‘there is feeling’ is simply established in him to the extent necessary for bare knowledge and mindfulness. And, he abides independent, not clinging to anything in the world. That is how a Bhikkhu abides contemplating feelings as feelings.

#### QUÁN TÂM—CONTEMPLATION OF MIND

- Này các Tỳ Kheo, như thế nào là Tỳ Kheo sống quán niệm tâm thức nơi tâm thức? Này các Tỳ Kheo, mỗi khi nơi tâm thức có tham dục, vị ấy ý thức rằng tâm thức của mình đang có tham dục. Mỗi khi tâm thức không có tham dục, vị ấy ý thức rằng tâm thức của mình không có tham dục. Mỗi khi trong tâm thức mình có sân hận, vị ấy ý thức rằng tâm thức của mình đang có sân hận. Mỗi khi tâm thức của mình không có sân hận, vị ấy ý thức rằng tâm thức của mình đang không có sân hận. Mỗi khi tâm thức mình có si mê, vị ấy ý thức rằng tâm thức của mình đang si mê. Mỗi khi tâm thức của mình không có si mê, vị ấy ý thức rằng tâm thức của mình đang không có si mê. Mỗi khi tâm thức mình có thu nhiếp, vị ấy ý thức rằng tâm thức của mình đang có thu nhiếp. Mỗi khi tâm thức mình tán loạn, vị ấy ý thức rằng tâm thức của mình đang tán

loạn. Mỗi khi tâm thức mình trở thành khoáng đạt, vị ấy ý thức rằng tâm thức của mình đang trở thành khoáng đạt. Mỗi khi tâm thức mình trở nên hạn hẹp, vị ấy ý thức rằng tâm thức của mình đang trở nên hạn hẹp. Mỗi khi tâm thức mình đạt đến trạng thái cao nhất, vị ấy ý thức rằng tâm thức của mình đang đạt đến trạng thái cao nhất. Mỗi khi tâm thức mình không đạt đến trạng thái cao nhất, vị ấy ý thức rằng tâm thức mình không đạt đến trạng thái cao nhất. Mỗi khi tâm thức mình có định, vị ấy ý thức rằng tâm thức của mình đang có định. Mỗi khi tâm thức mình không có định, vị ấy ý thức rằng tâm thức của mình đang không có định. Mỗi khi tâm thức mình giải thoát, vị ấy ý thức rằng tâm thức của mình đang giải thoát. Mỗi khi tâm thức mình không có giải thoát, vị ấy ý thức rằng tâm thức của mình đang không có giải thoát—An how, Bhikkhus, does a Bhikkhu abide contemplating mind as mind? Here a Bhikkhu understands mind affected by lust as mind affected by lust, and mind unaffected by lust as mind unaffected by lust. He understands mind affected by hate as mind affected by hate, and mind unaffected by hate as mind unaffected by hate. He understands mind affected by delusion as mind affected by delusion, and mind unaffected by delusion as mind unaffected by delusion. He understands contracted mind as contracted mind, and distracted mind as distracted mind. He understands exalted mind as exalted mind, and unexalted mind as unexalted mind. He understands surpassed mind as surpassed mind, and unsurpassed mind as unsurpassed mind. He understands concentrated mind as concentrated mind, and unconcentrated mind as unconcentrated mind. He understands

liberated mind as liberated mind, and unliberated mind as unliberated mind.

- Như vậy vị ấy sống quán niệm tâm thức trên nội tâm; hay sống quán niệm tâm thức trên cả nội tâm lẫn ngoại tâm. Hay vị ấy sống quán niệm tánh sanh khởi trên tâm thức; hay sống quán niệm tánh diệt tận trên tâm thức. Hay sống quán niệm tánh sanh diệt trên tâm thức. “Có tâm đây, vị ấy an trú chánh niệm như vậy, với hy vọng hưởng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì trên đời. Nầy các Tỳ Kheo, như vậy là Tỳ Kheo sống quán niệm tâm thức trên các tâm thức—In this way he abides contemplating mind as mind internally, or he abides contemplating mind as mind externally, or he abides contemplating mind as mind both internally and externally. Or else, he abides contemplating in mind its arising factors, or he abides contemplating in mind its vanishing factors, or he abides contemplating in mind both its arising and vanishing factors. Or else mindfulness that ‘there is mind’ is simply established in him to the extent necessary for bare knowledge and mindfulness. And he abides independent, not clinging to anything in the world. That is how a Bhikkhu abides contemplating mind as mind.

#### QUÁN PHÁP—CONTEMPLATION OF MIND-OBJECTS

- (A) Năm Triền Cái—The Five Hindrance: Nầy các Tỳ Kheo, thế nào là Tỳ Kheo sống quán niệm pháp trên các pháp? Nầy các Tỳ Kheo, ở đây Tỳ Kheo sống quán niệm pháp trên các pháp đối với năm triền cái (năm món ngăn che). Và nầy các Tỳ Kheo, thế nào là các Tỳ Kheo sống quán niệm pháp trên các pháp đối với năm triền cái?—An how, Bhikkhus,

does a Bhikkhu abide contemplating mind-objects as mind-objects? Here a Bhikkhu abides contemplating mind-objects as mind-objects in terms of the five hindrances. And how does a Bhikkhu abide contemplating mind-objects as mind-objects in terms of the five hindrances?

- 1) Nầy các Tỳ Kheo, ở đây nội tâm Tỳ Kheo có ái dục, vị ấy ý thức rằng nội tâm của mình đang có ái dục. Khi nội tâm không có ái dục, vị ấy ý thức rằng nội tâm của mình không có ái dục. Và với ái dục chưa sanh nay sanh khởi, vị ấy ý thức được sự đang sanh khởi ấy. Khi một niệm ái dục đã sanh, vị ấy ý thức được sự đã sanh khởi ấy. Khi ái dục đang được đoạn diệt, tương lai không sanh khởi nữa, vị ấy ý thức như vậy—Here, there being sensual desire in him, a Bhikkhu understands: “There is sensual desire in me;” or there being no sensual desire in him, he understands: “There is no sensual desire in me;” and he also understands how there comes to be the arising of unarisen sensual desire, and how there comes to be the abandoning of arisen sensual desire, and how there comes to be the future non-arising of abandoned sensual desire.
- 2) Khi nội tâm có sân hận, vị ấy ý thức rằng nội tâm mình đang có sân hận. Khi nội tâm không có sân hận, vị ấy ý thức rằng nội tâm mình đang không có sân hận. Khi một niệm sân hận chưa sanh nay bắt đầu sanh khởi, vị ấy ý thức được sự bắt đầu sanh khởi ấy. Khi một niệm sân hận đã sanh khởi, nay được đoạn diệt, vị ấy ý thức được sự đoạn diệt ấy. Khi một niệm sân hận đã được đoạn diệt và tương lai không còn sanh khởi nữa, vị ấy ý thức được như vậy—There being ill-will in

- him, a Bhikkhu understands: “There is ill-will in me;” or there being no ill-will in him, he understands: “There is no ill-will in me;” and he also understands how there comes to be the arising of unarisen ill-will, and how there comes to be the abandoning of arisen ill-will, and how there comes to be the future non-arising of abandoned ill-will.
- 3) Khi nội tâm có hôn trầm thụy miên (mê muội và buồn ngủ), vị ấy ý thức được sự hôn trầm thụy miên ấy. Khi nội tâm không có hôn trầm thụy miên, vị ấy ý thức được nội tâm của mình đang không có hôn trầm thụy miên. Khi hôn trầm và thụy miên chưa sanh nay bắt đầu sanh khởi, vị ấy ý thức được sự đang sanh khởi ấy. Khi hôn trầm và thụy miên đã sanh nay được đoạn diệt, vị ấy ý thức được sự đang đoạn diệt ấy. Khi hôn trầm và thụy miên đã được đoạn diệt và tương lai không thể sanh khởi nữa, vị ấy ý thức được điều đó—There being sloth and torpor in him, a Bhikkhu understands: “There are sloth and torpor in me;” or there being no sloth and torpor in him, he understands: “There are no sloth and torpor in me;” and he also understands how there comes to be the arising of unarisen sloth and torpor, and how there comes to be the abandoning of arisen sloth and torpor, and how there comes to be the future non-arising of abandoned sloth and torpor.
- 4) Khi nội tâm có trạo hối (sự dao động bất an và hối hận), vị ấy ý thức rằng mình đang có dao động bất an và hối hận. Khi nội tâm không có dao động bất an và hối hận, vị ấy ý thức rằng nội tâm mình đang không có sự dao động bất an và hối hận. Khi dao động bất an và hối hận sanh khởi, vị ấy ý thức rằng nội tâm mình đang sanh khởi dao động bất an và hối hận. Khi dao động bất an và hối hận đã sanh nay được đoạn diệt, tương lai không còn sanh khởi nữa, vị ấy ý thức được như vậy—There being restlessness and remorse in him, a Bhikkhu understands: “There are restlessness and remorse in me;” or there being no restlessness and remorse in me;” and he also understands how there comes to be the arising of unarisen restlessness and remorse, and how there comes to be the abandoning of arisen restlessness and remorse, and how there comes to be the future non-arising of abandoned restlessness and remorse.
- 5) Khi nội tâm có nghi, vị ấy ý thức được nội tâm của mình đang có nghi. Khi nội tâm không có nghi, vị ấy ý thức được nội tâm mình đang không có nghi. Khi nội tâm với nghi chưa sanh nay đang sanh khởi, vị ấy ý thức được sự sanh khởi ấy. Với nghi đã sanh nay được đoạn diệt, vị ấy ý thức được sự đoạn diệt ấy. Với nghi đã được đoạn diệt, tương lai không sanh khởi nữa, vị ấy ý thức được như vậy—There being doubt in him, a Bhikkhu understands: “There is doubt in me;” or there being no doubt in him, he understands: “There is no doubt in me;” and he also understands how there comes to be the arising of unarisen doubt, and how there comes to be the abandoning of arisen doubt, and how there comes to be the future non-arising of abandoned doubt.
- Như vậy vị ấy sống quán niệm pháp trên các nội pháp; hay sống quán niệm pháp trên các ngoại pháp; hay sống quán niệm



pháp trên cả nội pháp lẫn ngoại pháp. Hay vị ấy sống quán niệm tánh sanh khởi trên các pháp; hay sống quán niệm tánh diệt tận trên các pháp. Hay sống quán niệm tánh sanh diệt trên các pháp. “Có pháp đây, vị ấy an trú chánh niệm như vậy, với hy vọng hưởng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì trên đời. Nầy các Tỳ Kheo, như vậy là Tỳ Kheo sống quán niệm pháp trên các pháp— In this way he abides contemplating mind-objects as mind-objects internally, or he abides contemplating mind-objects as mind-objects externally, or he abides contemplating mind-objects as mind-objects both internally and externally. Or else he abides contemplating in mind-objects their arising factors, or he abides contemplating in mind-objects their vanishing factors, or he abides contemplating in mind-objects both their arising and vanishing factors. Or else mindfulness that ‘there are mind-objects’ is simply established in him to the extent necessary for bare knowledge and mindfulness. And he abides independent, not clinging to anything in the world. That is how a Bhikkhu abides contemplating mind-objects as mind-objects in terms of the five hindrances.

(B) Lại nữa, nầy các Tỳ Kheo, Tỳ Kheo sống quán niệm pháp trên các pháp đối với ngũ uẩn. Nầy các Tỳ Kheo, thế nào là Tỳ Kheo sống quán pháp trên các pháp đối với năm thủ uẩn? Nầy các Tỳ Kheo, Tỳ Kheo quán chiếu như sau: Again, Bhikkhus, a Bhikkhu abides contemplating mind-objects as mind-objects in terms of the five aggregates affected by clinging. And how does a Bhikkhu abide contemplating mind-objects as mind-objects in terms of the

five aggregates affected by clinging? Here a Bhikkhu understands:

- 1) Đây là sắc (hình thể), đây là sắc tập (sự phát sinh ra hình thể), đây là sắc diệt—Such is material form, such its origin, such its disappearance.
- 2) Đây là thọ, đây là thọ tập, đây là thọ diệt—Such is feeling, such its origin, such its disappearance.
- 3) Đây là tưởng, đây là tưởng tập, đây là tưởng diệt—Such is perception, such its origin, such its disappearance.
- 4) Đây là hành, đây là hành tập, đây là hành diệt—Such are the formations, such their origin, such their disappearance.
- 5) Đây là thức, đây là thức tập, đây là thức diệt—Such is consciousness, such its origin, such its disappearance.

- Như vậy vị ấy sống quán niệm pháp trên các nội pháp; hay sống quán niệm pháp trên các ngoại pháp; hay sống quán niệm pháp trên cả nội pháp lẫn ngoại pháp. Hay vị ấy sống quán niệm tánh sanh khởi trên các pháp; hay sống quán niệm tánh diệt tận trên các pháp. Hay sống quán niệm tánh sanh diệt trên các pháp. “Có pháp đây, vị ấy an trú chánh niệm như vậy, với hy vọng hưởng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì trên đời. Nầy các Tỳ Kheo, như vậy là Tỳ Kheo sống quán niệm pháp trên các pháp đối với ngũ uẩn—In this way, he abides contemplating mind-objects as mind-objects internally, or he abides contemplating mind-objects as mind-objects externally, or he abides contemplating mind-objects as mind-objects both internally and externally. Or else he abides contemplating in mind-objects their arising factors, or he abides contemplating in mind-objects their vanishing factors, or he abides

contemplating in mind-objects both their arising and vanishing factors. Or else mindfulness that ‘there are mind-objects’ is simply established in him to the extent necessary for bare knowledge and mindfulness. And he abides independent, not clinging to anything in the world. That is how a Bhikkhu abides contemplating mind-objects as mind-objects in terms of the five aggregates.

(C) Lại nữa, hãy các Tỳ Kheo, Tỳ Kheo sống quán niệm pháp trên các pháp đối với sáu nội ngoại xứ. Hãy các Tỳ Kheo, thế nào là Tỳ Kheo sống quán pháp trên các pháp đối với sáu nội ngoại xứ?—Again, Bhikkhus, a Bhikkhu abides contemplating mind-objects as mind-objects in terms of the six internal and external bases. And how does a Bhikkhu abide contemplating mind-objects as mind-objects in terms of the six internal and external bases?

- 1) Vị ấy ý thức về mắt và đối tượng của mắt là hình sắc và về những ràng buộc tạo nên do mắt và hình sắc. Vị ấy ý thức về những ràng buộc chưa sanh nay đang phát sanh. Vị ấy ý thức về những ràng buộc đã phát sanh nay được đoạn diệt. Vị ấy ý thức về những ràng buộc đã được đoạn diệt, tương lai không sanh khởi nữa—Here a Bhikkhu understands the eye, he understands forms, and he understands the fetter that arises dependent on both; and he understands how there comes to be the arising of the unarisen fetter, and how there comes to be the future non-arising of the abandoning fetter.
- 2) Vị ấy ý thức về tai và đối tượng của tai là âm thanh và về những ràng buộc tạo nên do tai và âm thanh. Vị ấy ý thức về những ràng buộc chưa sanh nay đang sanh khởi. Vị ấy ý thức về những ràng buộc đã sanh, nay đang được đoạn diệt. Vị ấy ý thức về

những ràng buộc đã được đoạn diệt, tương lai không còn sanh khởi nữa—Here a Bhikkhu understands the ear, he understands sounds, and he understands the fetter that arises dependent on both; and he understands how there comes to be the arising of the unarisen fetter, and how there comes to be the future non-arising of the abandoning fetter.

- 3) Vị ấy ý thức về lỗ mũi và đối tượng của mũi là mùi hương và những ràng buộc tạo nên do lỗ mũi và mùi hương. Vị này ý thức về những ràng buộc chưa phát sanh nay đang sanh khởi. Vị ấy ý thức về những ràng buộc đã phát sanh và đang được đoạn diệt. Vị ấy ý thức về những ràng buộc đã được đoạn diệt, tương lai không còn sanh khởi nữa—Here a Bhikkhu understands the nose, he understands odours, and he understands the fetter that arises dependent on both; and he understands how there comes to be the arising of the unarisen fetter, and how there comes to be the future non-arising of the abandoning fetter.
- 4) Vị ấy ý thức về cái lưỡi và đối tượng của lưỡi là vị nếm và những ràng buộc tạo nên do cái lưỡi và vị nếm. Vị ấy ý thức về những ràng buộc chưa phát sanh nay đang phát sanh. Vị ấy ý thức về những ràng buộc đã phát sanh nay đang được đoạn diệt. Vị ấy ý thức về những ràng buộc đã được đoạn diệt, tương lai không còn sanh khởi nữa— Here a Bhikkhu understands the tongue, he understands flavours, and he understands the fetter that arises dependent on both; and he understands how there comes to be the arising of the unarisen fetter, and how there comes to be the future non-arising of the abandoning fetter.
- 5) Vị ấy ý thức về thân và đối tượng của thân là sự xúc chạm. Vị ấy ý thức về những ràng buộc chưa sanh khởi nay đang

được sanh khởi. Vị ấy ý thức về những ràng buộc đã sanh khởi đang được đoạn tận. Vị ấy ý thức về những ràng buộc đã được đoạn diệt, tương lai không còn sanh khởi nữa—Here a Bhikkhu understands the body, he understands tangibles, and he understands the fetter that arises dependent on both; and he understands how there comes to be the arising of the unarisen fetter, and how there comes to be the future non-arising of the abandoning fetter.

- 6) Vị ấy ý thức về đối tượng của ý là tư tưởng và về những ràng buộc tạo nên do ý là tư tưởng. Vị ấy ý thức về những ràng buộc chưa sanh khởi nay đang sanh khởi. Vị ấy ý thức về những ràng buộc đã sanh khởi đang được đoạn diệt. Vị ấy ý thức về những ràng buộc đã đoạn diệt, tương lai không còn sanh khởi nữa—Here a Bhikkhu understands the mind, he understands mind-objects, and he understands the fetter that arises dependent on both; and he understands how there comes to be the arising of the unarisen fetter, and how there comes to be the future non-arising of the abandoning fetter.

- Như vậy vị ấy sống quán niệm pháp trên các nội pháp; hay sống quán niệm pháp trên các ngoại pháp; hay sống quán niệm pháp trên cả nội pháp lẫn ngoại pháp. Hay vị ấy sống quán niệm tánh sanh khởi trên các pháp; hay sống quán niệm tánh diệt tận trên các pháp. Hay sống quán niệm tánh sanh diệt trên các pháp. “Có pháp đây, vị ấy an trú chánh niệm như vậy, với hy vọng hưởng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì trên đời. Như vậy các Tỳ Kheo, như vậy là Tỳ Kheo sống quán niệm pháp trên các pháp đối với sáu nội ngoại xứ—In this way he

abides contemplating mind-objects as mind-objects internally, or he abides contemplating mind-objects as mind-objects externally, or he abides contemplating mind-objects as mind-objects both internally and externally. Or else he abides contemplating in mind-objects their arising factors, or he abides contemplating in mind-objects their vanishing factors, or he abides contemplating in mind-objects both their arising and vanishing factors. Or else mindfulness that ‘there are mind-objects’ is simply established in him to the extent necessary for bare knowledge and mindfulness. And he abides independent, not clinging to anything in the world. That is how a Bhikkhu abides contemplating mind-objects as mind-objects in terms of the six internal and external bases.

- (D) Lại nữa, này các Tỳ Kheo, Tỳ Kheo sống quán niệm pháp trên pháp đối với thất giác chi. Này các Tỳ Kheo, thế nào là Tỳ Kheo sống quán niệm pháp trên pháp đối với thất giác chi?—Again, Bhikkhus, a Bhikkhu abides contemplating mind-objects as mind-objects in terms of the seven enlightenment factors. And how does a Bhikkhu abide contemplating mind-objects as mind-objects in terms of the seven enlightenment factors?
- 1) Khi nội tâm có niệm giác chi (yếu tố chánh niệm), vị ấy ý thức là mình có chánh niệm. Vị ấy quán chiếu rằng tâm mình đang có chánh niệm. Khi không có chánh niệm, vị ấy ý thức rằng tâm mình không có chánh niệm. Vị ấy ý thức về chánh niệm chưa sanh khởi nay đang sanh khởi. Vị ấy ý thức về chánh niệm đã phát sanh nay đang thành tựu viên mãn—Here, there being the mindfulness enlightenment factor in him, a Bhikkhu understands: “There is the mindfulness

- enlightenment factor in me;” or there being no mindfulness enlightenment factor in him, he understands: “There is no mindfulness enlightenment factor In me; and also understands how there comes to be the arising of the unarisen mindfulness enlightenment factor, and how the arisen mindfulness enlightenment factor comes to fulfillment by development.”
- 2) Khi nội tâm có trạch giác chi (giám định đúng sai thiện ác). Vị ấy ý thức là mình đang có sự phân định đúng sai thiện ác. Vị ấy quán chiếu rằng tâm mình đang có sự giám định đúng sai thiện ác. Khi không có sự giám định, vị ấy ý thức là mình đang không có sự giám định. Vị ấy ý thức về một sự giám định chưa sanh nay đang sanh khởi. Vị ấy ý thức về một sự giám định đã sanh khởi nay đang thành tựu viên mãn—Here, there being the investigation-of-states enlightenment factor in him, a Bhikkhu understands: “There is the investigation-of-states enlightenment factor in me;” or there being no investigation-of-states enlightenment factor in him, he understands: “There is no investigation-of-states enlightenment factor In me; and also understands how there comes to be the arising of the unarisen investigation-of-states enlightenment factor, and how the arisen investigation-of-states enlightenment factor comes to fulfillment by development.”
- 3) Khi nội tâm có tinh tấn giác chi, vị ấy ý thức là mình đang có sự tinh chuyên. Vị ấy quán chiếu rằng tâm mình đang có sự tinh chuyên. Khi nội tâm không có sự tinh chuyên, vị ấy ý thức rằng tâm mình không có sự tinh chuyên. Vị ấy ý thức về một sự tinh chuyên chưa sanh khởi nay đang sanh khởi. Vị ấy ý thức về sự tinh chuyên đã sanh khởi nay đang đi đến
- thành tựu viên mãn— Here, there being the energy enlightenment factor in him, a Bhikkhu understands: “There is the energy enlightenment factor in me;” or there being no energy enlightenment factor in him, he understands: “There is no energy enlightenment factor in me;” and also understands how there comes to be the arising of the unarisen energy enlightenment factor, and how the arisen energy enlightenment factor comes to fulfillment by development.
- 4) Khi nội tâm có hỷ giác chi, vị ấy ý thức là mình đang có an vui. Vị ấy quán chiếu rằng tâm mình đang an vui. Khi nội tâm không có an vui, vị ấy ý thức là mình đang không có an vui. Vị ấy ý thức về niềm an vui chưa sanh khởi, nay đang sanh khởi. Vị ấy ý thức về niềm an vui đã sanh khởi, nay đang đi đến thành tựu viên mãn—Here, there being the rapture enlightenment factor in him, a Bhikkhu understands: “There is the rapture enlightenment factor in me;” or there being no rapture enlightenment factor in him, he understands: “There is no rapture enlightenment factor in me; and also understands how there comes to be the arising of the unarisen rapture enlightenment factor, and how the arisen rapture enlightenment factor comes to fulfillment by development.
- 5) Khi nội tâm có khinh an giác chi, vị ấy ý thức tâm mình đang có khinh an (nhẹ nhõm). Vị ấy quán chiếu rằng tâm mình đang có khinh an. Khi nội tâm không có khinh an, vị ấy ý thức rằng nội tâm mình không có sự khinh an. Vị ấy ý thức về sự khinh an chưa sanh khởi, nay đang sanh khởi. Vị ấy ý thức về sự khinh an đã sanh khởi, nay đang đi đến thành tựu viên mãn—Here, there being the tranquility enlightenment factor in him, a Bhikkhu understands: “There is the tranquility

- enlightenment factor in me;” or there being no tranquility enlightenment factor in him, he understands: “There is no tranquility enlightenment factor in me; and also understands how there comes to be the arising of the unarisen tranquility enlightenment factor, and how the arisen tranquility enlightenment factor comes to fulfillment by development.
- 6) Khi nội tâm có định giác chi, vị ấy ý thức là mình đang có định. Khi nội tâm không có định, vị ấy ý thức là mình đang không có định. Khi định chưa sanh khởi, nay đang sanh khởi, vị ấy ý thức như vậy. Khi định đã sanh khởi, nay đang đi đến thành tựu viên mãn, vị ấy cũng ý thức như vậy—Here, there being the concentration enlightenment factor in him, a Bhikkhu understands: “There is the concentration enlightenment factor in me;” or there being no concentration enlightenment factor in him, he understands: “There is no concentration enlightenment factor in me;” and also understands how there comes to be the arising of the unarisen concentration enlightenment factor, and how the arisen concentration enlightenment factor comes to fulfillment by development.
- 7) Khi nội tâm có xả giác chi, vị ấy ý thức là mình đang buông xả. Vị ấy quán chiếu là tâm mình có buông xả. Khi nội tâm không có sự buông xả, vị ấy ý thức là tâm mình đang không có sự buông xả. Vị ấy ý thức về sự buông xả chưa sanh khởi, nay đang sanh khởi. Vị ấy ý thức về sự buông xả đã sanh khởi, nay đang đi đến sự thành tựu viên mãn—Here, there being the equanimity enlightenment factor in him, a Bhikkhu understands: “There is the equanimity enlightenment factor in me;” or there being no equanimity enlightenment factor in him, he understands: “There is no equanimity enlightenment factor in me;” and also understands how there comes to be the arising of the unarisen equanimity enlightenment factor, and how the arisen equanimity enlightenment factor comes to fulfillment by development.
- Như vậy vị ấy sống quán niệm pháp trên các nội pháp; hay sống quán niệm pháp trên các ngoại pháp; hay sống quán niệm pháp trên cả nội pháp lẫn ngoại pháp. Hay vị ấy sống quán niệm tánh sanh khởi trên các pháp; hay sống quán niệm tánh diệt tận trên các pháp. Hay sống quán niệm tánh sanh diệt trên các pháp. “Có pháp đây, vị ấy an trú chánh niệm như vậy, với hy vọng hưởng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì trên đời. Nầy các Tỳ Kheo, như vậy là Tỳ Kheo sống quán niệm pháp trên các pháp đối với thất giác chi—In this way he abides contemplating mind-objects as mind-objects internally, or he abides contemplating mind-objects as mind-objects externally, or he abides contemplating mind-objects as mind-objects both internally and externally. Or else he abides contemplating in mind-objects their arising factors, or he abides contemplating in mind-objects their vanishing factors, or he abides contemplating in mind-objects both their arising and vanishing factors. Or else mindfulness that ‘there are mind-objects’ is simply established in him to the extent necessary for bare knowledge and mindfulness. And he abides independent, not clinging to anything in the world. That is how a Bhikkhu abides contemplating mind-objects as mind-objects in terms of the seven enlightenment factors.

- (E) Lại nữa, này các Tỳ Kheo, vị Tỳ Kheo sống quán niệm pháp trên các pháp đối với Tứ Diệu Đế. Này các Tỳ Kheo, thế nào là Tỳ Kheo sống quán pháp trên các pháp đối với bốn sự thật cao quý? Này các Tỳ Kheo, ở đây Tỳ Kheo ý thức: “Khi sự kiện là đau khổ, vị ấy quán niệm đây là đau khổ. Khi sự kiện là nguyên nhân tạo thành đau khổ, vị ấy quán niệm đây là nguyên nhân tạo thành sự đau khổ. Khi sự kiện là sự chấm dứt khổ đau, vị ấy quán chiếu đây là sự chấm dứt khổ đau. Khi sự kiện là con đường đưa đến sự chấm dứt khổ đau, vị ấy quán niệm đây là con đường dẫn đến sự chấm dứt khổ đau.”—Again, Bhikkhus, a Bhikkhu abides contemplating mind-objects as mind-objects in terms of the Four Noble Truths. And how does a Bhikkhu abide contemplating mind-objects as mind-objects in terms of the Four Noble Truths? Here a Bhikkhu understands as it actually is: “This is suffering;” he understands as it actually is: “This is the origin of suffering;” he understands as it actually is: “This is the cessation of suffering;” he understands as it actually is: “This is the way leading to the cessation of suffering.”
- Như vậy vị ấy sống quán niệm pháp trên các nội pháp; hay sống quán niệm pháp trên các ngoại pháp; hay sống quán niệm pháp trên cả nội pháp lẫn ngoại pháp. Hay vị ấy sống quán niệm tánh sanh khởi trên các pháp; hay sống quán niệm tánh diệt tận trên các pháp. Hay sống quán niệm tánh sanh diệt trên các pháp. “Có pháp đây, vị ấy an trú chánh niệm như vậy, với hy vọng hưởng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì trên đời. Này các Tỳ Kheo, như vậy là Tỳ Kheo sống quán niệm pháp trên các pháp đối với Tứ Diệu Đế—In this way he abides contemplating mind-objects as mind-objects internally, or he abides contemplating mind-objects as mind-objects externally, or he abides contemplating mind-objects as mind-objects both internally and externally. Or else he abides contemplating in mind-objects their arising factors, or he abides contemplating in mind-objects their vanishing factors, or he abides contemplating in mind-objects both their arising and vanishing factors. Or else mindfulness that ‘there are mind-objects’ is simply established in him to the extent necessary for bare knowledge and mindfulness. And he abides independent, not clinging to anything in the world. That is how a Bhikkhu abides contemplating mind-objects as mind-objects in terms of the Four Noble Truths.
- (F) Này các Tỳ Kheo, vị nào tu tập Tứ Niệm Xứ này như vậy trong bảy năm, vị ấy có thể chứng một trong hai quả sau đây: Một là chứng Chánh Trí ngay trong hiện tại, hay nếu còn hữu dư báo, thì cũng đạt được quả vị Bất Hoàn (không còn tái sanh nữa). Này các Tỳ Kheo, không cần gì đến bảy năm, một vị Tỳ Kheo nào tu tập Tứ Niệm Xứ này như vậy trong sáu năm, trong năm năm, trong bốn năm, trong ba năm, trong hai năm, trong một năm, vị ấy có thể chứng một trong hai quả vị sau đây: Một là chứng được Chánh Trí trong hiện tại, hay nếu còn hữu dư báo, thì chứng quả Bất Hoàn. Này các Tỳ Kheo, không cần gì đến một năm, một vị Tỳ Kheo nào tu tập Tứ Niệm Xứ này như vậy trong vòng bảy tháng, vị ấy có thể chứng một trong hai quả vị sau đây: Một là chứng được Chánh Trí trong hiện tại, hay nếu còn hữu dư báo, thì chứng quả Bất Hoàn. Này các Tỳ Kheo, không cần gì đến bảy tháng, một vị Tỳ Kheo nào tu

tập Tứ Niệm Xứ này như vậy trong vòng sáu tháng, trong năm tháng, trong bốn tháng, trong ba tháng, trong hai tháng, trong một tháng, trong nửa tháng, vị ấy có thể chứng một trong hai quả vị sau đây: Một là chứng được Chánh Trí trong hiện tại, hay nếu còn hữu dư báo, thì chứng quả Bất Hoàn. Nầy các Tỳ Kheo, không cần gì đến nửa tháng, một vị Tỳ Kheo nào tu tập Tứ Niệm Xứ này như vậy trong vòng bảy ngày, vị ấy có thể chứng một trong hai quả vị sau đây: Một là chứng được Chánh Trí trong hiện tại, hay nếu còn hữu dư báo, thì chứng quả Bất Hoàn—Bhikkhus, if anyone should develop these four foundations of mindfulness in such a way for seven years, one of two fruits could be expected for him: either final knowledge here and now, or if there is a trace of clinging left, non-return. Let alone seven years, Bhikkhus. If anyone should develop these four foundations of mindfulness in such a way for six years, for five years, for four years, for three years, for two years or for one year, one of two fruits could be expected for him: either final knowledge here and now, or if there is a trace of clinging left, non-return. Let alone one year, Bhikkhus. If anyone should develop these four foundations of mindfulness in such a way for seven months, for six months, for five months, for four months, for three months, for two months, for one month or for half a month, one of two fruits could be expected for him: either final knowledge here and now, or if there is a trace of clinging left, non-return.

- (G) Nầy các Tỳ Kheo, đây là con đường độc nhất đưa đến thanh tịnh cho chúng sanh, vượt khỏi sầu não, diệt trừ khổ ứ, thành tựu Chánh Trí, chứng ngộ Niết Bàn. Đó là Bốn Niệm Xứ. Thế Tôn thuyết giảng

như vậy. Các Tỳ Kheo ấy hoan hỷ, tín thọ lời dạy của Thế Tôn—Bhikkhus, this is the direct path for the purification of beings, for surmounting (overcoming) sorrow and lamentation, for the disappearance of pain and grief, for the attainment (achievement) of the true Way, for the realization of Nibbana, namely, the four foundations of mindfulness. That is what the Blessed One said. The Bhikkhus were satisfied and delighted in the Blessed One's words.

### **Phật Ngôn và Tổ Ngôn—The Buddha's Words and the Patriarchs' Words:**

Quá khứ tâm bất khả đắc, hiện tại tâm bất khả đắc, vị lai tâm bất khả đắc: The mind of the past, the present and the future is indeed unreal.

Kinh Kim Cang—The Diamond Sutra

Gốc rễ của sanh tử luân hồi là lục căn: The root of birth and death is the six senses.

Kinh Niết Bàn—The Nirvana Sutra

Thân như điện ảnh hữu hoàn vô. Vạn một xuân vinh thu hựu khô. Nhậm vận thịnh suy vô bố úy. Thịnh suy như lộ thảo đầu phô.

This body, like lightning, appears, then disappears.

Plants and trees are fresh in the Spring, wither in the Fall.

Just look at the prosperity and decadence without fear.

They are all like dewdrops on the tips of grass.

Hạnh Zen Master Vạn Bodhi is actually not a tree, the mirror bright  
is nowhere shining, basically there is nothing  
in the first place, where can the dust be  
accumulated?  
Bồ đề bốn vô thọ, minh cảnh diệt phi đài, bốn  
lai vô nhất vật, hà xứ nhạ trần ai? The Sixth Patriarch Hui-Neng



# **Appendix N**

**Kinh Nhập Tức Xuất Tức Niệm**  
**The Anapanasatisuttam**



## Kinh Nhập Túc Xuất Túc

### Niệm—The Anapanasatisuttam

- 1) Tôi nghe như vậy. Một thuở nọ Thế Tôn ở Savatthi, tại Đông Viên, giảng đường Lộc Mẫu, cùng với rất nhiều vị Thượng Tọa có thời danh, có danh xưng, như Tôn giả Xá Lợi Phất, Tôn giả Mục Kiền Liên, Tôn giả Đại Ca Diếp, Tôn giả Ma Ha Ca Chiên Diên, Tôn giả Đại Câu Hy La, Tôn giả Đại Kiếp Tân Na, Tôn giả Đại Thuần Đà, Tôn giả A Na Luật, Tôn giả Ly Bà Đa, Tôn giả A Nan, cùng với nhiều bậc Thượng Tọa đệ tử khác có thời danh, có danh xưng—Thus, I have heard. On one occasion the Blessed One was living at Savatthi in the Eastern Park, in the Palace of Migara’s Mother, together with many well-known elder disciples, the venerable Sariputta, the venerable Maha-Moggallana, the venerable Maha-Kassapa, the venerable Maha-Kaccana, the venerable Maha-Kotthita, the venerable Maha-Kappina, the venerable Maha-Cunda, the venerable Maha-Anuruddha, the venerable Revata, the venerable Ananda, and other very well-known elder disciples.
- 2) Lúc bấy giờ, các Thượng Tọa Tỳ Kheo khuyến giáo, giảng dạy các tân Tỳ Kheo. Một số Thượng Tọa Tỳ Kheo khuyến giáo, giảng dạy mười tân Tỳ Kheo. Một số Thượng Tọa khuyến giáo, giảng dạy hai mươi tân Tỳ Kheo. Một số Thượng Tọa khuyến giáo, giảng dạy ba mươi tân Tỳ Kheo. Một số Thượng Tọa khuyến giáo, giảng dạy bốn mươi tân Tỳ Kheo. Và các tân Tỳ Kheo được các Thượng Tọa khuyến giáo, giảng dạy ý thức rõ ràng những quả vị cao diệu, tiêm thử, thù thắng đã chứng đạt—Now on that occasion elder Bhikkhus had been teaching and instructing new Bhikkhus; some elder Bhikkhus had been teaching and instructing ten new Bhikkhus, some elder Bhikkhus had been teaching and instructing twenty, thirty, forty new Bhikkhus. And the new Bhikkhus, taught and instructed by the elder Bhikkhus, had achieved successive stages of high distinction.
- 3) Lúc bấy giờ Thế Tôn, vào ngày Bó Tát, ngày rằm, vào đêm trăng tròn sau ngày Tự Tứ, đang ngồi giữa trời với chúng Tỳ Kheo chung quanh. Thế Tôn nhìn quanh chúng Tỳ Kheo đang yên lặng, hết sức yên lặng, rồi bảo các Tỳ Kheo: On that occasion, the Uposatha day of the fifteenth, on the full moon night of the Pavarana ceremony, the Blessed One was seated in the open surrounded by the Sangha of Bhikkhus. Then, surveying the silent Sangha of Bhikkhus, he addressed them thus:
- 4) Ta được thỏa mãn, nầy các Tỳ Kheo, với đạo lộ nầy. Tâm ta được thỏa mãn, nầy các Tỳ Kheo, với đạo lộ nầy. Do vậy, nầy các Tỳ Kheo, hãy tinh tấn hơn nữa, để chứng đạt những gì chưa chứng đạt, để chứng đắc những gì chưa chứng đắc, để chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ. Ta sẽ ở đây, tại Savatthi cho đến tháng tư, lễ Komudi—Bhikkhus, I am content with this progress. My mind is so content with this progress. So arouse still more energy to attain the unattained, to achieve the unachieved, to realize the unrealized, I shall wait here at Savatthi for the Komudi full moon of the fourth month.
- 5) Những Tỳ Kheo địa phương được nghe: “Thế Tôn sẽ ở đây, tại Savatthi, cho đến tháng tư, lễ Komudi.” Các Tỳ Kheo địa phương tụ họp tại Savatthi để yết kiến Thế Tôn—The Bhikkhus of the countryside heard: “The Blessed One will wait there at Savatthi for the Komudi full moon of the fourth month.” And the

- Bhikkhus of the countryside left in due course for Savatthi to see the Blessed One.
- 6) Và các Thượng Tọa Tỳ Kheo lại càng khuyến giáo, giảng dạy các tân Tỳ Kheo nhiều hơn nữa. Một số Thượng Tọa Tỳ Kheo khuyến giáo, giảng dạy mười tân Tỳ Kheo. Một số Thượng Tọa Tỳ Kheo khuyến giáo, giảng dạy hai mươi tân Tỳ Kheo. Một số Thượng Tọa Tỳ Kheo khuyến giáo, giảng dạy ba mươi tân Tỳ Kheo. Một số Thượng Tọa Tỳ Kheo khuyến giáo, giảng dạy bốn mươi tân Tỳ Kheo. Và những tân Tỳ Kheo được các Thượng Tọa Tỳ Kheo khuyến giáo, giảng dạy ý thức rõ ràng những quả vị cao diệu, tiêm thứ, thù thắng đã chứng đạt—And elder Bhikkhus still more intensively taught and instructed new Bhikkhus; some elder Bhikkhus taught and instructed ten new Bhikkhus, some elder Bhikkhus taught and instructed twenty, thirty and forty new Bhikkhus. And the new Bhikkhus, taught and instructed by the elder Bhikkhus, achieved successive stages of high distinction.
- 7) Lúc bấy giờ Thế Tôn vào ngày BỐ Tát, ngày rằm, vào đêm trăng tròn sau ngày Tự Tứ, đang ngồi giữa trời với chúng Tỳ Kheo chung quanh. Rồi Thế Tôn nhìn quanh chúng Tỳ Kheo đang yên lặng, hết sức yên lặng, rồi bảo các Tỳ Kheo—On that occasion, the Uposatha day of the fifteenth, the full-moon night of the Komudi full moon of the fourth month, the Blessed One was seated in the open surrounded by the Sangha of Bhikkhus. Then, surveying the silent Sangha of Bhikkhus, he addressed them thus:
- 8) Hội chúng này, này các Tỳ Kheo, không có lời thừa thãi. Hội chúng này, này các Tỳ Kheo, không có lời dư thừa, đã được an trú trong lối cây thanh tịnh. Chúng Tỳ Kheo như thế này, này các Tỳ Kheo, hội chúng như thế này, này các Tỳ Kheo là một hội chúng đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chấp tay, là phước điền vô thượng ở đời. Chúng Tỳ Kheo như thế này, này các Tỳ Kheo, hội chúng như thế này, này các Tỳ Kheo, là một hội chúng khó thấy ở đời. Chúng Tỳ Kheo như thế này, này các Tỳ Kheo, là một hội chúng xứng đáng đi nhiều do tuần với một bao lương thực trên vai để đến yết kiến. Chúng Tỳ Kheo này là như vậy, này các Tỳ Kheo; hội chúng này là như vậy, này các Tỳ Kheo—Bhikkhus, this assembly is free from prattle, this assembly is free from chatter. It consists purely of heartwood. Such is this Sangha of Bhikkhus, such is this assembly. Such an assembly as is worthy of gifts, worthy of hospitality, worthy of offerings, worthy of reverential salutation, an incomparable field of merit for the world, such is this Sangha of Bhikkhus, such is this assembly. Such an assembly that a small gift given to it becomes great and great gift greater, such is this Sangha of Bhikkhus, such is this assembly. Such an assembly as is rare for the world to see, such is this Sangha of Bhikkhus, such is this assembly. Such an assembly as would be worth journeying many leagues with a travel-bag to see, such is this Sangha of Bhikkhus, such is this assembly.
- 9) Này các Tỳ Kheo, trong chúng Tỳ Kheo này, có những Tỳ Kheo là những A La Hán, các lậu hoặc đã đoạn trừ, phạm hạnh đã thành, các việc nên làm đã làm, gánh nặng đã đặt xuống, mục đích đã thành đạt, kiết sử đã đoạn tận, được giải

- thoát nhờ chánh trí. Nầy các Tỳ Kheo, có những bậc Tỳ Kheo như vậy trong chúng Tỳ Kheo nầy—Bhikkhus! In this Sangha of Bhikkhus there are Bhikkhus who are arahants with taints destroyed, who have lived the holy life, done what had to be done, laid down the burden, reached the true goal, destroyed the fetters of being, and are completely liberated through final knowledge, such Bhikkhus are there in this sangha of Bhikkhus.
- 10) Nầy các Tỳ Kheo, trong chúng Tỳ Kheo nầy, có những Tỳ Kheo đã đoạn trừ ngũ hạ phần kiết sử, được hóa sanh, từ ở đấy được nhập Niết Bàn, không còn phải trở lại đời nầy nữa. Các bậc Tỳ Kheo như vậy, nầy các Tỳ Kheo, có mặt trong chúng Tỳ Kheo nầy—Bhikkhus! In this Sangha of Bhikkhus there are Bhikkhus who, with destruction of the five lower fetters, are due to reappear spontaneously in the Pure Abodes and there attain final Nibbana, without ever returning from that world, such Bhikkhus are there in this Sangha of Bhikkhus.
- 11) Nầy các Tỳ Kheo, trong chúng Tỳ Kheo nầy, có những Tỳ Kheo đã đoạn trừ ba kiết sử, đã làm cho muội lược tham, sân, si, là bậc Nhất Lai, sau khi sanh vào đời nầy một lần nữa, sẽ đoạn tận khổ đau. Các bậc Tỳ Kheo như vậy, nầy các Tỳ Kheo, có mặt trong chúng Tỳ Kheo nầy—Bhikkhus! In this Sangha of Bhikkhus there are Bhikkhus who, with the destruction of the three fetters and with the attenuation of lust, hate, and delusion, are once-returners, returning once to this world to make an end of suffering, such Bhikkhus are there in this Sangha of Bhikkhus.
- 12) Nầy các Tỳ Kheo, trong chúng Tỳ Kheo nầy, có những Tỳ Kheo đã đoạn trừ ba kiết sử đã đoạn trừ ba kiết sử, là bậc Dự Lưu, không còn đọa vào ác đạo, chắc chắn sẽ được giác ngộ. Các bậc Tỳ Kheo như vậy, nầy các Tỳ Kheo, có mặt trong chúng Tỳ Kheo nầy—Bhikkhus! In this Sangha of Bhikkhus there are Bhikkhus who, with the destruction of the three fetters, are stream-enterers, no longer subject to perdition, bound for deliverance, headed for enlightenment, such Bhikkhus are there in this Sangha of Bhikkhus.
- 13) Nầy các Tỳ Kheo, trong chúng Tỳ Kheo nầy, có những Tỳ Kheo là những vị sống chuyên tâm, chú tâm, tu tập bốn niệm xứ. Các bậc Tỳ Kheo như vậy, nầy các Tỳ Kheo, có mặt trong chúng Tỳ Kheo nầy. Nầy các Tỳ Kheo, trong chúng Tỳ Kheo nầy, có những Tỳ Kheo là những vị sống chuyên tâm, chú tâm, tu tập bốn chánh căn. Các bậc Tỳ Kheo như vậy, nầy các Tỳ Kheo, có mặt trong chúng Tỳ Kheo nầy. Nầy các Tỳ Kheo, trong chúng Tỳ Kheo nầy, có những Tỳ Kheo là những vị sống chuyên tâm, chú tâm, tu tập bốn như ý túc. Các bậc Tỳ Kheo như vậy, nầy các Tỳ Kheo, có mặt trong chúng Tỳ Kheo nầy. Nầy các Tỳ Kheo, trong chúng Tỳ Kheo nầy, có những Tỳ Kheo là những vị sống chuyên tâm, chú tâm, tu tập ngũ căn. Các bậc Tỳ Kheo như vậy, nầy các Tỳ Kheo, có mặt trong chúng Tỳ Kheo nầy. Nầy các Tỳ Kheo, trong chúng Tỳ Kheo nầy, có những Tỳ Kheo là những vị sống chuyên tâm, chú tâm, tu tập ngũ lực. Các bậc Tỳ Kheo như vậy, nầy các Tỳ Kheo, có mặt trong chúng Tỳ Kheo nầy. Nầy các Tỳ Kheo, trong chúng Tỳ Kheo nầy, có những Tỳ Kheo là những vị sống chuyên tâm, chú tâm, tu tập thất giác chi. Các bậc Tỳ Kheo như vậy, nầy các Tỳ Kheo, có mặt trong chúng Tỳ Kheo nầy. Nầy các Tỳ Kheo, trong chúng Tỳ Kheo nầy, có những Tỳ Kheo là những vị sống chuyên tâm, chú tâm, tu tập bát chánh đạo. Các bậc Tỳ Kheo như vậy, nầy các

Tỳ Kheo, có mặt trong chúng Tỳ Kheo này—Bhikkhus! In this Sangha of Bhikkhus there are Bhikkhus who abide devoted to the development of the four foundations of mindfulness, such Bhikkhus are there in this Sangha of Bhikkhus there are Bhikkhus who abide devoted to the development of the four right kinds of striving, of four bases of spiritual powers, of the five faculties, of the five powers, of the seven enlightenment factors and of the Eightfold Noble Path, such Bhikkhus are there in this Sangha of Bhikkhus.

- 14) Này các Tỳ Kheo, trong chúng Tỳ Kheo này, có những Tỳ Kheo là những vị sống chuyên tâm, chú tâm, tu tập từ tâm. Các bậc Tỳ Kheo như vậy, này các Tỳ Kheo, có mặt trong chúng Tỳ Kheo này. Này các Tỳ Kheo, trong chúng Tỳ Kheo này, có những Tỳ Kheo là những vị sống chuyên tâm, chú tâm, tu tập bi tâm. Các bậc Tỳ Kheo như vậy, này các Tỳ Kheo, có mặt trong chúng Tỳ Kheo này. Này các Tỳ Kheo, trong chúng Tỳ Kheo này, có những Tỳ Kheo là những vị sống chuyên tâm, chú tâm, tu tập hỷ tâm. Các bậc Tỳ Kheo như vậy, này các Tỳ Kheo, có mặt trong chúng Tỳ Kheo này. Này các Tỳ Kheo, trong chúng Tỳ Kheo này, có những Tỳ Kheo là những vị sống chuyên tâm, chú tâm, tu tập xả tâm. Các bậc Tỳ Kheo như vậy, này các Tỳ Kheo, có mặt trong chúng Tỳ Kheo này. Này các Tỳ Kheo, trong chúng Tỳ Kheo này, có những Tỳ Kheo là những vị sống chuyên tâm, chú tâm, tu tập vô thường tưởng. Các bậc Tỳ Kheo như vậy, này các Tỳ Kheo, có mặt trong chúng Tỳ Kheo

này. Này các Tỳ Kheo, trong chúng Tỳ Kheo này, có những Tỳ Kheo là những vị sống chuyên tâm, chú tâm, tu tập Nhập Tức Xuất Tức Niệm—In this Sangha of Bhikkhus there are Bhikkhus who abide devoted to the development of loving-kindness, of compassion, of appreciative joy, of equanimity, of the meditation on foulness and of the perception of impermanence, such Bhikkhus are in this Sangha of Bhikkhus. In this Sangha of Bhikkhus who abide devoted to the development of mindfulness of breathing.

- 15) Nhập Tức Xuất Tức Niệm, này các Tỳ Kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến quả lớn. Nhập Tức Xuất Tức Niệm, này các Tỳ Kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, khiến cho bốn niệm xứ được viên mãn. Bốn niệm xứ được tu tập, làm cho sung mãn, khiến cho thất giác chi được viên mãn. Thất giác chi được tu tập, làm cho sung mãn, khiến cho mình giải thoát được viên mãn—Bhikkhus! When mindfulness of breathing is developed and cultivated, it is of great fruit and great benefit. When mindfulness of breathing is developed and cultivated, it fulfills the four foundations of mindfulness. When the four foundations of mindfulness are developed and cultivated, they fulfill the seven enlightenment factors. When the seven enlightenment factors are developed and cultivated, they fulfill true knowledge and deliverance (liberation).
- 16) Và này các Tỳ Kheo, như thế nào là tu tập Nhập Tức Xuất Tức Niệm? Như thế nào làm cho sung mãn? Như thế nào là quả lớn, công đức lớn?—And how, Bhikkhus, is mindfulness of breathing developed and cultivated, so that it is of great fruit and great benefit?
- 17) Ở đây, này các Tỳ Kheo, Tỳ Kheo đi đến khu rừng, đi đến gốc cây, hay đi đến ngôi

- nhà trống, và ngồi kiết già, lưng thẳng và trú niệm trước mặt. Chánh niệm, vị ấy thở vô; chánh niệm vị ấy thở ra—Here a Bhikkhu, gone to the forest or to the root of a tree or to an empty hut, sits down; having folded his legs crosswise, set his body erect, and established mindfulness in front of him, ever mindful he breathes in, mindful he breathes out.
- 18) Thở vô dài, vị ấy biết mình đang thở vô dài. Hay thở ra dài, vị ấy biết mình đang thở ra dài. Hay thở vô ngắn, vị ấy biết mình đang thở vô ngắn. Hay thở ra ngắn, vị ấy biết mình đang thở ra ngắn. Vị ấy tập: “Cảm giác toàn thân, tôi sẽ thở vô.” Vị ấy tập: “An tịnh toàn thân tôi sẽ thở vô.” Vị ấy tập: “An tịnh toàn thân, tôi sẽ thở ra.”—Breathing in long, he understands: “I breathe in long;” or breathing out long, he understands: “I breathe out long.” Breathing in short, he understands: “I breathe in short;” or breathing out short, he understands: “I breathe out short.” He trains thus: “I shall breathe in experiencing the whole body of breath;” he trains thus: “I shall breathe out experiencing the whole body of breath.” He trains thus: “I shall breathe in tranquilizing the bodily formation;” he trains thus: “I shall breathe out tranquilizing (quieting) the bodily formation.”
- 19) Vị ấy tập: “Cảm giác hỷ thọ, tôi sẽ thở vô.” Vị ấy tập: “Cảm giác hỷ thọ, tôi sẽ thở ra.” Vị ấy tập: “Cảm giác lạc thọ, tôi sẽ thở vô.” Vị ấy tập: “Cảm giác lạc thọ, tôi sẽ thở ra.” Vị ấy tập: “Cảm giác tâm hành, tôi sẽ thở vô.” Vị ấy tập: “Cảm giác tâm hành, tôi sẽ thở ra.” Vị ấy tập: “Cảm giác an tịnh tâm hành, tôi sẽ thở vô.” Vị ấy tập: “Cảm giác an tịnh tâm hành, tôi sẽ thở ra.”—He trains thus: “I shall breathe in experiencing rapture;” he trains thus: “I shall breathe out experiencing rapture.” He trains thus: “I shall breathe in experiencing pleasure;” he trains thus: “I shall breathe out experiencing pleasure.” He trains thus: “I shall breathe in experiencing the mental formation;” he trains thus: “I shall breathe out experiencing the mental formation.” He trains thus: “I shall breathe in tranquilizing the mental formation;” he trains thus: “I shall breathe out tranquilizing the mental formation.”
- 20) Vị ấy tập: “Cảm giác về tâm, tôi sẽ thở vô.” Vị ấy tập: “Cảm giác về tâm, tôi sẽ thở ra.” Vị ấy tập: “Với tâm hân hoan, tôi sẽ thở vô.” Vị ấy tập: “Với tâm hân hoan, tôi sẽ thở ra.” Vị ấy tập: “Với tâm định tĩnh, tôi sẽ thở vô.” Vị ấy tập: “Với tâm định tĩnh, tôi sẽ thở ra.” Vị ấy tập: “Với tâm giải thoát, tôi sẽ thở vô.” Vị ấy tập: “Với tâm giải thoát, tôi sẽ thở ra.”—He trains thus: “I shall breathe in experiencing the mind;” he trains thus: “I shall breathe out experiencing the mind.” He trains thus: “I shall breathe in gladdening the mind;” he trains thus: “I shall breathe out gladdening the mind.” He trains thus: “I shall breathe in concentrating the mind;” he trains thus: “I shall breathe out concentrating the mind.” He trains thus: “I shall breathe in liberating the mind;” he trains thus: “I shall breathe out liberating the mind.”
- 21) Vị ấy tập: “Quán vô thường, tôi sẽ thở vô.” Vị ấy tập: “Quán vô thường, tôi sẽ thở ra.” Vị ấy tập: “Quán ly tham, tôi sẽ thở vô.” Vị ấy tập: “Quán ly tham, tôi sẽ thở ra.” Vị ấy tập: “Quán đoạn diệt, tôi sẽ thở vô.” Vị ấy tập: “Quán đoạn diệt, tôi sẽ thở ra.” Vị ấy tập: “Quán từ bỏ, tôi sẽ thở vô.” Vị ấy tập: “Quán đoạn từ bỏ, tôi sẽ thở ra.”—He trains thus: “I shall breathe in contemplating impermanence;” he trains thus: “I shall breathe out contemplating impermanence.” He trains thus: “I shall breathe in contemplating

- fading away;” he trains thus: “I shall breathe out contemplating fading away.” He trains thus: “I shall breathe in contemplating cessation;” he trains thus: “I shall breathe out contemplating cessation.” He trains thus: “I shall breathe in contemplating relinquishment;” he trains thus: “I shall breathe out contemplating relinquishment.”
- 22) Nhập Tức Xuất Tức Niệm, này các Tỳ Kheo, tu tập như vậy, làm cho sung mãn như vậy, được quả lớn, được công đức lớn—Bhikkhus, that is how mindfulness of breathing is developed and cultivated, so that it is of great fruit and great benefit.
- 23) Và như thế nào, này các Tỳ Kheo, là nhập tức xuất tức niệm được tu tập? Như thế nào làm cho sung mãn, khiến bốn niệm xứ được viên mãn?—And how, Bhikkhus, does mindfulness of breathing, developed and cultivated, fulfill the four foundations of mindfulness?
- 24) Khi nào, này các Tỳ Kheo, Tỳ Kheo thở vô dài, vị ấy biết là mình đang thở vô dài. Hay khi thở ra dài, vị ấy biết là mình đang thở ra dài. Hay thở vô ngắn, vị ấy biết là mình đang thở vô ngắn. Hay thở ra ngắn, vị ấy biết là mình đang thở ra ngắn. Vị ấy tập: “Cảm giác toàn thân, tôi sẽ thở vô.” Vị ấy tập: “Cảm giác toàn thân, tôi sẽ thở ra.” Vị ấy tập: “An tịnh thân hành, tôi sẽ thở vô.” Vị ấy tập: “An tịnh thân hành, tôi sẽ thở ra.” Trong khi tùy quán thân thể trên thân thể, này các Tỳ Kheo, vị Tỳ Kheo trú, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm để chế ngự tham ưu ở đời. Này các Tỳ Kheo, đối với các thân, Ta đây nói là một, tức là thở vô thở ra. Do vậy, này các Tỳ Kheo, trong khi tùy quán thân thể trên thân thể, vị Tỳ Kheo trú, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm để chế ngự tham ưu ở đời—Bhikkhus, on whatever occasion a Bhikkhu, breathing in long, understands: “I breathe in long;”
- or breathe out long, understands: “I breathe out long;” breathing in short, understands: “I breathe in short;” breathing out short, understands: “I breathe out short.” He trains thus: “I shall breathe in experiencing the whole body of breath;” he trains thus: “I shall breathe out experiencing the whole body of breath;” he trains thus: “I shall breathe in tranquilizing (quieting) the bodily formation;” he trains thus: “I shall breathe out tranquilizing the bodily formation.” On that occasion, a Bhikkhu abides contemplating the body as a body, ardent, fully aware, and mindful, having put away covetousness and grief for the world. I say that this is a certain body among the bodies, namely, in-breathing and out-breathing. That is why on that occasion a Bhikkhu abides contemplating the body as a body, ardent, fully aware, and mindful, having put away covetousness (envy) and grief for the world.
- 25) Khi nào, này các vị Tỳ Kheo, vị Tỳ Kheo nghĩ: Bhikkhus! On whatever occasion a Bhikkhu thinks this:
- Vị ấy tập: “Cảm giác hỷ thọ, tôi sẽ thở vô.”—He trains thus: “I shall breathe in experiencing rapture.”
  - Vị ấy tập: “Cảm giác hỷ thọ, tôi sẽ thở ra.”— He trains thus: “I shall breathe out experiencing rapture.”
  - Vị ấy tập: “Cảm giác lạc thọ, tôi sẽ thở vô.”—He trains thus: “I shall breathe in experiencing pleasure.”
  - Vị ấy tập: “Cảm giác lạc thọ, tôi sẽ thở ra.”—He trains thus: “I shall breathe out experiencing pleasure.”
  - Vị ấy tập: “Cảm giác tâm hành, tôi sẽ thở vô.”—He trains thus: “I shall breathe in experiencing the mental formation.”
  - Vị ấy tập: “Cảm giác tâm hành, tôi sẽ thở ra.”— He trains thus: “I shall breathe out experiencing the mental formation.”



- Vị ấy tập: “An tịnh tâm hành, tôi sẽ thở vô.”—He trains thus: “I shall breathe in tranquilizing the mental formation.”
  - Vị ấy tập: “An tịnh tâm hành, tôi sẽ thở ra.”—He trains thus: “I shall breathe out tranquilizing the mental formation.”  
Trong khi tùy quán thọ trên các thọ, nảy các Tỳ Kheo, Tỳ Kheo trú, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm để chế ngự tham ưu ở đời. Nảy các Tỳ Kheo, đối với các thọ, Ta đây nói là một, tức là thở vô thở ra. Do vậy, nảy các Tỳ Kheo, trong khi tùy quán thọ trên các thọ, vị Tỳ Kheo trú, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm để chế ngự tham ưu ở đời—On that occasion, a Bhikku abides contemplating feelings as feelings, ardent, fully aware, and mindful, having put away covetousness (envy) and grief for the world. I say that this is a this is a certain feeling among the feelings, namely, giving close attention to in-breathing and out-breathing. This is why on that occasion a Bhikkhu abides contemplating feelings as feelings, ardent, fully aware, and mindful, having put away covetousness (envy) and grief for the world.
- 26) Khi nào, nảy các Tỳ Kheo, Tỳ Kheo nghĩ: Bhikkhus, on whatever occasion.
- Vị ấy tập: “Cảm giác tâm, tôi sẽ thở vô.” A Bhikkhu trains thus: “I shall breathe in experiencing the mind.”
  - Vị ấy tập: “Cảm giác tâm, tôi sẽ thở ra.”—He trains thus: “I shall breathe out experiencing the mind.”
  - Vị ấy tập: “Với tâm hân hoan, tôi sẽ thở vô.”—A Bhikkhu trains thus: “I shall breathe in gladdening the mind.”
  - Vị ấy tập: “Với tâm hân hoan, tôi sẽ thở ra.”—A Bhikkhu trains thus: “I shall breathe out gladdening the mind.”
  - Vị ấy tập: “Với tâm Thiên định, tôi sẽ thở vô.”— A Bhikkhu trains thus: A Bhikkhu trains thus: “I shall breathe in gladdening
- the mind.”Vị ấy tập: “Với tâm Thiên định, tôi sẽ thở ra.”—A Bhikkhu trains thus: “I shall breathe out concentrating the mind.”
- Vị ấy tập: “Với tâm giải thoát, tôi sẽ thở vô.”—He trains thus: A Bhikkhu trains thus: “I shall breathe in liberating the mind.”
  - Vị ấy tập: “Với tâm giải thoát, tôi sẽ thở ra.”—He trains thus: A Bhikkhu trains thus: “I shall breathe out liberating the mind.”
- Trong khi tùy quán tâm trên tâm, nảy các Tỳ Kheo, Tỳ Kheo trú, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm để chế ngự tham ưu ở đời. Nảy các Tỳ Kheo, sự tu tập nhập tức xuất tức niệm không thể đến với kẻ thất niệm, không có tỉnh giác. Do vậy, nảy các Tỳ Kheo, trong khi tùy quán tâm trên tâm, vị Tỳ Kheo trú, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm để chế ngự tham ưu ở đời— On that occasion a Bhikkhu abides contemplating mind as mind, ardent, fully aware, and mindful, having put away covetousness (envy) and grief for the world. I do not say that there is the development of mindfulness of breathing for one who is forgetful, who is not fully aware. That is why on that occasion a Bhikkhu abides contemplating mind as mind, ardent, fully aware, and mindful, having put away covetousness (envy) and grief for the world.
- 27) Khi nào nảy các Tỳ Kheo, Tỳ Kheo nghĩ: Bhikkhu, on whatever occasion, a Bhikkhu thinks:
- Vị ấy tập: “Quán vô thường, tôi sẽ thở vô.”—He trains thus: “I shall breathe in contemplating impermanence.”
  - Vị ấy tập: “Quán vô thường, tôi sẽ thở ra.”—He trains thus: “I shall breathe out contemplating impermanence.”

- Vị ấy tập: “Quán ly tham, tôi sẽ thở vô.”—He trains thus: “I shall breathe in contemplating fading away.”
- Vị ấy tập: “Quán ly tham, tôi sẽ thở ra.”—He trains thus: “I shall breathe out contemplating fading away.”
- Vị ấy tập: “Quán đoạn diệt, tôi sẽ thở vô.”—He trains thus: “I shall breathe in contemplating cessation.”
- Vị ấy tập: “Quán đoạn diệt, tôi sẽ thở ra.”—He trains thus: “I shall breathe out contemplating cessation.”
- Vị ấy tập: “Quán từ bỏ, tôi sẽ thở vô.”—He trains thus: “I shall breathe in contemplating relinquishment.”
- Vị ấy tập: “Quán từ bỏ, tôi sẽ thở ra.”—He trains thus: “I shall breathe out contemplating relinquishment.”

Trong khi tùy quán pháp trên pháp, này các Tỳ Kheo, Tỳ Kheo trú, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm để chế ngự tham ưu ở đời. Vị ấy, do đoạn trừ tham ưu, sau khi thấy với trí tuệ, khéo nhìn sự vật với niệm xả ly. Do vậy, này các Tỳ Kheo, trong khi tùy quán pháp trên các pháp, vị Tỳ Kheo trú, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm để chế ngự tham ưu ở đời—On that occasion a Bhikkhu abides contemplating mind-objects as mind-objects, ardent, fully aware, and mindful, having put away covetousness (envy) and grief for the world. Having seen the wisdom the abandoning of covetousness (envy) and grief, he closely looks on with equanimity. That is why on that occasion a Bhikkhu abides contemplating mind-objects as mind-objects, ardent, fully aware, and mindful, having put away covetousness (envy) and grief for the world.

- 28) Nhập tứ xuất tức niệm, này các Tỳ Kheo, được tu tập như vậy làm cho sung mãn như vậy, khiến cho bốn niệm xứ được viên mãn—Bhikkhus, that is how

mindfulness of breathing, developed and cultivated, fulfills the four foundations of mindfulness.

- 29) Và Bốn niệm xứ, này các Tỳ Kheo, tu tập như thế nào, làm cho sung mãn như thế nào, khiến cho thất giác chi được viên mãn?—An how, Bhikkhus, do the four foundations of mindfulness, developed and cultivated, fulfill the seven enlightenment factors?
- 30) Này các Tỳ Kheo, trong khi tùy quán thân trên thân, Tỳ Kheo trú, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm để chế ngự tham ưu ở đời, trong khi ấy, niệm không hôn mê của vị ấy được an trú. Trong khi niệm không hôn mê của vị ấy cũng được an trú, này các Tỳ Kheo, trong khi ấy niệm giác chi được bắt đầu khởi lên với Tỳ Kheo, trong khi ấy, Tỳ Kheo tu tập niệm giác chi. Trong khi ấy niệm giác chi được Tỳ Kheo tu tập đi đến viên mãn—Bhikkhus, on whatever occasion a Bhikkhu abides contemplating the body as a body, ardent, fully aware, and mindful, having put away covetousness (envy) and grief for the world, on that occasion unremitting mindfulness is established in him. On whatever occasion unremitting mindfulness is established in a Bhikkhu, on that occasion the mindfulness enlightenment factor is aroused in him, and he develops it, and by development, it comes to fulfillment in him.
- 31) Này các Tỳ Kheo, trong khi trú với chánh niệm như vậy, Tỳ Kheo với trí tuệ suy tư, tư duy, thẩm sát pháp ấy. Này các Tỳ Kheo, trong khi trú với chánh niệm như vậy, Tỳ Kheo với trí tuệ suy tư, tư duy, thẩm sát pháp ấy, trong khi ấy trạch pháp giác chi được bắt đầu khởi lên với Tỳ Kheo. Trong khi ấy, Tỳ Kheo tu tập trạch pháp giác chi. Trong khi ấy trạch pháp giác chi được Tỳ Kheo tu tập đi đến viên mãn—Abiding thus mindful, he

- investigates and examines that state with wisdom and embarks upon a full inquiry into it. On whatever occasion, abiding thus mindful, a Bhikkhu investigates and examines that state with wisdom embarks upon a full inquiry into it. On that occasion, the investigation-of-states enlightenment factor is aroused in him, and he develops it, an by development it comes to fulfillment in him.
- 32) Nầy các Tỳ Kheo, trong khi trú với chánh niệm như vậy, Tỳ Kheo với trí tuệ suy tư, tư duy, thẩm sát pháp ấy, sự tinh tấn không thụ động bắt đầu khởi lên với vị Tỳ Kheo. Nầy các Tỳ Kheo, trong khi Tỳ Kheo với trí tuệ suy tư, tư duy, thẩm sát pháp ấy, sự tinh tấn không thụ động được bắt đầu khởi lên với Tỳ Kheo ấy. Trong khi ấy tinh tấn giác chi được Tỳ Kheo tu tập đi đến viên mãn—In one who investigates and examines that state with wisdom and embarks upon a full inquiry into it, tireless energy is aroused. On whatever occasion, tireless energy is aroused in a Bhikkhu who investigates and examines that state with wisdom embarks upon a full inquiry into it. On that occasion, the energy enlightenment factor is aroused in him, and he develops it, an by development it comes to fulfillment in him.
- 33) Hỷ không liên hệ đến vật chất được khởi lên nơi vị tinh tấn tinh cần. Nầy các Tỳ Kheo, trong khi hỷ không liên hệ đến vật chất khởi lên nơi Tỳ Kheo tinh tấn tinh cần, trong khi ấy hỷ giác chi bắt đầu khởi lên trong vị Tỳ Kheo. Trong khi ấy hỷ giác chi được vị Tỳ Kheo tu tập đi đến viên mãn—In one who arouses energy, worldly rapture arises. On whatever occasion, unworldly rapture arises in a Bhikkhu who has aroused energy, on that occasion, the rapture enlightenment factor is aroused in him, and he develops it, an
- by development it comes to fulfillment in him.
- 34) Thân của vị ấy được tâm hoan hỷ trở thành khinh an, tâm cũng được khinh an. Nầy các Tỳ Kheo, trong khi Tỳ Kheo với ý hoan hỷ được thân khinh an, được tâm cũng khinh an, trong khi ấy, khinh an giác chi bắt đầu khởi lên nơi Tỳ Kheo. Trong khi ấy, khinh an giác chi được Tỳ Kheo tu tập. Trong khi ấy, khinh an giác chi được Tỳ Kheo làm cho đi đến sung mãn—In one who is rapturous, the body and mind become tranquil. On whatever occasion, the body and mind become tranquil in a Bhikkhu who is rapturous, on that occasion, the tranquility enlightenment factor is aroused in him, and he develops it, an by development it comes to fulfillment in him.
- 35) Một vị có thân khinh an, an lạc, tâm vị ấy được định tĩnh. Nầy các Tỳ Kheo, trong khi Tỳ Kheo có thân khinh an, an lạc, tâm vị ấy được định tĩnh, trong khi ấy định giác chi bắt đầu khởi lên nơi vị Tỳ Kheo nầy. Trong khi ấy định giác chi được Tỳ Kheo tu tập. trong khi ấy định giác chi được Tỳ Kheo làm cho đi đến sung mãn—In one whose body is tranquil and who feels pleasure, the mind becomes concentrated. On whatever occasion, the mind become concentrated in a Bhikkhu who is tranquil and feels pleasure, on that occasion, the concentration enlightenment factor is aroused in him, and he develops it, an by development it comes to fulfillment in him.
- 36) Vị ấy với tâm định tĩnh như vậy, khéo nhìn sự vật với ý niệm xả ly. Nầy các Tỳ kheo, trong khi Tỳ Kheo làm với tâm định tĩnh như vậy, khéo nhìn sự vật với ý niệm xả ly, trong khi ấy xả giác chi được Tỳ Kheo tu tập. trong khi ấy xả giác chi được vị Tỳ Kheo làm cho đi đến sung mãn—He closely looks on with equanimity at

- the mind thus. On whatever occasion, a Bhikkhu closely looks on with equanimity at the mind thus, on that occasion, the equanimity enlightenment factor is aroused in him, and he develops it, and by development it comes to fulfillment in him.
- 37) Nầy các Tỳ Kheo, trong khi quán thọ trên các cảm thọ như trên, quán tâm trên tâm, quán pháp trên các pháp, Tỳ Kheo an trú, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm với mục đích điều phục tham ưu ở đời, trong khi ấy niệm của vị ấy được an trú, không có hôn mê. Nầy các Tỳ Kheo, trong khi niệm của Tỳ Kheo được an trú, không có hôn mê, niệm giác chi trong khi ấy được bắt đầu khởi lên trong vị Tỳ Kheo nầy. Niệm giác chi trong khi ấy được vị Tỳ Kheo tu tập làm cho đi đến sung mãn—Bhikkhus, on whatever occasion a Bhikkhu abides contemplating feelings as feelings, ardent, fully aware, and mindful, having put away covetousness (envy) and grief for the world, on that occasion unremitting mindfulness is established in him. On whatever occasion unremitting mindfulness is established in a Bhikkhu, on that occasion the mindfulness enlightenment factor is aroused in him, and he develops it, and by development, it comes to fulfillment in him.
- 38) Vị ấy an trú với chánh niệm như vậy, suy tư, tư duy, thẩm sát pháp ấy với trí tuệ. Nầy các Tỳ Kheo, trong khi an trú với chánh niệm như vậy, vị ấy suy tư, tư duy, thẩm sát với trí tuệ. Trạch giác chi trong khi ấy bắt đầu khởi lên trong vị Tỳ Kheo. Trạch pháp giác chi trong khi ấy được vị Tỳ Kheo tu tập để đi đến sung mãn, tinh tấn không thụ động bắt đầu khởi lên nơi vị ấy—Abiding thus mindful, he investigates and examines that state with wisdom and embarks upon a full inquiry into it. On whatever occasion, abiding
- thus mindful, a Bhikkhu investigates and examines that state with wisdom embarks upon a full inquiry into it. On that occasion, the investigation-of-states enlightenment factor is aroused in him, and he develops it, and by development it comes to fulfillment in him.
- 39) Nầy các Tỳ Kheo, trong khi Tỳ Kheo suy tư, tư duy, thẩm sát pháp ấy với trí tuệ, và tinh tấn không thụ động bắt đầu khởi lên nơi vị Tỳ Kheo ấy, tinh tấn giác chi trong khi ấy bắt đầu khởi lên nơi vị Tỳ Kheo. Tinh tấn giác chi được Tỳ Kheo tu tập làm cho đi đến sung mãn—Bhikkhus, while the Bhikkhu investigates and examines that state with wisdom and embarks upon a full inquiry into it, tireless energy is aroused in that Bhikkhu. On that occasion, the energy enlightenment factor is aroused in him, and he develops it, and by development it comes to fulfillment in him.
- 40) Đối với vị ấy tinh cần tinh tấn, hỷ không liên hệ đến vật chất khởi lên. Nầy các Tỳ Kheo, trong khi Tỳ Kheo tinh cần tinh tấn và hỷ không liên hệ đến vật chất khởi lên, hỷ giác chi khi ấy bắt đầu được khởi lên nơi Tỳ Kheo. Hỷ giác chi trong khi ấy được Tỳ Kheo tu tập làm cho đi đến sung mãn—In one who arouses energy, unworldly rapture arises. On whatever occasion, unworldly rapture arises in a Bhikkhu who has aroused energy, on that occasion, the rapture enlightenment factor is aroused in him, and he develops it, and by development it comes to fulfillment in him.
- 41) Thân của vị ấy được tâm hoan hỷ trở thành khinh an, tâm cũng được khinh an. Nầy các Tỳ Kheo, trong khi Tỳ Kheo nói với ý hoan hỷ được thân khinh an, được tâm cũng khinh an, trong khi ấy khinh an giác chi bắt đầu khởi lên nơi Tỳ Kheo. Trong khi ấy khinh an giác chi được vị Tỳ

- Kheo tu tập làm cho đi đến sung mãn—In one who is rapturous, the body and mind become tranquil. On whatever occasion, the body and mind become tranquil in a Bhikkhu who is rapturous, on that occasion, the tranquility enlightenment factor is aroused in him, and he develops it, and by development it comes to fulfillment in him.
- 42) Một vị có tâm khinh an, an lạc, tâm vị ấy được định tĩnh. Này các Tỳ Kheo, trong khi vị ấy có thân khinh an, an lạc, tâm vị ấy được định tĩnh, trong khi ấy định giác chi bắt đầu khởi lên nơi vị Tỳ Kheo. Trong khi định giác chi được vị Tỳ Kheo tu tập làm cho đi đến sung mãn—In one whose body is tranquil and who feels pleasure, the mind becomes concentrated. Bhikkhus, on whatever occasion, the mind become concentrated in a Bhikkhu who is tranquil and feels pleasure, on that occasion, the concentration enlightenment factor is aroused in him, and he develops it, and by development it comes to fulfillment in him.
- 43) Vị ấy với tâm định tĩnh như vậy, khéo nhìn sự vật với ý niệm xả ly. Này các Tỳ Kheo, trong khi Tỳ Kheo với tâm định tĩnh như vậy, khéo nhìn sự vật với ý niệm xả ly, trong khi ấy xả giác chi bắt đầu khởi lên nơi Tỳ Kheo. Trong khi ấy xả giác chi được vị Tỳ Kheo này tu tập làm cho đi đến sung mãn— With the concentrated mind, a Bhikkhu closely looks on with equanimity. Bhikkhus! On whatever occasion, a Bhikkhu closely looks on with equanimity at the mind thus, on that occasion, the equanimity enlightenment factor is aroused in him, and he develops it, and by development it comes to fulfillment in him.
- 40) Này các Tỳ Kheo, bốn niệm xứ được tu tập như vậy, được làm cho sung mãn như vậy khiến cho thất giác chi được sung mãn—Bhikkhus, that is how the four foundations of mindfulness, developed and cultivated, fulfill the seven enlightenment factors.
- 41) Này các Tỳ Kheo, thất giác chi tu tập như thế nào, làm cho sung mãn như thế nào, , khiến cho mình giải thoát được viên mãn—And how, Bhikkhus, do the seven enlightenment factors, developed and cultivated, fulfill the true knowledge and deliverance.
- 42) Ở đây, này các Tỳ Kheo, Tỳ Kheo tu tập niệm giác chi, liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến diệt, hướng đến xả ly, tu tập trạch pháp giác chi..., tu tập tinh tấn giác chi..., tu tập hỷ giác chi..., tu tập khinh an giác chi..., tu tập định giác chi..., tu tập xả giác chi, liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến diệt, hướng đến xả ly—Here, Bhikkhus, a Bhikkhu develops the mindfulness enlightenment factor, which is supported by seclusion, dispassion, and cessation, and ripens in relinquishment. He develops the investigation-of-states enlightenment factor, the energy enlightenment factor, the rapture enlightenment factor, the tranquility enlightenment factor, the concentration enlightenment factor and the equanimity enlightenment factor, which is supported by seclusion, dispassion (lack of passion or free of passion), and cessation, and ripens in relinquishment.
- 43) Này các Tỳ Kheo, thất giác chi được tu tập như vậy, được làm cho sung mãn như vậy, khiến cho mình giải thoát được viên mãn. Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các Tỳ Kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy—Bhikkhus, that is how the seven enlightenment factors, developed and cultivated, fulfill true knowledge and deliverance. That is what the Blessed One said. The Bhikkhus were satisfied and delighted in the Blessed One's words.

